WILLIAM J. DUKER

NGUYÊN HỌC & LÂM HOÀNG MẠNH

# HỒ-CHÍ-MINH

## Chân Dung Một Cuộc Đời

WILLIAM J. DUKER

NGUYÊN HỌC & LÂM HOÀNG MẠNH

# HỒ-CHÍ-MINH

## Chân Dung Một Cuộc Đời

**HỒ CHÍ MINH - CHÂN DUNG MỘT CUỘC ĐỜI** Nguyên bản **“HO CHI MINH, A LIFE”** Tác giả: **WILLIAM J. DUIKER** Người dịch: **NGUYỄN HỌC - LÂM HOÀNG MẠNH** Được sự chấp thuận của tác giả **William J. Duiker** Ebook: **Cuibap** Nguồn text: **kbchaingoai.wordpress.com**

*Kính tặng nhân dân Việt Nam* **WILLIAM J. DUIKER**

# LỜI NÓI ĐẦU

Tôi bị thu hút bởi Hồ Chí Minh từ giữa những năm 1960 khi còn là một cán bộ ngoại giao trẻ tuổi làm việc tại toà đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Tôi lấy làm khó hiểu khi thấy những du kích Việt cộng chiến đấu trong rừng tỏ ra có kỷ luật và năng động hơn đội quân chính phủ Nam Việt, đồng minh của chúng tôi. Tìm hiểu vấn đề, tôi được giải thích, đó là do vai trò của người sáng lập và nhà chiến lược cựu trào bậc thầy cách mạng Việt Nam - Hồ Chí Minh. Sau khi thôi phục vụ trong chính quyền Hoa Kỳ theo đuổi sự nghiệp khoa học, tôi có ý định viết một cuốn tiểu sử về con người kỳ lạ này. Nhưng ngay lập tức tôi nhận ra, trong bối cảnh lịch sử thời kỳ đó, chưa thể có đầy đủ điều kiện để tiếp cận các nguồn thông tin. Vì thế tôi đành bỏ ý định, cho mãi đến những năm gần đây, thế giới trở nên cởi mở hơn, các nguồn tin tràn đầy vì thế đã thúc đẩy tôi bắt tay vào công việc khó khăn này.

Trong quá trình hoàn thành cuốn sách, tôi đã phải mất hơn hai thập niên trăn trở, nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của bè bạn cùng các quỹ của các cơ quan và hội đoàn. Quỹ nghiên cứu của trường College of Liberal Arts cũng như của Institute for the Art & Humanistic Studies thuộc trường Pennsylvania State University đã tài trợ kinh phí những lần tôi sang Pháp và Việt Nam để thực hiện đề tài nghiên cứu. Thông qua trợ lý Mark Side của Ford Foundation, tôi hân hạnh được tháp tùng Marilyn Young và A. Tom Grunfeld trong chuyến đến Hà nội năm 1993 để tìm hiểu mối quan

hệ giữa Hồ Chí Minh và Hoa Kỳ. Nhân đây tôi cũng xin cám ơn Ủy ban Nghiên cứu Khoa học Xã hội, Chương trình trao đổi Khoa học Đông Dương của Ủy ban và Viện Mác-Lênin đã cấp học bổng tài khoá năm 1990 trong thời gian làm đề tài nghiên cứu. Khi tôi ở đó, Viện Sử Học, Viện Marx-Lenin đã tạo mọi điều kiện cho tôi được trao đổi, thảo luận các chủ đề khác nhau về Hồ Chí Minh và lịch sử cách mạng Việt Nam. Học viện Quan hệ Quốc tế đã tài trợ chuyến đi trước đó - 1985 - kể cả chuyến đi thú vị thăm làng Kim Liên, quê hương của Hồ Chí Minh. Trong số những cá nhân trợ giúp trong thời gian tôi nghiên cứu ở Hà nội, tôi chân thành cảm ơn Nguyễn Huy Hoan - Bảo tàng Hồ Chí Minh, Nguyễn Thanh - Bảo tàng Cách mạng và Trần Thành - Viện Mác-Lênin, tất cả đồng ý trả lời những cuộc phỏng vấn chiếm nhiều thời gian. Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội, những nhà sử học Phùng Hữu Phú, Lê Mậu Hãn, Phạm Xanh và Phạm Công Tùng vui lòng dành cho tôi thời gian, cung cấp những tư liệu về đời sống và tư tưởng của Hồ Chí Minh. Cố Viện trưởng Bảo tàng Hồ Chí Minh Hà Huy Giáp và Đặng Xuân Kỳ, khi đó là Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội, vui lòng trả lời những câu hỏi của tôi đối với những hồi ức cá nhân của họ về chủ tịch Hồ Chí Minh. Đỗ Quang Hưng, Ngô Phượng Bá, Văn Tạo, Trần Hữu Định tại Viện Sử học và Lưu Doãn Huỳnh thuộc Viện Quan hệ Quốc tế đã không quản ngại thời gian giúp đỡ tôi khai thác những vấn đề then chốt trong đề tài nghiên cứu.

Tôi cũng đặc biệt cám ơn ông Vũ Huy Phúc, đã kiên nhẫn và rất hiếu khách, ông vừa tháp tùng vừa là cộng sự trong chuyến thăm Việt Nam năm 1990. Mới đây, ông Hoàng Công Thuỷ thuộc Hội hữu nghị Việt-Mỹ đã giúp tôi tiếp xúc nhiều người và nhiều nguồn khác nhau khi tôi đi theo đường mòn Hồ Chí Minh. Dương Trung Quốc - chủ bút tạp chí Xưa Nay, cung cấp cho tôi một số tạp chí rất hữu ích. Nguyễn Quốc Uy thuộc Việt Nam Thông tấn xã đã vui

lòng cho tôi được in lại trong cuốn sách này một số bức ảnh thuộc bản quyền Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Tôi đã đi thăm một số thư viện và các kho lưu trữ khắp thế giới để tìm kiếm những thông tin về những chuyến đi của Hồ Chí Minh. Ở Hoa Kỳ, tôi cám ơn nhân viên Ban Đông Phương thuộc thư viện Quốc hội và Allan Riedy, giám đốc của Echols Collection tại Thư viện Kroch, Đại học Cornell. Tại Lưu trữ quốc gia Mỹ ở College Park, Maryland, John Taylor và Larry McDonald có những giúp đỡ giá trị trong việc tìm kiếm văn bản lưu trữ của O.S.S (Office of Straticgic Service - Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ) và các văn bản của Bộ Ngoại giao liên quan tới quan hệ Việt-Mỹ trong và sau Thế chiến II.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Thư viện Quốc gia, Cục Lưu trữ Quốc gia Paris, đặc biệt Trung tâm Lưu trữ của Section Outre-Mer của tỉnh Aix-en của Pháp quốc. Trong chuyến thăm viếng Moscow năm 1990, Gennadi Maslov, Yevgeny Kobelev và Oxana Novakova đã có những buổi trao đổi rất hữu ích khi thảo luận những vấn đề về mối quan hệ của Hồ Chí Minh trong những năm sống ở Liên xô, đồng thời Sophia Quinn-Judge và Steve Morris đã cung cấp cho tôi nhiều tài liệu quý giá mà họ đã thu thập được trong kho lưu trữ của Đệ Tam Quốc tế. Lê Hiển Hoành của Bảo tàng Cách mạng tỉnh Quảng Châu đã cung cấp những kết quả nghiên cứu của chính ông về những năm tháng HCM sống trong thành phố và đưa tôi đi thăm quan một cơ sở đào tạo thú vị mà trước kia ông đã từng tham gia giảng dạy bẩy mươi năm về trước.

Tôi cũng cám ơn Tào Binh Vị và Diệp Hân tại Viện Nghiên cứu Quốc tế Bắc Kinh qua cuộc phỏng vấn tốn nhiều thời gian năm 1987 về những mối quan hệ Hoa-Việt. Bob O'Hara đã giúp tôi thu thập những tài liệu liên quan từ Cục lưu trữ Quốc gia ở London.

Trong việc nghiên cứu, tôi rất vui vì có nhiều cách khác nhau để tiếp cận mà tôi là người đại diện. Tôi cũng cám ơn giáo sư Laura Tabili, Đại học Arizona, đã cung cấp những chỉ dẫn trong việc tìm kiếm những nguồn thông tin khác trong những năm Hồ Chí Minh sống ẩn dật ở Anh, cũng như nhân viên chi nhánh Hong Kong thuộc Cục Lưu trữ Quốc gia Anh tạo điều kiện cho tôi sử dụng những tài liệu lưu trữ liên quan tới thời kỳ Hồ Chí Minh bị tù ở đó vào đầu thập niên 1930. Đại sứ T.N. Kaul cũng giúp ích cho tôi trong việc trao đổi những kỷ niệm của ông về cuộc gặp gỡ giữa thủ tướng Jawaharlal Nehru và Chu Ân Lai mùa hè năm 1954.

Tôi cũng chịu ơn một số học giả, những nhà nghiên cứu, những người đã chia sẻ sự quan tâm của tôi về Hồ Chí Minh và lịch sử cách mạng Việt Nam. Trong một số trường hợp, danh sách tên của họ khá dài, vì nhiều người trong số này cung cấp cho tôi những tài liệu cốt lõi, hoặc truy cập những nghiên cứu của chính họ trong những chủ đề liên quan. Dù sao, tôi cũng muốn đưa tên của họ vào trong cuốn sách này. Ở Hoa Kỳ, Douglas Pike và Steve Denny thuộc Lưu trữ Đông Dương, bây giờ làm việc tại Texas Tech University, đã có những gợi ý bổ ích trong lần đi thăm đầu tiên kho lưu trữ của họ đặt ở Berkeley. Ngoài ra còn có King C. Chen, Stanley Karnow, Bill Turley, Gary Tarpinian và Mai Elliott. John McAuliff thuộc chương trình Hòa giải Hoa Kỳ-Đông Dương, rất hảo tâm mời tôi tham dự hội nghị cựu chiến binh Việt Minh và Cơ quan Tình báo Chiến lược Hoa Koa Kỳ (OSS) tổ chức tại Hampton Bays, New York, năm 1998. Trong số người tham dự hội nghị này có Frank White, Henry Prunier, Carlton Swift, Mac Shinn, Frank Tan, George Wicks, Ray Grelecki và Charles Fenn, cũng như một đoàn đại biểu cựu chiến binh Việt Minh và những học giả cũng tham dự, đã chia sẻ những những kinh nghiệm thú vị, quý báu của chính họ trong thời kỳ đó cho tôi. Trong một dịp trước đó, tôi may mắn được thảo

luận về Hồ Chí Minh với Archimedes (Al) Patti, mà ký ức của ông đã được viết trong cuốn “Tại sao Việt Nam?” “Khúc dạo đầu của ó biển Hoa Kỳ” (Prelude to America's Albatross) (Berkeley: Nhà xuất bản Đại học California, 1980), là một nguồn thông tin quan trong không thể thay thế được được về chủ đề này. Bob Bledsoe, chủ tịch Ban khoa học chính trị thuộc Đại học Central Florida, rộng lòng cho phép tôi tìm tòi trong kho lưu trữ của Patti tại Đại học của ông. Tôi cám ơn bà Magrgaret, quả phụ Al Patti, đã cho phép tôi in những tấm hình lấy từ lưu trữ đó trong cuốn sách này.

Ở Pháp, một số người đã giúp tôi theo nhiều cách khác nhau, bao gồm Georges Boudarel, Daniel Hemery, Christiane Pasquel Rageau và Philippe Devillers, cũng như Chris Goscha và Agathe Larcher. Stein Tonnesson sự giúp đỡ nhiều trong việc chia sẻ những kết quả của chính ông nghiên cứu tại Trung tâm lưu trữ, Section Outre-Mer, tại Aix-en-Provence. Tôi cũng xin được cám ơn giáo sư Bernard Dahm, Đại học Passau đã mời tôi tham dự hội nghị về Hồ Chí Minh tại trường ông năm 1990. Lương Vô Ẩm và Trần Kiểm tốt bụng cung cấp cho tôi những tài liệu chữ Trung là những tư liệu để hiểu được mối quan hệ của Hồ Chí Minh với Trung Hoa. Những học giả Nga, Ilya Gaiduk và Anatoly Sokolov dành thời gian hoặc gửi cho tôi những tài liệu hữu ích về mối quan hệ Xô-Việt. Giáo sư Motoo Furuta, Đại học Tổng hợp Tokyo gửi tôi một số tài liệu quan trọng mà ở Hoa Kỳ tôi không thể tìm được. David Marr, Đại học Tổng hợp quốc gia Úc cung cấp cho tôi một số tài liệu, bài báo và một cuốn băng ghi bài phát biểu nổi tiếng của Hồ Chí Minh tại Quảng trường Ba Đình đầu tháng 9-1945. Tôi cám ơn Lí Ngọc Bình và Lưu Thượng Hoàng đã đóng góp và giúp đỡ rất nhiều khi còn là sinh viên của tôi tại Penn State, đã dành thời gian cung cấp những tài liệu hữu ích liên quan những hoạt động của Hồ Chí Minh ở miền nam Trung Quốc.

Nhân đây, tôi xin cám ơn David Lott ở Hyperion, trong ban biên tập, đã giúp đỡ trong việc xuất bản, Trent Duffy người phụ trách bản thảo, một công việc khó khăn để chuẩn hóa tài liệu tham khảo, tới Lisa Stokes và Phil Rose, phụ trách trình bày bìa, sắp xếp nội dung và tới Paul Pugliese, Dorothy Baker cũng như Archie Ferguson đóng góp bản đồ, sắp xếp nội dung và phần tổng thể. Mark Chait sẵn sàng giúp đỡ tôi không mệt mỏi trong quá trình xuất bản. Tôi đặc biệt cám ơn biên tập viên, Will Schwalbe, đã khích lệ, đưa dự án này đến kết quả. Ngay từ đầu ông đã tỏ rõ mối quan tâm lớn lao là giúp tôi tạo ra một cuốn sách có chất lượng cao nhất. Sự kiên nhẫn, lòng hiếu khách và những lời khuyên của ông có giá trị thật vô bờ.

Tôi cám ơn hai con gái tôi - Laura và Claire - đã không phàn nàn vì phải mất nhiều thời giờ trong nhiều năm để nghe cha chúng rao giảng về Việt Nam. Cuối cùng, tôi biết ơn vợ tôi vô cùng, Yvonne, không những là người đầu tiên đọc bản thảo mà còn tỏ sự kiên nhẫn lắng nghe những lần tôi nói về Hồ Chí Minh và coi ông như một thành viên trong gia đình.

## DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC ĐƯỢC NHẮC ĐẾN TRONG CUỐN SÁCH:

Annam Cộng sản Đảng (ACP): Thời gian đảng tồn tại rất ngắn, được thành lập tại Đông Dương năm 1929 sau khi Hội Thanh niên cách mạng bị giải thể. Sau đó được sát nhập vào Đảng cộng sản Việt Nam tháng 2/1930

**Đội tuyên truyền giải phóng quân (APB):** Một đơn vị quân đội cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đông Dương Cộng sản Đảng, thành lập tháng 12-1944, chuẩn bị cuộc khởi nghĩa sau Thế chiến thứ II kết thúc. Tiền thân của Việt Nam Giải Phóng Quân (VLA).

**Cứu quốc quân**: Đơn vị vũ trang được tổ chức hoạt động chống Pháp và Nhật ở Bắc Việt 1944, sau đó được sát nhập vào Đội Tuyên truyền Giải Phóng quân (APB) thành Việt Nam Giải Phóng Quân (VLA).

**Quân đội Việt Nam Cộng hòa**: Quân đội của chính quyền Việt Nam Cộng hòa từ 1956-1975.

**Quốc gia Liên hiệp Việt Nam (ASV)**: Chính quyền của Bảo đại được Hiệp định Elysée năm 1949 thừa nhận. Chính quyền tự trị dưới sự lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại nhưng thiếu sự ủng hộ. ASV hợp tác với Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp - Việt Minh. Sau hiệp định Geneva 1954, ASV bị chính quyền miền Nam Việt Nam Độc lập thay thế.

**Tâm Tâm Xã:** Tổ chức cách mạng cực đoan do một số phần tử di cư sống ở nam Trung Quốc, thành lập năm 1924. Sau này Hồ

Chí Minh chuyển thành Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

**Hội nghiên cứu chủ nghĩa Max**: Hội thành lập trên giấy do Đảng cộng sản Đông Dương lập ra khi tự giải tán và rút vào bí mật tháng 11 năm 1945. Nhưng sự thật, Đảng cộng sản vẫn hoạt động bí mật cho đến khi Đảng Lao động ra đời năm 1951.

**Cao Đài**: Một tổ chức tôn giáo hổ lốn phát sinh ở Nam bộ vào cuối Thế chiến thứ Nhất. Cao Đài chống lại tất cả các chính quyền muốn kiểm soát nó. Giáo phái này vẫn đang còn hoạt động, mặc dù bị chính quyền theo dõi đặc biệt.

**Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia (CPRP):** Tổ chức cách mạng này được thành lập dưới sự yểm trợ của cộng sản Việt Nam từ đầu những năm 1950. Một trong ba đảng thừa kế đảng cộng sản Đông Dương bị giải tán năm 1951. Các lực lượng vũ trang của CPRP được gọi là Khmer Đỏ. Giữa những năm 60, Đảng cộng sản Khơ Me thay thế CPRP.

**Trung ương Cục miền Nam (COSVN):** Cơ quan đầu não của Cộng sản hoạt động ở miền Nam trong thời kỳ Pháp-Việt Minh và sau này chiến tranh Việt Nam. Thành lập năm 1951 và giải tán sau khi Sài Gòn sụp đổ năm 1975.

**Đảng cộng sản Trung Quốc (CCP)**: Tên đảng bộ của Đảng cộng sản thành lập ở Thượng Hải, Trung Hoa năm 1921.

**Quốc tế Cộng sản (CMT):** Tổ chức cách mạng được thành lập tại nước Nga Xô viết năm 1919, Moscow là cơ quan đầu não của tổ chức. Trực tiếp lãnh đạo hoạt động của các đảng thành viên trên toàn thế giới. Giải tán năm 1943. Đảng cộng sản Đông Dương gia nhập tổ chức này năm 1935.

**Đông Dương Cộng sản Đảng (CPI):** Tổ chức cách mạng này chết yểu, gồm những phần tử ly khai từ Thanh niên Cách mạng

đồng chí Hội năm 1929. Tháng Hai năm 1930 hợp nhất với Tân Việt Đảng thành Đảng cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập.

**Đảng cộng sản Liên Xô (CPSU):** Tên cũ Đảng Cách mạng, được thành lập dưới sự chỉ đạo của Vladimir I. Lenin những năm 1920.

**Đảng Hiến Pháp**: Đảng chính trị ôn hòa do một số phần tử cải lương thành lập ở Nam bộ đầu những năm 1920. Đảng này chủ trương dành quyền tự trị dưới sự bảo trợ của Pháp. Lãnh đạo là Bùi Quang Chiêu hay lên tiếng chỉ trích Đảng cộng sản và bị cán bộ Việt Minh thủ tiêu trong thời gian Cách mạng tháng Tám 1945.

**Đảng Đại Việt:** Một tổ chức Dân tộc chủ nghĩa, thành lập trong thời kỳ Thế chiến II, theo Nhật kêu gọi và kết nạp những người không cộng sản chống chế độ thuộc địa của Pháp. Đảng này tồn tại ở Nam Việt Nam đến năm 1975 khi Sài Gòn sụp đổ.

**Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (DRV)**: Chính quyền độc lập do Hồ Chí Minh và Mặt trận Việt Minh thành lập ở Bắc Việt ngày 2/9/1945. Tháng 12-1946, quân đội Pháp đánh bật ra khỏi Hà-nội. Hiệp định Geneva năm 1954 thừa nhận chủ quyền của VNDCCH ở miền Bắc VN. Năm 1976 đổi thành Cộng Hòa XHCN Việt Nam.

**Đông kinh Nghĩa thục (Hanoi Free School):** Trường học do một số nhà trí thức yêu nước lập ra ở Hà nội để thúc đẩy cải cách trong thập niên đầu của thế kỷ XX. Sau khi bị Pháp đóng cửa, những nhà sáng lập đã truyền đạt ý tưởng vào trường Dục Thanh ở Phan thiết, nơi Hồ Chí Minh đã từng dạy trong thời gian ngắn năm 1910.

**Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội (Đồng minh Hội):** Tổ chức Việt Nam Dân Quốc dưới sự tài trợ của Quốc Dân Đảng Trung Hoa thành lập tháng Tám năm 1942. Tổ chức này liên kết một số đảng theo đường lối dân tộc chủ nghĩa và là con đẻ của

tướng Quốc dân đảng Trương Phát Khuê. Khuê định dùng liên minh này để chống Nhật ở Đông Dương. Mặc dù Hồ Chí Minh đã tranh thủ lợi dụng tổ chức này cho mục đích của mình, sau Thế chiến II, Hội này quay ra chống Đảng cộng sản Đông Dương kịch liệt. Khi cuộc chiến với Pháp nổ ra tháng 12 năm 1946, Hội này coi như giải tán.

**Mặt trận Tổ quốc**: Thành lập năm 1955 do chính phủ Việt Nam DCCH, thay thế cho mặt trận Liên Việt và trước đó là Mặt trận Việt Minh, một tổ chức ủng hộ đảng phái chính trị ở Việt Nam.

**Lực lượng quân viễn chinh Pháp:** Lực lượng quân đội Pháp đóng ở Đông Dương trong thời kỳ chiến tranh Pháp-Việt Minh.

**Hòa Hảo:** Một tổ chức tôn giáo hổ lốn do nhà sư Huỳnh Phú Sổ thành lập năm 1939. Cực kỳ chống Pháp và chống Cộng từ sau Thế chiến II. Hiện vẫn đang hoạt động dưới sự theo dõi sát sao của chính quyển Cộng Hoà XHCNVN.

**Thanh niên Cao vọng:** một tổ chức dân tộc do Nguyễn An Ninh thành lập ở Sài gòn giữa những năm 1920. Chết yểu.

**Quốc Tử Giám:** Trường đào tạo quan lại do triều đình tổ chức, được xây dựng từ thế kỷ thứ XI ở Hà-nội. Từ thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn chuyển về kinh đô Huế. Thân phụ Hồ Chí Minh được làm việc thời gian ngắn ở đây trong vai trợ giáo.

**Đảng cộng sản Đông Dương (ICP):** Do Hồ Chí Minh và các đồng chí thành lập tháng 10-1930. Tên cũ là Đảng cộng sản Việt Nam thành lập tháng 2-1930. Tự giải tán năm 1945. Tái thành lập năm 1951 dưới tên Đảng Lao động Việt Nam.

**Liên bang Đông Dương:** Kế hoạch của Đảng cộng sản Đông Dương giữa thập niên 1930 để thành lập nhà nước Liên bang Cách mạng gồm Việt Nam - Lào - Campuchia. Sau Thế chiến II, năm 1951, kế hoạch này được gọi là “mối quan hệ đặc biệt” giữa ba

nước.

**Liên hiệp Đông Dương**: tổ chức hành chính do Pháp lập ra cuối thế kỷ XIX để bảo đảm luật lệ của Pháp ở khu vực bao gồm Nam Kỳ - An nam (Trung Kỳ) - Bắc Kỳ -Lào - Campuchia.

Ủ**y ban Kiểm soát qu**ố**c t**ế**:** Một tổ chức giám sát thực thi hiệp định đình chiến Geneva tháng 7-1954, gồm có Canada, Ấn Độ, Ba Lan.

**Đảng cộng sản Khmer:** Tổ chức cộng sản thành lập giữa thập niên 1960 do Pol Pot cực đoan đứng đầu thay thế Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia thành lập năm 1951.

**Khmer Đỏ:** Tên thường dùng để chỉ lực lượng cách mạng Campuchia. Đôi khi người ta cũng chỉ Đảng cộng sản Khmer.

**Đảng Nhân dân Cách mạng Lào**: Đảng do Đảng cộng sản Việt Nam bảo trợ, thành lập đầu năm 1950, còn hay được gọi là Pathet Lào.

**Mặt trận Liên Việt:** Do Đảng cộng sản Đông dương thành lập năm 1946 để tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng với đảng, sát nhập với Việt Minh năm 1951, đến năm 1955, Mặt trận Tổ quốc thay thế.

**Qu**ố**c học:** Trường trung học uy tín ở Huế, thành lập năm 1896, đào tạo các quan lại thế hệ mới, dạy tiếng Pháp và các môn văn minh phương Tây. Hồ Chí Minh học trường này từ 1907 đến 1808.

**V**ệ **qu**ố**c quân:** Tên gọi tắt của Giải phóng quân (VLA) sau Cách mạng tháng Tám, được chọn để tránh rắc rối với lực lượng Trung Hoa đang chiếm đóng.

**Mặt trận Dân tộc Giải phóng mi**ề**n Nam (NLF)**: Liên minh rộng rãi nhiều nhóm chống đối tại Nam Việt, thành lập năm 1960 dưới sự bảo trợ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giải tán

năm 1976 sau khi thống nhất hai miền.

Ủy **ban Giải phóng Dân tộc:** Cơ quan đại diện cho Việt Minh, thành lập ở Tân Trào để chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám. Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

**Cứu quốc Hội:** Một tổ chức quần chúng rộng lớn do Đảng cộng sản Đông Dương thành lập chống Pháp trong Thế chiến thứ II. Sau năm 1954 thường được gọi là Hội Cứu quốc.

**Tân Việt Cách mạng Đảng:** Đảng cách mạng chống Pháp, thành lập cuối những năm 1920, sau đó sát nhập vào với Đông Dương Cộng sản Đảng (ICP).

**Pathet Lào:** Tên gọi lực lượng quân đội cách mạng Lào. Trong chiến tranh Việt Nam, lực lượng quân đội này liên kết với Bắc Việt chống Mỹ.

**Quân đội Nhân dân Việt Nam:** Quân đội thường trực, thành lập sau 1954, kế thừa Giải phóng quân Việt Nam hoạt động trong chiến tranh chống Pháp.

**Giải phóng Quân Nhân dân:** Còn gọi là Việt Cộng. Thành lập năm 1961, tên cũ của lực lượng trong phong trào cách mạng trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam.

**Việt Nam Cộng hoà (RVN):** Tên cũ của chính phủ không cộng sản, thành lập ở Nam Việt sau Hội nghị Geneva. Năm 1956 đổi tên Việt Nam Tự do. Việt Nam Cộng Hoà sụp đổ năm 1975, bị đồng hoá trở thành Cộng hoà XHCNVN.

**Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội**: Một tổ chức cách mạng rất sớm do Hồ Chí Minh sáng lập ở Nam Trung Hoa năm 1925. Kết hợp chủ thuyết cộng sản và quốc gia, sau đó Đảng cộng sản thay thế 1930.

**Cộng hoà XHCN Việt Nam:** Tên nhà nước Việt Nam thống nhất

từ năm 1976 sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc.

**Khối Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO):** Liên minh do Mỹ thành lập 1954 để ngăn chặn sự bành trướng chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á. Hiện nay đang tan rã.

**Thanh niên Tiền phong:** Một phong trào thanh niên rộng khắp Nam Bộ được Nhật ủng hộ, do Phạm Ngọc Thạch thành lập trong thời gian Thế chiến II. Đảng cộng sản Đông Dương đã dùng lực lượng này để hỗ trợ Cách mạng tháng Tám tại Sài gòn.

**Việt Cộng:** Tên miệt thị để chỉ quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong chiến tranh Việt Nam. Tên cũ của Lực lượng Vũ trang Giải phóng miền Nam (NLF).

**Mặt trận Việt Minh:** Do Đảng cộng sản Đông Dương (ICP) đứng ra thành lập tháng 5-1941. Lực lượng chính trị chủ yếu chống Pháp trong Thế chiến thứ II và sau 1945 dành độc lập.

Đảng cộng sản Việt Nam: do Hồ Chí Minh thành lập tháng 2/1930. Sau đó đổi thành Đảng cộng sản Đông Dương (ICP). Đến tháng 12-1976 mới lấy lại tên này.

**Đảng Dân chủ Việt Nam**: Một đảng chính trị non yếu không cộng sản, thành lập dưới sự bảo trợ của Đảng cộng sản Đông Dương, tập hợp những phần tử yêu nước không cộng sản trong thành phần Việt Minh năm 1944. Đảng đại diện cho những nhà khoa học trí thức yêu nước. Tồn tại đến sau năm 1976.

**Việt Nam Giải phóng quân:** Tên cũ của lực lượng kháng chiến chống Pháp của Đảng cộng sản Đông Dương trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp sau Thế chiến II. Thành lập đầu tiên tháng 12 -1944, đổi tên Quân đội Nhân dân Việt Nam sau Hội nghi Geneva 1954.

**Việt Nam Giải phóng Đồng Minh:** Một tổ chức mặt trận do Hồ Chí Minh sáng lập ở miền Nam Trung Quốc năm 1941, nhằm tập

hợp các phần tử chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đông Dương Cộng sản Đảng, nhưng sau đó có nhiều phần tử chống cộng tham gia trong một số khu vực. Sau đó Đồng Minh Hội thay thế.

**Quân đội Quốc gia Việt Nam:** Tên chính thức của các lực lượng vũ trang của Quốc gia Liên hiệp do Bảo Đại làm Quốc trưởng. Sau hội nghị Geneva, năm 1956 được Quân đội Việt Nam Cộng hòa thay thế.

**Việt Nam Quốc dân đảng**: Đảng dân tộc không cộng sản, thành lập ở Bắc Kỳ năm 1927. Trong nhiều thập niên là đối trọng chính trị chủ yếu của Đông Dương Cộng sản Đảng. Nay đã bị giải tán.

**Việt Nam Quang phục Hội:** Đảng chống thực dân do Phan Bội Châu thành lập năm 1912. Mục tiêu thay thế chế độ quân chủ bằng nền cộng hòa. Sau mấy cuộc nổi dậy thất bại, đảng bị mất uy tín và tan rã.

**Đảng Lao động Việt Nam:** Tên hình thức của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1951. Sau đó đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam.

# MỞ ĐẦU

Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, những xe tăng Bắc Việt Nam do Liên Xô sản xuất ầm ầm lao qua ngoại ô bắc Sài Gòn và tiến về dinh tổng thống nằm giữa thành phố này. Trên xe tăng, binh sĩ mặc binh phục dã chiến và mũ cối đặc trưng gắn một ngôi sao vàng, vẫy cờ Chính phủ Cách mạng lâm thời.

Sáng 30 tháng 4 năm 1975, những chiếc xe tăng Bắc Việt do Liên Xô sản xuất ầm ầm tiến qua các vùng ngoại ô bắc Sài Gòn hướng về phủ tổng thống, trung tâm thành phố. Ngồi trên những chiếc xe tăng là những người lính mặc quân phục dã chiến, đội mũ cối gắn sao vàng, vẫy cờ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Ngay sau buổi trưa, một tốp xe tăng chậm chạp lăn bánh dọc theo đại lộ Thống Nhất ngang qua Tòa đại sứ Hoa Kỳ, nơi mà cách đó hai tiếng những người lính thuỷ đánh bộ Mỹ cuối cùng được máy bay trực thăng đưa đi từ trên nóc toà nhà. Chiếc xe đi đầu lưỡng lự giây lát ngoài cánh cổng sắt dinh tổng thống rồi đâm thẳng húc đổ cánh cổng, xe dừng lại bên thảm cỏ ngay trước thềm vào dinh. Người chỉ huy xe tăng trẻ tuổi bước vào toà nhà, gặp Tổng thống Dương Văn Minh - "Minh Lớn" chớp nhoáng. Sau đó anh lên nóc dinh, tiến tới cột cờ và thay lá cờ Việt Nam Cộng Hoà bằng lá cờ xanh đỏ của Chính phủ Cách mạng lâm thời.

Cuộc chiến tranh kéo dài ở Việt Nam đã kết thúc. Sau gần một thập niên chiến đấu gian khổ và đẫm máu đã làm hơn 50.000 lính

Mỹ tử trận, những người lính Mỹ cuối cùng đã lên đường về nước sau khi Hiệp định Paris được ký kết vào 1-1973. Tuy nhiên, Hiệp định này đã nhanh chóng vi phạm, vài tháng sau, các lực lượng vũ trang của chế độ Sài Gòn đã liên tiếp đụng độ với Việt Cộng và quân đội Bắc Việt (Quân đội Nhân dân Việt Nam) trong đó có hơn 100.000 người được Hiệp định ngầm chấp thuận ở lại miền Nam. Tháng 12 năm 1974, được khích lệ bởi thắng lợi trên chiến trường và nhận định Hoa Kỳ sẽ không can thiệp lại vào cuộc chiến, các nhà lãnh đạo đảng (Đảng cộng sản Việt Nam lúc đó mang tên Đảng Lao động Việt Nam) thông qua kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam tiến hành chiến dịch trong hai năm nhằm đánh đổ chính quyền Sài Gòn vào mùa xuân năm 1976. Tuy nhiên, những trận đánh thăm dò ban đầu dọc biên giới Campuchia và Tây Nguyên đầu năm 1975 đã cho thấy Sài Gòn chống trả yếu ớt. Do vậy, cuối tháng 3-1975, Hà Nội đã ra lệnh cho các tư lệnh chỉ huy ở miền Nam giành thắng lợi cuối cùng trước khi mùa khô kết thúc vào cuối tháng 4-1975. Hệ thống phòng thủ của Sài Gòn phía bắc Nam Bộ đã nhanh chóng sụp đổ và tới giữa tháng Tư những đoàn quân Bắc Việt đã nam tiến về Sài Gòn. Tổng thống Nam Việt Nguyễn Văn Thiệu từ chức ngày 21 tháng 4 năm 1975. Người kế nhiệm là một chính trị gia Sài Gòn lớn tuổi Trần Văn Hương cũng chỉ nắm chính quyền trong bảy ngày và lại bị Minh "Lớn" thay thế với mong muốn tuyệt vọng, viên tướng miền Nam được nhiều người biết đến có thể sẽ khiến cho Bắc Việt chấp nhận thoả hiệp hòa bình. Nhưng những cử chỉ thăm dò hòa bình của tướng Minh đã bị Hà Nội lờ đi.

Thắng lợi của cộng sản ở Sài Gòn là kết quả của lòng quyết tâm và sự lãnh đạo tài tình của nhà lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn và những cộng sự kỳ cựu của ông ở Hà Nội. Một đóng góp không kém phần quan trọng là những đoàn quân Bắc Việt và du

kích Việt Cộng - gọi tắt là bộ đội (bộ đội tiếng Việt có nghĩa như GI của Hoa Kỳ), những người đã chiến đấu và hy sinh cả một thế hệ cho sự nghiệp cách mạng trong những khu rừng rậm và đầm lầy ở miền Nam Việt Nam. Nhưng quan trọng hơn cả là tầm nhìn, ý chí và khả năng lãnh đạo của một con người. Hồ Chí Minh, người sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam, nhà lãnh đạo phong trào cách mạng và Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tới khi ông mất vào năm 1969, sáu năm trước khi chiến tranh kết thúc. Để tỏ lòng kính trọng đối với những cống hiến của ông, sau khi Sài Gòn sụp đổ, các đồng chí của ông đã đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Là đặc vụ của Quốc tế Cộng sản tại Moscow, thành viên phong trào cộng sản quốc tế, kiến trúc sư cho sự thắng lợi của Việt Nam, Hồ Chí Minh, rõ ràng là một trong những nhân vật chính trị có ảnh hưởng lớn nhất của thế kỷ XX. Hồ Chí Minh còn là một trong những nhân vật huyền bí nhất, một con người với những động cơ và hành động đã gây nhiều tranh cãi. Trong ba thập niên, đã có những tranh luận về một câu hỏi nhìn bề ngoài có vẻ đơn giản về những động cơ xuyên suốt cuộc đời Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng. Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc hay theo chủ nghĩa cộng sản? Hình ảnh giản dị, vô tư của Hồ Chí Minh trước công chúng, chân thực hay giả dối? Với những người ủng hộ, Hồ Chí Minh là biểu tượng của chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, là bậc cha anh đã cống hiến tất cả cho hạnh phúc của nhân dân và công cuộc giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Đối với những người đã được gặp ông, cả người Việt Nam cũng như người nước ngoài, ông là một “người hiền lành, tử tế”. Cho dù là một nhà lãnh đạo lớn trên thế giới, thực chất ông là nhà ái quốc vị tha gần gũi với nhân dân và nguyện suốt đời mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, một số nhà phê bình lại

chỉ trích những hành động cách mạng thái quá mà người ta vẫn cho rằng là của ông và ông có tính cách hay thay đổi theo hoàn cảnh, một con sói đội lốt cừu.

Nghi ngờ về tính cách và những động cơ bên trong của Hồ Chí Minh là trọng tâm của cuộc tranh luận ở Hoa Kỳ về mặt đạo lý của cuộc chiến Việt Nam. Đối với những người chỉ trích chính sách của Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh là người yêu nước giản dị đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập cho nhân dân Việt Nam, người đấu tranh mạnh mẽ chống lại chủ nghĩa đế quốc toàn cầu trong Thế Giới Thứ Ba. Những người ủng hộ nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ nghi ngờ động cơ yêu nước của Hồ Chí Minh gián tiếp chỉ ra rằng, ông từ lâu là đặc vụ của Iosiff Stalin, đã có năm thập niên phục vụ cho cách mạng thế giới. Họ cho rằng, hình ảnh chủ nghĩa dân tộc mà Hồ Chí Minh cần mẫn gây dựng chỉ là mưu đồ để giành sự ủng hộ trong nước và quốc tế cho sự nghiệp cách mạng.

Đối với người Mỹ, cuộc tranh luận về Hồ Chí Minh tạo ra những cảm xúc mạnh mẽ về một cuộc chiến tranh đã đi vào quá khứ. Đối với người Việt Nam cuộc tranh luận gợi nên những câu hỏi quan trọng hơn nhiều, bởi điều này xác định những vấn đề trọng tâm trong cuộc cách mạng Việt Nam - mối quan hệ giữa quyền tự do con người và bình đẳng về kinh tế ở nước Việt Nam mới trỗi dậy sau chiến tranh-. Kể từ khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, các cộng sự của Hồ Chí Minh, một số vẫn đang nắm giữ quyền hành tại Hà Nội, đã không ngừng đúc rút từ những ký ức của Hồ Chí Minh để thần thánh hoá mô hình phát triển đất nước cộng sản. Những người này cho rằng, mục tiêu của Hồ Chí Minh trong suốt sự nghiệp của mình là xoá bỏ bóc lột của chủ nghĩa tư bản toàn cầu và tạo ra một thế giới cách mạng mới với đặc điểm chính là chủ nghĩa xã hội không tưởng của Karl Marx. Tuy nhiên, một số ý kiến khác lại không đồng tình, cho rằng mục tiêu chính

trong sự nghiệp của ông là quyết tâm làm mềm mỏng nguyên tắc cứng nhắc bất di bất dịch trong cuộc đấu tranh giai cấp theo luận thuyết Marxist thông qua việc kết hợp nguyên tắc này với Khổng Tử và ba nhân tố cách mạng Pháp là Tự do, Bình đẳng và Bác ái. Để biện hộ, họ trích dẫn một trong những khẩu hiệu của ông thường thấy ở Việt Nam ngày nay "Không có gì quý hơn độc lập tự do"[1*].

Vì thế cuộc tranh luận về Hồ Chí Minh là cốt lõi của một số vấn đề quan trọng tạo nên dấu ấn thế kỷ XX, kỷ nguyên của chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa cách mạng, chủ nghĩa quân bình và phấn đấu vì quyền tự do của con người. Sự phức tạp trong tính cách của Hồ Chí Minh phản ánh phức tạp của thời đại. Ông vẫn là một thế lực đầy uy quyền ở Việt Nam sau chiến tranh được hàng triệu người kính trọng nhưng rõ ràng cũng bị nhiều người căm ghét. Dù tốt hay xấu, Hồ Chí Minh đã thể hiện trong ông hai động lực quan trọng của xã hội hiện đại - khao khát độc lập dân tộc và phấn đấu vì công bằng kinh tế và xã hội. Mặc dù chúng ta chưa có đủ tất cả mọi bằng chứng nhưng đã đến lúc phải phân tích đánh giá nhân vật có ảnh hưởng trong thế kỷ XX dưới góc độ lịch sử.

Những khó khăn mà bất kỳ một nhà viết tiểu sử nào muốn tìm hiểu vấn đề này gặp phải đều rất lớn. Mặc dù tên Hồ Chí Minh được hàng triệu người trên thế giới biết đến nhưng lâu nay rất thiếu những nguồn thông tin có thể kiểm chứng được về cuộc đời ông. Phần lớn thời thanh niên hoạt động cách mạng chống lại chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương, ông đã phải tha phương trong nhiều năm cũng như sống bí mật ngay trên đất nước mình. Suốt thời gian đó, ông sống và đi lại một cách bí mật với nhiều bí danh khác nhau. Người ta ước tính khi sinh thời, ông Hồ đã sử dụng khoảng hơn năm mươi tên giả [2*] . Rất nhiều bài viết của ông được đăng dưới các bí danh đó trong khi nhiều bài viết khác của

ông bị thất lạc hoặc bị huỷ hoại trong gần ba mươi năm chiến tranh.

Hồ Chí Minh cũng đã tạo ra sự mơ hồ bằng việc chấp nhận điều bí ẩn thú vị về cuộc đời mình. Trong nhiều năm, ông đã phủ nhận nhân vật nổi tiếng chưa được xác định sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh thực ra là Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng cộng sản Đông Dương và là đặc vụ lỗi lạc của Quốc tế Cộng sản III trong thời kỳ trước chiến tranh. Thậm chí khi sự thật về con người ông được khám phá, Hồ Chí Minh vẫn hết sức giữ bí mật về những sự kiện quan trọng trong cuộc đời trước đây của mình và một số ít tác phẩm tự truyện của ông được viết dưới các bí danh khác nhau. Một trong số những tác phẩm đó được chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà xuất bản bằng nhiều thứ tiếng vào cuối những năm 1950. Chỉ trong những năm gần đây, các nhà nghiên cứu ở Hà Nội mới có thể khẳng định được những tác phẩm đó do chính Hồ Chí Minh viết.[3*]

Khó khăn trong việc biên soạn tiểu sử Hồ Chí Minh lại càng lớn hơn vì không thể tiếp cận được các nguồn thông tin. Vì sinh thời ông đã sống, đã đi qua nhiều nước trong suốt cuộc đời nên những thông tin về các hoạt động của ông cũng bị tản mát ở nhiều châu lục. Ông còn biết một số ngoại ngữ và số lượng lớn các tác phẩm của ông (bao gồm những cuốn sách nhỏ, những bài báo, phóng sự và những bức thư) được viết bằng nhiều thứ tiếng Anh, Pháp, Trung Quốc và Nga cũng như bằng tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ.

Mãi cho tới gần đây, các học giả vẫn chưa có được phần lớn những thông tin này. Thậm chí ngày nay các nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài không được tiếp cận các tư liệu lưu trữ tại Hà Nội. Những thông tin liên quan đến các hoạt động của ông ở Trung Quốc, Liên Xô cũng rất hạn chế và hiếm khi được chính phủ Trung

Quốc hay Liên Xô tiết lộ. Hầu như chỉ có một quãng thời gian trong cuộc đời Hồ Chí Minh được tìm hiểu kỹ lưỡng là thời gian ngắn ngủi ông ở Pháp sau Thế chiến thứ Nhất (1914-1918). Việc Pháp công khai các tài liệu lưu trữ thực dân vào đầu những năm 1970 đã giúp công chúng lần đầu tiên được tìm hiểu về những năm tháng đó của cuộc đời ông. Gần đây, những tuyển tập dày các tác phẩm của ông đã được xuất bản tại Việt Nam, tuy nhiên những tuyển tập này hoàn toàn không đầy đủ trong khi việc chính thức hiệu đính một số văn bản lại gây ra mối lo ngại về độ chính xác. Tài liệu lưu trữ của Đệ Tam Quốc tế tại Moscow một phần đã được công khai cho các học giả sử dụng, tuy nhiên các biên bản chi tiết về mối quan hệ giữa ông và các nhà lãnh đạo Xô viết vẫn chưa được công bố cho các nhà quan sát bên ngoài.[4*]

Còn một câu hỏi nữa về Hồ Chí Minh liên quan tới đặc điểm lãnh đạo của ông. Mặc dù là người sáng lập Đảng cộng sản Đông Dương và là nhân vật hàng đầu trong phong trào cộng sản quốc tế nhưng ông không phải là một nhân vật có ảnh hưởng lớn như những nhà lãnh đạo cách mạng hiện đại khác như Lenin, Stalin hay Mao Trạch Đông. Sự lãnh đạo của ông hầu như dựa vào sự thuyết phục và đồng thuận thay vì áp đặt ý định của mình thông qua ảnh hưởng cá nhân. Ông cũng không viết nhiều về những tư tưởng hay động cơ bên trong của mình. Trái với các nhân vật cách mạng kiệt xuất khác, Hồ Chí Minh rất ít quan tâm đến ý thức hệ hay tranh luận tri thức, thay vào đó tập trung suy nghĩ và hành động của mình vào những vấn đề thực tiễn để giúp đất nước và các xã hội thuộc địa khác thoát khỏi chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Vì những lý do đó, các học giả, đôi khi cả những người đồng sự, luôn xem Hồ Chí Minh chỉ là một người hoạt thực tiễn hơn là một nhà lý luận cách mạng. Sự phân biệt này dường như không làm ông bận tâm. Một người khi phỏng vấn ông đã hỏi tại sao ông

chưa bao giờ viết luận thuyết về ý thức hệ, ông đã khôi hài trả lời, ý thức hệ là điều ông dành cho Mao Trạch Đông. Trong những năm cuối đời, các công trình nghiêm túc về học thuyết chủ nghĩa hay về chiến lược được xuất bản ở Việt Nam thường được các cộng sự của ông là Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh hay Lê Duẩn thực hiện.

Do chủ đề này còn gây tranh cãi cũng như sự hạn chế về những nguồn thông tin đáng tin cậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên vì vẫn chưa có một cuốn tiểu sử nghiêm chỉnh nào về Hồ Chí Minh được xuất bản bằng tiếng Anh trong hai mươi năm qua. Vào lúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam lên đến đỉnh điểm, một số nghiêm cứu về tiểu sử Hồ Chí Minh đã được xuất bản, tuy nhiên phần lớn trong số này chỉ nhằm vào thị hiếu chứ không tận dụng triệt để các nguồn tài liệu sẵn có. Ở miền Bắc Việt Nam, một số cuốn tiểu sử chính thức hoặc bán chính thức đã được xuất bản nhưng tất cả đều bị mất giá trị bởi vì các nỗ lực thần thoại hoá ông như một vị thánh hơn là một nhân vật chính trị, mang tính biếm hoạ hơn là thực tế.[5*]

Ngày nay, khi những cảm xúc mạnh về chiến tranh ở Việt Nam đã bắt đầu lắng xuống và đã có thêm các nguồn tư liệu bổ xung ở nhiều nơi trên thế giới, chúng ta có đủ lý do lạc quan, có thể hiểu rõ hơn về cuộc đời Hồ Chí Minh. (Những nguồn tư liệu này được đề cập ngắn gọn trong phần chú giải về các nguồn tư liệu về cuốn sách). Cho dù không thể làm sáng tỏ toàn bộ những bí mật cuộc đời ông, những người viết tiểu sử chuyên cần giờ đây đã có thể tập hợp được một số giả thuyết để trả lời một số câu hỏi thường xuyên được nêu ra về cuộc đời và nhân cách của ông. Tôi đã cố gắng trả lời những câu hỏi này trong cuốn sách cũng như trong phần chú giải cuốn sách về những vấn đề mang tính học thuật.

Phần lớn những năm đầu cuộc đời ông - giai đoạn trước khi ông

đến Paris vào cuối Thế chiến I - chỉ có nguồn từ các bút tích của ông như đã nói trên và các tài liệu lịch sử ở Việt Nam. Tuy nhiên, ở Việt Nam, sách báo được nhà nước ủng hộ đã mô tả ông như một huyền thoại, một thiên tài của thời đại. Một số nhà nghiên cứu đã hoài nghi độ tin cậy của những thông tin về cuộc đời ông được các nguồn chính thức tại Việt Nam công bố. Sau khi xác minh kỹ các bằng chứng, tôi cho rằng phần lớn những thông tin đó là đáng tin cậy mặc dù có một số chi tiết còn gây nhiều tranh cãi và một số khác rõ ràng là không chính xác. Để tránh sự tranh luận kéo dài vô tận liên quan tới độ chính xác của các sự kiện về các hoạt động của ông, tôi đã quyết định thể hiện sự hiểu biết của mình về cuộc đời Hồ Chí Minh dưới dạng tường thuật đồng thời dành phần chú giải cuốn sách cho những tranh luận về các bằng chứng, nếu như có một số lý do hợp lý để nghi ngờ các giải thích nào đó về các sự kiện, vấn đề đã được nêu trong bài viết. Tôi hy vọng điều này sẽ giúp thể hiện đặc điểm đầy kịch tính về cuộc đời Hồ Chí Minh và tầm quan trọng của đặc điểm đó trong việc hình thành lịch sử Việt Nam thế kỷ XX.

Hiện vẫn tồn tại vấn đề về thiên hướng chính trị. Cũng như thế hệ vừa qua không thể có cách nhìn về cuộc chiến ở Việt Nam một cách khách quan và người viết tiểu sử cũng khó tạo ra một bức tranh về người đã mang lại chiến thắng cho cộng sản mà không đưa ra thiên hướng chính trị của người đó. Qua nhiều thập niên, từ khi tôi hiểu biết nhiều hơn về cuộc đời của Hồ Chí Minh, tôi đã kính trọng tài năng và sự tận tâm của ông với tư cách là một nhà cách mạng mà không hề làm tôi mất đi khả năng đánh giá ông như một nhà cách mạng, một nhà chính trị và một con người. Tôi dần tin rằng sự thật bao giờ cũng phức tạp hơn hình ảnh trước công chúng mà người ta vẫn tưởng tượng, đây cũng là điều thường xẩy ra. Mặc dù luôn có sự thôi thúc để tìm ra một số sợi dây đơn lẻ

xuyên suốt ("sự thật giấu dưới lớp thảm" trong câu kinh điển của Leon Edel) tôi muốn để cho sự thật tự nói lên tất cả. Do vậy, tôi không cố gắng tạo ra những suy nghĩ hư cấu hay những câu chuyện đối thoại nhằm tìm cách giải thích của riêng tôi về những đặc điểm bên trong của ông. Giống như các nhân vật vĩ đại khác trong lịch sử, Hồ Chí Minh là một con người phức tạp và tương phản, có đầy đủ những tài năng và tính cách có một không hai làm cho ông khác biệt với những nhân vật quan trọng khác của thời đại.

Có thể một số độc giả sẽ nghi ngờ và thất vọng vì bài viết không đề cập nhiều tới những năm tháng cuối trong cuộc đời ông vào thời kỳ cao điểm của cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Trên thực tế, vai trò của Hồ Chí Minh trong việc tạo ra cuộc chiến nhìn chung quan trọng hơn nhiều do với ảnh hưởng của ông ở Hà Nội trong toàn bộ cuộc chiến tranh khi mà ông thường bị ốm hay phải sang Trung Quốc chữa bệnh. Do vậy, nhiều độc giả cũng sẽ nhận ra, phần lớn cuốn sách này sẽ đề cập đến những cá nhân và các sự kiện mà độc giả chưa biết tới. Tôi hy vọng độc giả sẽ cảm thấy được bù lại bởi họ sẽ có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về những nguyên nhân quan trọng của cuộc chiến tranh và những hậu quả của nó.

Trong tất cả những con người vĩ đại đều tiềm ẩn một vẻ huyền bí. Một số người cảm thấy thích thú những vẻ huyền bí đó hơn cả về bản thân Hồ Chí Minh. Trong một cuộc phỏng vấn với Bernard Fall, một học giả nghiên cứu về Việt Nam vào năm 1962, Hồ Chí Minh đã trả lời một trong những câu hỏi của Fall: "Người già thích có một vẻ bí ẩn nho nhỏ về bản thân. Tôi muốn giữ lại một chút bí ẩn của mình. Tôi tin rằng anh sẽ hiểu được điều đó".[6*]

Trong ngôi đền thờ các nhân vật anh hùng cách mạng, Hồ Chí

Minh hẳn sẽ rất vui khi biết rằng ít ra trong cuốn tiểu sử này của mình, vẻ huyền bí xung quanh ông vẫn còn nguyên vẹn.

## CHƯƠNG

# THỜI KỲ MẤT NƯỚC

Trong khi những người chiến sĩ của ông hân hoan trên đường phố ăn mừng chiến thắng hay tiếp quản những cơ sở của quân địch thì ông lặng lẽ vào thành phố, không kèn không trống, sống tại toà nhà bình dân hai tầng trong khu thương mại phố Tàu. Ông ở đó vài ngày, cách biệt với bên ngoài, hối hả làm việc với chiếc máy chữ cũ rích mà ông thường đem bên mình trong suốt hơn một thập niên đi đây đó từ Moscow đến miền nam Trung Hoa và sau cùng trở về quê hương trong những tuần đầu của năm 1941, nơi ba mươi năm trước ông đã ra đi.

Cuối tháng ông viết xong bài diễn văn dự định sẽ đọc trước đồng bào của mình, tuyên bố sự ra đời của một quốc gia mới. Ngay 2 giờ chiều ngày 2 tháng 9 năm 1945, ông đã có mặt trên lễ đài được dựng trên một khu đất lớn sau này là Quảng trường Ba Đình - phía tây thành phố. Ông mặc bộ quần áo ka-ki bạc mầu rộng so với thân hình gầy gò của mình và chân đi dép cao su. Hàng nghìn người đã tập trung từ sáng sớm để nghe ông phát biểu. Với giọng thanh cao xứ Nghệ, đặc trưng cho nơi ông sinh ra, ông tuyên bố đất nước được độc lập và đọc bản Tuyên ngôn Độc Lập.

Đối với một vài người Mỹ tình cờ có mặt tại đó, những lời đầu tiên của ông làm họ ngạc nhiên: *"Tất cả mọi người sinh ra đều có*

*quyền bình đẳng. Tạo hoá đã cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được: Trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".*

Lúc đó là cuối mùa hè năm 1945, ngay sau khi đế quốc Nhật đầu hàng trên toàn châu Á. Địa điểm là Hà Nội, một thời là cố đô của Việt Nam, giờ đây là thành phố thuộc địa im lìm nằm giữa đồng bằng sông Hồng thường gọi là Đông Dương thuộc Pháp. Suốt hai thập niên, Nguyễn Ái Quốc đã tận tuỵ hết lòng khơi dậy lòng căm thù còn e ngại trong đồng bào của mình và những công chức thực dân Pháp cai trị họ. Giờ đây dưới một cái tên mới, ông giới thiệu mình với nhân dân Việt Nam với tư cách là Chủ tịch đầu tiên của một đất nước mới.

Lúc đó cái tên Hồ Chí Minh không được ai biết đến trừ một số ít đồng bào yêu nước của ông. Chẳng mấy ai trong số những người nghe Tuyên ngôn Độc lập hay những người trên khắp đất nước biết, trước đây của ông là đặc vụ của Quốc tế Cộng sản III (một tổ chức cách mạng còn được gọi là Quốc tế III do Lenin, người lãnh đạo Bolsevich sáng lập hai mươi sáu năm về trước), và là người sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930. Giờ đây ông miêu tả mình là *"một người yêu nước đã phụng sự đất nước từ lâu".* Trong một phần tư thế kỷ tiếp theo, nhân dân Việt Nam và thế giới đã có đánh giá đúng về ông.

Động lực khởi đầu cho hành trình lâu dài của ông tới Quảng trường Ba Đình đã bắt đầu từ cuối mùa hè năm 1858 khi một đội tàu chiến Pháp, với sự tham gia của một số tàu chiến của Tây Ban Nha, bất ngờ tấn công thành phố Đà Nẵng, một cảng biển thương mại cỡ trung bình thuộc duyên hải miền trung Việt Nam. Cuộc tấn công này không hoàn toàn bất ngờ. Trong nhiều thập niên, con mắt thèm thuồng của Pháp luôn hướng vào Việt Nam: Những nhà

truyền giáo với con mắt dõi theo những linh hồn để cứu rỗi, những lái buôn đi khắp địa cầu tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới cũng như tuyến đường sông tới Trung Hoa giàu có, những nhà chính trị tin rằng chỉ thiết lập các thuộc địa ở châu Á mới có thể đảm bảo được sự sống còn của Pháp như là một cường quốc. Đến giữa thế kỷ XIX, chính phủ Pháp tìm cách thiết lập sự có mặt tại Việt Nam qua đường ngoại giao và thậm chí đã cử một phái đoàn tới cố đô Huế, cách Đà Nẵng 90 cây số về phía bắc, nhằm thuyết phục vua Việt Nam mở cửa cho Pháp. Khi các cuộc thương thuyết thất bại, chính phủ của Hoàng đế Louis Napoleon đã quyết định sử dụng sức mạnh.

Đất nước khi mà các tàu chiến Pháp tấn công không xa lạ gì với chiến tranh hay nạn ngoại xâm. Đúng vậy, rất ít dân tộc ở châu Á buộc phải chiến đấu lâu dài và gian khổ như nhân dân Việt Nam để bảo vệ bản sắc của mình là một quốc gia độc lập và tự chủ. Một thực tế nổi bật trong lịch sử Việt Nam là cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ chống lại khuynh hướng bành trướng của Trung Hoa, người láng giềng phương Bắc. Vào thế kỷ thứ hai trước công nguyên khi nền cộng hoà La Mã còn mới phát triển, Đế chế Trung Quốc đã xâm lược Việt Nam và tiến hành mạnh mẽ quá trình đồng hoá về chính trị, văn hoá và kinh tế. Mặc dù nhân dân Việt Nam đã cố gắng giành lại độc lập của mình vào thế kỷ thứ mười sau Công nguyên nhưng phải hàng trăm năm sau các hoàng đế Trung Hoa mới chấp nhận Việt Nam tồn tại độc lập; trên thực tế, điều này chỉ xảy ra sau khi Việt Nam miễn cưỡng chấp nhận quan hệ chư hầu với các hoàng đế Trung Hoa.

Quan hệ kéo dài giữa Việt Nam và Trung Hoa đã để lại những hậu quả triền miên. Hơn một thiên niên kỷ, thể chế chính trị, văn học, nghệ thuật, âm nhạc, tôn giáo, triết học của Trung Hoa và thậm chí cả tiếng Hán đã cắm rễ sâu trong đất Việt Nam. Kết quả

là một Việt Nam "Khổng hoá" mà đối với người tìm hiểu không kỹ là một Trung Hoa thu nhỏ, một *"con rồng nhỏ",* bản sao của người láng giềng phương Bắc hùng mạnh. Bản thân các triều đại vua Việt Nam suy nghĩ như vậy, đã áp dụng cách ăn mặc giống hệt tuy không được oai phong bệ vệ như Thiên Tử Trung Hoa. Chế độ tuyển chọn nhân tài quan chức của Việt Nam dần dần theo khuôn mẫu của Trung Hoa (ít ra trên lý thuyết) - dựa trên các cuộc kiểm tra ngặt nghèo về kiến thức đạo Khổng. Nhiều thế hệ nam thanh niên Việt Nam học những cuốn kinh thư mà các bạn của họ ở Trung Hoa được học, thường là học thuộc lòng. Chị em gái của họ bị tục lệ Khổng giáo gia trưởng cứng nhắc không cho theo đuổi con đường sự nghiệp - hay hầu hết các nghề nghiệp gì khác - sống giam cầm trong giới hạn gia đình và được răn dạy phải chuyên tâm trở thành những người vợ và người mẹ hiền.

Việc Việt Nam du nhập văn hoá Trung Quốc có lẽ không phải là một vấn đề đặc biệt đau đớn bởi những điều kiện kinh tế và xã hội giúp tạo nên nền văn minh đạo Khổng ở Trung Hoa cũng đã tồn tại ở mức độ nhất định ở Việt Nam. Cũng như nước láng giềng phương Bắc, xã hội Việt Nam cơ bản là xã hội nông nghiệp. Có khoảng chín trong mười người Việt Nam là nông dân trồng lúa nước sống trong các làng mạc nhỏ rải rác trên khắp đồng bằng sông Hồng trải dài tới vịnh Bắc Bộ. Họ làm việc chăm chỉ, đặt lợi ích của cộng đồng trên lợi ích cá nhân cũng như một hệ thống chính trị xã hội ổn định là những điều được coi trọng. Sự tồn tại của một đội ngũ quan lại có học vấn, nhằm duy trì hệ thống tưới tiêu và mạng lưới đường sá là nhu cầu thiết yếu, tuy nhiên thương mại và sản xuất công nghiệp hầu như không tồn tại. Mặc dù những nhân tố bản xứ trong nền văn hoá của Việt Nam không hề bị mất, nhưng trong con mắt của những người không thạo thì dường như Việt Nam là hình ảnh phản chiếu thu nhỏ của người

láng giềng khổng lồ phương Bắc.

Nếu người Việt Nam tỏ ra sẵn sàng du nhập phần lớn phong tục Trung Hoa hùng mạnh, họ cũng tỏ ra rất kiên quyết trong vấn đề tự trị. Những nhân vật anh hùng của Việt Nam trong quá khứ đều có đặc điểm chung - đấu tranh chống lại sự đô hộ của Trung Hoa. Đó là cuộc nổi dậy như chị em Hai Bà Trưng (chống lại sự cai trị Trung Hoa trong thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên), vua Lê Lợi và nhà chiến lược lỗi lạc Nguyễn Trãi đã chiến đấu chống lại nhà Minh vào 1.400 năm sau. Những thử thách gắt gao đó đã sản sinh ra một dân tộc có ý thức hệ sâu sắc về bản chất dân tộc, sẵn sàng hy sinh bảo vệ tổ quốc chống ngoại xâm.

Một trong những hệ quả lâu dài của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì sự tồn vong của quốc gia là truyền thống quân sự mạnh mẽ và sẵn sàng sử dụng sức mạnh để bảo vệ quốc gia. Trong nhiều thế kỷ kể từ khi giành lại độc lập dân tộc từ tay Trung Hoa vào năm 939, nước Việt Nam mới với cái tên Đại Việt (nước Việt Nam to lớn) đã trải qua các cuộc chiến kéo dài với nước láng giềng phía nam, nước Champa có nền thương mại phát triển. Cuối cùng người Việt Nam đã giành được lợi thế và vào thế kỷ thứ 13 họ đã tiến mạnh về phía nam dọc theo bờ biển. Đến thế kỷ thứ 17, Champa bị thôn tính và lãnh thổ nước Đại Việt được mở rộng tới bán đảo Cà Mau trên vịnh Thái Lan. Những người định cư Việt Nam, phần lớn là những người lính trước đây, di cư về phía Nam tạo ra các cộng đồng trồng lúa nước mới trên mảnh đất phì nhiêu đồng bằng sông Cửu Long. Nước Đại Việt đã trở thành một trong những quốc gia hùng mạnh ở lục địa Đông Nam Á và vua của Việt Nam trong các mối quan hệ của mình với những người thống trị láng giềng đã bắt đầu cho mình không chỉ là một vị vua mà còn là một hoàng đế.

Tuy nhiên, thành công quân sự của Đại Việt cũng phải trả giá bởi việc mở rộng lãnh thổ đã dẫn tới sự cách biệt ngày càng lớn về chính trị và văn hoá giữa những người có lối suy nghĩ truyền thống ở các tỉnh tại đồng bằng sông Hồng và những người di cư có tư duy độc lập hơn ở những vùng biên giới phía nam mới giành được. Trong suốt hai thế kỷ, ở Việt Nam luôn xảy ra các cuộc nội chiến giữa các giòng họ cầm quyền ở miền Bắc và miền Nam. Vào đầu thế kỷ XIX, hậu duệ của giòng họ cai trị ở miền Nam là Nguyễn Ánh đã thống nhất đất nước và lấy niên hiệu là Gia Long. Lúc đầu triều đình nhà Nguyễn chỉ có ý định giải quyết hậu quả dai dẳng của cuộc nội chiến, tuy nhiên đến giữa thế kỷ những rạn nứt địa phương bắt đầu gia tăng do các khó khăn kinh tế như ruộng đất tập trung vào tay người giàu và càng trở nên phức tạp hơn do sự cai trị yếu kém của triều đình Huế.

Nội chiến ở Việt Nam đã xảy ra vào thời kỳ quan trọng trong lịch sử Đông Nam Á. Những đội tàu từ châu Âu tiếp bước nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha Vasco da Gama chạy dọc theo bờ biển Đông và vịnh Thái Lan tìm kiếm đồ gia vị mới lạ, kim loại quý và những tâm hồn ngoại đạo để cứu rỗi. Trong số những nước châu Âu quan tâm nhất tới khu vực này có người Pháp và vào thế kỷ thứ XIX khi đối thủ kình định của họ là người Anh bắt đầu củng cố vị trí ở Ấn Độ và Miến Điện, nhà cầm quyền Pháp đã hướng con mắt thèm thuồng của mình vào Việt Nam.

Vào năm 1853, vị vua thứ ba của triều đại nhà Nguyễn băng hà và ngai vàng được chuyển cho nhà vua còn trẻ và thiếu kinh nghiệm là Tự Đức. Đó là điều không may đối với ông và cho cả thần dân của ông bởi trên vai ông là trách nhiệm đẩy lùi mối đe doạ nguy hiểm đầu tiên đối với nền độc lập của Việt Nam trong vài thế kỷ. Mặc dù có thiện chí và thông minh nhưng ông là người không quyết đoán và bệnh tật. Khi những toán quân Pháp đầu tiên

đổ bộ vào cảng Đà Nẵng mùa hè năm 1858, phản ứng bản năng đầu tiên của Tự Đức là phải đánh lại. Từ chối đề nghị thương thuyết, ông cho tập trung quân đội triều đình ngay phía bên kia phòng tuyến quân Pháp ở ngoại vi thành phố. Đô đốc Charles Rigault de Genouilly, chỉ huy quân Pháp, được những nhà truyền giáo người Pháp đang làm việc tại khu vực bảo đảm rằng sẽ có một cuộc nổi dậy của dân địa phương chống lại triều đình, nhưng điều này đã không xảy ra. Lúc đầu, viên Đô đốc người Pháp hy vọng chỉ cần chờ đợi sẽ thắng quân địch nhưng khi dịch tả và bênh lỵ làm mất đi nhiều binh lính châu Âu, ông đã quyết định từ bỏ thành phố và tìm một nơi dễ tấn công hơn ở phía Nam. Đầu năm sau, người Pháp trở lại tấn công Sài Gòn, một cảng thương mại nhỏ nhưng phát triển trên một con sông nhỏ cách đồng bằng sông Cửu Long vài dặm về phía Bắc. Quân triều đình Việt Nam ở đó đã cố chống trả nhưng vì vũ khí khá lạc hậu không sánh được với vũ khí của quân xâm lược nên sau hai tuần đã không thể kháng cự được.

Mặc dù phản ứng đầu tiên của nhà vua là sử dụng quân đội để chống lại quân xâm lược nhưng thất bại ở miền Nam đã làm ông nản lòng. Bất chấp những lời kêu gọi tiếp tục chiến đấu của các cố vấn trong triều, Tự Đức đã quyết định thương lượng và vào năm 1862 chấp thuận nhượng ba tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cho Pháp, cuối cùng ba tỉnh này (cùng với ba tỉnh khác vài năm sau) trở thành thuộc địa của Pháp ở Nam Kỳ. Vòng đầu Paris đã thắng.

Trong vài năm, triều đình Huế đã duy trì được nền độc lập mong manh nhưng cuối cùng hầu như đã bị tê liệt khi Pháp tiếp tục tấn công vào đầu những năm 1880, đánh thành Hà Nội và chiếm vài thành phố lớn ở đồng bằng sông Hồng, thì triều đình dường như bị tê liệt. Vua Tự Đức băng hà ngay trước khi chiến sự nổ ra và cuộc khủng hoảng về người kế vị khiến triều đình bị chia

rẽ thành các phe đối lập. Nhiều tháng sau, một số vị vua mới, mà phần lớn còn nhỏ tuổi đã nhanh chóng được đưa lên ngôi, rồi bị phế truất. Cuối cùng, quyền lực đã rơi vào tay quan nhiếp chính có ảnh hưởng lớn là Tôn Thất Thuyết. Ông đã đưa người được ông bảo trợ là Hàm Nghi lên ngôi với hi vọng tiếp tục kháng chiến. Đáp lại yêu cầu của Việt Nam, triều đình nhà Thanh đã đưa quân đội đến giúp chư hầu, nhưng Việt Nam vẫn không thắng được. Năm 1885, Trung Hoa rút quân và ký thoả ước với Pháp rũ bỏ mối quan hệ chư hầu từ lâu với Việt Nam. Tại Huế, một vị vua bù nhìn được đưa lên ngôi thay cho Hàm Nghi trẻ tuổi đã bỏ trốn cùng Tôn Thất Thuyết - vị cố vấn không chịu đầu hàng - bỏ trốn lên núi để tiếp tục kháng chiến. Trong khi đó, phe thủ hoà chiếm đa số trong triều đã ký một thoả ước mới với Pháp chấp nhận Pháp chi phối về chính trị trên toàn bộ lãnh thổ còn lại của Việt Nam. Người Pháp chuyển vùng đất họ mới giành được trở thành xứ bảo hộ bao gồm Bắc Kỳ (gồm các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng và các vùng núi lân cận) và Trung Kỳ (bao gồm các tỉnh duyên hải cho tới vùng thuộc địa Nam Kỳ về phía nam). Ở Trung Kỳ, người Pháp cho phép vua bù nhìn và triều đình của ông ta giữ lại những quyền hạn ít ỏi. Ở Bắc Kỳ, chế độ thuộc địa thực sự có quyền hạn tối cao. Trên thực tế, Việt Nam đã trở thành nhượng địa của Pháp.

Việc người Pháp chinh phục Việt Nam là một phần của quá trình mở rộng thuộc địa của châu Âu bắt đầu sau chiến tranh Napoleon và quá trình mở rộng này đã được đẩy nhanh trong cuối thế kỷ XIX khi các nước phương Tây phát triển bước vào kỷ nguyên công nghiệp. Vì rất mong tìm kiếm nguồn nguyên liệu thô rẻ và thị trường tiêu thụ hàng hoá do chính họ sản xuất, các nước tư bản phương Tây quay sang sử dụng vũ lực nhằm thiết lập quyền bá chủ của họ trên toàn khu vực. Tới cuối thế kỷ XIX, tất cả các nước ở Nam Á và Đông Nam Á trừ vương quốc Xiêm (nay là

Thái Lan), đều bị thực dân cai trị theo các hình thức khác nhau.

Việc triều đình đầu hàng đã không ngăn được khát vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Nhiều thế kỷ chống Trung Hoa đã khắc sâu trong tầng lớp thượng lưu Việt Nam truyền thống phụng sự nhà vua và đất nước như bổn phận cơ bản nhất của Nho giáo. Rất nhiều văn võ cá quan quan đã không chịu chấp nhận việc triều đình đầu hàng trước sức mạnh quân sự và đã tổ chức các đội quân vũ trang địa phương nhằm đưa Hàm Nghi quay trở lại nắm quyền. Tại tỉnh Hà Tĩnh, vùng duyên hải Trung Kỳ, nhân sĩ Phan Đình Phùng đã khởi xướng phong trào Cần Vương để tập hợp sự ủng hộ đối với nhà vua bị phế truất và đánh đuổi giặc Pháp ra khỏi quê hương. Khi được Hoàng Cao Khải là bạn từ thời niên thiếu, người chạy theo hoàn cảnh mới, khuyên ông từ bỏ nỗ lực vô vọng để tránh đổ máu không cần thiết, ông Phùng đã trả lời với giọng cao ngạo của một nhà nho yêu nước:

*"Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại, nước mình ngàn năm nay, đất nước chẳng rộng, quân lính không mạnh, tiền của chẳng giàu, cái chỗ dựa để dựng nước, là nhờ có cái gốc vua tôi, cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, bao nhiêu phen lăm le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện của họ mà rút cục vẫn chiếm không được. Ôi! Họ đối với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể ỷ mạnh mà nuốt trôi nước ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam tự trời định phận riêng rõ ràng rồi, và cái ơn giáo hoá của thi thư vốn là chỗ dựa cho mình đấy. Đến nay người Tây với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tới đâu như là gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà, dân nhà cũng bị đắm chìm hết thảy, có phải là riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lầm than mà*

*thôi đâu”.*[7*]

Tuy nhiên, việc hai người xưng vua đã tạo ra thế tiến thoái lưỡng nan đối với những người Việt Nam luôn trung thành với vua. Liệu họ có nên tuân theo vua Đồng Khánh mới lên ngôi ở Huế với sự chấp thuận của Pháp hay không? Hay họ nên hưởng ứng lời kêu gọi của vua bị phế truất Hàm Nghi, là người từ nơi ẩn náu trên núi đã kêu gọi sự ủng hộ của tất cả những người yêu nước trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng chống lại bọn hung bạo? Thế lưỡng nan trong việc chọn lựa giữa đấu tranh và thoả hiệp là một việc rất khó khăn đã chia rẽ giới cầm quyền, mà sự chia rẽ này đã không thể hàn gắn được hơn một nửa thế kỷ sau.

Trung tâm của phong trào kháng chiến chống Pháp là tỉnh Nghệ An. Một mảnh đất với những bãi biển yên lành, những rặng núi xanh ngắt, những cánh đồng lúa xanh mướt, những cánh rừng xanh thẫm, Nghệ An nằm ở vùng cán xoong giữa biển Đông và những ngọn núi của dãy Trường Sơn dọc theo biên giới Lào về phía tây. Đó là mảnh đất của những đợt gió nóng khô và những cơn mưa lớn mùa thu làm đổ rạp những cọng lúa và ngập những cánh đồng của nông dân. Nghịch lý là tuy mảnh đất này rất đẹp nhưng lại rất khắc nghiệt đối với những cư dân ở đó. Người Việt Nam sống trên mảnh đất này tập trung tại eo đất nhỏ giữa bờ biển và rặng núi trong đó hơn 90 phần trăm là nông dân phải xoay xở từ mảnh đất của mình và tự thấy cuộc sống là phải tranh đấu. Đất ít, lại bạc màu và thường xuyên ngập mặn. Thiên tai luôn rình rập và mỗi khi xảy ra thiên tai nông dân lại bị rơi vào những hoàn cảnh tuyệt vọng.

Có lẽ điều này giải thích tại sao trong lịch sử người dân Nghệ An được coi là những người Việt Nam cứng cổ hay chống đối nhất, được đồng bào đặt cho tên lóng là*“trâu chọi xứ Nghệ”,*

Trong lịch sử, Nghệ An luôn đi tiên phong chống quân xâm lược cũng như kêu gọi nổi dậy chống lại kẻ cầm quyền không hợp lòng dân. Trong hai thập kỷ cuối thế kỷ XIX, Nghệ An trở thành một trong những trung tâm của phong trào kháng chiến chống Pháp. Nhiều người con ưu tú của Nghệ An đã chiến đấu và hy sinh dưới ngọn cờ của Phan Đình Phùng và phong trào Cần Vương.

Làng Kim Liên thuộc huyện Nam Đàn, trung tâm tỉnh Nghệ An, cách thị xã Vinh khoảng 16 cây số về phía tây. Huyện Nam Đàn nằm dọc theo bờ bắc sông Cả, con sông chính ở Nghệ An. Phần lớn địa hình ở đây bằng phẳng với những cánh đồng tắm nắng mặt trời vùng bán nhiệt đới vươn ra tới biển một vài dặm về phía đông, nơi những ngọn đồi nhỏ được che phủ bởi thảm thực vật rậm lá xanh xẫm nhô cao hơn vùng đồng bằng xung quanh. Những cây cọ tô điểm cho cảnh vật và tạo bóng mát cho những túp lều mái lá của những người nông dân nhấp nhô trong những xóm nhỏ. Trong mỗi xóm làng, những bụi chuối, gốc cam và những rặng tre là nguồn thức ăn khi cần và còn là nguyên vật liệu xây dựng. Trong thế kỷ XIX, hầu hết những người nông dân ở huyện Nam Đàn vẫn còn nghèo, bởi đây là nơi đông dân cư, đất ít lại bạc màu không đủ nuôi sống con người.

Chính tại đây vào năm 1863, Hà Thị Hy, vợ kế của người nông dân thuần thục nghề nông tên là Nguyễn Sinh Vương (đôi khi được gọi là Nguyễn Sinh Nhậm) - một người giỏi giang việc đồng áng, đã sinh hạ người con trai Nguyễn Sinh Sắc. Người vợ đầu của ông Vương mất trước đó vài năm sau khi sinh đứa con trai đầu lòng Nguyễn Sinh Trợ. Để nuôi con, ông Vương đã cưới Hà Thị Hy, con gái một gia đình nông dân làng bên. Khi lên bốn, Sắc đã mất cả cha lẫn mẹ và được ông Trợ - người anh cùng cha khác mẹ - nuôi dưỡng. Ông Trợ cày cấy trên mảnh đất của cha để lại. Đối với Trợ và những người hàng xóm, cuộc sống đồng áng thật khó khăn. Khi

có bão lớn, ruộng ngập nước, mùa màng bị phá huỷ, khi hạn hán cây lúa bị khô cằn. Do vậy, nhiều nông dân trong làng phải làm thêm những nghề phụ khác như nghề mộc, làm gạch, dệt vải hay nghề rèn. Ngoài ra, nơi đây còn có truyền thống hiếu học lâu đời. Một số nhà nho vùng này tham dự các kỳ thi quan, một số người khác mở các lớp để gõ đầu trẻ, thêm thắt cho số thu nhập ít ỏi của mình.

Thoạt đầu, cậu bé Nguyễn Sinh Sắc hầu như không có cơ hội bắt đầu sự nghiệp nho học. Mặc dù lịch sử giòng họ Nguyễn có truyền thống hiếu học đã được khắc bằng chữ Hán trên bức hoành phi bằng gỗ gắn bên cạnh bàn thờ gia tiên, ghi lại rằng ngày xưa đã có nhiều người đỗ đạt trong các kỳ thi. Nhưng trong những thế hệ gần đây không có một ai đỗ đạt trong các kỳ thi. Trợ - người anh cùng cha khác mẹ của Sắc - lại chẳng quan tâm gì đến học hành. Tuy vậy, Sắc rất ham học. Cuối buổi sáng, sau khi chăn trâu Sắc thường ghé qua trường của hàn sĩ Vương Thúc Mậu ở địa phương, buộc trâu lại rồi quanh quẩn ngoài lớp học, lắng nghe thầy giáo giảng bài. Thời gian rỗi, Sắc thường học chữ Hán bằng cách viết lên đất hay lên lá cây hồng.[8*]

Khi Sắc lớn, các làng đều biết tính hiếu học của Sắc và điều này khiến cho Hoàng Đường (còn gọi là Hoàng Xuân Đường), một nho sĩ làng Hoàng Trù bên cạnh thường đi qua con đường đất sang Kim Liên để thăm bạn là Vương Thúc Mậu, chú ý. Thấy chàng thanh niên mải mê đọc sách trên lưng trâu trong khi bạn bè chơi đùa trên đồng, Hoàng Đường đã nói chuyện với Nguyễn Sinh Trợ và nhận nuôi cậu bé ăn học mà ông dạy tại nhà. Trợ đồng ý. Năm 1878, vào tuổi mười lăm, Nguyễn Sinh Sắc chuyển tới làng Hoàng Trù và bắt đầu chính thức học kinh thư với người cha nuôi và cũng là người bảo trợ của mình. Điều này không phải là một sự kiện bất thường, theo tục lệ, hững bé trai thông minh xuất thân từ những gia đình

nông dân nghèo thường được họ hàng hay hàng xóm giàu có bảo trợ và được học chữ Nho trong trường làng. Nếu như những đứa trẻ thành công trong học tập và trở thành nho sĩ hay quan lại thì họ hàng và xóm cũng sẽ thơm lây bởi uy tín và ảnh hưởng của người đó.

Giống như những nho sĩ khác trong vùng, ông Cử Đường (dân trong vùng gọi ông), vừa là thầy giáo vừa là nông dân. Quê quán của dòng họ Hoàng từ tỉnh Hải Hưng, đồng bằng sông Hồng, phía đông nam Hà Nội, có nhiều người nổi tiếng về học hành. Sau khi tới Nghệ An vào thế kỷ XV, tổ tiên của Hoàng Đường tiếp tục truyền thống hiếu học của gia đình. Bố ông đã thi ba lần và cuối cùng đỗ tú tài (bằng cấp thấp nhất trong hệ thống thi cử Nho học, tương đương với bằng cử nhân tại Hoa Kỳ ngày nay).

Trong khi ông Hoàng Đường dạy học trò tại hai phòng ngoài trong ngôi nhà chật hẹp, vợ ông là Nguyễn Thị Kép và hai cô con gái Hoàng Thị Loan, Hoàng Thị An làm việc ngoài đồng và dệt vải để phụ thêm cho gia đình. Giống như những người phụ nữ khác trong thôn, cũng như nông thôn khắp cả nước, không có người phụ nữ nào trong gia đình Cử Đường được học hành tử tế, vì việc học hành và làm quan chỉ rảnh riêng cho nam giới. Điều này thể hiện nguyên tắc đạo Khổng bắt nguồn từ Trung Hoa lâu đời - trọng nam khinh nữ. Ở Việt Nam, giống như ở Trung Hoa, theo truyền thống người phụ nữ có bổn phận đóng vai trò người mẹ, người nội trợ cũng như phục vụ và giúp đỡ chồng. Nhưng không phải lúc nào cũng như vậy, vì phụ nữ Việt Nam trong xã hội thời ấy ngày càng bị hạn chế. Trong gia đình, họ có vị trí thấp hơn người chồng. Người chồng có toàn quyền, sở hữu tài sản, được phép lấy vợ bé nếu vợ cả không sinh được con trai.

Tuy những giới hạn đó, Nguyễn Thị Kép và hai cô con gái may

mắn hơn những người láng giềng vì có chút ít kiến thức văn chương. Bản thân gia đình Kép cùng có truyền thống hiếu học. Cha Kép đã đỗ tú tài giống như bố chồng. Là vợ của một nho sĩ địa phương, Kép được những người trong cộng đồng địa phương kính trọng và ghen tị. Tuy vậy, cuộc sống của Kép như những người con gái khác chẳng hơn gì những người trong làng ít may mắn cũng phải ngày qua ngày còng lưng trên những cánh đồng lầy lội ngoài làng, cần cù chăm sóc lúa cho đến mùa thu hoạch.

Sắc đã lớn lên trong không khí đồng quê ấy. Ông đã sớm chứng tỏ sự uyên thâm chữ Nho và khi Sắc thể hiện tình cảm với cô con gái đáng yêu của Cử Đường thì gia đình đã đồng ý tổ chức đám cưới mặc dù bà Kép lúc đầu dường như chưa bằng lòng vì Sắc mồ côi. Lễ cưới được tổ chức vào năm 1883. Thầy Đường tặng con rể một ngôi nhà tranh một gian hai chái với một mảnh đất nhỏ sát nhà ông và coi đó là của hồi môn. Một gian nhà nhỏ bên cạnh được dùng làm nhà thờ họ để những người đàn ông trong gia đình cúng tổ tiên. Gian nhà dựng cho đôi vợ chồng mới cưới thật gọn gàng và ấm cúng. Gian giữa để tiếp khách, bếp ở phía sau, gian ngoài để Sắc học. Gia đình tuy có phần khá giả hơn phần lớn các gia đình khác trong làng nhưng họ không thuê người làm ruộng. Bảy năm sau, trong khi chồng tiếp tục học, Hoàng Thị Loan đã sinh ba người con, người con gái đầu lòng tên Nguyễn Thị Thanh sinh năm 1884, người con trai Nguyễn Sinh Khiêm 1888 và sau đó vào ngày 19 tháng 5 năm 1890 sinh người con trai thứ hai tên là Nguyễn Sinh Cung sau này là Hồ Chí Minh. (Ở Việt Nam trẻ con khi sinh ra được đặt "nhũ danh". Khi trưởng thành bố mẹ sẽ đặt cho một tên mới thể hiện mong ước của mình đối với đứa trẻ).

Trong khi Nguyễn Sinh Sắc chuẩn bị thi thì theo truyền thống bà Loan, tiếp tục lo lắng công việc đồng áng và nuôi dạy con cái. Theo như lời của những người cùng thời, bà là một người siêng năng,

biết chăm lo cho gia đình, đây là hai đức hạnh Nho giáo truyền thống nhưng bà cũng rất giỏi và ham hiểu biết. Bà am hiểu văn học Việt Nam và thường ru con bằng những bài dân ca hay ngâm những câu thơ nổi tiếng trong truyện Kiều của Nguyễn Du, câu chuyện nghiệt ngã về tình yêu đôi lứa bị đạo đức cổ truyền trói buộc.

Năm 1891, Nguyễn Sinh Sắc đã tới thị xã Vinh thi tú tài, nhưng trượt. Tuy nhiên điểm số của ông rất khích lệ, ông lại học tiếp. Về làng, ông mở lớp gõ đầu trẻ để giúp đỡ gia đình. Bố vợ ông, thầy Đường mất năm 1893 làm cho gánh nặng kinh tế của gia đình thêm trầm trọng, Sắc buộc phải hoãn thi. Trong khi, chị cả làm các việc vặt trong gia đình, cậu bé Nguyễn Sinh Cung vui vẻ chơi đùa trên cánh đồng hoặc quanh quẩn xung quanh lớp học của bố. Vào buổi tối trước khi nằm trên võng, bà ngoại đã kể cho cậu nghe những câu chuyện về các vị anh hùng địa phương. Cung rất thông minh và nhanh chóng tiếp thụ tất cả.

Tháng 5 năm 1894, Sắc lên Vinh thi lần thứ hai và đỗ cử nhân, bằng cấp cao hơn tú tài (tương đương với thạc sĩ văn chương Hoa Kỳ). Thành công của Sắc là rất cao so với các nhà nho địa phương và khi trở lại làng Hoàng Trù ông được cấp một mảnh đất là phần thưởng truyền thống của làng dành cho những người đỗ đạt. Sắc đã nhận vì ông chỉ có ba mẫu ruộng là của hồi môn của gia đình vợ, tuy nhiên ông từ chối đề nghị tổ chức một bữa tiệc trọng thể, thay vào đó đề nghị phân phát thịt trâu cho người nghèo trong làng.

Thông thường những người có bằng cử nhân danh giá sẽ tìm một vị trí trong chính quyền để “vinh thân phì gia” nhưng Nguyễn Sinh Sắc đã chọn con đường tiếp tục học hành trong khi kiếm thêm thu nhập bằng cách dạy học. Theo truyền thống Nho giáo,

người vợ phải hy sinh cho chồng con - như trong thành ngữ "võng anh đi trước, võng nàng theo sau", đầy ý nghĩa của người Việt nam - Hoàng Thị Loan tiếp tục công việc đồng áng và nuôi gia đình.

Mùa xuân năm 1895, Nguyễn Sinh Sắc đi Huế tham gia kỳ thi hội, là bậc cao nhất trong hệ thống giáo dục Nho giáo. Ông trượt nhưng đã quyết định ở lại Huế để vào Quốc Tử Giám chuẩn bị cho lần thi tiếp theo. Quốc Tử Giám bắt đầu có ở Hà Nội từ những năm đầu của nền độc lập dân tộc và là nơi đào tạo những người muốn ra làm quan được triều đình bảo trợ. Sắc không đủ tiền trả học phí và cơm trọ nhưng may mắn là trường có một số học bổng ỉt ỏi đài thọ chi phí ăn ở và nhờ bạn bè giúp đỡ, ông được cấp một học bổng. Sắc quay về Nghệ An đón bà Loan và hai người con trai vào Huế mong rằng vợ có thể tìm được việc làm đỡ đần chi tiêu gia đình.

Thời đó, đi từ thị xã Vinh (tỉnh Nghệ An) đến Huế rất gian nan và nguy hiểm. Chuyến đi kéo dài khoảng một tháng và phải đi qua rừng rậm, núi cao có nhiều cướp. Đi bằng đường biển nhanh và thuận tiện hơn nhưng một nông dân nghèo như Nguyễn Sinh Sắc không đủ tiền mua vé thuyền. Do đó, gia đình đã quyết định đi bộ, mỗi ngày đi khoảng được ba mươi cây số và đi theo nhóm cùng với những người khác để phòng cướp và thú dữ. Với đôi chân nhỏ bé, cậu bé Cung mới năm tuổi rất khó khăn mới theo kịp mọi người nên đôi khi cha cậu phải cõng trong khi kể cho cậu nghe những chuyện về những nhân vật thần thoại và các vị anh hùng xưa của Việt Nam.

Huế, trước gọi là Phú Xuân, từng là đại bản doanh của chúa Nguyễn trị vì Nam Việt Nam trong suốt hai thế kỷ nội chiến. Sau khi nhà Nguyễn ra đời năm 1802, Vua Gia Long đã quyết định dời đô ra đó từ vị trí cũ ở đồng bằng sông Hồng, chứng tỏ quyết tâm

thống nhất nước nhà dưới sự cai trị của nhà Nguyễn. Một đô thị nhỏ nép mình bên hai bờ sông Hương giữa hai đồng bằng của hai con sông lớn, đã trở thành trung tâm hành chính sau khi triều đình rời đô về đó, tuy nhiên kinh đô mới nhỏ hơn nhiều so với kinh đô Hà Nội xưa (lúc đó gọi là Thăng Long), có lẽ số dân ở đó chưa tới mười nghìn.

Đến Huế, chắc đã kiệt sức, Nguyễn Sinh Sắc thu xếp tạm trú tại nhà một người bạn. Tuy nhiên, sau đó cả gia đình chuyển tới một căn phòng nhỏ ở phố Mai Thúc Loan, cách tường đông kinh thành không xa trên bờ bắc sông Hương. Quốc Tử Giám nằm trên bờ nam cách phía tây kinh thành khoảng ba cây số nhưng Sắc ít khi đến trường mà dành phần lớn thời gian học tại nhà. Lúc rảnh rỗi ông dạy các con trai và con của những viên chức trong vùng. Coi trọng việc học hành, đặc trưng cho xã hội Nho giáo, ông hết sức hối thúc các con trai, khuyên răn học hành chăm chỉ cũng như quan tâm đến chữ viết của các con. Theo lời hàng xóm, cậu bé Cung đã bắt đầu rất quan tâm đến thế giới quanh mình, cùng anh trai theo dõi lính triều đình luyện tập và cố gắng lẻn vào trong kinh thành để xem rõ hơn. Thấy kiệu vua rời cung trong một dịp lễ hội, cậu trở về hỏi mẹ liệu có phải vua đã bị thương ở chân hay không. Khi hỏi tại sao lại hỏi như vậy, Cung trả lời rằng cậu đã nhìn thấy nhà vua được phu khiêng trên kiệu.

Năm 1898, Sắc thi trượt kỳ thi hội lần thứ hai và quyết định tạm thời làm thầy giáo trong một trường học tại làng Dương Nỗ ngay phía đông kinh thành. Bà Loan, vợ ông, vẫn sống tại căn phòng nhỏ ở Huế dệt vải và giặt thuê để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Trường học ở Dương Nỗ được một phú nông trong làng xây dựng và người nông dân này đã cho phép hai con trai của ông Sắc học tại đó. Đây là lần đầu tiên hai chàng trai được học kinh thư chữ Hán.

Tháng tám năm 1900, Sắc được triều đình bổ nhiệm làm giám thị kỳ thi hương ở Thanh Hoá, một tỉnh lỵ cách kinh thành khoảng năm trăm cây số về phía bắc. Việc bổ nhiệm này là một vinh hạnh vì cử nhân thường không được phép làm giám thị. Người con trai cả của Sắc là Khiêm đã tới đó cùng ông, còn Cung thì ở lại Huế với mẹ. Khi từ Thanh Hoá trở về Huế, Sắc đã lưu lại làng Kim Liên - quê ông - một thời gian ngắn để xây mộ cho cha mẹ.

Quyết định này đã phải trả giá đắt. Ở Huế, vợ ông đã sinh con thứ tư, con trai tên là Nguyễn Sinh Xin (từ xin theo nghĩa đen là ăn xin). Tuy nhiên, việc sinh đẻ đã làm cho bà yếu đi và với thể trạng vốn đã ốm yếu, mặc dù đã được một lương y trong vùng chữa chạy, bà lâm bệnh và mất ngày 10-2-1901. Những người hàng xóm kể lại trong dịp Tết, cậu bé Cung vừa khóc vừa chạy từ nhà này sang nhà khác để xin sữa cho em và chỉ trong vài tuần lễ, vẻ vui tươi hàng ngày của cậu đã chuyển sang u sầu.

Được tin vợ mất, Sắc lập tức trở về Huế để đưa các con về làng Hoàng Trù, tại đó ông tiếp tục dạy học. Trong một thời gian dài, bé Cung tiếp tục học với cha, nhưng sau đó ông Sắc đã gửi cậu cho một người bà con xa bên ngoại là nho sĩ Vương Thúc Đỗ. Cậu bé Cung bắt đầu đạt được những tiến bộ đáng kể trong học tập. Cậu có thể nhận mặt được nhiều chữ Hán - là phương tiện quan trọng trong nền giáo dục Nho giáo vẫn được sử dụng để thể hiện tiếng Việt thường ngày - và rất thích tập viết. Cung rất nhanh trí và ham học hỏi tuy nhiên cha cậu lại lo ngại bởi đôi khi cậu mải chơi, chểnh mảng học hành. Có lẽ thầy giáo mới của Cung đã giúp cậu nhiều trong chuyện này. Vương Thúc Đỗ thật sự yêu quý và theo như người khác kể lại không bao giờ đánh đập các học trò của mình - là điều khác thường vào thời đó - và ông thường kể cho học trò của mình những câu chuyện về những vị anh hùng chính trực trong quá khứ, trong số đó có anh trai của ông là người đã tham

gia chiến đấu trong phong trào Cần Vương chống Pháp của Phan Đình Phùng.

Sau vài tháng ở Hoàng Trù, ông Sắc lại vào Huế, mẹ vợ ông là Nguyễn Thị Kép trông nom các cháu. Khi những người còn lại trong gia đình vào Huế, Nguyễn Thị Thanh, con gái ông, cũng ở lại làng với bà ngoại. Thanh đã trưởng thành nhưng chưa lấy chồng nên ở lại để giảm gánh nặng cho gia đình. Cung giúp đỡ việc nhà và vườn tược nhưng vẫn có thời gian vui chơi. Mùa hè, cậu cùng bạn câu cá trong ao làng, thả diều (nhiều năm sau, người làng vẫn kể lại rằng khi trời lặng gió các bạn của cậu đã chán còn Cung vẫn cố gắng giữ cho diều bay), và leo lên những ngọn núi ở vùng lân cận. Ngọn núi đáng nhớ nhất là núi Chung trên đỉnh có đền thờ Nguyễn Đức Dụ - vị tướng vào thế kỷ thứ mười ba đã chiến đấu chống quân Nguyên xâm lược. Cũng chính tại đây, năm 1885, nhà nho yêu nước Vương Thúc Mậu đã chiêu mộ một nhóm người nổi dậy chiến đấu dưới ngọn cờ phòng trào Cần Vương. Chính tại nơi đây, ông Sắc đã thấy niềm ham học của mình, từ đỉnh núi Chung, người ta có thể thấy được cảnh ngoạn mục những đồng lúa, những rặng tre và những cây cọ, và một dãy núi xanh thẫm dọc hướng tây. Trong thời niên thiếu đầy hạnh phúc của cậu bé Cung chỉ có một thời gian buồn khi đứa em trai Xin của cậu ốm yếu và mất khi tròn một tuổi.

Trở lại Huế, Nguyễn Sinh Sắc thi lại kỳ thi hội và lần này ông đã đỗ tiến sĩ, loại hai (phó bảng). Tin ông đỗ phó bảng đã gây xôn xao ở làng Hoàng Trù và Kim Liên quê ông. Người ta kể rằng kể từ giữa thế kỷ 17, các làng trong vùng đã có gần hai trăm người có học vị cử nhân và thạc sĩ nhưng ông là người đầu tiên đỗ phó bảng. Khi ông về làng Hoàng Trù, dân làng đã có kế hoạch tổ chức lễ rước nhưng ông, rõ ràng là không thích sự phô trương và lễ nghi, một lần nữa đã từ chối vinh hạnh đó. Mặc dù ông không

đồng ý, dân làng đã tổ chức một bữa tiệc lớn để ăn mừng sự kiện này. Tuy nhiên, ông đề nghị, chia một số thức ăn cho người nghèo.

Theo phong tục, vinh hạnh được thí sinh thi đỗ là thuộc về làng - quê hương của người cha. Và tất nhiên Sắc cũng vậy, điều này có nghĩa là làng được coi là “đất văn vật, chốn thi thư”, chính là làng Kim Liên, nơi bố ông sinh ra chứ không phải là làng Hoàng Trù là nơi ông sống. Để thưởng cho người con của làng, chức sắc làng Kim Liên đã dùng tiền công dựng một ngôi nhà gỗ mái lá nhỏ trên mảnh đất của làng và mời ông tới sống ở đó. Sắc đồng ý và sống trong ngôi nhà mới và dành cho mình cùng ba người coni. Ngôi nhà rộng hơn ngôi nhà của ông ở làng Hoàng Trù một chút có ba gian, một gian làm chuồng trâu, một gian nhỏ đặt bàn thờ bà Hoàng Thị Loan. Ngoài ngôi nhà ra, Sắc còn được vài mẫu ruộng và mảnh vườn nhỏ trồng khoai lang.

Trong xã hội Việt Nam xưa, học vị phó bảng là một vinh dự lớn đem lại danh tiếng và may mắn, thường là sự nghiệp quan trường. Tuy nhiên, Nguyễn Sinh Sắc không hề muốn ra làm quan, đặc biệt trong lúc nước nhà bị ô nhục. Từ chối làm quan trong triều với lý do đang để tang vợ, ông Sắc quyết định ở lại Kim Liên mở một lớp học nhỏ dạy chữ nho. Tiền dạy học đã ít ông Sắc còn gặp khó khăn hơn vì thường giúp những người nghèo trong làng. Tuy nhiên ông Sắc đã đổi tên thành Nguyễn Sinh Huy hay “sinh để huy hoàng” cho phù hợp với địa vị mới của mình.[9*]

Lên 11 tuổi, khi Cung chớm tuổi thanh niên, ông Sắc đã có một quyết định rất quan trọng đối với cuộc đời cậu. Theo phong tục của xã hội Việt Nam, để dánh dấu sự kiện này, cha cậu đã đặt cho cậu tên mới là Nguyễn Tất Thành, hay “người sẽ thành đạt”[10*] ghi trong sổ sách của làng. Lúc đầu cậu bé tiếp tục học với cha, nhưng sau đó được gửi tới học tại lớp học của bạn của cha cậu là Vương Thúc Quý, con trai nhà nho Vương Thúc Mậu - người đã

nhảy xuống ao tự vẫn để khỏi bị giặc Pháp bắt. Cũng là một người đỗ đạt giống như ông Sắc, ông Quý đã từ chối không ra làm quan và dạy học ở làng và bí mật tham gia các hoạt động lật đổ chính quyền bù nhìn Huế. Khi dạy học trò, ông phản đối cách dạy mô phạm truyền thống bắt học trò phải học thuộc lòng sách vở, thay vào đó rất quan tâm hướng học trò vào tính nhân đạo cốt lõi của sách thánh hiền, đồng thời khắc sâu trong óc các học trò tinh thần yêu nước nồng nàn đối với sự sống còn của nước Việt Nam độc lập. Để soi sáng thông điệp của mình trong tâm hồn các học trò, trước khi bắt đầu mỗi bài học ông thường thắp ngọn đèn trên bàn thờ cha trên tường lớp học.

Nguyễn Tất Thành trưởng thành dưới sự dạy dỗ của người thầy mới, viết những bài luận yêu nước dưới sự hướng dẫn của ông Quý và giúp những người thường tới lớp giảng bài về những chủ đề khác nhau. Thật không may, việc này không kéo dài được lâu, ông Quý đóng cửa lớp học và rời làng tham gia hoạt động nổi dậy. Thành đã theo học một thầy giáo khác ở làng bên trong một thời gian ngắn tuy nhiên cách dậy của thầy giáo mới quá cổ hủ đối với Thành và chàng thanh niên quyết định trở lại học với cha - người có thái độ vị tha hơn trong việc dạy học. Cũng như Vương Thúc Quý, ông Sắc phê phán lối học vẹt và cho rằng học một bài tả "hoa lá" là việc vô ích xa rời thực tế. Ông khuyên học trò không nên chỉ bước trên con đường quan trường mà cố gắng hiểu những điều cốt lõi trong sách thánh hiền để giúp đỡ đồng bào. Sắc đã nói với một người bạn" "Tại sao tôi phải bắt học trò của mình học thuộc bài chỉ để thi? Tôi sẽ không bao giờ dạy con mình cách đó".[11*]

Thành rất thích quan điểm của cha mình, bởi vì Thành rất thích đọc những pho truyện nổi tiếng của Trung Hoa như Tam Quốc diễn nghĩa, một truyền thuyết về chủ nghĩa anh hùng trong thời kỳ hỗn loạn sau khi nhà Hán suy vong, Tây du ký, kể về nhà sư Đường Tăng trên đường qua Trung Á tới Ấn Độ thỉnh kinh Phật. (Trong khi Thành học ở làng Dương Nỗ, một học trò lớn tuổi hơn

được giao nhiệm vụ trông nom Thành thấy rằng cần phải buộc một sợi dây vào Thành để biết Thành ở đâu mỗi khi Thành có ý định bỏ ra ngoài chơi. Và thường thì lúc đó Thành đã học xong bài).

Nguyễn Tất Thành không chỉ học trong lớp. Nhà của cha Thành nằm cạnh một lò rèn của người thợ trong làng tên là Diễn - người đã dạy Thành cách sử dụng bễ rèn và thường cho cậu bắn chim. Sở thích kể chuyện của Diễn đã biến lò rèn thành một trong những nơi tụ họp quen thuộc trong vùng. Thường vào buổi tối, Thành cùng các thanh niên khác trong làng ngồi nghe Diễn kể chuyện về anh hùng địa phương theo nhóm Cần Vương đã thất bại trong việc đánh đuổi bọn hung tàn khỏi mảnh đất quê hương như thế nào. Cùng với những người khác, Thành được nghe về những chiến công hiển hách của những chiến sĩ đã hy sinh từ lâu như Lê Lợi và Mai Thúc Loan, những người đã chiến đấu bảo vệ quê hương chống quân xâm lược. Thành xúc động lắng nghe chuyện Vương Thúc Mậu tự vẫn, và chuyện về người lãnh đạo phong trào Cần Vương Phan Đình Phùng đã chết vì bệnh lỵ vào năm 1895, đem lại kết thúc bi thảm cho phong trào khi quân của ông bị suy yếu phải lùi sâu vào núi dọc theo biên giới Lào. Thành cũng rất vui khi được biết một số người trong gia đình của cha mình đã chiến đấu và hy sinh cho sự nghiệp cứu nước.

Từ đó, Thành bắt đầu mang trong mình chủ nghĩa yêu nước nồng nàn. Khi còn sống với cha mẹ ở Huế, Thành đã tham dự một lễ tưởng niệm liệt sĩ tại một đền gần nơi ông ở. Họ là những tử sĩ chiến đấu chống Pháp và cũng như những người khác Thành đã rơi nước mắt trước sự hy sinh của họ.

Trở về làng vào năm 1901, Thành rất khó chịu khi phát hiện ra hầu hết các cuốn sách cổ đang được sử dụng ở làng đều kể về lịch

sử Trung Hoa thay vì lịch sử Việt Nam và quyết định đi bộ đến Vinh mua những cuốn sách nói về lịch sử đất nước mình. Khi thấy những cuốn sách đó quá đắt, Thành đã cố ghi nhớ những nội dung chính để có thể kể lại cho bạn bè khi trở về làng Kim Liên.

Mãi đến tận lúc bấy giờ, sự hiểu biết của Thành về người Pháp mới chỉ dừng lại ở sự quan sát của một đứa trẻ con trên những đường phố Huế, những người thời đó sau này kể lại rằng Thành tò mò không hiểu tại sao ngay cả những quan lại danh tiếng của Việt Nam đều phải cúi chào tất cả những người châu Âu, đôi khi Thành và anh trai mải mê theo dõi công nhân Pháp đang xây cầu sắt bắc qua sông Hương ngay phía đông thành. Thỉnh thoảng những người công nhân chơi đùa và cho các cậu bé kẹo khiến Thành hỏi mẹ tại sao lại có người nước ngoài lại thân thiện hơn so với những người khác. Tuy nhiên, khi trở về quê, Thành càng trở nên không thích người nước ngoài khi nghe thấy việc người Pháp đối xử tồi tệ với những người lao động làm thuê trên một con đường đang được xây dựng chạy vòng vèo từ phía tây qua các ngọn núi sang Lào. Trong khi Thành và anh trai là con của một người thuộc tầng lớp có học được miễn lao dịch trong các dự án thì nhiều dân làng khác đã không có được may mắn đó. Trong số đó, những người may mắn trở về nhà mang theo thương tật cả thể xác lẫn tinh thần. Nhiều người khác sức khoẻ bị tàn phá bởi bệnh sốt rét, suy dinh dưỡng và làm việc quá sức đã bỏ xác. Mặc dù lao dịch thường áp dụng đối với những người nông dân vào thời kỳ đầu thực dân, nhưng những dự án như vậy thường có quy mô vừa và thời gian làm việc cũng không dài. Con đường sang Lào - là “con đường chết chóc” nổi tiếng với người Việt - đã trở thành nguyên nhân chính khiến nhân dân phản kháng chế độ thuộc địa mới.

Một trong những người bạn thân thiết của Nguyễn Sinh Sắc là nhà nho yêu nước nổi tiếng Phan Bội Châu, sống cách Kim Liên vài

cây số. Cha của ông Châu đỗ tú tài, vì thế Châu được học hành từ nhỏ. Đối với Châu thì nỗi thống khổ của nước nhà còn quan trọng hơn hứa hẹn nơi quan trường. Khi còn trẻ, ông Châu đã lập một đội dân quân nhỏ gồm các thanh niên trong làng để tiếp bước cha anh chiến đấu chống quân Pháp xâm lược. Khi quân Pháp tiến vào làng đàn áp phong trào Phan Bội Châu coi như chính bản thân mình bị sỉ nhục, trốn vào rừng cùng đồng đội ẩn náu.

Sau đó, ông Châu tiếp tục học chữ nho và năm 1900 ông đỗ giải nguyên trong kỳ thi hội. Giống như Nguyễn Sinh Sắc, Phan Bội Châu cũng không muốn ra làm quan và ngay sau đó đã đi khắp các tỉnh miền trung đất nước chiêu mộ các sĩ phu cho phong trào liên kết chống lại triều đình phong kiến và chính phủ bảo hộ thực dân Pháp. Lúc này ông Châu bắt đầu đọc các tác phẩm của những người theo chủ nghĩa cải lương tiến bộ Trung Hoa như Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu và tin rằng Việt Nam cần học phương Tây để tồn tại.

Khi đi đó đây, Phan Bội Châu thường dừng lại ở làng Kim Liên để thăm Nguyễn Sinh Sắc và Vương Thúc Quý, cùng bàn thế sự. Với khả năng ăn nói lưu loát và tính tình niềm nở, ông Châu là một người ủng hộ sự nghiệp cứu nước đầy thuyết phục đã gây được ấn tượng đối với Thành. Thành thường mang bình rượu hay ấm trà vào phòng khách khi ông Châu và ông Sắc cùng nhau đàm đạo trên chiếc chiếu mây. Người thanh niên nhạy cảm này đã đọc một số bài viết yêu nước của ông Châu khích lệ tinh thần phản kháng, cũng như coi thường truyền thống phong kiến và sự mục nát của triều đình Huế.

Như nêu rõ trong các bài viết của mình, Phan Bội Châu cho rằng người Việt cần xoá bỏ hệ thống cũ tồn tại qua hàng nghìn năm để áp dụng những thể chế và công nghệ mới của nước ngoài. Tuy

nhiên, ông tin rằng chỉ có tầng lớp sĩ phu mới có thể lãnh đạo nhân dân tiến hành cải cách và để nhận được sự ủng hộ của nhân dân, phong trào của ông phải đi theo con đường kỳ diệu của những thế kỷ trước. Kết quả là, đầu năm 1904, ông đã thành lập một tổ chức gọi là Duy Tân Hội nhằm thu hút sự ủng hộ của các sĩ phu yêu nước trên khắp đất nước, ông đã chọn Hoàng thân Cường Để - một người bất đồng chính kiến trong hoàng tộc nhà Nguyễn - làm người lãnh đạo trên danh nghĩa của hội với mục tiêu đánh đuổi giặc Pháp, và thành lập nền quân chủ lập hiến.

Giống như những nhân vật tiến bộ đương thời ở Trung Hoa, Phan Bội Châu đã tìm được một mô hình cho chương trình của mình tại Nhật Bản nơi các thành phần theo chủ nghĩa cải lương thuộc tầng lớp quý tộc tập hợp xung quanh Nhật hoàng Minh Trị với mục đích thúc đẩy cải cách xã hội truyền thống Nhật Bản. Như nhiều người Việt Nam khác, ông thán phục thành công của quân đội Nhật trong cuộc chiến vừa diễn ra với quân Sa hoàng Nga, coi đó là bằng chứng của việc người châu Á có khả năng đánh bại xâm lược phương Tây. Ông Châu tin rằng Việt Nam có thể yêu cầu hỗ trợ từ bên ngoài để biến kế hoạch của mình thành hiện thực. Cuối năm 1904, ông tới Nhật Bản và thành lập một trường học ở Yahama để đào tạo những thanh niên Việt Nam yêu nước cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trong tương lai. Mùa hè năm sau, ông trở về Huế bắt đầu chiêu mộ người trên khắp đất nước.

Ngay sau khi trở về Việt Nam, Phan Bội Châu đã tới làng Kim Liên, đề nghị Nguyễn Tất Thành và anh trai tham gia phong trào Đông Du của mình. Tuy nhiên, Thành đã từ chối lời đề nghị đó. Theo một số tài liệu, Thành quyết định như vậy vì cho rằng dựa vào người Nhật Bản để đuổi người Pháp tương đương với việc “đuổi hổ cửa trước, rước sói cửa sau”, Một số tài liệu khác thì cho rằng quyết định đó chính là của cha Thành. Trong tự thuật của

mình, được viết với bút danh Hồ Chí Minh sau này đã giải thích rằng ông rất muốn tới Pháp để tìm hiểu tận nguồn bí quyết thành công của phương Tây.[12*]

Thành quyết định từ chối lời đề nghị của Phan Bội Châu có thể là do một trong những lời giải thích của ông Châu. Khi Thành hỏi làm thế nào mà Nhật Bản có được sự thành công về công nghệ, ông Châu đáp lại người Nhật bản đã học hỏi phương Tây. Ngay sau đó, Thành nói với cha rằng mình muốn học tiếng Pháp. Ông Sắc lúc đó chần chừ không muốn, vì lúc đó chỉ có những người Việt Nam cộng tác với Pháp mới phải lo học tiếng Pháp. Nhưng bản thân ông Sắc cũng bắt đầu hiểu sơ qua văn hoá phương Tây khi ông tham gia một câu lạc bộ bạn đọc và đọc những bài viết của các tác giả là những trí thức Trung Hoa theo chủ nghĩa cải lương tìm cách thuyết phục triều đình nhà Thanh thay đổi đường lối, nên cuối cùng ông đã bị thuyết phục bởi lập luận của con trai.

Lúc đầu, Thành có rất ít cơ hội để thực hiện mục tiêu mới của mình. Mùa hè năm 1905, Thành bắt đầu học tiếng Pháp và văn hoá Pháp dưới sự giúp đỡ của một người bạn của cha, cũng là nhà nho ở làng Kim Liên. Sau đó vào tháng chín, ông Sắc đã cho cả hai con theo học trường dự bị Pháp - Việt ở Vinh. Theo đề nghị của toàn quyền Paul Doumer, chính quyền Pháp đã quyết định thành lập các trường dự bị sơ cấp dạy tiếng Pháp và văn hoá Pháp tại tất cả các tỉnh miền trung Việt Nam. Chủ đích của Doumer là thu hút các học sinh từ trường dạy chữ nho để tạo nguồn nhân lực sau này cho chính quyền thuộc địa mới; các quỹ học bổng dành cho những học sinh khó khăn đã được thành lập. Nguyễn Sinh Sắc, tuy đã cố cống hiến toàn bộ sự nghiệp của mình cho nền giáo dục Nho giáo cổ truyền, lại bắt đầu tin rằng thế hệ trẻ cần phải thích nghi với thực tế mới và cần học những người chủ mới của đất nước. Ông thường trích lời Nguyễn Trãi - nho sĩ của thế kỷ XV - người từng

cho rằng để chiến thắng kẻ thù cần phải hiểu kẻ thù. Trong năm học sau đó, Thành và anh trai lần đầu tiên được thực sự làm quen với tiếng Pháp và văn hoá Pháp. Họ cũng bắt đầu học chữ quốc ngữ, là ngôn ngữ thường ngày Việt Nam được chuyển sang hệ chữ cái La-tinh, được các nhà truyền giáo dòng Chúa Cứu thế sử dụng lần đầu tiên vào thế kỷ 17 và được các sĩ phu tiến bộ truyền bá nhằm thay thế chữ Hán rắc rối đang được sử dụng trong nhiều thế kỷ.

Từ năm 1901, khi giành được học vị phó bảng, Nguyễn Sinh Sắc đã từ chối kiên quyết không ra làm quan với lý do sức khoẻ không tốt và nặng gánh gia đình, tuy nhiên khi được triệu vào triều vào tháng 5 năm 1906, ông thấy không thể từ chối được nữa nên đã nhận lời. Để người con gái trông nom ngôi nhà ở Kim Liên, ông Sắc trở lại kinh thành cùng với hai con trai vào tháng 6. Lần này họ lại đi bộ nhưng chắc thuận lợi hơn sơ với lần trước bởi hai cậu bé giờ đã đến tuổi trưởng thành. Trên đường đi, Sắc kể những câu chuyện về Nguyễn Trãi và các nhân vật lịch sử nổi tiếng khác trong khi Thành đố anh trai tên của những vị vua Việt Nam.

Kinh thành đã thay đổi khá nhiều so với trước. Hoàng thành, với những tường cao màu xám và cột cờ lớn, vẫn sừng sững nằm trên bờ bắc sông Hương êm đềm chảy dọc dưới nước từ những rặng núi trên dãy Trường Sơn ở phía tây. Trên những thuyền tam bản dọc sông, những cô gái làng chơi với mái tóc đen bồng bềnh làm người Việt Nam say đắm chào mời khách trên bờ sông. Tuy nhiên, cũng có một số thay đổi dễ nhận thấy. Mùa hè hai năm trước, một cơn bão lớn đã đổ vào toàn bộ khu vực duyên hải miền trung, phá huỷ cây cối để lại những vũng nước đầy rêu bên hai bờ sông. Dọc theo bờ Nam, ngang qua dòng sông phía kinh thành, những cửa hàng không có gì đặc biệt trong khu thương mại cổ của thành phố đã nhanh chóng được thay thế bởi những ngôi nhà kiểu châu Âu

được quét vôi trắng là nơi đặt văn phòng của các cố vấn Pháp.

Tới Huế, ông Sắc và hai con trai sống tạm tại nhà của một người bạn nhưng sau đó được phân một căn phòng nhỏ ở gần cổng chợ Đông Ba ở nam kinh thành. Ngôi nhà được dựng bằng gỗ có lợp ngói từng là trại lính, nay là nơi của các quan nhỏ trong triều. Phòng của ông Sắc nhỏ chỉ vừa đủ kê một chiếc bàn và một cái giường. Căn phòng không có bếp riêng và nước máy, do đó những người trong gia đình phải đi lấy nước giếng hoặc nước kênh gần kề ngay bên ngoài cổng chợ Đông Ba. Họ ăn uống đạm bạc, bữa ăn chủ yếu gồm cá kho mặn, rau, muối vừng và loại gạo rẻ tiền. Công việc nấu nướng do Thành đảm nhận. Mặc dù điều kiện ở đây tốt hơn nhiều so với phần lớn đồng bào của họ ở nông thôn nhưng rõ ràng điều kiện ăn ở của họ thật sơ sài so với những quan lớn trong triều.

Ngay sau khi tới Huế, ông Sắc đã nói chuyện với người đỡ đầu của mình là Cao Xuân Dục, một vị quan làm việc tại Viện Lịch sử và là người đã giúp đỡ ông trong lần đầu sống ở kinh thành. Nhờ sự can thiệp này tại triều đình, ông Sắc được bổ nhiệm làm thanh tra tại Bộ Lễ có trách nhiệm giám sát sinh viên trong Quốc Tử Giám. Đó không phải là vị trí có uy tín đặc biệt cho một người có bằng cấp như ông bởi phần lớn các phó bảng khoa 1901 đều đã được thăng tiến trở thành quan huyện hoặc các chức quan khác cao hơn trong triều. Tuy nhiên việc Nguyễn Sinh Sắc từ lâu đã từ chối ra làm quan khiến cho triều đình chú ý và nghi ngờ lòng trung thành của ông.

Đối với ông Sắc, thời gian làm việc trong triều rõ ràng là quãng đời rất khó chịu. Ông bắt đầu không thoải mái đối với nghĩa vụ phục vụ nền quân chủ bù nhìn trong tay kẻ thống trị ngoại bang. Ông băn khoăn về ý nghĩa đương thời của câu nói truyền thống

"trung quân ái quốc?" Ông bắt đầu trao đổi với bạn bè về sự cần thiết phải cách tân hệ thống cũ, vì theo ông đã ngày càng trở nên mục nát và không thích hợp, ông khuyên học trò không nên mưu cầu quan trường. Trong con mắt ông, sự hiện diện của quan lại chỉ để bức hại dân lành.

Nỗi thất vọng của Nguyễn Sinh Sắc về sự suy đồi của chế độ cũ rất có cơ sở. Mô hình hành chính Nho giáo luôn dựa vào đạo lý như là phương tiện để duy trì năng lực và sự liêm chính của các quan lại được tuyển chọn qua hệ thống thi cử. Trên lý thuyết, các quan địa phương, được thấm nhuần từ thời thơ ấu về một hệ thống các giá trị đạo đức xã hội dựa trên sự cống hiến cho cộng đồng, sự chính trực cá nhân và lòng nhân đức phải tuân theo những nguyên tắc này trong việc sử dụng quyền lực với các đối tượng dưới quyền. Khuynh hướng ngạo mạn và tự tư tự lợi của quan lại có thể được khống chế bởi người trị vì đầy nghị lực và lòng nhân đức đứng ở vị trí tối cao trong chế độ. Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ XIX, sự suy yếu của triều đình đã dẫn tới sự tan rã thật sự của các thể chế Nho giáo trong xã hội Việt Nam cũng như tới uy tín và quyền lực của nhà vua. Thiếu sự chỉ đạo từ Huế, quan lại dễ dàng lạm dụng quyền hạn vơ vét cho đầy túi, làm lợi cho bạn bè và người thân. Đất công dành cho gia đình nghèo giờ đây bị những người giầu chiếm đoạt và những người này được miễn - giảm tô hằng năm.

Ông Sắc không phải là Nho sĩ duy nhất không tuân lệnh triều đình. Lúc đó tiếng nói của vị quan trong triều Phan Chu Trinh lần đầu tiên được nhân dân biết tới. Ông Trinh đỗ phó bảng cùng năm với Nguyễn Sinh Sắc. Sinh tại tỉnh Quảng Nam năm 1872, ông Trinh là con út trong số ba người con trong gia đình. Cha ông là một quan võ đã từng thi trượt. Tin rằng con đường cũ là vô dụng, cha ông đã đứng trong đội ngũ phong trào Cần Vương nhưng sau

đó ông bị nghi là phản bội và bị những người nổi dậy hành quyết. Bản thân ông Trinh từng làm việc tại Bộ Lễ vào năm 1903, nhưng ông đã rất khó chịu về tệ tham nhũng và thiếu năng lực của quan lại triều đình và các quan nắm quyền hành ở nông thôn. Ông công khai nêu vấn đề này trước học trò đang chuẩn bị cho kỳ thi hội năm 1904. Ông bắt đầu nghiên cứu các bài viết của các nhà cải lương Trung Hoa và năm 1905 ông từ chức để đi khắp đất nước trao đổi với các sĩ phu về các hoạt động tương lai.

Cuối cùng ông Trinh gặp Phan Bội Châu ở Hồng Kông và cùng ông Châu tới Nhật Bản, ông Trinh ủng hộ nỗ lực của Châu trong việc đào tạo một thế hệ mới những trí thức Việt Nam nhằm cứu nước khỏi hoạ diệt vong, nhưng không tán thành quyết định của ông Châu dựa vào sự ủng hộ của một thành viên triều đình. Theo ông Trinh, nên hợp tác với người Pháp với hy vọng họ sẽ tiến hành cách tân để thay đổi xã hội Việt Nam. Tháng tám năm 1906 ông viết một bức thư gửi toàn quyền Paul Beau nói về những điều ông cho là “tình cảnh đặc biệt nguy cấp” của đất nước.

Trong thư, ông Trinh thừa nhận người Pháp đã mang lại một số lợi ích cho nhân dân Việt Nam bao gồm giai đoạn phát triển đầu tiên hệ thống giao thông liên lạc hiện đại. Tuy nhiên, ông cho rằng dung túng bộ máy quan liêu triều đình ở miền trung Việt Nam, chính quyền thuộc địa đã duy trì bộ máy tham nhũng mục nát và làm phức tạp thêm tình hình bởi việc đối xử trịch thượng và khinh miệt đối với nhân dân Việt Nam, do đó làm nảy sinh thái độ thù địch trong dân chúng. Ông Trinh đề nghị Toàn quyền Paul Beau cách tân hệ thống pháp luật và giáo dục để phá bỏ chế độ cũ và đưa vào các thể chế chính trị hiện đại cũng như khái niệm dân chủ phương Tây. Nếu làm được như vậy, nhân dân Việt Nam sẽ biết ơn ông mãi mãi.

"Với nỗi đau sâu thẳm từ đáy lòng và không biết bày tỏ sự thật với ai, tôi đành mượn ngòi bút viết những suy nghĩ thẳng thắn của tôi tới ông. Nếu chính phủ Pháp, thực sự muốn đối xử với nhân dân An Nam tự do hơn, họ nên chấp thuận sáng kiến và lời khuyên của tôi. Chính phủ Pháp sẽ mời tôi trình bày trước các đại diện của chính phủ về vấn đề này. Khi tới ngày đó, tôi sẽ cởi mở hết mình, sẽ cho họ biết chúng tôi đã chịu đựng đau khổ và cần những gì. Tôi thật sự hy vọng những điều đó sẽ thức tỉnh cũng như sự hồi sinh của dân tộc tôi".

Lá thư của Phan Chu Trinh được công bố đã gây chấn động giới trí thức trong nước, nhất là những nơi chống lại nhà cầm quyền thuộc địa đang phát triển. Đằng sau chiếc mặt nạ "sứ mệnh truyền bá văn minh", người Pháp ra sức khai thác các nguồn tài nguyên kinh tế Đông Dương và truyền bá nghi lễ ngoại lai gây ra sự bất bình trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Quan lại, sĩ phu tức giận vì việc người Pháp chỉ trích các thể chế Nho giáo. Nông dân nổi giận vì các loại thuế mới ban hành đánh vào rượu, muối và thuốc phiện mà chính quyền Pháp áp đặt biến Đông Dương trở thành một lãnh địa tự cung tự cấp. Thuế rượu rất nặng, người Việt Nam bị cấm nấu rượu từ gạo - một truyền thống sản xuất rượu thủ công lâu đời qua nhiều thế kỷ - và bắt họ phải mua các loại rượu đắt tiền nhập từ Pháp. Những người nông dân phải rời làng quê đi kiếm việc làm nhưng môi trường mới không đem lại kết quả tốt hơn. Điều kiện sống và làm việc trong các đồn điền cao su ở Nam Bộ rất khắc nghiệt, các phu đồn điền thường bị ốm và chết. Mặc dù việc mộ phu dựa trên nguyên tắc tự nguyện nhưng trên thực tế họ thường bị cưỡng bức. Tình cảnh của những người công nhân làm việc trong nhà máy hay tại các mỏ than cũng chẳng tốt hơn vì lương thấp, thời gian làm quá việc dài và điều kiện sống rất cùng cực.

Ấy thế Phan Chu Trinh vẫn hy vọng người Pháp sẽ thực hiện trách nhiệm truyền bá văn minh cho Đông Dương. Ông không phải là người duy nhất tìm kiếm câu trả lời từ phương Tây về nỗi thống khổ của dân tộc. Đầu năm 1907, một nhóm những người trí thức tiến bộ ở Hà Nội thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục theo khuôn mẫu của một trường mới được nhà cách tân Fukuzawa Yukichi thành lập ở Nhật Bản. Trường là một thể chế độc lập với mục đích khuếch trương tiến bộ phương Tây và tư tưởng của Trung Hoa trong thế hệ người Việt Nam sau này. Đến giữa hè năm đó, trường đã có hơn 40 lớp học với 1.000 học sinh. Trong khi đó Phan Bội Châu tiếp tục hoạt động tích cực tại Nhật Bản, thu hút thanh niên Việt Nam đến với chương trình đào tạo của mình và viết những cuốn sách nhỏ gửi về Đông Dương nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước của nhân dân. Trong số đó có cuốn Việt Nam Vong Quốc Sử. Thật trớ trêu, cuốn sách lại viết bằng chữ Hán.

Trong một vài tháng, các hoạt động của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục không hề bị quan chức Pháp ở Bắc Bộ để ý nhưng sau đó họ bắt đầu nghi ngờ rằng mục tiêu của trường không chỉ là giáo dục và buộc trường phải đóng cửa vào tháng 12. Tuy nhiên, người Pháp đã không làm gì để làm lắng xuống cuộc tranh luận sôi nổi giữa những người Việt Nam về việc bảo đảm sự tồn tại của đất nước. Bản thân Nguyễn Sinh Sắc cũng rất tức giận, khi nhận xét về một bài giảng tại Quốc Tử Giám, rằng làm việc cho triều đình là hình thức nô lệ tồi tệ nhất - quan lại chẳng là gì ngoài những kẻ nô lệ làm việc theo mệnh lệnh của một xã hội nô lệ. Tuy nhiên, ông Sắc thấy khó đưa ra một giải pháp. Nhiều năm sau, Hồ Chí Minh nhớ lại rằng cha ông thường hỏi đi hỏi lại rằng nước nào gười Việt có thể tìm kiếm sự giúp đỡ: Anh, Nhật Bản, hay Mỹ?

Ngay sau khi trở về Huế, theo lời khuyên của Cao Xuân Dục, ông Sắc đã cho hai con trai theo học trường tiểu học cấp hai thuộc

hệ thống giáo dục Pháp-Việt mới nằm ngay bên ngoài thành trước cổng chợ Đông Ba. Trường trước đây là một phần của chợ, nằm choán hết khu vực nhưng sau khi chợ được chuyển tới một địa điểm khác vào năm 1899 thì toàn bộ ngôi nhà được sử dụng làm trường học. Trường có năm phòng, bốn phòng được sử dụng làm lớp học và phòng còn lại làm văn phòng. Thực ra, Thành không có giấy chứng nhận để được theo học tại trường vì Thành chưa được giáo dục theo kiểu phương Tây, tuy nhiên vì Thành được thầy giáo ở làng Kim Liên dạy một ít tiếng Pháp và đã thể hiện rất tốt trong cuộc phỏng vấn nên đã được nhận vào học như một học sinh lớp đầu. Rõ ràng vốn tiếng Pháp của Thành chưa đủ để đọc những từ nổi tiếng của Cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái được ghi trên chiếc biển gắn trước cổng trường.

Các lớp được dạy bằng ba thứ tiếng: Việt Nam, Pháp và chữ Hán. Lên các lớp cao hơn thì tiếng Hán được sử dụng ít hơn. Một số người bảo thủ đã phản đối việc hạn chế vai trò tiếng Hán nhưng Thành và cha có lẽ rất vui lòng với quyết định đó. Thầy dạy tiếng Pháp của Thành ở Kim Liên đã khuyên Thành: "Nếu trò muốn đánh bại người Pháp thì trò phải hiểu họ. Để hiểu người Pháp, trò phải học tiếng Pháp".

Với đôi guốc mộc, quần áo nâu và mớ tóc dài, rõ ràng Thành là hình ảnh của một người nhà quê trong con mắt các bạn học - nhiều người trong số họ mặc quần chùng áo the hoặc mặc đồng phục kiểu phương Tây mua tại trường - nên Thành đã nhanh chóng quyết định cắt tóc ngắn và mặc quần áo giống như các bạn để khỏi bị chế nhạo. Thành đội mũ, bỏ chiếc nón lá gồi. Nhiều năm sau, một người bạn kể lại, Thành học rất chăm chỉ, ít chơi bời. Thành đã xin phép được làm bài tập sau mỗi buổi học tại nhà một thầy giáo và ôn bài cùng các bạn vào buổi tối. Một trong những người bạn của Thành kể lại, Thành thường nói với những

bạn chán học rằng "Chỉ có khổ học mới thành công". Thành học tiếng Pháp rất chăm chỉ, luyện âm với các bạn, viết những từ tiếng Pháp và tiếng Hán tương đương với những từ trong tiếng Việt vào vở. Do chăm học, chỉ một năm Thành đã hoàn thành khoá học hai năm.

Mùa thu năm 1907, Thành và anh trai đã thi đỗ, được theo học trường Quốc Học, là cấp cao nhất trong hệ thống trường Pháp-Việt tại Huế. Trường được thành lập theo chiếu chỉ của Vua Thành Thái năm 1896 và được đặt dưới quyền của toàn quyền Pháp ở Trung Kỳ. Trường có bảy cấp học, bốn cấp đầu quan trọng, và kết thúc ở cấp cuối cùng dành cho các học sinh cấp cao. Triều đình hy vọng việc thành lập trường có thể thay thế được Quốc Tử Giám cũng như để tạo ra nguồn nhân lực được đào tạo theo phương Tây cho triều đình do đó chương trình học tập được tập trung vào văn hoá Pháp và tiếng Pháp, những người dân địa phương đã đặt cho trường cái tên "trường địa đàng".

Trường Quốc Học, toạ lạc bên bờ nam sông Hương, nhìn thẳng qua sông là cổng chính Hoàng Thành, nhưng điều kiện sống và học tập không tương xứng với danh tiếng của nhà trường. Toà nhà chính, hồi trước từng là doanh trại bộ binh, xiêu vẹo với trần nhà lợp tranh, dột khi trời mưa. Toà nhà này có vài phòng học, một hội trường lớn, và một văn phòng. Xung quanh toà nhà là vài bụi tre và chòi lợp rạ. Cổng trường mở ra đường Jules Ferry, một phố chính chạy sát bờ sông, và nổi bật với cổng bằng gỗ hai tầng theo lối Tầu, với tên trường viết bằng chữ Hán.

Hoàn cảnh của các học sinh trong trường rất khác nhau. Một số giống như Thành và anh trai, là học sinh được cấp học bổng phải đi bộ tới trường. Một số khác là con cái trong gia đình giàu có, nội trú tại trường hoặc tới trường vào buổi sáng bằng xe ngựa. Theo

truyền thống thời đó, học sinh bị đối xử rất nghiêm khắc đôi khi còn tàn nhẫn. Hiệu trưởng đầu tiên là một doanh nhân tên là Nordemann. Ông đã lấy vợ Việt Nam và nói tiếng Việt. Người kế nhiệm tên là Logiou xuất thân từ lính Lê dương Pháp.

Mặc dù nhiều năm sau, Thành thường phàn nàn nhiều điều về trường cũng như về hành vi đối xử tàn nhẫn của một số giáo viên, nhưng Thành vẫn tiếp tục chăm chỉ học hành và có tiến bộ trong học tập. Thành học lịch sử, địa lý, văn học và khoa học trong khi tiếp tục nâng cao trình độ tiếng Pháp. Các bạn học của Thành thường kể lại rằng Thành luôn ngồi cuối lớp và thường không để ý tới gì xảy ra trong lớp. Nhưng Thành cũng nổi tiếng là người hay đặt câu hỏi trong lớp và giỏi ngoại ngữ nên được hầu hết các giáo viên yêu quý. Các bạn học cũng kể lại rằng một số câu hỏi của Thành rất khiêu khích vì Thành muốn tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của các tác phẩm của các nhà triết học thời phục hưng Pháp. Một trong những thầy giáo mà Thành yêu thích là Lê Văn Miên, mới tốt nghiệp trường Mỹ thuật Paris. Mặc dù Miên thường hay chỉ trích chính sách của chính quyền thuộc địa, sự hiểu biết của ông về văn hoá Pháp đã khiến cho ông có được tiếng tốt đối với người Pháp sống ở kinh thành và giúp ông không bị chính quyền khiển trách. Miên kể cho các học sinh tại trường Quốc Học rằng những người Pháp ở chính quốc xử sự nhã nhặn hơn so với người Pháp ở Đông Dương. Điều này đã khiến cho Thành rất thích thú bởi những câu chuyện về thành phố Paris vĩ đại với những thư viện và bảo tàng cùng với những cuốn sách viết về nhiều lĩnh vực mà bất kỳ ai cũng có thể tự do đọc. Những câu chuyện của Miên đã khích lệ người thanh niên đạt nhiều thành tích hơn và khiến cho Thành được một trong những thầy giáo ngợi khen là “một học sinh thông minh và thực sự xuất sắc”.

Tuy nhiên, cách ăn nói, phong cách nông dân của Thành làm

nảy sinh mâu thuẫn với các bạn thời thuộc giới thượng lưu. Họ thường giễu cợt Thành là anh chàng thộn vì giọng nói nặng tiếng địa phương. Lúc đầu Thành không phản ứng, nhưng trong một lần mất bình tĩnh Thành đã đánh một người trêu ghẹo mình. Thày giáo trách Thành mất bình tĩnh và khuyên Thành tập trung vào những chuyện có ích hơn như nghiên cứu các vấn đề quốc tế. Thực ra, Thành cũng đã quan tâm nhiều đến chính trị và sau mỗi buổi học Thành thường lui tới bờ sông, nơi những đám đông tụ tập tranh luận về những tin tức mới nhất về Phan Bội Châu và cùng nhau đọc thơ "Á Tế Á" của ông Châu ngợi ca một châu Á không có sự thống trị của người da trắng và kêu gọi người đọc tranh đấu vì độc lập dân tộc.

Người khơi dậy lòng yêu nước của Thành là thày Hoàng Thông dạy chữ Hán, người có quan điểm chống Pháp nổi tiếng trong trường. Ông Thông nói với các học trò trong lớp, hoạ mất nước còn tồi tệ hơn hoạ mất gia đình, bởi khi mất nước thì toàn bộ giống nòi sẽ bị tuyệt duyệt. Thành đã đến chơi nhà ông Thông và say sưa đọc những cuốn sách trong tủ sách trong đó có tuyển tập các tác phẩm của những tác giả là nhà cải lương người Pháp, Trung Hoa và Việt Nam. Theo một số tài liệu, Hoàng Thông đã tham gia các hoạt động chính trị bí mật, thiết lập mối quan hệ giữa Thành với nhóm kháng chiến chống triều đình và chính quyền thuộc địa Pháp.

Mặc dù mức độ tham gia của Thành vào các hoạt động đó không thể xác định được, nhưng rõ ràng Thành đã ngày càng lên tiếng chỉ trích nhà cầm quyền. Trong một số dịp, Thành đã công khai trước đám đông học sinh trong sân trường, chỉ trích thái độ hèn hạ của triều đình, đòi giảm các loại thuế nông nghiệp quá nặng đối với nông dân. Một học sinh tố cáo hành động của Thành cho nhà chức trách, Thành đã bị gọi lên văn phòng của giám thị và

bị khiển trách gay gắt.

Mùa thu năm 1907, tình hình chính trị ngày càng trở nên căng thẳng. Vua Thành Thái, được người Pháp đưa lên ngôi từ năm 1889, buộc phải thoái vị vì bị nghi ngờ có dính líu đến các hoạt động phiến loạn. Tuy nhiên, trong thành đã có những tin đồn rằng người kế vị mới tám tuổi của ông là vua Duy Tân còn có tư tưởng chống Pháp mạnh hơn. Mặc dù tuổi nhỏ, để thể hiện quyết tâm cách tân đất nước nhà vua đã chọn niên hiệu trong tiếng Việt nghĩa là "hiện đại hoá", một cử chỉ như để tuyên bố quan hệ gắn bó về tinh thần của ông với Vua Minh Trị của Nhật Bản.

Tuy vậy, đối với nhiều người Việt Nam tiến bộ, đã quá muộn không thể gắn triều đình với các hoạt động yêu nước. Nguyễn Quyến, sĩ phu trường Đông Kinh Nghĩa Thục, đã viết một bài thơ kêu gọi tất cả những người Việt Nam cắt tóc để biểu thị phản đối chế độ phong kiến cũ (lúc đó, nhiều người Việt Nam búi tóc, như vẫn thường làm nhiều thế kỷ trước). Thành lúc này bỏ học cùng bạn bè đi khắp các đám đông cắt tóc cho những người qua đường cho dù có nhiều người chẳng yêu cầu gì cả. Nhiều năm sau, Hồ Chí Minh vẫn nhớ bài ca của họ:

*Lược bên tay trái*

*Kéo bên tay phải*

*Cắt! Cắt!*

*Cắt bỏ sự ngu dốt*

*Bỏ đi sự đần độn*

*.Cắt! Cắt!*

Rõ ràng những hành động như vậy đã khiến nhà chức trách Pháp lo ngại, dẫn tới việc chính quyền ở Bắc Kỳ quyết định ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Cho tới lúc này, hầu hết bất mãn chủ yếu nảy sinh trong giới trí thức. Những tháng đầu năm 1908, thái độ bất mãn đã lan rộng sang khu vực nông thôn. Nông dân các tỉnh duyên hải miền Trung bắt đầu lên tiếng bất bình đối với việc tăng thuế, luật lao dịch và nạn tham nhũng của quan lại. Trong lá thư gửi cho Paul Beau, Phan Chu Trinh cảnh báo rằng quần chúng nhân dân bị quan lại địa phương áp bức, sách nhiễu đã phải sống trong "nỗi thống khổ". Ở một số vùng duyên hải, chế độ lao dịch rất hà khắc, chẳng hạn những người nông dân phải dành nhiều thời gian nạo vét cát ở các bến cảng sau khi bão tan. Vào giữa tháng 3, một đám đông đã tụ tập tại huyện đường của một viên quan huyện ở tỉnh Quảng Nam sau đó kéo tới thủ phủ Hội An từng là một cảng biển phát triển cách Đà Nẵng 20 km về phía nam. Phong trào phản kháng nhận được sự ủng hộ tích cực của những trí thức là những người bắt đầu mở trường học và các cơ sở thương mại trên khắp miền Trung Việt Nam nhằm trang bị kiến thức mới cho giới trẻ và để huy động tài chính cho các hoạt động của mình. Giờ đây họ bắt đầu kêu gọi nông dân không đóng thuế cho nhà cầm quyền.

Sau khi tin tức về cuộc biểu tình đầu tiên được phát đi, phong trào đã nhanh chóng lan rộng từ Quảng Nam ra các tỉnh lân cận. Đôi khi các cuộc biểu tình chuyển thành các cuộc bạo động. Những người chống đối chiếm giữ các toà nhà của triều đình hay nơi ở của quan lại địa phương. Đáp lại, triều đình đã huy động quân lính đến giải tán những người nổi loạn làm cho một số người bị chết và hàng trăm người bị bắt. Những người nông dân đã cắt tóc những người qua đường khiến cho các quan sát viên người Pháp đặt tên cho phòng trào là "cuộc nổi loạn của những người tóc ngắn".

Đến mùa xuân, làn sóng nổi dậy của nông dân bắt đầu lan tới cổng kinh thành Huế. Trong đầu tuần tháng 5, nông dân Công

Lương ở ngoại ô đã biểu tình chống thuế cao. Khi một viên quan địa phương cùng một toán lính tới nơi thì bạo loạn đã nổ ra và viên quan huyện đã bị bắt. Ngày hôm sau, một đám đông đã dẫn viên quan huyện trong chiếc cũi tre tới kinh đô và tập trung trước phòng làm việc của viên toàn quyền Pháp yêu cầu giảm thuế và bỏ lao dịch.

Đây là lần đầu tiên Thành trực tiếp tham gia hoạt động chính trị, Thành cũng đã theo dõi chặt chẽ các sự kiện tương tự thông qua mạng lưới truyền khẩu ở địa phương. Ngày 9 tháng 5, khi một nhóm học sinh tập trung bên bờ sông trước cửa trường Quốc Học theo dõi đám đông nông dân từ ngoại ô tràn vào thành phố, Thành bất ngờ túm lấy cổ áo hai người bạn và đề nghị cùng tham gia vào đám đông với tư cách là phiên dịch cho những người nông dân phản đối nhà cầm quyền Pháp. Trên đường vào kinh thành, Thành lật ngược chiếc mũ lá hàm ý cần phá bỏ hoàn toàn hiện trạng. Khi đám đông tới phòng làm việc của Khâm sứ Levecque thì tình hình đã rất căng thẳng, những người nông dân tức giận đối mặt với quan lại địa phương và lính tráng trong trạng thái căng thẳng. Bất ngờ viên quan chịu trách nhiệm ở đó ra lệnh cho toán lính xông tới dùng dùi cui đẩy lùi đám đông. Thành đứng hàng đầu cố gắng dịch yêu cầu của những người nông dân cho nhà cầm quyền, nên đã bị trúng vài gậy.

Khi đám đông tiếp tục tràn lên, Levecque đã đồng ý cho phép một đại diện của những người biểu tình vào phòng làm việc của mình để thương thuyết các điều kiện khiến đám đông có thể giải tán. Thành đã trở thành phiên dịch. Tuy nhiên việc thương thuyết đã thất bại, không giải quyết được bất đồng và những người bên ngoài từ chối giải tán ngay cả khi vua Duy Tân đã cố can thiệp. Cuối cùng thì quân Pháp đã tới và bắn vào những người biểu tình đang tập trung trên chiếc cầu mới xây bắc qua sông Hương, gây

nhiều tổn thất.

Đêm đó, Thành đã trốn ở nhà một người bạn. Hôm sau các bạn học ở trường Quốc Học, nhiều người trong số họ rõ ràng đã được kể về hành động hôm trước của Thành, cho rằng Thành sẽ nghỉ học nhưng khi chuông vừa reo lần thứ hai thông báo giờ học bắt đầu thì Thành bất ngờ xuất hiện và ngồi vào chỗ của mình. Lúc chín giờ sáng, một viên cảnh sát Pháp đã tới trường cùng một toán cảnh sát và hỏi về cậu "học sinh cao và đen" đã tham gia cuộc biểu tình ngày hôm trước. Khi nhìn thấy Thành đang ngồi phía cuối lớp, viên cảnh sát đã nhận ra Thành và nói "Tôi có lệnh yêu cầu người có hành vi quấy rối này phải thôi học". Đó là ngày cuối cùng của Thành đến trường.

Nhiều tuần sau sự kiện diễn ra tại Huế, cuộc khủng hoảng chính trị đã trở nên căng thẳng hơn. Cuối tháng 6, những người theo Phan Bội Châu định đảo chính bằng cách đầu độc các sĩ quan Pháp tham gia một bữa tiệc tại Hà Nội. Những người chủ mưu hy vọng rằng các lực lượng nổi dậy trong vùng có thể phát động một cuộc tổng khởi nghĩa khi tình hình rối loạn và chiếm các đồn bốt chủ chốt ở thành phố. Tuy nhiên, liều thuốc độc quá nhẹ không đạt được mục đích nên không có người Pháp nào tại bữa tiệc bị chết mặc dù một số bị ngộ độc. Hơn nữa, kế hoạch bị một trong những người thực hiện làm lộ khiến nhà cầm quyền Pháp tuyên bố thiết quân luật trên toàn bộ khu vực. Trong cơn hỗn loạn sau đó, quân của ông Châu ở các vùng ngoại ô phải giải tán trong khi những người khác bị nhà cầm quyền bắt. Mười ba người tham gia bị hành quyết trong khi nhiều người khác bị tù trong nhiều năm. Các quan chức hoang mang đã bố ráp tất cả các sĩ phu bị tình nghi có thiện cảm với phong trào và thậm chí Phan Chu Trinh cũng đã bị bắt tại Hà Nội và bị đưa vào Huế xét xử. Công tố viên muốn ông bị hành quyết, nhưng nhờ sự can thiệp của viên toàn quyền nên

ông chỉ bị tù chung thân và bị giam tại Côn Đảo. Đầu năm 1911, ông được trả tự do và được phép sống lưu vong tại Pháp.

Sau cuộc bạo động, Nguyễn Sinh Sắc bị khiển trách vì các "hành động của hai con trai tại trường Quốc Học". Là phó bảng cùng khoá với Phan Chu Trinh, ông Sắc cũng bị triều đình theo dõi chặt chẽ, tuy nhiên triều đình đã không tìm thấy mối liên hệ cụ thể nào với ông giữa sự kiện đó. Thực hiện ý đồ chuyển ông khỏi Huế, mùa hè năm 1909, ông được chỉ định làm quan huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, cách kinh thành 320 cây số về phía nam. Mặc dù khá trù phú, vùng này từng diễn ra cuộc nổi loạn lớn chống lại nhà Nguyễn và nay là nơi giam giữa những kẻ du đãng và chống đối. Anh trai của Thành là Khiêm cũng bị quản thúc và đến năm 1914 bị kết tội mưu phản và bị tù vài năm. Ngay cả chị gái của Khiêm đang sống ở Kim Liên cũng bị thẩm vấn và bị nghi ngờ đã chứa chấp những người bị tình nghi là đồng loã trong cuộc bạo loạn.

Sau khi bị đuổi học, Thành đã biệt vô âm tín trong vài tháng. Có tin một người bạn đã cố tìm cho Thành một việc làm tại một mỏ đá vôi nhưng không được, vì Thành đã nằm trong sổ đen của cảnh sát. Có thể là Thành đã tìm được việc làm hay sống với bạn bè tuy nhiên Thành đã không trở về quê vì nơi đó đang bị nhà cầm quyền theo dõi.

Cuối cùng, Thành quyết định rời bỏ Trung Kỳ đi về phía nam tới Nam Kỳ, thuộc địa của Pháp, để tránh sự theo dõi chặt chẽ của triều đình. Có thể là Thành đã quyết định ra nước ngoài tìm hiểu bí quyết thành công của phương Tây tận nguồn, trong trường hợp đó nơi an toàn nhất để ra đi là cảng Sài Gòn, một cảng thương mại phát triển do người Pháp thay triều đình kiểm soát. Tháng 7 năm 1909, trên đường đi, Thành đã dừng lại ở Bình Khê, nơi cha Thành đã nhậm chức quan huyện. Để tránh bị bắt, Thành đã đi bộ suốt

quãng đường từ Huế và làm các việc vặt kiếm sống. Tuy nhiên, theo một số tài liệu, cuộc gặp gỡ giữa hai cha con không được suôn sẻ vì ông Sắc lúc đó rất buồn và bắt đầu uống rượu. Ông Sắc đã trách con trai về những hành động đó và đánh con.

Sau khi dừng chân trong một thời gian ngắn ở Bình Khê, Thành đã tới thị xã duyên hải Quy Nhơn, ở lại nhà Phạm Ngọc Thơ - bạn cũ của cha. Thành đã được học trong một thời gian ngắn tại trường địa phương và sau đó theo gợi ý của chủ nhà đã thi giáo viên trong một trường làng sử dụng tên Nguyễn Sinh Cung để khỏi lộ danh tính. Người đứng đầu hội đồng thi đã từng dạy Thành khi còn học ở trường Đông Ba ở Huế rất thiện cảm với Thành, tuy nhiên bằng cách nào đó viên toàn quyền tỉnh đã phát hiện ra mưu mẹo của Thành và đã gạt tên Thành ra khỏi danh sách thi.

Thất vọng không tìm được việc làm ở Quy Nhơn, Thành tiếp tục đi về phía nam tới thị xã cảng Phan Rang. Tại đây, Thành gặp sĩ phu Trương Gia Mỗ - người đã từng làm việc trong triều với Nguyễn Sinh Sắc tại Huế và cũng là bạn của Phan Chu Trinh. Thành rất muốn rời đất nước càng sớm càng tốt, tuy nhiên ông Mỗ đã thuyết phục Thành làm giáo viên tại trường Dục Thanh cách Phan Thiết khoảng 100 cây số ngay phía bắc ranh giới giữa Trung Kỳ và Nam Kỳ. Vì hết tiền đi đường nên Thành đã nhận lời. Tuy nhiên trước khi tới Phan Thiết, Thành đã chứng kiến một sự kiện rất xúc động. Khi một cơn bão ập vào cảng Phan Rang, các quan Pháp ra lệnh cho công nhân cảng lặn xuống nước để cứu tàu. Theo Hồ Chí Minh thuật lại sau này, rõ ràng những người châu Âu đã rất thích thú khi đứng trên bờ nhìn nhiều người Việt bị chết đuối khi lặn xuống nước.

Trường Dục Thanh do các sĩ phu yêu nước địa phương thành lập năm 1907 với hy vọng có được sự thành công như trường

Đông Kinh Nghĩa Thục. Trường nằm trên bờ nam sông Phan Thiết cách biển Đông khoảng 5 cây số. Gian nhà chính xây bằng gạch trên mảnh đất của một thi sĩ mới mất. Trường do hai người con của thi sĩ trông nom, gần đó có một hiệu sách phục vụ trường và là nơi bán sách báo truyền bá tư tưởng mới của các nhà cải lương. Trước cửa hiệu sách có ghi khẩu hiệu “Xóa bỏ cái cũ, xây dựng cái mới và kiểu mẫu”. Các lớp trong trường dạy chữ quốc ngữ tuy nhiên cũng có lớp học bằng tiếng Pháp và tiếng Hán. Học sinh trường còn học các môn khoa học xã hội, tự nhiên, nghệ thuật và thể dục.

Trong khi vẫn phải lẩn tránh lực lượng an ninh triều đình, Thành đã tới Phan Thiết trước Tết nguyên đán đầu năm 1910, bắt đầu dạy chữ Hán và chữ quốc ngữ. Là giáo viên trẻ nhất trong trường, Thành còn có một số trách nhiệm khác như dạy võ. Theo các học sinh trong trường nhớ lại, Thành là một giáo viên được nhiều người quý mến, tôn trọng học sinh và thường khuyên các bạn đồng nghiệp không nên đánh hay làm cho học sinh sợ hãi. Trong bộ quần áo ngủ mầu trắng và đôi guốc mộc, Thành sử dụng phương pháp của Socrat để khuyến khích học sinh động não và thể hiện suy nghĩ của bản thân. Thành cũng dẫn dắt học sinh đến với tư tưởng của Voltaire, Montesquieu và Rousseau, những người mà Thành đã hấp thụ qua tác phẩm của họ từ khi còn học ở trường Quốc Học Huế. Ngoài giờ học, Thành là người dễ gần gũi, cùng ăn với các học sinh và giáo viên khác trong đình của trường. Thành ở nội trú, sống như một học sinh. Thành thường dẫn học sinh đi thăm những di tích lịch sử, đi chơi trong rừng hay dọc theo bờ biển những vùng lân cận. Tuy nơi đó là phong cảnh đồng quê nhưng có mùi khó chịu do xưởng nước mắm trong vùng đôi khi nồng nặc làm ảnh hưởng tới việc học tập.

Chương trình giảng dạy của trường mang tính dân tộc chủ

nghĩa. Buổi sáng, mỗi lớp cử một học sinh lên hát một bài yêu nước, sau đó tất cả mọi người thảo luận về bài hát. Thành đưa ra những chủ đề về lịch sử Việt Nam trong các bài giảng của mình và những câu thơ trong các bài thơ nổi tiếng như bài hớt tóc và bài thơ “Á Tế Á” của Phan Bội Châu. Bắt đầu buổi học Thành yêu cầu các học sinh đọc những câu thơ trong hợp tuyển thơ ca của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

*Non sông thẹn với nước nhà,*

*Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu…*

*Cũng có lúc bầm gan tím ruột,*

*Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra.*

*Cũng xương cũng thịt cũng da*

*Cùng hòn máu đỏ, giống nhà Lạc Long.*

Tuy nhiên, đối với cả nước nói chung, chủ đề gây nhiều tranh luận không phải là mục tiêu độc lập dân tộc mà làm thế nào để đạt được mục tiêu cuối cùng đó. Các giáo viên trong trường chia làm hai phe giữa những người ủng hộ cách giải quyết vấn đề theo chủ nghĩa cải lương của Phan Chu Trinh và những người ủng hộ kế hoạch kháng chiến bạo lực của Phan Bội Châu. Nguyễn Tất Thành là một trong số ít người không đứng về phía nào cả. Như ông viết sau này, ông muốn ra nước ngoài tìm hiểu tình hình trước. Theo một nguồn tin của Việt Nam ông tỏ ra kính trọng cả Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu nhưng ông lo ngại cách tiếp cận của hai người này. Ông không tán thành việc Phan Chu Trinh tin vào thiện chí của người Pháp, coi đó là ngây thơ và cũng không tán thành với việc Phan Bội Châu dựa vào Nhật bản và các thành viên triều đình vì cho rằng làm như vậy là lạc hướng.

Đầu năm 1911, trước khi năm học kết thúc, Nguyễn Tất Thành biến mất. Lý do chính xác cho việc ra đi bất ngờ của Thành không

được rõ ràng mặc dù có thể điều này liên quan đến tin cha của Thành tới Nam Kỳ. Đầu năm 1910, ông Sắc bị bãi nhiệm ở Bình Khê. Nhậm chức ở đây mùa hè năm trước, ông được nhân dân yêu quý, ông đã trả tự do cho những tù nhân bị bắt vì tội tham gia các cuộc biểu tình, bảo vệ những người nông dân trước bọn địa chủ tham tàn và trừng phạt những kẻ ức hiếp dân chúng. Ông đối xử nhân hậu với những người phạm tội vặt và cho rằng thật là ngớ ngẩn để mất nhiều thời gian cho chuyện này trong khi toàn bộ đất nước đã bị mất. Nhưng ông rất cứng rắn trong các bản án giành cho những kẻ giàu có và có quyền thế. Một lần vào tháng Giêng năm 1910 ông đã ra lệnh đánh một nhân vật có thế lực trong vùng 100 roi. Vài ngày sau khi người đàn ông này chết, họ hàng của ông ta kêu oan lên bạn bè trong triều và ông Sắc đã bị triệu về Huế xét xử. Ngày 19 tháng 5, hội đồng nhiếp chính buộc tội ông lạm dụng quyền lực đã phạt đòn và giáng chức ông xuống bốn cấp. Đến tháng 8, bản án chuyển thành giáng cấp và chính thức bãi nhiệm. Để sống, ông Sắc đã dạy học trong thời gian ngắn ở Huế. Đối với bạn bè ông không tỏ vẻ cay cú về việc mất chức, như ông kể lại với một người quen: “Khi nước mất làm thế nào anh giữ được nhà của mình”. Tháng riêng năm 1911, ông gửi thư cho nhà chức trách Pháp yêu cầu được tới Nam Kỳ, có thể là với hy vọng được gặp con trai. Tuy nhiên, yêu cầu của ông đã bị nhà chức trách từ chối có thể do nhà chức trách nghi ngờ rằng ông có liên quan tới các hoạt động nổi dậy. Theo một báo cáo của cảnh sát Pháp lúc đó:

*“Nguyễn Sinh Sắc rất có khả năng là đồng đảng của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và nhiều ngước khác. Con trai của Sắc, hai năm trước là học sinh ở Đông Ba, đã bất ngờ biệt tích. Người ta cho rằng anh ta đang ở Nam Kỳ. Nguyễn Sinh Sắc có thể có ý định tìm gặp anh ta và Phan Chu Trinh”.*

Ông Sắc đã tảng lờ việc nhà chức trách từ chối lời đề nghị và

ngày 26 tháng 2 năm 1911 ông đã tới Tourane (tên mới của Đà Nẵng do người Pháp đặt) và lên một con tàu tới Sài Gòn, tại đó ông dạy tiếng Hán và mở cửa hàng thuốc bắc kiếm sống tại đây.

Liệu Nguyễn Tất Thành có biết quyết định của cha tới Nam Kỳ khiến cho Thành rời Phan Thiết để tới Sài Gòn với hy vọng gặp được cha ở đó hay không? Một trong những bạn của Thành ở trường sau này kể lại,Thành đã chuẩn bị ăn Tết với cha. Hay Thành sợ rằng danh tính thực của mình đã bị nhà chức trách địa phương phát hiện ra và họ đã theo dõi trường học nên nói vậy. Chưa thể khẳng định nhà chức trách có biết Nguyễn Tất Thành đã dạy học tại trường hay không, tuy nhiên, ngay sau khi Thành biến mất, một viên quan Pháp đã tới trường hỏi Thành đi đâu, nhưng Thành đã không để lại một manh mối về việc ra đi của mình cho các học sinh mà đã ra đi ngay sau khi viết giấy báo lại cho học sinh rằng các cuốn sách của Thành phải trả lại cho một giáo viên khác. Bạn bè ở trường sau này phỏng đoán rằng có thể Thành đã rời Phan Thiết trên một chiếc tàu chở nước mắm đi Sài Gòn. Ít lâu sau, trường bị nhà chức trách buộc tạm đóng cửa.

Vài ngày sau khi rời Phan Thiết, Nguyễn Tất Thành đã tới Sài Gòn. Thành phố đã mở rộng tầm mắt cho người thanh niên quê mùa Nghệ An. Từng là một thương cảng nhỏ trên sông Sài Gòn, sau khi người Pháp chiếm đóng, thành phố được chọn làm thủ phủ của thuộc địa mới ở Nam Kỳ. Khi dân số thuộc địa tăng nhanh chóng - vào năm 1910, Nam Kỳ có dân số bằng một phần tư tổng số 12 triệu dân sống trên toàn bộ ba miền Việt Nam, thành phố Sài Gòn phát triển theo và tới năm 1900 đã trở thành thành phố lớn nhất ở Đông Dương của Pháp sau Hà Nội. Ngay sau đó Sài Gòn đã vượt kinh đô cũ với dân số khoảng vài trăm nghìn người.

Tăng trưởng của thành phố chủ yếu dựa vào lợi thế kinh tế.

Trong những năm người Pháp chiếm đóng, Nam Kỳ trở thành nguồn lợi của tầng lớp doanh nhân gồm những người châu Âu và Việt Nam, kể cả những người Hoa mà tổ tiên của họ đã tới đây sinh sống từ nhiều thế kỷ trước. Phần lớn lợi nhuận thu được là các đồn điền cao -su dọc biên giới Campuchia (giống cây cao su được mang tới Đông Dương từ Brasil suốt 25 năm cuối thế kỷ XIX), và mở rộng diện tích trồng lúa nhờ nỗ lực của người Pháp trong việc cải tạo các kênh đào, đầm lầy ở đồng bằng sông Cửu Long. Các địa chủ giàu có mua những mảnh đất hoang sơ đó rồi cho nông dân thuê lại với giá cắt cổ (phần lớn nông dân là những người di cư đến từ những tỉnh đông dân phía bắc). Thóc người nông dân thuê đất trả cho địa chủ đất sau đó được chế biến tại các máy xay lúa của người Hoa và được chở tới các tỉnh phía bắc hoặc được xuất khẩu. Trong 25 năm đầu của thế kỷ XX, Nam Kỳ là nơi xuất khẩu gạo lớn thứ ba trên thế giới.

Bị thu hút bởi lợi nhuận thu được từ kinh doanh cao su và và lúa gạo, hàng nghìn người châu Âu đã tới sống ở Sài Gòn với hy vọng tìm được may mắn cho chính mình. Tại đây họ cạnh tranh với các thương nhân Trung Hoa và giai cấp tư sản Việt Nam mới giàu lên cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho dân cư đang gia tăng. Với các xưởng dệt, nhà máy sản xuất xi măng và các nhà máy chế biến thực phẩm, Sài Gòn nhanh chóng trở thành trung tâm công nghiệp và thương mại quan trọng của Việt Nam. Tại trung tâm thành phố, mọc lên các toà nhà lớn mang phong cách kiến trúc tỉnh lẻ của Pháp và là văn phòng của các quan chức thuộc địa. Những đại lộ lớn nằm vuông góc với nhau, với những hàng cây chắn ánh sáng mặt trời nhiệt đới nóng bỏng. Đằng sau những bức tường cao là những ngôi nhà to đẹp của những người châu Âu và một số người Việt Nam - những người làm giàu nhờ sự có mặt của người nước ngoài. Còn lại đa số là công nhân trong các nhà máy, công

nhân bốc vác, người kéo xe tay, những người nông dân tha hương đến từ vùng ngoại ô, phải sống chui rúc trong những ngôi nhà ổ chuột bẩn thỉu dọc kênh Bến Nghé và ngoại vi thành phố.

Khi tới Sài Gòn, Thành ở nhờ tại một kho thóc cũ. Chủ nhân Lê Văn Đạt là một người sản xuất chiếu có quan hệ với các giáo viên trường Dục Thanh ở Phan Thiết. Tại đó Thành đã tìm được cha đang tạm sống trong một kho hàng cho tới khi tìm được nơi ở ổn định. Thông qua các mối liên hệ khác ở trường, Thành chuyển tới một ngôi nhà trên phố Châu Văn Liêm, gần cảng Sài Gòn, một khu ổ chuột với những ngôi nhà mái tôn lụp xụp nằm giữa một con kênh và sông Sài Gòn. Được cha khuyến khích, Thành bắt đầu vạch ra kế hoạch đi ra nước ngoài. Vào tháng ba, Thành được biết người Pháp đã thành lập trường học vào năm 1904 dạy nghề thợ mộc và cơ khí. Với hy vọng dành đủ tiền cho chuyến xuất ngoại, Thành nộp đơn xin học, nhưng phát hiện khóa học 3 năm, Thành đã bỏ học đi bán báo cùng một người cùng làng Kim Liên tên là Hoàng.

Làng công nhân nơi Thành sống, gần bến Nhà Rồng của Sài Gòn nơi những chiếc tàu chở khách lớn cập bến trên đường tới châu Âu và các hải cảng khác ở châu Á. Thành đã quyết định tìm việc làm trên một trong những con tàu đó để có thể ra nước ngoài. Nhiều năm sau Hồ Chí Minh đã miêu tả trong cuốn tự thuật viết dưới bút danh Trần Dân Tiên:

*"Trong khi tôi (một người bạn của Thành, được tác giả trích lời) chuẩn bị kết thúc việc học hành tại trường Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn… tôi đã gặp một thanh niên từ miền Trung Việt Nam tới. Tôi gặp anh ta tại nhà của một người bạn, vì bằng tuổi nhau nên chúng tôi đã nhanh chóng trở thành bạn thân. Tôi dẫn anh ta tới trước cửa một quán café mà người Pháp thường lui tới và cùng nhau ngắm nhìn ánh*

*đèn điện. Chúng tôi đi xem phim. Tôi đã chỉ cho anh ta những đài phun nước công cộng. Rất nhiều thứ mà chàng trai trẻ Quốc Nguyễn Tất Thành trước đây chưa từng thấy. Vào một ngày tôi mua cho Quốc một vài cây kem. Quốc rất ngạc nhiên bởi vì đó là lần đầu tiên Quốc được ăn kem.*

*Vài hôm sau, đột nhiên Quốc hỏi tôi:*

*"Này Lê, anh có yêu nước không?"*

*Rất ngạc nhiên tôi đã trả lời "tất nhiên rồi"*

*"Anh có giữ được bí mật không"?*

*"Được"*

*"Tôi muốn ra nước ngoài để tới Pháp và một số nước khác, khi tôi biết được họ làm gì ở đó tôi sẽ trở về giúp đỡ đồng bào. Nhưng nếu tôi đi một mình sẽ có nhiều rủi ro, chẳng hạn tôi có thể bị ốm…Anh có muốn đi cùng tôi không?"*

*"Nhưng chúng ta lấy đâu ra tiền để đi?"*

*"Tiền của chúng ta ở đây" và Quốc chìa đôi bàn tay ra. "Chúng ta sẽ làm việc, chúng ta sẽ làm bất cứ những gì cần thiết để sống và đi. Anh sẽ cùng đi với tôi chứ",*

*Bị thuyết phục bởi sự nhiệt thành tôi đã đồng ý. Tuy nhiên sau khi ngẫm nghĩ hồi lâu về những điều có thể xảy ra trong chuyến đi tôi đã không còn đủ can đảm để giữ lời hứa.*

*Vài ngày sau, tôi không gặp lại anh bạn nữa. Tôi đoán là anh ta đã đi ngoại quốc. Anh ta đi bằng cách nào? Tôi không biết. Về sau, tôi chỉ biết người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy là Nguyễn Ái Quốc, là Hồ Chủ tịch của chúng ta ngày nay".*

Vài tháng sau, Thành thường tới bến cảng quan sát những con tàu cập và rời bến. Tại đây có hai công ty tàu hơi nước với các con tàu hoạt động ngoài khu vực Sài Gòn - là công ty Messageries

Maritimes và Chargeurs Reunis. Công ty Chargeurs Reunis thuê người Việt Nam làm công việc bồi bàn hoặc phụ bếp trên tàu và công ty quảng cáo rằng hành trình của tàu có đi qua các thành phố lãng mạn như Singapore, Colombo, Djibouti, Port Said, Marseilles, và Bordeaux. Qua một người bạn ở Hải Phòng làm việc cho công ty, Thành đã được thuyền trưởng tàu khách Admiral Latouche-Tréville thuộc hãng Chargeurs Réunis của công ty Chargeurs Réunis mới từ Tourane tới cảng Nhà Rồng phỏng vấn. Thành đã xếp hai bộ quần áo thuỷ thủ vào một chiếc va li nhỏ do một người bạn ở Phan Thiết đưa cho.

Ngày 2 tháng 6, một thanh niên tự xưng là "anh Ba" đã tới bến tàu. Thuyền trưởng Louis Eduard Maisen lúc đó rất ái ngại về người tới xin việc vì anh ta trông thông minh, nhưng quá gày gò. Khi Ba khăng khăng cho rằng mình có thể "làm được mọi việc" Maisen đã đồng ý thuê Ba làm phụ bếp. Ngày hôm sau, Ba được gọi đến làm việc ngay lập tức được giao việc trong cả ngày, rửa bát đĩa và chảo, lau chùi sàn bếp, rửa rau và xúc than vào lò. Ngày mồng 5, con tàu Admiral Latouche-Tréville đã đi qua vùng đầm lầy sông Sài Gòn hướng ra biển Đông để tới bến tiếp theo là Singapore, quân cảng Anh.

Tại sao Nguyễn Tất Thành đã quyết định đi ra ngước ngoài? Nhiều năm sau, khi trao đổi với nhà báo Liên Xô Ossip Mandelstam, Thành (lúc đó đang hoạt động dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc) đã kể lại "Khi tôi khoảng mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi nghe thấy những từ tiếng Pháp "tự do", "bình đẳng", "bác ái". Lúc đó tôi nghĩ rằng tất cả những người da trắng đều là người Pháp. Bởi vì những từ đó do người Pháp viết ra, nên tôi muốn tìm hiểu về nền văn minh Pháp để hiểu ý nghĩa của những từ đó". Sau này Nguyễn Ái Quốc cũng trả lời tương tự như vậy khi được nhà báo người Mỹ Anna Louis Strong phỏng vấn.

“Những người Việt Nam, trong đó có cả cha tôi, thường tự hỏi nước nào có thể giúp phá bỏ ách đô hộ của người Pháp. Một số cho rằng Nhật Bản, những người khác cho rằng nước Anh, và một số khác lại cho rằng nước Mỹ. Tôi cho rằng cần phải ra nước ngoài để tự tìm lấy câu trả lời cho mình. Sau khi tôi biết được họ sống ra sao tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”.

Những người chuyên bình tiểu sử về những thánh nhân ở Hà Nội đã viết rất nhiều những lời bình trong những hồi ký. Họ mô tả quyết định rời Việt Nam của ông như một sứ mệnh cứu nước. Với xu hướng thần thánh hoá các sự kiện về cuộc đời ông với mục đích để người khác tự khám phá, chúng ta cần phải thận trọng khi xem xét những điều ông thuật lại. Tuy nhiên, điều chắc chắn ông rời Sài Gòn mùa hè năm 1911 với tấm lòng yêu tổ quốc cao độ cũng như thấu hiểu sự bất công mà chính quyền thuộc địa đã gây ra cho đồng bào của ông. Đối với Thành, dường như không có cách để giải quyết vấn đề này ở trong nước. Biết đâu điều đó có thể tìm thấy ở nước ngoài.

---

## CHƯƠNG

# CON TUẤN MÃ

Mặc dù hoạt động của Nguyễn Tất Thành sau khi rời Sài Gòn không được ghi lại đầy đủ, nhưng chứng cho thấy Thành đã lênh đênh trên biển trong gần hai năm trời. Thế giới bên ngoài Việt Nam đã tác động tới suy nghĩ và thái độ của Thành về cuộc sống. Hơn một thập niên sau, Thành bắt đầu viết những bài báo cho các nhà xuất bản ở Pháp. Những bài viết xúc động lòng người của Thành về những điều tồi tệ trong cuộc sống ở những thành phố cảng thuộc địa ở châu Á, châu Phi, và châu Mỹ la-tinh đã kể lại nỗi thống khổ trong cuộc sống cũng như sự đối xử dã man tàn bạo của những người châu Âu với dân bản xứ. Vào đầu thế kỷ XX, nhiều nơi trên thế giới đã rơi vào ách thuộc địa. Các thành phố cảng ở châu Phi và châu Á tràn ngập công nhân cảng, phu kéo xe tay và những người lao động chân tay, tất cả đều làm theo lệnh của người da trắng. Có thể trong thời gian ở nước ngoài những suy tư về sự nghiệp cách mạng sau này của Thành đã được hình thành.

Cuộc hành trình trên con tàu Đô đốc Latouche-Tréville từ Sài Gòn đi Marseilles mất vài tuần. Điều kiện ngoài khơi rất khó khăn; con tàu quá nhỏ so với một tàu chở khách xuyên đại dương, chỉ dài khoảng 100 mét và nặng chưa tới 6.000 tấn. Trong các cuốn tự thuật, là nguồn thông tin duy nhất về cuộc đời ông trong thời kỳ

đó, Thành kể *"Những cơn bão với những ngọn sóng "cao như núi" nhiều lần suýt nữa hất Thành khỏi tàu"*.

Những ngày Thành sống trên biển thường rất dài và đơn điệu, phải dậy từ sáng sớm và chỉ hoàn thành công việc sau khi trời tối. Nhiều năm sau, Thành dùng một nhân vật khác để kể lại trong cuốn tự truyện:

*"Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, tối đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuân than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt cá, nước đá v.v. Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét. Nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu tròng trành"*.

Tuy nhiên, Thành dường như an tâm chịu đựng và nhiệt tình làm việc. Trong một lá thư gửi cho một người quen ở Sài Gòn, Thành đã đùa: *"Người anh hùng vui vẻ suốt ngày làm những gì anh ta cảm thấy thích như đánh bóng các vật dụng bằng đồng, lau chùi nhà vệ sinh, buồng tắm, dọn sạch thùng phân"*. Hàng ngày làm xong mọi việc khoảng 9 giờ tối, Thành lại đọc sách hoặc viết lách đến tận nửa đêm, thỉnh thoảng giúp những người không biết chữ trên tàu viết thư cho gia đình. Kỹ sư nông học kiêm nhà báo Bùi Quang Chiêu - sau này là lãnh đạo tổ chức đối lập phong trào cộng sản của Hồ Chí Minh - kể lại, *"Ông đã gặp Thành trong chuyến đi và hỏi tại sao một người thông minh như thế lại kiếm một công việc nặng nhọc như vậy". Thành chỉ cười, "Muốn tới Pháp để tìm cách lật ngược quyết định của triều đình cách chức cha Thành"*.

Sau khi dừng lại ở Singapore, Colombo và Port Said, tàu Đô đốc Latouche - Tréville cập cảng Marseilles ngày 6-7-1911. Thành nhận được tiền công - khoảng mười quan tiền Pháp - số tiền chỉ đủ ăn ở vài ngày trong khách sạn rẻ tiền. Thành rời tàu cùng với một người

bạn để chiêm ngưỡng phong cảnh đầu tiên về nước Pháp. Lần đầu tiên Thành nhìn thấy tàu điện *"nhà di động",* (người Việt Nam lúc đó gọi), cũng là lần đầu tiên Thành được người ta gọi là *"ông"* khi dừng lại uống một ly cà phê trong tiệm nằm trên đường Cannebiere nổi tiếng của thành phố. Điều này làm Thành nhớ mãi, kể với bạn, *"Người Pháp ở trong nước rất tử tế, lịch sự, khác hẳn bọn Pháp ở Đông Dương".* Thành đã phát hiện ra, ngay tại nước Pháp cũng có những người nghèo giống như ở vùng Đông Dương thuộc Pháp. Hồi ấy cũng như bây giờ, Marseilles vẫn là một thành phố xô bồ, đường phố đầy thuỷ thủ, ma cà bông, lái buôn và những tên trộm cắp gồm tất cả các dân tộc. Trông thấy các cô gái điếm lên tàu với các thuỷ thủ, Thành hỏi bạn *"Tại sao người Pháp không khai hóa văn minh cho đồng bào của họ trước khi khi đi "khai hoá" chúng ta".*

Thành quay trở lại tàu trước khi tàu rời đi Le Havre; tàu tới Le Havre ngày 15-7. Vài ngày sau tàu tới Dunkirk, sau đó trở lại Marseilles và cập cảng thành phố vào giữa tháng chín. Tại đây, Thành đã viết một bức thư gửi tổng thống Cộng hoà Pháp. Sự kiện này rất lạ do vậy cần in lại toàn văn bức thư:

*Marseilles ngày 15 tháng 9 năm 1919*

*Thưa Ngài Tổng thống,*

*Tôi rất vinh dự đề nghị ngài giúp đỡ để tôi có thể được nhận vào học tại Trường Thuộc địa như một học sinh nội trú.*

*Tôi đang làm việc cho công ty Chargeurs Réunis (Đô đốc Latouche-Tréville) để sinh sống. Tôi hoàn toàn không có nguồn giúp đỡ và tôi rất muốn được đi học. Tôi mong muốn có thể giúp nước Pháp trong vấn đề có liên quan tới đồng bào tôi đồng thời có thể tạo thuận lợi cho đồng bào tôi thông qua việc truyền đạt lại kiến thức.*

*Tôi sinh ra tại tỉnh Nghệ An, Trung Kỳ. Tôi hy vọng ngài ủng hộ đề*

*nghị của tôi. Tôi xin gửi tới ngài Tổng thống lời cảm ơn trân trọng nhất.*

*Nguyễn Tất Thành*

*Sinh tại Vinh, 1892*

*Con trai Nguyễn Sinh Huy (tiến sỹ văn chương)*

*Sinh viên Tiếng Pháp và Trung Quốc*

*Marseilles*

*Ngày 15 tháng 9 năm 1911*

Trường Thuộc địa thành lập năm 1885 để đào tạo các công chức của chính phủ tại các vùng thuộc địa của Pháp, trường có *"khoa bản xứ"* dạy các vấn đề liên quan đến thuộc địa với khoảng hai mươi xuất học bổng dành cho các sinh viên từ vùng Đông Dương thuộc Pháp. Một số học giả băn khoăn không hiểu tại sao, một thanh niên như Nguyễn Tất Thành, người kịch liệt phản đối sự thống trị của người Pháp, lại muốn học trường thuộc địa để phục vụ nước Pháp. Họ đã phỏng đoán, có thể Thành đã có ý định đổi lòng yêu nước lấy sự nghiệp trong bộ máy chính quyền Pháp. Tuy nhiên, nhìn vào việc học tập trước đây của Thành tại trường Quốc Học Huế thì hành động của Thành không có gì đáng ngạc nhiên. Mặc dù thái độ thù nghịch của Thành đối với chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương rất rõ ràng, Thành vẫn chưa quyết định cụ thể đi con đường nào để giải phóng đất nước. Theo Thành kể lại, ông rất muốn tiếp tục học để nâng cao hiểu biết về tình hình thực tế. Trong một bức thư viết vào năm 1911, Thành đã nói với người chị, hy vọng tiếp tục được học ở Pháp và sẽ trở về Đông Dương trong vòng năm hoặc sáu năm. Hơn nữa, như trong bức thư Thành gửi cho Tổng thống Pháp đã nêu rõ mục tiêu cuối cùng là trở thành người có ích cho đất nước. Có lẽ và không phải là lần cuối, Thành đã che giấu ý định thật sự của mình để đạt được mục đích.

Từ Marseilles, Thành trở lại Sài Gòn trên con tàu Đô đốc Latouche-Tréville. Thành đã rời tàu khi tàu tới nơi vào giữa tháng mười và cố liên hệ với cha. Ông Sắc vẫn chưa tìm được công việc ổn định từ khi bị triều đình cách chức và đã bị bắt trong một lần vì say rượu. Sau khi làm việc trong một thời gian dài tại đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một, gần biên giới Campuchia, ông Sắc bắt đầu bán thuốc bắc trên khắp Nam Kỳ. Mặc dù có thể ông Sắc sống ở đâu đó trong vùng phụ cận Sài Gòn khi con trai tới, không có dấu hiệu nào chứng tỏ cả hai cha con biết nhau ai đang ở đâu. Ngày 31-10-1911, Thành viết thư gửi toàn quyền Pháp ở Trung Kỳ giải thích rằng Thành và cha bị ly tán vì cảnh bần cùng trong hơn hai năm và gửi kèm theo mười lăm đồng cho cha. Thành đã không nhận được thư trả lời.

Từ Sài Gòn, Thành quay trở lại Marseilles, tại đó Thành được biết đơn xin học của mình tại Trường Thuộc địa đã bị từ chối. Đơn xin học đã được gửi tới giám hiệu nhà trường và họ trả lời rằng *"chỉ các thí sinh được quan Toàn quyền Đông Dương giới thiệu mới được nhận vào học,"*- một quy định rõ ràng đã loại Thành khỏi việc được xét đơn. Sau đó, Thành quyết định trở lại tàu cho tới khi tàu rời đi xưởng sửa chữa tại Le Havre. Hầu hết các thuỷ thủ nhận làm việc trên một con tàu khác và trở lại Đông Dương; Thành đã trở lại Le Havre và nhận làm vườn tại nhà một chủ tàu ở Saint Adresse, một bãi biển nghỉ mát (sau này được Claude Monet, hoạ sĩ người Pháp, theo trường phái ấn tượng vẽ lại trên vải) chỉ cách thành phố vài dặm về phía tây. Trong lúc rảnh rỗi, Thành đọc các tạp chí trong tủ sách và học tiếng Pháp với con gái của người chủ tàu. Thỉnh thoảng Thành vào thành phố nói chuyện với những người Việt Nam. Có thể Thành đã tới Paris gặp Phan Chu Trinh. Theo một số tài liệu, cha của Thành đã đưa cho Thành thư giới thiệu gửi người bạn cùng đỗ phó bảng trước khi Thành rời Việt

Nam. Sau khi được trả tự do khỏi nhà tù, ông Trinh đã tới Paris vào khoảng mùa xuân năm 1911. Nếu họ gặp nhau, hẳn họ đã trao đổi về những tin vui từ Trung Quốc. Những người cách mạng Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Tôn Dật Tiên đã lật đổ triều đình nhà Thanh và thành lập một nền cộng hoà kiểu phương Tây.

Thành sống rất hòa hợp với gia chủ và họ đã giúp Thành trở lại làm việc cho công ty Chargeurs Reunis trên một con tàu tới châu Phi. Mặc dù một người bạn đã nói với Thành rằng châu Phi nóng hơn nhiều so với Việt Nam, Thành vẫn thích đi đó đây. "Tôi muốn được nhìn thấy thế giới" - Thành đáp lại, và vẫn quyết định đi. Vài tháng sau, Thành đã tới nhiều nước châu Phi và châu Á, trong đó có Algeria, Tunisia, Morocco, Ấn Độ, Đông Dương, Saudi Arabia, Senegal, Sudan, Dahomey, và Madagascar.

Những gì trông thấy Thành rất thích và học hỏi thêm nhiều điều khi tàu cập bến. Thành đã kể lại trong hồi ký của mình:

*"Ba quan sát tất cả những gì xung quanh. Mỗi khí con tàu cập bến, Ba tranh thủ tham quan thành phố. Khi trở lại tàu, trong khi túi Ba toàn những bức ảnh và những bao diêm bởi vì Ba rất thích sưu tập những thứ đó".*

Thành thường nhớ lại hình ảnh ghê rợn chế độ thuộc địa. Tại Dakar, Thành đã nhìn thấy những người châu Phi bị chết đuối khi người Pháp ra lệnh cho họ bơi ra những con tàu trong bão. Sau này Thành viết:

*"Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu".*

Trong những năm tháng lênh đênh trên biển, Thành đã tới một số cảng vùng Tây Bán Cầu. Nhiều năm sau, Thành nói với người Cuba quen biết là anh đã tới Rio de Janeiro và Buenos Aires. Đôi khi tàu của Thành dừng lại ở các thành phố cảng dọc bờ biển phía Đông Mỹ trong đó có thành phố New York, nơi Thành đã quyết định rời tàu đi tìm việc làm. Hình như Thành ở lại Mỹ vài tháng.

Giai đoạn Hồ Chí Minh ở Mỹ vẫn là một trong những thời kỳ bí ẩn và khó hiểu nhất trong cuộc đời ông. Theo ông kể với những người quen, ông đã ở một thời gian tại New York và rất sửng sốt khi nhìn những ngôi nhà chọc trời khu Manhattan. Đi dạo với bạn bè khu phố Tầu đã gây cho ông ấn tượng là những người nhập cư châu Á ở Mỹ dường như có đủ các quyền lợi theo luật pháp, chứ không phải chỉ trên pháp lý. Ông làm lao công, công việc vặt cho một gia đình giàu có - lương bốn mươi đô - la một tháng - nhưng vẫn có thời gian tham dự các cuộc họp hoạt động xã hội của "Phong trào vì sự tiến bộ cho người da đen" ở Harlem, một tổ chức được thành lập dưới sự tài trợ của một người theo chủ nghĩa dân tộc da đen sinh ra ở Jamaica là Marcus Garvey. Nhiều năm sau, ông phát biểu với các nhà hoạt động vì hoà bình tới thăm Hà Nội - giai đoạn chiến tranh ở Việt Nam ác liệt nhất - ông đã rất xúc động bởi nỗi thống khổ của người da đen trên toàn thế giới và đã đóng góp rất nhiều cho phong trào của họ. Khi một đại biểu trong đoàn hỏi tại sao ông đã tới New York, ông trả lời, lúc đó ông nghĩ Mỹ phản đối chủ nghĩa đế quốc phương tây và có thể sẵn sàng giúp đỡ nhân dân Việt Nam lật đổ chế độ thuộc địa của Pháp. Nhưng ông kết luận, ở đó không hề có sự giúp đỡ nào.

Những năm sau này, Hồ Chí Minh thường nói rằng ông cũng đã từng sống ở Boston, nơi ông làm đầu bếp trong một thời gian ngắn tại khách sạn Parker House, và đã tới một số bang ở miền nam trong một chuyến đi ngắn, tại đó ông đã chứng kiến đảng Ku Klux

Klan (3K) hành hình người da đen. Sống ở Moscow trong thập niên 1920, ông đã viết một bài báo kể lại những sự việc đó với những chi tiết sinh động. Thật không may, không một chi tiết nào về chuyến đi của ông tới Hoa Kỳ có thể chứng thực. Hầu như chỉ có một bằng chứng duy nhất không thể chối cãi khẳng định ông đã có mặt tại nước Mỹ là hai bức thư ông đã gửi đi. Bức thư thứ nhất, được ký tên Paul Tất Thành gửi toàn quyền Pháp tại Trung Kỳ ngày 15-12-1912 với dấu bưu điện của thành phố New York. Bức thư thứ hai là một tấm bưu thiếp từ Boston gửi cho Phan Chu Trinh ở Pháp; bức thư có nói rằng đang làm phụ bếp trong khách sạn Paker House.

Rất có thể Thành rời Mỹ năm 1913. Thành công nhận, thời gian ở Mỹ đã ảnh hưởng rất ít đến thế giới quan của Thành khi ông nói với nữ nhà báo Mỹ - Anna Louis Strong - trong khi ở Mỹ ông chẳng biết gì về chính trị. Sau một lần dừng chân ở Le Havre, Thành đã tới nước Anh để học Anh ngữ. Trong một bức thư ngắn gửi cho Phan Chu Trinh ở Pháp, Thành đã kể, trong bốn tháng rưỡi vừa qua Thành đã ở London học tiếng Anh, giao lưu với những người nước ngoài. Thành viết, *"Trong vòng bốn hoặc năm tháng nữa, cháu hy vọng được gặp lại chú"*. Bức thư không đề ngày, tuy nhiên bức thư đó phải được viết trước khi nổ ra Thế chiến I vào tháng 8-1914, vì trong thư Thành hỏi ông Trinh dự định nghỉ hè ở đâu.

Trong bức thư thứ hai, Thành nhận xét về xuất phát điểm nguyên nhân xảy ra Thế chiến I. Theo Thành, bất kỳ nước nào cố gắng can thiệp vào vấn đề này sẽ bị kéo vào cuộc chiến tranh và kết luận: *"Cháu cho rằng trong vòng ba hoặc bốn tháng nữa, tình hình châu Á sẽ thay đổi, và sẽ thay đổi rất lớn. Tình hình sẽ tồi tệ hơn, gây rối loạn đối với những người phải chiến đấu. Chúng ta chỉ có một cách là đứng sang một bên"*.

Có thể Thành đã lường trước được rằng cuộc chiến sẽ dẫn tới sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa Pháp.

Trong bức thư đầu tiên gửi Phan Chu Trinh, Thành cũng đã nói rằng Thành cũng phải làm việc cơ cực để khỏi bị đói. Việc làm đầu tiên của Thành là dọn tuyết ở một trường học, sau này trong cuốn tự thuật Thành đã viết:

*"Một công việc rất mệt nhọc. Mình mẩy tôi đẫm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng. Và cuốc được đống tuyết cũng rất khó khăn vì tuyết trơn. Sau tám giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Tôi đành phải bỏ việc".*

Thành nhanh chóng từ bỏ công việc này để làm một người đun lò hơi. Tuy nhiên, công việc này thậm chí còn tồi tệ hơn:

*"Từ năm giờ sáng, một người nữa với tôi chui xuống hầm để nhóm lửa. Suốt ngày chúng tôi đổ than thay than trong lò. Ở đây thật đáng sợ. Luôn luôn ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Tôi không biết người ta làm cái gì ở tầng trên, vì không bao giờ tôi lên đấy. Người bạn tôi là một người âm thầm, có lẽ anh ta câm. Suốt hai ngày làm việc, anh ta không hề nói một tiếng. Anh vừa làm việc vừa hút thuốc. Khi nào anh ta cần tôi làm việc thì anh ta ra hiệu. Nhưng không nói một tiếng. Trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ quần áo, tôi luôn bị cảm".*

Cuối cùng thì Thành đã tìm được việc làm trong nhà bếp của khách sạn Drayton Court ở trung tâm London. Sau đó Thành chuyển sang khách sạn Carlton và làm việc cho đầu bếp nổi tiếng Auguste Escoffier. Nếu như trong cuốn tự thuật của Hồ Chí Minh là chính xác thì Thành thật sự đã là một đầu bếp:

*"Mỗi ngày có một người dọn dẹp đồ đạc. Những người phục vụ, sau khi dọn chỗ khách ăn, phải dọn bát đĩa bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào trong một cái thang điện đưa xuống bếp. Lúc bấy giờ*

*người dọn dẹp phải để đồ đạc riêng một bên, bát đĩa để riêng một bên để người ta đem đi rửa. Khi đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lẽ vứt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi còn cả phần tư con gà, những miếng bít-tết to tướng v.v. thì anh giữ gìn sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp. Chú ý đến việc này, ông già Ét-cốp-phi-e hỏi anh: "Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng, như những người kia?"*

*"Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy".*

*"Ông bạn trẻ của tôi ơi, anh nghe tôi". Ông Escoffier vừa nói vừa cười và có vẻ bằng lòng. "Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp. Làm ngon và anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?"*

*Và ông Escoffier không để cho anh Ba phải rửa bát nữa mà đưa anh vào chỗ làm bánh, với một số lương cao hơn.*

*Thật là một việc lớn xảy ra trong nhà bếp, vì chính là lần đầu tiên mà ông "vua bếp" làm như thế.*

Trong lúc rảnh rỗi Thành đã dùng số tiền ít ỏi của mình để học tiếng Anh với một thầy giáo người Ý, như Thành kể lại, thường ngồi *"trong Hyde Park với quyển sách và một cái bút chì trên tay"*, Thành cũng đã trở thành người hoạt động trong các tổ chức chính trị, rất nhiều tài liệu cho thấy Thành đã tham gia các hoạt động công đoàn và trở thành thành viên của Hiệp Hội Công Nhân Hải Ngoại, một tổ chức bí mật bao gồm chủ yếu những người lao động Trung Quốc ở nước ngoài mong muốn cải thiện điều kiện trong các nhà máy ở Anh. Thành đã tự tuyên bố là đã tham gia những cuộc biểu tình trên đường phố ủng hộ nền độc lập của Ireland cũng như những sự nghiệp khác của phe phái cánh tả. Có thể trong thời gian này, lần đầu tiên Thành được biết đến các tác phẩm của Karl Marx, nhà cách mạng người Đức.

Cao hơn sự nghiệp trên, Thành còn canh cánh nỗi thống khổ của đất nước. Trong bài thơ ngắn đề trên tấm bưu thiếp gửi cho ông Trinh, Thành viết:

*"Đứng làm trai sinh trong trời đất*

*Phải làm sao cho rõ mặt non sông.*

*Kìa kìa mấy bực anh hùng…"*

Nhưng Thành đâu hay, những bức thư của ông gửi cho ông Trinh đã rơi vào tay nhà cầm quyền Pháp. Cuối mùa hè năm 1941, ông Trinh và luật sư Phan Văn Trường - người đồng sự thân tín của ông - đã bị chính quyền pháp bắt giữ do bị nghi ngờ là đã tiếp xúc với các điệp viên Đức. Tuy sau đó họ được trả tự do vì thiếu chứng cớ, cảnh sát Pháp đã lục lọi căn phòng của họ ở Paris và phát hiện ra các bức thư của một người Việt Nam tên là Nguyễn Tất Thành ngụ tại số 8 Stephen Street, Tottenham Court Road, London. Trong khi điều tra cảnh sát còn phát hiện thấy trong một bức thư gửi cho ông Trinh (hiện không còn nữa), Tất Thành đã phàn nàn về tình hình ở Đông Dương và hứa rằng trong tương lai sẽ tìm cách tiếp tục công việc của Trinh. Theo yêu cầu của Đại sứ quán Pháp tại London, cảnh sát Anh tiếp tục tìm kiếm nhưng không tìm được ai có tên như vậy ở địa chỉ trên. Họ đã tìm thấy hai anh em, tên là Tất Thành và Thành, tại một địa chỉ khác. Những người này lại là sinh viên cơ khí và vừa rời đi học ở Bedford, và đương nhiên họ không tham gia các hoạt động chính trị".

Những năm tháng trong thời chiến ở Vương Quốc Anh là thời kỳ ít có tư liệu nhất về cuộc đời của Thành. Những tư liệu về các hoạt động của Thành chủ yếu dựa trên những cuốn tự thuật của Thành những năm sau này. Một số nhà sử học không tin rằng Thành đã hư cấu ra chuyện này nhằm tăng lòng tin của mọi người

vào một nhà cách mạng có nguồn gốc từ giai cấp lao động. Điều này rất có thể không đúng vì Thành thường không mấy khi che giấu về bản thân gia đình mình, là con của một nhà nho. Mặc dù thực tế cho thấy không thể chứng kiến được những giai thoại trong thời kỳ này, có những bằng chứng rõ ràng cho thấy Thành đã sống tại London mặc dù thực chất những hoạt động của Thành tại đó như thế nào thì vẫn còn là điều bí ẩn.

Việc xác định ngày Thành quay lại Pháp cũng là một số vấn đề gây tranh cãi. Chính quyền Pháp không hề biết việc Thành có mặt ở Pháp cho tới tận mùa hè năm 1919 khi Thành tham gia một sự kiện đã làm cho Thành trở thành một người nổi tiếng nhất trên đất Pháp. Trong tự thuật của mình, Hồ Chí Minh viết ông đã trở lại Pháp trong lúc chiến tranh. Một số người quen của ông ở Paris cho rằng Thành đã quay trở lại Pháp vào năm 1917 hoặc 1918 và một mật vụ cảnh sát theo dõi Thành vào năm 1919 lại báo cáo rằng Thành đã "đến Pháp từ lâu". Hầu hết các tài liệu lại cho rằng thời điểm đó là vào tháng 12 năm 1917.

Động cơ quay trở lại Pháp của Thành không rõ, nhưng xét trên khía cạnh mục tiêu dân tộc ông đã đề ra là rất lô-gic. Trong thời gian chiến tranh, hàng ngàn người Việt Nam buộc phải làm việc trong các công xưởng của Pháp để thay thế cho các công nhân Pháp tham gia quân đội. Từ khoảng dưới 100 người năm 1911 con số người Việt sống tại Pháp đã tăng rất nhanh trong thời chiến. Đối với một người yêu nước quyết tâm giải phóng đất nước mình thì Pháp là nơi thích hợp để hoạt động và tuyển mộ những người cùng chí hướng. Thành coi Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường - đồng sự của ông Trinh - là địa chỉ liên lạc để qua đó thâm nhập vào thế giới của những người nhập cư hoạt động chính trị Việt Nam ở Paris. Do nổi tiếng khi viết thư cho Paul Beau năm 1906, Trinh được công nhận là người lãnh đạo cộng đồng người nhập cư

tại Pháp. Sau khi bị bắt do bị nghi ngờ mưu phản khi cuộc chiến bắt đầu, Trinh đã rất thận trọng mặc dù đã có lời đồn đại cho rằng Trinh vẫn hoạt động tích cực trong phong trào Việt Nam độc lập.

Sau khi đến Pháp, Thành lập tức tham gia vận động công nhân Việt Nam. Sự mất ổn định trong xã hội xảy ra do Thế chiến I tàn khốc kéo dài. Năm 1917, binh biến đã xảy ra trong quân đội Pháp. Các phần tử cấp tiến bắt đầu các chiến dịch chống chiến tranh và tổ chức các công đoàn trong toàn quốc. Công nhân các nhà máy, xưởng đóng tàu tại các nước thuộc địa do lương thấp và điều kiện sống tồi tệ đã hưởng ứng sự vận động đó. Một chiến sĩ trẻ Việt Nam đầy nhiệt huyết chống thực dân đã đóng một vai trò rất hữu ích trong các hoạt động này.

Thành bắt đầu tham gia các hoạt động đó như thế nào vẫn còn chưa rõ. Có thể Thành đã trở lại Paris với tư cách là đại biểu Hiệp Hội Công Nhân Hải Ngoại để thiết lập liên lạc với các nhóm công nhân tại Pháp. Trong trường hợp này, có thể Thành đi đi về về giữa hai nước vài lần. Hoặc có thể đơn giản hơn là Thành đã thiết lập được mối quan hệ độc lập với một số nhân vật lãnh đạo cánh tả ở Paris, những người đã tận dụng lòng nhiệt tình của Thành để hỗ trợ các hoạt động của họ.

Boris Souvarine - một sử gia nổi tiếng sau này - hồi đó là một nhà hoạt động xã hội cấp tiến ở Paris, kể lại, *“ông đã gặp Thành lần đầu ngay sau khi Thành tới London và cho rằng đó là vào năm 1917”*. Thành đã tìm được một chỗ tạm trú trong một nhà trọ tồi tàn trong một ngõ cụt ở khu Montmartre và bắt đầu tham dự các cuộc họp của một chi bộ địa phương của Đảng Xã hội Pháp. Chính tại đây, Thành đã gặp Boris Souvarine là người đã giới thiệu Thành với Léo Poldes, sáng lập và phát ngôn viên của Câu lạc bộ Faubourg. Thành tham dự các cuộc họp hàng tuần của câu lạc bộ bàn về nhiều vấn

đề khác nhau, từ các vấn đề chính trị cấp tiến cho tới tâm lý học và những điều huyền bí. Các cuộc họp này diễn ra tại nhiều phòng họp khác nhau ở Paris. Thành hay xấu hổ, dụt dè, (Souvarine kể lại anh là *"một người đàn ông trẻ rụt rè, khiêm tốn, rất nhã nhặn, ham học hỏi,")* đến nỗi những người tham dự cuộc họp gán cho Thành biệt danh *"Người câm của Montmartre"*.

Tuy nhiên, cuối cùng Poldes đã khuyến khích Thành nói trước đám đông để xua tan sự rụt rè. Lần đầu tiên, Thành đã rất lo lắng nên đã nói lắp. Mặc dù chỉ có ít người hiểu được những gì Thành nói, họ đã rất thiện cảm với chủ đề của Thành. Khi Thành phát biểu xong, mọi người đã vỗ tay nhiệt liệt. Sau đó Thành đã được mời phát biểu tiếp.

Nguồn tin của Souvarine trùng hợp với nguồn tin của Léo Poldès, người đã nói với nhà văn Mỹ - Stanley Karnow - ông đã gặp Thành lần đầu tiên tại một cuộc họp của câu lạc bộ Faubourg. Ông nhớ lại "*Người ta thấy anh giống như danh hài Charles vừa buồn vừa khôi hài".* Poldès có ấn tượng về đôi mắt sáng và sự khao khát hiểu biết những điều xung quanh của Thành. Thành đã vượt qua sự ngại ngùng của mình, tham gia tích cực vào các cuộc bàn luận trong các cuộc họp hàng tuần của câu lạc bộ. Một lần nhân việc chỉ trích quan điểm của một người ủng hộ thuật thôi miên, Thành cho rằng nhà cầm quyền thuộc địa Pháp thường sử dụng thuốc phiện và rượu để thôi miên những người dân ở Đông Dương. Anh bắt đầu làm quen với các nhà lãnh đạo của phong trào cấp tiến và trí thức ở Paris như nhà văn thuộc đảng xã hội - Paul Louis, nhà hoạt động quân sự - Jacques Doriot - và tiểu thuyết gia cấp tiến Henri Barbusse là người có các tác phẩm mô tả sinh động điều kiện cùng cực của các binh lính ngoài mặt trận.

Giờ đây Nguyễn Tất Thành đã gần 30 tuổi. Kinh nghiệm quốc tế

rất ít ỏi, mới chỉ ở việc dạy học, nấu ăn và một vài công việc làm thuê. Có lẽ Thành đã gặp rất nhiều khó khăn để tìm được một việc làm ổn định tại Pháp vì Thành không có giấy phép lao động. Có nhiều tài liệu nói rằng Thành từng bán đồ ăn Việt Nam, đeo biển hàng quảng cáo, dạy tiếng Trung Quốc và làm nến. Cuối cùng Thành đã nhận được công việc sửa ảnh, tô màu những bức ảnh đen trắng (công việc phổ biến thời đó), trong cửa hiệu do Phan Chu Trinh quản lý. Lúc rỗi Thành thường tới thư viện Quốc gia hoặc thư viện Sorbon đọc sách. Thành là một người ham đọc và ngoài những tác phẩm của Barbusse, Thành đặc biệt thích những tác phẩm của Shakespeare, Charles Dickens, Victor Hugo, Emile Zola, Léo Tolstoy và Lỗ Tấn. Tài sản của Thành có độc một chiếc va-li và thường xuyên di chuyển từ một quán trọ hay một căn phòng tồi tàn sang một khu khác của người lao động trong thành phố.

Paris sau chiến tranh là một nơi hấp dẫn đối với người châu Á trẻ tuổi quan tâm đến chính trị. Thủ đô của nước Pháp vẫn được coi như trung tâm chính trị, văn hoá của thế giới phương Tây. Nhiều nhân vật cấp tiến nổi tiếng của thế kỷ XIX sống và hoạt động tại Paris. Sự hung tàn của cuộc chiến vừa qua tiếp thêm sinh lực cho những người kế thừa tư tưởng cấp tiến tiếp tục cuộc khẩu chiến chống lại hệ thống tư bản chủ nghĩa. Dọc theo tả ngạn sông Seine, trí thức, sinh viên Pháp và thế giới thường tập trung trong các quán cà phê, nhà hàng thảo luận về vấn đề chính trị và vạch kế hoạch cho các cuộc cách mạng. Trong đó một số người được bí mật tuyển mộ làm mật thám cho Pháp để theo dõi các đồng nghiệp của mình, báo cáo lại bất kỳ hoạt động lật đổ nào cho cảnh sát.

Sau chiến tranh, cộng đồng người Việt đông đảo nhất trong số các cộng đồng sống lưu vong tại Paris. Khi chiến tranh kết thúc, có khoảng năm mươi nghìn người Việt tại Pháp. Đa số họ làm việc tại

các nhà máy, nhưng có vài trăm người là du học sinh, con các gia đình giàu có. Do bầu không khí chính trị sôi động trong cộng đồng trí thức ở Pháp, những sinh viên này đã đủ độ chín muồi tham gia những cuộc vận động về chính trị. Tuy tinh thần dân tộc rất mạnh mẽ trong người Việt sống tại Pháp, nhưng có rất ít cuộc vận động biến tinh thần đó thành sự nghiệp đấu tranh giành độc lập. Trong chiến tranh, Pháp khẳng định, bổn phận của công dân các nước dưới đế chế thuộc địa là phải bảo vệ mẫu quốc. Thật bất ngờ, một số chiến sĩ nòng cốt lại cho rằng, phải đổi sự ủng hộ người Pháp ở Châu Âu bằng tăng quyền tự trị, thậm trí còn đòi độc lập hoàn toàn cho Việt Nam sau chiến tranh. Nhiều người còn đi xa hơn nữa, thân với gián điệp Đức, hy vọng sự thất bại của Pháp sẽ phá bỏ bộ máy cai trị ở nước ngoài, dẫn tới việc lật đổ chính quyền thuộc địa.

Hình như người Pháp có bằng chứng Phan Chu Trinh và cộng sự Phan Văn Trường, nên đã tìm cách kiểm tra cả hai. Sinh năm 1878 tại Hà Đông gần Hà Nội, ông Trường được đào tạo trở thành luật gia, định cư tại Pháp từ năm 1910, đã trở thành công dân có quốc tịch Pháp. Trước khi xảy ra chiến tranh, ông Trường và ông Trinh thành lập Hội Người Việt Nam Lưu Vong. Ông Trinh, người đầy lý tưởng nổi trội, nhưng chưa bao giờ biểu lộ có quyền lực lớn trong tổ chức chính trị. Hội Ái Hữu thành lập - một tổ chức không được sự ủng hộ rộng rãi của người Việt trong và ngoài Paris - chỉ có khoảng 20 thành viên, hầu như không hoạt động gì. Tuy nhiên người ta đồn rằng - tin này được cơ quan mật thám Pháp coi là thật - hai người đã ngấm ngầm tổ chức một phong trào nhằm thúc đẩy một cuộc tổng nổi dậy ở Việt Nam. Chính vì vậy ngay khi chiến tranh bùng nổ, họ bị giam giữ trong thời gian ngắn do bị nghi ngờ đã tham gia các hoạt động tạo phản. Chính vì họ bị bắt nên những bức thư của Thành đã rơi vào tay của nhà cầm quyền.

Sau khi được trả tự do, Trinh và Trường tránh không đối đầu với chính quyền thuộc địa ở Đông Dương, và phải một thập niên sau thì mới có người đưa ra được thách thức đối với chính quyền. Có thể người Pháp đã có những hành động ngăn chặn hiệu quả hoặc vì thiếu năng lực, cộng đồng người Việt tại Pháp hầu như chẳng làm được gì trong thời gian chiến tranh để thúc đẩy sự nghiệp dành độc lập dân tộc. Trên thực tế, cộng đồng người Việt Nam đã dậm chân tại chỗ về chính trị.

Thành đã nhanh chóng làm thay đổi tình hình. Mãi đến năm 1919, mặc dù đã làm quen được với một vài nhân vật quan trọng trong phong trào chống thuộc địa của Việt Nam, thành tích chính trị của Thành mới chỉ làm phiên dịch trong cuộc biểu tình của nông dân Huế. Bề ngoài không gây được ấn tượng, ăn mặc xuềnh xoàng, vì thế những người dân qua lại chẳng ai để ý đến Thanh. Tuy nhiên, bạn bè nhớ lại, Thành có một đặc điểm đặc biệt chứng tỏ anh không phải là một con người bình thường - đôi mắt đen rực sáng, mỗi khi nói chuyện dường như Thành có sức thuyết phục đi sâu vào tâm hồn người nghe. Một người quen thậm chí nhận xét, tính mãnh liệt của Thành làm cho vợ anh ta e sợ.

Mùa hè đó, được hai đồng sự lớn tuổi đồng ý, Thành đã lập một tổ chức mới của người Việt Nam sống tại Pháp; Hội Những Người Yêu Nước An Nam. Vì Thành chưa được nhiều người biết tới, ông Trinh và Phan Văn Trường trong danh sách là những người lãnh đạo của tổ chức, nhưng Thành, với tư cách là thư ký, hiển nhiên là người lãnh đạo. Những hội viên ban đầu của tổ chức là những người trí thức, nhưng người ta kể rằng Thành đã sử dụng những mối liên hệ của mình để chiêu mộ một số người lao động Việt Nam, trong đó có một số thủy thủ ở các cảng biển Toulon, Marseilles và Le Havre.

Bề ngoài, Hội không theo đuổi các mục tiêu cấp tiến. Thực ra, những người sáng lập hội đã hy vọng tránh các mục tiêu này để có thể giành được sự ủng hộ rộng lớn của cộng đồng người Việt và tránh bị nhà chức trách nghi ngờ. Việc dùng từ *"An Nam"* thay cho từ "Việt Nam" trong tên gọi của hội có lẽ là một thông điệp gửi tới chính quyền là Hội sẽ không tạo ra một mối nguy hiểm thực sự cho chính quyền thuộc địa.

Nhưng ngay mới thành lập hội, Thành đã có ý định biến hội trở thành cộng đồng người Việt nam trực tiếp chống lại chế độ thuộc địa ở Đông Dương. Anh đã thường xuyên liên hệ với các nhóm thuộc quốc gia khác như Hàn Quốc, Tunisia… họ cũng thành lập những tổ chức tương tự và tìm cách giành độc lập trong tay chính phủ thuộc địa.

Thành lập các tổ chức như vậy khi đó là thích hợp. Sau Thế chiến I, Paris trở thành trung tâm vận động thế giới của các nhóm chống thực dân. Các cuộc tranh luận về chủ nghĩa thực dân diễn ra thường xuyên trong Quốc hội Pháp. (Trong một bài phát biểu tại Hà Nội tháng 4-1918, nhà hùng biện Albert Sarraut - Toàn quyền Đông Dương, được giữ chức vụ này lần thứ hai trong một thời gian ngắn - đã hứa, nhân dân Việt Nam sẽ sớm được thấy các quyền của mình được mở rộng về chính trị). Vấn đề này cũng được nêu ra vào tháng 1-1919 khi các nhà lãnh đạo các cường quốc Đồng Minh thắng trận họp tại điện Versailles để thương lượng thoả ước hoà bình với các lực lượng bại trận và đưa ra các nguyên tắc điều phối quan hệ quốc tế sau chiến tranh. Tổng thống Mỹ, Woodrow Wilson, đã khích lệ tinh thần các dân tộc dưới ách thuộc địa trên toàn thế giới bằng việc đưa ra Tuyên Bố Mười Bốn Điểm nổi tiếng, trong đó kêu gọi trao quyền tự quyết cho tất cả các dân tộc.

Vào đầu mùa hè, một số tổ chức của những người theo chủ nghĩa dân tộc có trụ sở tại Paris đã phát hành các bản tuyên ngôn, công khai cho mọi người biết mục tiêu của mình. Thành và các đồng sự trong Hội Những Người Yêu Nước An Nam đã quyết định tranh thủ thời cơ đưa ra một bản yêu sách. Với sự hỗ trợ của Phan Văn Trường về tiếng Pháp, Thành đã soạn yêu cầu 8 điểm, kêu gọi các nhà lãnh đạo đồng minh tại Versailles vận dụng ý tưởng của Tổng thống Wilson vào các vùng thuộc địa của Pháp ở Đông Nam Á. Với tiêu đề "Yêu sách của nhân dân An Nam". Bản yêu sách có thái độ ôn hoà, không đề cập độc lập dân tộc nhưng yêu cầu quyền độc lập chính trị cho người Việt Nam, quyền tự do dân chủ cơ bản như quyền lập hội, tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do đi lại, ân xá cho các tù nhân chính trị, bình đẳng giữa người Việt Nam và người Pháp ở Việt Nam, bãi bỏ chế độ lao dịch, các loại thuế cao đánh vào muối, thuốc phiện và rượu. Bản yêu sách đề ngày 18-6-1919, tác giả của bản yêu sách là Nguyễn Ái Quốc, 56 đường Monsieur-le-Prince dưới danh nghĩa Hội Những Người Yêu Nước An Nam. Cho dù đối với một độc giả Việt Nam, cái tên Nguyễn Ái Quốc chỉ là biệt danh có nghĩa là "Nguyễn yêu nước" thì không ai biết ai là của tác giả ngoài nhóm đồng sự của ông.

Đã có nhiều tranh luận diễn ra giữa những người viết tiểu sử về Hồ Chí Minh và những người nghiên cứu lịch sử hiện đại Việt Nam về việc liệu Nguyễn Tất Thành có phải là tác giả của bản yêu sách đó không hay đó là nỗ lực chung của một số thành viên trong nhóm người Việt tại căn hộ của Phan Chu Trinh tại biệt thự Villa des Gobelins. Nhà chức trách Pháp lúc đó rất bối rối; họ chưa bao giờ biết tới cái tên đó. Một số phỏng đoán rằng tác giả thực sự chính là Phan Văn Trường người được coi là "thế lực ma quỷ" đứng đằng sau nhóm và là thành viên khôn ngoan nhất. Tuy nhiên, trong hồi ký của mình, Hồ Chí Minh đã xác nhận rằng ông chính là

tác giả "bản yêu sách" mặc dù ông cũng xác nhận rằng Phan Văn Trường đã giúp ông soạn thảo yêu sách bằng tiếng Pháp để dễ hiểu.

Cho dù Thành có là tác giả bản yêu sách hay không có lẽ không quan trọng bằng việc Thành là người chịu trách nhiệm chính công bố bản yêu sách. Vài tháng sau, người ta đã xác minh được tên Nguyễn Ái Quốc, một biệt danh Thành sử dụng với niềm kiêu hãnh trong ba thập niên sau. Thành đã tự tay chuyển bản yêu sách tới các thành viên quan trọng trong Quốc hội và tới Tổng thống Pháp, Thành cũng đã đi dọc các hành lang trong cung điện Versailles để gửi bản yêu sách tới các phái đoàn của các cường quốc lớn. Để đảm bảo bản yêu sách phát huy hết tác dụng, Thành đã thu xếp xuất bản bản yêu sách trên báo Nhân Đạo, một tờ báo cấp tiến ủng hộ chủ nghĩa xã hội. Thành cũng tranh thủ sự ủng hộ của các thành viên của Tổng Liên đoàn Lao động để in thêm sáu nghìn bản và phân phát trên các đường phố Paris.

Bản yêu sách đã không nhận được hồi âm chính thức từ phía nhà chức trách Pháp. Mặc dù vấn đề thuộc địa vẫn là chủ đề chính vẫn được tranh luận tại Quốc hội và cũng đã gây ra nhiều tranh cãi trong Hội nghị hoà bình Versailles, và khi kết thúc hội nghị những người tham gia hội nghị đã không đưa ra được một hành động cụ thể để giải quyết vấn đề. Đại tá House, cố vấn cao cấp của Tổng thống Wilson trong phái đoàn Mỹ tại Versailles, đã trả lời ngắn gọn thư của Nguyễn Ái Quốc, thông báo đã nhận được thư và cảm ơn tác giả đã gửi thư nhân dịp thắng lợi của đồng minh. Lá thư thứ hai ngày hôm sau chỉ nói rằng thư của Nguyễn Ái Quốc có thể được trình cho Tổng thống Wilson xem xét. Từ đó không thấy phái đoàn Mỹ trao đổi lại về vấn đề này. Trên thực tế, Woodrow Wilson đã gặp phải sự chống đối quyết liệt đối với tuyên bố mười bốn điểm của mình tại Versailles và buộc phải nhượng bộ để đạt

được một hiệp định hoà bình, một quyết định đã gây tức giận và thất vọng trên toàn thế giới thuộc địa.

Tuy nhiên, bản yêu sách đã gây hoảng sợ trong giới chức Paris. Ngày 23-6 Tổng thống Pháp gửi thư cho Albert Sarraut, nay đã trở lại Paris sau khi hết nhiệm kỳ làm Toàn quyền Đông Dương, nói rằng ông đã nhận được bản yêu sách và yêu cầu Sarraut nghiên cứu vấn đề và tìm hiểu tác giả bản yêu sách. Tháng Tám năm đó, viên Thống sứ Bắc Kỳ đã gửi điện về Paris thông báo rằng yêu sách đã được rải khắp các đường phố Hà Nội và được báo chí địa phương bình luận. Đến tháng chín, Thành đã chấm dứt những phỏng đoán về tác giả của bản yêu sách, bằng công khai nhận mình là Nguyễn Ái Quốc trong cuộc trả lời nhà báo Mỹ làm việc cho một tờ báo của Trung Quốc đóng tại Paris. Tuy nhiên, Thành làm như vậy mà không tiết lộ tên thật của mình. Cũng trong thời gian đó, Thành đã làm quen với Paul Arnoux, một cảnh sát có nhiệm vụ theo dõi các hoạt động của người Việt Nam nhập cư ở Paris. Khi dự một buổi nói chuyện của một viện sĩ người Pháp từng chỉ trích chính sách thuộc địa ở Đông Dương, Arnoux đã nhìn thấy một người đàn ông trẻ sôi nổi đang phân phát những tờ truyền đơn. Sau vài lần nói chuyện trong một quán cà-phê gần nhà hát Opera, Arnoux đã liên lạc với Bộ Thuộc địa và gợi ý Albert Sarraut thu xếp gặp anh ta.

Ngày 6-9, Thành được Bộ Thuộc địa nằm trên đường Oudinot triệu đến phỏng vấn trong khi đó mật vụ hoạt động trong cộng đồng người Việt Nam lưu vong đã chụp ảnh Thành và bắt đầu dò la tin tức về tên thật của Thành.

Rất khó biết, liệu Nguyễn Ái Quốc, như Thành thường xưng như vậy, thực sự hy vọng rằng những yêu sách về công lý và quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam sẽ được đáp lại, hay

Nguyễn Ái Quốc chỉ dựa vào tác động của bản yêu sách để truyền bá sự nghiệp chống chủ nghĩa thực dân và cấp tiến hoá cộng đồng người Việt ở Pháp.

Không thể không cho rằng Nguyễn Ái Quốc lúc đầu đã hy vọng bản yêu sách của mình có thể đem lại những thay đổi tích cực ở Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc lạc quan và dường như luôn tin tưởng vào những điều tốt đẹp nhất của con người kể cả kẻ thù của mình. Thái độ đó không chỉ giành cho đồng bào của Nguyễn Ái Quốc, hay ngay cả cho những người châu Á, mà còn cho cả những người châu Âu. Trong một chuyến đi ngắn ngày tới Đức, Thuỵ Sĩ và Italy trong khoản thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đã nói với một người bạn rằng: *"Tất cả đều là người. Mọi nơi chúng ta đều gặp những người tốt và những người xấu, thật thà và dối trá. Nếu chúng ta là người tốt chúng ta sẽ gặp được những người tốt ở khắp mọi nơi"*, Nguyễn Ái Quốc tin rằng chính mối quan hệ thuộc địa đã làm mất phẩm chất và làm đồi bại bản chất con người. Tuy nhiên, Nguyễn Ái Quốc đã rất thất vọng vì yêu sách của mình không được đáp ứng. Một thập niên sau Nguyễn Ái Quốc đã phàn nàn với các cộng sự của mình rằng nhiều người đã thất vọng vì *"bài ca quyền tự do"* của Woodrow Wilson.

Cũng có thể là như những người Việt Nam khác, Thành đã bị những lời lẽ của viên Toàn quyền Albert Sarraut thuyết phục. Trong cuộc phỏng vấn của Thành với nhà báo Mỹ của tờ tạp chí Trung Quốc "Ích Dạ Báo" vào tháng chín, Thành đã phàn nàn về những điều kiện tồi tệ tại Đông Dương, nhưng thừa nhận rằng bước đi đầu tiên là đạt được quyền tự do ngôn luận giáo dục người dân và sau đó phấn đấu cho quyền tự trị và độc lập dân tộc.

Tuy vậy, có bằng chứng cho thấy sự kiên nhẫn và lạc quan của Thành chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Ngày hôm sau cuộc

phỏng vấn với Sarraut, Thành đã gửi cho Sarraut một bản sao yêu sách với thư kèm theo có nội dung:

*"Như chúng ta đã trao đổi ngày hôm qua, tôi xin gửi ngài bản yêu sách. Bởi ngài đã nói với tôi rằng ngài sẵn sàng nói chuyện thẳng thắn nên tôi mạnh dạn yêu cầu ngài cho chúng tôi biết tám yêu sách của chúng tôi đã được giải quyết như thế nào… Bởi tôi cho rằng tám yêu cầu đó vẫn chưa được giải quyết, không có yêu cầu nào được giải quyết thoả đáng.*

*Tôi xin gửi tới Ngài Toàn quyền lời chào trân trọng.*

*Nguyễn Ái Quốc"*

Vài ngày sau, hai mật vụ được giao nhiệm vụ theo dõi mọi mọi hành động và hoạt động chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Đến 12, Nguyễn Ái Quốc đã tạm thời được xác định là Nguyễn Tất Thành, con trai của viên quan bị cách chức Nguyễn Sinh Sắc và cũng là người đàn ông trẻ đang lẩn trốn từng bị trục xuất khỏi trường Quốc Học Huế vì các hoạt động nổi loạn năm 1908.

Bất kể động cơ trong việc công bố và vận động thực hiện yêu sách là gì, Nguyễn Ái Quốc đã làm mọi người biết đến sự nghiệp phấn đấu cho quyền tự quyết của người Việt Nam. Tin tức về yêu sách đã nhanh chóng lan rộng trong cộng đồng người Việt ở Pháp và đã tác động mạnh đến đồng bào của ông. Những người yêu nước cao tuổi rất ngạc nhiên vì sự táo bạo của người thợ sửa ảnh trẻ tuổi. Những người trẻ hơn thì biểu lộ thái độ nhiệt tình hăng hái trong sự nghiệp đấu tranh. Những người thận trọng hơn thì cho rằng Nguyễn Ái Quốc là người "*cuồng ngôn*" và bắt đầu lảng tránh Nguyễn Ái Quốc. Họ rỉ tai nhau, *"ta có thể trông cậy gì vào một con trâu ương ngạnh xứ Nghệ?"*.

Thất vọng về những yêu sách đòi độc lập dân tộc đã khiến rất nhiều trí thức yêu nước ở các nước thuộc địa ở châu Á và châu Phi

theo đuổi chính trị cấp tiến. Rất có thể Hồ Chí Minh cũng không phải là một ngoại lệ, rõ ràng ông đã quan tâm tới chính trị chủ nghĩa xã hội trước khi soạn thảo yêu sách. Việc tham gia vào các hoạt động công đoàn khi sống ở Anh đã tạo ra những mối liên hệ giúp ông trở thành người hoạt động tích cực trong các tổ chức tương tự ngay sau khi ông đến Pháp. Michel Zecchini, đảng viên Đảng Xã hội Pháp, đã gặp Nguyễn Tất Thành vào cuối Thế chiến I và nhận thấy Thành đã quen biết với những nhân vật có ảnh hưởng lớn của Đảng Xã hội Pháp như Marcel Cachin, Paul Vaillant-Couturier, Léon Blum, Edouard Herriot, Henri Barbusse và Jean Longuet - cháu ngoại của Karl Marx. Qua các đầu mối của Đảng Xã hội Pháp, cuối cùng Thành đã có được các giấy tờ tùy thân và giấy phép lao động. Tuy nhiên, theo Michel Zecchini, Thành chưa được công nhận là đảng viên chính thức của Đảng Xã hội Pháp cho tới khi Thành chứng tỏ mình là Nguyễn Ái Quốc vào tháng 6-1919. Là tác giả của bản yêu sách nổi tiếng, đồng chí Nguyễn - hay ông Nguyễn như đôi khi người ta gọi - rất được mọi người kính trọng.

Hồ Chí Minh có lẽ được những người theo chủ nghĩa xã hội chú ý tới vì, theo ông, họ *“đồng cảm với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức”*., Đồng thời, khuynh hướng tư tưởng của ông thiên về chủ nghĩa xã hội có thể được nhìn nhận như kết quả tất yếu của việc ông căm ghét chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Như nhiều người châu Á khác, kinh nghiệm đầu tiên của ông về hệ thống tư bản chủ nghĩa là kết quả của sự bóc lột của bọn thực dân trên đất nước ông đã gây ra những hậu quả tàn khốc đối với cuộc sống của nhiều đồng bào ông. Quan điểm đó càng được củng cố trong những năm tháng ông lênh đênh trên biển, từ hải cảng này đến hải cảng khác trên khắp thế giới thuộc địa, và có lẽ trong cả thời gian sống ở Anh và Mỹ. Nhiều năm sau đó ông thường chỉ trích bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản Mỹ, mặc dù đôi khi

ông biểu lộ sự thán phục đối với tính năng động và khả năng của người Mỹ. Có thể là, giống như những người theo chủ nghĩa dân tộc châu Á khác, sự quan tâm ban đầu của ông tới chủ nghĩa xã hội là kết quả của việc phát hiện ra sự tương phản giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Tuy nhiên, khuynh hướng của những người theo Chủ Nghĩa Dân Tộc Á Châu thiên về chủ nghĩa xã hội không thể hoàn toàn quy về vì động cơ cá nhân. Đối với nhiều trí thức Á châu, nguyên tắc xử thế của những người theo chủ nghĩa xã hội phương Tây phù hợp với những quan điểm họ thừa hưởng hơn là của những người theo chủ nghĩa cá nhân với nguyên tắc xử thế dựa trên lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Và không ở đâu điều này được thể hiện rõ như trong xã hội Nho giáo Trung Quốc và Việt Nam. Người Trung Quốc và Việt Nam theo chủ nghĩa dân tộc xuất thân từ những gia đình quý tộc Nho giáo thường nhìn thấy cảnh hào nhoáng của những thành phố thương mại mới một cách khó chịu mơ hồ. Theo cách suy nghĩ của những người Nho giáo, nền công nghiệp phương Tây dễ dàng sinh ra thói tham lam và tự phụ. Ngược lại chủ nghĩa xã hội chú trọng nỗ lực cộng đồng, lối sống giản dị, đồng đều về của cải và cơ hội. Tất cả những điều này có tác động mạnh tới đời sống Nho giáo. Trong bối cảnh đó, sự chuyển đổi về mặt triết học từ Khổng Tử sang Marx dễ hơn nhiều sang Adam Smith và John Stuart Mill - những người luôn coi trọng chủ nghĩa thực dụng và cá nhân chủ nghĩa - không phù hợp với người châu Á.

Năm 1920, ông Nguyễn bắt đầu thường xuyên tham dự các cuộc họp của Đảng Xã hội Pháp và Tổng Liên đoàn Lao động cũng như của Liên đoàn nhân quyền, (một tổ chức không giống như Hội Quyền tự do dân sự Mỹ) - và đóng một vai trò tích cực hơn trong các cuộc tranh luận chính trị. Tuy nhiên, có nhiều dấu hiệu cho

thấy ông đã bắt đầu khó chịu với thái độ của các đồng sự. Đối với Nguyễn Ái Quốc, vấn đề cốt lõi của thời đại là các dân tộc thuộc địa bị chủ nghĩa đế quốc phương Tây bóc lột. Ông phát hiện ra, đối với hầu hết những người Pháp ông quen, chủ nghĩa thực dân chỉ là một mặt của vấn đề lớn hơn - đó là chủ nghĩa tư bản thế giới. Marx có thiên hướng lấy châu Âu làm trung tâm cuộc vận động và hầu hết những người theo Marx ở châu Âu đã đi theo hướng của ông. Sau cùng, thuộc địa đã đem lại sự giàu có cho nước Pháp và công việc cho công nhân Pháp. Chính vì vậy, ông Nguyễn nhận được rất ít sự ủng hộ khi nêu ra các vấn đề thuộc địa tại các cuộc họp chính trị. Điều này dẫn tới việc trong cơn thất vọng ông đã to tiếng với một đồng sự *"Nếu như anh không tố cáo chủ nghĩa thực dân, nếu như anh không đứng về phía các dân tộc thuộc địa, làm sao anh có thể làm cách mạng được?"*

Chia rẽ nghiêm trọng đã xảy ra trong hàng ngũ phong trào chủ nghĩa xã hội giữa những người lãnh đạo ôn hoà như Jean Longuet và Léon Blom và những người cứng rắn hơn như Marcel Cachin và Paul Vaillant-Couturier là những người dường như có quan điểm cấp tiến hơn về tương lai xã hội loài người. Nguyễn Ái Quốc đứng về phía những người cấp tiến. Một trong những vấn đề mà hai phe có quan điểm khác nhau là cuộc cách mạng Bolsevich. Nhóm cứng rắn chủ trương hành động đảng phải thống nhất, ủng hộ một số sáng kiến quan trọng: phản đối dàn xếp hoà bình Versailles; thành lập phong trào chủ nghĩa xã hội quốc tế mới tiến bộ hơn (năm 1889, Quốc tế thứ nhất của Marx được thay thế bằng Quốc tế thứ hai ôn hoà hơn nhằm tiến tới chủ nghĩa xã hội thông qua con đường nghị viện), đồng cảm với các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa và tích cực ủng hộ cách mạng Bolsevich. Cuối năm 1919, Đảng Xã hội Pháp đã thành lập một ủy ban ủng hộ Quốc tế III mới của Lenin có lập trường nghiêng về việc cần phải tiến hành bạo lực

cách mạng và thành lập chuyên chính vô sản. Nguyễn Ái Quốc đã đóng một vai trò tích cực trong các hoạt động đó và thường tham dự các cuộc họp nhằm quyên góp tiền bảo vệ cách mạng Xô viết trước kẻ thù tư bản chủ nghĩa.

Nguyễn Ái Quốc vẫn còn thiếu kinh nghiệm về chính trị cấp tiến thế giới. Một số đồng sự của ông trong những năm đầu đó kể lại "Lúc đó Nguyễn Ái Quốc hầu như không biết gì về lý thuyết hay về sự khác biệt giữa Quốc tế thứ Hai và Quốc tế thứ Ba". Có lần Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị Jean Longuet giải thích về chủ nghĩa Marx. Longuet lưỡng lự và nói rằng câu hỏi quá phức tạp và gợi ý Nguyễn Ái Quốc đọc bộ "Tư bản" của Marx. Sau đó Nguyễn Ái Quốc đã tới một thư viện gần Quảng trường Place d'Italie để mượn tác phẩm đồ sộ đó để đọc cùng với một số tác phẩm Marxist khác. Sau này trong cuốn tự thuật của mình ông kể lại rằng ông đã dùng cuốn Tư bản làm gối đầu giường.

Tuy nhiên, chính tác phẩm nổi tiếng của Lenin *"Luận cương v*ề *các vấn đ*ề *Dân tộc và Thuộc địa"* gửi cho Đại hội Quốc tế Cộng sản II mùa hè năm 1920 đã khiến cho Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước đơn thuần đến với thiên hướng xã hội chủ nghĩa trở thành một người cách mạng Marxist. Trong một bài báo viết cho một nhà xuất bản Liên Xô năm 1960, Nguyễn Ái Quốc đã xác nhận rằng trong các cuộc tranh luận giữa những người ủng hộ Quốc tế thứ Hai và thứ Ba trong Đảng Xã hội Pháp ông đã "không thể hiểu được hết" diễn biến của các cuộc tranh luận. Sau này, vào giữa tháng bảy năm 1920, một người đã đưa cho ông bản "Luận Cương" của Lenin trên báo Nhân đạo. Ông kể lại việc này một cách sôi nổi:

*"Luận cương có những thuật ng*ữ *chính tr*ị *rất khó hiểu, tuy nhiên, khi đọc đi đọc lại cuối cùng tôi đã hiểu được ý chính c*ủ*a bản luận*

*cương. Sự xúc động, nhiệt huyết, tầm nhìn rộng và niềm tin của bản luận cương đã thấm đẫm trong tôi. Tôi mừng phát khóc. Mặc dù ngồi một mình trong phòng tôi đã nói to như đang phát biểu trước công chúng: Đồng bào ơi! Đây là cái chúng ta cần, đây chính là con đường giải phóng chúng ta”.*

Ngay sau đó, ông đã gửi một bức thư cho Ủy ban Đoàn kết với Quốc tế III yêu cầu được kết nạp. Đơn xin gia nhập của ông đã được chấp thuận.

Bỏ qua vấn đề ý thức hệ tạp nham, thông điệp của Lenin rất đơn giản và rõ ràng. Trong cuộc đấu tranh nhằm lật đổ hệ thống tư bản chủ nghĩa ở các nước công nghiệp phát triển, các đảng cộng sản ở phương Tây cần phải phối hợp chặt chẽ với các phong trào của những người theo chủ nghĩa dân tộc ở các thuộc địa tại châu Á và châu Phi. Lenin cho rằng nhiều trong số các phong trào này do tầng lớp trung lưu cầm lái và về lâu dài tầng lớp này sẽ không ủng hộ cách mạng xã hội. Do đó, bất kỳ sự liên minh nào với các nhóm của những người theo chủ nghĩa dân tộc thuộc giai cấp tư sản cần phải được tiến hành một cách thận trọng và chỉ với điều kiện, các đảng cộng sản địa phương phải duy trì được bản sắc riêng của mình và được tự do hành động. Mặc dù có những hạn chế như vậy, Lenin cho rằng các phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á và châu Phi là liên minh tất yếu, dù chỉ là tạm thời, của những người cộng sản chống lại kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc trên thế giới. Chính việc các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây tìm kiếm thị trường và tài nguyên ở các nước kém phát triển đã duy trì và tránh được sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

Ách thống trị đế quốc tại các thuộc địa không những trì hoãn ngày cách mạng xã hội tiêu diệt bất công và bất bình đẳng tại

phương Tây, mà còn ngăn chặn sự trỗi dậy của các lực lượng tiến bộ trong các xã hội châu Á và châu Phi. Tầng lớp tư sản trong nước bị ngăn cản không được đóng một vai trò tích cực trong sự phát triển công - thương nghiệp do sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc phương Tây đem lại, cho nên giai cấp tư sản địa phương vẫn còn yếu và chưa phát triển; do vậy giai cấp tư sản không thể thực hiện được vai trò tiến bộ của mình trong việc tiến hành cách mạng tư sản chống lại các thế lực phong kiến trong xã hội là bước đầu cần thiết dẫn tới chủ nghĩa cộng sản trên thế giới. Giai cấp tiểu tư sản ở các nước thuộc địa cần đến sự giúp đỡ của các lực lượng tiến bộ khác - như tầng lớp nông dân nghèo và giai cấp vô sản ở thành thị còn mỏng nhưng đang lớn mạnh - để lật đổ chế độ phong kiến và mở cửa phát triển thương mại và công nghiệp.

Trên thực tế, Lenin kêu gọi những người cộng sản ở các nước phương Tây sát cánh với những người theo chủ nghĩa dân tộc ở châu Á và châu Phi trong sự nghiệp cách mạng chung. Liên minh này chỉ là tạm thời; khi chủ nghĩa đế quốc và các đồng minh phong kiến trong các xã hội kém phát triển bị lật đổ, phong trào cộng sản cần phải tự tách mình khỏi liên minh với các lực lượng chính trị tư sản lúc này ngày càng trở nên phản động, và cần phải đấu tranh để tiến tới giai đoạn thứ hai của cuộc cách mạng, giai đoạn xã hội chủ nghĩa.

Lenin đã đề nghị giúp đỡ nhân dân Việt Nam và các dân tộc khác khi họ đang rất cần. Lenin đã thể hiện rất rõ quan điểm - đây cũng là cốt lõi đối với thế giới quan của Nguyễn Ái Quốc - cho rằng các khu vực thuộc địa là một tuyến phòng thủ quan trọng của hệ thống tư bản trên thế giới. Mất đi những cái vòi bạch tuộc của chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa rộng lớn, hệ thống tư bản có thể bị lật đổ.

Những người theo chủ nghĩa xã hội ở Paris, trừ một số ít người, đều có xu hướng nói mà không làm. Lenin không phải là một nhà lý thuyết mà là một con người hành động. Đối với Nguyễn Ái Quốc, Lenin là một người gây cảm hứng đặc biệt và là người đáng để ông phụng sự.

Được những người quen giỏi văn chương Pháp như nhà báo cấp tiến Gaston Monmousseau và Jean Longuet giúp trau chuốt văn phong, ý tứ còn yếu kém và lộ liễu, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu viết cho các tờ báo cánh tả ở Paris vào cuối mùa hè năm 1919, và tiếp tục là người ủng hộ tích cực sự nghiệp tiến bộ cho tới khi ông rời Pháp gần bốn năm sau. Bài báo đầu tiên của ông với tiêu đề "*Vấn đề thuộc địa*" được đăng trên tờ Nhân đạo ngày 2-8-1919, chỉ trích chính sách của Pháp ở Đông Dương mà theo ông đã không mang lại gì ngoài nỗi thống khổ của nhân dân Việt Nam. Mặc dù trên lý thuyết người Pháp thực hiện sứ mệnh truyền bá văn minh, nhưng trên thực tế chính sách giáo dục của họ chỉ là tuyên truyền và làm cho người Việt Nam không sẵn sàng cạnh tranh với những người láng giềng trong tương lai. Trong khi đó, chính phủ Nhật Bản đã khôn ngoan chuẩn bị cho nhân dân của họ phát triển kinh tế. Sau cùng, ông tiên đoán rằng các thương nhân Nhật Bản sẽ vào Đông Dương và làm cho cuộc sống của người Việt Nam thậm chí còn khổ sở hơn.

Nguyễn Ái Quốc đã có lý. Cuối Thế chiến I, hệ thống giáo dục được người Pháp áp dụng nhằm trang bị cho nhân dân Đông Dương những kiến thức phương Tây chỉ đến được một bộ phận nhỏ dân chúng. Chí có 3.000 trong số hơn 23.000 làng xã ở Việt Nam có trường theo kiểu phương Tây. Giáo dục truyền thống nho giáo Hán học tiếp tục được các nhà nho dạy ở nông thôn, nhưng sau khi người Pháp bãi bỏ chế độ thi cử kiểu cũ, hệ thống giáo dục này đã mất đi tính hướng nghiệp ban đầu. Giáo dục tại các bậc

học cao hơn được giành cho những người Việt sống ở các thành phố. nhưng chủ yếu chỉ giới hạn trong một số trường trung học giành cho các công tử và tiểu thư của tầng lớp thượng lưu.

Về chiến lược mở rộng sự tham gia chính trị của Sarraut đưa ra, Thành cho rằng chẳng có chính sách nào hết. Khi nhân dân đứng lên phản đối, như năm 1908, họ đã bị đàn áp đẫm máu. Ông kết luận, *"Liệu người Pháp có nhận ra rằng đến lúc phải giải phóng những người dân bản xứ và giúp họ sẵn sàng cạnh tranh với láng giềng trong tương lai?"*

Tiếp sau bài báo đó, Nguyễn Ái Quốc viết tiếp một bài báo khác có tựa đề "*Đông Dương và Triều Tiên*" và "*Thư Gửi Ngài Outrey*" đăng trên tờ Dân Chúng (Le Populaire) vào tháng Mười. Cũng như bài báo trước, bài này, tuy cực lực lên án một số chính sách của Pháp, nhưng khá ôn hoà và đưa ra những giải pháp. Các bài báo này không nhắc đến việc sử dụng bạo lực hay một liên minh công nông theo chủ nghĩa Lenin. Trong bài báo tháng 10, tác giả ưu ái nhắc đến các chính sách, nhận xét của cựu Toàn quyền Albert Sarraut và tuyên bố phản đối Maurice Outrey, một quan chức thuộc địa và đại diện của Nam Kỳ trong Quốc hội Pháp - người mà có tin đồn rằng sẽ thay Sarraut làm Toàn quyền. Outrey đã chỉ trích Hội Những Người Yêu Nước An Nam ở Quốc hội, đồng thời bác bỏ việc chế độ thực dân Pháp đàn áp người An Nam. Nguyễn Ái Quốc hỏi một cách châm biếm, anh đại diện cho ai? Hai mươi triệu người An Nam, Outrey thậm chí còn không biết tên, trừ một số viên chức và một vài cử tri giàu có ở Nam Kỳ? Ông kết luận, giữa quan điểm của Outrey và Sarraut có một *"khoảng cách lớn"*.

Nghề sửa ảnh tô màu của Nguyễn Ái Quốc không cần nhiều thời gian, trong khi viết những bài báo ngắn, ông cũng bắt đầu chuẩn bị một bản thảo dài hơn có tựa đề *"Những Người Bị Áp Bức"*, phê

phán chính sách của Pháp ở Đông Dương. Hầu như ít khi người ta thấy những nỗ lực viết sách không thành công của một tác giả lại được ghi lại một cách kỹ lưỡng như vậy, bởi vì cảnh sát được thông báo rõ về hoạt động của ông qua các báo cáo định kỳ của các đặc vụ. Ông bắt đầu viết vào cuối năm 1919 với sự giúp đỡ của một ông chủ nhà xuất bản chống thực dân là Paul Vigné d'Octon và miệt mài đọc báo và các tạp chí ở Thư viện Quốc gia để thu thập các tư liệu, những trích dẫn có ích. Khi có người bạn cảnh báo Quốc về những trích dẫn không nêu xuất xứ, ông bảo, *"các nhà xuất bản khác sẽ đòi tiền vì những trích dẫn và điều đó sẽ giúp quảng bá cho cuốn sách".* Lại có người khuyên ông không nên sử dụng tựa đề mang tính thách thức nhưng ông vẫn khăng khăng giữ nguyên như vậy.

Theo các báo cáo của mật thám, Nguyễn Ái Quốc không đủ kinh phí để xuất bản và định tự mình xuất bản bản thảo đó. Nhưng chẳng bao lâu sau khi hoàn thành, một đêm trở về nhà ông phát hiện bản thảo bị mất cắp. Một số nhà viết tiểu sử cho rằng, cảnh sát đặc nhiệm đã đánh cắp. Khả năng này là có thật, mặc dù hồ sơ cảnh sát không hề đề cập. Nội dung bản thảo không được đề cập rõ ràng, rất có thể ông đã sử dụng nhiều tư liệu từ những ghi chép trong một cuốn sách ra đời sau đó năm 1925, tên là "Bản án chế độ thực dân Pháp". Cuốn sách này phê bình mạnh mẽ hơn các chính sách thực dân Pháp và phản ánh rõ nét ảnh hưởng của chủ nghĩa Marx đối với thế giới quan của ông.

Nguyễn Ái Quốc dọn đến căn hộ của Phan Chu Trinh ở Villa des Gobelins vào tháng 7-1919, sau khi đưa ra "Bản yêu sách đối với lực lượng đồng minh" ít lâu. Nằm trong một quận trung lưu có đủ tiện nghi gần Place d'Italie ở tả ngạn sông Seine, nơi này khá hơn nhiều so với chỗ ở tồi tàn trước kia. Ông không chỉ ở chung với Phan Chu Trinh mà cả với một số cộng sự khác nữa.

Tuy nhiên, việc chuyển chỗ ở làm nảy sinh một số vấn đề. Đầu tháng 12-1919, một thám tử trong nhóm đặc vụ cảnh sát, báo cáo có một cuộc tranh luận gay gắt đã nổ ra giữa Nguyễn Ái Quốc và Phan Chu Trinh tại căn hộ về việc nên tiếp tục đi theo con đường nào. Quốc lên án quan chức Việt Nam như những chú cừu nhu nhược và trở thành kẻ đồng lõa với người Pháp kiềm chế dân chúng và bóc lột họ. Trinh phản đối coi quan điểm đó thật nông cạn. Ông cho rằng người Việt Nam vẫn còn quá yếu, chưa đủ khả năng chống Pháp. Ông lập luận, chống đối giai đoạn này đồng nghĩa với tự sát. Ông nhắc nhở: *"Này anh Quốc, cho tôi được nhận xét đôi lời, anh còn trẻ, nhưng ai cũng thấy anh bướng bỉnh. Anh muốn 20 triệu đồng bào của chúng ta vùng lên trong khi họ không có vũ khí trong tay để chống lại vũ khí tối tân của người châu Âu. Tại sao chúng ta lại tự sát một cách vô ích?"*

Theo Phan Chu Trinh, vẫn cần dựa vào người Pháp để thúc đẩy quá trình hiện đại hoá xã hội Việt Nam, xã hội vẫn còn chịu ảnh hưởng của bàn tay tử thần của truyền thống Nho giáo. Nhưng Quốc cảm thấy rằng người Pháp là kẻ thù số một và không thể tin cậy để thực hiện lời hứa cải cách của họ. Ông hỏi:

*"Tại sao hai mươi triệu đồng bào ta lại không làm gì để buộc chính phủ đối xử với chúng ta như đối với con người? Chúng ta là người và chúng ta phải sống như con người. Bất kỳ ai không muốn đối xử với chúng ta như đồng loại đều là kẻ thù của chúng ta. Chúng ta không muốn sống chung với họ trên trái đất này. Nếu những người khác không muốn sống chung với ta như với đồng loại, thì thật là chẳng có lý gì để sống cuộc sống nhục nhã và bị xúc phạm trên trái đất này".*

Về quan điểm cho rằng người Việt Nam phải dựa vào người Pháp để thực hiện cải cách cần thiết, Nguyễn Ái Quốc lập luận rằng Pháp đã chẳng làm gì để giáo dục người dân hay chỉ cho họ

cách tự trị. Ông công nhận *"Bác lớn tuổi hơn và nhiều kinh nghiệm hơn cháu, nhưng đồng bào của ta đã yêu cầu điều đó trong 60 năm qua và đã nhận được cái gì? Chẳng được gì cả".*

Dù khác biệt về quan điểm chính trị giữa họ ngày càng tăng, Nguyễn Ái Quốc vẫn tôn trọng Phan Chu Trinh và cố gắng thuyết phục ông thay đổi quan điểm. Vài lần ông đã dẫn người đồng chí lớn tuổi hơn đến các cuộc họp cấp tiến ở Paris. Cảnh sát luôn theo sát Quốc và cố thu thập thông tin chính xác về xuất thân của ông. Các nhà chức trách tin rằng Nguyễn Ái Quốc chính là Nguyễn Tất Thành - người đã tham gia vụ bạo động ở Huế vào mùa hè năm 1908. Họ đã phỏng vấn cha ông, chị gái ông, anh trai ông và tìm kiếm những đặc điểm trên người ông để nhận dạng. Thí dụ, họ nghe nói ông có một cái sẹo trên tai do tai nạn lúc nhỏ. Khi phải vào bệnh viện năm 1920 để điều trị áp-xe khuỷu tay phải, cảnh sát đã cố chụp hình ông.

Ngày 17-8-1920, Albert Sarraut, bấy giờ là Bộ Trưởng Thuộc địa, gửi công văn cho quận trưởng cảnh sát yêu cầu cung cấp thêm chi tiết chính xác về Nguyễn Ái Quốc. Sarraut nổi xung, giải thích: *"Anh ta không có quyền làm xáo trộn nền chính trị của chúng ta dưới một cái tên giả".* Tháng sau, Quốc bị gọi đến Bộ Thuộc địa một lần nữa để thẩm vấn. Lời tự thuật của ông về việc này:

*"Một hôm tôi viết một bức thư cho một văn sĩ, bốn ngày sau, tôi nhận được một bức thư từ Bộ Thuộc địa, do ngài Guesde ký, trong đó ông ta bảo rằng đã nhận được thư tôi và yêu cầu tôi đến văn phòng của ông. Cái gì? Tôi tự hỏi. Tôi không biết ông Guesde! Tôi chưa bao giờ viết thư cho ông ta cũng như cho bất kỳ ai trong bộ đó. Một ý nghĩ lóe sáng. Tôi tự nhủ, Ngài Guesde không biết tôi, vì vậy để làm quen và mua chuộc, ông ta tìm cớ gọi tôi đến cơ quan của ông ta".*

*Vài ngày sau, tôi đến Bộ Thuộc địa. Ngài Guesde không có ở đó, vì*

*đang công du nước Anh. Ông Pasquier một quan chức cao cấp của Bộ tiếp và hỏi xem tôi có cần gì ở chính phủ không. Nếu có thì ông ta sẽ cố gắng giúp.*

*Tôi trả lời là tôi chẳng cần gì, trừ tám yêu sách mà tôi đã đưa ra ở Hội nghị Hoà bình. Nếu ông có thể can thiệp với chính phủ Pháp để đáp ứng những yêu sách, chúng tôi sẽ vô cùng biết ơn. Ông Pasquier không trả lời câu hỏi của tôi và nói lảng sang chuyện khác".*

Không ai biết sự phản ứng của Pasquier đối với cuộc đối thoại này như thế nào. Nhưng sự phẫn nộ ngày càng gia tăng của các nhà chức trách được thể hiện trong một báo cáo về Nguyễn Ái Quốc do Pierre Guesde viết gửi Bộ Trưởng Thuộc địa ngày 12 tháng 10. Nguyễn Ái Quốc đã bị triệu đến quận cảnh sát, ba ngày sau Bộ Thuộc địa đã thẩm vấn ông. Tại quận cảnh sát, ông khai là sinh ngày 15 tháng 1 năm 1894 tại Vinh và cả 6 anh chị em đều đã qua đời.

Guesde giận dữ: "*Nguyễn Ái Quốc là ai*?"

*"Ông ta thường xuyên thay đổi tên và đang giấu tung tích dưới một cái tên giả mà cái tên đó không thể đánh lừa được bất cứ ai kể cả những người không thông thạo tiếng Việt. Ông ta cho rằng không có tài liệu nào của nhà cầm quyền Đông Dương có thể nhận dạng ông ta, nhưng ông ta đã can thiệp vào nền chính trị của chúng ta, tham gia các nhóm chính trị, nói chuyện ở các tổ chức cách mạng và ngay cả chúng tôi còn không biết mình thuộc nhóm nào. Những thông tin mà ông ta cung cấp rõ ràng là giả dối".*

Thực ra, Guesde nói, sau những nỗ lực hết mức, các nhà chức trách có bằng chứng rõ ràng là Quốc chính là Nguyễn Tất Thành, *"một kẻ kích động nguy hiểm"*, đã tham gia cuộc biểu tình ở An Nam vào năm 1908".

Trong thời gian hơn một thế hệ, phong trào chủ nghĩa xã hội ở

Pháp bao gồm các nhà tư tưởng tiến bộ thuộc nhiều mầu sắc khác nhau: những nhà hoạt động theo Auguste Blanqui, nhà cách mạng thế kỷ XIX, chủ trương tiến hành nổi dậy ngay lập tức và không chú ý gì đến vấn đề xây dựng một xã hội tương lai; các nhà cải cách theo con đường tiệm tiến của Eduard Bernstein và Quốc tế II; những người có quan điểm cấp tiến lý thuyết, xuất phát từ cuộc cách mạng Pháp hơn là từ tư tưởng Karl Marx; và những người lãnh đạo công đoàn, những người đã làm dấy lên cuộc đấu tranh giai cấp chống giới chủ, nhưng hầu như không dùng đến hệ tư tưởng. Thế chiến I đã giáng một đòn mạnh vào lợi ích chung trước đó còn đeo đẳng trong các nhóm hỗn tạp này, và khi Lenin đưa ra yêu cầu đối với những người theo Đảng Xã hội ở khắp nơi tham gia một cuộc chiến tranh thần thánh chống chủ nghĩa tư bản, ông đã buộc các đảng viên phải có quan điểm dứt khoát.

Tại Hội nghị Đảng Xã hội Pháp tổ chức ở Strabourg tháng 2-1920, đã nổ ra một cuộc tranh luận lớn về việc liệu gia nhập Quốc tế II tương đối ôn hoà hay gia nhập Quốc tế III mới của Lenin. Nguyễn Ái Quốc cũng có mặt nhưng không tham gia thảo luận. Khi bỏ phiếu, đại đa số muốn từ bỏ phe Quốc tế II, nhưng cũng có một đa số tương tự tỏ ý chống việc gia nhập Quốc tế cộng sản III. Cánh tả Pháp không sẵn sàng chọn lựa.

Trong những tháng tiếp theo, cuộc thảo luận về con đường tương lai của phong trào xã hội đã trở nên sôi nổi hơn. Mùa hè đó, hai đảng viên xuất chúng, Marcel Cachin và Tổng bí thư Louis Frossard tham gia Hội nghị Quốc tế Cộng sản II ở Moscow. Hội nghị này đã thông qua *"Luận cương về các vấn đề quốc gia và thuộc địa"* của Lenin. Khi trở về Pháp, họ triệu tập cuộc mét tinh lớn ngày 13-8 để bàn bạc về kết quả của hội nghị. Trong số 30.000 người đứng chật quảng trường Paris ở phía tây thành phố có Nguyễn Ái Quốc. Ông đã nghe Marcel lớn tiếng ủng hộ Quốc tế

Cộng sản mới của Lenin, cho rằng chỉ có Quốc tế Cộng sản mới có thể giải phóng các dân tộc nô lệ trên thế giới và tiến hành đấu tranh tới tận sào huyệt của chủ nghĩa đế quốc toàn cầu.

Những lời đó dĩ nhiên được Nguyễn Ái Quốc hoan nghênh, mặc dù có thể Nguyễn thất vọng điều kiện thứ tám của Lenin đối với việc gia nhập Quốc tế Cộng sản mới - kêu gọi các Đảng cộng sản ở các nước đế quốc chủ nghĩa tiếp tục đấu tranh tích cực chống lại các chính sách đế quốc của chính phủ - hầu như không được chú ý tại hội nghị. Tuy nhiên, có thể ông cảm thấy phấn khởi vào tháng 9 khi nghe tin về hội nghị của các dân tộc phương Đông được tổ chức sau đó ít lâu tại Baku, khi Platovich - một đại diện của Quốc tế Cộng sản - kêu gọi đấu tranh mạnh mẽ để giải phóng cho các dân tộc bị áp bức ở châu Á.

Đảng Xã hội Pháp dự kiến tổ chức Hội nghị Toàn quốc tại Tours cuối tháng 12 để quyết định khả năng gia nhập Quốc tế Cộng sản mới của Lenin. Trong những tháng trước khi diễn ra hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đã dự tất cả các phiên họp cấp quận và nghe tất cả các lập luận từ cả hai phía. Một đảng có ba phe, với những người theo trường phái ôn hoà và cấp tiến ở hai thái cực và một nhóm của Jean Longuet ở giữa. Nguyễn Ái Quốc hầu như không đóng góp ý kiến gì vào các cuộc tranh luận. Khi tham gia tranh luận thì ông bao giờ cũng phàn nàn về việc thiếu quan tâm tới các vấn đề thuộc địa. Theo lời tự thuật của ông thì có lúc ông đã kêu gọi thống nhất mục đích chung:

“Các bạn tân mến! Các bạn đều là những người xã hội rất tốt. Tất cả các bạn đều muốn giải phóng cho giai cấp công nhân. Cho dù đó là Quốc tế II, Quốc tế Hai rưỡi hay Quốc tế III thì tất cả cũng đều nhằm đạt mục tiêu đó. Các Quốc tế này không phải là cách mạng cả sao? Phải chăng không phải tất cả họ đều đấu tranh

cho xã hội? Dù bạn gia nhập Quốc tế này hay Quốc tế nọ, các bạn vẫn phải đoàn kết. Vậy thì tại sao lại phải tranh luận nhiều thế? Trong khi chúng ta đang mất thời gian để tranh luận, thì đồng bào của chúng tôi ở Việt Nam đang đau khổ và chết chóc".

Khi chọn đại biểu tham gia hội nghị, ông tìm cách để được mời với tư cách là đại diện cho một nhóm nhỏ các đảng viên của Đông Dương.

"Đại hội khai mạc ngày 25-12-1920 tại một trường đua ngựa gần Nhà thờ St. Julian, nam bờ sông Loire. Hội trường ở tầng hầm chăng đèn kết hoa cùng với bức chân dung nhà hoạt động xã hội kỳ cựu Jean Kaures và những băng rôn, biểu ngữ kêu gọi toàn thể giới cần lao trên thế giới đoàn kết lại. Đối diện với bục diễn đàn được trải khăn trắng, ngay phía trước là hàng ghế bằng những tấm ván xẻ xếp ngang. Hai trăm tám mươi nhăm đại biểu và những khách mời thay mặt cho 178 nghìn đảng viên toàn quốc, ngồi theo từng phe phái chính trị. Nguyễn Ái Quốc ngồi cùng phái cánh tả do Marcel Cachin năng nổ lãnh đạo.

Các đại biểu bắt tay vào thảo luận chủ đề chính của hội nghị ngay hôm ấy để đưa ra quyết định có hay không tham gia Quốc tế Cộng sản III. Là người châu Á duy nhất, mặc một bộ đồ sẫm màu quá khổ so với vóc dáng gầy của mình, Nguyễn Ái Quốc dường như lạc lõng trong hàng trăm người châu Âu râu ria xồm xoàm. Ngay lập tức ông làm xôn xao trong hội nghị. Ngày đầu tiên, một nhà nhiếp ảnh đã chụp ảnh ông và tấm ảnh đó đã được đăng trên số báo ngày hôm sau xuất bản ở Paris có tên là "Buổi sáng". Cảnh sát được báo về sự hiện diện của ông và ngay lập tức xuất hiện với lệnh bắt ông, nhưng một số đại biểu đã vây quanh ông và ngăn không cho họ bắt. Cuối cùng cảnh sát đã bỏ cuộc.

Cũng ngày hôm đó, Nguyễn Ái Quốc đứng lên phát biểu, ông nói

trong 15 phút không cần bài chuẩn bị sẵn. Ông đi thẳng vào vấn đề, chỉ trích các chính sách thuộc địa của Pháp về việc đàn áp và bóc lột đồng bào của ông. Ông nói, bất cứ ai phản đối đều bị bắt và số nhà tù còn nhiều hơn số trường học và luôn chật cứng người bị bắt giữ. Người dân không có quyền tự do ngôn luận và quyền tự do đi lại. Họ bị ép hút thuốc phiện và uống rượu để mang lại lợi nhuận cho chính phủ Pháp, vì chính phủ này đánh thuế đối với cả hai mặt hàng trên. Ông đề nghị, *những người Pháp theo chủ nghĩa xã hội phải hành động để ủng hộ dân thuộc địa bị áp bức*.

Về điểm này, Nguyễn Ái Quốc bị Jean Longuet ngắt lời. Nhà lãnh đạo xã hội phản đối vì ông đã lên tiếng ủng hộ người bản xứ. Quốc đã trả lời bằng một giọng hài hước về quan niệm của Marx về chuyên chính vô sản "*Tôi áp đặt chuyên chính im lặng*", và nói thêm rằng đảng Xã hội phải thúc đẩy mạnh mẽ tuyên truyền chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước thuộc địa. Ông nói rằng quyết định gia nhập Quốc tế Cộng sản III khẳng định rằng Đảng đã dự đoán đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. Ông kết thúc với một lời kêu gọi: *"Nhân danh toàn nhân loại, nhân danh tất cả những người theo phe xã hội chủ nghĩa cả cánh tả và cánh hữu, chúng tôi kêu gọi các bạn, các đồng chí hãy cứu chúng tôi"*.

Sau khi Nguyễn Ái Quốc kết thúc bài phát biểu, Jean Longuet lại tiếp tục phát biểu và khẳng định công khai ủng hộ sự nghiệp của người Việt Nam tại Quốc hội và nói thêm rằng vấn đề này đang được thảo luận ở Quốc hội. Nhưng Paul Vaillant-Couturier, một ngôi sao đang lên của phong trào cấp tiến, đồng thời là người ủng hộ Nguyễn Ái Quốc mạnh mẽ nhất, vặn lại rằng điều cần thiết hiện nay không chỉ là cuộc thảo luận tại Quốc hội mà là hành động của Quốc hội vì các dân tộc bị áp bức.

Ngày 27-12, Marcel Cachin đã chính thức đề nghị Đảng Xã hội

Pháp chấp nhận điều kiện của Lenin về gia nhập Quốc tế Cộng sản III và Nguyễn Ái Quốc đã lên tiếng ủng hộ đề nghị này. Hai ngày sau, bản kiến nghị được hơn 70% số đại biểu ủng hộ. Các đại biểu phản đối việc gia nhập Quốc tế Cộng sản đã ùa ra khỏi phòng họp để phản đối. Những người còn lại thì bỏ phiếu từ bỏ Đảng Xã hội Pháp và thành lập Đảng cộng sản Pháp mới. Nhưng không có thêm cuộc thảo luận nào nữa về vấn đề thuộc địa và giới lãnh đạo đã bác bỏ một đề nghị, chắc chắn do Nguyễn Ái Quốc đưa ra, việc đưa ra một tuyên bố công khai ủng hộ nhân dân các nước thuộc địa.

Tại Đại hội Tours, Nguyễn Ái Quốc đã thông báo cho các cộng sự biết, ông quyết tâm trở thành một người tích cực phát biểu đòi hỏi quan tâm nhiều hơn nữa đến nhu cầu của nhân dân các nước thuộc địa, coi đó là một nhân tố mang tính quyết định của cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chủ nghĩa tư bản. Ông đã chứng minh bằng cả những lời bình luận công khai và không công khai, ông không chỉ lo lắng về thành công của cuộc cách mạng thế giới mà còn về số phận của đất nước ông. Tinh thần đó đã được phản ánh trong một lời nhận xét của ông với một người quen lúc đó: *"Tôi không có nhiều tiền để theo học các khoá học tại trường đại học. Nhưng cuộc sống đã cho tôi cơ hội học lịch sử, khoa học xã hội và thậm chí cả khoa học quân sự. Người ta nên yêu thích cái gì? Người ta nên coi thường cái gì? Đối với người Việt chúng tôi, cần phải yêu độc lập, công việc và Tổ quốc".*

Nhưng chẳng bao lâu sau ông đã thất vọng vì tất cả đảng viên của Đảng mới không theo theo quan điểm của ông. Tháng 2-1921, ông bị ốm và nằm viện một thời gian. Sau khi ra viện, ông viết một bài "*Đông Dương*" cho tờ "Tạp chí Cộng sản" số tháng tư. Trong bài báo đó, ông đã chỉ trích các đảng viên của Đảng cộng sản Pháp không quan tâm đúng mức tới các vấn đề thúc đẩy cách mạng ở

thuộc địa và không nghiên cứu vấn đề này một cách có hệ thống. Ông lý giải, dù người Pháp đang cố tình hủy diệt tinh thần nhân dân Đông Dương, nhưng người Đông Dương không chết, không những thế *"dân Đông Dương vẫn sống và sẽ sống mãi"*- thật khó diễn đạt của chủ nghĩa Quốc tế vô sản Marxist. Bài báo đã cho thấy ông đã từ bỏ hy vọng có thể thay đổi mà không cần đến bạo lực. Trong khi cho rằng Đông Dương vẫn chưa chín muồi để tiến hành cách mạng, chủ yếu là vì dân không được học hành và không có quyền tự do ngôn luận hay hành động, theo ông, dưới cái vỏ ngài dễ bảo và thụ động *"Có một cái gì đó đang âm ỉ trỗi dậy và chuyển động, đến một thời điểm thích hợp nó sẽ nổ tung khủng khiếp"*. Ông lập luận, tiến trình đó nhanh chóng xảy ra hay không tuỳ thuộc vào tầng lớp trí thức. Ông kết luận *"Sự chuyên chế của chủ nghĩa tư bản là sự chuẩn bị đất trồng. Chủ nghĩa xã hội chỉ cần gieo hạt giải phóng"*.

Trong bài báo thứ hai cùng với tựa đề vào tháng năm, Nguyễn Ái Quốc đã thảo luận vấn đề liệu có nên áp dụng chủ nghĩa cộng sản ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không. Đây là một vấn đề rất thích hợp, vì tại thời điểm đó hầu hết những người châu Âu cấp tiến vẫn tin rằng ở hầu hết các nước "lạc hậu" nhất, còn lâu mới có cách mạng. Josif Stalin cũng có bài đăng trên tờ "Sự Thật" (Pravda) cùng tháng vạch ra rằng các quốc gia tiến bộ, sau khi tự giải phóng mình, có nhiệm vụ giải phóng cho các "*dân tộc lạc hậu*".

Trong bài báo của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tranh luận với các quan điểm như vậy, lập luận rằng học thuyết và chiến lược Marx-Lenin phù hợp cả ở châu Á và phương Tây. Ông chỉ ra rằng ở Nhật Bản, nước châu Á đầu tiên trở thành nước tư bản chủ nghĩa, một đảng xã hội đã được thành lập. Trung Quốc tuy vẫn phụ thuộc vào châu Âu và Mỹ, vừa thức tỉnh và một chính phủ cách mạng mới do

lãnh đạo phe nổi dậy Tôn Dật Tiên cầm đầu ở Nam Trung Quốc hứa hẹn khai sinh *"một Trung Hoa được tái tổ chức và vô sản hoá"*. Ông dự đoán, *có thể một ngày không xa, Nga và Trung Quốc sẽ cùng tiến bước*. Các dân tộc khác ở châu Á đang phải chịu đau khổ, Triều Tiên vẫn nằm dưới ách đô hộ của Nhật Bản, trong khi Ấn Độ và Đông Dương nằm trong tay những kẻ bóc lột Anh, Pháp.

Dự đoán của Nguyễn Ái Quốc về hợp tác giữa Trung Hoa và Nga là mang tính tiên tri. Lúc đó, ông đang bình luận về những sự kiện vừa xảy ra tại Trung Quốc, dẫn đến việc Tôn Dật Tiên liên minh với một nhà lãnh đạo quân sự để thành lập một chế độ cách mạng ở thành phố Quảng Châu. Tôn Dật Tiên sống lưu vong trong vài năm, sau khi nhà lãnh đạo chính trị Viên Thế Khải làm thất bại nỗ lực của các môn đệ của Tôn Dật Tiên xây dựng một Trung Quốc phương Tây hoá và tự mình giành quyền kiểm soát. Sau khi Viên Thế Khải qua đời năm 1916, Trung Quốc rơi vào rối loạn, do các tướng lãnh tranh quyền kiểm soát nhiều vùng ở Trung Quốc.

Nguyễn Ái Quốc lập luận, có những bằng chứng chắc chắn về lịch sử giải thích tại sao chủ nghĩa cộng sản thích nghi ở châu Á dễ dàng hơn ở châu Âu. Theo ông, người châu Á, dù bị người phương Tây coi là lạc hậu, hiểu rõ hơn sự cần thiết phải cải cách toàn diện xã hội đương thời. Họ cũng có thiện cảm đối với ý tưởng cộng đồng và công bằng xã hội. Trung Hoa cổ đại đã thực hiện một *"sân chơi bình đẳng"*, chia đất nông nghiệp ra thành các phần bằng nhau và để riêng một lô đất làm công thổ. Hơn 4.000 năm trước, Nhà Hạ đã áp dụng hình thức lao động bắt buộc. Ngay từ thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên, đại triết gia Khổng Tử đã dự đoán trước về Quốc tế Cộng sản và giảng thuyết bình đẳng về tài sản. Vị sư phụ này đã dự đoán, hoà bình thế giới sẽ không có khi chưa thiết lập nền cộng hoà toàn cầu. Ông giảng giải: *"Không sợ ít mà chỉ sợ không được phân phối bình đẳng"*. Môn đồ Mạnh Tử của ông tiếp

tục theo học thuyết của thầy, xây dựng một kế hoạch cụ thể để tổ chức sản xuất và tiêu dùng. Trả lời một câu hỏi của nhà cầm quyền, Mạnh Tử nói *"nhu cầu của nhân dân là trên hết, sau đó là nhu cầu của quốc gia, cuối cùng mới đến nhu cầu của quốc vương"*.

Quốc đưa thêm dẫn chứng về truyền thống xã hội Á châu, ví dụ như, theo luật đất đai của Việt nam hạn chế việc mua bán đất, một phần tư tổng số đất canh tác được coi là đất công thổ quốc gia. Ông kết luận, do đó đến cái ngày mà hàng triệu người châu Á bị áp bức thức tỉnh, họ sẽ trở thành một lực lượng khổng lồ có thể lật đổ chủ nghĩa đế quốc và sẽ giúp những người anh em ở phương Tây thực hiện sứ mạng giải phóng hoàn toàn khỏi sự bóc lột của tư bản. châu Á sẽ đóng vai trò tích cực trong cách mạng thế giới.

Nguyễn Ái Quốc cũng dùng ngòi bút của mình để xé toạc những bí ẩn của nền văn minh Pháp rực rỡ. Trong một bài báo viết vào tháng 9 có tựa đề *"Nền văn minh ưu việt hơn"*, ông chế nhạo ba trụ cột của cách mạng Pháp là tự do, bình đẳng và bác ái, nêu ra những thí dụ về sự tàn ác của Pháp như đã được kể lại trong nhật ký của một người lính Pháp. Trong một bài báo ngắn được đăng vào tháng mười trên tờ *Tự do (Le Liberte)*, ông kể lại một thí dụ của chính ông rằng khi còn là sinh viên ở Quốc Học Huế năm 1908, ông đã chứng kiến một đồng môn bị một giáo viên người Pháp sỉ nhục một cách tàn bạo. Ông nhận xét một cách châm chọc rằng việc này xảy ra ngay dưới tấm bảng được treo ở mọi lớp học: HÃY YÊU NƯỚC PHÁP, NƯỚC PHÁP BẢO VỆ BẠN.

Thái độ càng ngày càng trở nên cấp tiến của Nguyễn Ái Quốc khiến nhà chức trách Pháp theo dõi ông rất sát sao. Đầu năm 1921, một lần nữa ông lại bị triệu đến Bộ Thuộc địa để ông Albert Sarraut thẩm vấn. Bộ trưởng tuyên bố:

"Nếu nước Pháp trao trả Đông Dương cho các anh thì các anh

cũng không quản lý được vì các anh không có đủ phương tiện". Quốc trả lời *"Trái lại, hãy nhìn vào nước Xiêm và Nhật Bản. Nền văn minh của hai nước này không lâu đời hơn nền văn minh của chúng tôi, thế mà họ vẫn sánh ngang với các nước trên thế giới. Nếu Pháp trả lại đất nước cho chúng tôi, nước Pháp chắc chắn sẽ thấy là chúng tôi biết cách quản lý nó".* Khi nghe những lời này, ông Sarraut lảng sang chuyện khác.

Quyết định gia nhập Đảng cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc đã làm tăng thêm sự căng thẳng vốn đã có từ trước ở căn hộ Villa des Gobelins, nơi mà không phải tất cả các đồng sự đều tán thành những ý kiến của ông. Trong thời gian hội nghị Tours, Trần Tiến Nam, một người bạn thân nhất của ông, nói với một người quen rằng các quan điểm cấp tiến của Quốc không được những người ở cùng căn hộ đồng tình. Vài tháng sau đó, cảnh sát tiếp tục báo cáo, các cuộc tranh luận gay gắt thường xuyên nổ ra.

Mâu thuẫn giữa Nguyễn Ái Quốc và đồng sự của ông cuối cùng đã lên đến đỉnh điểm vào tháng 7, sau khi đã trở nên căng thẳng hơn trong vài tháng. Ngày 6-7-1921, ông tham gia một cuộc biểu tình ở nghĩa trang Pere Lachaise, một quận phía đông Paris nơi rất đông tầng lớp lao động sinh sống, để tưởng nhớ những người đã hy sinh trong thời kỳ Công Xã Paris năm 1871. Quốc đã bị cảnh sát đánh đập dã man nhưng đã thoát được. Tin tức về vụ việc đó đã làm cho một số người quen của ông lo lắng. Vài tuần sau đó, Trần Tiến Nam, một trong những thành viên ôn hoà hơn của nhóm, đã chuyển khỏi căn hộ, cho rằng những quan điểm chính trị của Nguyễn Ái Quốc là quá cấp tiến.

Ngày 11-7-1921, theo mật vụ báo cáo, một cuộc tranh luận gay gắt đã nổ ra giữa Nguyễn Ái Quốc và những người bạn của ông, kéo dài từ 9 giờ tối đến tận sáng sớm hôm sau. Hôm sau, cảnh sát

bám đuôi thấy Quốc rời khỏi căn hộ đến ở với bạn ông là Võ Văn Toàn, số 12 đường Buot. Một tuần sau đó, bạn ông là Paul Vaillant-Couturier đã giúp ông tìm một căn hộ nhỏ ở số 9 ngõ Compoint, một ngõ cụt ở Batignolles, khu ở công nhân ở tây bắc Paris.

Chỗ ở mới của Nguyễn Ái Quốc vô cùng đơn sơ, kém tiện nghi so với nơi ở tương đối rộng rãi và tiện nghi của ông ở Villa des Gobelins. Căn hộ một phòng chỉ đủ kê một chiếc giường, một chiếc bàn nhỏ và một tủ quần áo. Cửa sổ duy nhất lại nhìn sang bức tường của nhà kế bên, muốn nhìn trời, ông phải nghển cổ ra khỏi cửa sổ. Không có điện nên ông phải dùng đèn dầu; không có nước nên ông dùng một cái chậu để rửa mặt và giặt quần áo ở bên ngoài. Để sưởi ấm, ông dùng một viên gạch đã ủ nóng trong lò sưởi của chủ nhà và sau đó gói vào một tờ giấy. Ngày ăn hai bữa gồm một ít cá muối hoặc chút thịt. Đôi khi ông chỉ ăn một mẩu bánh mì và phô-mai.

Nguyễn Ái Quốc chia tay nhóm bạn ở Villa des Gobelins và chuyển đến nơi ở mới cũng khiến ông phải thay đổi chỗ làm. Ông vẫn làm thợ sửa ảnh cùng với Phan Chu Trinh cho đến tháng 7-1920. Sau đó, theo đơn khai của ông gửi cho cảnh sát ngày 17-9, ông trở thành một người trang trí tranh tường Trung Quốc cho một người Hoa sản xuất đồ gỗ giả cổ ở khu La-tinh. Tháng 9, khi công nhân ở cửa hàng đình công, ông nhận một việc mới ở cửa hàng nhiếp ảnh ở phố Froidevaux, chỉ cách căn hộ mới của ông mấy nhà ở ngõ Compoint. Là thợ học nghề, ông chỉ kiếm được 40 quan một tuần.

Hoàn cảnh túng quẫn của Nguyễn Ái Quốc không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của ông. Ông vẫn thường xuyên tham dự các cuộc họp chính trị, các cuộc biểu diễn nghệ thuật và thường xuyên đến Thư viện Quốc gia. Trong các hoạt động, ông gặp những nhân vật

nổi tiếng như ca sĩ kiêm diễn viên Maurice Chevaliet và nhà viết truyện ngắn Colette. Theo báo cáo của cảnh sát, ông thường tiếp đãi khách thăm, nấu bữa tối gồm rau xanh và xì dầu, pha trà nhài ở bếp lò nhỏ trên một cái bàn ở góc căn hộ. Mặc dù lương của ông sau khi đã trả tiền thuê nhà, tháng chỉ còn lại chút xíu, ông vẫn cố gắng đến dự nhiều cuộc họp trên khắp nước Pháp, điều này cho mọi người thấy rằng ông nhận được trợ cấp từ Đảng cộng sản.

Việc Nguyễn Ái Quốc chia tay với nhóm ở căn hộ Villa des Gobelins diễn ra nhanh dự đoán là do bất đồng về quyết định thành lập Uỷ ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng cộng sản Pháp để thúc đẩy việc học chủ nghĩa Marxist ở các thuộc địa của Pháp. Nguyễn Ái Quốc trở thành một thành viên tích cực và giữa tháng 6-1921, ông đưa Phan Chu Trinh đến một trong những cuộc họp của Uỷ ban. Vài tuần sau, ông dự cuộc họp thứ hai tại Fontainebleau, cách Paris 60 cây số về phía đông nam. Hai ngày sau khi trở về, ông đã có cuộc khẩu chiến cuối cùng tại căn hộ.

Một trong những kết quả tức thì của việc thiết lập Ủy ban Nghiên cứu Thuộc địa là việc hình thành một tổ chức mới để đại diện cho công dân các nước thuộc địa ở Pháp, đó là Liên hiệp Thuộc địa. Trong vài tháng, Nguyễn Ái Quốc đã cân nhắc việc thiết lập một nhóm như vậy. Trong một cuộc nói chuyện với một người quen khi nằm ở bệnh viện tháng 2-1921, ông có nhắc đến sự cần thiết phải thiết lập một tổ chức dưới hình thức của một hiệp hội tương hỗ để đoàn kết nhân dân các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Cũng chỉ trong vài tháng, Hội những người yêu nước An Nam của ông đã hợp tác không chính thức với một nhóm người Madagasca - thuộc địa của Pháp - và đã thiết lập một uỷ ban hành động chung để điều phối các hoạt động chính trị. Các nhóm tương tự đã được những người châu Phi sống ở Paris và London thiết lập. Giờ đây, theo lệnh của uỷ ban, hình mẫu hợp tác

không chính thức này được thể chế hoá bằng việc thành lập Liên hiệp Thuộc địa, Liên hiệp tự cho mình là có tiếng nói chủ chốt trong việc bảo vệ lợi ích của mọi người dân của các nước thuộc địa đang sinh sống ở Pháp. Thành lập từ tháng 7-1921, liên hiệp này có gần 200 thành viên. Hầu hết là người Madagasca và Việt Nam, một số là người Bắc Phi và Tây Ấn. Theo bản tuyên ngôn đưa ra, mục tiêu công khai có tính ôn hoà của tổ chức này là chỉ tìm cách thông báo cho nhân dân các nước thuộc địa về những sự kiện xảy ra ở Pháp và nghiên cứu tất cả các vấn đề chính trị và kinh tế ở các nước thuộc địa - trừ mục tiêu cuối cùng là tìm cách xoá bỏ hệ thống thuộc địa Pháp.

Ngay từ đầu, Nguyễn Ái Quốc là động lực chính của tổ chức mới này. Ông được bầu vào Ban điều hành cùng với một số đảng viên có uy tín khác của Đảng cộng sản Pháp - người đồng hương của ông là Nguyễn Thế Truyền, Max Bloncourt, một thành viên người Madagasca và Hadj Ali người Algerie. Ông Quốc là ủy viên của ban điều hành và thường xuyên tham dự các cuộc họp của ban. Các cuộc họp lúc đầu diễn ra ở đại lộ Valois, gần công viên Monceau. Được Đảng cộng sản Pháp tài trợ một phần, trụ sở của Liên hiệp nằm ở số 3 Marché des Patriarches, một con đường hẹp gần ga Austerlitz ở tả ngạn sông Seine. Với nhiều nỗ lực, ông đã bước đầu hợp nhất được các quyền lợi khác nhau của các nhóm. Theo như báo cáo của cảnh sát Pháp, điều này không dễ thực hiện chút nào. Sự ghen tị và cạnh tranh giữa các nước thường xuyên làm gián đoạn các hoạt động của nhóm, trong khi những người cánh tả gốc châu Âu thỉnh thoảng than phiền rằng họ bị ngăn không cho gia nhập tổ chức này một cách bất công vì hàng rào sắc tộc. Một số thành viên người Việt cáo buộc rằng các hoạt động giao lưu văn hoá được chú trọng quá nhiều và yêu cầu lập lại một tổ chức thuần túy của người Việt. Người châu Phi vặn lại rằng các

thành viên châu Á cố chấp và ngạo mạn. Nguyễn Ái Quốc nhận thấy rằng khó có thể đưa những người dân thuộc địa vốn rất khác nhau vào cùng một tổ chức hoạt động theo chung một nguyên tắc.

Số người tham gia các cuộc họp toàn thể của đại hội liên hiệp đã giảm từ cao điểm 200 xuống còn 50 người mỗi phiên. Tại phiên họp tháng 2-1923 chỉ còn 27 thành viên tham dự. Trong đó có hai thành viên là phụ nữ Pháp. Hai người này đều được cho là tình nhân của các nhà hoạt động. Nguyễn Ái Quốc cũng có nữ liên lạc viên, mặc dù người ta không rõ những người bạn gái của ông có tham gia các hoạt động cấp tiến hay không. Ông đạt được thành công nhỏ: Phan Văn Trường, một thời đã cộng tác với ông soạn thảo yêu sách gửi các nhà lãnh đạo đồng minh ở Versailles, đồng ý gia nhập Liên hiệp.

Công tác tổ chức Liên hiệp Thuộc địa không phải là hoạt động duy nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm cuối cùng sống ở Paris. Qua liên lạc với các nhân vật cấp tiến Pháp, ông đã nhận biết giá trị của báo chí trong việc tuyên truyền về công cuộc cách mạng. Đầu năm 1922, được sự khuyến khích của Ủy ban Nghiên cứu Thuộc địa và các thành viên khác của Liên hiệp Thuộc địa, ông quyết định thành lập một tờ báo mới có mục đích là kêu gọi nhân dân các nước thuộc địa đang sống tại Paris, và cũng là tiếng nói của nhân dân các nước thuộc địa trên khắp đất Pháp. Tờ báo này có tên là "Người cùng khổ" (Le Paria), bằng tiếng Pháp, nhưng tiêu đề của nó được in bằng tiếng Trung Quốc và tiếng A-rập. Số báo đầu tiên ra ngày 1-4-1922, các số tiếp theo ra đều đặn hàng tháng; sau đó, do các khó khăn về tài chính chồng chất nên các số báo phát hành thưa dần. Tờ báo có hình thức và kiểu cách đơn giản, mục đích là thông báo độc giả tin tức và quan điểm về các vấn đề thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc, hoạt động không mệt mỏi, là chủ biên của tờ báo này. Ông cũng là cây viết chính cho tờ báo và khi không có mặt những người khác thì ông thậm chí còn kiêm vẽ tranh, duyệt báo và chuyển báo đến với người mua định kỳ. Như ông đã kể lại:

"*Có lần tôi vừa là chủ bút kiêm thủ quỹ và nhà phân phối tờ Người cùng khổ, vừa là người bán. Các đồng chí từ các nước thuộc địa châu Á và châu Phi viết bài và kêu gọi sự đóng góp, tất cả những việc còn lại đều do tôi đảm nhiệm*".

Qua các trang báo *"Người cùng khổ"*, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục cải tiến phong cách viết báo của mình. Trong các bài xã luận - đôi khi mỗi số báo có từ hai đến ba bài xã luận - ông viết về các vấn đề quốc tế. Lúc thì là một bài báo phê phán một khía cạnh nào đó của đời sống thuộc địa, thí dụ như hành động độc ác của chính quyền Pháp ở châu Phi hoặc Đông Dương. Lúc thì là một mẩu chuyện về cuộc sống ở nước Nga, luôn được tả như một bức tranh về cảnh đồng quê thơ mộng, dù ông chưa bao giờ đặt chân đến đó.

Bài viết của ông không có gì là đặc biệt. Ông đã biết được tầm quan trọng của việc dùng lối viết đơn giản và trực tiếp qua việc đọc các tác phẩm của Lev Tolstoy, tác giả của những cuốn tiểu thuyết mà ông ưa thích. Những bài báo của ông cũng không tinh tế. Ông chủ yếu dựa vào các thực tế và con số để đưa ra quan điểm, dường như đối với độc giả, ông là một cuốn từ điển thống kê sống về cuộc sống ở các nước thuộc địa, từ mức thuế thân ở Bờ Biển Ngà đến ngân sách thuộc địa giành cho Đông Dương thuộc Pháp. Khi ông không chôn vùi kẻ thù trong đống dữ liệu của mình thì ông sử dụng cách nói châm biếm, nhưng ngôn từ của ông không đủ sức mỉa mai, châm biếm như Lỗ Tấn, một nhà văn tài hoa của Trung Quốc. Ông có xu hướng bỏ qua lý luận mà dựa vào việc chỉ trích một cách cay nghiệt trực diện hệ thống thuộc địa và

những tác động tàn bạo đối với những người bị đè nặng bởi guồng máy cai trị.

Trong những năm sau, nhiều nhà nghiên cứu về ông ngỡ ngàng khi thấy một người có sức thu hút cá nhân lớn như vậy và một nhân cách tinh tế lại có một lối viết tẻ nhạt và tầm thường đến thế. Tuy nhiên, đây chính là điểm mấu chốt tính cách ông và hiệu quả chính trị trong nhiều năm. Không giống nhiều nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa Marx khác, Nguyễn Ái Quốc thấy độc giả của mình không chỉ bao gồm chủ yếu là trí thức mà còn có cả dân thường như công nhân, nông dân, bộ đội và nhân viên hành chính. Ông không mong muốn gây ấn tượng đối với độc giả bằng trí tuệ uyên bác của mình mà ông cố gắng thuyết phục họ bằng cách viết đơn giản và sinh động để chia sẻ thế giới quan và quan điểm của ông về phương cách tạo nên thay đổi. Những bài tệ nhất của ông gây nhàm chán đối với độc giả tinh tế. Những bài tốt nhất đôi khi gây phản ứng mạnh mẽ mỗi khi ông mô tả nỗi kinh hoàng của hệ thống thuộc địa.

"*Người cùng khổ"* chẳng mấy chốc trở thành nổi tiếng và là tiếng nói chủ chốt ủng hộ những người bị áp bức ở Pháp. Như Nguyễn Ái Quốc đã viết sau này:

"*Chúng tôi bán báo cho các công nhân Việt Nam, tuy họ không đọc được Pháp ngữ, nhưng thích mua bởi vì họ biết rằng tờ báo chống Tây và sau khi mua nhờ các công nhân Pháp đọc hộ. Ngoài ra, ở Paris còn có những nơi mà chúng tôi có thể bán nhiều báo và có lãi. Bởi vì họ và chúng tôi đều là những người đồng chí, họ bán báo không lấy tiền thù lao, nhưng bán không được nhiều, bởi vì trên thực tế mọi số Người Cùng Khổ in ra đều bị Bộ Thuộc địa Pháp tìm mọi cách mua".*

Bất cứ ai bị bắt quả tang đang đọc báo này sẽ bị bắt ngay lập tức. Tuy nhiên, Nguyễn Ái Quốc đã tìm cách bí mật chuyển báo

đến các thuộc địa, lúc đầu ông thu xếp để các thuỷ thủ có thiện cảm với cách mạng mang báo trong hành lý của họ. Khi các nhà chức trách Pháp bắt được thì lại có một cách mới. Cuối cùng, các báo được gửi đi bằng cách nhét vào các đồng hồ đồ chơi. Đó là một cách tuyên truyền tốn kém nhưng đạt được mục đích.

Tuy nhiên, thiếu kinh phí vẫn luôn là vấn đề phải lo liệu. Tờ báo nhận được trợ cấp thường xuyên từ Liên hiệp Thuộc địa, nhưng ít nhất nó phải tự trang trải một phần kinh phí. Nhìn chung, tờ báo bán không chạy. Số báo đầu tiên có 300 độc giả đặt báo, nhưng sau đó giảm xuống 200 trong tổng số 1.000 bản in cho mỗi số. Một số được bán tại các cuộc họp của Liên hiệp, vài trăm tờ được gửi qua nhiều đường khác nhau đến các nước thuộc địa. Số còn lại được bán tại các cửa hàng nhỏ. Chưa đủ, báo này còn được đem cho không. Cảnh sát vẫn lo ngại về tờ báo mà họ cho là phương tiện tuyên truyền của cộng sản. Tất cả những người đăng ký mua báo dài hạn đều nằm trong sổ đen của cảnh sát.

Nguyễn Ái Quốc tiếp tục viết bài cho các báo và tạp chí cánh tả khác ở Paris. Ông cũng đã chuyển sang viết truyện. Năm 1922, Vua Khải Định được mời sang Pháp nhân kỷ niệm và dự triển lãm thuộc địa được tổ chức tại Marseilles từ tháng tư đến tháng tám. Tin đồn có âm mưu ám sát và một số người nghi ngờ Nguyễn Ái Quốc hoặc Phan Chu Trinh có liên quan đến vụ này. Nhằm tránh dư luận không có lợi, Albert Sarraut cố thuyết phục Phan Chu Trinh không tỏ ra phản đối chuyến thăm đó, nhưng Trinh đã bỏ qua đề nghị đó và viết một bức thư công khai gửi vua Khải Định. Trong thư, ông cực lực chỉ trích vai trò của ông ta như một nhà cầm quyền bù nhìn của một nước bại trận. Nguyễn Ái Quốc cũng nhân dịp đó thúc đẩy những mục tiêu của riêng ông, chủ biên các bài báo viết về chuyến thăm này và tự tay viết một bức thư, được công bố vào ngày 9-8-1922, trên tờ Nhân dân (Journal du Peuple).

Bức thư mô tả Khải Định như một thứ đồ trang sức rẻ tiền được trưng bày tại một cuộc triển lãm, được giữ trong tủ kính cửa hàng trong khi người dân của ông ta còn ngập ngụa trong vũng bùn. Ông cũng sáng tác một vở kịch có tên "Con Rồng tre", nhạo báng vị hoàng đế và chuyến đi Pháp theo nghi lễ hoàng gia. Vở kịch trình diễn thời gian ngắn tại Câu lạc bộ Faubourg, để lại ấn tượng sâu sắc với khán giả. Khi tin đó lan sang Đông Dương, nó càng gây thêm sự chia rẽ giữa hai cha con Nguyễn Ái Quốc. Khi được thông báo về các nhận xét của Quốc, ông Sắc tuyên bố, *"bất cứ người con trai nào không chấp nhận vua thì cũng chẳng công nhận cha mình"*.

Chuyến thăm của vua Khải Định là cơ hội cuối cùng để Nguyễn Ái Quốc và Phan Chu Trinh cùng đứng về một phe trong một vấn đề chính trị, nhưng họ đã không thể thống nhất về phương thức tốt nhất để giải phóng đất nước. Tháng 2-1922, ông Trinh gửi một bức thư cho người đồng sự trẻ trong khi ông thăm Marseilles. Bức thư không đả động gì đến sự khác biệt rõ ràng về ý thức hệ giữa hai người mà tập trung vào vấn đề chiến thuật.

Trong khi giữ quan điểm của mình là coi trọng việc nêu cao tinh thần và tri thức của người Việt Nam thông qua giáo dục, ông Trinh công nhận rằng ông là người bảo thủ và một *"con ngựa già đã mệt"* so sánh với Quốc, "*con tuấn mã hăng say*". Nhưng ông lập luận rằng Quốc đang phí thời gian ở lại nước ngoài và viết những bài báo bằng thứ tiếng mà chẳng mấy người Việt Nam hiểu được. Ông nói, *đó là sai lầm của Phan Bội Châu khi ông tìm cách tuyển những người yêu nước sang học ở Nhật Bản*. Ông khuyên Quốc nên về nước và kêu gọi người dân trong nước. Ông kết luận, nếu được như vậy thì *"tôi tin rằng học thuyết mà anh hằng ấp ủ có thể được thấm nhuần trong tâm trí nhân dân chúng ta. Ngay cả nếu anh có thất bại thì những người khác sẽ tiếp tục gánh vác nhiệm vụ đó*".

Nguyễn Ái Quốc đang quá thiết tha với sự nghiệp đang tiến triển của mình trong phong trào cách mạng Pháp đến mức không lưu ý đến lời khuyên của ông Trinh. Trong vòng vài năm, từ chỗ được ít người biết đến, ông đã trở thành người đi đầu trong phong trào cấp tiến ở Pháp và là thành viên có uy tín nhất của cộng đồng người Việt ly hương. Được sự trợ giúp của Georges Pioch, một trí thức cấp tiến uy tín có liên hệ với Câu lạc bộ Faubourg, ông đã trau dồi kỹ năng nói và bắt đầu tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận với các đảng viên có uy tín của Đảng cộng sản Pháp. Tại Đại hội đầu tiên của Đảng tổ chức ở Marseilles cuối tháng 12-1921, ông đã phát biểu về vấn đề thuộc địa và được bầu làm đại diện của quận Seine.

Ngay sau khi Quốc đến Marseilles để dự Đại hội, hai cảnh sát mặc thường phục tìm cách bắt giữ ông, nhưng ông đã thoát và đến toà nhà nơi đang diễn ra cuộc họp. Cuối thời gian diễn ra hội nghị, ông được các đại biểu hộ tống qua nhóm cảnh sát tuần tra đến một nơi bí mật cho tới khi ông có thể trở lại Paris.

Tại thủ đô, cảnh sát tiếp tục giám sát mọi hành động đi lại của Nguyễn Ái Quốc, và vào tháng 11, có thể do áp lực từ cảnh sát, ông đã bị chủ đuổi việc tại cửa hàng nhiếp ảnh cạnh căn hộ ông ở. Thất nghiệp, ông tìm các công việc khác, nhưng cuối cùng ông đã quay lại với nghề nhiếp ảnh bằng cách thành lập một văn phòng ở ngay căn hộ của ông. Ông chỉ làm việc vào buổi sáng để thời gian còn lại tham gia các hoạt động chính trị.

Là đảng viên hàng đầu của Đảng cộng sản Pháp và đại diện có uy tín nhất của các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục thu hút sự quan tâm đáng kể của cơ quan an ninh Pháp. Cảnh sát theo dõi chặt chẽ các hoạt động hằng ngày của ông và hai đặc vụ được cử riêng để theo dõi ông thường xuyên. Ngày 22-6-1922, Albert

Sarraut một lần nữa mời ông đến Bộ Thuộc địa để thẩm vấn. Trong suốt cuộc gặp, Bộ trưởng hết đe doạ lại mua chuộc ông. Sarraut mở đầu cuộc nói chuyện bằng việc tuyên bố rằng những kẻ gây rối liên kết với các phần tử "Bolsevich" ở Pháp đang có dự tính gây rắc rối ở Đông Dương tất yếu sẽ bị đập tan. Nhưng ông ta nói thêm rằng ông ngưỡng mộ những người như Nguyễn Ái Quốc vì có mục đích vững vàng và ý chí đạt mục đích đó. Nhưng với sức mạnh của ý chí thì phải có sự hiểu biết, Sarraut kết luận, những gì đã qua thì cho qua. *"Nếu ông cần bất cứ điều gì thì tôi luôn sẵn sàng phục vụ ông. Bây giờ chúng ta đã biết nhau, ông có thể đề cập thẳng với tôi"*, Nguyễn Ái Quốc đứng dậy và cảm ơn Bộ trưởng rồi nói *"Mục tiêu chính của cuộc đời tôi và cái mà tôi cần nhất là tự do cho đồng bào tôi. Tôi có thể đi được chưa?"*.

Vài ngày sau, Quốc viết một bức thư gửi Bộ Thuộc địa, thư này được đăng trên tờ *"Người cùng khổ"*, *"Nhân đạo"* (nay là cơ quan ngôn luận của Đảng cộng sản Pháp) và *"Nhân dân"*. Ông bày tỏ lòng biết ơn về việc các nhà cầm quyền Pháp đã cung cấp cho ông một "*sĩ quan hầu cận riêng*" (rõ ràng là ám chỉ đến sự theo dõi của mật vụ) và nhận xét rằng:

*"Trong khi Quốc Hội đang cố tìm cách tiết kiệm tiền, giảm biên chế hành chính do ngân sách thâm hụt quá lớn, ngành nông nghiệp và công nghiệp thiếu lao động, nhà nước tăng thuế đánh vào lương công nhân và khi việc tái ổn định dân số để có nhiều sức sản xuất chưa hoàn thành, nếu ai đó chấp nhận ân huệ mà ân huệ cá nhân ấy làm yếu quyền lực của công dân - các sĩ quan phụ tá - người đó không phải là người yêu nước, họ chỉ là kẻ vô dụng, xài đồng tiền mà giai cấp vô sản phải đổ mồ hôi mới kiếm được"*.

Ông nói thêm, để giải quyết vấn đề này, ông thông báo công khai các hoạt động thường ngày của mình:

*Buổi sáng: từ 8-12 giờ ở xưởng*

*Buổi chiều: ở toà báo (tất nhiên của cánh tả) hoặc thư viện.*

*Buổi tối: ở nhà hoặc tham dự các cuộc nói chuyện mang tính giáo dục.*

*Chủ nhật và các ngày nghỉ: thăm các bảo tàng và các nơi khác.*

*Chỉ có vậy.*

*Hy vọng rằng cách làm việc thuận tiện và hợp lý này sẽ làm cho Ngài hài lòng, chúng tôi xin gửi lời chào.*

*Nguyễn Ái Quốc*

Rất có thể Sarraut không thấy bức thư ngắn của Nguyễn Ái Quốc mang tính châm biếm một chút nào, vẫn tiếp tục quan tâm đến hành tung của ông Quốc. Có lần Sarraut gửi cho Toàn quyền Maurice Long ở Đông Dương một bức điện, thông báo rằng chính phủ đang xem xét đề nghị bắt Nguyễn Ái Quốc và trả ông về nước. Tuy nhiên, Lông nhìn nhận vấn đề theo một cách riêng, ông lập luận rằng nếu để Quốc ở Pháp thì sẽ dễ theo dõi các hoạt động của Quốc hơn. Khi Sarraut đề nghị đày Quốc đến một vùng chịu ảnh hưởng của Pháp ở nam Trung Hoa, Long trả lời rằng ông Quốc có thể sẽ gây ảnh hưởng đối với các sự kiện ở Đông Dương từ một nơi gần về mặt địa lý như vậy.

Cho đến lúc đó, việc các nhà chức trách gây khó khăn chỉ gây khó chịu không đáng kể cho Nguyễn Ái Quốc, nhưng thái độ của các đồng chí đối với cuộc đấu tranh chung mới khiến ông buồn nản hơn nhiều. Mặc cho mọi nỗ lực, nhưng người bạn Pháp vẫn bỏ qua không coi vấn đề thuộc địa là quan trọng. Sau sự khởi đầu được quảng cáo rầm rộ, Ủy Ban Nghiên Cứu Thuộc địa đã thật sự rơi vào tình trạng suy thoái. Các tạp chí của đảng ít khi đề cập đến vấn đề thuộc địa. Ông phàn nàn, ngay cả tờ “Nhân Đạo” cũng không đề cập đến sự nghiệp của nhân dân thuộc địa trong một vai

trò xứng đáng. Ông viết, các tờ báo của giai cấp tư sản còn đưa tin nhiều hơn đến các thuộc địa, trong khi đó rất nhiều chiến hữu *"vẫn nghĩ rằng các thuộc địa chả có gì ngoài đất cát dưới chân và nắng chói chang trên đầu. Hầu như chỉ có vậy".*

Ông Quốc than vãn rằng việc Đảng cộng sản Pháp không giải quyết vấn đề thuộc địa dẫn đến việc thiếu hiểu biết chung giữa giai cấp công nhân Pháp và giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa. Các công nhân Pháp coi dân bản xứ là *kém cỏi hơn và không đáng kể, không hiểu biết chứ chưa nói gì đến hành động.* Tuy nhiên, ông cũng công nhận rằng thành kiến đến từ cả hai phía. Ở các thuộc địa, tất cả những người Pháp, bất kể thuộc tầng lớp nào, đều bị coi là "*những kẻ bóc lột tàn ác*".

Nguyễn Ái Quốc kiên trì thúc giục đồng chí của mình về vấn đề thuộc địa. Tại đại hội Đảng cộng sản Pháp tổ chức tại Paris tháng 10-1922, ông và các đại diện khác các nước thuộc địa đã trình một nghị quyết thúc giục phong trào Cộng sản thế giới chú ý hơn nữa đến vấn đề thuộc địa. Nhưng sau hội nghị Tours và những người có ý kiến ôn hoà ra đi, thái độ trọng châu Âu vẫn bao trùm trong các phần tử cấp tiến gia nhập Đảng cộng sản. Đôi khi giới lãnh đạo có những cố gắng không dứt khoát trong việc tổ chức cộng đồng công nhân Việt Nam ở Pháp (hầu hết là những người lao động chân tay, công nhân bốc vác và đầu bếp). Một số người Việt được bổ nhiệm vào các chức vụ có uy tín của đảng. Nhưng chỉ là những chuyện nho nhỏ như vậy.

Sự bất bình của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề này có thể đã làm tăng giọng chống Pháp trong các bài viết của ông. Cuối năm 1921, khi trở về từ Marseilles, nơi ông chứng kiến điều kiện làm việc khổ sở của công nhân người Việt, ông bắt đầu ký các bài báo của mình với bút danh mới là Nguyễn Ô Pháp, có nghĩa là "*Nguyễn ghét*

*người Pháp"*, Có lần ông giận dữ bỏ đi sau một cuộc nói chuyện với một đảng viên kỳ cựu của Đảng, người có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc địa. Đáp lại, Jacques Doriot - đảng viên cộng sản Pháp trẻ tuổi mới nổi - chỉ ôn tồn khuyên ông bớt giọng trong các bài báo.

Tháng 3 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc rời căn hộ nhỏ ở ngõ Compoint và chuyển vào trụ sở của tờ *"Người cùng khổ"*, bấy giờ là trụ sở của Liên hiệp Thuộc địa trên đường Marche des Patriarches. Có thể việc chuyển chỗ ở là để tạo thuận lợi hơn cho công việc của ông hoặc cho việc giữ quỹ. Văn phòng của tờ báo nằm ở tầng trệt, ông ở một phòng ở tầng trên với giá 100 quan một tháng. Đây là nơi trú ngụ cuối cùng của ông ở Paris.

Trong việc xuất bản tờ báo, ông nhận được sự giúp đỡ của Nguyễn Thế Truyền - một ngôi sao trẻ đang lên trong phong trào dân tộc Việt Nam. Sinh năm 1898 gần Hà Nội, ông Truyền đến Paris năm 1920 để học nghề kỹ thuật. Một năm sau, ông gia nhập Đảng cộng sản Pháp và bắt đầu cộng tác với Quốc tại Liên hiệp Thuộc địa. Trong thời gian dài ông gần như là đồng sự gần gũi nhất của ông Quốc trong cộng đồng người Việt.

Tháng mười trước đó, khi dự Đại hội Đảng ở Paris, Nguyễn Ái Quốc đã gặp Dimitri Manunsky, một quan chức cao cấp của Quốc tế Cộng sản ở Liên Xô. Tại Đại hội, Manunsky đã nghe Quốc công khai chỉ trích việc thiếu quan tâm đến vấn đề thuộc địa trong nội bộ đảng. Nhiều tháng sau đó, khi Manunsky được lệnh của Ủy ban điều hành của Quốc tế cộng sản chuẩn bị một báo cáo về các vấn đề quốc gia và thuộc địa để trình bày tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ năm mùa hè năm 1924, ông đã nhớ đến người Việt Nam trẻ tuổi đầy nhiệt huyết ở Paris. Nguyễn Ái Quốc đã được mời đến Moscow theo đề nghị của đồng chí Manunsky để làm việc cho

Quốc tế Cộng sản III.

Với Nguyễn Ái Quốc, lời mời đến Moscow là một phần thưởng cho những nỗ lực của ông nhân danh Đảng, và có thể là một cơ hội để quay lại châu Á nhằm thúc đẩy công cuộc cách mạng ở Việt Nam. Nhưng ông giải quyết việc này với sự thận trọng cố hữu của mình. Để tránh lộ tin tức về chuyến đi của ông cho cảnh sát, ông báo với bạn bè rằng ông sắp đi miền nam nước Pháp nghỉ 3 tuần. Sau đó, khi đã lên lịch hoạt động thường xuyên nhằm đánh lạc hướng hai "*vệ sĩ mật vụ*" để họ nới lỏng việc giám sát, ngày 13 tháng 6 ông đã bí mật rời một rạp chiếu bóng bằng cửa sau và vội vã đến nhà ga phía Bắc, nơi một người bạn trao hành lý cho ông và sau đó ông đi tàu đến Berlin trong vai một thương nhân châu Á giàu có, miệng ngậm xì-gà. Ông đến Berlin vào ngày 18 khi mà tiền đã cạn nhanh chóng do tỉ lệ lạm phát khủng khiếp ở nước Đức thời hậu chiến. Nhờ liên lạc với Đảng cộng sản Đức, ông tiếp tục đến Hamburg. Sau đó, ông lên tàu khách Karl Liebknecht để đến nước Nga Xô viết. Ông đến Petrograd vào ngày 30-6-1923 với thị thực mang tên Trần Vang - một thương gia người Trung Quốc.

Việc Nguyễn Ái Quốc rời Paris đột ngột làm cảnh sát ngạc nhiên. Những người vẫn theo dõi ông lúc đầu báo cáo lên Bộ Thuộc địa rằng ông đã rời khỏi nhà với hai bàn tay trắng nhưng không trở lại. Sau đó họ đã mắc mưu ông và cho rằng ông đã đi nghỉ ở phương nam. Sau đó nhiều tuần, họ mới nhận ra rằng ông đi đến nước Nga Xô viết. Việc ông biến mất đã làm cho người quen của ông hoang mang. Ông đã gửi thư cho bạn bè nói rằng ông đã rời Pháp và xin lỗi vì ông đã không báo cho đồng sự của ông về cuộc ra đi đột ngột này. Ông nói một cách gián tiếp là *sẽ rút lui vào bí mật và sẽ không trở về sau nhiều năm*. Ông còn hứa sẽ viết thư cho họ.

Rời Paris đi nước Nga Xô viết, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện cuộc đoạn tuyệt mang tính biểu tượng cuối cùng với con đường cải cách của bạn ông là ông Phan Chu Trinh và đi theo sự nghiệp cách mạng của Vladimir Lenin. Nhưng người bạn già của ông ở Villa des Gobelins chúc ông thành công. Trong một bức thư gửi một người quen là người Việt Nam vào tháng 9, ông Trinh đã bảo vệ ông Quốc trước những chỉ trích nhắm vào ông: *"Mặc dù Nguyễn Ái Quốc còn trẻ và các hành động của ông ấy không được suy xét một cách khôn ngoan, nhưng điều đó không quan trọng bởi vì Nguyễn Ái Quốc có một trái tim yêu nước"*. Ông Trinh kết luận, Quốc đã lựa chọn con đường khó khăn và đơn độc để giải phóng đồng bào mình và mọi người phải tôn trọng trái tim đầy nhiệt huyết của Quốc.

# CHƯƠNG

## NHÀ CÁCH MẠNG TẬP SỰ

Cuối mùa hè năm 1923, nước Nga Xô viết vẫn trong giai đoạn phục hồi sau gần 7 năm chiến tranh, cách mạng và nội chiến đầy gian khó. Bên ngoài Petrograd, Moscow và một số thành phố lớn khác ở các vùng châu Âu của nước Nga, theo hồi ức của Lev Trotsky, cách mạng tháng Mười là một "*cuộc cách mạng qua điện tín*". Ở các làng quê và thị trấn nằm rải rác thuộc đế quốc Nga rộng lớn, Lenin chỉ có khoảng 50.000 người Bolsevich - thời điểm diễn ra các cuộc nổi dậy - và được sự ủng hộ ít ỏi của hàng triệu nông dân Nga, những người không hiểu gì về tư tưởng Marx và thậm chí còn không quan tâm đến số phận của cách mạng thế giới.

Lúc đầu, Ban lãnh đạo cuộc cách mạng đã cố gắng hợp pháp hoá bằng cách thông báo về sự ra đời của chính phủ mới bằng cách gửi điện tín cho tất cả các đơn vị hành chính. Nhưng chẳng mấy chốc mọi người nhận thấy rằng một tờ giấy như vậy chưa đủ để đưa ra quyền lực cách mạng đến được vùng xa xôi của Sa hoàng. Vài tuần sau khi tấn công Cung điện Mùa đông vào tháng 10-1917 (lịch Nga), các lực lượng đối lập bắt đầu xuất hiện: Các phần tử Bạch vệ trung thành với Sa hoàng Nikolai đệ nhị và nền quân chủ cũ; các lực lượng dân tộc trong các nhóm dân tộc thiểu số dưới đế chế cũ, từ Ukraina đến Trung Á; thậm chí cả các đội quân nước ngoài

đóng ở Nga để giúp đánh Đức.

Đảng Bolsevich đã cấp tốc huy động nhân lực từ lực lượng công nhân và nông dân nghèo để xây dựng Hồng quân. Sau ba năm đổ máu, cuối cùng chính phủ đã trấn áp được các lực lượng phản cách mạng và thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ đối với nhà nước Xô viết mới. Nhưng trong quá trình đó, chính phủ đã xa rời các tầng lớp chủ chốt trong xã hội Nga, trong đó có nông dân, những người mà mùa màng của họ bị nhà nước trưng thu để nuôi Hồng quân và người lao động trong các thành phố, các thành viên của các nhóm dân tộc không phải là người Nga mà lãnh đạo của họ đã bị đánh bại và làm suy yếu một cách không thương tiếc bởi lực lượng an ninh Xô viết, và những người khác bị lực lượng an ninh của Feliks Dzerzhinsky bắt giữ và hành quyết, thường được biết đến với cái tên Cheka (Uỷ ban đặc biệt)

Trong khi nước Nga cố gắng phục hồi sau cuộc nội chiến, Lenin cũng nhận thấy rằng Nga cần phải trải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa trước khi bắt đầu quá trình chuyển đổi khó khăn lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1921, ông thúc đẩy một chương trình phát triển kinh tế - xã hội ôn hoà hay còn gọi là *Chính sách kinh tế mới* gọi là NEP. Các nhân tố chính của chương trình này là kết hợp các kỹ thuật của tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa để tăng cường sản xuất, trong khi đó phổ biến khái niệm sở hữu của chủ nghĩa xã hội và duy trì sự quản lý vững chắc của Đảng đối với hệ thống chính trị. Các ngành mũi nhọn và công ích và các ngân hàng vẫn nằm trong tay nhà nước nhưng doanh nghiệp tư nhân thì hoạt động ở các cấp độ thấp hơn. Việc trưng thu ngũ cốc bắt buộc, gây ra sự bất ổn nghiêm trọng ở khu vực nông thôn, đã được thay thế bằng việc đánh thuế sản xuất. Đất đai vẫn nằm trong tay tư nhân.

Những ngày đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc ở thiên đường xã hội

chủ nghĩa mới mà trước đó ông đã mô tả đầy nhiệt huyết trong các bài báo viết ở Pháp, chắc hẳn đã làm cho ông ít nhiều mất đi nhuệ khí. Sau khi rời tàu Karl Liebknecht ở bến cảng Petrograd, ông đã bị một nhân viên nhập cảnh trẻ nghi ngờ, thẩm vấn. Do thiếu giấy tờ chính thức ngoại trừ thị thực giả mang tên một nhà buôn Trung Quốc. Thị thực này trước đó được lãnh sự quán Xô viết ở Berlin chấp nhận, nhưng lại không có địa chỉ liên lạc trong thành phố, ông đã bị giam vài tuần "trong một không khí căng thẳng" cho đến khi lai lịch của ông được xác minh bởi một đại diện của Đảng cộng sản Pháp ở Moscow. Sau đó ông được phép đi lại và lên tàu đi Moscow vào cuối tháng 7. Sau khi ở tạm trong một khách sạn gần điện Kreml, ông được vào làm ở Văn phòng Viễn Đông (gọi tắt là Dalburo) tại trụ sở của Quốc tế Cộng sản đối diện với Bảo tàng Rumyantsev (nay là thư viện Lenin).

Văn phòng Viễn Đông được thành lập do kết quả Đại hội lần thứ hai của Quốc tế Cộng sản năm 1920 theo đề nghị của Maring (tên thật là Hendrik Sneevliet), đại biểu người Hà Lan, sau này có uy tín lớan, làm cố vấn của Đảng cộng sản Trung Quốc. Là một người tin tưởng sâu sắc vào tầm quan trọng của các vùng thuộc địa đối với tương lai của cách mạng thế giới, Maring đã đề nghị thành lập các phòng tuyên truyền cho Trung Đông và Viễn Đông cũng như mở một Viện Marxist ở Moscow để đào tạo cho các nhà lãnh đạo cách mạng châu Á có triển vọng. Với việc các luận chứng của Lenin sắp được thông qua, đề nghị của Maring cũng đã được chấp thuận, và tháng 6-1920, tại một cuộc họp của Uỷ ban điều hành của Quốc tế Cộng sản, Văn phòng Viễn Đông đã được thành lập dưới sự dẫn dắt của G. Safarov - nhà Đông phương học người Nga.

Những tháng sau đó, các nhà lãnh đạo Quốc tế Cộng sản đã thực hiện một số bước đi khác để thúc đẩy thiết lập phong trào

cách mạng ở châu Á và châu Phi. Tất cả các Đảng cộng sản ở Tây Âu đã được hướng dẫn thiết lập các Uỷ ban thuộc địa để đánh giá tình hình và ủng hộ cuộc đấu tranh của những người bị áp bức ở thuộc địa của họ (do đó Ban nghiên cứu thuộc địa đã được đặt ở Pháp). Trong khi đó, đã có các kế hoạch thiết lập các viện đào tạo ở nước Nga Xô viết để truyền bá cho những người có tư tưởng cấp tiến của châu Á và châu Phi và chuẩn bị cho họ quay về quê hương để tiến hành các hoạt động cách mạng.

Đến lúc đó, Quốc tế Cộng sản III bắt đầu tham gia vào một số hoạt động ban đầu ở Đông Á. Mùa xuân năm 1920, Grigori Voitinsky - đại diện của Quốc tế Cộng sản - được cử sang Trung Hoa để liên lạc với các nhà cách mạng ở đó. Các đại diện khác đóng ở Vladvostok cũng sang Thượng Hải, Sài Gòn và Singapore để thiết lập đường dây liên lạc với các phần tử cấp tiến và giúp họ hoạt động cách mạng. Tháng 11-1920, có tin là hai người Nga vừa chân ướt chân ráo đến Sài Gòn đã bị trục xuất do bị nghi vấn là đã thực hiện các hoạt động đó.

Với bản chất hăng hái, nhiệt tình, Nguyễn Ái Quốc đã không để phí thời gian làm cho mọi người biết đến sự hiện diện của mình. Chẳng bao lâu sau khi đến Moscow, ông viết một bức thư gửi Uỷ ban Trưng ương Đảng cộng sản Pháp, chỉ trích các đồng sự của mình đã không chú ý gì đến các quyết định của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ tư và mở rộng các hoạt động về các vấn đề thuộc địa. Trong khi ông công nhận rằng Đảng cộng sản Pháp đã bước đầu tuân thủ lệnh của Quốc tế Cộng sản III thiết lập Ban nghiên cứu thuộc địa cũng như có một chuyên mục thường kỳ về vấn đề thuộc địa trên tờ báo của đảng L’Humanite (Nhân Đạo), ông phàn nàn rằng trong những tháng gần đây, chuyên mục đó đã bị đình lại vì do thiếu ông, uỷ ban trên hầu như đã chết rồi. Ông nêu rõ, *“các tuyên bố đưa ra tại Đại hội toàn quốc ủng hộ người dân thuộc địa đã*

*giúp củng cố tình cảm của họ đối với Đảng"*, nhưng *"nếu chỉ lặp đi lặp lại một điều mà không thực hiện thì không hợp lý"*. Người dân thuộc địa, thấy có nhiều lời hứa mà có rất ít việc làm cụ thể, sẽ bắt đầu tự hỏi liệu những người cộng sản có nghiêm túc không hay chỉ bịp bợm. Cuối thư, ông nhắc nhở rằng một điều kiện then chốt để gia nhập Quốc tế Cộng sản III là vận động một cách hệ thống để ủng hộ công cuộc giải phóng người dân thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc cũng đã viết một báo cáo lên Đoàn chủ tịch của Ban điều hành Quốc tế Cộng sản III, nêu chi tiết ý tưởng của mình về phương cách thúc đẩy đấu tranh cách mạng ở Đông Dương. Theo như ông mô tả, tình hình hầu như chẳng có hứa hẹn gì. Bắc Kỳ và Nam Kỳ dưới sự kiểm soát trực tiếp của người Pháp, trong khi Trung Kỳ về danh nghĩa vẫn nằm dưới quyền của triều đình, nhưng thực tế cũng nằm dưới ách đô hộ thực dân. Giới vô sản thành thị chỉ chiếm 2% tổng dân số và chưa có tổ chức. Tầng lớp trung lưu nhỏ, chủ yếu sống ở các thành phố lớn là Hà Nội và Sài Gòn và ở các thành phố là thủ phủ của các tỉnh trên toàn đất nước, tuy nhiên, về mặt kinh tế, bộ phận dân cư này chủ yếu bao gồm Hoa kiều. Giai cấp tư sản bao gồm các tiểu thương, viên chức, nhân viên chính phủ ở cấp thấp, và thợ thủ công có rất ít và không có quan điểm chính trị kiên định, mặc dù họ thực sự có xu hướng ủng hộ sự nghiệp độc lập dân tộc. Nông dân bị đàn áp nặng nề và nếu được tổ chức họ sẽ là lực lượng đầy tiềm năng của phong trào cách mạng. Lực lượng chủ chốt hành động mạnh mẽ về chính trị là trí thức và sĩ phu yêu nước. Ông nói, chính họ đã phát động các cuộc khởi nghĩa chống chính quyền trước đây. Do đó nhu cầu cấp thiết là có hoạt động phối hợp giữa những người yêu nước "cách mạng dân tộc" và một Đảng cộng sản.

Các khuyến nghị của Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn theo chủ nghĩa Lenin, như đã được phản ánh trong các *"Luận cương về các vấn đề*

*dân tộc và thuộc địa”* của Lenin. Nhưng trong bối cảnh các sự kiện đang diễn ra tại Moscow, sự quan tâm đến thuộc địa đã giảm sút mạnh mẽ kể từ Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ hai, người ta không biết các ý tưởng của ông có thu hút sự quan tâm của những người cấp trên hay không. Trong khi đó, các quan chức Xô viết có ảnh hưởng, dần dần nhận ra sự có mặt của nhà cách mạng trẻ đầy tham vọng đến từ Đông Dương và thực tế Quốc là một trong số ít nhà cộng sản châu Á sống ở Moscow lúc đó và họ nhận thức được những gì ông có thể làm. Trong suốt mùa hè năm 1923, đã có sự quan tâm mạnh mẽ tới quan điểm của Lenin về một chính phủ công nông ở các xã hội chưa trải qua thời kỳ cách mạng công nghiệp. Ở Praha, các phần tử theo chủ nghĩa dân tuý đã thiết lập một “*Quốc tế Xanh*” nhằm nhận được sự hỗ trợ của các nhóm nông dân ở khu vực. Nổi lên trong nỗ lực này là Thomas Dombal (còn gọi là Dabal - cộng sản người Ba Lan), trước đó đã bị chính phủ Ba Lan bắt và đưa sang Moscow vào mùa xuân năm 1923 để trao đổi tù binh với nước Nga Xô viết.

Trong bối cảnh hầu hết những người Bolsevich, phản ánh quan điểm của những người theo chủ nghĩa Marxist châu Âu khác, luôn nghi ngờ nông dân về bản chất là “tư sản” trên cơ sở khái niệm tài sản tư nhân, nên rất ít quan chức của Quốc tế Cộng sản III quan tâm đến các ý tưởng của Dombal, nhưng họ đồng ý thúc đẩy thực hiện những ý tưởng này. Để chuẩn bị một hội nghị mang tính tổ chức, họ tận dụng một cuộc triển lãm nông nghiệp quốc tế ở Moscow vào tháng 8, và quyết định tìm kiếm một phòng họp rộng cho đại biểu nước ngoài có quan tâm đến nông dân. Nguyễn Ái Quốc, dường như quan tâm đến mọi sự việc đang diễn ra ở Moscow, đã tham dự triển lãm khai trương lần đầu vào tháng 8, và người ta phỏng đoán rằng ông được chọn làm đại biểu đại diện cho Đông Dương tại Hội nghị Nông dân Quốc tế tổ chức tại

Moscow vào ngày 10-10-1923. Ông đã nói lên quan điểm của mình về vai trò của giai cấp nông dân trong báo cáo gửi Ban điều hành Quốc tế Cộng sản, khi ông nhận xét rằng vì họ bị bóc lột một cách tàn nhẫn, họ "rất yêu nước".

Hội nghị được tổ chức tại Cung điện Andreyevsky, trong Điện Kreml, và Nguyễn Ái Quốc tham dự với tư cách là một trong 150 đại biểu đến từ 40 nước khác nhau. Mikhail Kalinin, một đảng viên kỳ cựu, vừa được cử làm Chủ tịch Liên bang Nga, phát biểu khai mạc, trong khi cựu trào Bolsevich là Grigori Zinoviev, lúc đó lđứng đầu Quốc tế Cộng sản, đã trình bày quan điểm chính thức của Đảng về vai trò của nông dân trong cách mạng thế giới.

Ngày 13-10-1923, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu tại Hội nghị. Phát biểu bằng tiếng Pháp (vì chưa thạo tiếng Nga). Ông không đề cập khả năng thông qua "chiến lược nông thôn" ở các vùng thuộc địa cũng như việc nông dân phải có vai trò cụ thể trong tiến trình cách mạng châu Á, mà trình bày một cách đơn giản không hoa mỹ về những điều kiện khó khăn của người dân nông thôn ở nhiều xã hội thuộc địa châu Á, nêu rõ ràng nông dân là những nạn nhân chịu nhiều đau khổ nhất của chế độ áp bức đế quốc trong khu vực. Ông khẳng định, Quốc tế Cộng sản III sẽ trở thành Quốc tế Cộng sản theo đúng nghĩa chỉ khi có sự tham gia tích cực của đại diện của giới nông dân châu Á.

Kết thúc Hội nghị, ban tổ chức đã đồng ý thành lập Quốc tế nông dân mới (tiếng Nga là Krestiansky International, viết tắt là Krest-intern). Mục đích của tổ chức này là *"thiết lập và duy trì quan hệ vững chắc với các hợp tác xã và các tổ chức chính trị và kinh tế của nông dân ở khắp các nước"* và *"điều phối các tổ chức nông dân và các nỗ lực của nông dân nhằm thực hiện khẩu hiệu xây dựng một chính quyền công nông"*. Một Hội đồng nông dân quốc tế cũng đã

được thiếp lập và Nguyễn Ái Quốc được bầu làm một trong 11 thành viên của Đoàn chủ tịch của Hội đồng. Chức vụ Tổng thư ký của Quốc tế nông dân được trao cho một quan chức có uy tín của phe Bolsevich là Alexandr Smirnov. Dombal được cử làm trợ lý.

Tháng 12-1923, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu theo học tại Trường đại học Lao động cộng sản phương Đông. Được thành lập theo lệnh của Lenin năm 1921 theo các quyết định của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ hai vào năm trước, lúc đầu trường được đặt dưới quyền của Uỷ ban nhân dân các dân tộc của Josiff Stalin và do đó trở nên nổi tiếng với cái tên "Trường Stalin". Dưới sự chỉ đạo của Stalin, trường này đã trở thành học viện hàng đầu đào tạo các nhà cách mạng châu Á được mời đến nước Nga Xô viết để học cũng như các cán bộ không phải người Nga đến từ các vùng phía đông của đế quốc Sa hoàng cũ. Học viện thứ hai, Trường Quốc tế Lenin, được thành lập để đào tạo các cán bộ cao cấp đến từ các nước Tây Âu.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc có một bài báo ngắn trên tờ La Vie ouvriere (Đời sống công nhân) trong đó mô tả đặc điểm của trường, và thông tin này, cùng với tài liệu mà các sở tình báo Pháp thu thập được lúc đó và công trình mới hoàn tất của các nhà nghiên cứu Nga ở Moscow đã cho thấy một bức tranh khá rõ nét về trường này và các hoạt động của trường. Trong thời gian ông học ở đó, có hơn 1.000 sinh viên đến từ 62 nước khác nhau. Hầu hết những người nhập học đến từ các vùng Xô viết chiếm đóng ở Trung Á, nhưng cũng có một số người nước ngoài, trong đó có một vài người Trung Quốc và Triều Tiên. Không có sinh viên nào đến từ Đông Dương trước khi ông Nguyễn Ái Quốc đến. Gần 900 người là đảng viên của các Đảng cộng sản và khoảng 150 người là phụ nữ. Khoảng một nửa trong số đó xuất thân từ các gia đình nông dân, trong khi số người còn lại là công nhân và "các trí thức

vô sản".

Có 150 giáo viên ở trường, dạy nhiều khoa học khác nhau, trong đó có khoa học xã hội và tự nhiên, toán học, lịch sử cách mạng và phong trào công nhân và học thuyết Marx về chủ nghĩa duy vật lịch sử. Cách dạy không dùng bài giảng mà sử dụng phương pháp Socrat, theo đó sinh viên được giao cho các chủ đề cá nhân để chuẩn bị với sự giúp đỡ của giáo viên và thảo luận trên lớp. Các giáo trình gồm có cuốn "Nhà nước và Cách mạng của Lenin", "Cách mạng tháng Mười và các chiến thuật của chủ nghĩa cộng sản Nga" của Stalin, và cuốn "Lịch sử Nga: Một chặng đường ngắn" của I.M. Yaroslavsky. Trường đóng trong một toà nhà mười tầng với trụ sở đặt ở tu viện cổ ở phố Tverskaya và các quán cà-phê và nhà ở tập thể ở gần đồn công an cũ.

Trường được quản lý theo quy định nghiêm ngặt của quân đội và sinh viên không chỉ học trên lớp mà còn được đào tạo nghiệp vụ quân sự và được dạy về các hoạt động cách mạng có ích như làm thế nào để kêu gọi đình công và tuyên truyền. Ban đầu các lớp được dạy bằng tiếng Pháp hoặc bằng tiếng mẹ đẻ của sinh viên, nhưng sau đó sinh viên được khuyến khích nói chuyện bằng tiếng Nga (không phải lúc nào cũng được thực hiện). Chỗ ở được miễn phí nhưng tất cả các sinh viên được khuyến khích thay phiên nhau làm các công việc hành chính hoặc làm việc trong nhà bếp. Các chi bộ đảng được thành lập để kiểm soát hành vi của các đảng viên và bảo đảm sự chính thống về tư tưởng. Khi nhập học, mỗi sinh viên được đặt cho một bí danh và chỉ có cán bộ an ninh của trường mới biết được lai lịch của sinh viên đó.

Học ở trường không phải là khó nhọc lắm. Năm học bắt đầu từ tháng 9 đến đầu tháng 7 trong đó có 3 tuần nghỉ lễ Giáng Sinh và một tuần nghỉ vào mùa xuân. Mỗi tuần sinh viên được đến rạp

chiếu phim hai lần và có hai trại ở Krym để sinh viên tham gia các hoạt động vừa làm việc vừa học tập trong kỳ nghỉ hè. Ở đó một số sinh viên được dạy cách nuôi gia súc, trong khi những người khác trồng trọt trên một trăm mẫu đất để làm thực phẩm phục vụ trại hè. Trong suốt kỳ nghỉ, sinh viên giúp nông dân địa phương thu hoạch hoặc tham gia các dịch vụ cộng đồng khác. Tuy nhiên, nhiều sinh viên, có thể do không quen với cái lạnh kinh khủng của mùa đông nước Nga, bị ốm và vì lý do đó mà một số bị loại không được tham gia chương trình nữa. Một sinh viên Việt Nam mắc bệnh lao và được chuyển đến một thành phố ở phía nam Liên Xô.

Như Nguyễn Ái Quốc mô tả trong bài báo của mình, trường là một nơi thanh bình để học tập. Có hai thư viện với 47.000 đầu sách và mỗi quốc gia có học sinh học ở trường có một ngăn sách và tạp chí bằng ngôn ngữ của quốc gia đó. Các sinh viên *"nghiêm túc và đầy nhiệt huyết"* và *"có niềm đam mê cháy bỏng muốn thu kiến thức và học tập"*. Nhân viên và giáo viên đối xử với các sinh viên nước ngoài *"như những người anh em"* và thậm chí còn mời họ *"tham gia vào đời sống chính trị của đất nước"*.

Nguyễn Ái Quốc không hài lòng với tất cả hoạt động của trường này. Chẳng bao lâu sau khi tham dự lễ kỷ niệm lần thứ ba của trường vào tháng tư năm 1924, ông viết một bức thư gửi đồng chí Petrov, thư ký của Văn phòng Viễn Đông, phàn nàn rằng thực tế không có người Việt Nam trong trường và gợi ý cần xây dựng một khu riêng cho sinh viên châu Á. Ông nêu rõ, trường Stalin làm một khuôn mẫu định hướng tư tưởng của thế hệ các nhà cách mạng châu Á sau này và sẽ trở thành cơ sở để cuối cùng thành lập một "hiệp hội" Cộng sản của phương Đông.

Trường Stalin có hai cấp - một chương trình cơ bản kéo dài 3 năm về chủ nghĩa Marx-Lenin và các ngành khoa học, và một

"khoá ngắn hạn" trong khoảng 7 tháng cho các sinh viên học ngắn hạn. Nguyễn Ái Quốc theo học khoá ngắn hạn, có lẽ vì ông đang làm việc cho Quốc tế Cộng sản và không có ý định ở lại thêm Moscow. Ông cũng tham gia một số tổ chức khác do Xô viết thành lập cách đó ít lâu, thí dụ như Quốc tế Lao động đỏ, Quốc tế Thanh niên và Quốc tế phụ nữ. Rõ ràng là giới lãnh đạo Quốc tế Cộng sản coi ông là biểu tượng của các dân tộc thuộc địa, người đóng góp một nét châu Á cho vô số các hoạt động mặt trận trong những ngày sôi động ấy. Đầu tháng 5 năm 1924, ông được mời tham gia các lễ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động hằng năm và nói chuyện về tình đoàn kết công nhân quốc tế tại lễ ở Quảng trường Đỏ. Hai tháng sau, ông là đại diện của Đông Dương dự Đại hội lần thứ ba Quốc tế Lao động Đỏ. Ông cũng dự Đại hội phụ nữ quốc tế, và tiếp chuyện với bà Nadezda Krupskaya - vợ goá Lenin.

Qua nhiều hoạt động khác nhau, Nguyễn Ái Quốc dần trở thành một nhân vật nổi tiếng ở Moscow và quen biết các nhân vật chủ chốt của phong trào Cộng sản quốc tế, thí dụ cựu trào Bolsevich Nikolai Bukharin, nhà cộng sản Phần Lan Otto Otto Kuusinen, thủ lĩnh Quốc tế Cộng sản người Bulgary Georgi Dimitrov và Ernst Thalmann, lãnh tụ Đảng cộng sản Đức. Ông cũng gặp một số đồng chí Trung Quốc đang theo học tại trường (trong đó có thủ tướng tương lai Chu Ân Lai, mà ông từng gặp lần đầu tại Paris), cũng như Cố vấn trưởng quân đội của Tôn Dật Tiên là Tưởng Giới Thạch, người đã thăm Moscow trong 3 tháng vào cuối mùa hè và mùa thu năm 1923.

Nhìn chung, những người quen ông có vẻ quý mến ông. Ruth Fischer, một nhà cộng sản có uy tín người Đức, nhận xét, tuy ông không gây được ấn tượng lúc ban đầu nhưng ít lâu sau ông được tất cả mọi người kính trọng và yêu mến do "đức tính tốt và sự giản dị". Là một người hành động thực tế hơn là một nhà lý

thuyết, ông tỏ ra thông thạo trong việc tránh các tranh chấp bè nhóm căng thẳng đã bắt đầu nảy sinh trong giới lãnh đạo Xô viết và cuối cùng dẫn đến sự suy yếu của Đảng Bolsevich (sắp được đổi tên thành Đảng cộng sản Liên Xô) và Quốc tế Cộng sản trong thập niên sau đó. Thời kỳ Chính sách kinh tế mới là một khoảng giao thời tương đối ngắn khi mà đối với nhiều người dân Xô viết và người nước ngoài tương lai lẽ ra phải sáng sủa hơn. Nội chiến kết thúc, Liên Xô đã bãi bỏ chính sách cưỡng chế và áp bức những kẻ thù tiềm tàng và bắt đầu khuyến khích dân tham gia việc xây dựng kinh tế ("làm giàu cho mình" là một khẩu hiệu phổ biến vào thời đó). Đời sống văn hoá vẫn phong phú và đa dạng, vì các nhà văn, nghệ sĩ và tác giả Xô viết tìm cách tạo nên một phương tiện cách mạng mới có thể diễn tả một cách chính xác những thay đổi sâu sắc đang diễn ra trên đất nước. Một vài năm sau đó, với thái độ độc đoán, chuyên chính của Stalin, thời kỳ tốt đẹp này bất ngờ đi đến kết thúc.

Rõ ràng là Nguyễn Ái Quốc không bị mất đi nhiệt huyết cách mạng một chút nào. Nhà báo Ossip Mandelstam, phỏng vấn ông cho tạp chí Ogonyok (Ngọn lửa nhỏ) vào tháng 12-1923, nhận thấy người đàn ông trẻ tuổi này có đầy đủ phẩm chất của tầng lớp trí thức nho giáo, có đôi mắt to đen láy, và khi ông nói về các điều kiện sống ở đất nước ông, toàn thân ông như không kìm nén được và đôi mắt ông dường như ánh lên dữ dội. Trong cuộc phỏng vấn, ông đã nói đến từ *"khai hoá văn minh*" với thái độ ghê tởm và chỉ trích gay gắt Nhà thờ Thiên chuá giáo ở Đông Dương đã chiếm gần một phần trăm đất canh tác của đất nước. Theo Boris Souvarine - nhà cộng sản người Pháp sau này từ bỏ phong trào cách mạng - thì Nguyễn Ái Quốc giờ đây đã trở thành "một người theo Stalin hoàn toàn".

Chỉ có một người trong những người quen của Nguyễn Ái Quốc.

đánh giá thấp ông. Nhà cộng sản lỗi lạc người Ấn Độ M.N. Roy, sau này là đại diện Quốc tế Cộng sản ở Trung Quốc và (theo quan điểm của nhiều quan sát viên) do thiếu trình độ là yếu tố chính dẫn đến sự thất bại của các nhà cộng sản Trung Quốc dưới bàn tay của Tưởng Giới Thạch năm 1927, cảm thấy chàng thanh niên Việt Nam này về tư tưởng cũng như hình dáng không có gì gây ấn tượng và là một sinh viên nghèo nữa. Thật mỉa mai, Nguyễn Ái Quốc lại là một trong số ít người ở Moscow đồng ý luận chứng của Roy rằng cách mạng châu Á là bước khởi đầu quan trọng để lật đổ chủ nghĩa tư bản thế giới.

Nguyễn Ái Quốc cũng dành nhiều thời gian để viết, ông là cộng tác viên thường xuyên cho các tờ báo cánh tả của Pháp và cho báo chí Xô viết, xuất bản một số bài báo trên tờ Inprecor (Cơ quan ngôn luận chính thức của Quốc tế Cộng sản). Chủ đề của bài báo rất phong phú, nhưng luôn luôn có thiên hướng cách mạng. Ông viết về sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc ở Trung Quốc, về các hoạt động của Đảng Ku Klux Klan ở Hoa Kỳ, về cuộc sống sôi động của nhân dân Liên bang Xô viết, và tất nhiên là về sực bóc lột dân bản địa ở châu Á và châu Phi của thực dân. Cùng với các sinh viên Trung Quốc ở Trường Stalin, ông đã chủ biên một cuốn sách nhỏ "Trung Quốc và Thanh niên Trung Quốc", xuất bản năm 1925 bằng tiếng Trung, tiếng Pháp và tiếng Nga. Ông cũng viết về lịch sử Đông Dương dưới chế độ Pháp thuộc, mà theo hồ sơ của Quốc tế Cộng sản thì cuốn sách này vẫn chưa được xuất bản.

Tuy nhiên, bài viết chính của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ông ở Moscow là "*Le procès de la colonisation fransaise*" (*Bản án chế độ thực dân Pháp).* Dựa trên những bài báo mà ông đã viết khi sống ở Paris cũng như bản thảo có tựa đề *Những người bị áp bức* bị mất cắp trước khi xuất bản năm 1920, cuốn sách được hoàn thành ở Moscow và do nhà xuất bản Lao động ấn hành ở Paris năm 1926,

ba năm sau khi ông rời Pháp đi Moscow. Đây là một bản cáo trạng không có trật tự về điều kiện của thuộc địa trên toàn thế giới và kết thúc bằng lời kêu gọi thiết tha thanh niên Đông Dương vùng lên chống những kẻ bóc lột. Nhiều tư liệu trong cuốn sách nói về Đông Dương nhưng cũng có những chỗ đề cập các thuộc địa châu Phi. Mặc dù có thể đó là một trong những tác phẩm được biết đến nhiều nhất của Hồ Chí Minh, cuốn sách được bố cục rất tồi và viết dở đến mức một nhà chuyên viết tiểu sử đã dự đoán rằng nó có thể do người Việt khác viết và sau đó được in dưới cái tên của ông. Nhưng lời văn và phong cách thì rất gần với các bài viết khác của Nguyễn Ái Quốc mà hầu hết các học giả không ngi ngờ có phải là tác phẩm của ông hay không. Có thể nói, cuốn sách này được viết một cách vội vàng.

Trong những phát biểu công khai, Nguyễn Ái Quốc dường như vẫn là một người có lòng tin đích thực. Những bài viết của ông về Liên bang Xô viết đều có những lời lẽ ca ngợi và dường như sự ngưỡng mộ của ông đối với Lenin là vô bờ. Rõ ràng là ông rất thất vọng khi không thể gặp được Lenin khi Lenin qua đời. Khi được hỏi về mục đích chuyến đi khi ông đến Petrograd vào tháng 7-1923, ông trả lời rằng ông muốn được gặp Lenin và rất buồn rầu khi biết Lenin bị ốm. Tháng 1-1924, ông đau khổ khi biết rằng Lenin đã qua đời. Giovanni Germanetto, một người Ý quen ông, đã kể lại:

*“Moscow tháng 1 năm 1924. Mùa đông nước Nga đang ở vào thời kỳ lạnh giá nhất. Đôi khi nhiệt độ xuống đến mức âm 40 độ. Vài ngày trước Lenin qua đời. Buổi sáng hôm đó, một tiếng gõ cửa nhẹ ở phòng chúng tôi trong khách sạn Lux đã đánh thức tôi. Cửa mở và một người đàn ông trẻ gầy gò bước vào. Ông nói ông là người Việt Nam, tên là Nguyễn Ái Quốc. Ông cũng nói là ông định đến Nhà Công đoàn để tiễn biệt Lenin.*

*Tôi nói với ông rằng ông mặc quá phong phanh so với thời tiết giá lạnh ở bên ngoài. Tôi nói rằng ông nên đợi, chúng tôi sẽ đưa cho ông một số quần áo ấm. Nguyễn Ái Quốc thở dài và ngồi xuống uống trà với chúng tôi, và cuối cùng về phòng ông. Chúng tôi nghĩ rằng ông đã nghe theo lời khuyên của chúng tôi và đã ở lại trong phòng. Khoảng 10 giờ tối hôm đó, tôi lại nghe thấy một tiếng gõ cửa nhẹ. Đó là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Mặt xanh nhợt, và mắt, mũi, các ngón tay cũng xanh nhợt do cái lạnh tê tái. Nguyễn Ái Quốc nói rằng vừa gặp đồng chí Lenin. Ông lạnh run lên trong khi giải thích với chúng tôi rằng ông không thể chờ đến sáng mai để tiễn đưa người bạn tốt nhất của nhân dân thuộc địa... Cuối cùng ông hỏi chúng tôi có trà nóng không".*

Theo Evgeny Kobelev - sử gia Liên Xô, viết tiểu sử Hồ Chí Minh - sau khi tham dự đám tang Lenin trở về, Nguyễn Ái Quốc tự nhốt mình trong phòng và viết bài bút ký về sự đau buồn của ông trước cái chết của nhà lãnh đạo thiên tài Bolshevik, người đã dành thời gian và sức lực để chăm lo cho việc giải phóng nhân dân thuộc địa. Ông kết luận *"Trong cuộc đời mình, Lenin là người cha, người thầy, người đồng chí và người cố vấn của chúng ta. Giờ đây, ông là ngôi sao soi đường cho chúng ta trong quá trình cách mạng xã hội. Lenin vẫn sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta. Ông là người bất tử".*

Tuy nhiên, một số chi tiết lại cho thấy không phải tất cả mọi thứ đều có thể mê hoặc ông. Khi chuyển đến khách sạn Lux vào đầu tháng 12-1923, việc ông được xếp ở chung một phòng nhỏ với 4 hay 5 sinh viên, khiến ông không hài lòng. Tháng 3-1924, ông viết một bức thư phàn nàn về các điều kiện - ban ngày thì ông bị đánh thức bởi tiếng ồn, ban đêm thì tiếng côn trùng làm ông không ngủ được - và ông tuyên bố rằng ông rút lại 5 rúp tiền thuê phòng một tháng để phản đối. Rốt cuộc, ông cũng được thu xếp ở phòng khác.

Trong một tư liệu quan trọng hơn, Nguyễn Ái Quốc không phải lúc nào cũng hài lòng với các quyết định chiến lược. Trong nhiều tháng trời, ông đã khuấy động những người quen của mình về vấn đề chủ nghĩa thực dân. Tháng 2-1924, ông viết cho một người bạn ở Trụ sở Quốc tế Cộng sản (có thể là Dimitri Manyusky) để cảm ơn vì đã nêu vấn đề thuộc địa tại hội nghị của Đảng Cọng sản Pháp tại Lyons. Cũng ngày hôm đó, ông viết thư cho Tổng Thư ký Quốc tế Cộng sản Grigori Zinoviev yêu cầu được phỏng vấn để thảo luận vấn đề thuộc địa. Không có hồi âm, ông viết một lá thư thứ hai phàn nàn rằng ông không nhận được hồi âm về đề nghị phỏng vấn của mình. Không tìm thấy tài liệu nào Zinoviev đã trả lời đề nghị của ông.

Không rõ ông muốn thảo luận với Zinoviev vấn đề gì, nhưng trong một bài báo xuất bản trong số tháng 4 của tờ Inprecor có tựa đề "Đông Dương và Thái Bình Dương", Nguyễn Ái Quốc đã tuyên bố rằng mặc dù thoạt nhìn vấn đề châu Á không có liên quan gì đến các công nhân châu Âu, trên thực tế vấn đề Đông Dương và châu Á có tầm quan trọng đối với công nhân trên tất cả các nước. Ông nói, sự bóc lột của thực dân ở khu vực không chỉ làm giàu cho các nhà tư bản và các chính trị gia làm bừa, mà còn có nguy cơ làm bùng nổ một cuộc chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc mới. Những hành động đó đã trở thành mối đe doạ đối với công nhân ở Đông Dương và châu Á và cả với giai cấp vô sản quốc tế nữa.

Khi đề cập mối quan hệ giữa các điều kiện ở châu Âu và châu Á, không biết Nguyễn Ái Quốc cố tình hay vô ý, đã đề cập đến một khu hầm mỏ lúc đó đang là đề tài tranh luận gay gắt ở các cuộc họp của Quốc tế Cộng sản kể từ sau Đại hội thứ hai năm 1920. Những người phát ngôn của nhân dân phương Đông thuộc địa như M.N. Roy đã tranh luận, một giải pháp cho "vấn đề phương Đông" là cần thiết quyết định số phận cuối cùng của cách mạng thế giới,

nhưng nhiều nhà cộng sản châu Âu phản bác lại rằng không thể có cách mạng ở châu Á chừng nào các đảng cộng sản chưa cầm quyền ở các nước châu Âu.

Thoạt đầu, những người chủ trương một chiến lược dựa vào châu Á có thuận lợi là có bạn bè ở địa vị cao - trong đó có cả Lenin và thậm chí Josiff Stalin - những người rất thấu hiểu các quan điểm của họ. Nhưng đến năm 1924, Lenin mất và Stalin bận rộn với cuộc đấu tranh nội bộ đảng để giành vị trí chủ chốt ở Moscow, thì Zinoviev, lúc đó đứng đầu Quốc tế Cộng sản, tỏ ra không hứng thú gì với vấn đề này. Nhà cộng sản người Hà Lan, ông Maring, đã bỏ Quốc tế Cộng sản và thậm chí Manyusky - nhà bảo trợ lúc đầu của Nguyễn Ái Quốc, một người Ukraina và rất ít biết về châu Á - giờ lại tập trung hoạt động của mình ở vùng Balkans.

Khi đó người ta chẳng quan tâm gì đến vai trò của nông dân. Sau sự khởi đầu rầm rộ, Krest-intern đã mất thanh thế và không được các quan chức trong đảng quan tâm đến Văn Phòng Công Nhân Đông Phương ở Moscow để ý đến. Ngay cả Nikolai Bukharin, một trong những nhà lãnh đạo có hiểu biết hơn của đảng Bolshevik, cười khẩy coi Thomas Dombal có *"tầm nhìn của nông dân"*. Nguyễn Ái Quốc đã cố gắng không để cho vấn đề này bị lãng quên, nêu vấn đề giai cấp nông dân tại một hội nghị của Krestintern vào tháng Sáu năm 1924, nhưng không được hưởng ứng. Tự nhận xét với bạn, ông cười nhạo, coi mình đã *"gào khóc trong sự hoang dã trên chính trường"*.

Khi đó người ta chẳng quan tâm gì đến vai trò của nông dân. Sau sự khởi đầu rầm rộ, Krest-intern đã mất thanh thế và không được các quan chức trong đảng công nhân ở Moscow qua tâm đến. Ngay cả Nikolai Bukharin, một trong những nhà lãnh đạo có hiểu biết của Bolsevich, cười khẩy coi Thomas Dombal có "*tầm nhìn của*

*nông dân”*, Nguyễn Ái Quốc đã cố gắng không để cho vấn đề này bị lãng quên, nêu vấn đề giai cấp nông dân tại một hội nghị Krestintern vào tháng 6-1924, nhưng ông ít được hưởng ứng. Tự nhận xét với bạn, ông cười nhạo, coi đã *“gào khóc trong sự hoang dã trên chính trường”*.

Đại hội V Quốc tế Cộng sản diễn ra đầu mùa hè năm 1924, là một cơ hội hiếm hoi cho Nguyễn Ái Quốc trình bày quan điểm của mình với đông đảo ban điều hành của tổ chức. Lý do ban đầu họp đại hội có thể vì việc ông đến Moscow, khi mà Dimitri Manuilsky coi ông là một nguồn thông tin và ông sẽ phát biểu về vấn đề thuộc địa tại hội nghị. Vì ở Đông Dương chưa có Đảng cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tham gia hội nghị với tư cách thành viên của đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp.

Đại hội V khai mạc vào ngày 17-6-1924 và các phiên họp diễn ra tại Nhà hát lớn ở trung tâm Moscow. Hơn 500 đại biểu đại diện cho gần 50 nước đã tham dự. Ban lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản ngày càng trở nên nhạy cảm với những lời buộc tội của những đại diện châu Á về thái độ xao lãng và họ quyết định dành một phiên đặc biệt thảo luận về vấn đề thuộc địa và các vấn đề liên quan đến các dân tộc không phải dân tộc Nga. Ngoài ra, Đại hội đã thành lập một uỷ ban giải quyết vấn đề này. Nhưng Đại hội lại diễn ra đúng vào lúc cao điểm của cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa Stalin và Lev Trotsky - đối thủ của ông, nên các lãnh tụ Đảng cộng sản Liên Xô bận rộn với cuộc đấu tranh trong điện Kreml, chẳng quan tâm gì đến vấn đề phương Đông. Trong phát biểu khai mạc, Tổng Thư ký Zinoviev - ít lâu sau là người tranh giành vai trò lãnh đạo Đảng với Stalin - chỉ nhắc qua vấn đề quốc gia và thuộc địa chủ yếu tập trung vào các nước ở Đông Âu. Có thể là do Nguyễn Ái Quốc hối thúc - trước đó đã làm phiền ông về việc nêu vấn đề đó - Zinoviev chỉ trích Đảng cộng sản Pháp đã không quan tâm đầy đủ

đến vấn đề thuộc địa.

Ngay từ đầu, Nguyễn Ái Quốc đã làm cho mọi người chú ý sự có mặt của ông. Trong phiên khai mạc, khi đại biểu Vaxili Kolarov đang đọc bản thảo nghị quyết để công bố sau khi kết thúc Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đứng lên hỏi liệu Đại hội có đáp ứng một lời kêu gọi đặc biệt cho nhân dân các nước thuộc địa không. Kolarov lo ngại trả lời "vấn đề thuộc địa đã có trong chương trình nghị sự rồi và do đó bất cứ đại biểu nào cũng có thể nêu lên tại hội nghị". Nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ ý kiến của mình và yêu cầu mọi bài phát biểu đều phải có câu "đối với nhân dân các nước thuộc địa". Đề nghị này được các đại biểu chấp thuận.

Ngày 23-6, Nguyễn Ái Quốc lên bục phát biểu với các đại biểu:

*"Hôm nay tôi có mặt ở đây để liên tục nhắc nhở Quốc tế Cộng sản về sự tồn tại của các thuộc địa và vạch ra cuộc cách mạng sẽ phải đối mặt với một hiểm hoạ cũng như tương lai huy hoàng từ các thuộc địa. Dường như tôi thấy các đồng chí không hiểu hết một thực tế về số phận của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là số phận của giai cấp vô sản ở các nước hiếu chiến đã xâm lược các thuộc địa, có quan hệ mật thiết với số phận của những người bị áp bức ở các nước thuộc địa. Chính vì những điều này tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có thể được hoặc, nếu cần thiết, tạo cơ hội để chỉ rõ tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa.*

*Các bạn hãy thông cảm cho sự bộc trực của tôi, vì tôi không thể không vạch ra các bài phát biểu của các đồng chí từ các mẫu quốc đã để lại cho tôi ấn tượng họ định giết con rắn bằng cách đánh giập đuôi. Tất cả các bạn đều biết ngày nay nọc độc và sức sống của con rắn tư bản tập trung nhiều ở thuộc địa hơn là ở mẫu quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu thô cho công nghiệp, cung cấp lính cho quân đội. Trong tương lai, các thuộc địa sẽ là những thành trì phản cách mạng.*

*Thế mà trong các cuộc thảo luận về cách mạng, các bạn đã bỏ qua không nói về thuộc địa. Nếu bạn muốn đập vỡ một quả trứng hay một hòn đá, bạn phải cần tìm một công cụ mà sức mạnh của nó tương ứng với vật mà bạn định làm vỡ. Tại sao trong cuộc cách mạng này bạn lại không làm cho sức mạnh và sự tuyên truyền của bạn ngang tầm với kẻ thù mà bạn định đánh bại? Tại sao bạn lại bỏ qua thuộc địa, tại sao chủ nghĩa tư bản lại sử dụng chúng để hỗ trợ cho chính nó, tự bảo vệ và đánh bại bạn?"*

Ngày 1-7-1924, Nguyễn Ái Quốc một lần nữa lại phát biểu để nhấn mạnh việc Dimitri Manuilsky chỉ trích các Đảng cộng sản châu Âu đã thất bại trong việc đưa ra vấn đề thuộc địa. Trong một báo cáo dài, ông đã nêu ra không chỉ các Đảng cộng sản Pháp mà còn các Đảng cộng sản Anh và Hà Lan thiếu nỗ lực thực hiện một chính sách thuộc địa mạnh mẽ và liên lạc với các nhân tố cách mạng ở các nước thuộc địa. Vạch ra thực tế các tờ báo của Đảng cộng sản Pháp đã bỏ lỡ rất nhiều cơ hội để làm cho độc giả chú ý đến vấn đề này, ông kêu gọi cần có một số biện pháp cụ thể để cải thiện tình hình. Trong bài phát biểu tại hội nghị về nông dân, ông không khẳng định vai trò trung tâm của nông thôn trong cuộc cách mạng tới, nhưng ông đã cố gắng chỉ ra rằng nông dân sẽ đóng vai trò tích cực.

*Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Ở nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy nhưng lần nào cũng bị dìm trong biển máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng.*

Với những gì ông làm tại Đại hội Quốc tế Cộng sản V, Nguyễn

Ái Quốc đã làm cho các nhà lãnh đạo của phong trào cộng sản thế giới để ý. N.I Krovchenko - hoạ sĩ Liên Xô - đề nghị ông cho vẽ chân dung, bức chân dung này sau đó xuất hiện trên tờ *"Rabotaya Gazeta"* (Báo Công nhân) vào cuối tháng 7, trong khi tờ Pravda (Sự Thật) kể lại các nhận xét của ông với tựa đề mang tính khiêu khích *"Từ lời nói đến việc làm, phát biểu của đại biểu Đông Dương Nguyễn Ái Quốc"*. Lúc đó, ông vẫn theo chính sách chính thống, nhưng chẳng bao lâu sau,việc ông nhấn mạnh vào tầm quan trọng của giai cấp nông dân đối với cuộc cách mạng ở châu Á bị coi là lập dị và bị trừng phạt nặng nề ở Moscow.

Kết quả là Đại hội V không mang lại sự thay đổi nào đối với chính sách của Quốc tế Cộng sản, nhưng nó đã cho thấy nhận thức về vấn đề thuộc địa đã được cải thiện. Giới lãnh đạo dường như đã nhận ra là phải cần thiết tăng cường tuyên truyền và vận động ở các vùng thuộc địa, và đã thiết lập một uỷ ban về tuyên truyền quốc tế. Nguyễn Ái Quốc được coi là một trong những thành viên sáng lập ra uỷ ban này. Tuy nhiên, Đại hội đã không đưa một tuyên bố đặc biệt nào về vấn đề thuộc địa vào nghị quyết cuối cùng - một sai sót sau này đã được sửa chữa tại Đại hội sau, bốn năm sau đó. Nhưng Quốc tế Cộng sản đã đưa ra một lời kêu gọi rộng rãi "*những nô lệ ở thuộc địa*", như Nguyễn Ái Quốc đã đề xuất tại phiên khai mạc.

Không biết có phải để đáp lại sự chỉ trích của Nguyễn Ái Quốc hay không, lãnh đạo Quốc tế Cộng sản đã bắt đầu chú ý đến việc đưa nhiều nhà cách mạng châu Á hơn sang học ở Liên Xô. Trong những năm sau khi Đại hội diễn ra, nhiều người ở châu Á hơn, trong đó có hơn 100 người Việt Nam được cử đến Moscow hoặc Leningrad (thành phố Petrograd đổi tên sau khi Lenin mất) để đào tạo và cuối cùng trở về quê hương để hoạt động. Nhóm đầu tiên gồm ba người Việt Nam đã đến từ Pháp vào giữa năm 1925.

Cơ sở chính của chương trình đào tạo các nhà cách mạng châu Á vẫn là trường Stalin. Đảng cộng sản Pháp đã được chỉ dẫn sửa những sai lầm của mình. Uỷ ban nghiên cứu thuộc địa được tái tổ chức thành Uỷ ban Thuộc địa, do Jacque Doriot phụ trách. Đầu năm 1925, Đảng đã thành lập một trường thuộc địa bí mật gần Port de Clignacourt, ngoại ô phía bắc Paris để đào tạo các nhà cách mạng từ các thuộc địa để chuẩn bị gửi sang Liên Xô học tập. Lớp học đầu tiên, một trong tám sinh viên là người Việt Nam. Trong nhiều năm sau, nhóm từ 5 đến 10 người Việt Nam đến Moscow hằng năm. Đa số đến từ Pháp nhưng có một số người đến thẳng từ Đông Dương.

Việc Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản V đã đánh dấu sự chấm dứt giai đoạn ông học làm cách mạng và bắt đầu chyển sang giai đoạn trở thành nhà lãnh đạo châu Á của phong trào cộng sản quốc tế. Giờ đây ông được công nhận là người phát ngôn về vấn đề phương Đông và ủng hộ chính sách quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề liên quan đến giai cấp nông dân. Bằng lòng với chính mình và thoả mãn mong muốn hướng được Quốc tế Cộng sản chú ý hơn đến vấn đề thuộc địa, ông cảm thấy đã hoàn thành nhiệm vụ ở Moscow và sẵn sàng quay lại châu Á để phát động quá trình xây dựng phong trào cách mạng ở Đông Dương.

Ban đầu, Nguyễn Ái Quốc đến Moscow với ý đồ sẽ chỉ ở đó trong thời gian ngắn trước khi trở về tổ quốc. Trong một bức thư gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản tháng 4-1924, ông đã phàn nàn, *"cả Ban Quốc tế Cộng sản lẫn Đảng cộng sản Pháp đều không biết nhiều về tình hình ở các thuộc địa của Pháp"*. Ông khẳng định điều thiết yếu là phải thiết lập kênh liên lạc với thuộc địa, và ông tự nhận mình làm cán bộ liên lạc. Bức thư đã bày tỏ một cách đầy đủ ý định của ông:

*"Khi đến Moscow, tôi đã quyết định, sau ba tháng ở đây, tôi sẽ đi Trung Quốc để thiết lập kênh liên lạc với nước tôi. Tôi ở đây đến nay đã là tháng thứ chín và đây là tháng thứ sáu mà tôi chờ đợi, tuy nhiên việc ra đi vẫn chưa được quyết định.*

*Tôi không cảm thấy cần thiết phải nói thêm với các bạn về các phong trào cách mạng hay quốc gia dù cũ hay mới, về sự tồn tại hay không tồn tại của các tổ chức công nhân, hay về các hoạt động của các tổ chức bí mật và các nhóm khác, bởi vì ở đây tôi không có ý định trình bày một luận văn, nhưng tôi muốn nêu rõ sự cần thiết chúng ta phải nghiên cứu tình hình một cách thận trọng và ít ra cũng tạo ra một cái gì đó.*

*Chuyến đi của tôi sẽ là chuyến đi điều tra và nghiên cứu. Tôi phải cố gắng.*

*a) Thiết lập các kênh liên lạc giữa Đông Dương với Quốc tế Cộng sản.*

*b) Nghiên cứu tình hình chính trị, kinh tế và xã hội ở thuộc địa đó.*

*c) Thiết lập kênh liên lạc với các tổ chức đã có từ trước,*

*d) Cố gắng tổ chức một cơ sở thông tin và tuyên truyền.*

*Làm thế nào tôi có thể hy vọng hoàn thành công việc đó? Trước hết, tôi phải đi Trung Quốc. Từ đó, làm bất cứ gì trong khả năng có thể. Số tiền cần có để hỗ trợ cho các hoạt động của tôi sẽ là bao nhiêu? Tôi sẽ phải di chuyển nhiều, duy trì quan hệ với nhiều nhóm, trả tiền thư từ, mua các ấn phẩm phát hành ở Đông Dương, thu xếp chỗ ăn ở v.v… Sau khi thảo luận với các đồng nghiệp người Trung Quốc ở đây, tôi dự tính sẽ cần một ngân sách khoảng 100 đô - la một tháng, không kể tiền đi từ Nga đến Trung Quốc. Tôi không tính tiền thuế.*

*Tôi hy vọng những điều trên đây sẽ là cơ sở để thảo luận vấn đề cho tôi trở lại Viễn Đông".*

Nguyện vọng trở lại châu Á của Nguyễn Ái Quốc có thể đã trở nên mạnh mẽ hơn sau các cuộc nói chuyện với đặc vụ Liên Xô S.A. Dalin, vừa tiến hành các hoạt động tuyên truyền ở Quảng Châu trở về. Ở Quảng Châu, nhà ái quốc Tôn Dật Tiên đã thiết lập các trụ sở tạm thời của phong trào cách mạng. Năm trước đó, Tôn Dật Tiên đã ký một thoả thuận cho phép một phái đoàn cố vấn Xô viết dưới sự lãnh đạo của đặc vụ Quốc tế Cộng sản Mikhail Borodin đóng ở Quảng Châu để giúp tổ chức lại Quốc dân đảng của ông Tôn Dật Tiên theo đường lối của chủ nghĩa Lenin. Dalin đã là thành viên của nhóm đến Quảng Đông cùng với Borodin vào tháng 10. Khi trở về Moscow, Dalin ở khách sạn Lux, gặp Nguyễn Ái Quốc và nói chuyện về các điều kiện ở nam Trung Quốc. Rõ ràng là Nguyễn Ái Quốc đã rất vui mừng khi được biết là có một số đáng kể người Việt Nam di cư sang đó, tham gia các hoạt động nhằm tiêu diệt chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương.

Tuy nhiên, vì nhiều lý do, chuyến đi của ông bị trì hoãn. Tháng 4-1924, ông được cử đến Irkusk, một thành phố ở vùng Sibir (Liên Xô), để tháp tùng đoàn đại biểu Trung Quốc đến Moscow. Chẳng bao lâu sau khi quay trở lại, người bảo hộ ông là Dimitri Manyusky mời ông đến nói chuyện. Manuilsky vui vẻ đón tiếp: *“Thế nào, đồng chí, đồng chí đang nóng lòng muốn tham gia chiến đấu lắm phải không?”*. Nguyễn Ái Quốc nhân dịp này nói lên quan điểm của mình, lập luận rằng các điều kiện đã chín mùi lập “*một đảng Bolsevich”* ở Đông Dương. Phong trào công nhân đang lên và có nhiều người Việt Nam di cư đang sống ở Nam Trung Quốc. Ông đề nghị tổ chức họ thành các hạt nhân của một Đảng cộng sản trong tương lai. Manyusky tán thành, nhưng với điều kiện Nguyễn Ái Quốc sẽ dùng kinh nghiệm của mình để giúp đỡ các dân tộc khác ở khu vực. Ít lâu sau, Nguyễn Ái Quốc được bổ nhiệm làm một uỷ viên của Ban thư ký Viễn Đông thuộc Ban Điều hành Quốc tế Cộng

sản.

Dù vậy, các bộ máy quan liêu chuyển động một cách chậm chạp. Trong một bức thư gửi Grigori Voitinsky vào ngày 11 tháng 9, ông Quốc đã phàn nàn rằng chuyến đi đến Trung Quốc của ông đã bị trì hoãn "*vì lý do này hay lý do khác*" và "*từ tuần này đến tuần khác"*, và sau đó *"từ tháng này đến tháng khác".* Ông rất thất vọng khi phát hiện Văn phòng Viễn Đông không thể tài trợ cho chuyến đi của ông hoặc bổ nhiệm ông vào một chức vụ chính thức ở phái đoàn của Quốc tế Cộng sản với tư cách nào đó, nhưng khi các kế hoạch này không được thông qua thì chuyến đi lại bị hoãn. Không đủ kiên nhẫn để chờ, cuối cùng ông đề nghị tự xin việc làm sau khi đến Quảng Đông nếu Văn phòng Viễn Đông có thể cung cấp vé cho ông. Ngày 25 tháng 9, do thúc giục của đại diện của Đảng cộng sản Pháp ở Moscow, Văn phòng Viễn Đông đã chấp nhận yêu cầu *"Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cần đi đến Quảng Châu. Chi phí sẽ do Văn phòng Viễn Đông tài trợ".*

Cuối cùng Nguyễn Ái Quốc đã thuyết phục được Quốc tế Cộng sản cho phép trở lại châu Á để hoạt động cách mạng. Tuy nhiên, như ông nói với một người bạn, sự sắp xếp đó có *"những điểm bất tiện"* vì ông bị buộc phải hoạt động một cách bất hợp pháp ở Quảng Đông, dưới con mắt giám sát của Sở Mật thám Pháp ở tô giới Pháp trong thành phố (trong thế kỷ thứ 19, nhiều nước châu Âu gây áp lực với triều đình nhà Thanh buộc nhượng cho họ các vùng đất dọc theo bờ biển để người nước ngoài có thể hoạt động dưới quyền tài phán của châu Âu). Ông phải tự trang trải các chi phí ở một nước mà ông chưa bao giờ đến và làm việc đó bằng một ngôn ngữ mà ông chỉ có thể đọc và viết nhưng không nói được. Để tìm cho mình một chỗ dựa và một nguồn tài trợ nào đó, ông đã đến các văn phòng của cơ quan thông tấn Xô viết ROSTA và đồng ý gửi đến Moscow các bài báo viết về tình cảnh ở Trung Quốc.

Tháng 10, Nguyễn Ái Quốc đã rời Moscow bằng tàu hoả từ ga Yaroslavsky. Cũng như trước kia, ông đi mà không báo cho bạn bè, chỉ yêu cầu Thomas Dombal nói lại với mọi người là ông bị ốm, bởi vì ông sẽ sống bất hợp pháp ở Trung Quốc. Để xoá mọi dấu vết của chuyến đi, ông viết thư cho một người quen Pháp, giải thích rằng ông sẽ trở lại Pháp vì không được phép đến Đông Dương. Lá thư được một điệp viên báo lên cho Sở mật thám Pháp.

Đi Vladivostok trên tàu tốc hành xuyên Sibir thường mất 3 tuần, vì tàu thường xuyên dừng để lấy than và nước, và thỉnh thoảng đỗ lại để tránh tàu. Từ cửa sổ, Nguyễn Ái Quốc đã chứng kiến thiệt hại lớn ở các thị trấn và làng mạc ở Sibir do hậu quả của cuộc nội chiến đau thương giữa Bolsevich và Bạch vệ, tuy nội chiến đã kết thúc bốn năm trước đó. Nhiều lần, các đơn vị Hồng quân mang súng máy lên tàu và kiểm tra hành khách xem có mang tài liệu chống cách mạng không. Dừng ở Vladivostok một thời gian ngắn, ông ở tại Khách sạn Lenin trên đại lộ chính của thành phố. Ông lại lên một con tàu biển Liên Xô đi Trung Quốc. Tàu cập bến ở Quảng Châu ngày 11-11-1924.

# CHƯƠNG

## CON RỒNG CHÁU TIÊN

Châu Á ngày Nguyễn Ái Quốc quay trở về vào cuối năm 1924 khác nhiều so với châu Á mà ông ra đi 13 năm trước. Trong khi hệ thống thuộc địa ở Nam Á và Đông Nam Á vẫn không thay đổi sau Thế chiến I (1914-1918), tình hình ở Trung Hoa đã thay đổi mạnh mẽ. Mùa thu năm 1911, một biến động lớn đã gây ra sự tan rã của hệ thống phong kiến cũ ở Bắc Kinh. Bốn tháng sau khi Nguyễn Ái Quốc rời cảng Nhà Rồng vào tháng 6, một cuộc nổi dậy của các thành viên đảng cách mạng của Tôn Dật Tiên đã nhanh chóng dẫn đến sự sụp đổ của triều đại Mãn Thanh và ra đời một chính phủ mới ở Trung Hoa. Nhưng những đảng viên của Tôn Dật Tiên đã không tận dụng được tình thế. Tướng Viên Thế Khải, Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang Mãn Thanh, khéo léo và khôn ngoan hơn cả về chính trị lẫn quân sự, nên vào tháng 2-1912, Tôn Dật Tiên bị buộc phải nhường cho tướng Viên Thế Khải chức Chủ tịch nước cộng hoà mới sẽ được thiết lập ở Bắc Kinh.

Viên Thế Khải hy vọng sẽ thành lập một triều đại mới mang tên mình nên ra sức khôi phục luật pháp và lập lại trật tự dựa vào các phương pháp cai trị của nền quân chủ chuyên chính cũ. Điều này gây xung đột với đảng của Tôn Dật Tiên mà số đảng viên của Tôn chiếm gần một nửa số ghế trong Quốc hội mới được thành lập.

Tháng 1-1914, Viên Thế Khải giải tán Quốc hội, nắm quyền cai trị bằng sắc lệnh, tuyên bố đảng của Tôn vi phạm pháp luật. Tôn Dật Tiên trốn sang Nhật. Nhưng khi Viên Thế Khải chết đột ngột sau cơn bạo bệnh năm 1916, Trung Hoa lại bắt đầu lâm vào khủng hoảng, tan rã, vì các tư lệnh vùng đã trở thành các lãnh chúa nắm quyền kiểm soát từng tỉnh trên toàn quốc. Mặc dù chính phủ suy yếu nhưng vẫn nắm quyền ở Bắc Kinh, làn sóng bất an trong xã hội và sự chống đối của giới trí thức bắt đầu bùng nổ khắp nơi. Năm 1919, nhiều cuộc biểu tình lớn của sinh viên đã nổ ra ở thủ đô và các thành phố lớn khác. Cùng năm đó, Tôn Dật Tiên đã thiết lập thành công cơ sở đảng cách mạng - tên mới Quốc Dân Đảng - ở Quảng Châu, thủ phủ của tỉnh Quảng Đông, dưới sự bảo hộ của Trần Quýnh Minh - Tư lệnh vùng. Tháng 4-1921, Tôn Dật Tiên chính thức tuyên bố thành lập một chính phủ quốc gia mới do ông làm tổng thống.

Trong hai năm sau cuộc cách mạng Bolsevich, chính phủ Xô viết mới ở Moscow không thể tận dụng được những sự kiện đang diễn ra ở Trung Hoa và chính phủ quan tâm hơn đến việc thiết lập quyền kiểm soát ở nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn của đất nước một thời là đế chế Nga ở Sibir, lúc đó tạm thời bị các lực lượng chống cộng chiếm giữ. Nhưng đến mùa xuân năm 1920, Liên Xô đã củng cố xong sự thống trị ở vùng này và một Ban Bí thư Viễn Đông được thành lập ở Irkusk để chỉ đạo các hoạt động của cộng sản ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương rộng lớn. Tháng 4 năm đó, Grigori Voitinsky, đặc vụ Quốc tế Cộng sản đóng ở Irkusk, đã đi Bắc Kinh. Sau khi dừng lại ở Bắc Kinh một thời gian ngắn, ông đi tiếp đến Thượng Hải, giúp địa phương thành lập một tổ chức lâm thời gồm những nhà cách mạng đang hoạt động trong thành phố. Hè năm sau, những người theo đường lối cấp tiến trên khắp đất nước Trung Hoa đã tập trung tại Thượng Hải, chính thức thành

lập đảng cộng sản Trung Quốc.

Một trong những quyết định đầu tiên của đảng mới có nên hợp tác với chế độ cách mạng mới của Tôn Dật Tiên ở Quảng Châu hay không? Một số đảng viên, do tin rằng các thành viên chủ chốt của đảng của ông Tôn về cơ bản là phản cách mạng, nên không muốn hợp tác với Quốc Dân Đảng. Nhưng nhà cộng sản người Hà Lan, ông Maring, người kế nhiệm Voitinsky, làm trưởng đại diện của Cộng sản Quốc tế ở Trung Hoa lại rất cương quyết muốn hợp tác. Tháng Một năm 1923, Tôn Dật Tiên và đại diện Liên Xô, Adolf Joffe, ký một thoả thuận ở Thượng Hải nhằm thiết lập mặt trận thống nhất giữa hai đảng và dàn xếp để Liên Xô hỗ trợ cho việc hoàn thành thống nhất Trung Hoa. Thoả thuận đó, được mô tả *"Liên minh bên trong",* kêu gọi các đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc gia nhập Quốc Dân Đảng, lực lượng chính trị chủ chốt ở Quảng Châu.

Một trong những quyết định đầu tiên mà đảng mới phải đưa ra là có hợp tác với chế độ cách mạng mới của Tôn Dật Tiên ở Quảng Châu hay không. Một số đảng viên, do tin rằng các thành viên chủ chốt của đảng của ông Tôn Dật Tiên về cơ bản là phản cách mạng, nên không muốn hợp tác với Quốc dân đảng. Nhưng nhà cộng sản người Hà Lan, ông Maring, người kế nhiệm Voitinsky làm trưởng đại diện của Quốc tế Cộng sản ở Trung Hoa lại rất cương quyết. Tháng 1-1923, Tôn Dật Tiên và đại diện Liên Xô Adolf Joffe đã ký một thoả thuận ở Thượng Hải nhằm thiết lập một mặt trận thống nhất giữa hai đảng và dàn xếp để Liên Xô hỗ trợ cho việc hoàn thành thống nhất Trung Hoa. Thoả thuận đó, được mô tả là "*liên minh bên trong*", kêu gọi các đảng viên đảng cộng sản Trung Quốc gia nhập Quốc dân đảng, là lực lượng chính trị chủ chốt ở Quảng Châu.

Từ cuối năm 1923, hai đảng này với sự giúp đỡ phái bộ mới của Cộng sản Quốc tế Mikhail Borodin, bắt đầu chuẩn bị cho một cuộc hành trình về phương bắc để hạ bệ các lãnh chúa tư lệnh tham lam ở Trung Hoa kể từ sau cái chết của Viên Thế Khải. Tuy là thành phần nhỏ trong liên minh và thiếu sự ủng hộ cũng như uy tín như Quốc Dân Đảng, nhưng Đảng cộng sản Trung Quốc là một lực lượng mới, năng động trong nền chính trị Trung Hoa, một đảng của tương lai chứ không phải của quá khứ.

Ở Đông Dương thuộc Pháp cũng đang có những thay đổi, mặc dù không cùng tốc độ với Trung Hoa. Dân số của ba vùng này gia tăng nhanh chóng. Từ bảy triệu năm 1880 đã lên đến khoảng mười sáu triệu năm 1926, với sáu triệu ở Bắc Kỳ, năm triệu ở Trung Kỳ và khoảng bốn triệu ở Nam Kỳ. Mặc dù hơn ba phần tư dân số vẫn sống ở nông thôn, dân số thành thị đã tăng mạnh, lên đến gần một triệu người vào giữa những năm 1920. Hầu hết sống ở các thành phố lớn Sài Gòn và Hà Nội.

Trong mười ba năm kể từ khi Nguyễn Ái Quốc rời Sài Gòn, phong trào khôi phục nền độc lập của Việt Nam đã mất chỗ đứng. Với việc Phan Châu Trinh bị bắt và đày sang Pháp, người chủ trương cải cách phi bạo lực uy tín nhất đã tạm thời im lặng. Trong khi đó, tổ chức của Phan Bội Châu - một thời đầy hứa hẹn, được sự ủng hộ của nhiều nhà yêu nước có uy tín nhất Việt Nam - đã dần dần không còn quan trọng như trước nữa sau nhiều lần nổi dậy không thành công và tiếp đó là việc chính nhà lãnh đạo phong trào dân tộc chủ nghĩa bị bắt và bị đày ở nam Trung Hoa.

Khi nghe tin về cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Hoa, Phan Bội Châu bỏ kế hoạch thành lập một chế độ quân chủ lập hiến và thay vào đó thành lập một chính đảng mới - Quang Phục Hội - nhằm thiết lập một nền cộng hoà độc lập theo mô hình

của Tôn Dật Tiên. Phan Bội Châu hy vọng sẽ được Trung Hoa giúp đỡ để lật đổ Pháp. Trong một cuộc họp với Tôn Dật Tiên ở Quảng Châu đầu năm 1912, ông Tôn hứa với Phan Bội Châu, Việt Nam sẽ là nước đầu tiên được Trung Hoa giúp đỡ một khi các nhà cách mạng củng cố và nắm quyền ở Trung Hoa. Tuy nhiên, ít lâu sau, Phan Bộ Châu bị một tư lệnh địa phương bắt vì tội thực hiện các hoạt động lật đổ. Phan Bội Châu ra tù năm 1917, đảng của Tôn Dật Tiên đã mất quyền và bản thân ông Tôn đang ở Nhật Bản. Hy vọng được sự giúp đỡ của nước ngoài lại một lần nữa tiêu tan, Phan Bội Châu mất phương hướng. Trong lúc tuyệt vọng, ông thậm chí đã đề xuất hợp tác với người Pháp miễn là họ giữ lời hứa thực hiện các cuộc cải cách kinh tế chính trị ở Đông Dương. Cho đến đầu những năm 1920, tổ chức cách mạng ở Việt Nam hầu như đã tan rã. Phan Bội Châu bị đày ở Trung Hoa, xung quanh là một nhóm môn đệ trung thành, ông trở thành nhân vật ngày càng không hợp thời - rõ ràng ông đã hết thời.

Sự sụp đổ phong trào của Phan Bội Châu và việc Phan Châu Trinh bị đi đày là những thay đổi lớn diễn ra trong xã hội Việt Nam. Dấu chấm hết của hai người họ Phan trùng với sự đi xuống của giới nhà Nho đã từng có ảnh hưởng lớn đối với nền chính trị Việt Nam trong nhiều thế kỷ. Mặc dù được hối thúc của các nhà yêu nước như Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, nhiều nhà Nho đã bỏ niềm tin cũ, cố gắng tham gia vào chính trị quần chúng, với tư cách một giai cấp họ chưa bao giờ cảm thấy thoải mái thực sự trong vai trò mới này. Nhiều người thấy khó có thể thích nghi với những điều kiện đang thay đổi dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Phan Bội Châu rất thích phong trào “*mười nghìn anh hùng vô danh*” được in trên sách báo. Họ là những người sẽ đuổi Pháp ra biển, nhưng xét cho cùng, đảng của ông chủ yếu bao gồm những người thuộc giới thượng lưu, được giáo dục trong xã hội và hầu

như không có nông dân tham gia. Phong trào đã cố gắng thúc đẩy thương mại và công nghiệp làm phương tiện để làm giàu cho xã hội Việt Nam, các thành viên có thâm niên của phong trào lại là đại diện của giới quý tộc địa chủ. Các nhà Nho yêu nước có thiện chí lại mặc quần chùng áo thụng mở cửa hàng để gây quỹ và khuyến khích thương mại ở địa phương. Nhưng sau đó đã làm khách hàng xa lánh do thái độ kẻ cả, hách dịch của họ.

Sự sụp đổ phong trào của Phan Bội Châu và việc Phan Chu Trinh bị đi đày cho thấy có những thay đổi lớn hơn diễn ra trong xã hội Việt Nam; dấu chấm hết thời của hai người họ Phan trùng với sự đi xuống của giới sĩ phu truyền thống đã từng có ảnh hưởng lớn đối với nền chính trị Việt Nam trong nhiều thế kỷ. Mặc dù được hối thúc bởi các nhân vật yêu nước như Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, nhiều sĩ phu đã bỏ niềm tin trước kia của họ và cố gắng tham gia vào chính trị quần chúng, với tư cách một giai cấp họ chưa bao giờ cảm thấy thoải mái thực sự trong vai trò mới này; nhiều người thấy khó có thể thích nghi với những điều kiện đang thay đổi dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Phan Bội Châu rất thích phong trào gồm "mười nghìn anh hùng vô danh" chỉ tồn tại trên sách báo. Họ là những người sẽ đuổi người Pháp ra biển, nhưng xét cho cùng đảng, của ông chủ yếu bao gồm những người thuộc giới thượng lưu và được giáo dục tốt trong xã hội và hầu như không có nông dân tham gia. Mặc dù phong trào của ông đã cố gắng thúc đẩy thương mại và công nghiệp làm phương tiện để làm giàu cho xã hội Việt Nam, các thành viên có thâm niên của phong trào là đại diện của giới quý tộc địa chủ. Các nhà Nho yêu nước có thiện chí mặc áo thụng mở cửa hàng để gây quỹ và khuyến khích thương mại ở địa phương và sau đó đã làm khách hàng xa lánh mình do thái độ kẻ cả của họ.

Cuối Thế chiến I, ảnh hưởng của các nhà Nho, (khoảng 20.000

người vào cuối thế kỷ XIX), trong xã hội Việt Nam đã bắt đầu suy yếu. Các kỳ thi Nho học đã bị loại bỏ trên cả ba vùng lãnh thổ và được thay thế bằng một hệ thống giáo dục mới do người Pháp đặt ra. Quốc ngữ, tiếng Việt - tiếng nói hàng ngày - chuyển sang hệ chữ cái La tinh, lúc đó được thúc đẩy mạnh mẽ bởi cả các nhà truyền giáo Đạo Cơ Đốc ở Nam Kỳ, các trí thức theo đường lối cải cách ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và ngày càng được thừa nhận là hệ thống thay thế hữu ích cho hệ thống chữ Hán - Nôm phức tạp. Trong khi hầu hết trẻ em Việt Nam tiếp tục học theo hệ thống giáo dục cũ ở làng quê thì con em trong giới Nho sĩ theo hệ thống giáo dục mới, tiến bộ được đào tạo ở các trường Pháp Việt mới, như trường Quốc Học Huế, nơi mà các bài giảng bằng tiếng Pháp. Nhiều người sang Pháp học tiếp.

Trong khi đó, một tầng lớp trung lưu người Việt mới và Âu hoá đã xuất hiện. Một số thành lập các công ty thương mại, nhà máy đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của các gia đình khá giả sống ở các thành phố lớn. Những người khác làm cho các công ty của châu Âu, theo các nghề khác nhau hoặc giữ một vị trí trong bộ máy hành chính quan lại. Mặc dù nhiều thành viên của giới thành thị mới này ngưỡng mộ Phan Bội Châu và các môn đệ của ông về lòng yêu nước, nhưng họ kín đáo chế nhạo các bậc đàn anh về thái độ bảo thủ và cổ hủ. Những người thuộc thế hệ mới cũng cam kết đối với sự nghiệp độc lập dân tộc, từ bỏ quá khứ và có kiến thức tinh tế hơn về phương Tây. Nhiều người mặc đồ Tây, uống rượu Pháp và nói chuyện bằng tiếng Pháp. Nhà báo Pháp Paul Monet viết, những người thuộc thế hệ mới này là *“bản sao mẫu của nền văn hoá (Pháp) của chúng ta, không còn niềm tin truyền thống và rời bỏ mảnh đất của tổ tiên, hoàn toàn không quan tâm đến đạo Khổng, đạo đức mà họ không thích bởi vì họ không hiểu về nó”* . Các quan chức Pháp thường coi những bước phát triển này như là một dấu hiệu

về sự thành công của sứ mệnh khai hoá, nhưng họ cũng sớm nhận ra thế hệ này sẽ là một thách thức lớn hơn so với các cha ông của họ.

Quan chức cao cấp của Pháp đã vô tình làm người Việt Nam càng bực tức hơn đối với những hậu quả của chế độ thực dân. Năm 1919, kẻ thù tương lai của Nguyễn Ái Quốc là Albert Sarraut - toàn quyền Đông Dương lúc đó - đã làm cho những trái tim Việt Nam cảm động vì ông hứa về một kỷ nguyên cải cách mới. Ông nói với những người cấp dưới: *"Tôi sẽ đối xử với các bạn như một người anh đối với một người em và sẽ dần dần trả lại cho các bạn chân giá trị của một con người"*. Những lời lẽ đó đã làm loé lên hy vọng ở Việt Nam và thậm chí Nguyễn Ái Quốc đã khâm phục lời lẽ đó. Ông vẫn là người luôn ngưỡng mộ nền văn hoá đã sản sinh ra khẩu hiệu cách mạng *"tự do, bình đẳng và bác ái"*.

Sau khi Sarraut rời Hà Nội đi Paris nhận chức Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, những lời hứa của ông về cải cách vẫn chưa được thực hiện. Thí dụ, hệ thống giáo dục mới hầu như không nhận được nguồn tài trợ từ chính quyền thực dân và kết quả chỉ có ảnh hưởng rất hạn chế đối với dân chúng địa phương. Các trường làng quê đặc biệt thiếu kinh phí và đa số trẻ Việt Nam được đi học không đến bốn năm. Vào giữa những năm 1920, chỉ khoảng năm ngàn học sinh trên toàn quốc được học đến bậc trung học. Những thống kê đó cho thấy đạo đức giả của người Pháp khi họ nói đang thực hiện sứ mệnh khai hoá văn minh ở Đông Dương. Trong khi đó theo hệ thống cũ, khoảng một phần tư dân số có thể đọc được các bài viết bằng chữ Hán, trong thập niên sau Thế chiến I, tỷ lệ biết chữ quốc ngữ và chữ Nôm ước tính chỉ khoảng năm phần trăm dân số.

Trong khi đó, mặc dù nhiều người Việt Nam đã đóng góp cho sự

nghiệp của Pháp trong Thế chiến I, nhà cầm quyền thực dân vẫn từ chối cho dân chúng quyền đóng một vai trò tích cực trong nền chính trị quốc gia. Khoảng 10.000 viên chức thực dân ở Đông Dương được trả lương cao hơn so với người Việt Nam làm cùng một công việc. Nhiều người trong số 40.000 người châu Âu sống và làm việc ở Đông Dương, một số khi đến hầu như tay không ngoài bộ quần áo khoác trên người, ấy thế hàng ngày họ đối xử thô bạo, thái độ trịch thượng đối với dân bản xứ. Người nước ngoài, kể cả hơn 200.000 Hoa kiều sống chủ yếu ở các thành phố và thị trấn chi phối nền kinh tế đô thị. Một nhà văn Pháp đã cho các chính sách cải cách của Sarraut là sự ghê tởm, những chính sách đôi khi được mô tả là *"nền chính trị hợp tác",* là sự gian dối, trong khi Tổng thống Pháp Raymond Poincaré thừa nhận *"các chính sách đó chỉ được thể hiện về mặt hình thức".*

Đa số dân chúng phải chịu các mức thuế gia tăng và sự độc quyền của chính phủ trong việc sản xuất và buôn bán thuốc phiện, muối và rượu, làm tăng cao giá bán lẻ ba loại sản phẩm này. Ở Nam Kỳ, các chủ đất giấu mặt mua đất hoang ở châu thổ sông Cửu Long đã đòi thu tô quá cao với người thuê mới, đôi khi lên tới hơn 50 phần trăm tổng giá trị mùa màng trên mảnh đất đó, trong khi địa chủ sống trong các dinh cơ ở Sài Gòn. Cả nước có khoảng hơn nửa triệu nông dân không có đất, so với khoảng 50 nghìn địa chủ. Trong cuốn "Quyền Con Người" (Forceries Humaines) viết vào giữa thập niên, tác giả Georges Garros nhận xét, nếu người Pháp cũng bị áp bức như vậy chắc hẳn đã nổi dậy rồi. Thực ra, như Nguyễn Ái Quốc nhận xét một cách cay đắng với nhà báo Ossip Mandelstam trong cuộc phỏng vấn năm 1923 ở Moscow, Việt Nam là *"quốc gia bị chìm trong bóng tối".*

Sự thất vọng đã dấy lên làn sóng chính trị mạnh mẽ mới vào giữa những năm 1920. Đứng đầu là một thế hệ trí thức trẻ tuổi

thuộc tầng lớp trung lưu được giáo dục theo hệ thống của Pháp. Như những người cùng cảnh ngộ ở thế giới thuộc địa, nhiều người có suy nghĩ đa dạng với nền văn hoá phương Tây, ngưỡng mộ nhưng không chấp nhận nền văn hoá đó. Nhiều người trong số họ đọc tiểu thuyết và tạp chí bằng Pháp ngữ, trong đó có các tạp chí bằng chữ quốc ngữ như Phụ Nữ Tân Văn phục vụ theo thị hiếu phương Tây, viết theo cách nhìn nhận của các thanh niên có học thức. Nhưng họ lại phẫn nộ về việc người Pháp đối xử với dân bản xứ bằng một thái độ trịch thượng và nảy sinh nghi ngờ, tại sao các quan niệm của Pháp được quảng cáo nhiều như tự do, bình đẳng và bác ái mà họ được học ở trường lại không áp dụng ở Đông Dương.

Những dấu hiệu thay đổi đầu tiên xuất hiện ở Sài Gòn - thành phố chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất bởi sự có mặt của thực dân Pháp. Một tỷ lệ lớn người châu Âu ở Đông Dương đã đến định cư ở đây vì Nam Kỳ là thuộc địa, trực thuộc chính quyền Pháp và vì cơ hội thu lợi nhuận từ các đồn điền cao su, chè và cà phê được dựng nên các khu vực phụ cận. Ở Sài Gòn, có nhiều công nhân nhà máy hơn bất cứ vùng nào ở Việt Nam. Tại Sài Gòn, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo, người bản xứ và người nước ngoài rõ ràng nhất. Ngay cả người Việt Nam giàu có nhất cũng có lý do bất bình về việc người nước ngoài thâu tóm toàn bộ nền kinh tế. Các thương nhân Hoa Kiều quản lý các nhà máy sản xuất gạo, các ngân hàng và các tiệm cầm đồ, trong khi người châu Âu sở hữu hầu hết các nhà máy lớn và chi phối xuất nhập khẩu. Nhà nông học giàu có Bùi Quang Chiêu - Nguyễn Ái Quốc gặp trước khi đi sang châu Âu - đã đi đầu trong việc thổi bùng lên thái độ bất bình này. Là một chủ đất nhưng sống ở Sài Gòn, ông Chiêu cũng tham gia nhiều hoạt động kinh doanh và sáng lập ra tạp chí *"Diễn đàn người bản xứ"* đại diện cho lợi ích của thương gia địa phương. Vài

năm sau, ông cùng với người quen thành lập Đảng Lập Hiến Đông Dương - đảng chính trị chính thức đầu tiên ở Đông Dương thuộc Pháp. Bùi Quang Chiêu và các cộng sự của mình hy vọng ép người Pháp dành cho người Việt Nam một vị trí cao hơn trong tiến trình chính trị và một mục tiêu nữa là giảm sự chi phối của các thương nhân Trung Hoa đối với nền kinh tế ở Nam Kỳ.

Cũng như ở nhiều xã hội khác ở Đông Nam Á, các thương gia Trung Hoa từ lâu đã là lực lượng chi phối các nền kinh tế đô thị ở Việt Nam, Lào và Campuchia. Con cháu của những người nhập cư trong các thế kỷ trước đến nơi này từ các vùng duyên hải ở nam Trung Hoa thường được đám chúa đất địa phương khuyến khích tham gia sản xuất và thương mại trong khi dân bản xứ không được đối xử như vậy. Thường thì họ sống trong các khu nhà ổ chuột ở đô thị và tiếp tục duy trì văn hoá Trung Hoa, trong đó có đạo Khổng và tiếng Trung. Khi Bùi Quang Chiêu và các cộng sự của ông chú trọng đến việc giảm ảnh hưởng của Hoa Kiều hơn là các nhà cầm quyền thực dân, họ có thái độ tương tự như thái độ ở một số thuộc địa khác trong khu vực.

Một đối thủ nguy hiểm hơn ông Chiêu, theo quan điểm người Pháp - một trí thức được đào tạo ở Paris - Nguyễn An Ninh. Là con của một nhà nho Nam Kỳ có liên hệ với Trường Đông Kinh Nghĩa Thục Hà Nội, sau đó phục vụ trong phong trào của Phan Bội Châu, ông Ninh học luật ở Pháp - nơi ông đã gặp Nguyễn Ái Quốc - và từ đó say mê chính trị. Khi trở về Sài Gòn vào đầu những năm 1920, ông sáng lập tờ báo *Cái Chuông Rè,* nhằm nâng cao tinh thần yêu nước của người Việt Nam và thúc giục người Pháp tiến hành cải cách chính trị. Giống như Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh cũng là người ngưỡng mộ cuồng nhiệt văn hoá phương Tây, tin rằng nó là chuẩn mực để điều chỉnh hệ thống Nho giáo truyền thống đã bóp nghẹt khả năng sáng tạo của đồng bào mình và giúp Pháp

chinh phục họ.

Vào đầu và giữa thập niên 1920, nhà báo trẻ theo trường phái châm biếm này đã trở nên nổi tiếng trong giới thanh niên Nam Kỳ. Các bài phát biểu không thường xuyên của ông được người đọc mong đợi. Trong một bài phát biểu tháng 10-1923 tại Nha học chính ở Sài Gòn, ông đã kêu gọi mọi người hưởng ứng một nền văn hoá mới không bị ảnh hưởng bởi các ý tưởng du nhập của Khổng Tử, Mạnh Tử và Lão Tử. Giống như Mahatma Gandhi ở Ấn Độ, ông Ninh lập luận rằng giải pháp cho các vấn đề của Việt Nam cơ bản là tinh thần và câu trả lời chỉ có thể do người dân tìm ra.

Ảnh hưởng của các hoạt động của Nguyễn An Ninh đối với thanh niên Nam Kỳ ngày càng làm cho các nhà chức trách Pháp lo ngại. Cuối cùng ông bị triệu đến gặp Toàn quyền lâm thời Maurice Cognacq, cảnh báo các hoạt động của ông bị nhà chức trách kiểm soát chặt chẽ và nếu ông quyết định thực hiện các hoạt động của mình, họ sẽ dùng các biện pháp cần thiết để buộc ông chấm dứt. Cognacq cho rằng người Việt Nam quá thật thà, chất phác làm sao có thể hiểu thông điệp của ông Ninh. Ông nói thêm một cách châm biếm, nếu ông Ninh muốn kêu gọi các trí thức thì hãy đến Moscow. Lời cảnh báo của Cognacq bị bỏ qua và Nguyễn An Ninh lại thực hiện chiến dịch của mình.

Ngày Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu bằng tàu từ Vladivostok giữa tháng 11-1924 đúng ngày thành phố sôi động, hàng ngàn người chen lấn trên đường phố gần bến cảng bày tỏ sự ủng hộ chính phủ Tôn Dật Tiên và tiễn tổng thống đi Bắc Kinh. Từ tháng 2-1923, ông Tôn thực hiện chiến lược *“Khối Liên minh bên trong”* sau khi thương lượng với đặc vụ Maring của Cộng sản Quốc tế mấy tháng trước. Ông Tôn đã chuyển Quốc Dân Đảng sang cánh tả bằng cách đưa thêm một số đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc

vào các vị trí quan trọng. Từ tháng Mười khi đặc vụ Cộng sản Quốc tế Mikhail Borodin từ Moscow đến, đảng tổ chức lại theo đường lối của chủ nghĩa Lenin, một học viện quân sự được thành lập ở đảo Hoàng Phố để đào tạo các sĩ quan. Tưởng Giới Thạch - một trong những sĩ quan trẻ tin cậy của Tôn Dật Tiên - được chỉ định phụ trách nhà trường. Trường nằm cách thành phố vài dặm xuôi theo dòng sông. Chu Ân Lai trở thành chính uỷ nhà trường.

Tuy vậy, việc Tôn Dật Tiên chuyển sang cánh tả không phải là không phải trả giá. Quan hệ giữa chính phủ ông với các đại diện quyền lợi châu Âu ở Quảng Châu đã bắt đầu xấu đi. Đối với nhiều thương gia và nhà ngoại giao phương Tây ở thành phố, quyết định của ông Tôn thiết lập một quan hệ chính thức với nước Nga Xô viết và Đảng cộng sản Trung Quốc là bằng chứng hiển nhiên, ông và đảng của ông về cơ bản chống phương Tây và đã trở thành tay sai của Moscow.

Những tháng tiếp theo, tình hình càng trở nên căng thẳng hơn. Mùa hè năm 1924, các cuộc đình công phản đối các công ty của Anh ở Quảng Châu đã nổ ra trước một sự cố do các nhà chức trách Anh gây ra. Người Anh đã áp đặt sự kiểm soát của cảnh sát để trấn áp các cuộc biểu tình trên đường phố ở đảo Sa Diện - đất nhượng tô của người Pháp dọc bờ sông phía tây. Chính phủ Tôn Dật Tiên tuyên bố ủng hộ những người đình công. Mùa thu năm đó, *Hiệp hội các thương gia Quảng Châu* - bị chi phối bởi những lợi ích thương mại của châu Âu - đã thiết lập một lực lượng quân sự chống chính phủ Tôn Dật Tiên và các vụ xô xát đã xảy ra giữa các đơn vị dân quân và quân đội của chính phủ.

Trong khi đó, tình hình bên ngoài Quảng Châu thay đổi đột ngột, Ngô Bội Phu, một tư lệnh nhiều năm kiểm soát các vùng ở phía bắc Trung Hoa, bị lật đổ bởi *"vị tướng theo Thiên Chúa Giáo",*

Phùng Ngọc Tường. Mặc dù Phùng cũng là một tư lệnh, ở Quảng Châu ông được coi là thấu hiểu công cuộc cách mạng Trung Hoa hơn là Ngô Bội Phu khi Phùng mời Tôn Dật Tiên đến Bắc Kinh để đàm phán một dàn xếp hoà bình, ông Tôn đã đồng ý.

Mặc dù Nguyễn Ái Quốc không được cử đi Trung Hoa với tư cách chính thức nhưng không phải là ông không có liên lạc với ai. Ngay lập tức ông đã liên hệ với Mikhail Borodin. Mikhail Borodin đã mời Nguyễn Ái Quốc đến ở căn hộ của ông ở Bảo Công Quán, một biệt thự kiểu phương Tây rộng rãi, bao quanh là một khu vườn trải dài từ các trụ sở của Cộng sản Quốc tế đến trung tâm thành phố. Tầng trệt toà nhà là văn phòng của hai mươi đại diện của Cộng sản Quốc tế được cử từ Moscow đến. Trên tầng hai là căn hộ riêng của Borodin - Nguyễn Ái Quốc sử dụng một phòng để ở. Để tự vệ trước sự giám sát của Pháp và không bị các nhà chức trách bắt giữ vì nhập cư trái phép, Nguyễn Ái Quốc tự nhận là người Trung Hoa với cái tên Lý Thuỵ. Chỉ có vợ chồng Borodin biết danh tính thực của ông.

Borodin quen biết Nguyễn Ái Quốc tại khách sạn Lux khi cả hai sống ở Moscow một năm trước đây. Cả hai nói tiếng Anh, (Borodin từng có thời gian là người tổ chức công nhân ở Chicago trước Thế chiến I) và họ chia sẻ mối quan tâm chung khát khao thúc đẩy phát triển phong trào cách mạng ở châu Á. Là người đứng đầu phái bộ Cộng sản Quốc tế bên cạnh chính phủ Tôn Dật Tiên ở Quảng Châu, Borodin có thể là người rất cần thiết cho người đồng sự trẻ của mình.

Sau khi dọn đến ở nơi ở mới, Nguyễn Ái Quốc được cử làm tại văn phòng của Thông tấn xã Xô viết (ROSTA) nằm ở tầng trệt của trụ sở của Quốc tế Cộng sản ở Bao Công Quán. Nguyễn Ái Quốc đã viết bài cho thông tấn xã, những bài báo này được gửi về Moscow

đăng với bút danh Nilovesky, làm phiên dịch và đại diện địa phương không chính thức của *Quốc tế Nông dân*. Tuy vậy, mục tiêu chính của ông là gây dựng hạt nhân cho đảng cách mạng Việt Nam mới được xây dựng theo mô hình của Lenin. Sau đó ông có thể theo đuổi mục tiêu dài hạn hơn là lập trật tự cho phong trào kháng chiến của Việt Nam và biến nó thành một lực lượng đáp ứng những mong ước của ông.

Chiến lược cách mạng do Cộng sản Quốc tế đưa ra tại Đại hội lần thứ II ở Moscow đã cho ông đường lối chung để khởi động tiến trình cách mạng. Một trong những chỉ dẫn đó là cần phải có biện pháp hợp tác với các nhóm chủ nghĩa dân tộc phi cộng sản hiện đang hoạt động, một mục tiêu mà ông đã đưa ra trong các báo cáo của mình gửi lãnh đạo của Cộng sản Quốc tế ở Moscow. Nhưng Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức được những chỉ dẫn đó chưa đáp ứng hoàn toàn và đầy đủ nhu cầu ông đòi hỏi. Tại một cuộc họp nhằm thảo luận vấn đề thuộc địa tại Đại hội Cộng sản Quốc tế V mùa hè năm 1924, ông đã hỏi Dimitri Manuilsky - chuyên gia về thuộc địa - những người công nhân cộng sản châu Á cần phải làm gì khi không có đảng dân tộc nhân dân lớn mạnh. Không rõ Manuilsky - một người ít có kinh nghiệm về các vấn đề châu Á - đã bao giờ nghĩ đến câu hỏi này chưa. Tuy nhiên, ông vẫn cố gắng giải thích chiến lược *"mặt trận thống nhất"* của Lenin theo lối ứng khẩu, cho rằng khi không có phong trào dân tộc quần chúng, đảng cộng sản trong nước cần phải có sáng kiến thành lập một phong trào dưới sự lãnh đạo của đảng.

Thực hiện gợi ý của Manuilsky ở Đông Dương không dễ chút nào. Như Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo cho các đồng nghiệp của Cộng sản Quốc tế khi ông sống ở Moscow, giai cấp công nhân Việt Nam, có thể là lực lượng đầu đàn trong đảng Marx Lenin sau này, nhưng vẫn còn trong giai đoạn phôi thai, chỉ chiếm khoảng 2 phần

trăm dân số, bao gồm công nhân mỏ, những người sống rải rác ở cả ba miền Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Về nhận thức chính trị, công nhân Việt Nam xếp sau các đồng nghiệp của mình ở nước Trung Hoa láng giềng và thiếu nhiều khả năng lãnh đạo phát động một cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống thực dân Pháp.

Ở Moscow, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy, các trí thức yêu nước đã lãnh đạo cuộc kháng chiến đầu tiên của người Việt Nam chống lại hệ thống thuộc địa. Thật không may, ở Pháp chẳng mấy người hiểu biết tư tưởng Marxist. Ở Pháp quan điểm cấp tiến về xã hội trong giới trí thức đã có ít nhất từ cuộc cách mạng năm 1789. Tại Nga, những quan điểm này đã nảy sinh vào giữa thế kỷ 19 với những người theo chủ nghĩa dân tuý. Ngay ở Trung Hoa, các tư tưởng cấp tiến từ phương Tây như chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa cộng sản đã trở nên quen thuộc với các thành viên hàng đầu của phong trào tiến bộ vào đầu thế kỷ XX. Nhưng ỏ Việt Nam, những tư tưởng cách mạng nước ngoài bị cấm đoán, chỉ bắt đầu du nhập trong những năm sau Thế chiến II. Ngay cả khi các trí thức Việt Nam bắt đầu biết về cuộc cách mạng Bolsevich thì những tin tức về cuộc cách mạng chủ yếu là tin tiêu cực hoặc bị Pháp kiểm duyệt bóp méo nghiệm trọng. Sách về Karl Marx hay nước Nga Xô viết bị cấm ở Đông Dương trong khi các bài trên những tờ báo và tạp chí địa phương nói đến các đề tài đó bị các quan chức Pháp thường xuyên tịch thu. Chỉ một số người có đủ may mắn để có được các bản sao về các tác phẩm của Karl Marx hoặc tờ *Người Cùng Khổ* của Nguyễn Ái Quốc được lén lút truyền cho nhau đọc hiểu mặt trái của sự kiện.

Người Việt Nam bình thường do không có kiến thức sâu sắc về chủ nghĩa Marx nên không thể hiểu về cách mạng Bolsevich. Thành phần xã hội và quan điểm thế giới của giới cách mạng của Việt Nam làm cho các tư tưởng Marxist khó được chấp nhận một cách

thực sự, khi những tư tưởng này trở nên phổ biến hơn. Đối với đa số trí thức Việt Nam, cuộc sống đô thị khá mới mẻ. Trong tư tưởng Nho giáo - tư tưởng có thành kiến sâu sắc chống lại việc chạy theo lối sống đô thị công - thương - nghiệp - họ hầu như không thấy mối liên quan giữa học thuyết Marx với những vấn đề của một nước Việt Nam thuần nông. Tuy nhiên, chủ nghĩa Marx được những người đang chờ đợi sự thay đổi có thể thay thế cho thế giới quan Nho giáo đã chấp nhận. Những người theo chủ nghĩa Marx có ác cảm sâu sắc đối với chủ nghĩa đế quốc phương Tây chẳng gây hại cho ai. Như một người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam đã nói: *"Chúng tôi không đi theo chủ nghĩa cộng sản mà đến với những người theo chủ nghĩa cộng sản. Vì ở đây, giống như ở các nước khác, khi những người cộng sản hứa hẹn đem lại cho người dân quyền tự quyết, họ sẽ được mong đợi như những vị cứu tinh".* Nhưng như lẽ thường, thái độ của họ là ngây thơ. Một người Việt yêu nước khác nói: *"Nếu bị phương Tây ghét thì người Nga và những người cộng sản phải là những người tốt".*

Nguyễn Ái Quốc ý thức được điều này. Năm 1922, trong một bài báo viết ở Paris, ông đã nhận xét, chỉ có một số ít trí thức ở các thuộc địa như Việt Nam hiểu được ý nghĩa của chủ nghĩa cộng sản, còn hầu hết những người hiểu được lại thuộc giới tư sản trong nước và thích *"mặc áo hàng hiệu và chỉ quan tâm đến quyền lợi bản thân".* Ông nhận thấy, hầu hết người dân ở các thuộc địa, chủ nghĩa Bolsevich *"có nghĩa là thủ tiêu tất cả hoặc giải phóng khỏi ách áp bức của nước ngoài".* Ý nghĩa thứ nhất lôi kéo dân chúng ít học, nhút nhát rời xa chúng ta. Ý nghĩa thứ hai đưa họ lại gần với chủ nghĩa dân tộc. Cả hai nghĩa này đều nguy hiểm như nhau.

Có nghĩa là Việt Nam vẫn chưa sẵn sàng cho sự thành lập một đảng cộng sản. Dân chúng *"tỏ ra sẵn sàng nổi dậy nhưng hoàn toàn không có hiểu biết. Họ muốn tự giải phóng nhưng lại không biết làm*

*như thế nào".* Giới trí thức bồn chồn không biết phải làm gì nhưng không sẵn sàng chấp nhận luận thuyết Marx. Cần phải có thời gian để người Việt Nam dần dần nhận thấy, cách mạng xã hội chính là câu trả lời cho các vấn đề của họ. Trong khi đó, một chính đảng cần được thành lập để có thể đại diện cho các ý tưởng của Marx và Lenin tuy ở dạng phôi thai nhưng có thể tập hợp quần chúng xoay quanh một vấn đề chính: *độc lập dân tộc*.

Phan Bội Châu - người bất đồng chính kiến nổi tiếng nhất - lúc đó sống ở Trung Hoa. Ra tù năm 1917 và sau một thời gian thử nghiệm tư tưởng thoả hiệp với người Pháp, Phan Bội Châu đã quay lại với quan điểm chống Pháp trước khi ông bị bắt. Tuy già nhưng vẫn khoẻ mạnh, với bộ râu màu muối tiêu và cặp kính, người chiến binh năm mươi nhăm tuổi đến ở Hàng Châu, một khu nghỉ có quang cảnh đẹp ở tây nam Thượng Hải - nhà của Hồ Học Lâm - một người ủng hộ sau này đóng vai trò chính của phong trào trong suốt thời kỳ Thế chiến II. Dù Phan Bội Châu không còn các hạt nhân của tổ chức chống thực dân yêu nước ở Đông Dương, nhưng tên tuổi ông vẫn có sức lôi cuốn quần chúng. Đầu thập niên 1920, một số người Việt Nam yêu nước đầy nhiệt huyết đã đến nam Trung Hoa gia nhập đội ngũ của những môn đệ của ông. Trong số này nổi bật nhất có Lê Hồng Phong, Lê Văn Phan (Lê Hồng Sơn), Lê Quang Đạt và Trương Văn Lệnh. Tất cả những người này cuối cùng đã trở thành thành viên sáng lập của tổ chức cách mạng đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc.

Khi ở nam Trung Hoa, những thanh niên đầy nhiệt huyết này trở nên mất kiên nhẫn trước hoạt động kém hiệu quả của tổ chức của Phan Bội Châu. Tháng 3-1924, tám tháng trước khi Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu, họ quyết định tách ra, thành lập một đảng mới gọi là Tâm Tâm Xã. Cũng như hầu hết các tổ chức yêu nước được thành lập ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, lãnh đạo của đảng

mới đều là các sĩ phu yêu nước. Các cuộc biểu tình của học sinh sinh viên nổ ra vào giữa thập niên 1920, những người có tư tưởng cấp tiến, họ quyết định bãi khóa để tham gia các hoạt động chống thực dân. Một vài người trong số họ làm lao động chân tay trước khi quyết định ra nước ngoài. Hầu hết tất cả đều cùng quê Nghệ An với Nguyễn Ái Quốc.

Các thành viên của tổ chức mới, với tính hoạt động sôi nổi và dễ nghiêng ngả về thiên hướng chính trị, đã cho rằng hệ tư tưởng không phù hợp với nhu cầu cách mạng trước mắt. Triết lý của họ tương tự như triết lý trong phong trào nổi dậy của Auguste Blanqui ở châu Âu ở thế kỷ XIX. Phong trào khuyến khích nổi dậy, tuy không thành công ở Pháp, Ý và Tây Ban Nha. Mục tiêu cuối cùng của họ là dùng tuyên truyền và các hành động khủng bố để làm dấy lên một biến động của dân chúng nhằm lật đổ chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương.

Một trong những việc đầu tiên mà đảng mới dự định thực hiện là ám sát viên Toàn quyền Đông Dương Martial Merlin, nhân chuyến thăm Quảng Châu của ông sau chuyến thăm chính thức một số thành phố ở Đông Á giữa tháng 6-1924. Với sự cố vấn và hỗ trợ về tài chính của Lâm Đức Thụ, một công dân 36 tuổi từ Bắc Kỳ, đã đến Quảng Châu để gặp Phan Bội Châu cách đó vài năm, nhóm này đã đưa ra kế hoạch giết Merlin bằng cách đánh bom trong lễ kỷ niệm ở tô giới châu Âu - đảo Sa Diện. Mặc dù lấy một người vợ giàu có và bản thân ông già hơn nhiều so với các đồng sự của mình, ông Thụ (tên thật là Nguyễn Công Viễn) được xem là một thành viên tích cực của tổ chức vì có khả năng gây quỹ và liên hệ với người Pháp. Do xuất thân từ một gia đình phản đối Pháp xâm lược, không ai nghi ngờ sự trung thành của ông đối với công cuộc chống chủ nghĩa thực dân. Trụ sở của tổ chức được đặt ở tiệm thuốc tây do ông Thụ và vợ quản lý trong một ngõ nhỏ trên

đường Tô Trương và cách các trụ sở của Quốc tế Cộng sản không xa.

Lúc đầu, người ta quyết định, nhà cách mạng trẻ tuổi đẹp trai có nước da sẫm Lê Hồng Sơn sẽ được chọn để thực hiện, bởi vì ông đã ám sát một gián điệp nhị trùng trong nội bộ đảng. Do cách biểu lộ tình cảm mạnh mẽ của ông nên thậm chí các đồng sự cũng sợ ông nằm trong một tổ chức *"chuyên đâm thuê chém mướn"*. Nhưng Lê Hồng Sơn cũng bị các nhà chức trách biết rõ tung tích, do đó việc này cuối cùng được giao cho Phạm Hồng Thái, một thanh niên Việt Nam vừa mới đến từ Đông Dương để gia nhập tổ chức khủng bố. Thái là con trai của một công chức tỉnh Nghệ An, thời thanh niên tham gia phong trào Cần Vương của Phan Đình Phùng. Thái đã học tại trường Pháp Việt ở Hà Nội và sớm say mê các lý tưởng cách mạng. Sau khi học xong, ông xin làm thợ cơ khí ở xưởng chữa ô-tô và sau đó làm việc ở mỏ than. Đầu năm 1924, ông đến Trung Hoa với bạn là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Phong và trở thành thành viên của Tâm Tâm Xã.

Khao khát được hy sinh vì sự nghiệp, Phạm Hồng Thái đã đồng ý nhận trách nhiệm đem bom đến mục tiêu định trước. Tối ngày 19-6-1924, các quan chức Pháp mở tiệc chiêu đãi ở khách sạn Victoria trên đảo Sa Diện để chào mừng Toàn quyền Merlin và giới thiệu ông với các thành viên có uy tín của cộng đồng doanh nhân địa phương. Bữa tiệc được tổ chức ở sảnh đường lớn gần khu phố đó. Vào khoảng 8 giờ 30 tối, ngay khi món súp được đem ra, ông Thái đã ném quả bom qua cửa sổ vào phòng tiệc. Quang cảnh được một tờ báo địa phương mô tả như sau:

*"Tiếng nổ kinh hoàng vang khắp đảo Sa Diện. Sức của nó mạnh đến nỗi tất cả dao dĩa trên bàn tiệc văng vào các khách mời, gây ra những vết thương khủng khiếp… Một nhân chứng ở gần khách sạn*

*vào thời điểm xảy ra vụ việc đến giúp, mô tả cảnh tượng cho chúng tôi bằng những từ đơn giản: kinh hoàng, rất kinh hoàng. Khách nằm trên ghế hoặc trên đất với những vết thương khủng khiếp".*

Năm người khách thiệt mạng - ba người chết tại chỗ, hai người do vết thương quá nặng - và hàng chục người bị thương. Tuy nhiên, thật kỳ lạ Toàn quyền Martial Merlin đã sống sót. Trong khi tìm cách chạy vào đất liền, Phạm Hồng Thái đã nhảy từ trên cầu xuống sông Châu Giang và chết đuối. Merlin đã trở về Hà Nội trên một tàu chở khách của Pháp ngay hôm sau để tránh có thể lại bị tấn công trong lễ tang của kẻ ám sát trẻ tuổi.

Merlin đã thoát chết vì trong số khách mời, một người có ngoại hình rất giống Merlin, người ấy đã chết vì trúng bom. Nhưng những người chủ mưu lại nghi ngờ có kẻ phản bội trong hàng ngũ đã chuyển thông tin về kế hoạch ám sát cho Pháp. Nghi ngờ dồn về Lâm Đức Thụ do những thói quen và mối quan hệ với các quan chức Pháp đã làm ông trở thành kẻ bị tình nghi. Lê Quang Đạt, một trong những thành viên của Tâm Tâm Xã đã kể cho Lê Hồng Sơn về mối nghi ngờ của mình, nhưng Sơn trả lời, chính Lâm Đức Thụ đã liên hệ với người Pháp để gây các quỹ cho các hoạt động bí mật của tổ chức. Vì thế quan hệ của Thụ với tổ chức vẫn tạm được duy trì.

Vụ đánh bom ở khách sạn Victoria là cố gắng đầu tiên của các nhà cách mạng châu Á nhằm ám sát một quan chức cao cấp thực dân Pháp. Việc này làm cho cộng đồng người Pháp ở Đông Dương bị sốc. Ở Hà Nội, báo chí thực dân đổ lỗi vụ tấn công cho các đặc vụ của phong trào Xô viết. Nhưng vụ ám sát này đã làm cho Phạm Hồng Thái thành người đầu tiên hy sinh vì sự nghiệp chống chủ nghĩa đế quốc. Chính phủ Tôn Dật Tiên đã xây một ngôi mộ cho người thanh niên Việt Nam yêu nước tại nghĩa trang ở Quảng

Châu, nghĩa trang dành riêng cho các liệt sĩ hy sinh vì cách mạng Trung Hoa. Phan Bội Châu gián tiếp tuyên bố, ông Thái là một thành viên của tổ chức của ông và tuyên bố kế hoạch ám sát nhằm trả đũa các hoạt động tàn ác của người Pháp ở Đông Dương. Phan Bội Châu đặt một câu hỏi có tính chất hùng biện, *"giết người và áp bức người thì việc nào tồi tệ hơn?"* Sau đó ông viết một bài miêu tả đầy chi tiết không đúng sự thật về cuộc đời của Phạm Hồng Thái.

Sự kiện Sa Diện cũng được Phan Bội Châu lợi dụng để khôi phục tổ chức chính trị của mình ở nam Trung Hoa - tổ chức này đã trở nên suy yếu trong những năm ông ở trong tù. Tháng 7 năm 1924, ông đến Quảng Châu tham dự một lễ xây mộ cho Phạm Hồng Thái. Ở đó ông nói chuyện với một số môn đệ việc thay thế Việt Nam Quang Phục Hội của ông bằng một số tổ chức chính trị mới có tên là Việt Nam Quốc Dân Đảng, theo đường lối Quốc Dân Đảng của Tôn Dật Tiên. Phan Bội Châu trở lại Hàng Châu vào tháng 9.

Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu năm tháng sau vụ ám sát hụt ở đảo Sa Diện. Vài ngày sau đó, trong vai nhà báo Trung Hoa Hoàng Sơn Tử, ông đã liên lạc với các thành viên của Tâm Tâm Xã. Hoạt động cấp tiến của họ rõ ràng là đã làm nhà cách mạng trẻ tuổi đồng cảm. Việc họ thiếu lý tưởng chủ đạo sẽ tạo nhiều thuận lợi vì như vậy chủ nghĩa Marxit - Lenin sẽ lấp lỗ hổng đó. Hơn nữa nhiều thành viên hàng đầu của nhóm là đồng hương nên không gây phiền phức gì cả. Nguyễn Ái Quốc có ấn tượng tốt với Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu, nhưng đặc biệt với Lê Hồng Phong, người thấp, chắc nịch, có đôi vai rộng, con của một gia đình gia giáo ở Nghệ An mà Phan Bội Châu đã tuyển để đi du học.

Nguyễn Ái Quốc đã không mất nhiều thời gian thuyết phục những người này theo quan điểm của ông. Trong một bức thư gửi

trụ sở của Quốc tế Cộng sản ở Moscow đề ngày 18 tháng 12 năm 1924, ông báo cáo đã liên lạc với một số *“nhà cách mạng dân tộc”* Việt Nam và bắt đầu hợp tác với họ. Cho đến tháng 2-1925, ông đã thành lập một nhóm bí mật gồm 9 thành viên, lấy tên là Đông Dương Quốc Dân Đảng. Một số người trở về Đông Dương để tuyển thêm người, trong khi những người khác gia nhập quân đội của Tôn Dật Tiên hoặc gia nhập đảng cộng sản Trung Quốc. Năm người trong số này được ông mô tả là ứng cử viên của một đảng cộng sản tương lai. Mặc dù vậy, ông nhấn mạnh, rất cần có thêm kinh phí và tài liệu tuyên truyền để thực hiện các hoạt động bổ xung.

Có thể qua các thành viên của Tâm Tâm Xã, Nguyễn Ái Quốc liên lạc được với Phan Bội Châu. Mặc dù Nguyễn Ái Quốc không đồng tình với các phương pháp của nhà hoạt động lớn tuổi này, có thể ông đã coi Phan Bội Châu là một công cụ hữu ích để xây dựng một tổ chức cho riêng mình. Về phần mình, Phan Bội Châu đã nghe nhiều những kỳ công của một con người bí ẩn Nguyễn Ái Quốc khi ông sống ở Hàng Châu, mặc dù có thể ông chưa nhận ra ngay được lai lịch thực của Nguyễn Ái Quốc, con trai người bạn đồng khoa Nguyễn Sinh Sắc. Hơn nữa, Phan Bội Châu đã quan tâm hơn đến chủ nghĩa xã hội và tư tưởng Karl Marx, mặc dù nhìn chung, sự hiểu biết của ông về hệ tư tưởng Marx còn rất sơ sài.

Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu hai tháng sau khi Phan Bội Châu đi Hàng Châu vào tháng Chín, nhưng ông đã biết đến bài phát biểu từ các thành viên của Tâm Tâm Xã. Theo các nguồn tin tình báo Pháp, Nguyễn Ái Quốc đến Thượng Hải vào tháng Một năm 1925 để gặp Phan Bội Châu. Tuy nhiên, mật thám Pháp đã tường trình, không có sự liên hệ nào giữa hai người vào thời điểm đó.

Đến lúc đó, Phan Bội Châu biết được lai lịch thật của Lý Thuỵ, vì vào khoảng tháng 2 hay tháng 3-1925, Phan viết thư cho Nguyễn Ái Quốc từ Hàng Châu, ca ngợi công việc của Quốc và làm ông nhớ về cuộc gặp gỡ ở làng Kim Liên hai thập niên trước. Phan Bội Châu cũng bày tỏ mong muốn cộng tác với người đồng hương trẻ và muốn đến Quảng Châu để gặp mặt. Đáp lại, Nguyễn Ái Quốc cố gắng giải thích về sự cần thiết phải tổ chức lại đảng của Phan Bội Châu và nói về chiến lược của ông và học thuyết Lenin đằng sau chiến lược đó. Phan Bội Châu đã đồng ý hợp tác, cung cấp cho Quốc danh sách các thành viên trong tổ chức của mình.

Nhưng Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng nhận ra, Phan Bội Châu và nhiều đồng sự lớn tuổi của ông không thể làm cơ sở cho phong trào cách mạng mới. Ông nhanh chóng tập trung mọi sức lực để chuyển Tâm Tâm Xã thành một tổ chức cách mạng Marx - Lenin mới. Bước đầu tiên, ông thành lập một tổ chức hạt nhân gồm những môn đệ tận tâm thành một Cộng sản Đoàn, hoạt động dưới danh nghĩa một tổ chức lớn hơn mà ông vừa thành lập. Trong số những thành viên sáng lập này là năm nhân vật chủ chốt của Đông Dương Quốc Dân Đảng, trong đó có Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong và Hồ Tùng Mậu. Họ cùng lập một danh sách các cá nhân từ năm tỉnh khác nhau ở Đông Dương làm cơ sở cho một tổ chức cách mạng trong nước. Các đặc phái viên được cử từ Quảng Châu đến tháp tùng họ sang Trung Hoa để đào tạo phương pháp tổ chức. Sau đó, những người được tuyển dụng sẽ quay về các tỉnh nhà. Các thành viên nhiều hứa hẹn khác của phong trào sẽ được cử đến Moscow để được truyền bá học thuyết và thực hành cách mạng ở Trường Stalin. Nguyễn Ái Quốc cũng thực hiện các bước để thiết lập một cơ sở cách mạng ở Xiêm cũng như ở một số thành phố khác ở nam Trung Hoa, nơi một trụ sở tạm thời có thể sẽ được đặt ở đó trong trường hợp các hoạt động ở Quảng Châu bị gián đoạn.

Cuối cùng, ông có kế hoạch tuyển dụng các đảng viên trong số những thuỷ thủ Việt Nam phục vụ trên tàu chạy dọc theo bờ biển Nam Trung Hoa, làm đầu mối liên lạc tin cậy giữa các trụ sở với những cơ sở đảng ở Đông Dương.

Sự xuất hiện đột ngột của người thanh niên lạ mặt đầy nhiệt huyết ở trụ sở của Cộng sản Quốc tế đã không qua khỏi con mắt của các nhà chức trách Pháp ở Quảng Châu và cả ở Đông Dương. Trung tuần tháng 2-1925, theo các báo cáo, người mới đến tự xưng Lý Thuỵ đã liên lạc với các thành phần quá khích trong cộng đồng người Việt lưu vong ở nam Trung Hoa dẫn đến việc các nhà chức trách Pháp ở Hà Nội và Quảng Châu lo lắng kêu gọi Bộ Thuộc địa làm rõ nơi ở hiện tại của Nguyễn Ái Quốc. Lúc đầu, Paris báo cáo Nguyễn Ái Quốc vẫn đang ở Moscow, nhưng sau vài tuần các nhà chức trách Pháp bắt đầu nghi ngờ ông Lý Thuỵ đầy bí ẩn thực ra là Nguyễn Ái Quốc giả danh. Ở Quảng Châu, viên sĩ quan cảnh sát người Pháp mới đến, biệt danh *"Noel",* đã thúc điệp viên của mình xác minh lai lịch của người lạ đó.

Điệp viên sáng giá nhất của Noel lại là đồng sự của Nguyễn Ái Quốc - Lâm Đức Thụ, tuy yêu nước nhưng lại đồng ý làm chỉ điểm cho Pháp. Với bí danh *"Pinot",* Thụ đã cung cấp cho Pháp tin tức rất hữu ích về các hoạt động của phong trào cách mạng Việt Nam cho đến cuối thập niên 1920. Lúc đầu, Thụ khó chịu khi phải cố sức thu thập thông tin để xác minh lai lịch của người mới đến. Ông cho biết, Lý Thuỵ rất thận trọng và từ chối không chụp ảnh. Nhưng ông đã chụp được ảnh của Lý Thuỵ cùng với một nhóm đông người trước trụ sở của Quốc Dân Đảng vào tháng 3-1925. Từ bức ảnh đó, các điệp viên của Sở Mật thám khẳng định, Lý Thuỵ chính là Nguyễn Ái Quốc.

Cuối mùa xuân, nỗ lực của Nguyễn Ái Quốc nhằm thiết lập một

tổ chức cách mạng hoạt động theo các nguyên tắc Marx - Lenin với sự hướng dẫn của Cộng sản Quốc tế tiến triển tốt đẹp. Theo một trong những thành viên chính nhớ lại, quyết định chính thức về việc thành lập một đảng cách mạng mới được đưa ra vào đầu tháng 6-1925. Vài ngày sau đó, cuộc họp đầu tiên được tổ chức tại nhà của Lâm Đức Thụ ở khu thương mại Quảng Châu. Các thành viên chủ chốt của Cộng sản Đoàn của Nguyễn Ái Quốc tham gia với tư cách là sáng lập viên. Mặc dù tên chính thức của tổ chức mới này vẫn còn chưa ngã ngũ, chẳng bao lâu sau nó được biết đến với cái tên Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng.

Nguyễn Ái Quốc xuất bản tạp chí Thanh Niên, tuyên truyền tư tưởng của nhóm, thành lập một trường huấn luyện ở trung tâm buôn bán Quảng Châu tuyên truyền cho những người mới được tuyển. Nguyễn Ái Quốc áp dụng chiến thuật đã sử dụng thành công ở Paris bằng cách thiết lập một liên minh mở rộng gồm các nhà hoạt động cấp tiến từ một số nước thuộc địa và bán thuộc địa ở châu Á. Vào cuối tháng 6, phối hợp với đặc vụ Cộng sản Quốc tế người Ấn Độ - M.N. Roy và nhà lãnh đạo cánh tả Quốc Dân Đảng Liêu Trọng Khải thành lập "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức". Liêu Trọng Khải lãnh đạo tổ chức, Nguyễn Ái Quốc làm tổng thư ký kiêm thủ quỹ. Hội bao gồm các thành viên từ Triều Tiên, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Ấn thuộc Hà Lan và từ Đông Dương - (Vì Quảng Châu đã thu hút rất nhiều người nên mang biệt danh "Đông Moscow", do quan hệ giữa Tôn Dật Tiên với Quốc tế Cộng sản). Hội tổ chức cuộc họp đầu tiên ở Quảng Châu vào trung tuần tháng 7-1925. Nhân dịp đó, ra tuyên bố lên án nghiêm khắc những hành động tàn ác của chủ nghĩa đế quốc và kêu gọi nhân dân bị áp bức ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

Trong thời gian ngắn lưu lại ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc chủ yếu dành thời gian cho hoạt động của hội. Hội thể hiện sự

từng trải bằng những đánh giá đúng của ông về tình hình đang nổi lên ở Đông Dương. Nhu cầu trước mắt là thu hút các trí thức yêu nước, các thành phần cách mạng dân tộc khác tham gia sự nghiệp chung để chọn lọc những nhân vật chủ chốt cho việc thành lập đảng cộng sản. Vấn đề thực tiễn là nền tảng chính cho lời kêu gọi đấu tranh vì độc lập dân tộc. Nhưng điều cần thiết trước mắt là giành được sự ủng hộ của công nhân và nông dân bị áp bức, những người mà đối với họ độc lập dân tộc không thiết thực bằng cuộc đấu tranh cùng cực vì miếng cơm manh áo hằng ngày. Hội cũng cần đặt nền móng cho giai đoạn hai của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những bài của tờ Thanh Niên, nhiều mục do chính Nguyễn Ái Quốc viết, đã thận trọng đặt nền móng cho một tầm nhìn mới vượt qua vấn đề độc lập dân tộc và bao gồm cả mục tiêu liên kết với cách mạng thế giới rộng lớn.

Do đó, chương trình của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đã tập trung vào hai trụ cột là chủ nghĩa dân tộc và cách mạng xã hội. Gắn kết hai vấn đề này, Nguyễn Ái Quốc trung thành với mô hình của Lenin mà trước đó đã được Đại hội Cộng sản Quốc tế lần thứ II thông qua năm 1920. Nhưng Lenin coi tình cảm dân tộc chủ yếu chỉ là một tiểu xảo mang tính chiến thuật để giành sự ủng hộ của các thành phần theo chủ nghĩa dân tộc chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc thế giới, chương trình của Hội và nhiều bài viết trong tờ báo của Hội dường như coi trọng vấn đề chủ nghĩa dân tộc không kém, nếu không muốn nói là hơn so với vấn đề cách mạng thế giới.

Việc nhấn mạnh chủ nghĩa dân tộc trong Cương lĩnh của hội, một đặc điểm sau này trở thành một phần không thể thiếu được của hình ảnh Nguyễn Ái Quốc với tư cách là một người yêu nước và một nhà cách mạng, là một trong các yếu tố mà qua thời gian, một số quan sát viên đã đặt dấu hỏi về sự gắn bó của ông đối với ý

thức hệ Marxist và cuộc đấu tranh để xây dựng xã hội cộng sản không tưởng. Thực ra, trong những năm 1920, nghi ngờ về sự trung thành của ông với học thuyết Marxist thậm chí đã xuất hiện ở Moscow và một số thành viên của chính tổ chức đảng của ông; như chúng ta thấy, vài năm sau, sự chỉ trích đó đã xuất hiện trên các ấn phẩm.

Có nhiều lý do xác đáng để lý giải, Nguyễn Ái Quốc trước hết là một nhà yêu nước. Năm 1960, chính ông đã thừa nhận trong một bài báo ngắn *"Con đường đưa tôi đến ch*ủ *nghĩa Lenin"*, chính khát vọng giành độc lập cho Việt Nam trước tiên đã đưa ông đến với chủ nghĩa Marx. Trong khi người thầy của ông, Lenin, dường như xem mối quan hệ giữa những người cộng sản và những người tư sản dân tộc như một xảo thuật để tăng cường sức mạnh của đảng cộng sản ở các xã hội mà giai cấp công nhân còn yếu kém thì Nguyễn Ái Quốc lại nhìn nhận vấn đề độc lập dân tộc như là mục tiêu cuối cùng. Còn với chế độ cộng sản không tưởng chỉ là một ý tưởng đến sau và có thể trì hoãn đến một tương lai vô định. Ông thường nói, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam sẽ được tiến hành vào thời điểm thích hợp.

Tuy nhiên, lại cũng có các bằng chứng thuyết phục chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc thời trẻ nhìn nhận chủ nghĩa Marx - Lenin không chỉ là một công cụ để đánh đuổi người Pháp. Dù it khi đề cập học thuyết Marxist trong các bài viết trong những năm ông ở Paris và trong thời gian học tập sau này ở Moscow, ông luôn nói về tương lai của cách mạng thế giới với sự nhiệt thành ngày càng tăng. Theo suy nghĩ của ông, cách mạng thế giới nhất định sẽ chấm dứt hệ thống bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Ông cho rằng cuộc đấu tranh chống lại các lực lượng đế quốc ở châu Á sẽ lên đến đỉnh cao chính là cuộc cách mạng toàn cầu. Trả lời phỏng vấn một nhà báo Xô viết trước khi qua đời, Hồ Chí Minh thừa nhận, nhiệt tình cách

mạng tuổi trẻ của ông có thể đã hơi thái quá và buồn rầu nói rằng khi sống ở Liên Xô, ông đã mắng một thiếu nữ vì đã mặc váy lụa và đi giày cao gót. Ông nhớ lại, cô này đã đáp lại đầy phẫn uất, cô đã phải làm việc để có tất cả những thứ đó. Cô hỏi: *"Thanh niên ngày nay có cơ hội để ăn ngon mặc đẹp có phải là điều tồi tệ không?"* . Nhiều thập niên sau, lời nói của cô vẫn còn đọng lại trong tâm trí ông.

Nếu nói hồi đó ông vừa là người quốc gia, vừa là nhà Marxist là đúng thì làm thế nào ông có thể kết hợp hài hoà giữa chủ nghĩa yêu nước và những đòi hỏi của chủ nghĩa Marxist quốc tế? Câu trả lời có thể tìm thấy ở Lenin. Khi định nghĩa về khái niệm cuộc cách mạng hai giai đoạn trong *"Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa"*, Lenin đã đưa ra khái niệm *"liên bang"* đóng vai trò như một giai đoạn chuyển tiếp giữa độc lập dân tộc và giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản, khi có sự *"thống nhất hoàn toàn của nhân dân lao động thuộc các quốc gia khác nhau"*, Lenin xem các liên bang được lập ra vào đầu những năm 1920 giữa nước Nga cách mạng và Phần Lan, Hungary và Latvia, giữa Azerbaijan và Armenia như là các mô hình có thể cho các nước liên kết các quốc gia độc lập và *"các liên minh liên bang"* như các thí dụ làm thế nào các liên minh có thể được thiết lập trong giai đoạn quá độ chuyển sang chủ nghĩa cộng sản toàn cầu trong một tương lai lâu dài. Nguyễn Ái Quốc rõ ràng đã tiếp thụ các học thuyết đó khi ông sống tại Liên Xô thời kỳ 1923-1924, và ông đã đề cập khái niệm này trong một bức thư gửi Ban Chấp hành Cộng sản Quốc tế vào tháng 5 năm 1934 khi ông cố gắng biện minh cho đề xuất tuyển thêm các nhà cách mạng châu Á vào Trường Stalin như là một bước tạo *"nền tảng mà trên đó Liên bang Cộng sản của phương Đông có thể được xây dựng"*.

Lần thứ hai Nguyễn Ái Quốc đề cập vấn đề một liên bang quá

độ trong một văn bản được phát hiện mới đây trong kho lưu trữ của Moscow. Trong khi tác giả văn bản chỉ được nêu là "Nguyễn" thì gần như chắc chắn tài liệu này được Nguyễn Ái Quốc viết vào khoảng thời gian năm 1924. Trong báo cáo, "Nguyễn" bàn về ý tưởng một đảng cộng sản Việt Nam tương lai và tuyên bố, với tầm quan trọng của vấn đề quốc gia tại đó, điều tối quan trọng phải *"giương cao ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc bản địa dưới danh nghĩa Quốc tế Cộng sản".* Theo nhận xét của một người quan sát tư sản, đây là một *"nghịch lý táo bạo",* nhưng lại là một *"thực tế tuyệt vời".* Ông lý giải, thời kỳ ấy không thể nào giúp nhân dân Việt Nam mà lại không tôn trọng thực tế cơ bản về tình hình xã hội đặc trưng của họ. Ông tiên đoán, vào thời điểm cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của họ thắng lợi *"phần lớn thế giới đã được Xô viết hoá, và như vậy, chủ nghĩa quốc gia tất yếu sẽ trở thành chủ nghĩa quốc tế".*

Sau khi đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc một lần nữa đề cập khái niệm này trong một dự thảo cương lĩnh cho tương lai của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng được viết vào tháng 2-1925. Bản thảo hứa hẹn dành cho tất cả những ai muốn gia nhập tổ chức mới: đầu tiên, tham gia cuộc đấu tranh lật đổ chủ nghĩa đế quốc và tái thiết lập độc lập dân tộc. Sau đó chuyển sang cuộc đấu tranh xoá bỏ phân biệt giai cấp và tham gia cách mạng thế giới,*"mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh của chúng ta".* Lời cam kết xuất hiện trong chương trình của Hội. Cuối cùng được đưa ra vào tháng Sáu và được đề cập trong một bài báo phát hành tháng Bảy trên tờ Thanh Niên*: "Sau cuộc cách mạng chính trị và xã hội vẫn còn có những dân tộc bị áp bức. Vẫn còn có sự khác biệt giữa các quốc gia. Khi đó điều cần thiết phải có một cuộc cách mạng thế giới. Sau đó, các dân tộc ở khắp bốn phương trên trái đất sẽ là bè bạn của nhau. Đó sẽ là kỷ nguyên của tình anh em trên toàn thế giới".*

Tại sao Nguyễn Ái Quốc lại tin cần phải có cuộc cách mạng thế

giới? Tại sao cuộc đấu tranh phi bạo lực để giành độc lập dân tộc lại không thực hiện được? Suy nghĩ về các vấn đề này thường không xuất hiện trên các ấn phẩm, nhưng một bức thư ông viết từ Quảng Châu cho Nguyễn Thượng Huyền, một học trò của Phan Bội Châu đang sống cùng với nhà yêu nước lớn tuổi này ở Hàng Châu, đã cho thấy một số điểm thú vị về những quan điểm của ông. Ông Huyền là cháu họ Nguyễn Thượng Hiền, một học giả yêu nước, từng làm hiệu trưởng Trường Đông Kinh Nghĩa Thục Hà Nội. Mùa xuân năm 1925, ông Huyền đã gửi cho ông Nguyễn Ái Quốc một bản sao về cách mạng mà ông vừa viết dự định sẽ cho xuất bản và hỏi ý kiến ông Nguyễn. Trong bài viết, ông Huyền lấy nguồn gốc khái niệm cách mạng từ cuốn Kinh Dịch - sách cổ Trung Hoa, trong đó nói, cách mạng đồng nghĩa thay đổi triều đại. Sau đó, ông kết luận, cuộc đấu tranh chống chế độ thuộc địa đã thất bại bởi sự tàn bạo của người Pháp và cách tốt nhất để giành độc lập là bằng các chiến thuật phi bạo lực tương tự phong trào tẩy chay mà Mahatma Gandhi phát động ở Ấn Độ thuộc Anh.

Trong thư trả lời, Nguyễn Ái Quốc nêu lên sự hoài nghi về nguồn gốc Trung Hoa của khái niệm này, (Nguyễn Ái Quốc cho rằng cách mạng có nguồn gốc văn hoá phương Tây), đưa ra định nghĩa riêng của mình, trong đó đối lập cách mạng với cải cách. Cải cách, theo như Nguyễn Ái Quốc, liên quan đến những thay đổi về thể chế của một nước cụ thể nào đó. Cho dù cải cách có hay không đi kèm bạo lực thì một số trật tự cũ vẫn luôn tồn tại. Cách mạng - khác hoàn toàn, xoá bỏ một hệ thống và thay bằng một hệ thống khác. Vì vậy, thay đổi triều đại không tương đương với cách mạng, vì những người chiến thắng vẫn giữ lại hệ thống quân chủ. Đối với trường hợp của Mahatma Gandhi, Nguyễn Ái Quốc nói thêm, vị lãnh đạo tinh thần của Ấn Độ là một người cải cách hơn là nhà cách mạng, vì ông chỉ đòi hỏi người Anh cải cách các thể chế của

Ấn Độ mà không kêu gọi người Ấn Độ nổi dậy giành độc lập. Ông cũng không đòi hỏi người Anh tiến hành thay đổi toàn diện trong chính phủ Ấn Độ. Nguyễn Ái Quốc nhận xét, chỉ sau khi Anh từ chối các yêu sách của mình, Mahatma Gandhi mới kêu gọi tẩy chay.

Đối với nhận xét của ông Huyền, cách mạng đã thất bại ở Việt Nam vì sự tàn ác của người Pháp, Nguyễn Ái Quốc đáp lại với sự bực bội:

*"Anh trông đợi điều gì? Anh nghĩ rằng họ sẽ cho chúng ta tự do muốn làm gì thì làm, để chúng ta tìm mọi cách đánh đuổi họ đi ư? Anh nghĩ rằng họ sẽ khoanh tay ngồi nhìn chúng ta tấn công vào lợi ích của họ ư? Thay vì trách cứ người khác, tôi cho rằng tốt hơn hết là tự trách mình. Chúng ta phải tự hỏi "Tại sao người Pháp lại có thể đàn áp chúng ta? Tại sao nhân dân chúng ta lại ngu muội như vậy? Tại sao cách mạng của chúng ta chưa thành công? Bây giờ chúng ta phải làm gì?" Anh so sánh chúng ta với những kinh nghiệm thành công của Ai Cập và Ấn Độ, nhưng họ giống như cái ô tô có bánh xe và cả tài xế, còn chúng ta chỉ như cái khung xe. Ấn Độ và Ai Cập có các đảng chính trị, có các đảng viên, các nhóm nghiên cứu, các hội nông dân. Và tất cả họ đều biết phải yêu nước như thế nào. Gandhi đã thực hiện được chính sách tẩy chay, liệu chúng ta có làm được như vậy không? Các đảng của chúng ta đâu? Chúng ta chưa có đảng, không có tuyên truyền, không có tổ chức và anh vẫn muốn chúng ta sẽ tẩy chay người Pháp".*

Nguyễn Ái Quốc kết luận bằng một chuyện ngụ ngôn của La Fontaine về những con chuột không dám gắn chuông vào con mèo để được báo động trước khi bị tấn công. Còn những Con Rồng Cháu Tiên (tức là người Việt Nam) thì sao, ông nêu câu hỏi: *"Chúng ta mà lại như chuột à? Thật là nhục nhã".*

Tại Hàng Châu, Phan Bội Châu đã quan tâm đôi chút đến sự xuất hiện của tổ chức Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Nguyễn Ái Quốc hứa sẽ giúp nhà yêu nước cao tuổi theo kịp các nhà hoạt động của mình, nhất trí Phan Bội Châu sẽ dàn xếp một chuyến đi đến Quảng Châu trong mùa hè năm 1925. Trong bức thư gửi Nguyễn Ái Quốc đầu năm đó, Phan Bội Châu đã ca ngợi sự sáng suốt và bề dày kinh nghiệm của người thanh niên này và tuyên bố, ông vui mừng khi biết có ai đó sẽ làm tiếp công việc khi ông đã cao tuổi và trở nên lỗi thời. Tuy nhiên, Phan Bội Châu cũng nói rõ, ông muốn tham gia phong trào. Trong một lá thư gửi Hồ Tùng Mậu, đồng sự của Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu đã ngầm chỉ trích Quốc bằng việc cảnh cáo người yêu nước trẻ tuổi này không nên hấp tấp.

Trước khi Phan Bội Châu có thể thực hiện các kế hoạch đi Quảng Châu, ông đã phàn nàn Nguyễn Ái Quốc đang phớt lờ mình. Vào giữa tháng 5-1925, Phan Bội Châu rời Hàng Châu đi Thượng Hải bằng tàu hoả, nhưng giới chức Pháp ở Trung Hoa đã được mật thám - chính là người tháp tùng của ông, thông báo về kế hoạch này. Khi tới nhà ga Thượng Hải, tô giới quốc tế của thành phố, Phan Bội Châu đã bị mật thám Pháp cải trang thành tài xế taxi bắt và đưa về Hà Nội xét xử với tội danh phản quốc.

Câu chuyện này gây tranh cãi kéo dài nhất trong lịch sử rối rắm của phong trào dân tộc chủ nghĩa Việt Nam. Ngay từ đầu, nhiều đảng viên của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đã nghi ngờ người phản bội Phan Bội Châu thông báo cho người Pháp chính là Nguyễn Thượng Huyền, thư ký riêng của ông. Bản thân Phan Bội Châu cũng viết trong hồi ký của mình như vậy. Tuy nhiên, một số nguồn tin dân tộc chủ nghĩa phi cộng sản lại cho rằng thủ phạm chính là người cộng sự gần gũi của Nguyễn Ái Quốc, Lâm Đức Thụ, hoặc chính Nguyễn Ái Quốc đồng loã với Thụ cố tình phản

bội Phan Bội Châu lấy tiền thưởng và tạo ra một vật tế thần cho sự nghiệp dân tộc chủ nghĩa. Lời cáo buộc này cũng được một số cây viết phương Tây nhắc lại, dù không có bằng chứng cụ để khẳng định. Các nguồn tin cộng sản luôn luôn phủ nhận lời cáo buộc, cho rằng âm mưu phản bội Phan Bội Châu chính là Nguyễn Thượng Huyền, người sau này rời bỏ phong trào cách mạng làm việc cho Pháp.

Cuộc tranh luận nổ ra gay gắt chủ yếu theo hướng ý thức hệ. Bằng chứng từ kho lưu trữ của Pháp đưa ra không có kết luận dứt khoát, nhưng dường như Nguyễn Ái Quốc không chịu trách nhiệm về vụ này. Có nhiều khả năng để buộc tội Lâm Đức Thụ là chỉ điểm, vì khi là thành viên của Hội, ông đã là chỉ điểm. Có thông tin, những năm sau này ông đã nhận trách nhiệm về hành động đó. Nhưng giả thuyết đó có thể không có cơ sở. Theo một báo cáo của mật vụ viết tại thời điểm đó, khẳng định chỉ điểm là người Pháp - có thể, nhưng không chắc chắn là Nguyễn Thượng Huyền - sống với gia đình Hồ Học Lãm ở Hàng Châu. Ông ta có các thông tin chính xác hơn về phong trào của Phan Bội Châu, có thể cung cấp các thông tin đó cho người Pháp. Ông Thụ được nhiều người biết chỉ là kẻ khoác lác vì vậy có thể đã nhận có dính líu đến vụ bắt giữ này để khuếch trương tầm quan trọng cá nhân. Rất có khả năng ông Huyền chính là người đã phản bội Phan Bội Châu.

Dù thế nào đi nữa, Nguyễn Ái Quốc không kiếm được lợi lộc gì khi Phan Bội Châu bị Pháp bắt. Điều này không có nghĩa loại bỏ Quốc cũng có thể phản bội nhà yêu nước cao tuổi nếu ông tin điều đó có lợi cho cách mạng. Giá trị của Phan Bội Châu rõ ràng đã bị hạn chế bởi tuổi tác, thiếu tinh tế trong chính trị và thái độ miễn cưỡng tán thành bạo lực. Năm 1925, ông là một biểu tượng của chủ nghĩa dân tộc hơn là một người thực sự tham gia phong trào kháng chiến. Việc ông bị bắt và kết án dấy lên sự căm thù ở Việt

Nam có thể là hành động tuyên truyền nào đó cho sự nghiệp cách mạng. Mặt khác, Hội cũng không chú trọng tuyên truyền việc Phan Bội Châu bị bắt mà tiếp tục tập trung sự chú ý vào sự hy sinh anh dũng của Phạm Hồng Thái. Sự hy sinh của Thái là phương tiện thúc đẩy chính trong việc giáo dục người mới tuyển mộ ở Quảng Châu.

Liệu nhu cầu tài chính có thể là động cơ để Nguyễn Ái Quốc trao Phan Bội Châu cho Pháp như một số người nghi ngờ? Khó có thể phủ nhận hoàn toàn lời cáo buộc, bởi vì Nguyễn Ái Quốc chỉ có được nguồn tài trợ eo hẹp của Đảng cộng sản Trung Quốc, đôi khi buộc phải dùng quỹ riêng để tiến hành các hoạt động. Nhưng mặt khác, Nguyễn Ái Quốc chưa chắc đã dám mạo hiểm làm việc đó vì có thể chính người Pháp lại công khai tiết lộ âm mưu này và làm mất uy tín của Hội và người lãnh đạo bí mật của Hội. Xét cho cùng, ông chắc phải nhận thấy việc Phan Bội Châu tự do có lợi hơn là bị ngồi tù ở Việt Nam, vì ông Châu tuy đóng vai trò người đứng đầu nhưng không có thực quyền để kiểm soát mặt trận thống nhất do những người cộng sản chiếm đa số. Điều đáng lưu ý, tất cả các phát biểu đưa ra trong thời gian sống lưu vong cho đến cuối đời, Phan Bội Châu vẫn đánh giá cao Nguyễn Ái Quốc và chưa bao giờ công khai buộc trách nhiệm về việc mình bị bắt giữ ở Thượng Hải cho người đồng sự trẻ tuổi này.

Phiên toà xử Phan Bội Châu mở ở Toà Hình sự Hà Nội ngày 23-11-1925. Bị cáo có hai luật sư bào chữa, mặc dù có sự có mặt của một đám đông lớn biểu tình ủng hộ Phan Bội Châu - khi công tố viên yêu cầu tử hình, có một cụ già đã yêu cầu nhận án chết thay cho ông. Phan Bội Châu bị kết án chung thân khổ sai, năm đó ông năm mươi tám tuổi. Ngay hôm sau, các cuộc biểu tình diễn ra trên toàn quốc, học sinh sinh viên Hà Nội in truyền đơn rải trên các đường phố. Vài ngày sau, viên toàn quyền mới đến Hà Nội,

Alexandre Varenne, một đảng viên Đảng Xã hội và là người chỉ trích chính sách thuộc địa của Pháp, không hề mong muốn bắt đầu nhiệm kỳ của mình với một vụ tai tiếng như thế. Sau khi gửi bức điện về Pháp để xin phép, tháng 12 -1925, ông giảm án cho Phan Bội Châu thành quản thúc tại gia ở Huế.

Trước khi giảm án, Varenne tìm cách dụ dỗ kẻ nổi loạn cao tuổi nên hợp tác với chế độ thuộc địa. Ban đầu, Phan Bội Châu từ chối, nhưng sau này, ông dịu dần và mặc dù vẫn có quan hệ thường xuyên với các thành viên của phong trào dân tộc chủ nghĩa, thỉnh thoảng ông lại đưa ra các bài phát biểu trước học sinh trường Quốc Học Huế, Phan Bội Châu ca ngợi chất lượng giáo dục cao của Pháp tại Đông Dương. Những bài phát biểu như vậy làm dấy lên sự giận dữ trong phong trào dân tộc chủ nghĩa, khiến Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu bình luận, đó là những*”lời hoàn toàn vô nghĩa”.* Theo thông tin của một chỉ điểm của Pháp, một số người dân tộc chủ nghĩa còn có cuộc tranh luận xem liệu có nên có hành động bạo lực chống lại Phan không. Phan Bội Châu tạ thế năm 1940.

Trước khi giảm án, Varenne tìm cách dụ dỗ kẻ nổi loạn cao tuổi này hợp tác với chế độ thuộc địa. Ban đầu, Phan Bội Châu từ chối, nhưng sau này, ông dịu dần và mặc dù vẫn có quan hệ thường xuyên với các thành viên của phong trào dân tộc chủ nghĩa, thỉnh thoảng ông lại đưa ra các bài phát biểu trước sinh viên của trường Quốc Học Huế, Phan Bội Châu ca ngợi chất lượng giáo dục cao của Pháp tại Đông Dương. Những bài phát biểu như vậy làm dấy lên sự giận dữ trong phong trào dân tộc chủ nghĩa và khiến Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu bình luận rằng đó là những “lời chẳng có nghĩa lý gì”, Theo thông tin của một chỉ điểm của Pháp, một số người dân tộc chủ nghĩa còn có cuộc tranh luận xem liệu có nên có hành động bạo lực chống lại ông không. Phan Bội Châu chết năm 1940.

Trong khi việc xét xử Phan Bội Châu đang được tiến hành, nhà cải cách cao tuổi Phan Chu Trinh trở về Đông Dương sau hơn một thập niên ở nước ngoài. Việc ông về đến Sài Gòn khiến cho dân chúng phấn khởi và các bài phát biểu của ông trong vài tháng sau đó với nội dung ủng hộ một chính sách cải cách phi bạo lực đã thu hút được nhiều sự quan tâm. Ông qua đời đầu năm 1926 vì bệnh ung thư, ở tuổi năm mươi ba. Đám tang của ông biến thành cuộc tuần hành toàn quốc biểu lộ sự thương tiếc. Hàng ngàn người xếp hàng trên các đường phố để nhìn quan tài của ông đưa từ Sài Gòn tới khu nghĩa trang ở gần sân bay Tân Sơn Nhất. Nguyễn Ái Quốc không tán thành tuần hành đông đảo như vậy, với lý do, nó làm phân tán sự chú ý của công chúng những vấn đề quan trọng hơn. Theo một báo cáo của sở mật thám, khi nghe báo cáo về biểu tình xung quanh đám tang của Phan Chu Trinh, Nguyễn Ái Quốc đã nhận xét, có thể chúng đã được báo chí Pháp thổi phồng lên để làm bẽ mặt Toàn quyền Varenne, người tìm cách làm cho chính sách thuộc địa của Pháp ở Đông Dương trở nên nhân đạo hơn.

Qua các nỗ lực của Nguyễn Ái Quốc, các cộng sự gần gũi ở trong Cộng sản Đông Dương Đoàn đã dần dần được tiếp thụ các ý tưởng của chủ nghĩa Marx - Lenin. Đồng thời, dòng người Việt Nam yêu nước liên tục được tuyển mộ và đưa sang Quảng Châu, nơi họ được đào tạo và giáo dục tại trường đào tạo có cái tên rất ấn tượng là *Viện Chính trị Đặc biệt Cách mạng Việt Nam*. Viện này lúc đầu đặt ở phố Dân Sinh. Khi trở nên quá chật chội, trường được chuyển sang một toà nhà ba tầng lớn hơn của những chủ nhân có thiện cảm với cộng sản ở phố Văn Minh, qua trường Đại học Quảng Châu, (bây giờ là bảo tàng Lỗ Tấn), gần với đại bản doanh của Đảng cộng sản Trung Quốc. Trường xây theo kiểu Trung Hoa, tầng trệt làm cửa hàng. Các lớp học được tổ chức ở tầng hai trong một phòng học lớn có số ghế, một chiếc bàn và có ảnh của

các bậc tiền bối cộng sản treo trên tường. Sau lớp học là một văn phòng nhỏ, có chiếc giường dành cho Nguyễn Ái Quốc. Tầng ba là chỗ ngủ cho học viên. Có một cửa ẩn dẫn ra lối đi bí mật trong trường hợp bị cảnh sát tấn công. Bếp nằm ở mảnh vườn phía sau khu nhà.

Hầu hết các giáo viên Việt Nam ở trường như Hồ Tùng Mậu hay bản thân Nguyễn Ái Quốc đều là thành viên của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng, nhưng đôi khi cũng có những giảng viên được mời từ Đảng cộng sản Liên Xô như Vasily Bliicher (Galen), P. A. Pavlov, M. V. Kuibyshev và V. M. Primakov, hoặc từ phía Đảng cộng sản Trung Quốc, các nhà lãnh đạo tương lai như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Lý Phú Xuân cũng như nhà tổ chức nông thôn Bành Bái. Một phần ba chi phí của lớp học là do Đảng cộng sản Trung Quốc chịu, phần còn lại được tài trợ từ các tổ chức địa phương hoặc từ nguồn quyên góp của học viên Việt Nam của Học viện Quân sự Hoàng Phố từ học bổng hằng tháng của họ. Chương trình của học viện được mô phỏng khá giống với các viện đào tạo ở Liên Xô, với các lớp học có các môn như *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, Tư tưởng Marx - Lenin*, tổ chức của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng và tình hình thế giới hiện tại. Để giúp làm quen với các điều kiện địa phương, cũng có các khoá học về tư tưởng của Tôn Dật Tiên, (Nguyễn Ái Quốc cho là một dạng chủ nghĩa xã hội sơ khai) và tiếng Trung. Một trong những khoá học do Nguyễn Ái Quốc giảng dạy là khái niệm của Lenin về mặt trận thống nhất.

Theo trí nhớ của nhiều học viên, Nguyễn Ái Quốc, dưới biệt danh thày Vương, là giáo viên được ưa chuộng nhất ở trường. Thân mình ông mảnh dẻ, mắt sáng, giọng ấm áp, thánh thiện và hài hước mặc dù ít khi cười. Ông Vương rất dễ gần và kiên nhẫn với học viên. Ông giải nghĩa các từ và khái niệm khó bằng cách

đưa ra những chi tiết rất cụ thể. Ông đọc nhiều, là cuốn từ điển sống về các con số thống kê. Một học viên nhớ lại *“Với việc thuộc làu làu ngày tháng và các con số, ông có thể nói cho chúng tôi về số tấn gạo mà thực dân Pháp đã cướp đoạt để gửi về mẫu quốc, về lãi ròng lớn của Ngân hàng Đông Dương, về các thùng đồ cổ quý từ các cuộc khai quật khảo cổ mà Toàn quyền Varenne đã chất lên tàu đưa về Pháp”.*

Như ở Paris, Nguyễn Ái Quốc không những chỉ là giảng viên mà còn là cố vấn tinh thần, người phụ huynh và là cổ động viên. Ông dạy cách ăn nói và hành xử sao cho chính trực để phục vụ sự nghiệp cách mạng, cách nói trước công chúng, cách phát biểu trước đám đông công nhân, nông dân, trẻ em và phụ nữ, cách nhấn mạnh về sự nghiệp dân tộc và nhu cầu có cách mạng xã hội, cách đối xử bình đẳng với người nghèo và ít chữ. Ông rất chăm lo xem xét các điều kiện sống, ăn ở để bảo đảm họ khoẻ mạnh, được chăm sóc tốt. Mỗi khi họ buồn nản, ông động viên. Một cựu học viên nhớ lại về tinh thần lạc quan của ông. Khi các sinh viên tỏ ra thất vọng vì sự tham nhũng thối nát của các quan chức Việt Nam và sự thiếu quan tâm về đời sống người dân trong các làng bản, ông đáp: *“Họ chính những vật cản trở và là sự suy đồi của xã hội khiến cho việc làm cách mạng trở nên cần thiết. Người cách mạng trước hết phải lạc quan và tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng”.*

Sau khi kết thúc chương trình đào tạo từ ba đến bốn tháng, các học viên thường đi cùng Nguyễn Ái Quốc trong một chuyến thăm có tính nghi thức tới mộ của bảy mươi hai liệt sĩ cách mạng Trung Hoa ở gò Hoàng Hoa, ngoại ô Quảng Châu và mộ liệt sĩ yêu nước Phạm Hồng Thái, họ đọc lại những lời thề có tính nghi lễ là phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Sau đó, hầu hết trong số họ trở về Việt Nam. Một số học viên tài năng hơn như Lê Hồng Phong, hội viên Tâm Tâm Xã được gửi đi Moscow để đào tạo thêm. Một số

khác làm việc cho cảnh sát Trung Hoa hoặc các lực lượng vũ trang hoặc được đưa vào làm cho Học viện Quân sự Hoàng Phố nổi tiếng do Quốc Dân Đảng điều hành với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Lương Bằng, một thành viên xuất thân từ gia đình tá điền, được chỉ thị tìm việc làm tại một hãng tàu biển chạy hơi nước để thiết lập mạng lưới liên lạc giữa Hồng Công và cảng Hải Phòng. Đến mùa xuân năm 1927, hơn bảy mươi học viên đã theo học tại trường.

Khi trở về Việt Nam, học viên tốt nghiệp từ học viện tìm cách quảng bá học thuyết cách mạng cho bạn bè, người quen và tuyển những người mới gửi đi Quảng Châu. Hầu hết các học viên tốt nghiệp đều xuất thân từ tầng lớp gia đình trí thức, cũng như những người đầu tiên mà họ tuyển thuộc thành phần tương tự. Các nguồn tin tình báo Pháp ước tính khoảng 90 phần trăm số học viên thuộc tầng lớp trí thức tiểu tư sản, số còn lại là công nhân hoặc nông dân. Họ từ khắp mọi miền của đất nước, nhưng đa số cùng quê Nghệ An của Nguyễn Ái Quốc và các nơi khác thuộc miền Trung. Đến năm 1928, Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng có khoảng 300 hội viên ở Đông Dương, 150 người từ Nam Bộ, (chủ yếu là Sài Gòn và các thị xã của các tỉnh Mỹ Tho, Cần Thơ), 80 người ở Trung Kỳ, (đặc biệt là Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi) và 70 ở Bắc Kỳ, (Bắc Ninh, Nam Định, Thái Bình, Hà Nội, Hải Phòng). Một năm sau, số đảng viên đã tăng lên hơn 1.700 người.

Việc thành lập Hội, Nguyễn Ái Quốc đã có bước đi đầu tiên hướng tới cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó là một bước đi nhỏ và thận trọng, nhưng là một sự khởi đầu cần thiết. Như ông đã viết vài năm trước đó: *“Ta nói, ở khu vực nào đó, (thí dụ Đông Dương), với hơn hai mươi triệu dân bị bóc lột đã sẵn sàng cho một cuộc cách mạng như thế là sai. Nhưng nếu nói khu vực đó không muốn có một cuộc cách mạng và bằng lòng với chế độ lại càng*

*sai hơn".*

Nguyễn Ái Quốc đã có đủ kinh nghiệm nhận ra việc tuyên truyền đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng một phong trào thời kỳ phôi thai. Tạp chí Thanh Niên đã quảng bá thông điệp của ông. Được in tại Quảng Châu, tuần báo này gửi bằng đường biển về Việt Nam. Tổng số 208 số báo đã được phát hành trong thời gian từ 21-6-1925 đến tháng 5-1930. Tạp chí viết với văn phong giản dị quen thuộc của ông và được minh hoạ thêm bằng các khẩu hiệu, tranh biếm hoạ chế nhạo chế độ thuộc địa Pháp và triều đình Huế yếu hèn. Cũng như tờ Người Cùng Khổ, Nguyễn Ái Quốc viết rất nhiều các bài xã luận dù không ký tên thật. Hội cũng xuất bản hai tạp chí khác, tờ bán nguyệt san *Lính Kách Mệnh* và tờ nguyệt san *Việt Nam Tiền Phong*.

Phù hợp với các mục tiêu đã tuyên bố của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng, tờ Thanh Niên chủ yếu nhấn mạnh vấn đề độc lập dân tộc. Nhưng một số bài cũng đề cập chung chung đến vấn đề toàn cầu do chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản gây ra. Nói một cách gián tiếp, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới đem lại sự giải phóng và hạnh phúc. Trong một số báo, Nguyễn Ái Quốc chỉ ra, cách mạng là phương thuốc duy nhất điều trị cho căn bệnh của nước ông: *"Cách mạng là sự thay đổi từ xấu sang tốt; Nó là tổng thể của mọi hành động và qua đó một dân tộc bị áp bức trở nên mạnh mẽ. Lịch sử của mọi xã hội đã dạy chúng ta, chỉ có cách mạng mới có thể đem lại một hình thức chính phủ, giáo dục, công nghiệp và tổ chức xã hội tốt hơn, v.v".* Số phát hành đầu mùa hè năm 1926 nói một cách công khai về chủ nghĩa cộng sản là một giải pháp cho các vấn đề đang gây đau khổ cho các dân tộc Đông Dương.

Đối với các học viên dự khoá đào tạo, ông làm việc một cách nghiêm túc hơn. Hồi đó, không có bất kỳ tài liệu gì về chủ nghĩa

Marx - Lenin bằng chữ Việt. Mặc dù Nguyễn Ái Quốc thường xuyên kêu gọi giúp đỡ, nhưng ông nhận được rất ít tài liệu tuyên truyền từ Moscow. Để lấp vào chỗ trống, ông viết những tài liệu cơ bản sử dụng cho khoá học tại học viện, đề cập các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Quyển sách mỏng nhan đề "*Đường Kách Mệnh*" giới thiệu khái quát chủ nghĩa Marx - Lenin, giải thích tính phù hợp của nó với Việt Nam. Hầu hết các bản sao phát cho các học viên trong lớp sử dụng, một số ít đưa về Việt Nam cùng với tờ Thanh Niên.

Trong cuốn sách, thông điệp của Nguyễn Ái Quốc rất đơn giản. Vì các học viên thiếu sự tinh nhanh và không quen với các thuật ngữ phương Tây - từ Kách Mệnh tiếng Việt chỉ xuất hiện vào đầu thế kỷ XX - ông mở đầu cuốn sách bằng một định nghĩa ngắn gọn về cách mạng. Ông nói, cách mạng là xoá bỏ cái cũ và xây dựng cái mới, hoặc xoá bỏ cái xấu để xây dựng cái tốt.

Sau đó, tác giả giải thích một cách ngắn gọn về các hình thức cách mạng. Theo ông, có ba loại hình cách mạng trên thế giới:

*1. Cách mạng tư bản chủ nghĩa, như trường hợp nổi dậy ở Pháp, Nhật Bản và Mỹ.*

*2. Cách mạng dân tộc chủ nghĩa, như cuộc cách mạng hồi thế kỷ XIX ở Italy và cuộc cách mạng năm 1911 (Tân Hợi) ở Trung Hoa.*

*3. Cách mạng giai cấp, như cuộc cách mạng Bolsevich ở Nga.*

Tất cả các cuộc cách mạng đó, ông giải thích, cuối cùng sẽ xảy ra theo hai giai đoạn riêng biệt, giai đoạn đầu tiên là *"cách mạng dân tộc chủ nghĩa"* và giai đoạn thứ hai là *"cách mạng thế giới",* khi công nhân và nông dân trên toàn thế giới đoàn kết để lật đổ trật tự của chủ nghĩa tư bản và đem lại hạnh phúc và sự đoàn kết cho nhân dân của mọi dân tộc.

Ý tưởng về một cuộc cách mạng có hai giai đoạn, đương nhiên

là hoàn toàn theo chủ thuyết của Lenin, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã tự thêm vào một số sắc thái mới. Thứ nhất, mặc dù ông đã thận trọng khi viết, giai đoạn dân tộc chủ nghĩa của cách mạng thế giới sẽ được tiếp nối bởi một giai đoạn chủ nghĩa xã hội để đem lại hạnh phúc toàn xã hội và đoàn kết toàn cầu. Nguyễn Ái Quốc không nói cụ thể khi nào giai đoạn thứ hai sẽ xảy ra và nói gián tiếp rằng ở Việt Nam, điều đó sẽ không xảy ra cho đến khi toàn bộ thế giới đã sẵn sàng chuyển từ dân tộc chủ nghĩa sang giai đoạn cuối cùng chủ nghĩa quốc tế. Điều này có thể phản ánh niềm tin của ông lúc đó, giai đoạn thứ hai sẽ không xảy ra ở Việt Nam cho đến khi đa số các nước trên thế giới đã trải qua các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của chính họ. Khi đưa ra khái niệm hai giai đoạn, Lenin đã cho rằng giai đoạn đầu tiên sẽ nhanh chóng chuyển sang giai đoạn hai, như đã xảy ra ở nước Nga Xô viết.

Vấn đề thứ hai, Nguyễn Ái Quốc đề cao giá trị độc lập dân tộc trong tiến trình cách mạng hơn Lenin, giải thích điều đó như là một kết quả đáng mong muốn của sự liên kết giữa các giai cấp trong xã hội Việt Nam. Ông dự đoán, các cuộc đấu tranh tương tự nhằm giải phóng dân tộc cuối cùng sẽ nổ ra ở các nơi khác ở châu Á. Những giai cấp nào sẽ lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam? Tất nhiên, đó là một trong các vấn đề mấu chốt trong cuộc tranh luận về chiến lược của Quốc tế Cộng sản. Lenin đưa ra chiến lược dựa trên khái niệm liên minh bốn giai cấp, với nòng cốt liên minh công nông. Trong cuốn *Đường Kách Mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra liên minh công - nông, (người làm việc nặng nhọc nhưng không được hưởng thành quả lao động), là kẻ thù chính của những người tư bản, (kẻ không làm việc nhưng lại hưởng tất cả lợi nhuận). Nhưng ông cũng lấy ý tưởng của Lenin về một mặt trận thống nhất đa giai cấp của các giai cấp tiến bộ để đi đến giai đoạn hai của cách mạng. Liên minh này có thể bao gồm học sinh sinh viên, tiểu

thương, ngay cả tiểu địa chủ. Tuy nhiên, các nhóm như vậy sẽ không thể là đồng minh tin cậy của công nhân và nông dân khi tiến hành giai đoạn hai của cách mạng, bởi vì họ có thể chống lại giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Như ông đã viết trong cuốn "*Đường Kách Mệnh*", công nhân và nông dân là lực lượng lãnh đạo chủ chốt của cách mạng:

*"Bởi vì thứ nhất, công nhân và nông dân bị đàn áp nặng nề nhất;*

*Thứ hai, công nhân và nông dân nếu đoàn kết sẽ có được sức mạnh lớn nhất; Và thứ ba họ đã nghèo, nếu bị thất bại, họ chả có gì để mất ngoài sự khốn khổ, còn thắng lợi họ sẽ có cả thế giới. Đó là lý do tại sao công nhân và nông dân là gốc của cách mạng, trong khi sinh viên, tiểu thương và địa chủ, dù có bị đàn áp, nhưng không bị đau khổ như công nhân và nông dân, vì thế ba tầng lớp kia chỉ có thể là những người bạn cách mạng của công nhân và nông dân".*

Cuối cùng, mặc dù Nguyễn Ái Quốc theo Lenin nhấn mạnh tới sự cần thiết phải có sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, đặc biệt là trong giai đoạn hai của cuộc cách mạng giai cấp. Nhấn mạnh trong toàn bộ cuốn sách một thông điệp ngầm, nông dân là nhân tố tối quan trọng của liên minh cách mạng. Đây là một lập trường ông đã nêu lên nhưng không thành công ở Moscow. Ông lý giải, vì thiếu liên minh chặt chẽ giữa nông thôn và thành thị là nguyên nhân sự thất bại của cuộc cách mạng Công xã Paris năm 1870-1871 và cuộc cách mạng Nga năm 1905. Chỉ khi hai giai cấp này liên minh lại, như đã xảy ra trong cuộc cách mạng Bolsevich năm 1917, cách mạng mới thành công. Ông cho rằng, điều này đặc biệt đúng với một nước như Việt Nam, nơi 90 phần trăm dân số sống dựa và nông nghiệp và rất nghèo. Giống như giai cấp vô sản trong Tuyên Ngôn Cộng sản của Karl Marx, nông dân của Nguyễn Ái Quốc không có gì để mất ngoài xiềng xích. Tất cả những gì họ cần, như

ông từng chỉ ra trong các bài báo viết ở Pháp, là sự lãnh đạo và tổ chức.

Nguyễn Ái Quốc thừa nhận thắng lợi không phải dễ dàng, bởi vì khó có thể thay đổi một xã hội hàng nghìn năm thành một xã hội mới. Điều quan trọng nhất phải có một đảng cách mạng có khả năng huy động được quần chúng bị áp bức trong nước và liên lạc được với các đảng khác trên toàn thế giới. Ông viết, giống như một con tàu không thể tiến lên nếu không có người chèo lái tốt, cuộc cách mạng không thể thành công nếu không có một đảng vững mạnh. Ông tiếp, một nhóm người nổi loạn có thể có đôi chút thành công bằng cách ám sát vài quan chức chính phủ. Những hành động như vậy chỉ có thể dẫn đến bị đàn áp chứ không dẫn đến giải phóng. Chìa khoá để có được một đảng vững mạnh là học thuyết của nó. Một đảng cần có một ý thức hệ mà các đảng viên có thể hiểu và theo đuổi. Một đảng không có ý thức hệ cũng giống như một người đàn ông không có trí khôn hoặc một con tàu không có la bàn.

Trong phần mở đầu "*Đường Kách Mệnh*", tác giả đã liệt kê một danh sách các đặc điểm có thể xác định *"hành vi của nhà cách mạng"*. Thật thú vị nếu đem so sánh danh sách này với cuốn *"Hỏi đáp của một nhà cách mạng"* nổi tiếng của tên khủng bố người Nga thế kỷ thứ XIX, Sergey Nechayev. Nechayev nhấn mạnh vai trò của nhà cách mạng cũng giống như một công cụ mù quáng của sự nghiệp cách mạng. Anh ta phải biết tàn nhẫn, thậm chí xảo quyệt để xúc tiến mục đích của mình. Anh ta phải tuân thủ tuyệt đối đối với đảng của mình, sẵn sàng từ bỏ mọi mối quan hệ với bạn bè và gia đình. Anh ta cũng phải sẵn sàng hy sinh những chuẩn mực đạo đức thông thường để nói dối và lừa bịp vì lợi ích của cách mạng. Trong khi sự thái quá của Nechayev bị chỉ trích nhiều bởi các thành viên khác trong phong trào cấp tiến Nga, bản thân tất cả

nguyên tắc này lại được Lenin khá ngưỡng mộ và trở thành kinh thánh cho những người Bolsevich của ông.

Có một số điểm giống nhau giữa các nguyên tắc ứng xử của Nguyễn Ái Quốc và Lenin đều bị ảnh hưởng bởi Nechayev. Cả hai đều nhấn mạnh nghĩa vụ của các đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Sự khác biệt chính nằm ở tinh thần phía sau hai loại chuẩn mực cách mạng này. Trong khi Lenin cho các chuẩn mực đạo đức đương thời ít thích ứng với quy tắc ứng xử cách mạng, với thực tế và có những mâu thuẫn không thể điều chỉnh giữa hai mặt trên. Chuẩn mực đạo đức cơ bản trong danh mục nguyên tắc ứng xử của Nguyễn Ái Quốc làm người ta nhớ lại truyền thống của đạo Khổng: cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, cầu thị, cẩn trọng, hiếu học, biết quan sát và phân tích, tránh tự cao tự đại và phải có lòng vị tha. Thực tế, trừ những phần đề cập đến đảng, những điều răn dạy cách mạng của Nguyễn Ái Quốc có thể dễ dàng được chấp nhận như là các chuẩn mực hành vi cho bất kỳ gia đình Nho giáo nào.

Cũng có thể nói, nguyên tắc đạo đức cách mạng của Nguyễn Ái Quốc chỉ là việc khoác một khái niệm mới lên một chiếc áo quen thuộc, chứ không phải ý nghĩ đó thoảng qua trong đầu. Rốt cuộc, nhóm người được tuyển mộ ban đầu cho sự nghiệp của ông đều xuất thân từ những gia đình có học. Mặc dù hầu hết từ chối ý thức hệ Nho giáo truyền thống, họ vẫn bị ảnh hưởng một cách vô ý thức bởi nhiều giá trị của nó và Nguyễn Ái Quốc luôn tìm cách làm cho thông điệp của mình phù hợp với thiên hướng của người nghe. Dù vậy, các chuẩn mực đạo đức cá nhân ông dạy ở viện đã trở thành một trong những khía cạnh quan trọng trong di sản của ông cho phong trào cộng sản Việt Nam và không nên xem chúng như một thứ hình thức giả tạo. Đối với nhiều đồng sự của Nguyễn Ái Quốc, chính cách cư xử của ông, hình ảnh về lòng tốt và sự giản

dị, sự lạc quan vô tận, sự nghiêm túc và tận tuỵ với sự nghiệp của ông là những gì được người ta ghi nhớ nhất sau khi ông qua đời. Đạo đức cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã trở thành dấu son trong ảnh hưởng của ông đối với đảng và đối với nhiều người, đó là đặc điểm riêng biệt của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam.

Thông điệp của Nguyễn Ái Quốc chứa đựng một logic sâu xa cho Việt Nam. Tự bản thân mình, đất nước này dường như không có sức mạnh để tự giải phóng. Kể cả nhà dân tộc chủ nghĩa gan dạ Phan Bội Châu cũng đã đi ra nước ngoài, đầu tiên là Nhật Bản, sau đó là Trung Hoa để tìm sự giúp đỡ. Điều đó được khẳng định trong cuốn "*Đường Kách Mệnh*", dân tộc Việt Nam sẽ phải tìm kiếm sự giúp đỡ của quần chúng cách mạng trên toàn thế giới để đấu tranh tự giải phóng. Điều cũng rất thuyết phục khi được biết là chính phương Tây cũng phải trải qua những giai đoạn biến động xã hội.

Những chỉ trích trong cuốn sách đối với các phong trào dân tộc chủ nghĩa trước đó đặc biệt có ý nghĩa đối với những người yêu nước Việt Nam trẻ tuổi. Điểm yếu của các tổ chức dân tộc chủ nghĩa rất rõ ràng, tất cả các tổ chức này đều thiếu ý thức hệ. Họ đơn giản chỉ ra sự nghiệp chung, hiện đại hoá và độc lập dân tộc. Không có tổ chức nào vạch ra một cách chi tiết cụ thể những đặc điểm của một Việt Nam độc lập trong tương lai. Khác với các tổ chức trong khu vực, các phong trào dân tộc chủ nghĩa Việt Nam không có khả năng tập hợp xung quanh những biểu tượng của một tín ngưỡng tôn giáo chung. Đạo Phật không chấp nhận sự tồn tại thế giới vật chất và thuyết giáo một triết lý khổ hạnh, không thể là một tác nhân thay đổi thích hợp nữa. Nho giáo, mặc dù ăn sâu như một tập hợp các phương châm chính trị và xã hội vào giới quý tộc Việt Nam đã bị mất tín nhiệm vì sự đầu hàng hèn hạ của triều đình phong kiến trước sự xâm lược của người Pháp. Kết quả, hầu hết các phong trào dân tộc chủ nghĩa phi cộng sản đều có xu hướng

thiên về khu vực địa lý, bởi các chiến thuật hoặc bởi cá nhân. Hành động của các thành viên, dù dũng cảm, nhưng lại thường là những hành động căm thù vô nghĩa chống lại một kẻ thù hùng mạnh, kẻ có thể làm các lực lượng nổi loạn chạy tán loạn chỉ cần một cái vỗ tay.

"*Đường Kách Mệnh*" là nỗ lực đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc nhằm truyền bá học thuyết Marx - Lenin với đồng bào mình. Là một tuyên bố về ý thức hệ, nó không mang lại được nhiều cho các nhà nghiên cứu nghiêm túc Việt Nam hiện đại hoặc sử học của phong trào cộng sản thế giới. Nguyễn Ái Quốc từng thừa nhận với các đồng sự, việc miêu tả học thuyết Marx - Lenin và thực tiễn của nó vào trong cuốn sách chỉ có tính chất sơ đẳng, một số phần rất khó hiểu. Phần trình bầy thiếu tinh tế và sự mập mờ về ý thức hệ trong cách xử lý của Nguyễn Ái Quốc về khái niệm hai giai đoạn và liên minh bốn giai cấp đã khiến một số người nghi ngờ liệu ông có thấu hiểu học thuyết Marx - Lenin hay không. Nếu không hiểu, vậy sự cam kết của ông đối với học thuyết này như thế nào. Bởi vì ông không miêu tả một cách cụ thể *"vai trò lãnh đạo"* của giai cấp công nhân, (nguyên lý then chốt của chủ nghĩa Lenin), trong cuộc cách mạng Việt Nam, một số quan sát viên đã cho rằng cuốn sách là một thí dụ về *"chủ nghĩa cộng sản nông dân",* một cách tiếp cận không chính thống đối với chiến lược cách mạng Marxist - Lenin mà sau này người ta gán cho Mao Trạch Đông.

Sẽ sai lầm nếu như cố gắng suy luận quá nhiều về quan điểm của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện trong cuốn sách ấy. Khi đó, ông đang cố quảng bá các ý tưởng Marxist trong một xã hội chủ yếu là nông thôn và thiếu sự tinh tế chính trị. Có thể Nguyễn Ái Quốc - theo niềm tin của mình về tuyên truyền - càng đơn giản càng tốt, đã cố tình tạo ra một thứ chủ nghĩa Marx phổ thông hay *"bình dân"* mà người dân Việt Nam có thể hiểu được trong bối cảnh riêng.

Mặc dù chưa thể hiện rõ sự am hiểu của ông đối với học thuyết Marxist, nhưng cuốn sách là một công cụ hữu hiệu để giới thiệu chủ nghĩa Marx - Lenin cho những người mới học.

Trong những năm sống ở Moscow, Nguyễn Ái Quốc bầy tỏ niềm tin, nông dân Việt Nam cũng như ở châu Phi và châu Á, nạn nhân chính của chủ nghĩa thuộc địa phương Tây. Như vậy, đương nhiên sẽ liên minh chặt chẽ với giai cấp công nhân. Trong cuốn sách, ông đã nêu lên sự ủng hộ của nông dân sẽ là điều kiện tiên quyết cho thắng lợi. Ông giải thích quan điểm của mình theo cách hiểu chính thống của chủ nghĩa Lenin, ngay cả dù đường lối chính thức của Moscow từ lâu đã không phải như vậy. Dù sao chăng nữa, Nguyễn Ái Quốc chẳng quan tâm đến vấn đề lý thuyết. Nhận xét của ông trong cuốn "*Đường Kách Mệnh*" có thể đơn giản là nhằm mục đích làm rõ hơn các lời bình luận ông đã đưa ra ở Moscow vài năm trước đây.

Tuy vậy, nhấn mạnh vai trò của nông dân, Nguyễn Ái Quốc đã có một bước tiến dài trong phát triển phong trào cách mạng Việt Nam. Các nhà lãnh đạo và các nhóm dân tộc chủ nghĩa khác chỉ nói đãi bôi về vai trò của quần chúng nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam. Phan Bội Châu đã nêu lên mong muốn có được sự ủng hộ của nông dân, nhưng lời kêu gọi của Phan Bội Châu lại chung chung và không có bước đi cụ thể nào để biến nó thành hiện thực. Bằng việc nói lên quyết tâm của mình tập trung chú ý vào quần chúng ở nông thôn, Nguyễn Ái Quốc đã cố gắng cảnh tỉnh đồng bào cũng như các nhà cách mạng trên toàn thế giới thuộc địa về tầm quan trọng của nông thôn trong cuộc cách mạng sắp tới ở châu Á.

Trong vòng một vài tháng sau khi đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc tuyển được một nhóm những người cấp tiến trẻ tuổi có thể

lãnh đạo phong trào kháng chiến dân tộc mới và mạnh mẽ trong tương lai. Từ vị trí thuận lợi ở nam Trung Hoa nhìn vào Việt Nam, tình hình có vẻ như khả quan. Bước vào năm 1925, sự bất bình âm ỉ lâu ngày của nhân dân Việt Nam đối với những kẻ cai trị thuộc địa bùng phát thành cuộc phản đối công khai. Được châm ngòi do vụ bắt giữ và xét xử Phan Bội Châu và đám tang của Phan Chu Trinh - xảy ra vài tháng sau đó - thái độ chống Pháp đã dâng cao nhanh chóng đến mức chưa từng thấy kể từ trước khi bùng nổ Thế chiến I.

Trong hoàn cảnh đó, vài đảng chính trị phôi thai như đảng Thanh Niên ở Nam Kỳ đã bắt đầu xuất hiện. Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, Tân Việt Cách mạng Đảng được các đảng viên cũ của tổ chức của Phan Bội Châu cùng cộng tác với một số các sinh viên trẻ yêu nước ở Hà Nội thành lập. Đảng Tân Việt có trong hàng ngũ các đảng viên có nhiều xu hướng chiến thuật khác nhau và niềm tin về ý thức hệ khác nhau - từ những người theo trường phái cải cách cho đến những người ủng hộ bạo lực cách mạng, từ những người ủng hộ mô hình phương Tây cho đến những nhà cách mạng Marxist và những người đi theo con đường Lenin. Mẫu số chung của họ là chống lại sự cai trị của người Pháp và sự cống hiến đối với sự nghiệp độc lập dân tộc.

Trong khi đó Nguyễn An Ninh, nhà báo trẻ, người đã chọc giận Thống sứ lâm thời Maurice Cognacq bằng thái độ khiêu khích, tiếp tục khuấy động công chúng với những bài phát biểu và bài báo nảy lửa. Một lần, ông diễn thuyết trước mọi người, cho họ là người phải chịu trách nhiệm cho chính những đau khổ của mình, bởi vì *"các bạn không có khả năng áp đặt ý tưởng của mình, các bạn không buộc chính phủ chấp nhận điều mình muốn"*. Miêu tả sự cộng tác mà Albert Sarraut trao cho người Việt Nam cũng giống như mối quan hệ giữa con trâu và chủ, ông cảnh cáo:

*"Đừng hy vọng quá nhiều vào những điều mà viên Toàn quyền xã hội chủ nghĩa, (chỉ Alexandre Varenne), đã chuyển đến các bạn. Ông ta đến đây để lừa dối các bạn, ông ta nói rất nhiều, nhưng sẽ chẳng làm gì cả. Không thể có sự cộng tác giữa người Pháp và người An Nam. Người Pháp không còn có gì hơn để làm ở đây cả. Hãy buộc họ trả lại chúng ta đất đai của tổ tiên, buộc họ trao cho chúng ta quyền tự do ngôn luận và để chúng ta tự làm chủ mình. Đất nước chúng ta đã sản sinh ra vô số anh hùng, những con người biết hy sinh cho tổ quốc mình! Nòi giống của chúng ta chưa bị tuyệt diệt!"*

Bài phát biểu của ông Ninh đã gợi lại những kỷ niệm về Phan Bội Châu, người đã chống Pháp từ khi sống lưu vong ở Nhật Bản. Người Pháp cho rằng cần phản ứng. Vào ngày 24-3-1926, khi đội tang lễ chuẩn bị đưa thi hài Phan Chu Trinh đến nơi an nghỉ cuối cùng, Nguyễn An Ninh đã bị bắt.

Buổi chiều cùng ngày, tàu biển Pháp Amboise cập bến Sài Gòn. Trong số hành khách có Bùi Quang Chiêu, người lãnh đạo Đảng Lập Hiến mà Nguyễn Ái Quốc đã gặp trên con tàu Admiral Latouche Tréville gần 15 năm trước đây. Cũng giống như Nguyễn An Ninh, ông Chiêu rất thất vọng trước việc Toàn quyền Alexandre Varenne không giữ lời hứa hào phóng của mình. Đầu năm 1926, ông đã đến Paris để kêu gọi cải cách chính trị và kinh tế. Trong các cuộc đàm thoại với các quan chức ở đó, ông đã cảnh cáo, nếu tình hình ở Đông Dương không được cải thiện, người Pháp sẽ bị đuổi khỏi đó sau 15 năm nữa. Ông Chiêu cũng gặp gỡ những người dân tộc chủ nghĩa trong cộng đồng người Việt lưu vong tập trung quanh Nguyễn Thế Truyền, người kế nhiệm Nguyễn Ái Quốc ở Liên hiệp Thuộc địa Quốc tế, nhưng cuối cùng, ông cũng từ chối hợp tác với ông Truyền. Việc này làm cho ông lo lắng. Khi trở về Sài Gòn, ông buộc phải chú ý đến các yêu sách của đám đông trên đường phố nhằm tăng áp lực lên chính phủ thuộc địa. Bài phát

biểu của ông khi đến Sài Gòn chứa đựng lời kêu gọi ủng hộ hoà hợp Pháp - Việt. Với việc Nguyễn An Ninh bị bỏ tù và Bùi Quang Chiêu không sẵn sàng nắm ngọn đuốc dẫn đường, các cuộc bạo động ở thành thị tại Nam Bộ nhanh chóng xẹp xuống, dẫn đến việc một nhà yêu nước trẻ kêu lên một cách tuyệt vọng: *“Tất cả chúng ta đã quên mất Phan Chu Trinh rồi sao?”*

Nguyễn Ái Quốc, đang ở Quảng Châu chăm chú theo dõi lòng căm thù chống thực dân đang tăng lên trong nhân dân, tình hình này đưa đến cả những cơ hội lẫn nhiều thách thức. Tổ chức cách mạng của ông đang trưởng thành, nên cộng tác với các thành phần dân tộc của chủ nghĩa ở Đông Dương và hải ngoại đến mức độ nào? Mặc dù M.N. Roy và một số người khác ở Moscow, những người cho rằng cộng tác với các nhóm tư sản dân tộc chủ nghĩa là nguy hiểm và bảy tỏ không tán thành. Ban đầu, Nguyễn Ái Quốc quyết tâm tạo ra một mạng lưới rộng lớn huy động sự ủng hộ nhằm chống lại chế độ thực dân. Trong báo cáo viết ở Moscow năm 1924, ông đã nhận xét, chính tinh thần dân tộc chủ nghĩa đã gây ra cuộc nổi dậy ở miền Trung Việt Nam, dạy cho những người cu-li biết phản đối các điều kiện làm việc của mình, khêu gợi quyết tâm của các thương gia Việt Nam cạnh tranh với người châu Âu, Hoa kiều, khuyến khích học sinh sinh viên biểu tình và gia nhập tổ chức của Phan Bội Châu. Ông viết, ngọn đuốc giờ đây đang được chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ông tin, khi những người Việt Nam trẻ tuổi bắt đầu sử dụng các chiến thuật của phương Tây, các hoạt động của họ có thể được sử dụng cho mục đích của ông.

Nguyễn Ái Quốc chuyển sang chú ý đến việc mở rộng nền tảng của phong trào bằng việc liên minh với các tổ chức chống thực dân khác ngay sau khi ông đến Quảng Châu, cố gắng thiết lập quan hệ với các thành phần tập hợp xung quanh Nguyễn Hải Thần - học trò

của Phan Bội Châu, đã giúp Phan Bội Châu chuyển Quang Phục Hội thành Việt Nam Quốc Dân Đảng theo mô hình tổ chức của Tôn Dật Tiên ở Trung Hoa. Nguyễn Ái Quốc cũng đã thảo luận với Lâm Đức Thụ khả năng liên hệ với những thành phần dân tộc chủ nghĩa trong nước. Ở miền Trung Việt Nam, ông tìm cách liên lạc với cái mà ông gọi là *"Tầng lớp thanh niên tân tiến",* (như Tân Việt Đảng), nhưng ông cũng muốn tiếp cận với các thành phần dung hoà ở Nam Kỳ như Bùi Quang Chiêu và Khánh Kỳ, (người quen cũ ở Paris), xem họ có chịu hợp tác không. Các đồng nghiệp cũng cảnh báo ông cần phải thận trọng trong việc thiết lập quan hệ với ông Chiêu trừ khi biết chắc Phan Bội Châu nhất trí. Nguyễn Ái Quốc phản biện, nếu như ông Chiêu nhất trí cộng tác, ông ta sẽ sẵn sàng cung cấp tài chính.

Tuy nhiên, đối với Nguyễn Ái Quốc, các đảng dân tộc chủ nghĩa cũng đặt ra một vấn đề tế nhị. Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng nên hợp tác với họ đến mức nào? Đại hội lần thứ Hai của Quốc tế Cộng sản năm 1920 đã kết luận, các phong trào giải phóng tư sản như vậy nên ủng hộ *"Chỉ khi nào các phong trào này thực sự cách mạng và khi những nhân vật tiêu biểu của họ không cản trở công việc của chúng ta là giáo dục và tổ chức nông dân và quần chúng rộng rãi thuộc tầng lớp bị bóc lột theo tình thần cách mạng".* Nhưng một số lãnh đạo của tổ chức này như nhà cộng sản Pháp Jacque Doriot lại có lời khuyên khác. Trong một bức thư gửi một trong các đại hội của các tổ chức mặt trận đề ngày 4 tháng 3 năm 1927, Doriot đề xuất một cách tiếp cận rộng hơn. Ông nói *"Đảng của các bạn cần nhớ, các lực lượng cơ bản của cuộc đấu tranh ở Đông Dương là giai cấp công nhân, nông dân và tiểu thương thành thị", nhưng:*

*"Không được quên, dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, toàn thể nhân dân (công nhân, nông dân, tiểu chủ, trí thức) - trừ một phần rất nhỏ những kẻ trục lợi, đều có lợi trong việc đấu tranh chống chủ*

*nghĩa đế quốc. Không được xem nhẹ bất kỳ nỗ lực nào lôi cuốn họ và tổ chức họ hằng ngày trong cuộc đấu tranh. Không được từ chối bất kỳ sự hợp tác nào. Ngược lại, phải làm tất cả để khuyến khích điều đó.*

Nguyễn Ái Quốc thận trọng nghe theo lời khuyên của Doriot. Phù hợp với đường lối của Cộng sản Quốc tế chỉ hợp tác với các nhóm dân tộc chủ nghĩa*"thiết thực cách mạng".* Theo chỉ thị của ông, Hội rất thận trọng trong việc thiết lập các liên minh. Sau việc bày tỏ sự quan tâm đến Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Ái Quốc tỏ ra coi thường các nhóm của *"những kẻ theo đường lối cải lương quốc gia"* như Đảng Lập Hiến của ông Chiêu. Trong một báo cáo của ông gửi cho Moscow, ông mô tả nhóm này chống lại chủ nghĩa cộng sản và ủng hộ hợp tác với Pháp. Hướng tới các đảng có tính cấp tiến hơn như đảng Thanh Niên ở Nam Kỳ và Tân Việt ở miền Trung Việt Nam. Hội dung hoà hơn, gửi các đại diện đàm phán với họ để thiết lập một liên minh nếu có thể được.

Nhưng lập trường đàm phán của Hội lại luôn cứng rắn. Hội bác bỏ ý tưởng về việc sáp nhập một cách bình đẳng và chỉ trao cho các nhà lãnh đạo đối địch vai trò thứ yếu trong Hội. Trong khi các cuộc đàm phán đang tiếp diễn, các thành viên của Hội tích cực lôi kéo các đại biểu của đảng đối địch vào tổ chức của mình. Khi các đảng viên của các nhóm đối địch đến Quảng Châu để học tập tại viện đào tạo, họ được chỉ thị không nối lại liên lạc với các đồng chí cũ khi quay về Việt Nam. Không có gì đáng ngạc nhiên, các lãnh đạo các đảng dân tộc chủ nghĩa bất bình trước những cách làm như vậy và bác bỏ liên minh với Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng theo các điều kiện của Hội.

Do Nguyễn Ái Quốc buộc phải ở lại Trung Hoa để tránh mật thám bắt, sự tham gia đàm phán trực tiếp của ông với các lãnh đạo

của các nhóm ở Việt Nam rất ít. Nhưng rất có thể các quyết định cuối cùng là của ông. Các nhận xét ông đưa ra đối với đồng sự và học viên tại trường ở Quảng Châu cho thấy thái độ đối với các đảng đối địch là sự kết hợp giữa sự sẵn sàng một cách thận trọng hợp tác vì sự nghiệp đấu tranh với sự hoài nghi cơ bản về những động cơ cuối cùng của họ. Ông thường xuyên nhận xét, liên minh với các đảng có thể hữu ích, nhưng chỉ nhằm các mục đích chiến thuật mà thôi.

Trong khi đẩy mạnh nỗ lực xây dựng phong trào cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc cùng tìm cách hoàn thành nghĩa vụ vô sản của mình bằng cách cộng tác với các thành phần tiến bộ ở nam Trung Hoa và các phong trào cách mạng Trung Hoa. Trước khi Nguyễn Ái Quốc rời Moscow, Thomas Dombal đề nghị ông làm việc với tư cách là đại diện của Nông dân Quốc tế tại Quảng Châu và giúp huy động lực lượng nông dân Trung Quốc. Trong khoảng thời gian ngắn, việc này dường như thành công với sự hợp tác của Quốc Dân Đảng, đại diện của họ ở Moscow đã tìm kiếm sự giúp đỡ của Nông Dân Quốc tế soạn ra một cương lĩnh nông dân. Dombal gợi ý Nguyễn Ái Quốc lập ra các hội nông dân ở toàn bộ các vùng thuộc tỉnh Quảng Đông, đang dưới sự kiểm soát của nhà đương cục Quảng Châu.

Để thực hiện nhiệm vụ này, sau khi đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc thăm Học viện Phong trào Nông dân, cơ sở đào tạo do chính phủ Quốc Dân Đảng lập ra năm 1924, để thúc đẩy cách mạng nông thôn chống lại các chế độ lãnh chúa cát cứ ở phương Bắc. Viện được đặt ở một ngôi chùa cổ không xa đại bản doanh của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng ở Quảng Châu và Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo các hoạt động của mình bằng một bài viết gửi về Moscow. Trong quá trình nghiên cứu các điều kiện của nông dân Trung Hoa, ông đã quen với Bành Bái, một nhà hoạt động

xuất sắc của Đảng cộng sản Trung Quốc và là một trong các cán bộ lãnh đạo của viện. Ông Bành Bái là người thúc đẩy chính để thiết lập Xô viết Hải Lục Phong, những hội nông dân được thành lập năm 1923 dưới sự thúc ép của ông ở hai huyện miền đông của Quảng Châu. Nguyễn Ái Quốc rất thích những thí nghiệm đó, một lần ông đã đến thăm khu vực này, viết một bài báo về chủ đề đó. Đáp lại, Bành Bái đôi khi tham gia dạy tại học viện của Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc đến Trung Hoa vào thời điểm khi phong trào cách mạng đang trong giai đoạn biến chuyển nhanh chóng. Mùa hè năm 1925, các cuộc biểu tình lớn của ngươi lao động diễn ra tại Quảng Châu để phản ứng lại cái gọi là "Sự kiện 30-5" tại Thượng Hải khi cảnh sát Anh đã bắn vào những người biểu tình, làm chết vài người. Nguyễn Ái Quốc tham gia các cuộc biểu tình, đọc các bài diễn văn khuyến khích những người biểu tình và tuyên bố bằng giọng đặc sệt Quảng Châu - rằng nhân dân Quảng Châu ủng hộ họ. Ông cũng tham gia các hoạt động chính thức hơn như Đại hội lần thứ II của Quốc Dân Đảng tổ chức vào tháng 1-1926 theo yêu cầu các thành phần cánh tả chống lại ảnh hưởng của các lực lượng chống cộng ngày càng tăng trong đảng. Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu trước đại hội và miêu tả tình hình ở Đông Dương. Ông tuyên bố, người Pháp đang cố gắng một cách tuyệt vọng để ngăn chặn các tin tức về tình hình bất an ở Trung Hoa đến với nhân dân Việt Nam. Ông hứa, đồng bào ông và tất cả các dân tộc thuộc địa ở châu Á sẵn sàng đoàn kết với nhân dân Trung Hoa để chống lại những kẻ thù xâm lược chung. Tuy nhiên, tuyên bố có tính chất phóng đại hơn là thực tế. Lúc đó, Hiệp hội các dân tộc bị áp bức ở châu Á mà ông đã giúp thành lập năm trước đang gặp phải chịu những tranh cãi giữa các nhóm dân tộc (Quốc nhớ lại vấn đề gặp phải với Liên hiệp Thuộc địa ở Paris) - và tan rã.

Mùa xuân năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã có mặt ở Quảng Châu hơn hai năm. Ông đã trở thành nhân vật nổi bật, một thành viên được tôn trọng của cộng đồng cách mạng, đã có các mối quan hệ gần gũi với các đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc như Chu Ân Lai, nhà tổ chức thanh niên Trương Đại Lợi và nhà lãnh đạo tả khuynh Quốc Dân Đảng Liêu Trọng Khải. Cuộc sống của ông ở nam Trung Hoa, ít nhất cho đến lúc đó, có vẻ ổn định, và (có lẽ vì lý do đó), ông đã nghĩ đến việc có một người vợ Trung Hoa để giúp ông học tiếng Trung và chăm lo các nhu cầu cá nhân. Để có được người phù hợp, ông đã thảo luận vấn đề với người đồng sự gần gũi, Lâm Đức Thụ, đã sống ở Trung Hoa nhiều năm và có rất nhiều người quen trong dân chúng địa phương. Tuy nhiên, Nguyễn Ái Quốc khăng khăng không tuân theo phong tục cưới truyền thống của Trung Hoa, ông từ chối nộp khoản tiền thách cưới.

Ít lâu sau, Lâm Đức Thụ giới thiệu cho Nguyễn Ái Quốc một thiếu nữ Trung Hoa - Tăng Tuyết Minh, con gái vợ lẽ thứ ba của một thương gia Quảng Châu giàu có. Bị đuổi khỏi nhà sau khi bố chết, Tuyết Minh sống trong hoàn cảnh khó khăn cho đến khi cô làm bạn với vợ của Lâm Đức Thụ, người đã giới thiệu cô với Nguyễn Ái Quốc. Người phụ nữ trẻ này ít được học hành, do vậy một số cộng sự phản đối cuộc hôn nhân, nhưng Nguyễn Ái Quốc phớt lờ những lời khuyên của họ và cầu hôn. Sau đám cưới, đôi uyên ương chung sống ở căn phòng của Nguyễn Ái Quốc ở biệt thự Borodin. Mặc dù Tuyết Minh hấp dẫn về mặt hình thức, (một người quen mô tả: thân hình mảnh dẻ, da trắng, tóc đen ngang vai, mặt tròn, miệng nhỏ), nhưng lại ít quan tâm đến chính trị. Sau vài nỗ lực bất thành, chồng cô nhanh chóng từ bỏ việc cải hoá cô theo những tư tưởng chính trị của mình. Có những nguồn tin cho rằng, cuộc hôn nhân giữa hai người có một cô con gái.

Dù sao chăng nữa, những ngày Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu

sắp kết thúc. Trong khi ông đang vật lộn để thổi bùng ngọn lửa bất bình ở Việt Nam, tình hình ở Trung Hoa cũng chuyển biến nhanh chóng. Trong vài năm, Đảng cộng sản Trung Quốc đã hợp tác một cách không thoải mái với Quốc Dân Đảng của Tôn Dật Tiên ở các tỉnh phía nam Trung Hoa. Liên minh này được duy trì chủ yếu do sức ép cá nhân của ông Tôn và mối quan hệ công việc của ông với cố vấn của Cộng sản Quốc tế Mikhail Borodin. Nhưng ông Tôn chết vì ung thư gan tháng 2-1925, trong khi ở Bắc Kinh cuộc đàm phán với viên tư lệnh cát cứ Phùng Ngọc Tường, và sau một hồi đấu tranh quyền lực, Tưởng Giới Thạch, cố vấn quân sự của Tôn Dật Tiên và là tư lệnh của Học viện Quân sự Hoàng Phố, đã kế nghiệp ông. Vì các lý do chiến thuật, Tưởng tạm thời vẫn duy trì liên minh với Đảng cộng sản Trung Quốc, bất chấp thái độ chống cộng đang gia tăng trong phái bảo thủ. Tuy nhiên, bản thân Tưởng cũng nghi ngờ những người cộng sản. Có thể do chuyến thăm của ông ta tới Liên Xô năm 1923, ông ta đã có ý thức được các mục tiêu lâu dài của Moscow sử dụng liên minh với đảng rồi sau đó vứt bỏ. Ngày 12-4-1927, giữa cuộc Bắc Phạt chống lại chính phủ của các tư lệnh lãnh chúa ở miền Trung và miền Bắc Trung Hoa do cả hai bên tiến hành, liên minh này tan vỡ. Khi phái tả của Quốc Dân Đảng kêu gọi loại bỏ Tưởng Giới Thạch, ông ta đã ra lệnh thảm sát hàng ngàn người cộng sản và những người ủng hộ ở Thượng Hải, thành phố lớn nhất của Trung Hoa, khi quân đội của ông ta được phái tới đó.

Hành động của Tưởng lập tức được tái diễn ở Quảng Châu. Ngày hôm sau, các đơn vị quân đội do tư lệnh dân tộc chủ nghĩa Lý Tế Thâm vây ráp hai nghìn người tình nghi cộng sản trên toàn bộ tỉnh Quảng Đông. Học Viện Quân sự Hoàng Phố bị chiếm, hàng trăm người bị tình nghi là phái tả, trong đó có các học viên Việt Nam thuộc Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đã bị bao vây và

bị bắn. Trương Đại Lợi, bạn của Nguyễn Ái Quốc, là một trong số các nạn nhân. Khi quân đội của Lý Tế Thâm bao vây các ngôi nhà của các quan chức làm việc tại Toà lãnh sự Xô viết, Mikhail Borodin và một vài cố vấn của ông đã chuyển đến Vũ Hán, nơi chính phủ Quảng Châu đã chuyển đại bản doanh vào mùa đông trước.

Thoạt đầu, giới chức Pháp tưởng Nguyễn Ái Quốc theo Borodin và tuỳ tùng của ông ta đã đến miền trung Trung Hoa. Nhưng thực ra Nguyễn Ái Quốc vẫn ở lại Quảng Châu vì tin rằng mình là người Việt Nam có quan hệ tốt với nhiều quan chức Quốc Dân Đảng sẽ không bị bắt. Để bảo đảm an toàn, ông đã ẩn náu tại một địa điểm bí mật và kiếm sống bằng cách bán báo. Nhưng vào khoảng cuối tháng 4 hoặc đầu tháng 5-1927, ông đã được Trương Văn Lệnh, một trong các đồng sự gần gũi của Tâm Tâm Xã, làm việc cho lực lượng bảo vệ thành phố địa phương, cho biết ông có thể bị bắt. Ông Lệnh đã khuyên Quốc trốn khỏi Quảng Châu càng sớm càng tốt.

Mỉa mai thay, chính một người mà Nguyễn Ái Quốc cho là đồng minh trong cộng đồng Việt Nam lưu vong đã báo cho cảnh sát Lý Tế Thâm biết ông là cộng sản. Kể từ khi đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã tìm cách thiết lập mối quan hệ hợp tác với Nguyễn Hải Thần và các cựu binh khác thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng của Phan Bội Châu. Ông Nguyễn Hải Thần là bạn thân của Lâm Đức Thụ và đã từng sống tại nhà ông ta. Vào mùa thu năm 1926, quan hệ của Nguyễn Ái Quốc với ông Thần đã trở nên căng thẳng bởi ông này ngày càng chỉ trích xu hướng cộng sản của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Nguyễn Ái Quốc cũng giận dữ trước các nỗ lực của ông Thần làm suy yếu hoặc thu hút tổ chức của mình. Cuối năm 1926, Trương Bội Công, một trong các thành viên lãnh đạo của Quốc Dân Đảng từ Bắc Kinh đến Quảng Châu để thúc đẩy

Nguyễn Hải Thần thành lập một đảng chính trị mới tập trung vào độc lập dân tộc và chống lại ảnh hưởng của Hội. Hố ngăn cách giữa hai nhóm Việt Nam trở nên rộng thêm và người ta cho rằng chính Nguyễn Hải Thần đã báo cho chính quyền Trung Hoa về sự có mặt của Nguyễn Ái Quốc vào đầu tháng 5-1927.

Điều kỳ lạ, chính Lâm Đức Thụ, dù là người thông báo thường xuyên về các hoạt động của Hội cho mật thám, nhưng chưa bao giờ phản bội Nguyễn Ái Quốc cho người Pháp, có lẽ vì sợ vai trò làm nhân viên mật thám bị tiết lộ. Tuy nhiên, ông ta đã dàn xếp để chụp ảnh các thành viên của Hội. Một lần, ông ta đã trao những bức ảnh này cho lãnh sự Pháp. Những bức ảnh này, (hiện đang nằm trong hồ sơ lưu trữ của Pháp), rõ ràng đã giúp chính quyền thuộc địa nhận diện các cộng sự của Nguyễn Ái Quốc. Sự bất cẩn của Nguyễn Ái Quốc trong việc để cho những bức ảnh như thế được chụp và sự tin cẩn vào Lâm Đức Thụ sau này đã bị một số cộng sự phê phán mạnh mẽ.

Ngày 5-5-1927, Nguyễn Ái Quốc rời nơi cư trú bí mật của mình lên tàu hỏa đi Hồng Công, bỏ lại người vợ ở Quảng Châu. Cùng ngày, nơi cư trú của ông bị các quan chức Trung Hoa khám xét. Một lần nữa, ông lại lên đường.

# CHƯƠNG

## THẦN BẢO KIẾM

Nhìn qua cửa sổ toa tàu hỏa trên đường tới Hong Kong, Nguyễn Ái Quốc ngắm những tia nắng ban mai chiếu trên cánh đồng lúa xanh mơn mởn, những cảm giác thú vị cùng với tình thế thực tại xen lẫn trong lòng ông. Kết quả đã đạt được sau hai năm làm việc vừa qua ở Quảng Châu khiến ông cảm thấy rất hài lòng. Ông đã xây dựng nền tảng vững chắc cho một Đảng cộng sản tương lai ở Đông Dương, huấn luyện gần một trăm chiến sĩ trung kiên, một số chuẩn bị trở về ba miền Việt Nam để xây dựng mạng lưới cách mạng. Tuy nhiên, cuộc tấn công phủ đầu của Tưởng Giới Thạch vào Đảng cộng sản Trung Quốc ở Quảng Châu là một đòn khốc liệt giáng xuống một tổ chức non trẻ. Sự tiếp tục hoạt động của Hội Thanh niên Cách mạng ở nam Trung Hoa trở nên khó khăn, trụ sở của Hội phải di chuyển. Bản thân ông cũng đang phải lao vào cuộc hành trình tới một nơi xa lạ và mối liên lạc với các đồng sự có thể gặp khó khăn trong nhiều năm nữa.

Nguyễn Ái Quốc, (với tên Lý Thuỵ), ban đầu hy vọng trú chân ở Hong Kong, thuộc địa Anh, trong một thời kỳ dài để duy trì mối liên lạc với những thành viên khác của hội và tìm địa điểm mới làm trụ sở. Nhưng chính quyền địa phương nghi ngờ những bài báo ông viết, ra lệnh phải rời khỏi Hong Kong trong vòng hai mươi

bốn giờ. Hôm sau, ông đáp tàu thuỷ tới Thượng Hải. Thành phố thương mại lớn này đang quằn quại vì bị *"khủng bố trắng"* do Tưởng Giới Thạch tiến hành tháng trước chống lại những người cộng sản trong vùng. Để tránh bị phát hiện, Nguyễn Ái Quốc thuê phòng trong khách sạn sang trọng, ăn mặc ra dáng một người giàu có. Nhưng tiền quỹ cạn nhanh quá, ông đành phải đáp tầu thuỷ tới Vladivostok.

Tại Vladivostok, đại bản doanh những hoạt động cách mạng Xô viết ở Viễn Đông vẫn hoạt động, Nguyễn Ái Quốc gặp bạn cũ - Jacques Doriot - ngôi sao trẻ mới nổi của Đảng cộng sản Pháp. Ông cũng tình cờ gặp Grigory Voitinsky, đặc vụ Quốc tế Cộng sản, đang thúc đẩy việc hình thành phong trào cộng sản ở Trung Hoa. Doriot muốn Quốc trở lại châu Âu rồi sau đó tới Xiêm để xây dựng lại phong trào ở Đông Dương với sự giúp đỡ của Đảng cộng sản Pháp và những thành viên tích cực của hội đang hoạt động. Nhưng Voitinsky lại đề nghị ông quay lại Thượng Hải làm việc với những binh sĩ Việt Nam đang đồn trú ở tô giới Pháp tại thành phố này.

Nguyễn Ái Quốc khiêm tốn lắng nghe ý kiến Voitinsky, nhưng ông tán thành dự kiến của Doriot hơn. Thực vậy, trước khi rời Quảng Châu, ông đúc kết, chỉ có hai sự lựa chọn: ở lại Trung Hoa với nguy cơ bị bắt, hoặc tới Xiêm để nối lại liên lạc với phong trào ở nước láng giềng của Đông Dương. Ông đáp tàu hoả tới Moscow vào đầu tháng Sáu. Tại đây, ông gửi thư cho Văn phòng Viễn Đông yêu cầu cho chuyến đi chính thức, viện lẽ tới Xiêm thích hợp hơn quay trở lại Trung Hoa. Ông biện luận, nhiệm vụ quan trọng nhất là củng cố phong trào ở Đông Dương, nơi những sự kiện mới đây ở Trung Hoa gây nên sự hoang mang, thất vọng. Quốc cảm thấy bản thân có thể gây ảnh hưởng tới những sự kiện ở Đông Dương có hiệu quả hơn khi ông có mặt ở Xiêm hơn là ở Thượng Hải.

Nguyễn Ái Quốc gửi tới Văn phòng Viễn Đông lời đề nghị cung cấp ngân quỹ cho chuyến tới Xiêm, từ đó tiếp tục tới Đông Dương để có *"một thời gian cư trú dài khoảng hai năm đánh giá tình hình thuộc địa này"*. Trong khi chờ Quốc tế Cộng sản trả lời, ông tạm trú tại trụ sở Quốc tế Cộng sản. Trong thời gian rảnh rỗi ông viết bài đăng trên tờ Thư Tín Quốc tế (Inprecor) về tình hình Đông Dương. Sau khi nghỉ an dưỡng tại Eppatoria, gần Krym, Hắc Hải để trị bệnh, Trường Stalin yêu cầu ông xây dựng một khoa riêng dành cho học viên Việt Nam mà ông đã thu xếp đưa họ đến từ Quảng Châu trước đây. Trong số ba người đang có mặt ở Moscow lúc ấy, có Trần Phú, một chiến sĩ trẻ đầy nhiệt huyết với nét mặt thanh tú, quê Quảng Ngãi, con trai của nhân viên toà án. Trần Phú đã học Trường Quốc Học Huế, gia nhập chi bộ Quốc Dân Đảng ở Trung Kỳ. Được các đồng chí của mình cử tới Quảng Châu thương lượng với Nguyễn Ái Quốc nhằm tạo ra một liên minh, Trần Phú đã quyết định gia nhập Hội, được cử đến Moscow năm 1927. Ông gây được ấn tượng rất nhanh do học vấn và lòng hăng say công việc.

Tháng 11-1927, Quốc tế Cộng sản trả lời Nguyễn Ái Quốc về yêu cầu cho chuyến đi. Thay cho việc tới Xiêm, ông được cử đến Paris để trợ giúp Đảng cộng sản Pháp soạn thảo chương trình hành động có hiệu quả để xây dựng phong trào cách mạng ở Đông Dương, không chỉ trong hàng ngũ Việt Kiều ở Pháp mà còn xây dựng căn cứ ở Xiêm hoặc một nơi khác trong khu vực. Tuy nhiên, họ chẳng hề nhắc tới tiền nong cho chuyến đi sắp tới của ông trở lại châu Á.

Trên đường tới Pháp, Quốc dừng chân ít ngày ở Berlin, giúp các đồng chí người Đức lập Phân hội phản đế mới, một tổ chức bao trùm cho những hoạt động của Liên Xô ở nước ngoài. Sau đó, ông dùng tên giả đi Paris để báo cáo với Trụ sở Đảng cộng sản Pháp ở Montmartre. Đảng cộng sản Pháp cũng không giao công việc hoặc

tiền bạc khiến ông không hài lòng. Trong bức thư gửi một đồng nghiệp ở Moscow vào tháng Năm, ông bày tỏ sự thất vọng việc Đảng cộng sản Pháp không thực hiện vấn đề thuộc địa. Tuy vậy ông thừa nhận Đảng cộng sản Pháp cũng có đôi chút quan tâm đối với vấn đề thuộc địa, nhưng phàn nàn, phần lớn những tiến bộ chỉ trên giấy. Để làm rõ thêm, ông kể lại kinh nghiệm bản thân:

*"Trong khi tôi mất một tháng rưỡi ở Paris, còn Doriot lại đang trong tù. Tôi không có cơ hội gặp gỡ trao đổi với những người khác. Tôi thường xuyên yêu cầu xin một địa chỉ để có thể gặp họ sau khi tôi trở lại Viễn Đông, nhưng họ từ chối. Họ nói, Uỷ Ban Thuộc địa có một ngân quỹ riêng dành cho những hoạt động thuộc địa, nhưng tôi biết ngân quỹ này rỗng tuếch. Theo tôi, vấn đề tài chính của Uỷ Ban Thuộc địa nên được kiểm soát và thường xuyên báo cáo cho các đồng chí khác về hoạt động và kế hoạch của nó. Trong tương lai, cần phải tổ chức một cách hiệu quả để sao tôi có thể liên lạc với nhân dân chúng tôi ở Đông Dương".*

Nguyễn Ái Quốc dự định ở lại Pháp cho tới khi nhận được tiền để trở về châu Á, nhưng người quen cảnh báo, mật thám đã nghe tin đồn ông trở lại Pháp, họ đang nỗ lực tìm kiếm. Đầu tháng Mười Hai, ông tới Brussels tham dự cuộc họp ban chấp hành Hội Phản đế. Không thấy có tài liệu nào nhắc tới việc ông phát biểu tại hội nghị hay không, nhưng ông đã có dịp làm quen với một số đại biểu tại hội nghị này, gồm Sukarno - người theo chủ nghĩa quốc gia Indonesia, Motilal Nehru, (cha của thủ tướng Ấn Độ sau này Jawaharlal Nehru) và quả phụ Tôn Dật Tiên - Tống Khánh Linh. Ông nối lại tình bạn với Katayama Sen - người cộng sản Nhật Bản - quen biết ở Paris và Moscow. Bà Tống Khánh Linh là trường hợp đặc biệt, sau này đã chứng tỏ vai quan trọng của bà đối với ông trong thời điểm quyết định không xa.

Sau khi hội nghị kết thúc vào giữa tháng Mười Hai, Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp ít ngày rồi đi tầu hỏa tới Berlin. Khi đến Berlin, ông viết một bức thư cho Thomas Dombal ở Moscow, hy vọng trở lại Đông Dương sau hai hoặc ba tuần lễ và đề nghị Hội Nông Dân Quốc tế tài trợ chuyến đi và cho ông kế hoạch hành động trong tương lai. Thư đáp của Dombal, đầu tháng Giêng mới chuyển tới, không đả động gì tới lời đề nghị giúp đỡ của Quốc. Dombal biết ông không có khái niệm rõ ràng về tình hình Đông Dương, nên ông đề nghị Quốc trước hết nên chú tâm vào nhiệm vụ vận động nông dân ở những tỉnh cả hai bên nằm dọc biên giới Trung Hoa, tổ chức những đoàn thể nông dân, tiến hành tuyên truyền, nhưng cũng chẳng đếm xỉa đến chuyện trợ giúp tiền bạc.

Trong khoảng thời gian vài tháng sau, Nguyễn Ái Quốc nằm ở Berlin chờ câu trả lời dứt khoát về đề nghị của mình. Để hạn chế chi tiêu tối thiểu, ông sống chung với một đảng viên Đảng cộng sản Đức. Ông viết những bài báo theo những chủ đề khác nhau, từ phong trào Xô viết “Hải Lục Phong” của Bành Bái ở tỉnh Quảng Châu, đặt kế hoạch viết loạt bài sưu tập những kinh nghiệm công tác trong phong trào nông dân ở Trung Hoa. Trong một bức thư viết cho một đồng chí ở Moscow, Quốc ước tính cuốn sách dày khoảng 120 trang và chia thành năm phần riêng biệt. Tuy nhiên, đến tháng Tư, tiền túi đã cạn, ông hết kiên nhẫn đành gửi một thư ngắn cho Văn phòng Viễn Đông báo cáo tình trạng của mình. Thư viết dài dòng, lộn xộn, nhưng cảm động:

*Công tác ở Pháp không xong, sống ở Đức thì vô tích sự, nhưng xứ Đông Dương lại rất cần, vì thế tôi nhiều lần đề nghị được trở lại đó. Trong những thư gửi các đồng chí, tôi đã sẵn sàng miễn giảm một ngân khoản cho chuyến di chuyển và công tác phí. Khi Doriot ghé qua Berlin, đã hứa lưu ý đến tình trạng của tôi. Tôi nói với Doriot liệu còn ngân sách hoạt động không, đề nghị cấp ít tiền để tôi có thể rời khỏi đây,*

*hơn một năm nay tôi đã lang bạc hết nước này sang nước khác trong khi có nhiều việc cần phải làm ở Đông Dương. Nhưng cho tới bây giờ, tôi chưa nhận được chỉ thị từ các đồng chí hoặc câu trả lời từ Doriot. Hiện nay tôi đang trong tình thế khó khăn:*

*1) Chờ đợi vô hạn (chờ chỉ thị đã bốn tháng),*

*2) Chẳng có gì để sống, vì thế tôi đã đề nghị MOPRE, (cơ quan thuộc Quốc tế Cộng sản có nhiệm vụ giúp đỡ các đồng chí cách mạng), nhưng họ trả lời, chỉ có thể giúp tôi một khoản hạn chế, tám Marks một tuần (số tiền này chẳng đủ sống…). Đề nghị gửi cho tôi càng sớm càng tốt bản hướng dẫn chi tiết tôi phải làm gì và khi nào tôi có thể rời khỏi đây.*

Cuối cùng, hai tuần sau, ông nhận được một bức thư từ Moscow cho phép ông trở về Đông Dương, với khoản tiền cho chuyến đi và chi phí ăn ở trong 3 tháng do Đảng cộng sản Pháp đài thọ. Vào giữa tháng Năm ông viết cho Văn phòng Viễn Đông, đã được phép ra đi và sẽ lên đường vào cuối tháng.

Đầu tháng Sáu, Nguyễn Ái Quốc rời Berlin, đáp tàu hoả qua Thuỵ Sĩ tới Ý. Nhiều năm sau, ông hồi tưởng lại chuyến đi:

*Khi (tôi) xin phép qua Italy, chính quyền phát - xít đưa ra nhiều câu hỏi phức tạp. Tại cửa khẩu, lính biên phòng nhìn vào cuốn sổ "Danh sách Chống Cộng sản Quốc tế" dày hai nghìn trang, ghi tên những người cách mạng trên toàn thế giới từ A đến Z. Họ không thấy tên, thế là họ cho tôi qua.*

Qua Milan, ông tiếp tục tới Rome, ở đó ông bị đưa đến một đồn cảnh sát và bị tra khảo. Theo chính lời ông kể - đã bị đánh gần như bất tỉnh. Sau đấy, viên phụ trách thẩm vấn bắt tay ông và mời ông một điếu thuốc lá, rồi lại tiếp tục hỏi cung. Sau này Nguyễn Ái Quốc cảnh báo bạn đọc rằng nếu thiếu kinh nghiệm có thể rơi vào cái bẫy của bọn tư bản. Sau khi được thả, ông tiếp tục tới Naples,

đáp tàu thuỷ Nhật Bản đến Xiêm vào cuối tháng Sáu.

Nguyễn Ái Quốc tới Bangkok khoảng tháng 7-1928. Do Xiêm không phải là thuộc địa châu Âu và xã hội tương đối ổn định, chính phủ chấp nhận hoạt động của người nước ngoài tương đối dễ dàng, thậm chí cho cả nhà cách mạng tai tiếng Nguyễn Ái Quốc. Vương quốc này cũng có một lượng Việt Kiều đáng kể, phần đông sống ở vùng đồng bằng và cao nguyên Khorat khô ráo ở tây bắc. Điều này đã giúp Nguyễn Ái Quốc đi lại tự do không phải giữ ý quá đáng. Tại vùng đông bắc, hội viên Hội Thanh niên Cách mạng, theo chỉ thị của ông, đã thành lập một chi nhánh địa phương hoạt động trong cộng đồng Việt Kiều. Đặc biệt, chỉ cần đi bộ hai tuần từ đông bắc Xiêm vượt qua những dẫy núi ở Trung Kỳ là tới Trung Bộ Việt Nam.

Những người Việt Nam chống Pháp đã sử dụng khu vực này làm nơi ẩn náu nhiều năm qua. Phần đông trong số hơn hai mươi nghìn người Việt Nam đang sống ở Xiêm khi đó đã di cư trong thế kỷ này. Nhiều người đã ủng hộ phong trào Cần Vương và phong trào chống pháp của Phan Bội Châu. Sau khi một số cộng sự của ông định cư ở đó, Phan Bội Châu đã tới thăm Bangkok năm 1908 và đề nghị Chính phủ Hoàng gia cho phép họ làm nông trại. Nhiều quan chức Xiêm không ưa người Pháp và có thiện cảm với sự nghiệp của Việt Nam nên họ tán thành yêu cầu của ông và một nông trại Việt Kiều được lập ra tại Phichit, thung lũng Chao Phraya phía bắc Bangkok. Vài năm sau, Quang Phục Hội của Phan Bội Châu lập một văn phòng chi nhánh Hội ở Xiêm. Một số người Việt Nam cấp tiến - kể cả những hội viên tương lai như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn và Phạm Hồng Thái - cũng ghé qua xứ này trên đường tới Trung Hoa. Sau khi từ Moscow tới Quảng Châu năm 1924, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch thành lập một cơ sở của Hội Thanh niên Cách mạng tại xứ này. Năm 1925, Hồ

Tùng Mậu được cử để lập bốn chi bộ ở Phichit và trong cộng đồng Việt Kiều tại Nakhon Phanom, Udon Thani và Sakon Nakhon ở vùng đông bắc. Nơi nào cộng đồng Việt Kiều được tổ chức tốt, người ta thành lập hợp tác xã để tiến hành cày cấy và sản xuất hàng hoá thông dụng.

Tháng 8-1928, một người Việt Nam ăn mặc theo lối dân địa phương, tự xưng Thầu Chín (ông Chín) - tới huyện Bandong, tỉnh Phichit, cách Bangkok hai trăm dặm về phía bắc. Làng này có khoảng trên hai chục gia đình Việt Kiều, đã thành lập một chi bộ của Hội năm 1926. Thầu Chín lưu trú trong làng chừng hai tuần lễ, thăm từng gia đình và kể cho họ nghe về tình hình thế giới và tình hình ở Đông Dương.

Vào tháng Chín, khi biết chắc cộng đồng Việt Kiều ở đây ít ỏi, không thể thành lập được cơ sở hoạt động, Nguyễn Ái Quốc, (Thầu Chín), rời Bandong tới Udon Thani nằm ở đông bắc Xiêm. Chuyến đi kéo dài mười lăm ngày gồm mười ngày trèo đèo lội suối dọc theo đường rừng. Những người đi chia thành nhóm nhỏ, tự mang thực phẩm dự trữ cũng như hành lý. Thoạt đầu, Thầu Chín gặp rất nhiều khó khăn, tụt lại sau những người khác, chân trầy da và miệng thở hổn hển. Nhưng vẫn quyết tâm, kết thúc chuyến đi ông đã thể hiện tinh thần bất khuất, kiên cường mỗi ngày đi bộ được bẩy mươi cây số.

Thị trấn Udon rộng hơn Bandong và cộng đồng Việt Kiều đông hơn, đường thông tin thuận lợi nối với những trung tâm thành thị ở cao nguyên Khorat. Vì thế, chi bộ của Hội được thành lập năm 1926 trở thành đại bản doanh cho tất cả hoạt động của Hội tại Xiêm. Dưới tên Thầu Chín, (rất ít người trong cộng đồng Việt Kiều biết tên thật của ông), Quốc hướng dẫn các cộng sự mở rộng tổ chức, xây dựng cơ sở quần chúng cho Hội bằng cách lôi cuốn nhân

dân địa phương, trừ những thanh niên cực đoan.

Nguyễn Ái Quốc ở lại Udon vài tháng, giúp thay đổi thói quen làm việc và cuộc sống của cộng đồng Việt kiều. Phần đông Việt Kiều ở tây bắc Xiêm là người buôn bán hoặc thợ thủ công không quen làm công việc tay chân nặng nhọc. Một số Việt Kiều có mối quan hệ với dân địa phương hoặc ngại học tiếng Thái. Quốc nỗ lực thay đổi những thói quen này, nhằm tạo ra một hình mẫu để lôi kéo hàng ngũ lao động chân tay. Khi nhà cầm quyền lập ra một trường học, ông đã tham gia việc chở gạch. Buổi sáng, ông nói chuyện với dân làng về những sự kiện trên thế giới và Đông Dương. Cộng đồng Việt Kiều ở đây dần dần cải thiện mối quan hệ với dân chúng người Thái bằng cách đào giếng, trồng cây và xây dựng những trường học. Bản thân Quốc cũng ra sức học tiếng Thái bằng cách mỗi ngày học mười từ, ông lập những trường học để Việt Kiều học tiếng Thái và hiểu được tập quán của dân địa phương. Ông làm cho đồng bào yêu nước của ông tin rằng nhân dân Xiêm có thiện cảm với cuộc đấu tranh ở Đông Dương, vì Xiêm vừa thoát khỏi thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập nhờ lòng khoan dung của chính quyền thực dân tại xứ này.

Nguyễn Ái Quốc cũng bắt đầu từng bước nâng dần nhận thức chính trị của Việt Kiều bằng cách làm thơ và viết kịch nói lên nỗi thống khổ của dân Việt Nam bị mất độc lập vào tay người Pháp. Thông qua vỏ bọc Hội Ái Hữu thành lập ở đây, ông thường xuyên đi lại, xây dựng những chi bộ mới của Hội từ Mukdahan ở miền đông cho tới Nong Khai, chỉ cần vượt qua sông Mekong sang tới thủ đô Vientiane của chính phủ Lào. Để nâng cao công tác tuyên truyền của Hội, ông chỉnh đốn báo Đồng Thanh - tờ báo tiếng Việt của Việt Kiều địa phương, đổi tên thành Ái Hữu, cách viết giản dị để báo dễ hiểu đối với bạn đọc địa phương.

Đầu năm 1929, Nguyễn Ái Quốc tới Sakon Nakhon, nơi có số Việt Kiều đông hơn ở Udon. Tuy vậy, theo hồi ức của những hội viên sinh sống ở vùng này, Việt Kiều ở Sakon Nakhon thiếu hiểu biết về chính trị hơn ở Udon. Nhiều người theo đạo Thiên Chúa, những người khác theo đạo Phật hoặc ngưỡng mộ tinh thần người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo. Nhận thấy nhiều người thường đến đền chùa địa phương cúng bái để chữa khỏi bệnh, Quốc giới thiệu về y học hiện đại, mời bác sĩ tới thăm vùng này. Tuy vậy, ông không hối tiếc việc lợi dụng tín ngưỡng vào mục đích của chính ông, viết những vần thơ cho một bài hát ca ngợi Trần Hưng Đạo:

*Cúi đầu lễ tạ thần linh*

*Trước Diên Hồng Điện chứng minh lòng thành*

*Chúng con dân Việt đồng thanh*

*Một lòng vì nước vì dân diệt thù*

*Xương tan thịt nát mặc dù*

*Quyết tâm đánh giặc đuổi thù khôn nguôi*

*Non sông gấm vóc đất trời*

*Việt Nam mãi mãi của người Việt Nam.*

Nhà cầm quyền Pháp vẫn không tìm được tung tích Nguyễn Ái Quốc suốt hai năm kể từ khi ông rời Quảng Châu vào tháng 5-1927. Tuy nhiên, có tin đồn ông đang ở Moscow, như vậy mật thám chỉ biết ông đã từng ở Paris một thời gian ngắn cuối năm 1927. Nhưng họ mất dấu vết ngay sau khi ông rời Brussels vào tháng 12-1927. Trong khoảng thời gian 1928 và 1929, họ nghe tin đồn có một người lạ mặt đang lang thang qua những làng Việt Kiều ở miền đông nước Xiêm và nghi ngờ đó là Nguyễn Ái Quốc. Quốc phải rất thận trọng trong hoạt động, vì cả người Pháp lẫn

triều đình ở Huế đều đang truy lùng. Ngày 10- 10-1929, phiên toà ở Vinh kết án tử hình vắng mặt ông với tội danh xúi giục nổi loạn ở Trung Kỳ. Trong hồi ký, Quốc viết, người Pháp biết ông đang ở Xiêm, nhưng không biết chính xác chỗ nào vì thế họ cử cảnh sát dò tìm. Có lần bị truy đuổi gắt gao, ông phải trốn trong ngôi chùa, cạo trọc đầu để cải trang.

Trong khi Nguyễn Ái Quốc trên đường đến Xiêm, các cộng sự của ông ở nam Trung Hoa cố gắng duy trì hoạt động của Hội Thanh niên Cách mạng. Đa số thành viên của tổ chức này đã bị bắt, nhưng được thả ngay sau đó và cố gắng trở lại hoạt động ở Quảng Châu dưới sự lãnh đạo của Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu. Tuy nhiên, họ phải di chuyển trụ sở đến ngõ nhỏ gần phố Dân Sinh, sát Đại Đông Môn, chỗ ban đầu của Viện Huấn luyện. Tháng 12-1927, những đảng viên cực đoan của Đảng cộng sản Trung Quốc lại tiến hành một cuộc nổi dậy mới ở thành phố. Có một số hội viên tham gia bị quân đội Quốc Dân Đảng sát hại khi quân chính phủ đập tan cuộc nổi dậy. Lê Hồng Sơn và một số người bị bắt, bị mang đi xử về tội lật đổ. Nhưng nhà cầm quyền Quốc Dân Đảng không có bằng chứng, cuối cùng những người bị bắt được thả và bị trục xuất. Trong lúc chờ đợi, Hồ Tùng Mậu đã di chuyển trụ sở Hội tới Hong Kong, tạm thời mất liên lạc với Đảng cộng sản Trung Quốc và Quốc tế Cộng sản ở Moscow.

Dù thoái trào, nhưng đến đầu năm 1928 Hội đã trở thành một cột trụ trong phong trào kháng chiến ở Việt Nam. Tổ chức này mở rộng mạng lưới của mình ở trong nước, tiếp tục thương thảo với những đảng quốc gia không cộng sản để hình thành một mặt trận thống nhất chống lại chế độ thực dân Pháp. Tuy nhiên, những cuộc thương lượng với những nhóm quốc gia khác kéo dài do ngờ vực lẫn nhau, khó khăn nảy sinh do hội kiên quyết yêu cầu tất cả các đảng phái khác phải chấp nhận sự lãnh đạo của hội. Tháng

12-1927, Việt Nam Quốc Dân Đảng được thành lập do những người quốc gia cấp tiến ở Hà Nội. Dù đảng mới này có tên giống với tổ chức lưu vong do Phan Bội Châu lập ra ở Trung Hoa đã suy tàn. Đảng này là phe phái khác, thu hút giới giáo viên, nhà báo trẻ tuổi ở Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ. Sau khi thành lập được vài tháng, Việt Nam Quốc Dân Đảng thương thảo với Hội. Thậm chí có lần Việt Nam Quốc Dân Đảng cử người tới Xiêm hội đàm, nhưng đại diện của Hội không tới chỗ hẹn. Vì hai bên có nhiều khác biệt lớn về ý thức hệ: giới lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng lấy *"chủ nghĩa tam dân"* của Tôn Dật Tiên làm cương lĩnh, không chấp nhận chủ nghĩa Marxist về đấu tranh giai cấp. Khác biệt nữa là về mức độ chiến thuật, giới lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng chủ trương duy trì hoạt động tổ chức của mình ở trong nước. Kết quả, cuộc đấu tranh giữa hai phe nhóm nhanh chóng trở nên khốc liệt.

Ngoại trừ những khó khăn để có được một quan điểm chung với các tổ chức khác chống Pháp ở trong nước, trong nội bộ Hội bắt đầu có sự rạn nứt. Dù Hội đã nhanh chóng trở thành lực lượng năng động nhất trong phong trào dân tộc chủ nghĩa Việt Nam, thu hút nhiều hội viên mới từ khắp ba miền Việt Nam cũng như Việt Kiều hải ngoại, nhưng có sự bất hòa trong nội bộ. Hội được xây dựng theo hai xu hướng cạnh tranh nhau, được Nguyễn Ái Quốc - người sáng lập, đã khôn khéo sắp đặt. Dù khát khao độc lập dân tộc, giới lãnh đạo Hội do Nguyễn Ái Quốc cầm cương, lại tận tâm phục vụ cho mục tiêu quốc tế của chủ nghĩa Marx - Lenin. Theo quan điểm Marxist, mâu thuẫn cơ bản trong thế giới hiện đại là sự bất bình đẳng giai cấp trong xã hội, giữa nhân dân bị áp bức và những kẻ bóc lột. Song tuyên truyền của Hội lại tập trung vào vấn đề độc lập dân tộc, thực tế do nhiều hội viên cựu trào của Hội đã từ những đảng phái dân tộc chủ nghĩa khác chuyển sang.

Nguyện vọng của Nguyễn Ái Quốc phù hợp với Luận Cương của

Lenin kết hợp song song hai vấn đề chủ nghĩa dân tộc và đấu tranh giai cấp trong hoàn cảnh Đông Dương, tiếp tục thể hiện trong ban lãnh đạo ngay sau khi ông rời Quảng Đông vào mùa xuân 1927. Một số đàn em của ông, chẳng hạn Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn - cựu trào của Tâm Tâm Xã, trở thành những người Marxist, trong khi những người khác, như vị cựu trào dân tộc chủ nghĩa Lâm Đức Thụ lại không phải như vậy. Sự đổ vỡ này tăng lên thấy rõ vào mùa xuân 1928, khi Hội tổ chức một cuộc họp không chính thức tại nhà Lâm Đức Thụ ở Hong Kong. Tại cuộc họp, Thụ chiếm quyền lãnh đạo Hội và ra sức hô hào chủ nghĩa dân tộc đánh bại cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Suốt ba năm đầu kể từ ngày Hội ra đời, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa quốc gia và cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra không ngừng. Nhưng sau cuộc họp ở Hong Kong, kết quả sự xung đột đã phá vỡ Hội.

Trước hết, sự bất mãn trong nội bộ nhóm Bắc Kỳ do Trần Văn Cung cầm đầu. Sinh ở Nghệ An, cựu đảng viên Tân Việt Cách mạng Đảng, từng tham gia khởi nghĩa Quảng Châu tháng 12-1927, từng ngồi tù ở Trung Hoa. Trần Văn Cung dự cuộc họp tại nhà Lâm Đức Thụ ở Hong Kong, hết sức buồn nản về ý thức hệ non kém trong đường lối do giới lãnh đạo mới đề ra. Ông không tin có thể bàn về độc lập dân tộc, về lòng yêu nước và hy vọng tranh thủ được sự ủng hộ của nông dân nghèo và công nhân. Ông thấy phải nhấn mạnh quyền lợi kinh tế thực sự của họ. Luận điểm của Cung không được hội nghị đón nhận. Trên đường về Hà Nội, ông thuyết phục những uỷ viên xứ uỷ Bắc Kỳ theo quan điểm của ông và bắt đầu vạch kế hoạch đối phó.

Một lý do để họ quan tâm là thành phần hội viên tổ chức. Theo quan điểm của Cung, hội chưa tìm cách kết nạp hội viên từ tầng

lớp vô sản của nền công nghiệp tuy nhỏ bé nhưng đang phát triển. Tôn Đức Thắng - người tổ chức hội đoàn công nhân - là một trường hợp ngoại lệ. Sau khi làm thợ máy trong hải quân Pháp Thế chiến I, ông trở lại Đông Dương xây dựng một công đoàn trong đám công nhân đóng tàu tại Sài Gòn và một vài công đoàn "đỏ" được thành lập trong những nhà máy ở nhiều thành phố nằm ở Trung Kỳ. Tuy nhiên, rất ít công nhân được kết nạp vào công đoàn. Việc kếp nạp hội viên tiếp tục dựa vào điều kiện trước tiên là những thành viên tích cực trong đám sinh viên từ Trung Quốc hồi hương - đa số xuất thân từ gia đình Nho giáo - những người này truyền bá sự ủng hộ phong trào trong bạn bè và người thân.

Tương tự, có rất ít những hoạt động của Hội ở nông thôn, mặc dù một số nông hội được thành lập năm 1928. Dù những cuộc bạo động chống Pháp xảy ra ở nông thôn kể từ khi người Pháp xâm lược cuối thế kỷ trước, Hội không có một nỗ lực nào để xây dựng một căn cứ nằm ngoài thành phố. Đa số hội viên của Hội, (mật thám dự đoán 90 phần trăm), xuất thân từ thành phần tiểu tư sản.

Lý do thứ hai Trần Văn Cung và các đồng chí của ông bất đồng do thái độ trì hoãn của lãnh đạo hội thành lập Đảng cộng sản, một quyết định hoàn toàn cần thiết để giữ vững nền tảng tư tưởng của phong trào cách mạng Việt Nam. Trần Văn Cung cho biết, khi ông đứng lên tranh cãi tại cuộc họp tháng 5-1928 ở Hong Kong, Lâm Đức Thụ đã gạt phắt lời ông bằng một câu cụt lủn: "*Chúng ta phải chờ đợi*".

Những bất đồng gay gắt có lẽ bắt đầu xuất hiện trước khi Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản tổ chức ở Moscow mùa hè năm 1928. Đại hội như thế này - Nguyễn Ái Quốc đã tham dự hội nghị đầu tiên năm 1924 - làm tăng thêm khiếu nại với những quyết định Moscow đưa ra đánh dấu sự chuyển hướng cơ bản trong chiến

lược toàn cầu của cộng sản quốc tế. Bị thất vọng trước những sự kiện mới đây ở Trung Hoa, nơi mà khối liên minh Leninist giữa những người theo chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa cộng sản đã kết thúc bằng một cuộc tàn sát đẫm máu các đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc. Do sức ép những vấn đề chính trị trong nước đưa đến đường lối tả khuynh trong đối nội, Josiff Stalin, (lúc này đang bận rộn chống Lev Trotsky để giành quyền lãnh đạo Đảng cộng sản Liên Xô), đã ép các đại biểu dự Hội nghị phải từ bỏ chiến lược mặt trận thống nhất quốc tế mà Đại hội II của Quốc tế Cộng sản đưa ra tám năm trước. Đảng cộng sản ở các nước thuộc địa được chỉ thị phải từ bỏ liên minh với những đảng phái tư sản dân tộc chủ nghĩa ở những nước mà giai cấp tư sản bản xứ đã từ bỏ cách mạng và không còn được tin tưởng là đồng minh của giai cấp vô sản. Hơn nữa, chính bản thân đảng cộng sản cũng phải tự thanh lọc những phần tử tiểu tư sản không tin cậy và phải *"Bolsevich hoá".* Trên thực tế, có nghĩa là đại diện tầng lớp lao động trong tất cả những tổ chức cộng sản phải được tăng lên và những cuộc chỉnh lý Đảng phải bắt đầu loại bỏ những phần tử không trong sạch. Đảng viên xuất thân từ tầng lớp trung lưu phải chịu đựng thử thách quá trình "vô sản hoá" (thường hiểu một cách văn vẻ, mặc quần áo công nhân vào nhà máy làm việc) để tăng thêm nhận thức quan điểm vô sản.

Dưới sức ép của Stalin, Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản tuyên bố sẽ mở ra một làn sóng cách mạng mới, khi sự bất ổn kinh tế ở châu Âu làm tăng suy thoái mới của thế giới. Các tổ chức cộng sản và tiền - cộng sản toàn thế giới được chỉ thị phải làm hết sức, không những tăng khả năng của chính họ để đáp ứng với mức độ bất mãn trong xã hội tăng lên mà còn phải khuyến khích tăng cường nhận thức cách mạng bằng cách khởi xướng đình công, các cuộc biểu tình trong giới công nhân và nông dân nghèo và phải

thành lập các chi bộ đảng trong nhà máy, trường học và nông thôn, tất cả để chuẩn bị cho cách mạng bùng nổ trong tương lai.

Vì chưa phải là một Đảng cộng sản, Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng không có đại diện chính thức tại Đại hội VI, nhưng có ba người Việt Nam tham dự Hội nghị dưới danh nghĩa đại biểu Đảng cộng sản Pháp. Một trong ba người này là Nguyễn Văn Tạo, quê Nghệ An, từng bị đuổi học tại Sài Gòn vì hoạt động tích cực trong thời gian giữa thập niên 1920 và sau đó bí mật sang Pháp. Dự Đại hội với tên An, Nguyễn Văn Tạo đã đọc một bài diễn văn quan trọng. Tạo lý luận, mặc dù một số người cảm thấy Việt Nam chưa sẵn sàng cho một Đảng cộng sản, nhưng thực sự đã có một giai cấp vô sản tuy nhỏ bé nhưng đang phát triển và việc có một Đảng cộng sản là nhu cầu bức thiết, vì giai cấp tư sản địa phương không có khả năng lãnh đạo cách mạng. Trên thực tế, những tổ chức "*cải cách dân tộc chủ nghĩa*" như Đảng Lập Hiến và Đảng An Nam Độc lập do Nguyễn Thế Truyền, (đồng sự một thời của Nguyễn Ái Quốc), lập ra ở Paris là *"hoàn toàn nguy hiểm"* trong cuộc tranh cãi về việc Pháp rút lui hoà bình khỏi Đông Dương. Một tình huống như thế có thể làm giảm sự ủng hộ của dân chúng đối với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thực thụ. Sau khi Đại hội VI kết thúc, Quốc tế Cộng sản gửi một bản hướng dẫn bí mật cho Hội, thông qua Đảng cộng sản Pháp cung cấp thêm những chỉ dẫn cụ thể cho những hoạt động trong tương lai.

Những quyết định của Đại hội VI về tới Việt Nam vào cuối năm làm tăng thêm tranh cãi và nhóm cấp tiến Bắc Kỳ có động lực mạnh mẽ thúc đẩy chuyển đổi Hội thành một Đảng cộng sản. Người lãnh đạo công khai của nhóm là Trần Văn Cung - tự tin bằng kinh nghiệm của mình từng làm công nhân trong nhà máy - cho rằng những khẩu hiệu yêu nước mơ hồ không thuyết phục nổi những công nhân thành thị ủng hộ Hội. Tổ chức này phải nhấn

mạnh những vấn đề quan trọng thiết yếu cho công nhân như đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc tốt hơn, giảm giờ làm việc - để giành sự ủng hộ vững chắc của giới cần lao. Ông cảm thấy điều này lẽ ra được làm mà không cần phải chuyển đổi Hội thành một Đảng cộng sản chính danh.

Sự tranh cãi xảy ra ngay lúc bắt đầu Đại hội chính thức đầu tiên của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Hội họp ở Hong Kong vào tháng 5-1929. Bảy mươi đại biểu tại Hội nghị, đại diện cho 1.200 hội viên gồm 800 ở Bắc Kỳ, 200 ở Trung Kỳ và 200 ở Nam Kỳ. Vừa tới nơi, Trần Văn Cung gặp Lê Hồng Sơn đề nghị giải tán Hội và thay thế bằng một đảng cộng sản. Lê Hồng Sơn không chống bản dự thảo một cách mạnh mẽ. Là hội viên của nhóm cộng sản trong nước của Nguyễn Ái Quốc từ khi Hội mới hình thành, một trong những gương mặt sừng sỏ của phong trào, Sơn chắc chắn tận tâm với việc tất yếu chuyển đổi Hội thành một tổ chức Marxist - Leninist đúng nghĩa. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, Lê Hồng Sơn cảm thấy hội nghị chưa chín mùi để ra một quyết định như thế. Thứ nhất, như ông nói chuyện riêng với Trần Văn Cung, nhiều đại biểu tại hội nghị khá ngây thơ về chính trị hoặc chưa đủ năng lực để trở thành những đảng viên chân chính của đảng mới. Thứ hai, việc hình thành một Đảng cộng sản tại Hội nghị này ở Hong Kong hiển nhiên sẽ thu hút sự chú ý của chính quyền Trung Hoa ở tỉnh Quảng Đông liền kề và sẽ khuyến khích họ tăng thêm biện pháp đàn áp Hội. Lê Hồng Sơn khuyên nên thận trọng, từ từ và kín đáo chuyển hội thành một tổ chức sao cho có thể thực hiện có hiệu quả qua những chỉ thị của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản.

Tuy nhiên, Trần Văn Cung là người cứng đầu, vẫn quyết định đem ra tranh luận tại Hội nghị toàn thể. Khi ông và những đại biểu Bắc Kỳ chính thức đưa dự thảo của họ ra trước khi họp, gặp phải một người chống đối quyết liệt - đó là Lâm Đức Thụ - Chủ tịch

Hội, quyết liệt chống đối việc lập Đảng cộng sản, bác bỏ bản dự thảo ngay lập tức. Trong cơn giận dữ, Trần Văn Cung và tất cả thành viên đoàn đại biểu bỏ Hội nghị, chỉ để một người ở lại, tuyên bố quyết định thành lập đảng mới gồm những hội viên của họ ở Việt Nam. Ngay sau khi trở về Hà Nội, họ thành lập một tổ chức mới mang tên Đông Dương Cộng sản Đảng, bắt đầu cạnh tranh với Hội trong việc thu nạp những thành viên mới, coi Hội chỉ gồm *"những nhà cách mạng giả hiệu",* những người *"chưa bao giờ cố gắng cống hiến cho quần chúng vô sản hoặc trung thành với Quốc tế Cộng sản".*

Trong khi đó, các đại biểu còn lại tại Hội nghị cố gắng giải quyết sự chia rẽ đau buồn. Phần đông đại biểu đồng ý về nguyên tắc với dự thảo của Trần Văn Cung, nhưng không dám phát biểu chống lại đồng sự cựu trào Lâm Đức Thụ. Sau khi những đại biểu Bắc Kỳ bỏ về, Hội nghị dự thảo chương trình hành động và một quyết nghị thành lập Đảng cộng sản Đông Dương. Việc thành lập Đảng cộng sản ở Đông Dương, lúc này chưa chín mùi do sự yếu kém của giai cấp công nhân Việt Nam và sự thiếu hiểu biết về lý luận cách mạng. Sau khi thông qua nghị quyết, các đại biểu chính thức yêu cầu Quốc tế Cộng sản công nhận và kết thúc Hội nghị.

Cuộc tranh luận nhanh chóng chuyển từ chỉ trích sang xuẩn ngốc. Nhiều tháng sau hội nghị, Đông Dương Cộng sản Đảng bắt đầu lôi kéo các hội viên bỏ Hội, ép buộc ban lãnh đạo ở Hong Kong phải tự nhận đã có sai lầm nghiêm trọng về chiến thuật, không ủng hộ Đảng cộng sản trong hàng ngũ hội viên trong nước. Tháng 8-1929, Hồ Tùng Mậu, Lê Quang Đạt được nhà tù Quảng Đông phóng thích, họ trở lại Hong Kong. Được Lê Hồng Sơn tán thành, quyết định lập một đảng cộng sản bí mật riêng nằm trong khuôn khổ Hội - An Nam Cộng sản Đảng, gồm những hội viên tiến bộ nhất của tổ chức. Ban điều hành được trao cho một *"chi nhánh đặc*

*biệt”* gồm Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Quang Đạt và hai người khác. Vì không tin Lâm Đức Thụ, nên ông không được hỏi ý kiến.

Những chi bộ đầu tiên của đảng mới được thành lập ở Nam Kỳ tháng 8-1929, dù với cái tên như thế, An Nam Cộng sản Đảng tích cực tuyển mộ đảng viên khắp nơi. Nhưng rạn nứt nội bộ phong trào vẫn chưa được hàn gắn. Cũng trong tháng Tám, Hồ Tùng Mậu gửi một bức thư cho Trần Văn Cung và giới lãnh đạo Đông Dương Cộng sản Đảng đề nghị đại biểu của cả hai đảng mới thành lập nên gặp nhau ở Quảng Châu thảo luận việc hợp nhất. Nhưng giới lãnh đạo Đông Dương Cộng sản Đảng khinh thường trả lời*”rất bận”* nên không tham dự. Thất vọng, Hồ Tùng Mậu đề nghị Quốc tế Cộng sản tìm cách nào để tạo ra một Đảng cộng sản thống nhất:

*Nếu không chú ý đến việc hình thành một Đảng cộng sản thống nhất ngay lập tức, tôi e rằng chúng tôi sẽ biến thành hai Đảng riêng rẽ, đảng ở Bắc Kỳ và đảng ở Nam Kỳ. Cùng một lúc có hai đảng trong một nước, điều này sẽ khó đạt được sự thống nhất. Giờ đây chúng tôi phải trông cậy vào Quốc tế Cộng sản để giải quyết vấn đề trên như thế nào? Giá như chúng tôi tự giải quyết việc đó thì tốt biết mấy?*

Những đảng viên cấp tiến Đảng Tân Việt ở Trung Kỳ lúc này lại tăng thêm rắc rối bằng một hành động kỳ quặc. Trong một cố gắng tuyệt vọng để bảo vệ chính những người ủng hộ họ, nhiều người đã chạy sang phía đối thủ, họ đã đổi tên tổ chức của mình thành Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Như thế, cùng lúc ba đảng cộng sản ganh đua nhau ở Đông Dương thuộc Pháp cộng thêm Hội, dù gần như tan rã. Lê Hồng Sơn, vẫn còn ở Hong Kong, nghe tin Nguyễn Ái Quốc đang ở Phichit, Xiêm La. Là người sáng lập Hội và là người lãnh đạo có uy tín nhất, Quốc có thể dùng tài thương lượng xuất chúng giải quyết vấn đề này. Không thông báo cho Lâm Đức Thụ, Sơn cử Lê Duy Diễm - cộng sự của ông - tới Xiêm tìm

Nguyễn Ái Quốc và đề nghị Quốc trở về Hong Kong để tháo gỡ mối bòng bong. Diễm lên đường vào cuối tháng 8-1929.

Phản ứng của Moscow trước những sự kiện rối ren xảy ra ở Việt Nam có thể đoán trước được. Ngày 27-10, Moscow gửi một chỉ thị tới giới lãnh đạo An Nam Cộng sản Đảng, nghiêm khắc phê phán việc họ không ngăn cản sự tan rã của những lực lượng cách mạng Việt Nam chia thành ba phái đối lập. Sự yếu kém của một đảng thống nhất tại thời điểm nhiều hứa hẹn này, bản chỉ thị viết, là một nguy hiểm nghiêm trọng đến sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản và là *"hoàn toàn sai lầm"*. Bản chỉ thị của Quốc tế Cộng sản công khai ủng hộ phe Trần Văn Cung ở Hà Nội, khẳng định những điều kiện khách quan cho một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đang có mặt ở Việt Nam và *"sự vắng mặt của một đảng cộng sản giữa thời điểm phát triển của phong trào công nhân và nhân dân đang trở nên hết sức nguy hiểm cho tương lai trước mắt của cách mạng ở Đông Dương"*. Hội bị chỉ trích vì *"tính do dự và sự thờ ơ"* và vì không cố gắng lôi kéo công nhân Việt Nam. Cuối cùng, Moscow kết luận*"nhiệm vụ quan trọng và bức thiết nhất của tất cả những người cộng sản ở Đông Dương là phải hình thành một đảng cách mạng mang đặc tính giai cấp vô sản, đó là Đảng cộng sản ở Đông Dương"*. Để giải quyết tức khắc tình trạng này, bản chỉ thị đề nghị mở hội nghị thống nhất được triệu tập dưới sự điều khiển của đại diện Quốc tế Cộng sản, người được cử tới làm người trung gian hòa giải.

Phản ứng tức thời và mạnh mẽ của Moscow có thể do nhiều sự kiện xảy ra trong thế giới tư bản, nguy cơ cuộc khủng hoảng kinh tế vì ngân hàng ở Áo phá sản, đang tăng lên trong thời gian gần đây. Tin tức về sự sụp đổ bất ngờ thị trường chứng khoán New York lan tới Liên Xô, khiến giới lãnh đạo Xô viết tin rằng sự sụp đổ tài chính của hệ thống tư bản mà họ tiên đoán từ lâu, cuối cùng

cũng sắp xảy ra.

Suốt những tháng cuối năm 1929, ba phái tiếp tục tranh cãi nhau, đồng thời cạnh tranh lôi kéo những người ủng hộ và mạt sát nhau bằng từ “Menshevik” - đối thủ ôn hoà trong nội bộ phong trào cách mạng Nga trước khi nổ ra Cách mạng tháng Mười. Một bức thư của nhóm Cung nói, An Nam Cộng sản Đảng và Hội là những tổ chức phản động, phải bị giải thể và sát nhập với Đông Dương Cộng sản Đảng. Nếu Quốc tế Cộng sản khăng khăng thống nhất phong trào, giới lãnh đạo Đông Dương Cộng sản Đảng sẽ đồng ý làm việc đó, nhưng sẽ vạch ra những khó khăn nảy sinh. Từ Hong Kong, Hồ Tùng Mậu, thay mặt An Nam Cộng sản Đảng, cố xoa dịu đối thủ của mình, tranh luận rằng toàn thể hội viên của Hội mùa xuân 1929 quá hỗn độn và phức tạp nên không thể lập ra Đảng cộng sản. Nhiều hội viên thiếu những phẩm chất cách mạng trong khi đòi hỏi người cộng sản phải tốt, nên việc đề nghị thành lập một đảng cộng sản vào lúc đó là điên rồ. Nếu chỉ đơn giản thành lập một đảng cộng sản bí mật rồi gắn nhãn “Bolsevich”, ông cảnh báo, đó chỉ là hội cũ dưới cái tên mới.

Nhưng Đông Dương Cộng sản Đảng không dễ gì thoả hiệp. Đầu tháng 10-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng lặp lại yêu cầu đòi Hồ Tùng Mậu phải giải tán Hội. Cung và các đồng chí của ông cho biết không có ai tại Hội nghị tháng Năm vừa rồi muốn thành lập một đảng bí mật ngoài họ ra. Bản dự thảo của họ viết,*”để ghi dấu trong lịch sử cách mạng, Hội Thanh niên Cách mạng không phải là tổ chức cộng sản, và để quần chúng thấy rõ sự khác nhau giữa Hội và những người cộng sản thật sự”.* Khi hội nghị bác bỏ dự thảo, họ đã quyết định từ bỏ Hội và thành lập một tổ chức của riêng mình. Với trách nhiệm tìm cách giải quyết đổ vỡ, Cung đề nghị bất cứ cá nhân nào có phẩm chất cách mạng thích đáng có thể gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng, những người khác phải chờ và phải được thử

thách. Ông cũng nói Đông Dương Cộng sản Đảng sẵn lòng cộng tác với Việt Nam Quốc Dân Đảng trên nền tảng tạm thời, nhưng coi nó là một tổ chức chủ nghĩa quốc gia thuần tuý. Sự cộng tác có thể làm được với điều kiện duy nhất, Việt Nam Quốc Dân Đảng không chống đối sự cố gắng của Đông Dương Cộng sản Đảng lôi kéo đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng vào đảng của mình. Khả năng Nguyễn Ái Quốc có thể trở lại Hong Kong lo toan việc thống nhất, *"Nếu Nguyễn Ái Quốc trở lại,"* Cung tuyên bố một cách bí hiểm, *"chúng tôi sẽ theo ông ta giống như theo các anh"*.

Cuối tháng 10-1929, theo đề nghị của Hồ Tùng Mậu, Đông Dương Cộng sản Đảng cử Đỗ Ngọc Dzu làm đại diện, đến Hong Kong gặp giới lãnh đạo An Nam Cộng sản đảng cố gắng giải quyết bất đồng, không cần sự can thiệp từ bên ngoài. Nhưng Dzu, dường như hành động cứng nhắc theo chỉ thị, vẫn khăng khăng việc thống nhất diễn ra chỉ khi nào An Nam Cộng sản Đảng phải giải tán trước, sau đó những đảng viên ấy có thể xin gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng theo từng cá nhân. Chẳng ngạc nhiên, khi đại diện An Nam Cộng sản Đảng bác bỏ đề nghị này.

Trong khi cuộc tranh luận đang tiếp diễn, giới lãnh đạo An Nam Cộng sản Đảng ở Hong Kong mong đợi cuộc đi thăm của viên thanh tra mà Quốc tế Cộng sản đã đề cập trong bức thư ngày 27-10. Họ nhận được thông tin qua thư của một đồng sự ở Moscow, yêu cầu của họ để được công nhận vào Quốc tế Cộng sản sẽ không được chấp thuận chừng nào việc thanh tra chưa hoàn thành. Sự thật Dalburo đã mở một chi nhánh mới ở Thượng Hải, đó là Văn phòng Viễn Đông (Far Eastern Bureau - FEB) vào mùa thu năm 1928, ngay sau đó quyết định hình thành một tổ chức mới chỉ huy những tổ chức cộng sản khác nhau trong khu vực. Tổ chức mới này có tên Liên đoàn Những nhóm Cộng sản Insulinde, có trụ sở đặt tại Singapore. Tất cả những tổ chức cộng sản nào ở châu Á

chưa được tổ chức thành Đảng Quốc gia - những tổ chức non trẻ ở Đông Nam Á, kể cả Đông Dương - phải đặt dưới sự điều khiển của tổ chức này và chính tổ chức này được chỉ đạo trực tiếp từ *"Ban thư ký nhân dân bị áp bức phương Đông"* thuộc Văn phòng Viễn Đông ở Thượng Hải. Hình như, giới lãnh đạo An Nam Cộng sản Đảng cũng nhận thức được kế hoạch này vào khoảng mùa Thu. Thư Hồ Tùng Mậu viết giữa tháng 11 cho biết, một đại diện Trung Quốc, đang trên đường từ Singapore tới Thượng Hải để thảo luận, dừng lại ở Hong Kong ngày 2-11 và đã nói với họ về dự án. Tuy nhiên phía Việt Nam chẳng vui gì về ý tưởng đó. Đảng cộng sản Nam Dương được lập ra ở Singapore giữa thập niên 1920 và xem ra đã chỉ đạo văn phòng khu vực mới thành lập ở đó, gồm chủ yếu Hoa Kiều ở Singapore và dưới sự giám sát chung của trụ sở Đảng cộng sản Trung Quốc ở Thượng Hải. Như thế, theo hiệu lực, phong trào cách mạng Việt Nam có lẽ dưới quyền chỉ đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc. Theo quan điểm của các đồng chí Việt Nam, những người cách mạng Trung Hoa có xu hướng chú trọng riêng vào những đối tượng của chính họ và thường áp đặt quan điểm của họ đối với những hoạt động của các dân tộc khác. Lê Hồng Sơn cử Lê Quang Đạt tới Thượng Hải để tranh luận về trường hợp An Nam Cộng sản Đảng mang danh là một đảng quốc gia trực tiếp dưới quyền Văn phòng Viễn Đông.

Ngày 16-12-1929, Hồ Tùng Mậu và một đồng chí của ông gặp đại diện Quốc tế Cộng sản vừa tới Hong Kong trong chuyến đi thanh tra tất cả những tổ chức cộng sản trong khu vực. Vị đại diện này khuyên Hồ Tùng Mậu, Hội Thanh niên Cách mạng (hoặc người thừa kế là An Nam Cộng sản đảng), Đông Dương Cộng sản Đảng và Liên đoàn Cộng sản Đông Dương chẳng có ai xứng đáng là *"cộng sản"* cả và cũng chẳng được Quốc tế Cộng sản chính thức công nhận. Từ nay cho tới khi thành lập một đảng thống nhất, Đảng

cộng sản Trung Quốc sẽ chỉ đạo tất cả những nhóm Marxist ở Đông Dương.

Tại Xiêm, Nguyễn Ái Quốc đã biết tin rạn nứt trong nội bộ Hội từ hai đại biểu tham dự Hội nghị tháng 5-1929, và tháng 9-1929. Ông viết thư gửi tới giới lãnh đạo mới của Đông Dương Cộng sản Đảng, thẳng thừng tuyên bố, không tin bất cứ ai, trừ những người cộng sản chân chính. Ông cho rằng họ có thể thể hiện những cử chỉ đẹp, muốn được Quốc tế Cộng sản công nhận, ông mời họ cử đại diện tới cuộc họp vào năm 1930 ở Vladivostok. Giới lãnh đạo Đông Dương Cộng sản Đảng, nhận thư này qua một Việt Kiều ở Xiêm và đã đọc to trong một cuộc họp của đảng ở Hà Nội nhưng chẳng đưa ra quyết định gì. Quốc hai lần định về Việt Nam, nhưng không thể qua nổi biên giới do sự kiểm tra ngặt nghèo của cảnh sát. Ông chuẩn bị thử lần thứ ba thì một đồng sự của ông vừa từ Hong Kong về - có thể Lê Duy Diễm - thông báo cho ông biết tình hình khẩn cấp. Quốc ngay lập tức đến Bangkok, đáp tàu thuỷ tới Quảng Châu.

Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu ngày 20-1-1930, sống ở khách sạn, viết thư cho các đồng chí ở Hong Kong, đề nghị gặp ông ở Quảng Châu. Có lẽ, ông sợ cảnh sát Anh canh phòng cẩn mật ở biên giới bắt giam. Tuy nhiên, họ cam đoan với ông họp ở Hong Kong an toàn hơn, vì nhà cầm quyền Anh ở đây tương đối khoan dung những hoạt động của những người nước ngoài cư trú chừng nào họ còn giữ được sự ổn định thuộc địa hoàng gia. Hoàn cảnh sinh sống ở Hong Kong nói chung tốt hơn ở Trung Hoa, người Trung Quốc chiếm đa số ở đây sống hiền lành, cho dù có những cuộc đình công của thợ thuyền đã nổ ra vài lần trong thập niên 1920. Hồ Tùng Mậu cử một người tới Quảng Châu để tháp tùng Quốc trở lại Hong Kong bằng tầu hoả, ông tạm trú tại khách sạn ở Cửu Long.

Vừa đến Hong Kong, Nguyễn Ái Quốc lập tức tới chỗ ở của Lê Hồng Sơn để làm quen với tình hình và thảo luận với Mậu cùng những hội viên khác. Ông phê bình họ không gần gũi quần chúng, không tiên đoán được sự rạn nứt, điều mà ông coi là *"trẻ con"*. Ông cũng liên lạc với Trụ sở Đảng cộng sản Trung Quốc tại đây. Sau đó ông mời đại diện của ba phái đang gầm ghè nhau ở Đông Dương tới Hong Kong để chuẩn bị cho việc sát nhập ba nhóm thành một đảng mới.

Cuối tháng 1-1930, đại diện An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Đảng ở Đông Dương đã tới Hong Kong. Đại biểu của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đã rời Đông Dương bằng tầu thuỷ, nhưng bị bắt trên đường đi do bị tình nghi đánh bạc. Ngày 3-2-1930, hội nghị nhóm họp tại căn nhà nhỏ trong khu lao động ở Cửu Long. Những phiên họp sau này phải chuyển đi chuyển lại tới nhiều địa điểm khác nhau, kể cả trong sân xem bóng đá ở Cửu Long. An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Đảng mỗi bên có hai đại biểu. Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu dự hội nghị với tư cách đại diện của Hội Thanh niên Cách mạng cũ ở Hong Kong.

Những người tham dự cho biết, một thoả thuận đã đạt được dễ dàng đến kinh ngạc. Nguyễn Ái Quốc khai mạc cuộc họp bằng cách tự giới thiệu bản thân rồi thuyết trình một cách nhẹ nhàng, khiển trách những đại biểu đã để xảy ra sự rạn vỡ. Ông quy trách nhiệm gây ra rạn nứt cho cả hai bên, nhấn mạnh vấn đề trọng yếu lúc này là khôi phục sự thống nhất của phong trào. Việc đó nhanh chóng sẽ trở thành một bằng chứng những khác biệt hiện thời giữa những thành viên của hai phái chỉ do những tự ái cá nhân, tính khí từng miền hơn là do khác biệt về tư tưởng. Những thành viên Bắc Kỳ và Nam Kỳ nghi ngờ nhau về phẩm chất cách mạng chân chính - người Bắc Kỳ thường chê người Nam Kỳ lười biếng và dễ dãi, trong khi người Nam Kỳ chỉ trích người Bắc Kỳ nghèo và cố chấp -

nhưng cả hai bên đều không hài lòng về giới lãnh đạo do những thành viên đồng hương Nghệ An của Nguyễn Ái Quốc chiếm giữ. Với giới lãnh đạo An Nam Cộng sản Đảng, sau khi bị Moscow phê bình trong bức thư gửi hồi tháng Mười, lúc này thấy cần thành lập một Đảng cộng sản chính danh. Vấn đề duy nhất còn tranh cãi, giải quyết như thế nào để kết thúc rạn nứt và hoà nhập các phe phái, kể cả Đông Dương Cộng sản Liên đoàn hiện vắng mặt, thành một đảng duy nhất trong những điều khoản thoả đáng giữa các bên. Vị thế của Nguyễn Ái Quốc là đại diện Quốc tế Cộng sản tạo thuận lợi cho ông. Ông cho rằng cách giải quyết đơn giản nhất, chấm dứt mọi sự lôi kéo người của đảng này sang đảng khác, cũng không sát nhập mà giải tán cả hai đảng, lập ra một tổ chức mới, có cương lĩnh mới, có quy chế mới. Tất cả những ai tán thành mục đích và đạt những tiêu chuẩn có thể được kết nạp thành đảng viên. Tất cả đại biểu chấp thuận bản dự thảo một cách nhanh chóng hầu như không có căng thẳng.

Điểm duy nhất còn bất đồng là tên gọi của đảng mới. Nguyễn Ái Quốc đã nghĩ đến điều này trước khi nhóm họp hội nghị. Trong bản ghi chép riêng của mình ngày 6-1, ông đã liệt kê năm điểm chính mang đến hội nghị. Tên gọi mới của đảng. Tại cuộc họp, ông bám sát ý kiến của mình, cho rằng dùng tên những đảng hiện thời đang tồn tại là không xứng đáng, bởi vì *"Đông Dương"* ngụ ý tất cả Đông Nam Á, còn *"Annam,"* đó là tên Trung Quốc nghĩa là *"vùng phía nam thái bình,"* hiện được người Pháp sử dụng cho chế độ bảo hộ của họ ở Trung Kỳ. Ông đề nghị một đảng mới phải có một tên mới *"Đảng cộng sản Việt Nam"*. Quốc đã xác định sự thuận lợi trước khi nhóm họp hội nghị. Việt Nam không những là tên chính thức của đất nước dưới thời triều Nguyễn độc lập vào thế kỷ XIX, mà còn gợi lên hình ảnh quốc gia đầu tiên Nam Việt từng hình thành ở châu thổ sông Hồng trước thời Bắc thuộc ở nửa sau thế kỷ

thứ II trước công nguyên. Tên này được thông qua tức thì.

Những vấn đề hóc búa nhất đã giải quyết xong, những tranh luận còn lại cũng dễ dàng được giải quyết. Những phiên họp sau, diễn ra *“trong bầu không khí thống nhất và thân ái”,* đã thảo ra chương trình hành động, điều lệ và quy chế của đảng mới. Nguyễn Ái Quốc đã được xem bản báo cáo tóm tắt kết quả Đại hội VI Quốc tế Cộng sản và ít ra cũng lĩnh hội tổng quát những thay đổi về đường lối chung của phong trào tại thời gian ấy. Nhưng, hình như ông vẫn chưa nhận được bản sao bài phê bình rất dài về Chương trình Hội Thanh niên Cách mạng 1929 vừa được viết tại trụ sở Quốc tế Cộng sản ở Moscow. *Những giải pháp cần giải quyết ngay của Đảng cộng sản Đông Dương* (*“Tâches immédiates des Communistes indochinoises,”)* hình như được viết vào khoảng tháng 12-1929, gửi đến Đảng cộng sản Pháp ở Paris, không biết vì lý do nào đó không đến hội ở Hong Kong. Lê Hồng Phong, một trong những người đồng sáng lập Hội lúc đó đang học tập tại Liên Xô, đã có một bản sao ở Moscow, gửi nó cho một đồng sự ở Nam Kỳ. Thật không may, bản sao tới tay người nhận thì hội nghị thống nhất đã kết thúc.

Quốc tế Cộng sản phê bình chương trình của Hội mơ hồ. Dù họ thừa nhận, cuộc cách mạng ở Việt Nam lúc này chỉ là cách mạng dân chủ tư sản, cuộc cách mạng sống còn mà giai cấp công nhân đóng vai trò lãnh đạo trong cuộc đấu tranh. Để xác lập ưu thế đối với phong trào, Đảng cộng sản tương lai phải chiến đấu với tất cả những ảnh hưởng *“cải cách dân tộc chủ nghĩa”* đang mạnh mẽ - Đảng Lập Hiến - và theo đuổi lợi ích từ những bộ phận trong giai cấp tư sản dân tộc. Tài liệu này cũng phê bình cách tiếp cận chương trình về cách mạng hai thời kỳ của Lenin. Liên quan tới lý thuyết tham gia chính quyền trong từng thời kỳ, tài liệu cho rằng lý thuyết này *“là một dạng của chủ nghĩa cải lương và không phải là*

*chủ nghĩa cộng sản, vì không thể tiên đoán được sự tồn tại những gia đoạn trong phong trào cách mạng trải qua từ một thành công nhỏ nhất tới việc tấn công trực tiếp vào chế độ",* Việc tiếp cận như thế, *"trên thực tế chỉ là đặt cái phanh (thắng) vào những hành động của quần chúng và làm cho quần chúng yếu đi, thay vì khuyến khích họ".* Tài liệu vạch ra, trong mọi tình huống, lý thuyết cách mạng chia thành nhiều giai đoạn sẽ bỏ hướng đấu tranh nằm trong tay một số lượng nhỏ trí thức cộng sản, một kết quả trái ngược với những nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa Marx. *"Đây là quần chúng làm cách mạng và những người cộng sản phải có mặt ở đó để chỉ dẫn, tổ chức và lãnh đạo quần chúng".* Cuối cùng, tài liệu kết luận, không cần chờ đến khi An Nam Cộng sản Đảng được tổ chức hoàn chỉnh trước khi nổ ra một cuộc nổi dậy cách mạng.

Bản dự thảo cương lĩnh tại hội nghị tháng 2-1930 cho thấy, sự chuyển hướng chiến lược được Đại hội VI vào tháng 7-1928 thông qua trước đây đã có một ảnh hưởng nhất định đến tư tưởng Quốc. Khi bản cương lĩnh nhằm vào số đông dân chúng ở Việt Nam bao gồm công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh sinh viên, *"những người anh em"* bị áp bức và bóc lột, nó đã xoá hẳn ý tưởng cũ của Quốc về đội tiên phong vô sản - bần cố nông (sẽ đưa đến sự mở rộng giai cấp cách mạng), công khai tuyên bố, tổ chức mới là *"đảng của giai cấp vô sản"* sẽ đấu tranh để lật đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp, chủ nghĩa phong kiến, cũng như giai cấp tư sản phản cách mạng, lập ra một *"chính phủ của công nhân - bần cố nông và binh lính".* Chính phủ đó sẽ dần dần đưa đường tới thời kỳ thứ hai, thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa của cách mạng.

Nguyễn Ái Quốc vẫn chưa từ bỏ hoàn toàn việc tiếp cận mặt trận thống nhất mở rộng chủ nghĩa Lenin mà ông đã tán thành trong thời gian sinh hoạt ở Hội. Một tài liệu chiến lược được thông qua tại hội nghị kêu gọi mọi nỗ lực để thu phục sự ủng hộ của trí

thức, trung nông, giai cấp tiểu tư sản, cũng như những nhóm dân tộc chủ nghĩa như Thanh Niên Hy Vọng Đảng của Nguyễn An Ninh. Ngay cả phú nông và địa chủ nhỏ có thể đồng hành với sự nghiệp chừng nào họ chưa hoàn toàn phản cách mạng. Chỉ có Đảng Lập Hiến, do Bùi Quang Chiêu lãnh đạo là kẻ phản cách mạng.

Từ những nhận xét trong bức thư ngày 18 tháng 2 gửi Văn phòng Viễn Đông, viết sau khi kết thúc hội nghị vài ngày, Nguyễn Ái Quốc tin rằng tài liệu được thảo ra tại hội nghị thống nhất tuân theo đường lối mới của Quốc tế Cộng sản. Trên thực tế, họ đi chệch khỏi chiến lược mới của Moscow ở một vài điểm, dù Quốc là người trung thành tận tuỵ cho chiến lược chủ nghĩa Lenin ở những nước thuộc địa, Moscow tiếp tục tiến về phía trước. Sự chệch hướng sau này trở thành nguyên nhân chính gây khó dễ cho ông trong những năm sắp tới.

Hội nghị bế mạc, bầu ra một Uỷ ban trung ương lâm thời, sau đó các đại biểu trở về Đông Dương thành lập những đảng bộ địa phương của đảng mới. Vài ngày sau, Nguyễn Ái Quốc tới Thượng Hải. Trước khi lên đường, ông viết cho Lê Quang Đạt, dự định bàn với Văn phòng Viễn Đông về mối quan hệ của họ với đảng mới của Đông Dương. Trong thư ngày 18 tháng 2, ông báo cáo kết quả hội nghị thống nhất cho Hilaire Noulens, sếp mới Văn phòng Viễn Đông ở Thượng Hải. Hội - được Quốc miêu tả như là *"quả trứng nở ra con chim non cộng sản"* - giờ đây chính thức bị giải tán và một đảng mới được thành lập. Đảng có 204 đảng viên ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, 51 ở Nam Kỳ, 15 ở Trung Quốc và 40 ở Xiêm. Những tổ chức quần chúng của học sinh sinh viên, nông dân và công nhân do Hội lập ra và những đảng thừa kế của nó trong thời kỳ cuối thập niên 1920 bây giờ có hơn 3.500 người.

Với việc đảng mới thành lập tháng 2-1930, Nguyễn Ái Quốc sắp chuyển tới một giai đoạn mới của cách mạng ở Việt Nam. Như ông miêu tả trong thư gửi Noulens, Đảng này chỉ là một trong số vài đảng và phe phái ở Việt Nam, bao gồm Đảng Lập Hiến, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (sau này giải tán, phần đông gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam), Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Hà Nội, và Hội Thanh niên Cách mạng vừa xóa sổ. Ông nói, dù Đảng cộng sản còn non trẻ và nhỏ bé, nhưng là *"một đảng được tổ chức tốt nhất và năng động nhất trong tất cả các đảng"*. Bây giờ cuộc xung đột giữa hai phái cộng sản chủ yếu đã chấm dứt, ông tin tưởng Đảng cộng sản Việt Nam, được vũ trang bằng đường lối đúng đắn, đoàn kết nội bộ sẽ phát triển nhanh chóng. Thần Bảo Kiếm, vũ khí thế kỷ thứ XV mà người anh hùng dân tộc Lê Lợi đã sử dụng để giải phóng đồng bào mình khỏi kẻ thù ngoại bang, cuối cùng thanh gương đó nằm trong tay Nguyễn Ái Quốc.

## CHƯƠNG

# XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH

Đối với Nguyễn Ái Quốc, việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam là sự hoàn thành của một giấc mơ, đỉnh cao tột bực của một quá trình hoạt động cách mạng kể từ khi ông rời bến cảng Sài Gòn gần hai mươi năm trước. Do cuộc Đại khủng hoảng nổ ở phương Tây và thời kỳ mới của những hoạt động mạnh mẽ ở Đông Dương, như Cộng sản Quốc tế tiên đoán, thời kỳ ổn định tạm thời trong trật tự thế giới tư bản đã đến hồi kết thúc, đưa đến một kỷ nguyên mới của cuộc cách mạng toàn cầu.

Nhưng việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam lại nảy sinh những vấn đề cần có câu trả lời. Đảng mới nằm ở vị trí nào trong bộ máy tổ chức của Quốc tế Cộng sản? Đảng được đặt dưới quyền của Ban thư ký mới đóng ở Singapore hoặc - như Nguyễn Ái Quốc hy vọng - liệu có được chấp nhận là một đảng độc lập trực tiếp dưới quyền của Văn phòng Viễn Đông ở Thượng Hải hay không? Thêm nữa, vai trò mới của chính bản ông là gì? Liệu Moscow có để ông tiếp tục làm việc với chức danh đại diện Quốc tế Cộng sản hoặc đảm đương lãnh đạo đảng Việt Nam mới? Nếu đảm đương lãnh đạo đảng mới của Việt Nam, ông sẽ sống ở đâu, không thể trở về Đông Dương vì có thể bị bắt và bị tử hình?

Tìm được lời đáp cho những câu hỏi này, cũng là để báo cáo với

Hilaire Noulens - cấp trên của ông - việc thành lập tổ chức mới, ông tới Thượng Hải ngày 13-2-1930, chỉ vài ngày sau khi bế mạc hội nghị thống nhất. Mặc bộ quần áo mỏng không đủ ấm với mùa đông lạnh lẽo, giá buốt ở Thượng Hải, ông thuê một phòng của khách sạn xoàng xĩnh và tìm cách liên lạc với Noulens. Trụ sở Văn phòng Viễn Đông của Noulens toạ lạc trong toà nhà kiểu Âu nằm dọc theo phố Nam Thanh sầm uất, trung tâm buôn bán chính của thành phố.

Đối với nhà cầm quyền địa phương, kể cả người Trung Hoa và Phương Tây, theo quan điểm cấp tiến, việc gặp cấp trên rất khó. Đến ngày thứ mười tám, quá thất vọng, Quốc gửi một bức thư chi tiết cho Noulens, báo cáo việc thành lập đảng mới và tái bút bằng tiếng Anh có đôi câu kỳ cục:

*Tôi muốn gặp ông càng sớm càng tốt, 1)Bởi vì bản báo cáo đã viết xong hai ngày mà không đến tay ông. Quả là muộn. 2) Những câu hỏi chúng ta có thể giải quyết trong vài giờ, thế mà tôi phải chờ ông đã năm ngày rồi. 3) Tôi chỉ còn biết chờ đợi và chờ đợi chẳng thể được làm gì, trong khi công việc nhiều nơi đang cần tôi.*

Trong thư, Nguyễn Ái Quốc cũng bày tỏ sự bất đồng mạnh mẽ về kế hoạch của Moscow đặt Đảng cộng sản Việt Nam dưới quyền tân Ban bí thư Đông Nam Á đóng ở Singapore, tranh luận, về mặt địa lý Việt Nam gần Trung Hoa và thực tế lực lượng chủ yếu của đảng ở miền bắc như vậy nó thích hợp như một tổ chức độc lập nằm trực tiếp dưới quyền Văn phòng Viễn Đông qua văn phòng thuộc cấp ở Hong Kong. Quốc tế Cộng sản muốn thành lập những đảng ở khu vực nhưng lại không quan tâm đến bản sắc của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, còn Quốc muốn mỗi đảng phải mang tính cách riêng của từng sắc tộc đó.

Cuối cùng, Quốc cũng gặp được Noulens, vì vài ngày sau, ông

viết cho Văn phòng Viễn Đông ở Moscow nói ông đã gửi bản báo cáo. Hiển nhiên ông được Noulens chấp thuận đặt Đảng cộng sản Việt Nam dưới quyền Văn Phòng Phương Nam sẽ thành lập dưới sự chỉ đạo của ông ở Hong Kong. Nhưng tất nhiên, không phải tất cả những câu hỏi của ông được giải đáp:

*Giờ đây tôi không biết chính xác vị thế của tôi. Tôi là đảng viên Đảng cộng sản Pháp hay Đảng cộng sản Việt Nam? Cho tới khi nhận được lệnh mới, tôi sẽ chỉ đạo công việc Đảng cộng sản Việt Nam. Nhưng dưới chức danh nào? Tôi không trực tiếp tham gia những hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam vì tôi không thể trở về Đông Dương. Lúc này có một bản án tử hình vắng mặt đang chờ tôi. Việc tôi đại diện cho Cộng sản Quốc tế vẫn còn hiệu lực hay đã chấm dứt? Nếu đã chấm dứt, tôi còn được liên lạc với Văn Phòng khu vực ở đây không? Xin đề nghị Ban Chấp hành cho ý kiến quyết định.*

Trước khi đi, Nguyễn Ái Quốc gặp Nguyễn Lương Bằng, đã tốt nghiệp trường huấn luyện của Hội ở Quảng Châu, đang công tác ở Thượng Hải, để hướng dẫn Nguyễn Lương Bằng phương pháp tuyên truyền cách mạng cho hơn bốn nghìn binh sĩ Việt Nam dưới sự chỉ huy của các sĩ quan người Âu ở tô giới Pháp. Quốc cảnh báo Nguyễn Lương Bằng phải thận trọng khi tổ chức binh lính tham gia dưới sự lãnh đạo của đảng. Binh lính nói chung tốt nhưng dễ xốc nổi và bốc đồng. Ông cũng nhấn mạnh cần phải duy trì mối liên lạc với đại diện Đảng cộng sản Trung Quốc tại địa phương, để họ có thể giúp đỡ khi cần.

Trong lúc chờ ý kiến của Moscow về vai trò mới, Nguyễn Ái Quốc trở lại Hong Kong lập văn phòng thuộc cấp dưới sự chỉ đạo của Văn phòng Viễn Đông mà ông đã nói trong thư. Theo sử gia Xô viết Yevgeny Kobelev, trá hình dưới danh nghĩa một công ty thương mại, trụ sở Văn Phòng Phương Nam nằm ở tầng hai của

một toà nhà xây bằng đá ở Hong Kong. Ông trọ ở một phòng nhỏ gần sân bay Hong Kong ở bán đảo Cửu Long. Quốc hoạt động dưới vỏ bọc một nhà báo tên L. M. Vương. Ở Hong Kong, ông tìm mọi cách liên lạc với những tổ chức cộng sản khác ở Đông Nam Á. Trong một báo cáo ngày 18 tháng 2 gửi Noulens, ông đề nghị Đảng cộng sản Việt Nam nên duy trì mối liên kết chặt chẽ với Singapore và cử một đảng viên tới đó công tác. Ông cũng đề nghị được liên lạc với Đảng cộng sản Trung Quốc tại địa phương xin địa chỉ đảng viên Trung Quốc ở Xiêm để bắt mối với họ.

Cuối tháng 3-1930, Nguyễn Ái Quốc rời Hong Kong qua Đông Nam Á để tái tổ chức Đảng cộng sản Nam Dương, theo quyết định của Moscow từ năm ngoài. Sau khi đến Bangkok, trước tiên ông tới Udon Thani, ở cao nguyên Khorat, thông báo với Việt kiều về sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và việc chỉ đạo hoạt động sắp tới ở vùng này. Theo Hoàng Văn Hoan, một đảng viên trẻ của Đảng cộng sản Việt Nam, Quốc theo đúng chỉ thị Quốc tế Cộng sản kêu gọi tất cả những người cộng sản nên tham gia hoạt động cách mạng tại nước sở tại để đóng góp cho phong trào cách mạng quốc tế. Quốc đề nghị các hội viên của Hội - đã giải thể - đang sinh sống tại đây nên gia nhập Đảng cộng sản Xiêm sắp thành lập để thực hiện giai đoạn đầu của cách mạng Xiêm - cách mạng dân chủ tư sản. Để giảm bớt mối lo của Việt Kiều ở đây cho rằng họ không còn được quyền tham gia đấu tranh giải phóng Việt Nam, ông đề nghị văn phòng Hội ở Udon Thani chuyển thành Ban Chấp hành cấp tỉnh thuộc Đảng cộng sản Việt Nam.

Giữa tháng 4-1930 Nguyễn Ái Quốc trở lại Bangkok, chủ trì cuộc họp thành lập Đảng cộng sản Xiêm, bầu Ban Chấp Hành lâm thời trong đó có một đảng viên Việt Nam từ nhóm Udon Thani. Sau đó ông đến Malaya và Singapore, dự hội nghị Đảng cộng sản Nam Dương vừa được lệnh chuyển thành tân Đảng cộng sản Malaysia.

Cả hai Đảng cộng sản Malaysia và Xiêm dưới quyền chỉ đạo của Văn phòng Viễn Đông ở Thượng Hải, thông qua Văn Phòng Phương Nam của Nguyễn Ái Quốc ở Hong Kong. Ông trở lại Hong Kong vào giữa tháng 5-1930.

Trong khi Nguyễn Ái Quốc đang bận rộn giúp đỡ những đảng cộng sản khắp vùng, tình hình Đông Dương trở nên căng thẳng. Dấu hiệu đầu tiên bất an xảy ra đầu tháng 2-1930. Cuộc bạo động do Việt Nam Quốc Dân Đảng phát động tấn công một loạt đồn bốt ở nhiều tỉnh Bắc Kỳ. Khi bắt đầu bạo động, những người lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng tỏ ra quá vội vàng. Coi thường sự học hỏi đường lối Leninist cần phải xây dựng một tổ chức quần chúng có chân rết khắp đất nước, họ lại xây dựng một nhóm người cách mạng ở tầng lớp trên thích sử dụng bạo lực lật đổ chế độ Pháp bằng khởi nghĩa vũ trang. Kế hoạch chủ chốt của họ là lôi kéo nhóm binh sĩ gốc Việt trong hàng ngũ quân đội thuộc địa.

Quân đội thuộc địa được Ly Myre de Villers, Thống đốc Nam Kỳ, thành lập năm 1879 có khoảng 30.000 binh sĩ, hai phần ba số binh sĩ này thuộc dân tộc ít người của Việt Nam. Đội quân chia thành 31 tiểu đoàn, tất cả đặt dưới sự chỉ huy của các sĩ quan Pháp. Ngoài ra còn một lực lượng dân vệ gồm 15.000 người do các hạ sĩ quan Pháp chỉ huy. Phần lớn binh sĩ Việt Nam bị bắt theo quân dịch, số tình nguyện rất ít, do quan lại địa phương bắt thực theo tỷ lệ dân số trong khu vực cai trị, họ không đếm xỉa đến cách thức tuyển dụng. Cuối thập niên 1920, rất nhiều binh sĩ Việt Nam trong quân ngũ oán giận sâu sắc, nổi lên chống lại thói hung ác của những sĩ quan Pháp, nhưng một phần cũng do ảnh hưởng tinh thần quốc gia chủ nghĩa.

Vào năm 1929, Việt Nam Quốc Dân Đảng bắt đầu tàng trữ vũ khí tại nhiều điểm bí mật rải rác cả nước. Nhưng phần lớn những

chỗ cất giấu như thế chẳng mấy chốc bị người Pháp phát hiện và phá huỷ. Sau đó hoạt động của đảng bắt đầu leo thang. Một người Pháp mộ phu cho đồn điền bị ám sát khi rời nhà tình nhân ở một phố tại Hà Nội, nhà cầm quyền nghi ngờ Việt Nam Quốc Dân Đảng chủ mưu. Hàng trăm đảng viên và những người ủng hộ bị bắt, bị buộc tội đồng loã trong vụ ám sát.

Biết chắc nếu không hành động nhanh phong trào sẽ bị bóp chết, giới lãnh đạo đảng quyết định phát động cuộc khởi nghĩa. Trước đó họ có sự ủng hộ vững chắc trong đám binh sĩ Việt Nam ở các đồn Pháp khắp Bắc Kỳ: hơn một nghìn chi bộ, mỗi chi bộ có ba đến năm người. Đầu tháng 2-1930, cuộc nổi dậy theo kế hoạch đã nổ ra ở vài đồn bốt nhỏ ở vùng núi Bắc Kỳ, kể cả đồn Yên Bái, một thị trấn nhỏ nằm dọc sông Hồng, phía tây bắc Hà Nội. Cuộc binh biến này là một thảm hoạ. Những người nổi dậy tại Yên Bái có kế hoạch đầu độc những sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp rồi sẽ nổi dậy vào nửa đêm. Nhưng một người tham gia quá hoảng sợ, tiết lộ âm mưu cho viên sĩ quan chỉ huy. Tuy lúc đầu hoài nghi, song viên sĩ quan chỉ huy này quyết định ra biện pháp đề phòng. Do vậy, khi cuộc tấn công nổ ra ngay sau nửa đêm rạng sáng ngày 10-2, người Pháp đã được chuẩn bị. Đến sáng quân nổi dậy rút lui và Pháp đã kiểm soát được tình hình. Những cuộc tấn công khác vào những tiền đồn nằm rải rác gần đó cũng bị bẻ gẫy dễ dàng. Hầu hết những người lãnh đạo đảng bị bắt. Mười ba trong số những người cầm đầu bị xử tử ngày 17 6-1930.

Cuộc khởi nghĩa thất bại thảm hại. Không có kế hoạch phát động nhân dân nổi dậy, lại không có biện pháp rút lui khi thất bại. Thông tin liên lạc bị phá vỡ bất ngờ ở phút cuối cùng, đến nỗi gần như không có sự phối hợp nào giữa những người cầm đầu nổi dậy với nhau tại những đồn bốt trong vùng. Điều tệ hại nhất là cuộc khởi nghĩa chỉ được hưởng ứng yếu ớt trong nước, những đảng

viên trốn thoát, vượt biên giới chạy sang Trung Hoa, ở đây họ lại chia thành hai phái - phái quyết tâm với chiến lược bạo động ban đầu - phái kia thiên về chủ trương cải cách. Chỉ sau một thời gian ngắn, người Pháp có thể thở phào nhẹ nhõm và yên tâm.

Nếu nói không có sự hưởng ứng của quần chúng đối với cuộc binh biến Yên Bái là không đúng, vì sự bất mãn trong dân chúng ở Đông Dương ngày càng tăng. Những dấu hiệu sơ bộ cho thấy hoạt động của học sinh sinh viên ở những thành phố lớn thời kỳ giữa thập niên 1920 đang gia tăng. Dù số học sinh sinh viên tăng đều đặn hàng năm (năm 1930, có khoảng 7.000 trường công thu hút tổng cộng hơn 340.000 học sinh), nhưng sự bất bình của thanh niên Việt Nam đã tăng lên do nhiều yếu tố thay đổi, kể cả vấn đề không có cơ hội được học lên cao. Phần lớn học sinh theo học trường tiểu học ở thôn quê. Không quá 5.000 học sinh theo học bậc trung học và chỉ khoảng 500 sinh viên học tại các trường Đại học Hà Nội, trường dạy kiến thức cao duy nhất ở Đông Dương. Sinh viên cũng nản lòng vì thiếu những cơ hội kiếm được công việc hấp dẫn sau khi tốt nghiệp. Trên thực tế, trong nhiều ngành nghề, người Việt được trả lương ít hơn người châu Âu cùng làm công việc tương tự. Vấn đề nhậy cảm như thế chắc chắn làm tăng thêm phản ứng của nhân dân ba miền chống lại sự thống trị của người nước ngoài.

Sau khi những hoạt động tuyên truyền tích cực của học sinh sinh viên giữa thập niên 1920 đi vào thoái trào thì làn sóng mới bất mãn của công nhân lại nảy sinh. Do vốn đầu tư của tư bản Pháp gia tăng, thương mại và các cơ sở sản xuất đã phát triển mạnh ở Đông Dương, đặc biệt từ khi kết thúc Thế chiến I. Hưởng lợi chủ yếu trong việc gia tăng hoạt động kinh doanh này là hàng ngàn người Âu sống tại Đông Dương, cũng như cộng đồng Hoa Kiều. Điều này tác động mạnh đến dân bản xứ, đáng chú ý nhất là

sự phát triển của một tầng lớp trung lưu thành thị tuy nhỏ nhưng tăng nhanh. Đồng thời, giai cấp vô sản với số lượng 200.000 cuối thập niên 1920 đã hình thành. Một số công nhân làm việc trong những xí nghiệp ở những thành phố lớn, sản xuất hàng tiêu dùng như diêm, vải, đồ gỗ, và thực phẩm. Một số khác làm việc ở những mỏ than nằm dọc bờ biển phía đông Hà Nội (khoảng 50.000 thợ mỏ năm 1929, gấp 4 lần số lượng vào cuối Thế chiến I), và trong các xưởng đóng tầu ở tại Sài Gòn và Hải Phòng.

Điều kiện làm việc của phu đồn điền chè và cao su ở Tây Nguyên và dọc biên giới Campuchia đặc biệt tồi tệ. Một quan sát viên miêu tả:

*Tại tất cả các đồn điền cao su, công nhân phải dậy từ 4 giờ sáng… Nhiều người không có thời gian ăn điểm tâm, rồi khi tiếng cồng vang lên lúc 5 giờ sáng, sau khi giục họ để điểm danh, tất cả công nhân phải ở ngoài sân trước - không ai được phép chậm trễ. Điểm danh khoảng 20 phút, nhưng đây là 20 phút rất căng thẳng thần kinh! Lồng ngực công nhân luôn đập thình thịch do sợ hãi vì trong thời gian điểm danh, tụi cai và những ông chủ người Pháp thường cố tìm lỗi người công nhân để có lý do chửi rủa và đánh đập họ.*

*Sau khi điểm danh, công nhân đi đến lô đất cây cao su bắt đầu một ngày lao động cực nhọc. Một công nhân chịu tránh nhiệm chăm sóc một cụm từ 280 tới 350 cây mỗi ngày. Trước tiên phải cạo mủ từng cây, sau đó từng thùng mủ nhỏ được đổ dồn vào một thùng lớn chở tới chỗ thu nhận.*

*Những người ốm yếu không thực hiện đủ hạn mức thường bị đánh, trừ khi họ hối lộ cho bọn cai để lờ đi sự vi phạm. Buổi chiều họ phải làm những công việc tạp dịch cho những ông chủ, chẳng hạn nhổ cỏ hoặc quét dọn lau chùi khuôn viên vườn tược. Đến xế chiều, mặt trời sắp lặn, công nhân mới có thể trở về nơi ở. "Vì những lý do kể trên",*

*người quan sát nhấn mạnh, "ở đồn điền cao su người dân có một câu cửa miệng "con không nhìn thấy cha, chó không biết mặt chủ".*

Tác động về mặt xã hội của thời kỳ công nghiệp hoá thời trước không được xã hội nào hài lòng - điều kiện sống của những thành phố công nghiệp châu Âu thế kỷ XIX đã chứng minh điều đó. Tình hình ở Việt Nam không ngoại lệ, đời sống và điều kiện làm việc của tầng lớp lao động mới tồi tệ như nhau, dù làm việc ở những xưởng ở Hà Nội và Hải Phòng, hoặc ở vùng mỏ than Hòn Gai dọc Vịnh Bắc Bộ, hay là ở đồn điền cao su ở Nam Kỳ họ cũng đều đẫm mồ hôi. Việc tuyển mộ phu là sự áp đặt và cách áp dụng tuyển mộ rất tàn bạo, vì bọn chủ thuê bọn du côn, mồi chài lừa đảo người dân hiền lành, dùng sức mạnh bắt ép họ lên xe tải chở tới chỗ làm việc. Đồng lương rẻ mạt chỉ đủ sống cầm hơi, giờ làm việc kéo dài, hơn 12 giờ một ngày và 7 ngày một tuần. Nhiều người trong công nhân mới là nông dân nghèo, buộc phải bỏ ruộng đất do nợ hoặc bị địa chủ thu hồi để trừ nợ. Tuy vậy, công việc mới của họ chẳng hơn gì, không những thế thường xuyên bị đánh đập, hoàn cảnh làm việc tồi tệ, thiếu ăn và hoàn toàn không có bảo hộ lao động. Đó là sự thật về tình hình lao động mà nhà văn Charles Dickens đã đau xót vạch ra.

Dòng tư bản chảy vào Việt Nam cũng tệ hại chẳng kém, chúng càng trở nên tệ hại hơn khi làn sóng Đại khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu tác động tới Đông Dương. Tư bản Pháp bỏ chạy khỏi Đông Dương, dẫn tới nạn thất nghiệp tăng nhanh. Một số xí nghiệp, quá nửa công nhân bị sa thải. Nhiều người buộc phải trở về nông thôn, nơi trước đó họ ra đi tìm cách thoát khỏi đói nghèo. Một số người khác chọn cách phản đối. Cuối thập niên 1920, đình công trở nên hiện tượng phổ biến có chiều hướng gia tăng. Mục đích đình công theo từng hoàn cảnh cụ thể, nhưng phổ biến nhất là đòi giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc, yêu cầu cấm đối

xử thô bạo bằng roi vọt của bọn đốc công - đánh người ốm yếu, kiệt sức bắt làm việc - yêu cầu bãi bỏ trả lương theo khoán sản phẩm. Trong một số trường hợp, họ được những nhà hoạt động chính trị của Hội Thanh Niên Cách mạng hoặc Đảng Tân Việt lãnh đạo, nhưng đa số do tự phát.

Dù những hoạt động bãi công còn rời rạc nhưng như thế cũng không làm an lòng người Pháp, tuy chưa đáng báo động, vì công nhân tổ chức còn quá kém và chưa phối hợp những hoạt động với nhau. Tuy nhiên, sự bất ổn có dấu hiệu đáng kể bắt đầu xuất hiện ở nông thôn, đặc biệt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung Việt Nam. Cuộc biểu tình lớn lần cuối cùng của dân nghèo bất hạnh ở vùng này xảy ra đã hơn hai thập niên trước - cuộc nổi dậy *"Cắt tóc ngắn"* năm 1908. Từ đấy, điều kiện sống ở nông thôn vẫn không được cải thiện. Sưu cao, thuế nặng, cùng với quan lại tham nhũng hối lộ là những đặc thù riêng ở An Nam, nơi bọn quan lại phong kiến vẫn còn rớt lại ở chính quyền địa phương.

Sự độc quyền thật ghê tởm của người Pháp trong việc bán muối, thuốc phiện và rượu v.v... đã góp thêm sự oán giận của nông dân nghèo. Một quan chức Pháp thú nhận, dân nghèo bị buộc phải mua muối từ chính phủ với giá đắt gấp 10 lần giá gốc. Trong cuốn "*Bản án chế độ thực dân Pháp*", Nguyễn Ái Quốc trích bức thư của Toàn quyền Albert Sarraut chỉ thị cho tất cả Công Sứ Pháp chuẩn bị "những kho" rượu và thuốc phiện sẽ được xây dựng mỗi làng trong khu vực dưới chính quyền của họ. Sarraut phàn nàn, một số làng hoàn toàn không có rượu và thuốc phiện. Ông nói tiếp, *"đó chỉ là sự thoả thuận hai bên giữa sự quản lý của anh và của chúng tôi, điều đó chúng ta sẽ thu được những kết quả tốt nhất, lợi nhuận tốt nhất cho Ngân khố"*. Rõ ràng, Quốc mỉa mai ngài Sarrau tự nhận mình là *"người cha nhỏ bé của nhân dân"* và được nhân dân kính trọng.

Báo cáo của quan chức Pháp thường ca tụng những cải thiện mà chế độ thực dân mang lại cho nông thôn ở Đông Dương. Đưa ra những thí dụ, xuất khẩu gạo và cao su (xuất khẩu cao su tăng từ 200 tấn năm 1914 tới hơn 10.000 tấn năm 1929) và sự tăng lên đều đặn được dẫn ra như là bằng chứng lợi nhuận của chính quyền Pháp đem lại cho nông dân. Nhưng theo những thống kê khác, chỉ một số trung nông Việt Nam có chút lợi nhuận ít ỏi từ chính sách nông nghiệp của Pháp. Với việc thương mại hoá nông nghiệp, sở hữu đất tập trung vào tay những địa chủ giàu có, đặc biệt ở những vùng đất canh tác mới khai hoang ở đồng bằng Cửu Long, trong khi những tá điền buộc phải làm thuê.

Trong nhiều trường hợp, địa chủ buộc những người làm thuê phải lao động không công cho họ vài tuần trong một năm, hoặc phải góp phẩm vật hoặc tiền bạc ngày lễ tết hàng năm. Nhiều địa chủ cũng hành nghề cho nông dân vay lấy lãi với lãi xuất cắt cổ, họ vay để nuôi gia đình hoặc mua giống má cho vụ sau. Ruộng đất công điền, từ lâu như là một chiếc van an toàn chia cho dân nghèo không tấc đất cắm dùi, nay bị bọn địa chủ có thế lực chiếm đoạt bằng mọi thủ đoạn hợp pháp và phi pháp. Nguyễn Ái Quốc viết, có trường hợp, một quan chức Pháp sung công vài héc - ta ruộng của một làng này và đem cho một làng Công Giáo gần đấy. Khi dân nghèo bị cướp ruộng lên tiếng phản ứng, họ bị bỏ tù. Một số quan sát viên phê phán chế độ thuộc địa Pháp đã khẳng định, mặc dù sản lượng ngũ cốc cả nước tăng trong phần tư đầu tiên của thế kỷ XX, nhưng mức tiêu thụ gạo trên đầu người thực tế lại giảm đi trong cùng thời kỳ. Những đánh giá như thế có thể phóng đại, nhưng ngay cả quan chức Pháp lúc đó cũng thừa nhận, trước thập niên 1930, người dân vùng này vẫn rất nghèo khổ. Ở một số làng ở Nghệ An, quê của Quốc, tình trạng quá đông dân đã thành một vấn nạn nghiêm trọng, vì quá nửa nông dân không có ruộng.

Điều kiện địa lý khắc nghiệt ngàn đời, bây giờ lại thêm ba thảm hoạ khác: những trận lụt thảm hại ở Trung Kỳ, nạn hạn hán ở vùng khác và giá gạo giảm mạnh. Gạo bị mất giá trong cuộc Đại khủng hoảng kinh tế thế giới, giá trị đất đai cũng giảm theo và nông dân đành bỏ hoang vô số ruộng đất. Pháp thừa nhận, ở một số huyện, có tới một phần ba dân làng lâm vào cảnh đói.

Xu hướng bất ổn lan tràn, dẫn đến rất bất mãn, tác động mạnh đến xã hội Việt Nam đầu thập niên 1930. Tháng 3-1930, những vụ bạo động nổ ra tại đồn điền cao su Phú Riềng, vùng đất đỏ nằm ở phía tây Nam Kỳ gần biên giới Campuchia. Vài tuần sau, công nhân đình công ở nhà máy dệt Nam Định, một trung tâm công nghiệp ở Bắc Kỳ và ở nhà máy diêm Bến Thuỷ, ngoại ô thị xã Vinh, thủ phủ tỉnh Nghệ An. Chính quyền Pháp đàn áp, một số người biểu tình bị giết, nhiều người bị thương. Vụ xô xát ở Vinh có ý nghĩa đặc biệt, vì đa số công nhân tham gia là những người vừa mới từ nông thôn ra thành thị, lại có quan hệ mật thiết họ hàng ở những làng gần đó. Khi tình hình nông thôn căng thẳng, nông dân bắt đầu tham gia những vụ bạo động với các cuộc biểu tình của công nhân. Tại huyện Thanh Chương, cách làng Kim Liên vài dặm về phía bắc - quê của Nguyễn Ái Quốc, một trong những vùng phải chịu đựng những bất ổn nhất về kinh tế ở các tỉnh miền Trung, hàng nghìn tá điền nổi giận đã đi bộ tới một đồn điền địa phương mà chủ nhân của nó đã từng chiếm ruộng công và đối xử tàn bạo với người làm công. Tài sản bị đập phá và một lá cờ búa liềm được treo lên toà nhà hành chính. Pháp đưa lính Lê dương tới đàn áp cuộc bạo động, hàng chục người biểu tình bị giết và bị thương.

Theo báo cáo của Pháp, sau khi vụ bạo động này bị đàn áp, mục tiêu của những người biểu tình thay đổi. Đa số những người lãnh đạo biểu tình là trí thức có lòng khát khao độc lập dân tộc hoặc muốn xây dựng *“thiên đường cộng sản”*. Nông dân gia phong trào là

để thoát khỏi nghèo đói và vì bất mãn, căm thù người Pháp do bị kích động. Thái Văn Giai, một nhà hoạt động bị Pháp bắt và bị tra tấn, nói: *"Quần chúng không phải là những người cộng sản, nhưng họ bất mãn. Bọn địa chủ bóc lột nông dân. Chính phủ không mở rộng mạng lưới tưới tiêu để tăng năng suất trồng trọt. Còn bọn quan lại sống không cần biết đến dân".*

Khi được hỏi tại sao nông dân căm thù người Pháp, Giai đáp *"Người dân không biết gì sự thống trị của người Pháp, cái đó xa vời với cuộc sống hàng ngày của họ. Họ chỉ biết bọn quan lại, kẻ đang trực tiếp đè nén, áp bức khinh rẻ họ".*

Những người cộng sản đóng vai trò chính trong việc gây nên cuộc bạo động ở Trung Bộ. Cuối năm 1929, lãnh đạo Đông Dương Cộng sản Đảng cử Nguyễn Phong Sắc, quê Nghệ An, tới Trung Kỳ tổ chức công nhân ở Vinh. Để thực hiện nhiệm vụ này, ông vào làm việc tại nhà máy diêm Bến Thuỷ. Tháng 2-1930, chỉ hai tuần lễ sau hội nghị thống nhất đảng ở Hong Kong, Tỉnh uỷ Nghệ An được thành lập, bắt đầu thành lập các chi bộ trong nhà máy và các nông hội ở nông thôn. Thiếu sự chỉ đạo sát sao của đảng, các cán bộ địa phương hành động theo phương cách tự phát của họ. Như Thái Văn Giai bình luận với những người bạn tù của ông vài tháng sau đó:

*Đảng cộng sản đã chuẩn bị phong trào. Đảng đã thành lập những chi bộ, tuyên truyền rộng rãi và tổ chức những cuộc họp. Họ có thể toàn quyền hành động ở những làng nơi mà không bị ai cản trở. Những người giàu sợ hãi, không đủ cam đảm chống đối, còn bọn quan lại chẳng chú ý tới và người Pháp thì bàng quan trước những gì đang xảy ra.*

Hỏi làm thế nào để tổ chức được cuộc biểu tình, Giai nói, những người hoạt động đánh trống tại đình làng huy động quần

chúng địa phương. Những ai chần chừ hoặc chống lại sẽ bị hăm doạ bằng gậy gộc. Giai thừa nhận, một vài trường hợp, nhà cửa hoặc chùa chiền bị đốt cháy, đồng thời một số người chống lại cuộc biểu tình đã bị đánh đập hoặc bị giết chẳng theo một tiêu chuẩn nào. Những người tình nghi là Việt gian bị ám sát bí mật, vì Đảng *"không muốn làm quần chúng hoảng sợ"*.

Trước tình hình nhiều đảng viên trẻ tuổi nôn nóng, Moscow tiên đoán châu Á đang ở ngưỡng cửa cuộc nổi dậy, có lẽ là sáng suốt. Trong lời khuyên lãnh đạo Hội Thanh Niên Cách mạng cuối năm 1929, Quốc tế Cộng sản nhấn mạnh, sự yếu kém của một Đảng cộng sản cũng không cản nổi những người cách mạng ủng hộ tích cực cuộc nổi dậy tự phát của công nhân và nông dân. Moscow đặc biệt nhấn mạnh Hội phải tích cực tuyên truyền cách mạng trong quần chúng. Khi tình hình thuận lợi cho lực lượng cách mạng, Quốc tế Cộng sản có thể trợ giúp nhỏ, nhưng ban lãnh đạo địa phương phải tự quyết định vấn đề.

Quốc tế Cộng sản rất chú trọng về sự bất ổn ở Trung Quốc, nơi những nhóm nổi dậy dưới quyền Mao Trạch Đông - lãnh tụ đầy tham vọng của Đảng cộng sản Trung Quốc - trước sự điên cuồng đàn áp của Tưởng Giới Thạch phải di tản vào vùng rừng núi tỉnh Giang Tây, tây nam Thượng Hải. Tuy nhiên, đối với Đảng cộng sản Việt Nam mới ra đời, cuộc khủng hoảng đang gia tăng ở Việt Nam mang đầy cơ hội và nhiều thử thách. Dù Moscow đưa ra lời khuyên *"không cần thiết phải chờ"* tới khi một Đảng cộng sản được tổ chức hoàn thiện trước khi phát động cuộc khởi nghĩa. Đảng mới lập chưa sẵn sàng cho những cuộc đụng độ lớn với chế độ thuộc địa Pháp. Đảng lại vừa trải qua một rạn nứt đau buồn trong nội bộ phong trào, những người lãnh đạo lại chưa qua nhiều thử thách và thiếu kiên quyết. Ban chấp hành trung ương chính thức cũng chưa thành lập, hệ thống Đảng bộ địa phương còn đang trong quá trình

hình thành. Trước khi Ban chấp hành được lập ra, giới lãnh đạo đảng còn ở Hong Kong, cách xa những sự kiện trong nước. Nếu Đảng âm mưu châm ngòi cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh miền Trung, không có gì dám đảm bảo những tỉnh khác sẽ hưởng ứng. Thậm chí nếu sự chống đối và sự bất mãn ở công nhân và nông dân có thể biến thành hành động, cũng không rõ tầng lớp tiểu tư sản giao động sẽ trợ giúp hoặc đơn thuần chỉ khoanh tay đứng nhìn người Pháp đàn áp, lập lại trật tự ở những vùng nổi dậy. Đối với một người cách mạng nhậy bén lịch sử, điều kiện ở Việt Nam giai đoạn này tương tự như điều kiện ở Nga năm 1905 hơn là năm 1917.

Những đảng viên thận trọng, sáng suốt của giới lãnh đạo Đảng có cùng quan điểm đó. Ngay cả Trần Văn Cung, từng cầm đầu một nhóm ít người đã phá vỡ Hội để hình thành Đông Dương Cộng sản Đảng năm 1929, cũng thận trọng. Theo tình báo Pháp, khi những người lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng tiếp xúc với Cung để xin ông giúp đỡ cho kế hoạch nổi dậy của họ tháng 2-1930, Cung đã từ chối đề nghị, viện cớ, điều kiện cho một cuộc cách mạng chưa chín muồi. Khi một số đảng viên địa phương của Cung muốn tham gia cuộc nổi dậy Yên Bái, những người lãnh đạo khuyên họ nên chống lại cuộc nổi dậy đó.

Nguyễn Ái Quốc chắc chắn hoàn toàn đồng ý. Trước hết, Việt Nam Quốc Dân Đảng không có kỷ luật của một tổ chức đảng. Hơn nữa, ông khuyên Nguyễn Lương Bằng ở Thượng Hải phải hết sức thận trọng trong ý đồ vận động binh lính vì họ không đủ tin cậy. Nói với các đồng chí ở Xiêm vài tuần sau vụ nổi dậy Yên Bái, Quốc nhấn mạnh, ông và những đại biểu khác dự hội nghị thống nhất tháng 2-1930 ở Hong Kong cố gắng một cách vô ích liên lạc với lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng nhằm khuyên họ đừng nổi dậy.

Cán bộ Đảng tham gia trong làn sóng nổi giận bất ổn ở Trung

Kỳ, đã nghi ngờ và thiếu niềm tin về tương lai sán lạn, do vậy họ đã không cố gắng. Bị Nguyễn Phong Sắc thúc ép, những dân quân hăng hái giờ đảm nhận trọng trách của Tỉnh Đảng bộ mới thành lập, còn những cán bộ trong vùng tiếp tục thổi bùng ngọn lửa cách mạng ở nông thôn.

Đến đầu tháng 9-1930, sự bất ổn có nguy cơ vượt khỏi tầm tay. Những người biểu tình ở một vài huyện dọc sông Cả, tây bắc thị xã Vinh, do Tỉnh uỷ chỉ đạo, bắt đầu cướp chính quyền vào tay mình, đánh đuổi chính quyền địa phương cũ và lập ra những tổ chức nông hội để thành lập chính quyền của nông dân ở cấp địa phương. Những hội đồng nông dân được tổ chức vội vàng như thế, mang tên *"Xô viết"* theo kiểu Bolsevich và phần đông là những nông dân nghèo hoặc bần cố nông - những người cùng đinh ở làng, xoá bỏ các món nợ, thuế khóa và ra lệnh tịch thu các ruộng công trước đây bị địa chủ và *"bọn chủ nợ địa phương"* chiếm đoạt. Đồng thời, thành lập những đơn vị tự vệ để duy trì luật lệ và trật tự. Trong lúc ấy, những cuộc đình công của công nhân tiếp tục lan ra ở những nhà máy tại Bến Thuỷ, đồng thời học sinh sinh viên ở Vinh và Trường Quốc Học Huế cũng tổ chức những Hiệp Hội Học sinh Sinh viên và lên tiếng ủng hộ sự kiện này.

Đôi khi, những người quá khích thậm chí đã có những hành động xấu, chiếm đất địa chủ và ám sát những *"bạo chúa địa phương",* huỷ bỏ những phong tục truyền thống, như ma chay cưới xin tốn kém và kiên quyết đòi trừng phạt những thói quen *"lạc hậu"* như cờ bạc, trộm cắp, đĩ điếm. Thậm chí họ còn lập ra những *"hợp tác xã"* tình nguyện, kêu gọi dân chúng cùng nhau làm việc và chia nhau sản phẩm thu hoạch ở những gia đình trong làng.

Lo sợ mất toàn bộ chính quyền khắp các tỉnh miền Trung, chính quyền Pháp điều những đơn vị lính Lê dương tới giúp Bảo An binh

của hoàng triều. Theo báo cáo, ngày 12-9-1930, hàng ngàn người biểu tình tuần hành từ làng Yên Xuyên tới tỉnh lỵ, cướp chi nhánh Ngân hàng Đông Dương ở đây. Quân đội triều đình được điều động tới để chặn con đường tới Vinh, đồng thời máy bay Pháp ném bom xuống giòng người tuần hành. Sau trọn một ngày đánh nhau - viên Toàn quyền Pháp, Rene Robin miêu tả là “ngày tồi tệ nhất” - con đường từ Vinh đến Yên Xuyên có hàng trăm người Việt Nam chết và bị thương.

Khi Đảng bộ địa phương đang bận tâm với nhiệm vụ đối phó sự bất ổn ở nông thôn thì các lãnh đạo đảng chuẩn bị phiên họp đầu tiên của Ban chấp hành trung ương lâm thời ở Hong Kong. Kế hoạch ban đầu được thảo ra tại hội nghị thống nhất vào tháng 2-1930, đề nghị thành lập ngay ba Xứ uỷ ở Bắc Kỳ, An Nam, và Nam Kỳ. Mỗi Xứ uỷ sẽ bầu đại diện vào Ban chấp hành trung ương lâm thời gồm chín người, dự kiến họp ở một địa điểm ở Bắc Kỳ ngay khi tất cả các đại biểu được chỉ định. Khi Trần Phú, sinh viên sáng giá Trường Stalin ở Moscow, trở lại Hong Kong vào tháng 3-1930, Nguyễn Ái Quốc đã hội ý sau đó cử ông về Việt Nam để trợ giúp những hoạt động của giới lãnh đạo đảng trong nước.

Ban đầu cuộc họp dự kiến vào tháng 4-1930, nhưng không thành, hoãn đến tháng 7-1930, địa điểm họp chuyển về Hong Kong. Do hai đại biểu bị bắt trên đường tới Hong Kong, ngày họp lại bị hoãn một lần nữa, đến tận cuối tháng 10-1930. Để chuẩn bị những công việc lần cuối, Trần Phú trở lại Hong Kong vào tháng 9-1930 để hội ý với Nguyễn Ái Quốc và báo cáo về tình hình Đông Dương. Do nắm vững học thuyết Marxist - Leninist nhờ nhiều năm học ở Liên Xô, Trần Phú được bầu vào Xứ uỷ Bắc Kỳ và là uỷ viên Ban chấp hành Trung ương lâm thời, được trao nhiệm vụ viết dự thảo cương lĩnh dựa trên xu hướng mới nhất của đường lối Quốc tế Cộng sản, thay cho bản dự thảo đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc

soạn ra trong hội nghị thống nhất tháng 2-1930. Những khác biệt về mặt tư tưởng giữa hai bản này, báo trước những cuộc tranh cãi nẩy lửa tại hội nghị sắp tới.

Sau khi Nguyễn Ái Quốc và Trần Phú có chuyến đi ngắn ngày tới Thượng Hải để báo cáo cho Noulens và nhận phê chuẩn của ông đối với cương lĩnh mới của đảng, các đại biểu tới Hong Kong tham dự Hội nghị Đảng chính thức lần đầu tiên kể từ tháng 2-1930, (từ đây trở đi gọi là Hội nghị I Ban Chấp Hành Trung ương). Qua báo cáo của những đại biểu, Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên nhận được những chi tiết về tình hình bất ổn mới xảy ra ở trong nước. Trong quãng thời gian tử mùa xuân tới mùa hè, ông mất khá nhiều thời gian ở Hong Kong, Đông Nam Á và Thượng Hải nên không thể theo dõi tình hình một cách chi tiết. Sau khi thu thập được tin tức, ông báo cáo Moscow những sự kiện đang xảy ra ở Đông Dương. Ông đề nghị Quốc tế Cộng sản kêu gọi tất cả đồng chí cộng sản ủng hộ quần chúng bị áp bức trong các huyện đang bị bao vây ở Trung Kỳ. Tới lúc này, những cuộc biểu tình ở đó ít thu hút báo chí thế giới, dù những tin tức bất ổn này đã lan tới Paris.

Có nhiều lý do để tin Nguyễn Ái Quốc rất lo ngại về xu hướng bạo lực vũ trang trong phong trào. Dù khủng hoảng nhanh chóng leo thang ở các tỉnh miền Trung chứng tỏ tiên đoán của ông là đúng, quần chúng nông dân ở Đông Dương đang ở ngưỡng cửa cuộc nổi dậy chống lại bọn phong kiến và thực dân áp bức họ, Đảng lại đang ở tình thế khó khăn không thể có chỉ đạo cần thiết để biến nó thành mối đe doạ nghiêm trọng chế độ thực dân. Nhiều năm sống ở Quảng Đông, Nguyễn Ái Quốc đã từng chứng kiến tận mắt cái giá đắt phải trả cho sự chuẩn bị yếu kém. Trong bài báo*”Sự nghiệp vũ trang của Đảng trong nông dân”* ông viết ở Berlin năm 1928, đã rút ra bài học ở Hoa Nam, phân tích những điều kiện để một cuộc cách mạng thành công có thể xảy ra ở một xã hội tiền

công nghiệp giống như Việt Nam. Trong bài báo đó, ông đã nhấn mạnh tầm quan trọng việc sống còn của một liên minh có hiệu quả giữa công nhân thành thị và nông dân. Dù ông thừa nhận, nông dân không thể thu được thắng lợi nếu thiếu sự lãnh đạo của những người vô sản và sự tham gia tích cực của công nhân, ông cũng khẳng định:

*Thắng lợi cách mạng vô sản không thể có ở những nước nông nghiệp hoặc bán nông nghiệp nếu giai cấp vô sản cách mạng không được sự ủng hộ tích cực của khối quần chúng nông dân… Ở Trung Hoa, Ấn Độ, châu Mỹ La tinh và ở nhiều nước châu Âu, (các nước bán đảo Balkan, Rumania, Ba Lan, Ý, Pháp, Tây Ban Nha, v.v…), giai cấp vô sản phải liên minh dứt khoát với quần chúng lao động trong cách mạng. Chỉ khi làn sóng cách mạng hướng tới quần chúng nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, cách mạng mới có thể giành chiến thắng. Kể từ đây sự ủng hộ của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt ở nông thôn.*

Tất nhiên, đây là chỉ một thông điệp quen thuộc, các đồng sự của Nguyễn Ái Quốc đã nghe từ trước. Và nó là một thông điệp hoàn toàn phù hợp với đường lối chỉ đạo hiện nay của Cộng sản Quốc tế, khi Moscow thông qua chúng để thâm nhập vào những Đảng cộng sản châu Á từ đầu năm đó. Theo trách nhiệm riêng, mùa hè năm 1930, Lý Lập Tam, tân Tổng Bí thư thúc ép Đảng cộng sản Trung Quốc cố gắng khuấy động nổi dậy kết hợp thành thị và nông thôn ở một số tỉnh miền Trung và Nam Trung Hoa do chính quyền nắm giữ, hòng giành được thắng lợi ở một tỉnh hay nhiều tỉnh.

Việc Moscow thừa nhận những cuộc nổi dậy ở châu Á dựa trên liên minh công - nông đã làm tăng nhiều câu hỏi cần trả lời. Trong điều kiện nào, cuộc nổi dậy theo kiểu này sẽ thành công? Và

những chính sách nào nên được đưa ra để đem đến cơ hội thành công tối đa? Lenin đã luôn né được những câu hỏi như thế, nhấn mạnh, cách mạng là một nghệ thuật chứ không phải khoa học. Trong bài báo của mình viết năm 1928, như thượng dẫn, Nguyễn Ái Quốc đồng tình, trích lời Lenin nói về tác động bạo lực vũ trang ở nông thôn, cũng như ở những thành thị, không được phóng tay *"tại bất kỳ thời điểm nào",* chỉ trừ trong những điều kiện cách mạng kinh điển, khi mà *"sự áp bức của những tầng lớp thống trị trở thành quá quắt, không chịu đựng nổi, khi quần chúng nông dân trong tình trạng sôi sục cách mạng và sẵn sàng chiến đấu tích cực chống lại trật tự được thành lập".* Vẫn trích dẫn lời Lenin, Quốc vạch ra, những hoạt động tự phát của nông dân chứng tỏ quần chúng bị áp bức không chấp nhận con đường cũ, đất nước đã bước vào *"một tình thế cách mạng trực tiếp".*

Nhưng ngay cả Đảng cộng sản xác định được điều kiện kinh điển đang tồn tại cho một cuộc cách mạng thành công, nó còn phải được quyết định hành động như thế nào để tăng khả năng thành công. Trong bài báo, Nguyễn Ái Quốc thừa nhận, không thể áp dụng *"những công thức chung và những công thức đa năng về tổ chức và chiến thuật",* bởi vì điều kiện trong từng nước rất khác nhau. Đặc biệt, đó là *"nghĩa vụ của đảng vô sản luôn luôn phải nắm bắt tin tức những điều kiện cụ thể của thời khắc"* và phải hiểu biết cặn kẽ tình hình chính trị và đặc điểm riêng của dân chúng địa phương và văn hoá, để đưa ra chiến thuật và chiến lược phù hợp.

Để cuộc khởi nghĩa thành công, Lenin đưa ra một trong những điều kiện tiên quyết, sự ủng hộ để lật đổ trật tự cũ phải được lan rộng trong cả nước. Nhưng Nguyễn Ái Quốc đã rút kinh nghiệm của chính ông ở Trung Hoa, cuộc nổi dậy cách mạng có thể nổ ra ban đầu ở một tỉnh, sau đó lan dần sang những khu vực khác. Để tạo ra cơ hội thành công tốt nhất, ông đề nghị một tiến trình hành

động riêng, giai đoạn đầu tiên của cuộc nổi dậy nên nổ ra ở một tỉnh, nơi có một số khu công nghiệp nằm giữa nơi đông dân cư nông thôn. Tại thời điểm thích hợp, khi điều kiện cách mạng chín muồi, nông dân sẽ tổ chức những đơn vị vũ trang và sau đó cùng với công nhân và dân nghèo thành thị ở những vùng khác tham gia chiến dịch trong nước. Cuộc đấu tranh vũ trang ở nông thôn theo cách này dần dần lôi kéo khí thế quần chúng và đi từ phòng vệ sang phản công. Quốc thừa nhận, ở một số quốc gia, đa dạng về mặt địa lý, kinh tế và nhiều điều kiện chính trị khác nhau thì việc lực lượng cách mạng cướp chính quyền sẽ không xảy ra trong khoảng thời gian vài tuần hoặc vài tháng, mà có thể là một thời kỳ kéo dài hoạt động cách mạng trong cả nước.

Những gì Nguyễn Ái Quốc chứng kiến ở Hong Kong, tình hình ở Trung Kỳ trong chín tháng đầu năm 1930 có một số dấu hiệu đúng như ông đã vạch ra trong bài báo ông viết cách đây hai năm. Sự bất ổn ở Trung Kỳ đã dẫn đến một liên minh chính thức giữa công nhân và nông dân, đồng thời những hành động tương tự đang xuất hiện ở những nơi khác trong cả nước. Mặt khác, ông bớt lạc quan do hoài nghi trước viễn cảnh thành công. Như trong nhiều bài báo ông đã viết trước đây, trình độ hiểu biết về chính trị và tổ chức ở Việt Nam còn sơ đẳng hơn nhiều so với những nước bán thuộc địa như Trung Hoa. Việt Nam nhỏ hơn Trung Hoa, ít có khả năng duy trì thành công được ở một khu vực. Ngoài ra, người Pháp là một đối thủ ghê gớm, khủng khiếp hơn chính phủ quân phiệt yếu ớt ở Trung Hoa. Cuối cùng, dù được Moscow tin tưởng, ông cảm thấy đảng cách mạng ông mới thành lập vẫn chưa đủ sức chuẩn bị làm chủ được tình hình.

Vì thế, cuối mùa hè năm 1930 khi Nguyễn Ái Quốc nhận được những báo cáo về bất ổn ở Trung Kỳ, ông thận trọng phản ứng trước tin tức này. Thảo luận với các đồng sự ở Hong Kong trước

khi họp Hội nghị tháng Mười của Ban Chấp hành Trung ương, ông nói, vì thiếu thông tin bổ xung về tình hình, nên không dám có lời khuyên các lãnh đạo đảng ở Đông Dương ứng phó ra sao. Nhiều đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc sống ở Hong Kong, khuyên nên có hành động mạnh mẽ, chỉ ra rằng đảng của họ đã nắm bắt những lợi thế những cơ hội như vậy ở Trung Hoa. Nhưng Quốc vẫn cho hoàn cảnh ở Đông Dương chưa chín muồi để chuyển thành một giai đoạn tổng nổi dậy, dù ông công nhận nó có thể thích hợp với những tổ chức được bầu ra ở những làng nổi dậy và chia ruộng đất cho dân nghèo địa phương. Các đồng chí của Quốc đón nhận lời khuyên với thái độ hoài nghi, ngay cả một số người thận trọng hơn cũng cho hoàn cảnh này chưa đảm bảo cho bất kỳ can thiệp nào của Đảng.

Dù thâm tâm Nguyễn Ái Quốc nghi ngờ về hậu quả thế nào đi nữa, ông cảm thấy Đảng bị sức ép cả về tinh thần lẫn chính trị để tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng nổi dậy ở các tỉnh miền Trung. Nếu Đảng cộng sản Việt Nam - và duy nhất Đảng cộng sản Việt Nam - đứng hẳn về phía quần chúng bị chà đạp, áp bức trong cuộc đấu tranh chống lại thế lực đàn áp họ, thì Đảng mới có thể củng cố mối quan hệ của mình với nhân dân Việt Nam, chuẩn bị cơ sở cho cuộc cách mạng tương lai. Nếu tiếng vang cuộc nổi dậy được thế giới biết đến, nó sẽ chứng tỏ sự yếu kém của Pháp ở Đông Dương, thuyết phục Moscow rằng nhân dân Đông Dương có thể đóng góp quan trọng vào làn sóng cách mạng ở châu Á.

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc có những thăm dò thích hợp để đạt được cân bằng tế nhị giữa hành động thận trọng và sự liều lĩnh dại dột, đang ủng hộ mạnh mẽ những phần tử nổi dậy ở các tỉnh miền Trung, đồng thời cố gắng giảm sự tổn thất nhất khi cuộc nổi dậy bị đàn áp. Khoảng tháng Chín, giới lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam ở Hong Kong gửi thư tới Xứ uỷ Trung Kỳ, khuyên:

*Ở Thanh Chương và Nam Đàn lúc này, Ban chấp hành Tỉnh uỷ Nghệ An tán thành bạo lực (lập những Xô viết, chia đất, v.v…); những chính sách như thế chưa thích hợp, vì sự chuẩn bị của Đảng và quần chúng của cả nước chưa sẵn sàng, cũng không phải là bạo lực vũ trang. Bạo lực đơn lẻ, cô lập với nhiều vùng là hấp tấp, là một hành động phiêu lưu mù quáng. Nhưng với những thứ họ đang làm, chúng ta cần phải ứng xử theo cách bảo vệ đảng và ảnh hưởng Xô viết để thậm chí nếu thất bại, ý nghĩa của những Xô viết sẽ thấm sâu vào ý nghĩ quần chúng và ảnh hưởng của đảng và những hội nông dân nghèo sẽ vẫn còn được duy trì.*

Vẫn không rõ khi nào Xứ uỷ Trung Kỳ nhận được chỉ thị để chuyển tới Tỉnh uỷ hay không. Để trả lời với phê bình đó, đầu tháng 10-1930, báo *"Người Lao Khổ" (The Oppressed),* tờ báo chính thức của Đảng - đăng bài xã luận nhằm vào Đảng uỷ địa phương. Bài xã luận viết *"Lúc này chưa phải là lúc sử dụng bạo lực",* những ai còn duy trì điều này thì đó là sai lầm. Không những không được sự ủng hộ mức độ cao ở các vùng, mà quần chúng còn có rất ít kinh nghiệm cách mạng, đồng thời những đơn vị dân quân ở địa phương mới được thành lập gần đây còn yếu kém cả về kỷ luật lẫn vũ khí. Bài xã luận kết luận, Đảng đòi hỏi tình hình chung có thuận lợi giống như chuẩn bị một cuộc chiến lớn, để khi tiến hành nổi dậy phải thành công.

Nhưng Tỉnh uỷ Nghệ An, đơn vị chính có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động Đảng tại địa phương, có cách nhìn khác. Trong một thông tư đưa ra đầu tháng Mười, Tỉnh uỷ hướng dẫn những đơn vị địa phương cấp dưới tiếp tục tiến hành chính sách bạo lực vũ trang chống lại những phần tử phản cách mạng, lập luận, nếu không làm như vậy quần chúng sẽ thoái chí và tố cáo cán bộ Đảng với nhà cầm quyền. Bản thông tư kết luận, bạo lực làm kẻ thù khiếp sợ và giúp sự nghiệp cách mạng thêm mạnh mẽ, đồng thời

cuộc đấu tranh mang ý nghĩa sống còn. Thông tư của Ban chấp hành hướng dẫn tất cả những đơn vị tiếp tục tịch thu ruộng công vẫn còn nằm trong tay địa chủ và tiến hành ám sát có chọn lọc bọn quan lại phản cách mạng. Tuy nhiên, Tỉnh uỷ cũng nhấn mạnh những quyết định như thế cần phải được báo cáo rõ với cấp trên từ trước.

Dưới bóng mây cuộc nổi dậy đang lan rộng ở Trung Bộ, lãnh đạo đảng ở Hong Kong vẫn tiếp tục chuẩn bị phiên họp toàn thể lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương. Cuối tháng 9-1930, đại biểu Nam Kỳ đã tới, nhưng chưa thấy tăm hơi những đại biểu Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Được Nguyễn Ái Quốc chấp thuận, những người sáng lập Đảng có kế hoạch trở về Đông Dương, nhưng ngay trước lúc họ xuất phát, vài đại biểu Bắc Kỳ từ Hải Phòng tới, vì thế họ đã quyết định tiếp tục họp hội nghị.

Trước khi tiến hành hội nghị, Nguyễn Ái Quốc và Trần Phú đi lần chót tới Thượng Hải báo cáo tình hình và tham khảo ý kiến Noulens về nội dung những quyết định sẽ đưa ra tại hội nghị. Trần Phú trở lại Hong Kong đầu tháng 10-1930, còn Nguyễn Ái Quốc ở lại Thượng Hải thêm vài ngày để tham khảo trước khi lên tàu thuỷ Mỹ vào giữa tháng về Hong Kong.

Ngày 20-10-1930, vài ngày sau khi Nguyễn Ái Quốc trở lại Hong Kong, Ban Chấp hành Trung ương họp tại một căn hộ nhỏ ở phố Khai Nguyên, Hong Kong. Tới lúc này, đại biểu từ khắp ba miền thay mặt cho toàn thể 900 đảng viên tới dự - một đại biểu tới Hong Kong bị lạc, không tìm được nơi họp. Nguyễn Ái Quốc làm việc với cả hai chức danh - chủ tịch và đại diện Quốc tế Cộng sản. Cùng tham dự còn có một uỷ viên dự khuyết - Nguyễn Thị Minh Khai, nữ đảng viên trẻ, nước da ngăm ngăm, khá đẹp, được cử tới Hong Kong vào tháng 4-1930 làm trợ lý cho Nguyễn Ái Quốc tại

Văn Phòng Phương Nam.

Chủ đề đầu tiên thảo luận là thông qua cương lĩnh chính trị mới thay thế cương lĩnh tạm thời do Nguyễn Ái Quốc thảo ra tại hội nghị thống nhất tháng 2-1930. Bản cương lĩnh tạm thời do Nguyễn Ái Quốc thảo không còn hoàn toàn phù hợp với tư tưởng chiến lược đương thời ở Moscow, được vạch ra trong thư phê bình của Quốc tế Cộng sản gửi tới Paris tháng 12-1929. Thư phê bình này, không tới tay Nguyễn Ái Quốc khi ông triệu tập hội nghị thống nhất, đã chỉ ra một số thiếu sót về tư tưởng trong bản tuyên ngôn của Hội Thanh Niên Cách mạng - những thiếu sót này vẫn còn phản ánh trong bản cương lĩnh tạm thời tháng 2-1930. Theo quan điểm Moscow, bản cương lĩnh không những chưa nhấn mạnh đày đủ vai trò chính của giai cấp công nhân trong cách mạng Việt Nam, mà nó còn giữ chủ thuyết Leninist không hợp thời về cách mạng hai giai đoạn.

Đa số đại biểu dự Hội nghị toàn thể chấp nhận quan điểm Moscow về những khuyết điểm trong cương lĩnh tháng 2-1930, do vậy thông tri của Ban Chấp Hành Trung ương mới gửi cho tất cả đảng viên sau khi kết thúc hội nghị toàn thể, ngày 9-12, phê bình nặng nề chiến lược mặt trận thống nhất mà Hội nghị tháng 2-1930 thông qua. Trong khi chiến lược mặt trận thống nhất tìm kiếm sự ủng hộ của những phần tử tư sản và địa chủ nhỏ trong sự nghiệp độc lập dân tộc, thì bản thông tri, (do Trần Phú viết), giờ đây nhấn mạnh - những phần tử như thế là kẻ phản cách mạng và cuối cùng họ sẽ phản bội lại sự nghiệp cách mạng. Bản thông tri cũng phê bình một thực tế là sau hội nghị thống nhất, tất cả những phe phái thuộc phong trào cách mạng đã gộp lại với nhau một cách bừa bãi hơn là chọn lọc những người cách mạng trung thành nhất trong những phe phái đó.

Bản cương lĩnh chính trị mới, được nhất trí thông qua, dứt khoát sửa chữa những thiếu sót của bản cương lĩnh trước. Đặt tên mới cho mặt trận thống nhất - *"Mặt trận phản đế"* - tuyên bố, liên minh của giai cấp công nhân Việt Nam với nông dân nghèo và trung nông là chính. Được phép hợp tác với tiểu tư sản trí thức và những đảng phái khác nhưng phải thận trọng, vì phần đông những phần tử đó - dựa trên kinh nghiệm xương máu của Đảng cộng sản Trung Quốc năm 1927 - có thể từ bỏ cách mạng khi thoái trào và chạy sang phía đế quốc. Được phép quan hệ với những đảng đó, nếu họ không cản trở những nỗ lực của Đảng để tuyên truyền quần chúng. Phải cố gắng chống lại *"chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi"* và ảnh hưởng của họ trong quần chúng. Ngoài ra, bản cương lĩnh mới tuyên bố, tất cả những xu hướng *"tiểu tư sản"* như khủng bố, ám sát, hoặc làm yếu lòng tin trong quần chúng phải được Đảng loại bỏ không thương tiếc. (Lời phê bình này, thường đưa ra trong những chỉ thị mà Liên Xô gửi tới các Đảng cộng sản các nước trên thế giới, vì Moscow cho rằng trí thức hăng hái thường có xu hướng dựa vào những hành động bạo lực gây tiếng vang hơn là chịu khó nỗ lực để xây dựng phong trào cách mạng trong quần chúng. Nó cũng phản ánh sự phê bình của chính Nguyễn Ái Quốc về phương pháp ganh đua của Đảng, chẳng hạn như với Việt Nam Quốc Dân Đảng, để làm suy yếu chế độ thuộc địa).

Hội nghị tháng 10-1930 cũng đã đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam. Theo đề nghị của Moscow, đảng đổi tên thành Đảng cộng sản Đông Dương. Dù rõ ràng nguyên nhân đổi tên mang chiến lược của Đảng vào đường lối Quốc tế Cộng sản, tin tưởng phong trào cách mạng ở những nước nhỏ sẽ lôi kéo những nỗ lực của họ bằng sự hình thành những đảng trong khu vực để thoát khỏi ách thực dân, nó tương tự nên tham khảo "Việt Nam" để chuyển sự nghiệp độc lập dân tộc - lúc này Moscow cho là mối quan tâm "tiểu tư sản" -

sang đấu tranh giai cấp. Sau khi kết thúc Hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương đưa ra một bản thông cáo chung, công khai giải thích nguyên nhân việc đổi tên:

*Dù Việt Nam, Campuchia và Lào là ba dân tộc riêng rẽ, nhưng trên thực tế họ hình thành chỉ từ một khu vực. Về kinh tế họ gắn kết chặt với nhau, đồng thời về chính trị tất cả ba nước đều bị đế quốc Pháp cai trị và áp bức. Nếu công nhân và tất cả quần chúng lao động trong ba nước này muốn để lật đổ đế quốc, phong kiến và địa chủ để khôi phục độc lập và giải phóng chính mình, họ không thể chiến đấu riêng rẽ. Vì thế Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân và người lãnh đạo tất cả quần chúng trong việc tiến hành cách mạng, không được tách rời sự hiện diện của Việt Nam, Campuchia và Lào. Nếu kẻ thù của cách mạng là một khối thống nhất, khi đó Đảng cộng sản cũng cần phải tập hợp lực lượng công nhân trên toàn cõi Đông Dương.*

Sau khi thay đổi cương lĩnh và tên Đảng, hội nghị tập trung vào tình hình Đông Dương. Sự bất ổn ở các tỉnh miền Trung đặt những người lãnh đạo vào tình thế khó xử. Tình thế ngày càng tăng nguy cơ bùng nổ ở những tỉnh ven biển Trung Kỳ dường như không giống một cuộc nổi dậy toàn dân chống lại cai trị Pháp. Dù vài cuộc bùng nổ bạo lực riêng biệt chống lại nhà cầm quyền đã xảy ra ở vài huyện nông thôn ở miền Nam, nông dân ở Bắc Kỳ vẫn im lặng, kể cả ở những làng nghèo đói cùng cực ở đồng bằng sông Hồng. Tình hình cũng tương tự ở khu vực thành thị. Tại Sài Gòn và Hà Nội, chỉ có một số ít công nhân bãi công ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung, còn hầu hết dân chúng ở thành phố tỏ ra thờ ơ. Tầng lớp trung lưu thành thị nhìn những sự kiện ở An Nam bằng sự mê say hoặc kính nể, nhưng không đứng dậy. Vì Việt Nam Quốc Dân Đảng đã thất bại sau bạo động Yên Bái, chẳng có nhóm tổ chức dân tộc chủ nghĩa nào ở Việt Nam đủ sức tập hợp quần

chúng chống lại sự áp bức của đế quốc - ngoại trừ đảng cộng sản. Ngoài ra, hình ảnh bạo lực bí mật và đấu tranh giai cấp đang được phong trào Xô viết ở các tỉnh miền Trung tiến hành chắc chắn đã làm cho nhiều người có thiện cảm sợ hãi, khiến những người theo đường lối cứng rắn Marxist nghĩ rằng giai cấp tư sản đang dao động và không thể được xem là liên minh đáng tin cậy của lực lượng cách mạng.

Ban lãnh đạo Đảng ở Hong Kong theo dõi chặt chẽ tình hình này. Một quyết nghị đưa ra khi kết thúc Hội nghị toàn thể tháng Mười tuyên bố, phong trào cách mạng địa phương phải cố gắng mở rộng ra toàn cõi Đông Dương để tập trung sức mạnh quần chúng chống lại *"khủng bố trắng"* của chính quyền thực dân. Nhưng trong cùng thời gian này bản nghị quyết hướng dẫn họ khẩn trương chống lại tất cả những xu hướng bạo lực sớm, phiêu lưu mù quáng, những khuynh hướng sai lầm được đổ lỗi cho các phần tử yếu kém và không thực tế đã chui vào Đảng sau hội nghị thống nhất. Bản nghị quyết buộc tội những phần tử đó đã quá nhấn mạnh vào đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc và thiếu đấu tranh giai cấp. Ban Chấp hành Trung ương chỉ ra, điều quan trọng nhất bây giờ là củng cố gốc rễ Đảng với quần chúng bị áp bức để cuộc nổi dậy tương lai sẽ có cơ hội thành công tốt hơn. Muốn làm được điều này, công tác tuyên truyền phải tập trung vào những vấn đề ở nông thôn, như chống sưu cao thuế nặng nề, đòi giảm tô và hạn chế độc quyền.

Sau đó, Hội nghị gửi một thông cáo đặc biệt tới ban lãnh đạo Đảng ở hai tỉnh đang nổi dậy Nghệ An và Hà Tĩnh, bày tỏ quan điểm của mình về những Xô viết mới thành lập:

*Nếu quần chúng ở nơi nào đó hành động tự phát, Đảng không còn lựa chọn khác, nhưng phải lãnh đạo họ tức thời. Trong trường hợp*

*như thế này, ban chấp hành (có lẽ Tỉnh uỷ Nghệ An) đang tiến hành những hành động như thế và rất sai lầm, vì:*

*a) Mặc dù tình hình ở một số nơi đang là cách mạng, mức hiểu biết chung và cuộc đấu tranh của công nhân và dân nghèo trong vùng không cao,*

*b) Dù có sự hiểu biết cao hơn và hăng hái ở một số làng, nhưng không đủ vũ khí.*

Nhận định tình hình chung ở Việt Nam và sức mạnh tương quan và sự chuẩn bị giữa lực lượng cách mạng và kẻ thù, bản thông cáo kết luận, tiến hành bạo lực chỉ trong một vùng thôi cũng không phải là đường lối đúng. Ở các tỉnh miền Trung, những hoạt động của đảng nên tận dụng tình hình thuận lợi do nạn đói lan rộng và sự tàn ác của đế quốc để mở rộng đấu tranh quần chúng, nhưng không dựa vào những hành động bạo lực sớm và cô lập, đồng thời chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang để thu được thắng lợi hoàn toàn trong tương lai.

Kết thúc Hội nghị toàn thể lần đầu tiên, các đại biểu bầu ra Ban Thường trực Trung ương, cũng như Ban Thường Vụ gồm Trần Phú, Nguyễn Trọng Nghĩa, nhà hoạt động Trung Kỳ Nguyễn Phong Sắc, dù Nguyễn Phong Sắc không tham dự hội nghị ở Hong Kong. Thoạt đầu, Ban Thường Vụ, hy vọng sẽ lãnh đạo Đảng trong khoảng thời gian giữa những phiên họp Ban Chấp Hành Trung ương, dự kiến đóng tại Hải Phòng, nhưng khi đại biểu Bắc Kỳ cho rằng ở Hải Phòng kém an toàn, nên quyết định lập trụ sở Đảng tại Sài Gòn, vì đường thông tin liên lạc với Pháp và Trung Hoa tương đối tiện lợi. Trần Phú, bây giờ nổi lên là nhân vật chính của đảng, giữ chức Tổng Bí Thư, đồng thời Nguyễn Ái Quốc ở lại Hong Kong là đại diện Văn Phòng Phương Nam thuộc Quốc tế Cộng sản.

Nguyễn Ái Quốc nhận thức, những quyết định đưa ra tại hội

nghị toàn thể là sự vứt bỏ rõ ràng, thậm chí trắng trợn một số ý tưởng của chính ông và phong cách lãnh đạo của ông. Điều làm ông đau lòng, trong một số trường hợp, sự phê bình là vô căn cứ. Trong nhiều năm lãnh đạo Hội, ông cố gắng nâng cao trình độ tư tưởng của những hội viên, đã kiên trì thúc đẩy tất cả cán bộ đang hoạt động ở Việt Nam tìm kiếm những công nhân có phẩm chất tốt cho Hội và đào tạo họ. Bị những đồng sự trẻ hơn và ít kinh nghiệm hơn cáo buộc hoàn toàn về tư tưởng yếu mềm khiến ông đau lòng.

Thực tế, đường lối mới của Quốc tế Cộng sản không chỉ đơn giản gạt bỏ bản thân Nguyễn Ái Quốc, mà còn gạt bỏ quan điểm chiến lược do chính Lenin đề ra năm 1920 tập trung vào vấn đề độc lập dân tộc và tìm kiếm sự cộng tác tích cực của những phần tử cấp tiến nằm trong tầng lớp trung lưu và Nho giáo nông thôn. Trong kỷ nguyên mới, khi việc thành lập một liên minh hiệu quả với những đảng dân tộc chủ nghĩa ở Trung Hoa và Ấn Độ thuộc Hà Lan đã thất bại, thì những ý tưởng của Nguyễn Ái Quốc, nhà cách mạng giàu kinh nghiệm nhất ở toàn cõi Đông Dương, có lẽ không còn thích hợp nữa.

Dù bị mất thể diện, ông chấp nhận lui xuống với thái độ khiêm nhường. Theo lời kể của một người tham dự hội nghị, Quốc *“rất khiêm tốn, lắng nghe và tôn trọng những quan điểm của tập thể”,* những quan điểm mà trong nhiều trường hợp đối lập mạnh mẽ với quan điểm của chính ông. Trong những lần trao đổi riêng với các đồng chí của mình trước hội nghị toàn thể, ông thú nhận, những quyết định tại hội nghị thống nhất là thiển cận và thông qua một cách hấp tấp, nhưng ông quy trách nhiệm về *“những khoảng trống”* đó cho Ban Chấp Hành khu vực của Hội ở Việt Nam, đã không cung cấp cho ông thông tin đầy đủ tình hình trong nước. Sau đấy, với chức danh đại diện Quốc tế Cộng sản ở Hong Kong, ông báo cáo những kết quả của Hội nghị cho Hilaire Noulens ở Thượng

Hải.

Nguyễn Ái Quốc vẫn còn mong muốn các đồng chí tiếp thu ý tưởng của ông. Giữa tháng 11-1930, Ban Thường Vụ đưa ra một chỉ thị hướng dẫn cấp dưới thành lập Mặt trận phản đế. Bản chỉ thị đã úp mở sự răn đe những quan điểm của Quốc về thành phần mặt trận thống nhất vẫn còn rơi rớt trong Đảng. Bản chỉ thị nhấn mạnh, phải xây dựng mặt trận thống nhất rộng rãi gồm các tầng lớp khác nhau trong xã hội Việt Nam - đặc biệt tại các tỉnh nóng bỏng ở Trung Kỳ. Bản chỉ thị vạch ra, gần đây nhiều cán bộ không có hiểu biết kỹ mục đích của mặt trận thống nhất, họ thành lập *"những công đoàn đỏ"* và *"hội nông dân đỏ"* mà không thấy được tầm quan trọng việc thành lập những tổ chức quần chúng cho giới trí thức, tầng lớp trung lưu và địa chủ yêu nước. Bản chỉ thị nói thêm, một số đảng viên không nhìn thấy tính chất tiến bộ của những đảng cách mạng quốc gia chủ nghĩa như Việt Nam Quốc Dân Đảng, vừa bị đàn áp tàn bạo hồi đầu năm. Những nhóm như thế thường sợ hãi, tại một số nơi trong nước đã biểu hiện đối lập với cách mạng, nhưng ở nơi khác, chẳng hạn các tỉnh Trung Kỳ, họ thường nghiêng về phía tiến bộ. Bản chỉ thị kết luận: điều quan trọng là phải nhận ra cách mạng dân tộc là một phần không thể tách rời của cách mạng giai cấp.

Theo quan điểm của những đảng viên liên quan tới thành phần mặt trận thống nhất, bản chỉ thị này cho thấy dù có bất cứ động thái nào đi nữa, có thể đã phủ nhận thông tri tháng 12 của Ban Chấp hành Trung ương. Thông tri đó giải thích những quyết định đưa ra tại hội nghị toàn thể và những khuyết điểm phạm phải trước hội nghị thống nhất tháng Hai. Bản thông tri phê bình mạnh mẽ vai trò của giai cấp tư sản trong cách mạng Việt Nam. Dù một số thành viên giai cấp tư sản dân tộc chống lại đế quốc, nhưng họ không đủ khả năng để chống lại một cách mạnh mẽ. Khi cách

mạng thoái trào, họ sẽ chuyển sang phe đế quốc. Ảnh hưởng của giai cấp tư sản trong quần chúng như vậy rất nguy hiểm và phải bị vạch mặt. Địa chủ cũng có quan điểm tương tự bọn phản cách mạng, ruộng đất của họ phải bị tịch thu và chia cho nông dân và trung nông.

Trong thời gian từ cuối thu tới mùa đông 1930-1931, Pháp cố gắng ngăn chặn sự bất ổn đang tăng. Những cuộc biểu tình của nhân dân bị đàn áp tàn bạo, những làng từng ủng hộ cuộc nổi dậy bị quân đội chính phủ tàn phá, chiếm đóng, toà án đế quốc ra lệnh bắt giam hàng loạt những người bị tình nghi ủng hộ cuộc nổi dậy. Nhiều Tỉnh uỷ Trung Kỳ báo cáo về sự sa sút về tinh thần và quần chúng nhân dân kém ủng hộ phong trào. Trong tuyệt vọng, giới lãnh đạo Đảng phớt lờ lời khuyên của Quốc và quay sang thực hiện khủng bố, kể cả những cuộc tấn công vào bộ máy chính phủ và ám sát những nhân vật bị tình nghi thân Pháp.

Đầu năm 1931, Ban thường vụ, bây giờ đóng tại Sài Gòn, gửi một chỉ thị mới tới ba Xứ uỷ, nhắc nhở họ chống lại sự hoang mang hoặc bi quan trong phong trào cách mạng. Bản chỉ thị nhấn mạnh, mục đích đấu tranh là để tiến hành cuộc cách mạng. Chỉ khi nào đảng viên tiến hành cách mạng và thành lập chính quyền Xô viết, mới thu được lợi ích lâu dài. Bản chỉ thị nói rõ, quần chúng đang bị thoái chí, đã mất phương hướng, lịch sử đã chứng minh, nếu quần chúng là những người tham gia cách mạng, thì cuộc đấu tranh ấy không bao giờ bị dập tắt. Ban Thường Vụ gạt bỏ những yêu cầu của đảng bộ địa phương về quyền của họ làm một thứ gì đó - hoặc bất cứ thứ gì - để bảo vệ quần chúng khỏi bọn áp bức bóc lột họ, giải thích, Đảng không có phương pháp kỳ diệu, cũng không có đũa thần để phát động một cuộc cách mạng thành công. Đảng không có quân đội, không có máy bay chiến đấu. Tất cả những phương tiện mà Đảng có là thức tỉnh quần chúng tìm

đường tự giải phóng mình, dùng sức mạnh của chính mình để tiến hành đấu tranh, tự tổ chức để chống lại bọn áp bức.

Bản chỉ thị kết luận bằng một loạt hướng dẫn cho các đảng bộ địa phương làm sao tránh hoang mang sợ hãi, thúc đẩy đấu tranh quần chúng, chẳng hạn tổ chức công nhân đình công và nông dân biểu tình chống khủng bố trắng của kẻ thù. Bản chỉ thị vạch ra, quần chúng có ý thức cách mạng và sẵn sàng chịu sự lãnh đạo. Nói khác đi, họ sẽ hành động theo cách riêng của họ và phớt lờ Đảng, Đảng sẽ phải theo đuôi họ. Đồng thời, Ban Thường Vụ cố gắng can ngăn việc sử dụng bạo lực vũ trang, không đồng ý với những ai, yêu cầu phong trào cần thu thập vũ khí để tự vệ trước kẻ thù. Dù quần chúng là những người cách mạng, đất nước chưa ở trong tình thế cách mạng trực tiếp, và Tự Vệ Đỏ (Xích vệ) không phải là Hồng quân. Xích vệ có thể giúp công tác tuyên truyền, thúc đẩy sự thống nhất bên trong phong trào, biểu thị tinh thần tự nguyện hy sinh. Và với những mục đích này, vũ khí không cần thiết.

Trở lại Hong Kong, Nguyễn Ái Quốc cố gắng hướng dư luận thế giới vào những thử thách của nhân dân Việt Nam. Trong báo cáo gửi Moscow, ông miêu tả bản thân là người làm việc hết sức mình tại Văn phòng Viễn Đông ở Thượng Hải để quảng bá cuộc nổi dậy và hướng dẫn những tổ chức công nhân trên thế giới ủng hộ của các đồng chí của mình ở Đông Dương. Trong bài báo nhan đề *“Nghệ Tĩnh Đỏ”* (Nghệ An và Hà Tĩnh, nơi lực lượng nổi dậy mạnh nhất), viết đầu năm 1931, ông bóng gió nói về sức mạnh bùng nổ của sự bất mãn giữa công nhân và nông dân nghèo ở Trung Kỳ và kết luận rằng cuộc nổi dậy ở đó đáng được vinh danh *“đỏ”*.

Nhưng Nguyễn Ái Quốc nản vì bất lực trong vai trò chỉ đạo phong trào. Căng thẳng leo thang nhanh chóng trong quan hệ giữa ông với Trần Phú, người đã phê bình Nguyễn Ái Quốc về khuynh

hướng *"dân tộc chủ nghĩa"* và thiếu khả năng nắm bắt đường lối mới nhất của Quốc tế Cộng sản. Quốc cố nuốt giận trước đồng sự trẻ tuổi hơn mình, nhưng việc Trần Phú hăng hái đả kích ông và chiếm lấy vị trí lãnh đạo Đảng được xem là đòn tấn công mạnh mẽ.

Căng thẳng giữa hai người bắt đầu công khai từ đầu năm 1931. Trong một bức thư gửi Quốc tháng 1-1931, Trần Phú phàn nàn về việc mất đường dây liên lạc giữa Sài Gòn với Văn phòng Viễn Đông ở Thượng Hải. Trần Phú bực mình hỏi, *"Ai chịu trách nhiệm về việc gián đoạn đường dây liên lạc này? Nếu Quốc không thể đảm nhận liên lạc giữa Ban Thường Vụ với Thượng Hải và Quốc tế Cộng sản ở Moscow, thì chức năng của Quốc ở Hong Kong là gì? Chẳng lẽ không còn cách nào khác để Thượng Hải và Moscow có thể liên lạc với Ban Thường Vụ?"* Trần Phú tuyên bố, ít ra Ban Thường Vụ tại Sài Gòn phải nhận được những bức thư mà Văn phòng Viễn Đông và Quốc tế Cộng sản đã hứa gửi cho họ. Cuối thư, Trần Phú với giọng kẻ cả chê bai đồng sự lớn tuổi của mình.

Dù Nguyễn Ái Quốc có thể bực mình trước giọng kẻ cả của Trần Phú trong thư, nhưng ông tìm cách trả lời trung thực những phàn nàn của Trần Phú. Trong một bức thư không đề ngày tháng gửi Noulens ở Thượng Hải, ông nói *"công ty chúng tôi"* tại Sài Gòn *"cần thư của ông"*. Quốc lưu ý, *"công ty"* chỉ mới hoạt động và vẫn chưa nhận được bất kỳ mệnh lệnh nào tiếp theo. Không có những chỉ thị và ủng hộ chính thức từ công ty mẹ, đại diện tại Sài Gòn khó thực hiện nhiệm vụ ở tất cả những chi nhánh của họ. Vì thế, việc sống còn đối với họ là nhận được thư càng sớm càng tốt.

Nhiều đồng sự trẻ của Nguyễn Ái Quốc thông cảm với những thất vọng của ông. Trong một bức thư khác gửi Noulens vài ngày sau, ông phàn nàn về việc thiếu những chỉ thị của Cộng sản Quốc

tế, vạch ra, suốt vài tháng chẳng có một bức thư nào tới văn phòng ở Hong Kong từ bất kỳ tổ chức nào dưới quyền Moscow, hoặc ngay cả từ Đảng cộng sản Pháp, người đóng vai trò không chính thức đỡ đầu Đảng cộng sản Đông Dương. Ông đau xót nói, nhân dân Đông Dương, thực tế đang phải chịu đựng, trong cuộc đấu tranh hàng triệu người bị bắt và hàng trăm người bị chết nhưng hoàn toàn bị các đồng chí của họ trên thế giới phớt lờ. Họ cảm thấy bị bỏ rơi và quên lãng, chẳng mong chờ được gì từ đoàn kết quốc tế. Cuối thư, Quốc nói, để có thêm chỉ thị, ông yêu cầu được chuyển tới Thượng Hải.

Đầu tháng 3-1931, một du khách tới Hong Kong mang đến một số hướng dẫn bổ xung tạm thời. Joseph Ducroux, đặc vụ Quốc tế Cộng sản mang bí danh Serge Lefranc, làm việc tại Ban Thư Ký Liên đoàn Lao động Thái Bình Dương thuộc Cộng sản Quốc tế ở Thượng Hải, tới Hong Kong hội ý với Nguyễn Ái Quốc trong chặng dừng chân đầu tiên trong chuyến đi Đông Nam Á, tư vấn với giới lãnh đạo Đảng cộng sản khắp khu vực. Lefranc và Nguyễn Ái Quốc từng quen biết nhau đầu thập niên 1920, hai người có mối liên lạc với Liên đoàn Thanh Niên Cộng sản ở Paris, Nguyễn Ái Quốc nhân cơ hội cuộc gặp này muốn xẻ bớt gánh nặng bản thân đối với người khách của mình. Lefranc tức khắc chuyển những lời phàn nàn của Quốc tới Noulens. Ủng hộ những yêu cầu Nguyễn Ái Quốc về tăng quỹ hoạt động, Lefranc kết luận: *"Chúng ta cũng cần xem xét cách tốt nhất sử dụng ông ta. Ông Quốc có thể làm nhiều việc hơn là công việc liên lạc, phiên dịch và ở đây ông chỉ làm việc đó thôi. Do làm nhân viên liên lạc, ông bị tách khỏi Đông Dương, vì thế ông ta có thể làm việc (công việc chính trị) không chính thức"*. Xin lưu ý, Nguyễn Ái Quốc một trong những đặc vụ dầy dạn kinh nghiệm, làm việc có hiệu quả nhất trong khu vực. Lefranc dự định đưa Quốc tới Thượng Hải để nắm công việc Đông Dương dưới sự chỉ

đạo trực tiếp Văn phòng Viễn Đông, cùng với một người nào đó được chỉ định làm công tác liên lạc ở Hong Kong. Lefranc xác nhận, kể từ tháng Mười, Đảng cộng sản Đông Dương chưa hề nhận được những chỉ thị từ Moscow và giới lãnh đạo Đảng gần như bị cô lập. Lefranc kết luận, giá như Nguyễn Ái Quốc ở Thượng Hải, Đảng có thể hoạt động tốt hơn.

Hai tuần sau, Lefranc tới Sài Gòn. Do được Nguyễn Ái Quốc báo trước, Trần Phú cử Ngô Đức Trì, một cộng sự đã tham dự hội nghị tháng 10-1930, tới gặp Lefranc trước khách sạn Sài Gòn Palace. Ngô Đức Trì, vừa thay thế Nguyễn Phong Sắc trong Ban Thường Vụ vì Sắc đang bận trong cuộc nổi dậy ở Trung Kỳ, Trì mong gặp Lefranc vì hai người từng biết nhau khi học tại Trường Stalin ở Moscow. Ngày 23-3-1931, Trì gặp Lefranc tại buồng của Lefranc trong khách sạn, sau đó thu xếp Lefranc gặp hai uỷ viên Ban Thường Vụ tại nhà Trần Phú vào ngày hôm sau. Sau khi nhận báo cáo của họ về tình hình ở Đông Dương, Lefranc chuyển tiền vào quỹ để trợ giúp Đảng hoạt động, thông báo Noulens muốn gặp giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương càng sớm càng tốt. Ông cũng nói, Nguyễn Ái Quốc sẽ sớm chuyển tới Thượng Hải để có điều kiện dễ dàng liên lạc giữa lãnh đạo đảng và Quốc tế Cộng sản. Sau khi gửi một danh thiếp cho Nguyễn Ái Quốc cho ông biết nơi ở của mình, Lefranc rời Sài Gòn ngày 27-3-1931.

Lúc này, những cố gắng của Pháp lập lại trật tự và luật pháp ở các tỉnh miền Trung bắt đầu mang lại một số kết quả, dù các quan chức thuộc địa thú nhận, những người cộng sản vẫn còn có mặt trong dân chúng địa phương. Các cuộc tấn công của chính phủ vào những làng mạc do lực lượng nổi dậy chiếm giữ và những hành động bạo lực do những người ủng hộ phong trào đang bắt đầu bị tác động. Những đảng bộ địa phương hết dần cán bộ, vũ khí, tiền bạc, và cảm giác tuyệt vọng bắt đầu lan khắp nội bộ phong trào.

Những điều kiện đó ảnh hưởng tới nhiều người trung lập, khiến họ bắt đầu cộng tác với nhà cầm quyền. Cảnh sát cũng có một số thành công trong việc bắt giữ những người lãnh đạo Đảng và thu được thông tin qua thẩm vấn họ (do tra tấn). Tù nhân thường bị đánh bằng bằng dùi cui, bị treo lên tường hoặc thậm chí bị gí điện vào những vùng nhạy cảm trên cơ thể. Những thành công của Pháp trong việc dẹp bất ổn đã tạo ra nỗi khiếp sợ và chia rẽ trong phong trào, lo sợ gián điệp chui vào hàng ngũ đã trở thành căn bệnh địa phương. Khi Nguyễn Đức Cảnh, một cựu trào cách mạng, người đã tham dự hội nghị tháng 5-1929 của Hội, bị nhà cầm quyền thực dân ở Hà Tĩnh bắt, Tỉnh uỷ thông báo, quyết định ám sát ông trong tù để ông khỏi phản bội những người khác trong phong trào. Trong một thông báo khác, theo báo cáo Tỉnh uỷ, bất kỳ người Việt Nam nào bị nghi ngờ có quan điểm có lợi cho bọn đế quốc - chẳng hạn một thương gia, một địa chủ, hoặc thậm chí một người hầu việc trong nhà - có thể bị kết tội tử hình.

Cuối tháng 3-1931, Trần Phú triệu tập Hội nghị toàn thể lần thứ Hai Ban Chấp hành Trung ương tại Sài Gòn. Dù không có tin tức chính xác của cuộc thảo luận, nhưng khi kết thúc cuộc họp, một nghị quyết dũng cảm đưa ra tuyên bố phong trào đang có nhiều triển vọng do tình hình thế giới cũng như qua những cố gắng khẩn trương của Đảng. Nhưng bản nghị quyết thừa nhận, vẫn tồn tại những vấn đề nghiêm trọng. Phong trào ở các tỉnh miền Bắc hầu như hoàn toàn suy sụp do thiếu sự lãnh đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ, một vấn đề mà Ban Chấp hành Trung ương quy cho tàn dư do ảnh hưởng *"tiểu tư sản"* (di sản Hội Thanh Niên Cách mạng) trong Xứ uỷ. Do đó, những cán bộ địa phương không tuyển lựa một cách hiệu quả từ công nhân nhà máy và dân nghèo nông thôn. Bản nghị quyết kêu gọi cố gắng mở rộng đấu tranh giai cấp trong nông dân, xây dựng nhiều chi bộ Đảng trong nhà máy, cắt đứt ảnh hưởng

của những đảng phái dân tộc chủ nghĩa trong quần chúng.

Vài ngày sau khi kết thúc hội nghị toàn thể, mật thám Pháp dò ra trụ sở Ban Thường Vụ tại Sài Gòn và vây ráp trong lúc Ban Thường Vụ đang họp với các uỷ viên Xứ uỷ Nam Kỳ. Tất cả mọi người tại cuộc họp bị bắt trừ Tổng Bí thư Trần Phú. Ông tình cờ đến nhà vệ sinh trong vườn đúng lúc cảnh sát ập tới, ông cố gắng tránh bọn mật thám đuổi theo bằng cách thoát qua cổng hậu. Trong số những người bị bắt có Ngô Đức Trì, người đã phản bội các đồng chí của mình khi bị tra tấn. Đến 17-4-1931, Trần Phú là thành viên duy nhất của giới lãnh đạo Đảng vẫn còn lẩn trốn.

Ngay hôm ấy, Trần Phú viết một báo cáo lộn xộn gửi Văn phòng Viễn Đông, ông thuật lại chi tiết sự kiện tại hại này. Ông đổ lỗi tai hoạ vào những phần tử nằm trong đảng, tiếp tục hành động trên cơ sở của những chính sách sai lầm được ban bố bởi sự lãnh đạo trước đây. Trần Phú phàn nàn, Đảng cộng sản Đông Dương vẫn chưa phải đảng vô sản, mà là một đảng của tất cả các tầng lớp bị áp bức. Việc thiếu công nhân trong tổ chức dẫn đến *"tư tưởng tiểu tư sản"* và đối lập với đường lối chính sách bởi những phần tử nằm trong Xứ uỷ Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Trần Phú vẫn bày tỏ sự lạc quan về tương lai của phong trào, đánh giá, có khoảng 2.400 đảng viên đủ tài đức, so với chỉ có 1.600 ở tháng Mười. Hơn 63.000 dân nghèo gia nhập phong trào so với 2.800 vào tháng Tám. Để đảm nhận trách nhiệm như thế, ông yêu cầu tăng tiền quỹ hoạt động.

Khi Trần Phú trong vòng nguy hiểm phải lẩn tránh bàn tay mật thám, Hilaire Noulens ở Thượng Hải và Nguyễn Ái Quốc ở Hong Kong cùng nhau cố gắng tháo gỡ tình hình. Vào tháng 4-1931, Noulens viết cho Quốc, cho biết ông từng nhận những báo cáo của Quốc về những vấn đề nghiêm trọng ở Đông Dương và xác nhận, đang chuẩn bị một báo cáo chi tiết tình hình và sẽ nhanh chóng

gửi tới Hong Kong. Trong lúc chờ đợi, ông bày tỏ sự không hài lòng trước việc thiếu tin tức mà ông nhận từ Quốc về tình hình Đông Dương.

*"Chúng tôi thiếu tin tức trong những thư của anh, về tình hình nội bộ đảng và những hoạt động của các hiệp hội khác nhau. Có quá ít tin tức vì sao và những người bị bắt như thế nào, để rút ra bài học làm sao tránh bị bắt trong tương lai".* Noulens kết luận, sẽ *"không thực tế"* nếu Nguyễn Ái Quốc chuyển tới Thượng Hải vào lúc này. Tất cả những biện pháp chuẩn bị sơ bộ được chấp thuận trên đây, có thể sẽ được thực hiện trước khi đủ điều kiện để nói tới việc tổ chức một cuộc họp khác.

Ngày 20- 4-1931, vẫn còn chưa biết về làn sóng bắt bớ mới ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc viết cho giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương tại Sài Gòn một danh sách những phê bình theo ý Noulens. Về đề xuất của Xứ uỷ Trung Kỳ, tên của Đảng không nên thay đổi chính thức cho tới khi nào thành lập hai tổ chức đảng riêng rẽ ở Campuchia và Lào, Quốc né tránh, giải thích, chỉ thị Cộng sản Quốc tế đề nghị đảng mới giúp đỡ thành lập các chi bộ từ những người thuộc tầng lớp lao động ở cả hai xứ bảo hộ.

Dù vậy, Nguyễn Ái Quốc lo lắng về vai trò của chính mình. Ngày 24 - 4-1931, trong bức thư thứ hai gửi về Sài Gòn, phàn nàn ông chỉ là *"một hộp thư"* không hơn không kém và nói, đã yêu cầu Văn phòng Viễn Đông bổ nhiệm người thay và cử ông làm nhiệm vụ mới. Trong lúc chờ đợi, ông phản ứng một cách bực dọc trước những lời phàn nàn của Trần Phú bằng một danh sách vạch rõ rằng giá như báo cáo từ Ban Thường Vụ tới Hong Kong đều đặn, ông không phải dựa vào tin tức do đảng bộ địa phương cung cấp. Ông nói, thật không may Ban Thường Vụ đã không liên lạc với Văn Phòng Phương Nam của Quốc theo quy tắc thường kỳ, và tin tức

về tình hình ở Bắc và Trung bộ Việt Nam không tới được Hong Kong kể từ tháng 12. Dù Quốc thừa nhận, hoàn cảnh ở Đông Dương là khó khăn, song ông nhấn mạnh, cần phải cung cấp tin tức cho những đơn vị quản lý ở ngoài nước về tình hình Đông Dương. Nói khác đi, chẳng có cách nào đưa chỉ đạo và hướng dẫn cho những đơn vị như thế.

Trần Phú không nhận được bức thư này. Ngày 18-4-1931, một ngày sau khi bức thư dài giòng do chính ông viết chưa tới Thượng Hải, ông bị nhà cầm quyền Pháp bắt. Vài tháng sau, Trần Phú chết trong tù. Có nhiều sự giải thích khác nhau quanh cái chết của ông. Nhà cầm quyền thuộc địa báo cáo với Paris, ông chết do lao phổi, nhưng những nguồn tin của Đảng, ông bị tra tấn đến chết. Ngô Đức Trì và Nguyễn Trọng Nghĩa, hai uỷ viên Ban Thường Vụ, cũng trong tù. Khi Nguyễn Phong Sắc bị xử tử vào tháng 4-1931, Đảng hoàn toàn bị mất sự lãnh đạo trong nước.

Sự đàn áp của Pháp đối với sự bất ổn ở các tỉnh ở Trung Kỳ tiếp tục tàn bạo. Theo báo cáo của mật thám, đến cuối mùa xuân 1931 ít nhất 2.000 người chết, và 51.000 người ủng hộ phong trào bị giam cầm. Các tài liệu của Đảng bị Pháp tịch thu cho thấy chiều hướng gia tăng sự tuyệt vọng, mất chí khí và sự ẩu đả lẫn nhau trong nội bộ, nhà cầm quyền địa phương không ngừng tấn công những người nổi dậy. Như một nhà sử học của Đảng kể lại sau này:

*Ở Quảng Ngãi các cuộc biểu tình thông thường khoàng 300 đến 500 người xảy ra trong những tháng đầu năm 1931… Sau tháng 5-1931, những cuộc biểu tình bạo lực kèm theo với tử hình những kẻ phản bội. Cuộc biểu tình lớn nhất xảy ra tại Bồng Sơn, tỉnh Bình Định ngày 23-7. Ba đoàn người biểu tình, vũ trang bằng dao, gậy và súng, đi dọc quốc lộ, đẵn cây làm chướng ngại vật, cắt dây điện thoại và đốt ô*

*tô họ gặp dọc đường. Vài người giàu có bị giết.*

Cùng với sự đàn áp phong trào của chế độ thực dân, nạn hạn hán lan rộng ở các tỉnh Trung Kỳ. Một báo cáo của Pháp viết tháng 7-1931, do mất mùa, 90 phần trăm dân chúng huyện Nam Đàn (Nghệ An) bị đói. Ngay cả những người ôn hoà như Bùi Quang Chiêu cũng ghê tởm sự đàn áp hung bạo của Pháp. Dù các tỉnh Trung Kỳ bấy giờ yên tĩnh, tờ Tribune Indochinoise - Diễn Đàn Đông Dương - của ông nói, đó là *“sự yên lặng của chết chóc”*.

Ngày 12-5-1931, Hilaire Noulens gửi Nguyễn Ái Quốc bài dài phê phán về tình hình xảy ra ở Đông Dương. Noulens phê bình giới lãnh đạo đảng đi trệch đường lối chỉ đạo của Cộng sản Quốc tế trong một số mặt. *“Nổi dậy”* - đảng dán nhãn cho cuộc nổi dậy còn non yếu chống lại chế độ thực dân - chẳng có giá trị gì với chủ nghĩa cộng sản và những hành động lật đổ như bắn vào cảnh sát và những hành động khủng bố cá nhân sẽ chỉ làm tổn thương phong trào, mang tính anh hùng rơm. Những cuộc họp quá dài và công tác bí mật thường lỏng lẻo, đồng thời công việc tổ chức trong quần chúng thường lôi thôi, nhếch nhác. Tuy vậy, Noulens hứa sẽ cố gắng tới mức tối đa để phong trào cách mạng thế giới chú ý tình hình Đông Dương. Trong lúc chờ đợi, ông kết luận, *“bằng mọi cách, hãy viết cho chúng tôi về công việc của đồng chí kể cả thành tích và khuyết điểm v.v…”*…

Trong lúc chờ trả lời đề nghị của ông được chuyển đi Thượng Hải, Nguyễn Ái Quốc ở lại Hong Kong. Ông từng sống nhiều tháng trong một căn hộ ở Cửu Long, dính vào mối tình lãng mạn với Nguyễn Thị Minh Khai, uỷ viên dự khuyết tại hội nghị toàn thể tháng 10-1930. Cũng như bản thân Nguyễn Ái Quốc, “Duy” (bí danh của Nguyễn Thị Minh Khai) là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Sinh năm 1910 trong một gia đình danh tiếng ở Hà Đông, gần

Hà Nội, Minh Khai là cháu gái một quan chức ở Bắc Giang, người đã có học vị phó bảng. Cha của cô, Nguyễn Văn Bình, từng học tiếng Pháp nhưng sau khi trượt cuộc thi tuyển công chức, quyết định làm viên chức hoả xa ở Vinh sau năm 1907. Sau khi học trường nữ sinh tiểu học ở Vinh, Minh Khai chuyển sang trường trung học khi mười bốn tuổi. Tại đây, cô được Trần Phú truyền bá tư tưởng cách mạng, Trần Phú thuyết phục cô gia nhập Đảng Tân Việt. Đẹp và thông minh, cô tới Hong Kong, đã lọt vào mắt Quốc.

Người ta vẫn không biết rõ mối quan hệ lãng mạn của Minh Khai với Nguyễn Ái Quốc ra sao, họ đã làm đám cưới hay chưa cho đến nay vẫn không rõ. Mối quan hệ trước đây của Quốc với Tuyết Minh, người vợ Trung Hoa của ông ở Quảng Đông, có lẽ đã chấm dứt sau khi ông rời Trung Quốc tháng 4-1927, mặc dù có một số tin đồn, Tuyết Minh tình cờ gặp ông sau khi ông cư trú ở Hong Kong đầu năm 1930. Nếu vậy, mối tình này không được hàn gắn. Lâm Đức Thụ, đồng sự một thời của Nguyễn Ái Quốc trong Hội, kể với mật thám, Tuyết Minh chê Quốc quá già so với cô và đã đồng ý lấy ông chỉ vì túng thiếu. Cảm nghĩ của Quốc trong vấn đề này không rõ ràng, nhưng khoảng một năm sau khi rời Quảng Châu, ông viết cho Tuyết Minh một bức thư ngắn, thư này Thụ đưa cho mật thám Pháp: *"Dù chúng ta xa nhau gần một năm, tình cảm của chúng ta vẫn còn, dù không nói lên lời. Anh muốn nhân dịp này gửi tới em vài dòng để em an tâm, và nhờ em chuyển những lời chúc tốt nhất tới mẹ em"*.

Mối quan hệ giữa Nguyễn Ái Quốc với Tuyết Minh chấm dứt, mùa xuân 1931 ông có cảm tình với nữ liên lạc Việt Nam trẻ tuổi và đề nghị Văn phòng Viễn Đông cho phép cưới. Trong một bức thư gửi Quốc vào tháng 4-1931, Noulens đáp, cần biết ngày cưới trước hai tháng. Không lâu sau, Minh Khai bị cảnh sát Anh bắt ở Hong Kong vì tình nghi dính líu đến những hoạt động lật đổ. Vì cô

khai là công dân Trung Hoa mang tên Trần Thái Lan, nên bị chuyển giao cho chính quyền Trung Hoa ở Quảng Châu và bị tống giam vài tháng trước khi được thả do không đủ chứng cớ.

Thái độ của Nguyễn Ái Quốc trước việc Minh Khai bị bắt và bị dẫn độ vẫn còn là bí ẩn. Trong thư gửi Noulens cuối tháng 4 hoặc đầu tháng 5-1931, ông coi đó là một tai nạn, nhấn mạnh một cách ngắn gọn, một trong các đồng chí làm nhiệm vụ liên lạc trong văn phòng ông đã bị nhà cầm quyền theo dõi. Ông quay lại vấn đề tình thế của chính mình và lặp lại yêu cầu của ông được chuyển đi Thượng Hải. Ông đề nghị *"Hãy làm những gì mà ông có thể làm được cho tôi, dù đó là điều khó chịu".*

Trong lúc Nguyễn Ái Quốc chờ tin tức phản hồi về đề nghị của mình, Serge Lefranc vẫn đang tiếp tục chuyến đi khắp Đông Nam Á. Sau khi dừng chân tại Sài Gòn, Lefranc tới một vài nước khác trong khu vực và sau đó lên tàu thuỷ President Adams tới Singapore, thuộc địa Anh. Dù đóng vai thương gia, mục đích của ông, hội ý với những người lãnh đạo Đảng cộng sản Malaysia và chuyển thông tin về hoạt động của đảng này tới Nguyễn Ái Quốc ở Hong Kong và Hilaire Noulens ở Thượng Hải, cả hai đang háo hức hàng tháng trời mong ngóng. Được Nguyễn Ái Quốc gửi thư báo trước chuyến đi của Serge Lefranc, lãnh tụ Đảng cộng sản Malaysia Phó Đại Khánh, Hoa Kiều, trước đây từng hợp tác với Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng cộng sản Xiêm, thu xếp gặp Lefranc bí mật ở bến cảng Collier, dọc bờ biển Singapore.

Nhà cầm quyền Anh ở London từ lâu đã biết chuyến đi của Lefranc, ra sức truy tìm trong thời gian ông dừng chân ngắn ở Ấn Độ và Ceylon, nhưng họ đã mất dấu vết. Tuy nhiên, giờ đây họ gặp may. Phó Đại Khánh bị cảnh sát theo dõi ở Singapore do ông liên lạc với Tan Malaka, đảng viên Đảng cộng sản Indonesia. Khi được

tin Phó và một đồng sự đã gặp một người châu Âu mang tên Lefranc ở bến cảng Collier, cảnh sát địa phương kết luận, Lefranc có thể là Joseph Ducroux người mà London đã cảnh báo họ. Sau khi bắt Lefranc và những người tiếp xúc với ông, cảnh sát khám phòng ông ở khách sạn và thu giữ toàn bộ giấy tờ. Lefranc không cẩn thận đối với những tài liệu cần phải huỷ bỏ, trong mớ giấy tờ đó có những bức thư của Nguyễn Ái Quốc ở Hong Kong (với bí danh T. V. Vương), và của Noulens ở Thượng Hải. Dựa trên những chứng cớ này, Lefranc và những người tòng phạm với ông bị xử án ở Singapore và bị kết án tù, đồng thời cảnh sát địa phương đánh điện thông báo cho cảnh sát Anh ở Hong Kong và Thượng Hải.

Lúc 2 giờ sáng ngày 6-6-1931, cảnh sát Anh tới căn hộ của Quốc ở khu đông dân cư ở Cửu Long. Ở đây họ phát hiện một người đàn ông trong căn hộ ở tầng hai cùng với một thiếu nữ Việt Nam. Người đàn ông nhận mình là người Trung Quốc mang tên T.V. Vương, còn người phụ nữ nhận mình là cháu gái của ông, Lý Sâm. Nhiều bài luận văn chính trị và những bản tuyên ngôn bị thu giữ tại căn hộ, khẳng định, người đàn ông này chính là Nguyễn Ái Quốc, nhà cách mạng kỳ cựu của Quốc tế Cộng sản. Người thiếu nữ sau này được biết là Lý Ưng Thuận, vợ của Hồ Tùng Mậu. Việc Nguyễn Ái Quốc bị bắt là một thiệt hại lớn lao, nó không chỉ làm gián đoạn mối liên lạc vốn đã mong manh với các đảng viên ở Đông Dương mà còn có nguy cơ giao ông vào tay người Pháp, hoặc triều đình An Nam. Nếu việc đó xảy ra, vai trò tương lai của ông là một đặc vụ Cộng sản Quốc tế và lãnh tụ phong trào cách mạng Việt Nam sẽ lâm vào hoàn cảnh cực kỳ nguy hiểm.

# CHƯƠNG

## SỐNG TRONG VÙNG HOANG DÃ

Việc bắt Nguyễn Ái Quốc năm 1931 ở Hong Kong là một phần trong hàng loạt chiến dịch lớn của chính quyền thực dân vây bắt những nhà hoạt động cộng sản khắp Đông Á. Chiến dịch mở màn vào đầu tháng 6-1931, bằng việc bắt Serge Lefranc ở Singapore, điệp vụ Cộng sản Quốc tế, đang thực hiện chuyến đi Đông Nam Á thay mặt Ban Bí thư Liên đoàn Thương Mại Thái Bình Dương ở Thượng Hải. Ngày 5-6-1931, Lê Quang Đạt, đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương, người được Quốc chỉ định làm liên lạc với Văn phòng Viễn Đông, bị bắt tại tô giới Pháp ở Thượng Hải. Sáng sớm hôm sau, Nguyễn Ái Quốc và đồng sự của ông Lý Sâm bị bắt ở Hong Kong. Vài ngày sau, Hilaire Noulens và vợ bị cảnh sát thành phố bắt tại một khu cư dân Quốc tế ở Thượng Hải. Noulens, danh tính của ông vẫn bí ẩn đối với nhà cầm quyền thực dân, tự nhận mình một công dân Bỉ, nhưng ngay sau đó người ta phát hiện ông có vài hộ chiếu mang tên khác nhau, quốc tịch khác nhau và lời khai của ông bị lãnh sự Bỉ ở Thượng Hải bác bỏ.

Dù không có chứng cớ Noulens làm điều gì sai trái trong bất cứ hành động tấn công ở khu cư dân quốc tế, nhưng các quan chức an ninh châu Âu tin vai trò bí mật của ông là đại diện Cộng sản Quốc tế ở Viễn Đông. Sau vài ngày tạm giam ở Thượng Hải, Noulens và

vợ bị giao cho chính quyền Trung Hoa ở tỉnh Giang Tô, ông bị tống giam sau khi bị xử án ở thành phố Nam Kinh. Nhờ những cố gắng của Cứu Tế Đỏ (do Liên Xô tài trợ), cuối cùng Noulens và vợ được thả tự do và trở lại Moscow.

Trong lúc ấy, Nguyễn Ái Quốc (tự nhận là nhà báo Trung Hoa Tống Văn Sơ) bị bắt mà không có trát của toà, đồng thời cảnh sát địa phương thu được những bằng chứng có thể khép ông vào những hoạt động lật đổ do Cộng sản Quốc tế xúi giục. Dù ông không vi phạm luật pháp ở Hong Kong, nhưng cảnh sát Anh không cho phép dùng lãnh địa Anh để xúi giục sự bất ổn ở những nước lân bang. Chính quyền địa phương tin chắc người bị bắt chính là Nguyễn Ái Quốc. Một số tìm cách trao ông cho nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương. Nhưng có một hiệp định Pháp - Anh không cho phép dẫn độ những người hoạt động chính trị, nên chỉ có thể ra trát trục xuất ông ra khỏi đất Hong Kong. Sau khi xác định Tống Văn Sơ chính là Nguyễn Ái Quốc, chính phủ Hong Kong đã quyết định sáu ngày sau khi bắt giữ ông, sẽ làm thủ tục điều tra theo pháp lý để ra lệnh trục xuất. Thời bấy giờ việc trục xuất thường được tiến hành trên một tàu thuỷ đặc biệt, chạy tới một cảng đặc biệt và diễn ra dưới sự canh gác của cai tù có vũ trang.

Dù Nguyễn Ái Quốc không trình được hộ chiếu, nhưng nói ông có hộ chiếu mang tên Tống Văn Sơ, khẳng định không phải người Việt Nam mà là người Trung Quốc. Những trường hợp như thế này, thủ tục thông thường phải tiến hành điều tra để xác định danh tính thực và nơi sinh người bị bắt trước khi ra quyết định xử lý. Cuộc điều tra như thế tiến hành ngày 10-7-1931, nói bằng tiếng Anh, người tù phủ nhận là Nguyễn Ái Quốc, sinh quán Đông Hưng, thị trấn nhỏ ở tỉnh Quảng Đông gần biên giới Đông Dương. Ông tuyên bố đã từng tới Pháp, nhưng không đến nước Nga Xô viết, cũng chưa từng liên hệ với Cộng sản Quốc tế. Ông khẳng định là

người theo chủ nghĩa quốc gia, không phải cộng sản. Ông phủ nhận sự quen biết với Serge Lefranc, nhưng thú nhận đã ký tên vào bưu thiếp được tìm thấy trong túi của Lefranc ở Singapore. Ông tranh cãi kịch liệt chống lại việc bị trục xuất về Đông Dương, yêu cầu dẫn độ về nước Anh.

Trước khi kết thúc phiên điều trần trục xuất, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu nhận được sự giúp đỡ hợp pháp từ một cơ sở bất ngờ. Có nhiều giả thuyết đưa ra. Tại sao vị luật sư trẻ tuổi ở Hong Kong Frank Loseby lại dính vào vụ này? Có giả thuyết cho rằng, có một nhân viên trong văn phòng của Frank Loseby là người Việt Nam nhờ ông làm việc này. Trong hồi ký của mình, Hồ Chí Minh giải thích, ông và Loseby từng có một tình bạn không ai biết ở Hong Kong. Theo nguồn tin ở Hà Nội ngày nay, Loseby được Cứu Tế Đỏ Quốc tế và Hội phản đế (một tổ chức đóng ở Moscow chuyên trợ giúp cho những người cấp tiến xuất chúng bị bắt ở những nước tư bản) chính thức thuê làm luật sư bào chữa cho Nguyễn Ái Quốc.

Loseby ngay lập tức tham gia vụ kiện. Bị từ chối khả năng một lệnh dẫn độ, chính phủ Pháp ở Đông Dương - đang theo dõi sát cuộc điều tra - thông qua tổng lãnh sự Pháp ở Hong Kong đề nghị thông báo khi nào và bằng cách nào Nguyễn Ái Quốc bị trục xuất khỏi thuộc địa Anh. Tuy nhiên, Loseby cảnh báo chính quyền Hong Kong rằng nếu áp dụng những thủ tục trục xuất thông thường, Nguyễn Ái Quốc và Lý Sâm - người phụ nữ trẻ bị bắt cùng với ông - bị đặt vào tình thế cực kỳ nguy hiểm, vì Pháp sẽ bắt ông tại điểm rời tầu và đưa về Đông Dương để xử án. Do vậy Loseby đề nghị cho phép Quốc và Lý Sâm được rời đi theo cách tự họ thu xếp và tới một nơi họ lựa chọn.

Thống đốc Hong Kong miễn cưỡng đồng ý. Ngày 24 tháng 7, Loseby gọi điện tới Văn phòng Thuộc địa ở London nói có thể

Nguyễn Ái Quốc sẽ được trả tự do, với điều kiện ông phải rời Hong Kong trong vòng bẩy ngày. Thống đốc Hong Kong thú nhận việc trục xuất Quốc về Đông Dương, đơn thuần chỉ là nguỵ trang việc dẫn độ và đã *"chống lại những nguyên tắc của nước Anh"*.

Đến lúc này, những thông cáo báo chí do Cộng sản Quốc tế tài trợ và những chi nhánh đăng tải việc bắt Nguyễn Ái Quốc để thu hút dư luận khắp thế giới. Jules Cambon, đại sứ Pháp ở London, đã bày tỏ mối quan tâm của chính phủ Pháp đối với sự kiện này, nói rõ, Quốc là *"một kẻ nguy hiểm quốc tế"* và không cho phép được trả tự do. Dù Paris không có lý lẽ hợp pháp yêu cầu dẫn độ Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương, Cambon muốn nhà cầm quyền Anh biết quan điểm của Pháp về việc này. Cambon cũng lặp đi lặp lại đề nghị của Tổng lãnh sự Pháp ở Hong Kong, Nguyễn Ái Quốc sẽ bị trục xuất theo cách *"tạo điều kiện dễ dàng cho nhiệm vụ của Toàn quyền Đông Dương"*. Bộ ngoại giao Anh, muốn làm hài lòng Pháp về vấn đề liên kết trong việc chống những hoạt động lật đổ, đồng ý với yêu cầu của Tổng lãnh sự Pháp, đề xuất Quốc sẽ bị trục xuất về An Nam, như Paris yêu cầu.

Đề xuất của Bộ ngoại giao Anh làm nổ ra làn sóng tranh luận tại Văn phòng Thuộc địa ở London qua việc trao Nguyễn Ái Quốc cho Pháp. Một số quan chức cảm thấy ông không phạm điều gì chống lại luật pháp Anh, lý do duy nhất trục xuất chỉ vì ông là người cộng sản. Điều này, theo lời một quan chức, chẳng khác gì "*quàng thòng lọng Pháp vào cổ ông ta*". Nhưng người khác cho rằng phải trao cho người Pháp. Một quan chức thuộc địa ghi nhận vào tháng 8-1931:

*Cá nhân tôi ủng hộ việc trả người đàn ông này về tổ quốc ông ta như Bộ ngoại giao Anh đã đề xuất. Ông là một trong những người kích động tai hại nhất đang bị nằm trong túi, sau khi bắt Lefranc ở Thượng*

*Hải. Chỉ vì kém may mắn chúng ta không đủ chứng cớ bỏ tù ông ta tội hoạt động cách mạng ở Hong Kong.*

*Chỉ vì tinh thần thượng võ nên đã nghiêng về hướng cho phép người đàn ông này đi tới Nga thay vì trao ông ta vào tay kẻ thù, nhưng tôi nghĩ đây là một trường hợp cần tước bỏ bản tính cao thượng này. Tội ác của kẻ làm cách mạng ở An Nam là những việc làm ti tiện bẩn thỉu, bao gồm các kiểu giết người, thậm chí đốt phá công sở và tra tấn người tới chết. Với những tội ác kiểu này, cá nhân Nguyễn phải chịu trách nhiệm, dù những sự việc sảy ra ông chỉ đạo từ xa chứ bản thân không tự tay nhúng vào.*

*Ngoài ra, nếu được thả tự do, ông ta sẽ tiếp tục xúi giục gây tội ác, tôi hoàn toàn đồng ý với Bộ ngoại giao và chính phủ Pháp, đây là lợi ích chung của văn minh Đông phương mà các chính quyền thuộc địa nên sát cánh cùng nhau, giúp đỡ lẫn nhau để triệt bỏ những kiểu tội ác này, loại tội ác có tính lây lan cao.*

Do yêu cầu của Bộ ngoại giao Anh, Thống đốc Hong Kong ra lệnh mới trục xuất Quốc về thẳng Đông Dương. Để chặn trước khả năng này, Loseby tới Toà Thượng Thẩm Hong Kong yêu cầu lệnh đình quyền giam giữ để bắt buộc có phiên toà công khai. Ngày 14-8 -1931, Toà Thượng Thẩm triệu tập để nghe vụ án. Trong thời gian vụ kiện kéo dài vài tuần, Loseby chống lệnh trục xuất mới của chính phủ, tuyên bố việc điều tra trục xuất đã sai thủ tục, bởi việc hỏi bị cáo về bản chất chính trị mà điều đó không nằm trong phạm vi mục đích ban đầu của cuộc điều tra. Khi Chánh án Joseph Kemp cảnh báo chính quyền Hong Kong ông có quyền chống lại lệnh trục xuất, một lệnh mới lập tức được thảo ra theo những điều khoản khác nhau của Sắc lệnh trục xuất năm 1917. Toà Thượng Thẩm thông qua sự thay đổi, lưu ý rằng mặc dù lệnh trục xuất hậu quả của nó tương đương với việc dẫn độ có thể bị chê trách về lý do

chính sách, nhưng nó không trái với luật pháp Anh. Đòi hỏi của Nguyễn Ái Quốc về lệnh đình quyền giam giữ đã bị từ chối ngay sau đó, ông một lần nữa là đối tượng trục xuất về Đông Dương. Lý Sâm được lệnh thả và được phép rời Hong Kong theo cách riêng của cô.

Frank Loseby đã thấy trước phán quyết của Toà Thượng Thẩm, ông lập tức gửi yêu cầu khẩn cấp tới Hội đồng Cơ mật ở London với lý lẽ quyết định này lạm dụng quyền lực hành pháp. Tiếp nhận vụ án, Hội đồng Cơ mật cho Nguyễn Ái Quốc một cơ hội. Vì yêu cầu khẩn không được xem xét suốt vài tháng, ông được chuyển từ nhà tù Victoria tới bệnh viện đường Bowen. Loseby thông báo cho nhà cầm quyền rằng nếu lệnh trục xuất về Đông Dương theo điều khoản 6 Sắc lệnh trục xuất bị huỷ bỏ, Quốc đồng ý chủ động rời Hong Kong theo cách riêng. Ông yêu cầu cho phép tạm thời tới nước Anh.

Tuy không ốm nặng, nhưng Nguyễn Ái Quốc kiệt quệ và hốc hác. Trong hồi ký, ông phàn nàn ở Hong Kong bị giam trong ngục tối, bị hành hạ, thức ăn là gạo hẩm, cá ươn, một chút thịt bò. Đôi khi, ông cũng thoáng qua sự tuyệt vọng trong giây lát vì không được thả. Ông kể bắt rệp, chấy rận là thứ tiêu khiển duy nhất. Để giết thời gian ông cũng hát hoặc làm thơ và viết thư cho bạn bè trên những mẩu giấy ông tìm được trong tù.

Theo một số nguồn tin, tại bệnh viện đường Bowen ông cũng được ở phòng tương đối tiện nghi và được ngài thư ký thuộc địa và vợ (bạn thân của bà Loseby), cũng như một số người châu Âu khác tới thăm thường xuyên. Do thức ăn trong bệnh viện không đủ, Frank Loseby đặt thêm đồ ăn từ một nhà hàng địa phương. Nguyễn Ái Quốc dùng thời gian nhàn rỗi đọc sách, viết báo cáo, viết một cuốn sách bằng tiếng Anh về triết lý bản thân mình.

Không may, vợ chồng Losebys đánh mất cuốn sách này trong Thế chiến II.

Như thường lệ, Nguyễn Ái Quốc không bỏ lỡ dịp may để tuyên truyền cách mạng. Khách người Anh thường thăm nhà tù hoặc bệnh viện chăm chú nhìn nhân vật Bolsevich "lạ lùng". Nhân viên người Trung Quốc và bạn bè của họ thỉnh thoảng cũng dừng lại, nhưng họ lễ phép hơn. Như Quốc viết trong một cuốn tự truyện:

*Một hôm, một hộ lý người Trung Quốc, người được phân công chăm sóc Bác (tác giả trong cuốn sách) bí mật hỏi ông: "Bác ơi, cộng sản là gì? Người cộng sản đã làm gì để bị bắt?" Cô hộ lý biết rằng những người cộng sản không phải là bọn buôn lậu, trộm cắp, hoặc giết người, nhưng cô không thể hiểu tại sao những người cộng sản bị bắt.*

*Bác đáp "Đơn giản thôi, những người cộng sản hy vọng làm nó để những hộ lý Trung Quốc không phải nhận lệnh từ những người Anh cai trị họ". Cô hộ lý nhìn Bác với cặp mắt mở to và đáp, "Thực thế ư?"*

Trong thời gian bị giam, Nguyễn Ái Quốc được phép gửi và nhận thư. Vài tuần sau khi bị bắt, ông gửi một bức thư cho Lâm Đức Thụ, cựu hội viên Hội Thanh Niên Cách mạng - bị các đồng chí của ông mất lòng tin vì nghi làm gián điệp cho Pháp. Quốc giải thích đang bị tù ba tuần và rất xấu hổ. Ông đau xót nói *"Tôi không có cha mẹ. Ai sẽ làm chứng cho sự vô tội của tôi?"* Quốc khẩn khoản nhờ người đồng sự một thời làm mọi cách để ông được tự do và thề biết ơn suốt đời.

Đề nghị của Nguyễn Ái Quốc thật viển vông. Vài tháng sau, Thụ báo cáo với viên sĩ quan Pháp mà Thụ ngầm liên lạc, Quốc đề nghị xin 1.000 đô-la Hong Kong để có thể đi tới châu Âu sau khi được thả. Khi Thụ hồi âm không có tiền giúp, Quốc yêu cầu Thụ thuyết phục vợ bán một đồ tư trang đồng thời đề nghị Thụ giúp tổ chức

lại Đảng, nhưng Thụ trả lời không thể làm được, vì các đồng chí vẫn nghi ngờ ông. Dù Thụ khước từ và thực tế Nguyễn Ái Quốc phải biết Lâm Đức Thụ là kẻ phản bội, song ông vẫn liên lạc thư từ. Cuối tháng 11 -1931, ông viết cho Thụ rằng sức khoẻ của ông tồi tệ và thường ho ra máu. Ông đau xót nói rằng *"nếu căn bệnh này tiếp tục, tôi sợ sẽ chết trong tù. Nhưng tôi tin ở mệnh Trời".* Ông khuyên Lâm Đức Thụ đừng thăm ông để tránh rắc rối với chính quyền.

Thực vậy, đây có thể là thời gian cô đơn nhất của ông. Người tình của ông, Nguyễn Thị Minh Khai trẻ tuổi, hiện đang trong nhà tù Trung Hoa. Cha ông đã mất hai năm trước ở Nam Kỳ, trong cảnh nghèo túng. Quốc đã cố gắng giữ liên lạc qua thư từ với anh trai và chị gái. Ông Khiêm, anh trai ông, bị Pháp tống tù vì những hoạt động lật đổ năm 1914. Năm 1920, sau khi được thả, ông Khiêm bị cảnh sát Huế theo dõi, ở đó ông hành nghề bốc thuốc kiêm thầy địa lý, một công việc cho phép ông kín đáo thu xếp những hoạt động bí mật. Ông cũng nghèo khó, năm 1926 Quốc bí mật gửi một số tiền nhỏ qua sự giúp đỡ của Phan Bội Châu.

Nguyễn Thị Thanh, chị gái của Quốc, cũng gặp rắc rối với nhà cầm quyền. Bà bị bắt vì tàng trữ vũ khí năm 1918, được thả năm 1922 nhưng bị đặt dưới sự theo dõi. Bà sống ở Huế, giống như ông Khiêm - em trai, hành nghề bốc thuốc đồng thời bí mật tham gia chống Pháp. Khi cha bà mất năm 1929, bà về Kim Liên một thời gian ngắn để an ủi những người thân trong gia đình.

Số phận Nguyễn Ái Quốc nằm trong tay Hội đồng Cơ mật ở London, quan chức Anh tiếp tục thảo luận vấn đề này. Quan điểm của Văn phòng Thuộc địa ủng hộ khuyến nghị của Thống đốc, ông sẽ được thả và được phép rời Hong Kong theo ý muốn của ông. Nhưng Bộ ngoại giao Anh vẫn tìm mọi cách vừa lòng Pháp, để

nghị nhà cầm quyền Hong Kong cứ giam Quốc cho tới khi Pháp thu thập được những chứng cứ buộc tội ông. Trong lúc chờ đợi, Văn phòng Thuộc địa đồng ý trì hoãn việc thả ông cho tới khi Hội đồng Cơ mật quyết định việc này.

Ngày 22 tháng 12, Jacques Truelle, đại sứ mới của Pháp ở London, phúc đáp những yêu cầu của Anh về thông tin buộc tội Nguyễn Ái Quốc ở Đông Dương. Truelle nói với Văn phòng Thuộc địa, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa ở Paris có bằng chứng mới nhất khẳng định những nghi ngờ của Pháp rằng Nguyễn Ái Quốc thực sự là đặc vụ của Cộng sản Quốc tế làm liên lạc với tất cả những đảng cộng sản ở Đông Nam Á. Ông nhấn mạnh, trong số những đảng này, có Đảng cộng sản Mã Lai, thuộc địa của Anh. Truelle giải thích, triều đình An Nam đã buộc tội Quốc là kẻ chủ mưu kích động nổi loạn xảy ra gần đây ở các tỉnh Trung Kỳ. Thoạt đầu, Toà án thành phố Vinh kết án tử hình Quốc, nhưng tháng 10-1929, Toà Thượng Thẩm ở Huế xem lại, bản án được giảm thành khổ sai chung thân. Tháng 2-1930, toà án quyết định Nguyễn Ái Quốc sẽ bị xử thêm một lần nữa sau khi bị nhà cầm quyền Pháp giữ. Truelle giải thích thêm, tại phiên toà mới này, Quốc sẽ bị buộc tội chủ trương và kích động nổi loạn chống lại chính phủ Nam triều, tội giết người, cướp phá và tuyên truyền học thuyết lật đổ chính phủ. Truelle tuyên bố, những lời buộc tội, dựa trên chứng cớ có trong một số tài liệu, có chữ ký của Quốc, hiện nằm trong tay nhà cầm quyền Pháp. Truelle quả quyết với London, những lời buộc tội đó chắc chắn sẽ được đưa ra sau khi Thống Sứ Pháp ở Trung Kỳ thông qua. Truelle trấn an đồng nghiệp Anh, nếu Nguyễn Ái Quốc bị buộc tội, thống sứ cam đoan sẽ không có bản án nặng.

Cuối năm 1931, yêu cầu của Nguyễn Ái Quốc cuối cùng cũng tới Hội đồng Cơ mật ở London. Bào chữa cho ông là luật sư D. N. Pritt thuộc hãng luật gia Light & Fulton, còn đại diện cho chính phủ

Hong Kong là nhà hoạt động chính trị xuất sắc Công Đảng Anh - Stafford Cripps. Theo luật sư của Quốc, Cripps nhanh chóng phát hiện những điều vớ vẩn trong vụ án gây ảnh hưởng uy tín chính phủ Hong Kong. Ông gặp Pritt với bản dự thảo giải quyết vấn đề bằng cách cho phép Nguyễn Ái Quốc rời Hong Kong *"theo cách riêng của ông ta"*. Nhưng cố vấn luật sư tại Văn phòng Thuộc địa trách cứ Cripps đã từ chối tranh cãi vụ án, cho ông có thiện cảm với những người làm chính trị bị kết án. Một số nhà văn thậm chí còn cho là Nguyễn Ái Quốc được thả sau khi đồng ý trở thành đặc vụ Anh.

Luật sư của Nguyễn Ái Quốc đồng ý chấp nhận đề nghị thoả hiệp. Chính phủ Anh chấp thuận yêu cầu của ông với Hội Đồng Cơ Mật, giúp ông đi đến nơi ông muốn. Nguyễn Ái Quốc bày tỏ sự mãn nguyện, chấp nhận quyết định. Do vậy cuộc dàn xếp giữa hai bên diễn ra vào buổi sáng hôm điều trần, ngày 27-6-1932. Vì thế vụ án chưa bao giờ được đem ra tranh cãi tại phiên toà công khai.

Dù bây giờ ông có đủ tư cách không bị cảnh sát giam cầm, Nguyễn Ái Quốc vẫn lo sợ khả năng nhà cầm quyền Pháp cố tình bắt ông trên đường tới London. Do tàu thuỷ Liên Xô không cập cảng Hong Kong, Loseby đề nghị chính phủ thu xếp quy chế tạm thời cho ông sống tại Anh. Quan chức Anh ở Hong Kong thoạt đầu thông báo với ông, họ không phản đối sự thu xếp. Tuy nhiên, một vấn đề mới nảy sinh, khi kế hoạch ra đi của ông được đề cập với nhà cầm quyền Anh. Nguyễn Ái Quốc rất lo ngại đi trên một con tàu, qua kênh Suez, điệp viên Pháp có thể bắt ông tại Port Said (Ai Cập). Ông đề nghị cho phép tới châu Âu quá cảnh Australia và Nam Phi. Tuy nhiên, chẳng có nước nào vui lòng tiếp ông. Quan chức Hong Kong thông báo cho Loseby, không phản đối thu xếp quy chế tạm thời cho ông tại Anh trên đường tới Liên Xô. Hóa ra sau này mới biết do có sai sót về văn bản. Chính phủ Anh khởi

thuỷ cho biết ông không được đến Anh, nhưng chữ *“không”* đã bị xoá một cách tình cờ từ bản thông báo.

Buộc phải từ bỏ kế hoạch tới Anh, Nguyễn Ái Quốc tìm cách khác tới Moscow. Ông quyết định đi Singapore, lên một tàu thuỷ Liên Xô xuất phát từ đó đi Vladivostok. Tuy nhiên, lúc này nhà cầm quyền bực tức do chậm trễ tống khứ người khách gây phiền nhiễu của họ, những cuộc thương lượng về chuyến đi và nơi ở sắp tới của ông đã kéo dài vài tuần lễ, như lời một quan chức Anh nói với một quan chức mật thám Pháp: *“Chẳng ai muốn ông ta”.* Buổi chiều ngày 28-12-1932, ông rời bệnh viện, được trở lại sống tự do trên phố với lệnh phải ra khỏi thuộc địa Hong Kong trong vòng hai mươi mốt ngày.

Sau khi tá túc ngắn ngày ở nhà vợ chồng Losebys, Nguyễn Ái Quốc - cải trang ông đồ nho với bộ râu lún phún, thuê một buồng trọ tại Hội Thanh Niên Thiên Chúa Giáo của người Trung Quốc ở Cửu Long. Cố gắng làm giảm thiểu nguy hiểm do mật thám Pháp theo dõi, vợ chồng Losebys tung tin trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bị lao phổi trong bệnh viện. Cộng sản Quốc tế cũng góp một tay phao tin này. Tờ Daily Worker (Công nhân hàng ngày) xuất bản ở London đăng tin Quốc chết trong tù ngày 11-8-1932. Với sự giúp đỡ của bà Loseby, Quốc tìm đường lên tàu tới Singapore.

Nhưng những rắc rối vẫn chưa tha ông. Khi tới Singapore ngày 6-1-1933, ngay lập tức ông bị cơ quan nhập cư bắt và tống trở lại Hong Kong trên tàu Hà Sinh. Xuống tàu tại Hong Kong, người ta nhận ra ông và bắt giam ông với lý do nhập cảnh không có giấy tờ hợp lệ. Nhà cầm quyền quyết định bỏ qua lỗi vi phạm lệnh trục xuất - bất chấp sự phản đối của cảnh sát địa phương - lại thả ông ngày 22-1, với lệnh phải rời khỏi thuộc địa Hong Kong trong vòng ba ngày. Vợ chồng Loseby thu xếp một chỗ ở bí mật cho ông ở Tân

lãnh địa, đồng thời tìm con đường khác đưa ông ra khỏi thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc ra đi với một người tháp tùng, trên tàu thuỷ Trung Hoa dự kiến rời Hong Kong đi Hạ Môn ngày 25-1-1932. Để tránh con mắt tọc mạch của mật thám Pháp, Quốc được hộ tống vào ban đêm tới một bến tàu trong bộ áo choàng toàn thân. Từ đây một chiếc xuồng máy được chính phủ giấu sẵn chở ông tới eo biển Lý Ngư Môn, sát bến cảng, nơi chiếc tàu thuỷ đang chờ ông.

Tầu tới Hạ Môn - cảng nhượng địa của nước ngoài ở tỉnh Phúc Kiến, còn gọi là cảng Amoy - vào sáng hôm sau. Nguyễn Ái Quốc và người tháp tùng xuống tầu, đi tới Hội Thanh Niên Thiên Chúa Giáo Trung Quốc ở thị trấn thuộc lãnh thổ Trung Hoa. Nghỉ Tết cùng bạn bè, ông ở lại vài tuần vì quá mệt mỏi. Sau khi nhận tiền từ một người Trung Hoa giàu có quen biết Loseby, cuối cùng ông tới Thượng Hải bằng tầu thuỷ. Thành phố công nghiệp và thương mại lớn này, từng diễn ra hoạt động mạnh mẽ của phong trào lao động cánh tả, vừa bị Tưởng Giới Thạch ra tay đàn áp tháng 4-1927, quét sạch những phần tử cấp tiến trong *"vụ thảm sát Thượng Hải"*. Chỉ còn lại một số ít đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc, sống lẩn quất trong thành phố tránh lực lượng an ninh Tưởng Giới Thạch. Để tránh mật thám ở tô giới Pháp, Quốc sống ở một khách sạn sang trọng đồng thời cải trang là một thương gia giàu có. Vì tiền túi eo hẹp, ông ăn một mình, tự giặt quần áo trong phòng. Người ta khuyên Quốc nên thận trọng, vì mật thám tuy đã mất tăm hơi ông, nhưng hiện giờ nghe đồn ông đang ở nam Trung Hoa, Đông Dương, hoặc Xiêm. Khi ông ở Thượng Hải, cảnh sát tô giới Pháp tăng cường truy lùng và treo giải thưởng lớn bắt ông.

Nguyễn Ái Quốc không tìm thấy trụ sở Đảng cộng sản Trung Quốc địa phương hoạt động dưới vỏ bọc để bắt liên lạc với các đồng chí Trung Quốc, giúp ông tiền bạc cho chuyến đi, nhưng ông gặp may khi phát hiện ra Paul Vaillant-Couturier, đồng sự thân

thiết, người đỡ đầu ông từ những ngày đầu thành lập Đảng cộng sản Pháp, thành viên đoàn đại biểu những người chống chiến tranh của Quốc Hội Pháp đang ở thăm Thượng Hải. Từ trước, qua bạn bè trong Đảng cộng sản Trung Quốc, Quốc biết trong trường hợp khó khăn nhất, ông có thể liên lạc với họ qua bà Tống Khánh Linh, vợ goá Tôn Dật Tiên. Sau khi chồng qua đời, bà Tống Khánh Linh, lúc này sống trong một biệt thự lớn ở phố Molière thuộc tô giới Pháp của thành phố, đã có mối quan hệ bí mật thân thiết với Đảng cộng sản Trung Quốc.

Không còn sự lựa chọn nào khác, Nguyễn Ái Quốc quyết định dùng cách liên lạc này. Thuê một taxi, ông yêu cầu người lái xe chở tới phố Molière, ở đó ông bí mật bỏ bức thư không ký tên vào thùng thư của bà. Như ông thuật lại sau này, suýt nữa thành một tai hoạ:

*Lúc lên taxi quay về, (Quốc) thấy cảnh sát Pháp đã bao vây đường phố xung quanh đang xét hỏi những người đi đường. Người lái taxi tỏ vẻ ngập ngừng. Bác kêu to "Cứ đi!" May mắn, do taxi thuộc hãng xe sang trọng, nó không bị cảnh sát ngăn lại kiểm tra. Một lần nữa, thoát trong đường tơ kẽ tóc!*

Nhờ mưu mẹo, ông liên lạc được với Vaillant-Couturier, thu xếp gặp nhau tại công viên thành phố. Sau khi bất ngờ biết rằng, trái ngược với những tin tức báo cáo, người bạn cũ của mình vẫn còn sống, Vaillant-Couturier giúp Quốc tiếp xúc với những đại diện bí mật Đảng cộng sản Trung Quốc, người có thể thu xếp chuyến đi trên tàu thuỷ của Liên Xô đến Vladivostok. Vì cảnh sát Pháp đang canh gác bến tàu rất chặt chẽ, Quốc lên tầu ăn vận như một thương gia Trung Quốc giàu sang.

Từ Vladivostok đi tàu hoả qua vùng băng giá Siberia, Nguyễn Ái Quốc đến Moscow vào mùa xuân 1934. Kế hoạch năm năm phát

triển kinh tế Xô viết được thông qua tại Đại hội Đảng năm 1928, cũng như chương trình tập thể hoá và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đang tiến hành khắp đất nước. Đối với khách vãng lai và những người chỉ quanh quẩn ở Moscow, Leningrad hoặc những thành phố lớn khác, tình hình tỏ ra có nhiều sự tiến bộ hơn so với thập niên trước. Những nhà báo tới thăm Liên Xô viết nhiều báo cáo sinh động, lạc quan. Kịch tác gia George Bernard Shaw miêu tả nó là một *"thử nghiệm lớn của xã hội"* sau chuyến thăm Liên Xô giữa thập niên 1930. Nguyễn Ái Quốc có vẻ đồng ý, theo hồi tưởng của ông, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Liên Xô đang chuyển mình từ một xã hội nông nghiệp lạc hậu sang một cường quốc công nghiệp tiến bộ.

Tuy nhiên, đối với hàng triệu nhân dân Liên Xô, thực tế lại khác xa. Khi quyết định tập thể hoá nông nghiệp, đầu thập niên 1930 Stalin ra lệnh xóa bỏ nền kinh tế nông nghiệp tư nhân. Phú nông, người Nga gọi là "kulaks" - hoặc "fists", do bản chất tham lam keo kiệt của họ - đã bị "*xóa bỏ như xóa bỏ một giai cấp".* Những người chống lại tập thể hoá sẽ bị giết hoặc đày đi Siberia. Hàng ngàn người buộc phải làm việc như nô lệ để thực hiện những dự án xây dựng đại trà như đào kênh Karelian, nối vịnh Phần Lan với Bạch Hải và sau đó hoàn thành tàu thuỷ chạy vào năm 1933. Dù có nhiều hàng hoá xếp trên các kệ trong cửa hàng mậu dịch quốc doanh ở thành thị, chính quyền vẫn trưng thu ngũ cốc của nông dân để nuôi dân thành phố hoặc xuất khẩu mua máy móc. Do đó, khủng hoảng ở nông thôn phát sinh. Nạn đói bắt đầu ở Ukraine năm 1932. Sau hai năm, có từ 5 đến 7 triệu người chết đói.

Giữa thập niên 1930, sự chống đối những nỗ lực tàn bạo của Stalin biến nước Nga thành một cường quốc kinh tế xã hội chủ nghĩa đã lan rộng mạnh mẽ trong Đảng cộng sản Liên Xô. Tại Đại hội XVII Đảng cộng sản Liên Xô năm 1934, cuộc vận động thay thế

Stalin bằng Sergey Kirov, bí thư thành ủy Leningrad tăng lên mạnh mẽ. Nhưng Stalin đã củng cố vững chắc quyền lực, đè bẹp đối thủ, dùng sức mạnh đàn áp những người bị nghi ngờ đã vạch kế hoạch chống ông. Leon Trotsky buộc phải lưu vong. Những lãnh tụ khác, như Lev Kamenev và Grigory Zinoviev - một thời đứng đầu Cộng sản Quốc tế - bị cô lập. Vào tháng 12, Stalin ra lệnh ám sát Kirov, mở hàng loạt phiên toà trong toàn quốc nhằm thanh trừng nhưng đồng chí Bolsevich kỳ cựu đã từng sát cánh với Vladimir Lenin tiến hành Cách mạng năm 1917. Năm 1935, chỉ riêng ở Leningrad, 100.000 người tình nghi *"kẻ thù nhà nước"* bị bắt.

Bề ngoài, sự căng thẳng trong Đảng cộng sản Liên Xô hình như không ảnh hưởng đến cá nhân Nguyễn Ái Quốc. Khi tới Moscow, ông được đón tiếp như một anh hùng của Ban Bí thư Văn phòng Viễn Đông, bây giờ dưới quyền lãnh đạo của Otto Kuusinen, người cộng sản Phần Lan. Sinh viên Việt Nam đang học tại Trường Stalin - đổi tên thành Viện Nghiên Cứu Những Vấn Đề Dân Tộc và Thuộc địa - nhận được tin Quốc chết *"vì lao phổi"* đã tổ chức lễ truy điệu ông cùng Trần Phú, Tổng bí thư Đảng cộng sản Đông Dương, chết trong nhà tù Pháp mùa thu năm 1931.

Nguyễn Ái Quốc ngay lập tức được bổ nhiệm phụ trách 144 sinh viên Việt Nam đang học tại Viện này, văn phòng nằm ở tầng 4 một ngôi nhà trên đường Moskovsky Bulvard. Ở đó ông tham gia giảng bài, viết báo, trông coi sinh viên. Nguyễn Khánh Toàn, một trong những sinh viên, nhớ lại:

*Ông duy trì mối quan hệ cực kỳ thân thiết với nhóm sinh viên Việt Nam. Bình thường, buổi chiều ông đến, kể lại những kinh nghiệm cá nhân để nâng cao tinh thần cách mạng, đặc biệt vấn đề đoàn kết. Một số sinh viên trẻ tuổi, hay giận dỗi hoặc kiêu căng, thường cãi vã nhau về những chuyện vụn vặt. Bác Hồ thường là người đứng phân xử.*

*Ông chỉ rõ cho mọi người thấy một số nguyên tắc chính nhằm chống lại thói hống hách, ích kỷ, tự coi mình là trung tâm, vô kỷ luật, vô chính phủ, cần tăng cường tính thống nhất và cần phải đặt lợi ích cách mạng lên trên hết. Ông thường khuyên chúng tôi: "Nếu anh không thể duy trì sự đoàn kết trong một nhóm nhỏ như thế này, làm sao anh có thể tính chuyện tập hợp quần chúng để chiến đấu chống bọn thực dân và cứu dân tộc một khi anh trở về nước?"*

Sống khép kín trong trường, Quốc không nhận thấy những thảm họa tàn khốc của hàng triệu nhân dân Liên Xô ở nông thôn. Sinh viên tại Viện được đối xử tốt hơn nhiều so với dân chúng. Họ được cung cấp quần áo, giầy dép, sống trong buồng tương đối rộng rãi trong ký túc xá, được ăn uống đầy đủ tại các nhà ăn tập thể miễn phí, ngoài ra còn được khám chữa bệnh, nghỉ hè miễn phí ở Krym và 140 rúp tiêu vặt mỗi tháng.

Dù vậy, Nguyễn Ái Quốc rất cần nghỉ ngơi. Những người quen tại Viện sau này nhớ lại, khi mới tới Moscow, trông ông hốc hác, còm nhom và ốm yếu, có lẽ do hậu quả nhiều tháng bị tù ở Hong Kong. Tháng 9-1934, ông tới Krym để chữa bệnh trong một viện điều dưỡng. Sau khi ở đó vài tuần lễ, ông trở lại Moscow vào Đại học Lenin, một trường dành cho những cán bộ cao cấp và ưu tú của các Đảng cộng sản anh em. Trường có hai khóa khác nhau, chương trình ba năm và chương trình sáu tháng. Ông vào khoá học sáu tháng với bí danh Lin - Linov theo tiếng Nga. Trong vài tháng sau đó, ông tham dự những buổi lên lớp, dạy những khoá về đạo đức, viết báo, đồng thời tiếp tục phân xử những vấn đề nảy sinh trong người Việt Nam tại những viện khác nhau ở Văn phòng Viễn Đông.

Thông tin về đời tư của ông rất ít ỏi trong những tháng đầu tiên ở Moscow. Lúc đầu, ông sống ở một phòng lớn với một nhóm cán

bộ Trung Quốc, nhưng sau đó ông phàn nàn không hiểu họ. Người ta chuyển ông sang ở một phòng tập thể với các đồng chí nói tiếng Pháp. Dù vẫn còn yếu và xanh xao, ông vẫn tham gia hoạt động xã hội, dự triển lãm nghệ thuật, chương trình văn hoá và đều đặn đi thăm những nơi nổi tiếng của địa phương, trong đó có nông trang tập thể ở Ryazan. Theo một nhà viết tiểu sử Xô viết, ông tập thể dục hàng ngày để tăng cường sức lực cho thân hình mảnh dẻ, có quả tạ và một dụng cụ tập nở ngực trong phòng ở.

Người ta thường nghĩ Nguyễn Ái Quốc biết cách xoay sở khôn khéo để tránh tác động cơn lốc thanh trừng của Stalin làm rung chuyển Liên Xô giữa thập niên 1930. Theo nhà văn Pháp, Jean Lacouture, Nguyễn Ái Quốc *"cách xa những tranh chấp và những vụ thanh trừng xé nát Đảng cộng sản Liên Xô và Quốc tế Cộng sản"*. Những người viết tiểu sử khác trước đây cũng đồng tình với nhận xét này.

Tuy nhiên, mới đây người ta đưa ra những báo cáo, trong thời kỳ này Nguyễn Ái Quốc cũng bị nghi ngờ, thậm chí có thể bị lôi ra xét xử. Nguồn tin riêng ở Moscow cho biết, giữa thập niên 1930 khi sống ở Liên Xô, ông đã bị điều tra do ban chuyên án gồm toàn những người quen cũ và người đỡ đầu, Dmitri Manuilsky, Khang Sinh - chính khách xảo quyệt của Đảng cộng sản Trung Quốc - và Vera Vasilieva - người phụ trách Quốc tế Cộng sản. Không rõ có bị buộc tội hay không, mặc dù ai cũng biết ông có những ý kiến đi ngược đường lối chung đã được thông qua tại Đại hội VI Cộng sản Quốc tế năm 1928. Chính điều này có lẽ khiến ông bị Stalin nghi ngờ. Việc ông là một đồng sự gần gũi Mikhail Borodin - nạn nhân của những vụ án thanh trừng - có thể ảnh hưởng tới ông. Hơn nữa, việc ông bất ngờ được thả khỏi nhà tù ở Hong Kong tháng 12-1932 gây khuấy động sự nghi ngờ ở Moscow, nghi ông đã có thoả thuận ngầm với cảnh sát Anh để đổi lấy tự do.

Có thể do sự ủng hộ của Manuilsky và Vasilieva, ông thoát khỏi sự cáo buộc. Vasilieva, người nhiều năm công tác liên lạc giữa sinh viên Việt Nam ở Moscow với Cộng sản Quốc tế, bảo vệ ông, lập luận, nếu có mắc sai lầm chẳng qua chỉ vì ông thiếu kinh nghiệm. Điều này giải thích được những phê phán khó hiểu của bà, trong một thư không đề ngày gửi giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương ở nam Trung Hoa trong khi Quốc còn ở Moscow, bà viết *"Những vấn đề Quốc bị dính líu, chúng tôi cảm thấy trong hai năm tới ông phải tự học tập và tu dưỡng một cách nghiêm túc, không nên giao cho làm bất cứ việc gì. Sau khi ông học xong, chúng tôi có kế hoạch riêng sử dụng ông ta".*

Trong lúc Nguyễn Ái Quốc ở Moscow, những đồng chí của ông chưa bị bắt đang cố gắng khôi phục cơ sở Đảng ở Đông Dương. Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản công nhận Đảng cộng sản Đông Dương là một thành viên vào tháng 4-1931, cùng tháng với vị lãnh đạo cao cấp Trần Phú bị Pháp bắt ở Nam Kỳ. Suốt vài tháng sau đó, tổ chức Đảng trong tình trạng hoàn toàn bị xáo trộn. Để giảm bớt khó khăn, Cộng sản Quốc tế ở Moscow chỉ thị các Đảng cộng sản anh em làm những gì mà họ có thể làm được để dư luận biết những gì đã xảy ra, chẳng hạn như cuộc nổi dậy Nghệ - Tĩnh. Kêu gọi công nhân ở tất cả các nước biểu tình ủng hộ các đồng chí bị áp bức ở Đông Dương. Cụ thể hơn, hơn ba mươi sinh viên Việt Nam đang theo học chương trình đào tạo khác nhau ở Moscow được chỉ thị trở về Đông Dương bằng nhiều con đường để bổ xung lực lượng cho Ban Chấp hành Trung ương mới. Phần lớn (22 trong số 35 người, theo một nguồn tin quốc gia) bị bắt trên đường đi hoặc rơi vào tay Pháp. Trong những người trở về an toàn có Lê Hồng Phong, người được Nguyễn Ái Quốc bảo trợ từ Tâm Tâm Xã, theo học trường hàng không ở Leningrad và sau đó chuyển về Trường Stalin năm 1929. Phong rời Liên Xô mùa hè năm 1931, sau

khi dừng ở Berlin và Paris, cuối cùng ông về tới Long Châu, một thị trấn nằm ở biên giới thuộc tỉnh Quảng Tây ở phía nam Trung Quốc vào tháng 4-1932. Lê Hồng Phong cùng với hai đồng sự Hà Huy Tập và Phùng Chí Kiên từ Trường Stalin ở Moscow, cuối cùng cũng đến được gần Nam Ninh. Mùa hè năm 1933 ba người này thành lập Ban Chấp Hành Hải ngoại mới. Theo chỉ thị của Cộng sản Quốc tế, tổ chức mới được thành lập là cơ quan liên lạc tạm thời giữa Văn phòng Viễn Đông ở Moscow với tổ chức Đảng trong nước.

Trong lúc này, những cơ sở Đảng được thành lập ở ba miền cố gắng khôi phục tổ chức trong nước. Đến giữa thập niên 1930, dân số cả ba miền Việt Nam đã hơn 18 triệu, gồm trên 4 triệu ở Nam Kỳ, 5 triệu ở Trung Kỳ và 9 triệu ở Bắc Kỳ. Ở Nam Kỳ, nhiệm vụ khôi phục đảng đặt trên vai Trần Văn Giàu, một thanh niên nhiều tham vọng, tốt nghiệp Trường Stalin, từ Moscow trở lại Sài Gòn đầu năm 1933. Ông lập tức làm hồi sinh tổ chức Đảng khắp các tỉnh miền Nam. Tuân theo đường lối đương thời ở Liên Xô, các cán bộ được chỉ thị tập trung cố gắng vào công nhân khu vực thành thị. Tuy nhiên, cuộc Đại khủng hoảng kinh tế thế giới dẫn tới mức độ thất nghiệp cao trong nhà máy, vì thế rất ít công nhân đủ can đảm tham gia.

Đảng lại thu được kết quả tương đối nhiều trong nông thôn, đáng chú ý nhất ở đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây dân chúng rất căm uất những đòi hỏi vô lý của bọn địa chủ tham lam và những quan chức tham nhũng. Còn tại Sài Gòn một nhóm nhỏ trí thức cộng sản tận dụng cơ hội Pháp nới lỏng hoạt động chính trị ở thuộc địa. Tờ Tranh Đấu (La Lutte), báo của Đảng ra đời với sự giúp đỡ của những người Việt Nam từng du học ở Paris, theo đường lối Lev Trotsky. Giới lãnh đạo đảng tại Sài Gòn thậm chí còn thành công trong việc đưa ứng cử viên tranh cử vào những chức vụ của hội đồng thành phố. Giữa năm 1933, Xứ uỷ mới Nam

Kỳ được hình thành gồm những tiểu ban Miền Đông và Miền Tây, xây dựng một trường nhỏ để huấn luyện cán bộ. Trần Văn Giàu, hăng hái điều khiển lực lượng đằng sau những hoạt động đó, bị Pháp bắt vào tháng Mười, nhưng được thả ngay do không đủ bằng chứng.

Những báo cáo gửi Bộ Thuộc địa ở Paris bày tỏ sự thất vọng của cơ quan an ninh địa phương bất lực ngăn chặn những hoạt động của Đảng cộng sản Đông Dương. Một báo cáo viết: *“Mật thám coi như vô tác dụng trước sự hình thành và phát triển nhiều sự kiện đầy nguy hiểm. Họ duy nhất chỉ có thể đưa ra cảnh báo, không dám ra tay đàn áp trừ khi có lệnh của nhà cầm quyền”.* Nhưng dù sao mật thám đã đạt được một thành công. Do cuộc nổi dậy Nghệ - Tĩnh bị đàn áp, Lê Hồng Sơn - một sát thủ khét tiếng của Đảng, thành viên sáng lập Tâm Tâm Xã - đã phải chạy trốn từ nước này sang nước khác để tránh bị Pháp bắt. Bị trục xuất khỏi Burma vào tháng 7-1931, Lê Hồng Sơn tới Xiêm, sau đó tới Thượng Hải bắt liên lạc với Đảng cộng sản Trung Quốc. Nhưng Lê Hồng Sơn bị cảnh sát Pháp ở tô giới bắt. Sau khi bị tra tấn dã man, ông được trao cho Triều đình Việt Nam ở Huế, tháng 2-1933 bị tử hình tại Vinh.

Những thành tích nho nhỏ của Trần Văn Giàu tương phản với hoàn cảnh những nơi khác tại Đông Dương. Tại cả Trung Kỳ lẫn Bắc Kỳ, cán bộ đảng hoạt động khó khăn do cảnh sát theo dõi gắt gao và dân chúng thờ ơ. Ở Trung Kỳ, một số ít đảng viên từ Xiêm trở về đã cố gắng phục hồi những cơ sở tổ chức Đảng bị tan rã. Một số đảng viên mới là những cựu đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương vừa được ra tù, (theo báo cáo của Pháp, chỉ riêng ở Vinh đã có hơn 2.000 người trong tù), nhưng giới lãnh đạo đảng lại nghi ngờ lòng trung thành của những cựu tù nhân này. Theo một báo cáo của Tỉnh uỷ Nghệ An, *“trong một trăm đảng viên cũ, chỉ được một người trung thành với học thuyết của Đảng”.* Giữa năm 1934, ở

Trung Kỳ thành lập ba Ban Chấp hành miền, mỗi ban chấp hành phụ trách từ bốn đến bảy tỉnh. Ở Bắc Kỳ, hoạt động Đảng cộng sản Đông Dương hầu như không tồn tại cho đến tận 1934, khi những chi bộ đảng bắt đầu xuất hiện ở Việt Bắc, vùng rừng núi phía bắc đồng bằng sông Hồng. Sau đó, từ căn cứ cơ sở ở Trung Hoa, Lê Hồng Phong có điều kiện tái lập Ban Chấp hành Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Trong lúc ấy, một nhóm Đảng viên ở Xiêm phụ trách giao liên ở cao nguyên Khorat - kế thừa hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở vùng này cuối thập niên 1920 - thành lập Ban Chấp hành Lâm Thời để chỉ đạo phong trào và lập một trường huấn luyện đào tạo những hội viên mới hoạt động ở Việt Nam. Sau đó, chính họ tạo ra mối liên lạc trực tiếp giữa hoạt động đảng ở Nam Kỳ và Trung Kỳ với thế giới. Nhiều ban chấp hành tương tự cũng được thành lập ở Lào và Campuchia.

Giới lãnh đạo đảng đang phải khắc phục những hậu quả thảm khốc của cuộc nổi dậy Nghệ - Tĩnh đồng thời có nhiệm vụ quan trọng nhất tìm ra chiến lược mới. Giữa năm 1932, Lê Hồng Phong cùng các cán bộ ưu tú sống ở nam Trung Hoa đã dự thảo chương trình hành động mới của đảng, in li-tô (lithograph) lưu hành trong nội bộ đảng viên trung thành ở Đông Dương. Để giữ đúng tinh thần ở Moscow, giọng văn của tài liệu mang tính giáo phái và tả khuynh, chú trọng cách mạng chống phong kiến, đấu tranh chống đế quốc và nhấn mạnh sự nghi ngờ vai trò các đảng phái quốc gia dân tộc trong cách mạng Việt Nam.

Những quan điểm công khai trong tài liệu đó phản ánh đường lối của họ. Một bài báo trên tạp chí Bolsevich, cơ quan ngôn luận chính thức của Ban Chấp hành Hải ngoại mạnh mẽ phê bình thái độ tiểu tư sản, chẳng hạn như có ý kiến cho rằng cách mạng dân

tộc phải xảy ra trước cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tác giả bài báo là Hà Huy Tập, vừa tốt nghiệp Trường Stalin, cũng phê bình cán bộ đảng ở Đông Dương quá chú trọng việc động viên nông dân ở nông thôn và kêu gọi lôi kéo mạnh hơn công nhân vào phong trào. Hà Huy Tập buộc tội nông dân là *"sở hữu cá thể tham lam, lập trường không rõ ràng, chuyển biến chậm từ quan điểm lý thuyết vào thực tế, mất đoàn kết và chưa đầy đủ phẩm chất để chỉ đạo phong trào cách mạng"*.

Nhìn bề ngoài lời phê bình này có vẻ nhắm vào những cán bộ đảng nói chung ở Đông Dương, nhưng thực tế ban biên tập báo Bolsevich chủ yếu nhằm vào quan điểm, đường lối trước đây của Nguyễn Ái Quốc. Một bài bình luận đã lưu ý *"một số đồng chí nào đó"* ở Đông Dương đã lập luận, phú nông và tư bản về cơ bản cũng chống đế quốc, do vậy họ có thể trở thành một bộ phận của phong trào cách mạng. Bài báo thẳng thừng cho rằng quan điểm đó được Nguyễn Ái Quốc đề cập tại hội nghị thống nhất tháng 2-1930, nhưng đã bị giới lãnh đạo đảng mới cuối năm đó bác bỏ. Tờ tạp chí nhấn mạnh Đảng cộng sản Đông Dương là đảng của giai cấp vô sản, không phải đảng của tất cả giai cấp cần lao. Mặc dù *"những người tiến bộ nhất của các giai cấp khác có thể được kết nạp vào tổ chức, nhưng phải đảm bảo người vô sản chiếm đa số"*. Nói về vấn đề độc lập dân tộc, tạp chí viết:

*Đảng cộng sản chỉ đạo đấu tranh giai cấp chứ không phải đấu tranh dân tộc… Vì Đảng cộng sản là đảng của giai cấp vô sản, đấu tranh là để duy trì đường lối chính trị của chủ nghĩa quốc tế. Đảng chiến đấu bảo vệ học thuyết, tuyên truyền trong nhân dân và ngăn chặn sự rập khuôn theo kiểu: ủng hộ việc khôi phục đất nước, khôi phục giòng máu con rồng cháu tiên"… v.v…. Chúng ta đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp, nhưng điều này không đơn giản là ủng hộ chủ nghĩa dân tộc.*

Một bài báo khác, do Hà Huy Tập viết, thậm chí còn nói trắng ra:

*Chúng ta chịu ơn nhiều Nguyễn Ái Quốc, nhưng các đồng chí đừng quên di sản dân tộc chủ nghĩa của Nguyễn Ái Quốc và những chỉ thị sai lầm của ông về vấn đề nền tảng của phong trào cách mạng dân chủ tư sản ở Đông Dương, cũng như những lý thuyết cơ hội chủ nghĩa của ông vẫn còn đang ăn sâu vào ý thức những hội viên Hội và Tân Việt… Nguyễn Ái Quốc không hiểu đường lối cộng sản quốc tế, đã không hoà đồng ba tổ chức cộng sản Đông Dương từ đầu đến chân, không thực hiện thảo luận chiến thuật mà Cộng sản Quốc tế đã áp dụng để loại trừ những ước mơ cơ hội chủ nghĩa của những bộ phận đó. Cuốn sách nhỏ nhan đề "Cương lĩnh vắn tắt và Điều lệ vắn tắt" (tức Cương lĩnh chính trị đưa ra tháng 2-1930) và những quy chế của đảng thống nhất đã không đi theo đúng chỉ dẫn của Quốc tế Cộng sản.*

*Nguyễn Ái Quốc cũng bào chữa chiến thuật sai lầm và hợp tác với kẻ thù như "trung lập với giai cấp tư sản và phú nông", "liên minh với bần nông và trung nông"…v.v… đây là những chính sách sai lầm từ tháng Một đến tháng Mười 1930 mà Đảng cộng sản Đông Dương theo đuổi, ở nhiều điểm, đi ngược với chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, cho dù là chính sách đó hăng hái chỉ đạo quần chúng trong đấu tranh cách mạng, giống như chính sách mà Xô viết Nghệ An theo đuổi, không phù hợp với đường lối của Đảng.*

Tháng Sáu 1934, Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập triệu tập cuộc họp ở Macao - thuộc địa Bồ Đào Nha - để tham khảo ý kiến cán bộ lãnh đạo Đảng trong nước về chính sách sắp tới và chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất. Trong nghị quyết đưa ra cuối Hội nghị, cái gọi là những nhà cải cách dân tộc chủ nghĩa - gồm Bùi Quang Chiêu, nhà báo yêu nước Huỳnh Thúc Kháng (sau này là thành viên chính phủ Hồ Chí Minh ở Hà Nội) và nhà trí thức cấp

tiến Nguyễn An Ninh - tất cả đều bị buộc tội là đồng lõa với chủ nghĩa đế quốc. Bản nghị quyết buộc tội những nhân vật này là đặc biệt nguy hiểm vì họ *"khoác áo người bảo vệ quần chúng lao động, kẻ thù của chính phủ, là những người tuyên truyền cải cách hiến pháp và là người ủng hộ liên minh Pháp - Việt và thống nhất các tầng lớp, với mục đích độc quyền đưa quần chúng đi trệch con đường cách mạng"*. Bản nghị quyết kết luận, nhiệm vụ của tất cả đảng viên là phải loại bỏ ảnh hưởng của nhóm người này, gồm những phần tử Trotskits, những hội viên Hội Thanh Niên Cách mạng cũ và những người còn lại của Đảng Tân Việt.

Khi tấn công khuynh hướng "dân tộc chủ nghĩa" trong nội bộ đảng và những cố gắng khôi phục hoạt động tích cực của đảng ở nông thôn, Ban Chấp Hành Hải Ngoại ra sức phản ánh đường lối tư tưởng đang thịnh hành ở Moscow. Trong khi Ban Chấp hành cố gắng đưa đảng viên trong nước đi đúng đường lối chỉ đạo chiến lược do Liên Xô đưa ra, thì bầu không khí ở Moscow bây giờ thay đổi. Tháng 10-1934, một bài báo viết dưới bút danh "Orgwald" in trong tờ *Quốc tế Cộng sản*, tờ báo chính thức của Cộng sản Quốc tế (bằng tiếng Pháp). Bài báo nhan đề *"Entretien avec les camarades indochinois" (Cuộc phỏng vấn với các đồng chí Đông Dương)* thoạt đầu đăng ở một tạp chí khác vào tháng 7-1933, tác giả phê bình giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương về thái độ bè phái đối với mặt trận thống nhất. Orgwald vạch ra, điều này chống lại những người cải cách dân tộc chủ nghĩa, vì giới lãnh đạo của họ rõ ràng phản cách mạng và phải bị lột mặt nạ. Nhưng sẽ sai lầm khi kêu gọi lật đổ giai cấp tư sản, vì giai cấp tiểu tư sản và ngay cả một số người thuộc giai cấp tư sản dân tộc cũng sẵn lòng cộng tác với Đảng nếu Đảng dùng khẩu hiệu chống đế quốc.

Không rõ giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương có nhận được bản sao bài báo đó hay không. Dù sao đi nữa, họ cũng có lý

do lúng túng về đường lối hiện tại, chẳng hạn trong một bài khác nhan đề *"Bức thư gửi các đồng chí Đông Dương",* người ta cho rằng do một người lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc viết, đăng ngày 5-8-1934, cũng do tờ báo trên xuất bản. Sau khi dành hết phần lớn nội dung phê bình sự yếu kém của tổ chức Đảng, sự cần thiết tăng cường kỷ luật và làm việc với quần chúng, tác giả trở lại vấn đề mặt trận thống nhất và tầm quan trọng của nó trong việc đấu tranh cách mạng. Về việc khước từ bản chất của mặt trận, bức thư tỏ ra mơ hồ, khó hiểu. Giống chương trình hành động năm 1932, (chỉ những hành động đặc biệt) - nó phê bình mạnh mẽ *"những người cải cách dân tộc chủ nghĩa",* ngay cả những người che dấu tính cách dưới những khẩu hiệu *"tả khuynh"* và *"dân tộc chủ nghĩa".* Bài báo khẳng định, những nhà cải cách đó cần phải bị phê phán không thương xót.

Những quan điểm đó, được hàng ngũ lãnh đạo cao cấp ở Moscow chấp nhận chính thức, đã khiến người nhận bối rối, lúng túng. Bà Vera Vasilieva, chuyên viên về Việt Nam của Quốc tế Cộng sản, trong bức thư gửi các đồng chí Đảng cộng sản Đông Dương viết ngày 17-3-1935, khẳng định, bài báo của Orgwald và bức thư của Đảng cộng sản Trung Quốc thể hiện đường lối chính sách cơ bản, cùng với chương trình hành động của chính Đảng cộng sản Đông Dương năm 1932. Bức thư của bà Vasilieva chắc chắn được dùng làm đường lối chỉ đạo cho giới lãnh đạo đảng trong việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc sắp tới.

Tại cuộc họp ở Macao tháng 6-1934, Ban Chấp hành Hải Ngoại thông qua kế hoạch tiến hành Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ Nhất ở Hong Kong vào tháng 1-1935. Tuy nhiên, theo nguồn tin của Pháp, Quốc tế Cộng sản đề nghị hoãn đến tháng 3 năm sau. Cuối mùa hè năm 1934, giới lãnh đạo đảng bắt đầu soạn thảo tài liệu để thảo luận tại Đại hội, họ dự kiến diễn ra ở Macao. Các chỉ

thị được gửi tới toàn thể đảng viên đề cử đại biểu tới Macao trước ngày 15-3. Giới lãnh đạo đảng hy vọng Moscow sẽ cử đoàn đại biểu Cộng sản Quốc tế chính thức tới dự Đại hội. Đầu tháng 8-1934, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương gồm Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai (được thả khỏi nhà tù ở Quảng Đông, hoạt động dưới tên Vân), và Hoàng Văn Nọn (đảng viên tỉnh Cao Bằng) đến Moscow tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản VII, dự kiến diễn ra mùa hè 1935.

Do Lê Hồng Phong đi Moscow, Hà Huy Tập bây giờ là cán bộ đảng cao cấp chuẩn bị Đại hội toàn quốc. Sinh ở tỉnh Nghệ An, Tập vào Đảng Tân Việt, sau đó chạy sang Hội Thanh Niên Cách mạng. Khi học ở Trường Stalin, ông ra sức trau dồi lý luận, lớn tiếng phê bình những khuyết điểm về mặt tư tưởng của Hội. Mật thám Pháp miêu tả ông là người tự kiêu, quỷ quyệt và *"một kẻ cực đoan"*. Chẳng mấy chốc Tập va chạm với các đồng chí trong quan hệ, họ đặt biệt danh *"ông Lùn"* vì chiều cao một mẩu. Nhưng quan hệ căng thẳng đặc biệt giữa Hà Huy Tập với Trần Văn Giàu. Tháng 9-1934, Giàu tới Macao, một phần để báo cáo tình hình Nam Kỳ và một phần tham dự công việc chuẩn bị Đại hội. Trần Văn Giàu coi thái độ nóng nảy của Tập là một kẻ hãnh tiến, còn Tập lại nghi ngờ thái độ kiêu căng, làm việc theo ý mình của Giàu. Cuối cùng, Tập bắt đầu lo ngại Trần Văn Giàu là gián điệp của Pháp, đã báo cáo những nghi ngờ trong bức thư gửi cho Moscow. Chỉ sau này, khi nhà cầm quyền Pháp lục soát nơi ở của Giàu, Hà Huy Tập mới thừa nhận sự nghi ngờ chẳng có căn cứ.

Hoá ra mối nguy hiểm xuất phát từ chỗ khác. Một cán bộ Đảng làm nghề đầu bếp ở Macao, Nguyễn Văn Trâm, ăn cắp một số tiền lớn trong quỹ Đảng cộng sản Đông Dương và chạy sang Hong Kong. Vì Trâm được giao nhiệm vụ tìm địa điểm cho Đại hội ở Macao, giới lãnh đạo đảng buộc phải thay đổi nơi họp, sợ Trâm

tiết lộ địa điểm cho gián điệp Pháp đang hoạt động mạnh tại thuộc địa Bồ Đào Nha. Hà Huy Tập cũng nghi ngờ người thứ hai, Nguyễn Hữu Cần, đã báo cáo cho Lãnh sự Pháp ở đó về những hoạt động của Đảng cộng sản Đông Dương. Để giảm thiểu thiệt hại, Tập ra chỉ thị tất cả những chi bộ đảng ở Đông Dương và Xiêm phải cực kỳ chú trọng tới an ninh và cử Trần Văn Giàu trở lại Nam Kỳ để tái tổ chức hệ thống Đảng cộng sản Đông Dương ở đó. Ông ra sức tung hoả mù với mật thám bằng cách tung tin giả cho Cần, phàn nàn Đảng đang gặp rất nhiều khó khăn nên không thể họp Đại hội toàn quốc như dự định.

Đại hội đảng toàn quốc dự định khai mạc ngày 18-3-1935, nhưng do sợ lộ và cũng do một số đại biểu chậm trễ trên đường đi, tới phút chót nó được hoãn đến 27-3-1935. Tham dự đại hội, ngoài Hà Huy Tập, còn có Hoàng Đình Giong, Phùng Chí Kiên và mười đại biểu khác. Không có đại diện Cộng sản Quốc tế hoặc những đảng cộng sản khác tới dự.

Đại biểu tới Hội nghị Macao đại diện cho toàn thể tám trăm đảng viên hoạt động ở Đông Dương và Xiêm. Phần đông là người Kinh, một số ít như Hoàng Đình Giong và Hoàng Văn Nọn là người dân tộc thiểu số miền núi, hoặc Hoa Kiều. Đa số còn tương đối trẻ, trong số 12 hay 13 đại biểu, chỉ có vài phụ nữ. Nguyễn Thị Minh Khai, người tình của Quốc và trợ lý một thời của ông tại Văn Phòng Phương Nam ở Hong Kong cũng có mặt, người ta cho rằng trong giới lãnh đạo đảng không phân biệt giới tính.

Không có thống kê chính xác, song tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân hoặc nông dân đang tăng lên, mặc dù giới lãnh đạo chủ yếu là những người xuất thân từ thành phần Nho học, nhiều người đã từng học trong hệ thống giáo dục Pháp - Việt và giờ đây đang là những người cách mạng chuyên trách. Như chúng tôi trình bày,

Nguyễn Ái Quốc luôn phàn nàn những đảng viên không được học hành thường gặp khó khăn trong việc tiếp thu tư tưởng phức tạp của học thuyết Marxist - Leninist, đôi khi chịu áp lực quá sức. Vội đánh giá chống lại việc xem thường đảng viên xuất thân từ nông thôn đặc biệt mạnh mẽ trong nội bộ giới lãnh đạo, những người thừa hưởng kiến thức học được ở Moscow cũng như thái độ theo lệ cổ của tầng lớp Nho học Việt Nam. Công nhân và nông dân tuy rất hữu dụng, nhưng cũng chỉ là phương tiện để họ dễ dàng thâm nhập vào nhà máy và nông thôn để tuyên truyền cho sự nghiệp.

Tuy làn gió thay đổi đã phát ra từ Moscow, những quyết định đưa ra tại Hội nghị Macao không thay đổi chiến lược hiện tại của đảng. Nghị quyết chính trị tái khẳng định sự đúng đắn của mặt trận thống nhất hạn hẹp lần đầu tiên được đưa vào chương trình hành động năm 1932, đã kêu gọi đảng viên thâm nhập vào những đảng phái cải cách dân tộc chủ nghĩa để ngấm ngầm phá hoại sự lãnh đạo của họ, lôi kéo những người ủng hộ về phía Đảng cộng sản Đông Dương. Những quy chế mới của Đảng được thông qua, cũng như những nghị quyết về công tác quần chúng. Hội nghị kết thúc, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 9 người, do Hà Huy Tập làm Tổng bí thư. Ban Chấp hành mới được tái lập tại Sài Gòn, nơi Hà Huy Tập thường trú. Ban Chấp hành Hải ngoại của Lê Hồng Phong, được giữ lại làm liên lạc giữa Ban Chấp hành Trung ương với Cộng sản Quốc tế, sẽ chuyển về Thượng Hải.

Hà Huy Tập tận dụng cơ hội gửi Moscow bản báo cáo kết quả Hội nghị, đã tung ra nhiều mũi tên nhắm vào Nguyễn Ái Quốc. Trong thư ngày 31-3-1935 gửi Văn phòng Viễn Đông, Hà Huy Tập lưu ý, đảng viên ở Đông Dương và Xiêm đang mở cuộc đấu tranh công khai chống lại tàn dư tư tưởng *"cách mạng dân tộc"* của Hội Thanh Niên Cách mạng và sáng lập viên Nguyễn Ái Quốc. Tập cảnh báo, tàn dư đó *"rất mạnh, gây trở ngại rất nghiêm trọng cho sự*

*phát triển của chủ nghĩa cộng sản”*. Do vậy phải đấu tranh quyết liệt chống lại lý thuyết cơ hội chủ nghĩa của Quốc. Cả hai Đảng Cộng dản Đông Dương và Xiêm sẽ xuất bản những cuốn sách nhỏ chống lại những khuynh hướng đó. Hà Huy Tập dự kiến, Nguyễn Ái Quốc phải đứng lên tự phê bình, thừa nhận những sai lầm trong quá khứ.

Vài tuần sau, Tập quay lại tấn công, nhấn mạnh, một số đại biểu tại Hội nghị cho là Quốc ít ra cũng phải chịu trách nhiệm một phần về vụ bắt bớ hơn một trăm thành viên Đảng cộng sản Đông Dương và của Hội, vì Quốc biết rõ đồng sự Lâm Đức Thụ là gián điệp, nhưng cứ tiếp tục dùng Thụ. Tập buộc tội Quốc thiếu thận trọng khi yêu cầu mỗi học viên theo học Trường Huấn Luyện ở Quảng Đông phải nộp cho Quốc mỗi người một ảnh, kèm theo tên tuổi và địa chỉ người thân. Những tư liệu đó về sau rơi vào tay người Pháp. Tập buộc tội Nguyễn Ái Quốc *“chưa bao giờ nhận trách nhiệm về mình”* về những hành động đó. Tập kết luận, đảng viên và quần chúng biết rõ những tư tưởng của Quốc và những tư tưởng ấy phải bị phê bình thậm chí phải mạnh mẽ quyết liệt hơn.

Nguyễn Ái Quốc chắc chắn đã đọc những báo cáo đó sau khi ông tới Moscow. Không biết ông nghĩ gì về những điều Tập phê bình hành động của ông, nhưng thái độ chung của ông thể hiện trong một bức thư viết tháng 1-1935 gửi Văn phòng Viễn Đông, phàn nàn, kiến thức lý luận của những học viên gốc Đông Nam Á đang học ở Moscow còn quá thấp. Nhiều người không hiểu cách mạng dân chủ tư sản, hoặc tại sao cách mạng ruộng đất và sự nghiệp chống chủ nghĩa đế quốc lại gắn kết với nhau. Dù Quốc công nhận những thiếu sót đó là có thật trong Đảng cộng sản Đông Dương vào thời kỳ năm 1930 và 1931, nhưng vấn đề gần đây trở thành nghiêm trọng hơn do sự bồng bột và thiếu kinh nghiệm của nhiều đảng viên. Không rõ có phải ông dùng đòn giáng trả vào

người đồng sự trẻ tuổi Hà Huy Tập hay Trần Phú đã quá cố hay không. Dù thế nào đi nữa, ông đề nghị một cuốn sách tóm tắt sẽ được soạn ra sẽ soi sáng cho họ về vấn đề tư tưởng.

Ngày 25-7-1935, Hội nghị VII Cộng sản Quốc tế khai mạc tại Nhà Liên hiệp Công đoàn ở Moscow. Trên tường treo chân dung lớn Marx, Engels, Lenin và Stalin, cũng như những biểu ngữ đỏ chữ Nga màu vàng tuyên bố thắng lợi sắp tới của cách mạng vô sản. Phiên toà xử án thanh trừng những người lãnh đạo Bolsevich như Lev Kamenev và Grigory Zinoviev, từng đứng đầu Quốc tế Cộng sản trong quá khứ và đương nhiệm khi Hội nghị được triệu tập. Cả hai người - Lev Kamenev và Grigory Zinoviev - sau này đều bị xử tử. Do tình thế căng thẳng của phiên toà, nên các đại biểu dự hội nghị sống chung trong khách sạn Lux, không được phép vào điện Kreml.

Ba đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương tham dự hội nghị: Lê Hồng Phong (với các tên Litvinov, Hai An, Chajan, hoặc Chayan), Nguyễn Thị Minh Khai (Vân, hoặc Phan Lan), và Hoàng Văn Nọn. Hai đại biểu khác từ Việt Nam nhưng không tới được. Cộng sản Quốc tế quyết định tất cả các đại biểu Việt Nam đều được phát biểu tại hội nghị. Trong bài phát biểu, Nguyễn Thị Minh Khai nói về sự bóc lột phụ nữ đang diễn ra ở khắp thuộc địa châu Á, nhấn mạnh vai trò phụ nữ trong cuộc cách mạng tương lai. Hoàng Văn Nọn nói về đấu tranh quần chúng. Là chủ tịch đoàn đại biểu Việt Nam, Lê Hồng Phong đọc bài phát biểu dài đề cập những thiếu sót trong quá khứ của Đảng cộng sản Đông Dương và nhiệm vụ hiện nay của Đảng. Trong số những khuyết điểm đó là có nhiều đảng viên tiếp tục biểu lộ hành động *"thích lật đổ"* và những tư tưởng rơi rớt từ những đảng phái *"cách mạng dân tộc chủ nghĩa"* ra đời trước kia như Việt Nam Quốc Dân Đảng, cũng như từ những nhóm cộng sản trước đây (ám chỉ Trần Văn Cung, Đảng cộng sản Đông

Dương) và không trực tiếp gắn kết Đảng với quần chúng.

Trong khi không có đại biểu Việt Nam nào phát biểu phản ánh đúng sự thật, mục đích chính Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đề xuất chiến lược mới cho tất cả Đảng cộng sản trên thế giới, gần giống với những ý tưởng Quốc đã theo đuổi trong thời kỳ tồn tại Hội Thanh Niên Cách mạng hơn là những ý tưởng đưa ra tại Đại hội VI năm 1928. Lý do chủ yếu thay đổi chính sách do chính quyền Adolf Hitler và Đảng Quốc Xã (Nazi) ở Đức không ngừng gia tăng nguy hiểm với Liên Xô. Khi Hitler lên làm thủ tướng tháng 1-1933, Stalin tin chắc Hitler đại diện cho cánh cực đoan của tầng lớp tư bản ở Đức, vì thế phản ánh giai đoạn tột cùng nguy hại của chủ nghĩa đế quốc toàn cầu. Stalin tin uy thế của ông, do vậy sẽ chuyển quyền lực cho Đảng cộng sản Đức nhanh chóng. Tuy nhiên, đến năm 1935, Stalin đã tỉnh ngộ về ảo tưởng đó, giờ đây ông nhìn Đức Quốc Xã là sự đe dọa mạnh đối với sự tồn vong của Liên Xô.

Phản ánh tầm quan trọng mối đe doạ mới từ phương Tây, cũng như sự gia tăng nguy hiểm từ chính phủ quân phiệt chống cộng sản ở Nhật Bản mới trỗi dậy, năm 1935 Kreml quyết định từ bỏ đường lối cực tả được Đại hội VI năm 1928 tán thành, đưa ra một chiến lược mới hình thành mặt trận thống nhất lực lượng chống phát - xít trên toàn thế giới. Tại Hội nghị VII, đường lối mới được Georgi Dimitrov, người Bulgaria, tổng bí thư mới của Quốc tế Cộng sản soạn thảo cẩn thận. Chiến lược trước đây, kêu gọi cuộc cách mạng vô sản và thành lập *“những chính phủ Xô viết”* ở các nước thuộc địa, bị vứt bỏ. Nhiệm vụ mới động viên khối liên minh mở rộng với những lực lượng dân chủ và tiến bộ trên thế giới chống lại nguy cơ của chủ nghĩa phát - xít tàn bạo. Các đảng cộng sản được chỉ đạo phải liên kết với chính phủ tiến bộ hoặc những đảng dân tộc chủ nghĩa trên mặt trận phản đế mở rộng chống mối nguy hiểm chung từ Đức Quốc Xã và Nhật Bản.

Thấy được viễn cảnh này, những lời chỉ trích của Lê Hồng Phong về lật đổ, sự phiêu lưu, những tính cách có thể quy lỗi cho giới lãnh đạo tả khuynh hiện thời, Moscow đã thận trọng hoà giải trong một thông điệp đầy đủ gửi đến các đồng sự của Lê Hồng Phong ở Macao. Kết thúc phiên họp của Hội nghị, Đảng cộng sản Đông Dương được công nhận là thành viên trong Quốc tế Cộng sản, đồng thời bản thân Phong được bầu là uỷ viên chủ tịch đoàn của tổ chức.

Nguyễn Ái Quốc tham dự hội nghị như một quan sát viên của Ban Bí thư Văn phòng Viễn Đông, dưới tên Linov. Ông hiển nhiên không phát biểu tại hội nghị, nhưng chắc chắn có những hoạt động đằng sau hậu trường, trao đổi với những đại biểu, tham dự bữa tiệc do Maurice Thorez - chính khách mới nổi trong Đảng cộng sản Pháp - dự lễ Đảng cộng sản Đông Dương gia nhập Quốc tế Cộng sản. Sự chuyển hướng tuyên bố chiến lược toàn cầu tại Hội nghị làm Quốc phấn khởi, nó chính là một khẳng định hết sức cần thiết sự đúng đắn của ý tưởng mặt trận thống nhất mở rộng mà ông đã đưa vào Hội Thanh Niên Cách mạng ở Quảng Đông. Vai trò quan sát viên của ông tại Hội nghị không trái ngược với trách nhiệm là phát ngôn viên ưu tú của Quốc tế Cộng sản đối với công việc Đông Nam Á. Dù sao, ông cũng thấy khó chịu khi phải đứng ngoài rìa trong khi một số những học trò của ông trở thành người lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương trong kỷ nguyên mới.

Mối tình nửa kín nửa hở giữa Nguyễn Ái Quốc với người đồng sự trẻ Nguyễn Thị Minh Khai ngày càng xấu nay chấm dứt. Những bức thư và báo cáo riêng từ giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương ở Macao gửi Văn phòng Viễn Đông trong những tháng dự hội nghị đã đề cập “vợ Quốc” (la femme de Quoc) có mặt trong số đại biểu tham dự hội nghị, có hàm ý hai người đã lấy nhau trước khi bị bắt ở Hong Kong năm 1931. Có thể, như suy xét của nhà

viết tiểu sử Xô viết Yevgeny Kobelev, Minh Khai đã yêu Lê Hồng Phong đẹp trai gặp trên đường đi. Cũng có thể, cả Quốc và Minh Khai đã xa cách nhau trong bốn năm sau khi Minh Khai bị bắt ở Hong Kong. Những nguồn tin khác cho hay, sau khi tới Moscow, Nguyễn Ái Quốc đã có "người vợ hờ" do Cộng sản Quốc tế thu xếp. Lại có tin đồn ông có cô con gái với một phụ nữ ở Liên Xô.

Bất kể việc này đúng sai đến đâu, một thời gian ngắn sau khi kết thúc Hội nghị VII, Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai chính thức làm lễ cưới tại phòng đăng ký kết hôn ở một quận ở Moscow. Sau khi cưới, Phong tới Trung Hoa để báo cáo kết quả hội nghị cho giới lãnh đạo đảng. Minh Khai ở lại Moscow vài tháng, cuối cùng sang Pháp trên đường tới Hong Kong cùng với đồng sự Hoàng Văn Nọn vào mùa hè năm 1936. Để đánh lừa nghi ngờ của mật thám Pháp, hai người đóng giả là một cặp vợ chồng Trung Quốc giàu có đi nghỉ mát. Từ Hong Kong, Minh Khai đi tàu thuỷ tới Thượng Hải gặp Lê Hồng Phong, cùng chồng về Sài Gòn, ở đây bà trở thành uỷ viên Xứ uỷ Nam Kỳ. Trong quá trình công tác, bà và chồng sát cánh nhau tới khi trở thành những kẻ *"tử vì đạo"* đầu tiên của cách mạng Việt Nam.

Mối quan hệ giữa Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai là một trong những bí ẩn nhất trong đời tư của ông. Những năm về sau, ông chưa bao giờ kể chuyện này cho bất cứ đồng sự nào. Các nguồn tin chính thức ở Hà Nội thẳng thừng bác bỏ về cuộc hôn nhân đã từng xảy ra giữa hai người. Có nhiều tài liệu nội bộ cung cấp những bằng chứng khá vững cho sự trái ngược này, có thể hai người chưa qua lễ cưới chính thức, nhưng đã sống với nhau như một cặp vợ chồng. Phải chăng việc mất vai trò lãnh đạo đảng và mất vợ của ông rơi vào tay Lê Hồng Phong là sự *"nhục nhã bị nhân đôi"*, như quan sát viên nhận xét, lại là chuyện khác. Trong sự nghiệp lâu dài, Quốc luôn thể hiện sự ưa thích những công việc

ngẫu nhiên chừng nào chúng không cản trở mục tiêu chính trị và ông có thể xem mối quan hệ này là tạm thời từ lúc đầu.

Trước khi lên đường về Trung Hoa, Minh Khai và Hoàng Văn Nọn gặp Nguyễn Ái Quốc để lấy bức thư gửi cho Lê Hồng Phong ở Thượng Hải. Lúc này, những quyết định đưa ra tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản bắt đầu mang lại kết quả, khi Chính phủ Mặt trận Bình Dân thành lập ở Paris vào tháng 7-1936 do Léon Blum, Đảng Xã hội làm thủ tướng. Dù không chính thức là một phần trong liên minh lãnh đạo, nhưng Đảng cộng sản Pháp ủng hộ chính phủ mới, hứa chống chủ nghĩa phát - xít, ủng hộ Liên Xô, hủy bỏ những đạo luật ở Pháp hạn chế tự do ngôn luận và lập hội. Đảng cộng sản Pháp cũng kêu gọi hình thành ủy ban điều tra để xem xét tình hình các thuộc địa và đề nghị cải cách. Hoàn cảnh ở Đông Dương có được dịp may hứa hẹn để khôi phục Đảng cộng sản Đông Dương. Theo một nhà viết tiểu sử Xô viết, Quốc đưa ra một số lời khuyên cụ thể với các đồng chí Đảng cộng sản Đông Dương:

*Mặt trận Bình Dân thắng lợi ở Pháp là một dịp may hiếm hoi, chúng ta đừng bỏ lỡ cơ hội, hãy tận dụng dịp may này. Việc chính bây giờ là xiết chặt sự thống nhất toàn đảng, đặc biệt giữa những chi bộ trong nước và hải ngoại. Riêng ở Sài Gòn, đề nghị hãy nói với Lê Hồng Phong ba điều sau:*

*1. Mặt trận Bình Dân thắng lợi ở Pháp chắc chắn mang lại những thay đổi tích cực tình hình ở Đông Dương. Vì lý do này Ban Chấp Hành Trung ương Hải Ngoại nên trở về nước ngay và nắm lấy chỉ đạo phong trào yêu nước. Chỉ nên để lại một nhóm nhỏ ở nước ngoài để duy trì liên lạc với thế giới.*

*2. Bọn Trotskist đã lộ rõ tính cách phản động ở mọi nơi, cũng như ở Việt Nam. Đảng cần phải tách hoàn toàn khỏi họ, không thoả hiệp.*

*3. Phải cố gắng nỗ lực để hình thành một mặt trận dân chủ chống*

*chiến tranh và chống phát - xít. Nó phải bao gồm tất cả các lực lượng yêu nước, tất cả những ai muốn chiến đấu cứu nước. Nhưng không bao giờ được quên khi tiến hành liên minh phải đặt lợi ích sống còn của Đảng và giai cấp công nhân trên hết.*

Nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến lược mặt trận thống nhất mở rộng, được phát ra tại Đại hội Quốc tế Cộng sản VII, Nguyễn Ái Quốc đang thể hiện chắc chắn sự thuyết phục của chính mình, bằng việc cảnh báo đồng chí cần thiết phải duy trì nghiêm ngặt sự kiểm soát của Đảng đối với phong trào cách mạng, ông đi theo những thực tiễn đã đưa ra trong thời gian hoạt động của Hội. Nhưng việc ông vạch ra Trotsky là kẻ phản bội, phản bội lợi ích học thuyết Marxist - Leninist, có lẽ ông nói theo ý muốn của Quốc tế Cộng sản, đặc biệt của Iosiff Stalin, người đã vài năm tiến hành chiến đấu khốc liệt chống lại ảnh hưởng Trotsky và phe cánh trong nội bộ phong trào Cộng sản Quốc tế. Dù Quốc đồng ý với Stalin cho rằng việc Trotsky nhấn mạnh "*cách mạng không ngừng*" do những phần tử vô sản đơn độc lãnh đạo chống lại kẻ thù khắp thế giới là không thực tế, ông phải cảm thấy, nói một cách công bằng, những người ủng hộ Trotsky ở Đông Dương có nhiều điểm chung với Đảng cộng sản Đông Dương hơn là với kẻ thù của họ. Nếu có quyền, Nguyễn Ái Quốc sẽ kết nạp những phần tử Việt Nam theo Trotsky vào giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương.

Trong khi các đồng chí của ông trở về châu Á, Nguyễn Ái Quốc ở lại Moscow. Nhưng ông làm việc không ngừng. Trong cuộc phỏng vấn tháng 9-1935, ông kể với nhà báo Liên Xô Ilya Ehrenburg, ông chỉ có một ước nguyện, trở về tổ quốc càng sớm càng tốt. Có lúc, tình hình đang có nhiều hứa hẹn, ông đề nghị cho phép trở lại Việt Nam một thời gian ngắn sau khi kết thúc Hội nghị VII, nhưng yêu cầu này bị từ chối với lý do tình hình Đông Dương còn rất phức tạp. Mùa hè năm 1936 ông đệ trình yêu cầu lần thứ

hai cho phép về nước qua ngả Berlin và Pháp. Nếu kế hoạch này không được, ông hứa đi tới Thượng Hải lập đường dây liên lạc với Văn Phòng Quốc tế Cộng sản ở đó, sau đó tìm đường trở về tổ quốc. Phòng nhân sự Quốc tế Cộng sản mời ông tới điền tờ khai cuộc hành trình, những rốt cuộc kế hoạch này cũng bị huỷ bỏ do bùng nổ Nội chiến Tây Ban Nha, sự kiện có ảnh hưởng mạnh mẽ tới Pháp.

Trong khi chờ hồi âm, mùa thu năm 1936 Nguyễn Ái Quốc theo học tại Viện Nghiên cứu dân tộc và những vấn đề thuộc địa (Trường Stalin trước đây), ông chuyển phòng trọ tại Đại học Lenin tới buồng đơn nhỏ hẹp trên đường Bolshaya Bronnaya. Chương trình học gồm những bài giảng về triết học, lịch sử và tiếng Nga. Nhưng ông cũng được Văn Phòng Đông Dương thuộc Văn phòng Viễn Đông giao việc nghiên cứu tình cảnh dân nghèo và dịch ra tiếng Việt tác phẩm *"Tuyên Ngôn Cộng sản"* của Marx và tác phẩm *"Chủ nghĩa tả khuynh: Sự hỗn loạn phôi thai"* của Lenin. Vì thế, ông là một trong hai sinh viên không đăng ký đi nghỉ hè do nhà trường tổ chức. Trong thời kỳ học tập năm 1937-1938, ông học thêm những khoá học khác tại Viện, đồng thời cũng làm việc tại Văn phòng Viễn Đông. Dưới sự giúp đỡ của giảng viên, ông cũng chuẩn bị xong tài liệu để viết một đề tài nghiên cứu *"Cách mạng ruộng đất ở Đông Nam Á"*.

Sau hai thập niên hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc không hài lòng vị thế hiện tại của mình. Đối với một người hoạt động ít quan tâm đến lý thuyết, mất nhiều tháng dịch những tác phẩm của những lãnh tụ cộng sản hoặc đến lớp nghe giảng những vấn đề lý thuyết trừu tượng khó hiểu quả là chuyện khó khăn. Tháng 6-1938, gần ba năm sau khi kết thúc Hội nghị VII, ông viết cho một cán bộ ở Quốc tế Cộng sản trong tâm trạng chán nản. Bảy năm trôi qua từ khi bị bắt, bây giờ là năm thứ tám ông bị vô hiệu hoá. Quốc

đề nghị giúp ông thay đổi tình hình đáng buồn của ông.

*“Xin hãy cử tôi đi đến một nơi nào đó, hoặc giữ tôi ở đây nhưng hãy phân công một công việc gì ấy mà đồng chí cho là hữu ích. Nhưng xin đồng chí đừng bỏ tôi một thời gian quá dài không được hoạt động mà phải đứng bên rìa Đảng”.*

Để giải quyết trường hợp của mình, ông đề nghị có một cuộc phỏng vấn với cán bộ có trách nhiệm của Quốc tế Cộng sản. Được sự giúp đỡ của Vera Vasilieva, người có thiện cảm, yêu cầu của ông cuối cùng được giải quyết, ông được lệnh về Trung Hoa bằng tàu hoả qua vùng Trung Á. Ngày 29-9-1938, ông rời trường. Ngày hôm sau, phòng nhân sự tại Viện ghi nhận, học viên mang số 19, tên là Lin, đã rời trường.

Tại sao Nguyễn Ái Quốc cuối cùng được thả khỏi nơi ông chịu đau khổ sau nhiều năm bị vô hiệu hoá? Nếu không mở được kho lưu trữ tài liệu ở Nga, vấn đề này còn là một đề tài chứa nhiều bí ẩn, vì những tin tức về cuộc sống của ông ở Moscow trong thời gian giữa thập niên 1930 rất ít. Có lẽ ông bị theo dõi do những tin đồn kéo dài ông đã đồng ý nhận làm điệp viên Anh như là cái giá được thả khỏi nhà tù Hong Kong. Cũng có thể Quốc bị Stalin ghét, vì ông tiếp cận học thuyết không chính thống một cách say mê. Nếu đúng như vậy, sự chuyển hoá tình hình thế giới và chiến lược mới của Quốc tế Cộng sản giờ đây đã đền đáp lại nhà cách mạng kỳ cựu hữu ích hơn trong việc thực hiện chính sách Xô viết ở Đông Á. Dù những chỉ thị riêng cho ông chưa được biết, nhưng ông mong đợi cung cấp cho Moscow những tin tức về tình hình biến đổi nhanh chóng ở Trung Hoa.

Dưới áp lực mạnh của lực lượng quân đội Tưởng Giới Thạch, tháng 10-1934 Đảng cộng sản Trung Quốc buộc phải bỏ căn cứ địa của họ ở phía nam sông Dương Tử (Hoàng Hà), bắt đầu cuộc

Trường Chinh tới Diên An về phía bắc Trung Quốc. Nguyễn Ái Quốc có thể nhìn thấy trách nhiệm mới của mình, báo cáo cho Moscow về những hoạt động của đồng chí Trung Quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng, nhưng nó đứng hàng thứ hai so với nhiệm vụ giúp đồng bào của ông tiến hành giai đoạn tiếp của cách mạng Việt Nam.

# CHƯƠNG

## HANG PÁC PÓ

Nước Trung Hoa mà Nguyễn Ái Quốc trở lại vào mùa thu năm 1938 khác xa thời kỳ ông ra đi cách đây gần năm năm, vì bây giờ trong chiến tranh. Cuộc xung đột khởi nguồn bắt đầu Sự Kiện Thẩm Dương năm 1931, khi binh sĩ quân đội Nhật Bản đột nhiên chiếm Mãn Châu Lý, lập ra quốc gia bù nhìn Mãn Châu Quốc. Trong thời gian năm năm, quân đội Nhật bành trướng vững chắc về phía nam, chiếm những vùng đất đai rộng lớn thuộc các tỉnh bao quanh cố đô Bắc Kinh đặt dưới quyền quân quản Nhật Bản. Lúc đầu, Tưởng Giới Thạch khước từ yêu cầu khẩn khoản của nhân dân Trung Hoa đòi ông chấm dứt những chiến dịch quân sự đánh chiếm khu vực do cộng sản kiểm soát phía nam sông Dương Tử - những chiến dịch này tiến hành đến cuối năm 1934 khiến lực lượng cộng sản buộc phải di chuyển trong cuộc Trường Chinh nổi tiếng tới vùng căn cứ mới tại Diên An, phía bắc Trung Hoa - và sau đó tìm được sự đồng tâm nhất trí của dân tộc chống lại sự xâm lăng của Nhật. Nhưng đầu năm 1937, sau khi Tưởng Giới Thạch bị một số sĩ quan của ngay chính quân đội của ông bắt cóc một cách kỳ lạ khi ông thăm Tây An, Tưởng bị thuyết phục phải ký thành lập một mặt trận thống nhất thứ hai với Đảng cộng sản Trung Quốc và hướng sự chú ý của nhân dân vào mối đe doạ từ Nhật.

Vài tháng sau đó, cuộc chiến tranh công khai nổ ra sau một đụng độ vũ trang tại Lư Cầu Kiều (Marco Polo Bridge) phía nam Bắc Kinh.

Sự đe doạ của Nhật Bản đưa nhân dân Trung Quốc vào tình thế cực kỳ nguy hiểm, nhưng nó mở ra dịp may cho Nguyễn Ái Quốc. Thứ nhất, việc thành lập mặt trận thống nhất giữa Chính phủ Quốc Dân Đảng và Đảng cộng sản Trung Quốc tạo cho ông tự do đi lại để liên lạc với những người cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở Hoa Nam. Thứ hai, nó dẫn đến tăng bóng ma một cuộc chiến tranh lớn ở châu Á, sẽ nhanh chóng lan rộng xuống Đông Nam Á và đi tới kết liễu nửa thế kỷ cai trị của Pháp ở Đông Dương.

Rời Moscow bằng tàu hoả vào ngày đầu thu 1938, Nguyễn Ái Quốc đi về phía tây băng qua vùng thảo nguyên bao la Trung Á thuộc Liên Xô. Sau khi dừng ở Alma - Ata, thủ đô Kazakhstan, ông tiếp tục tới biên giới Trung Hoa, ở đây ông theo đoàn xe đi Tân Cương, qua Turkistan tới thành phố Lan Châu, điểm cuối cùng phía đông của *Con đường Tơ lụa* và giờ đây là trung tâm đường sắt nhộn nhịp, thủ phủ tỉnh Cam Túc. Tại Lan Châu ông được Ngô Tú Quyền đại diện Đảng cộng sản Trung Quốc đón tiếp, thu xếp để ông đến Tây An. Ngô Tú Quyền phụ trách văn phòng địa phương của Giải Phóng Quân Trung Quốc, Đảng cộng sản Trung Quốc dùng văn phòng này làm điểm liên lạc với khách đến từ Liên Xô. Như Ngô Tú Quyền hồi tưởng trong hồi ký: *"Được cấp trên cho biết, tôi phải đón một nhân vật quan trọng người Á châu, nhưng không nói tên. Cấp trên ra lệnh phải chăm sóc ông ta hết sức chu đáo, lễ độ và tôi phải tháp tùng ông tới Diên An an toàn"*.

Sau hai ngày ở lại Tây An, ông phải chịu đợt ném bom đầu tiên của máy bay Nhật, Nguyễn Ái Quốc theo một nhóm du khách đi xe

bò, xe ngựa trên quãng đường mòn hai trăm dặm lên phía bắc qua những dãy núi để tới Diên An. Do có nhiều binh sĩ Quốc Dân Đảng đóng dọc đường, Quốc phải cải trang là "người áp tải" những xe ngựa chở quần áo, giầy dép cho dân nghèo sống trên núi, vì thế ông phải đi bộ đoạn đường dài.

Như Nguyễn Ái Quốc hồi tưởng nhiều năm sau này, Diên An năm 1938 tràn ngập gần 200.000 chiến sĩ Giải Phóng Quân Trung Quốc, phần lớn sống trong những hang đào khoét khắp sườn đồi, tường trát đất màu vàng. Nhiều cán bộ ưu tú Đảng cộng sản Trung Quốc sống trong những hang, ấm về mùa đông và mát về mùa hè hơn chỗ ở thông thường trong vùng. Tuy nhiên, ông khó phân biệt nổi sĩ quan Trung Quốc và lính trơn, vì tất cả họ mặc quân phục, giầy vải màu xanh lá mạ thẫm đồng loạt giống nhau. Quốc ở trong khu Vườn Táo, một biệt thự bẩy buồng tương đối rộng rãi, sau này dành cho chủ tịch Đảng cộng sản Trung Quốc Mao Trạch Đông. Ở Diên An, ông gặp nhiều người Trung Quốc từng quen biết ở Moscow, nhưng không gặp Mao, mặc dù sau này Mao nhanh chóng trở thành người nắm quyền lực chính trong Đảng cộng sản Trung Quốc.

Sau khoảng hai tuần lễ ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc xuống miền nam Trung Hoa trên một đoàn xe năm chiếc ô tô chở đoàn tuỳ tùng cùng tướng Diệp Kiếm Anh, tư lệnh Giải Phóng Quân Trung Quốc. Nguy hiểm đến không phải từ phía Nhật, vừa chiếm được Thượng Hải đang vượt sông Dương Tử tiến đến Hán Khẩu, mà là từ chỗ khác. Dù mặt trận thống nhất giữa Đảng cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đã trải qua hơn một năm, cuộc ngừng bắn cũng rất mong manh, dễ đổ vỡ và không phải luôn luôn được chính quyền Quốc Dân Đảng địa phương tuân thủ nghiêm ngặt. Để che giấu danh tính, Quốc lấy tên Hà Quang, một cái tên rất Trung Quốc, cải trang thành một cần vụ của một sĩ

quan cao cấp đi cùng nhóm. Theo những tài liệu của cộng sản, những binh sĩ chính phủ (Tưởng Giới Thạch) liên tục quấy phá, tấn công chuyến đi của đoàn cho tới khi đến gần sát những đơn vị Giải Phóng Quân Trung Quốc đóng ở đó chúng mới rút lui.

Đích đến của Nguyễn Ái Quốc là Quế Lâm, một thị trấn quê mùa, buồn tẻ nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Tây nổi tiếng về những rừng đá bao quanh, nơi đem lại cảm hứng cho những hoạ sĩ vẽ tranh thủy mặc Trung Hoa cổ điển. Ông trú ở một dinh thự tại đại bản doanh Bát Lộ Quân Đảng cộng sản Trung Quốc ở làng Lưu Mã, nằm sát ngoại ô. Ông được phân công làm nhà báo kiêm cán bộ y tế cộng đồng tại Cơ Quan Cứu Tế Dân Tộc địa phương - một tổ chức quần chúng dưới quyền Mặt trận Thống Nhất Quốc - Cộng. Một trong những người Trung Quốc quen ông sau này nhớ lại:

*Tôi làm việc với Hồ Chí Minh tại trụ sở Bát Lộ Quân ở Quế Lâm từ cuối năm 1938 tới mùa xuân và cả mùa hè năm 1939. Chúng tôi sống chung với nhau trong một ngôi nhà rộng phía tây làng Lưu Mã. Lúc đó, ông dùng tên Hà Quang, nghe giọng nói tôi nghĩ ông là người Quảng Đông. Cơ quan chúng tôi giống như một câu lạc bộ, nhưng chẳng phải là câu lạc bộ, vì nó thực hiện chức năng học chính trị và văn hoá… và cũng có nhiều cán bộ phụ trách về kinh tế, tài chính, y tế, báo chí… v.v…. Hồ Chí Minh có nhiệm vụ về trông coi vệ sinh nhưng cũng là một nhà báo, do vậy cũng lại là một trong những người lãnh đạo ở cơ quan chúng tôi. Tôi nhớ, trong công việc kiểm tra vệ sinh ông làm việc nghiêm túc, đưa ra tiêu chuẩn rất cao. Nếu điều kiện vệ sinh không tốt, ông phê bình thẳng thừng. Ông được phân công biên tập Tạp Chí Đời Sống của chúng tôi. Ông thiết kế bìa, viết tựa đề bài, tham gia viết báo cũng như làm thơ Đường luật bằng chữ Hán.*

Người bạn ấy nói tiếp:

*Khi Quốc ở Quế Lâm, ông để lại cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc.*

*Hàng ngày ông dậy sớm, quét sàn nhà… Sàn nhà rất bẩn, nên khi quét, bụi bay khắp nơi, Hà Quang phải đeo khẩu trang. Công việc thanh tra y tế và viết báo chiếm một phần ba đến một nửa thời gian của Hà Quang. Thời gian còn lại ông đọc sách hoặc đánh máy chữ với chiếc máy ông đem theo. Chiếc máy chữ của ông do nước ngoài sản xuất. Tôi có thể nói ông ta đánh máy rất thành thạo. Lúc bấy giờ tôi không biết ông là ai. Sau nay tôi mới biết ông quan hệ rất rộng, vì một lần tôi phê bình ông v*ề *một chuyện nhỏ trong cơ quan. Ngày ấy, chuyện phê và tự phê bình là một hình thức tu dưỡng đạo đức trong cơ quan. Nhưng ngày hôm sau, một cán bộ Đảng cộng sản Trung Quốc đến gặp và hỏi có phải tôi đã phê bình Hà Quang không. Tại sao - ông ta hỏi - anh lại dám phê bình bừa bãi mọi người như vậy? Vì thế tôi nhận ra Hà Quang không phải là người bình thường mà là người có thế lực.*

Nguyễn Ái Quốc rất cẩn trọng việc kết giao với các đồng nghiệp. Khi đến câu lạc bộ Bát Lộ Quân ở Quế Lâm ông phát hiện ở đấy chỉ có những máy chữ gõ chữ Anh. Thật may mắn, một trong những đồng sự Trung Quốc của ông thường có công việc đi Hong Kong, Hải Phòng có thể mua máy chữ gõ chữ Pháp. Trong một chuyến đi, người đồng sự đã mua một chiếc máy chữ cho Quốc. Để trả ơn, Quốc đãi ông bạn của mình bữa tối tại nhà hàng địa phương, không những thế còn vung tay mua hai chai rượu vang để mời.

Một số bài báo của Nguyễn Ái Quốc, viết bằng tiếng Pháp ký tên P. C. Line, gửi về Hà Nội, được in trong báo Tiếng Dân (*Notre Voix)* - một tờ báo Việt Nam xuất bản bằng tiếng Pháp. Phần lớn chủ đề liên quan tới tình hình chiến tranh ở Trung Hoa, các vụ tấn công quân đội Nhật Bản và ca ngợi tinh thần can đảm, bất khuất của nhân dân Trung Quốc chống xâm lược. Một mẩu tin, viết tháng tháng 12-1938, chế nhạo những cố gắng mà Tokyo đã *“khai hoá văn minh”* ở Trung Hoa, vạch rõ vụ thảm sát đẫm máu diễn ra ở

thành phố Nam Kinh hồi đầu năm là tội ác điển hình man rợ của Nhật Bản. Một bài khác ca ngợi tinh thần hợp tác được xem là tấm gương trong mặt trận thống nhất Quốc - Cộng, đồng thời bài báo thứ ba vạch ra, mặc dù ưu thế công nghệ Nhật Bản đã thu được kết quả trong thời gian đầu, nhưng trang bị cơ giới của quân đội Nhật bây giờ đang bị sa lầy trên những con đường mòn ở Trung Hoa, vì thế càng gia tăng sự vô dụng. Ông nói, chính phủ Nhật Bản hứa sẽ chiến thắng trong vòng ba tháng, sau đó sáu tháng. Nhưng ông chỉ rõ, cuộc chiến tranh tiếp tục không ngừng.

Tờ Tiếng Dân được xuất bản công khai dưới sự chỉ đạo và lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương ở Hà Nội. Sự xuất hiện của nó chính là một trong những kết quả của sự chuyển hướng chính sách thuộc địa của Pháp xảy ra sau khi Mặt trận Bình Dân ra đời năm 1936. Với tham gia của các đảng phái cánh tả vào chính phủ mới ở Paris, tù chính trị sớm được thả khỏi trại giam ở Đông Dương. Các đảng phái chính trị của mọi xu hướng được phép tham gia những hoạt động hữu hạn có tổ chức.

Sự chuyển hướng chính sách ở Paris, cùng với sự thay đổi chiến lược ở Moscow tại Đại hội Quốc tế Cộng sản VII, khiến giới lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương ngạc nhiên. Tại Hội nghị Macao tháng 3-1935, Hà Huy Tập và các đồng chí của ông đã chấp nhận đường lối tả khuynh được thông qua tại Đại hội VI năm 1928, với niềm tin vững chắc chiến lược đó sẽ tiếp tục.

Từ Moscow về nước vào mùa xuân 1936, Lê Hồng Phong lập tức triệu tập cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương ở Thượng Hải để thảo luận kết quả của Hội nghị VII. Ông giải thích ý nghĩa sự chuyển hướng chính sách mới đây ở Moscow, dự kiến từng bước đưa Đảng cộng sản Đông Dương đi đúng đường lối chiến lược mới. Do sức ép của ông, Ban Chấp

Hành tán thành việc lập Mặt trận Thống Nhất Dân Chủ Đông Dương mới chống lại chủ nghĩa phát - xít toàn cầu và chế độ thực dân Pháp. Nghị quyết không đả động gì tới sự tiếp xúc với những đảng phái chính trị cạnh tranh, nhưng sau hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương gửi một bức thư ngỏ tới toàn thể đảng viên để giải thích chính sách mới. Bức thư cũng được gửi tới Việt Nam Quốc Dân Đảng và những đảng dân tộc chủ nghĩa khác đề xuất hợp tác với mục đích chung, giành độc lập dân tộc và đem lại cải cách xã hội.

Dù chỉ là nguồn tin nội bộ cho rằng Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí tán thành đường lối mới của Moscow, nhưng chắc chắn đó là viên thuốc đắng khó nuốt cho một số người chủ trương cứng rắn và giáo điều như Hà Huy Tập. Trong nội bộ Đảng đã xuất hiện sự chống đối, trước hết từ các đảng viên nhiều năm ngồi tù, có nhiều kinh nghiệm riêng cay đắng với chế độ thực dân Pháp.

Dù thế nào đi nữa, giới lãnh đạo đảng cũng thông qua chiến lược mới và sau khi hội nghị kết thúc, Ban Chấp hành Trung ương chuyển về Đông Dương, một đại bản doanh mới ở làng Hóc Môn, bắc ngoại ô Sài Gòn. Lê Hồng Phong đại diện Cộng sản Quốc tế của Đảng cộng sản Đông Dương, trở về cùng họ. Hai năm sau, Đảng chuyển dần ra công khai đồng thời tăng số đảng viên trong tất cả những tầng lớp tiến bộ xã hội Việt Nam. *“Hội Ái Hữu”,* đại diện cho những lợi ích của các nhóm khác nhau như nông dân, công nhân, thanh niên và phụ nữ được thành lập ở những thành thị, thôn xã, nhà máy, trường học là mảnh đất đào tạo và trung tâm tuyển mộ những người ủng hộ, cũng là vỏ bọc cho những hoạt động của Đảng cộng sản Đông Dương. Những tờ báo của Đảng, do các cán bộ trẻ đầy hứa hẹn như Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Trần Huy Liệu đảm nhận, được thành lập trong tất cả những thành phố lớn để trình bày đường lối ôn hoà mới trong một

cố gắng tìm kiếm sự ủng hộ của tầng lớp trung lưu yêu nước.

Ở mặt nào đó, chiến lược đã thành công. Trong suốt thời gian hai năm tiếp theo, số lượng đảng viên tăng vài lần, tỷ lệ phần trăm những người ủng hộ thuộc giai cấp công nhân và nông dân tăng vọt. Nhưng chính phủ thuộc địa chỉ có một sự khoan dung giới hạn đối với những hoạt động dân tộc chủ nghĩa, khi những tờ báo của Đảng cộng sản Đông Dương lớn tiếng phê bình những chính sách hiện hành, nhà cầm quyền trở mặt. Một số nhà phê bình xuất sắc, gồm nhà dân tộc cấp tiến Nguyễn An Ninh và ngay cả Lê Hồng Phong, bị bắt và giam giữ một thời gian ngắn rồi được thả.

Chính sách thuộc địa thay đổi thất thường, khuấy lên sự căng thẳng trong nội bộ Đảng về vấn đề hoạt động công khai hay bí mật, trở thành chủ đề chính tại cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương diễn ra tại làng Hóc Môn năm 1937 và 1938. Tại cuộc họp tháng 3-1938, vấn đề này đem ra bàn trước tiên. Tổng bí thư Hà Huy Tập, nhà phê bình xuất sắc nhất của chiến lược Mặt trận Bình Dân mới, còn Lê Hồng Phong là người biện hộ mạnh mẽ tiếng nhất, tranh cãi ủng hộ chính sách cộng tác với tất cả những đảng dân tộc chủ nghĩa tiến bộ. Đứng giữa là Nguyễn Văn Cừ, đảng viên trẻ từ đồng bằng sông Hồng, người muốn duy trì thế cân bằng giữa công khai và bí mật, cộng tác với những tổ chức tiến bộ khác đồng thời tiếp tục chống lại những người theo chủ nghĩa hợp hiến. Cuối cùng, quan điểm của Cừ thắng. Hà Huy Tập, do tính đối đầu và đa nghi khiến phần đông các đồng chí của ông không hài lòng, bị thay thế bằng Nguyễn Văn Cừ, Tổng bí thư mới.

Nguyễn Ái Quốc theo sát những thay đổi diễn ra ở Đông Dương từ căn cứ tạm thời ở miền nam Trung Quốc. Để tránh khả năng mật thám dò nơi ở của mình, sợ lộ diện là tác giả những bài báo ký tên P. C. Line, nhưng ông hy vọng những đảng viên trong toà

soạn Tiếng Dân (*Notre Voix)* - một số biết Lin, bí danh của ông ở Moscow - có thể nhận ra văn phong và tiết lộ tên tác giả. Tháng 7-1939, ông đánh liều, qua người quen gửi một thư ngắn chứa những lời khuyên tới Ban Chấp Hành Trung ương cùng địa chỉ của mình ở Trung Hoa, để họ có thể liên lạc. Bức thư là một tuyên bố nghiêm túc ủng hộ những chính sách mặt trận thống nhất được chấp nhận tại Đại hội Quốc tế Cộng sản VII.

*1. Trong thời gian này, Đảng không nên quá tham vọng những đòi hỏi của mình (độc lập dân tộc, một nghị viện, v.v…). Làm như thế sẽ chỉ có lợi cho bọn phát - xít Nhật. Do vậy chỉ nên đòi hỏi những quyền dân chủ, tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tổng ân xá tất cả những tù chính trị và đấu tranh để hợp pháp hoá Đảng.*

*2. Để giành được mục tiêu này, phải tìm cách tổ chức một Mặt trận Dân Chủ Dân Tộc rộng rãi. Mặt trận đó không chỉ gồm nhân dân Đông Dương mà còn bao gồm tất cả những người Pháp tiến bộ sống ở Đông Dương, không những chỉ nhân dân lao động mà còn cả tầng lớp tư sản dân tộc.*

*3. Đảng cần phải có thái độ mềm dẻo và khôn ngoan đối với giai cấp tư sản dân tộc. Nên tìm cách lôi kéo họ vào Mặt trận, tập hợp những phần tử có thể tập hợp được và trung lập hoá những người có thể trung lập hoá được. Chúng ta phải bằng mọi cách đừng để họ đứng ngoài Mặt trận, đừng để họ rơi vào tay kẻ thù cách mạng và làm tăng sức mạnh của bọn phản cách mạng.*

*4. Chúng ta không thể có một liên minh nào cả hoặc bất cứ sự nhượng bộ nào với nhóm Trotskist. Chúng ta cần phải làm tất cả những gì có thể vạch trần bộ mặt của họ là những con chó săn của bọn phát - xít và thủ tiêu họ về mặt chính trị.*

*5. Để tăng cường và đoàn kết lực lượng cũng như để mở rộng ảnh*

*hưởng của nó và làm việc một cách hiệu quả, Mặt trận Thống Nhất Dân Chủ Đông Dương cần phải có quan hệ chặt chẽ với Mặt trận Bình Dân ở Pháp, vì Mặt trận Bình Dân cũng đấu tranh vì tự do, dân chủ và có thể giúp đỡ chúng ta rất nhiều.*

*6. Đảng không nên đòi hỏi Mặt trận phải thừa nhận sự lãnh đạo của đảng. Đảng cần phải thể hiện là một tổ chức đóng góp những hy sinh lớn lao và là một tổ chức bao gồm những người trung kiên, hăng hái. Chỉ có bằng công tác đấu tranh hàng ngày, quần chúng nhân dân sẽ thừa nhận chính sách đúng đắn, khả năng lãnh đạo của Đảng và có thể giữ được vị trí lãnh đạo.*

*7. Để có thể tiến hành những nhiệm vụ nói trên, Đảng cần phải chiến đấu không khoan nhượng chống lại chủ nghĩa bè phái và cần phải tổ chức một cách có hệ thống sự hợp tác Marxist - Leninist để nâng cao hiểu biết chính trị, văn hoá cho toàn thể đảng viên. Đảng cần phải trợ giúp những cán bộ ngoài đảng để nâng cao mức hiểu biết của họ. Đảng cần phải duy trì chặt chẽ mối liên lạc với Đảng cộng sản Pháp.*

Nguyễn Ái Quốc kèm bản sao bức thư vào bản báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản. Đây là sự liên lạc chính thức đầu tiên của ông với các đồng chí của mình ở Moscow kể từ khi rời Moscow một năm trước đây. Quốc xin lỗi vì chậm trễ báo cáo tình hình châu Á, do cuộc khủng hoảng hiện thời phá hỏng những kế hoạch của ông. Ông báo cáo đã làm một số việc để liên lạc xúc với Đảng cộng sản Đông Dương, nhưng không có kết quả. Trong lúc chờ đợi, ông nói, ông viết tay tác phẩm *Khu vực đặc biệt* (nói về những vùng giải phóng của Đảng cộng sản Trung Quốc ở bắc Trung Hoa) và một số bài báo.

Nguyễn Ái Quốc cũng cáo lỗi vì những thiếu sót nếu có về mặt lý luận trong bức thư khuyên Ban Chấp hành Trung ương Đảng

cộng sản Đông Dương, giải thích (có lẽ không đúng sự thật), đã đánh mất cuốn hướng dẫn chiến lược Quốc tế Cộng sản mà ông luôn mang theo người từ Moscow nên buộc phải sử dụng trí nhớ. Bằng cách nói bóng gió, đề nghị các đồng chí ở Liên Xô soát lại cẩn thận xem liệu ông có sai sót nào không. Rồi ông kết luận bằng việc thảo luận tình hình hiện tại ở Đông Dương, chỉ rõ rằng cuộc bầu cử Mặt trận Bình Dân ở Pháp đã tạo ra một số cải thiện từ năm 1936, nhưng ông nói them, nhiều cải cách đã bị đảo ngược do sự bổ nhiệm nhiều nhân vật bảo thủ vào chính phủ của Thủ tướng Edouard Daladier cuối năm 1938. Sự nghiêng ngả của chính phủ sang phía cánh hữu đã nổ ra một số cuộc đình công của công nhân, nhiều người trong số này được sự ủng hộ của những tầng lớp khác ở Việt Nam.

Tháng 2-1939, Đảng cộng sản Trung Quốc chỉ thị Tư lệnh Diệp Kiếm Anh mở ra một chương trình huấn luyện quân sự tại Hoành Dương, cách Quế Lâm tỉnh Hồ Nam 200 dặm về phía đông bắc. Chương trình này là một thử nghiệm hợp tác giữa Đảng cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Quốc Dân Đảng có kế hoạch từ mua thu năm trước. Một viện được thành lập gần thị trấn Nam Dương để huấn luyện binh sĩ Quốc gia Trung Hoa tiến hành chiến tranh du kích trong vùng địch. Tưởng Giới Thạch chỉ thị Diệp Kiếm Anh chọn một vài cán bộ cộng sản để hướng những lớp học này. Lớp học đầu tiên khai giảng ngày 15 tháng 2, kết thúc vào giữa tháng 5. Lớp thứ hai khai mạc ngay sau đó. Tháng 6, vẫn giữ tên Hà Quang nhưng mang hàm thiếu tá, Nguyễn Ái Quốc được cử từ Quế Lâm tới Hoành Dương làm nhân viên hành chính tại viện. Ông cũng là người vận hành điện đài của đơn vị. Ông sống cùng với nhân viên hành chính khác trong một ngôi nhà có vườn của một địa chủ địa phương nằm ở phía tây thị trấn.

Sau khi hoàn thành trách nhiệm vào cuối tháng Chín, Nguyễn Ái

Quốc trở lại Quế Lâm. Vài ngày sau ông tới Long Châu, một thị trấn của tỉnh Quảng Tây nơi Lê Hồng Phong từng sống năm 1932, với hy vọng bắt liên lạc với hai cán bộ được Ban Chấp Hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đặc cách cử sang vì mục đích này. Tuy nhiên, trước lúc Quốc tới nơi, hai cán bộ này đã cạn tiền và trở về Đông Dương.

Cố gắng đầu tiên của ông để tái lập liên lạc với giới lãnh đạo đảng ở Đông Dương thất bại, Nguyễn Ái Quốc trở lại Quế Lâm để có thu xếp khác. Lúc này ông quyết định tới Trùng Khánh, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên, nơi Tưởng Giới Thạch đã lập thủ đô kháng chiến sau khi Nhật chiếm thung lũng Dương Tử. Chuyến đi của Quốc tới Trùng Khánh tìm sự giúp đỡ của cơ quan liên lạc Đảng cộng sản Trung Quốc ở đó. Trên đường, ông dừng chân tại Quế Dương, thủ phủ tỉnh Quý Châu, tạm trú trong một phòng ở tầng trên một cơ quan Bát Lộ Quân địa phương. Ngày 7 tháng 11, ông rời Quế Dương tới Trùng Khánh. Thu xếp một chỗ ở Văn Phòng Liên Lạc của Đảng cộng sản Trung Quốc, ông làm bạn với Chu Ân Lai - người ông từng biết ở Paris và sau này ở Quảng Đông. Tại đây Chu là chính uỷ của Tưởng Giới Thạch tại Trường Quân Sự Hoàng Phố. Lúc này Chu Ân Lai đang là trưởng ban liên lạc Đảng cộng sản Trung Quốc ở Trùng Khánh. Một đồng nghiệp Trung Hoa sau này nhớ lại, Quốc sống đơn giản, ăn mặc theo lối nông dân, giọng Quảng Đông, đi đâu cũng đem theo chiếc máy chữ. Ít người trong cơ quan biết được danh tính thực của ông.

Thật trớ trêu, chuyến đi của Nguyễn Ái Quốc tới Trùng Khánh khiến ông lỡ dịp may bắt liên lạc với các đồng chí từ Việt Nam. Ngày 11 tháng 11, Phùng Chí Kiên và đồng sự Đặng Văn Cáp đến Quế Dương để gặp ông. Là uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương từ hội nghị Macao năm 1935, Kiên từng sống ở nam Trung Quốc và Hong Kong. Mới đây đã cộng tác

với hai đảng viên kỳ cựu khác, Hoàng Văn Hoan và Vũ Anh, thành lập *"chi nhánh đảng ở hải ngoại"* tại Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam, để giải quyết công việc Đảng ở nam Trung Hoa. Họ phải cạnh tranh gay gắt những thành viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, Hội Thanh Niên Cách mạng - kẻ thù của họ, do cựu trào dân tộc chủ nghĩa Vũ Hồng Khanh lãnh đạo. Cuối tháng 10-1939, Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu Kiên bắt liên lạc với Nguyễn Ái Quốc ở Quế Dương. Khi biết vừa lỡ hẹn không gặp được Quốc, Kiên trở lại Côn Minh, còn Đặng Văn Cáp ở lại chờ Nguyễn Ái Quốc quay lại. Nhưng kế hoạch một lần nữa cũng không thành. Quốc trở lại Quế Dương ngày 18 tháng 11, nhưng do tắc nghẽn người trên đường phố xung quanh cơ quan, Cáp không thể gặp Quốc.

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc cũng vừa biết đến chi nhánh mới của đảng ở hải ngoại tại Côn Minh, tháng 2-1940 ông đến đó gặp Phùng Chí Kiên và các đồng chí. Vũ Anh, một cán bộ xuất thân từ công nhân, bí danh Trịnh Đông Hải, lái xe tải ở nhà máy xẻ gỗ, sau này viết:

*Một hôm vào cuối tháng Hai, một người tuổi trung niên, mặc âu phục, cà vạt, đến công ty Vĩnh An, hỏi bằng tiếng Trung Quốc: "ở đây có vị nào tên Trịnh Đông Hải không?" Tôi lên tiếng và chạy ra gặp. Ông ta lại dùng tiếng Việt nói nhỏ với tôi: Tôi là Trần. Chúng ta hãy ra công viên nói chuyện… Tới công viên, tôi mới chợt để ý, ông Trần đi rất nhanh, có đôi mắt sáng. Tôi đoán, phải là một cán bộ trọng yếu, nhưng vẫn không thể tưởng tượng nổi đó chính là Nguyễn Ái Quốc. Lúc đó tôi chỉ biết, đó là người mà Trung ương đã phái cán bộ đi tìm, hơn nữa, được đảng anh em giúp đỡ tìm kiếm, nhất định phải là người hoàn toàn đáng tin cậy".*

Vũ Anh thông báo cho người khách, Đảng đã lập một mạng lưới bí mật ở tỉnh Vân Nam, sử dụng vỏ bọc của một công ty thương

mại và dẫn ông tới gặp Phùng Chí Kiên. Họ đã gặp Hoàng Văn Hoan, người tốt nghiệp trường huấn luyện của Hội ở Quảng Châu, từng nhiều năm làm việc tại chi nhánh của Đảng ở Xiêm và lúc này là một thợ may ở Côn Minh. Quốc trọ tại một hiệu sách địa phương, đồng thời khuyên các đồng chí tiến hành hoạt động cách mạng trong vùng. Như thường lệ, ông mang theo máy chữ bên mình, viết một số bài báo cho báo Đồng Thanh - tờ báo của chi nhánh đảng ở hải ngoại. Tháng Tư, ông tháp tùng Phùng Chí Kiên thăm những căn cứ của Đảng dọc đường xe lửa từ Côn Minh tới biên giới Đông Dương. Người Pháp đã xây dựng đường xe lửa đó, sử dụng vài ngàn công nhân Việt Nam làm đường, để tạo thuận lợi giao thông giữa Đông Dương và những tỉnh phía nam Trung Hoa. Giả trang ông già nông dân trong bộ quần áo ka - ki bạc màu, *"ông Trần"* dừng lại ở một vài thị trấn dọc đường trong thời gian vài tuần lễ, xem xét tình hình và đưa ra những lời khuyên về chính trị, sau đó trở lại Côn Minh cuối tháng 5-1940.

Trong lúc đó, tình hình đảng viên đang trở nên sôi động ở Đông Dương. Chính phủ Daladier báo hiệu sự kết thúc Mặt trận Bình dân ở Pháp. Chính phủ thuộc địa cấm đoán khắc nghiệt những hoạt động của Đảng ở Đông Dương. Tiếp đó, cuối tháng Tám, một tuyên bố gây sốc dư luận: Đức Quốc Xã và Liên Xô đã ký một hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau. Một tuần sau, quân đội Đức vượt qua biên giới Ba Lan. Anh và Pháp tuyên chiến với Đức.

Những tin tức này đã có tác động thảm hoạ đến hoạt động của Đảng ở Đông Dương. Toàn quyền mới, tướng Georges Catroux, tức khắc ra lệnh thẳng tay đàn áp những hoạt động công khai và bán công khai của Đảng cộng sản Đông Dương cũng như những tổ chức chính trị cấp tiến khác. Lê Hồng Phong, đại diện Đảng cộng sản Đông Dương tại Cộng sản Quốc tế, bị mật thám theo dõi sát sao từng bước, lại bị bắt tại Sài Gòn cuối tháng Chín. Hà Huy Tập,

người phê phán mạnh mẽ Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Macao, đã nằm trong tù khi cảnh sát vây ráp trong cuộc tuần hành ngày Quốc tế Lao động 1-5 năm trước. Trong một cố gắng tuyệt vọng để tránh thảm hoạ, Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ triệu tập cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương một địa điểm an toàn ở ngoại ô Sài Gòn đầu tháng Mười Một. Do mật thám tăng cường theo dõi, chỉ có bốn uỷ viên đến dự, không có đại diện Xứ uỷ Bắc Kỳ, (vừa phải chuyển trụ sở ra ngoại ô Hà Nội), dự định tiến hành một cuộc biểu tình. Cả bốn người cố gắng có mặt để thể hiện sự can đảm. Dù chính phủ đàn áp thẳng tay buộc Đảng quay về bí mật, nhưng khả năng gia tăng chiến tranh ở châu Âu đã tạo ra triển vọng sụp đổ của Pháp, sự can thiệp của Nhật Bản vào Đông Dương, làm tăng cơ hội cho cuộc nổi dậy của nhân dân giải phóng dân tộc. Tóm lại, không có ai đủ niềm tin hơn Lenin khi tuyên bố, thời gian tốt nhất để phát động cuộc cách mạng là khi chiến tranh thế giới nổ ra. Kết luận sự đàn áp thẳng tay của Pháp khiến chiến lược Mặt trận Bình Dân trở thành vô nghĩa, Ban Chấp Hành vạch ra đường lối mới kêu gọi chuẩn bị phát động tổng khởi nghĩa lật đổ chế độ thực dân. Đây là lần đầu tiên kể từ khi Hội Thanh Niên Cách mạng sụp đổ một thập niên trước đây, vấn đề độc lập dân tộc của Việt Nam thu hút sự chú ý trực tiếp và tức thời của Đảng. Hai tháng sau, Nguyễn Văn Cừ và đồng sự Lê Duẩn, uỷ viên trẻ Ban Chấp hành Trung ương Xứ uỷ Trung Kỳ, người tham dự hội nghị tháng Mười Một, bị Pháp bắt và tống giam ở nhà tù Sài Gòn.

Ngay sau khi Quốc trở lại Côn Minh vào tháng 5-1940, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp - hai uỷ viên dự khuyết của Đảng tới thành phố này, theo lệnh của Ban Chấp Hành Trung ương để huấn luyện thêm hoạt động cách mạng. Phạm Văn Đồng, một cựu trào của Đảng, đã tham dự Hội nghị Hội Thanh Niên Cách mạng ở Hong Kong vào tháng 5-1929, sinh năm 1908 ở tỉnh Quảng Ngãi,

phía nam thành phố Đà Nẵng. Đồng là con trai của một viên quan đứng đầu đám quan lại dưới thời vua Duy Tân, Đồng đã tốt nghiệp Trường Quốc Học Huế, sau đó tham gia phong trào cách mạng và bỏ sang Quảng Châu, ở đây ông học Trường Quân Sự Hoàng Phố. Với xương gò má cao, đôi mắt sâu, Đồng vẻ ngoài lặng lẽ, khác thường, ẩn bên trong tính cách mạnh mẽ, các đồng chí coi ông là người lãnh đạo có tiềm năng. Bị bắt trong hoạt động chống chính phủ tại Sài Gòn tháng 4-1931, ông bị giam vài năm ở nhà tù Côn Đảo. Sau vài năm trong "chuồng cọp", buồng giam đầy tai tiếng rất dã man mà Pháp giam những tù chính trị nguy hiểm trong thời kỳ thuộc địa, ông được ân xá năm 1937, làm nhà báo trong thời kỳ Mặt trận Bình Dân.

Cộng sự của ông, Võ Nguyên Giáp, sinh năm 1911 ở tỉnh Quảng Bình. Giáp cũng xuất thân gia đình quan lại, nhưng ông ngoại của ông đã tham gia phong trào kháng chiến chống Pháp thập niên 1880. Năm 1924, Giáp theo học Trường Quốc Học Huế, tính tình sôi nổi và mạnh mẽ, sớm bị cuốn vào những hoạt động cấp tiến sau khi dự đám tang Phan Chu Trinh. Bị đuổi khỏi trường năm 1927, ông tham gia Đảng Tân Việt nhưng sau chạy sang Đảng cộng sản Đông Dương, bị bắt vì tham gia những cuộc biểu tình của sinh viên ở Huế trong thời kỳ Nghệ Tĩnh nổi dậy. Được thả khỏi nhà tù năm 1933, ông trở lại đi học, cuối cùng nhận bằng cử nhân luật tại Đại học Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp, ông không trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp mà nhận làm giáo viên sử học tại một trường trung học tư thục ở Hà Nội. Ở đó ông gặp Nguyễn Thị Minh Giang (Quang Thái), em gái của vợ Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thị Minh Khai. Họ kết hôn, Minh Giang sinh một cô con gái, đồng thời Giáp (bí danh Văn) làm nhà báo của tờ báo Tiếng Dân của Đảng. Ông cộng tác với Trường Chinh, viết tài liệu tóm tắt tình hình nông thôn ở Đông Dương. Lúc này dưới sự theo dõi chặt của

cảnh sát, Giáp trở nên say mê lịch sử quân sự, đọc ngấu nghiến nhiều cuốn sách về quân sự tại thư viện quốc gia thành phố Hà Nội.

Theo chính ông kể, Võ Nguyên Giáp được Hoàng Văn Thụ ra lệnh rời Hà Nội tới Trung Hoa. Hoàng Văn Thụ, đảng viên trẻ, dân tộc Thổ, được bầu vào Ban Chấp Hành Trung ương năm 1938 và lúc đó là bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ. Thụ thường trao đổi với Giáp về vấn đề quân sự, chỉ thị Giáp xem xét cẩn thận khả năng chiến tranh du kích trong một cuộc chống Pháp trong tương lai, (điều này không làm Giáp lạ lẫm, vì ông biết rõ chiến thuật Maoist ở Trung Hoa và cách sử dụng tương tự trong chiến tranh giữ nước qua các thời kỳ cổ đại ở Việt Nam), gợi ý nên đến Trung Hoa, lần đầu tiên Giáp cũng muốn gặp Nguyễn Ái Quốc.

Sau cuộc thảo luận với Hoàng Văn Thụ, Võ Nguyên Giáp chuẩn bị cho chuyến đi Trung Hoa. Đầu tháng Năm, sau khi tan lớp buổi dạy học cuối cùng, ông đi bộ tới Hồ Tây, phía bắc ngoại ô Hà Nội, từ biệt người vợ trẻ và đứa con gái mới sinh. Họ thoả thuận, vợ chồng sẽ đoàn tụ ở Trung Hoa ngay khi bà thu xếp được người chăm sóc con gái. Nhưng họ không bao giờ gặp lại nhau. Đi cùng Phạm Văn Đồng vẫn còn ốm yếu xanh xao do những năm tù đày ở Côn Đảo, Giáp rời Hà Nội đi về phía biên giới Trung Hoa. Đi tàu hoả tới Lào Cai, họ vượt biên giới vào Trung Hoa, tiếp tục đi Côn Minh. Nhà cầm quyền theo dõi sát sao đoàn tầu nên khi nhân viên thanh tra cảnh sát đến từng toa kiểm tra thẻ căn cước, hai người phải trốn vào xó kín cho đến khi chúng đi khỏi.

Đầu tháng Sáu, khi tới Côn Minh, Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng gặp Phùng Chí Kiên và Vũ Anh, hai cán bộ Đảng cộng sản Đông Dương ở đó, nói họ chờ gặp ông Vương, người sẽ trao cho họ nhiệm vụ mới. Vương (chính là Nguyễn Ái Quốc) gặp họ tại

một địa điểm ven Hồ Thanh Thiên - một địa điểm thơ mộng trong khu thương mại Côn Minh - chỉ thị họ đi tới Diên An theo học một khoá quân sự ở trường quân sự của Đảng cộng sản Trung Quốc ở đấy. Vài ngày sau Giáp và Đồng đi Quế Dương, ở đây họ buộc phải chờ tại văn phòng liên lạc Bát Lộ Quân Đảng cộng sản Trung Quốc lấy giấy phép đi đường tới Diên An. Nhưng ngay khi họ vừa xuất phát lên phía bắc, đột nhiên nhận được điện của Nguyễn Ái Quốc nói ông sẽ tới Quế Dương, yêu cầu chờ ông ở đó hơn là đi tiếp.

Kế hoạch của Nguyễn Ái Quốc phải thay đổi do những biến cố mới xảy ra ở châu Âu, cuộc tấn công của Đức tháng 5-1940 dẫn đến sự đầu hàng của Pháp ngày 22 tháng 6. Như Quốc giải thích, việc Đức chiếm đóng Pháp và sự hình thành chế độ bù nhìn Vichy ở nam nước Pháp có nghĩa *"những thay đổi mới chắc chắn sẽ xảy ra ở Đông Dương".* Vài ngày sau, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh cũng đến Quế Dương, Quốc cùng họ đi tới Quế Lâm. Ở đây ông triệu tập cuộc họp ban biên tập tạp chí Đồng Thanh, tờ báo hải ngoại của Đảng, để thảo luận tình hình. Quốc nhấn mạnh,*"Việc Pháp thất bại đem lại cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Chúng ta cần phải tìm mọi cách trở về nước tận dụng cơ hội này. Chậm trễ sẽ làm hại cho cách mạng".* Một trong các đồng chí của ông hỏi về lấy vũ khí ở đâu, Quốc đáp:

*Chúng ta sẽ có vũ khí khi chúng ta phát động tổng khởi nghĩa. Đây là vấn đề quan trọng nhất của cách mạng. Nhưng nếu chúng ta có vũ khí bây giờ, ai sẽ là người bảo quản? Vì vậy chúng ta phải tìm cách về nước, phát động quần chúng. Khi quần chúng thức tỉnh, họ sẽ có vũ khí.*

Sau khi thảo luận với với các đồng chí của mình, Nguyễn Ái Quốc ra lệnh Vũ Anh và Phùng Chí Kiên trở về Quế Dương gặp Giáp và Phạm Văn Đồng, tháp tùng họ quay về Quế Lâm. Ở đó họ

sẽ được hướng dẫn để chuẩn bị cho việc giới lãnh đạo đảng hải ngoại trở về Đông Dương. Quốc chỉ thị các đồng chí khác bắt liên lạc với giới lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc tại Diên An, sau đó ông thu xếp để bay tới Trùng Khánh hội ý với Chu Ân Lai và những người lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc về chiến lược. Ông trở lại Côn Minh bằng xe khách, tới đây vào cuối tháng 7.

Dù những điều kiện đang chín muồi cho khởi đầu một giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam, một số quyết định quan trọng phải được thực hiện. Thứ nhất, quyết định thành lập trụ sở hải ngoại cho Đảng vì nó chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa. Nguyễn Ái Quốc đã điều động các đồng chí của ông tới phía nam tỉnh Vân Nam, giáp giới Bắc Kỳ, nhưng cuối cùng ông quyết định, những điều kiện ở đó chưa thuận lợi do Đảng vì thiếu sự ủng hộ của quần chúng ở hai tỉnh Hà Giang và Lào Cai dọc biên giới. Hơn nữa, cả hai tỉnh này có nhiều núi non hiểm trở khó đi lại và khá xa đồng bằng sông Hồng. Theo ông, chỗ tốt nhất là khu vực dọc biên giới phía nam tỉnh Quảng Tây. Phần đông nhân dân có thiện cảm với đảng ở cả hai phía biên giới, đồng thời những quan chức Trung Hoa những huyện biên giới có thể sẽ thiện ý cộng tác với những người lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương để huấn luyện những đơn vị vũ trang chống chính quyền Pháp ở Đông Dương.

Sau khi từ Trùng Khánh về Côn Minh, Quốc nhận được bức thư của Hồ Học Lãm, một sĩ quan Quốc Dân Đảng, người có thiện cảm và ủng hộ cách mạng Việt Nam từ cuối thập niên 1920, khi Phan Bội Châu trú ở nhà ông tại Hàng Châu. Lãm cho Quốc biết Trương Bội Công, tướng Quốc Dân Đảng, gốc dân tộc thiểu số Việt nam, vừa được cấp trên chỉ thị tổ chức những người Việt Nam yêu nước ở khu vực biên giới phía bắc tỉnh Cao Bằng để chuẩn bị cho những chiến dịch ở Đông Dương. Vì tướng Công khét tiếng chống Cộng, Lãm khuyên Quốc cử một số đồng chí của mình vào vùng này để

bảo vệ quyền lợi của Đảng.

Sở dĩ Trung Quốc đột nhiên quan tâm đến Đông Dương thuộc Pháp do quân đội Nhật xuất hiện tại vùng này. Đầu năm 1940, những hoạt động quân sự của Nhật Bản bắt đầu lan rộng xuống phía nam sông Dương Tử tiến đến xung quanh Quảng Đông, cũng như đảo Hải Nam và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ở Biển Đông. Cuối mùa xuân, Tokyo bắt đầu gây áp lực mạnh đối với chính quyền thực dân Pháp để cấm việc vận chuyển vũ khí và tiếp liệu cho lực lượng Quốc Dân Đảng từ sông Hồng vào nam Trung Hoa. Toàn quyền Đông Dương Georges Catroux tỏ ý chống lại áp lực này, nhưng do không có sự ủng hộ của chính phủ Paris, ông quay sang phía Mỹ, đề nghị Mỹ cho máy bay chiến đấu từ Philippines sang. Tuy nhiên, tổng thống Franklin Roosevelt đã từ chối lời thỉnh cầu, viện cớ máy bay chiến đấu Mỹ trong khu vực cần có để bảo vệ quyền lợi dân tộc Mỹ. Vì vậy Catroux phải chấp nhận những đòi hỏi ngang ngược của Nhật Bản đóng cửa biên giới, một hành động khiến ông bị chính phủ bù nhìn Pháp ở Vichy cách chức vào tháng 7.

Đô đốc Jean Decoux, thay thế Catroux, ngay lập tức gặp phải một loạt những yêu cầu mới của Nhật Bản đòi sử dụng những sân bay và cho phép đồn trú vài ngàn quân đội Nhật ở Bắc Kỳ. Decoux miễn cưỡng đồng ý. Nhưng ngày 22 tháng 9, thậm chí trước khi đặt chân tới, các đơn vị quân đội Nhật Bản khu vực dọc biên giới Trung Hoa đã doạ dẫm Catroux bằng một cuộc tấn công vào những đồn bốt Pháp dọc biên giới Lạng Sơn. Sát cánh với họ là những lực lượng dân tộc chủ nghĩa Việt Nam thuộc Quang Phục Hội, một tổ chức thân Nhật mới được hình thành dưới sự lãnh đạo Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lưu vong đang sống ở Tokyo, đồng sự cũ của Phan Bội Châu.

Cuộc tấn công của Nhật Bản ở biên giới khiến những đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương sống trong vùng cảnh giác. Trong thập niên 1930, Đảng đã thận trọng xây dựng một cơ sở nhỏ được sự ủng hộ của nhân dân vùng núi quanh Lạng Sơn. Phần đông nhân dân trong vùng thuộc sắc tộc thiểu số Tày, Nùng và Thổ. Đa số làm nông nghiệp qua nhiều thế kỷ và ít quan hệ với người Việt ở đồng bằng, hoặc với chính quyền thực dân Pháp tại những thị xã và thành phố lớn. Các chi bộ đảng đầu tiên được thành lập gần thị trấn Cao Bằng vào mùa xuân 1930, trong những năm sau một số ít cán bộ dân tộc ít người được đưa vào những vị trí quan trọng của Đảng cộng sản Đông Dương. Tại hội nghị Macao tháng 3-1935, Hoàng Đình Giong, dân tộc Tày, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Hoàng Văn Thụ, dân tộc Thổ, người ra lệnh Võ Nguyên Giáp tới Trung Hoa, vài năm sau cũng trúng cử ban chấp hành. Những cố gắng trong công tác tổ chức tạo thuận lợi do cương lĩnh chính trị của Đảng, theo đường lối Leninist - hứa đem lại quyền tự quyết vận mệnh cho tất cả dân tộc thiểu số trong cuộc cách mạng Việt Nam tương lai. Trong khi đưa ra những lời cường điệu họ tin tưởng đã chuyển khối quần chúng sang thân cộng sản, Đảng có một cơ sở vững mạnh nằm trong những người thiện cảm trong vùng.

Mùa thu năm 1940, những cố gắng đó bắt đầu đem lại kết quả. Ngày 27 tháng 9, khi tin Nhật can thiệp lan ra khắp khu vực, cán bộ đảng nhân thời cơ quân đội Pháp hoang mang, đã ra lệnh cho nhân dân thiểu số địa phương tấn công những làng ở huyện Bắc Sơn, phía tây Lạng Sơn. Thoạt đầu, lực lượng nổi dậy nhân lúc địch hoang mang, chiếm một số làng và thu được vũ khí từ các kho súng. Nhưng sau khi chính quyền thực dân thoả thuận ngừng bắn với Nhật, lực lượng Pháp quay lại phản công, bình định khu vực. Cuối tháng Mười, lực lượng nổi dậy tan rã thành những nhóm du

kích nhỏ chạy vào rừng, trong khi số còn lại chạy qua biên giới Trung Hoa hy vọng được huấn luyện và nhận vũ khí từ Trương Bội Công.

Nguyễn Ái Quốc đến Quế Lâm đầu tháng Mười, khi khởi nghĩa Bắc Sơn - cách gọi sau này - đang tiếp diễn. Ông sống trong một túp lều ở nông thôn và phát hiện khi vắng mặt, các đồng chí của ông đã gặp Lý Tế Thâm, tham mưu trưởng chiến trường tây - nam của Quốc Dân Đảng ở thành phố, chính viên tư lệnh Quốc Dân Đảng này từng đàn áp cuộc nổi dậy của cộng sản ở Quảng Châu mùa xuân 1927. Tuy nhiên, tướng Lý lịch thiệp đề nghị những vị khách đưa ra kế hoạch giúp đỡ của địa phương phục vụ cho cuộc can thiệp sắp tới của Đồng Minh vào Đông Dương. Nghe những tin tức từ các cộng sự, Quốc cảnh giác. Ông cảnh báo, chúng ta chỉ có hai đồng minh thật sự, Hồng Quân ở Liên Xô và Giải Phóng Quân Trung Quốc. Dù Tưởng Giới Thạch bây giờ đang chiến đấu chống Nhật, chính phủ ông ta về cơ bản là phản cách mạng. Nếu Đảng cộng sản Đông Dương bị họ lừa bịp *"sẽ rất nguy hiểm"*.

Lời cảnh báo của Nguyễn Ái Quốc đúng như thực tế xảy ra. Tình hình ở Quế Lâm trở nên hiểm nghèo, chính quyền Tưởng lại bắt đầu tấn công phe cộng sản. Với quyết định phải thành lập căn cứ hoạt động sát biên giới, Quốc cử Hoàng Văn Hoan và Võ Nguyên Giáp đến Liễu Châu đánh giá tình hình, chuẩn bị cở sở tại đó. Tới Liễu Châu, họ liên lạc với Trương Bội Công, người có ý đồ lôi kéo hai người với mục đích riêng, nhưng Giáp cảnh giác. Ngay sau đó, Nguyễn Ái Quốc bí mật tới Liễu Châu, thay đổi tên, khuyên các cộng sự trở về Quế Lâm để xây dựng cơ sở hoạt động tạm thời.

Trong lúc ấy, Quốc đưa ra một số ý kiến quan trọng để thành lập mặt trận thống nhất mới phù hợp với tình hình mới. Mặt trận đó phải chịu sự chỉ đạo và đường lối của Đảng cộng sản Đông

Dương, nhưng vai trò của Đảng phải được ngụy trang kín đáo, làm giảm nỗi lo sợ của những người ngoài đảng trong và ngoài nước có khuynh hướng chính trị khác nhau của mặt trận. Quốc dự kiến thành lập một tổ chức rộng rãi thống nhất tất cả những lực lượng yêu nước cùng chiến đấu đánh đuổi chính quyền thực dân Pháp. Nguyễn Ái Quốc đưa ra ba tên để lựa chọn cho tổ chức mới, Việt Nam Giải Phóng Đồng Minh, Việt Nam Phản đế Đồng Minh, hoặc Việt Nam Độc Lập Đồng Minh, nhưng ông tỏ ra ưa thích tên Việt Nam Độc lập Đồng Minh. Mấy năm trước, một tổ chức cũng mang tên đó do Hồ Học Lãm sáng lập, đóng góp một thời gian ngắn như một cỗ xe cho sự hợp tác giữa những người Việt Nam dân tộc chủ nghĩa và cộng sản đang sống ở khu vực thành phố Nam Kinh. Giờ đây hy vọng nó có thể phụng sự một mục đích tương tự trong việc hồi sinh này.

Sau khi thảo luận, mọi người đồng ý chấp nhận đề xuất của Nguyễn Ái Quốc tên nhóm mới, gọi tắt Mặt trận Việt Minh. Để thu hút những người ôn hoà, Hồ Học Lãm, đang sống ở Quế Lâm, được mời làm Chủ tịch tổ chức, đồng thời Phạm Văn Đồng (tên giả Lâm Bá Kiệt) làm phó chủ tịch. Che đậy dưới vỏ bọc mới, nhóm này gặp tướng Lý Tế Thâm một lần nữa để tìm kiếm sự ủng hộ trong việc huy động Việt kiều ở nam Trung Hoa cho những hoạt động quân sự sắp tới ở Đông Dương. Dù một số thuộc cấp của ông nghi ngờ mục đích chính trị của tổ chức, song Lý Tế Thâm chấp thuận, mặt trận mới được chính thức công nhận. Tuy vậy Lý Tế Thâm cũng cảnh cáo những vị khách, không cho phép những người cộng sản chiếm vai trò chủ đạo trong tổ chức này.

Trong lúc Nguyễn Ái Quốc và các đồng sự ở Quế Lâm cố gắng hết sức để người cầm đầu quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa ủng hộ những hoạt động sắp tới ở Đông Dương, kẻ thù của họ Trương Bội Công, cũng tích cực lôi kéo quần chúng dọc biên giới.

Sau khi biết tin bốn mươi chiến sĩ kháng chiến Việt Nam đã vượt biên giới vào tỉnh Quảng Tây để thoát khỏi bị Pháp bắt, Công rời Liễu Châu đến Tĩnh Tây, một thị trấn nhỏ cách Cao Bằng ba mươi dặm về phía bắc theo đường núi, với toan tính lôi kéo họ.

Lúc này Ban Chấp hành Trung ương, trụ sở đặt tại Sài Gòn, hầu như đã hoàn toàn rối loạn. Tất cả uỷ viên Ban Chấp Hành đã vào tù, trừ Phan Đăng Lưu, đồng thời mối liên kết giữa Xứ uỷ Trung Kỳ và Bắc Kỳ đã bị phá vỡ.

Thiếu liên lạc với những khu vực khác và với ban lãnh đạo hải ngoại ở nam Trung Hoa, Xứ uỷ Nam Kỳ phải hoạt động độc lập theo cách riêng. Trần Văn Giàu, xứ uỷ viên, ra tù tháng 5-1940, nhưng sau năm ngày lại bị bắt. Trước đó từng có cuộc thảo luận phát động cuộc tổng khởi nghĩa ở Nam Kỳ để lợi dụng sự bất mãn đang tăng lên của nhân dân địa phương. Điều kiện sản xuất nông nghiệp ở đây không xấu như những vùng khác trong cả nước, nhưng thuế cao và có hơn 30 phần trăm nhân dân có thiện cảm với những người cộng sản. Mùa xuân năm ấy, tình hình căng thẳng tăng lên khi chính phủ thuộc địa bắt đầu bắt lính người Việt đưa vào phục vụ các đơn vị đóng ở châu Âu, hoặc đưa sang Campuchia, chuẩn bị chiến tranh với chính quyền Xiêm, do Bangkok đòi lại lãnh thổ bị Pháp chiếm năm 1907. Hoạt động của Đảng khai thác sự bất mãn trong hàng ngũ binh sĩ, bằng cách tung ra những khẩu hiệu *"không chết thay cho bọn thực dân (Pháp kiều ở Đông Dương) ở Campuchia"*. Phát động những cuộc biểu tình quần chúng nổ ra tại những huyện lỵ đồng bằng Cửu Long. Đối với nhiều nông dân nghèo ở Nam Kỳ, việc bắt lính không chỉ đe doạ chết chóc hoặc thương tật trên chiến trường, còn làm gia đình họ khó khăn hơn về kinh tế.

Tháng Bẩy, Xứ ủy Nam Kỳ, dưới sự lãnh đạo của bí thư Tạ

Uyên, thông qua kế hoạch nửa vời, không dứt khoát chuẩn bị cho cuộc nổi dậy được Hội nghị VI thông qua tháng 11-1939 (phiên họp toàn thể lần thứ VI kể từ Đại hội toàn thể thứ Nhất của Đảng vào tháng 3-1935). Tuy vậy, trước hết, giới lãnh đạo khởi nghĩa cử Phan Đăng Lưu ra miền Bắc gặp Xứ uỷ Bắc Kỳ xin tư vấn. Trong ba tháng đó, hàng ngàn binh lính Việt Nam bạo động tại Sài Gòn và những thành phố khác trong vùng này để phản đối kế hoạch đưa họ đến biên giới Xiêm. Tạ Uyên vội vã phát lệnh nổi dậy cuối tháng Mười Một, bất chấp Phan Đăng Lưu chưa trở lại trong sứ mệnh tới Bắc Kỳ.

Thực ra, Phan Đăng Lưu đã tới Hà Nội, gặp Xứ uỷ Bắc Kỳ ngay trong lúc họ đang họp đánh giá tình hình chung tại trụ sở ở ngoài Hà Nội trong bối cảnh khởi nghĩa Bắc Sơn bị thất bại. Ban lãnh đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ gồm Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ, phản đối kế hoạch của Tạ Uyên, viện lẽ, tình hình cả nước chưa chín muồi để cuộc khởi nghĩa thành công. Đồng thời đưa ra lời khuyên, phải tăng cường chuẩn bị từng bước cho những cuộc nổi dậy địa phương ở nơi tình hình thuận lợi. Cử Hoàng Văn Thụ trợ giúp những nhóm kháng chiến tại Bắc Sơn, tái tổ chức thành những đơn vị du kích trong rừng núi gần biên giới. Cuối cùng, để lấp chỗ trống cho Xứ uỷ Nam Kỳ bị Pháp bắt, Ban Chấp Hành Xứ uỷ Bắc Kỳ tự thân chuyển thành Ban Chấp Hành Trung ương lâm thời, do Trường Chinh tạm thời làm tổng bí thư.

Trước khi kết thúc, Ban Chấp hành chỉ thị Phan Đăng Lưu trở về Nam Kỳ, yêu cầu hoãn cuộc nổi dậy. Phan Đăng Lưu đến Sài Gòn ngày 23-11, bị cảnh sát Pháp bắt ngay tại sân ga. Dù thế nào đi nữa, ông về muộn, cuộc nổi dậy đã nổ ra một ngày trước đó ở vùng nông thôn phía tây - nam Sài Gòn, vài huyện từ tỉnh Mỹ Tho tới tỉnh Đồng Tháp Mười đã bị lực lượng nổi dậy chiếm giữ một thời gian ngắn. Những vụ bạo động hưởng ứng cũng nổ ra tại Sài

Gòn, nhưng nhà cầm quyền đã biết trước nên dễ dàng đè bẹp cuộc nổi dậy. Thời gian đó, cuộc khởi nghĩa bị dìm trong bể máu sau bốn ngày phản công của Pháp, với hơn một trăm người bị giết và hàng ngàn người bị bắt và bỏ tù. Tại Sài Gòn, hàng trăm đảng viên cộng sản bị vây bắt, trong đó có Nguyễn Thị Minh Khai, vợ cũ của Nguyễn Ái Quốc. Cảnh sát tìm thấy trong nhà bà một số tài liệu để buộc tội. Tháng 3-1941, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ và Hà Huy Tập bị Toà án quân sự Sài Gòn kết án tử hình. Tất cả bị hành quyết ngay sau đó. Tạ Uyên hình như chết trong cuộc nổi dậy. Trước khi chết, Nguyễn Thị Minh Khai có cuộc gặp mặt ngắn ngủi với chồng là Lê Hồng Phong, bị tù từ tháng 6-1939. Ông chết do tra tấn dã man hoặc vì bị nhốt trong "chuồng cọp" ở nhà tù Côn Đảo vào tháng 9-1942.

Ở Quế Lâm, Nguyễn Ái Quốc vẫn theo dõi những hoạt động lôi kéo của Trương Bội Công ở Tĩnh Tây qua những bức thư của một người có thiện cảm với cộng sản nằm trong hàng ngũ Trương Bội Công. Cuối cùng, Quốc ra lệnh Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh tới vùng biên giới để đánh giá tình hình, đưa ra những lựa chọn sao cho có lợi cho Đảng. Tới nơi, họ thuyết phục tướng Trương Bội Công mời Hồ Học Lãm, chủ tịch Việt Nam Độc Lập Hội mới thành lập, tới Tĩnh Tây để trợ giúp công việc tuyển mộ. Quốc biết tin sự đàn áp cuộc nổi dậy ở Nam Kỳ, dự đoán tác động đó tới bộ máy Đảng ở miền Nam có thể rất lớn. Khi lời mời Hồ Học Lãm của Trương Bội Công tới trụ sở Quốc ở Quế Lâm, ông nhấn mạnh với các đồng chí của mình: *"Tình hình thế giới và trong nước đang có lợi cho chúng ta, nhưng giờ phút khởi nghĩa vẫn còn chưa tới. Tuy nhiên, vì tình hình sẵn sàng bùng nổ, cần phải nhanh chóng tìm chỗ rút lui cho những người yêu nước ẩn náu để bảo vệ phong trào".*

Sự thật tình hình thế giới biến chuyển quá nhanh, với những hậu quả khó lường. Đức Quốc Xã củng cố việc chiếm đóng Pháp

và Hà Lan, bây giờ đang cố gắng san phẳng nước Anh bằng không lực. Dù Hiệp ước Xô-Đức ký tháng 8-1939 vẫn còn hiệu lực, nhưng việc Đức đưa quân vào vùng Balkans đã gây ra căng thẳng giữa hai nước. Ở Trung Hoa, Nhật Bản tiếp tục tiến quân vào miền trung đánh bại chính phủ Tưởng Giới Thạch, đồng thời đưa quân vào Đông Dương với sự miễn cưỡng đồng ý của chính quyền thực dân Pháp.

Công việc chuẩn bị cho chiến dịch trong tương lai hầu như hoàn thành, Nguyễn Ái Quốc cùng Phạm Văn Đồng, Phùng Chí Kiên, Hoàng Văn Hoan và Đặng Văn Cáp rời Quế Lâm bằng ô tô. Từ Nam Ninh họ thong thả đi thuyền về phía tây dọc theo nhánh sông Châu Giang tới Điền Đông. Để giữ bí mật, Nguyễn Ái Quốc đóng vai nhà báo Trung Quốc và dùng tên mới, Hồ Chí Minh. Ông chỉ nói tiếng Pháp, có một lần tình cờ, ông lỡ lời. Khi một đồng chí làm rơi tàn thuốc lá vào quần áo ông, Quốc đột nhiên cảnh cáo đồng chí này bằng tiếng Việt, quần của ông bị cháy.

Nguyễn Ái Quốc ở lại Điền Đông ít ngày, còn Phạm Văn Đồng tiếp tục đến Tĩnh Tây, gần biên giới, chuẩn bị điều kiện trước khi nhóm tới. Quãng đường cuối cùng phải đi bộ qua một đường mòn trên núi vào tháng 12. Tới Tĩnh Tây, Quốc phát hiện một nơi ở thuận lợi gần làng Tân Tô, sau đó chỉ thị Vũ Anh vượt biên giới vào Đông Dương để tìm một địa điểm thuận lợi cho hội nghị sắp tới của Ban Chấp hành Trung ương. Ông chỉ thị, địa điểm này phải ở nơi dân chúng địa phương có thiện cảm với cách mạng và phải có đường thoát trở lại Trung Hoa khi cần thiết.

Mục đích chính việc dời trụ sở đảng ở hải ngoại từ Quế Lâm về Tĩnh Tây là để tận dụng sự có mặt của lực lượng kháng chiến, đang nhận được vũ khí và đào tạo chống Nhật và Pháp. Sau khi đến nơi, Nguyễn Ái Quốc chỉ thị Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên

và Phạm Văn Đồng lập một chương trình đào tạo của Đảng ở Tĩnh Tây nhằm huấn luyện công tác truyên truyền chính trị và đào tạo cán bộ trẻ. Khoá đầu tiên, học hai tuần vào tháng Một 1941, gồm ba phần chính: Tình hình thế giới và Đông Dương; Phương pháp lãnh đạo quần chúng như thế nào; Những phương pháp tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh cách mạng. Tài liệu huấn luyện được Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, in bằng litô đóng thành cuốn sổ tay mỏng mang tên *"Con đường giải phóng"*. Lớp học dưới tán cây bên sườn đồi sát ngoại vi thị trấn. Nguyễn Ái Quốc đóng vai trò thầy giáo năng động, liên tục dặn đi dặn lại cho từng lớp tầm quan trọng trong cách cư xử đúng mực với dân địa phương, chẳng hạn cố gắng học tiếng dân tộc, tuân theo phong tục địa phương, cũng như ăn mặc quần áo địa phương để giữ bí mật. Những người tốt nghiệp dự lễ bế giảng tại một khoảng đất trống trong rừng, từng người bước lên phía trước hôn vào lá cờ đỏ sao vàng - biểu tượng tương lai của dân tộc. Sau đó họ trở về Đông Dương.

Nguyễn Ái Quốc cố gắng hàn gắn mối quan hệ mỏng manh của Đảng với Trương Bội Công. Quốc cử Hoàng Văn Hoan, Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng hội đàm với Công để thành lập một tổ chức mới gọi là Uỷ ban Giải phóng Dân tộc Việt Nam để tạo điều kiện hợp tác giữa những người ủng hộ Công với đảng viên Đảng cộng sản. Phần đông những người ủng hộ Công trước đây từng là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Tổ chức mới đã chính thức thành lập vào tháng 12-1940 và Quốc, hoạt động dưới bí danh Hoàng Quốc Quyền làm chủ tịch uỷ ban điều hành của tổ chức này.

Nhưng Nguyễn Ái Quốc dành đa số thời gian cho việc chuẩn bị hội nghị Ban Chấp Hành Trung ương sắp tới, được ghi nhận trong lịch sử đảng như Hội nghị VII nổi tiếng. Đầu tháng 1-1941, Ban

Chấp Hành lâm thời gồm Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt được thành lập ở Bắc Kỳ hai tháng trước đó, tới Tĩnh Tây để báo cáo với Nguyễn Ái Quốc về tình hình trước nước. Vũ Anh cũng đã trở về sau chuyến trinh sát qua biên giới, báo cáo tìm được địa điểm thích hợp để tổ chức hội nghị, đó là một cái hang rộng cạnh làng Pác Bó trong khu vực núi đá vôi chồi ra trong một cánh rừng xanh thẳm. Đa số dân địa phương là dân tộc Nùng.

Ngày 26-1, Quốc chia đoàn thành hai nhóm. Nhóm đi cùng ông trở về Việt Nam đóng ở Pác Bó, nhóm thứ hai tạm thời ở lại Tĩnh Tây. Trước khi nhóm của ông xuất phát, mọi người trong cùng dân địa phương ăn Tết âm lịch. Theo phong tục địa phương, Quốc tặng mỗi gia đình một phong bao nhỏ màu đỏ bên ngoài ghi mấy chữ Hán "Cung Chúc Tân Xuân" (Chúc mừng năm mới). Ngày 28-1-1941, Vũ Anh, Phùng Chí Kiên, Lê Quảng Ba (người thiểu số) và một số đồng chí khác ăn mặc theo trang phục Nùng cùng Nguyễn Ái Quốc rời Tĩnh Tây, trực chỉ biên giới.

Chặng đường chừng 70 cây số, nhưng rất vất vả vì phải luồn rừng lội suối. Đầu tháng 2-1941, họ vượt biên giới tại một địa điểm có cắm cột mốc bằng đá. Từ chỗ đó, có một con đường mòn qua núi đá xuyên rừng xuống làng Pác Bó. Với sự giúp đỡ của dân địa phương thiện cảm với cách mạng, họ đã thu xếp được một chỗ ở tại một cái hang dân địa phương gọi là Cốc Bó (có nghĩa là Nguồn), nằm sau một khối đá một bên vách núi nhô ra. Khoảng 50 mét phía dưới miệng hang là con suối Nguyễn Ái Quốc đặt tên Suối Lenin. Từ chỗ này nhìn ngược nhìn lên cao là một đỉnh núi, Quốc đặt tên Đỉnh Núi Karl Marx. Trong hang, có một đường mòn bí mật chạy thẳng đến biên giới Trung Hoa gần một cây số.

Những năm sau này, Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của ông nhớ lại những ngày sống ở Pác Bó. Điều kiện sống ở đây rất cực

khổ. Họ ngủ trên chiếu lót bằng cành cây, sáng dậy lưng bầm tím. Bản thân hang ẩm ướt và lạnh, vì thế phải đốt lửa suốt đêm. Theo thói quen, Nguyễn Ái Quốc dậy sớm, xuống suối tắm, tập thể dục buổi sáng, sau đó làm việc trên một phiến đá bên góc suối Lenin. Như thường lệ, ông mất nhiều thời gian viết bài, thời kỳ này ông viết cho tờ báo địa phương của Đảng, *Việt Nam Độc lập*, in litô. Đồ ăn gồm gạo, thịt băm hoặc cá câu dưới suối. Buổi sáng, cả nhóm tập hợp ở góc hang để nghe Nguyễn Ái Quốc giảng về lịch sử thế giới và cách mạng hiện đại. Võ Nguyên Giáp nhớ lại: *"Giờ nọ tiếp giờ kia, chúng tôi ngồi xung quanh đống lửa, nghe Bác nói chuyện, giống như những đứa trẻ nghe kể chuyện cổ tích"*. Tuy nhiên, cảnh giác là việc rất cần thiết. Đám lính tuần biên giới từ thị trấn Sóc Giang gần đó thường xuyên tuần tiễu, cảnh sát địa phương thỉnh thoảng tới Pác Bó tìm tội phạm và bọn nấu rượu lậu. Có lần, cả nhóm buộc phải ẩn nấp dưới chân núi đá để tránh lính đi tuần địa phương. Đêm hôm ấy, trời mưa to, nước suối dâng cao, khi trở lại Pác Bó, họ thấy rắn, chồn cáo vào hang tránh lụt. Nguyễn Ái Quốc chịu đựng những bất tiện đó bằng sự hài hước vốn có của ông, nhân dịp này cảnh báo đồng chí phải luôn luôn giữ bí mật và chú ý "ba không" (người lạ hỏi, phải trả lời "không thấy, không nghe, không biết"). Quốc cảnh báo *"giữa kẻ thù và chúng ta, đó là một cuộc chiến giữa sống và chết. Chúng ta phải chịu đựng mọi gian khổ, vượt mọi khó khăn và chiến đấu đến cùng"*.

Suốt ba tháng sau đó, Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí cố gắng mở rộng căn cứ ở vùng biên giới bằng cách bán báo *Việt Nam Độc Lập*. Để dân địa phương dễ hiểu, báo viết theo cách thật đơn giản. Bán với giá rẻ hơn chứ không cho để tạo ấn tượng tờ báo có giá trị. Những tổ chức quần chúng - theo cách của Trung Quốc - như Hội Cứu Quốc được thành lập dưới sự lãnh đạo của Đảng cho nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính và lập một mạng lưới bí

mật khắp các vùng xung quanh để chống gián điệp.

Suốt ba tháng sau đó, Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí cố gắng mở rộng căn cứ ở vùng biên giới bằng cách bán báo *Việt Nam Độc Lập*. Để dân địa phương dễ hiểu, báo viết theo cách thật đơn giản. Bán với giá rẻ hơn chứ không cho để tạo ấn tượng tờ báo có giá trị. Những tổ chức quần chúng - theo cách của Trung Quốc - như Hội Cứu Quốc được thành lập dưới sự lãnh đạo của Đảng cho nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính và lập một mạng lưới bí mật khắp các vùng xung quanh để chống gián điệp.

Hội nghị lần thứ VIII Đảng cộng sản Đông Dương tiến hành ngày 10-5-1941 tại Pác Bó. Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị với tư cách đại diện Quốc tế Cộng sản. Đây là lần đầu tiên ông chủ trì một cuộc họp của đảng kể từ hội nghị thống nhất tháng 2-1930 ở Hong Kong. Tham dự có Vũ Anh, Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Phùng Chí Kiên, Hoàng Quốc Việt cùng một số đại biểu từ Đông Dương và hải ngoại. Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan và Phạm Văn Đồng vẫn ở Tĩnh Tây thành lập Ủy ban Giải Phóng Dân Tộc Việt Nam hợp tác với Trương Bội Công vừa phát động phong trào mới. Nhưng Quốc và các cộng sự bây giờ có kế hoạch thành lập một tổ chức đối lập "Hội Giải Phóng Dân tộc" để thu hút những phần tử không cộng sản trong vùng này vào tay Việt Minh.

Nhiệm vụ chính của Hội nghị VIII là thành lập Mặt trận Việt Minh mới, được giới lãnh đạo Đảng đã dự tính từ cuối năm ngoái. Cương lĩnh của Mặt trận thể hiện giai đoạn mới trong cách mạng Việt Nam. Theo nghị quyết được thảo ra tại Hội nghị, nhiệm vụ trước mắt đối với nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách chế độ thực dân Pháp và sự chiếm đóng của quân đội Nhật Bản. Cuộc chiến tranh đang lan rộng khắp thế giới thực chất là cuộc xung đột giữa hai thế lực cạnh tranh của chủ nghĩa đế

quốc toàn cầu, tuy nhiều quốc gia cố gắng đứng trung lập trong cuộc chiến, nhưng không tránh khỏi bị lôi kéo vào cuộc chiến. Kết thúc Thế chiến I đã dẫn đến cách mạng Bolsevich ở Nga vì thế cuộc xung đột mới toàn cầu lần này chắc chắn sẽ dẫn tới sự hình thành thêm nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, nhiệm vụ chính của mặt trận là chuẩn bị cướp chính quyền khi thời điểm thích hợp.

Nhấn mạnh vào vấn đề độc lập dân tộc trong chương trình của mặt trận, tất nhiên là xa rời những chính sách được chấp nhận tại Đại hội đảng toàn quốc đầu tiên ở Macao vào tháng 3-1935, nhưng nó thể hiện đỉnh cao của tính logic đang có xu hướng thay đổi bắt đầu bằng Đại hội VII Quốc tế Cộng sản ở Moscow sau đó cùng năm. Sự tập trung mới vào những chủ đề dân tộc được phản ánh ở tên mặt trận, Hội Độc lập Việt Nam, không những chỉ nhấn mạnh vấn đề độc lập mà còn thay thuật ngữ "Đông Dương" trong tên Đảng cộng sản bằng từ "Việt Nam" xúc cảm hơn, việc sử dụng tên này suốt một thời gian dài bị thực dân Pháp cấm đoán. Tên mới này cũng thể hiện khát vọng gửi tới tất cả nhân dân sau khi kết thúc hội nghị. Trong một bức thư gửi nhân dân ngày 6- 6-1941, được in bằng hai thứ chữ Trung Quốc và Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc nêu lên khí phách, tinh thần của những vị anh hùng tiền bối, những nhân vật yêu nước gần đây như Phan Đình Phùng, thức tỉnh độc giả bảo vệ di sản dân tộc. Trong thư ông khẩn thiết mong mỏi tất cả những người yêu nước, không đơn thuần chỉ nông dân, công nhân mà còn cả địa chủ yêu nước, tầng lớp trí thức, cùng liên kết với nhau trong cố gắng chung.

Đảng quan tâm trước tiên và trước hết vào độc lập của Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc và các đồng sự đã phải từ bỏ khái niệm, (đưa ra tại hội nghị Đảng toàn thể tháng 10-1930), giải phóng Đông Dương và tạo ra một liên bang gồm các nước độc lập riêng

rẽ trên bán đảo, rồi khi đó thực hiện những giai đoạn tiếp của cách mạng. Trên thực tế, sự nghiệp của nhân dân Lào và Campuchia trên bán đảo Đông Dương bị chậm lại, nhưng không phải bị bỏ quên. Trong nghị quyết, Xứ uỷ Nam Kỳ và Trung Kỳ được chỉ thị thành lập nhiều cơ sở trên đất Campuchia và Lào, cũng như ở các khu vực dân tộc thiểu số, để tất cả có thể sau này đứng dưới chiếc ô mang nhãn hiệu cách mạng Đông Dương.

Dù mặt trận mới nhấn mạnh nhiệm vụ lật đổ chủ nghĩa đế quốc, vấn đề chống phong kiến và thay đổi xã hội hoàn toàn không bỏ qua, vì giới lãnh đạo đảng hiểu, họ cần chăm sóc những cử tri trong hàng ngũ công nhân và dân nghèo để làm chỗ dựa vững chắc cho chiến đấu. Tuy nhiên, trong hành động cương lĩnh xã hội của mặt trận phải mềm mỏng để tránh làm những người yêu nước và cấp tiến trong giới địa chủ và giai cấp tư sản xa lánh. Những khẩu hiệu đã từng được sử dụng trong quá khứ như chủ trương tịch thu tất cả ruộng đất của địa chủ nay được thay thế bằng kêu gọi giảm tô và chiếm tài sản của bọn đế quốc Pháp và Việt gian. Như nghị quyết Đảng vạch ra:

*Địa chủ, phú nông và một bộ phận giai cấp tư sản dân tộc đã có thay đổi lớn về thái độ. Trước đây, họ ác cảm với cách mạng, muốn tiêu diệt nó hoặc dửng dưng. Bây giờ tình hình đã thay đổi, và trừ một số ít làm "chó săn", những kẻ nịnh bợ, theo đuôi bọn Nhật thù địch, phần đông những người đó nay có thiện cảm với cách mạng hoặc ít nhất cũng trung lập… Nếu trước đây địa chủ và giai cấp tư sản dân tộc là quân dự bị của bọn sĩ quan phản động, nay họ trở thành nguồn dự bị của cách mạng.*

Tuy vậy chính sách này rõ ràng chỉ là chiến thuật:

*Điều này không có nghĩa Đảng bỏ qua vấn đề đấu tranh giai cấp trong cách mạng Đông Dương. Không, vấn đề đấu tranh giai cấp tiếp*

*tục tồn tại. Nhưng tại thời điểm hiện tại, vấn đề dân tộc có tầm quan trọng trên hết và tất cả mọi đòi hỏi đem lại lợi ích của một giai cấp riêng nhưng không hại đến lợi ích của dân tộc cần phải cho xuống hàng thứ yếu vì sự tồn vong của dân tộc và giống nòi. Lúc này, nếu chúng ta không giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc, không đòi hỏi độc lập, tự do cho toàn dân, không những toàn thể nhân dân ta tiếp tục kiếp súc vật, mà những lợi ích riêng của các tầng lớp xã hội riêng biệt sẽ không thu được suốt hàng ngàn năm.*

Do đó, mục đích trước mắt xây dựng phong trào quần chúng rộng rãi vì độc lập dân tộc. Mục đích này không những lôi cuốn sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam, thậm chí còn nhận được sự thiện cảm của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Thắng lợi sẽ biểu tượng cho chiến thắng của cách mạng dân chủ tư sản và dẫn đến sự hình thành của chính phủ vô sản - nông dân mà Đảng cộng sản chiếm ưu thế. Lúc đó sẽ có dư thời gian để chuyển tới giai đoạn thứ hai của cách mạng, giai đoạn xã hội chủ nghĩa vô sản. Đồng thời, Đảng hy vọng những phần tử chống đối trong nhân dân sẽ hăng hái ủng hộ sự nghiệp.

Bằng việc thành lập Mặt trận Việt Minh, Nguyễn Ái Quốc đã cố gắng tái tạo cương lĩnh tiến bộ hơn thời kỳ ban đầu thành lập Hội Thanh Niên Cách mạng giữa thập niên 1920. Hai trụ cột của mặt trận là vấn đề độc lập dân tộc và công bằng xã hội, những khát vọng có thể thu được sự ủng hộ rộng rãi của nhiều nước. Gần hai thập niên sau khi Lenin qua đời, chiến lược của ông được hồi sinh ở Đông Dương xa xôi. Bằng việc thành lập một mặt trận mới ở Đông Dương, Quốc đang mạo hiểm toan tính tình hình thế giới sẽ thuận lợi cho sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam. Liệu sự chiếm đóng của Nhật Bản có làm suy yếu chế độ thực dân Pháp không? Bọn phát - xít Nhật cuối cùng có bị lực lượng dân chủ và Đồng Minh trên thế giới đánh bại không? Liệu những nước Đồng Minh

chiến thắng có thiện cảm với việc thành lập một chính phủ mới độc lập của công - nông ở Hà Nội không? Tất cả những điều đó phải chờ đợi sau này mới rõ.

Tất nhiên, mục đích tối thượng của Mặt trận Việt Minh để trợ giúp Đảng trong cuộc chiến đấu giành chính quyền. Hội nghị toàn thể tháng 11-1939 đã đặt ra giai đoạn này bằng cách kêu gọi một cuộc nổi dậy vũ trang cướp chính quyền, khôi phục độc lập dân tộc. Mục tiêu đó tạm thời từ bỏ vì Nguyễn Văn Cừ bị bắt, sau đó vài tháng nhiều uỷ viên còn lại của Ban chấp hành cũng rơi vào tay Pháp. Do bùng nổ xung đột toàn cầu, mục tiêu được giới lãnh đạo Đảng ở hải ngoại làm hồi sinh ở dạng cụ thể hơn. Nơi giới lãnh đạo đảng trước đây không chú trọng làm thế nào tiến hành cuộc nổi dậy trong tương lai chống lại chế độ thực dân, nay họ bắt đầu chú ý nhiều đến các hình thức đấu tranh thuận lợi nhất trước thời cơ.

Trọng tâm của nhiệm vụ, đảm nhận một cuộc kiểm tra chiến lược và chiến thuật được Đảng cộng sản Trung Quốc chấp nhận trong cuộc xung đột với chính phủ Quốc Dân Đảng Tưởng Giới Thạch và sau này chống lại bọn can thiệp Nhật Bản. Đầu thập niên 1930, những người lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương theo đuôi một cách trung thành đường lối chỉ đạo chiến lược được hình thành ở Moscow, chiến lược này kêu gọi một cuộc nổi dậy tương lai tập trung vào việc kiểm soát những thành phố lớn. Nhưng cuối thập niên 1930, những đảng viên trẻ tận tuỵ như Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Thụ bắt đầu quay sang học kinh nghiệm Trung Hoa. Họ đọc những tác phẩm của Mao Trạch Đông, bắt đầu bày tỏ sự ham mê áp dụng chiến lược của ông, dựa trên phát động chiến tranh du kích ở nông thôn Việt Nam. Trong thời kỳ sống ở Trung Hoa cuối thập niên 1930, chính Nguyễn Ái Quốc đã hình thành ý tưởng giống Mao về chiến tranh cách mạng, chắc chắn ông thấy

hình mẫu *"chiến tranh nhân dân"* của Mao là phù hợp, một thứ vũ khí tạo ra một vùng căn cứ giải phóng ở chính nước ông. Nhưng với Quốc, không chỉ là vấn đề áp dụng chiến thuật cách mạng nào, mà điều quan trọng là quyết định khi nào sử dụng chúng một cách hiệu quả nhất để cướp chính quyền khi kết thúc chiến tranh. Là một nước nhỏ bị hai kẻ thù mạnh xâm chiếm, Việt Nam không có những lợi thế về kích thước lãnh thổ như Mao và các đồng chí của Mao có được để lập một căn cứ rộng lớn ở bắc Trung Hoa. Một cuộc nổi dậy chưa chín mùi do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo có thể dẫn tới sự đàn áp dã man và phá vỡ phong trào ngay khi triển vọng giải phóng dân tộc vừa loé sáng. Quốc bây giờ phải chú ý các đồng sự bảo thủ, đó là điều cần thiết để xây dựng lực lượng quân sự nhỏ bé của Đảng cho một cuộc nổi dậy khi thời cơ tốt nhất đến để chuẩn bị cho cuộc tổng nổi dậy khi Nhật Bản nằm trên bờ vực thất bại trước lực lượng Đồng Minh. Lúc đó, họ tự giới hạn củng cố cơ sở chính trị bằng cách xây dựng một mạng lưới Việt Minh trong toàn quốc, đồng thời tạo ra một lực lượng vũ trang nhỏ lựa thời gian tung ra những cuộc nổi dậy địa phương để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa. Với những đơn vị du kích đã thành lập ở núi rừng Việt Bắc, làm căn cứ địa ở đó, cách xa trung tâm cai trị của Pháp lại gần biên giới Trung Hoa, trở thành cơ sở vững mạnh.

Nhiệm vụ cuối cùng của Hội nghị VIII bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới. Các đồng chí của Nguyễn Ái Quốc tiến cử ông gánh vác chức vụ Tổng bí thư. Khi Nguyễn Ái Quốc khiêm tốn từ chối đề nghị, mọi người bầu Trường Chinh, người từng tạm thời đảm nhận chức vụ này từ mùa thu 1940. Cuộc bầu Tổng bí thư được nhất trí thông qua.

Sinh ra trong một gia đình giáo học ở Bắc Việt Nam năm 1907, Trường Chinh (tên thật Đặng Xuân Khu) đã nhận được bằng tú tài

tại trường Lycée Albert Sarraut danh tiếng ở Hà Nội. Sau khi gia nhập Hội Thanh Niên Cách mạng cuối thập niên 1920, ông bị tù vì hoạt động cách mạng. Được thả năm 1936, ông bắt đầu sự nghiệp là một nhà báo đồng thời là uỷ viên có uy tín của Xứ uỷ Bắc Kỳ. Thái độ tự trọng, chín chắn và cẩn trọng trong hành động, mô phạm trong quan hệ với các đồng chí, Trường Chinh giàu ý tưởng nhưng thiếu sự chân thành nồng ấm của Nguyễn Ái Quốc, nhưng ông được mong chờ đưa tiếng nói trưởng thành của đảng đã bước sang giai đoạn mới, đây cũng là định mệnh trong vai trò mới sự nghiệp của ông. Ngay sau khi hội nghị kết thúc ngày 19 tháng 5, Trường Chinh về Hà Nội lập trụ sở bí mật của Ban Chấp Hành Trung ương. Những uỷ viên khác trở lại nam Trung Hoa tìm kiếm sự giúp đỡ từ nước ngoài. Thời điểm này, Nguyễn Ái Quốc cũng ở lại vùng biên giới. Nhưng tinh thần của ông rất phấn chấn, vì bây giờ ông đã trở lại Việt Nam sau ba mươi năm ở nước ngoài.

Khi Nguyễn Ái Quốc bí mật trốn khỏi Hong Kong đi đến Hạ Môn tháng 1-1933, chức vụ của ông là người lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương, một chức vụ mong manh. Chiến lược ông từng áp dụng tại thời điểm thành lập Hội Thanh Niên Cách mạng năm 1925 đã bị Moscow gạt bỏ và bị những đảng viên trẻ của đảng, phần đông được đào tạo về lý luận tại Trường Stalin, tấn công kịch liệt. Trở lại vào mùa xuân 1940, vai trò lãnh đạo phong trào của Quốc hầu như được các đảng viên trong nước chấp nhận. Nói riêng, đây là giấy chứng nhận sự thật quan điểm chiến lược của ông đã được minh oan tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII, muộn màng ghi nhận cách mạng ở châu Á có đặc thù riêng và không cần bám theo mô hình Bolsevich. Ông lại là người được hưởng lợi ngoài ý muốn việc mật thám đã loại bỏ hầu hết những đối thủ tiềm năng của ông, bao gồm Trần Phú, Hà Huy Tập và Lê Hồng Phong. Tại thời điểm này, dù sao đi nữa, không có ai trong

Đảng có thể tranh giành vai trò lãnh đạo của Quốc trong đảng, ông chiếm thế thượng phong về uy thế với sự nghiệp huyền thoại của nhà cách mạng, ông có đầy đủ điều kiện làm lãnh tụ của Đảng.

Ở hoàn cảnh đó, không rõ vì sao Nguyễn Ái Quốc lại quyết định từ chối chức vụ tổng bí thư, chức vụ tạo cho ông nắm chắc đòn bẩy quyền lực trong Đảng. Có lẽ ông còn tự coi mình là một người điều hành sân khấu thế giới, là một đặc vụ Quốc tế Cộng sản sẽ một ngày nào đấy nâng cao làn sóng cách mạng quét sạch sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc khắp khu vực Đông Nam Á. Có lẽ, ông cũng bắt đầu để mắt đến tương lai khi là một chủ tịch, ông có thể hy vọng sẽ đứng trên đấu tranh giai cấp mà Đảng cộng sản chủ trương để đại diện cho toàn thể nhân dân trong cuộc chiến đấu xây dựng một nước Việt Nam độc lập và phồn vinh.

## CHƯƠNG

# THUỶ TRIỀU LÊN

Sau hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương tại Pác Bó tháng 5-1941, giới lãnh đạo ra về. Tổng bí thư Trường Chinh, cùng Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ, trở lại Hà Nội để lập một trụ sở mới Ban Chấp hành ở ngoại thành Hà Nội. Các đảng viên khác được cử tới những huyện gần đó để tổ chức những chi đội du kích và bắt đầu xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng núi Việt Bắc. Những người khác vượt biên giới sang Trung Hoa để được huấn luyện tiếp tục cố gắng xây dựng liên minh mỏng mảnh với những nhóm dân tộc chủ nghĩa không cộng sản ở nam Trung Hoa. Bản thân Nguyễn Ái Quốc tạm thời ở lại Pác Bó chuẩn bị việc mở rộng xuống phía nam trong tương lai.

Vài tháng tiếp theo, lặp lại kinh nghiệm trước đây ở Xiêm, ông lại trở thành người thầy và người cha của đám tín đồ của ông. Ông tổ chức khoá học cho những cán bộ truyên truyền địa phương về chủ nghĩa Marx - Lenin, giúp họ hiểu biết quân sự cơ bản để trở thành người chiến sĩ và cán bộ tuyên truyền cách mạng. Sau bốn ngày học, học viên bắt đầu thực hành làm người tuyên truyền. Nguyễn Ái Quốc theo dõi cách làm việc, sau đó góp ý những thiếu sót của họ. Ông cũng là người giảng dạy khoá học, nói chuyện tình hình thế giới, thảo luận tình hình trong nước, nhiệm vụ sắp tới

của phong trào cách mạng. Từ khi ký Hiệp ước Xô - Đức tháng 8-1939, các cán bộ đảng luôn đặt ra những câu hỏi yêu cầu giải thích tại sao Stalin lại ký liên minh với Đức Quốc Xã, kẻ thù không đội trời chung của cách mạng thế giới. Cuối tháng 6-1941, Đức tấn công Liên Xô dọc theo biên giới. Điều này tạo thuận lợi cho những cố gắng của Nguyễn Ái Quốc phối hợp những hoạt động Đảng cộng sản Đông Dương với cuộc đấu tranh toàn cầu chống lại chủ nghĩa phát - xít. Như ông có lần giải thích: *“Bọn phát - xít đã tấn công Liên Xô, quê hương cách mạng thế giới, nhưng nhân dân Xô viết nhất định sẽ chiến thắng. Nhân dân Việt Nam chúng ta cũng đứng bên cạnh lực lượng Tân Dân Chủ, ủng hộ Liên Xô chống lại bọn phát - xít”.*

Nguyễn Ái Quốc viết tài liệu mỏng nói về chiến thuật chiến tranh du kích, cuốn sách như tư liệu chỉ dẫn cho từng phần của khoá học quân sự. Tư liệu chắc chắn được rút ra từ kinh nghiệm bản thân khi ông quan sát lực lượng cộng sản ở Trung Hoa, cũng như từ những khoá đào tạo du kích mà ông đã tham dự ở Hoành Dương hai năm trước. Sau chương mở đầu mô tả tóm tắt chiến tranh du kích, nội dung còn lại thảo luận cách thức tổ chức cũng như chiến thuật rút lui, tấn công và xây dựng căn cứ địa. Sau đó, cuốn sách được xuất bản dùng cho chương trình đào tạo ở khu vực Việt Bắc.

Nguyễn Ái Quốc dành thời gian viết nhiều đề tài khác nhau. Ông đóng góp tích cực cho báo *Việt Nam Độc Lập,* tờ báo ra đời năm ngoái in litô tuyên truyền, hướng dẫn cho các thành viên mới gia nhập. Báo in trên giấy bản làm từ bột nứa, gồm nhiều thể loại, lối viết đơn giản giúp dân chúng địa phương dễ đọc. Thời ấy rất ít người dân địa phương biết đọc biết viết, nên ông mở lớp bình dân học vụ, không những dạy chữ quốc ngữ còn dậy Sơ lược Lịch sử Đảng và cách mạng thế giới. Những bài báo, phần nhiều do chính

Nguyễn Ái Quốc viết, đề cập nhiều đề tài nhằm vào nhiều đối tượng khác nhau, nhưng tất cả đều cùng mục đích phổ biến thông điệp của Việt Minh và chuẩn bị cho người đọc về sự đối đầu sắp tới với kẻ thù. Một bài thơ *"Phụ nữ"* in trong số báo 104:

*Việt Nam phụ nữ ra đời*

*Nhiều người vì nước vì nòi hy sinh.*

*Ngàn thu rạng tiếng bà Trưng,*

*Ra tay cứu nước, cứu dân đến cùng.*

*Bà Triệu Ẩu thật anh hùng,*

*Cưỡi voi đánh giặc, vẫy vùng bốn phương.*

*Mấy năm cách mệnh khẩn trương,*

*Chị em phụ nữ thường thường tham gia.*

*Mấy phen tranh đấu xông pha,*

*Lòng vàng gan sắt nào đà kém ai?*

*Kìa như chị Nguyễn Minh Khai*

*Bị làm án tử đến hai ba lần.*

*Bây giờ cơ hội đã gần,*

*Đánh Tây, đánh Nhật, cứu dân nước nhà*

*Chị em cả trẻ đến già,*

*Cùng nhau đoàn kết đặng mà đấu tranh.*

*Đua nhau vào hội Việt Minh*

*Trước giúp nước, sau giúp mình mới nên.*

*Làm cho thiên hạ biết tên*

*Làm cho rõ mặt cháu Tiên con Rồng.*

Từ đầu thập niên 1930, công cụ cơ bản của Đảng là cố gắng tổ chức quần chúng, đại diện cho lợi ích những nhóm xã hội đặc biệt ở Đông Dương. Cách thức lôi kéo những người ủng hộ mức thấp

bằng cách dùng những thành viên tiến bộ hơn tuyên truyền sau đó chuyển họ lên những tổ chức mức cao hơn. Đây là chiến thuật do Lenin đưa ra, sau đó được Đảng cộng sản Trung Quốc hoàn thiện. Trong một bài báo nhan đề *"Chiến tranh thế giới và nghĩa vụ của chúng ta",* Nguyễn Ái Quốc vạch ra sự cần thiết đối với tất cả các nhóm yêu nước trong xã hội Việt Nam - dù dân nghèo, thanh niên, phụ nữ, trẻ em, công nhân, binh lính hoặc ngay cả nhà Nho - gia nhập tổ chức để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Trong những bài viết sau hội nghị Pác Bó, Nguyễn Ái Quốc luôn luôn nhắc đến nghĩa vụ thiêng liêng giải phóng tổ quốc. Trong một cuốn sách mỏng viết dưới dạng thơ nhan đề "*Lịch sử nước ta",* ông mở đầu bằng một lời tuyên ngôn:

*"Dân ta phải biết sử ta,*

*Cho tường gốc tích nước nhà Việt nam"*

Rồi ông nhấn mạnh bài học lịch sử lớn:

*"Dân ta xin nhớ chữ đồng,*

*Đồng lòng, đồng sức, đồng tình, đồng minh".*

Cuối sách, ông liệt kê một danh sách ngày tháng quan trọng trong lịch sử nhân dân Việt Nam. Ngày tháng cuối cùng trong danh sách là 1945, *"năm Việt Nam độc lập".* Khi các đồng chí của ông hỏi tại sao ông biết chính xác thời gian giải phóng sẽ xảy ra, ông đáp một cách bí ẩn, *"Cứ chờ xem".*

Trong khi Nguyễn Ái Quốc đang huấn luyện cán bộ và khích lệ những người ủng hộ sự nghiệp thiêng liêng giải phóng tổ quốc thì các đồng chí của ông cố gắng xây dựng vùng căn cứ giải phóng ở Việt Bắc làm sở chỉ huy cho việc cướp chính quyền sắp tới. Một thời gian ngắn sau khi kết thúc hội nghị Pác Bó, Quốc chỉ thị Phùng Chí Kiên xây dựng một căn cứ như thế ở phía nam hướng về đồng bằng sông Hồng. Cuối cùng, Kiên lập một trụ sở quân sự

mới trong vùng núi giữa làng Nguyên Bình và Hoà An, sát ngay phía tây thủ phủ Cao Bằng. Cao Bằng nằm trên Quốc lộ 4, ngoằn ngoèo uốn khúc theo hướng đông nam biên giới, cuối cùng nối với những con đường dẫn tới cùng đồng bằng, nơi có trụ sở Ban Chấp hành Trung ương gần Hà Nội. Một sở chỉ huy mới nằm ở một lòng chảo nhỏ bao quanh bởi những tảng đá lớn màu đỏ, khiến Võ Nguyên Giáp đặt tên "lô cốt đỏ". Trụ sở là một túp lều nhỏ nằm bên sườn núi, được những cánh rừng xanh mướt che chở. Tuy còn đơn sơ, nhưng so với hang Pác Bó, chỗ ở mới này sang trọng, trong thời gian vài tháng tiếp theo, các cán bộ tại căn cứ xây dựng chương trình đào tạo cho chính họ để chuẩn bị tung ra những hoạt động du kích.

Vào một ngày tháng 1-1942, mặc quần áo bạc mầu dân tộc Nùng, đeo một túi vải nhỏ chứa đồ tuỳ thân (gồm cả máy chữ và dụng cụ tập thể dục), Nguyễn Ái Quốc rời Pác Bó cùng vài đồng sự, đến căn cứ mới của Việt Minh. Có lần nhóm này lạc đường, Nguyễn Ái Quốc dùng sự kiện đó để hài hước: *"Thế lại hóa ra hay, trong tương lai chúng ta phải biết rõ nhiều hơn những con đường như thế này để biết cách thoát thân".*

Khi tới sở chỉ huy mới của mình ông đặt tên Lam Sơn, (tưởng nhớ căn cứ kháng chiến của Lê Lợi chống quân Minh thế kỷ XV), Nguyễn Ái Quốc mở khoá huấn luyện chính trị mới cho cán bộ địa phương. Để giữ bí mật, chương trình học tiến hành ngoài trời vào ban đêm và không có tài liệu huấn luyện. Vì trình độ hiểu biết của học viên cao hơn những người ở Pác Bó, tài liệu học tập cũng cao hơn, gồm những cuộc thảo luận về học thuyết Marxist, điều lệ Đảng và lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô. Để khích lệ tinh thần các đồng chí của mình, còn lo về sự thắng lợi của cuộc chiến đấu kéo dài trước kia chống Pháp, bây giờ lại thêm chống Nhật, Nguyễn Ái Quốc đôi khi kết thúc bài giảng, chỉ ra căn cứ địa rất cần thiết, là

cơ sở phát động cuộc tổng khởi nghĩa tương lai. Ông cũng nhấn mạnh tầm quan trọng cốt lõi xây dựng sức mạnh phong trào qua việc kết nạp những người ủng hộ đáng tin cậy. Ông vạch rõ *"Cuộc cách mạng giống như thuỷ triều đang dâng và những người đáng tin cậy giống như rễ cây chìm xuống đáy sông, nó sẽ giữ lại đất khi thuỷ triều rút xuống".*

Tuy nhiên, chỗ mới đến dễ bị lộ so với khu vực biên giới gần Pác Bó khi địch tấn công. Đôi khi, những cán bộ đảng tại sở chỉ huy buộc phải tìm cách lẩn trốn vào trong dân chúng địa phương để thoát khỏi sự phát hiện của lính tuần tra Pháp trong vùng. Để khắc phục, họ lập trại ở giữa cánh rừng, ít người qua lại. Để sống, họ buộc phải ăn ngô, gạo, hoặc hoa chuối rừng. Dù các đồng chí của ông lo ngại, Nguyễn Ái Quốc khăng khăng đòi chia sẻ những khó khăn với đồng đội. Tinh thần lúc lên lúc xuống, ông khuyên: *"Kiên trì, bình tĩnh và cảnh giác, đó đức tính mà người cách mạng không bao giờ được quên".*

Trong hoàn cảnh này, mối quan hệ tốt với dân thiểu số trong vùng là điều hết sức cần thiết. Đảng bắt đầu xây dựng sự ủng hộ ở Việt Bắc vào thời kỳ giữa thập niên 1930, tại hội nghị Macao 1935, Đảng hứa quyền tự quyết cho tất cả các dân tộc thiểu số ở liên bang Đông Dương độc lập trong tương lai. Bây giờ, với sự khích lệ của Quốc, các cán bộ cố gắng lôi cuốn sự ủng hộ của dân chúng địa phương bằng cách học tiếng và phong tục của họ. Cán bộ dự các buổi lễ do nhân dân những làng gần đó tổ chức, thậm chí một số bọc răng vàng hoặc lấy vợ người địa phương, cuộc sống gia đình được xây dựng.

Ngày 7 tháng 12 năm 1941, quân đội Nhật Bản bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng. Hôm sau, Mỹ tuyên chiến với Nhật Bản. Trong một bài xã luận ngắn in trên báo *Việt Nam Độc Lập*, Nguyễn Ái

Quốc tuyên bố, cuộc chiến ở Thái Bình Dương đã chuyển thành xung đột lớn thế giới, làm tăng sự cấp bách đối với nhân dân Đông Dương, huy động mọi cố gắng của họ để đáp ứng những thách thức sắp tới. Trở lại Pác Bó vào tháng 7-1942, Quốc chỉ thị các đồng chí của ông gần Cao Bằng mở rộng hoạt động để liên kết với các đồng chí đang hoạt động tại Bắc Sơn và Võ Nhai, xa hơn về phía nam, tạo một hành lang chính trị ổn định từ Cao Bằng chạy về phía nam tới đồng bằng. Phong trào "Nam tiến" (trùng với thuật ngữ dùng cho cuộc di dân trong lịch sử từ đồng bằng sông Hồng xuống phía nam sau khi giành được độc lập từ Trung Quốc ở thế kỷ X), sẽ tiến theo cách này.

Tại Bắc Sơn, Chu Văn Tấn, cán bộ đảng gốc dân tộc Nùng, đã cố gắng tổ chức những người sót lại của lực lượng nổi dậy, từng chiến đấu chống lại Pháp và Nhật Bản mùa Thu năm 1940, thành những chi đội du kích dưới tên rất kêu Cứu Quốc Quân. Vì căn cứ địa gần tỉnh Lạng Sơn, những đơn vị này luôn luôn trong tình trạng nguy hiểm bị lực lượng an ninh Pháp gần đó thường xuyên tung ra những đợt càn quét quanh vùng, bắt những người tình nghi và đốt phá làng mạc. Trong một trận càn quét, Phùng Chí Kiên, một trong số những đồng chí được tin tưởng nhất của Nguyễn Ái Quốc và là uỷ viên Ban chấp hành Trung ương từ 1935, hy sinh trong chiến đấu. Chính Quốc đã cử Kiên đến Bắc Sơn để tiến hành những khoá đào tạo, mở rộng hoạt động du kích, Quốc tự an ủi, sự hy sinh người đồng chí của ông là tất yếu. Ông thường nhắc nhở nhiệm vụ thông tin liên lạc là "nhiệm vụ quan trọng nhất" cho công tác cách mạng, vì nó quyết định duy trì nguyên tắc chỉ huy thống nhất và triển khai thích ứng lực lượng, đảm bảo thắng lợi cuối cùng.

Đối phó với những hoạt động gia tăng của lực lượng du kích, nhà cầm quyền ra sức đàn áp, đặt lệnh giới nghiêm khắp các tỉnh

của Việt Bắc và tăng cường tuần tra để đánh đuổi những lực lượng chống đối. Để giảm thiểu khả năng bị bắt, Nguyễn Ái Quốc rời Lam Sơn tháng 6-1942 và trở lại Pác Bó. Cải trang một thầy cúng địa phương, mang theo áo choàng đen cùng tất cả những đồ cúng tế, gồm bùa, hương và một con gà sống (máu của nó được coi là thuốc chữa được bệnh), ông và đoàn hộ tống trải qua vài chuyện khó khăn khi đi qua những trạm kiểm soát của địch. Có lần viên sĩ quan an ninh tại một trạm kiểm tra địa phương yêu cầu thầy tới cúng cho vợ y đang bị ốm. Một đồng sự của Quốc phải nài nỉ viên sĩ quan rằng nhóm của ông rất vội, vì mẹ vợ thầy cúng cũng đang ốm nặng. Thấy thế, viên sĩ quan thông cảm, nói, khi nào thầy cúng trở về xin mời ghé qua làng.

Cương Lĩnh hoạt động trong nước bây giờ đã nắm trong tay, Nguyễn Ái Quốc quan tâm tìm sự ủng hộ quốc tế cho sự nghiệp. Ngày 13 tháng 8 năm 1942, ông đi bộ sang Trung Hoa cùng với đồng sự Lê Quảng Ba. Để bớt nguy hiểm bị tuần tra Pháp bắt, ban đêm đi, ban ngày nghỉ. Quốc mang thẻ nhà báo Trung Quốc với tên Hồ Chí Minh. Tại Ba Mủng, thị trấn nhỏ biên giới Trung Hoa ngày 25 - 8, ông nghỉ hai ngày tại nhà ông Hứa Vĩ San, nông dân địa phương có thiện cảm với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Hai ngày sau, ông ra đi cùng với một thanh niên dẫn đường, nói với anh ta, ông muốn đi bộ tới một chợ ở thị trấn Bình Mã gần đó để đi xe đò tới thủ đô kháng chiến Trùng Khánh, còn Lê Quảng Ba ở lại Bá Mủng. Cả hai người bị cảnh sát Trung Hoa ở làng Nhai Trường bắt trên đường đi, cách huyện lỵ Thiên Bảo không xa, khoảng 20 dặm đông bắc Tĩnh Tây. Sở dĩ nhà cầm quyền địa phương nghi ngờ, vì ngoài việc mang giấy tờ chứng nhận ông là đại diện một nhóm mang tên “Chi Hội Việt Nam Chống Xâm Lược”, Hồ cũng mang một thẻ đặc biệt của Hãng Thông Tấn Quốc tế (Guoji Xinwenshe), một chứng minh thư quân đội do Văn phòng Bộ tư lệnh Chiến khu

4 cấp. Tất cả những giấy tờ này cấp năm 1940 không còn giá trị. Vì nghi người mang khá nhiều giấy tờ giả là gián điệp Nhật, họ nhốt ông và người thanh niên dẫn đường vào nhà giam.

Mục đích Hồ Chí Minh tới Trung Hoa cho đến nay vẫn còn là chủ đề tranh cãi. Trong hồi ký, mục tiêu của ông bắt liên lạc với tổng thống Tưởng Giới Thạch và những nhân vật cầm quyền Quốc Dân Đảng yêu cầu sự giúp đỡ của Trung Hoa để đuổi Nhật ra khỏi Đông Dương. Vài nguồn tài liệu khác của Việt Nam đã đồng tình. Nhưng một số khác cho mục đích thực là bắt liên lạc với đại diện Đảng cộng sản Trung Quốc tại văn phòng liên lạc ở Trùng Khánh. Rất có khả năng, cả hai đều đúng. Có những lý do chắc chắn đúng là Hồ Chí Minh muốn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn với những nhân vật quen biết trong Đảng cộng sản Trung Quốc, nhiều nhân vật trong số này ông từng quen biết trong chuyến dừng chân ngắn ngủi ở Diên An gần bốn năm trước. Dù Hồ Chí Minh dự định gặp Chu Ân Lai, người bạn cũ, lúc này đang ở Trùng Khánh, nhưng mục tiêu chính của ông chắc chắn tìm sự ủng hộ từ Chính phủ Quốc Dân Đảng và muốn họ công nhận Mặt trận Việt Minh là đại diện hợp pháp của những người Việt Nam dân tộc chủ nghĩa. Lúc này, tin tức Hải Quân Mỹ chiến thắng tại Midway đã lan tới lục địa châu Á, sự ủng hộ của Đồng Minh cho Chính phủ Tưởng Giới Thạch giúp ông ta sống sót vào cuối chiến tranh Thái Bình Dương có vẻ tăng lên. Hồ cũng mới liên lạc với bà Tống Khánh Linh (vợ goá Tôn Dật Tiên) đang cầm đầu chi Hội Phản đế Quốc tế ở Trung Hoa. Phong trào cách mạng Việt Nam bây giờ cần sự giúp đỡ vật chất, vì thế điều cốt yếu là Chính phủ Quốc Dân Đảng phải nới tay cho những hoạt động của Việt Minh ở nam Trung Hoa, ủng hộ vai trò của mặt trận nhân dân bằng cách giúp đỡ để đánh bại Nhật Bản.

Cho rằng người mang khá nhiều giấy tờ giả không những là

người nguy hiểm mà còn là một nhân vật chính trị quan trọng, nhà cầm quyền địa phương quyết định liên lạc với toà án quân sự Quế Lâm, thủ phủ tỉnh Quảng Tây. Toà án quân sự đề nghị giải Hồ đến Quế Lâm để thẩm vấn và xử án tại đó nếu có thể. Chặng đường phải qua huyện lỵ Thiên Bảo và Tĩnh Tây, nơi Hồ Chí Minh từng hoạt động ngay trước hội nghị Pác Bó. Ông bị giam tại nhà tù Quốc Dân Đảng ở Tĩnh Tây ngày 29 tháng 8. Lúc này, các đồng chí ở vùng biên giới mới biết ông lâm nạn, họ tức khắc gửi một bức thư cho quan toà Tĩnh Tây, người quen của Hứa Vĩ San. Nhưng vị quan chức này từ chối thả Hồ, báo cáo việc bắt giam bằng điện báo lên cấp trên.

Hồ Chí Minh nằm lại ở nhà tù Tĩnh Tây vài tuần lễ đồng thời chính quyền địa phương chờ chỉ thị xử lý ông. Theo ông miêu tả, điều kiện sống trong nhà tù rất tồi tệ và dã man. Tù nhân ban ngày bị nhốt vào một nhà kho, ban đêm bị xích vào tường nhà lao đầy chấy rận bò lổm ngổm. Ăn uống chỉ có một bát cơm và nửa chậu nước vừa dùng để rửa vừa để uống. Dù vậy, không biết bằng cách nào Hồ Chí Minh vẫn kiếm được giấy bút, trong thời gian rỗi rãi ông luyện tập trí não bằng cách làm thơ, miêu tả những cảm tưởng của ông và tình trạng bị giam cầm. Nhiều năm sau, những bài thơ này được xuất bản mang tên *“Nhật ký trong tù”*. Những bài thơ tứ tuyệt viết bằng chữ Hán theo thể Đường luật:

**Mở đầu tập nhật ký**

*Ngâm thơ ta vốn không ham*

*Nhưng ngồi trong ngục biết làm chi đây*

*Ngồi buồn ngâm vịnh cho khuây*

*Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do*

Người tù bày tỏ sự đau xót thân phận mình:

**Đường đời hiểm trở**

*Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,*

*Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!*

*Núi cao gặp hổ mà vô sự*

*Đường phẳng gặp người bị tống lao?!*

*Ta là đại biểu dân Việt Nam*

*Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;*

*Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,*

*Phải làm "khách quý" ở nhà giam!*

*Ta người ngay thẳng lòng trong trắng,*

*Lại bị tình nghi là Hán gian;*

*Xử thế xưa nay không phải dễ*

*Mà nay xử thế thật gian nan.*

Nhưng với bản tính lạc quan vốn có, ông không bao giờ mất niềm tin và lôi kéo bạn tù phải tin sẽ sống sót:

**Buổi sớm**

*Đầu tường sớm sớm vầng dương mọc,*

*Chiếu cửa nhà lao, cửa vẫn cài;*

*Trong ngục giờ đây còn tối mịt,*

*Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.*

*Sớm dậy, người người đua bắt rận,*

*Tám giờ chuông điểm, bữa ban mai;*

*Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,*

*Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.*

Ngày 10 tháng 10, kỷ niệm 31 năm ngày cách mạng đầu tiên của Trung Hoa, Hồ Chí Minh được giải từ Tĩnh Tây trở lại huyện

ly Thiên Bảo. Chuyến đi rõ ràng đã làm thay đổi chút khỏi cảnh đơn điệu cuộc sống trong tù:

Ngày 10 tháng 10, kỷ niệm 31 năm ngày cách mạng đầu tiên của Trung Hoa, Hồ Chí Minh được giải từ Tĩnh Tây trở lại huyện ly Thiên Bảo. Chuyến đi rõ ràng đã làm thay đổi chút khỏi cảnh đơn điệu cuộc sống trong tù:

**Đi đường**

*Đi đường mới biết gian lao,*

*Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;*

*Núi cao lên đến tận cùng,*

*Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

**Mới đến nhà lao Thiên Bảo**

*Năm mươi ba dặm, một ngày trời,*

*Áo mũ ướt đầm, dép tả tơi;*

*Lại khổ thâu đêm không chốn ngủ,*

*Ngồi trên hố xí đợi ban mai.*

*Đang trên đường*

Tại huyện ly Thiên Bảo, ông nghe tin Wendell Willkie, phái viên đặc biệt của tổng thống Roosevelt về Trung Hoa, đã tới Trùng Khánh để thảo luận với Tưởng Giới Thạch. Những báo cáo mới về chuyến thăm đã làm ông thất vọng:

**Các báo đăng tin: Đại hội hoan nghênh Willkie**

*Cũng là đi Trùng Khánh,*

*Cũng là bạn Trung Hoa;*

*Anh, làm khách trên sảnh,*

*Tôi, thân tù nhà pha.*

*Cùng là đại biểu cả,*

*Khinh trọng sao khác xa?*

*Thói thường chia ấm lạnh,*

*Về đông nước chảy mà.*

Từ huyện lỵ Thiên Bảo, Hồ được giải qua Đồng Chánh và Long An đến Nam Ninh khoảng 120 dặm, (220 km) về phía tây, trên đường tới Quế Lâm. Do bị giam giữ lâu ngày ông rất căng thẳng.

**Đêm lạnh**

*Đêm thu không đệm cũng không chăn,*

*Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;*

*Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,*

*Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.*

Dù vậy, ông không mất tính hài hước và món quà hài hước đã đánh dấu phong cách viết của ông từ những ngày trước đây khi còn là một người cách mạng ở Paris:

**Pha trò**

*Ăn cơm nhà nước, ngủ nhà công,*

*Lính tráng thay phiên đến hộ tùng;*

*Non nước dạo chơi tùy sở thích,*

*Làm trai như thế cũng hào hùng!*

Trên thực tế, tình hình của ông được cải thiện. Ngày 9 tháng 12 năm 1942, ông được giải từ Nam Ninh bằng tàu hoả đến Liễu Châu, nơi Bộ chỉ huy Chiến khu 4 Tưởng Giới Thạch đóng. Hồ Chí Minh chắc chắn hy vọng sự hiện diện của ông sẽ được báo cáo với tư lệnh vùng, Trương Phát Khuê, một tư lệnh cựu trào Quốc Dân Đảng, người không tán thành Tưởng không tin Đảng cộng sản Trung Quốc và là người có thiện cảm với cuộc đấu tranh của người Việt Nam để giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, Hồ thất vọng vì

họ bắt ông phải chờ đợi, và rốt cuộc, sau đó ông bị giải đến Quế Lâm ngày hôm sau.

**Giam lâu không được chuyển**

*Thuốc đắng cặn liều càng thấy đắng*

*Đường gay cuối chặng lại thêm gay*

*Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm*

*Sao mãi giam ta ở chốn này.*

**Bốn tháng rồi**

*"Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại",*

*Lời người xưa đâu có sai;*

*Sống khác loài người vừa bốn tháng,*

*Tiều tuỵ còn hơn mười năm trời*

**Bởi vì:**

*Bốn tháng cơm không no,*

*Bốn tháng đêm thiếu ngủ,*

*Bốn tháng áo không thay,*

*Bốn tháng không giặt giũ.*

**Cho nên:**

*Răng rụng mất một chiếc,*

*Tóc bạc thêm mấy phần,*

*Gày đen như quỷ đói,*

*Ghẻ lở mọc đầy thân.*

Lúc này thân thể ông gày đét, lở loét, tóc ông bắt đầu bạc dần và rụng răng. Nhưng ông không tuyệt vọng:

**May mà:**

*Kiên trì và nhẫn nại,*

*Không chịu lùi một phân,*

*Vật chất tuy đau khổ,*

*Không nao núng tinh thần*

*(Nam Trân dịch)*

**Ốm nặng**

*"Ngoại cảm" trời Hoa cơn nóng lạnh,*

*"Nội thương" đất Việt cảnh lầm than;*

*Ở tù mắc bệnh càng cay đắng,*

*Đáng khóc mà ta cứ hát tràn.*

Sau vài tuần lễ chậm trễ, sĩ quan chánh án toà án quân sự ở Quế Lâm xử vụ án Hồ Chí Minh. Khi thẩm vấn, Hồ thú nhận đã có quan hệ với phong trào cộng sản ở Đông Dương, nhưng chối ông không có mối quan hệ nào với Đảng cộng sản Trung Quốc. Ông tuyên bố mình là một tù chính trị. Toà ra lệnh giải ông quay lại đại bản doanh Bộ chỉ huy Chiến khu 4 ở Liễu Châu để xử. Khi ông tới Liễu Châu đầu tháng 2-1943, Trương Phát Khuê chuyển vụ án này sang Phòng Chính trị.

Nghe tin Hồ Chí Minh bị bắt, Lê Quảng Ba tức khắc rời Ba Mủngđến Tĩnh Tây. Hồ nhờ ông chuyển một bức thư cho Ban Chấp Hành Trung ương Đảng ở Việt Nam. Khi tin tức Hồ bị bắt về tới Cao Bằng cuối tháng 10, giới lãnh đạo đảng quyết định phát động phản đối công khai chống lại việc bắt ông. Họ cũng quyết định viết thư gửi tới những hãng thông tấn lớn như UPI, Reuters, TASS (Thông tấn xã Liên Xô) và AFP báo động về tình hình, yêu cầu họ can thiệp với chính phủ Trung Hoa để thả Hồ. Bức điện gửi cho đại diện TASS ở Trùng Khánh, ngày 15 tháng 11, đơn giản xác nhận Hồ Chí Minh là *"một trong những người lãnh đạo Chi Hội Việt Nam của Hội Phản đế Quốc tế",* người có *"uy tín cao"* trong nhân

dân. Bức điện nói, Hội có 200.000 thành viên. Trong thời gian này, những báo động tương tự cũng được thu nhận bởi tất cả những cơ quan điện báo ở Trùng Khánh, tuy nhiên, Hồ Chí Minh vẫn đang ở nhà tù Quế Lâm.

Trong lúc đó, Hoàng Đình Giong, cán bộ đảng người dân tộc thiểu số, được cử tới Trung Hoa để đưa bức điện nhân danh Chi Hội Việt Nam của Hội Phản đế Quốc tế tới Tôn Khoa yêu cầu thả Hồ. Tôn Khoa là con trai Tôn Dật Tiên và là Chủ tịch đương thời Viện Lập Pháp ở Trùng Khánh. Tôn Khoa công khai phát biểu ủng hộ việc giải phóng những nước thuộc địa ở châu Á sau khi kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương, thiện cảm với bức thư này:

*Kính gửi Tôn Viện trưởng,*

*Đại diện của chúng tôi Hồ Tự Minh bị bắt ở Tĩnh Tây trên đường tới Trùng Khánh yết kiến Tưởng tướng công để kính tặng cờ kỷ niệm. Chúng tôi đề nghị ông đánh điện cho chính quyền địa phương thả ông ta lập tức.*

Tôn Khoa, có lẽ không biết Hồ Tự Minh là ai, liền chuyển bức điện cho Ngô Thiết Thành, Tổng bí thư Quốc Dân Đảng. Ngày 9 tháng 11, Ngô Thiết Thành gửi điện báo cho chính quyền tỉnh ở Quế Lâm, cũng như tới Bộ chỉ huy Chiến khu IV của Trương Phát Khuê ở Liễu Châu, yêu cầu họ điều tra vấn đề, nếu đúng, ra lệnh thả Hồ. Tuy nhiên, không thể thực hiện được việc đó vào lúc này, Hồ Chí Minh đang bị giải trên đường từ huyện lỵ Thiên Bảo đến Nam Ninh, vẫn chưa tới Liễu Châu.

Trong lúc giới lãnh đạo đảng ở Đông Dương làm hết sức để Hồ Chí Minh được thả, thì họ nghe được tin sốc. Vào một ngày mùa đông 1942-1943, một đảng viên trẻ của Đảng, người được cử tới nam Trung Hoa để tìm Hồ, đã về đến Cao Bằng báo cáo Hồ Chí Minh đã chết. Khi ở Liễu Châu ông ta nghe tin Hồ chết trong tù.

Sau khi gửi một bức thư báo động Ban Chấp hành Trung ương tại đóng gần Hà Nội, giới lãnh đạo đảng ở Việt Bắc cử Phạm Văn Đồng tổ chức lễ truy điệu.

Tuy nhiên, vài tuần sau một tờ báo từ Trung Quốc gửi tới. Trên mép tạp chí có một số chữ Hán viết tay: *"Các bạn yêu quý của tôi - hãy giữ sức khoẻ và dũng cảm trong công tác. Mình sức khoẻ tốt"*. Kèm theo một bài thơ ngắn:

*Núi ấp ôm mây, mây ấp núi*

*Lòng sông gương sáng bụi không mờ*

*Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh*

*Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa.*

Quá vui mừng, giới lãnh đạo đảng mời người cán bộ kia đến giải thích. Ông này giải trình *"Chính tôi cũng không hiểu. Ông tỉnh trưởng người Trung Hoa nói rõ ràng với tôi rằng Bác Hồ đã chết"*. Tuy nhiên, khi người cán bộ này thuật lại chính xác lời tỉnh trưởng, mọi người mới té ngửa rằng ông ta nghe nhầm từ "shile, shile" (tốt, tốt) thành "sile, sile" (chết, chết).

Tại Liễu Châu, Hồ Chí Minh vẫn còn bị giam tại một nhà tù quân đội thuộc doanh trại của Phòng Chính trị. Thời gian này - ông làm thơ - cảm thấy mình giống như một quả bóng bị đá đi đá lại giữa các nhà tù và hiện đang ở giữa Quế Lâm và Liễu Châu. Trong thời gian năm tháng cuối cùng, ông bị giải qua mười tám nhà tù ở mười ba huyện khác nhau ở nam Trung Hoa. Dù Hồ vẫn còn buồn bực trước tình cảnh mất tự do, nhưng là một tù chính trị ông được đối xử tử tế hơn. Thức ăn đầy đủ, không vị cùm về ban đêm, thậm chí ông còn được phép đọc sách báo. Định kỳ ông được phép rời buồng giam để tản bộ dãn xương cốt, khuây khoả bản thân, thỉnh thoảng còn được cắt tóc và tắm nước nóng. Ông cũng có điều kiện tốt hơn để giữ liên lạc với các đồng chí ở Việt Nam và thông báo

tình hình của ông, vì thế ông thường xuyên gửi cho họ sách, báo chí chứa những thư ngắn viết bằng nước cơm vào lề trống. Đối với những người Trung Quốc cầm tù mình, ông thể hiện hình ảnh một học giả già, nhã nhặn và điềm tĩnh. Để giết thời gian, ông dịch cuốn sách nổi tiếng "Chủ nghĩa Tam Dân" của Tôn Dật Tiên sang tiếng Việt.

Một ngày mùa xuân 1943, tướng Trương Phát Khuê biết được danh tính thực của vị tù nhân rắc rối, hoặc ít nhất cũng xác định được ông là một người cộng sản. Đúng hơn, Trương Phát Khuê cũng chỉ phỏng đoán điều này. Hoàng Văn Hoan, một đồng sự của Hồ Chí Minh, nói danh tính Hồ là đặc vụ Quốc tế Cộng sản bị tiết lộ do Trần Báo, theo chủ nghĩa quốc gia sống trong vùng, hy vọng người ta sẽ xử tử Hồ Chí Minh. Nhưng tướng Lương Hoa Sinh, khi đó là chủ nhiệm Phòng Chính trị Bộ chỉ huy Chiến khu 4, tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn nhiều năm sau này, trong những cuộc nói chuyện với Hồ, ông biết chắc người tù là cộng sản và đề nghị thủ tiêu. Tuy nhiên, theo Lương Hoa Sinh, đề nghị của ông bị chính quyền trung ương ở Trùng Khánh bác bỏ, mặc dù chính chính quyền Trùng Khánh lúc đó cũng biết danh tính thực của Hồ, nhưng ra lệnh *"cảm hoá"* Hồ nếu có thể được.

Quyết định của chính phủ về vấn đề này thoạt đầu có thể do chịu ảnh hưởng của Chu Ân Lai, người đứng đầu văn phòng liên lạc Đảng cộng sản Trung Quốc ở Trùng Khánh. Mùa thu năm 1942, khi Chu Ân Lai biết Hồ Chí Minh đã bị bắt, ông đặt vấn đề với tướng Phùng Ngọc Tường, viên tướng nổi tiếng của Trung Hoa, một trong kẻ thù của Tưởng Giới Thạch trong thập niên 1920 và 1930. Phùng Ngọc Tường, thường ve vãn những người cộng sản, nhưng bây giờ là nhân vật có thế lực của giới lãnh đạo Chính phủ Quốc Dân Đảng, tư vấn với cố vấn Xô viết ở Trùng Khánh và sau đó ông nói chuyện với phó tổng thống Lý Tôn Nhân. Họ cùng nhau

gặp Tưởng và đề nghị thả Hồ Chí Minh. Theo một người Trung Hoa kể lại, Phùng Ngọc Tường ủng hộ Hồ, lý giải, ngay cả Hồ Chí Minh là thành viên phong trào cộng sản Việt Nam, thì điểm này cũng không liên quan. Sau cùng, ông lập luận, những đại diện cộng sản nước ngoài, gồm cả Liên Xô, cũng không bị cản trở. Điểm chính, Phùng Ngọc Tường khẳng định nhân dân Việt Nam ủng hộ nhân dân Trung Hoa kháng chiến chống Nhật. Nếu Hồ Chí Minh là một người bạn mà bị trừng trị như một tội phạm, điều đó sẽ làm cho Trung Hoa mất sự ủng hộ, mất thiện cảm của quốc tế và không thật lòng với cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Hoa. Lý Tôn Nhân đồng tình với Phùng Ngọc Tường, đề nghị chính phủ trung ương trao vấn đề này cho chính quyền tỉnh Quảng Tây giải quyết. Tưởng Giới Thạch miễn cưỡng đồng ý, gửi điện cho Bộ chỉ huy Chiến khu IV ra lệnh thả Hồ dưới sự theo dõi, đồng thời cố gắng thuyết phục Hồ cộng tác với những mục tiêu của Trùng Khánh.

Không rõ bức điện có tác động gì đến tướng Trương Phát Khuê ở Liễu Châu hay không. Trong những cuộc phỏng vấn bởi Mỹ nhiều năm sau chiến tranh, Trương Phát Khuê phủ nhận hành động trong vấn đề này là do lệnh từ cấp trên. Như ông giải thích, ngay khi phát hiện tù nhân đúng là Nguyễn Ái Quốc, một người có ảnh hưởng trong phong trào cộng sản Việt Nam, ông ra lệnh viên chủ nhiệm chính trị mới ở Phòng Chính trị, tướng Hầu Chí Minh, gạ Nguyễn Ái Quốc hợp tác với Đệ Tứ Chiến khu để đổi lấy tự do. Trong những cuộc nói chuyện với Hồ, Trương Phát Khuê nhận ra năng lực đáng nể, nhiệt huyết chống Pháp của Hồ, tin chắc mặc dù Hồ là đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương, nhưng mục tiêu trước mắt là tự do và độc lập cho đất nước ông. Có lẽ Hồ đề nghị giúp đỡ Trương Phát Khuê tái tổ chức phong trào kháng chiến Việt Nam ở nam Trung Hoa và đảm bảo với Trương Phát Khuê một xã

hội cộng sản sẽ không thành lập ở Việt Nam ít nhất là sau 50 năm.

Những lý do Trương Phát Khuê quyết định trả tự do người tù rõ ràng gắn liền với những mục tiêu chính trị lâu dài của chính ông. Quê ở Quảng Đông, cựu trào Bắc Phạt giữa thập niên 1920, Trương Phát Khuê, tư lệnh quân đội đáng kính, người tránh xa những mưu toan chính trị của cả Tưởng Giới Thạch và Đảng cộng sản Trung Quốc. Ông căm ghét cả Nhật Bản lẫn chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương và chắc chắn có thiện cảm với sự khát khao của nhân dân Việt Nam vì độc lập dân tộc. Là tư lệnh Chiến khu 4 ở Liễu Châu, ông có trách nhiệm chuẩn bị tấn công vào quân đội Nhật Bản ở Đông Dương trước khi chiến tranh kết thúc. Chạy tới chạy lui, cuối cùng ông đã tìm cách tổ chức được những lực lượng người Việt Nam dân tộc chủ nghĩa ở nam Trung Hoa trong thời gian đầu thập niên 1940 và đào tạo họ để sử dụng cho những hoạt động tương lai ở Đông Dương.

Tuy nhiên, kế hoạch của Trương Phát Khuê tổ chức lực lượng người Việt Nam dân tộc chủ nghĩa thành một công cụ hiệu quả đã gặp nhiều khó khăn. Sự cộng tác giữa những nhóm dân tộc chủ nghĩa và Đảng cộng sản Đông Dương thông qua việc hình thành Uỷ Ban Giải Phóng Dân Tộc Việt Nam đã kết thúc cuối năm 1941, giới lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng phát hiện được danh tính thực của Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp khai trừ họ ra khỏi tổ chức. Ngay sau đó, chủ nghĩa bè phái trong hàng ngũ lãnh đạo những người dân tộc chủ nghĩa như Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Hải Thần, Nghiêm Kế Tổ dẫn tới sự sụp đổ nội bộ Hội. Trương Bội Công, một trong những người tài trợ Uỷ ban, bị nhà cầm quyền địa phương bắt giam vì tội tham nhũng.

Mùa hè năm 1942, Trương Phát Khuê quyết định thử một lần nữa, chỉ thị cho những người lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa thành

lập tổ chức mới, chưa có sự tham gia của cộng sản, mang tên Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, gọi tắt là Đồng Minh Hội. Tướng Hầu Chí Minh, cấp dưới của Trương Phát Khuê được cử giữ chức cố vấn Trung Hoa cho tổ chức này, cuộc họp đầu tiên diễn ra ở Liễu Châu đầu tháng 10-1942. Đồng Minh Hội cũng không thu hái được những thành công gì hơn tổ chức tiền nhiệm trước đó, khi kế hoạch do tướng Trương Phát Khuê hậu thuẫn, triệu tập Đại hội toàn quốc đầu tháng 9-1943 bị thất bại do sự bất đồng phe cánh trong giới lãnh đạo.

Hy vọng Hồ Chí Minh có thể tạo ra nguồn sinh lực tiếp sức phong trào đấu tranh của những người Việt Nam dân tộc chủ nghĩa tại nam Trung Hoa, Trương Phát Khuê quyết định trả tự do cho ông. Ngày 10 tháng 9, Hồ được thả khỏi nhà tù nhưng bị hạn chế tự do đi lại. Một uỷ viên Phòng Chính trị Bộ chỉ huy Chiến khu 4 sau này nhớ lại, vào một ngày mùa thu, tù nhân này đột nhiên vào nhà ăn của Phòng Chính trị, ngồi xuống cùng Hầu Chí Minh và những quan chức Trung Hoa khác. Từ lúc đó, người cựu tù này, được những người quen biết gọi là “Bác Hồ”, không còn bị giam giữ nữa, được phép tự do đi lại trong doanh trại, thậm chí còn đi bộ bên ngoài khuôn viên.

Mùa thu 1943, Hồ Chí Minh dần dần bắt đầu nhấn mình vào những hoạt động chính trị địa phương. Bằng cách thúc đẩy hồi sinh những nhóm dân tộc chủ nghĩa Việt Nam cố gắng cho tổ chức hoạt động có hiệu quả, Trương Phát Khuê tuyên bố, trực tiếp nắm Đồng Minh Hội, thay Hầu Chí Minh bằng tướng Tiêu Văn, làm cố vấn Trung Hoa cho Hội. Tiêu Văn, sinh ở Quảng Đông, cha là Hoa kiều, bản thân có thiện cảm với cộng sản. Để mở rộng cơ sở của tổ chức, Trương Phát Khuê chỉ thị, tất cả những người Việt Nam tốt nghiệp lớp đào tạo tại Liễu Châu đều được trở thành Hội viên.

Hồ Chí Minh bây giờ bắt đầu đóng một vai trò tích cực trong Đồng Minh Hội. Tháng 11-1943, theo yêu cầu của tướng Trương Phát Khuê, Hồ được bổ nhiệm làm phó chủ tịch Hội. Nguyễn Hải Thần lúc này là chủ tịch Hội, kẻ thù của Hồ từ những ngày hoạt động ở Quảng Châu trong thập niên 1920. Việc bổ nhiệm làm Nguyễn Hải Thần khó chịu, nhưng phải nuốt giận vì không muốn mất lòng người đỡ đầu của mình. Tháng 12-1943, tướng Hầu Chí Minh mở tiệc chiêu đãi, trong bữa tiệc Nguyễn Hải Thần ra câu đối *"Hồ Chí Minh, Hầu Chí Minh, hai đồng chí cùng quyết chí minh"*. Không kém một ly, Hồ Chí Minh lập tức đối lại: *"Anh cách mạng, tôi cách mạng, hai chúng ta cùng nhau cách mạng. Chúng ta chắc chắn sẽ thay đổi số phận của mình".*

Được Trương Phát Khuê ưu ái, cuối mùa thu, Hồ tích cực nhúng tay tái tổ chức Đồng Minh Hội. Bây giờ ông chuyển khỏi doanh trại Phòng Chính Trị, được phép sống tại trụ sở Hội. Ông thường xuyên tham gia giảng dạy về các vấn đề quốc tế và địa phương cho người nghe khắp thành phố cũng như cho lớp đào tạo người Việt Nam dưới dự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Chiến khu IV. Ông hứa với khán giả, sau khi đánh bại Nhật Bản, chắc chắn một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ sẽ xuất hiện ở Đông Nam Á. Có lần, ông ca ngợi Trung Hoa là một lực lượng mạnh cho hoà bình, người anh cả của nhân dân Việt Nam. Ông tiên đoán Đồng Minh sẽ hoàn toàn chiến thắng Nhật trong vòng một năm hoặc chừng đó, Trung Hoa khi đó có thể giúp Việt Nam khôi phục hoàn toàn nền độc lập bằng cách hoà bình và xây dựng một xã hội mới.

Dựa vào Hồ Chí Minh như một công cụ để hồi sinh Đồng Minh Hội, Trương Phát Khuê đề nghị Hồ cố gắng tổ chức Đại hội lần thứ II. Hồ nhận lời. Một hội nghị trù bị được tổ chức tại Liễu Châu cuối tháng 2-1944. Tại Hội nghị, Hồ đề xuất, Hội phải mở rộng phạm vi, có sự tham gia của đại diện Mặt trận Việt Minh và những

tổ chức quần chúng cũng như những nhóm khác ở Đông Dương cùng chung sự nghiệp chống phát xít. Có người lo khối liên minh sẽ bị Đảng cộng sản Đông Dương chiếm ưu thế. Hồ vạch rõ, tất cả các đảng phái và tổ chức trong nước biết Đảng cộng sản Đông Dương là đảng có tầm nhìn và ảnh hưởng mạnh nhất. Ông tuyên bố, nhân dân Việt Nam chẳng việc gì phải sợ chủ nghĩa cộng sản, vì chủ nghĩa cộng sản dần dần đưa lại ý tưởng bình đẳng kinh tế khắp thế giới, như nền dân chủ truyền bá khái niệm bình đẳng chính trị khắp châu Âu sau Cách mạng Pháp năm 1789. Kết quả sẽ là thế giới đại đồng. Hồ nói thêm, trong quá khứ, luôn có sự cạnh tranh giữa những đảng phái chính trị Việt Nam. Bây giờ các đảng phái này sẽ thống nhất để đấu tranh chống lại áp bức, đạt được mục tiêu duy nhất là thúc đẩy tất cả các đảng phái để giải phóng đất nước và dân tộc. Làm được điều đó sẽ theo kịp xu thế chung của nhân loại, vì Trung Hoa với chủ nghĩa Tam Dân, đế quốc Anh, cộng sản Nga và tư bản Mỹ hiện nay đang liên minh chống lại kẻ thù chung. Tướng Trương Phát Khuê đồng ý với những ý kiến lớn đó, giao Hồ đặt kế hoạch triệu tập hội nghị Đồng Minh Hội vào cuối tháng 3-1944.

Nhưng ý định của Hồ Chí Minh tính đến đại diện của Mặt trận Việt Minh tại hội nghị không được nhiều thành viên không cộng sản của Đồng Minh Hội tán thành, họ nghi ngờ Hồ âm mưu chi phối hội nghị bằng cách nhét người của ông vào. Để xua tan những lo âu đó, Hồ đề nghị với Trương Phát Khuê, cuộc họp sẽ đơn giản mang tên hội nghị những đại diện hải ngoại của Đồng Minh Hội. Trương Phát Khuê đồng tình, tại một cuộc họp của ban chấp hành Hội, đi đến thoả thuận, hội nghị bao gồm những đại diện của tất cả các nhóm Việt Nam đang hoạt động ở nam Trung Hoa. Tại một bữa tiệc diễn ra giữa tháng 3-1944, Trương Phát Khuê tán thành kế hoạch này, những người chống đối việc mở

rộng tham dự của tất cả các nhóm yêu nước tại Hội nghị, không còn sự lựa chọn nào khác ngoài chấp nhận.

Hội nghị những đại diện hải ngoại Đồng minh Hội khai mạc ở Liễu Châu ngày 25-3-1944. Mười lăm đại biểu tham dự, bao gồm những đại diện Đảng cộng sản Đông Dương, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đảng Đại Việt dân tộc chủ nghĩa. Vài đại biểu, gồm Phạm Văn Đồng và Lê Tống Sơn, tham dự dưới tên Việt Minh hoặc những tổ chức khác có quan hệ với Đảng. Hồ Chí Minh phát biểu tại hội nghị, vạch rõ tình hình hiện tại ở Đông Dương, hoạt động của Mặt trận Việt Minh và chúc mối quan hệ lịch sử gần gũi lâu dài giữa nhân dân Việt Nam và Trung Hoa. Trương Phát Khuê tham dự phiên khai mạc và phiên kết thúc, theo dõi mọi sự kiện sát sao như gà mẹ chăm sóc đàn con mới nở, tin tưởng cuộc họp thành công. Trước khi kết thúc vào ngày 28-3-1944, hội nghị thông qua hai nghị quyết và bầu ban chấp hành gồm bẩy uỷ viên và một ban kiểm tra. Hồ Chí Minh lúc đầu được bầu là uỷ viên dự khuyết, nhưng sau trở thành uỷ viên chính thức. Trương Phát Khuê biểu thị sự hài lòng của mình bằng cách tặng cho các đại biểu một khoản tiền bổ xung.

Trong thời gian vài tháng sau đó, Hồ Chí Minh dấn thân cố gắng hồi sinh Đồng Minh Hội và chuẩn bị trở lại Việt Nam. Tháng Bẩy ông tới Nam Ninh nói chuyện với học viên, những người được Việt Minh gửi tới học tập tại Trường đào tạo ở nam Trung Hoa. Lúc này Trương Phát Khuê khẳng định, Hồ Chí Minh là sự lựa chọn tốt nhất để lãnh đạo phong trào Việt Nam kháng chiến chống Nhật. Ông nói, trong lúc Hồ làm việc chăm chỉ, thì những người khác lười biếng, cẩu thả và lộn xộn khiến ông đau đầu. Đầu tháng Tám, bất chấp những lời phàn nàn của những người không cộng sản, Trương Phát Khuê cho phép Hồ Chí Minh hoàn toàn tự do hành động và hứa, Hồ có thể sớm trở lại Việt Nam. Hồ vạch kế hoạch

hành động khi về nước. Trong bản kế hoạch, ông muốn truyền tải tới nhân dân Việt Nam rằng Trung Hoa đang thúc đẩy độc lập của đất nước họ, phát triển và thúc đẩy Đồng Minh Hội, chuẩn bị điều kiện để quân đội Trung Hoa tiến vào bắc Việt Nam, đẩy mạnh cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc.

Hứa cố gắng phát triển Đồng Minh Hội, Hồ liệt kê những đảng phái chính trị mà ông hy vọng thu hút dưới ngọn cờ của nó: không những chỉ có Đảng cộng sản Đông Dương và những tổ chức quần chúng khác nhau mà còn có cả những đối thủ lâu dài của Đảng, như Việt Nam Quốc Dân Đảng và ngay cả Đảng Lập Hiến, những đảng viên làm công tác tuyên truyền đã ra khỏi đảng, biến chất thành những kẻ phản động làm bù nhìn cho Pháp. Hồ hứa sẽ mở hai căn cứ địa du kích giáp phía nam biên giới, yêu cầu tướng Trương Phát Khuê cung cấp vũ khí, tài chính cùng một thư tay để giới thiệu với những tổ chức khác nhau ở Việt Nam và một bản đồ quân sự Việt Nam. Trương Phát Khuê đồng ý cung cấp Hồ một hộ chiếu ra vào Trung Hoa nhiều lần, thuốc tây và tiền để ông sử dụng cá nhân, nhưng sự ủng hộ tài chính bổ xung cho hoạt động chống Nhật ở Đông Dương sẽ xét vào lúc khác.

Trước khi rời Liễu Châu, Hồ Chí Minh tới thăm lần cuối tướng Tiêu Văn, cố vấn Đồng Minh Hội của Trương Phát Khuê, người đã có những giúp đỡ đáng kể trong những chuẩn bị cuối cùng cho chuyến trở về Việt Nam. *“Chín mươi chín phần trăm những gì tôi nói với ông về Việt Nam và phong trào cách mạng Việt Nam là thật”,* Hồ quả quyết với vị khách Trung Hoa, *“Chỉ còn có một phần trăm tôi chưa nói với ông thôi”.* Trước đó, ông đã hứa với tướng Trương Phát Khuê, chủ nghĩa cộng sản sẽ không thực hiện ở Việt Nam trong vòng năm mươi năm.

Một ngày cuối tháng 8-1944, cùng mười tám người Việt Nam

vừa tốt nghiệp trường đào tạo của Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu, trở lại Đông Dương qua Long Châu và Tĩnh Tây. Để giảm nguy cơ bị lực lượng an ninh địa phương nhòm ngó, tất cả đều mặc quân phục Quốc Dân Đảng. Tại biên giới, họ thay phục trang, mặc quần áo dân địa phương, nhưng vẫn gặp những rắc rối với lính biên phòng, Hồ phải yêu cầu những quan chức địa phương ở Long Châu can thiệp, cho phép họ tiếp tục lên đường. Khi tới Bình Minh - thị trấn biên giới, ông phải ở lại vài ngày trong một túp lều tranh gần thị trấn để phục hồi sức khoẻ và lập nhóm bảo vệ hộ tống ông trở lại Pác Bó. Ngày 20-9-1944, ông về đến Pác Bó.

Trong thời gian Hồ Chí Minh vắng mặt ở nam Trung Hoa, cuộc chiến ở Thái Bình Dương đã xoay chuyển vững chắc có lợi cho Đồng Minh. Thoạt đầu, tổng thống Roosevelt đưa ra kế hoạch tập trung nỗ lực quân sự chủ yếu vào chiến trường Trung Quốc - Miến Điện - Ấn Độ, dựa trên suy luận, lực lượng quân sự Quốc Dân Đảng sẽ đóng một vai trò chính trong chiến tranh. Song Washington vỡ mộng và vứt bỏ kế hoạch này vì Tưởng Giới Thạch không thiện chí dùng quân đội của mình tấn công chống lại Nhật. Năm 1943, một chiến lược mới của Mỹ được vạch ra nhằm chiếm những quần đảo Nhật Bản ở Thái Bình Dương, đã bắt đầu nhìn thấy dấu hiệu thành công. Lực lượng Đồng Minh đã chiếm một số quần đảo do Nhật chiếm giữ ở Thái Bình Dương, đồng thời những đơn vị quân đội dưới sự chỉ huy của tướng Mỹ, Douglas MacArthur, đã giao chiến trên những đảo của họ suốt từ New Guinea tới Philippines.

Tại Đông Nam Á, quân đội Nhật ở Đông Dương kiểm soát tương đối vững chắc, nhưng việc lật đổ chính phủ Vichy ở Pháp sau chiến dịch đổ bộ vào Normandy tháng 6-1944 khiến hàng ngũ quan chức quân sự và dân sự Pháp ở Đông Dương muốn ngả sang phía

phong trào Nước Pháp Tự do của Charles de Gaulle, vì thế Tokyo nghi ngờ hơn về lòng trung thành trong tương lai của Toàn quyền Jean Decoux trong liên minh với Nhật Bản. Chính quyền chiếm đóng Nhật Bản ở Đông Dương tăng cường tranh thủ lòng trung thành dân chúng địa phương với chế độ của họ.

Trong lúc ấy, các đồng chí của Hồ Chí Minh cố gắng mở rộng căn cứ phong trào cách mạng khắp miền phía bắc Đông Dương. Năm 1942 và đầu 1943, cán bộ Việt Minh bắt đầu xây dựng những căn cứ du kích, mở rộng ảnh hưởng chính trị của Mặt trận ở các tỉnh miền núi bao quanh đồng bằng sông Hồng. Trong lúc ấy, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương về hình thành Mặt trận Việt Minh đã tới tay các đảng viên miền nam khoảng năm 1942 hoặc 1943. Họ bắt đầu xây dựng lại phong trào một cách cần mẫn ở các tỉnh khác nhau dọc duyên hải Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Những cán bộ đảng khác cố gắng xây dựng "an toàn khu" nhỏ cho Ban Thường Vụ, (gồm Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ), ở Bắc Ninh, cách đông bắc Hà Nội 25 km. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, Pháp đã bắt gần hết những cán bộ đảng trong vùng, nhưng khi họ trở lại thì Ban Chấp hành đã lập ra được một *"đơn vị tác chiến"* nhỏ ở Hà Nội để khởi đầu công tác tuyên truyền trong phong trào người lao động ở đây. Cho đến cuối năm 1942, hơn một ngàn công nhân đã gia nhập Hội Cứu Quốc địa phương. Những tổ chức tương tự cũng được lập ra cho thanh niên và phụ nữ. Một đơn vị du kích nhỏ được thành lập ở sân bay Gia Lâm, sát ngay phía bắc thành phố, như là bước đầu tiên để tạo ra an toàn khu cho giới lãnh đạo đảng trong vùng.

Từ những căn cứ ngoại thành Hà Nội, Ban Thường vụ theo sát tình hình chung trong vùng và tình hình thế giới, đồng thời duy trì

liên lạc với tất cả những tổ chức đảng khắp Đông Dương. Ngay sau khi Nhật Bản tấn công Trân Châu Cảng tháng 12-1941, Tổng bí thư Trường Chinh đưa ra một thông cáo phân tích tình hình thay đổi cục diện trên thế giới có thể ảnh hưởng đến vận mệnh của nhân dân Việt Nam như thế nào, đảng phải ứng phó ra sao. Trong bài *"Chiến tranh Thái Bình Dương và nhiệm vụ cấp bách của Đảng",* ông tuyên bố, trong trường hợp quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa can thiệp vào Đông Dương, lực lượng Việt Minh sẽ đón tiếp và giúp đỡ họ, đồng thời cảnh báo, họ không nên đến như một kẻ xâm lược. Ông nghĩ điều tương tự khi Anh và Mỹ cũng quyết định xâm chiếm Đông Dương, trong trường hợp đó Đảng sẽ vui lòng có những nhượng bộ về nguyên tắc để có được sự giúp đỡ của họ. *"Nếu họ đồng ý giúp đỡ cách mạng ở Đông Dương",* ông nói, *"chúng ta có thể chấp nhận cho họ những ưu đãi kinh tế".* Nhưng nếu họ đến để trợ giúp phong trào Nước Pháp Tự do của Charles de Gaulle khôi phục quyền cai trị của Pháp tại khu vực này, *"chúng ta sẽ phản đối mãnh liệt và tiến hành cuộc chiến đấu của chúng ta để giành độc lập".* Nếu quân đội Anh và Mỹ kéo tới địa phương, ông chỉ thị, cán bộ đảng huy động sự ủng hộ của nhân dân tạo được chính quyền cách mạng, bước vào những cuộc thương lượng với Lực lượng Đồng Minh vừa kéo đến. Ông cảnh báo *"Chúng ta phải cảnh giác chống lại ảo tưởng cho rằng Tưởng Giới Thạch và quân đội Anh - Mỹ sẽ mang lại tự do cho chúng ta. Trong cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc, hiển nhiên chúng ta cần tìm kiếm đồng minh - thậm chí đồng minh tạm thời, dao động hoặc có điều kiện - cuộc đấu tranh phải đạt được kết quả không ít hơn những cố gắng của chính chúng ta".*

Để kết luận, Trường Chinh phê bình những toan tính của những phần tử "cánh tả" hăng tiết vịt trong Đảng, những người này muốn phát động nổi dậy toàn dân khi Trung Hoa kéo quân vào. Ông cảnh báo *"Những điều kiện cho một cuộc nổi dậy ở Đông Dương vẫn chưa*

*chín muồi"*. Phong trào ở khu vực nông thôn phát triển mạnh mẽ hơn ở thành phố và ở Việt Nam mạnh hơn ở Lào và Campuchia. Trường Chinh nhấn mạnh, trong trường hợp những điều kiện chín muồi ở một địa phương nào đấy, một chính quyền nhân dân lâm thời có thể được thành lập ở đó trước khi tổng khởi nghĩa.

Đầu năm 1943, triển vọng can thiệp vào Đông Dương của Lực lượng Đồng Minh tăng lên. Để chuẩn bị cho khả năng này, cuối tháng 2-1943, Trường Chinh triệu tập cuộc họp Ban Thường Vụ tại làng Võng La, phía tây bắc Hà Nội. Theo quan điểm của Ban Chấp hành, mặc dù phong trào cách mạng vẫn còn một số thiếu sót, nhưng cũng có những tiến bộ lớn. Do vậy, Ban Chấp hành quyết định bắt đầu kế hoạch tổng khởi nghĩa. Tăng cường nỗ lực ở tất cả các vùng để xây dựng lực lượng chính trị và quân sự của phong trào. Mở rộng phong trào công nhân, bởi vì thiếu sự tham gia của nhân dân thành thị khó có thể thành công ở khu vực sinh tử của kẻ thù. Ban Chấp hành kêu gọi mở rộng các tổ chức công nhân, mở rộng mặt trận dân chủ thu hút kiều dân Pháp có thiện cảm với phong trào Nước Pháp Tự do và Hoa Kiều, cũng như tất cả những người Việt Nam yêu nước.

Trong khi Ban Thường vụ đang thu xếp công việc, những người lãnh đạo đảng ở hai căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai tổ chức hội nghị riêng tại Lũng Hoàng, huyện Hoà An, sát tây bắc Cao Bằng. Để chống lại việc Pháp tăng cường đàn áp phong trào, họ quyết định ghép hai căn cứ địa và mở một đường giao liên về đồng bằng sông Hồng coi như giai đoạn đầu tiên trong việc kết hợp Việt Bắc với phong trào cách mạng ở nơi khác trong nước, cũng như thành lập những phương tiện liên lạc vững chắc với Ban Thường vụ. Sau khi kết thúc hội nghị, những đơn vị du kích - từng rút về phía biên giới để tránh càn quét của Pháp - được lệnh trở về căn cứ ban đầu tại Bắc Sơn - Võ Nhai. Họ bắt đầu kéo quân xuống phía

nam tới Tuyên Quang và Vĩnh Yên, một thị trấn sát vùng đồng bằng sông Hồng, cách Hà Nội 40 km về phía tây bắc. Để tạo thuận lợi cho việc tiến về phía nam, những đơn vị Cứu Quốc Quân của Chu Văn Tấn trong vùng, bây giờ chia thành hai đội, tiến dọc hai bên bờ sông Cầu, con sông chảy vào đồng bằng sông Hồng từ vùng núi phía bắc.

Trong lúc ấy, những chi đội du kích ở Cao Bằng theo hướng Bắc Cạn và Lạng Sơn kéo về phía nam. Tháng 8-1944, những nhóm nhỏ tinh nhuệ do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, tiến lên "như vết dầu loang" (lời Võ Nguyên Giáp) tạo thành những căn cứ địa mới, tiến hành công tác tuyên truyền ở phía nam và vùng rừng núi giáp phía bắc Thái Nguyên, sát đồng bằng sông Hồng. Ở một hẻm núi giữa rừng gần làng Cốc họ liên kết với những chi đội Cứu Quốc Quân của Chu Văn Tấn đang kéo về phía tây Bắc Sơn - Võ Nhai. Những đội viên đầu tiên của căn cứ giải phóng tương lai cuối cùng cũng đã gặp nhau.

Hoá ra, niềm tự tin phản ánh trong những quyết định đó quả là hơi sớm. Đến mùa hè năm 1943, chính quyền thực dân Pháp rất lo ngại khi biết khả năng một cuộc can thiệp sắp tới của quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa vào vùng này, họ biết rõ mức độ phát triển cộng tác giữa chính quyền Trung Hoa và những người Việt Nam dân tộc chủ nghĩa đang sống lưu vong ở nam Trung Hoa. Mùa thu năm 1943, Toàn quyền Decoux tung ra một chiến dịch quân sự tiễu trừ lực lượng kháng chiến ở Việt Bắc, đưa lực lượng Pháp đến vùng này. Pháp tăng cường tuần tra, đặt giải thưởng lớn cho ai cung cấp tin tức về vị trí của những người lãnh đạo kháng chiến. Để dễ dàng kiểm soát, Pháp dồn dân địa phương vào khu vực giám sát. Vài chục cán bộ cộng sản bị bắt, đồng thời những người khác buộc phải chạy tới những vùng hẻo lánh xa hơn.

Những vấn đề tương tự cũng gặp phải khi xây dựng phong trào ở Hà Nội. *"Đơn vị tác chiến"* của Ban Thường Vụ có nhiệm vụ thúc đẩy tuyên truyền cách mạng trong nhân dân thành thị, cũng dừng hoạt động vào mùa xuân 1943. Giới lãnh đạo đảng cố gắng thành lập một Ban Chấp Hành riêng cho thành uỷ Hà Nội, nhưng nỗ lực này cũng bị cơ quan an ninh Pháp phá ngang. Suy thoái kinh tế trong chiến tranh dẫn tới giảm bớt lực lượng lao động trong tất cả các thành phố, khiến hoạt động của Đảng gặp khó khăn. Việc buôn bán kém đi do chiến tranh, trong khi thuế má cao, chính quyền nặng tay trưng thu hàng hoá. Dù nhiều công nhân Việt Nam khốn đốn bởi kỷ luật lao động khắc nghiệt của Nhật, tuy có thiện cảm với sự nghiệp cách mạng, nhưng sợ tham gia biểu tình và lãn công. Tháng Tám, Hoàng Văn Thụ bị Pháp bắt do điệp viên hai mang phản bội, bị xử tử tháng 5-1943. Trường Chinh suýt bị bắt tại một trạm kiểm tra của Pháp may nhờ cải trang thành đốc công trực tiếp sai khiến nông dân trong những cánh đồng lúa gần đó.

Tuy nhiên, giữa năm 1944, điều kiện nổi dậy bắt đầu cải thiện. Ở Việt Bắc, Pháp cũng đạt được một số thành công, làm giảm bớt hoạt động của Việt Minh. Nhưng cuối cùng lại đưa đến sự tập trung lực lượng du kích trong các căn cứ địa kháng chiến, cán bộ Đảng bắt đầu thành lập những chi bộ bí mật, tìm mọi cách tránh sự theo dõi của kẻ thù. Các chi bộ này trở thành cơ sở phát triển phong trào nhanh. Sự phát triển tương tự cũng đang xảy ra ở nông thôn tại Trung Kỳ và Nam Kỳ. Cùng thời gian này, tình hình kinh tế tồi tệ khắp Đông Dương dẫn đến bất mãn tăng cao ở thành thị, các vụ đình công tăng lên. Dù những mục đích đình công đơn thuần kinh tế hơn chính trị, nhưng sự xáo động này tạo thuận lợi cho công tác tuyển mộ của Đảng, đồng thời sinh viên và tầng lớp trung lưu có thiện cảm cùng thúc đẩy sự nghiệp.

Lòng tin bùng phát, Đảng cộng sản ba tỉnh ở vùng biên giới mở

một cuộc họp vào tháng 7-1944 để thảo luận đề nghị của Võ Nguyên Giáp phát động chiến tranh du kích, nhằm tạo ra một căn cứ địa giải phóng. Một số người tham dự lo ngại, liệu căn cứ địa này có chống nổi cuộc phản công mạnh của Pháp hay không. Họ cũng đưa câu hỏi liệu lực lượng du kích đã sẵn sàng chuẩn bị tiến hành một cuộc kháng chiến lâu dài chống lại cả Pháp và Nhật chưa. Cuối cùng hội nghị tạm thời đồng ý với đề nghị của Giáp, đồng thời bảo lưu việc ý kiến, liệu những hoạt động du kích nên tung ra ngay bây giờ hay để chậm lại cho đến thời gian sau. Cuộc họp chưa nhất trí việc có nên bắt đầu xây dựng một quân đội giải phóng chính quy hay không? Ban đầu Giáp đề xuất quy trình theo sáng kiến riêng của ông, Vũ Anh (một uỷ viên ưu tú Ban chấp hành) gạt bỏ đề xuất đó.

Giữa tháng 9-1944, Vũ Anh và Võ Nguyên Giáp đến Tĩnh Tây đón Hồ Chí Minh rồi cùng trở về Pác Bó. Giáp báo cáo những nghị quyết đưa ra tại hội nghị tháng 7-1944, phác thảo một kế hoạch. Hồ Chí Minh chỉ rõ, ý kiến đề xuất tung ra chiến dịch tiến công ở Việt Bắc chỉ dựa vào tình hình địa phương và đã không tính đến tình hình những nơi khác trong nước. Ông cho rằng ném tất cả lực lượng vào một cuộc khởi nghĩa quy mô rộng lớn sẽ đưa đến rủi ro thoái trào lớn hơn cuộc khởi nghĩa cuối 1943. Dù phong trào đang phát triển mạnh, nhưng chưa có khu vực nào trong nước mà lực lượng của Đảng sẵn sàng tung ra đấu tranh có vũ trang để ủng hộ cuộc nổi dậy ở Việt Bắc. Vì thế kẻ thù có thể tập trung lực lượng chống lại các chiến sĩ của ta ở vùng biên giới, mà lực lượng của chúng ta, trong mọi trường hợp, còn thiếu những đơn vị vũ trang thường trực đủ mạnh để làm điểm tựa. Ông kết luận *“Thời kỳ cách mạng hoà bình đã qua, nhưng thời cơ tổng khởi nghĩa vẫn chưa tới”*. Hồ Chí Minh cảm thấy đấu tranh chính trị không còn hiệu quả, nhưng khởi nghĩa vũ trang vẫn còn khá nguy hiểm. Cuộc đấu tranh

phải bắt đầu chuyển hướng từ giai đoạn đấu tranh chính trị sang giai đoạn bạo lực, nhưng tại thời điểm này, những hoạt động chính trị vẫn phải tiếp tục ưu tiên.

Hồ Chí Minh động viên đồng chí trẻ tuổi. Tuy bác bỏ đề nghị của Giáp thành lập quân đội giải phóng nhân dân, Hồ Chí Minh đồng ý thành lập những đơn vị đầu tiên của quân đội tương lai đó. Ông nhấn mạnh *"nếu không đủ mạnh, chúng ta sẽ bị tiêu diệt không kịp trở tay,"* như Giáp hồi tưởng. Ngày hôm sau, Hồ đề xuất thành lập những đơn vị mới tạm thời mang tên *"Đội Tuyên Truyền Giải Phóng Quân",* vì nhiệm vụ trước tiên là tuyên truyền chính trị cho quần chúng để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa tương lai.

Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh ở lại hơn một ngày tại Pác Bó để nghiên cứu tình hình, vạch kế hoạch cho những đội tuyên truyền vũ trang mới. Hồ khuyên: *"Bí mật, luôn luôn bí mật. Địch nghĩ ta ở đằng tây thì ta đang ở đông. Đánh bất ngờ, rút ngay khi địch chưa kịp trở tay".* Khi trở lại căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, Giáp bắt đầu thành lập đơn vị đầu tiên mới. Ba mươi tư chiến sĩ của đơn vị đầu tiên được cán bộ lãnh đạo lựa chọn kỹ càng và gồm một số chiến sĩ tốt nghiệp chương trình đào tạo ở Hoa Nam. Từ Pác Bó, Hồ Chí Minh gửi thư chúc mừng, thư viết trên mẩu giấy nhỏ giấu trong bao thuốc lá:

*Đội tuyên truyền Việt Nam Giải Phóng Quân là người anh em thân thiết của toàn dân tộc. Tôi hy vọng nhiều đơn vị khác sẽ sớm ra đời. Dù bây giờ còn non trẻ nhưng tương lai rực rỡ đang chờ đón. Đây là hạt nhân của đoàn giải phóng quân trong tương lai, chiến đấu trên các chiến trường từ bắc xuống nam của đất nước Việt Nam.*

Việc thành lập đơn vị đầu tiên của đội vũ trang tuyên truyền ngày 22-12-1944, lực lượng vũ trang cách mạng tương lai - Việt Nam Giải phóng Quân - bắt đầu thành hình. Đội vũ trang tuyên

truyền đại diện cho những đơn vị quân đội thường trực mới non trẻ đầu tiên của phong trào. Nó sẽ cung cấp những lực lượng du kích được tổ chức và chỉ đạo tại cấp huyện, cũng như những đơn vị dân quân tự vệ được tuyển mộ tại địa phương dưới sự kiểm soát của Đảng. Đúng hai ngày sau, những đơn vị mới thành lập đã chiến thắng trong trận tấn công vào những đồn Pháp ở làng Phai Khắt và Nà Ngần khiến kẻ thù phải sửng sốt trước sức mạnh cuộc tấn công và địch hoàn toàn bị tiêu diệt. Những người chiến thắng không những tự hào về thắng lợi mà còn thu được một số vũ khí, trong khi 70 lính địch thương vong. Tin tức chiến thắng lan nhanh khắp Việt Bắc như đám cháy rừng.

Trở lại Pác Bó, Hồ Chí Minh tiếp tục thúc đẩy phong trào theo cách riêng. Tháng Mười, ông viết *"Thư gửi đồng bào toàn quốc",* trong đó phân tích tình hình hiện tại và nói *"cơ hội giải phóng nhân dân đang đến gần, chỉ trong vòng một năm hoặc một năm rưỡi. Thời cơ đang thuận lợi. Chúng ta cần phải nhanh chóng hành động!"*

Ngày 11-11-1944, một máy bay trinh sát Mỹ do trung uý Rudolph Shaw lái, bất ngờ trục trặc động cơ khi bay trên vùng núi dọc biên giới Trung - Việt. Shaw nhảy dù an toàn, chính quyền Pháp đóng gần đó theo dõi tai nạn này, điều động lính tuần tra tìm kiếm Shaw. Tuy nhiên, những đội viên một đơn vị Việt Minh tìm được Shaw, quyết định giải Shaw tới chỗ Hồ Chí Minh. Lực lượng Việt Minh dẫn viên phi công Mỹ vượt núi rừng tới Pác Bó, ban đêm đi, ban ngày nghỉ trong hang để tránh địch. Cuối cùng phải mất một tháng mới tới, với khoảng cách chỉ khoảng 75 cây số.

Trong toán hộ tống Shaw, không có ai biết tiếng Anh để nói chuyện với Shaw - theo lời kể của Shaw, ông nói "Việt Minh! Việt Minh!" Người Việt Nam đáp "America! Roosevelt!" Nhưng khi ông tới Pác Bó, Hồ Chí Minh đón tiếp nồng nàn bằng tiếng Anh*: "Ngài*

*có khoẻ không, ngài phi công! Ngài là người nước nào?"* Theo lời kể, Shaw bị xúc động đến mức ôm chặt Hồ và nói *"Khi tôi nghe tiếng nói của ông, tôi cảm thấy dường như tôi đang nghe tiếng nói của cha tôi ở Mỹ"*.

Đối với Hồ Chí Minh, việc viên phi công Mỹ bị bắn rơi là ngẫu nhiên. Ngay từ khi Mỹ bước vào chiến tranh tháng 12-1941, ông đã thấy sự ủng hộ của Mỹ cho phong trào như là một con bài có thể sử dụng trong cuộc đấu tranh chống lại đội quân chiếm đóng Nhật Bản và thực dân Pháp. Sau khi được thả khỏi nhà tù ở Liễu Châu mùa thu năm 1943, ông dùng nhiều thời gian đọc sách tại thư viện Văn phòng thông tin chiến tranh (OWI), ý thức được những tin tức Tổng thống Roosevelt không dính đến chủ nghĩa thực dân châu Âu và đang tìm cách trả lại những thuộc địa Đông Nam Á nền độc lập của họ sau khi kết thúc chiến tranh. Roosevelt rõ ràng có ý định chống lại vai trò của Pháp ở Đông Dương, có lần ông nhấn mạnh: *"Pháp đã bòn rút Đông Dương suốt một trăm năm. Nhân dân Đông Dương có quyền được hưởng những gì đó tốt hơn thế"*. Dù Hồ Chí Minh ý thức được Mỹ là xã hội tư bản, ông luôn bày tỏ sự ngưỡng mộ về lời cam kết của Mỹ đối với những nguyên tắc dân chủ và cảm thấy bản thân Roosevelt có thể dẫn dắt Mỹ theo đường lối kinh tế lớn lao và công bằng xã hội.

Về phần mình, quan chức Mỹ tại Trung Hoa hiểu về Hồ Chí Minh trong một thời gian dài trước khi được thả khỏi tù. Mùa thu 1942, tin tức tuyên bố trên báo chí Trung Hoa, (rò rỉ do những nguồn tin gần gũi với Đảng cộng sản Đông Dương ở Trung Hoa), đã nói đến vụ bắt giam một người An Nam tên là "Hồ Chih-chi", có quan hệ với "chính phủ lâm thời" thân Đồng Minh ở Đông Dương, được thành lập ở Liễu Châu với sự giúp đỡ của chính phủ Trung Hoa. Khi quan chức sứ quán Mỹ liên lạc với đại diện địa phương của phong trào Nước Pháp Tự do, vị đại diện người Pháp hạ thấp

sự thật của câu chuyện và phủ nhận một chính phủ như thế tồn tại. Tuy vậy, đại sứ Mỹ Clarence Gauss đánh điện cho Bộ Ngoại Giao ngày 31-12-1942, báo cáo vụ bắt giam, chỉ thị nhân viên tòa sứ quán xem xét kỹ vấn đề. Tuy nhiên, do thiếu sự cộng tác của chính quyền Trung Hoa họ không thu được mấy kết quả. Tháng Sáu, Washington yêu cầu cập nhật tình hình, Đại sứ quán Mỹ báo cáo đơn giản mức độ chừng mực xác định phong trào kháng chiến ở Đông Dương không có tầm quan trọng đặc biệt.

Nhưng nếu Đại sứ quán Mỹ ở Trùng Khánh không muốn làm gì cả đối với một "người An Nam" không tên tuổi thì những quan chức Mỹ khác ở Trung Hoa có quan điểm khác. Mùa hè năm 1943, Chu Ân Lai, trưởng Văn phòng Liên lạc Đảng cộng sản Trung Quốc gặp Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ (OSS) ở địa phương đề nghị giúp đỡ thả Hồ với lý do Hồ có thể giúp đỡ Đồng Minh. Những quan chức Văn phòng thông tin chiến tranh (OWI) - nơi Hồ Chí Minh từng đề nghị làm phiên dịch cho cơ quan này - thảo luận với những quan chức Đại sứ quán Mỹ, đã đồng ý đặt vấn đề với chính phủ Trung Hoa tìm cách thả và thu xếp để ông cộng tác.

Không rõ người Mỹ có đề xuất việc này không, và nếu có, liệu có tác động đến quyết định của Trương Phát Khuê thả tự do trong giới hạn cho Hồ Chí Minh, vẫn còn chưa có câu trả lời. Dù sao đi nữa, việc này chưa dẫn đến bất cứ sự thu xếp tức khắc để Hồ cộng tác với những quan chức Mỹ ở Hoa Nam. Tháng 11-1943, chi nhánh Việt Nam của Hội phản đế quốc tế, từ Tĩnh Tây, viết thư đề nghị Đại sứ quán Mỹ ở Trùng Khánh giúp đỡ trả hoàn toàn tự do cho "Hu Chih-ming" để tham gia hoạt động chống Nhật và, nếu cần thiết, giúp ông trở về Việt Nam.

Philip D. Sprouse, cán bộ Đại sứ quán ghi nhận tên này là *"một người bị bắt"* năm trước. Nhưng Sprouse hình như đã bị thuyết

phục bởi những đại diện "Nước Pháp Tự do" ở Trùng Khánh rằng cái gọi là *"chính phủ lâm thời Đông Dương"* thành lập ở Liễu Châu chỉ đơn giản là một mánh khoé của chính phủ Trung Hoa để thúc đẩy lợi ích của chính họ trong vùng này. Đại sứ Gauss chuyển lời yêu cầu tới Washington, bằng một bức thư chỉ rõ, do Pháp phủ nhận sự tồn tại một tổ chức như thế, nên ông "không trả lời" bức thư đó. Báo cáo của đại sứ Gauss được cất vào kho lưu trữ và bị lãng quên ở Washington.

Mùa xuân năm 1944, miếng mồi giúp đỡ của Mỹ đã khêu gợi sự quan tâm của những đại diện Việt Minh đang sống ở nam Trung Hoa. Tháng 4-1944, đại diện Việt Minh ở Côn Minh gặp quan chức Pháp tại lãnh sự quán "Nước Pháp Tự do" để thu xếp một cuộc gặp nhằm thảo luận chính sách hậu chiến của Pháp ở Đông Dương, nhưng sau những tiếp xúc ban đầu, họ đã thất bại. Bị Pháp cự tuyệt, họ quay sang phía Mỹ, gặp những quan chức địa phương của Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ và Văn phòng thông tin chiến tranh, tìm sự giúp đỡ bằng cách viết một bức thư gửi đại sứ Mỹ Gauss ở Trùng Khánh. Bức thư khẩn khoản yêu cầu Mỹ viện trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam giành độc lập đồng thời đề nghị sát cánh với Đồng minh chiến đấu chống lại quân đội chiếm đóng Nhật ở Đông Dương. Ngày 18-8, sĩ quan Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ gửi bức thư này tới tướng William Langdon, lãnh sự Mỹ tại Côn Minh, kèm lời bình, sẽ có *"rắc rối đáng kể ở Đông Dương sau chiến tranh nếu không có một phương án mạnh mẽ của chính phủ tự trị có hiệu lực tại quốc gia này từ những ngày đầu"*. Langdon đồng ý gặp nhóm này ngày 9-9. Ông hứa sẽ chuyển thư tới đại sứ Mỹ, bày tỏ sự ủng hộ của Mỹ đối với những khát vọng nhân dân Việt Nam, nhấn mạnh "*người phát ngôn cao nhất của chính phủ Mỹ đã nhiều lần tuyên bố đảm bảo sự quan tâm của chính phủ Mỹ về an sinh chính trị và tiến bộ của những dân tộc bị áp bức ở*

*phương Đông, nhân dân An Nam có thể tự tin về điều đó”.* Nhưng Langdon thận trọng về mặt ngoại giao khi trả lời đòi hỏi sự thông cảm của Mỹ, nhấn mạnh “*nhân dân An Nam là công dân thuộc Pháp, nước đang chiến đấu sát cánh với Mỹ… chống lại phe Trục. Sẽ không khôn ngoan… nếu Mỹ một mặt hy sinh sinh mạng, của cải cứu giúp Pháp thoát khỏi cảnh làm nô lệ Đức Quốc Xã và mặt kia lại làm xói mòn đế chế của Pháp”.*

Phạm Việt Tú, thủ lĩnh phái đoàn Việt Nam, hứa với Langdon Việt Minh không có ý định đánh Pháp mà chỉ đánh Nhật và đề nghị Mỹ giúp đỡ cho mục đích này. Nhưng ông hy vọng Mỹ sẽ ủng hộ quyền quyền tự trị cho nhân dân Việt Nam sau khi kết thúc chiến tranh. Langdon không hứa, nhấn mạnh, Charles de Gaulle khi tới thăm Washington, D.C., vào tháng Bẩy, đã nói với báo chí, chính sách của Pháp là đưa những dân tộc thuộc địa Pháp tới chính phủ tự trị. Nếu người Việt Nam có phàn nàn gì chống lại người Pháp, họ nên trực tiếp gặp Pháp.

Mưu mẹo của những đại diện Việt Nam ở Côn Minh tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ vì thế một lần nữa bất thành. Quan chức Mỹ còn ít hiểu biết về những nhóm dân tộc chủ nghĩa Việt Nam hoạt động trong vùng, một số tỏ vẻ hoài nghi về tính hiệu quả do chủ nghĩa bè phái kinh niên luôn đi kèm hoạt động của họ. Dù nhân viên Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ đệ trình một báo cáo thiện ý trong cuộc họp, Langdon và đại diện Văn phòng thông tin chiến tranh vẫn rất nghi ngờ. Đại diện Văn phòng thông tin chiến tranh nhấn mạnh, những nhóm dân tộc chủ nghĩa Việt Nam ở nam Trung Hoa tỏ ra có ít kinh nghiệm trong việc điều hành một chính phủ hiện đại (ông thừa nhận không phải lỗi của họ). Ngay cả Langdon còn phản đối, bằng cách gửi thông điệp tới Washington báo cáo, những nhóm Việt Nam ở nam Trung Hoa *“không có tầm quan trọng thực tế”* ở Đông Dương. Tháng 12-1944, một báo cáo của Cơ quan

Tình báo Chiến lược Mỹ, trích nguồn tin của Pháp, nhấn mạnh, Hội Vì Độc Lập Đông Dương (Mặt trận Việt Minh) *“thiếu sự ủng hộ của nhân dân”* và *“chỉ được mẽ ngoài to lớn gồm một số ít trí thức Đông Dương và những phần tử bất mãn khác ở thuộc địa”*.

Hồ Chí Minh không trực tiếp dính vào những sự kiện này, nhưng có lẽ cũng liên lạc với Phạm Việt Tú và các đồng sự của ông. Có thể ông đã đề xuất gặp những quan chức Mỹ ở Côn Minh. Nhiều tháng sau khi được thả khỏi tù hồi tháng 9-1943, Hồ thận trọng vun đắp tình bạn và sự tin tưởng với những sĩ quan Mỹ tại chi nhánh Văn phòng thông tin chiến tranh ở Liễu Châu. Tháng 8-1944, cơ quan này có lẽ tìm cách thu xếp cho Hồ Chí Minh tới San Francisco. Tổng Lãnh sự Mỹ ở Côn Minh đòi hỏi ý kiến chỉ dẫn từ Bộ Ngoại Giao về yêu cầu của Văn phòng thông tin chiến tranh cấp visa cho Ho Ting-ching nào đó (được miêu tả là một người Trung Hoa sinh ở Đông Dương) tới Mỹ để thông báo tin tức ở Việt Nam. Philip Sprouse, bây giờ được chuyển về Washington, thụ lý vấn đề và viết một bản ghi nhớ về “Mr. Hồ”, miêu tả những hoạt động của ông. Sprouse phỏng đoán rằng “Mr. Hồ” cùng là một người đã được Quốc Dân Đảng ở Côn Minh thuê để tuyên truyền bằng tiếng Việt vào Đông Dương. Yêu cầu đó được Chi nhánh Viễn Đông Bộ Ngoại Giao ủng hộ, nhưng lại bị những người thân châu Âu phản đối, những người này đủ khôn ngoan hiểu rằng điều đó sẽ gây những rắc rối với Pháp. Văn phòng thông tin chiến tranh tranh cãi về tư cách đại diện của Hồ, cho rằng những hoạt động của ông ở Mỹ sẽ được kiểm soát chặt chẽ, nhưng cuối cùng, yêu cầu đó cũng bị bác bỏ.

Tại sao Hồ Chí Minh muốn tới Mỹ ở thời điểm đặc biệt này vẫn còn chưa rõ ràng. Mùa hè năm 1944, tình hình chung ở chiến trường Thái Bình Dương đã tăng lợi thế cho Đồng minh, như Hồ đã tiên đoán trước đây, thời điểm kết thúc chiến tranh có dấu hiệu

vào năm tới. Lẽ ra trong tình thế này, Hồ muốn ở trong nước để chỉ đạo cuộc chiến đấu chống lại người Pháp. Trương Phát Khuê không chấp thuận để ông trở lại Đông Dương, Hồ nhìn thấy visa như một dịp may để gây ảnh hưởng tình hình ở Mỹ, có thể qua yêu cầu trực tiếp gửi tới Nhà Trắng, chuẩn bị cho ông về nước vào một thời điểm thích hợp.

Nếu sự ủng hộ của Mỹ cho Mặt trận Việt Minh là cái giá tối hậu, thì sự xuất hiện trung uý Shaw tại ngưỡng cửa nhà Hồ Chí Minh cuối năm 1944 là một tấm vé của ông tham gia sổ số. Khi Shaw đề nghị Hồ giúp ông đến được biên giới Trung Hoa, Hồ đồng ý và nhấn mạnh ông cũng dự định tới Trung Hoa vì công việc. Shaw lúc này mời Hồ đi cùng ông tới Côn Minh, nơi đặt đại bản doanh Không Lực Mỹ số 14. Vài ngày sau, Hồ Chí Minh và hai đồng sự trẻ hộ tống Shaw vào Trung Hoa, Hồ vẫn còn mặc bộ quân phục Quốc Dân Đảng đã sờn, mang theo giấy tờ tuỳ thân mà Trương Phát Khuê đã cấp trước khi ông rời Liễu Châu. Sau khi vượt qua biên giới Trung Hoa, Shaw báo cho văn phòng Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất (AGAS) ở Côn Minh, một chi nhánh đảm trách việc giúp đỡ tìm kiếm phi công Đồng Minh bị rơi trong vùng, để cứu hộ và đưa đi tiếp. Quan chức Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất gửi điện cho Shaw, mời ông và Hồ Chí Minh cùng tới Côn Minh. Chính quyền Trung Hoa ở địa phương quyết định đưa Shaw tới Côn Minh bằng máy bay, gạt Hồ ở lại, nhưng Hồ Chí Minh quyết tâm sử dụng dịp may hiếm có để gặp quan chức Mỹ ở Côn Minh, vì thế ông quyết định tiếp tục đi bộ, cải trang là viên thanh tra đi dọc tuyến đường sắt Hà Nội - Côn Minh do Pháp xây dựng.

Trên đường tới Côn Minh, Hồ và hai người tháp tùng dừng chân tại Di Lương, một thị trấn nhỏ trên tuyến đường sắt, nơi Hoàng Quang Bình, một trong các đồng chí ông gặp bốn năm trước trong

thời gian trú ở Côn Minh, hiện vẫn làm nghề cắt tóc. Trong hồi ức, Bình nhớ lại, Hồ Chí Minh trông ốm yếu, gày gò hốc hác và ăn uống kém. Bộ quân phục của ông có nhiều chỗ vá và sờn, đôi giày vải mỏng cũng đầy lỗ thủng. Cả nhóm đi bộ suốt ngày, ban đêm ngủ nhờ chỗ những người tốt bụng và thường ngủ ngoài trời hoặc những chỗ bẩn thỉu. Hồ vừa bị lây bệnh từ những người đi đường, tới nhà Bình ông dường như hoàn toàn suy sụp. Chỉ có đầu óc ông vẫn còn tỉnh táo. Khi nghe kể, Bình và các đồng sự khước từ lời mời gia nhập tổ chức của cơ quan Đồng Minh Hội - nhiều người trong tổ chức là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, Hồ trách Bình, khuyên ông nên gia nhập Đồng Minh Hội, sau đó lôi kéo những người ủng hộ trở thành đảng viên của Đảng.

Sau vài ngày tá túc tại Di Lương, để Hồ Chí Minh hồi sức, cả nhóm tiếp tục đi chặng cuối của chuyến đi. Tuy nhiên, ngay khi họ đến Côn Minh, khoảng những tuần đầu năm 1945, họ biết tin trung uý Shaw đã về tới Mỹ bằng máy bay rồi. Hồ Chí Minh trọ ở nhà Tống Minh Phương, một trong những đại diện Việt Minh ở địa phương, người viết thư cho Đại sứ Gauss tháng Tám trước đó. Cựu sinh viên Đại học Hà Nội tới Côn Minh năm 1943, Phương mở một quán cà phê cạnh trụ sở Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ, dùng quán này che giấu những hoạt động bí mật của Đảng. Bây giờ chắc ông đã thông báo cho Hồ đề xuất tiếp cận với Mỹ bị thất bại.

Hồ quyết định liên lạc với văn phòng địa phương của Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất hy vọng những quan chức ở đó, như để trả ơn việc ông đưa Shaw tới Trung Hoa, sẽ thu xếp cho ông gặp tướng Claire Chennault, tư lệnh Tập đoàn Không lực số 14 ở Côn Minh. Ông cũng liên lạc với văn phòng địa phương Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ, vì những quan chức tại đó hứa giúp đỡ Phương và đại diện Việt Minh trong việc soạn thảo thư gửi đại sứ Gauss. Có lẽ bấy giờ Hồ Chí Minh hy vọng việc ông giúp đỡ người

Mỹ có thể khiến Mỹ công nhận phong trào của ông và giúp đỡ quân sự cho Việt Minh.

Hồ Chí Minh đến Côn Minh thật là đúng thời điểm may mắn như được trời phù hộ. Suốt vài tháng gần đây, văn phòng địa phương Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất có quyền mở rộng hoạt động cứu phi công Đồng Minh, thu thập tin tức tình báo hoạt động của Nhật Bản ở Đông Dương. Trong số những nguồn có giá trị nhất là một nhóm nhỏ công dân Phương Tây (gọi tắt GBT, nhóm bao gồm L. L. Gordon, người Canada; Harry Bernard, người Mỹ và Frank Tan, người Mỹ gốc Trung Quốc). Cả ba người trước đây từng làm ở một công ty xăng dầu tại Sài Gòn và có thể sử dụng mối quen biết để thu thập những tin tức có giá trị về hoạt động của Nhật Bản ở Đông Dương. Tuy nhiên, ngày tháng 9 tháng 3 năm 1945, nguồn tin này bị cạn đi do Nhật nghi ngờ lòng trung thành của Pháp ở Đông Dương, đột ngột tuyên bố bãi bỏ chính quyền Vichy ở Đông Dương và chuyển giao quyền kiểm soát đất nước cho chính quyền bù nhìn của vua Bảo Đại. Hầu hết người nước ngoài ở Đông Dương bị bắt giam hoặc phải chạy đi nơi khác và nhóm GBT chạy sang nam Trung Hoa.

Bị mất nguồn tin tình báo quan trọng ở Đông Dương, quan chức Mỹ ở Trùng Khánh chỉ thị những đơn vị tình báo ở nam Trung Hoa tìm kiếm những kênh thông tin mới, thậm chí từ những nhóm Việt Nam chống Pháp. Trước đây, người Mỹ được lệnh từ chối tiếp xúc những nhóm như thế do lệnh của Nhà Trắng cấm quan chức Mỹ dính líu tới những hoạt động chính trị ở Đông Dương. Tuy nhiên, bây giờ lệnh mới từ Washington cho phép họ làm việc với bất cứ nguồn tin nào có thể.

Giữa tháng Ba, đại uý thuỷ quân lục chiến Charles Fenn, người mới đây thuyên chuyển từ Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ sang

Cơ Quan Trợ Giúp Mặt Đất Không Lực để điều hành nhóm GBT, được tin một *“ông già người An Nam”* (lúc đó, Hồ mới 54, nhưng trông già trước tuổi) đến Côn Minh sau khi cứu phi công Mỹ bị rơi, có lẽ đã liên lạc với một nhóm yêu nước, có khả năng hữu ích tiến hành những hoạt động tình báo ở Đông Dương. Charles Fenn sinh ở Ireland, cựu nhà báo, được cử tới Côn Minh do kiến thức và sự hiểu biết về châu Á và biết tiếng Trung. Fenn hăm hở tìm nguồn mới cung cấp tin tức tình báo Đông Dương để thay thế nhóm GBT. Fenn đề nghị thu xếp một cuộc họp giữa ông với Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh lúc này dùng nhiều thời gian ở Cơ Quan Thông Tin Chiến Tranh đọc mọi thứ trên đời từ tạp chí *Thời Báo* tới *Bách khoa toàn thư Mỹ*. Dù Fenn được báo trước Hồ có quan hệ với cộng sản, cuộc họp được thu xếp ngày 17-3. Như Fenn ghi lại trong nhật ký:

*Hồ đi cùng một người trẻ hơn tên là Fam. Hồ không như tôi mong đợi. Thứ nhất ông không thực sự “già”: chùm râu bạc gợi đến tuổi tác, nhưng gương mặt ông hoạt bát, có đôi mắt sáng và hàm răng trắng bóng. Chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp. Hình như ông từng gặp Hall, Blass, và de Sibour (những sĩ quan của Cơ quan Tình báo Chiến lược ở Côn Minh), nhưng chẳng giải quyết được gì. Tôi hỏi ông ta cần gì ở họ. Ông nói - chỉ cần công nhận nhóm ông (Hội Việt Minh hoặc Hội Độc lập). Tôi nghe loáng thoáng Hội này là cộng sản và hỏi Hồ về điều đó. Hồ nói người Pháp gán tất cả những người An Nam nào muốn độc lập là cộng sản. Tôi nói với ông ta về công việc của tôi, hỏi liệu ông có vui lòng giúp đỡ chúng tôi không. Ông nói họ có thể làm được nhưng không có điện đài và người vận hành. Chúng tôi thảo luận dùng một điện đài, một máy phát điện và một điện báo viên. Hồ nói máy phát điện khá ồn - bọn Nhật luôn ở quanh đấy. Liệu chúng tôi có thể sử dụng kiểu máy chạy bằng pin, như người Trung Quốc đang dùng không? Tôi giải thích những máy đó khá yếu khi làm việc ở khoảng cách xa, đặc biệt khi pin yếu. Tôi hỏi ông muốn gì để trả ơn*

*giúp đỡ chúng tôi. Ông nói cần vũ khí và thuốc chữa bệnh. Tôi nói với ông, vũ khí khó đấy, vì đụng đến người Pháp. Chúng tôi thảo luận vấn đề Pháp. Hồ khẳng định Hội Độc Lập chỉ chống Nhật. Tôi ấn tượng cách nói chuyện dứt khoát của ông, sự điềm tĩnh giống kẻ tu hành, trừ những chuyển động của những ngón tay màu nâu nhăn nheo. Fam ghi chép. Chúng tôi thoả thuận sẽ gặp nhau lần tới. Họ viết tên bằng chữ Hán, dịch ra chữ La Mã là Fam Fuc Pao và Ho Tchih Ming.*

Fenn hội ý với những đồng nghiệp của ông tại Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất và tất cả họ đồng ý chuẩn bị đưa "già Hồ" (ông chính thức mang bí danh "Lucius", nhưng người Mỹ thân mật gọi là "già Hồ") trở lại Đông Dương cùng với nhân viên điện đài người Trung Quốc. Ba ngày sau họ gặp lại:

*Cuộc gặp thứ hai với những người An Nam tiến hành ở quán café "Indo - China" trên đường Thanh Bộ. Hình như chủ quán là bạn của họ. Chúng tôi ngồi ở tầng lầu, uống cafe phin kiểu Pháp, đậm và khá ngon. Căn phòng không có người nhưng Hồ nói khách hàng có thể sẽ vào bất chợt. Chúng tôi thoả thuận dùng những thuật ngữ: người Trung Quốc gọi là "bạn", người Mỹ "anh em", người Pháp "trung gian", người Nhật "chiếm cứ", người An Nam "thổ dân". Hồ lưu ý tới việc nhận hai người Trung Quốc rất khó khăn, vì một trong hai người là Trung Quốc gốc Mỹ dễ bị nhận diện. Nhóm của Hồ tỏ ra nghi ngờ người Trung Quốc này. Vì không có nhân viên điện đài người An Nam, phải cử nhân viên điện đài người Trung Quốc tất nhiên không tránh được. Nhưng thay vì lấy Frank Tan, ông chỉ nhận một người, sau đó chúng tôi sẽ thả dù một sĩ quan Mỹ xuống. Liệu chính tôi đi được chứ? Nếu đồng ý, tôi sẽ đi. Hồ bảo, nhóm ông sẽ nồng nhiệt đón tiếp tôi. Sau đó chúng tôi thảo luận vấn đề tiếp tế. Fam gợi ý "thuốc nổ mạnh" mà Hall đã từng nói với ông ta. Tôi cố gắng giải quyết mọi chuyện dần dần, nhưng chúng tôi thoả thuận, sẽ thả vũ khí nhẹ, thuốc chữa bệnh và thêm điện đài nữa. Nhân viên điện đài của chúng tôi có thể đào tạo*

*một số người của Hồ sử dụng máy. Hồ cũng muốn gặp Chennault. Tôi đồng ý thu xếp việc này nếu ông đồng ý không đề nghị Chennault một thứ gì khác: tiếp tế hoặc lời hứa ủng hộ. Hồ đồng ý. Ông già lần này mặc quần vải kiểu Trung Hoa và áo cài cúc ở cổ, màu vàng nhạt chứ không phải màu xanh da trời. Đôi săng - đan da của ông thường thấy ở Đông Dương. Râu ông điểm bạc, nhưng lông mày nâu nhạt, xám ở đuôi mắt, tóc ông vẫn còn đen nhưng thưa, bắt đầu hói. Fam mặc âu phục, gò má cao, cằm bạnh. Cả hai người nói nhỏ, thỉnh thoảng cất lên tiếng cười. Chúng tôi cảm thấy hài lòng vui vẻ với nhau.*

Sau cuộc gặp mặt, Fenn kiểm tra với đồng nghiệp về Việt Minh, phát hiện mặc dù người Pháp gán cho họ cái nhãn cộng sản, nhưng người Trung Hoa chỉ đơn thuần coi họ là bọn người lắm mưu nhiều mẹo. Khi Fenn đề nghị tổng hành dinh ở Trùng Khánh lời khuyên, ông nhận được chỉ thị: *"Hãy tạo một mạng lưới, bất chấp mọi chuyện",* nhưng cảnh báo những hoạt động tình báo không được dính líu vào hoạt động chính trị giữa Pháp và dân bản xứ.

Vài ngày sau, Fenn thu xếp để Hồ Chí Minh gặp tướng Claire Chennault tại đại bản doanh Không Lực số 14, nhưng cảnh báo Hồ một lần nữa không gợi ý một yêu cầu giúp đỡ chính thức. Hồ tới gặp, mặc bộ quân phục ka - ki cũ sờn, mặc dù Fenn để ý thấy ông đã thay một chiếc khuy bị khuyết ở cổ áo. Theo thói quen, Chennault ăn mặc chỉnh tề trong bộ quân phục đẹp, ngồi sau chiếc bàn lớn. Chennault bảnh bao, tự phụ về tướng mạo của mình. Chennault nổi tiếng với vai trò tư lệnh đoàn "Phi Hổ" gồm những phi công tình nguyện giúp đỡ quân đội Quốc Dân Đảng chống lại bọn xâm lược Nhật cuối thập niên 1930. Chennault cám ơn Hồ Chí Minh đã cứu trung uý Shaw. Theo Fenn, không có trao đổi về vấn đề chính trị. Hồ giữ lời hứa không yêu cầu giúp đỡ và - theo lời khuyên của Fenn, ông ca ngợi tinh thần trách nhiệm của Chennault với đoàn "Phi Hổ", nhưng lúc cuối chuyến thăm ngắn ngủi, Hồ đề

nghị Chennault tặng bức ảnh có chữ ký. Fenn nhớ lại:

*Không có cái gì mà Chennault thích hơn là tặng ảnh mình. Vì thế ông ấn chuông và Doreen (thư ký của Chennault) bước vào. Lúc ấy có một cô gái khác mang tập ảnh cỡ 8x10. Chennault nói "Ông chọn đi". Hồ lấy một tấm ảnh, đề nghị Chennault vui lòng ký tên vào bức hình. Doreen đưa chiếc bút Parker 51 và Chennault viết phía dưới bức ảnh "Bạn chân thành của ông, Claire L. Chennault". Và tất cả chúng tôi ra về trong bầu không khí tươi mát của Côn Minh.*

Như thế, Hồ Chí Minh đã xây dựng mối quan hệ với những quan chức quân sự quan trọng ở Côn Minh. Nhưng ông vẫn còn muốn được Mỹ công nhận chính thức tính hợp pháp Mặt trận Việt Minh, đại diện hợp pháp của nhân dân Việt Nam, để nhận được nhiều hơn sự giúp đỡ cho phong trào. Khi ông chuẩn bị về nước, ông đề nghị Charles Fenn cho sáu khẩu súng tự động Colt.45 mới còn trong bọc giấy, những khẩu súng này Fenn nhận được từ những người bạn ở Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ.

Cuối tháng 3-1945, Hồ Chí Minh cùng với một nhân viên điện đài mới bay trên một máy bay nhỏ của Mỹ tới thị trấn Bài Tây. Bài Tây cách thị trấn Tĩnh Tây tỉnh Quảng Tây chừng 110 km về phía bắc, tại đây có đại bản doanh mới Bộ chỉ huy Chiến khu 4 của Trương Phát Khuê kể từ khi Nhật chiếm Liễu Châu trong *"cuộc tấn công số 1"* ở Nam Trung Hoa tháng 11 năm 1944. Mục tiêu của Hồ tại Bài Tây là bắt liên lạc lại với những thành viên Đồng Minh Hội rèn nó thành một vũ khí hữu ích phục vụ cho Mặt trận Việt Minh. Sau khi Hồ rời Liễu Châu tháng 8-1944, Đồng Minh Hội gần như tan rã vì Trung Quốc không quan tâm và do vài thành viên không cộng sản cầm đầu trở về tỉnh Vân Nam. Với sự giúp đỡ của Lê Tống Sơn, đại diện Việt Minh, theo Bộ chỉ huy Chiến khu IV về Bài - Tây, Hồ cố gắng tái tổ chức Đồng Minh Hội bằng cách lập ra một

"Uỷ ban hành động" mới do những người ủng hộ ông nắm quyền. Để làm giảm bớt nghi ngờ của những người lãnh đạo tổ chức dân tộc chủ nghĩa, ông cho họ xem bức hình có chữ ký của Chennault và tặng mỗi người một khẩu Colt tự động. Tuy nhiên, vài ngày sau, tướng Tiêu Văn, ngày càng không tin Việt Minh, đã giải tán "Uỷ ban hành động" của Hồ và bầu ra một ban chấp hành mới lẫn lộn cả những thành viên cộng sản và không cộng sản, kể cả Hồ Chí Minh. Hồ bây giờ rời Bài - Tây đi Tĩnh Tây trên đường tới Pác Bó.

Trong khi Hồ Chí Minh ở Bài Tây cố gắng hồi sinh Đồng Minh Hội, một sĩ quan tình báo Mỹ đến Côn Minh gia nhập một đơn vị thuộc Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ. Đại uý Archimedes "Al" Patti đã phục vụ ở chiến trường châu Âu đến tận tháng 1-1944, sau đó ông thuyên chuyển về Washington, D.C., được bổ nhiệm về Tổ chuyên trách Đông Dương trực thuộc Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ. Vẻ ngoài một người đàn ông phóng khoáng, tự tin, Patti có những hiểu biết sâu về lịch sử và không tin Pháp và di sản hợp pháp ở các thuộc địa. Đọc những tài liệu lưu trữ ở Washington, D.C, trước hết ông ý thức được những hoạt động của Mặt trận Việt Minh và lãnh tụ bí ẩn của nó, Hồ Chí Minh. Tháng 4-1945, ông đến Côn Minh làm phó cho đại tá Paul Helliwell, cầm đầu Cơ quan Tình báo Chiến lược địa phương, chỉ đạo những hoạt động tình báo ở Đông Dương. Ông nhanh chóng nhận thấy chính sách của Mỹ đối với Đông Dương luôn thay đổi, và quan chức Mỹ tại đây rất bối rối trước việc liệu có nên trợ giúp "Nước Pháp Tự do" hay không và trợ giúp bao nhiêu, quan chức Mỹ được quyền dính líu với những nhóm kháng chiến Việt Nam ở mức độ nào. Tại cuộc họp diễn ra ngay sau khi Patti tới, hoạt động phong trào Việt Minh được đem ra bàn, đại diện Cơ Quan Trợ Giúp Không Lực kể rằng "ông già" Hồ Chí Minh đồng ý giúp đỡ cơ quan ông tổ chức một mạng lưới tình báo ở Đông Dương. Một người khác nói thêm, Hồ

có chút hiểu biết công việc chiến tranh tâm lý với cơ quan tuyên truyền Trung Hoa khi cộng tác với Văn phòng thông tin chiến tranh.

Với Patti, phong trào Hồ Chí Minh dường như là một cỗ xe tự nhiên cho hoạt động của ông ở Đông Dương. Bất cứ cố gắng nào của Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ sử dụng tích cực Việt Minh có thể gặp phải những vấn đề với cả Trung Hoa và Pháp, Patti cảm thấy được che chở bởi những chỉ thị mới đây của Washington cho phép dùng bất cứ nguồn tình báo nào để thu thập tin tức hoạt động của Nhật Bản ở Đông Dương. Điều ông bây giờ cần là cơ hội gặp được Hồ Chí Minh, vừa rời Côn Minh về nước. Tình cờ, vài ngày sau khi tới Côn Minh, Patti tiếp vị khách Vương Minh Phương. Sau những chào hỏi ban đầu, Phương tự giới thiệu mình là thành viên Mặt trận Việt Minh do "tướng" Hồ Chí Minh lãnh đạo và tế nhị mời chào giúp đỡ sự nghiệp Đồng Minh đổi lấy giúp đỡ quân sự và công nhận mặt trận là tổ chức chính trị duy nhất đại diện cho lợi ích của nhân dân Việt Nam. Khi Patti hỏi có cách nào tìm tướng Hồ, Phương trả lời Patti có thể liên lạc với Tĩnh Tây, Hồ Chí Minh đang dừng chân tại đó trên đường trở về Đông Dương.

Patti thảo luận với đại tá Richard Heppner, cấp trên của ông, Trưởng đại diện Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ ở Trùng Khánh. Trong thời bình, đại tá Richard Heppner là một luật sư giỏi giang, có những mối quan hệ với nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền Roosevelt. Heppner thoạt đầu lưỡng lự. Patrick Hurley, một chính trị gia cựu trào bang Oklahoma, người vừa thay thế Clarence Gauss, làm đại sứ Mỹ tại Trung Hoa, đã thành người ủng hộ Tưởng Giới Thạch và bị những sĩ quan Cơ Quan Tìmh Báo Chiến lược ở Diên An làm bực mình trong việc dàn xếp hợp tác giữa Tưởng và phe cộng sản Trung Hoa. Hurley cũng cảnh báo Heppner, cả Pháp và Trung Hoa sẽ khó chịu khi phát hiện tình báo Mỹ tiếp xúc với

Việt Minh, đặc biệt với Hồ Chí Minh, người mà tình báo Pháp đã xác định chính xác là Nguyễn Ái Quốc. Tuy nhiên, ngày 26 tháng 4, Heppner nhận được bức điện của tướng Albert C. Wedemeyer, tư lệnh lực lượng Mỹ tại chiến trường Trung Hoa, cho phép ông đưa điệp viên của Cơ quan Tình báo Chiến lược vào Đông Dương thu thập tin tức tình báo và tiến hành công tác phá hoại kho tàng Nhật trong vùng này. Heppner thông báo cho Patti, vấn đề tranh thủ Hồ Chí Minh vào nỗ lực Đồng Minh vẫn con bỏ ngỏ để xem xét, đồng thời cảnh báo Patti đừng xa lánh Pháp hoặc Trung Hoa.

Ngày hôm sau, Patti đến sân bay huyện Thiên Bảo, phía bắc Tĩnh Tây, sau khi hội ý với đại diện Cơ Quan Trợ Giúp Không Lực địa phương, ông đi đến Tĩnh Tây, tại đây ông gặp một liên lạc Việt Minh tại một nhà hàng địa phương và được đưa đến gặp Hồ Chí Minh tại một làng nhỏ cách tỉnh lỵ khoảng 10 cây số. Sau khi nhã nhặn giới thiệu với khách danh tính và quan điểm của mình, Hồ miêu tả tình hình Đông Dương và vạch ra phong trào của ông có thể cung cấp nhiều giúp đỡ hữu ích cũng tin tức cho Đồng Minh nếu tổ chức của ông được cung cấp vũ khí hiện đại, đạn dược và phương tiện thông tin liên lạc. Tại thời điểm này, Hồ thừa nhận phong trào chỉ dựa vào một lượng nhỏ vũ khí cướp được từ kẻ thù. Patti không có bất cứ cam kết nào, nhưng hứa sẽ xem xét vấn đề. Theo ý kiến bản thân, Patti rất vui.

Một tuần sau, Hồ Chí Minh trở lại Pác Bó sau chuyến đi vất vả qua những khu rừng dọc biên giới. Nhóm đi cùng ông toàn bộ 40 người, kể cả nhân viên điện đài Mỹ, Mac Shinn và Frank Tan, thành viên nhóm GBT bị thui chột. Được Fenn lựa chọn, cả hai người hy vọng, là người Mỹ gốc Á, họ bớt được những con mắt thu hút của gián điệp hơn là người Mỹ chính gốc. Từ Pác Bó, Mac Shinn bắt đầu báo cáo về Côn Minh và Cơ quan Tình Bao Chiến lược Mỹ bắt đầu thả đồ tiếp tế, bao gồm thuốc tây, một bộ điện

đài và nhiều vũ khí xuống vùng hoang vu quanh Pác Bó. Đổi lại, Hồ và các đồng chí của ông cung cấp cho Mỹ những dịch vụ hữu ích, gồm tin thời tiết, cứu vài phi công Mỹ bị rơi ở bắc Đông Dương, đưa họ trở lại Trung Hoa. Cuối cùng, Hồ đã xây dựng được sự nối kết - tuy mỏng manh - với quân Đồng Minh.

Lúc này, thắng lợi của Đồng Minh trên chiến trường Thái Bình Dương chỉ còn là vấn đề thời gian. Quân đội Mỹ đang tiến sát những hòn đảo Nhật Bản, những cuộc không kích bằng máy bay ném bom B-29 phá hoại tan tành những thành phố lớn của Nhật Bản. Đồng Minh cũng đang hình thành kế hoạch can thiệp vào Đông Dương, phối hợp với lực lượng Quốc Dân Đảng Trung Hoa đang di chuyển về phía nam. Quan điểm này được Nhà Trắng ủng hộ mạnh mẽ.

Tại Đông Dương, tình hình tiến triển quá nhanh chóng. Thời tiết không thuận lợi một số vùng rộng lớn trong nước dẫn tới mất mùa đáng kể trong vụ thu hoạch lúa thu năm 1944, dẫn đến các đầu nậu đầu cơ và tích trữ thóc gạo. Chính quyền chiếm đóng Nhật Bản lại làm vấn đề thêm tồi tệ hơn khi họ chở gạo về Nhật và bắt nông dân ở Bắc Việt Nam nhổ lúa trồng cây có dầu, lạc, bông và đay. Giờ đây khi nạn đói hoành hành, bọn Nhật không chịu mở kho thóc quốc gia cứu trợ hoặc tăng việc chở gạo từ đồng bằng Cửu Long mầu mỡ tới những khu vực đang bị đói kém ở Trung Bộ và Bắc Kỳ. Chính quyền Jean Decoux tỏ ra thờ ơ và vô trách nhiệm nên chẳng giúp đỡ được bao nhiêu.

Mùa đông năm ấy, chính quyền từ chối cắt giảm thuế, tăng hạn mức gạo bắt buộc mỗi nông dân phải bán cho chính phủ. Dù nông dân đã chuyển sang trồng những cây lương thực, như khoai lang hoặc sắn, nhưng nguồn lương thực cạn nhanh chóng. Khi giá cả toàn bộ nhu yếu phẩm bắt đầu nhanh chóng tăng lên, nạn đói cũng

bắt đầu đe doạ khu vực thành thị. Đến giữa mùa đông, hàng ngàn người chịu cảnh đói, số người chết đói tăng lên nhanh chóng. Nông dân phải chống đói bằng cách ăn rễ cây, cỏ dại, thậm chí cả vỏ cây, đồng thời dân thành thị phải bán những thứ đồ quý giá trong gia đình để mua gạo và rau với giá cả cao vót do lạm phát. Xác người chết bắt đầu xuất hiện dọc quốc lộ, những nông dân đói đi lang thang ăn xin hoặc tụ tập gần những kho thóc được quân đội Nhật canh giữ nghiêm ngặt.

Dù bi kịch này tác động đến nhân dân Việt Nam như thế nào đi nữa thì cuộc khủng hoảng là một cơ hội trời cho đối với Việt Minh. Họ lập luận, bây giờ do mâu thuẫn, nên chính quyền Pháp hoặc Nhật không đếm xỉa gì đến lợi ích của nhân dân Việt Nam. Giữa mùa đông năm ấy, cán bộ Việt Minh xúi giục nông dân phá các kho thóc ở khắp các tỉnh Bắc Kỳ, Trung Kỳ, chiếm kho thóc chia cho những người bị đói. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, điều đó cũng quá muộn, con số người chết đói lên tới hàng trăm ngàn. Xác người chết nằm la liệt ven đường ở nông thôn, trong khi những người thân còn lại trong gia đình chỉ còn da bọc xương.

Mùa đông này, Pháp cố gắng quét sạch những căn cứ du kích Việt Minh ở vùng núi phía bắc đồng bằng sông Hồng. Sau những chiến thắng ban đầu trong trận Phai Khắt và Nà Ngần, những đơn vị tuyên truyền vũ trang của Võ Nguyên Giáp bây giờ hành quân về phía bắc tới biên giới Hoa - Việt, chiếm những làng bản của người thiểu số dọc đường. Khi người Pháp đưa lực lượng tuần tra tới, quân nổi dậy rút về căn cứ Hoàng Hoa Thám giữa Cao Bằng và Bắc Cạn, ở đó Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng trong Ban Chấp hành liên tỉnh, vạch kế hoạch hành quân về phía nam để giải phóng Hà Nội và đồng bằng sông Hồng khỏi tay quân đội chiếm đóng Nhật Bản.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, chấm dứt nửa thế kỷ thống trị của Pháp tại Việt Nam. Nhật huỷ bỏ chính quyền thuộc địa và thay thế nó bằng chính quyền bù nhìn triều đình do hoàng đế Bảo Đại đứng đầu dưới sự thống trị vững chắc của họ. Việc làm của Nhật ngẫu nhiên đã mở ra toàn bộ khu vực bắc đồng bằng sông Hồng trước cuộc nổi dậy cách mạng. Tổng bí thư Trường Chinh đã lường trước nước cờ, tổ chức cuộc họp một ngày trước đó với một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương ở làng Đình Bảng, cách đông bắc Hà Nội 25 cây số, để thảo luận tình hình. Trong khi đảo chính đang diễn ra, Ban Chấp hành Trung ương chỉ thị ra lệnh chuẩn bị cao độ cho một cuộc tổng khởi nghĩa sắp tới. Bản chỉ thị tuyên bố, có một số yếu tố thuận lợi để khởi nghĩa thành công, bao gồm khủng hoảng chính trị do đảo chính, nạn đói tăng mạnh và khả năng Đồng Minh can thiệp, rồi kết luận đấu tranh vũ trang bây giờ sẽ được coi là ưu tiên cao nhất. Do vậy, bản chỉ thị kêu gọi mở rộng căn cứ du kích, mở rộng cơ sở chính trị Mặt trận Việt Minh, tập hợp những lực lượng vũ trang cách mạng khác nhau vào Việt Nam Giải Phóng Quân.

Tuy thế, Trường Chinh vẫn thận trọng cho rằng Đảng phải chờ đợi cho tới khi nào điều kiện trong nước và thế giới chín muồi, vì bản thân lực lượng cách mạng vẫn còn chưa được chuẩn bị đầy đủ để tiến hành khởi nghĩa thành công. Chỉ khi nào những yếu tố đó chín muồi, những người ủng hộ ông sẽ được chuẩn bị hành động. Ban Chấp hành Trung ương giả định Đồng Minh sẽ can thiệp. Lực lượng của đảng được lệnh tấn công hậu cứ địch, tiến hành tổng khởi nghĩa ngay khi lực lượng Đồng Minh đổ bộ vào Đông Dương và bắt đầu tiến quân. Nhưng bản chỉ thị nhấn mạnh, ngay cả khi chính phủ Nhật đầu hàng trước khi cuộc can thiệp xảy ra, *"tổng khởi nghĩa của chúng ta có thể nổ ra và thành công"*.

Trước khi rời Côn Minh, Hồ Chí Minh gửi phía Mỹ bản giải

thích sự kiện đảo chính 9 tháng 3. Trong bản giải thích ký tên *"Lực",* hiện nay còn trong cục lưu trữ Mỹ, ông tuyên bố, điều này đã đặt dấu chấm hết sự thống trị của Pháp ở Đông Dương, sự thống trị bắt đầu từ 87 năm trước đây. Ông kết luận, *"Như thế, con sói thực dân Pháp cuối cùng bị con linh cẩu phát - xít Nhật nuốt chửng".* Lực thú nhận, trong tình hình thế giới, đây là *"sự kiện thời khắc"* duy nhất, nhưng ông tuyên bố nó sẽ có *"một sự chịu đựng nghiêm trọng trong chiến tranh thế giới nói chung, ở Đông Dương, Pháp, Nhật Bản và Trung Quốc nói riêng".* Mục đích của Hồ viết báo cáo, để thuyết phục chính quyền Roosevelt tấn công Nhật ở Đông Dương, cái mà ông gọi là *"Nhật chỉ còn con đường duy nhất là rút lui".* Theo lối diễn đạt màu mè, ông phát biểu *"từ Nhật tới New Guinea, quân đội Nhật trông giống như một con rắn dài mà cổ của nó ở Đông Dương. Nếu Đồng minh đánh mạnh vào cổ nó, con rắn sẽ bị tê liệt".*

Tại một nơi ở Cao Bằng, bắc Đông Dương, những người lãnh đạo các đảng khác, rút ra kết luận từ sự thay đổi chính phủ ở Đông Dương. Nghe tin đảo chính, họ ra lệnh du kích tăng cường tấn công khắp vùng biên giới Cao Bằng, đồng thời những đơn vị tuyên truyền vũ trang của Giáp bắt đầu di chuyển về phía nam, đánh chiến nhiều làng và tuyển mộ nhiều tân binh cho lực lượng vũ trang giải phóng dọc đường. Qua Chợ Chu, cuối cùng họ tới Kim Lũng, một làng nhỏ ở giữa cánh rừng rậm rạp nằm giữa Thái Nguyên và Tuyên Quang. Tại đây họ gặp lực lượng Cứu Quốc Quân của Chu Văn Tấn, từ phía đông đang di chuyển tới. Với việc hội quân tại Kim Lũng, liên kết của lực lượng cách mạng hoạt động ở Việt Bắc đã thu được kết quả, con đường đi tới đồng bằng sông Hồng đã mở ra.

Đầu tháng 4-1945, Ban Chấp hành Trung ương triệu tập hội nghị quân sự tại huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang cách Hà Nội vài

chục cây số về phía tây bắc để thảo luận thực hiện chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương họp đêm đảo chính. Hội nghị này khẳng định những kết luận đưa ra hồi tháng 3, dựa trên giả định rằng Lực lượng Đồng Minh có thể can thiệp vào Đông Dương trước khi kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương. Hội nghị chính thức ra lệnh thành lập Việt Nam Giải phóng quân và chỉ thị cho cán bộ Việt Minh toàn quốc thành lập Uỷ Ban Giải Phóng Dân Tộc để chuẩn bị việc cướp chính quyền sắp tới. Nhưng hội nghị cảnh báo, tổng khởi nghĩa chưa được phép xảy ra chừng nào quân đội Nhật chưa giao chiến hoàn toàn chống lại quân đội Đồng Minh - điều này có nghĩa trừ khi Tokyo quyết định đầu hàng trước khi Đồng Minh can thiệp. Trong sự kiện đó, khi chế độ Nhật Bản ở Đông Dương bị "cô lập và hoang mang", cuộc khởi nghĩa có thể được tung ra. Tại cuộc họp, một đồng chí của Võ Nguyên Giáp báo tin vợ của ông đã chết trong tù ba năm trước.

Vài ngày sau khi từ hội nghị trở về Cao Bằng, Võ Nguyên Giáp nhận được tin Hồ Chí Minh vừa từ Trung Quốc trở về, đang chuẩn bị khởi hành dọc con đường lực lượng Việt Minh mới chiếm để gặp các đồng chí của ông. Giáp lập tức đi lên phía bắc đón ông dọc đường. Hồ trở lại Pác Bó vào cuối tháng Tư, gửi ngay báo cáo tình báo đầu tiên cho Archimedes Patti. Kèm với báo cáo là hai cuốn sách nhỏ, một cuốn gửi cho những người lãnh đạo Đồng Minh, cuốn thứ hai gửi tới Liên Hợp Quốc vừa mới thành lập, cả hai cuốn kêu gọi Đồng Minh công nhận nền độc lập của Việt Nam. Tác giả của những tài liệu này là *"Đảng Dân Tộc Đông Dương (An Nam)",* được miêu tả là một trong năm đảng hình thành Đồng Minh Hội năm 1942, sau này sát nhập với Mặt trận Việt Minh. Patti chuyển những cuốn sách nhỏ đó cho nhà cầm quyền Mỹ ở Trùng Khánh.

Ngày 4-5-1945, Hồ Chí Minh trong bộ áo chàm người Nùng, đội

nón, chống gậy, rời Pác Bó, đi về phía nam hướng tới Kim Lũng, nơi lực lượng cách mạng hội quân một tuần trước đó. Ông đi cùng vài vệ sĩ và một toán thuộc Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất. Vài ngày sau chiến đấu với sức nóng mặt trời, leo qua những con đường mòn lởm chởm đá tai mèo và đầy vắt, nhóm tới làng Lam Sơn, họ gặp Hoàng Quốc Việt, Vũ Anh và Phạm Văn Đồng từ Cao Bằng tới. Sau khi gửi một thư ngắn cho Charles Fenn ở Côn Minh để cám ơn đã đồng ý đào tạo một số đồng chí của ông sử dụng điện đài, ngày 9 tháng 5 Hồ và những người còn lại của nhóm đi về phía nam hướng tới Ngân Sơn. Ngày 17-5-1945, họ tới Na Kiên, gặp Nguyên Giáp vừa từ phía nam tới.

Giáp chưa được gặp Hồ Chí Minh từ hội nghị ở Pác Bó từ mùa thu năm trước để vạch kế hoạch hình thành những đội tuyên truyền vũ trang. Ông báo cáo tình hình hiện tại ở Đông Dương, kết quả hội nghị quân sự tại Hiệp Hoà. Hồ cũng cho Giáp biết về tình hình quốc tế. Hai người thảo luận vị trí đặt Sở Chỉ huy mới của phong trào. Họ chọn Kim Lũng. Kim Lũng, một vị trí chiến lược gần đường trực tiếp nối từ biên giới Trung Hoa tới đồng bằng sông Hồng, nhưng do nằm tách rời trong những dãy núi hiểm trở giữa Thái Nguyên và Tuyên Quang, nên nó cách xa những trục giao thông, tạo sự bảo vệ an toàn khi địch tấn công. Trong khi đó, dân địa phương có thiện cảm nồng nhiệt với cách mạng và có thể tin tưởng họ không làm lộ căn cứ. Ý thức được tầm quan trọng của làng này cho vận mệnh của cách mạng Việt Nam, Hồ đổi tên làng thành Tân Trào (trào lưu mới).

Suốt mấy ngày sau, nhóm tiếp tục đi về phía nam. Ngày 21-5, họ qua sông Phó Đáy tới Tân Trào. Để tránh gián điệp theo dõi, Hồ Chí Minh cải trang làm cán bộ bình thường, ngủ tại nhà sàn của người trong làng có thiện cảm với cách mạng. Hai nhân viên điện đài Mỹ lắp đặt thiết bị điện đài của họ trong một khu vực gần đó

rất nhiều cây cối nguỵ trang. Sau đó Hồ và ông chủ nhà tìm kiếm một chỗ mới để Hồ ở, cuối cùng họ chọn một đồi đất trên đó tre nứa mọc um tùm sát con suối nhỏ. Đồng thời dân làng dựng những lán mới theo kiểu địa phương để làm chỗ làm việc cho lãnh đạo cách mạng. Hồ bây giờ chú tâm tới kế hoạch tổng khởi nghĩa, triệu tập hội nghị cán bộ đảng đầu tháng Sáu thảo luận tình hình. Sau khi nghe báo cáo về kết quả hội nghị Hiệp Hoà, ra lệnh thành lập một vùng giải phóng mới gồm bẩy tỉnh ở Việt Bắc (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số khu vực của tỉnh liền kề), Hồ Chí Minh nhấn mạnh, lực lượng quân sự trong từng tỉnh hành động theo những tên riêng rẽ quá rắc rối, nên tất cả đơn vị quân đội khắp vùng giải phóng phải được tập trung lại dưới tên mới *"Việt Nam Giải Phóng Quân".* Bản thân vùng giải phóng cũng có hơn một triệu dân, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành lâm thời. Nghị quyết đưa ra sau khi kết thúc hội nghị kêu gọi bầu cử ở tất cả các cấp để hình thành bộ máy hành chính dựa trên những nguyên tắc dân chủ, kêu gọi cải cách xã hội và kinh tế, chia lại ruộng đất, giảm thuế, thúc đẩy học hành. Hồ hy vọng triệu tập hội nghị cán bộ toàn quốc trong tương lai gần để thực hiện những chỉ thị của hội nghị, nhưng chẳng mấy chốc ông nhận ra, trong hoàn cảnh này một hội nghị như thế là không thực tế, vì thế đã quyết định Giáp - sau cuộc hội ý với Hồ Chí Minh - sẽ điều phối công việc từ đại bản doanh tại Tân Trào.

Trong suốt thời gian hai tháng tiếp theo, Hồ Chí Minh và các đồng chí vất vả theo sát bước tình hình biến chuyển nhanh chóng. Bây giờ có những dấu hiệu tăng lên cho thấy lực lượng Đồng Minh bỏ qua Đông Dương, tấn công trực tiếp các đảo Nhật Bản. Chiến tranh có thể sắp kết thúc. Để chiếm được sự ủng hộ dân chúng địa phương, những mệnh lệnh đưa ra thực hiện tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ phản cách mạng trong vùng giải phóng và chia ruộng

công cho người nghèo. Bãi bỏ lao động khổ sai, thành lập những Uỷ ban nhân dân cách mạng tại làng xóm thông qua bầu cử dựa trên phổ thông đầu phiếu. Hồ cố gắng bao quát toàn bộ hoạt động, giao liên xuất phát hàng ngày mang thông điệp của ông hoặc của Võ Nguyên Giáp đến những đơn vị cách mạng khắp khu vực.

Một trong những nhiệm vụ cần lưu ý, phải đảm bảo thông tin liên lạc dễ dàng hơn với những người Mỹ đỡ đầu Hồ Chí Minh ở nam Trung Hoa. Trong một thông điệp gửi Côn Minh, Hồ đề xuất sử dụng một ngàn du kích được huấn luyện đang đóng gần Chợ Chu để chống lại Nhật. Một số sĩ quan Mỹ ở Côn Minh và Trùng Khánh lo ngại những hậu quả chính trị có thể xảy ra do mối quan hệ chính thức của Mỹ với Việt Minh. Sau đó mọi việc trở nên rõ ràng khi những đơn vị quân Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Gabriel Sabbatier, chạy sang nam Trung Hoa sau đảo chính tháng 3-1945 là vô dụng. Patti lôi kéo sự đồng ý của cấp trên, đại tá Helliwell, theo đuổi vấn đề đến cùng. Để tạo thuận lợi cho việc chuyên chở người và quân trang, Patti điện cho Hồ Chí Minh, đề nghị ông cho làm một sân bay nhỏ có thể dùng để đưa người và trang thiết bị tới căn cứ địa Việt Minh tại Tân Trào. Hồ sống ở một chỗ gần đó thuận tiện cho việc xây dựng một đường băng cất hạ cánh nhỏ. Ngày tháng 30-6, ông điện cho Patti, chấp nhận một toán người Mỹ và yêu cầu cho biết thời gian họ tới. Tuy nhiên, ông cảnh báo trước rằng không người Pháp nào được tham gia hoạt động. Trong khi đó, Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất thả dù trung uý Dan Phelan xuống Tân Trào gây dựng mạng lưới tạo thuận lợi việc cứu phi công Đồng Minh bị rơi đồng thời cũng là đại diện Mỹ cho tới khi toán quân nhân Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ tới.

Ngày 16-7-1945, thiếu tá Allison Thomas, chỉ huy toán “Con Nai” được Cơ Quan Chiến lược Mỹ cho phép liên hệ với Việt Minh,

đã nhảy dù theo từng nhón nhỏ vào Tân Trào với nhiệm vụ đánh giá tình hình và giúp đỡ Việt Minh tiến hành những hoạt động chống Nhật. Hai quân nhân của nhóm Con Nai mắc dù trên ngọn cây được đưa xuống đất và cả toán được 200 du kích trang bị các loại vũ khí khác nhau tịch thu của địch, nồng nhiệt đón chào. Thomas cảm động:

*Tôi được hộ tống đến gặp ông Hoè, một trong những người chỉ huy cao cấp của Việt Minh. Ông nói tiếng Anh tuyệt vời nhưng thân thể ông trông ốm yếu vì ông vừa đi bộ từ Tĩnh Tây trở về. Ông chân thành tiếp chúng tôi. Họ đưa chúng tôi tới đại bản doanh dành cho chúng tôi. Đại bản doanh là những lán hầm làm bằng tre bương, sàn bằng bương vầu cách mặt đất hơn một mét, mái lợp lá cọ. Chúng tôi ăn bữa tối có bia (vừa tịch thu được), cơm, măng và thịt bò nướng. Họ vừa mới giết một con bò để đón chúng tôi.*

Tuy thế, không phải tất cả thành viên toán Con Nai được đón tiếp nồng nhiệt,. Một trong hai quân nhân được cứu từ trên ngọn cây là trung uý Pháp Montfort. Khi Thomas gặp Hồ sáng hôm sau, ngày 17-7-1945, Hồ nói là nếu những người gác biết Montfort là người Pháp, họ đã bắn. Ông nhấn mạnh "Tôi ưa người Pháp, nhưng nhưng không thích binh sĩ Pháp". Ông nói, dù có mười triệu người Mỹ cũng sẽ được đón tiếp, nhưng người Pháp thì không. Montfort và hai công dân Pháp khác được lệnh phải dời khỏi trại. Cuối cùng họ theo những người tị nạn tới Trung Hoa. Để những người khách Mỹ thoải mái, Hồ chỉ thị một thủ lĩnh địa phương làm món gà quay mà người Mỹ ưa chuộng và cử người kiếm champagne và rượu Dubonnet cho bữa tiệc đón tiếp.

Hồ Chí Minh ở cạnh lán người Mỹ. Một ngày sau khi người Mỹ tới, Hồ đề nghị Thomas thông báo nhà cầm quyền Mỹ, *"Việt Minh sẵn lòng đàm phán với sĩ quan Pháp cao cấp nào đấy (tướng Sebotier,*

*chẳng hạn) và người Pháp sẽ đưa ra vấn đề gì”.* Ở Côn Minh, Patti chuyển thư này cho thiếu tá Jean Sainteny, người đứng đầu phái bộ quân sự “Nước Pháp Tự do” với mới tới để chuẩn bị tái lập quyền cai trị của Pháp ở Đông Dương sau chiến tranh. Vài ngày sau, Hồ có nguyện vọng nói chuyện với một đại diện Pháp, tại Đông Dương hoặc tại Trung Hoa và chuyển lời đề nghị những cải cách trong tương lai sau khi kết thúc chiến tranh. Trong số những điểm được đưa ra có bầu cử nghị viện phổ thông đầu phiếu, trả lại nguồn tài nguyên thiên nhiên cho nhân dân Việt Nam, cấm bán thuốc phiện, Pháp phải cam kết mọi quyền tự do trong Hiến Chương Liên hiệp Quốc phải được đảm bảo đối với nhân dân Đông Dương và nhân dân Việt Nam phải được được độc lập sau năm năm hoặc không quá mười năm.

Phía Pháp không trả lời ngay. Nhưng Hồ Chí Minh bắt đầu gây ấn tượng với những khách Mỹ. Thomas ấn tượng về chất lượng lực lượng vũ trang Việt Minh. Được Côn Minh chấp thuận, toán của ông bắt đầu huấn luyện những đơn vị quân đội địa phương cách sử dụng vũ khí Mỹ (súng trường M-1, tiểu liên carbin, bazooka) và chiến thuật du kích. Họ lựa chọn một trăm người lính tốt nhất tham gia chương trình đào tạo ở một làng cách Tân Trào chừng bốn cây số. Henry Prunier, một thành viên toán Con Nai, hồi tưởng, họ là những người tiếp thu nhanh.

Hồ Chí Minh cũng tìm cách giảm bớt sự nghi ngờ của những người khách Mỹ về xu hướng tư tưởng của phong trào. Như Thomas nhấn mạnh trong một báo cáo gửi Côn Minh: “*Hãy quên con ma cộng sản đi. Việt Minh không phải là cộng sản. Họ đứng dậy giành tự do và cải cách sự thống trị tàn ác của Pháp”.* Bản thân trung uý Phelan thuộc Cơ quan trợ giúp không lực mặt đất, lúc đầu miễn cưỡng tham gia hoạt động vì cảm thấy Hồ Chí Minh có khuynh hướng cộng sản, nhưng chẳng mấy chốc Hồ đã đánh tan sự nghi

ngờ của viên sĩ quan Mỹ trẻ tuổi. Có lần nói với Phelan, phần mở đầu bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Mỹ, Hồ sẽ dự định đưa vào Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Việt Nam. Phelan báo cáo *"Nhưng thực tế ông ta biết việc đó hơn tôi".* Trong bức điện gửi từ Pác Bó cho Côn Minh, Phelan miêu tả Việt Minh *"không phải là những người chống Pháp đơn thuần, mà họ là những người hoàn toàn chân thật và đáng ủng hộ".* Phelan có lẽ chưa hề thay đổi ý nghĩ. Nhiều năm sau này, khi nói chuyện với nhà báo Robert Shaplen miêu tả Hồ là *"một người quá dịu dáng. Nếu tôi phải chọn lựa phẩm chất tốt nhất của ông già nhỏ thó đang ngồi trong rừng, đó là bản tính hiền lành của ông".*

Những gian khổ trong chuyến đi dài ngày từ Trung Quốc về bắt đầu làm cơ thể ông vốn yếu ớt càng bị suy yếu. Dù ông mới chỉ 54 tuổi, nhưng ông mắc phải bệnh lao trong thời gian nhiều tháng bị giam ở Trung Hoa, nhiều người quan sát nhấn mạnh, trông ông rất ốm yếu sau khi được thả. Đáng lẽ ông gục ngã vì bệnh tật một lần nữa trên đường từ Tĩnh Tây trở về Đông Dương, nhưng ông cố gắng vượt qua. Võ Nguyên Giáp kể lại câu chuyện:

*Sự căng thẳng và gian khổ đã ảnh hưởng đến sức khoẻ bác. Bác bị ốm. Suốt vài ngày liền, cho dù sốt và mệt, ông vẫn lao vào làm việc. Hàng ngày phải đến báo cáo, tôi lo ngại sức khoẻ của bác. Bác luôn luôn đáp lại: "Sẽ qua thôi. Cứ đến và cập nhật tin tức với tôi". Nhưng rõ ràng thấy bác đang yếu đi và gày đi trông thấy. Một hôm, tôi thấy bác trong trạng thái hoảng loạn, mê sảng do sốt. Chúng tôi lúc đó không có thuốc, chỉ có mấy viên aspirin và ký ninh. Bác uống thuốc nhưng chẳng suy giảm. Nói chung, trừ lúc nghỉ ngơi, bác chưa bao giờ nằm. Thế mà bấy giờ bác nằm trên võng mê sảng nhiều giờ. Trong số những người thường xuyên làm việc bên cạnh bác, lúc này chỉ còn mình tôi tại Tân Trào. Bác mệt đến mức một đêm tôi đề nghị sẽ ở cùng với bác, năn nỉ rằng tôi không bận, bác mở mắt và khẽ gật đầu đồng ý.*

*Chiếc lán nhỏ bé của chúng tôi bên sườn đồi chìm trong đêm đen của rừng sâu. Mỗi lần Bác Hồ chợt tỉnh, bác lại bàn tình hình hiện tại: "Hoàn cảnh bây giờ thuận lợi cho chúng ta. Chúng ta cần phải giành được độc lập bằng mọi giá. Chúng ta phải sẵn sàng hy sinh, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn".*

*Trong đầu bác luôn luôn chỉ duy nhất một điều khiến bác bận tâm: "Trong chiến tranh du kích, phong trào phát triển, cần phải tận dụng cơ hội thúc đẩy nó đi xa hơn, mở rộng và xây dựng căn cứ địa vững chắc, chuẩn bị cho thời khắc bùng nổ". Lúc đó, tôi không tin đó là lời bác trăng trối với tôi, nhưng sau này suy nghĩ lại, tôi tự nhủ, ông cảm thấy quá yếu nên nói với tôi những lời cuối cùng. Về đêm ông đôi lúc tỉnh táo và lo âu. Vào một buổi sáng, tôi khẩn cấp thông báo cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng về sức khỏe bác. Sau đó tôi hỏi dân làng xem có ai biết cây thuốc rừng nào chữa được bệnh không. Họ cho tôi biết một người đàn ông... biết cách làm thuốc chữa bệnh sốt. Tôi cử một liên lạc viên lập tức tới gặp ông ta. Người đàn ông này, dân tộc Tày, bắt mạch, đốt một rễ cây mà ông vừa nhổ trong rừng, tán nhỏ cho vào bát cháo, đưa cho bệnh nhân. Điều kỳ diệu xảy ra. Thuốc có hiệu lực. Hồ Chí Minh hết mê sảng. Ngày hôm sau cơn sốt cũng bớt đi, bác uống thuốc này hai ba lần một ngày. Sức khoẻ ông dần tốt lên. Sau khi cơn sốt dứt hẳn, bác dậy được và trở lại công việc hàng ngày của mình.*

Nhưng tài liệu của Mỹ lại kể khác hẳn. Một nhân viên thuộc Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ nhảy dù xuống vùng giải phóng, là một y tá, ông nhanh chóng chuẩn đoán Hồ Chí Minh mắc bệnh sốt rét và kiết lỵ, tiêm cho ông thuốc ký ninh và uống sulfamit. Không rõ có phải cách điều trị này cứu ông hay không. Thomas sau này bình luận mặc dù Hồ còn yếu, song *"không tin Hồ sẽ chết nếu không có sự giúp đỡ của chúng tôi".*

Một nhiệm vụ chính của những người lãnh đạo tại Tân Trào là đáp ứng chỉ thị mới đây của Ban Chấp hành Trung ương triệu tập càng sớm càng tốt Hội nghị toàn thể Đảng và Hội nghị Đại Biểu Việt Minh toàn quốc. Do lực lượng Đồng Minh nhanh chóng tiến sát những đảo Nhật Bản, Hồ thúc giục các đồng chí của ông thu xếp không chậm trễ triệu tập hai hội nghị trên. Tuy nhiên, không thể tổ chức hội nghị vào tháng 7, vì các đại biểu không thể đến đúng thời gian, hội nghị phải hoãn đễn giữa tháng 8-1945.

Đầu tháng 8-1945, Hồ trở nên nôn nóng hơn bây giờ hết. Nghe đài nói bom nguyên tử thả xuống Hiroshima ngày 6-8, ông chỉ thị cho tất cả của tổ chức Việt Minh trong nước cử đại biểu đến Tân Trào càng sớm càng tốt. Bốn ngày sau, ông gặp Trường Chinh và những uỷ viên khác của Ban Chấp Hành Trung ương, từ Hà Nội tới. Một số đại biểu cảm thấy Đảng không cần phải triệu tập hội nghị đại biểu và đơn giản chỉ nên cướp chính quyền theo cách riêng, nhưng cuối cùng đa số theo quan điểm của Hồ. Về thời gian hội nghị, có một số khó khăn đưa ra, Hồ phản bác: *"Chúng ta phải tổ chức hội nghị ngay tức thì và không được để lỡ. Chúng ta phải đấu tranh để làm việc đó tức thời. Tình hình đang biến đổi rất nhanh chóng. Chúng ta đừng để lỡ dịp may này".* Cuối cùng Hội nghị đại biểu nhân dân toàn quốc dự kiến họp ngày 16-8-1945. Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ tổ chức hội nghị toàn thể trước ba ngày.

Suốt mấy ngày sau, dù còn yếu sau khi ốm dậy, Hồ Chí Minh tiếp tục theo dõi sát tình hình thế giới bên chiếc radio của Thomas. Việc thành lập Liên Hợp Quốc ở San Francisco, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản và quả bom nguyên tử thứ hai ném xuống Nagasaki tất cả đưa đến chiến thắng nhanh chóng, rõ ràng chiến tranh sắp kết thúc. Sau một thoáng ngần ngừ (có thể do ốm), Hồ đồng ý gặp đại diện phong trào "Nước Pháp Tự do" ở Côn Minh. Đầu tháng 8-1945, Hồ tới đường băng chờ máy bay đón ông, nhưng máy bay

từ Trung Quốc sang không hạ cánh do thời tiết xấu. Khi tin tức về Hiroshima tới, Hồ huỷ bỏ kế hoạch, quyết định ở lại Tân Trào. Ngày 12-8-1945, giới lãnh đạo đảng đã quyết định trực tiếp phát động tổng khởi nghĩa trên toàn quốc - dù vài đại biểu vẫn chưa tới - tổ chức đại hội Đảng ngay ngày hôm sau, sau này các nhà sử học Việt Nam gọi là Hội nghị IX.

Hội nghị Đảng họp tại một căn nhà nhỏ ở làng Tân Trào. Tham dự có 13 đại biểu, gồm Tổng bí thư Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng (đại biểu Bắc Kỳ), Nguyễn Chí Thanh (đại biểu Trung Kỳ), Hà Huy Giáp, em trai Hà Huy Tập, (đại biểu Nam Kỳ), Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan (đại biểu Việt Bắc) và thêm nữa là đại biểu từ Thái Lan và Lào, cũng như bản thân Hồ Chí Minh.

Do ốm, Hồ Chí Minh không dự buổi khai mạc, nhưng ông có mặt tại những phiên họp chính Hội nghị IX. Ông phát biểu tổng quát về tình hình quốc tế, nhấn mạnh quân đội Nhật Bản sắp đầu hàng khắp châu Á, tiên đoán quân đội Đồng Minh chẳng mấy chốc vào Đông Dương. Ông thú nhận, sự hiện diện quân đội chiếm đóng nước ngoài, chẳng hạn Anh, Pháp, Quốc Dân Đảng, sẽ là một yếu tố làm tình hình thêm phức tạp, nhưng Đảng không có sự lựa chọn trừ khi tiếp xúc với họ. Với quan điểm đó, điều quan trọng phải ở thế mạnh để bàn với họ bằng cách cướp chính quyền, giành độc lập từ nhà cầm quyền Nhật Bản đang đầu hàng. Ngay sau khi Tokyo tuyên bố đầu hàng, ông thúc Đảng phát động tổng khởi nghĩa cướp chính quyền trên toàn quốc.

Đề nghị của Hồ Chí Minh nổ ra cuộc tranh luận mạnh mẽ. Một số người, (có cả Trường Chinh), ngần ngại với ý kiến phát động cuộc khởi nghĩa sớm, viện cớ lực lượng vũ trang cách mạng còn yếu ớt. Họ lập luận, dù Việt Nam Giải Phóng Quân đã phát triển từ con số 500 vào tháng 3-1945 lên đến 5.000 người vào giữa tháng

8-1945, nhưng nó vẫn chưa tương ứng với quân đội Nhật ở Đông Dương, ít hơn lực lượng chiếm đóng Đồng Minh. Trong trường hợp đó, tốt hơn hết Đảng yêu cầu độc lập thông qua thương lượng với chính quyền Đồng Minh hoặc Pháp. Nhưng Hồ Chí Minh kiên quyết, nếu Đảng hy vọng đương đầu với Đồng Minh trên thế mạnh, sẽ không có còn cách nào khác trừ việc cướp chính quyền vào tay mình. Ông tuyên bố, quyền lực không phải là cái gì xa xôi, vì chúng ta có quần chúng ủng hộ trên toàn quốc. Nếu củng cố uy thế cách mạng, sau đó việc sống còn là phải giải phóng nhiều khu vực trước khi quân đội nước ngoài kéo tới và chuẩn bị một cuộc chiến đấu lâu dài, đồng thời khai thác những mâu thuẫn nội bộ Đồng Minh để giành lợi thế.

Nhưng cuối cùng, Hồ Chí Minh làm theo cách của ông. Hội nghị kêu gọi phát động tổng khởi nghĩa cướp chính quyền trên toàn quốc, bầu ra Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc do Trường Chinh chỉ đạo lực lượng vũ trang của Đảng. Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc lập tức ra mệnh lệnh cho toàn thể quân đội:

*Hỡi binh lính và đồng bào toàn quốc. Giờ tổng khởi nghĩa đã điểm. Cơ hội hiếm có đã đem tới toàn thể quân đội chúng ta và toàn thể nhân dân Việt Nam để phát động cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc. Chúng ta cần phải hành động mau lẹ bằng hết sức mình nhưng cực kỳ thận trọng. Tổ quốc đòi hỏi tất cả chúng ta sự hy sinh lớn lao. Thắng lợi hoàn toàn nằm trong tay chúng ta!*

Ngày 16-8-1945, ngay sau tin Nhật đầu hàng bay khắp Đông Dương, ban lãnh đạo Mặt trận Việt Minh (bấy giờ gọi là Tổng Bộ Việt Minh) triệu tập cái gọi là Hội nghị Quốc Dân ở Tân Trào. Sáu mươi đại biểu từ khắp các miền đất nước và hải ngoại tham dự, một số phải đi bộ hàng tuần lễ để đến đó. Những đại biểu mang gạo và thịt làm quà. Một đại biểu người Tày thậm chí còn dắt theo

một con trâu. Hội nghị diễn ra ở gian cuối một ngôi đình làng ba gian, trên bờ một con suối nhỏ. Chân dung Lenin, Mao Trạch Đông và tướng Claire Chennault được treo trên tường. Phòng giữa có một ban thờ và xếp đầy vũ khí tịch thu của Nhật. Phòng cuối bên kia là một thư viện sách báo cách mạng, tạm thời dùng làm phòng ăn cho các đại biểu. Sau khi Trường Chinh khai mạc, Hồ Chí Minh phát biểu. Thật kinh ngạc, một số đại biểu tham dự biết danh tính thật của ông, vì ban tổ chức Hội nghị chỉ đơn giản giới thiệu ông là Hồ Chí Minh, một lão thành cách mạng. Nhưng một số khác không rõ danh tính ông bắt đầu xì xào *"ông Ké Tân Trào",* tên thân mật tại Hội nghị, thực sự là Nguyễn Ái Quốc.

Hồ Chí Minh nhắc lại nhiều thông điệp mà ông đưa ra tại Hội nghị IX ít ngày trước đó về tình hình chung ở Đông Dương và thế giới. Ông lặp đi lặp lại tầm quan trọng việc nhanh chóng cướp chính quyền để đón lực lượng Đồng Minh trên thế mạnh. Bọn Nhật phải bị đánh bại hoàn toàn bằng mọi cách nếu có thể. Nhưng ông cảnh báo trước các đại biểu, Pháp có thể quay lại can thiệp mạnh vào Việt Nam với sự ủng hộ của lực lượng Đồng Minh, ông nói thêm, nếu điều đó xảy ra, cần phải tiến hành thương lượng với Pháp bằng một thoả hiệp dẫn tới độc lập hoàn toàn trong vòng năm năm.

Sau khi Hồ Chí Minh kết thúc bài phát biểu, các đại biểu thông qua một danh sách "mười chính sách lớn" do ban lãnh đạo Việt Minh soạn thảo và kêu gọi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà độc lập trên cơ sở của tự do dân chủ với những chính sách mềm dẻo để đạt được công bằng xã hội và kinh tế. Uỷ ban giải phóng dân tộc, gồm năm người do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, được bầu để lãnh đạo tổng khởi nghĩa và chính phủ lâm thời. Sau khi thông qua lá cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ và bài quốc ca, hội nghị kết thúc. Sáng hôm sau, Hồ đưa các đại biểu dự lễ tuyên thệ bển

ngoài ngôi đình trên bờ suối gần đó. Cùng ngày, *"Lời kêu gọi Tổng Khởi nghĩa"* được phát ra:

*Hỡi đồng bào yêu quý!*

*Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.*

*Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.*

*Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!*

Lời kêu gọi này được ký với tên Nguyễn Ái Quốc, đó của là lần cuối cùng ông ký với tên này.

# CHƯƠNG

## NHỮNG NGÀY THÁNG TÁM

Ngày 14 tháng 8 năm 1945, tiếng súng im lặng trên toàn châu Á. Chính phủ Nhật Bản tuyên bố đầu hàng, tướng Mỹ Douglas MacArthur,đến vịnh Tokyo đưa những điều kiện hoà bình của Đồng Minh cho đại diện triều đình Nhật Bản trên chiến hạm Missouri.

Tại vùng rừng núi Tân Trào, các nhà lãnh đạo Việt Minh đợi chờ tin tức Tokyo đầu hàng và bắt đầu hành động. Ngày 16-8-1945, khai mạc Hội nghị Nhân Dân Toàn Quốc, những đơn vị Việt Nam Giải Phóng Quân của Võ Nguyên Giáp, cùng thiếu tá Allison Thomas và toán Con Nai, bắt đầu di chuyển về phía nam hướng tới đồng bằng sông Hồng. Cũng ngày hôm đó, những cuộc nổi dậy của nhân dân nổ ra ở các huyện lỵ nông thôn khắp Bắc Việt Nam. Một số hành động mang tính tự phát, một số khác do những đơn vị Việt Minh ở địa phương thực hiện. Ở những vùng chính quyền bị đạp tan hoàn toàn, những "*Uỷ ban giải phóng nhân dân*" được thành lập. Chính quyền mới thay thế chính quyền cũ, những phần tử thù địch bị đánh đập và một vài trường hợp bị đánh đến chết.

Chính nạn đói ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ vẫn tiếp diễn từ mùa đông năm ngoái cho đến nay đã góp sức mạnh cho lực lượng cách mạng nổi dậy. Chính phủ của Thủ tướng Trần Trọng Kim, do Hoàng đế

Bảo Đại bổ nhiệm sau khi Nhật đảo chính tháng Ba, đã cố gắng giải quyết khủng hoảng bằng cách dừng việc bắt phải bán gạo cho chính quyền Nhật, đặt giá trần và tìm cách tăng vận chuyển ngũ cốc từ các tỉnh miền Nam ra, cải thiện các phương tiện vận tải. Các hội chống đói được thành lập cung cấp ngũ cốc cho người nghèo. Vụ lúa xuân được mùa đã giúp giảm bớt nạn đói, nhưng những trận mưa lớn giữa mùa hè khiến sông Hồng và các chi lưu của nó gây ngập lụt. Nhiều gia đình nông dân sống trong vùng đất trũng đồng bằng sông Hồng buộc phải bỏ nhà cửa vườn tược chạy lên đê tránh lụt. Nạn đói lan rộng là cơ hội vàng cho Việt Minh kích động những nông dân căm phẫn trong vùng chiếm kho thóc. Tuy trong một thời gian ngắn ngủi, sự cải thiện chút xíu cũng đã giảm bớt khốn khổ của dân chúng. Hơn một triệu người, gần mười phần trăm dân số Bắc Kỳ, đã bị chết đói chỉ trong vòng sáu tháng đầu năm 1945.

Một số ví dụ khác, những người nổi dậy đụng độ với quân đội chiếm đóng Nhật Bản. Khi những đơn vị Việt Nam Giải Phóng Quân của Giáp, mang vũ khí Mỹ, mặc đồng phục, tiến vào tỉnh lỵ Thái Nguyên sáng ngày 19-8-1945, một cuộc biểu tình quần chúng lớn nổ ra ở trung tâm tỉnh lỵ chào đón những người mới đến, uy hiếp tinh thần binh lính Bảo An khiến họ nộp súng cho những người tấn công. Chính quyền Việt Nam và những quan chức đầu tỉnh tuyên bố đầu hàng, nhưng quân đội Nhật Bản vẫn kháng cự mạnh ở đại bản doanh tại trung tâm tỉnh lỵ. Khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng biết tin bọn Nhật ngoan cố chống cự, ra lệnh cho Giáp để một bộ phận ở lại Thái Nguyên bao vây quân Nhật, đồng thời đem những phần quân đội còn lại tiến về thủ đô Hà Nội. Tình hình tương tự cũng diễn ra ở tỉnh Tuyên Quang kế bên.

Ở Hà Nội, ngày 11-8-1945, tin đồn Nhật Bản sắp đầu hàng đã bắt đầu lan truyền, sau khi quả bom nguyên tử thứ hai thả xuống

Nagasaki hai ngày trước đó. Những uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Khang nhanh chóng chuẩn bị khởi nghĩa chiếm thành phố từ tay quân Nhật. Trên thực tế, họ đã chuẩn bị việc này từ vài tháng trước. Dù chỉ có khoảng 50 đảng viên ở thủ đô, vài ngàn dân tham gia Hội Cứu Quốc của Việt Minh khi vỡ mộng với những chính sách vô ích của chính phủ Trần Trọng Kim đưa ra. Cuối năm 1944, phần lớn những hoạt động là tuyển mộ những đơn vị chiến đấu, vạch kế hoạch đánh chiếm các cơ quan chính phủ, lập đơn vị danh dự thực hiện ám sát, khủng bố nhằm vào những quan chức và những người ủng hộ chế độ. Ở nhiều làng xung quanh, các đơn vị tuyên truyền vũ trang được hình thành chuẩn bị thời điểm khi được lệnh tiến vào Hà Nội khuấy động nhân dân thành thị và trợ giúp lực lượng nội thành cướp chính quyền.

Tình hình kinh tế tồi tệ trong tất cả khu vực thành thị diễn ra có lợi cho những người nổi dậy. Sản xuất công nghiệp tụt giảm trong hai năm gần đây, đồng thời nạn lạm phát - cũng góp một phần do việc chính quyền quân phiệt Nhật Bản in thêm tiền để chi tiêu cho nhu cầu của họ - cũng tăng lên nhanh chóng. Trong vài tháng, tỷ giá đồng bạc Đông Dương từ 0,25 đô la giảm xuống dưới 0,10 đô la Mỹ. Theo đánh giá, giá cả sinh hoạt tăng lên ba lần so với lúc bắt đầu chiến tranh. Do giá sinh hoạt gia tăng, nạn thiếu hụt thực phẩm vẫn tiếp tục trầm trọng, nhiều người thuộc tầng lớp trung lưu ở Hà Nội cũng như các thành phố lớn khác ngả sang Việt Minh, thậm chí một số người bắt đầu mua *"trái phiếu cách mạng"* của Việt Minh để lấy lòng chính quyền cách mạng mới.

Trong hai tuần lễ đầu tháng Tám, giới lãnh đạo đảng ở Hà Nội tìm cách thâm nhập những đơn vị quân đội chính phủ đóng ở thủ đô, bắt liên lạc với Phan Kế Toại, Khâm sai đại thần ở Bắc Kỳ. Phan Kế Toại, theo báo cáo, người có thiện cảm bí mật với lực

lượng cách mạng (con trai ông tham gia tích cực trong Mặt trận Việt Minh), gặp Nguyễn Khang ngày 13-8-1945 và đề nghị Việt Minh tham gia chính phủ Bảo Đại, bây giờ đang chuẩn bị đàm phán với phe Đồng Minh chiến thắng. Nhưng Khang từ chối, khuyên vua Bảo Đại nên thoái vị, trao chính quyền cho chính phủ cộng hoà mới. Phan Kế Toại không phải là người được uỷ thác, nhưng đồng ý chuyển thư tới triều đình ở Huế. Cùng ngày, Thủ tướng Trần Trọng Kim, cảm thấy nhục nhã về sự không hợp pháp của chính phủ đương thời, đau đớn vì bản thân thiếu kinh nghiệm, (trước khi được bổ nhiệm làm thủ tướng, ông chỉ là nhà sử học có quan điểm chính trị ôn hoà), đã từ chức ở Huế và trao quyền cho một uỷ ban được thành lập làm chính phủ lâm thời cho tới khi lực lượng Đồng Minh tới. Những người chủ nghĩa dân tộc không cộng sản thành lập Uỷ ban Cứu Quốc làm đại diện của chính phủ tại Hà Nội.

Tin Tokyo đã chấp nhận những điều kiện hoà bình của Đồng Minh bay đến Hà Nội ngày 15-8-1945. Chính quyền chiếm đóng Nhật Bản lập tức trao quyền lực cho chính phủ lâm thời Việt Nam. Chiều hôm đó, các uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ họp tại ngoại thành Hà Đông để tìm ra cách ứng phó với những sự kiện trong tuần. Dù Xứ uỷ Bắc Kỳ không nhận được lệnh của Hồ Chí Minh tại Tân Trào, nhưng chỉ thị tháng 3-1945 của đảng đã nhấn mạnh tầm quan trọng sáng kiến địa phương để tận dụng cơ hội tốt nhất khoảng trống quyền lực tạo ra tại thời điểm do Nhật Bản đầu hàng. Xứ uỷ Bắc Kỳ ra lệnh tổng khởi nghĩa khắp các tỉnh đồng bằng sông Hồng để chuẩn bị cho một cuộc tấn công sắp tới vào thủ đô. *“Uỷ ban Khởi nghĩa Quân sự”* gồm năm người được thành lập do Nguyễn Khang trực tiếp lãnh đạo. Sáng hôm sau, Khang đạp xe vào Hà Nội, gặp những người lãnh đạo cơ sở phối hợp hành động. Nhưng không có chỉ thị từ Tân Trào, họ vẫn không dám quyết định dứt

khoát cướp chính quyền khi nào và như thế nào.

Đêm 16-8-1945, nhân dân Hà Nội thấp thỏm trong bóng đêm chờ số phận của họ. Đèn đường ở trung tâm phố xá bị tắt, bóng đêm bao phủ thành phố để chuẩn bị cho cuộc không tập có thể xảy ra. Ánh sáng le lói phát ra từ những khách sạn và nhà hàng tương phản sắc nét với bóng đen bao phủ thành phố. Bất thình lình, trong bóng đêm yên lặng vang lên tiếng súng lục nổ. Một đội Việt Minh xông vào một rạp chiếu bóng cạnh hồ Hoàn Kiếm, bắt dừng chiếu phim và nhảy lên diễn thuyết. Viên sĩ quan Nhật đang xem phim bỏ chạy ra khỏi rạp bị bắn gục trên phố. Xác ông ta nằm bất động nhiều giờ trên đường.

Hy vọng ứng phó với sự biến đổi nhanh chóng của tình hình, những người lãnh đạo Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ - cơ quan bù nhìn được Pháp lập ra hai thập niên trước đây - triệu tập họp hội đồng tại Phủ Toàn quyền nằm ở tây bắc thành phố vào ngày 17-8-1945. Cuộc họp chủ yếu gồm những người thân Nhật của Đảng Đại Việt, chiếm đa số trong Uỷ ban Cứu Quốc vừa lập ra bốn ngày trước đó. Họ kêu gọi nhân dân biểu tình ủng hộ chính phủ Bảo Đại. Trong khi đó, những đơn vị Việt Minh ở ngoại thành - theo lệnh Uỷ ban Khởi nghĩa Quân sự - bắt đầu hành động, chiếm chính quyền ở địa phương và thành lập Uỷ ban Nhân dân Cách mạng. Những đơn vị tự vệ, chỉ có gậy gộc, dáo mác gồm những người khoẻ mạnh, đã chuẩn bị tiến vào thành phố sáng hôm sau.

Những sự kiện khuấy động xảy ra ở ngoại ô dâng cao đến mức tác động đến nội thành. Chiều ngày 17 tháng 8, trong khi Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ vẫn còn họp ở Phủ Toàn quyền, một cuộc mít tinh khác được tổ chức tại Nhà Hát Lớn - nhà hát opera kiểu Pháp xây dựng đầu thế kỷ XX ở trung tâm Hà Nội -. Cuộc mít tinh được tổ chức theo lời kêu gọi các đảng phái chính trị, những nhóm trung

thành với Chính phủ lâm thời Trần Trọng Kim vừa lập ra. Đám đông ước tính 20.000 người, tập hợp thành từng khối phía trước Nhà Hát Lớn để thị uy. Nhưng khi cuộc mít tinh mở màn, những người biểu tình thân Việt Minh hành động theo lệnh của Ban Chấp hành Thành ủy đảng bắt đầu hô to những khẩu hiệu đòi độc lập dân tộc, chính quyền về tay nhân dân. Lập tức, những tự vệ xung kích tiến vào toà nhà, trèo lên tầng hai, hạ lá cờ quẻ ly của hoàng đế trên ban công và treo lá cờ đỏ sao vàng của Mặt trận Việt Minh. Nguyễn Khang nhảy lên diễn đàn dựng trước Nhà Hát Lớn, tuyên bố Nhật đầu hàng, kêu gọi những người biểu tình ủng hộ cuộc khởi nghĩa sắp tới. Cuộc mít tinh kết thúc trong hỗn loạn, đám đông biến thành dòng người đội mưa kéo tới Bắc Bộ Phủ, cách đó mấy toà nhà. Những dòng người khác tiếp tục kéo tới Phủ Toàn quyền, tới khu trung tâm buôn bán của thành phố.

Tối hôm đó, khi thành phố chìm trong tình thế căng thẳng và trong cái nóng oi ả của mùa hè, đảng bộ thành phố họp tại một địa điểm bí mật ở ngoại ô vạch kế hoạch cho ngày hôm sau. Được Nguyễn Khang khích lệ, Thành ủy quyết định ngày hôm sau sẽ tuồn vũ khí vào nội thành, những đội tự vệ xung kích sẽ án ngữ những vị trí quan trọng cho cuộc khởi nghĩa dự kiến nổ ra ngày 19 tháng 8. Đảng bộ Hà Nội ước tính, có hơn 100.000 người ủng hộ Việt Minh hoặc ít nhất cũng một nửa dân thành phố. Để tăng cùng sức mạnh, lực lượng tự vệ ngoại thành được lệnh thâm nhập nội thành. Đêm ngày 18-8-1945, các uỷ viên Uỷ ban Khởi nghĩa Quân sự âm thầm lọt vào Hà Nội để chỉ đạo hành động.

Đông đảo quần chúng nhân dân bắt đầu tập hợp thành từng khối trước quảng trường Nhà Hát Lớn vào sáng sớm. Nhiều nông dân từ những làng xung quanh Hà Nội như Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên, được những đội tuyên truyền vũ trang Việt Minh huy động, bắt đầu tràn vào thành phố trước khi trời rạng. Những

người trong thành phố, như công nhân, học sinh sinh viên, người buôn bán và viên chức chính phủ vì hiếu kỳ mà tham gia sự kiện sắp xảy ra. Theo một người tham dự kể lại, đàn ông mặc áo nâu, chân đi dép cao su (dép râu), còn phụ nữ mặc áo nâu, chít khăn vuông, chân đất. Trên đường phố là cả một rừng cờ đỏ, mỗi điểm bây giờ giống như ngôi sao vàng ở giữa. Vì là ngày chủ nhật, tất cả các cửa hiệu cũng như các chợ đều đóng cửa.

Gần trưa, buổi lễ bắt đầu trước cửa Nhà Hát Lớn. Sau một phút im lặng tưởng niệm những người đã hy sinh trong cuộc đấu tranh giành độc lập, ban nhạc cử quốc ca, lá cờ đỏ sao vàng kéo lên. Sau đó một uỷ viên đảng bộ Hà Nội xuất hiện trên ban công, tuyên bố cuộc tổng khởi nghĩa bắt đầu. Ngay sau đó, đàm đông chia thành vài dòng người, tiến về những vị trí quan trọng trong thành phố: Toà Thị Chính, Sở Cảnh Sát, Bắc Bộ Phủ. Nói chung không có sự chống cự, nhưng có một vài đụng độ nhỏ. Khi khối dân chúng do Nguyễn Khang dẫn đầu tiến đến Bắc Bộ Phủ, một đơn vị Bảo An Binh dàn quân chống cự, nhưng sau một hồi đấu lý với một đội tự vệ xung kích của Việt Minh, viên sĩ quan đầu hàng. Những thành viên Việt Minh kết thành một hàng rào sắt trước mặt Bắc Bộ Phủ, lá cờ Việt Minh nhanh chóng được kéo lên cột cờ. Những dòng người khác tiến đến trụ sở Bảo An Binh, nhà tù thành phố, các dinh thự công sở thành phố và chiếm chúng.

Chính phủ lâm thời và quân Nhật chẳng hề chống cự. Sau khi thương lượng với Việt Minh, chính quyền chiếm đóng Nhật Bản đồng ý quân đội Nhật Bản không can thiệp. Uỷ ban Cứu Quốc lập ra vài ngày trước đó bất lực - trên thực tế, đã tan rã trước khi màn đêm buông xuống. Đến cuối chiều, Hà Nội đã nằm trong tay lực lượng cách mạng trong một cuộc chính biến không đổ máu, chính quyền Việt Minh gửi thư tới những đơn vị các nơi thông báo thắng lợi và đưa ra những phương hướng hành động tiếp theo: *“Nếu có*

*thể, hãy hành động như ở Hà Nội. Nhưng chỗ nào quân Nhật chống cự, hãy tấn công quyết liệt. Bằng tất cả mọi giá phải cướp được chính quyền”.*

Những sự kiện vài ngày qua, làm nức lòng nhân dân Hà Nội, từng phải chịu đựng suốt nhiều năm khó khăn về kinh tế, sự chiếm đóng của quân đội Nhật Bản. Không lo quân cảnh Nhật tấn công, các đám đông đi quanh đường phố phất cờ, hô to khẩu hiệu đòi độc lập, yêu cầu triều đình bù nhìn từ chức. Rất ít người biểu tình biết rõ về Việt Minh. Nhưng với số đông còn lại, chẳng hiểu Việt Minh là ai và tại sao lại có thể đại diện cho dân tộc, nhưng cuộc chiến tranh Thái Bình Dương đã kết thúc, viễn cảnh tống cổ người Pháp ra khỏi đất nước cũng quá đủ để họ ăn mừng.

Tin tức thắng lợi ở thủ đô lan nhanh khắp Bắc Kỳ, chắc chắn tạo thuận lợi cho Việt Minh cướp chính quyền ở những nơi khác. Lực lượng cách mạng đã gạt sang bên sự chống cự yếu ớt của chính quyền địa phương hoặc quân Nhật và ở vô số làng mạc, thị trấn, việc cướp chính quyền hầu như không gặp chống cự. Đến ngày 22-8-1945, cờ đỏ sao vàng tung bay khắp Bắc Kỳ và những huyện phía trên vùng cán xoong (ám chỉ Thanh Hoá). Hôm sau Việt Minh thương lượng ngừng bắn, tất cả lực lượng quân đội Nhật bỏ vũ khí đầu hàng ở Thái Nguyên.

Ở các tỉnh Trung Kỳ chạy dọc phía nam bờ biển, tình hình có đôi chút khó khăn. Phong trào cách mạng chưa được tổ chức tốt ở các tỉnh Trung Kỳ và không có căn cứ địa giải phóng để thu nạp hội viên mới cũng như nhận chỉ thị. Khoảng cách địa lý xa khiến thông tin liên lạc với ban lãnh đạo Việt Minh ở phía bắc khó khăn hơn mặc dù những đảng bộ đã nhận được chỉ thị tháng 3-1945 từ Ban Thường Vụ, nhưng phải mất vài ngày mới nhận được thư từ Tân Trào, thậm chí những tin tức nóng hổi về những sự kiện đang

diễn ra ở Hà Nội.

Trong hoàn cảnh này, lãnh đạo đảng bộ địa phương quyết định hành động theo sáng kiến riêng. Trọng tâm của họ là kinh đô Huế, nơi Đảng bộ đã chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa từ khi nhận được chỉ thị tháng Ba. Nhưng dân chúng vùng này không ủng hộ cách mạng như ở phía bắc. Cố đô Huế, thành phố của những quan lại cai trị hơn là của công nhân hoặc người buôn bán. Tuy một số người dân - đặc biệt học sinh, sinh viên, thợ thủ công, tiểu thương - ngả về cách mạng, nhưng cũng có một số đảng phái chính trị ủng hộ chế độ cũ, thậm chí ủng hộ cả Nhật Bản. Do đó, cán bộ đảng phải tập trung cố gắng ở vành đai nông thôn, nơi ủng hộ Việt Minh khá mạnh.

Ngày 21-8-1945, vua Bảo Đại ở Huế nhận được bức điện của chính phủ mới ở Hà Nội yêu cầu ông thoái vị. Lãnh đạo đảng địa phương hình như không biết rõ cái gì phải làm, nhưng khi Tố Hữu - nhà thơ cách mạng trẻ tuổi - thay mặt Việt Minh tới Huế, Đảng bộ tỉnh bắt đầu hoạt động. Lực lượng Việt Minh chiếm chính quyền ở nông thôn quanh Huế, bắt đầu tổ chức những đơn vị tự vệ nông dân. Sau đó, ngày 22-8, hơn 100.000 người tụ tập ở Ngọ Môn chứng kiến Uỷ ban Khởi Nghĩa địa phương cướp chính quyền. Giống như ở Hà Nội, hầu như không có sự chống cự của chính phủ địa phương hay quân Nhật.

Đối với Việt Minh, Nam Kỳ quả là khó nhằn. Sau khi cuộc khởi nghĩa 1940 bị đàn áp, Xứ uỷ Nam Kỳ hầu như tan vỡ. Phần đông ban lãnh đạo đảng chết, hoặc bị tù còn những người ủng hộ Đảng bị mất tinh thần. Trong khi đó, những phần tử không cộng sản lại thu được thành công dưới sự chiếm đóng của Nhật, khuyến khích phát triển phong trào dân tộc chủ nghĩa trực tiếp chống lại phương Tây được phản ánh quan điểm của Tokyo theo Học thuyết Monroe,

dựa trên khẩu hiệu *"Châu Á của người châu Á"*. Chính quyền Jean Decoux cố gắng duy trì ảnh hưởng bằng cách nuôi dưỡng những phần tử ôn hoà có quan hệ với tầng lớp trung lưu tương đối giàu có tại Sài Gòn và những thị xã lớn ở đồng bằng Cửu Long.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, các đảng viên cố gắng khôi phục lại phong trào trong hoàn cảnh hỗn loạn. Đi đầu trong những cố gắng này là cựu học viên Trường Stalin Trần Văn Giàu, bị tù trong thời gian khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, nhưng đã vượt ngục mùa hè năm sau. Trong hoàn cảnh không có bất cứ thông tin liên lạc từ ban lãnh đạo đảng ở miền Bắc, Xứ uỷ Nam Kỳ phải tuân theo tinh thần Hội nghị VI từ năm 1939, chuẩn bị tổng khởi nghĩa trong tương lai, đồng thời vận dụng nó vào hoàn cảnh hiện tại ở Nam Kỳ. Không có những căn cứ rừng núi như ở Việt Bắc, Giàu quyết định tập trung mọi nỗ lực của Đảng vào thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng thời xây dựng sức mạnh ở nông thôn chuẩn bị tổng khởi nghĩa khi kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương. Dù hoạt động của Đảng không thắng được những đối thủ dân tộc chủ nghĩa như những nơi khác trong nước, Giàu cố gắng nâng cao tinh thần các đồng chí bằng cách dẫn ra những tấm gương cách mạng Bolsevich để dẫn đến tác dụng rằng một dân tộc nhược tiểu được huấn luyện và có kỷ luật có thể giành chính quyền trong tình hình nước sôi lửa bỏng. Bởi thế ông bắt đầu vạch kế hoạch khởi nghĩa ở thành thị cùng sự giúp đỡ của nông dân từ ngoại thành thâm nhập vào thành phố.

Đầu năm 1945 Đảng đã hình thành một phong trào bí mật trong công nhân tại Sài Gòn với hơn 70 chi bộ, gồm 3.000 công nhân. Sau khi Nhật đảo chính tháng Ba lật đổ Pháp ở Đông Dương, Xứ uỷ Nam Kỳ tận dụng cơ hội kiểm soát một tổ chức thanh niên do Nhật đỡ đầu mang tên Đội Thanh Niên Xung Phong.

Dưới sự lãnh đạo của Phạm Ngọc Thạch, (con trai Phạm Ngọc Thọ, người che chở Hồ Chí Minh ở Qui Nhơn trong chuyến đi về nam sau khi tham gia vụ nông dân bạo động năm 1908) - dưới vỏ bọc Đội Thanh Niên Xung Phong để phục vụ Đảng, cố gắng huy động thanh niên yêu nước phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Đội này có một cái gì đó mang hơi hướng phong trào Hướng đạo ở phương Tây, mặc quần áo đồng phục, hát những bài hát của đội và hoạt động mang tính tập thể. Đội Thanh Niên Xung Phong phát triển nhanh chóng trong thời kỳ mùa xuân và mùa hè năm 1945 ở trường học, nhà máy và làng quê. Đến tháng 8-1945, Đội Thanh Niên Xung Phong có hơn một triệu đoàn viên, chủ yếu ở các tỉnh Nam Kỳ.

Sau cuộc đảo chính tháng Ba, Nhật Bản duy trì kiểm soát cai trị Nam Kỳ vì những lý do chiến lược. Ngày 14 tháng 8 chính quyền chiếm đóng Nam Kỳ cho phép vua Bảo Đại bổ nhiệm một cựu trào dân tộc chủ nghĩa Nguyễn Văn Sâm làm phó vương của triều đình tại Nam Kỳ. Những người không cộng sản thành lập Mặt trận Quốc gia Thống Nhất để lấp lỗ trống sau khi quân Nhật ra đi. Ngày 16-8-1945, Ban Chấp hành Mặt trận Quốc gia Thống Nhất nhận quyền lực tại Sài Gòn trong một cuộc đảo chính không đổ máu, trong lúc chờ Phó vương tới.

Trước hai nguy cơ, viễn cảnh Pháp quay lại và việc mọc ra chính quyền Việt Nam không cộng sản tại Sài Gòn, Trần Văn Giàu cố gắng lật ván cờ. Nghe tin Nhật Bản đầu hàng ngày 14-8-1945, ông họp bàn với Xứ uỷ Nam Kỳ lập ra Uỷ ban Khởi Nghĩa và chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa. Nhưng một số uỷ viên - chắc hẳn nhớ lại sự thất bại năm 1940 - tỏ ý nghi ngờ lực lượng cách mạng không đủ sức cướp chính quyền. Không những thiếu vũ khí trang bị cho lực lượng bán vũ trang được tổ chức trong hàng ngũ công nhân tiến bộ và đa số thành viên Đội Thanh Niên Xung Phong, giới lãnh

đạo đảng ở Nam Kỳ không nhận thức được ý định của các đồng chí của họ ở miền Bắc. Cuối cùng, Ban Chấp hành quyết định dừng cuộc khởi nghĩa cho đến khi nào nhận được tin tức về tình hình ở Hà Nội. Trong khi đó, họ tiến hành “khởi nghĩa thử” cướp chính quyền ở một số nơi ở nông thôn, đồng thời tìm cách xây dựng cơ sở phong trào Việt Minh trong hàng ngũ nhân dân khắp các tỉnh ở Nam Kỳ.

Khi tin tức Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội đến Sài Gòn, ngày 20-8-1945, Trần Văn Giàu yêu cầu mở cuộc họp với Ban chấp hành Mặt trận Quốc gia Thống Nhất. Hai ngày sau, tại cuộc họp, ông lập luận, Mặt trận gồm nhiều đảng phái có mối ràng buộc nguy hiểm với chế độ chiếm đóng Nhật Bản, chắc chắn không được chính quyền Đồng Minh chấp nhận là đại diện hợp pháp cho ý nguyện của dân tộc Việt Nam. Ông cho rằng, chỉ có Mặt trận Việt Minh, mới được sự ủng hộ hoàn toàn của Đồng Minh - có thể làm được việc này. Trong khi đang họp, có tin vua Bảo Đại đề nghị chính quyền cách mạng ở Hà Nội thành lập một chính phủ mới để thay thế chính quyền Trần Trọng Kim. Bất đắc dĩ, những người dân tộc chủ nghĩa phải đồng ý, sau đó đồng ý cộng tác với Việt Minh. Mặt trận quốc gia thống nhất bị giải tán, thay thế bằng Uỷ ban Nam Bộ do Trần Văn Giàu làm chủ tịch.

Trong khi đó, Giàu tiến hành *“khởi nghĩa thử”* ở Tân An, một thị trấn cách Sài Gòn về phía tây - nam hơn 10 cây số ở đồng bằng Cửu Long. Cuộc khởi nghĩa không gặp phải bất cứ kháng cự nào của quân Nhật. Thành công này giúp Giàu thuyết phục những người nghi ngờ trong Xứ uỷ chấp thuận tổng khởi nghĩa cướp chính quyền tại Sài Gòn vào ngày 25-8-1945. Chiến dịch này được tiếp nối bởi những cuộc khởi nghĩa nhỏ, lẻ tẻ ở nông thôn. Ông lập luận, thành công *“chắc chắn chín mươi phần trăm”,* nhưng phải hành động trước khi quân đội Đồng Minh kéo tới. Đêm đó, kế

hoạch thông qua lần cuối, sáng ngày 25-8-1945, các đội tự vệ xung kích chiếm tất cả cơ quan quan trọng của chính phủ và các nhà máy, xí nghiệp, đồng thời hàng ngàn nông dân đã tập hợp sẵn sàng ở ngoại thành, tràn vào thành phố hoà cùng nhân dân nội thị hô to khẩu hiệu *“Đả đảo đế quốc, đả đảo thực dân Pháp, Việt nam của người Việt nam” “Tất cả chính quyền về tay Việt Minh”*. Đến giữa buổi sáng, thành phố hầu như nằm trong tay những người khởi nghĩa. Dù những đơn vị cách mạng được lệnh tránh những đối đầu với quân Nhật, nghe nói có cả những vụ thảm sát người châu Âu trên đường phố Sài Gòn. Đến trưa ngày 25-8-1945, Uỷ ban Nam Bộ với 6 thành viên là Việt Minh đã tuyên thệ nhậm chức Chính phủ lâm thời Nam Kỳ. Ngày hôm sau, Đài phát thanh Việt Minh loan tin cách mạng thành công ở *“thành phố Sài Gòn”*.

Trong khi làn sóng cách mạng mạnh mẽ tràn qua từ Bắc xuống Nam, Hồ Chí Minh chuẩn bị rời căn cứ du kích Tân Trào về Hà Nội. Dù ông đang chia sẻ niềm vui hân hoan chung những sự kiện long trời lở đất đang diễn ra trên toàn quốc, chắc chắn ông cũng nhận thức được những thử thách khốc liệt ở phía trước, câu nói nổi tiếng của Lenin cảnh tỉnh các đồng chí của ông: *“Giành được chính quyền là vấn đề khó, nhưng giữ được chính quyền lại còn khó hơn”*.

Sáng ngày 22-8-1945, ông về tới Thái Nguyên, vừa đi bộ, vừa đi ô tô qua phà đò, khi màn đêm buông xuống cũng là lúc ông đến. Đây là chuyến đi thật gian khổ đối với ông - ông vẫn còn chịu hậu quả trận ốm nặng vừa qua - một số đoạn đường phải nằm trên cáng. Hôm sau, được một nữ cán bộ địa phương đưa đi, ông tiếp tục đi ô tô theo Quốc lộ 3 xuống đồng bằng và qua sông Hồng - nước chảy xiết do những trận mưa lớn mùa hè - đến phía bắc ngoại thành Hà Nội. Nạn lụt đang hoành hành, nước vẫn mênh mông trên những cánh đồng lúa và làng mạc, khiến ông phải xót

thương: *"Chúng ta phải làm gì để cứu nhân dân khỏi đau khổ và đói?"*

Sáng ngày 25-8-1945, tại làng Gạ ở ngoại thành, Hồ gặp Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh, từ Hà Nội lên đón và báo cáo tình hình thủ đô. Ngay sau đó, Trường Chinh tới. Buổi chiều hôm đó, Trường Chinh và Hồ lên xe về thành phố. Qua cầu Long Biên, qua những đường phố bây giờ tràn ngập cờ, biểu ngữ Việt Minh và đến thẳng khu phố Tầu, xe dừng trước một ngôi nhà ba tầng ở Hàng Ngang, chủ nhân là người ủng hộ Việt Minh. Căn nhà này được sử dụng làm chỗ ở tạm thời cho một số cán bộ Đảng. Phòng của Hồ Chí Minh ở tầng trên cùng. Đây là lần đầu tiên sau 55 năm Hồ Chí Minh đặt chân lên Hà Nội.

Chiều đó, Hồ Chí Minh triệu tập họp Ban Thường Vụ Đảng tại chỗ ở mới. Trong khi hội nghị họp, những chi đội đầu tiên Việt Nam Giải Phóng Quân bắt đầu từ Thái Nguyên tiến về, sau những cuộc thương lượng kéo dài với chính quyền Nhật, qua cầu tiến vào thành phố. Cuộc họp diễn ra ở tầng hai, nơi Giáp và Ninh làm chỗ ngủ. Như Võ Nguyên Giáp miêu tả, phòng được dùng làm phòng ăn và phòng khách không có bàn. Hồ làm việc tại bàn ăn, với chiếc máy chữ quen thuộc đặt trên chiếc bàn nhỏ vuông phủ vải xanh ở một ở góc. Sau đêm đầu tiên, ông từ tầng ba đi xuống, ngủ trên chiếc giường gấp bằng vải bạt để có thể xếp gọn về ban ngày, đồng thời những người ở cùng ngả lưng trên xô pha hoặc hai chiếc ghế băng kê sát nhau. Đối với gia nhân và hàng xóm, Hồ và các đồng chí của ông đơn giản chỉ là *"mấy người họ hàng từ quê ra chơi"*.

Chủ đề chính tại cuộc họp, cần phải tuyên bố thành lập chính phủ lâm thời. Ban Thường vụ khẳng định, Uỷ ban Giải phóng Dân tộc lập ra tại Tân Trào do Hồ làm chủ tịch, sẽ là chính phủ lâm

thời cho đến khi một chính phủ chính thức được bầu. Tại cuộc họp, Hồ đề nghị Chính Phủ lâm thời nên mở rộng cho một số nhân sĩ và thành viên chính phủ mới, nên có mặt tại cuộc tuần hành quần chúng để tuyên bố độc lập dân tộc. Ông thúc giục, tất cả những điều này phải được làm xong trước khi lực lượng chiếm đóng Đồng Minh kéo vào.

Tình hình biến chuyển quá nhanh đến nỗi trong khi Hồ Chí Minh đang thành lập chính phủ mới, thì những nhóm quân nhân nước ngoài đã tới Hà Nội. Theo Hội nghị Potsdam diễn ra ở ngoại ô Berlin vào cuối tháng 7 và đầu tháng 8-1945, Đồng Minh thoả thuận chia Đông Dương thuộc Pháp thành hai vùng riêng biệt để tiếp nhận đầu hàng của quân đội Nhật, khôi phục luật pháp và trật tự trong nước. Do Mỹ tích cực tham gia vào việc tiếp nhận đầu hàng của quân đội hoàng gia Nhật Bản, nên những nơi khác ở châu Á, quân đội Mỹ không tham gia. Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở lên, nhiệm vụ này giao cho quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa. Phía nam giao cho quân đội Anh. Do sự cương quyết của Mỹ, nên Pháp không được tham gia công việc này.

Do chiến tranh Thái Bình Dương kết thúc mau lẹ như một tia chớp, những đơn vị chủ yếu của lực lượng chiếm đóng không thể tới Đông Dương trong vòng vài tuần lễ. Nhưng một toán tiền trạm người Mỹ, sĩ quan Pháp đã tới sân bay Gia Lâm và ở tại khách sạn Metropole, Hà Nội. Khách sạn Metropole là một khách sạn sang trọng xây dựng theo kiến trúc Pháp, nằm đối diện trực tiếp với Bắc Bộ phủ và một khối nhà phía đông Hoàn Kiếm. Trong đoàn khách mới đến có đại uý Archimedes Patti, sĩ quan Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ, người đã tranh thủ sự cộng tác Hồ Chí Minh thời gian họ ở Tĩnh Tây bốn tháng trước đây.

Ngay sau khi Nhật Bản đầu hàng, Patti được bổ nhiệm đứng

đầu toán “Mercy” (Nhân Từ) bay tới Hà Nội để tiếp nhận tù binh Đồng Minh bị Nhật giam ở các trại tập trung, cũng như cung cấp tin tức tình báo về Đông Dương. Jean Sainteny - một thời cầm đầu phái bộ quân sự Pháp - bây giờ đại diện của chính phủ “Nước Pháp Tự do” của tướng Charles de Gaulle ở Trung Hoa, yêu cầu được tham gia toán của Patti, với lý do để bảo vệ những người Pháp bị kẹt lại. Dù cả chính phủ Trung Hoa và Mỹ không muốn Pháp đóng một vai trò chính thức nào trong việc đầu hàng của Nhật, song cuối cùng Sainteny cũng kiếm được phép đi theo đoàn Patti đến Hà Nội, công việc chỉ đóng khung tham gia những hoạt động nhân đạo.

Ngay khi yên vị tại khách sạn Metropole, Patti mở những cuộc nói chuyện với chính quyền chiếm đóng Nhật Bản. Ông cũng liên lạc đại diện Mặt trận Việt Minh, cũng như những nhóm đại diện cho Pháp kiều ở thành phố, nhiều người khiếp sợ khả năng những cuộc tấn công vào người châu Âu. Chiều ngày 26 tháng 8, bất ngờ Patti nhận được lời mời tới gặp Hồ Chí Minh. Ông lái xe vòng vèo tới nơi ở của Hồ ở phố Hàng Ngang. Sau khi màn chào hỏi và bữa ăn ngon gồm riêu cá, gà kho, thịt lợn, bánh nếp và hoa quả, hai người hội đàm dài về tình hình hiện tại. Hồ phàn nàn về toán người Pháp có mặt - theo lệnh Sainteny, vừa chiếm Phủ Toàn quyền - cảnh báo Patti về mục đích thật việc này có đúng theo lời phát biểu của Sainteny, chỉ quan tâm đến điều kiện của Pháp kiều ở Đông Dương. Ông bày tỏ mối quan tâm về quan điểm của chính phủ Trung Hoa và Anh, nhấn mạnh Anh đã chia sẻ quyền lợi với Pháp trong việc duy trì những thuộc địa ở châu Á, trong khi chính phủ Trung Hoa muốn bán đứng lợi ích của người Việt Nam để thu lợi cho chính họ.

Hồ cũng thăm dò Patti về tương lai Đông Dương. Thừa biết những quan sát viên chính trị lão luyện cho ông là đặc vụ lão làng

của Quốc tế Cộng sản, Hồ phản đối việc này và quả quyết ông chỉ là một người *"dân tộc và xã hội chủ nghĩa tiến bộ",* đi theo cộng sản Moscow và Trung Quốc chỉ vì hoàn cảnh đưa đẩy. Nhưng Patti, theo ý kiến bản thân, không được giao nhiệm vụ quyền bàn về những vấn đề chính trị địa phương. Đối với Hồ Chí Minh, đây là một tin tức tốt. Ngay trước khi Patti ra về, Hồ nhận được một tin Nguyễn Văn Sâm, Phó vương Nam Kỳ, đã đệ đơn lên triều đình Huế xin từ chức. Lúc 3 giờ 30 phút chiều, Patti cáo từ, về chỗ ở mới tại biệt thự Gautier sang trọng trên một phố đầy cây và yên tĩnh gần hồ Hoàn Kiếm.

Tại biệt thự Gautier, Patti nhận thư của Jean Sainteny, mời ông đến Phủ Toàn quyền để hội đàm. Sainteny, thừa biết người Mỹ đã có tiếp xúc với Hồ Chí Minh, bày tỏ mong muốn có một cuộc gặp với những người lãnh đạo Việt Nam. Patti đồng ý chuyển thư. Cuối ngày ông nhận được hồi âm, Võ Nguyên Giáp đồng ý gặp Sainteny và Patti vào sáng hôm sau. Rõ ràng phía Việt Nam hy vọng sự có mặt của người Mỹ làm tăng sức mạnh trong lần gặp gỡ đầu tiên với một quan chức Pháp kể từ khi kết thúc chiến tranh. Sáng hôm sau Giáp tới dinh trong bộ quần áo trắng với chiếc mũ cũ, ngay lập tức Sainteny phàn nàn về việc Việt Minh đã lơ là trong việc bảo vệ luật pháp, trật tự và tính mạng của những người Pháp. Giáp phản bác, ông đến đây không phải để giải thích các hành động của người Việt mà để tiếp xúc với đại diện "tân chính phủ Pháp".

Sainteny lúc này trở nên ôn hoà, hứa với Võ Nguyên Giáp, chính phủ Pháp sẽ có cách ứng xử có lợi những đòi hỏi của nhân dân "An Nam". Nhưng ông từ chối đi vào chi tiết, bóng gió doạ, không dựa vào Pháp, số phận nhân dân Bắc Việt Nam có thể bị quân đội chiếm đóng Trung Hoa định đoạt. Cuộc họp kết thúc không đi đến đâu.

Trong khi Hồ Chí Minh bắt đầu cuộc thương lượng đầy sóng gió với Pháp về số phận mới của nhân dân Việt Nam sau chiến tranh, chính phủ Việt Minh vẫn tiếp tục thương lượng với triều đình Huế về việc Bảo Đại thoái vị. Ngày 20- 8-1945, Bảo Đại thông báo sẵn sàng thoái vị theo đề nghị của nhóm yêu nước ở Hà - Nội và kêu gọi Hà Nội thành lập Tân Chính Phủ. Nhưng Hồ và các đồng chí của ông quyết định ra tay trước hành động của Bảo Đại bằng cách cử một đoàn đại biểu đến Huế yêu cầu Bảo Đại thoái vị để ủng hộ nước Cộng Hoà Việt Nam mới. Đoàn đại biểu, gồm nhà tổ chức lão thành công nhân Hoàng Quốc Việt, người đồng chí có tuổi của Hồ, Nguyễn Lương Bằng và Trần Huy Liệu - nhà báo, nhà tuyên truyền của Đảng - đến Huế ngày 29 tháng 8. Sau khi dự mít tinh quần chúng trước Ngọ Môn để giải thích những ý định của Việt Minh, họ gặp vua Bảo Đại ngày hôm sau ở Hoàng Thành. Trần Huy Liệu, một đảng viên nổi tiếng của Đảng cộng sản Đông Dương, thay mặt đoàn đại biểu nói: *"Thay mặt nhân dân, thay mặt Hồ Chí Minh tôn kính, vị chủ tịch của Uỷ ban Giải Phóng, đã cho chúng tôi một vinh dự tới gặp Hoàng thượng để tiếp nhận chính quyền Hoàng Triều".*

Bảo Đại, chưa từng nghe tên Hồ Chí Minh nhưng ngờ rằng chủ tịch mới có thể là nhà lão thành cách mạng Nguyễn Ái Quốc, ông chính thức làm lễ thoái vị. Sau đó, theo yêu cầu của đoàn đại biểu, ông nhắc lại điều này ngay tại buổi chiều trước những người nghe trong buổi lễ ngắn ngủi trước Ngọ Môn, cổng vào Hoàng thành, nơi lá cờ đỏ sao vàng tung bay. Sau khi nhận ấn hoàng đế, Trần Huy Liệu chuyển lời Hồ Chí Minh mời Bảo Đại tới Hà Nội tham gia thành lập chính phủ mới. Bảo Đại đồng ý tham dự với tư cách thường dân của nước cộng hoà non trẻ. Nói chung, bầu không khí quanh lễ tiếp nhận thoái vị có vẻ là hội hè hơn là làm người ta kinh sợ, mặc dù một số người dự cũng thấy thất vọng vì nhà vua thoái vị, dù hành động này là tự nguyện.

Không phải tất cả cận thần của Bảo Đại được đối xử lịch sự như thế. Hai nhân vật nổi bật chống đối Đảng cộng sản Đông Dương, nhà báo - nhà chính trị ôn hoà Phạm Quỳnh, thượng thư Ngô Đình Khôi, bị bắt ngay ở Huế và bị hành quyết đầu tháng Chín. Ở tỉnh Quảng Ngãi, xa hơn về phía nam, Tạ Thu Thâu một Trotskyst lão thành, một trong những người phê phán mạnh mẽ Đảng cộng sản Đông Dương, bị Việt Minh bắt và cùng chung số phận.

Ngày 27-8-1945, Hồ Chí Minh họp Uỷ ban Giải Phóng Dân Tộc, chẳng bao lâu trở thành chính phủ lâm thời mới, tại Bắc Bộ phủ. Theo phong cách ăn mặc riêng, Hồ xuất hiện tại cuộc họp trong chiếc áo chàm miền núi, quần soóc nâu sờn, dép cao su, mũ cát. Vấn đề bàn trong cuộc họp là thông qua danh sách chính thức tân chính phủ và thảo luận lời văn Tuyên Ngôn Độc Lập. Hồ từng ngồi làm việc trong căn phòng nhỏ kém ánh sáng phía sau căn nhà trên phố Hàng Ngang, đánh máy nhiều lần sửa đi sửa lại bản thảo. Bây giờ ông sẵn sàng đưa nó cho các đồng chí của ông xem. Như Hồ Chí Minh nói với họ sau này, đây là *"những giây phút hạnh phúc nhất"* đời ông.

Tại cuộc họp, Hồ đề nghị chính phủ mới nên mở rộng thành phần cơ bản bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, nhân sĩ tiến bộ trong nước và chính sách của chính phủ phải nhằm đạt được sự thống nhất rộng rãi trong nhân dân. Đề xuất của ông được nhất trí thông qua, vài uỷ viên Việt Minh còn đề nghị từ chức để dành chỗ cho những đảng phái chính trị khác. Sau khi Hồ Chí Minh được bầu làm chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ông tiếp từng thành viên chính phủ mới và quyết định trụ sở là Bắc Bộ Phủ.

Hai ngày sau, đài phát thanh công bố tên những thành viên

chính phủ mới. Ngoài chức vụ chủ tịch, Hồ Chí Minh kiêm Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao. Võ Nguyên Giáp giữ chức Bộ trưởng Nội Vụ, Phạm Văn Đồng giữ chức Bộ trưởng Tài Chính, Chu Văn Tấn giữ chức Bộ trưởng Quốc Phòng và Trần Huy Liệu giữ chức Bộ trưởng Bộ Tuyên Truyền. Những những quan chức cao cấp khác từ Đảng Dân Chủ - một đảng bù nhìn đại diện cho trí thức tiến bộ thành lập dưới sự che chở của Mặt trận Việt Minh năm 1944, trong số những người bổ nhiệm có một người theo đạo Thiên Chúa Giáo, vài nhân sĩ không đảng phái. Khoảng một nửa bộ trưởng trong chính phủ mới là uỷ viên Mặt trận Việt Minh.

Suốt mấy ngày sau đó, Hồ Chí Minh làm việc miệt mài tại một phòng nhỏ ở Bắc Bộ Phủ, chau chuốt bản Tuyên Ngôn Độc Lập dự kiến sẽ đọc vào ngày 2 tháng 9. Ông đã chuyển đến ở một biệt thự nhỏ trên phố Bonchamps, nhưng vẫn tiếp tục ăn với các đồng chí của ông ở phố Hàng Ngang. Giới lãnh đạo đảng quyết định buổi lễ sẽ tổ chức tại Quảng trường Puginier, một quảng trường rộng gần Phủ Toàn quyền. Thành phố trở lại vẻ sinh hoạt bình thường, mặc dù những cuộc biểu tình của nhân dân ủng hộ chính phủ mới diễn ra gần như suốt ngày. Cờ đỏ sao vàng bắt đầu tung bay trước nhà và cửa hàng, trong khi những đơn vị tự vệ Việt Minh canh gác công sở. Người ta gỡ bỏ những miếng che đèn đường từng sử dụng để che ánh sáng trong thời gian cuối chiến tranh, khu vực buôn bán trở lại sầm uất thay cho bóng tối. Có ít người nước ngoài trên đường phố, vì đa số người Pháp bị nhốt sau đảo chính tháng 3-1945 vẫn chưa được thả khỏi nhà tù và quân đội Tưởng Giới Thạch vẫn chưa tới. Quân đội Nhật nói chung ở ngoài mắt công chúng, mặc dù trong một vài trường hợp có sự đối đầu giữa những đơn vị Nhật và Việt Minh, nhưng tránh được ở phút cuối cùng qua những cuộc thương lượng kịp thời.

Từ mờ sáng ngày 2-9-1945, nhân dân bắt đầu tập trung đông ở

quảng trường Puginier, sau này đổi tên thành Quảng trường Ba Đình. Nhiều năm sau Võ Nguyên Giáp mô tả lại không khí ngày hôm đó:

*Hà Nội lộng lẫy trong rừng cờ đỏ. Một thế giới của cờ, đèn lồng và hoa. Những lá cờ đỏ tung bay phấp phới trên nóc nhà, cây và quanh hồ.*

*Cờ đuôi nheo treo dọc đường phố, mang khẩu hiệu bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Trung Quốc và Nga: "Việt Nam của người Việt Nam", "Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp", "Độc lập hay là chết", "Ủng hộ Chính phủ lâm thời", "Ủng hộ chủ tịch Hồ Chí Minh", "Chào mừng phái bộ Đồng minh", v.v…*

*Nhà máy, cửa hàng lớn nhỏ tất cả đều đóng cửa. Chợ búa vắng tanh… Toàn thành phố, già trẻ, đàn ông và đàn bà đổ ra đường… Một dòng người đủ mầu sắc chảy tới Quảng Trường Ba Đình từ tất cả các ngả.*

*Công nhân trong sơ mi trắng, quần xanh đứng thành hàng ngũ, tràn đầy mạnh mẽ và tin tưởng… Hàng trăm hàng ngàn nông dân từ ngoại thành đổ vào. Tự vệ mang gậy tầm vông, kiếm hoặc hoặc mã tấu. Một số ít người thậm chí mang cả giáo cổ bằng đồng và thanh long đao lấy từ đồ thờ ở chùa chiền. Phụ nữ nông dân ăn mặc quần áo lế hội, một số mặc áo tứ thân, vấn khăn vàng, thắt lưng màu hoa lý…*

*Sống động nhất là thiếu nhi… Các cháu hành quân từng bước theo còi của người phụ trách, hát vang những bài ca cách mạng.*

Chính giữa quảng trường, đội danh dự đứng nghiêmm trong nắng hè chói trang, trước một khán đài bằng gỗ mới dựng lên hôm trước. Đây là khán đài mà chủ tịch sẽ tự giới thiệu bản thân, giới thiệu tân chính phủ và đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập. Khi giờ lễ đến gần, Hồ Chí Minh băn khoăn về bộ quần áo ông sẽ mặc, đề nghị các cộng sự tìm bộ quần áo thích hợp cho sự kiện này. Cuối

cùng ai đấy cho ông mượn bộ quần áo ka-ki và chiếc áo vét cao cổ với đôi dép cao su trắng.

Buổi lễ dự kiến khai mạc lúc 2 giờ chiều, nhưng vì đoàn người diễu hành đổ về trên các ngả đường cho nên Hồ Chí Minh và nội các đến chậm mấy phút do đoàn xe Mỹ phải khó khăn lắm mới vượt qua được biển người. Sau khi tất cả đã lên khán đài, Võ Nguyên Giáp tân Bộ trưởng Nội Vụ, giới thiệu Hồ Chí Minh với quần chúng. Hồ Chí Minh phát biểu ngắn gọn nhưng đầy xúc động:

*"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".*

*Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.*

*Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".*

Sau đó Hồ Chí Minh miêu tả những tội ác mà chế độ thực dân Pháp đã gây ra cho Việt nam, cuối cùng người Việt nam đã phải đứng lên đánh đuổi Pháp dành lại độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh kết luận: *"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".*

Giữa bài phát biểu, Hồ đã dừng lại hỏi *"Tôi nói đồng bào có nghe rõ không?"* Theo lời Giáp kể, hàng triệu người đã reo lên như tiếng sấm *"Có"*. Buổi lễ kết thúc bằng sự giới thiệu những thành viên chính phủ. Võ Nguyên Giáp và Trần Huy Liệu tóm tắt và tuyên thệ

lời thề độc lập. Sau đó mọi người rời khỏi lễ đài, đám đông giải tán, một số người phấn chấn khi phi đội máy bay Mỹ P-38S bay qua đầu. Những lễ kỷ niệm Ngày Độc Lập cũng diễn ra tại một ngôi chùa và Nhà Thờ Công Giáo. Tối hôm đó, tân chủ tịch gặp gỡ, tiếp đoàn đại diện các tỉnh.

Những công dân Pháp chứng kiến sự kiện này với vẻ lo lắng. Có khoảng 15.000 người Pháp sống ở Hà Nội lúc cuối chiến tranh và nhiều người đã phòng bị tự vũ trang để chuẩn bị cho những ngày khó khăn sắp tới. Có gần 5.000 tù nhân Pháp đang bị giam ở Hoả Lò, Patti nói, họ âm thầm chuẩn bị nổi dậy cầm vũ khí khi binh sĩ "Nước Pháp Tự do" đổ bộ vào Đông Dương.

Ngày 3-9-1945, mặc bộ quân phục ka-ki đã sờn, đi đôi giầy vải xanh ông thường dùng ở Việt Bắc, chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp nội các đầu tiên tại phòng họp ở tầng dưới Bắc Bộ Phủ. Đại hội Quốc Dân tổ chức tại Tân Trào đã thông qua một loạt những biện pháp - mang tên "*mười chính sách lớn*" - đã được Tổng Bộ Việt Minh thảo ra trước đây. Một số điểm đề cập những hoạt động cần thiết phải tăng cường sức mạnh lực lượng vũ trang để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu trong tương lai với Pháp hoặc với lực lượng chiếm đóng Đồng minh, một số điểm khác liên quan tới tới vấn đề tạo ra một hệ thống chính trị mới, đưa những biện pháp cải thiện kinh tế quốc dân, xây dựng mối quan hệ với những nước khác trong khu vực và thế giới thế giới.

Mở đầu, Hồ Chí Minh giải thích vấn đề cấp bách nhất là nạn đói khủng khiếp - đặc biệt, làm sao để giảm bớt được hậu quả nạn đói. Dù khủng hoảng có thể giảm bớt đôi chút từ đầu mùa hè do vụ lúa chiêm được mùa, nhưng tình hình tệ thêm nữa vào tháng Tám, khi nước sông Hồng gây ra lụt lội, ngập úng những cánh đồng lúa vùng trũng khắp đồng bằng sông Hồng. Sinh viên các

trường Đại học Hà Nội tổ chức những đội quân hàng ngày mỗi buổi sáng dậy sớm đem chôn những xác chết chất đống trên đường phố trong 24 giờ qua. Tại cuộc họp, chính phủ mới đưa ra một loạt những biện pháp khẩn cấp chiến đấu với nạn đói, bao gồm một chiến dịch khuyến khích nhân dân tiết kiệm, giảm bớt tiêu thụ thực phẩm. Để làm gương, Hồ tuyên bố cứ mười ngày, ông nhịn ăn một ngày. Số thực phẩm tiết kiệm chia cho người nghèo. Trong những tuần lễ sau, chính phủ thông qua một số chính sách bổ xung để tiết kiệm gạo và tăng sản xuất. Đất công, chiếm hơn 20 phần trăm toàn bộ đất canh tác ở tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ, được trưng thu chia đều cho dân nghèo từ 18 tuổi trở lên. Cấm làm bún và nấu rượu, giảm thuế nông nghiệp sau đó bỏ hoàn toàn, mở các trạm tín dụng nông nghiệp tại xã cung cấp cho nông dân tín dụng dễ dàng, đất hoang ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ phải được khai phá, trồng trọt.

Chính phủ cũng chú ý tới một số vấn đề khác. Một trong những lo âu đầu tiên của Hồ Chí Minh, như ông bày tỏ tại cuộc họp ngày 3 tháng 9, trình độ dân trí thấp ở Việt Nam. Theo một nguồn tài liệu, năm 1945, 90 phần trăm dân Việt Nam mù chữ, là bản cáo trạng chính sách giáo dục của Pháp trong một xã hội nơi tỷ lệ người biết đọc biết viết từng có truyền thống cao nhất ở châu Á. Bây giờ sắc lệnh ban ra đòi hỏi tất cả người Việt Nam phải biết đọc biết viết chữ quốc ngữ trong vòng một năm. Sắc lệnh mang ảnh hưởng Nho giáo mạnh mẽ viết: *"Ai chưa biết đọc biết viết chữ quốc ngữ thì phải học. Vợ học chồng. Em học anh. Già học trẻ. Bố mẹ học con. Con gái và đàn bà đều phải học chăm chỉ hơn"*. Các lớp học xoá nạn mù chữ được mở ra để dậy học sinh trong độ tuổi từ thiếu nhi đến người già. Dù thiếu giáo viên và cơ sở học hành (nhiều nơi chùa chiền, bệnh viện và chợ được biến thành trường học), chương trình xoá nạn mù chữ có tác dụng trông thấy: đến mùa thu năm 1946, hơn 2 triệu người Việt nam đã được xoá nạn mù chữ.

Tại cuộc họp nội các, Hồ Chí Minh đưa ra vấn đề chuẩn bị tổng bầu cử để thành lập một chính phủ chính thức dựa trên tự do dân chủ. Ngày 8 tháng 9, ban hành sắc lệnh tuyên bố cuộc tổng tuyển cử bầu ra quốc hội lập hiến sẽ được tổ chức trước, sau hai tháng sẽ ban hành dự thảo hiến pháp mới của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Mọi công dân trên 18 tuổi có quyền đi bầu. Các sắc lệnh sau này tuyên bố quyền bình đẳng giữa các dân tộc và tự do tín ngưỡng. Ngày 13-10-1945, ban hành sắc lệnh tuyên bố bãi bỏ chế độ quan lại truyền thống, thành lập các uỷ ban nhân dân và hội đồng nhân dân thông qua bầu cử tại tất cả các tỉnh ở Bắc Kỳ.

Chính phủ mới tập trung những nỗ lực giải quyết vấn đề kinh tế như giảm thuế, cải thiện điều kiện làm việc, chia đất cho người nghèo. Bãi bỏ các loại thuế do Pháp đặt ra: thuế đất, thuế thân - những khoản thuế này chiếm 3/4 thuế thu nhập thương niên của chính phủ - bãi bỏ thuế sản xuất muối và rượu, các loại thuế buôn bác khác cũng lập tức bị bãi bỏ, đồng thời chính thức cấm tiêu thụ thuốc phiện và lao động khổ sai. Công bố ngày làm việc tám giờ và người chủ phải cho người làm thuê biết những lý do, báo trước một thời gian cho họ trước khi bị sa thải. Ở nông thôn, việc thuế đất được lệnh cắt giảm 25 phần trăm và tất cả những món nợ lâu năm bị xoá bỏ.

Tuy nhiên, chính phủ không quốc hữu hoá cơ sở công nghiệp hoặc thương mại, không tham vọng chương trình cải cách ruộng đất bằng cách tịch thu ruộng đất của người giàu chia cho người nghèo. Lúc đó, chỉ có ruộng đất của bọn thực dân Pháp và bọn tay sai người Việt mới bị tịch thu. Trong những bài báo và phát biểu trong thời gian chiến tranh Thái Bình Dương, Hồ Chí Minh đã nói rõ, sau khi cuộc tổng khởi nghĩa thành công, xã hội Việt Nam bước vào giai đoạn đầu tiên, tức giai đoạn dân chủ nhân dân theo quá trình cách mạng của Lenin. Giai đoạn đó nổi bật là sự thành lập

chính phủ mặt trận thống nhất mở rộng, đại diện cho khối đoàn kết toàn dân và những chính sách cải cách ôn hoà trong kinh tế và xã hội.

Quyết định chính phủ lâm thời thể hiện bộ mặt ôn hoà trước nhân dân Việt Nam, một nước cờ mà Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông tính toán nhằm thu hút sự ủng hộ của tất cả các tầng lớp nhân dân để tập trung vào nhiệm vụ then chốt trước sự đe doạ của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài. Dù những nỗ lực của Hồ nhằm tránh xúc phạm những người ôn hoà, tuy nhiên chính phủ không phải lúc nào cũng kiểm soát được những phần tử quá khích ở địa phương muốn ghi điểm cá nhân hoặc thúc đẩy đấu tranh giai cấp. Trong một số trường hợp, những người giàu hoặc hoặc quan lại bị đánh, bị bắt hoặc thậm chí bị thủ tiêu. Ở một số làng ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, những hội đồng vừa được bầu ra đã tuyên bố ngang ngược bãi bỏ những phong tục lễ nghi truyền thống và tịch thu tài sản của những người giàu. Để tránh phức tạp, chính phủ cử những đảng viên chủ chốt xuống cơ sở để đảo ngược lại những biện pháp đó, làm giảm đi tinh thần hăng hái của những phần tử cách mạng quá khích.

Trong khi Hồ Chí Minh đang chau chuốt nét bút cuối cùng cho bản Tuyên Ngôn Độc lập, thì những đơn vị đầu tiên quân Tưởng Giới Thạch vượt qua biên giới, đang tiến về Hà Nội. Dưới mắt nhiều người Việt Nam, quân Tưởng là một lũ khố rách áo ôm, bộ quân phục màu vàng lôi thôi, rách rưới, đồ dùng của họ treo lủng lẳng ở hai đầu đòn gánh đặt trên vai, chân sưng do bệnh phù thũng vì thiếu dinh dưỡng. Nhiều người trong số họ mang theo vợ con.

Đó không phải là đám lính thiện chiến của quân đội Quốc Dân Đảng. Vì những lý do chính trị, Tưởng Giới Thạch đã bỏ kế hoạch

sử dụng đám lính thiện chiến ở tỉnh Quảng Tây của Trương Phát Khuê làm lực lượng chính chiếm đóng Đông Dương. Tưởng Giới Thạch chỉ thị Lư Hán, tư lệnh tỉnh Vân Nam, cử Quân Đoàn I xuôi sông Hồng về Hà Nội. Trong khi đó, tướng Tiêu Văn, người đỡ đầu Hồ Chí Minh một vài tháng trước đây ở Liễu Châu, chỉ huy những đơn vị tỉnh Quảng Tây của Trương Phát Khuê vượt biên giới tại Lạng Sơn. Lư Hán được bổ nhiệm làm tư lệnh lực lượng chiếm đóng, khoảng 180.000 quân, còn Tiêu Văn được cử làm cố vấn chính trị. Trong hành trang của họ có Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh và những thành viên khác phong trào dân tộc chủ nghĩa sống lưu vong nhiều năm ở nam Trung Hoa.

Ngày 9 tháng 9, bộ phận chính của quân đội tướng Lư Hán vào Hà Nội. Archimedes Patti miêu tả cảnh này:

*Suốt đêm, quân Lư Hán đổ vào thành phố. Chúng tôi nghe rõ tiếng bước chân, tiếng động cơ rồi tiếng quát tháo. Sáng hôm sau, đập vào mắt chúng tôi là một cảnh tượng gây sốc thực sự. Chất lượng "quân đội" Trung Hoa biến đổi một cách thảm hại. Các đơn vị "tinh nhuệ" hôm qua đã biến thành đội quân "thổ phỉ".*

*Tôi chứng kiến cảnh tượng trên khắp phố xá là cảnh hỗn loạn, lính Tàu đi lại lang thang vô mục đích. Trên các hè phồ, lề đường, vườn hoa, ngổn ngang quân lính và thân nhân của của họ, các dụng cụ gia đình lẫn lộn với quân trang quân dụng. Một số đám đang đun chè uống, xếp đồ đạc, thậm chí giặt giũ.*

Đối với Hồ Chí Minh, bề ngoài của đội quân này không quan trọng bằng mục đích của nó. Vẻ ngoài họ được cử đến để chấp nhận sự đầu hàng quân đội Nhật Bản, bảo vệ luật pháp, lập lại trật tự ở Đông Dương cho tới khi chính quyền dân sự mới thành lập. Nhưng chính phủ Trùng Khánh đã nhìn thấy trước chính phủ nào ở Đông Dương, Trung Hoa đóng vai trò gì tại đó sau hậu chiến? Dù

tại Hội nghị Cairo năm 1943, Tưởng Giới Thạch đã hứa với tổng thống Roosevelt, Trung Hoa không có ý định chiếm Việt Nam, hình như ngay hồi ấy đã có nghi ngờ chính phủ Tưởng Giới Thạch định thao túng tình hình địa phương để duy trì ảnh hưởng ở Việt Nam. Tiếp theo chính quyền chiếm đóng Trung Hoa phản ứng như thế nào đối với những dã tâm của Pháp khôi phục sự cai trị thuộc địa ở Việt Nam dưới chính quyền của họ? Dù một số sĩ quan quân đội Trung Hoa, như tướng Trương Phát Khuê, có tư tưởng chống Pháp, nhưng những người khác có thể bị mua chuộc để tiến hành thoả hiệp với Pháp để mở rộng lợi ích của Trung Hoa. Đây là mối quan tâm Hồ Chí Minh đã bày tỏ với Patti trong cuộc gặp ngày 26-8-1945.

Thậm chí trước khi phát động Cách mạng tháng Tám, giới lãnh đạo đảng đã tính đến việc nên bàn bạc với Đồng Minh như thế nào. Tại cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Tân Trào giữa tháng Tám, Hồ Chí Minh đã giải thích cho các đồng chí của ông về sự phức tạp của vấn đề và chính phủ lâm thời tương lai phải lợi dụng khai thác những mâu thuẫn trong Đồng Minh để giành thuận lợi cho mình. Trong bước đó, ông phân tích thấu đáo tình hình thế giới theo quan điểm của ông và điều đó sẽ có tác động ra sao tới cách mạng Việt Nam. Theo quan điểm của Hồ, nguy hiểm nhất là Liên minh Pháp - Tưởng. Pháp khát khao khôi phục lại địa vị cai trị thuộc địa, còn Tưởng âm mưu giành lấy quyền kiểm soát Bắc Việt Nam hoặc ủng hộ đám người quốc gia chủ nghĩa thân Trung Hoa để cướp chính quyền ở Hà Nội. Ông tiên đoán những mâu thuẫn trong Đồng Minh sẽ dẫn đến hai hướng khác nhau: Thứ nhất, những khác biệt xuất hiện một bên giữa Mỹ - Tưởng và bên kia Anh - Pháp đối với việc Pháp thèm khát khôi phục chính quyền thuộc địa. Ông nói, đây là yếu điểm Việt Nam cần khai thác. Mặt khác, nếu căng thẳng giữa Đồng Minh và Liên

Xô tăng lên, có thể khiến Mỹ và Anh quay sang ủng hộ Pháp, cho phép họ trở về Đông Dương.

Trong hoàn cảnh này, Hồ Chí Minh đề xuất chia Đồng Minh thành hai phần riêng biệt, hai chiến thuật khác nhau để ứng phó với từng bên. Ông giải thích, đối với Pháp *"Chúng ta phải tránh xung đột quân sự, nhưng khi họ kéo tới, chúng ta cần phải lãnh đạo quần chúng biểu tình chống lại mưu đồ của Pháp khôi phục quyền lực của họ ở Đông Dương".* Đối với Anh và Tưởng, nên có cách thích hợp để tránh đụng độ với lực lượng của họ, phát triển quan hệ hữu nghị với cả hai chính phủ, nhưng nếu họ xâm phạm chủ quyền chính phủ lâm thời thì cần phải huy động quần chúng đòi độc lập dân tộc. Đặc biệt, điều quan trọng phải tránh chiến đấu đơn độc, cái đó chỉ có lợi cho Pháp và bọn tay sai bán nước mà thôi.

Dựa trên chính sách đó, chính phủ mới đã hết sức mềm dẻo với Tưởng. Khi Tiêu Văn, người có thời bảo trợ Hồ Chí Minh, đến Hà Nội làm cố vấn chính trị cho tướng Lư Hán, Hồ thận trọng bày tỏ khát khao chính phủ ông cộng tác với chính quyền Trung Hoa. Để giảm thiểu nguy hiểm do những đụng độ quân sự giữa những đơn vị quân đội Việt Nam và Trung Hoa, Việt Nam Giải Phóng Quân được đổi tên thành Vệ Quốc Quân, quân đội của Võ Nguyên Giáp rút ra khỏi Hà Nội, đồng thời cẩn thận bố trí lại các đơn vị khác đóng ở thủ đô để tránh xung đột. Khi tướng Lư Hán đến Hà Nội ngày 14-9-1945, chính phủ không phản đối ông chiếm Phủ Toàn quyền từ tay Pháp làm đại bản doanh. Thất thế, Sainteny và tuỳ tùng buộc phải chuyển đến một biệt thự gần Ngân hàng Đông Dương, khi đó vẫn do Nhật chiếm.

Một khó khăn tiềm ẩn giữa chính phủ và quân Tưởng là đối xử như thế nào đối với những chính khách quốc gia chủ nghĩa Việt

Nam theo chân quân Tưởng đến Hà Nội. Trên đường từ biên giới về Hà Nội, một số chính khách đã âm mưu chiếm những trụ sở Uỷ ban Nhân dân Cách mạng địa phương, nên chính phủ phải cử phái viên tới các tỉnh biên giới chỉ thị những đơn vị quân đội địa phương và cán bộ chính quyền tránh va chạm với đám người mới đến. Chân ướt chân ráo đến Hà Nội, Nguyễn Hải Thần cùng cộng sự của ông ở cùng một khu phố, âm mưu thành lập một "vùng tự trị", làm căn cứ kích động chống lại chính phủ mới.

Trong đầu Hồ Chí Minh hiểu rõ Mỹ có thể đóng vai trò then chốt trong ván cờ gạt những đối đầu của các thế lực trên thế giới và ông tìm cách tận dụng mọi cơ hội từ mối quan hệ lỏng lẻo ông đã gây dựng với Cơ quan Tình báo Chiến lược vào mùa xuân năm 1945. Nhưng Hồ cần phải hiểu, những cố gắng của ông mang lại kết quả rất nhỏ nhoi. Giữa tháng 8 -1945, ông viết bức thư cuối cùng cho Charles Fenn, bạn ông và người cộng tác với Văn Phòng Trợ Giúp Không Lực Mặt Đất đang chuẩn bị trở về Mỹ. Ông nhấn mạnh, thật hạnh phúc cho tất cả mọi người khi chiến tranh kết thúc, nhưng cảm thấy rất buồn khi những người bạn Mỹ đã nhanh chóng bỏ rơi ông. Ông nói *"Và việc họ ra đi có nghĩa là những mối quan hệ giữa các ông và chúng tôi sẽ xấu đi".*

Nhìn lại sự việc, nhận xét của Hồ tỏ ra ông đã có con mắt nhìn xa trông rộng, họ hoàn toàn biết Hồ đã hiểu về thực chất thế giới và những chính sách trong tương lai của Mỹ. Khi chiến tranh Thái Bình Dương chấm dứt, Hồ nhìn nước Mỹ như là một yếu tố trụ cột nhưng bí hiểm đối với cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc của ông. Là nước tư bản, Mỹ sẽ chống lại cách mạng thế giới trong tương lai. Mặt khác, tổng thống Roosevelt trong thời gian chiến tranh Thái Bình Dương thể hiện người có quyền lực lớn nhất, cất tiếng nói mạnh mẽ ủng hộ việc giải phóng các dân tộc bị áp bức châu Á, châu Phi và Hồ có lẽ tưởng Roosevelt sẽ tiếp tục giữ quan

điểm ấy sau khi kết thúc chiến tranh.

Quan điểm của Hồ giờ đây về tính hai mặt của Mỹ, vừa bật đèn xanh cho quyền tự do con người và vừa là một thành trì của chủ nghĩa tư bản toàn cầu, đã được thể hiện sinh động trong nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua tại Tân Trào vào giữa tháng 8-1945. Một mặt, Hồ cảm thấy việc Mỹ không ưa chủ nghĩa thực dân châu Âu có thể mang lại thuận lợi cho cuộc đấu tranh của Đảng ngăn cản Pháp chiếm quyền lực ở Đông Dương. Mặt khác, nếu mâu thuẫn giữa chính quyền các nước tư bản chủ nghĩa và Liên Xô tăng lên, Washington có thể nhượng bộ Paris để tranh thủ Pháp cố gắng cản trở sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản.

Khi Harry S. Truman lên làm tổng thống sau khi Roosevelt qua đời tháng 4-1945, ông ngầm từ bỏ những cố gắng Roosevelt ngăn cản phục hồi quyền lực Pháp ở Đông Dương. Tại hội nghị San Francisco thành lập Liên hiệp Quốc tháng 5-1945, quan chức Mỹ thể hiện họ không chống đối Pháp trở lại Đông Dương sau khi kết thúc chiến tranh. Sự thay đổi chính sách đó đã bị các chuyên viên Vụ châu Á thuộc Bộ Ngoại Giao phản đối, nhiều người trong số họ thiện cảm với nguyện vọng của nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc. Nhưng Vụ châu Âu lập luận, việc Mỹ chống đối chủ quyền của Pháp ở Đông Dương có thể làm phức tạp mối quan hệ với Paris sau chiến tranh - trong khi sự căng thẳng giữa Moscow và Washington đang tăng lên ở châu Âu - thì quan điểm của họ thắng thế. Tháng 3-1945, Charles De Gaulle, cầm đầu “Nước Pháp Tự do”, cố gắng xoa dịu những lo âu của Mỹ bằng cách hứa hẹn, sẽ có *“quyền tự trị tương xứng với tiến bộ và thành quả”*. Tại San Francisco, đại diện Mỹ đáp lại bằng cách tuyên bố, Washington sẽ không thúc ép đưa Đông Dương vào sự uỷ thác quản trị quốc tế. Dù vậy, để chiều lòng quan điểm của những chuyên viên Vụ châu

Á Bộ Ngoại Giao, chính quyền *"phải bảo đảm có những biện pháp tiến bộ cho chính phủ tự trị của tất cả các dân tộc mong muốn độc lập thực sự hoặc sát nhập vào liên bang tuỳ theo hoàn cảnh và khả năng của dân tộc đó đảm đương trách nhiệm này"*.

Cuối tháng 8-1945, ngay lúc Việt Minh đang củng cố chính quyền ở Hà Nội, De Gaulle gặp Truman tại Nhà Trắng. De Gaulle bác bỏ đề nghị của Truman trao trả độc lập cho Đông Dương, viện cớ, bất kỳ những tuyên bố công khai sẽ chỉ là *"hứa suông"*. De Gaulle cam đoan với Mỹ, chính phủ Pháp sẽ có những bước đi thích hợp để cuối cùng đưa tới chính phủ tự trị của các dân tộc trong khu vực này. Vài ngày sau, Bộ Ngoại giao Mỹ tuyên bố Mỹ không phản đối Pháp đòi lại chủ quyền ở Đông Dương. Không may, tin về quyết định này mãi đến tận tháng 10-1945 mới đến tai Trùng Khánh. Do đó, Archimedes Patti và những người Mỹ khác đến Hà Nội chẳng nhận được chỉ thị chính thức nào của Đại sứ quán Mỹ tại Trùng Khánh về tương lai chính sách của Mỹ trong khu vực này.

Không biết Patti có biết gì hơn mình về chính sách hiện thời của Mỹ, Hồ Chí Minh cố gắng làm yên lòng Pattti. Trong cuộc gặp Patti ngày 26-8-1945, Hồ trình bày những mưu toan của Tưởng ở Đông Dương, cũng như những mưu toan của Pháp. Sau đó, ngày 1-9-1945, Hồ lại gặp Patti phàn nàn, nhiều quan chức Mỹ không hiểu Tưởng và Pháp đang có ý định làm gì ở Đông Dương. Để xua tan nghi ngờ của Mỹ về xu hướng tư tưởng của chính phủ mình, một lần nữa ông phủ nhận Mặt trận Việt Minh do Đảng cộng sản Đông Dương thống trị và nói chính phủ ông sẵn sàng chấp nhận một hình thức độc lập tối thiểu từ Pháp (trong bức điện tín mô tả về cuộc gặp, Patti trích dẫn lời Hồ chỉ yêu cầu *"độc lập có giới hạn, thoát khỏi thống trị Pháp, quyền được sống như một dân tộc tự do trong đại gia đình các dân tộc và sau cùng là quyền được bàn bạc trực*

*tiếp với thế giới bên ngoài").* Để khích lệ, Hồ nói với Patti, Việt Nam rất cần đầu tư và sự giúp đỡ của Mỹ, vui lòng dành cho Mỹ những nhượng bộ đặc biệt trong quyền lợi thương mại ở Việt Nam.

Theo ý kiến cá nhân, Patti (có lẽ giống như bất cứ người Mỹ nào gặp Hồ trong những ngày gần kết thúc chiến tranh) đều có thiện cảm với Hồ Chí Minh và tân chính phủ, nhưng Patti chỉ làm việc trong giới hạn liên quan tới nhiệm vụ của ông trong những nhập nhằng chính sách của Mỹ, vì thế không dám hứa hẹn điều gì. Một chuyến đi ngắn tới Côn Minh đầu tháng 9-1945 cũng không làm dịu mối quan tâm của Patti. Richard Heppner, thủ trưởng Cơ quan Tình báo Chiến lược bất bình việc Patti thiện chí làm trung gian trong những cuộc tranh cãi Pháp - Việt Minh và ra lệnh cho ông kiềm chế những hoạt động chính trị tương lai. Bỏ lại những kế chước của mình, Hồ Chí Minh quyết định quay sang Tưởng. Khi tướng Tiêu Văn gặp ông đầu tháng 9-1945, nhắc khéo nên bổ xung thêm những lãnh tụ không cộng sản vào chính phủ lâm thời, Hồ đáp lại, mục tiêu cuối cùng của ông là *"dân chủ hoá"* chính phủ nhưng cuộc bầu cử đó có thể được tiến hành cuối năm.

Trong khi Hồ Chí Minh và các đồng sự đang cố gắng bảo vệ chính phủ non trẻ ở Hà Nội thì ở phía Nam phải đối mặt với nhiều đe doạ trực tiếp. Sau sự kiện cướp chính quyền ầm ĩ tại Sài Gòn ngày 25-8-1945, tình hình tại đó bắt đầu đi vào ổn định, khi Uỷ ban Nam Bộ, do Trần Văn Giàu lãnh đạo, cố gắng củng cố quyền lực chuẩn bị đối phó cho việc lực lượng chiếm đóng Anh sắp kéo vào. Vài ngày sau, Hoàng Quốc Việt đến Sài Gòn với tư cách đại diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông khuyên Giàu tránh những hành động khiêu khích hay bất cứ sự đối đầu nào với quân đội Anh khi họ tới. Nhưng vị thế của Giàu khá tế nhị. Ông buộc phải chia sẻ quyền lực của Uỷ ban cho những đại diện đảng phái đối địch, những người này không những luôn luôn nghi ngờ bản

chất của Việt Minh mà còn rình rập thời cơ tố cáo Việt Minh thoả hiệp với quân thù. Bất chấp sự có mặt của Hoàng Quốc Việt, Giàu và các đồng sự coi như vẫn còn bị mất sự lãnh đạo của Đảng từ Hà Nội, buộc phải tự quyết định theo đường lối riêng làm cho tình hình càng tồi tệ hơn.

Chỉ khi gặp Hoàng Quốc Việt họ mới biết nhân vật bí ẩn Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc. Từ lâu đã quen tự quyết định tình hình, những người lãnh đạo phía Nam không nhiệt tình với những đề xuất của Hoàng Quốc Việt, đôi khi coi như là mệnh lệnh. Ngược lại, Hoàng Quốc Việt, một lãnh tụ xuất thân từ phong trào công nhân, tư tưởng chính trị cứng nhắc, có lẽ nhìn Giàu và hội của Giàu như những kẻ phiêu lưu tiểu tư sản đã bị nhiễm lối sống của tư bản Sài Gòn. Sự chia rẽ giữa Xứ uỷ hai miền từ cuối những năm 1930 nay càng trở nên căng thẳng giữa hoàn cảnh hai vùng trước và sau Cách mạng tháng Tám.

Ngày 2-9-1945, dân chúng tập hợp đông đảo phía trước dinh Norodom ở trung tâm Sài Gòn mừng Ngày Độc Lập và nghe đài phát thanh truyền bài phát biểu của Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Nhưng căng thẳng giữa người Việt và Pháp kiều ở thành phố này lên rất cao. Đoàn người biểu tình bắt đầu tuần hành trên phố Catinat, một phố buôn bán sầm uất nối từ nhà thờ đến sông Sài Gòn, bất thình lình có tiếng súng nổ vang ở sân phía trước nhà thờ. Đám đông bị kích động, nhiều thanh niên nổi giận xông vào những toà nhà gần đó tìm kẻ bắn tỉa người Pháp. Thế là mọi việc trở nên hỗn loạn không thể kiềm chế. Cha Tricoire, quản trị nhà thờ, trúng đạn chết ngay tại thềm cửa nhà thờ. Được cổ vũ bởi sự quá khích, bạo lực lan ra, nhà cửa bị đập phá, cửa hàng bị cướp bóc, đám quá khích tràn ra đường phố tìm người Âu đánh đập. Kết thúc “Chủ nhật đen” - báo chí Pháp đặt tên - với bốn người chết và hàng trăm người bị thương.

Suốt mấy ngày sau, Trần Văn Giàu kêu gọi đồng chí của mình duy trì kỷ luật, kiềm chế tránh bị lôi kéo vào những hành động manh động, nhưng những người dân tộc chủ nghĩa và nhóm Trotskyst chỉ rình khai thác những sơ suất của Việt Minh để trục lợi. Đối lập với Việt Minh là hai giáo phái Cao Đài và Hoà Hảo, cả hai giáo phái bắt nguồn và sinh sôi nảy nở trên đồng bằng Mekong từ đầu thế kỷ XX. Thuyết pháp hổ lốn về bản chất và hăng hái duy trì quyền lực với đám tín đồ, hai giáo phái thu nạp vài trăm ngàn giáo dân, cũng ra sức củng cố quyền lực trong khu vực hoạt động của mình, chống lại sự bành trướng của Việt Minh.

Ngày 12-9-1945, những đơn vị đầu tiên lực lượng chiếm đóng Anh, chủ yếu sư đoàn Gurkhas, một vài lính Pháp, tới sân bay Tân Sơn Nhất. Thiếu tướng Tư lệnh Anh, Douglas Gracey, ngày hôm sau cũng tới. Dáng khắc khổ, với bộ ria mép, Gracey là đặc trưng cho các vị tướng Anh. Ông là con trai của một viên chức thực dân ở Ấn Độ, tốt nghiệp học viện quân sự Sandhurst. Sư đoàn 20 Ấn Độ của ông vừa chiến thắng chống quân Nhật ở Burma. Gracey đã có nhiều thời gian trong đời binh nghiệp ở các xứ thuộc địa và ông được binh sĩ (người Á châu) kính trọng vì lòng dũng cảm và sự công bằng. Có vẻ như Gracey là sự bổ nhiệm hoàn hảo cho nhiệm vụ tiếp quản sự đầu hàng của Nhật và duy trì luật pháp tại Đông Dương cho tới khi đạt được sự dàn xếp chính trị.

Tuy nhiên ngay từ những ngày đầu ông đã gặp phải những vấn đề lớn. Đầu tiên là thiếu kinh nghiệm xử lý chính trị, xuất phát từ nguồn gốc gia đình. Do phục vụ lâu trong quân ngũ Anh, Gracey coi việc các dân tộc châu Á phải bị cai trị là đương nhiên. Thêm nữa, nhiệm vụ được giao cũng không rõ ràng. Khi ở Rangoon, ông được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh tất cả lực lượng bộ binh Đồng Minh ở nam Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở xuống, nhưng trên đường tới Sài Gòn, trung tướng William J. Slim, Tổng tư lệnh lực

lượng bộ binh Anh ở chương trình Đông Nam Á đã thay đổi mệnh lệnh gửi ông. Gracey được lệnh duy trì luật pháp và trật tự chỉ ở những vùng trọng yếu của Đông Dương, trừ khi nhà cầm quyền Pháp hoặc tướng Louis Mountbatten, Tư lệnh tối cao Bộ Tư Lệnh Đồng Minh ở Đông Nam Á (SEAC) yêu cầu. Trụ sở Bộ Tư Lệnh Đồng minh tại Ceylon, chỉ huy các hành động Đồng Minh tại nhiều khu vực này trong chiến tranh Thái Bình Dương. Hàm ý của tướng Slim trao lại nửa phía nam Đông Dương cho Pháp.

Những điều kiện tại Sài Gòn khi Gracey tới cũng không thuận lợi. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, vấn đề then chốt duy trì luật pháp và trật tự không còn nữa. Cảnh sát Việt Nam tuần tra thành phố bây giờ không biết phụng sự cho ai. Ngày 8-9-1945, Trần Văn Giàu kêu gọi dân chúng địa phương bình tĩnh và sự cộng tác Uỷ ban Nam Bộ, ngay lập tức bị các thành viên dân tộc chủ nghĩa phê phán, ngay cả một số thành viên của đảng, cũng nghi ngờ ông là “tay sai” của Pháp. Ngày hôm sau, Uỷ ban này tái cơ cấu, Giàu từ chức chủ tịch nhường chỗ cho Phạm Văn Bạch, một người dân tộc chủ nghĩa. Thành phần của Uỷ ban được mở rộng, Việt Minh chỉ chiếm 4 trong 13 chỗ. Ngày 12-9-1945, tù binh Pháp được lính Pháp đi theo Gracey giải cứu ùa ra đường, đập phá cướp bóc cửa hiệu và tấn công những người Việt nam. Kinh hãi trước tình cảnh hỗn loạn tại Sài Gòn, Gracey chỉ còn cách duy nhất ông có thể làm được, ra lệnh quân đội Nhật Bản tước vũ khí của tất cả những người Việt Nam, đuổi Uỷ ban Nam Bộ ra khỏi dinh Toàn quyền. Bộ chỉ huy Anh tuyên bố quân đội Anh sẽ duy trì luật pháp và trật tự cho đến khi chế độ thực dân Pháp được phục hồi.

Nhận chỉ thị từ Hà Nội tránh quân đội Anh tìm cớ can thiệp mạnh hơn, Trần Văn Giàu và những uỷ viên Uỷ ban Nam Bộ tìm cách ngăn cản bùng nổ xung đột, nhưng để phòng ngừa Giàu bắt đầu rút những những đơn vị Việt Minh chủ lực ra khỏi thành phố.

Trong suốt mấy ngày sau, lực lượng Gracey bắt đầu quét sạch quân “phiến loạn” ra khỏi những vị trí trọng yếu. Trong khi đó, Trần Văn Giàu và những uỷ viên Uỷ ban Nam Bộ tìm cách thoả hiệp với Jean Cedile, đại diện cao cấp Pháp ở Nam Kỳ. Cedile, vừa nhảy dù xuống Nam Kỳ ngày 22-8-1945, một người có quan điểm chính trị tự do và ôn hoà, nhưng những cuộc hội đàm cũng chẳng đi đến đâu. Cedile yêu cầu, tương lai chính trị của Đông Dương chỉ được thảo luận sau khi chế độ cai trị thực dân Pháp được khôi phục lại, còn Giàu khăng khăng việc này phải được làm trước khi Pháp công nhận nền độc lập dân tộc Việt Nam. Những cuộc thương lượng tiếp theo vào tháng 9-1945 theo sắp đặt của trung tá Mỹ Peter Dewey, người giống hệt Patti, cả hai bên đều cứng rắn không thể thoả hiệp được. Như nhà ngoại giao Pháp Bernard de Folin nhận xét, đây là của đối thoại của bọn điếc.

Đến giữa tháng 9-1945, Phạm Văn Bạch, tân chủ tịch Ủy Ban Nam Bộ cho rằng các cuộc đàm phán với Pháp vô nghĩa, ông kêu gọi tổng bãi công vào ngày 17-9-1945. Ngay lập tức Gracey ra lệnh thiết quân luật, thả tất cả quân Pháp (chủ yếu lính lê dương), trang bị vũ khí cho họ, ra lệnh lập lại trật tự. Đụng độ đã xảy ra giữa quân Việt Nam và Pháp, tình hình nóng lên. Đêm 22-9-1945, Cedile ra lệnh cho quân Pháp chiếm lại tất cả các vị trí trọng yếu, đuổi Uỷ ban ra khỏi trụ sở mới là toà Thị Chính Sài Gòn. Sáng hôm sau, 22.000 người Pháp hân hoan biết rằng Sài gòn lại dưới quyền cai trị của họ. Người Pháp tràn ra đường phố đánh đập bất cứ người Việt nam nào bất kể trẻ già, trai, gái chúng gặp trên đường. Hàng trăm, có lẽ hàng ngàn người bị thương.

Đại tá Dewey, đại diện cao cấp Mỹ tại Sài Gòn, kinh hãi trước hành động kiên quyền của Cedile. Dewey tốt nghiệp Đại học Yale, từng là nhà báo tờ Chicago Daily News, được Cơ quan Tình báo Chiến lược tuyển dụng năm 1943 và phục vụ ở chiến trường châu

Âu. Dewey, 28 tuổi, con trai đại sứ Mỹ tại Pháp, nói thành thạo tiếng Pháp nhưng có quan điểm chống chính sách thuộc địa giống như Archimedes Patti ở Hà Nội. Dewey tức tốc tới đại bản doanh quân Anh để phàn nàn với Gracey, nhưng viên tướng này từ chối tiếp Dewey. Thực vậy, Gracey đổ lỗi cho những lộn xộn mới đây tại Sài Gòn là do những hoạt động của nhóm Cơ quan Tình báo Chiến lược mà ông gán cho là *"rõ ràng có ý đồ lật đổ"*, yêu cầu Dewey phải rời Đông Dương càng sớm càng tốt. Nhưng đồng ý rút quân Pháp ra khỏi đường phố, chuyển nhiệm vụ duy trì luật pháp và trật tự hoàn toàn cho quân Nhật.

Mãi đến tận lúc đó, đại diện Việt Minh tại Sài Gòn mới nhận ra những hoạt động quá khích, như đã xảy ra trong vụ *"Chủ Nhật đen"* ngày 2-9-1945, không phải là một phần của giai đoạn đầu của cách mạng Việt Nam, sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc, nhưng những lệnh đó đã bị phớt lờ. Ngày 24-9-1945, vài trăm người Việt Nam vũ trang, chủ yếu Cao Đài và Bình Xuyên cùng nhóm tội phạm địa phương tại Sài Gòn, tràn vào khu phố Heraut người Pháp sinh sống, hô lớn *"giết hết bọn Tây"*. Dù xung quanh được quân Nhật gác, nhưng hơn 150 người Âu châu bị thảm sát, phần đông phụ nữ và trẻ em, trong khi quân đội Nhật Bản khoanh tay đứng nhìn. Một trăm người Pháp bị lôi đi mất tích. Bạo lực lan ra cả nông thôn xung quanh, ở đó những vụ bạo động của nông dân tàn phá nhiều trang trại, cướp và chia đất của những người giầu, giết một vài địa chủ.

Lúc này Trần Văn Giàu không còn tin tưởng vào khả năng của mình đưa đến thoả hiệp nữa. Lo sợ những đối thủ dân tộc chủ nghĩa sẽ chiếm vai trò lãnh đạo phong trào, ông kêu gọi một cuộc tổng bãi công mới, ra lệnh cho các đồng chí của ông bao vây thành phố. Chiến luỹ được dựng lên ngăn cản người Pháp ra khỏi Sài Gòn và ngăn người Việt Nam từ ngoài vào. Trong bức điện gửi

Patti ở Hà Nội, Dewey (miêu tả sự bất ổn tại Sài Gòn là *“chiến tranh cận kề”)* nói rằng *“Nam Kỳ đang bùng cháy”,* yêu cầu người Mỹ *“cần hoạt động ở Đông Nam Á”.* Chiều hôm sau, trên đường ra sân bay, ông bị trúng đạn khi ngồi xe Jeep tại một chiến luỹ ở thành phố và chết ngay tại chỗ. Ngay sau đó, trụ sở Cơ quan Tình báo Chiến lược gần đó cũng bị những đơn vị Việt Nam tấn công suốt vài giờ, chỉ chấm dứt khi binh sĩ sư đoàn Gurkhas của Gracey đến giải cứu.

Cái chết của Đại tá Dewey, quân nhân Mỹ đầu tiên chết ở Việt Nam, gây nên những lời buộc tội lẫn nhau. Người ta đổ lỗi cho cả hai phía. Một cuộc điều tra của nhóm Cơ quan Tình báo Chiến lược kết luận, không có bằng chứng nào về âm mưu độc ác chống Dewey do người Mỹ hoặc do Việt Minh. Trên thực tế, người Mỹ tại Sài Gòn lúc đó tin rằng người Việt Nam nhìn họ khác hẳn với những người phương Tây, có nhiều thiện cảm với nguyện vọng giành độc lập dân tộc. Trách nhiệm riêng cho vụ này thuộc về tướng Gracey, vì Gracey đã từ chối cho phép Dewey cắm cờ Mỹ trên xe Jeep của mình, lập luận, ông không phải là sĩ quan được hưởng quyền cắm cờ trên xe. Đây là sự đổ máu đáng buồn giữa Gracey và phái bộ Mỹ tại Sài Gòn. Các sĩ quan Cơ quan Tình báo Chiến lược kết luận sự cố này có lẽ do nhầm lẫn, binh sĩ Việt Nam cho rằng xe Jeep chở lính Pháp. Khi nghe Patti thông báo, Hồ Chí Minh buồn rầu, ông viết một thư riêng gửi tổng thống Truman, bầy tỏ sự đáng tiếc xảy ra.

Sự cố này cũng đem lại những hậu quả cho Bộ Tư Lệnh Anh ở Đông Nam Á. Báo chí đưa tin tình hình tại Sài Gòn làm hại thanh danh vai trò của lực lượng gìn giữ hoà bình của Anh ở Đông Dương. Bực mình về những sự kiện cuối tháng 9-1945, Thượng nghị sĩ Mountbatten gặp Cedile và tướng Gracey ở Singapore, ra lệnh cho họ phải thu xếp một cuộc ngừng bắn, chấm dứt những

xung đột đang lan rộng. Ông khiển trách Gracey vì cố áp dụng luật pháp và trật tự một cách bừa bãi ở Nam Kỳ, đã từ chối thương thuyết với nhà cầm quyền Việt Nam. Nhưng ý kiến của Mountbatten không làm cho tình hình dịu đi, do xuất hiện cả hai phía. Đầu tháng 11-1945, quân Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Henri Leclerc bắt đầu tới Sài Gòn, vài ngày sau - Pháp kiều ở thành phố này ăn mừng tại sân thể thao Cercle Sportif nằm ngay phía sau Phủ Toàn quyền - Gracey ký thoả thuận trao lại quyền cai trị cho người Pháp ở toàn bộ phía nam Đông Dương kể từ vĩ tuyến 16 trở xuống.

Ngày 10-10-1945, lực lượng Trần Văn Giàu tấn công quân Pháp và Anh tại sân bay Tân Sơn Nhất và trạm kiểm soát trên đường vào thành phố. Trong vài tuần lễ sau, những đơn vị quân đội còn lại Việt Minh và những nhóm dân tộc chủ nghĩa khác bị Pháp đánh bật khỏi Sài Gòn. Những cán bộ Việt Minh dưới sự chỉ huy của Lê Duẩn - đã nhiều năm ngồi tù - họp tại một địa điểm bí mật ở đồng bằng Cửu Long bắt đầu chuẩn bị chiến tranh. Nhưng lực lượng Việt Minh thiếu sức mạnh và kinh nghiệm đối phó với quân Pháp giàu kinh nghiệm vừa dồn quân Việt Nam ra khỏi ngoại thành, buộc phải lẩn trốn vào đầm lầy và rừng sâu. Trong khi đó, Hoàng Quốc Việt cố gắng thống nhất những đảng phái chính trị khác nhau và hai giáo phái để tập hợp lực lượng chống Pháp.

Khi tình hình ở Nam Kỳ xấu đi, chính phủ Hồ Chí Minh ở Hà Nội làm tất cả những gì có thể làm để giúp đỡ. Ngày 26-9-1945, qua đài phát thanh, Hồ Chí Minh đọc bức thư gửi đồng bào miền Nam, hứa, toàn thể dân tộc sẽ huy động sức mạnh của mình để giành thắng lợi. Ở một số tỉnh Trung Kỳ, người dân đổ vào Nam - “Nam tiến” - chiến đấu chống Pháp. Tuy nhiên, trong những cuộc họp kín, Hồ khuyên các đồng chí phải kiên nhẫn, dẫn ra những thí dụ trong lịch sử Việt Nam, chỉ có cuộc chiến tranh lâu dài mới

giành được thắng lợi.

Thực vậy, tân chính phủ cũng chưa sẵn sàng một cuộc chiến tranh. Tình hình kinh tế ở miền Bắc vẫn còn tồi tệ thảm hại, mặc dù quân Pháp chưa tới, nhưng các đảng phái dân tộc chủ nghĩa, được quân Tưởng hậu thuẫn, đang ngày càng lấn lướt. Trước những đe doạ từ mọi phía, Hồ Chí Minh tìm cách lôi kéo Đồng Minh và cô lập kẻ thù. Để xoa dịu Lư Hán, tư lệnh quân Tưởng, ông ra lệnh thuộc hạ cung cấp đầy đủ thuốc phiện cho Lư Hán. Ông mời cựu hoàng Bảo Đại, bây giờ là công dân Vĩnh Thuỵ, làm cố vấn chính phủ. Rời Huế, tới Hà Nội ngày 6-9-1945, Vĩnh Thuỵ lập tức gặp Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh tỏ ý không tán thành việc ép Bảo Đại thoái vị. Hồ nhấn mạnh *"Cá nhân tôi cho rằng ngài phải lãnh đạo đất nước, còn tôi sẽ lãnh đạo chính phủ".* Tại một bữa ăn tối vài ngày sau, Hồ đề nghị Bảo Đại giữ chức vụ Cố vấn tối cao. Vĩnh Thuỵ chấp thuận.

Dù vậy, áp lực mạnh nhất là những đảng phái dân tộc chủ nghĩa chống Việt Nam. Nguyễn Hải Thần, kẻ thù của Hồ Chí Minh, bây giờ là một ông già 70 tuổi nhưng vẫn là lãnh tụ Đồng Minh Hội, đã công kích chính phủ Hồ Chí Minh - coi *"Hồ và đồng bọn chỉ là bọn khố rách áo ôm"* - sẵn lòng thoả hiệp với Pháp. Các lãnh tụ Đại Việt từ nam Trung Hoa cũng về Hà Nội vào tháng 9-1945, bắt đầu lớn tiếng trong những bức thư đăng trên báo của họ. Dù Hồ cố gắng tỏ thái độ hữu nghị và ôn hoà đối với nhân dân, nhưng ông không thể làm giảm bớt sự chống đối và nghi ngờ với phần tử thù địch dân tộc chủ nghĩa, hầu như họ đã rút ra bài học kinh nghiệm ở nam Trung Hoa, không thể cộng tác với Hồ và các đồng chí Việt Minh của ông. Theo những lãnh tụ dân tộc chủ nghĩa, việc Việt Minh đơn phương cướp chính quyền ở Hà Nội là một bằng chứng về sự tráo trở, lá mặt lá trái của Hồ. Trong khi những phần tử dân tộc chủ nghĩa không có sức mạnh chính trị và quân sự để cạnh

tranh trực tiếp với Việt Minh - như Patti nhận xét, không một lãnh tụ dân tộc chủ nghĩa nào đưa ra được chương trình kinh tế xã hội để giải quyết tình hình và "mất phương hướng chính trị một cách vô vọng" - thì họ có trong tay một con bài quan trọng là sự ủng hộ của quân Tưởng. Tin chắc quân Tưởng buộc phải ủng hộ mình, những phần tử dân tộc chủ nghĩa Vũ Hồng Khanh đã có đường lối cứng rắn khi đàm phán với Việt Minh. Việt Nam Quốc Dân Đảng của Khanh, phát hành một tờ báo đối lập và những loa phóng thanh to tại trụ sở của họ, ra rả tố cáo *"bọn khủng bố đỏ"*.

Nhưng kẻ thù của Hồ cũng chia rẽ, không những bản thân hội của họ mà còn trong quan hệ với Trung Hoa. Những phần tử này thuộc Đồng Minh Hội do tướng Tiêu Văn ủng hộ, trở nên căm ghét Hồ Chí Minh quan điểm độc lập, bây giờ họ hy vọng quân Tưởng và Nhật rút sớm để có thể thành lập chính phủ độc lập dưới sự lãnh đạo của người dân tộc chủ nghĩa. Những nhóm khác, như Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng, được Lư Hán ủng hộ, muốn quân chiếm đóng Tưởng ở lại lâu dài coi như thể hiện mối bang giao bền vững Hoa - Việt.

Trong nội bộ Việt Minh cũng có sự chia rẽ. Theo nhà báo Pháp Philippe Devillers, lúc đó ở Hà Nội, trong chính phủ có ít nhất ba nhóm: Nhóm cộng sản hiếu chiến như Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu, Hồ Tùng Mậu. Nhóm cộng sản thực dụng hơn, những người từng theo đuổi sự nghiệp công khai trong thập niên 1930, như Võ Nguyên Giáp, Hoàng Minh Giám và Đặng Thai Mai (bố vợ Giáp). Nhóm thứ 3 là nhóm không cộng sản, theo Việt Minh vì yêu nước. Deviller cho rằng Hồ Chí Minh đã rất khéo léo xoa dịu mâu thuẫn giữa các nhóm, đặc biệt thuyết phục các đồng chí theo đường lối hiếu chiến muốn thẳng tay với những phần tử dân tộc chủ nghĩa, tranh luận về chính sách hoà giải. Quan điểm của Hồ thể hiện trong bài bình luận, các đảng phái dân tộc chủ nghĩa sẽ bị trung

lập hoá từ từ để quét sạch lực lượng của họ *“từng bước”*. Khi một thành viên chính phủ bày tỏ tính cách xấc xược của những phần tử dân tộc chủ nghĩa, Hồ khuyên ông ta nên kiên nhẫn, hứa vấn đề đó sẽ được giải quyết khi chính phủ đủ mạnh. Nhiều lúc tình hình quá căng thẳng, Hồ phải thay đổi chỗ ở thường xuyên, đề phòng bị ám sát.

Theo quan điểm của Hồ, cách tốt nhất để giải quyết những đối thủ dân tộc chủ nghĩa là xoa dịu nhà cầm quyền Tưởng. Vẫn chưa biết rõ khi nào quân Tưởng rút khỏi Đông Dương. Cuối tháng 9-1945, tướng Lư Hán nói thẳng, không có thời gian biểu rút quân Tưởng. Đầu tháng 10-1945, sau khi Hà Ứng Khâm - tư lệnh thân tín của Tưởng Giới Thạch - đến Hà Nội phê phán Lư Hán không có kế hoạch hành động ngăn chặn cộng sản thâu tóm quyền lực thì việc rút quân Tưởng thậm chí không còn nữa.

Trong khi đó Pháp vẫn là mối đe doạ lớn nhất. Nếu các nước Đồng Minh cùng xúm lại để chống Nga, đương nhiên Pháp sẽ được rảnh tay chiếm lại Đông Dương dù rất khó chịu, nhưng cũng đành phải tạm thời chấp nhận. Giữa tháng 9-1945, để xoa dịu kẻ thù, Hồ Chí Minh bắt đầu thương lượng bí mật với đại diện Pháp, tướng Marcel Alessandri và Leon Pignon (Jean Sainteny bấy giờ chuyển sang làm lãnh sự Pháp ở Ấn Độ). Trả lời phỏng vấn nhà báo phương Tây, Hồ nói, Pháp sẽ được chào đón khi quay lại Đông Dương với tư cách cố vấn, miễn là họ đến như những người bạn, không phải là kẻ xâm lược.

Với các viên tư lệnh Trung Hoa, họ đang ủng hộ các đảng phái dân tộc chủ nghĩa ở miền Bắc. Với quân Anh họ lại giấu tay giúp Pháp ở miền Nam. Còn với đại diện Mỹ, hy vọng tốt nhất cuối cùng của họ đối với Hồ Chí Minh sẽ là người đỡ đầu cho chính phủ Hà Nội. Từ cuối hè đến đầu mùa thu, Hồ cố gắng làm tốt mối

quan hệ với Mỹ, điều đáng chú ý, Archimedes Patti, một người rất có thiện cảm với sự nghiệp độc lập của Việt Nam cũng như đa số đại diện Mỹ ở Hà Nội. Dù cấp trên của Patti ở Trùng Khánh không hài lòng việc ông có thái độ thiện cảm với tân chính phủ Việt Nam, Patti tiếp tục báo cáo tình hình ở Đông Dương. Đầu tháng 9-1945, ông gửi điện nói, tuy chính phủ mới rõ ràng thiên tả, nhưng vẫn hoàn toàn kiểm soát tình hình, sẵn sàng chuẩn bị chiến đấu chống Pháp quay trở lại. Vài tuần sau, ông báo cáo về những mục đích giới lãnh đạo Việt Nam, họ dự định một nền độc lập dân tộc trong mười năm, một Toàn quyền Pháp với tư cách là nguyên thủ quốc gia. Ông báo cáo, qua theo dõi kinh nghiệm Mỹ ở Philippines, Việt Nam rất muốn được Mỹ bảo trợ cho tới khi khôi phục hoàn toàn độc lập, nhưng họ không tin chắc điều đó có xảy ra hay không và vui lòng chấp nhận sự cai trị tạm thời của Pháp, dưới sự giám sát của Liên Hợp Quốc.

Nhưng thái độ của Mỹ về tình hình ở Đông Dương vẫn không nhất quán. Một lý do của sự không nhất quán đó sự khác biệt về chính sách giữa Vụ châu Á và Vụ châu Âu Bộ Ngoại Giao lại bùng nổ. Qua bức điện tín của Patti và tin tức của phái bộ ngoại giao ở châu Á, Washington đã biết chính phủ Việt Minh có xu hướng cộng sản. Những người thân cận biết, trên thực tế chính Hồ Chí Minh là đặc vụ Quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc. Chuyên viên Vụ châu Á ngày càng lo lắng về bóng dáng chiến tranh ở Đông Dương. Ngày 28-9-1945, trợ lý Vụ trưởng Vụ Viễn Đông John Carter Vincent (sau này ông là một trong những nạn nhân của xây dựng chống Cộng do Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy chủ xướng) đã đặt vấn đề với thứ trưởng Bộ Ngoại Giao Dean Acheson, cảnh báo, chính sách hiện thời *"không can thiệp"* của Mỹ, không chống đối việc khôi phục chủ quyền của Pháp ở Đông Dương sẽ dẫn đến cuộc khủng hoảng toàn diện Đông Dương vì Pháp quyết tâm khôi phục chủ

quyền của mình trước khi mở những cuộc thương lượng với chính phủ Việt Nam. Vincent dự kiến, Mỹ sẽ phối hợp với Anh thành lập một uỷ ban điều tra tình hình Đông Dương. Ông đề nghị, không cho phép thêm quân Pháp vào Đông Dương. Ông kết luận, báo cáo của uỷ ban có thể trở thành cơ sở cho những cuộc thảo luận quốc tế trong số các nước liên quan, bao gồm những đại diện *"An Nam"* thích hợp. Vincent thừa nhận Paris có thể không hài lòng những sáng kiến đó, nhưng ông vạch ra điều này ít nguy hiểm hơn sự bùng nổ chủ nghĩa dân tộc An Nam.

Vụ châu Âu Bộ ngoại giao có quan điểm khác. Freeman Mathews, Vụ trưởng Vụ châu Âu lập luận, tốt nhất cứ để Anh và Pháp tự giải quyết vấn đề này. Vụ châu Âu lo ngại, uỷ ban đó có thể chỉ đưa đến một kết quả - là sự tống cổ người Pháp ra khỏi Đông Dương. Điều đó cũng có thể khuyến khích Moscow đòi có một vai trò trong khu vực. Điều này *"sẽ tệ hại cho Pháp và phương Tây nói chung và cũng tệ hại cho chính bản thân nhân dân Đông Dương"*. Acheson, vốn xuất thân từ châu Âu, đồng ý với Mathews, từ chối hành động trừ khi tình hình xấu đi nghiêm trọng. Ngày 20 tháng 10, Vincent ra thông báo, Mỹ không phản đối chủ quyền của Pháp và Hà Lan ở các thuộc địa của họ tại Đông Nam Á, nhưng Mỹ hy vọng chính quyền thuộc địa châu Âu sẽ chuẩn bị những điều kiện cho nhân dân thuộc địa hiểu nghĩa vụ và trách nhiệm của chính phủ tự trị.

Pháp rõ ràng không muốn bất cứ sự can thiệp nào. Cuối tháng 10-1945, một quan chức Đại sứ quán Pháp ở Washington, D.C., gặp nhân viên Vụ Viễn Đông Abbot Low Moffat để phàn nàn tin tức, một đại diện của chính phủ Hồ Chí Minh đang trên đường tới Washington để thảo luận tình hình với quan chức Mỹ. Vị quan chức Đại sứ Quán Pháp cảnh cáo *"bất cứ sự can thiệp nào của Mỹ sẽ được coi là một hành động không thân thiện"* với chính phủ Pháp.

Hồ Chí Minh không biết được sự kiện ấy ở Mỹ, nhưng ông lo lắng về xu hướng chính sách của Mỹ. Ngày 30-9-1945, ngày cuối cùng của Patti tại Đông Dương, Hồ Chí Minh mời Patti đến Bắc Bộ Phủ hội đàm lần cuối. Sau bữa tiệc, Hồ nhấn mạnh, ông không thể hoà giải được quan điểm chính thức của Mỹ về quyền tự quyết đã được đưa ra tại hội nghị Tehran, Quebec và Potsdam với chính sách hiện thời của Mỹ đứng sang một bên, cho phép Anh và Trung Hoa giúp Pháp quay lại Đông Dương. Ông hỏi, tại sao Hiến Chương Đại Tây Dương lại không áp dụng cho Việt Nam? Hồ đề xuất thành lập một cộng đồng toàn châu Á bao gồm mấy nước thuộc địa trong vùng, được chương trình kinh tế và chính trị giúp để thịnh vượng. Patti bày tỏ thiện cảm của cá nhân ông trong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam giành độc lập, nhưng lặp đi lặp lại, chính sách của Mỹ không đòi hỏi chủ quyền của Pháp và cũng không ủng hộ những tham vọng của đế quốc Pháp. Kết thúc hội đàm, Hồ kể lại cho Patti một số sự kiện mấu chốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng. Ông cho rằng nhiều người Mỹ coi ông là "*bù nhìn của Moscow*", Hồ phủ nhận, ông là người cộng sản theo cách hiểu của người Mỹ. Ông đã trả món nợ cho Liên Xô bằng mười lăm năm làm việc cho Đảng, bây giờ ông tự coi mình là một người tự do. Ông nói thẳng, trong những tháng gần đây, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhận được nhiều ủng hộ từ Mỹ hơn là từ Liên Xô. Tại sao Việt Nam phải mang nợ Moscow?

Khi chia tay, Hồ Chí Minh đề nghị vị khách của ông mang về Mỹ một thông điệp, nội dung là nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn sự giúp đỡ của Mỹ, không quên Mỹ là một người bạn, một đồng minh và cuộc chiến đấu vì độc lập của Mỹ luôn luôn là tấm gương cho Việt Nam. Vài tuần sau, một bức thư của Hồ Chí Minh gửi Tổng thống Truman được một sĩ quan khác chuyển tới Côn Minh. Nhưng tất cả sự giúp đỡ của những người Mỹ nhanh chóng trở

nên vô vọng. Những hoạt động của Patti càng làm cho quan chức Mỹ ở cả Trung Hoa lẫn Mỹ thêm ngờ vực, khi người kế nhiệm ông điện về Washington, Hà Nội rất muốn Mỹ làm trung gian hoà giải mâu thuẫn, nhưng cả những lời đề nghị của Hà Nội và bức thư của Hồ gửi Truman đều bị phớt lờ.

Đầu mùa thu 1945, hình ảnh Cách mạng tháng Tám trở nên xấu hơn. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kiểm soát được miền Bắc, nhưng sự ủng hộ chủ yếu nhờ sự hồ hởi vì lời hứa hẹn độc lập và hình ảnh huyền thoại của chủ tịch Hồ Chí Minh trong dân chúng. Ngoài ra, quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa vẫn chiếm đóng một số vùng. Ở miền Nam, Đảng bị suy yếu do cuộc khởi nghĩa chết yểu năm 1940 và sự cạnh tranh của các phần tử dân tộc chủ nghĩa đang mạnh lên, người Pháp cố gắng khôi phục quyền cai trị thuộc địa, mặc dù lực lượng Việt Minh đang vật lộn xây dựng cơ sở kháng chiến ở nông thôn.

Đối với Hồ Chí Minh, diễn biến trên chính trường quốc tế mới là điều quan trọng. Hồ muốn sự giúp đỡ của những lực lượng tiến bộ ngăn chặn tham vọng thực dân của Pháp khôi phục quyền cai trị thuộc địa. Kinh nghiệm của một người từng nghiên cứu cách mạng ở Moscow giúp Hồ Chí Minh nhận thức triển vọng làn sóng cách mạng sau chiến tranh sẽ lan rộng tương tự như những gì đã đem đến cho những người Bolsevich trong cách mạng tháng Mười năm 1917. Nhưng những kinh nghiệm lâu năm cảnh báo ông, Stalin chẳng quan tâm gì đến châu Á, có thể không tính đến việc kéo Liên Xô về phía lực lượng cách mạng tại đó. Nguồn giúp đỡ chính vẫn là Mỹ, có tinh thần chống chủ nghĩa thực dân mạnh mẽ. Nhưng hy vọng về sự giúp đỡ của Washington vẫn mong manh. Nếu liên minh trong chiến tranh giữa Mỹ và Liên Xô tan rã do bất đồng sau chiến tranh, Mỹ có thể ủng hộ chính quyền thuộc địa châu Âu, Việt Nam có thể trở thành con tốt đen trong cuộc xung

đột toàn cầu mới. Trong trường hợp đó, Hồ Chí Minh buộc phải trung thành với Liên Xô. Trong giai đoạn này của cách mạng Việt Nam, đối thủ chính là Pháp. Moscow có thể không ủng hộ mạnh mẽ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam giành dân tộc, nhưng ít có khả năng giúp Pháp khôi phục quyền cai trị thuộc địa ở Đông Dương. Nhưng đối với Mỹ, vì sợ cách mạng thế giới, có thể quay sang ủng hộ Pháp, như ông đã nhấn mạnh tại hội nghị Tân Trào.

Dù con đường phía trước còn đầy chông gai, bước đầu tiên đã được thực hiện, một chính phủ Việt Nam độc lập đang nắm quyền ở Hà Nội, tuy mong manh. Những năm sau này, Cách mạng tháng Tám được thổi phồng thành huyền thoại, khi các nhà sử học của Đảng ở Hà Nội mô tả những sự kiện xảy ra cuối chiến tranh Thái Bình Dương là bằng chứng vai trò lãnh đạo của tài tình và lớn lao của Đảng. Chiến lược cuộc khởi nghĩa - được miêu tả là sự phối hợp giữa đấu tranh chính trị và quân sự cướp chính quyền ở cả thành thị và nông thôn - trở thành khuôn mẫu cho cuộc đấu tranh tương lai giải phóng dân tộc, không những ở Việt Nam mà còn cả ở các nước Thế Giới Thứ Ba, như châu Phi, châu Mỹ La tinh và Đông Nam Á.

Gần đây nhiều nhà học giả phương Tây lại cho rằng Cách mạng tháng Tám là cuộc nổi dậy tự phát của nhân dân, rất ít có kế hoạch tuy có sự chỉ đạo. Một số học giả khác cho những sự kiện Tháng Tám không phải là cuộc cách mạng, chỉ là một cuộc đảo chính.

Những nhận xét này cũng có phần đúng, vì một yếu tố cũng làm thay đổi tình thế trong tất cả các cuộc cách mạng. Lenin đã từng nói thực tế cách mạng phức tạp hơn nhiều so với lý thuyết cách mạng. Cho dù Đảng cố gắng đề ra kế hoạch chi tiết, cẩn thận tại Tân Trào, vẫn có yếu tố tự phát và tự ứng biến về thời điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh ở châu Á. Ở

nhiều vùng, ngay cả cán bộ Đảng không liên lạc được Ban Chấp hành Trung ương ở miền Bắc, buộc phải tự quyết định hành động. Và tất nhiên, nạn đói khủng khiếp trong cả nước làm nhân dân nổi giận đã giúp Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông giành được thắng lợi.

Tuy nhiên cũng phải thừa nhận Cách mạng tháng Tám là một thành công to lớn phi thường. Không thể có một cuộc cách mạng nếu không có những người cách mạng. Ban lãnh đạo Đảng tin có thể chớp lấy thời cơ hiếm có khi kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương. Trong khi những lãnh tụ quốc gia chủ nghĩa nằm co ro ở nam Trung Hoa, chờ Đồng Minh đánh bại Nhật Bản, Hồ và các đồng chí của ông dám chấp nhận thử thách và đặt thế giới vào "việc đã rồi".

Sử dụng Mặt trận Việt Minh như là một phong trào có cơ sở rộng rãi với một cương lính thu hút tất cả những lực lượng tiến bộ và yêu nước. Hồ không những mở rộng đáng kể phạm vi ảnh hưởng của Đảng cộng sản, mà còn vận động Đồng Minh công nhận tiếng nói hợp pháp của dân tộc Việt Nam. Không phải tất cả các đồng chí của ông vừa lòng trước hành động ôn hoà của ông. Không ít người như Trường Chinh sau này lấy làm tiếc trong Cách mạng tháng Tám không có đủ sức để tống cổ tất cả kẻ thù của Đảng ra ngoài.

Bộ mặt hiền hoà rõ ràng chính là hình ảnh của Hồ Chí Minh. Ông là người cha, người anh ở nông thôn, *"người yêu nước bình thường"* trong bộ quần áo ka-ki và đi giầy vải xanh, Hồ không những chiếm trọn trái tim hàng triệu người Việt, mà còn chiếm được sự ngưỡng mộ, kính trọng của những người gần gũi, như những sĩ quan Mỹ Charles Fenn, Archimedes Patti, nhà thương thuyết Pháp Jean Sainteny và tướng Leclerc. Tất nhiên, cũng có

yếu tố tính toán được nguỵ trang kín đáo của Hồ Chí Minh, đối với một số người thân, thỉnh thoảng ông lỡ miệng cho biết, nhiều khi đó chỉ là những mưu mẹo. Nhưng muốn thành công lớn phải dùng thủ đoạn. Không ngạc nhiên khi ông sử dụng nó làm yếu tố chủ chốt trong kho tàng chiến lược của ông trong những ngày cuối đời.

Tuy nhiên, cũng có mạo hiểm khi sử dụng thủ đoạn ôn hoà, làm như thế Hồ và các đồng chí của ông đi tới quyền lực dưới bộ mặt giả tạo. Cương lĩnh Mặt trận Việt Minh không phải là đồ án chi tiết cho tương lai Việt Nam, nó chỉ là điểm khởi đầu. Khi Đảng đã hiện nguyên hình bộ mặt thật và các mục tiêu của nó trước thế giới, nhân dân sẽ rất thất vọng. Nhưng Hồ Chí Minh, trên hết, là một người thực dụng. Trong cuộc phỏng vấn mùa thu năm 1945, ông trả lời nhà báo Mỹ Harold R. Isaacs: *“Độc lập là một sự kiện. Cái gì phải đến nó sẽ đến. Nhưng độc lập phải có trước, không phụ thuộc sau đó sẽ là cái gì”.* Có giữ được độc lập hay không là một chuyện khác. Ông nhấn mạnh với Isaacs: *“Chúng tôi có lẽ đang đơn độc, nên chúng tôi phải dựa vào chính mình”.* Ông cần sử dụng mọi thủ đoạn làm kim chỉ nam để nhìn rõ con đường phía trước.

# CHƯƠNG

## TÁI KIẾN THIẾT VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN

Hai tháng sau khi kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương, tình hình ở Hà Nội lâm vào cảnh hiểm nghèo gần như thảm hoạ. Gánh nặng đặt lên Hồ Chí Minh, ở vị trí người lãnh đạo của Đảng và chính phủ. Trong khi những người hiếu chiến trong nội bộ Đảng cộng sản Đông Dương đòi mạnh tay dẹp các nhóm đối lập, Hồ kiên trì chính sách hoà giải, thương lượng nhằm chia rẽ và cô lập kẻ thù của Đảng. Dù nhiều người Việt Nam chống đối người Pháp trở lại ở miền Bắc, ông đánh tiếng chấp nhận sự hiện diện của Pháp - miễn là họ đến như những người bạn, không phải là những kẻ xâm lược.

Chính phủ Hà Nội đang tìm kiếm một giải pháp chính trị, thì cũng bắt đầu chuẩn bị chiến tranh. Chính phủ cố gắng tổ chức những đơn vị tự vệ, du kích ở Bắc Kỳ và các tỉnh Trung Kỳ. Mùa Thu, những đơn vị tự vệ, được Hồ Chí Minh ca ngợi là *"bức tường thép của tổ quốc"*, được tổ chức ở hầu hết thôn xóm, xã, đường phố, đường phố và nhà máy khắp các vùng thuộc chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong một số trường hợp, có đơn vị gồm một hoặc hai trung đội. Đơn vị có nhiều trung đội được biên chế thành tiểu đoàn. Ở Hà Nội, dân quân tự vệ gồm toàn thanh niên ở thành phố và con số lên đến hàng chục ngàn người. Những đơn vị

đó đặt dưới quyền cán bộ đảng địa phương và được chính phủ huấn luyện quân sự, nhưng họ phải tự lo vũ khí và lương thực. Lực lượng bộ đội địa phương gồm những chiến sĩ xung kích tuyển chọn từ Hội Thanh Niên Cứu Quốc, chủ yếu là công nhân và sinh viên. Họ được Bộ Quốc Phòng cung cấp vũ khí, có doanh trại riêng, được huấn luyện tại Trường Huấn luyện Tự vệ Hồ Chí Minh.

Lực lượng quân đội chính quy dựa trên Việt Nam Giải Phóng Quân vừa mới đổi tên thành Vệ Quốc Đoàn. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội gồm những tiểu đoàn, trung đội. Trường đào tạo kháng Nhật được thành lập ở Việt Bắc trước Cách mạng tháng Tám bây giờ chuyển thành Trường Quân Chính Việt Nam, mặc dù nó được trá hình là chương trình huấn luyện cán bộ để xoa dịu quân Tưởng. Nhiều tháng sau khi kết thúc chiến tranh, lực lượng quân đội chính quy đã được tăng cường bằng cách tuyển những sĩ quan và binh lính từ Bảo An Binh. Sức mạnh của nó gồm những đơn vị chiến đấu ở miền Nam, ước tính khoảng tám mươi ngàn bộ đội.

Một trong những vấn đề chính là thiếu vũ khí. Chính phủ có trong tay các loại vũ khí khác nhau, một số vũ khí cổ lỗ sĩ từ thế kỷ trước, một số ít mìn chống tăng, tiểu liên thu được từ quân đội Nhật Bản đầu hàng. Nhưng nhiều đơn vị chỉ có gậy, giáo hoặc súng kíp do thợ rèn địa phương tự chế. Trong một cố gắng tuyệt vọng để có vũ khí mới, Hồ Chí Minh biết phải đồng ý kế hoạch lấy tiền của nhân dân để mua vũ khí. Trong “Tuần lễ vàng” tổ chức cuối tháng 9-1945, nhân dân các tỉnh miền Bắc được vận động hiến những trang sức bằng vàng, những thứ đồ giá trị khác cho chính phủ để mua vũ khí từ quân đội chiếm đóng.

Theo Archimedes Patti, Hồ Chí Minh không tán dương về kế hoạch thu hút tiền từ quảng đại quần chúng, vì ông tin người

nghèo sẵn sàng hy sinh, thể hiện lòng yêu nước, còn người giầu chỉ hiến một số lượng tượng trưng. Sự lo sợ của ông có lẽ đúng vì những người giàu có ở miền Bắc chỉ hiến một lượng tương đối ít, Hồ *"cảm thấy giống như một kẻ phản bội"* đã để *"trò hề"* diễn ra. Cuối cùng, chính phủ quyết định đánh thuế thực phẩm. Khi một quan chức chính phủ tính đến khả năng đánh thuế thịt gà, vịt, trâu, thì *"công dân"* Vĩnh Thuỵ có thể không có ý chống đối nhưng đế vào một câu *"Ông còn quên thịt chó đấy"*. Người đầu tiên cười ngặt nghẽo là Hồ Chí Minh.

Để bổ xung nguồn vũ khí ít ỏi, chính phủ phát động thu gom hoặc sản xuất vũ khí bổ xung. Các thợ rèn địa phương mở lò rèn giáo, mác và mã tấu trang bị cho những đơn vị tự vệ thôn xóm. Thiếu nhi được huy động thu nhặt sắt vụn, còn người lớn góp những vật dụng gia đình, như mâm đồng, chảo gang, thậm chí đồ thờ, như lư hương và đỉnh đồng, tất cả được biến thành vũ khí. Tuy thế, Hồ Chí Minh luôn luôn vạch ra rằng vũ khí chủ yếu của quân đội là sự ủng hộ của nhân dân. Khi tới thăm các trung tâm huấn luyện ở Hà Nội, ông phát biểu về tầm quan trọng của cách ứng xử đúng đối với quảng đại quần chúng, trích lời của nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn:

*"Trừng mắt coi khinh ngàn lực sĩ,*

*Khom lưng làm ngựa trước nhi đồng".*

Hồ Chí Minh tiếp tục đeo đuổi vấn đề then chốt bảo đảm sự sống còn của dân tộc, bắt đầu đường lối ngoại giao và chính trị hơn là quân sự. Nếu quân Tưởng có thể được xoa dịu, ông tin rằng mối đe doạ từ các đảng phái dân tộc chủ nghĩa đối lập có thể được bớt đi. Cho dù việc đó xảy ra, chính phủ Hà Nội có thể dùng mặt trận thống nhất để chống lại việc Pháp quay lại miền Bắc. Vấn đề ở chỗ, hai viên tư lệnh Lư Hán và Tiêu Văn đặc biệt không những

không có thiện cảm với Việt Minh, mà còn ủng hộ những phần tử dân tộc chủ nghĩa. Áp lực đòi mở rộng thành phần nội các của họ tăng lên khi tướng Hà Ứng Khâm, tham mưu trưởng của Tưởng Giới Thạch tới Hà Nội giữa tháng Mười. Thông điệp của tướng Hà Ứng Khâm cho hai viên tư lệnh Lư Hán và Tiêu Văn ngắn gọn và rõ ràng: *Phải làm giảm ảnh hưởng những người cộng sản ở Đông Dương.*

Để tỏ thiện chí làm việc với những phần tử dân tộc chủ nghĩa - thậm chí cả những người công khai chống cộng sản - Hồ ra lệnh thả Ngô Đình Diệm, một nhà hoạt động chính trị bị chính quyền Việt Minh bắt. Ngô Đình Diệm là con trai một viên quan yêu nước của triều đình Huế, Diệm từng là Bộ trưởng Bộ Nội Vụ trong nội các Bảo Đại trước Thế chiến II, nhưng từ chức để phản đối Pháp không chấp nhận chủ quyền đầy đủ của Bảo Đại. Là con chiên ngoan đạo, Diệm tỏ thái độ công khai ghê tởm những người cộng sản, thái độ này càng tăng lên khi người anh của ông, Ngô Đình Khôi, bị Việt Minh hành quyết trong Cách mạng tháng Tám.

Việc Hồ thả Diệm (ông Diệm chỉ bị giam giữ ở Bắc Bộ Phủ, không phải trong tù) khiến một số đồng chí của ông phản ứng, trong đó có Bùi Lâm - một người bạn cũ từ những ngày sống với nhau ở Paris, Nghe Lâm trình bày, Hồ đáp, thả Diệm lý do duy nhất vì danh tiếng của ông thân sinh ra Diệm. Ông nói thêm, dù thế nào đi nữa, người Pháp lúc nào cũng tìm được một người khác để thay Diệm, vì thế làm việc này để có được sự ủng hộ của càng nhiều người càng tốt. Hồ Chí Minh có thể phần nào mới chiếm sự ủng hộ của Cộng đồng giáo dân Thiên Chúa, nhiều người trong số họ có học thức cao và có ảnh hưởng lớn trong nước. Ông bổ nhiệm một người Ky tô giáo vào nội các và thỉnh thoảng đi lễ nhà thờ ở Hà Nội. Nhưng ông cũng gửi tín hiệu hoà giải tới các nhóm khác, đi thăm đại diện đồng bào miền núi, thắp hương nhân ngày sinh Khổng Tử ở Văn Miếu.

Hồ Chí Minh cũng sử dụng quyền lực của mình để thuyết phục và lôi kéo tướng lĩnh quân Tưởng, tận dụng mâu thuẫn trong đám tướng lĩnh Tưởng ở Đông Dương. Dưới áp lực của tướng Tiêu Văn, cuối tháng Mười, Hồ tiến hành đàm phán bí mật với những lãnh tụ đảng phái dân tộc chủ nghĩa không cộng sản khác nhau, như Nguyễn Hải Thần, mang tên mới *"lãnh tụ tối cao"* của Đảng Đại Việt, cũng như với đại diện Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội. Nhưng những cuộc thương lượng gặp phải khó khăn ngay từ ban đầu, khi Đồng minh Hội đòi thành lập một chính phủ mới hoàn toàn, chỉ có vài bộ trưởng không phải là Việt Minh, đòi thay tên Mặt trận Việt Minh và thay quốc kỳ mới. Một số đồng chí của Hồ Chí Minh thắc mắc việc thương lượng với các kẻ thù của Đảng, nhưng Hồ cam đoan, đây đơn thuần vì những mục đích chiến thuật thôi. Một đồng chí của ông kể lại:

*Chúng tôi thường đụng độ với bọn Việt Quốc (Việt Nam Quốc Dân Đảng) tay sai Tưởng Giới Thạch, tôi chính là người muốn thủ tiêu, thanh toán bọn chúng. Một hôm, trong một cuộc họp, tôi hỏi Bác: "Thưa Bác, tại sao ta lại để cho bọn ám sát và phản bội đó tồn tại? Bác cứ ra lệnh, bảo đảm cháu sẽ cho bọn nó biến sạch ngay trong một đêm". Bác cười, chỉ vào phòng, hỏi lại "Nếu có con chuột chạy vào phòng này, chú sẽ dùng đá ném hay đặt bẫy hoặc đuổi nó ra?" "Thưa Bác, nếu ném đá sẽ vỡ mất nhưng đồ quý trong phòng".*

*Bác nói: "Bọn phản cách mạng cũng như thế. Chẳng có gì phải sợ họ, nhưng họ có những quan thầy. Để hoàn thành nhiệm vụ lớn, chúng ta cần phải biết cách nhìn xa hơn".*

Hồ Chí Minh gạt bỏ hầu hết những đòi hỏi của nhóm dân tộc chủ nghĩa, nhưng ngày 11-11-1945, Đảng cộng sản Đông Dương bất ngờ tuyên bố giải thể, thành lập Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Marx Đông Dương. Đảng giải thích, muốn đặt yêu cầu của đất

nước cao hơn cuộc đấu tranh giai cấp và lợi ích của toàn thể nhân dân cao hơn lợi ích của Đảng. Dù vậy, hành động này cũng không giảm được sự chống đối của các tổ chức chính trị ở thủ đô. Ngày hôm sau, một cuộc đụng độ lớn giữa những người ủng hộ Việt Minh và những phần tử dân tộc chủ nghĩa xảy ra trước cửa Nhà Hát Lớn dẫn đến hơn một chục người chết.

Đối với nhân dân Việt nam, động thái này hầu như không bị đánh giá thấp, rõ ràng đây mới chỉ là điểm chủ chốt nhằm xoa dịu chính quyền Trung Hoa đang chiếm đóng dẫn đến một hiệp định thỏa hiệp với các đảng phái dân tộc chủ nghĩa. Tài liệu của Đảng ở Hà Nội những năm sau này đã khẳng định, Đảng cộng sản Đông Dương thực tế không giải tán, chỉ đơn thuần rút lui vào bí mật và tiếp tục thống lĩnh những quyết định chính sách của Đảng suốt vài năm cho đến khi Đảng lại xuất hiện dưới tên mới năm 1951. Tuy thế, nguồn tư liệu nội bộ khẳng định, quyết định này là một quyết định gây tranh cãi và gây nên sự chống đối đáng kể trong nội bộ Đảng của những người đặt lợi ích đấu tranh giai cấp trên lợi ích dân tộc. Sau khi quyết định được công bố, những đảng viên nòng cốt được cử các địa phương khác nhau để giải thích với toàn thể đảng viên.

Dù việc giải tán Đảng cộng sản Đông Dương gây nên những phản ứng trong nội bộ hàng ngũ lãnh đạo và làm các đảng cộng sản anh em trên thế giới ngạc nhiên, nhưng chính nước cờ này giúp dễ dàng những cuộc đàm phán hoà bình. Theo chỉ thị của Trương Phát Khuê, ngày 19-11-1945 tướng Tiêu Văn chủ trì cuộc họp giữa đại diện chính phủ Hà Nội với những thành viên các đảng phái dân tộc chủ nghĩa. Các đảng đồng ý về mặt nguyên tắc hình thành một chính phủ liên minh rộng rãi gồm những thành viên một số đảng phái. Họ cũng đồng ý đưa ra một cương lĩnh chung, thống nhất tất cả những đơn vị quân đội dưới quyền của

chính phủ và triệu tập một hội nghị quân sự để thảo luận cách tốt nhất giúp đỡ đồng bào ở miền Nam đang bị vây hãm.

Vài ngày sau, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bí mật đánh giá tình hình chung và giải thích chính sách hiện tại. Những gì diễn ra tại cuộc họp ấy chưa bao giờ được tiết lộ, nhưng những quyết định đưa ra tại cuộc họp chứa đựng trong nghị quyết đưa ra sau khi kết thúc cuộc họp. Bản nghị quyết *"Kháng chiến và Tái kiến thiết"* phân tích những mâu thuẫn xuất hiện trong Đồng Minh, tìm cách khéo léo lôi kéo họ để có lợi cho cách mạng Việt Nam. Lúc này, nghị quyết kết luận, cả Trung Hoa và Mỹ chuẩn bị cộng tác với Pháp giúp khôi phục chủ quyền tại Đông Dương. Tuy nhiên, trước khi đồng ý rút quân, Chính phủ Quốc Dân Đảng ở Trùng Khánh chắc chắn phải đòi Pháp nhượng bộ. Chừng nào Mỹ còn dính líu sự chống đối của họ đối với nền độc lập của Việt Nam vẫn chưa lộ mặt:

*Tuy Mỹ vẫn đang giữ vai trò trung lập ở Đông Dương, nhưng bí mật giúp Pháp bằng cách cho mượn tàu chiến chở quân sang Đông Dương. Một mặt, Mỹ muốn cạnh tranh với Anh và Pháp để có lợi thế ở Đông Dương và Đông Nam Á; Mặt khác, Mỹ cũng muốn cộng tác với Anh và Pháp thành lập một liên minh để bao vây Liên Xô và do vậy sẵn sàng hy sinh một số lợi ích của họ ở Đông Nam Á".*

Nghị quyết kết luận, trước hoàn cảnh đó, nội bộ Đảng phải hành động sao để chia rẽ được bọn chống phá. Về đối ngoại, cần thêm bạn bớt thù, bọn Tưởng nói riêng, bọn này coi chính phủ Việt Nam chỉ là một lực lượng giúp họ thực hiện mục đích đánh đuổi bọn thực dân châu Âu ra khỏi biên giới phía nam của họ. Pháp vẫn là kẻ thù chính, nhưng nó cũng có thể bị lôi kéo. Có nhiều khả năng, thí dụ như Pháp có thể thừa nhận độc lập dân tộc để cứu vãn thể diện trên trường quốc tế, bảo vệ quyền lực kinh tế

ở Đông Dương. Ban lãnh đạo đảng kết luận, nếu vậy họ sẽ chuẩn bị có những nhượng bộ cần thiết trong vấn đề kinh tế để tìm kiếm độc lập.

Thoả thuận ngày 19-11-1945 chỉ đưa ra đường lối chung chính phủ liên hợp, về chi tiết còn phải đàm phán thêm nữa. Trong khi đó, tất cả các nhóm kêu gọi từ nay trở đi hãy dừng những cuộc tấn công lẫn nhau và cùng thống nhất chống lại kẻ thù chung. Nhưng những cuộc thương lượng kéo dài hàng tuần lễ vẫn không đi đến kết quả. Đầu tiên những phần tử dân tộc chủ nghĩa đòi chức chủ tịch nước và 6 ghế bộ trưởng. Hồ Chí Minh bác bỏ bản dự thảo, chỉ thuận cho ba ghế và đề nghị thành lập nhóm cố vấn chính trị do Nguyễn Hải Thần đứng đầu. Thế nhưng những phần tử dân tộc chủ nghĩa không đồng ý. Trong khi các cuộc thương thảo tiếp tục, căng thẳng tăng lên và báo chí của Việt Nam Quốc Dân Đảng tăng cường những bài viết đả kích chính phủ. Chính phủ cũng tấn công lại. Sau này Võ Nguyên Giáp nhớ lại, có lần ông huy động những đơn vị tự vệ và những thành viên Hội Cứu Quốc địa phương, ra lệnh cho họ mặc thường phục, mang theo vũ khí, sau đó đưa họ đến phố Hàng Đậu để phá vỡ âm mưu của những phần tử dân tộc chủ nghĩa rải truyền đơn ở chợ Đồng Xuân. Đã xảy ra những đụng độ nhỏ trước khi lực lượng của Võ Nguyên Giáp nhặt những tờ truyền đơn và khiến những phần tử dân tộc chủ nghĩa bỏ chạy. Sau những sự vụ như thế, Hồ Chí Minh bị mời đến trụ sở của quân Tưởng và bị răn đe.

Một trong những trở ngại trong thương lượng là việc chính phủ công bố sắc lệnh ngày 8-9-1945 kêu gọi tổng tuyển cử hai tháng trước khi bầu Quốc Hội mới. Sau cuộc họp ngày 19-11, chính phủ tuyên bố cuộc bầu cử sẽ tiến hành ngày 23-12-1945, nhưng đại diện các đảng phái dân tộc chủ nghĩa phản đối, viện cớ họ không đủ thời gian chuẩn bị. Tướng Tiêu Văn, theo chỉ thị của Trương

Phát Khuê, từng bước phá vỡ bế tắc và ngày 19-12 đi đến thoả thuận dời cuộc bầu cử lui lại mười lăm ngày cho tới đầu tháng Giêng, sẽ thành lập một chính phủ lâm thời liên hợp mới vào ngày 1-1-1946. Theo thông cáo đưa ra cuối cuộc họp, Việt Nam Quốc Dân Đảng được đảm bảo có năm mươi ghế và Đồng minh Hội có hai mươi ghế trong Quốc Hội tương lai, bất kể kết quả cuộc bầu cử ra sao. Hồ Chí Minh sẽ làm chủ tịch và Nguyễn Hải Thần phó chủ tịch. Thành phần nội các của chính phủ bao gồm Việt Minh, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đảng Dân chủ, Đồng Minh Hội mỗi phái hai ghế bộ trưởng và hai ghế nữa dành cho những phần tử không đảng phái. Việt Minh và những phần tử dân tộc chủ nghĩa đồng ý ngừng những cuộc tấn công lẫn nhau, giải quyết bất đồng thông qua thương lượng.

Quyết định thành lập chính phủ liên hợp gây ra cơn bão lửa tranh cãi trong nội bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh. Nghe tin Nguyễn Hải Thần sẽ được bổ nhiệm vào vị trí đứng đầu trong chính phủ, một cán bộ to tiếng với Hồ Chí Minh, người đã có mối quan hệ căng thẳng với Nguyễn Hải Thần từ thập niên 1920. Hồ trả lời *“Phân là bẩn, đúng không? Nhưng nếu nó có ích bón lúa, tại sao ta không dùng nó?”* Khi một số cho rằng Việt Minh và phe đối lập như lửa với nước, cớ sao lại nhượng bộ bảy mươi ghế, Hồ (thường hay dùng ẩn dụ) châm biếm: *“Nếu lấy lửa để đun sôi nước thì lại có thể uống được đấy”.*

Ngày 1-1-1946, tân chính phủ ra mắt nhân dân tại Nhà Hát Lớn. Đứng trên ban công, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi hoà hợp dân tộc và công bố cương lĩnh chính phủ, kêu gọi Tổng Tuyển Cử theo những nguyên tắc dân chủ và thống nhất các lực lượng vũ trang khác nhau dưới quyền chỉ huy của chính phủ. Nguyễn Hải Thần phát biểu nhận một phần trách nhiệm về sự chậm trễ trong việc hoà hợp dân tộc, hứa hẹn sẽ hợp tác chống Pháp đang xâm chiếm

miền Nam.

Tổng tuyển cử dự kiến tổ chức ngày 6-1-1946, lần đầu tiên trong lịch sử đất nước. Dù có vài sự cố lẻ tẻ, không đáng kể, nhìn chung, cuộc bầu cử diễn ra trong hoà bình. Theo Võ Nguyên Giáp, chín mươi phần trăm cử tri miền Nam đi bầu, mặc dù cuộc bầu cử chỉ diễn ra trong những vùng Việt Minh kiểm soát. Việt Minh tuyên bố giành được thắng lợi khi ứng cử viên của họ nhận được chín bảy phần trăm phiếu bầu. Kết quả đó lẽ ra Việt Minh phải có ba trăm ghế trong Quốc hội, nhưng đã hứa, giành bảy mươi ghế cho phe đối lập.

Bản thân Hồ Chí Minh ứng cử ở một trong khu vực bầu cử Hà Nội. Các đồng chí của ông đề nghị, với tư cách chủ tịch nước ông được miễn ra ứng cử, nhưng Hồ từ chối. Theo thống kê của chính phủ, Hồ Chí Minh thu được 98,4 phần trăm phiếu bầu tại khu vực bầu cử Hà Nội.

Hồ Chí Minh hy vọng việc thành lập chính phủ liên hiệp tạo giúp ông đại diện cho một mặt trận thống nhất đối với người Pháp. Trong cuộc họp cuối tháng 11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương hy vọng Paris có thể trả độc lập cho nhân dân Việt Nam để đổi lấy những nhượng bộ kinh tế.

Tuy nhiên, Paris có làm điều này hay không lại là chuyện khác. Tổng thống Charles De Gaulle không muốn đàm phán gì trước khi chủ quyền của Pháp ở Đông Dương được phục hồi. Trong bức thư gửi tướng Leclerc ngày 25-9-1945, ông bày tỏ tính cách độc đoán của mình: *"Nhiệm vụ của ngài là khôi phục chủ quyền của Pháp ở Hà Nội, tôi rất ngạc nhiên là ngài vẫn chưa làm điều đó"*. Nhưng những đại diện Pháp ở Đông Dương tỏ ra có chút thực tế hơn. Sau khi gặp Hồ cuối tháng 9-1945, Leon Pignon và tướng Alessandri đã miêu tả Hồ là người *"có bản lĩnh đáng tin cậy"*, đồng thời Jean

Cedile điện từ Sài Gòn rằng phái ôn hoà trong chính phủ dễ dàn xếp, do vậy nên thương lượng. Ngày 10-10-1945, Paris điện cho Alessandri mở cuộc đàm phán với chính phủ Hà Nội *"về tất cả vấn đề của Đông Dương"*.

Jean Sainteny trở lại Hà Nội hai ngày trước. Ông đã đến Ấn Độ vào tháng 9-1945 để gặp Đô đốc Thierry d'Argenlieu, vừa được De Gaulle bổ nhiệm làm Cao Uỷ Đông Dương. Về vị thế, Sainteny được toàn quyền trong những cuộc thương lượng về vấn đề Đông Dương, nhưng vị thế này chưa được chính thức hoá, nên ông xin từ chức, nhưng d'Argenlieu đề nghị ông trở lại Đông Dương được toàn quyền thương lượng. Vì thế Sainteny trở lại Hà Nội với danh xưng chính thức là Uỷ Viên Cộng hoà Pháp về Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, ông trú tại Ngân Hàng Đông Dương.

Sainteny gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên giữa tháng 10-1945. Dù là một nhà thương lượng cứng rắn và yêu nước Pháp (sau này ông trở nên nổi bật trong lĩnh vực thuộc ngân hàng quốc tế), Sainteny kính trọng Hồ Chí Minh và cảm thấy tự đáy lòng Hồ là một người thân Pháp. Ông đi cùng Pignon, cố vấn tối cao chính phủ, một quan chức thực dân chuyên nghiệp từng phục vụ ở Đông Dương trước Thế chiến II và được trao nhiệm vụ khôi phục chủ quyền của Pháp. Hồ đi cùng Bộ trưởng Bộ Văn hoá Hoàng Minh Giám. Nhiệm vụ của Sainteny là thuyết phục để Hồ đồng ý cho quân Pháp quay trở lại Bắc Kỳ, nơi còn ba mươi ngàn người Pháp đang sinh sống đổi lấy việc Pháp cam kết để quân đội Tưởng ra đi. Lúc đó, tướng Leclerc đang có tám ngàn quân ở Nam Kỳ từ Sư đoàn II cơ giới nổi tiếng trong chiến dịch Normandy.

Nhiệm vụ của Sainteny rất tế nhị. Một cuộc can thiệp bằng vũ lực sẽ vấp phải sự kháng cự quyết liệt không những từ Việt Minh mà còn từ quân Tưởng đang tiến hành giải giáp ba mươi ngàn

quân Nhật. Do vậy Sainteny không những cần phải cam đoan với Hồ Chí Minh về những ý định của Pháp, mà còn phải tìm cách thoả hiệp với bọn tướng lĩnh Tưởng. Với quan điểm thực tế đó, Sainteny cương quyết khuyên chính phủ Pháp không sử dụng vũ lực, ông cảnh báo *“Nếu chúng ta có ý định khôi phục chủ quyền Pháp ở Bắc Kỳ bằng vũ lực, chúng ta vấp phải sự chống cự mạnh mẽ”.*

Sainteny nhanh chóng hiểu được lợi thế của mình. Lực lượng quân sự Việt Minh quá yếu và Hồ rất cần sự giúp đỡ của Pháp để tống khứ quân Tưởng. Trong khi đó, hai nước Đồng Minh lớn, Liên Xô và Mỹ, chẳng quan tâm gì đến vụ việc. Moscow còn bận tâm với tình hình chính trị hứa hẹn ở Pháp, nơi mà Đảng cộng sản Pháp đang ngấp nghé nắm quyền lực và chẳng buồn cử một đại diện hoặc thậm chí một quan sát viên nào đến Hà Nội. Còn Mỹ, đang lo ngại sự thống trị của Liên Xô ở Đông Âu sau chiến tranh, cũng lo sợ viễn cảnh một chính phủ cánh tả ở Paris và cố gắng cam đoan với Pháp rằng Mỹ không phản đối Pháp quay lại Đông Dương.

Hồ Chí Minh hiểu những yếu tố đó khi ông đàm phán với Sainteny. Ngay từ đầu, ông đã hết mức thành thật bầy tỏ rằng, mặc dù mục tiêu lâu dài của ông là giành độc lập dân tộc hoàn toàn cho Việt Nam, song ông cũng chấp nhận để thu xếp mục tiêu này lui lại vài năm. Ông giải thích, trong thời gian đó chính phủ ông chấp nhận sự hiện diện của Pháp ở Bắc Việt Nam và có chân trong Liên hiệp Pháp, chừng nào Pháp đồng ý mục tiêu cuối cùng là độc lập.

Dù vậy, những cuộc hội đàm không phải dễ dàng. Vấn đề bắt đầu một phần từ câu chữ, mặc dù có những vấn đề thực tế trước hiểm hoạ. Hồ và các cố vấn của ông khăng khăng đòi đưa từ *“độc lập”* vào văn bản cuối cùng, chữ này chắc chắn De Gaulle phản

đối. Tướng Leclerc, sau khi hội đàm với Mountbatten (Tư lệnh lực lượng Anh ở Đông Nam Á) ở Ceylon, đã trở lại Sài Gòn và mới làm nhịp cầu bắc qua hố ngăn cách bằng cách đề xuất Paris khả năng đưa ra thể chế phù hợp cho Đông Dương (từ mà ông đề nghị là *"tự trị")*. Nhưng De Gaulle nổi giận: *"Nếu tôi nghe được những từ như thế, chẳng mấy chốc Pháp sẽ không còn là đế chế nữa. Hãy đọc thật kỹ câu chữ trong tuyên bố ngày 24 tháng 3 của tôi và tuân thủ trung thành văn bản này"*. Tháng 10-1945, Đại sứ quán Mỹ ở Trùng Khánh đề nghị Pháp ra tuyên bố mới về những ý định ở Đông Dương, De Gaulle bực dọc đáp: *"Chính phủ Pháp lúc này không muốn đưa ra một tuyên bố mới về Đông Dương. Bản tuyên bố tháng Ba vẫn còn hiệu lực. Một sự lặp lại sẽ làm phức tạp thêm tình hình"*.

Trở ngại lớn thứ hai là thể chế tương lai của Nam Kỳ. Hồ muốn gộp chung cả vào đàm phán với Bắc Kỳ và Trung Kỳ, nhưng Sainteny, theo lệnh của Paris, khăng khăng Nam Kỳ là thuộc địa cũ của Pháp, nên thể chế của Nam Kỳ phải được nhìn nhận khác với các vùng khác. Sainteny lập luận, dân chúng Nam Kỳ được phép tự quyết định số phận của chính họ.

Cả hai bên tranh cãi liên miên về từ ngữ và câu chữ suốt mấy tuần liền trong căn phòng mịt mù khói thuốc. Sainteny hút tẩu, còn Hồ hút đủ thứ thuốc lá Tàu, Mỹ và Gaulois khét lẹt của Pháp. Thỉnh thoảng, cuộc hội đàm ngừng lại để Hồ Chí Minh tham khảo ý kiến chính phủ ông, hoặc với cố vấn tối cao, cựu hoàng Bảo Đại. Mối quan hệ của Hồ Chí Minh với *"công dân"* Vĩnh Thuỵ thực khó hiểu đối với Sainteny và những người tham dự. Hồ luôn luôn hỏi ý kiến vị cựu hoàng với thái độ lễ phép, thậm chí có lúc ông đề nghị Bảo Đại làm người đứng đầu nhà nước trong tương lai. Có lần ông khiển trách một cán bộ dưới quyền gọi Bảo Đại đơn giản là *"ông cố vấn"*. Ông quở trách: *"Anh cần phải xưng hô "thưa Ngài" như tôi làm"*.

Là cố vấn tối cao của chính phủ Hà Nội, Bảo Đại thường xuyên dự các cuộc họp chính phủ và cảm thấy như ở nhà, kể cả trong quan hệ với những người mà ông cho là *"lũ gác cổng thủ cựu"*, hoặc với nhóm người theo đường lối hiếu chiến như Bộ trưởng Tuyên truyền Trần Huy Liệu, nhiều năm trước đây sống ở Nga hoặc trong tù. Trong bữa tiệc ngay sau khi được bổ nhiệm, Hồ cam đoan với Bảo Đại *"chúng ta sẽ cùng nhau làm việc vì độc lập của đất nước"*. Thoạt đầu Bảo Đại có cảm tình với cử chỉ yếu đuối và mềm dẻo của vị chủ tịch mới, thích nói chuyện văn thơ hơn chính trị và có vẻ giống một nhà nho hay thầy đồ hơn là điệp vụ Quốc tế Cộng sản hay chủ tịch nước. Bảo Đại so sánh Hồ với những phần tử dân tộc chủ nghĩa không cộng sản mà ông coi là *"những con rối nằm trong tay bọn Trung Hoa"*. Hồ, trong những cuộc thương lượng với bọn tướng lĩnh Tưởng, luôn giữ bình tình. Tuy nhiên, sau này Bảo Đại nhận ra bộ mặt thật của Hồ của chính phủ ông. Khi nghe tin Phạm Quỳnh, cựu thủ tướng của ông và Ngô Đình Khôi, anh trai Ngô Đình Diệm, bị bắt, Bảo Đại đã phản đối Hồ Chí Minh và yêu cầu thả họ cùng với những tù chính trị. Nhưng Hồ ậm ừ giải thích, nhân dân sẽ không hiểu việc này. (Như đã nói ở trên, cả hai ông này cuối cùng bị hành quyết).

Cuối cùng, Bảo Đại bắt đầu nghi ngờ, chính phủ sử dụng ông làm con cờ để tạo vẻ hợp pháp với Mỹ. Tháng 10-1945, khi căng thẳng giữa Việt Minh và những đối thủ dân tộc chủ nghĩa bắt đầu tăng cao, Bảo Đại được đưa về Thanh Hoá để lánh nạn. Ông trở lại sau khi thành lập Chính phủ Liên hiệp lâm thời tháng 1-1946, và được bầu làm đại biểu Quốc Hội mới. Trong vài tuần lễ tiếp đó, ông cùng Hồ Chí Minh chúc Tết một số nơi *"để dân chúng thấy ông vẫn còn sống"*.

Dưới vỏ bọc hợp pháp của chính phủ liên hiệp mới thành lập, Hồ Chí Minh nối lại thương lượng với Sainteny ngay những tuần

lễ đầu tiên năm 1946. Thoạt đầu, quan điểm hai bên cách xa đến mức tưởng không thể thoả hiệp được. Trong thời gian đó Kenneth Landon, quan chức Vụ Đông Nam Á Bộ Ngoại Giao đến Hà Nội giữa tháng 1-1946 để tìm hiểu tình thình thực tế, Sainteny cam đoan với Kenneth Landon chính phủ Pháp sẽ tìm cách hoà giải với Việt Nam. Nhưng khi nói chuyện với Hồ Chí Minh, Landon nhận ra Hồ Chí Minh ít lạc quan về triển vọng dàn xếp. Hồ yêu cầu sự trung thực của Pháp và vạch ra quyết tâm sắt đá của nhân dân Việt Nam giành hoàn toàn độc lập. Trước khi chia tay, Hồ nhờ Landon chuyển một bức thư tới tổng thống Truman. Thư nói rằng Mỹ đang chuẩn bị chấp nhận hoàn toàn độc lập cho Philippines, Hồ khẩn khoản yêu cầu Mỹ ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam để giải phóng dân tộc.

Sự hoài nghi của Hồ Chí Minh về âm mưu của Pháp là có cơ sở khi Bộ Ngoại Giao Pháp nói với đại sứ Mỹ Jefferson Caffery, dù Pháp có thái độ *"tự do và tiến bộ"* trước đòi hỏi của Việt Nam, nhưng việc độc lập hoàn toàn vẫn chưa được xem xét đến trong lúc này. Caffery hy vọng Pháp sẽ có quan điểm thực tiễn hơn trong việc giải quyết vấn đề và lưu ý Washington *"một số viên tướng thủ cựu"* đã lũng loạn đường lối của chính phủ đối với Đông Dương.

Dù có dấu hiệu Pháp không nhượng bộ, áp lực tăng lên đối với Pháp khi cuộc thương lượng Pháp - Trung ở Trùng Khánh sẽ dẫn đến quân Tưởng phải rút đi và thay thế bằng quân Pháp. Để làm dễ dàng thương lượng, Hà Nội bắn tin sẽ đồng ý nhượng bộ để dẫn đến dàn xếp thoả đáng. Có những dấu hiệu tương tự về thoả hiệp ở Paris, khi Charles De Gaulle từ chức giữa tháng 1-1946 do việc thành lập và chính phủ liên hiệp ôn hoà đứng đầu là Felix Gouin - người của Đảng Xã hội.

De Gaulle không đề xuất cho người kế nhiệm mình xử lý vấn đề

Đông Dương như thế nào, mặc dù sau này ông trừng phạt Cao Uỷ d'Argenlieu là lẽ ra trật tự phải được khôi phục trước khi mở những cuộc hội đàm. Tháng 1-1946, d'Argenlieu trở lại Paris tham khảo chính phủ mới, đồng thời chỉ thị tướng Leclerc không được dùng từ *“độc lập”* khi hội đàm với Hồ Chí Minh. Nhưng Sainteny báo cáo, Hồ khăng khăng đòi có câu *“độc lập trong khối Liên hiệp Pháp”*. Sainteny cảnh báo, nếu không thế, có thể dẫn đến chiến tranh. Ngày 14-2, Leclerc điện về Paris nói nếu Pháp đồng ý từ *“độc lập”,* vấn đề thương lượng có thể được giải quyết. Leclerc cho rằng *“đây là thời điểm thích hợp để chính phủ Pháp bày tỏ chắc chắn chữ độc lập”*. Leclerc nói, độc lập có thể *“theo những cơ sở hạn chế, trong bối cảnh Liên hiệp Pháp, đối với toàn Đông Dương”*. Nhưng d'Argenlieu - một thày tu phá giới xảo quyệt với quan điểm bảo thủ được mệnh danh là *“bộ óc thông minh nhất của thế kỷ XII"*, đã không chấp nhận ý tưởng này.

Trước khi từ chức, De Gaulle cũng cử Bộ trưởng Max Andre tới Hà Nội để thăm dò thái độ Hồ Chí Minh về thương lượng. Theo nguồn tin phía Pháp, Hồ bắn tin Max Andre biết sẵn sàng cho phép quân Pháp vào miền Bắc với những điều kiện nhất định. Nhưng Hồ cũng bị áp lực của ngay chính ở khu vực ông ứng cử không cho người Pháp trả lời. Những người dân tộc chủ nghĩa đả kích ông đàm phán với Pháp, đòi giải tán *“chính phủ của những kẻ phản bội”,* bán rẻ quyền lợi độc lập của Việt Nam để giữ quyền lực cho chính mình.

Mọi xu hướng thoả hiệp ngày càng khó khăn do cuộc xung đột ở miền Nam tăng mạnh lên. Tháng 11-1945, quân Pháp đổ bộ ven biển miền Trung, chiếm thành phố nghỉ mát Nha Trang. Thành phố này sau đó bị quân đội Việt Minh bao vây. Vài tuần sau, quân Pháp do tướng Alessandri chỉ huy vượt biên giới Hoa - Việt vào Lai Châu, bắt đầu cắt đứt vùng biên giới để ngăn cản Việt Minh liên

hệ với những người ủng hộ ở nam Trung Hoa. Những đơn vị Vệ Quốc Đoàn ở Hà Nội được điều động để ngăn chặn hoặc làm chậm bước tiến quân của Pháp. Trong một cuộc phỏng vấn, tướng Lư Hán xác nhận quân Pháp vào Việt Nam nhưng phủ nhận tin đồn một hiệp định cho phép quân Pháp vào Đông Dương được đưa ra tại cuộc thương lượng Pháp - Trung.

Tuy nhiên, giữa tháng 2-1946, nguồn tin của Pháp xác nhận, một hiệp định với Trung Hoa dẫn đến việc rút quân Trung Quốc chiếm đóng ra khỏi Đông Dương sắp được ký kết, cảnh báo chính quyền Hà Nội, cuộc dàn xếp chính trị giữa Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đạt được nhanh chóng. Nếu không, họ hé lộ, hậu quả có thể rất tai hại. Trong bức điện gửi về Paris ngày 18-2, Sainteny báo cáo về cuộc đàm phán với Hồ Chí Minh hai ngày trước đó, Hồ chấp nhận từ bỏ đòi hỏi phải có chữ "độc lập" trong một thoả thuận hoà bình và đồng ý Việt Nam là thành viên trong khối Liên hiệp Pháp. Nhưng Hồ đòi đổi lấy việc này *"chính phủ Pháp phải công nhận nguyên tắc chính phủ tự trị ở Việt Nam"*. Ở Paris, d'Argenlieu bày tỏ sự chấp thuận của mình về mặt nguyên tắc.

Trong lúc những cuộc thương lượng đang tiến diễn, ngày 20-2-1946, hãng Reuters công bố những điều khoản của hiệp định Pháp - Trung sắp ký, theo đó Trùng Khánh cho phép quân Pháp vào miền Bắc để thay thế quân đội Tưởng. Pháp bắn tin không ngần ngại dùng vũ lực nếu Hà Nội từ chối thoả hiệp, tướng Leclerc bắt đầu chuẩn bị đưa quân Pháp đổ bộ vào Hải Phòng. Khi tin tức này đến Hà Nội, cả thành phố lo buồn. Những phần tử dân tộc chủ nghĩa, vốn căm tức về những tin tức Hồ đồng ý thoả hiệp về vấn đề độc lập, đã tổ chức những cuộc biểu tình ở những khu phố buôn bán và kêu gọi tổng bãi công chống lại chính phủ. Một số người còn đòi Hồ Chí Minh từ chức và thành lập một chính phủ

mới do *“Công dân”* Vĩnh Thuỵ đứng đầu. Khi đám đông đến hồ Hoàn Kiếm chạm trán với những người biểu tình thân chính phủ, cuộc đụng độ nổ ra giữa hai nhóm.

Trả lời phỏng vấn ngày 22-2-1946, Hồ Chí Minh từ chối bình luận tin đồn về hiệp định Pháp - Trung, nhưng những sự kiện sau đó cho thấy giới lãnh đạo Việt Nam lo lắng. Suốt mấy ngày sau, chính phủ tăng cường chuẩn bị chiến tranh, thành lập thêm những đơn vị tự vệ và yêu cầu thiếu nhi và người già rời thành phố. Trong khi đó, gấp rút thành lập chính phủ liên hiệp mới, triệu tập họp Quốc Hội, gồm những đại biểu được bầu hồi tháng 1-1946. Sainteny bày tỏ nguyện vọng của mình xem xét khả năng quyền tự trị cho Việt Nam (không nhắc đến từ độc lập), nhưng ông lại đưa ra một rào cản khi ông tuyên bố từ chối ký một hiệp định trừ khi chính phủ Việt Nam được mở rộng cho những đại diện của tất cả các nhóm dân chúng.

Những cuộc hội đàm giữa đại diện Việt Minh và các đảng phái dân tộc chủ nghĩa trở nên căng thẳng, chẳng hạn Việt Nam Quốc Dân Đảng, được quân Tưởng ủng hộ, vẫn đòi chiếm đa số ghế trong chính phủ mới. Có vẻ như có lúc Hồ đã mất hy vọng đạt được một thoả thuận. Theo Bảo Đại, sáng 23-2-1946, Hồ bất thình lình đến thăm, đề nghị Bảo Đại ra nắm quyền. Hồ thở dài: “Thưa Ngài, tôi không biết làm gì hơn. Tình hình quá căng thẳng. Tôi hiểu rõ người Pháp không muốn nói chuyện với tôi. Tôi không thuyết phục được Đồng Minh ủng hộ. Cả thế giới bảo tôi đỏ quá. Tôi đề nghị ngài hãy hy sinh một lần nữa và ra nắm chính quyền”.

Thoạt đầu Bảo Đại khước từ, nhưng sau đó đồng ý thảo luận vấn đề với các cố vấn của ông, nhiều cố vấn khuyên ông nên nhận. Nhưng bây giờ đến lượt Hồ thay đổi ý kiến. Chiều hôm đó, Hồ mời Bảo Đại đến gặp:

*“Thưa Ngài, hãy quên những điều tôi nói lúc sáng. Tôi không có quyền từ bỏ những trách nhiệm của mình lúc khó khăn. Trả lại quyền lực cho ngài là sự hèn nhát của tôi. Xin ngài hãy tha lỗi cho phút yếu mềm và ý định chuyển gánh nặng trách nhiệm cho ngài. Tôi có kế hoạch từ chức chẳng qua vì sự chống đối quyết liệt của các đảng phái dân tộc chủ nghĩa với hiệp định mà tôi đang thảo luận với Pháp”.*

Cái gì đã làm Hồ thay đổi ý định? Chỉ biết là ngày hôm sau, chính phủ thông báo, các đảng phái đã thoả thuận thành lập chính phủ liên hiệp mới. Hai bộ quan trọng nhất là Nội Vụ và Quốc Phòng được trao cho các phần tử trung lập. Việt Minh và Đảng Dân Chủ (bù nhìn của Việt Minh), Việt Nam Quốc Dân Đảng, và Đồng minh Hội chia nhau tám ghế còn lại. Theo Võ Nguyên Giáp, Hồ đã thảo luận với Tiêu Văn, nhấn mạnh tầm quan trọng việc thành lập một chính phủ liên hiệp để chống Pháp. Tiêu Văn, vốn rất ghét Pháp, hình như đồng ý thuyết phục phe đối lập thoả hiệp theo đòi hỏi của họ.

Ngày 27-2-1946, d'Argenlieu từ Paris trở lại Sài Gòn. Cùng ngày, ông chấp nhận bản hiệp định khung do Sainteny đề nghị, công nhận Việt nam là *“Nhà nước tự do, có quốc hội, quân đội và tài chính riêng”.* Nhưng d'Argenlieu từ chối đòi hỏi quyền tự trị của Việt Nam trong công việc ngoại giao, sự thống nhất về chính trị và lãnh thổ của ba miền, mặc dù ông đồng ý về mặt nguyên tắc tổ chức trưng cầu dân ý vấn đề thống nhất. Dường như để kích thích quan điểm của d'Argenlieu, cùng ngày các nhà thương lượng Pháp đồng ý bỏ yêu cầu về các lãnh thổ hải ngoại tại Quảng Châu và Thượng Hải và sẵn sàng ký hiệp định Hoa Việt. Nếu một hiệp định với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể đạt được thì con đường rộng mở cho quân Pháp thay thế quân Tưởng chiếm đóng ở Bắc Việt Nam. Paris tức tốc gửi điện Leclerc tại Sài Gòn: “Hiệp định đã đạt được, hãy giương buồm lên thẳng tiến”.

Hoà bình đứng trước nguy ngập, điều quan trọng đối với Hồ Chí Minh là làm sao có được sự chấp thuận của chính phủ và nhân dân. Bẩy giờ sáng ngày 2 tháng 3, tân Quốc Hội họp lần đầu tiên tại Nhà Hát Lớn, Hà Nội. Toà nhà được trang trí bằng những lá cờ đỏ sao vàng quen thuộc, vẫn còn là biểu tượng dân tộc dù những phần tử dân tộc chủ nghĩa phản đối.

Gần ba trăm đại biểu, cộng với đông đảo nhà báo và khách mời, tiến vào phòng họp. Hồ Chí Minh mặc bộ quần áo ka-ki bạc mầu bước lên diễn đàn, khẩn khoản yêu cầu các đại biểu chấp nhận bảy mươi người không qua bầu cử của Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng minh Hội, đang ngồi ở phòng chờ để đợi được mời vào cuộc họp. Sau khi Quốc Hội tán thành, họ vào phòng họp và ngồi vào chỗ thì Hồ tuyên bố, Quốc Hội bây giờ đại diện cho toàn thể đất nước, phải thành lập được một chính phủ phản ánh và thực hiện những khát vọng của dân tộc. Quốc Hội chính thức chấp nhận chính phủ liên hiệp lâm thời từ chức và nhất trí bầu Hồ Chí Minh làm chủ tịch chính phủ liên hiệp kháng chiến và kiến quốc. Nguyễn Hải Thần, không tới dự cuộc họp viện cớ ốm, được bầu làm phó chủ tịch. Sau đó Hồ tuyên bố thành lập Uỷ Ban Dân Tộc Kháng chiến để tiến hành đấu tranh cho nền độc lập hoàn toàn và bổ nhiệm Nhóm Cố Vấn Quốc gia do cựu hoàng Bảo Đại đứng đầu. Phiên họp kết thúc ngay sau buổi chiều đó. Cùng ngày, hạm đội Pháp chở tướng Leclerc đang trên đường từ Sài Gòn tiến về Hải Phòng.

Ngày 5-3-1946, Hồ Chí Minh họp bí mật với ban lãnh đạo đảng tại Hương Canh, ngoại thành Hà Nội. Ban Thường Vụ họp ngày 24-2-1946 đánh giá tình hình đề ra chiến lược thích hợp. Có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề phải làm gì. Một số muốn cầm vũ khí đánh ngay lập tức, một số khác khuyên nên yêu cầu quân Tưởng ủng hộ chống lại Pháp. Nhưng Hồ Chí Minh, biết được thực

lực yếu kém của Việt Minh, cho rằng quan trọng nhất là phải đạt được một thoả thuận bằng mọi giá. Ông bực bội nói lớn: *"Các đồng chí có hiểu cái gì sẽ xảy ra nếu quân Tầu ở lại? Các đồng chí đã quên hết bài học lịch sử rồi sao. Khi bọn Tầu đến, họ ở lại hàng ngàn năm. Bọn Pháp thì bất quá ở vài năm rồi cũng sẽ phải cuốn xéo".* Sau này khi nói chuyện với nhà sử học Pháp Paul Mus, Hồ dùng từ còn kinh hơn: *"Thà ngửi cứt Tây một lúc, còn hơn ăn cứt Tàu cả đời".*

Cuối cùng quan điểm của Hồ thắng thế. Nghị quyết cuộc họp nêu rõ: *"Vấn đề bây giờ không phải là đánh hay không. Mà là phải biết người biết ta, nhận rõ một cách khách quan tất cả những điều kiện có lợi, bất lợi trong và ngoài nước, sau đó có hành động đúng".* Trên thực tế, tình hình xem ra phức tạp hơn trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám. Khi đó, tình hình chính trị trong nước có lợi cho Đảng và những đảng phái đối lập không có khả năng để chống lại một cách công khai. Bây giờ, những phần tử dân tộc chủ nghĩa cảm thấy được khuyến khích dựa vào sự ủng hộ của quân Tưởng và có thể manh động chống lại chính phủ. Trong Cách mạng tháng Tám, Đảng có thể tận dụng những mâu thuẫn của Đồng Minh. Nghị quyết vạch rõ, bây giờ những mâu thuẫn này ít ra cũng tạm thời được hoá giải, trong khi đó, những lực lượng tiến bộ trên thế giới do Liên Xô đứng đầu không thể giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Trong hoàn cảnh này, *"chiến đấu đến cùng"* chẳng khác gì tự làm yếu và cô lập mình.

Nghị quyết thừa nhận, chính sách hoà hoãn với Pháp sẽ làm cho Đảng bị chửi là bán nước, giúp Pháp củng cố lực lượng tấn công miền Bắc. Nhưng hoà hoãn với Pháp sẽ làm Tưởng và bọn cơ hội dân tộc chủ nghĩa suy yếu. Hoà hoãn cũng giúp chính phủ có thời gian chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn. Cuối cùng nghị quyết yêu cầu Pháp phải công nhận các quyền tự quyết và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân

Việt nam.

Ngày 5-3-1946, hạm đội của tướng Leclerc tiến vào Vịnh Bắc Bộ. Cùng ngày, Sainteny nhận được bản báo cáo từ Sài Gòn cho biết quân Tưởng đã nuốt lời cam kết trong bản hiệp định ký với Pháp, không cho phép quân Pháp đặt chân lên lãnh thổ Đông Dương và cũng không có nhượng bộ thêm nữa. Trong lúc ấy, ở Hà Nội Uỷ Ban Dân Tộc Kháng Chiến mới được thành lập đã kêu gọi nhân dân chuẩn bị đứng lên bảo vệ tổ quốc. Nếu quân Pháp đổ bộ mà chưa có được một hiệp định với Trùng Khánh, họ sẽ vấp phải sự kháng cự của cả quân Tưởng và Việt Nam. Để bảo vệ binh sĩ của mình, tướng Leclerc yêu cầu Sainteny làm mọi thứ theo quyền mình để có được một hiệp định trong thời hạn ngắn nhất, *“thậm chí bằng mọi giá có thể sau này vứt đi”*.

Cuối ngày hôm đó, cuộc thương lượng được nối lại. Sainteny lo âu chìa bản hiệp định và Hồ Chí Minh, biết rõ những khó khăn hiện thời của hội đàm Pháp - Trung, đã thừa cơ đòi chữ *“độc lập”* trong hiệp định, cũng như Pháp chấp thuận nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Cuộc hội đàm tiếp tục đến đêm, Sainteny đồng ý vấn đề độc lập thông qua trưng cầu dân ý tổ chức tại ba miền Việt Nam, nhưng ông cươmg quyết từ chối viết từ *“độc lập”*. Cuộc hội đàm bế tắc. Pháp bỏ về, khiến Hồ Chí Minh phải tìm giải pháp khác.

Sáng sớm hôm sau, hạm đội Pháp tiến vào cảng Hải Phòng. Lúc 8 giờ 30 sáng, khi chiếc tàu đổ bộ đầu tiên vào cửa sông Cấm bị quân Tưởng dọc hai bờ sông nổ súng. Mười lăm phút sau, quân Pháp mới bắn trả. Cuộc đấu súng kéo dài đến tận 11 giờ trưa, vài tàu chiến Pháp bị hư hại, một kho đạn của quân Tưởng bị cháy. Đạn rơi rào rào trên những đường phố Hải Phòng như một cơn mưa.

Trong khi quân Pháp và Tưởng đấu súng ở Hải Phòng, cuộc hội đàm ở Hà Nội cuối cùng cũng đến hồi kết. Hồ hỏi ý kiến Ban Thường Vụ Đảng vào buổi chiều ngày 5-3 và đồng ý chấp thuận những nhượng bộ cần thiết để đạt được một hiệp định. Trước rạng đông, Hồ cử Hoàng Minh Giám tới nhà Sainteny, tuyên bố chính phủ ông chấp nhận những điều kiện của Pháp và đồng ý Pháp công nhận Việt Nam là *"một quốc gia tự do"*. Bốn giờ chiều, phái đoàn Việt Nam tới một biệt thự ở đường Lý Thái Tổ, cắt chéo công viên nhỏ trước Bắc Bộ Phủ, nơi từng diễn ra nhiều cuộc họp thương lượng. Trước cử toạ Pháp và Việt Nam cũng như một số nhà ngoại giao, hiệp định được đọc to. Hiệp định đòi Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có *"chính phủ riêng, Quốc hội riêng, quân đội riêng và tài chính riêng trong khối Liên hiệp Pháp"*. Chính phủ Pháp đồng ý tổ chức trưng cầu dân ý để quyết định thống nhất ba vùng lãnh thổ. Đổi lại, Việt Nam cho phép 15.000 quân Pháp đến thay thế quân Tưởng ở miền Bắc. Hồ Chí Minh ký đầu tiên, rồi ông trao bút cho thứ trưởng bộ quốc phòng, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng Vũ Hồng Khanh. Sau lễ ký, Sainteny tỏ ra hài lòng về hiệp định, nhưng Hồ đáp: "*Và tôi lấy làm tiếc, ông đã thắng, ông biết rằng tôi muốn nhiều hơn thế. Nhưng tôi hiểu rằng không thể có mọi thứ ngay một lúc"*. Sau đó ông trở lại bình tĩnh và đi theo Pignon và Sainteny. Ông nói với Sainteny *"Tôi có một điều an ủi, đó là tình bạn giữa chúng ta"*.

Để Vũ Hồng Khanh ký hiệp định, Hồ Chí Minh hy vọng bịt miệng những phần tử dân tộc chủ nghĩa đả kích hiệp định. Sau lễ ký, Hồ Chí Minh gặp Ban Thường Vụ Đảng bàn cách tuyên truyền hiệp định cho nhân dân và cử đại diện đến ba miền đất nước giải thích căn nguyên sau quyết định. Hoàng Quốc Việt tới Sài Gòn, Hoàng Minh Giám tới Đà Nẵng và Võ Nguyên Giáp tới Hải Phòng, nơi quân Pháp chẳng mấy chốc sẽ đổ bộ lên.

Tin tức về bản hiệp định xuất hiện trên mặt báo Hà Nội sáng hôm sau. Theo quan sát, dân chúng phản ứng với sự thờ ơ xen lẫn ngạc nhiên và giận dữ. Dù chính phủ kêu gọi dân chúng giữ bình tĩnh, tránh những hành động khiêu khích chống Pháp kiều, tình hình thủ đô rất căng thẳng. Những phần tử dân tộc chủ nghĩa buộc tội Hồ Chí Minh bị Pháp lừa bịp và một số người thậm chí gọi ông là Việt gian. Nhằm bác bỏ những lời buộc tội đó, giới lãnh đạo đảng tổ chức cuộc mít tinh trước Nhà Hát Lớn lúc bốn giờ chiều để giải thích quyết định. Theo Jean Sainteny, những phần tử dân tộc chủ nghĩa cài người vào đám đông kích động nhân dân phẫn nộ. Một kẻ giấu mặt thậm chí đã ném một quả lựu đạn, may mà quên rút chốt. Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp, vừa từ Hải Phòng về, phát biểu trước tiên, giải thích sự cần thiết phải có một hiệp định, tầm quan trọng của việc duy trì luật pháp và trật tự. Ông so sánh bản hiệp định Brest-Litovsk, theo quyết định của Lenin năm 1918, chấp nhận mất một phần lãnh thổ Nga cho Đức, hứa, sự phát triển này cuối cùng dẫn tới độc lập hoàn toàn. Sau khi vài người khác phát biểu xong, Hồ Chí Minh xuất hiện trên ban công và nói ngắn gọn:

*"Đất nước chúng ta trở thành tự do từ tháng 8-1945. Tuy nhiên, cho đến giờ, chưa có một cường quốc nào công nhận nền độc lập của chúng ta. Những cuộc thương lượng với Pháp đã mở đường để quốc tế công nhận và tăng vị thế Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên trường quốc tế. Chúng ta trở thành một dân tộc tự do. Theo hiệp định, quân Pháp sẽ dần dần rút khỏi Việt Nam. Đồng bào hãy giữ bình tĩnh, phải tăng cường sự thống nhất và củng cố khối đoàn kết dân tộc. Tôi, Hồ Chí Minh, đã cùng với các đồng chí của mình chiến đấu suốt đời vì độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không thể phản bội tổ quốc mình".*

Sự chân thành và xúc động trong phát biểu của Hồ đã gây ấn tượng mạnh mẽ, buổi mít tinh kết thúc trong tiếng hô vang dậy

"Hồ Chí Minh muôn năm". Nhưng nhiều người Việt Nam và không ít người trong hàng ngũ Đảng hoài nghi bản hiệp định khi đang đối mặt vấn đề một cách trực tiếp. Hai ngày sau, Ban Thường Vụ Đảng ra nghị quyết với tên gọi *"Hoà để tiến",* cố gắng làm giảm bớt lo âu trong hàng ngũ cán bộ đảng đồng thời kêu gọi cảnh giác và chuẩn bị chiến đấu, nêu rõ *"Tổ quốc đang đứng trước khó khăn, nhưng con thuyền cách mạng đang băng qua đá ngầm tiến về phía trước. Hiệp định ký với Pháp cho chúng ta thêm thời gian bảo toàn lực lượng, củng cố vị trí để có thể nhanh chóng tiến tới độc lập hoàn toàn".*

Chiều ngày 6-3, Võ Nguyên Giáp trở lại Hải Phòng gặp tướng Leclerc, thảo luận những điều bổ xung trong bản hiệp định sơ bộ liên quan tới tình hình quân sự. Dù đã có hiệp định, nhưng vẫn có đụng độ giữa những đơn vị Pháp và Việt Nam ở vài nơi. Cả hai bên vẫn giữ cảnh giác. Hồ Chí Minh vẫn ở Hà Nội, ông tiếp các đại biểu dân sự và quan chức quân sự tại Toà Thị Chính. Ông cũng viết thư ngỏ gửi đồng bào ở miền Nam, thông báo việc ngừng bắn nhưng yêu cầu tiếp tục chuẩn bị và củng cố kỷ luật. Nguyễn Lương Bằng - một cựu trào của Hồ từ những ngày ở Trung Hoa và Hong Kong - nhận nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa ở Thái Nguyên, còn Hoàng Văn Hoan được cử đến Thanh Hoá cũng làm công việc này.

Ở Paris, báo chí đưa tin bản hiệp định Hồ - Sainteny nói chung với vẻ lạc quan. Ngày 9-3, Bộ trưởng Hải ngoại Marius Moutet đệ trình bản hiệp định cho Hội đồng Bộ trưởng để phê chuẩn. Ngoại trưởng Georges Bidault ca ngợi bản hiệp định là khuôn mẫu để giải quyết tình hình ở các nước thuộc địa khác của Pháp. Dù vậy, những phần tử dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam tiếp tục lớn tiếng đả kích. Một số lãnh tụ không cộng sản đòi chính phủ phải tìm kiếm ủng hộ của Trung Quốc hoặc Mỹ. Cố vấn tối cao Bảo Đại đề nghị được tới Trùng Khánh gặp chính quyền Tưởng Giới Thạch để đưa

lời yêu cầu cá nhân. Sau khi thảo luận, Hồ Chí Minh đồng ý.

Ngày 18-3, một ngàn hai trăm quân Pháp, trên hai trăm xe quân sự - phần nhiều do Mỹ sản xuất - qua cầu Long Biên tiến vào Hà Nội trong tiếng hân hoan reo hò của Pháp kiều ở thành phố này. Quân Tưởng lẻ tẻ rút về biên giới vài ngày trước đó. Theo nguồn tin từ phía Pháp, một người Việt Nam, khi nhìn thấy vũ khí hiện đại và xe cộ của quân Leclerc, thất vọng *"Chúng ta thua mất, họ quá mạnh"*. Nhưng Leclerc không tin như vậy, lo ngại, trong trường hợp hiệp định bị phá vỡ, một sư đoàn của ông không đủ sức bình định vùng này. Tuy nhiên, nhiều Pháp kiều trong tâm trạng vui sướng trấn an rằng binh sĩ Việt Nam quá yếu.

Chiều hôm đó, Leclerc, Sainteny, Pignon và những quan chức cao cấp Pháp tới Bắc Bộ phủ gặp Hồ Chí Minh và những thành viên chính phủ của ông. Hồ và Leclerc nâng cốc chúc tình hữu nghị Pháp - Việt, không khí trong phòng họp cũng nặng nề chẳng kém gì ngoài phố, khi quân Pháp nhậu nhẹt ăn mừng tạo nên những kỷ niệm cay đắng trong quá khứ của dân chúng. Tối hôm ấy, Hồ Chí Minh mời thiếu tá Mỹ, Frank White, đại diện mới của Cơ quan Tình báo Chiến lược ở Hà Nội, dự bữa tiệc chào mừng Leclerc. Khi Hồ gặp White lần đầu tiên sớm hơn cùng ngày, ông muốn moi tin White về quan điểm của Mỹ đối với tình hình ở Đông Dương. Hồ Chí Minh lấy làm tiếc Liên Xô quá bận rộn tái thiết nền kinh tế bị thiệt hại nặng trong chiến tranh nên không thể giúp đỡ nhiều cho chính phủ Việt Nam non trẻ, Hồ bày tỏ hy vọng Mỹ sẽ cung cấp "tiền và kỹ thuật" giúp đỡ Việt Nam con đường phát triển. Nhưng ngay cả trong lúc tâng bốc vai trò của Mỹ trong tương lai Việt Nam, Hồ cũng bày tỏ chút hoài nghi Mỹ không muốn giúp Việt Nam vì Việt Nam là nước nhỏ và xa Bắc Mỹ.

Sau khi trao đổi, thiếu tá White về nhà, nhưng bất ngờ Hồ Chí

Minh mời ông dự tiệc đãi những đại diện Pháp vừa đến Hà Nội. White ngạc nhiên khi được xếp ngồi cạnh Hồ Chủ tịch trong bữa tiệc, có lẽ khiến vài người trong hàng ngũ sĩ quan cao cấp Mỹ bực tức. Khi White lúng túng việc ngồi cạnh Hồ làm nhiều khách không hài lòng, Hồ buồn rầu *"Nếu không nói chuyện với anh thì tôi nói chuyện với ai".* Theo hồi ức White, bầu không khí bữa tiệc *"lạnh giá",* người Pháp thì chẳng có gì mà nói, quân Tàu do Lư Hán đứng đầu thì *"say khướt".*

Hồ Chí Minh quả là đúng khi than phiền với White, Mỹ không muốn can thiệp tới cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam giành dân tộc, Nhà Trắng phớt lờ những biến chuyển nhanh chóng tình hình Đông Dương. Cuối tháng 2-1946, Hồ gửi một bức điện cho tổng thống Truman đề nghị Mỹ ủng hộ nền độc lập của Việt Nam, theo những nguyên tắc Hiến Chương Liên Hợp Quốc. Không có sự hồi âm. Khi tin tức Hiệp định Pháp - Trung bay đến Washington, ngoại trưởng James Byrnes nói với một nhà ngoại giao Pháp, hiệp định đó *"hoàn thành việc khôi phục chủ quyền của Pháp tại Đông Dương".* Bây giờ lo ngại sự nguy hiểm của làn sóng Cộng sản tràn lan, (Winston Churchill gọi là "Bức màn sắt" trong bài phát biểu nổi tiếng ở Fulton, Missouri), Mỹ không ủng hộ lời đòi hỏi công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một *"quốc gia tự do"* nằm trong Liên hiệp Pháp.

Suốt mấy ngày sau, tình hình vẫn không cải thiện. Ngày 22-3-1946, một cuộc diễu binh chung diễn ra gần Hoàng Thành Hà Nội để hâm nóng "tình hữu nghị Việt Pháp". Xe của Pháp toàn do Mỹ sản xuất, máy bay Spitfire của Anh. Đám đông bên nào vỗ tay hoan hô quân bên ấy. Ngày hôm sau, Leclerc rời Hà Nội, trao quyền cho thuộc hạ là tướng Jean - Etienne Valluy. Dù không có đụng độ diễn ra, nhưng lòng dân oán giận lên cao khi Pháp chiếm một số công sở, dẫn đến tổng bãi công, sau khi Pháp rút đi.

Cao uỷ d'Argenlieu điện cho Jean Sainteny, nói ông ta muốn gặp trực tiếp Hồ Chí Minh. Sainteny liên lạc với Hồ và Hồ nhận lời ngay với hy vọng thu xếp một cuộc thương lượng chính thức để phê chuẩn hiệp định sơ bộ càng sớm càng tốt. Sáng 24-3-1946, Hồ Chí Minh, đội mũ rộng vành, đi cùng Hoàng Minh Giám và nhà văn Nguyễn Tường Tam, tân ngoại trưởng không cộng sản, đến sân bay Gia Lâm cùng Sainteny lên thuỷ phi cơ Catalina. Thuỷ phi cơ hạ cánh ở Vịnh Hạ Long, một kỳ quan với những núi đá vôi dọc bờ biển phía đông Hải Phòng. Họ lên chiến hạm Pháp Emile Bertin, được d'Argenlieu và cùng những đại diện Pháp đón tiếp.

Sau màn chào hỏi và nâng cốc, Hồ Chí Minh được mời thăm hạm đội Pháp đang chạy qua kỳ hạm Đô đốc d'Argenlieu. Sau đó, tại cabin kỳ hạm, hai bên trao đổi sẽ tiếp tục hội đàm ở đâu và khi nào để thi hành hiệp định 6 tháng 3. Hồ muốn họp càng sớm càng tốt, nhưng d'Argenlieu cho là nên có hội nghị trù bị để phia Pháp làm quen với những vấn đề chính và đề nghị họp ở Đà Lạt. Hồ đồng ý họp hội nghị trù bị ở Đà Lạt, nhưng ông ngại, nếu những cuộc thương lượng chính thức họp tại đó, viên Cao uỷ có thể kiểm soát tình hình, nên ông dự kiến sẽ tổ chức ở Pháp. Ở Pháp, Hồ có thể qua mặt d'Argenlieu và sử dụng vị thế của mình là nguyên thủ quốc gia để gây ảnh hưởng tới quan điểm công chúng Pháp vốn đang dao động sau Thế chiến II. Leclerc và Sainteny lại vào hùa với Hồ, cho rằng như thế Hồ sẽ đỡ bị sức ép của phe đối lập và quân Tưởng. Cuối cùng, d'Argenlieu chấp thuận.

Đối với Hồ Chí Minh, những cuộc hội đàm tại Vịnh Hạ Long là một bài học hữu ích. Dù ông không thể bắt Pháp chấp thuận nối lại những cuộc thương lượng hoà bình, ông được đối diện với một tay thực dân lõi đời như d’Argenlieu và đã đứng vững trong cuộc nói chuyện. Trên đường về Hà Nội, Hồ bình luận với tướng Raoul Salan (thuộc hạ của d'Argenlieu), người cũng dự cuộc họp: *“Nếu đô*

*đốc nghĩ rằng hạm đội của ông ta làm tôi sợ thì ông ấy lầm to. Những chiến hạm to đùng ấy làm sao chạy ngược vào các dòng sông nhỏ bé của chúng tôi được".*

Hội nghị trù bị Đà Lạt họp giữa tháng 4-1946, không đi đếm kết quả. Đại diện Việt Nam, Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Tường Tam, không thể thuyết phục d'Argenlieu thảo luận tình hình ở Nam Kỳ, nơi xung đột quân sự tiếp tục gia tăng dù có lệnh ngừng bắn. Mâu thuẫn nghiêm trọng phát sinh về tương lai quốc gia tự do. Đoàn Việt Nam cho rằng Việt Nam sẽ là một quốc gia có chủ quyền trong Liên hiệp Pháp, nhưng Pháp khăng khăng Liên hiệp Pháp là một liên bang, mỗi quốc gia tự do cần phải đại diện chủ quyền theo cơ chế tổ chức liên bang và có một Cao uỷ được bổ nhiệm ở Paris. Trước ngõ cụt, các đại biểu gạt vấn đề vai trò tương lai của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp chờ đến những cuộc hội đàm chính thức, sẽ họp cuối tháng Năm ở Pháp. Ngày 13 tháng 5, Giáp thất vọng trở lại Hà Nội. Hồ Chí Minh an ủi, hai bên dù sao đã hiểu nhau hơn. Ông hy vọng các vấn đề khác biệt không phải là quá đối kháng, có thể thoả hiệp trong cuộc đàm phán sắp tới tại Pháp.

Năm ngày sau, d'Argenlieu có chuyến thăm ngắn Hà Nội để thảo luận về những cuộc hội đàm hoà bình. Ông đòi hoãn chuyến đi Paris của phái đoàn Việt Nam, viện cớ ở Pháp đang tổng tuyển cử, nhưng Hồ Chí Minh khăng khăng giữ nguyên lịch trình. Cao uỷ d'Argenlieu còn doạ hình như sắp tới sẽ thành lập Nhà nước Nam Kỳ tự trị, hoàn toàn đi ngược lại với những gì đã quy định trong hiệp định sơ bộ giữa Hồ và Sainteny ngày 6 tháng 3.

Ngày 30-5-1946, 50.000 người dân đã đội mưa đến khuôn viên Đại học Hà Nội để tiễn phái đoàn chính phủ đi Pháp đàm phán hoà bình. Phái đoàn do Phạm Văn Đồng dẫn đầu. Hồ và tướng Raoul Salan đi cùng chuyến bay sang châu Âu. Hồ không phải là thành

viên chính thức trong thành phần đàm phán mà tham gia với tư cách *"khách mời danh dự"* của chính phủ Pháp. Trong lời phát biểu ngắn với dân chúng, ông tuyên bố, chỉ có một mục đích duy nhất phục vụ tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Ông kêu gọi nhân dân nghe theo chính phủ khi ông vắng mặt và tôn trọng người nước ngoài.

Sáng sớm hôm sau, đoàn đại biểu tề tựu tại Bắc Bộ Phủ trong những bộ quần áo trang trọng, trừ Hồ Chí Minh mặc bộ quần áo ka-ki thường ngày cùng với giầy da đen. Tại sân bay Gia Lâm, họ lên hai chiếc máy bay quân sự Dakota, cất cách trong bầu trời đầy mây trong chuyến đi dài.

Paris chỉ thị cho phi công bay lòng vòng, bảo đảm phái đoàn chỉ đến Pháp khi kết quả bầu cử đã ngã ngũ. Sau chặng nghỉ ngắn ở Burma, do thời tiết xấu, đoàn tới Calcutta ngày 1 tháng 6, lãnh sự Pháp và đại diện chính phủ Anh ra đón. Đoàn nghỉ tại khách sạn Great Eastern nổi tiếng và lưu tại đó hai ngày đi ngắm cảnh. Ngày 4-6 đoàn tới Agra viếng thăm Taj Mahal, sau đó đi Karachi, Iraq, cuối cùng đến Cairo ngày 7-6 và ở lại đó ba ngày thăm thú. Trước khi rời Ai Cập, Hồ nhận được tin d'Argenlieu đã lập nhà nước Nam bộ tự trị và được chính phủ Pháp công nhận. Hồ vờ ngạc nhiên khi nghe tin này yêu cầu Salan hành động để đừng biến Nam Kỳ thành *"một Alsace - Lorraine mới"*. Nếu vậy có thể dẫn đến cuộc chiến tranh trăm năm.

Trong lúc ấy, cuộc khủng hoảng chính phủ nổ ra ở Pháp. Cuộc bầu cử Quốc Hội tổ chức ngày 2 tháng 6, các đảng bảo thủ đã giành thắng lợi lớn, khiến chính phủ thủ tướng Gouin (Đảng Xã hội) phải từ chức. Điều này, tất nhiên cho thấy trước những khó khăn lớn cho cuộc thương lượng, vì chính phủ bảo thủ hơn ở Paris sẽ khó chấp nhận những đề xuất hoà giải đưa ra trong những cuộc

thương lượng tháng 3-1946 giữa Hồ - Sainteny. Tầm quan trọng trước mắt, nó làm phức tạp những kế hoạch sắp tới đối với đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Vì chính phủ mới vẫn chưa được thành lập ở Paris, nên chính phủ Pháp sẽ không đón tiếp chính thức phái đoàn Việt Nam. Vì thế máy bay chở đoàn đại biểu rời Cairo vào ngày 11-6, dừng lại ở Algeria, và ngày hôm sau tới bãi biển nghỉ mát Biarritz (Pháp) bên vịnh Biscay. Chính quyền địa phương đón tiếp và đưa đoàn tới khách sạn trong thành phố. Hồ Chí Minh ở khách sạn sang trọng Carlton, nằm ngay bờ biển, những thành viên khác ở một khách sạn ít sang trọng gần đó.

Suốt mấy ngày sau, vài thành viên phái đoàn Việt Nam tiếp tục tới Paris, nhưng theo thoả thuận đôi bên Hồ Chí Minh vẫn ở lại Biarritz cho tới khi chính phủ Thủ tướng Georges Bidault, thủ lĩnh Phong trào Nhân dân Cộng hoà thuộc phái bảo thủ (MRP) lên nắm quyền. Bidault cử Jean Sainteny bay tới Biarritz ở cùng Hồ đợi khi thành lập xong tân chính phủ ở Paris. Vài ngày sau, Sainteny làm hết sức mình để chủ tịch Hồ Chí Minh khuây khỏa.

Điều này cũng chẳng phải dễ dàng. Theo tư liệu Sainteny, Hồ Chí Minh lo lắng về tình hình ở Paris, thậm chí còn lo ngại nhiều hơn về tình hình Đông Dương, nơi d'Argenlieu công khai làm mọi thứ để phá bản hiệp định sơ bộ 6 tháng 3. Hồ thậm chí đe doạ trở về Hà Nội. Nhưng Sainteny cam đoan với Hồ, Quốc Hội Pháp chưa chính thức phê chuẩn Cộng hoà tự trị Nam Kỳ chừng nào chưa có được kết quả trưng cầu dân ý theo hiệp định sơ bộ Hồ-Sainteny.

Do Sainteny kiên nhẫn thuyết phục, Hồ Chí Minh bắt đầu bớt lo, vài ngày sau chuyện trò vui vẻ với Sainteny. Thỉnh thoảng hai người tới bãi biển Hendaye gần đó, nơi chị gái Sainteny có một biệt thự, Hồ chơi đùa với đàn cháu của Sainteny trên bãi biển. Họ xem đấu bò sát biên giới Tây Ban Nha, thăm giáo đường Thiên

Chúa Giáo tại Lourdes. Họ tới một làng chài nhỏ Biristou, cả hai ăn bữa trưa tại một nhà hàng địa phương. Sau đấy, Hồ ký vào sổ lưu bút *"Đại dương và biển cả không thể chia cắt những người anh em gắn bó với nhau".* Có hôm, họ dành cả ngày đi đánh cá trên biển ở St. Jean de Luz. Dù Sainteny sau này cho biết những ngày đó dường như ngày dài vô tận, Hồ Chí Minh tiêu khiển bằng cách câu cá và câu được vài con cá ngừ, trò chuyện thân mật với viên thuyền trưởng. Khi viên thuyền trưởng kể về phong trào ly khai xứ Basque trong vùng, Hồ đáp: *"Riêng khoản này tôi có kinh nghiệm hơn anh, tôi e rằng người anh em Basque nên nghĩ rất kỹ trước khi hành động".* Những năm sau này, Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có nhắc lại, đây là một trong những ngày hạnh phúc nhất của đời ông.

Hồ Chí Minh cũng dành thời gian để giải quyết vấn đề trong nước. Trước khi dời đi Paris, ông tiếp vài đoàn đại biểu của liên hiệp lao công, những nhóm Việt kiều, báo L'Humanité (Nhân Đạo) của Đảng cộng sản Pháp. Khi tiếp khách ông vào vai "Bác Hồ", thể hiện sự chân thật cho mọi người với phong cách cực kỳ giản dị. Tuy nhiên, theo một quan sát viên người Pháp, Hồ là người cứng rắn giấu sau vẻ ngoài nhân hậu. Khi được một đảng viên xã hội Pháp thông báo Việt Minh sát hại phần tử Trotskist Tạ Thu Thâu tại Sài Gòn, Hồ đã khóc *"người yêu nước vĩ đại"* nhưng sau đó nói thêm *"Tất cả những người đi sai đường do tôi vạch ra đều sẽ bị loại bỏ".*

Ngày 22-6-1946, tân chính phủ do Bidault đứng đầu đã thành lập xong ở Paris, Hồ Chí Minh cùng Jean Sainteny đi Paris, chuẩn bị những cuộc thương lượng hoà bình tại Fontainebleau. Bay trong thời tiết đẹp trên những lâu đài thung lũng sông Loire, họ tới Paris giữa chiều. Sau này, Sainteny nhớ lại, khi máy bay chuẩn bị hạ cánh, Hồ *"tái xám mặt. Mắt chớp liên tục, khi ông cố gắng nói với tôi, cổ họng ông nghẹn lại, thậm chí không nói nên lời".* Khi máy bay đến

giữa đường băng, ông túm lấy cánh tay Sainteny, nói: *"Hãy ở gần tôi. Đông người quá"*.

Sân bay Bourger quả thật hôm đó rất đông. Cờ Việt nam và cờ Pháp tung bay trên cổng chính. Sau khi ra khỏi máy bay, Hồ được Maurius Moutet, Bộ trưởng lãnh địa hải ngoại tân chính phủ, cũng là bạn cũ của Hồ thời sau Thế chiến I đón. Sau vài nghi lễ ngoại giao, Hồ được bố trí đưa về khách sạn Royal Monceau phố Hoche. Hình ảnh lãnh tụ du kích loay hoay xoay xở với những đồ vật sang trọng của căn phòng khắc đậm trong trí nhớ của Sainteny. Sainteny ngờ rằng thể nào Hồ cũng ngủ trên sàn trải thảm chứ không phải trên giường.

Chính phủ Bidault đến tận ngày 26-6 mới chính thức nhậm chức, bởi thế đàm phán chỉ có thể bắt đầu vào tháng 7-1946. Mấy ngày tiếp theo, Hồ loanh quanh thăm thú những chỗ trước đây từng đến, ra rừng Boulogne rồi đến ngõ Compoint. Hồ còn đề nghị Sainteny đưa đến bãi biển Normandy nơi Đồng Minh đổ bộ hai năm trước. Hồ ngủ tại khu đất của gia đình Sainteny ở gần đó, dậy rất sớm để tán gẫu và hỏi kinh nghiệm chăn nuôi của các nông dân Pháp.

Dĩ nhiên, không phải mọi thứ đều dễ chịu. Tin Hồ Chí Minh tới đã lan khắp Paris, ông có nhiều việc phải làm. Một bài báo đăng hồi tháng 2-1946 trên tờ Le Figaro chỉ đích danh ông là đặc vụ Quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc, một số người hăm hở tới gặp nhà cách mạng cũ. Hồ Chí Minh yêu cầu Jacques Dumaine, Vụ trưởng Vụ Lễ tân Bộ Ngoại Giao Pháp, hướng dẫn ông tiếp đón các vị khách theo lối phong cách ngoại giao. Nhưng theo tính cách vốn có, ông vẫn làm việc đó một cách đơn giản. Với những người cần phỏng vấn, ông mời họ đến ăn điểm tâm lúc 6 giờ sáng, giải thích đó là thói quen dậy sớm của người dân xứ nhiệt đới. Ông ăn mặc

bình thường. Ngày 4-7-1946, ông mở tiệc chiêu đãi thủ tướng Bidault. Theo phong cách lễ tân phải mặc đồ trắng, nhưng Hồ mặc bộ quần áo ka-ki quen thuộc, cúc cổ cài kín và chân đi giầy vải.

Sainteny tổ chức một bữa tiệc tại nhà riêng, trong số những chính khách tham dự có Albert Sarraut, đối thủ cũ của Hồ. Viên bộ trưởng thuộc địa một thời, kêu lên *"Đây rồi! Ông tướng cướp cũ của tôi. Cuối cùng thì tôi cũng tóm được ngài. Tôi đã phải tốn gần cả đời để theo đuổi ngài!"* Sau đó ông ôm chầm lấy Hồ thân mật và ca ngợi Hồ là người bạn tốt, nhưng chỉ hỏi Hồ một câu: *"Trường Trung học Albert Sarraut vẫn còn ở Hà Nội chứ?"*

Hồ Chí Minh hy vọng gặp Charles De Gaulle, nhưng không thể, vì "Charles vĩ đại" đã nghỉ hưu tại Colombey và không can dự vào công việc nhà nước. Ông cũng không gặp được tướng Leclerc, vì ông này lẩn tránh. Thái độ kỳ lạ của Leclerc khiến nhiều người lạ lùng, dù rằng hai người có vẻ rất thân nhau ở Đông Dương. Sainteny cho rằng các hoạt động của Leclerc tại Đông Dương bị giới quân sự Pháp phê phán nên ông phải né tránh để tránh phức tạp thêm. Nhưng Sainteny cũng nhận xét, Leclerc có lẽ cảm thấy Hồ Chí Minh đã lừa ông khi Hồ phủ nhận chính phủ của ông đang chuẩn bị chiến tranh.

Lúc 11 giờ ngày 2-7-1946, Vụ trưởng Vụ Lễ tân Dumaine tới khách sạn đón Hồ cùng mười bốn ô tô tới khách sạn Matignon dự lễ tiếp đón chính thức của Thủ tướng Bidault. Trong bài phát biểu khai mạc, Bidault xin lỗi về sự chậm trễ tiến hành đàm phán hoà bình và nhắc đến tình hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc. Ông này miêu tả Khối Liên hiệp Pháp mới sẽ *"thấm đẫm tính nhân đạo"* và hy vọng hai bên sẽ đàm phán chân thành trên tinh thần hiểu biết lẫn nhau.

Đáp lời, Hồ cám ơn sự đón tiếp nồng nhiệt dành cho ông, nhấn

mạnh, Paris là cái nôi của những lý tưởng cao cả của Cách mạng Pháp năm 1789. Hồ dự đoán đàm phán sẽ khó khăn nhưng sẽ thành công nếu cả hai bên phương Đông và phương Tây thấm nhuần tư *tưởng "không làm với người khác những điều mà không muốn người khác làm với mình".*

Ngày hôm sau, Hồ Chí Minh đi bộ trên đại lộ Champ-Elysees, đặt hoa tại Đài Chiến sĩ vô danh tại Khải Hoàn Môn. Khi nhà báo lưu ý ông có một đám đông kéo theo. Hồ mỉm cười đáp: *"Tại sao ư? Dĩ nhiên, mọi người muốn xem Charlie Chaplin của Việt Nam như thế nào".* Ông cũng thăm Cung điện Versailles, nổi tiếng với tất cả người Việt Nam do lời thỉnh cầu nổi tiếng của Hồ với các lãnh tụ Đồng Minh tại hội nghị hoà bình sau Thế chiến I. Sau khi dừng ở lăng Napoleon tại Les Invalides, ông vãn cảnh núi Valerian, đồi Montmartre, nơi có đài tưởng niệm những người yêu nước Pháp bị Đức hành hình trong Thế chiến II.

Cuối cùng, những cuộc hội đàm chính thức bắt đầu ngày 6-7-1946 tại cung điện Fontainebleau. Đứng đầu đoàn đại biểu Pháp là Max Andre, người từng đến Đông Dương theo lệnh De Gaulle hồi tháng 1-1946. (Cao uỷ d'Argenlieu đã từ Sài Gòn bay về Paris với hy vọng chủ trì đoàn đại biểu Pháp, nhưng chính phủ Bidault từ chối đề nghị của d'Argenlieu vì lo ngại phản ứng chống đối của phía Việt Nam và công chúng Pháp). Đoàn đại biểu Pháp có thành phần chính trị tương đối hỗn hợp gồm cả đảng viên Đảng cộng sản Pháp, Đảng Xã hội và Phong trào Nhân dân Cộng hoà (MRP) của Bidault.

Tình thế khi bắt đầu những cuộc thương lượng hoà bình thật là bất lợi với Việt Nam. Trong những tuần lễ tiến hành hội nghị, tình hình ở Đông Dương xấu đi nhanh chóng. Ngày 1-6-1946, Chính phủ lâm thời Nam Kỳ do Nguyễn Văn Thinh cầm đầu nhậm chức

tại Sài Gòn. Cùng tháng ấy, cũng thảo luận vấn đề Pháp hoặc Việt Nam sẽ chiếm Phủ Toàn quyền ở Hà Nội sau khi quân Tưởng rút đi. Ngày 25-6, quân Pháp bất ngờ chiếm Phủ Toàn quyền, biểu tượng quyền lực tối cao toàn cõi Đông Dương. Sau khi chính phủ Việt Nam phản đối mạnh, tướng Valluy, viên tư lệnh đứng sau d'Argenlieu, cuối cùng đồng ý, Phủ Toàn quyền sẽ được gác bởi lực lượng hỗn hợp Pháp và Việt Nam, đợi kết quả đàm phán cuối cùng ở Paris.

Sau khi Pháp khai mạc phiên họp đầu tiên bằng những lời chào mừng, Phạm Văn Đồng, trưởng phái đoàn Việt Nam, đả kích mạnh mẽ những hành động của Pháp ở Đông Dương - ông cảnh cáo những hành động đó có thể không lợi cho những cuộc thương lượng đi đến thành công. Hai bên cũng thống nhất được nghị sự gồm ba phần: thể chế Việt Nam trong Liên hiệp Pháp; Quan hệ với các nước thứ ba và thống nhất ba miền. Tuy nhiên, trong mọi vấn đề, các bên vẫn giữ nguyên ý kiến như tại Hội nghị tháng 4-1946 ở Đà Lạt.

Người Pháp đặc biệt khó chịu khi nói đến chuyện Nam Kỳ, đòi rút tất cả các quân của miền Bắc ra khỏi Nam Kỳ trước khi có ngừng bắn, họ cũng đưa ra một định nghĩa rất hẹp cho khái niệm *"quốc gia tự do"* Việt Nam nằm trong Liên hiệp Pháp. Dường như để thể hiện tính ngạo mạn, nhiều đại biểu Pháp bắt đầu vắng mặt trong các phiên họp.

Phái đoàn Việt Nam chắc còn hy vọng nhận được ủng hộ nào đấy của các đồng chí Đảng cộng sản Pháp, và có lẽ cũng như của Đảng Xã hội. Cả hai tờ báo của hai đảng ca ngợi và ủng hộ Hồ Chí Minh từ khi ông tới Paris. Trước đó đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam và đã nối lại quan hệ với Đảng cộng sản Pháp, từng đã bị gián đoạn từ trước Thế chiến II. Tuy nhiều đảng viên có thiện cảm

với sự nghiệp của dân tộc Việt Nam, nhưng nhiều lãnh tụ cộng sản Pháp nghi ngờ Hồ do quyết định giải tán Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11-1945. Trong khi đó, Đảng cộng sản Pháp bây giờ cũng đang bị cuốn vào làn sóng khôi phục tinh thần dân tộc chủ nghĩa sau chiến tranh tại Pháp. Jean Sainteny nhận thức được thái độ nước đôi của Đảng cộng sản Pháp về vấn đề Đông Dương khi ông trình bản hiệp định sơ bộ 6-3-1946 cho Maurice Thorez, một thợ mỏ nay là lãnh tụ Đảng cộng sản Pháp và là phó thủ tướng. Thorez chấp thuận những điều khoản bản hiệp định, nhưng nói thêm *"nếu Việt Nam không tôn trọng những điều khoản này, chúng ta phải có những biện pháp cần thiết và nếu cần hãy để súng nói chuyện thay chúng ta".*

Vì không phải thành viên chính thức của đoàn đàm phán Việt Nam, Hồ không dự những cuộc hội đàm ở Fontainebleau. Ông ở lại Paris, dùng tất cả sức lực, vốn kinh nghiệm, uy tín cá nhân (có người gọi những hoạt động này là *"Chiến dịch làm duyên"* của Hồ) để thúc đẩy quan chức và công chúng ủng hộ sự nghiệp Việt Nam. Ông gặp gỡ đại diện của tất cả những đảng phái chính trị, những tổ chức lớn ở Pháp, cũng như một số nhà báo và trí thức nổi tiếng. Ông tận dụng mối quan hệ với Đảng cộng sản Pháp và đề nghị Maurice Thorez - lúc này là phó thủ tướng, dùng ảnh hưởng của mình tác động tới chính phủ Pháp. Không rõ Thorez đã trả lời thế nào.

Mối quan hệ của Hồ Chí Minh và báo chí địa phương là chủ chốt, vì những cuộc hội đàm được tiến hành tương đối bí mật, công chúng không được biết. Đảng cộng sản Pháp và những đồng minh của họ ủng hộ mạnh mẽ Việt Nam, ít ra cũng là công khai, những người bảo thủ chụp mũ "phản quốc" cho những ai kêu gọi ủng hộ Việt Nam, bầu không khí quanh cuộc hội đàm căng thẳng và bị đầu độc bởi những đảng phái chính trị. Thoả hiệp càng khó

khăn hơn do những sự kiện mới đây ở Đông Dương, khi những vụ tấn công của Việt Nam vào Pháp kiều và lính Pháp thường xuyên gia tăng. Theo quan điểm của Hồ, đây là lợi ích của nhân dân Việt Nam thực chất được bàn trong những cuộc thương lượng phải được truyền tải tới công chúng và ngày 12-7-1946, ông tổ chức một cuộc họp báo ở Paris để trình bày sự nghiệp của chính phủ Việt Nam. Ông vạch rõ Việt Nam mong muốn độc lập dân tộc và không chấp nhận nghị quyết liên bang giải quyết vấn đề, ông nói them, Việt Nam sẵn sàng chấp nhận khái niệm độc lập trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp - Ông nói, hiệp định có thể đem lại lợi ích cho cả hai bên. Ông tuyên bố thêm, những tỉnh của Nam Kỳ là phần không thể tách rời của lãnh thổ quốc gia và không thể bị chia cắt. Đổi lại, ông hứa tất cả tài sản quyền lợi khác của Pháp sẽ được Việt Nam bảo vệ và nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cần cố vấn nước ngoài, những công dân Pháp sẽ được ưu tiên. Khi nhà báo Mỹ hỏi có phải ông là cộng sản không, Hồ đáp rằng quả thực ông là học trò của Karl Marx, nhưng chủ nghĩa cộng sản đòi hỏi cơ sở nông nghiệp, công nghiệp phát triển và Việt Nam chưa đáp ứng những điều kiện đó. Ông nhấn mạnh, nào ai biết được giấc mơ của Karl Marx sẽ trở thành hiện thực. Hai ngàn năm trước, chúa Jesus dạy về điều quan trọng phải yêu kẻ thù của mình, điều này cũng chưa thành sự thực.

Tại Sài Gòn, d'Argenlieu bắt đầu các hành động nhằm gây ảnh hưởng đến cuộc đàm phán. Ngày 23-7-1946 tin đồn về Paris, Cao uỷ d'Argenlieu tuyên bố ý định của ông họp một hội nghị tại Đà Lạt ngày 1-8. Mục đích cuộc hội nghị, bàn việc thành lập Liên bang các nước Đông Dương gồm Nam Kỳ, nam Trung Kỳ, Tây Nguyên, Campuchia và Lào (không bao gồm Bắc Kỳ có lẽ do Bắc Kỳ dưới quyền kiểm soát vững chắc của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà). Phạm Văn Đồng cực lực phản đối, bỏ thương lượng, sau đó phía

Pháp hứa trình lên chính phủ Bidault.

Hồ Chí Minh thăm Fontainebleau ngày 26-7-1946 theo lời mời của hai đoàn đại biểu. Sau khi dự tiệc đón chào, ông trao đổi với những thành viên đoàn đại biểu Việt Nam cũng như với những quan chức Pháp và trở lại Paris đêm đó. Qua sự can thiệp, Hồ đã nối lại những cuộc thương lượng hoà bình ở Pháp - dù chỉ tạm thời. Ngày 1-8, ngày hội nghị Đà Lạt họp, phái đoàn Việt Nam chính thức phản đối những hành động của Pháp ở Nam Kỳ, do không có hồi âm từ chính phủ Pháp, cuộc thương lượng tạm dừng. Hồ hết sức cố gắng, cuối cùng có thể thuyết phục người bạn cũ của mình Marius Moutet tìm kiếm một công thức nối lại hội đàm. Moutet, lập luận bàn với Hồ tốt hơn cả, muốn tiếp tục những cuộc thương lượng theo tinh thần hiệp định sơ bộ 6-3-1946. Ông nói, để làm việc đó, cả hai phía cần bớt giọng chửi bới, tuyên truyền và khiêu khích. Ông tiên đoán nếu luật pháp và trật tự không thể khôi phục ở Nam Kỳ, mọi cuộc bầu cử chắc chắn sẽ có lợi cho Việt Nam.

Tuy nhiên, những điều kiện hoà bình có nhanh chóng trở lại Nam Bộ hay không vẫn là điều nghi ngờ. Mùa đông và mùa xuân năm 1945-1946, quân Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Henri Leclerc cố gắng quét sạch lực lượng kháng chiến ở đồng bằng sông Cửu Long. Trần Văn Giàu ráng sức ngăn chặn lính Pháp di chuyển với chính sách *“vườn không nhà trống”,* sử dụng chiến thuật tàn bạo và khủng bố dân chúng địa phương để ép họ phụng sự phong trào. Những khu vực dưới quyền kiểm soát của giáo phái cũng bị tấn công và những người cầm đầu một số địa phương từ chối đặt dưới sự chỉ huy của Việt Minh thỉnh thoảng bị ám sát. Leclerc đáp trả bằng chiến thuật *“vết dầu loang”* (sau khi bình định những huyện riêng lẻ, quân Pháp từ từ mở rộng an ninh sang khu vực bên cạnh), chiến thuật này được sử dụng thành công chống lại lực

lượng khởi nghĩa vào cuối thế kỷ XIX. Những người kháng chiến bị dồn vào những khu vực cô lập nhất ở vùng trũng đồng bằng Cửu Long bao gồm Cà Mau, Đồng Tháp Mười và ở cả những đồn điền cao su dọc biên giới Campuchia.

Những cuộc thương lượng tại Fontainebleau được nối lại cuối tháng 8-1946, nhưng khi phía Pháp từ chối công nhận chính thức nền độc lập của Việt Nam và ngày tháng chính xác cuộc trưng cầu dân ý ở Nam Kỳ, phái đoàn Việt Nam bỏ họp một lần nữa vào ngày 10-9-1946. Ba ngày sau, phái đoàn (trừ Hồ Chí Minh) rời Paris, đi tàu thuỷ trở về Đông Dương.

Cuộc hội đàm vào ngõ cụt, Jean Sainteny đề nghị Hồ trở về Hà Nội để dẹp bầu không khí chống Pháp ở Đông Dương, nhưng Hồ đã quyết định ở lại Paris, tuyên bố rằng ông không thể trở về "*tay trắng*" và do vậy *"bị mang tiếng và mất quyền lực"*. Để ép ông về nước, chính phủ Pháp ngừng trả tiền khách sạn Royal Monceau, bởi thế Hồ chuyển về ngoại thành Soisy-sous-Montmorency tá túc tại nhà ông bà Raymond Aubrac - một người quen có thiện cảm. Tuy sống trong điều kiện nghèo nàn và thiếu thốn, Hồ vẫn tiếp khách, trả lời phỏng vấn, để tìm kiếm hoà bình. Ông khẩn khoản kêu gọi người bạn cũ quen biết Marius Moutet *"Đừng để tôi rời Pháp trong tình trạng này, hãy giúp đỡ tôi chống lại những kẻ muốn diệt tôi, ông sẽ không bao giờ phải hối tiếc"*.

Ngày 11-9-1946, Hồ tổ chức họp báo bày tỏ khát khao tìm kiếm một thoả thuận, ông so sánh những bất đồng hiện tại với những bất đồng thường xảy ra trong mọi gia đình. Ông bày tỏ lạc quan, có thể đạt được một thoả thuận trong vòng sáu tháng, hứa làm hết sức mình để chấm dứt bạo lực ở Đông Dương. Cùng ngày, Hồ đến thăm Đại sứ Mỹ Jefferson Caffery, người phỏng đoán Hồ hy vọng lôi kéo Mỹ vào cuộc chống lại Paris. Dù Hồ khăng khăng ông không

phải cộng sản, Caffery không hứa hẹn gì (trong bức thư riêng vài ngày sau, ông nhận định, Hồ rất *"có tư cách"* và đúng mực trong đàm thoại). Ngày hôm sau Hồ nói chuyện với George Abbott, bí thư thứ nhất Đại sứ quán Mỹ và sau này là Tổng Lãnh Sự Mỹ tại Sài Gòn. Hồ kể lể sự cộng tác với Mỹ trong thời gian chiến tranh, sự ngưỡng mộ của ông đối với tổng thống Roosevelt và nhấn mạnh Việt Nam cần giúp đỡ kinh tế, cái mà Pháp không đủ sức. Kết thúc trò chuyện, Hồ ngỏ ý khả năng hợp tác quân sự tương lai giữa hai nước - kể cả việc Mỹ sử dụng vịnh Cam Ranh làm căn cứ hải quân.

Nhưng Washington không nhúc nhích về vấn đề này, cho dù những chuyên viên châu Á Bộ Ngoại giao bày tỏ sự lo lắng. Theo ký ức của trợ lý Vụ Trưởng Viễn Đông John Carter Vincent, Abbot Low Moffat và Vụ Đông Nam Á cảnh báo *"tình hình cực kỳ nguy hiểm"* ở Đông Dương do những hành động của Pháp vi phạm hiệp định sơ bộ 6 tháng 3. Căng thẳng ở Việt Nam do dân chúng căm giận thái độ của Pháp, cho rằng Pháp đang chuẩn bị tăng cường lực lượng để chiếm toàn bộ Đông Dương. Moffat đề nghị Bộ Ngoại Giao (Mỹ) phải *"bày tỏ cho Pháp biết về mối quan tâm của chúng ta đối với hoà bình, trật tự của những dân tộc bị lệ thuộc và chúng ta hy vọng rằng Pháp tuân thủ tinh thần hiệp định sơ bộ 6 tháng 3"*.

Tuy nhiên, chính quyền Truman không muốn mất lòng Pháp về vấn đề Đông Dương tại thời điểm khó khăn của nền chính trị Pháp. Trên thực tế, mối quan tâm chỉ tăng lên trong nội bộ Bộ Ngoại giao viện cớ những nguồn tin tình báo cho rằng chính phủ Hà Nội là công cụ của Liên Xô trong kế hoạch mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Á. Tháng 8-1946, một bức điện gửi lãnh sự Mỹ Charles Reed tại Sài Gòn yêu cầu làm rõ về *"đường lối của Hồ và những nhà lãnh đạo khác"* và tương quan sức mạnh của những phần tử cộng sản và không cộng sản trong chính phủ Việt Nam.

Tuy nhiên, một số nhà ngoại giao Mỹ tỏ ra băn khoăn về việc Mỹ gia tăng ủng hộ những chính sách của Pháp ở Đông Dương. Từ Sài Gòn, Reed báo cáo với Washington rằng nhiều người Việt Nam có lẽ suy nghĩ lô-gic rằng Mỹ đang hậu thuẫn Pháp, vì Pháp sử dụng xe Jeep và xe vận tải mua từ kho dự trữ ở Manila nên vẫn còn nguyên phù hiệu của quân đội Mỹ. Những quan chức Washington báo cáo với Nhà Trắng rằng Pháp đang sử dụng thiết bị quân sự của Mỹ ở Đông Dương, nhưng tổng thống Truman quyết định không rút những thứ đã có sẵn ở đó.

Quyết định của Hồ ở lại Paris sau khi cả đoàn đàm phán đã về nước gây nên tranh luận lớn. Một số quan sát viên Pháp cho rằng Hồ muốn ăn vạ chính phủ Pháp những điều mà Hồ không kiếm được trên bàn đàm phán. Một số cho lời kêu gọi Moutet là không chân thành vì cuối cùng Hồ đã ra lệnh cho chính phủ tiến hành chiến tranh chống Pháp. Ngay cả nếu Hồ chân thành, liệu ông có thể kiểm soát nổi những người ủng hộ ông không, khi ông chỉ là *"một phù thuỷ tay mơ"*. Trên thực tế, Hồ Chí Minh luôn luôn bị đả kích mạnh từ cộng đồng người Việt, lo ngại ông lùi bước quá nhiều để tránh chiến tranh. Dân chúng ở Đông Dương (ngay cả Việt kiều ở Pháp) đang chống lại thoả hiệp với Pháp. Bản thân Sainteny tin rằng Hồ thật lòng, dẫn chứng những cố gắng của Hồ để giảm bớt sự chống đối Pháp ở Đông Dương trong những tháng gần đây. Nhưng thủ tướng Georges Bidault cho việc Hồ phô diễn tình hữu nghị chỉ là một mánh khoé, vì Hồ thực tế chỉ thị Hà Nội chuẩn bị chống Pháp ở miền Bắc.

Bidault không phải là không có lý. Trong một cuộc phỏng vấn Hồ ngày 11-9, nhà báo David Schoenbrun (tờ New York Times), đã hỏi liệu Hồ có nghĩ chiến tranh là không thể tránh khỏi phải không. Hồ đáp *"Đúng, chúng tôi sẽ phải chiến đấu. Người Pháp đã ký một hiệp định và họ đã vẫy cờ chào đón tôi, nhưng tất cả chỉ là để che*

*mắt”*. Khi Schoenbrun cho cuộc chiến tranh mà thiếu quân đội và vũ khí thì thật vô vọng, Hồ không đồng ý:

*“Không, đó không phải là cuộc chiến vô vọng. Cuộc chiến có thể có khó khăn, liều lĩnh, nhưng chúng tôi có thể thắng. Chúng tôi có một vũ khí mạnh chẳng kém những cỗ đại bác hiện đại nhất: đó là tinh thần dân tộc! Đừng có đánh giá thấp điều đó. Người Mỹ chắc hẳn phải nhớ một đám nông dân chân đất Mỹ đã từng đánh thắng quân đội châu Âu trang bị tối tân và thiện chiến như thế nào”.*

Schoenbrun phản bác rằng đó chuyện xưa, còn bây giờ vũ khí đã phát triển đến mức quyết định. Nhưng Hồ khăng khăng khẳng định vũ khí hiện đại có thể kiếm được nếu cần. Ông nhấn mạnh trong bất cứ trường hợp nào, chủ nghĩa anh hùng của du kích Nam Tư chống lại Đức Quốc Xã cho thấy tinh thần chiến sĩ mạnh hơn máy móc, vì xe cộ không thể chạy được ở đầm lầy và rừng rậm. Có hàng triệu túp lều rơm có thể dùng làm *“những con ngựa thành Trojan”* sau lưng quân xâm lược.

*Đây sẽ là cuộc chiến tranh giữa voi rừng và hùm xám. Nếu hùm xám đứng yên, chắc chắn bị voi rừng đâm chết với đôi ngà sắc nhọn to lớn. Nhưng hùm xám nấp trong rừng và chỉ xuất hiện vào ban đêm, nhẩy lên phía sau cắn một miếng rồi lại biến mất vào rừng sâu âm u. Cứ thế đêm đêm lại tái diễn như thế. Voi rừng sẽ bị chảy hết máu dần mà chết. Đó sẽ là cuộc chiến tranh Đông Dương.*

Khả năng Tổng Tuyển Cử ở Pháp có thể đưa Đảng cộng sản Pháp tham gia vào Chính Phủ Liên hiệp mới ở Paris, Maurice Thorez cố thuyết phục Hồ chậm lại và quyết định tìm phương sách đối phó với kẻ thù bằng giải pháp ngoại giao. Chiều ngày 14-9-1946, Hồ một lần nữa gặp Marius Moutet. Trước đó, Hồ cảnh báo Sainteny nếu không đạt được hiệp định, chiến tranh sẽ nổ ra. Hồ nói *“Ông có thể giết mười người của chúng tôi trong khi chúng tôi*

*chỉ giết được một người của ông, nhưng cuối cùng ông sẽ là những người kiệt sức”.* Tại cuộc họp, Hồ đòi cả hai bên phải có trách nhiệm giải quyết vấn đề Nam Kỳ, nhưng Moutet từ chối, cho rằng Việt nam tham gia vào uỷ ban theo dõi tình hình là vi phạm chủ quyền của Pháp. Moutet yêu cầu Hồ Chí Minh ký một tạm ước để tránh đổ vỡ hoàn toàn những cuộc hội đàm. Bản dự thảo kêu gọi ngừng bắn ở Nam Kỳ có hiệu lực ngày 30-10-1946 và nối lại những cuộc thương lượng vào tháng 1-1947. Hồ từ chối, bỏ cuộc họp lúc 11 giờ đêm, nói là sẽ rời Paris về nước sáng thứ hai ngày 16-9 -1946. Tuy nhiên, ngay sau nửa đêm, Hồ liên lạc với Moutet, đề nghị nối lại hội đàm. Sau đó hai người đồng ý về mặt nguyên tắc, một đại diện Việt Nam sẽ được uỷ quyền cộng tác với Cao Uỷ d'Argenlieu để thực hiện ngừng bắn ở Đông Dương. Sau đó Hồ đồng ý ký bản tạm ước.

Bản tạm ước này là một chút ít ỏi quý giá mà Hồ Chí Minh nhận được sau hai tháng hội đàm tại Fontainebleau. Sainteny miêu tả *“mẩu giấy thông cảm”* được thảo ra vội vàng tại chính văn phòng của ông và cho Hồ *“ít hơn nhiều cái mà ông ta hy vọng khi ông tới Pháp”.* Ở Đông Dương, Pháp kiểu tỏ vẻ hài lòng, người dân Việt Nam cảm thấy dân tộc bị sỉ nhục. Hồ ngầm thú nhận khi nói với Sainteny khi cuộc gặp kết thúc lúc ba giờ sáng: *“Tôi vừa ký vào bản án tử hình cho chính mình”.*

Thậm chí sau khi ký thoả ước 14-9-1946, Hồ Chí Minh có vẻ chưa muốn trở về Việt Nam (trong một tiểu luận tiểu sử về Hồ, David Halberstam cho rằng thái độ coi thường của Pháp đối với chuyến thăm của Hồ dễ nhận thấy khi họ bỏ nghi thức trải thảm đỏ). Theo Sainteny, Hồ từ chối đi máy bay với lý do sức khoẻ, muốn đi bằng tầu thuỷ. Sainteny bất đắc dĩ phải chấp thuận đòi hỏi này, nhưng Hồ gọi trực tiếp tới Bộ Hàng Hải và được đồng ý lên tàu Dumont d’Urville đang đậu ở cảng Toulon, chuẩn bị đi

Đông Dương. Ngày 16-9-1946, Sainteny đi cùng Hồ Chí Minh đi tầu hoả tới Toulon. Tại Montelimar, Hồ xuống tàu, phát biểu với một số sinh viên Việt Nam tụ tập tại ga, giải thích vì sao ông ký bản tạm ước, khuyên họ học tập chăm chỉ. Tại Marseilles, ông cũng làm như vậy, dù có một số sinh viên giữa đám đông gọi ông là *"Việt gian"*. Ngày 18-9-1946, tầu hoả tới Toulon, ông lên tàu thuỷ Dumont d'Urville. (Phái đoàn Việt Nam lên tàu chiến Pasteur rời Marseilles bốn ngày trước đó).

Để thu xếp phòng riêng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh trên tầu, thuyền trưởng Gerbaud ra lệnh chuyển đồ và khách đã lên tầu khi trước sang buồng khác. Đi cùng với Hồ có viên sĩ quan tuỳ tùng của ông và bốn sinh viên Việt Nam trở về Đông Dương sau khi học xong ở Pháp. Sáng 19-9-1946, tàu thuỷ Dumont d'Urville với lá cờ đỏ sao vàng của chính phủ Việt Nam tung bay, nhổ neo tiến vào Địa Trung Hải. Hồ Chí Minh đã thông tin cho chính phủ Việt Nam về nội dung bản tạm ước bằng điện báo trước khi rời Paris, đồng thời cũng gửi một bản sao qua bưu điện. Trên tầu thuỷ ông đánh điện về Hà Nội giải thích những điều khoản bản tạm ước với nhân dân và ra lệnh chuẩn bị sẵn sàng chiến tranh. Hồ cũng đề nghị cho ông biết tình hình hiện tại ở Đông Dương. Ngay ngày đầu tiên trên tầu thuỷ, ông gửi bức điện ngắn cho Marius Moutet, cám ơn đã giúp đỡ và mong ông ta cộng tác cùng thi hành hiệp định. Vài ngày sau ông nhận được bức điện ngắn của Thủ tướng Georges Bidault. Đáp lại, Hồ cám ơn Bidault về lòng hiếu khách, nhưng nhấn mạnh bản tạm ước không được nhân dân Việt Nam hài lòng. Ông còn nhấn mạnh, đó cũng là chuyện thường tình: *"Tôi đã làm tất cả và sẽ thành công, nếu những người bạn Pháp ở Nam Kỳ chân thành thực thi những quyền tự do dân chủ, chấm dứt những khiêu khích vũ trang, trả lại tự do cho tù nhân, tránh những hành động và lời nói xúc phạm. Tôi hy vọng vào sự hỗ trợ tích cực của ông để tiến hành công việc vì lợi*

*ích của hai nước”.*

Ngày 22-9-1946, tầu thuỷ tới Port Said, cửa ngõ phía bắc trước khi vào kênh Suez. Tại đây Hồ gửi một bức thư trả lời một phụ nữ Pháp để nghị ông đừng để nổ ra chiến tranh giữa hai nước. Hồ nhân cơ hội này nói, nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân Pháp đều không muốn đổ máu, nhưng nhân dân Việt Nam thiết tha độc lập và thống nhất lãnh thổ của tổ quốc. Ông kết luận, nếu Pháp đồng ý công nhận nền độc lập của Việt Nam, họ sẽ chiếm được trái tim và lòng thương yêu của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Tầu thuỷ dừng lại tại cảng Djibouti thuộc Pháp, Hồ rời tầu thuỷ thăm xã giao viên Toàn quyền. Sau đó tầu qua Colombo, Ceylon, tại đây một phái đoàn đại diện cho lãnh tụ dân tộc chủ nghĩa Ấn Độ Mahatma Gandhi và Jawaharlal Nehru lên tầu thuỷ đón chào ông. Hành trình của tàu chậm vì phải dừng vài ngày tại cảng để bảo dưỡng máy móc và phải bắn vài loạt đại bác thao diễn. Hồ sống đơn giản trên tầu. Ông không mang hành lý, chỉ có một bộ quần áo thay đổi và tự giặt giũ. Lúc rỗi rãi, ông trò chuyện với thuỷ thủ Pháp, sinh viên Việt Nam trên tàu và như thường lệ không quên công tác tuyên truyền. Một người đi cùng tàu với ông kể lại lời ông bình luận:

*“Chúng tôi thiếu đủ mọi thứ. Chúng tôi không có mấy móc, không có nguyên liệu, thậm chí không có công nhân lành nghề. Tài chính của chúng tôi thâm hụt thảm hại. Bù lại nước ta dồi dào sông, núi, rừng và biển, nhân dân chúng tôi mạnh mẽ, can đảm và tinh thần sáng tạo”.*

Không phải tất cả mọi người trên tầu ngưỡng mộ ông. Thuyền trưởng Gerbaud nhận xét mặc dù Hồ Chí Minh *“thông minh và đáng mến”,* nhưng *“là người quá say đắm lý tưởng, hoàn toàn hiến dâng đời mình cho sự nghiệp mà ông ta tưởng tượng ra”.* Theo quan điểm của Gerbaud, ông là nhà cách mạng Việt Nam quá ngây thơ tin vào

những khẩu hiệu mà ông đưa ra hàng ngày. Theo lệnh thuyền trưởng, tầu thuỷ bắn thử một loạt đại bác trên biển, một người Việt Nam trên tầu hỏi Hồ: *"Họ đang thử thần kinh ông đấy. Ông có sợ không?"* Hồ Chí Minh cười ngất.

Tàu Dumont d'Urville tiến vào vịnh Cam Ranh xinh đẹp ngày 18-10-1946. Tại đây, Hồ được Cao uỷ Thierry d'Argenlieu và tướng Louis Morliere, (một quan chức cao cấp Pháp với chính phủ Việt Nam ở Hà Nội, thay mặt Sainteny) tiếp đón trên tuần dương hạm Suffren. Đây là lần thứ hai trong vòng bẩy tháng, Cao uỷ tiếp đón chủ tịch Việt Nam theo lễ nghi chính thức trên biển. Sau khi Hồ Chí Minh duyệt đội danh dự, Hồ, d'Argenlieu và Morliere thảo luận cách thức thực thi bản tạm ước. Thủ tướng Bidault đã gửi bản sao bức điện của Hồ Chí Minh về phản ứng Việt Nam cho d'Argenlieu, chỉ thị cho d'Argenlieu, Toàn quyền Pháp ở Đông Dương, phải phản ứng những gì ông thấy là đúng. Hai bên thống nhất một số điểm. D'Argenlieu chấp thuận bổ nhiệm một đại diện của chính phủ Việt Nam để cộng tác thực thi ngừng bắn, còn Hồ Chí Minh phản đối chính thức những hành động khủng bố ở Nam Kỳ. Nhưng Hồ cương quyết bác bỏ yêu cầu của Cao uỷ d'Argenlieu đòi tất cả binh sĩ Việt Nam ở các tỉnh Nam Việt Nam tức khắc rút về miền Bắc. Tuy thế, cuộc họp kết thúc trong bầu không khí tốt đẹp. D'Argenlieu báo cáo với Paris sự thành công phụ thuộc vào những hành động của chính phủ Việt Nam ngay khi Hồ Chí Minh trở về Hà Nội.

Hai ngày sau, tàu Dumont d'Urville tiến vào sông Cửa Cấm, cập cảng Hải Phòng. Phái đoàn Việt Nam về tới đây từ hai tuần lễ trước, Phạm Văn Đồng đã báo cáo kết quả cuộc thương lượng tại Fontainebleau cho những đồng chí của ông ở Hà Nội. Tầu thuỷ cập cảng giữa buổi chiều, đại diện chính phủ tổ chức buổi lễ ngắn tiếp đón chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước sau bốn tháng ở nước ngoài.

Hồ đề nghị đám đông hát bài *“Marseillaise”* (quốc ca Pháp) cũng như quốc ca Việt Nam. Sau đó đoàn tới Trụ sở Uỷ ban Hành chính Hải Phòng ăn tối, đồng thời Hồ kể chuyện chuyến đi của ông.

Sáng hôm sau, Hồ lên đoàn tầu hoả đặc biệt về thủ đô. Các thị trấn và làng mạc dọc con đường được trang hoàng bằng một rừng cờ đỏ sao vàng, đám đông tập hợp vẫy chào vị chủ tịch. Khi tầu hoả vào ga Hà Nội, Hồ được đại diện chính phủ và Pháp tiếp đón, sau đó lên ô tô qua những đường phố với những người đứng nhìn về Bắc Bộ Phủ. Tại đây ông thảo luận với Trường Chinh và Ban Thường Vụ Đảng, trong khi hơn gần một trăm ngàn người tập hợp trên những con phố xung quanh Bắc Bộ Phủ đón chào ông.

Tại sao Hồ Chí Minh chọn thời điểm này trở về Đông Dương? Câu hỏi này gây ra nhiều tranh cãi chưa dứt. Lời giải thích của Hồ Chí Minh cho người Pháp khó chấp nhận, vì trước đó ông chưa bao giờ để sức khoẻ của mình ảnh hưởng đến các mục tiêu chính trị. Một số nhà sử học cho rằng ông muốn để Võ Nguyên Giáp có đủ thời gian để dẹp những phần tử đối lập ở Việt Nam và như vậy tăng sức mạnh chính phủ Hà Nội chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh toàn diện. Một số người khác lập luận, ông lo ngại phản ứng bất lợi của bản tạm ước và muốn chậm trễ trở về để sự giận dữ bớt đi. Nhưng Jean Sainteny đoán là có lẽ sợ bị ám sát nếu ông đi bằng máy bay, theo các đồng chí của ông, Hồ Chí Minh khẳng định đó là mối quan tâm chính.

Không hề nghi ngờ gì là Giáp đã sử dụng thời gian Hồ vắng mặt để tăng cường sự kiểm soát của Đảng đối với với bộ máy chính phủ. Vào mùa hè, căng thẳng giữa Việt Minh và những đảng phái chính trị không cộng sản đã leo thang dẫn tới đụng độ vũ trang. Kết quả, một số nhân vật dân tộc chủ nghĩa phải rút lui khỏi chính phủ, trong đó có Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh (sau này chạy

sang Trung Hoa) và ngoại trưởng Nguyễn Tường Tam. Những người còn lại không đủ sức đe doạ Việt Minh kiểm soát quyền lực.

Theo Giáp, chính phủ đàn áp thẳng tay các nhóm đối lập là hoàn toàn chính đáng. Đầu mùa Hè, quân Pháp đòi tổ chức một cuộc diễu binh ở Hà Nội ngày 14-7-1946, ngày phá ngục Bastille, cũng là ngày quốc khánh Pháp. Tình báo Việt Nam cho biết những phần tử dân tộc chủ nghĩa đang chuẩn bị một vụ khiêu khích lớn chống lại quân Pháp trong buổi lễ duyệt binh nhằm khiêu khích để phá vỡ cuộc thương lượng hoà bình. Bởi thế chính phủ từ chối đề nghị của Pháp, viện cớ an ninh không bảo đảm, ngày hôm sau cảnh sát đột nhập trụ sở Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Hà Nội, tại đây cảnh sát đã phát hiện một phòng tra tấn, nhiều thi thể nạn nhân và một số người bị bắt, cùng với những bằng chứng buộc tội âm mưu bắt cóc Pháp kiều ở Hà Nội. Cuộc tấn công này phá vỡ âm mưu Việt Nam Quốc Dân Đảng nhằm bôi nhọ chính phủ, nhưng những vụ đụng độ vũ trang, căng thẳng giữa những người cộng sản và không cộng sản tiếp tục suốt những tháng tiếp theo cho tới khi Hồ Chí Minh trở về Hà Nội vào tháng 10-1946.

Mối quan hệ của Chính phủ với Pháp cũng tiếp tục xấu đi. Sau khi thay thế vị trí Sainteny vào mùa xuân, tướng Morlière, một người ôn hoà, lịch lãm cố gắng làm dịu tình hình, nhưng căng thẳng bùng lên sau khi cuộc thương lượng hoà bình tại Fontainebleau thất bại, những vụ tấn công Pháp kiều ở Đông Dương xảy ra thường xuyên hơn. Mỗi khi xảy ra vụ việc, Morlière phải gửi tối hậu thư đòi trừng phạt những kẻ chủ mưu, khiến người Việt Nam nhạo báng ông là *“viên tướng tối hậu thư”*.

Cuộc xung đột ở Nam Kỳ rõ ràng cũng đẩy thêm vấn đề. Bị đả kích mạnh về chiến thuật tàn bạo của mình, Trần Văn Giàu bị thay thế bởi viên tư lệnh lực lượng kháng chiến Nguyễn Bình. Theo

nguồn tin từ phía Pháp, Nguyễn Bình là người xấu xí, khó chơi, một mắt chột phải đeo kính đen. Bình sinh ở Bắc Kỳ, đã theo Việt Nam Quốc Dân Đảng cuối thập niên 1920. Sau khi nhiều năm lưu vong ở Trung Hoa, bất ngờ xuất hiện ở Việt Bắc sau Thế chiến II và tham gia lực lượng Việt Minh tại đó. Với tinh thần chống Pháp, tính cách cương quyết, Bình nhanh chóng thể hiện là một thiên tài quân sự, dù ông không phải đảng viên. Tháng 1-1946 ông được bổ nhiệm Tổng chỉ huy phong trào kháng chiến Nam Kỳ.

Ban lãnh đạo đảng có lẽ hy vọng Nguyễn Bình sẽ hiệu quả hơn Trần Văn Giàu, chiến thuật vườn không nhà trống và loại bỏ những phần tử đối lập một cách tàn bạo làm mọi người xa lánh. Nhưng Bình cũng tàn bạo chẳng kém. (Một số người khẳng định giới lãnh đạo đảng chưa hề tin Nguyễn Bình, thậm chí họ sử dụng Nguyễn Bình để lãnh đạo phong trào Nam Kỳ, vì những phương pháp của Bình khá tàn bạo). Mạnh mẽ nhưng tàn nhẫn, đó là phong cách hành xử của Bình. Bình xây dựng những căn cứ du kích rộng ở bắc Sài Gòn (sau này gọi là Chiến khu D), ở Đồng Tháp Mười giữa đồng bằng Cửu Long, rừng U Minh ở mũi Cà Mau, nơi ông quấy nhiễu đồn bốt Pháp và cố gắng mở rộng căn cứ cách mạng. Tuy nhiên, Bình phớt lờ lời khuyên Hồ Chí Minh giảm thiểu bạo lực, thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi ở miền Nam, rồi ông tăng thủ đoạn khủng bố lên tầm cao mới. Bình ra lệnh ám sát Huỳnh Phú Sổ, mệnh danh là *“nhà sư điên”,* người thành lập đạo Hoà Hảo từ trước chiến tranh.

Hồ phải có cảm giác buồn vui lẫn lộn về cách mà những đồng chí của ông cai quản đất nước khi ông vắng mặt bốn tháng. - Ông thường xuyên yêu cầu họ tránh khiêu khích trong mọi vấn đề, chờ đến khi ông trở về -. Việc củng cố quyền lực của Việt Minh và việc đàn áp những người đối lập chắc chắn giúp ông đưa ra những chính sách gặp nhiều khó khăn trong những tháng sắp tới. Kèm

theo đó, sự ủng hộ của dân chúng bị thu hẹp lại - sự ủng hộ này Hồ đã được khá dày công vun đắp trong nhiều tháng sau Cách mạng tháng Tám - có thể khiến ông khó khăn hơn trong việc đoàn kết dân tộc khi xảy ra sự đối đầu quân sự với Pháp.

Hồ Chí Minh có thể hiểu những cố gắng của ông kiếm được một thoả ước hoà bình ở Pháp đã hạ thấp danh tiếng và uy tín của ông trước những đồng chí trong ban lãnh đạo Đảng, nhiều người trong số này thêm hoài nghi khi ông đạt được thoả hiệp, họ muốn cầm vũ khí đánh Pháp. Vài người, như Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt và Tổng bí thư Trường Chinh, có lẽ nhân cơ hội Hồ vắng mặt, thể hiện thái độ hiếu chiến trong Đảng. Trong một bài báo viết nhân kỷ niệm một năm ngày Tuyên ngôn Độc lập, Trường Chinh đã thể hiện quan điểm của chính ông về cách mạng Việt Nam. Bài báo này đả kích xu hướng *“thoả hiệp vô nguyên tắc”,* thiếu tin tưởng vào quần chúng, ông còn viết thêm, những người cách mạng không sợ kẻ thù, mà sợ *“những sai lầm của chính các đồng chí chúng ta”*. Dù không công khai phê bình Hồ, nhưng rõ ràng từ nay Hồ phải mất công thuyết phục các đồng chí của mình khi đưa ra những chính sách quan trọng.

Dù cho có sự bất đồng của Hồ với những cộng sự trong đảng, chắc chắn đa số nhân dân Bắc Việt Nam vẫn ngưỡng mộ ông. Sự cống hiến của Hồ Chí Minh cho sự nghiệp độc lập dân tộc, tác phong giản dị, cách xử sự thân mật của ông đã chiếm được tình cảm của nhân dân và ông luôn luôn thể hiện vai trò huuyền thoại là người nắm vận mạng dân tộc. Bất chấp nỗi lo về triển vọng hoà bình, nhiều người chấp nhận bản tạm ước mà ông ký. Ngày 23 tháng 10, ông tuyên bố với nhân dân, bất chấp những khó khăn hiện tại, sớm muộn Việt Nam sẽ được thống nhất và độc lập. Đối với nhân dân các tỉnh Nam Bộ ông tuyên bố, tất cả nhân dân Việt Nam cùng một dòng máu và cùng một đất nước. “*Tôi trịnh trọng*

*tuyên bố với quyết tâm của đồng bào Nam Bộ, với quyết tâm của toàn thể nhân dân trong nước, Nam Bộ yêu quý chắc chắn sẽ trở về tổ quốc”.*

Hồ từ chối nói chuyện về quá khứ của mình, ông luôn luôn chỉ nhận mình là một *“người già yêu nước”* suốt đời phụng sự đất nước, rất ít người Việt Nam biết rằng vị chủ tịch của họ thực tế là đặc vụ Quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc. Chị gái của ông, Nguyễn Thị Thanh, sống ở làng Kim Liên từ khi ra tù trước khi nổ ra Chiến tranh Thế giới II, có lẽ chỉ nhận ra ông khi nhìn thấy hình ông trên báo. Bà ra Hà Nội thăm ông ngắn ngủi ở Bắc Bộ Phủ. Một năm sau, anh trai của Hồ, Nguyễn Sinh Khiêm, bấy giờ là thầy giáo làng Kim Liên, cũng tới thăm ông, họ bí mật gặp nhau ở một ngôi nhà ở ngoại thành Hà Nội. Nguyễn Sinh Khiêm mất năm 1950, còn chị gái của ông qua đời bốn năm sau đó.

Sau khi từ Pháp trở về Hà Nội, Hồ Chí Minh họp với Ban Thường vụ để nắm tình hình và để ra những hành động tương lai. Vấn đề trọng tâm là việc quyết định có hay không ngừng bắn ở miền Nam vào ngày 30-10-1946 như dự kiến và làm sao giải quyết sự căng thẳng đang gia tăng giữa các đảng phái dân tộc chủ nghĩa đối lập. Hồ dự kiến họp Quốc Hội thông qua bản dự thảo hiến pháp, tiến tới thành lập chính phủ mới thay thế cho chính phủ liên hiệp đã bị yếu đi rất nhiều sau khi những người như Nguyễn Hải Thần từ chức và thông qua những chính sách mới cho những tháng sắp tới.

Quốc hội họp ngày 28-10-1946 thật khác xa không khí thống nhất dân tộc của kỳ họp bảy tháng trước đây. Vài ngày trước khi họp, ít nhất hai trăm nhân vật đối lập bị bắt và đưa vào trại cải tạo, trong lúc những đụng độ vũ trang ở nhiều vùng khác nhau ở Bắc Bộ khiến vài người chết, trong đó có hai nhà báo. Bầu không

khí chính trị ở Hà Nội thật ảm đạm, căng thẳng tăng lên cao giữa những người thiện cảm với chính phủ và những người đối lập. Phiên họp tại Nhà Hát Lớn dầy đặc lính Vệ Quốc Đoàn đứng gác. Bên trong phòng họp, hai trăm chin mươi mốt đại biểu trong số bốn trăm bốn mươi tư đại biểu được bầu hồi tháng 1-1946 tham dự. Trong số bảy mươi đại biểu các đảng phái dân tộc chủ nghĩa được đặc cách tham dự hồi tháng 3-1946, nay chỉ còn ba mươi bảy ghế. Khi một đại biểu phe đối lập hỏi những người còn lại đâu, người ta trả lời ông rằng họ đã bị bắt *"theo phê chuẩn của Ban Thường Vụ Quốc Hội vì tội hình sự"*.

Không giống như phiên họp trước, phòng họp bây giờ chia thành ba khối chứ không phải hai khối: bên trái là những đảng viên công khai của Đảng cộng sản Đông Dương và các đảng viên Đảng Xã hội mới lập, tất cả đều đeo cà-vạt đỏ, cùng với những đại biểu từ Đảng cộng sản Đông Dương núp danh Đảng Dân Chủ. Ở giữa là những nhân sĩ không đảng phái trong Mặt trận Việt Minh, còn đại biểu Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội ngồi bên phải. Cũng có một số khách nước ngoài tham dự.

Khai mạc phiên họp, đảng viên kỳ cựu và bộ trưởng Bộ Lao động Nguyễn Văn Tạo, người đã từng dự Đại hội VI Quốc tế Cộng sản năm 1928, trình bày bản dự thảo về sự tin tưởng vào *"Công dân số một"* Hồ Chí Minh. Bản dự thảo được thông qua trong *"tiếng vỗ tay kéo dài"*. Sau đó chính phủ báo cáo những hoạt động của chính phủ từ kỳ họp đầu tiên Quốc Hội hồi tháng Ba. Hồ Chí Minh bảo vệ bản tạm ước ông ký ở Paris và cam đoan với các đại biểu, nó không làm tổn hại quá trình thương lượng. Khi được hỏi liệu Pháp thực thi hiệp định không, ông đáp, đừng quên rằng ở Pháp có người tốt và người xấu và phần đông nhân dân Pháp tán thành nguyên tắc độc lập, thống nhất của Việt Nam.

Trước khi rời Paris, Hồ Chí Minh đã hứa với một quan chức Pháp, khi về Hà Nội ông sẽ mở rộng chính phủ cho nhiều đại diện các đảng phái khác nhau. Tại ngày thứ hai kỳ họp, chính phủ đệ trình Quốc hội đơn từ chức, bởi thế Quốc Hội đề nghị Hồ thành lập chính phủ mới. Ba ngày sau, danh sách chính phủ mới được phê chuẩn. Nhưng nếu người Pháp tin vào lời hứa của Hồ Chí Minh, thì bây giờ họ thất vọng, vì chính phủ mới, chẳng còn ôn hoà nữa, thực chất chỉ còn cánh tả. Chính phủ gồm những Việt Minh hiếu chiến, chiếm các ghế quan trọng, Võ Nguyên Giáp giữ chức Bộ trưởng Quốc Phòng và Phạm Văn Đồng làm Bộ trưởng Kinh tế. Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch, kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao và cũng giữ luôn chức thủ tướng. Duy nhất hai thành viên chính phủ mới là người không đảng phái.

Việc chuyển sang tả phản ánh phần nào sự sụp đổ mặt trận thống nhất với những phần tử dân tộc chủ nghĩa, được cấu trúc chọn lọc vào mùa Thu và mùa Đông năm 1945. Giới lãnh đạo Đảng thấy chẳng cần thoả hiệp với những đảng đối lập nữa. Nhưng nó cũng phản ánh ảnh hưởng gia tăng của những lãnh tụ hiếu chiến như Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu và Trường Chinh trong Đảng. Trong một bài báo viết vài tuần sau đó, Trường Chinh công khi đả kích chủ trương cách mạng từng giai đoạn của Hồ Chí Minh và thể hiện chủ trương tư tưởng của ông đối với cách mạng Việt Nam.

Suốt mấy ngày sau, Quốc hội thảo luận bản dự thảo hiến pháp mới của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Mặc dù bị Trường Chinh ngầm phê phán, rõ ràng là nội dung bản Hiến pháp mới rất ôn hoà, đáp ứng mong ước của đại đa số dân chúng. Chương về tổ chức chính trị nhấn mạnh bảo đảm các quyền tự do dân chủ và nhu cầu liên kết rộng rãi tất cả các nhóm yêu nước chiến đấu chống việc khôi phục chế độ thực dân Pháp. Chương kinh tế bảo đảm quyền tư hữu và không đả động gì đến việc thành lập xã hội phi giai cấp.

Người Pháp không bỏ qua khi bản Hiến pháp tuyên bố nền độc lập hoàn toàn cho Việt nam mà chẳng thấy đả động gì đến liên bang Đông Dương hoặc khối Liên hiệp Pháp cả. Quốc hội đã phê duyệt Hiến Pháp và uỷ quyền cho chính phủ quyết định ngày đưa vào hiệu lực. Ngày 14-11-1946, Quốc hội kết thúc cuộc họp, chỉ còn hai trăm bốn mươi hai đại biểu, trong đó chỉ có hai đại biểu thuộc phe đối lập.

Trong khi quốc hội đang họp, điều khoản ngừng bắn của bản tạm ước có hiệu lực vào ngày 30-10-1946 ở Nam Kỳ. Thoạt đầu, cả hai bên ít nhiều tôn trọng lệnh ngừng bắn, nhưng rồi đụng độ bắt đầu xảy ra, chẳng mấy chốc, cuộc chiến được hâm nóng thêm một lần nữa, khi Pháp tung ra cuộc càn quét vào căn cứ địa du kích. Nguyễn Bình dũng cảm chiến đấu bảo vệ căn cứ. Lúc này, Pháp tin tiến trình hoà bình đã đổ vỡ, Thierry d'Argenlieu lo ngại khả năng Việt Minh bất ngờ tấn công vào quân Pháp ở miền Bắc hoặc ở miền Trung, bắt đầu tính đến tổ chức đảo chính lật đổ Hồ Chí Minh, đặt một chính phủ dễ bảo hơn ở Hà Nội. Tháng 9-1946, Pháp liên hệ với cựu hoàng Bảo Đại, lúc đó đang ở Hong Kong, bắn tin cho Bảo Đại biết khả năng ông sẽ đứng đầu chính phủ mới. Vào giữa tháng 11-1946, D'Argenlieu ra lệnh cho tướng Jean-Etienne Valluy phải tấn công chớp nhoáng trong trường hợp đàm phán tan vỡ.

Chiến tranh bây giờ sắp xảy ra, giới lãnh đạo đảng cố gắng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu. Nhu cầu cấp thiết nhất là phải có được vũ khí hiện đại. Mùa Thu 1946 chính phủ bắt đầu mua lậu súng từ Trung Quốc chở về bằng đường biển, vì đường biên giới trên bộ bị Pháp bịt kín. Hải Phòng một trong những cảng chính chuyên chở số vũ khí nhập lậu. Hải Phòng - cửa ngõ chính đối với tất cả hàng nhập khẩu vào Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - trên thực tế, đang là điểm nóng trong cuộc thảo luận Pháp - Việt kéo dài

nhiều tháng. Người Pháp đưa ra vấn đề thuế quan trong những cuộc hội đàm tại Fontainebleau, vì thuế nhập khẩu chiếm phần lớn ngân sách ở Đông Dương.

Nhưng vấn đề này vẫn không được giải quyết, bản tạm ước đơn thuần nói, vấn đề này sẽ nghiên cứu thêm. Tại Sài Gòn, d'Argenlieu sốt ruột vì những vấn đề không được giải quyết, theo thoả ước ký ở Paris, ông ra lệnh Morliere chiếm trạm thuế quan Hải Phòng ngay.

Đầu tháng 11-1946, quân Pháp chiếm trụ sở hải quan Hải Phòng, đuổi nhân viên quản trị Việt Nam. Trước khi cuộc đánh chiếm ngừng, Quốc Hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phản đối hành động này, xác định chủ quyền Việt Nam kiểm soát mọi vấn đề liên quan tới thuế quan. Tuy vậy, lúc đó vấn đề then chốt, Chính phủ dùng Hải Phòng là điểm nhập khẩu vũ khí mua từ nước ngoài. Ngày 20-11-1946, tàu chiến Pháp bắt một thuyền buồm Trung Quốc chở xăng buôn lậu có lẽ cho lực lượng vũ trang Việt Nam. Trong khi thuyền buồm được giong vào cảng, tự vệ địa phương bắn vào quân Pháp, Pháp lập tức đáp trả, cuộc chiến nhanh chóng lan khắp thành phố. Lệnh ngừng bắn được đưa ra, nhưng hai ngày sau Valluy ra lệnh viên Chỉ huy quân Pháp tại Hải Phòng phải chiếm toàn bộ thành phố, khôi phục luật pháp và trật tự. Ngày 23-11-1946, đại tá Debes ra tối hậu thư đòi quân đội Việt Nam rút khỏi khu phố Tàu và hạ vũ khí. Khi không được đáp ứng, Debes ra lệnh bắn pháo vào khu vực này, giết chết hàng trăm dân thường. Sau đó khoảng hai ngàn quân Pháp tấn công, đồng thời pháo của Pháp bắn phá các khu vực quanh thành phố. Dù vậy, người Pháp cũng phải hứng chịu của chống cự quyết liệt của quân đội Việt Nam, cuộc chiến ở Hải Phòng tiếp tục vài ngày, cho tới khi người lính Việt Minh cuối cùng rút lui ngày 28-11-1946.

Sự kiện Hải Phòng làm sốc chính quyền Truman vì thái độ lập lờ của Mỹ đối với tình hình Đông Dương. Trong bức điện gửi từ Hà Nội cùng ngày, lãnh sự Mỹ James O'Sullivan báo cáo, mặc dù Việt Nam nổ súng trước, nhưng do thái độ hống hách của Pháp khiến sự kiện nổ ra. Tại Paris, đại sứ Caffery được chỉ thị bày tỏ cho quan chức Pháp biết, Mỹ không hài lòng về tình hình Đông Dương. Nhưng điều này khiến Pháp bực tức do mối quan tâm về cục diện cộng sản của chính phủ Hồ Chí Minh. Cuối tháng 11-1946, Đại sứ quán Mỹ ở Paris cho biết Pháp đã *"có bằng chứng rằng Hồ đã nhận được chỉ thị của Moscow"*. Từ Sài Gòn, lãnh sự Mỹ Charles Reed cảnh báo, nếu Nam Kỳ rơi vào tay Việt Minh sẽ là mối nguy hiểm, họ chẳng mấy chốc bắt đầu thả cửa tuyên truyền và hoạt động khủng bố ở Campuchia và Lào, Reed cho đó là *"điều sát sườn nhất"*. Đây là lần đầu tiên một quan chức Mỹ diễn tả điều mà sau này gọi là *"học thuyết domino"*.

Cuối tháng 11-1946, Bộ Ngoại giao cử Abbot Low Moffat, Vụ Trưởng Vụ Đông Nam Á, tới Đông Dương đánh giá tình hình chung, tìm hiểu bản chất chính phủ Hà Nội. Moffat là người công khai ủng hộ độc lập của Việt nam, được uỷ quyền cam đoan với Hồ Chí Minh Mỹ ủng hộ hiệp định sơ bộ 6 tháng 3 và bày tỏ thiện cảm trước những nỗ lực của chính phủ ông *"giành được quyền tự trị lớn hơn trong khuôn khổ thể chế dân chủ"*. Nhưng Moffat cũng khuyên Hồ đừng sử dụng vũ lực để đạt được mục đích, thúc ông chấp nhận thoả hiệp về thể chế Nam Kỳ. Như một cách can ngăn những hoạt động khờ dại của giới lãnh đạo Việt Nam, Moffat cam đoan với Hồ, chính phủ Pháp sẽ phải thi hành Hiệp đinh Hồ-Sainteny đã ký, phải từ bỏ ý định phục hồi quyền cai trị thuộc địa tại Đông Dương.

Moffat đến Sài Gòn ngày 3-12-1946, sau khi thảo luận với quan chức Pháp, bay ra Hà Nội ngày 7-12. Lãnh sự Mỹ O'Sullivan báo

cáo, Hồ cảm thấy *"cực kỳ cô đơn"*, cho rằng công khai chuyến đi thăm của Moffat sẽ làm tăng vị thế của Hồ với kẻ thù. Dù Hồ vẫn đang ốm nặng (có lẽ do bệnh lao tái phát), ông mời Moffat đến Bắc Bộ phủ thảo luận. Trong cuộc nói chuyện, Hồ cam đoan với Moffat, mục tiêu chính của ông không phải cộng sản mà là độc lập. Để khích lệ sự ủng hộ của Mỹ, Hồ nhắc đi nhắc lại lời chào mời trước đây cho Mỹ sử dụng căn cứ hải quân ở vịnh Cam Ranh. Dù thế, Moffat do chưa có chỉ thị về vấn đề này, nên ông *"thực sự không biết nói thế nào"* như về sau ông điều trần trước Thượng Viện Mỹ, cuộc nói chuyện kết thúc chẳng đi đến đâu. Moffat hoài nghi Mỹ có quyền lợi nào đấy ở vịnh Cam Ranh, nhận xét Mỹ không thể quan hệ ngoại giao với Việt Nam nếu thể chế Việt Nam chưa được quyết định trong những cuộc thương lượng với Pháp.

Lúc Moffat trên đường tới Đông Dương, Bộ Ngoại Giao Mỹ đưa ra những chỉ thị khác cho ông để đánh giá tương quan những nhân vật cộng sản và không cộng sản trong chính phủ Việt Nam. Một bức điện gửi tới Sài Gòn cho Moffat cho biết chính phủ Hà Nội chủ yếu là nhân vật cộng sản, xu hướng theo Liên Xô. Nhưng Moffat không nhận được bức điện này trước khi rời Đông Dương, nhưng khi nói chuyện với Hồ Chí Minh, ông cũng tự đánh giá tương quan hiện tại ở Hà Nội. Ông nhận thấy chính phủ Việt Nam dưới quyền những người cộng sản, chắc chắn có mối quan hệ trực tiếp với cả Liên Xô và Đảng cộng sản Trung Quốc. Trong khi đó, ông cảm thấy có sự chia rẽ giữa những phần tử tương đối ôn hoà và thực dụng quanh Hồ Chí Minh với những người hiếu chiến, chẳng hạn Võ Nguyên Giáp, người căm ghét Pháp. Moffat kết luận, hiện tại cần có sự hiện diện của Pháp không những để hạn chế ảnh hưởng của Liên Xô, mà còn bảo vệ khu vực này trước sự can thiệp của Trung Quốc. Do vậy Moffat khuyến nghị Mỹ ủng hộ một cuộc dàn xếp trước khi tình hình xấu đi với Pháp.

Quan sát của Moffat về những phần tử ôn hoà và hiếu chiến trong chính phủ hơi khác với nhiều quan sát viên nước ngoài ở Hà Nội. Nhà báo Pháp Philippe Devillers cũng cho biết có sự chia rẽ trong nội bộ Việt Minh giữa Hồ và những người phe quân sự như Giáp và Hoàng Quốc Việt, bản thân Hồ thường xuyên đề nghị quan chức Pháp và phương Tây ủng hộ ông chống lại kẻ thù của ông. Những người nghi ngờ, nhạo báng báo cáo này, nói Hồ tung ra những đòn này để ép Pháp nhượng bộ. Dù cuộc tranh cãi chẳng đi đến đâu, nhưng chứng cớ trong khi một số thành viên hiếu chiến của Đảng bất đồng về việc Hồ thoả hiệp thì Hồ Chí Minh khôn khéo dùng mẹo này để doạ kẻ thù. Về nhận xét của Moffat về ảnh hưởng nếu có của Liên Xô đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mối liên hệ giữa Moscow và Đảng cộng sản Đông Dương hầu như không tồn tại khi nổ ra Thế chiến II, Hồ cùng những đồng chí của ông bị hạn chế, chỉ biết quan điểm của Liên Xô thông qua Đảng cộng sản Pháp.

Mối quan tâm về sự đe doạ ám ảnh của cộng sản trong vùng bất ngờ nổi lên thành vấn đề chính trong chính sách đối ngoại của Mỹ, khi nội chiến ở Trung Hoa bùng lên. Giống như nhiều chuyên gia Đông Nam Á, sự lo lắng của Moffat trước sự đe doạ của cộng sản đã đưa chính sách đối ngoại của Mỹ trệch khỏi con đường truyền thống xưa nay ủng hộ những khát vọng dân tộc trong vùng, ông đã lên tiếng về những mối lo này trong Bộ Ngoại giao. Nhưng, trước những bối rối của Moffat, có một thực tế là báo cáo của ông ta quy cho chính phủ Hà Nội có đặc tính cộng sản đã có ảnh hưởng tới Washington. Trong một thông tri gửi cho những phái bộ Mỹ toàn thế giới ngày 17-12-1946, lặp đi lặp lại bình luận của Moffat về đặc tính cộng sản của chính phủ Việt Nam, kết luận, sự hiện diện của Pháp trong vùng này là quan trọng, *“không những để trừ bỏ ảnh hưởng của Liên Xô, mà còn bảo vệ Việt Nam và Đông Nam Á trước*

*chủ nghĩa đế quốc Trung Quốc trong tương lai”.*

D'Argenlieu về Pháp ngày 13-11-1946 để kiếm thêm quân cho chiến dịch đánh phủ đầu lực lượng Việt Minh ở miền Bắc, ông nhận thấy chính phủ Pháp vẫn chưa từ bỏ giải pháp chính trị. Tổng tuyển cử đã đưa trở lại đa số cánh tả và Georges Bidault đang chuẩn bị từ chức giao chính phủ cho Đảng Xã hội mới thắng cử. Bidault đã hứa với d'Argenlieu việc tăng quân, nhưng ông cảnh báo, Đông Dương không thể giữ được chỉ bằng quân sự. Ông nói, những chỉ thị sau này, cần phải chờ đến khi thành lập một chính phủ mới. Chính phủ Pháp cử Jean Sainteny làm toàn quyền thay thế tướng Morlière. Sainteny rời Paris đi Sài Gòn ngày 23 tháng 11, vài giờ sau sự kiện Hải Phòng. Sau vài ngày tại Sài Gòn (theo yêu cầu của Valluy, muốn chia xẻ trách nhiệm với Sainteny về sự kiện Hải Phòng), Sainteny đến Hà Nội ngày 2-12-1946. Trong túi ông là bản chỉ thị của d'Argenlieu, người vẫn đang ở Paris:

*“Danh dự quân sự đã được bảo vệ, uy tín của Pháp đang tăng, không nên làm tình hình căng thẳng.*

*Đừng ép Hồ Chí Minh và chính phủ của ông ta phải hành động liều lĩnh. Với những lý do trên, tôi cho rằng ông không nên ở trong dinh Toàn quyền, dễ bị coi là hành động khiêu khích và quay trở lại phương pháp thống trị cũ”.*

Valluy cũng ủng hộ chỉ thị này, thúc giục Sainteny làm hết sức để củng cố lực lượng ôn hoà, tạo điều kiện thương lượng. Valluy nhấn mạnh *“Có lẽ Hồ cũng không muốn chiến tranh”.*

Do ốm, Hồ Chí Minh không đón Sainteny tại sân bay, nhưng tiếp ông ta ngày hôm sau. Quân Pháp bổ xung vừa tới cảng Đà Nẵng trong lúc tranh cãi về hiệp định giữa Pháp và Việt Nam, khiến người ta nghi ngờ Pháp đang âm mưu tấn công. Nhưng Hồ biết được sự thay đổi tình hình chính trị ở Pháp qua Hoàng Minh Giám,

khuyên Hồ cứ tạm hoà hoãn chờ chính phủ mới ở Pháp thành lập. Theo Sainteny, ông và Hồ không có ý bàn luận, chỉ giới hạn hỏi thăm sức khoẻ và chuyến trở về Việt Nam của Hồ từ Paris. Sainteny không có thông tin thêm từ Hồ trong vài ngày sau, khiến ông băn khoăn liệu Hồ còn được tự do hành động để chỉ huy chính phủ theo chính sách của ông hay không. Trong khoảng thời gian này, Sainteny không nhận được chỉ thị thêm từ Paris, do thế không thể có những cuộc thương lượng với Hồ. Trong khi Sainteny chờ đợi, chính phủ mới do lãnh tụ Đảng Xã hội Léon Blum cầm đầu lên nắm quyền.

Một chủ đề mà Hồ và Sainteny có lẽ thảo luận là thành phần chính phủ Việt Nam. Sainteny đòi loại bỏ những thành phần quá khích ra khỏi chính phủ, ông ghi nhận, bản thân Hồ muốn để tránh rạn nứt. Ông nói, nhưng khó nói ảnh hưởng của Hồ Chí Minh tới những đồng sự của ông nhiều bao nhiêu. Sainteny nói với O'Sullivan, Pháp không phản đối Hồ ở lại chính phủ, nhưng nếu không loại bỏ những phần tử quá khích, Pháp sẽ dùng "hành động cảnh binh" để tống cổ họ. Nhưng Sainteny thú nhận, triển vọng chia tách Hồ ra khỏi giới quân sự trong Đảng là rất nhỏ. Sainteny hy vọng bất cứ "hành động cảnh binh" nào của Pháp cũng có thể đem lại thành công nhanh chóng, nhưng O'Sullivan hoài nghi, báo cáo về Washington *"Tôi e sợ hành động tống cổ Việt Minh sẽ vượt quá công việc của cảnh sát và cần có thời gian dài hơn không phải ngắn như Sainteny dự tính"*.

Giữa tháng 12-1946, Hồ Chí Minh gửi một thông điệp cho Thủ tướng Blum, đưa ra những ý tưởng cụ thể làm dịu căng thẳng giữa hai nước. Nhưng Hồ và những đồng chí của ông không hy vọng vào một giải pháp chính trị. Ông thường trao đổi với Võ Nguyên Giáp và những chỉ huy quân sự khác để chuẩn bị chiến tranh. Tháng 10-1946, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông

Dương - bây giờ hoạt động hoàn toàn bí mật - thành lập Uỷ Ban Quân sự Trung ương đưa đảng nắm lực lượng vũ trang. Chính uỷ được bổ nhiệm vài chức vụ then chốt trong quân đội và Quân uỷ được thành lập ở các quân khu. Toàn bộ hành động đặt dưới sự chỉ huy của viên sĩ quan đầy triển vọng Văn Tiến Dũng, sau này lừng danh khi là Tư lệnh cuộc tổng tấn công cuối cùng vào Sài Gòn mùa xuân năm 1975.

Trong thời gian mùa Thu, chính phủ đẩy mạnh chuẩn bị quân sự. Quân đội, bây giờ đổi tên là Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, được tăng quân số. Theo nguồn tin từ phía Pháp, cuối mùa Hè Việt Minh đã có ba mươi lăm tiểu đoàn bộ binh và ba trung đoàn pháo binh, lực lượng lên tới sáu mươi ngàn người, cộng với mười hai ngàn quân đang chiến đấu ở Nam Kỳ. Những đơn vị tự vệ và du kích đã có quân số gần một triệu. Làng xóm dưới quyền kiểm soát của chính phủ trên toàn quốc được lệnh chuẩn bị *"làng chiến đấu"*. Tuy nhiên, vũ khí vẫn còn thiếu thốn (theo nguồn tin từ phía Pháp, Việt Nam có khoảng ba mươi lăm ngàn súng trường, một ngàn súng máy và năm mươi lăm khẩu pháo), vì thế phải cố gắng thành lập những xưởng công binh ở khu vực an toàn Việt Bắc. Võ Nguyên Giáp thông báo, Hà Nội chỉ có thể trụ được khoảng một tháng, Hồ ra lệnh chuẩn bị trụ sở mới tại căn cứ địa Tân Trào, chỗ xuất phát Cách mạng tháng Tám.

Sau sự kiện Hải Phòng, tình hình thậm chí càng trở nên cấp bách hơn, một uỷ ban đặc biệt của Đảng vạch kế hoạch phòng thủ Hà Nội, để chính phủ có thời gian sơ tán vào khu vực rừng núi. Chỉ để lại một số lính gác tại Bắc Bộ Phủ, những trại lính gần đó, còn lực lượng chính đóng ngoài thủ đô. Bù lại, có gần mười ngàn tự vệ chiến đấu và đội tự vệ thanh niên xung kích ở ngay thành phố. Những nhón này bao gồm những thanh niên hăng hái nhất ủng hộ cách mạng được trang bị vũ khí tự tạo và đeo một huy hiệu

hình vuông có sao vàng ở giữa. Phía Pháp có vài ngàn lính Lê dương, chủ yếu đóng ở trong Hoàng Thành. Số còn lại đóng rải rác nhiều nơi như bệnh viện Đồn Thuỷ, Phủ Toàn quyền cũ, ga Hàng Cỏ, Ngân Hàng Đông Dương, cầu Long Biên và sân bay Gia Lâm.

Hàng ngày Uỷ ban Dân tộc Việt Minh thông qua báo Cứu Quốc kêu gọi chuẩn bị chiến đấu, các công sở chính phủ bí mật chuyển ra khỏi thành phố. Trong thủ đô, binh sĩ chính phủ bắt đầu dựng chướng ngại vật. Ngày 6-12-1946, Hồ Chí Minh yêu cầu Pháp phải rút quân về những vị trí họ đóng từ trước ngày 20-11, nhưng ông không nhận được trả lời. Ngày hôm sau, trong cuộc phỏng vấn với nhà báo Pháp, Hồ nhấn mạnh, chính phủ Việt Nam hy vọng tránh được chiến tranh, vì nó có thể đem lại thiệt hại khủng khiếp cho cả hai nước. *"Nhưng nếu bị áp đặt cuộc chiến, chúng tôi thề sẽ chiến đấu hơn là mất tự do"*.

Tuy nhiên, trước lúc này, tướng Valluy kết luận, Hồ Chí Minh không có ý định loại bỏ những phần tử quá khích ra khỏi chính phủ ông, Valluy xin Paris bật đèn xanh để hành động ngay khi quân tiếp viện tới, cảnh báo nếu để chậm đến cuối năm có thể làm hại vận mệnh của Pháp ở Đông Dương. Nhưng thủ tướng mới Léon Blum chưa muốn có hành động quân sự. Ngày 12-12-1946, Léon Blum tuyên bố ý định muốn giải quyết xung khắc ở Đông Dương bằng cách cho phép Việt Nam độc lập. Ba ngày sau, Hồ Chí Minh đưa Sainteny một thông điệp để chuyển cho thủ tướng Pháp, với những đề xuất cụ thể giải quyết những mâu thuẫn như thế nào. Sainteny gửi thông điệp này bằng điện báo đến Sài Gòn, yêu cầu chuyển tiếp về Paris.

Không rõ là các nhà lãnh đạo Việt Nam có thực sự hy vọng gì vào chính phủ mới thành lập do Đảng Xã hội nắm có thể dẫn đến một dàn xếp chính trị hay không. Theo ý kiến cá nhân, Võ Nguyên

Giáp thẳng thừng tuyên bố, mặc dù những phát biểu của Blum về bản chất là tiến bộ, nhưng ông ta thực chất là công cụ của Mỹ, bảo vệ lợi ích của giới tư sản Pháp và là một đối thủ của Đảng cộng sản Pháp. Dường như để khẳng định sự ngờ vực của Giáp, Blum không đưa bất cứ những người cộng sản nào vào nội các mới, trong khi tái bổ nhiệm Thierry d'Argenlieu là Cao uỷ Đông Dương. Mặt khác, nội các họp thảo luận yêu cầu của d'Argenlieu's về tăng quân và hành động quân sự tức khắc chống lại Việt Nam, nhưng không đi đến kết quả, trong một bức thư riêng Bidault cảnh báo Valluy, ông sẽ không ủng hộ tăng quân và cố gắng giải quyết tình hình không dùng tới bạo lực.

Valluy và d'Argenlieu muốn duy trì sự hiện diện của Pháp ở Đông Dương, nên đã quyết định phải khiêu khích Hà Nội để khởi xướng thù địch, đặt Paris vào thế việc đã rồi. Ngày 16-12-1946, Valluy ra lệnh tướng Morlière phá chướng ngại vật do những đơn vị Việt Minh dựng lên ở Hà Nội. Khi thông điệp của Hồ Chí Minh gửi Blum đến Sài Gòn, Valluy thêm những lời bình luận chua cay, khuyến cáo tình hình sẽ rất nguy hiểm nếu hoãn hành động quân sự cho tới năm mới. Bức điện tới Paris ngày 19-12-1946. Đến lúc đó thì quá muộn.

Ngày 17-12, xe bọc thép Pháp liều lĩnh xông vào phá những chiến luỹ do những đơn vị Việt Minh dựng lên trên đường phố Hà Nội vài ngày trước đó, đồng thời lính Lê Dương đứng đầy đường phố từ Hoàng Thành tới cầu Long Biên, trên đường tới sân bay. Quân đội Việt Nam không phản ứng, nên sáng hôm sau Pháp gửi tối hậu thư cấm dựng chiến luỹ trên đường phố Hà Nội. Một tối hậu thư thứ hai đưa ra chiều hôm đó tuyên bố bắt đầu từ ngày 20-12-1946, quân đội Pháp sẽ đảm đương công việc giữ gìn an ninh toàn bộ thủ đô. Đáp lại, tối hôm đó quân đội Việt Nam bắt đầu từ các ngả ngoại ô tiến vào thành phố. Sáng hôm sau

19-12-1946, Pháp gửi tối hậu thư thứ ba đòi chính phủ Việt Nam ngưng tất cả các hoạt động chuẩn bị chiến tranh, giải tán các đơn vị tự vệ và chuyển giao toàn bộ việc bảo đảm an ninh ở thủ đô cho Pháp.

Đối với Việt Nam, tình hình làm người ta nhớ lại những hành động tương tự xảy ra tháng trước khi đại tá Debes cũng đưa ra những đòi hỏi tương tự trước khi bắn phá Hải Phòng. Sáng 18-12-1946, Hồ Chí Minh chỉ thị chuẩn bị tấn công vào các cơ sở Pháp ngày hôm sau. Trong khi đó, sợ thư không tới tay thủ tướng Blum, Hồ Chí Minh gửi một bức điện trực tiếp tới Paris. Sáng hôm sau, ông viết một bức thư ngắn cho Jean Sainteny, đưa thư này cho Hoàng Minh Giám chuyển đến Sainteny: *"Tình hình trở nên căng thẳng mấy ngày gần đây. Thật lấy làm đáng tiếc. Trong lúc chờ đợi quyết định từ Paris, tôi hy vọng ông cùng với ông Giám, sẽ tìm cách để cải thiện bầu không khí này"*.

Theo giọng văn mà đoán thì rõ ràng Hồ Chí Minh cũng chẳng đợi trả lời một cách nghiêm túc. Trên thực tế, cũng sáng hôm đó, Sainteny cũng gửi Hồ Chí Minh một bức thư dài, phản đối Việt Minh nổi loạn giết chết và làm bị thương mấy người Pháp, đòi phải trừng trị ngay kẻ phạm tội. Sainteny, có lẽ biết trước quyết định khiêu khích xung đột của Valluy, từ chối gặp Giám, trả lời ông sẽ tiếp ông Giám sáng hôm sau.

Được thư ký riêng Vũ Kỳ thông báo Sainteny từ chối gặp Hoàng Minh Giám, Hồ triệu tập họp Ban Thường vụ Đảng. Ngay sau đó, Hồ Chí Minh gặp Trường Chinh, Lê Đức Thọ và Võ Nguyên Giáp, ông tuyên bố, trong hoàn cảnh này, không thể nhượng bộ thêm nữa. Các đồng chí của ông đồng ý cần huy động toàn quốc tiến hành kháng chiến lâu dài chống Pháp. Trường Chinh được giao trách nhiệm dự thảo lời kêu gọi *"toàn quốc kháng chiến"*, còn Giáp

được chỉ thị chuẩn bị phát động tấn công. Mọi người xem xét lại lời kêu gọi nhân dân mà Hồ Chí Minh soạn thảo chiều hôm đó, đề nghị một vài thay đổi về từ ngữ. Sau khi thống nhất thời gian tấn công lúc tám giờ tối, cuộc họp ngừng.

Xẩm tối 19-12-1946, Jean Sainteny chuẩn bị rời văn phòng về nhà riêng. Cũng như mọi người ở thành phố này, ông biết căng thẳng đang tăng, những hành động thù địch có thể nổ ra giữa hai bên bất cứ lúc nào. Một điệp viên đã cảnh báo Sainteny rằng Việt Nam sắp tấn công. Nhưng khi chiếc đồng hồ ở Viện Yersin điểm chuông tám giờ, ông nói với một đồng sự, *"Thế là không phải đêm nay rồi. Tôi phải về nhà"*. Ngay lúc Sainteny vào xe, ông nghe một tiếng nổ lớn, đường phố lập tức chìm trong bóng tối. Sainteny vội vàng về nhà, bò vào một chiếc xe bọc thép do tướng Morliere điều tới để chở ông tới Hoàng Thành. Tuy vậy, trên đường đi, xe bọc thép trúng mìn, Sainteny bị thương nặng. Suốt hai giờ liền, ông nằm trên đường phố với vết thương chảy máu, xung quanh là những người Pháp bị chết và hấp hối.

Theo kế hoạch, Việt Nam mở cuộc tấn công bất ngờ vào nhà máy điện Yên Phụ của thành phố. Sau đó những đơn vị tự vệ tấn công các cơ sở đồn bốt của Pháp khắp thành phố, đồng thời những đội khủng bố tấn công những dân thường ở khu vực người Âu châu sinh sống. Giáp có ba sư đoàn quân thường trực đóng ở ngoại thành tây - nam thành phố và cạnh Hồ Tây, nhưng ông đã quyết định không sử dụng chúng.

Phía Pháp bị sốc bởi mức độ cuộc tấn công, nhưng đến khuya quân Pháp bắt đầu thiết lập quyền kiểm soát những khu vực trung tâm Hà Nội. Một đơn vị Pháp tấn công Bắc Bộ Phủ, nhưng Hồ Chí Minh vừa kịp chạy thoát. Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất bắt đầu.

Những sự kiện diễn ra ở Hà Nội ngày 19-12-1946 gây nên giận dữ ở Pháp, nhiều người cho Việt Nam vô cớ tấn công vào những cơ sở của Pháp và Pháp kiều ở Đông Dương. Nhưng nhìn kỹ có thể thấy vai trò của Pháp cũng rất quan trọng. Mặc dù chính phủ Paris còn đang lưỡng lự trong việc có tiến hành chiến tranh hay không thì các đại diện Pháp ở Đông Dương đã tự cho mình quyền hành động.

Việc tướng Valluy quyết định khiêu chiến ít nhất cũng dựa một phần vào việc Hồ Chí Minh không thể hoặc không muốn loại bỏ sự kiểm soát của những phần tử quá khích trong chính phủ ông. Nếu vậy, Valluy tính toán chiến tranh là không thể tránh được và phải ra tay trước khi những khả năng quân sự của Pháp bắt đầu yếu đi. Tối hậu thư của ông ngày 17-12-1946 đòi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chuyển toàn bộ quyền kiểm soát an ninh ở Hà Nội cho Pháp rõ ràng là một tính toán khiêu chiến.

Liệu Hồ Chí Minh thực sự muốn tránh chiến tranh hay chỉ "động tác giả" để Hà nội có thêm thời gian chuẩn bị chiến tranh? Thực ra cũng chẳng cần trả lời. Là đệ tử của nhà chiến lược quân sự thế kỷ thứ IV Tôn Tử, Hồ tin rằng chiến thắng đẹp nhất là chiến thắng không cần vũ lực. Để đạt được nó, ngoại giao và tuyên truyền là các vũ khí sắc bén làm chia rẽ và giảm năng lực chiến đấu của đối thủ. Đến ngày 19 - 12, Hồ và các đồng chí của mình hiểu, không thể thoả hiệp được nữa. Vấn đề phải được quyết định trên chiến trường.

# CHƯƠNG

## HÙM XÁM VÀ VOI RỪNG

Trả lời phỏng vấn của nhà báo David Schoenbrun từ New York Times mùa hè năm 1946, Hồ Chí Minh đã cảnh báo rằng nếu cuộc xung đột toàn diện nổ ra giữa Việt Nam và Pháp, Việt Minh sẽ núp vào rừng già giống con hùm xám và sau đó ra khỏi hang ổ vào ban đêm để xé con voi rừng Pháp thành từng mảnh. Điều ông nói chính là đặc tính cuộc chiến tranh du kích Đông Dương.

Hồ nói là làm. Khi Pháp mở chiến dịch càn quét ở Hà Nội và những thành phố công nghiệp khác ở Bắc Kỳ và Trung Bộ Việt Nam, Hồ và những đồng chí của ông bỏ trụ sở tạm thời đặt ở một hang động ở Hà Đông, cách Hà Nội chừng 20 km phía đông thủ đô, sau đó sơ tán đến căn cứ địa Tân Trào, giữa rừng Việt Bắc, để sẵn sàng cuộc chiến đấu lâu dài. Với sự khích lệ Hồ Chí Minh, Việt Nam đã đưa những yếu tố thích hợp mô hình chiến tranh nhân dân của Trung Quốc vào chiến lược của mình ngay từ đầu năm 1941. Ngày 22 tháng 12, chỉ ba ngày sau khi nổ súng ở thủ đô, chính phủ Việt Nam ra tuyên bố nói rằng cuộc kháng chiến sẽ trải qua ba giai đoạn. Lời tuyên bố này báo trước kịch bản nhắm thẳng học thuyết quân sự của Mao Trạch Đông. Trong giai đoạn đầu tiên, lực lượng Việt Nam sẽ cố gắng phòng thủ để xây dựng những khu đồn trú nhỏ ở rừng núi; trong giai đoạn hai, khi sức mạnh hai bên tương

đương, lực lượng cách mạng từ trong rừng núi bất ngờ tấn công vào những đồn bốt quân thù; và giai đoạn ba sẽ là tổng phản công, lúc đó Việt Minh sẽ tung ra cuộc tổng tấn công cuối cùng đẩy quân địch xuống biển.

Ngay cả phải rút lui, Việt Nam đã gửi một tín hiệu rõ ràng cho Pháp biết cuộc chiến đấu này sẽ là khốc liệt. Khi những quan chức chính phủ bỏ Hà Nội và lên Tây Bắc, những đơn vị tự vệ vẫn duy trì kháng cự trên những phố hẹp của khu phố Tầu, với hơn ba mươi ngàn dân của thành phố. Tại đây họ kháng cự mãnh liệt chống những cố gắng của Pháp để đánh đuổi họ. Tướng Valluy dự kiến dùng máy bay tấn công quét sạch những người phòng thủ, nhưng Morlière chọn lựa cách đánh chiếm dần từng phố để kiểm soát khu vực mà không gây đổ nát. Chiến dịch tiến hành chậm và người Pháp đã phải trả giá bằng thương vong. Mãi đến giữa tháng 1-1947, cuối cùng thì quân Pháp chiếm được chợ Đồng Xuân sát ngay khu phố Tầu, trong lúc đó những đơn vị Việt Minh, cùng nhiều dân thường, vượt sông Hồng rời bỏ thành phố. Ngay cả khi rời bỏ thành phố, quân đội Việt Minh viết bằng than hoặc phấn trắng lên tường Hoàng thành cổ *"Chúng tôi sẽ trở về"*.

Trong hồi ký của mình về cuộc rút lui này, lãnh sự Mỹ O'Sullivan báo cáo về Washington rằng quân đội Việt Nam chiến đấu *"dũng cảm và ngoan cường chưa từng thấy"*, tương tự quân đội Nhật Bản trong chiến tranh Thái Bình Dương. Ông ước tính hàng trăm người Việt Nam bị thương vong. Khoảng một trăm lính Pháp bỏ mạng và bốn mươi lăm thường dân châu Âu chết, hai trăm người mất tích. Sau khi bình định được ngoại thành, quân Pháp bắt đầu tiến vào nông thôn, họ thấy Việt Nam đã tiến hành chủ trương tiêu thổ kháng chiến để không cho kẻ thù kiếm được thực phẩm. Ở những nơi khác trong nước, những đơn vị tự vệ Việt Minh kìm chân quân Pháp trong thành phố để rút lực lượng chủ

lực về nông thôn.

Hồ Chí Minh có lẽ chưa bỏ ý định tìm kiếm hoà bình. Ngay trong ngày đầu nổ súng, Việt Minh đã rải truyền đơn thông báo với *“nhân dân Pháp”* về nguyện vọng của chính phủ ông được sống hoà bình trong khối Liên hiệp Pháp và chiến tranh bùng nổ là do *“những tên thực dân phản động đã đánh mất danh dự nước Pháp, và chia rẽ hai dân tộc bằng cách khiêu chiến”.* Chỉ cần Pháp công nhận Việt Nam độc lập và thống nhất lãnh thổ, sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau giữa hai dân tộc sẽ được vãn hồi ngay lập tức. Ngày hôm sau, đài phát thanh Việt Minh bắt đầu liên tục phát đi những lời kêu gọi nối lại thương lượng. Ngày 23 tháng 12, Hồ viết cho Marius Moutet, bộ trưởng hải ngoại, và tướng Henri Leclerc, đề xuất một cuộc họp hai bên. Moutet và Leclerc vừa rời Paris tới Đông Dương thị sát tình hình theo lệnh của chính phủ Blum. Vài ngày sau, Hồ chính thức đề nghị ngừng bắn và họp hội nghị hoà bình mới ở Paris trong khuôn khổ hiệp định sơ bộ 6 tháng 3 trước đây.

Nhưng Pháp chưa vội kết thúc đánh nhau. Ngày 23-12, thủ tướng Blum phát biểu trước quốc hội: “Chúng ta đang phải đối mặt với việc dẹp bạo loạn. Tôi tuyên bố, những binh sĩ Pháp đang chiến đấu tại đó, kiều dân Pháp đang sinh sống và các bạn bè Pháp ở Đông Dương có thể yên tâm vào sự kiên quyết của chính phủ”. Kết thúc, Blum để ngỏ cánh cửa dàn xếp hoà bình, khẳng định trật tự phải được vãn hồi ngay: *“Chúng ta sẽ khôi phục lại cuộc đàm phán bị phá vỡ để có được một nước Việt Nam tự do trong iên bang Đông Dương, tự do trong Liên hiệp Pháp. Nhưng đầu tiên, trật tự phải được khôi phục”.*

Marius Moutet được tờ báo Pháp Le Populaire (Dân chúng) miêu tả là *“một sứ giả hoà bình”*. Tuy Moutet nổi tiếng là người có thiện

cảm với cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam giành độc lập, ông cũng chia sẻ nỗi bất bình của người Pháp trước cuộc tấn công bất ngờ ở Hà Nội. Ngay sau khi tới Sài Gòn vào hôm Giáng Sinh, ông tuyên bố với báo chí *"trước khi có bất cứ những cuộc thương lượng nào, cần phải có một chiến thắng quân sự. Tôi rất tiếc nhưng những gì mà Việt Minh đã làm phải bị trừng trị"*. Moutet cũng chẳng đoái hoài tìm cách liên lạc với người bạn cũ Hồ Chí Minh trong Đảng Xã hội trước khi quay về Pháp đầu tháng Giêng và Moutet dành nhiều thời gian thảo luận với quan chức Pháp ở Lào và Campuchia. Về phần mình, Hồ Chí Minh đã gửi cho Moutet một bức thư ngày 3 tháng 1 với bản dự thảo ngừng bắn nối lại thương lượng, nhưng bức thư này bị chính quyền thực dân Pháp chặn và bị trả lại.

Tướng Leclerc và Moutet tin rằng việc giáng trả mạnh mẽ của Pháp vào Việt Minh là cần thiết trước khi mở thương lượng hoà bình. Nhưng Leclerc cũng tin rằng giải pháp cuối cùng cho cuộc khủng hoảng này phải là giải pháp chính trị, và việc Moutet từ chối gặp Hồ làm ông khó xử. Từ Đông Dương trở về Pháp ngày 1 tháng 1, Leclerc nhấn mạnh: *"Có quá nhiều người tưởng là có thể xây chiếc cầu nối giữa Việt Nam và Pháp bằng súng đạn"*. Trong báo cáo gửi chính phủ, Leclerc nhấn mạnh *"một giải pháp phức tạp chắc chắn hiện thực trong thời gian tới, trừ giải pháp chính trị"*. Ông kết luận Pháp không thể dùng vũ lực để khuất phụchai mươi bốn triệu người với tinh thần dân tộc đang cao. Theo Leclerc, vấn đề chủ yếu là làm thế nào thay thế hình thức đang tồn tại chủ nghĩa dân tộc của Việt Minh bằng những đảng phái chính trị ôn hoà hơn. Nếu vị thế quân sự của Pháp càng mạnh trên chiến trường, thì việc giải quyết vấn đề càng thuận lợi hơn.

Do quan điểm Leclerc về tình hình nói chung hợp với quan điểm của chính Leon Blum, nên khi Leclerc về Pháp giữa tháng 1-1947, vị thủ tướng đánh tiếng đưa ông trở về Đông Dương làm Tổng tư

lệnh và Cao uỷ, thay Thierry d'Argenlieu, người có quan điểm quá khích bị cho là đẩy tình hình vào ngõ cụt. Nhưng trong khi Leclerc còn cân nhắc, thì thủ tướng Blum bị thay thế bằng Paul Ramadier, cũng từ đảng Xã hội. Ramadier tán thành đường lối hiện thời là phục hồi trật tự bằng vũ lực, đồng thời ông đồng ý xem xét việc thống nhất ba miền Việt Nam thành một quốc gia nằm trong Liên hiệp Pháp. Nhưng khi tân thủ tướng lưỡng lự tăng quân Pháp ở Đông Dương, Leclerc - nghe tướng De Gaulle khuyên - đã từ chối lời đề nghị làm Cao uỷ. Để lấp chỗ trống, Ramadier chọn Emile Bollaert, một chính trị gia có quan điểm tự do và uy tín, không thuộc bất cứ phái nào trong Quốc hội. Một nhà ngoại giao Mỹ mô tả Bollaert là *"có năng lực và năng động nhưng ít ai biết tiếng*".

Bollaert lên đường tới Đông Dương đầu tháng 3. Khi tới Sài Gòn, ông lập tức đối mặt với thách thức ngay trong nội bộ. Được d'Argenlieu ủng hộ, các quan chức thực dân địa phương ráo riết tìm cách qua mặt Việt Minh và thoả thuận với cựu hoàng Bảo Đại, lúc đó đang ở Hong Kong. Bảo Đại từ lâu đã bỏ danh xưng *"Công dân Vĩnh Thụy",* vốn lười biếng và ăn chơi, Bảo Đại chẳng còn đoái hoài đến công việc quốc gia, vùi đầu trong sòng bạc và gái gú. Tuy những tiếp xúc đầu tiên của Pháp với vị cựu hoàng phì nộn này không kết quả, nhưng triển vọng sử dụng Bảo Đại được nhiều người ủng hộ, ở cả Pháp lẫn Đông Dương. Tuy vậy đối với Bollaert, kế hoạch này cũng ở thế lưỡng nan. Trong khi đó Việt Minh vẫn được sự ủng hộ của đông đảo dân chúng, và Hồ được thừa nhận như nhà lãnh đạo của dân tộc. Trước khi rời Paris, Leclerc khuyên Bollaert *"thương lượng bằng mọi giá"*.

Nhiều người thân cận Bollaert cũng tán đồng đàm phán với Việt Minh, gồm chánh văn phòng chính phủ Pierre Messmer và Paul Mus, cố vấn riêng của ông đồng thời là một học giả Đông Dương có tiếng. Tuy hơn một ngàn quân Pháp chết hoặc mất tích, nhưng

tâm lý cộng đồng Pháp ở Đông Dương lúc này là cương quyết chống Việt Minh. Phương án dùng Bảo Đại là khả dĩ nhất, nhưng liệu Bảo Đại có thể là đối trọng với Hồ Chí Minh không? Trong khi vị cựu hoàng được sự ủng hộ nào đấy trong những người hoài cổ, thì đa số nhân dân Việt Nam khinh bỉ ông về lối sống bê tha. Những người khác còn nghi ngờ ông không có đủ năng lực thống nhất những nhóm dân tộc chủ nghĩa cứng đầu, nhỏ nhen, manh mún.

Hồ Chí Minh vẫn cố gắng giữ mối liên lạc mỏng manh với Pháp. Ngày 23 tháng 4, Hoàng Minh Giám, một người không cộng sản, vừa được bổ nhiệm bộ trưởng Bộ ngoại giao hồi tháng 3-1947, gửi thông điệp của Hồ tới Bollaert đề xuất ngừng bắn tức khắc và mở lại thương lượng để chấm dứt xung đột. Nghi ngờ ý định kẻ thù và nghe các cố vấn của mình cam đoam tình thế quân sự bây giờ là tốt đẹp, Bollaert đưa ra một loạt điều kiện thực chất là đòi Việt Minh đầu hàng trước khi khôi phục hoà bình. Bollaert đưa thư cho Paul Mus. Người đã một lần gặp Hồ Chí Minh, để chuyển cho Hồ. Chiều ngày 12 tháng 5, trước tiên, Mus bí mật gặp Hoàng Minh Giám tại một địa điểm gần Hà Nội và sau đó gặp Hồ tại Thái Nguyên. Hồ nhã nhặn nghe Mus trình bày, nhưng thẳng thừng bác bỏ đòi hỏi của Pháp. Hồ nhấn mạnh: *"Trong Liên hiệp Pháp không có chỗ đứng cho những kẻ hèn nhát. Nếu tôi chấp nhận những điều khoản này, tôi sẽ là người như vậy"*.

Thái độ khinh miệt trả lời những đề nghị của Việt Nam về thương lượng hoà bình rõ ràng làm Hồ Chí Minh thất vọng, dù ông luôn luôn bày tỏ hy vọng Pháp sẽ giảng hoà để không muốn mất thuộc địa Đông Dương. Tuy nhiên, khi đó không có sự chọn lựa nào tối hơn là bằng vũ lực. Cuối tháng đó, Hồ Chí Minh lại ra lời kêu gọi mới kháng chiến toàn quốc, tuyên bố rằng Pháp không chấp nhận hoà bình.

Nhưng Hồ tiếp tục theo đuổi khả năng quốc tế giải quyết vấn đề. Hồ biết sự đối đầu giữa hai khối siêu cường trên thế giới đang tăng lên, và Moscow vẫn thể hiện sự quan tâm quá nhỏ nhoi tới cuộc chiến tranh ở Đông Dương xa xôi. Dù vậy, vẫn có cơ hội để Mỹ tham gia vai trò hữu ích giải quyết xung đột. Thực vậy, chính quyền Truman theo dõi những hành động của Pháp từ khi tái chiến ở Đông Dương với vẻ không hài lòng. Mặc dù Hồ và những đồng chí của ông không nhận thấy điều này. Ít ngày sau khi nổ súng ở Hà Nội, thứ trưởng ngoại giao Dean Acheson mời Đại sứ Pháp Henri Bonnet tới Bộ ngoại giao và cảnh báo tình hình ở Đông Dương đang xấu đi và theo quan điểm Washington, không thể giải quyết bằng vũ lực. Acheson cam đoan với Bonnet Mỹ không muốn can thiệp, nhưng sau đấy gợi ý đưa một số sĩ quan Mỹ hiểu biết tình hình đến giải quyết. Paris thẳng thừng bác bỏ đề nghị này, khẳng định rằng Pháp sẽ khôi phục trật tự trước khi liên lạc với Việt Nam.

Vài tuần sau, tướng George C. Marshall, vừa từ Trung Quốc trở về, thay James Byrnes làm ngoại trưởng. Từ tháng 12-1945, Marshall thường xuyên tới Trùng Khánh tìm cách dàn hoà giữa những phần tử dân tộc chủ nghĩa và Đảng cộng sản Trung Quốc trong chính phủ liên hiệp do Tưởng Giới Thạch cầm đầu. Bất chấp những cố gắng của ông, nội chiến vẫn nổ ra vào cuối 1946. Sau khi bao quát tình hình ở Đông Dương, Marshall gửi điện cho đại sứ Mỹ Caffery ở Paris, đây là một văn bản dài mơ hồ, tối nghĩa, một thông điệp lần đầu tiên bày tỏ chính thức quan điểm Washington về vấn đề Việt Nam kể từ khi bắt đầu xung đột Pháp-Việt. Marshall vạch rõ, Mỹ chính thức công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương, và không có ý định can thiệp vào vùng này. Marshall nói thêm *"Chúng tôi không thể làm ngơ trước thực tế là cả hai phía có trách nhiệm giải quyết vấn đề này và báo cáo của chúng tôi cho thấy*

*Pháp thiếu hiểu biết đối phương (tại Sài Gòn nhiều hơn ở Paris) và vẫn còn cố bám lấy mô hình và cách suy nghĩ thực dân lạc hậu".*

Nhưng Marshall lập tức tự đào hố dưới chân mình khi thừa nhận thực chất tình thế khó xử của Pháp: *"Chúng ta không quên rằng Hồ có những mối quan hệ trực tiếp với cộng sản và không muốn mô hình thực dân lại được thay thế bằng một tổ chức mới do Kreml kiểm soát".* Cuối cùng, Marshall cũng chẳng đưa được ra giải pháp nào, ngoài việc khuyên Pháp nên để ngỏ quan hệ và "rộng lượng" hơn trong việc tìm giải pháp. Sự thiếu quả quyết đáng buồn của Marshall trong chủ trương rối mù về vấn đề Đông Dương kéo dài tới khi Truman rời chức vụ.

Cuối tháng 2, Marshall chỉ thị lãnh sự Mỹ James O'Sullivan ở Hà Nội bắt liên lạc với giới lãnh đạo Việt Nam nếu gặp dịp. Chẳng cần đợi lâu. Tháng 4-1947, Phạm Ngọc Thạch, người một thời cầm đầu Đội thanh niên xung phong Sài Gòn, hiện là thứ trưởng trong chính phủ Hồ Chí Minh, có quan hệ với vài thương nhân Mỹ ở Thái Lan, và trung tá William Law, trợ lý tuỳ viên quân sự tại Đại sứ quán Mỹ ở Bangkok. Sau những cuộc hội đàm không chính thức với đại tá Law, Thạch đồng ý trả lời một loạt câu hỏi bằng văn bản của Law và của đại sứ Mỹ Edwin F. Stanton. Thạch nhấn mạnh đặc tính rộng rãi và không đảng phái chính phủ Việt Nam, và cam kết rằng mục đích của chính phủ là dân tộc chứ không phải cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thạch khẳng định cương lĩnh kinh tế của chính phủ *"tạo điều kiện phát triển quyền tự trị tư bản và kêu gọi tư bản nước ngoài để tái thiết đất nước".* Ngay sau đó, Thạch đệ trình lời kêu gọi đại diện cộng đồng doanh nhân Mỹ tại Thái Lan, đưa ra những nhượng bộ kinh tế đổi lấy các thiết bị công nghiệp một máy móc nông nghiệp cũng như các khoản vay có hoàn lại. Thạch cảnh báo rằng nếu không có dàn xếp hoà bình, Việt Nam chuẩn bị tiến hành chiến tranh du kích sáu năm. Cùng thời gian này, Hồ trả lời

phỏng vấn của một nhà báo Mỹ, phủ nhận rằng chính phủ ông theo tinh thần nguyên lý Marxist và lớn tiếng hỏi tại sao không thể có giải pháp tương tự Philippin và Ấn Độ cho Việt Nam.

Động thái của Việt Nam có ít nhiều tạo ra sự quan tâm trong hàng ngũ quan chức Bộ ngoại giao Mỹ, với việc bổ nhiệm phần tử ôn hoà Hoàng Minh Giám làm Bộ trưởng Bộ ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hồi tháng 3. Trong lời nhận xét gửi về Washington, đại sứ Stanton nhấn mạnh rằng Phạm Ngọc Thạch - được quan chức Mỹ tại Sài Gòn cuối năm 1945 xem là có thiện cảm - *"là một người thông minh và rất năng động"*. Từ Hà Nội, O'Sullivan đề nghị cho phép ông trực tiếp gặp Thạch ở Bangkok. O'Sullivan nhận xét Hồ là người *"rất quỷ quyệt"*, cho rằng một cuộc nói chuyện không chính thức với Thạch chí ít cũng cung cấp những thông tin hữu ích về bản chất chính phủ Việt Nam. Marshall chấp thuận, hy vọng cuộc gặp với Thạch có thể tiết lộ phạm vi kiểm soát của thế lực cộng sản trong chính phủ Việt Nam và *"mức độ phục vụ cho Moscow"*. Nhưng cuộc gặp không diễn ra. Ngày 7 tháng 5, Stanton thông báo rằng Thạch bất ngờ rời Bangkok. Hai ngày sau, Marshall chỉ thị O'Sullivan bỏ kế hoạch đi Bangkok, nói rằng Thạch đã rời Bangkok và lo ngại Pháp phản ứng về cuộc gặp dự kiến.

Nhưng sự cố này chưa hoàn toàn chấm dứt hy vọng. Ngày 8 tháng 5, Hoàng Minh Giám gửi thông điệp chính thức yêu cầu Mỹ công nhận về mặt ngoại giao chính phủ ông, cho rằng bước đi này *"nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Mỹ và thiết lập hoà bình ở Đông Nam Á"*. Phạm Ngọc Thạch đưa ra thông điệp thứ hai kêu gọi giúp đỡ văn hoá, kinh tế, chính trị và đề nghị Washington làm trung gian hoà giải xung đột Pháp-Việt. Khi những sáng kiến này tới ngoại trưởng Marshall, ông đề nghị các nhà ngoại giao Mỹ ở Paris, Sài Gòn, và Hà Nội đánh giá chính phủ Việt Nam và phạm vi ảnh

hưởng cộng sản trong giới lãnh đạo. Ông muốn biết quan điểm thực của ông Hồ là gì? Vai trò Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt, những nhân vật hiếu chiến, trong chính quyền ra sao? Những phần tử dân tộc chủ nghĩa không cộng sản nghĩ gì về Việt Minh? Họ có biết xu hướng cộng sản của chính phủ không? Có phải họ định làm khuôn mẫu cộng sản ở Việt Nam? Cuối cùng, liệu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thừa nhận "*quyền tự do bày tỏ chính kiến một cách hợp lý*" không?

Trong thư trả lời, O'Sullivan khẳng định rằng mặc dù những người cộng sản có ảnh hưởng đáng kể trong chính phủ, nhưng khó đưa đất nước theo con đường Liên Xô, *"mặc dù có xu thế kéo về hướng này"*. Ông bóng gió nói việc Hồ Chí Minh ngần ngừ không nhận mình thực sự Nguyễn Ái Quốc là dấu hiệu cho thấy Hồ nhận thức được ông cần làm việc với phương Tây. O'Sullivan kết luận rằng Hồ đang cố gắng tiếp nhận viện trợ bất cứ nguồn nào và sẽ lái chính sách của mình tới nơi nào giúp đỡ ông.

Những người khác nhận xét theo cách khác ít lạc quan hơn. Charles Reed miêu tả Hồ là một tay *"cơ hội xảo quyệt"* và "*có thể dẫn đến một quốc gia cộng sản, cho dù phần đông nhân dân không mấy người quan tâm đến cộng sản là gì"*. Đại sứ Mỹ tại Paris Caffery cân nhắc quan điểm của mình cho rằng, tuy nhân dân Việt Nam nói chung không ưa chủ nghĩa cộng sản, vì sự nghiệp của Hồ trong quá khứ *"ít nghi ngờ là Hồ có những quan hệ mật thiết với cộng sản"*.

Việc Việt Minh bác bỏ những điều khoản hoà bình của Pháp làm thất vọng Bollaert, là người có lẽ thật sự mong muốn dàn xếp chính trị cho cuộc xung đột, nhưng điều đó không ngăn cản ông tìm cách khác. Bộ trưởng chiến tranh Pháp Paul Coste-Floret, sau khi hoàn thành chuyến thị sát Đông Dương, nói *"Không có vấn đề quân sự ở Đông Dương, vũ khí của chúng ta đem lại thành công"*. Tin

vào tình hình sáng sủa, Bollaert bây giờ bắt đầu nhìn Việt Minh không phải là đại diện duy nhất cho nhân dân Việt Nam, mà đơn thuần chỉ là một trong những nhóm có thể tiếp xúc để tìm kiếm hoà bình. Chủ trương mới của Bollaert gặp được thuận lợi khi bối cảnh chính trị ở Pháp thay đổi, Đảng cộng sản không có chân trong chính phủ liên hiệp. Thủ tướng Ramadier lúc này cần sự ủng hộ của phái ôn hoà và bảo thủ để trụ lâu trên ghế. Một giải pháp chính trị lúc này chí ít cũng mang tai mang tiếng dù là tạm thời, mọi con mắt bây giờ quay về tướng Valluy ở Đông Dương, người không còn tin Hồ Chí Minh muốn hoà bình và tin rằng chỉ có dùng quân sự mới giải quyết được vấn đề.

Coste-Floret đánh giá tình hình quân sự đang có lợi cho Pháp. Trên thực tế, những cố gắng của Việt Minh nhằm bảo tồn sức mạnh trong giai đoạn đầu cuộc chiến đã bị thất bại, và lực lượng Việt Minh thường xuyên trong tình trạng lộn xộn khi đối mặt với quân Pháp. Đôi khi những đơn vị chủ lực tham chiến quá đông hoặc quá hung hăng dẫn đến thương vong nặng. Mặt khác, các sĩ quan chỉ huy yếu kém chiến thuật chiến tranh du kích, dẫn đến lộn xộn và nạn đào ngũ kan rộng trên chiến trường. Thêm nữa là với thiếu vũ khí. Phần đông, quân đội Việt Nam chỉ có được vũ khí tự sản xuất ở địa phương tịch thu được từ quân Nhật hoặc Pháp. Lãnh đạo Việt Minh cũng đánh giá quá cao sự ủng hộ từ những người giàu có ở nông thôn. Không làm được việc giảm tô, họ mất dịp may huy động sự ủng hộ của nông dân nghèo, những người đang lê chân khi được kêu gọi phụng sự chiến tranh.

Tin vào thắng lợi trên chiến trường, tướng Valluy dự kiến mở cuộc tấn công lên Việt Bắc bắt Hồ Chí Minh và đánh tan lực lượng kháng chiến. Sau đó và chỉ sau đó, theo Valluy, mới thương lượng. Trong khi đó, Pháp cũng tấn công về mặt chính trị nhằm hạ bớt sự ủng hộ của dân chúng cho Việt Minh và đánh tan ý chí nóng bỏng

những người Việt Nam nào muốn đuổi Pháp ra khỏi Đông Dương.

Chủ trương này của Valluy cần tăng quân số Pháp ở Đông Dương lên hơn 100.000 lính. Lúc này, cuộc xung đột ở Đông Dương được coi là chuyện vụn vặt thứ yếu ở một góc xa côi của thế giới. Chính phủ Pháp đang bận tâm bận với cuộc nổi dậy trên Madagascar nên chỉ chấp thuận một phần yêu cầu của Valluy. Vì thế Valluy buộc phải thay đổi kế hoạch sử dụng một lực lượng nhỏ binh lính mà ông cho là cần thiết.

Một trong số điểm quan trọng trong chiến lược Valluy là đánh giá những hoạt động của Việt Minh ở Nam Kỳ. Để đạt được mục tiêu của mình, Valluy tung gần một nẻa Quân đội viễn chinh Pháp vào Nam Kỳ. Đối địch với Valluy là 18.000 quân thường trực Việt Minh dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bình. Khắp Đông Dương, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bấy giờ chỉ có gần sáu mươi ngàn quân, chưa tính đến một lực lượng đông đảo tự vệ và du kích. Tuy thiếu vũ khí nhưng hoạt động hết sức linh động và được nhân dân địa phương ủng hộ đáng kể, các tiểu đoàn Việt Minh bây giờ né tránh những cuộc hành quân càn quét của Pháp và tiến hành tấn công chớp nhoáng kẻ thù tại những đồn bốt nhỏ theo cách họ chọn. Thành công duy nhất của Pháp trong mùa hè năm 1947 là thành công về mặt chính trị, do Nguyễn Bình sử dụng chiến thuật tàn bạo khiến nhiều đồng bào ở Nam Kỳ sợ hãi và đẩy những người cầm đầu hai giáo phái Cao Đài, Hoà Hảo chạy sang phía Pháp.

Trong khi đó, Bollaert muốn đưa ra một chiến dịch hoà bình. Hồ Chí Minh đã gửi một tín hiệu vào tháng 8, loại bỏ hai phần tử hiếu chiến Tôn Đức Thắng và Võ Nguyên Giáp ra khỏi chức bộ trưởng nội vụ và quốc phòng và thay bằng những phần tử ôn hoà. Nhưng Valluy mạnh mẽ phản đối đề xuất Bollaert, và cả hai được triệu về Paris để tư vấn. Kết quả là thoả hiệp. Phát biểu tại Hà Nội vào

tháng 9-1947, Bollaert đề nghị một nước Việt Nam thống nhất nằm trong Liên hiệp Pháp, nhưng ông không nói đến nền độc lập hoàn toàn. Ông không nhắc đến đối phương chính của ông và chỉ nói là "tất cả các nhóm Việt Nam". Theo những quan sát viên Mỹ, nhiều Pháp kiều ở Đông Dương hài lòng với bài phát biểu, nhưng người Việt Nam thì "*sững sờ*". Ngày 15 tháng 9, Hoàng Minh Giám thay mặt chính phủ trả lời: *"Không có tự do mà không có độc lập hoàn toàn"*. Ba ngày sau, Bảo Đại công khai chấp nhận đề xuất của Pháp để thay mặt nhân dân Việt Nam thương lượng. Nhưng ông cũng khăng khăng đòi độc lập và thống nhất quốc gia. Mặt trận quốc gia thống nhất vừa vội vàng thành lập gồm những đại diện của những nhóm dân tộc chủ nghĩa không cộng sản khác nhau họp ở Hong Kong và cũng bác bỏ những điều kiện Bollaert đưa ra. Dân Sài Gòn đồn ầm lên là Hồ đi đêm với Bảo Đại.

Ngày 7 tháng 10 năm 1947, Pháp một cuộc tấn công chờ đợi từ lâu vào Việt Bắc. Vì buộc phải hành quân với số lính ít hơn ông trù tính trước, Valluy thay đổi kế hoạch. Thay vì bao vây toàn bộ khu vực và sau đó tấn công từ mạn bắc cũng như mạn nam, ông chọn một cuộc hành quân nhỏ nhằm chiếm một căn cứ đầu não Việt Minh và sau đó giành quyền kiểm soát toàn bộ thung lũng sông Hồng từ Hà Nội tới biên giới tại Lào Cai. Tướng Raoul Salan, phụ trách hành quân, tiên đoán phải mất ba tuần lễ để đánh bật đầu não Việt Minh.

Chiến dịch Léa, mở màn bằng việc quan Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn, góc phía bắc của căn cứ địa Việt Minh. Khu vực này được phòng thủ mạnh bằng mìn chướng ngại vật, và hầm chông bổ xung bằng địa hình hiểm trở. Valluy hy vọng chiếm sở chỉ huy đầu não Việt Minh ở giai đoạn đầu tiên của chiến dịch, sau đó mở rộng thành vòng cung, sử dụng xe bọc thép càn sang phía tây đến tận Lạng Sơn, trong lúc đó một nhóm khác từ phía bắc tràn xuống. Hai

nhóm sẽ gặp nhau tại Bắc Cạn.

Quân Pháp tiến quân nhanh chóng và chiếm được căn cứ địa Việt Minh, nhưng họ không bắt được Hồ Chí Minh, lúc đó đang chủ trì một cuộc họp tại Sở chỉ huy đúng lúc Pháp tấn công. Họ hiểu ngay rằng lính dù Pháp ở khá gần, nên Hồ và những thành viên Ban chấp hành Trung ương cùng bộ tham mưu lẩn trốn ngay lập tức. Chu Văn Tấn, dân tộc Nùng, dẫn đường, họ hành quân suốt một ngày liền qua những đường mòn trơn dưới trời mưa, mỗi người khoác trên vai một túi vải nhỏ đựng các đồ cần thiết, và ngủ đêm trong rừng. Sáng hôm sau họ xuất phát để tìm trụ sở mới. Theo học giả Bernard Fall, quân Pháp tìm thấy mẩu thuốc lá đang cháy dở và thư từ của Hồ Chí Minh đang đợi ký nằm trên bàn trong một căn lều.

Suốt mấy ngày sau, quân Pháp cố gắng tiêu diệt sự kháng cự khác trong vùng này, nhưng không đạt kết quả vì hiếm khi trực tiếp gặp Việt Minh, họ nhanh chóng biến mất vào rừng và sau đó bắt đầu quấy nhiễu quân Pháp tại những nơi họ muốn. Dù vậy, Salan báo cáo với cấp trên rằng chiến dịch đã thành công, vì con đường chính tới Trung Hoa qua Cao Bằng ở biên giới phía bắc (con đường còn lại cuối cùng để Việt Minh liên lạc với thế giới bên ngoài) đã bị cắt đứt. Hồ Chí Minh bây giờ hoàn toàn bị cô lập. Tất cả những gì còn lại chỉ là *“những nhóm cô lập tan tác, và chỉ cần cảnh sát cũng đánh đuổi được”*. Salan tuyên bố những vị trí cố thủ Việt Minh thực tế không còn tồn tại.

Đó là tiên đoán sai lầm của Salan, vì thực tế cuộc chiến vừa mới bắt đầu. Tuy vậy, rõ ràng là Chiến dịch Léa có được một thành công ít nhất là đẩy lùi tạm thời Việt Minh, buộc họ phải phân tán những đơn vị chủ lực và xé lẻ thành những đơn vị tuyên truyền vũ trang similar như nó được hình thành trước Cách mạng tháng Tám.

Vài tháng sau, lãnh đạo Việt Nam cố gắng chuẩn bị con đường dài phía trước. Các chỉ huy Việt Minh bỏ lối giao chiến thông thường không thành công và theo chiến thuật chiến tranh du kích. Để tập trung sự lãnh đạo tại địa phương, Uỷ ban hành chính kháng chiến được thành lập ở mọi làng do lực lượng kháng chiến kiểm soát. Mỗi một làng không những phải đảm trách phòng thủ, mà còn phải cung cấp những thanh niên mới cho lực lượng du kích.

Trở lại Việt Bắc cuối tháng 12-1946, Hồ Chí Minh trở lại với nếp sống cũ tưởng đã kết thúc khi lên làm chủ tịch trong Cách mạng tháng Tám. Ông tới căn cứ địa cũ với một toán tám người, bao gồm cả vệ sĩ, giao liên và cấp dưỡng. Nhóm của ông dựng lều bằng tre nứa gồm hai buồng. Một buồng cho Hồ, buồng kia dùng làm chỗ ăn, họp và chỗ tạm nghỉ cho những đồng chí của ông. Để chống thú hoang, họ nuôi một con chó săn, nhưng chẳng bao lâu bị hổ ăn thịt.

Hồ và nhóm tuỳ tùng sống đơn giản. Thức ăn chỉ có chút cơm ăn với rau rừng. Thỉnh thoảng, thêm vào bữa ăn đạm bạc của họ là thịt băm cả xương hoặc thái mỏng trộn với ớt, muối, sả, Hồ gọi đùa là *"thịt Việt Minh"*. Đôi khi thiếu lương thực và tất cả phải nhịn đói. Cuối cùng cả nhóm bắt đầu trồng cây lương thực, trồng rau và sắn dọc sườn đồi. Lúc này, Hồ sống trong căn nhà sàn, ban ngày ông làm việc ở dưới gầm sàn, ban đêm ông ngủ ở tầng trên tránh muỗi và thú dữ và ẩm thấp. Giường ngủ của Hồ chỉ là cái màn và mấy bộ quần áo để sẵn. Khi có lệnh phải di chuyển, chỉ trong mấy phút là tất cả đã sẵn sàng. Đến cuối thập kỷ, Hồ sống ít nhất 12 chỗ khác nhau để tránh mật thám Pháp. Hồ mang mấy quyển sách và tài liệu trong một cái túi vải, một cần vụ được phân công chuyên trách mang chiếc máy chữ.

Hồ luôn dành thời gian để tập thể dục cả sáng lẫn chiều. Ông

thích chơi bóng chuyền. Khi đội bạn lợi dụng cứ nhằm chỗ Hồ mà bỏ nhỏ thì ông thường rất khoái trá: *“Các chú đánh được Bác rồi”*. Khi vượt suối, luôn có người bên cạnh Hồ; tuy nhiên, theo một kẻ đào ngũ kể lại thì sức chịu đựng và sự dẻo dai của Hồ hơn đa số các đồng đội trẻ của ông. Hồ thường đùa: *“Bác là máy bay bà già cổ lỗ, còn các chú là phản lực”.*

Cuộc sống dần dần được cải thiện, quanh nhà có vườn hoa, vườn rau, sân bóng chuyền, xà kép, xà đơn. Hồ còn mua các dụng cụ âm nhạc của đồng bào địa phương, thỉnh thoảng tổ chức những đêm liên hoan văn nghệ cho dân địa phương. Hồ giảng giải cho họ về cuộc sống dưới xuôi, phát thuốc chữa bệnh. Nhưng mùa thu 1947, Chiến dịch Léa buộc Hồ và cả toán cần vụ phải sơ tán.

Sau Chiến dịch Léa, cuộc xung đột rơi vào giai đoạn mà một nhà bình luận quân sự Pháp miêu tả là “sa lầy”. Do ít quân, Valluy đành tập trung ở khu vực châu thổ để Việt Minh có cơ hội lập khu giải phóng ở Trung Bộ kéo dài 200 dặm từ Hội An tới mũi Kê Gà (Phan Thiết), do vậy gần như chia đôi đất nước. Ở Nam Bộ, Pháp tập trung tốt hơn, trong khi những đơn vị Việt Minh cách xa trụ sở và hâud như mất liên lạc với nhau. Quân của Nguyễn Bình bị đẩy tít vào sâu đầm lầy và vùng núi, Quân Pháp tiếp tục hành quân bình định những khu vực mới chiếm đóng để cô lập đối phương.

Việt Minh còn phải đương đầu với những chống đối mạnh mẽ ở phía Nam, khi một số nhóm dân tộc chủ nghĩa muốn trở thành “lực lượng thứ ba” như là một sự lựa chọn giữa Việt Minh và Pháp.

Trong bối cảnh, chiến dịch Léa không “*đánh giập đầu*” được Việt Minh, các phần tử dân tộc chủ nghĩa quan tâm đến mặt trận chính trị và vai trò của Bảo Đại. Tháng 12-1947, cựu hoàng Bảo Đại gặp Emile Bollaert trên tuần dương hạm Pháp ở Vịnh Hạ Long, nơi Hồ Chí Minh và Thierry d'Argenlieu gặp nhau lần đầu. Nhưng cuộc hội

đàm không có kết quả, vì Bollaert từ chối làm rõ những quyền gì sẽ được chuyển giao cho quốc gia Việt Nam tương lai. Cuối cuộc hội đàm, Bảo Đại miễn cưỡng ký thông cáo chung, nhưng rồi nhưng lại thôi vì thấy những phần tử cực đoan trong Mặt trận dân tộc thống nhất phản đối mạnh quá. Tháng 3-1948, Bảo Đại gặp đại diện của Mặt trận này ở Hong Kong, chủ ý thành lập chính phủ lâm thời do tướng Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng. Nguyễn Văn Xuân sinh ở Nam Bộ nhưng mang quốc tịch Pháp. Đó là mánh khoé của Bảo Đại để tăng vị thế mặc cả với Pháp trong tương lai. Sau đôi chút ngần ngừ, Bollaert đồng ý công nhận chính phủ lâm thời Bảo Đại là đối tác thương lượng.

Tháng 6, cuộc hội đàm nối lại tại Vịnh Hạ Long và cuối cùng cả hai bên cũng đạt được một thoả thuận thành lập Quốc gia Liên hiệp Việt Nam mới dựa trên nguyên tắc độc lập của Việt Nam và thống nhất nằm trong Liên hiệp Pháp. Tuy nhiên, ý nghĩa chính xác của từ *"độc lập"* và quyền hạn của quốc gia này cũng không được xác định. Thêm nữa, không rõ việc thành lập chính phủ không cộng sản có thể dẫn đến chấm dứt xung đột với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hay không. Giải pháp Đông Dương hình như vẫn còn mờ mịt và xa vời.

Đối với Pháp, động cơ chủ yếu tiến hành thương lượng với Bảo Đại là nhử Mỹ cung cấp viện trợ quân sự và kinh tế Mỹ cho cuộc chiến chống Việt Minh. Mặc dù không hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn của Pháp, Mỹ cũng không có nhiều lựa chọn trước sự đe doạ bành trướng của cộng sản Trung Quốc và quan hệ càng ngày càng xấu đi với Moscow.

Theo Pháp, thái độ Washington theo chiều hướng thuận lợi cho Pháp. Dù chính quyền Truman không hài lòng Pháp thất bại giải quyết vấn đề Đông Dương, nhưng Mỹ ngày càng lo lắng đe doạ

của cộng sản châu Á, mối lo lắng này do không những chiến thắng của cộng sản ở bắc Trung Hoa mà còn do mối quan hệ với Moscow xấu đi. Mùa hè năm 1948, Ngoại trưởng George Marshall chỉ thị quan chức ngoại giao Mỹ ở châu Á làm tất cả những gì có thể để vực *"những nhóm dân tộc chủ nghĩa chân thực"* ở Đông Dương để làm suy yếu lực lượng cộng sản.

Những quan chức Mỹ không ưa Bảo Đại (phần đông nhìn Bảo Đại như một tay ăn chơi đàng điếm, không có tinh thần đối đầu chính trị), nhưng họ cũng chúc mừng Hiệp định Vịnh Hạ Long coi là *"một bước tiến"*. Khi thương lượng tiến triển chậm, Mỹ cảnh báo Paris họ sẽ phải lựa chọn giữa việc chấp nhận thống nhất và độc lập thật sự cho nhân dân Việt Nam nằm trong Liên hiệp Pháp hoặc mất hết Đông Dương. Nếu Pháp không cam kết dứt khoát, Washington có thể sẽ xét lại chính sách viện trợ kinh tế hiện thời trực tiếp cho Pháp ở Đông Dương.

Trong bối cảnh ảm đạm, tháng 1-1949 cuối cùng Pháp đành phải chấp nhận đòi hỏi của Bảo Đại là thuộc địa Nam Kỳ phải nằm trong Quốc gia Liên hiệp Việt Nam. Sự nhượng bộ đó phá vỡ bế tắc, và ngày 9 tháng 3 năm 1949, lễ ký tổ chức tại điện Elysée ở Paris, đại diện hai bên ký một hiệp định theo đó Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam và thống nhất lãnh thổ nằm trong Liên hiệp Pháp, và trình Quốc hội Pháp thông qua chính thức. Quốc gia mới sẽ có ngoại giao, tài chính và quân đội riêng. Chỉ còn những trở ngại cho nền độc lập là những hạn chế do những thành viên trong Liên hiệp Pháp áp đặt và cuộc chiến hiện tại ở Đông Dương. Những hạn chế này thực ra là quá lớn.

Tháng 1-1948, Ban thường vụ Đảng cộng sản Đông Dương, tin tưởng rằng tình thế đã thay đổi có lợi cho cách mạng, chính thức ra lệnh kết thúc giai đoạn đầu tiên là phòng ngự chuyển sang giai

đoạn thứ hai là cầm cự. Lực lượng Việt Minh bây giờ bắt đầu khởi xướng chiến đấu với kẻ thù. Lãnh đạo Đảng cho rằng cần phải huy động nhân dân Lào, Cambodia vào cuộc chiến để tích cực đóng góp cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Bằng cách mở rộng chiến trường Đông Dương, những nhà chiến lược Việt Minh hy vọng sẽ phân tán quân Pháp và khiến chúng yếu đi khi bị tấn công. Theo một tài liệu của Đảng tháng 8-1948, nếu sông Rhine được voi là tuyến đầu phòng thủ nước Anh trong Thế chiên II, thì sông Mekong cũng tương tự đối với Việt Nam. Như Trường Chinh viết trong một bài báo năm 1947: *"Nếu địch đánh phía trên, ta sẽ đánh chúng từ phía dưới. Nếu chúng đánh ở miền Bắc, ta sẽ trả lời ở Trung Kỳ hoặc Nam Kỳ, hoặc Lào, Cambodia. Nếu địch thò chân vào căn cứ, ta sẽ đánh vào thắt lưng và hậu phương chúng cắt chân chúng và phá huỷ đường xá".*

Đảng đã hoạt động tích cực ở hai nước láng giềng Lào và Campuchia từ 1935, khi Đảng cộng sản Đông Dương họp Đại hội đảng toàn quốc lần thứ nhất ở Macao - đáp ứng yêu cầu Moscow rằng cách mạng ở ba nước Đông Dương phải liên kết chặt chẽ với nhau - và kêu gọi thành lập Liên bang Đông Dương tương lai dưới sự dẫn dắt của Việt Nam tương tự như Liên bang Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô viết. Nhưng nỗ lực xây dựng những chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương ở công nhân thành thị (nhiều người trong số này gốc Việt Nam hoặc Trung Hoa) ở hai nước này chỉ thu được kết quả nhỏ nhoi tính đến trước Thế chiên II, khi lực lượng dân tộc chủ nghĩa địa phương thành lập những tổ chức mới Lao Issara và Khmer Issarak - thì mới thúc đẩy cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Khi xung đột Pháp-Việt xảy ra đầu năm 1947, những cán bộ đảng ở Lào và Campuchia được lệnh liên lạc với những tổ chức này và đặt họ dưới sự chỉ đạo của Việt Nam. Các cán bộ được hướng dẫn cẩn thận để tránh hạ thấp trong quan hệ với dân tộc

Lào và Khmer và tránh để họ mhận thấy dấu hiệu sự thống trị Việt Nam.

Chỉ có đám mây đen che phủ bầu trời là nguy cơ Mỹ can thiệp vào cuộc xung đột Đông Dương. Dù Mỹ từ chối xem xét đề nghị viện trợ trực tiếp cho tới khi nào Paris chính thức phê chuẩn Hiệp định Elysée, nhưng áp lực của Mỹ đối với cuộc chiến ngày một tắng. Nếu điều này xảy ra, Việt Minh cần người đỡ đầu hùng mạnh. Moscow hình như bàng quan với Việt Minh, Hồ và những đồng chí của ông chỉ còn một lựa chọn là quay sang Trung Quốc.

Từ khi kết thúc Thế chiến II, lãnh đạo Đảng cộng sản Đông Dương ít có liên lạc với Đảng cộng sản Trung Quốc. Mùa xuân năm 1947, một đường liên lạc vô tuyến được thành lập nối với trụ sở Đảng cộng sản Trung Quốc ở Diên An, và Chu Ân Lai và Hồ Chí Minh trao đổi tin tức giữa hai đảng và tìm cách giúp đỡ lẫn nhau. Mối liên lạc cũng diễn ra giữa những đơn vị Việt Minh và những phần tử Đảng cộng sản Trung Quốc rải rác hoạt động ở các tỉnh sát biên giới, và đôi khi cả hai bên phối hợp chung chống lại Pháp. Theo nguồn tin từ phía Pháp, và một lúc nào đó năm 1946 những người cộng sản dọc biên giới đã thành lập những đơn vị hỗn hợp Trung-Việt gọi là Trung đoàn Độc Lập để tiến hành chiến tranh du kích chống Pháp tại vùng này. Nhóm này hoạt động chủ yếu ở vùng dân tộc thiểu số Nùng và Thổ ở cả hai bên biên giới. Tuy nhiên, lúc đầu, lãnh đạo Việt Minh chủ trương giữ mối quan hệhạn chế để tránh gây phức tạp trong mối quan hệ của họ với những phần tử dân tộc chủ nghĩa địa phương.

Khi nội chiến Trung Hoa bắt đầu 1948, Quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc hoạt động mạnh hơn dọc biên giới và tăng cường hợp tác với những đơn vị Việt Minh. Việc cộng sản Trung Quốc tràn xuống nam Trung Hoa khiến Pháp bối rối, và tháng 3,

tướng Salan, thay thế tướng Valluy làm tư lệnh Quân đội viễn chinh Pháp, đề nghị hành động mạnh mẽ khôi phục kiểm soát của Pháp ở vùng biên giới trước thắng lợi của lực lượng Cộng sản Trung Hoa.

Để thực hiện những chiến dịch mới đánh vào Việt Bắc, Salan đòi tăng quân. Salan đã không tiếc lời chỉ trích chính phủ thờ ơ. Ngay lập tức tháng 4-1948, lấy cớ Salan còn trẻ và thiếu kinh nghiệm quân sự, Paris đã cử tướng Blaizot sang thay. Khi tới Đông Dương, Blaizot đề xuất rút lui chiến thuật khỏi biên giới để củng cố quân Pháp ở châu thổ sông Hồng nhằm chuẩn bị cho một tấn công lớn vào Việt Bắc. Cao uỷ Léon Pignon (Bollaert cũng bị thay) đồng ý, nhưng không mấy tin vào kế hoạch tấn công quân sự của Blaizot.

Để hoà giải mâu thuẫn, Paris cử tướng Revers đi thị sát vào tháng 5-1949. Revers đả kích chiến lược hiện thời cả về mặt chính trị lẫn quân sự, không tin tưởng gì chính phủ tham nhũng của Bảo Đại và đề nghị đặt chức Cao uỷ nắm cả quân sự lẫn chính trị. Nhưng ông cũng khá bi quan về giải pháp quân sự, cho rằng cách tốt nhất để cải thiện tình hình là thương lượng. Revers gợi ý quân Pháp củng cố vùng Bắc Bộ cho đến khi thuyết phục được Mỹ đưa quân tham chiến trực tiếp. Về chính sách thì biên giới cần phải được giữ, nhưng quân Pháp không đủ sức giữ nổi toàn bộ. Tạm thời, Revers khuyên nên phòng thủ biên giới đoạn từ Móng Cái đến Thất Khê. Các chỗ biên giới còn lại thì rút hết.

Do quân Pháp suy yếu và những đơn vị Giải phóng quân Trung Quốc đầu tiên tiến sát biên giới, viễn cảnh Việt Nam bắt đầu cải thiện. Đầu năm 1949, du kích Việt Minh tấn công dọc vùng biên giới. Tình báo Pháp báo cáo những cuộc hành quân này đều có sự phối hợp với quân đội Trung Quốc phía bắc biên giới. Bản báo cáo

khẳng định, cuối tháng 3, những đơn vị Giải phóng quân Trung Quốc chiếm thị trấn Móng Cái và sau đó rút lui về bên kia biên giới. Có tin rằng vào tháng 4, Võ Nguyên Giáp đã ký một thoả thuận tạm thời với đại diện cộng sản Trung Quốc tại Tĩnh Tây kêu gọi cộng tác và liên kết quân đội hai nước ở vùng biên giới. Theo nguồn tin ngoại giao Mỹ, cũng tháng đó đài phát thanh Việt Minh tuyên bố rằng những đơn vị Giải phóng quân Trung Quốc đã tới vùng biên giới và đang có sự "giúp đỡ quan trọng" cho Việt Minh.

Mùa xuân năm 1949, quân đội Cộng sản Trung Quốc đã vượt sông Dương Tử tiếm vào nam Trung Hoa và chuẩn bị thành lập một chính quyền mới ở Bắc Kinh. Tưởng Giới Thạch đang chuẩn bị sơ tán chính phủ ông sang đảo Đài Loan. Lãnh đạo Việt Minh hy vọng một nước Trung Quốc anh em ở biên giới bắc Đông Dương sẽ tạo ra sự lạc quan về một cuộc tấn công chờ từ lâu nằm trong tầm tay. Tình báo Pháp báo cáo rằng có một cuộc họp lớn lãnh đạo Việt Minh, có Hồ Chí Minh tham dự, tổ chức vào tháng 4 gần Vinh để đánh giá tình hình; Hồ tuyên bố rằng mặc dù Pháp tăng quân có tạo ra vấn đề, nhưng có thể tổng tấn công với sự giúp đỡ của Trung Quốc. Để chuẩn bị cho tình huống này, cuộc họp đã quyết định chuẩn bị mở một chiến tuyến dọc biên giới để tạo thuận lợi tiếp xúc với Giải phóng quân Trung Quốc.

Tất cả điều này, tất nhiên, là tin tức tốt cho Việt Minh. Nhưng Hồ Chí Minh rõ ràng ý thức được bất kỳ một dự dính líu của Việt Minh với cộng sản Trung Hoa có thể đầu độc mối quan hệ những người Việt Nam ôn hoà và tạo cớ để Mỹ nhúng tay vào cuộc chiến với Pháp. Tránh bị ngờ vực đó, ông thường xuyên phủ nhận chính phủ ông có liên hệ với chính quyền mới ở Trung Hoa. Tháng 3-1949, ông phủ nhận đã có một thoả thuận với Trung Quốc là "tin đồn của bọn thực dân". Tháng sau, ông nói với một nhà báo Mỹ trong một cuộc phỏng vấn ở Việt Bắc rằng độc lập sẽ đến qua

những nỗ lực của bản thân Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và gạ bỏ lời cáo buộc "cộng sản thống trị Việt Minh" coi đó là "trò tuyên truyền của Pháp". Tháng 8-1949, ông thú nhận có một số tương đồng giữa "nền dân chủ mới" của Mao Trạch Đông và những chính sách của chính phủ ông, nhưng "Nền dân chủ mới Trung Quốc là của Trung Quốc, của chúng tôi là Việt Nam".

Việc Pháp công nhận Quốc gia Liên hiệp của Bảo Đại là chính phủ hợp pháp duy nhất ở Việt Nam cũng gây thêm thách thức mới bởi vì việc này có thể làm Mỹ hết nghi ngờ những ý định của Pháp và đẩy Mỹ trực tiếp nhảy vào cuộc chiếm Pháp-Việt. Tháng 6-1949, trong một nỗ lực gây ảnh hưởng đến những sự kiện ở Paris, trả lời phỏng vấn của một nhà báo Indonesia, Hồ nói, Việt Minh muốn thương lượng với Pháp về điều kiện độc lập dân tộc và thống nhất. Nhưng thắng lợi cuối cùng của cộng sản Trung Hoa mùa hè năm đó chắc chắn thuyết phục nhiều người trong giới lãnh đạo đảng thắng lợi hoàn toàn chỉ đạt được bằng quân sự, do vậy cũng chẳng cần tìm cách thương lượng. Ngày 9 tháng 7, Phạm Ngọc Thạch, bấy giờ là đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Nam Bộ, vạch mặt Bảo Đại là *"bù nhìn trong tay bọn can thiệp nước ngoài"* với nhà báo Pháp, những thắng lợi mới đây của quân đội Trung Quốc báo trước kết thúc thời gian khó khăn của Việt Minh. Cuối tháng đó, tình báo Pháp báo cáo, Võ Nguyên Giáp ra lệnh chuẩn bị chuyển sang giai đoạn cuối cùng của tổng tấn công.

Giữa tháng 8, chính phủ họp bí mật quyết định chính thức yêu cầu chính phủ mới của Trung Quốc viện trợ để chống Pháp. Hồ Chí Minh cử hai đại diện đến Bắc Kinh chúc mừng Mao Trạch Đông chiến thắng Tưởng Giới Thạch. Hồ tuyên bố, thắng lợi đó khuyến khích những dân tộc châu Á khác và đặc biệt nhân dân Việt Nam cố gắng tự giải phóng bản thân khỏi sự áp bức của chế độ thuộc địa. Ngay sau đó, Hồ quyết định đi thăm Trung Hoa thắt

chặt mối quan hệ của ông với những nhà lãnh đạo mới ở Bắc Kinh.

Hai đại biểu Việt Nam đến Bắc Kinh giữa tháng 10 và hội ý với những quan chức Trung Quốc. Họ tới đúng thời điểm tế nhị. Chính phủ mới vừa được thành lập tại cuộc mít tinh quần chúng Quảng trường Thiên An Môn ngày 1 tháng 10 và sẽ có vai trò trên trường thế giới. Dù Mao Trạch Đông tuyên bố rằng nước Trung Hoa mới "sẽ nghiêng về một phía" trong quan hệ với Liên Xô, nhưng độ nghiêng về Moscow vẫn chưa được xác định, khi cuộc gặp trực tiếp giữa Stalin và Mao vẫn chưa diễn ra. Trong khi quan hệ với Mỹ căng thẳng trong những tháng gần đây, những đại diện ngoại giao Mỹ còn lại ở Trung Hoa, và một số quan chức ở Washington vẫn còn hy vọng - nếu không phải là ở Bắc Kinh - rằng sự rạn vỡ ngoại giao có thể không xảy ra.

Chính phủ Trung Hoa mới lần đầu tiên công khai thái độ đối với cuộc chiến ở Đông Dương vào tháng 11-1949, khi Lưu Thiếu Kỳ - một người quen của Hồ từ những ngày ở Quảng Đông bây giờ đứng thứ hai sau Mao Trạch Đông trong hàng ngũ Đảng - có bài phát biểu quan trọng tại Hội nghị Liên hiệp Công đoàn thế giới ở Bắc Kinh. Trong bài phát biểu dài, Lưu Thiếu Kỳ tuyên bố chính phủ Trung Hoa sẽ tích cực giúp đỡ những phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á. Ông đặc biệt kể đến cuộc đấu tranh ở Đông Dương và ở Malaysia, nơi những du kích cộng sản kháng chiến chống lại chính quyền thuộc địa Anh. Lần phát biểu thứ hai cuối tháng đó, Lưu Thiếu Kỳ kêu gọi nhân dân Trung Hoa tích cực ủng hộ các dân tộc bị áp bức tại các nước thuộc địa châu Á và Úc. Lúc đó, tất cả những chính phủ cộng sản khác trên thế giới công nhận về mặt ngoại giao chính phủ mới ở Bắc Kinh. Tháng 10, một bài báo của Trường Chinh đăng trên báo Sự thật (của Đảng cộng sản Đông Dương) chúc mừng chính phủ mới của Mao Trạch Đông. Trường Chinh tuyên bố thắng lợi của cộng sản Trung Hoa là thắng

lợi của tất cả các dân tộc dân chủ và yêu chuộng hoà bình trên thế giới, đặc biệt của những dân tộc thuộc địa đang chiến đấu chống lại những thế lực chủ nghĩa đế quốc toàn cầu. Ngày 25-11-1950, Bắc Kinh đáp lại bằng một bài ngắn tuyên bố xúc tích rằng Trung Quốc và Việt Nam *"cùng chung một chiến hào trong đội tiên phong đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc"*.

Tháng 12-1949, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp hội nghị công đoàn toàn quốc lần đầu tiên ở Việt Bắc. Tại gian hội nghị, treo chân dung cỡ lớn Stalin, Mao, và Hồ Chí Minh, hai trăm đại biểu lắng nghe Trường Chinh công bố sự liên kết tư tưởng và chính trị của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với chính quyền mới ở Trung Hoa. Trong một bức thư đọc to tại hội nghị, Hồ Chí Minh chỉ rõ giai cấp công nhân phải là lực lượng lãnh đạo dân tộc. Nghị quyết Hội nghị chúc mừng nhân dân Trung Hoa, thắng lợi của nó "*làm thay đổi cán cân lực lượng dân chủ*".

Giữa tháng 12, Mao Trạch Đông đi Moscow để đặt mối quan hệ với Liên Xô. Có lẽ không đủ thời gian để giới lãnh đạo Trung Quốc đáp lại đề nghị của Việt Minh trước khi Mao lên đường tới Liên Xô, nhưng vào giữa tháng 12, Lưu Thiếu Kỳ nói với La Quý Ba, một sĩ quan trong Bộ Tổng tham mưu Giải phóng quân Trung Quốc, rằng ông ta sẽ được cử tới Đông Dương gặp Hồ Chí Minh và những quan chức Việt Nam khác. Lưu Thiếu Kỳ giải thích: La Quý Ba có ba việc: cám ơn Việt Nam đã giúp đỡ trong thời gian nội chiến Trung Hoa ; khôi phục liên lạc bình thường giữa hai đảng; và thu nhận tin tức tình hình Đông Dương. Sau ba tháng ở Việt Nam, La Quý Ba được lệnh trở về Trung Quốc để báo cáo những phát hiện của mình.

Ngày 24 tháng 12, một tuần sau khi Mao đi Liên Xô, Lưu Thiếu Kỳ họp Bộ Chính trị để phân tích tình hình Đông Dương và hoạch

định chính sách. Bất kỳ sự giúp đỡ nào cho Việt Minh sẽ không phải là không trả giá, vì chính phủ Pháp vẫn chưa quyết định có công nhận về mặt ngoại giao nước Trung Hoa mới và sẽ bị xúc phạm nếu Bắc Kinh công nhận Việt Minh. Ngày hôm sau, thay mặt Mao, Lưu Thiếu Kỳ thông báo cho ban lãnh đạo Việt Nam bằng điện tín rằng chính phủ Trung Hoa chuẩn bị gửi một toán giúp đỡ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ông cũng mời Việt Nam cử đoàn đại biểu chính thức đến Bắc Kinh thảo luận vấn đề này.

Vài ngày sau, Lưu Thiếu Kỳ nhận được hồi âm từ Đông Dương nhận lời mời. Hồ Chí Minh bàn bạc tình hình với nội các giữa tháng 12 và kết luận rằng thắng lợi của Mao mở ra triển vọng sáng sủa cho cách mạng Việt Nam. So sánh thắng lợi của cộng sản trên đại lục Trung Hoa đối với bàn cờ trong đó "quân đỏ" đã chiến thắng thuyết phục, Hồ tiên đoán nước Trung Hoa mới sẽ có giúp đỡ đáng kể cho Việt Minh và kêu gọi tăng cường chuẩn bị cuộc tổng tấn công sắp tới.

Lúc này, những quan chức Bắc Kinh nhận được bức thư của Việt Nam, cho biết một đoàn đại biểu những quan chức Việt Nam đã rời Việt Nam đi bộ tới Trung Quốc. Mặc dù Bắc Kinh được thông báo trưởng đoàn là Cục trưởng hậu cần thuộc Bộ tham mưu Trần Đăng Ninh, thực chất Hồ chính là người dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Để tránh thu hút chú ý của lực lượng an ninh Pháp, mọi người trong đoàn Hồ phải giữ bí mật; trên thực tế, chỉ hai thành viên trong toán biết được sự có mặt của ông. Sau khi rời căn cứ Việt Minh ở tỉnh Tuyên Quang ngày 20 tháng 12, toán đi bộ vượt biên giới. Hồ mặc bộ quần áo kiểu Tôn Dật Tiên bằng ka-ki quen thuộc, và mang bí danh Ding. Ngày 16 tháng 1 năm 1950, đoàn đến Tĩnh Tây. Được một Giải phóng quân Trung Quốc hộ tống, họ tiếp tục tới Nam Ninh, tại đây đoàn gặp quan chức Trung Quốc và được thông báo rằng Cộng hoà nhân dân

Trung Hoa vừa quyết định công nhận về mặt ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tuyên bố này của Trung Quốc vào ngày 18 tháng 1, bốn ngày sau khi nguồn Việt Minh ở Bangkok tuyên bố Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là chính phủ hợp pháp duy nhất ở Việt Nam. Sau khi nghỉ ngơi, Hồ và các đồng chí của ông lên tầu hoả đi đến thành phố cảng Vũ Hán trên sông Dương Tử.

Vài ngày sau, đoàn đại biểu tới Bắc Kinh, tại đây Hồ gặp đồng chí cũ Hoàng Văn Hoan, người từ châu Âu tới quá muộn nên không dự Hội nghị Công đoàn thế giới tháng 11. Trung Quốc cô gắng giữ kín chuyến đi của phái đoàn Việt Nam, nhưng tình báo phương Tây vẫn biết. Tin này nhanh chóng xuất hiện trên trong giới thạo tin phương Tây. Lưu Thiếu Kỳ cử tướng Chu Đức đứng đầu phái đoàn hội đàm với Hồ Chí Minh, trong đó vấn đề quân sự chắc chắn sẽ đem ra bàn. Chu Đức là cánh tay phải của Mao và bây giờ phó chủ tịch nước và Tư lệnh Giải phóng quân Trung Quốc. đồng thời Lưu Thiếu Kỳ thông báo cho Mao Trạch Đông ở Moscow về chuyến đi của Hồ. Mao điện trả lời và đề nghị Lưu Thiếu Kỳ chuyển lời chào nồng nhiệt của ông tới Hồ Chí Minh và chúc mừng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào phe xã hội chủ nghĩa.

Tại Bắc Kinh, Hồ sống ở Trung Nam Hải, trong khu biệt thự xa hoa trong phía Tây của Hoàng cung nơi Mao Trạch Đông sống. Một số nhân vật Bộ Chính trị Đảng cộng sản Trung Quốc cũng sống ở Trung Nam Hải. Lưu Thiếu Kỳ chính thức thông báo cho Hồ Chí Minh biết Trung Quốc quyết định công nhận về mặt ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhấn mạnh rằng giới lãnh đạo Trung Quốc cũng biết sẽ phải trả giá việc này trong quan hệ với Pháp. Tại bữa tiệc chiêu đãi đoàn, Lưu Thiếu Kỳ đề nghị đại sứ Liên Xô Roshin, Hồ Chí Minh muốn tới Moscow với tư cách cá nhân để hội đàm với Stalin và trình bày với Stalin tình hình hiện tại ở Đông Dương. Stalin chấp thuận bằng điện báo, Hồ và Trần

Đăng Ninh cùng Chu Ân Lai rời Bắc Kinh lên đường tới Moscow ngày 3 tháng 2. Hoàng Văn Hoan ở lại Bắc Kinh lo chuẩn bị mở Đại sứ quán Việt Nam.

Sau khi Thế chiên II kết thúc, sự quan tâm của Liên Xô đến vận mệnh cách mạng Việt Nam xuống tới mức thấp nhất. Trong một bài phát biểu nổi tiếng tháng 9-1947, Andrey Zhdanov - nhân vật đứng sau Stalin - tuyên bố Liên Xô ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa bị áp bức chống lại bọn thực dân đế quốc, ngụ ý Liên Xô ủng hộ những lực lượng dân tộc chủ nghĩa tư sản chiến đấu giành độc lập ở những nước thuộc địa. Nhưng đầu năm 1948, chính sách Liên Xô thay đổi hẳn tỏ ra cực đoan hơn, khi những Đảng cộng sản ở châu Á được chỉ thị phải huỷ bỏ liên minh tạm thời với những tổ chức dân tộc chủ nghĩa và tự giành chính quyền. Chính sách đó, có lẽ được truyền đạt tại hội nghị thanh niên thế giới họp ở Calcutta, thật là một thảm hoạ, tại Đông Ấn Độ (thuộc Hà Lan) cuộc nổi dậy của những người cộng sản bị đàn áp, và các Đảng cộng sản bị gạt ra khỏi mặt trận thống nhất bởi những kẻ thù dân tộc chủ nghĩa trên toàn Đông Nam Á.

Việc Moscow chống đối không khoan nhượng với những đảng tư sản dân tộc chủ nghĩa - quan điểm này khiến người ta nhớ lại chính sách đầu thập niên 1930 - đã phản ánh quan điểm của Stalin trước việc Quốc-Cộng mặt trận thống nhất trong thập niên 1920. Theo những người thân cận, Stalin từ lâu đã nghi ngờ quan điểm tư tưởng không chính thống của Hồ Chí Minh và càng nghi ngờ hơn khi Hồ tìm kiếm mối quan hệ với Mỹ ngay sau chiến tranh Thái Bình Dương. Stalin không hài lòng khi Đảng cộng sản Đông Dương chính thức tự giải tán tháng 11-1945. Hai năm sau, khi Moscow công nhận về mặt ngoại giao nước Cộng hoà Indonesia của Sukarno, mà không công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, có lẽ nghi ngờ Việt Minh sẽ chiến thắng trong cuộc chiến chống Pháp.

Trong những năm đầu xung đột Pháp-Việt, Việt Nam có lẽ không có liên lạc trực tiếp với Liên Xô, mặc dù đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp tới Đông Dương năm 1949 có thể nhận lệnh Moscow đánh giá tình hình. Dù thế nào đi nữa, cuối tháng 8-1949 Hồ cũng gửi thư cho Stalin, cám ơn Liên Xô ủng hộ Đảng cộng sản Trung Quốc trong nội chiến và giúp đỡ Liên hiệp Công đoàn thế giới.

Stalin nghi Hồ và viễn cảnh Việt Minh thể hiện rõ ràng khi Hồ tới thăm Moscow. Theo Nikita Khrushchev, Stalin đối xử với Hồ với thái độ khinh miệt công khai trong chuyến thăm. Hai hoặc ba ngày sau khi Hồ tới, phía lãnh đạo Liên Xô họp với Stalin, theo lời Khrushchev, Stalin tỏ thái độ với Hồ một cách *"khiêu khích và xúc phạm"*. Khi Stalin và Mao Trạch Đông ký Hiệp ước Liên minh ngày 14-2-1950, Hồ Chí Minh tham dự lễ ký và đề nghị Stalin ký một Hiệp ước tương tự với Việt Nam. Stalin chối phắt, vì Hồ Moscow đi thăm bí mật. Khi Hồ đề nghị đưa ông lên trực thăng bay vòng Moscow và sau đó hạ cánh tại sân bay với nghi lễ thích hợp, Stalin đáp: "Ông đúng là người phương Đông! Người phương Đông các ông thật giàu trí tưởng tượng!". Hồ Chí Minh dùng mọi mưu mẹo quen thuộc của mình để tranh thủ sự ủng hộ của vị chủ nhà thô lỗ. Cuối cuộc gặp, ông đề nghị Stalin ký vào tạp chí "Liên Xô kiến thiết". Theo Khrushchev, Stalin phản ứng theo lối đa nghi vốn có, ký vào tạp chí, sau đó nói vệ sĩ riêng ông lỡ ký và nói họ lấy về. Sau khi vệ sĩ đem lại, Stalin nói đùa với những người bạn: *"Ông ta chắc vẫn đang đi tìm cuốn tạp chí, nhưng ông ta làm sao tìm được!"*.

Dù vậy, Stalin cuối cùng cũng phải chấp nhận một số đòi hỏi của Hồ Chí Minh. Ngày 30-1-1950, Moscow chính thức tuyên bố công nhận về mặt ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là chính phủ hợp pháp duy nhất của Việt Nam. Nhưng sự nghi ngờ của Stalin về quan điểm tư tưởng không chính thống của Hồ Chí Minh

vẫn không bớt đi. Nguồn tin Việt Nam vẫn còn kể câu chuyện (nhưng chắc chắn) rằng tại một cuộc gặp giữa hai người vào năm 1952, Stalin chỉ hai chiếc ghế và nói: *"Đồng chí Hồ, một chiếc là dành cho người dân tộc chủ nghĩa, một cho người quốc tế chủ nghĩa, đồng chí sẽ ngồi ghế nào?"*. Hồ đáp, *"Thưa đồng chí Stalin, Tôi sẽ ngồi cả hai ghế này"*.

Tại sao Stalin quyết định công nhận về mặt ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, bất chấp sự dè chừng Đảng cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh? Theo phía Trung Quốc, Stalin quan tâm đến cuộc hội đàm Mao Trạch Đông. Mao đến Moscow với mục đích phải ký được một Hiệp ước với Liên Xô đòi trả lại một số vùng đất mà Liên Xô chiếm của Trung Hoa theo Hội nghị thượng đỉnh Yalta tháng 2-1945. Stalin muốn giữ những vùng đất này vì lý do an ninh, nhưng Stalin sợ Trung Quốc trả đũa có thể làm việc trực tiếp với Mỹ. Do vậy, điều quan trọng với Stalin là phải bảo đảm chính sách đối ngoại Trung Quốc ở châu Á phải quá khích khiến Mỹ phải chống đối, do đó cản trở khả năng Bắc Kinh liên minh với Mỹ. Tại cuộc gặp ba bên ở Moscow, Stalin khuyến khích Mao cầm đầu cách mạng châu Á. Stalin hứa với Hồ Chí Minh, Liên Xô sẽ giúp Việt Nam tất cả những gì có thể, nhưng Trung Quốc phải có vai trò nổi bật trong đấu tranh trực tiếp. Stalin nói với Hồ *"Chúng tôi quan tâm tới Việt Nam giống như chúng tôi quan tâm tới Trung Quốc, từ nay, ông có thể tin vào sự giúp đỡ của chúng tôi, đặc biệt trong kháng chiến, chúng tôi đủ vật tư hậu cần, và chúng tôi sẽ chở tới Việt Nam qua Trung Quốc. Nhưng do hoàn cảnh địa lý, Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam là chính. Cái gì mà Trung Quốc thiếu, chúng tôi sẽ cung cấp"*. Mao cam đoan với Hồ Chí Minh, *"Bất cứ thứ gì mà Trung Quốc có và Việt Nam cần, chúng tôi sẽ cung cấp"*.

Ngày 17 tháng 2, Hồ theo Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đi tầu hoả qua Sibir trở về Bắc Kinh. Giống như Hồ Chí Minh, Mao đã có

được chí ít một phần những gì ông muốn từ Moscow. Hiệp ước Trung-Xô ít nhiều đã loại bớt những yếu tố ô nhục trong Hiệp định Yalta, và Moscow hứa viện trợ kinh tế. Những thứ kiếm được cũng khó nhọc nhằn: sau này Mao kể cho cũng đồng chí của mình rằng *"lấy được cái gì đó từ Stalin chẳng khác gì giằng miếng thịt ra khỏi miệng hổ"*.

Tầu hoả về đến Bắc Kinh ngày 3-3-1950. Mao mở tiệc đãi Hồ Chí Minh tại Trung Nam Hải, có tất cả các quan chức lãnh đạo Trung Quốc tham dự. Trong những cuộc thương lượng chính thức, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đồng ý đảm bảo an ninh tại biên giới và cho phép Việt Nam lập lãnh sự quán tại thành phố Nam Ninh và Côn Minh ở Hoa Nam. Đổi lại, Hồ bổ nhiệm Hoàng Văn Hoan làm đại sứ Việt Nam đầu tiên tại Trung Hoa, và chỉ thị Hoan chuyển trụ sở hải ngoại Đảng cộng sản Đông Dương từ Thái Lan (trụ sở này đóng tại đó từ khi bắt đầu chiến tranh Pháp-Việt), về Trung Quốc. Theo lời một kẻ đào tẩu, Hồ cũng đồng ý cung cấp chỉ dẫn cho những Đảng cộng sản anh em khắp khu vực này, ông quay lại vai trò là một nhân viên Quốc tế Cộng sản đầu thập niên 1930. Ngày 11-3, Hồ và những đồng chí của ông rời Bắc Kinh lên đường về nước.

Hồ Chí Minh chắc chắn hài lòng về kết quả chuyến đi. Ông đã giành được công nhận về mặt ngoại giao của hai nước xã hội chủ nghĩa lớn, và lời hứa và viện trợ kinh tế và quân sự - tuy hạn chế - từ hai nước đàn anh. Việt Minh không còn chiến đấu đơn độc. Trong khi đó, Trung Quốc cũng kiếm lợi từ mối quan hệ mới được thiết lập với Việt Nam. Theo nguồn tin Trung Quốc, Mao Trạch Đông tin rằng chiến tranh với Mỹ không thể tránh được, và có thể nổ ra tại bất cứ điểm nào dọc biên giới Trung Hoa. Vì lý do đó, Mao cho rằng điều quan trọng với Trung Quốc là phải phòng thủ vững không những ở Triều Tiên, mà còn cả ở Đông Dương nữa.

Nếu Hồ Chí Minh, bằng nhậy cảm chính xác của mình trước bối cảnh quốc tế thay đổi, lo ngại rằng mối quan hệ gần gũi giữa chính phủ ông và chính quyền mới ở Trung Hoa có thể chọc tức Mỹ đang đóng vai trò quan trọng cuộc chiến Đông Dương, thì nỗi lo này của ông rất chính đáng. Trên thực tế, quyết định của Bắc Kinh giữa tháng 1-1950 công nhận về mặt ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tiếp đó hai tuần sau, Liên Xô cũng làm như vậy, đã tác động manh đến Washington. Chính quyền Truman cảm thấy lo ngại trước những nỗ lực của Pháp lôi kéo những phần tử không cộng sản ở Việt Nam chống lại Mặt trận Việt Minh. Pháp chọn Bảo Đại để đối trọng với Hồ Chí Minh, là đại diện hợp pháp của dân tộc Việt Nam, gây nên không ít nghi ngờ trong giới quan chức Mỹ, những người này xem vị cựu hoàng thiếu tính cả quyết và không có được lòng dân để đảm đương trách nhiệm đứng đầu quốc gia độc lập ở Việt Nam.

Việc ký Hiệp định Hiệp định Elysée tháng 3-1949, do vậy chỉ nhận được phản ứng lãnh đạm ở Washington. Dean Acheson, thay George C. Marshall làm ngoại trưởng đầu năm 1949, điện cho đại sứ Mỹ David Bruce ở Paris rằng theo ông, nếu Pháp không đảm bảo nhiều quyền tự trị thêm cho quốc gia Việt Nam non trẻ, thì họ sẽ không thành công. Giới báo chí đồn rằng Nhà Trắng đang chuẩn bị tiếp cận Hồ Chí Minh để tham gia chính phủ liên hiệp với Bảo Đại. Những tin đồn khác đánh giá rằng hai đối thủ Việt Nam đang đi đêm với nhau. Hồ Chí Minh, tất nhiên, tận dụng cơ hội những tin đồn như thế để kẻ thù của ông bớt giận. Trong một cuộc phỏng vấn với nhà báo Mỹ Harold Isaacs, ông tuyên bố ông không phải cộng sản. Ông khẳng địng chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một chính phủ có thành phần rộng rãi gồm những người dân tộc chủ nghĩa có năng lực, và không phải là chư hầu của Liên Xô.

Tin đồn Mỹ đang chơi trò chính phủ liên hiệp Hồ-Bảo Đại cũng

không được xác nhận. Dù Dean Acheson không tin Bảo Đại có khả năng đại diện cho nhân dân Đông Dương, song ông thậm chí nghi ngờ sự nguỵ trang Hồ Chí Minh dưới vỏ một *"người cộng sản dân tộc"* theo đường lối nhà lãnh đạo Nam Tư Josip Broz Tito, người mới đây bị khai trừ ra khỏi khối Liên Xô do ông có quan điểm độc lập. Phải chăng Hồ là một người dân tộc chủ nghĩa hay chỉ là một người cộng sản giáo điều, là điều mà Acheson lập luận vì trong xã hội thuộc địa tất cả những người cộng sản cũng đồng thời là những phần tử dân tộc chủ nghĩa. Khi nào nắm được quyền lực, thì xu hướng cực đoan Stalin sẽ lộ ra.

Suốt sáu tháng cuối năm 1949, Nhà Trắng bác bỏ lời xin xỏ của Pháp đòi Mỹ công nhận về mặt ngoại giao chế độ Bảo Đại và từ chối giúp đỡ Pháp chiến đấu ở Đông Dương, đồng thời bắn tin rằng sẽ có viện trợ nếu Pháp chấp thuận độc lập thực sự cho quốc gia thân thiện mới này. Nhưng vấn đề này vẫn gây ra tranh cãi ngày càng mạnh trong Bộ ngoại giao Mỹ. Quan chức vụ châu Âu lập luận rằng công nhận chính phủ Bảo Đại là cách nhân nhượng Pháp, nhưng quan chức Vụ châu Á cho rằng việc công nhận sẽ làm xa lánh những lực lượng dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam và những nơi khác. Tháng 6, Acheson thuyết phục Pháp nhượng bộ thêm, nhưng sau khi đại sứ Bruce cực lực phản đối rằng những hành động đó sẽ làm Pháp phản ứng, Acheson (vốn là dân gốc châu Âu) lùi bước, chỉ thị Bruce thông báo cho Pháp biết những hành động của Mỹ trong tương lai sẽ phụ thuộc vào việc thực thi Hiệp định Hiệp định Elysée. Chỉ còn lại rất ít quan chức Mỹ tiếp tục phát biểu chống lại giải pháp Bảo Đại. Raymond Fosdick, cựu chủ tịch Quỹ Rockefeller Foundation và thành viên chủ chốt nhóm cố vấn cho chính quyền Truman về chính sách châu Á, khuyến cáo, thí nghiệm Bảo Đại sẽ thất bại và Hiệp định Elysée chỉ là "*chuyện làm ăn lèm nhèm*" và *"vật thế chấp rẻ tiền"* cho độc lập. Dù Fosdick công

nhận rằng Hồ Chí Minh không phải là sự lựa chọn hấp dẫn, song ông cho rằng Hồ là một nhân tố không thể tiên đoán được do những mối quan hệ phức tạp giữa Trung Quốc và Việt Nam, cái đó *“cuối cùng có lợi cho chúng ta hơn”*.

Quan điểm của Fosdick không có tiếng vang ở một thành phố mà vấn đề cộng sản bây giờ được nhìn trong bóng mây đen Chiến tranh lạnh. Sự hình thành nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ngày 1-10-1949, đã đổ thêm dầu vào ngọn lửa của Quốc hội đả kích chính quyền Truman không có chính sách chống lại sự lan toả *“làn sóng đỏ”* ở châu Á. Trong những tháng cuối năm, Washington vẫn chưa quyết định vấn đề chống lại áp lực của Pháp chiến đấu ở Đông Dương và hy vọng Paris sẽ chấp nhận thêm quyền tự trị nhiều hơn cho chính quyền Bảo Đại.

Tuy nhiên, việc Quốc hội Pháp chính thức phê chuẩn Hiệp định Elysée ngày 29-1-1950, kết hợp với những báo cáo của Pháp về sự giúp đỡ của Trung Quốc cho Việt Minh, đã thay đổi tương quan.

Đầu tháng 2-1950, Nhà Trắng quyết định công nhận về mặt ngoại giao chính phủ Bảo Đại. Bản dự thảo nhanh chóng được chính phủ thông qua và tổng thống đặt bút ký. Anh và một số nước khác theo gương Mỹ, dù những nhà ngoại giao Mỹ hết sức vận động, đa số chính phủ ở châu Á từ chối theo Mỹ. Ngay sau đó Nhà Trắng chấp nhận yêu cầu viện trợ quân sự của Pháp trong cuộc chiến chống lại làn sóng đỏ ở châu Á. Ngày 10-3-1950, Truman thông qua gói viện trợ quân sự trị giá 15 triệu đô la cho Đông Dương, và 10 triệu đô la cho Thái Lan. Mỹ cũng cử những phái đoàn cố vấn tới Đông Dương để thực hiện tốt nhất chương trình này.

Nhóm liên lạc Trung Quốc do La Quý Ba cầm đầu vượt biên giới Việt Nam ngày 26-2-1950. Họ được Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn

Thái tiếp đón. Hoàng Văn Thái là Tổng tham mưu trưởng dẫn nhóm này đến căn cứ địa Việt Minh ở Việt Bắc. Tại đây nhóm La Quý Ba gặp Tổng bí thư Trường Chinh - thay mặt Đảng khi Hồ Chí Minh vắng mặt, do đang ở Trung Hoa và Liên Xô.

Ba tuần lễ sau khi Hồ lên đường đi Trung Quốc, cuối tháng 12-1949, Trường Chinh triệu tập cuộc họp dài ngày với các nhà lãnh đạo dân sự và quân sự thảo luận những kế hoạch tổng tấn công sắp tới. Hội nghị ra bản Nghị quyết Hội nghị toàn quốc lần thứ III tỏ rõ tin tưởng triển vọng vào thắng lợi cuối cùng. Tại hội nghị, Trường Chinh tuyên bố với sự hình thành nước Trung Hoa mới: *"Chúng ta không còn bị vây hãm nữa; con đường ra thế giới đã mở ra cho Việt Nam. Chúng ta bây giờ đã có một đồng minh lớn mạnh bên cạnh"*. Để chuẩn bị cho tổng tấn công, ngày 21-2 giới lãnh đạo đảng kêu gọi tổng động viên nhân lực dưới khẩu hiệu *"Tất cả cho mặt trận, tất cả cho chiến tranh nhân dân, tất cả cho thắng lợi"*.

Chắc chắn sự hiện diện Giải phóng quân Trung Quốc tại biên giới Hoa-Việt làm thay đổi cục diện chiến tranh Pháp-Việt. Ít nhất Trung Quốc bây giờ cung cấp cho Việt Minh những khu trú ẩn an toàn, trong trường hợp phải rút chạy khi Pháp tấn công. Quan trọng chẳng kém, đó là sự có mặt những lực lượng hùng hậu phía bắc biên giới Đông Dương gây khó khăn cho Pháp trong nỗ lực chống lực lượng kháng chiến ở Việt Bắc. Tình hình mới mở ra những khả năng bất ngờ chuyển thành chiến lược công kích mạnh để đánh bại lực lượng thực dân và thu được thắng lợi khắp toàn quốc.

Dù vậy, trong báo cáo của mình tại Hội nghị Đảng toàn quốc lần thứ III, Trường Chinh thừa nhận rằng một số người trong Đảng còn hoài nghi hoàn cảnh đã chín muồi để chuyển sang giai đoạn ba, và ngay cả người phe cánh ông cũng hoài nghi. Chinh thận

trọng nói rằng chiến dịch chưa phải là đạt được thắng lợi nhanh chóng, và cảnh tỉnh về một cuộc can thiệp của Anh hoặc Mỹ giúp Pháp hoặc xuất hiện chính phủ bảo thủ hơn ở Paris. Trong khi đó, ông cảnh báo các đảng viên, sự giúp đỡ của Trung Quốc cũng không bảo đảm Việt Minh thành công và khuyên Đảng cần phải chủ yếu dựa vào sức mình để dẫn đến thắng lợi.

Cuộc tranh cãi trong Đảng tại hội nghị phản ánh những phân tích lâu dài tình hình do Bộ trưởng quốc phòng Võ Nguyên Giáp phát biểu. Giáp cho rằng Pháp vẫn chiếm những ưu thế quân sự khắp Đông Dương, nhưng ông tin vào sức mạnh tinh thần và sự lãnh đạo chiến lược của lực lượng cách mạng, phối hợp với tình hình quốc tế thuận lợi (ý nói công nhận về mặt ngoại giao và Liên Xô và Trung Quốc giúp đỡ quân sự), tất cả sẽ góp phần cho một thắng lợi quyết định. Giáp giải thích tấn công không phải chỉ trong một chiến dịch đơn lẻ, mà phải gồm một chuỗi những cuộc tấn công trên nhiều điểm khác nhau ở Đông Dương, đẩy cán cân nghiêng dần sang phía Việt Nam.

Trong vòng vài tháng sau đó, Trung Quốc bắt đầu cung cấp vũ khí cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, và Tổ cố vấn quân sự Trung Quốc do tướng Vi Quốc Thanh tới căn cứ địa Việt Bắc huấn luyện cán bộ và dậy về chiến lược và chiến thuật. Trước khi rời Bắc Kinh, nhóm cố vấn này được giới lãnh đạo Trung Quốc cho biết nhiệm vụ của họ ở Việt Nam mang *"ý nghĩa toàn cầu"*. Lưu Thiếu Kỳ dặn, nếu kẻ thù không bị quét sạch khỏi Đông Dương và bọn đế quốc vẫn còn ở đó Trung Quốc sẽ gặp khó khăn hơn và phức tạp hơn.

Những đơn vị chủ lực Việt Nam đến Vân Nam vào tháng 4-1950 để huấn luyện. Trang bị quân sự phần nhiều là vũ khí tịch thu của Nhật hoặc Mỹ sản xuất được chở đến bằng đường bộ hoặc từ cảng

Du Lâm (nam đảo Hải Nam). Theo thoả thuận hai bên, quân đội Trung Quốc không tham chiến trừ khi Việt Minh bị đe doạ tiêu diệt. Theo yêu cầu của Bắc Kinh, mọi thoả thuận được giữ bí mật để tránh làm xấu thêm quan hệ của Trung Quốc với Pháp. Sự cẩn thận này vô ích vì Pháp hoàn toàn biết rõ chuyến đi của Hồ Chí Minh và tầm quan trọng của nó.

Cuối mùa xuân, những trường huấn luyện cho quân đội Việt Minh được thiết lập tại một số nơi ở Hoa Nam. Phần lớn chương trình kéo dài ba tháng và được các cán bộ Tập đoàn Giải phóng quân Trung Quốc số 2 giảng dậy. Tháng 9-1950, khoảng mười hai ngàn quân Việt Nam được trang bị và huấn luyện ở Hoa Nam; khi trở về nước, nhiều người đã hoà vào Sư đoàn 308 mới thành lập. Hai trường cán bộ chính trị mở ra tại Nam Ninh và Khai Viễn tỉnh Vân Nam với khoá học sáu tháng. Các cố vấn giỏi của Trung Quốc như La Quý Ba và Vi Quốc Thanh đều đặn tham dự những cuộc họp quan trọng ban lãnh đạo Đảng Việt Nam.

Mối quan hệ với Trung Quốc có tầm quan trọng lớn lao cho tương lai của cách mạng Việt Nam. Tuy Việt Minh bây giờ có hơn 160.000 quân (ít hơn của Pháp chút ít), nhưng trang bị vẫn nghèo nàn và hoàn toàn thiếu khả năng hậu cần và pháo binh. Lần đầu tiên trong lịch sử ngắn ngủi của mình, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bây giờ có được sự giúp đỡ to lớn của nước láng giềng hùng mạnh. Những lời hứa cung cấp vũ khí, cố vấn, và những quân nhu khác tạo cơ sở chuyển hướng chiến lược chiến tranh sang giai đoạn ba - tấn công phòng ngự.

Giới lãnh đạo Việt Nam không giấu tầm quan trọng của mối quan hệ mới Trong một cuộc phỏng vấn của nhà báo Mỹ Andrew Roth tháng 8-1950, Hồ Chí Minh không còn trầm lặng như trước đây và nhấn mạnh phong trào giải phóng Việt Nam đã thay đổi

chiến thuật và bây giờ đang áp dụng mô hình Trung Quốc. Ông nhấn mạnh khắp Việt Bắc đang có một chiến dịch học tập kinh nghiệm Đảng cộng sản Trung Quốc trong cuộc chiến đấu chống Nhật và Tưởng Giới Thạch; các tài liệu được đưa vào Việt Nam và phát cho các cán bộ và binh sĩ vùng. Các khoá học được tổ chức thường xuyên khuyến khích những học viên tiếp thu mô hình mô hình Trung Quốc và áp dụng vào thực tế ở Đông Dương.

Những tuyên bố công khai của Việt Minh vô tình phù hợp bất ngờ mô hình Trung Quốc là một phần giả dối, bởi vì, như chúng ta đã thấy, giới lãnh đạo đảng đã nhiều năm học hỏi để rút ra bài học hữu ích từ cách mạng Trung Quốc. Một trong những tuyên bố chính thức đầu tiên của Hồ Chí Minh sau khi kháng chiến bùng nổ 12-1946 nói rằng lãnh đạo Việt Minh sẽ đi theo mô hình chiến tranh nhân dân của Mao trong cuộc chiến đấu giành thắng lợi. Một năm trước đó, Trường Chinh viết cuốn sách nhỏ nhan đề *“Kháng chiến trường kỳ nhất định thắng lợi”,* trong đó cũng trích những bài viết của Mao Trạch Đông về chiến tranh du kích trong hai thập niên trước. Có lẽ Chinh viết cuốn sách đó với sự chấp thuận của toàn thể ban lãnh đạo đảng, và bí danh cách mạng mà ông chọn (“*Trường Chinh*”) rõ ràng chứng tỏ ông ngưỡng mộ cách mạng Trung Quốc. Tuy nhiên, Chinh cẩn thận vạch ra một số yếu tố mô hình Trung Quốc không áp dụng được cho Việt Nam. Do Việt Nam là nước nhỏ và hoàn toàn dưới sự thống trị thuộc địa, Việt Minh không thể hy vọng xây dựng một căn cứ địa giải phóng rộng lớn tương tự như căn cứ địa Diên An ở bắc Trung Hoa trong thời kỳ chống Nhật. Có thể Trung Quốc không để ý tới tầm quan trọng những sáng kiến ngoại giao, những hoạt động này chỉ có vai trò hạn chế trong cuộc chiến đấu giành quyền lực ở Trung Hoa. Dù vậy, lãnh đạo Việt Minh cảm thấy mô hình Trung Quốc có giá trị lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp, và bây giờ chấp nhận

nhóm cố vấn của Trung Quốc để giúp họ hiệu quả hơn.

Nhưng chẳng mấy chốc, ảnh hưởng của Trung Quốc không những bị giới hạn trung quân sự, mà còn lan sang những chính sách đối nội và tổ chức Đảng. Ngay sau khi đến Việt Bắc cuối tháng 2, La Quý Ba trong đoàn cố vấn dân sự giúp Việt Nam chỉnh Đảng và chính phủ theo đường lối Trung Quốc. Từ Hội nghị lần thứ tám họp tại Pác Bó vào tháng 5-1941, giới lãnh đạo đảng đã đặt ưu tiên trước hết cho sự nghiệp giải phóng dân tộc chống lại đế quốc hơn là đấu tranh chống thế lực phong kiến trong nước, do vậy quay lại mô hình Lenin mà Hồ Chí Minh du nhập vào châu Á thập niên 1920. Theo kế hoạch này, cách mạng Việt Nam chia thành hai giai đoạn, giai đoạn đầu tiên là hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, và giai đoạn thứ hai là thực hiện chuyển biến sang chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn đầu tiên, vai trò trọng tâm của Đảng cộng sản Đông Dương trong cách mạng Việt Nam nổi bật ở chỗ lôi kéo những phần tử ôn hoà trong nước và tránh sự can thiệp của thế lực phản động ngoài nước điều này thể hiện trong chính sách Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, và trong thời kỳ ba năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Bây giờ, với thắng lợi của Trung Quốc và triển vọng tăng cao đánh bại Pháp, giới lãnh đạo đảng chuyển sang chiến lược mới dựa trên mô hình Trung Quốc, trong đó sự lãnh đạo của đảng đối với phong trào là công khai, đồng thời giai đoạn đầu tiên giải phóng dân tộc sẽ tiếp tục không cần chia ra thành giai đoạn hai cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tiến trình này thể hiện tại Hội nghị toàn quốc lần thứ III cuối tháng 1- 1950, khi ban lãnh đạo đảng quyết định nhấn mạnh vấn đề giai cấp trong mặt trận thống nhất và chuẩn bị đưa Đảng cộng sản ra công khai. Những hành động đó sẽ thúc đẩy Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào gần hơn với phe xã hội chủ nghĩa, gồm Trung Quốc và những nước “Cộng hoà nhân

dân" ở Đông Âu; nhưng điều này lại làm phức tạp cho những nỗ lực đạt được thương lượng và ngăn Mỹ nhảy vào chiến tranh bên phe Pháp. Vài tháng sau, giới lãnh đạo đảng mở một chiến dịch lớn để những người ủng hộ họ thấm nhuần tư tưởng và hành động đảng cộng sản Trung Hoa và vị lãnh tụ Mao Trạch Đông của họ.

Vai trò của Hồ trong việc chuẩn y thay đổi đường lối này đến đâu là một câu hỏi lớn? Quan điểm của Hồ là công thức cách mạng hai giai đoạn tiệm tiến từ giữa thập niên 1920, và chắc chắn quan điểm này được đưa vào Hội nghị lần thứ tám năm 1941. Chính sách mới không những chống lại khả năng của ông tranh thủ tình hình quốc tế theo hướng thuận lợi cho ông mà ở mức độ nào đó còn trói buộc ông vào sự giám sát của Trung Quốc mà ông từng chống lại được trong quá khứ.

Ngoài ra, có một điều lạ là Hội nghị Đảng toàn quốc lần thứ III họp khi Hồ vắng mặt. Có thể ở đây có sự nghi ngờ - cả trong nội bộ phong trào cộng sản quốc tế và trong những đồng sự của ông - về lòng trung thành của ông vào những nguyên tắc Marxist-Leninist chính thống được Moscow và Bắc Kinh phổ biến vào cuối thập niên 1940. Mùa đông năm 1949-1950, có nhiều tin đồn - phần nhiều dựa trên những nhận xét của một kẻ đào ngũ - rằng Trường Chinh sẽ thay thế Hồ Chí Minh làm lãnh tụ phong trào cộng sản Việt Nam theo lệnh Stalin, hoặc thậm chí còn có tin ông chính thức bị coi là *"kẻ dị giáo"* vì ông chối đi theo đường lối Moscow. Khi Léo Figuères của Đảng cộng sản Pháp tới thăm Việt Bắc tháng 3-1950, có tin đồn ông này được cử đến không những để khôi phục liên lạc giữa hai đảng mà còn để phục hồi Đảng cộng sản Đông Dương là đội tiên phong của cách mạng Việt Nam.

Dù vậy, mặc dù Hồ Chí Minh có lẽ chấp nhận đường lối mới với đôi chút miễn cưỡng, chắc chắn ông nhận ra sự ủng hộ đang tăng

lên của Mỹ cho Pháp không thể tránh được và mối gần gũi với Moscow và Bắc Kinh sẽ giúp Việt Minh thắng lợi ở Đông Dương. Dù thế nào đi nữa, ông tự điều chỉnh trước hoàn cảnh mới và tìm cách tranh thủ nó. Trong thư gửi giới lãnh đạo Trung Quốc những năm sau này, Hồ quá lời tán dương ban lãnh đạo chính phủ Trung Quốc, đề xuất chính phủ và Đảng của ông sẽ theo mô hình Trung Quốc. Lúc này, tất nhiên, ông đã trở thành bậc thầy của nghệ thuật xu nịnh ân nhân của mình, ngụ ý rằng những lời khuyên và kinh nghiệm Trung Quốc đã đi vào trái tim của người Việt Nam. Thí dụ, không phải ngẫu nhiên mùa thu năm 1950, lần đầu tiên, ông bắt đầu ca tụng lợi ích của hợp tác hoá nông nghiệp cho sự thịnh vượng tương lai của nước Việt Nam độc lập.

Mùa xuân năm 1949, khi các nhà chiến lược của Đảng kết luận một trong những điều kiện tiên quyết then chốt cho tổng tấn công thắng lợi là mở rộng vùng biên giới, do vậy tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng dễ dàng tiếp nhận viện trợ vật chất từ Trung Quốc. Tướng Blaizot đã giúp tướng Giáp dễ dàng thực hiện nhiệm vụ này bằng cách kêu gọi rút quân Pháp khỏi nhiều vị trí dọc biên giới bắc Lạng Sơn, để tăng cường kiểm soát khu vực từ Lạng Sơn đến Vịnh Bắc Bộ. Tuy nhiên, mùa hè năm 1950, kế hoạch Blaizot vẫn không chính thức thực thi, và một loạt đồn bốt đơn độc của Pháp dọc biên giới nối chuỗi dọc Quốc lộ 4 từ ven biển Móng Cái tới huyện lỵ Cao Bằng.

Pháp lập tức có lý do để hối tiếc sự chậm trễ này. Tháng 4-1949, giới lãnh đạo đảng lần đầu tiên quyết định tập trung vào khu vực tây biên giới, nơi lực lượng Pháp không đáng kể. Tuy vậy, tháng 7-1950, Ban thường vụ Đảng quyết định chuyển trọng tâm sang khu vực phía đông biên giới, vì nó dễ xuống đồng bằng sông Hồng và có những đường quốc lộ dẫn tới Trung Hoa. Hồ nói với các đồng chí của ông lúc đó, đây là "*dễ giữ khi rút, dễ đánh khi tấn*

*công”*. Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ chỉ huy cuộc tấn công, và tướng Trung Quốc Trần Canh được lệnh tới Việt Bắc giúp đỡ Việt Minh vạch kế hoạch chiến dịch. Khi Giáp thăm Hồ Chí Minh tại Tân Trào, Hồ ví tầm quan trọng thắng lợi. *“Chiến dịch sắp tới là cực kỳ quan trọng. Chúng ta không được thua!”*. Hồ hứa sẽ đi đến biên giới để quan sát chiến dịch với tư cách cá nhân. Tướng Trần Canh được mời đi cùng ông.

Giữa tháng 9, Việt Minh tung loạt cuộc tấn công sắc bén vào đồn bốt Pháp khắp vùng biên giới. Đồn Đông Khê bị tám ngàn quân đội Việt Minh tấn công, tình báo Pháp cho biết Việt Minh có cả bazooka, súng cối, và pháo không giật, và lần đầu tiên lực lượng tập trung lên tới trung đoàn. Bị tấn công bất ngờ, quân Pháp rối loạn và tháo chạy bỏ lại hàng trăm xác chết và thương binh, cùng hơn mười ngàn tấn đạn dược. Toán quân Pháp được đưa quân từ Cao Bằng đến cứu đồng đội bị bao vây, cũng bị thiệt hại tương tự. Tướng Marcel Carpentier, tư lệnh quân Pháp ở vùng này, bất ngờ ra lệnh rút bỏ tất cả những đồn bốt khác ở biên giới, trừ thị trấn Móng Cái.

Ở Hà Nội, Cao uỷ Léon Pignon tăng thêm hoài nghi trước quyết định của tướng Carpentier. Léon Pignon nói với nhà ngoại giao Mỹ, Carpentier là người *“quá thụ động và chỉ biết phòng thủ… và tài năng quân sự của ông ta đáng phải xem lại”*. Cuối năm đó viên tướng này bị thay thế. Nhưng sự thay đổi chỉ huy diễn ra quá muộn. Kết thúc chiến dịch biên giới cuối tháng 10, cuộc tấn công đã mở ra vùng rộng lớn bắc đồng bằng sông Hồng hầu như hoàn toàn do Việt Minh kiểm soát thống trị. Hốt hoảng, Pháp ra lệnh đàn bà trẻ con Pháp rút khỏi Hà Nội, và cảnh báo Paris rằng hơn một nửa dân chúng thành phố bây giờ có thiện cảm với Việt Minh. Thất bại của Pháp trong chiến dịch biên giới khiến Pháp không thể tự lừa dối mình sẽ có khả năng giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc chiến.

Tâm lý hoảng loạn trước tình hình quân sự không chỉ đối với Pháp. Donald Heath, vừa đến Sài Gòn với tư cách đại diện của Mỹ tại Quốc gia Liên hiệp cũng cảnh báo rằng tình hình ở Bắc Kỳ là bi đát. Ông báo cáo rằng toàn bộ khu vực miền Bắc, trừ hành lang Hà Nội-Hải Phòng, đã bị xoá sổ, thậm chí chẳng cần sự can thiệp của Trung Quốc. Điều ông miêu tả chắc là đúng. Heath tuyên bố rằng chính phủ mới Việt Nam tại Sài Gòn do Quốc trưởng Bảo Đại cầm đầu lười nhác và không được dân chúng tin tưởng. Bảo Đại bản thân vốn thiếu năng động và không biết cách lãnh đạo. Tuỳ viên quân sự Mỹ tiên đoán rằng sẽ không có sự can thiệp của Trung Quốc trừ khi Việt Minh bị đe doạ tiêu diệt.

Việc cố vấn Trung Quốc nhúng tay trực tiếp vào việc vạch kế hoạch và điều hành chiến dịch biên giới, đã trở thành mục tiêu tranh cãi giữa hai nước từng là anh em sau cuộc chiến Việt Nam. Nguồn Việt Nam ghi nhận Võ Nguyên Giáp và những chỉ huy Việt Minh điều khiển chiến dịch. Tuy nhiên, theo Hoàng Văn Hoan, thì tướng Trần Canh khuyên Hồ Chí Minh tấn công vào Đông Khê hơn là vào Cao Bằng, một cứ điểm mạnh của Pháp được phòng thủ chắc chắn. Trần Canh nghe đồn đã khuyên các chỉ huy Việt Nam chỉ bao vây Cao Bằng rồi chiếm sau. Hồ Chí Minh đồng ý với lời khuyên, và theo dõi chiến dịch này từ một vị trí quan sát ở trên núi nằm phía trên thị trấn. Hồ Chí Minh chấp thuận để cố vấn Trung Quốc xuống tất cả những đơn vị Việt Minh từ cấp tiểu đoàn trở lên. Gần đây chính tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định rằng chính ông độc lập đề xuất quyết định tấn công Đông Khê hơn là Cao Bằng, và cả Hồ Chí Minh lẫn Trần Canh đã chấp thuận kế hoạch này.

Bất kể sự thật cuộc tranh cãi đúng sai thế nào đi nữa, chiến dịch đã kết thúc, Trần Canh quay về Trung Quốc và được bổ nhiệm chỉ huy Giải phóng quân Trung Quốc tại chiến trường Triều Tiên.

Trước khi rời Việt Bắc, ông gửi bản báo cáo chi tiết phê bình gay gắt khả năng chiến đấu của Việt Minh cho cấp trên ở Trung Hoa. Trần Canh báo cáo với cấp trên rằng quân đội Việt Nam không có kỷ luật và không có kinh nghiệm chiến đấu và chưa sẵn sàng cho những trận đánh lớn, đồng thời những sĩ quan chỉ huy của họ không quan tâm đến sinh mạng binh sĩ và không muốn báo cáo tin tức xấu cho cấp trên.

Các nhà chiến lược Việt Minh hài lòng về thắng lợi chiến dịch biên giới 1950 (Hồ Chí Minh nghe đồn nói rằng đây là chiến thắng lớn nhất mà ông mong đợi), chiến thắng này khuyến khích họ bàn đến việc tổng phản công vào trung tâm của châu thổ sông Hồng. Dù một số người lãnh đạo đảng còn hoài nghi lực lượng cách mạng chưa sẵn sàng một trận đánh lớn với kẻ thù (chính Hồ cũng khuyên một số những viên chỉ huy nóng đầu rằng một cuộc tấn công lớn, giống như người phụ nữ có thai, phải chờ thời gian thích hợp), mọi người nhất trí rằng trong những điều kiện thuận lợi do thành công chiến dịch biên giới mang lại, thì một tấn công mới đưa đến thắng lợi hoàn toàn phải có thời cơ hợp lý. Trong hai tháng cuôi năm 1950, các nhà hoạch định kế hoạch Việt Minh, phối hợp với cố vấn Trung Quốc, vạch kế hoạch chiến dịch năm tới. Tại hội nghị chung họp vào tháng 12, phía Trung Quốc đồng ý cung cấp đủ vũ khí để Việt Minh tái tổ chức lực lượng thành những đơn vị lớn hơn có khả năng chiến đấu cao hơn.

Giáp có kế hoạch tấn công ba nơi khác nhau vùng rìa đồng bằng sông Hồng: Vĩnh Yên, một thị trấn tây bắc thủ đô, sát chân núi Tam Đảo; Mạo Khê, phía đông đồng bằng sông Hồng, gần Hải Phòng; và cuối cùng là một số cứ điểm khác nhau ở sông Đáy ngay phía nam Hà Nội. Nếu những cuộc tấn công vào những vị trí phòng thủ của Pháp mà thành công, thì giai đoạn tiếp theo có thể bắt đầu, một cuộc tấn công lớn để mở đường tới thủ đô. Đài phát

thanh Việt Minh lạc quan tiên đoán Chủ tịch Hồ sẽ đón Tết ở Hà Nội. Nếu tiên đoán lạc quan của các nhà chiến lược của Đảng là đúng, thì chiến tranh cũng sắp kết thúc.

## CHƯƠNG

# ĐỊA DANH MANG TÊN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Dự đoán rằng Hồ Chí Minh sẽ về thủ đô ăn Tết năm 1951 quả là ngây thơ. Mặc dù trong giai đoạn khởi đầu, cuộc tấn công của Việt Minh đã bắt đầu một cách đầy hứa hẹn - với việc các đơn vị Việt Minh từ các cánh rừng dưới chân núi Tam Đảo tràn ra trong một cuộc tấn công theo kiểu *"biển người"* của Trung Quốc nhằm vào các vị trí của đối phương tại Vĩnh Yên - các chỉ huy của họ đã đánh giá thấp quyết tâm của tướng Jean De Lattre de Tassigny mới đến Đông Dương ngày 19-12-1950 với tư cách là Cao uỷ mới và Tổng Tư lệnh các Lực lượng viễn chinh Pháp (FEF) tại Đông Dương. De Lattre đã chứng tỏ một đối thủ đáng gờm đối với Võ Nguyên Giáp. Là một anh hùng chiến tranh, một con người vô cùng tự tin và có hàm quân sự cao nhất, De Lattre đã hành động ngay lập tức để củng cố vị thế quân Pháp. Để nâng cao tinh thần binh lính, ông huỷ bỏ lệnh của người tiền nhiệm sơ tán nhân dân Pháp khỏi Hà Nội. Để bẻ gẫy cuộc tấn công của Việt Minh, ông đã huy động lực lượng dự bị chiến lược từ các nơi khác đồng thời ra lệnh cho máy bay Pháp sử dụng bom napalm mới nhận được từ Mỹ.

Kết quả thật kinh ngạc. Binh lính Việt Minh chưa từng gặp phải tác động của bom khí cháy, đã tháo chạy tán loạn và thị xã Vĩnh Yên vẫn nằm trong quyền kiểm soát của người Pháp. Một người

tham gia lực lượng tấn công sau này viết:

*“Đơn vị của chúng tôi tấn công từ buổi sáng. Từ xa, ba con chim én hiện ra to dần. Đó là những chiếc máy bay. Chúng bổ nhào và địa ngục mở ra ngay trước mắt tôi. Địa ngục trông giống như một chiếc* công-te-nơ *chứa đầy những quả trứng khổng lồ rơi xuống từ chiếc máy bay đầu tiên, rồi từ chiếc thứ hai rơi xuống ngay bên phải tôi… Một quầng lửa dữ dội lan ra tới hàng trăm mét, gieo rắc kinh hoàng trong binh lính. Đó là bom napalm, đám cháy từ trên trời rơi xuống.*

*Một chiếc máy bay khác lại đến và các đám cháy mới lại bùng lên. Bom rơi phía sau chúng tôi và tôi cảm thấy hơi lửa đang lan toả khắp người. Mọi người tháo chạy và tôi không thể nào cản họ lại được. Không có cách nào sống được dưới quầng lửa đang hoành hành và thiêu rụi mọi thứ trên đường đi của nó”.*

Theo một báo cáo tình báo của Mỹ, khoảng từ 3.500 đến 4.000 lính trong tổng số 10.000 lính tham gia cuộc tấn công của Việt Minh đã bị thương. Hơn 400 lính Pháp chết và 1.200 bị thương. Các cuộc tiến công sau đó vào Mạo Khê và các cứ điểm dọc sông Đáy ít thành công hơn và cuối cùng, sau khi chịu nhiều thương vong, họ phải rút lên núi. Khi mối đe doạ đối với Hà Nội tạm thời dịu xuống, De Lattre thú nhận, quyết định huỷ bỏ lệnh sơ tán của ông chỉ là *“tiếng còi trong bóng đêm”* và là một cuộc trình diễn trên sân khấu nhằm khôi phục niềm tin của công chúng.

Không những không mở được đường tiến về Hà Nội, cuộc tiến công lại là một thất bại của các lực lượng Việt Minh và thực sự là một thất bại cá nhân đáng xấu hổ của Võ Nguyên Giáp - nhà chiến lược thượng hạng của Hồ Chí Minh. Mấy tuần sau đó, Bộ Tổng tham mưu bắt đầu suy tính lại cách đánh của mình. Tại một cuộc họp của các cán bộ cao cấp trong Đảng tổ chức giữa tháng Tư, Hồ Chí Minh kêu gọi tự kiểm điểm để rút kinh nghiệm từ những bài

học vừa qua và chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Một chương trình phát thanh của Việt Minh tháng Năm nói, chỉ nên phát động các chiến dịch quân sự lớn khi cầm chắc chiến thắng. Các nguồn tin chính thức đã thôi thúc không dùng khẩu hiệu "*chuẩn bị chuyển sang giai đoạn tổng tấn công*" và bắt đầu nhấn mạnh đến tầm quan trọng của một cuộc kháng chiến trường kỳ. Trong các bài viết và nói chuyện cuối năm 1951, Hồ Chí Minh đã gián tiếp đưa ra quan điểm tương tự, nói đến tầm quan trọng của chiến thuật chiến tranh du kích trong việc tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài chống lại kẻ thù. Các cố vấn Trung Quốc rũ bỏ trách nhiệm thất bại bằng cách báo cáo cho cấp trên (một cách muộn màng) rằng binh lính Việt Minh thiếu kinh nghiệm cần thiết để tiến hành một chiến dịch quân sự đầy tham vọng như vậy. Họ cũng khuyên nên chuyển sang áp dụng chiến tranh du kích. Ông Giáp cũng thừa nhận, đối đầu với quân đội Pháp được trang bị tốt hơn trong một trận chiến bằng những lực lượng vẫn còn thiếu kinh nghiệm của mình là một sai lầm và các lực lượng này đôi khi không có được một mức độ quyết chiến, quyết tâm cần thiết.

Ảnh hưởng của Trung Quốc đối với chiến lược chiến tranh du kích của Việt Minh ngày càng trở lên nên rõ nét sau năm 1950, tác động của nó cũng rõ nét trong các thay đổi đang diễn ra trong chính sách đối nội của Việt Minh. Từ giữa những năm 1950, các cán bộ Trung Quốc mặc trang phục kiểu Mao miệng hô hào các khẩu hiệu cách mạng bắt đầu đến Việt Nam với số lượng lớn để cố vấn cho phía Việt Nam trên mọi phương diện quản lý và hành vi ứng xử. Trước khi họ rời Trung Quốc, Lưu Thiếu Kỳ đã cẩn thận chỉ thị cho các thành viên của đoàn cố vấn không được áp đặt các kỹ thuật Trung Quốc vào Việt Nam một cách tùy tiện, nhưng nhiều người đã phớt lờ lời khuyên này và làm dấy lên sự bực tức trong hàng ngũ binh lính và sĩ quan Việt Nam, những người từ lâu đã

nhạy cảm trước thái độ trịnh thượng của những người anh em phương Bắc.

Đối với nhiều người Việt Nam, việc thiết lập các chương trình giáo dục tư tưởng cho đảng viên biểu hiện rõ nhất của ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Theo lý thuyết của Mao, mục đích của chương trình là khích lệ cải huấn tư tưởng các đảng viên, nhưng nó lại thường biến tướng thành sự sỉ nhục và trừng phạt, thường mang đặc điểm của xung đột giai cấp khi các cán bộ xuất thân trong hoàn cảnh nghèo khó trả thù các đồng đội xuất thân từ các gia đình giàu có. Theo lời kể của một số người tham gia các chương trình này, chiến thuật tự kiểm điểm - trọng tâm của chương trình - đã làm kinh hoàng rất nhiều các bộ Việt Minh, những người hầu hết đã đọc một số tác phẩm Marxist - Lenin và động cơ tham gia phong trào Việt Minh của họ thường là vì lòng yêu nước hơn là ý thức hệ.

Kết quả của việc giáo dục tư tưởng nhiều khi trở thành bi kịch. Theo Georges Boudarel, một người cộng sản Pháp từng phục vụ trong một đơn vị của Việt Minh trong những năm đầu thập niên 1950, người ta tịch thu dao cạo râu của các cán bộ Việt Minh bị tổn thương về tinh thần nhằm ngăn họ tự sát. Đèn trong các lều của các trại huấn luyện được thắp sáng suốt đêm có lẽ cũng vì lý do này. Chính uỷ Việt Minh được cử xuống tất cả các đơn vị để theo dõi động cơ tư tưởng của binh sĩ. Nếu như chính uỷ và sĩ quan chỉ huy của một đơn vị bất đồng thì chính uỷ sẽ có quyền quyết định cuối cùng.

Georges Boudarel cho rằng chính sách này có tác dụng tiêu cực. Trước mắt, chính sách này đẩy nhiều trí thức yêu nước ra khỏi phong trào và phá vỡ sự đoàn kết đang tồn tại trước đó giữa những người trung hoà và quá khích trong Đảng. Về lâu dài, hậu

quả của các chính sách này rất nguy hại vì lo sợ bị phê bình và trả thù sẽ làm tê liệt tính sáng tạo của các văn nghệ sĩ. Các nguồn tin tình báo Pháp đã thu được nhiều tài liệu nói về sự rạn nứt giữa cán bộ Việt Nam và chuyên gia Trung Quốc. Những người đào ngũ khỏi hàng ngũ Việt Minh thường viện dẫn việc họ rời bỏ cách mạng là do ảnh hưởng thái quá của học thuyết Maoist. Ngay cả những người ủng hộ Việt Minh, chấp thuận việc cần phải nghe theo những lời khuyên chiến lược từ các cố vấn Trung Quốc đôi khi cũng chán nản trước việc các chuyên gia Trung Quốc gần như đang chỉ huy các đơn vị quân đội của Việt Nam. Những người đào ngũ nói rằng nhiều cán bộ trung - cao cấp của Việt Minh đã bị thanh trừng do sức ép của Trung Quốc. Theo các nguồn tin từ phía Pháp, có thể là do sức ép của phía Trung Quốc mà tướng Nguyễn Bình, tư lệnh các lực lượng Việt Minh ở miền Nam và là người bị cho là phê phán ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong phong trào Việt Minh đã bị mất chức tháng 9-1951 và được lệnh ra bắc để *"định hướng lại"*. Các nguồn tin chính thức của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố, ông đã bị giết trong một cuộc đụng độ với các lực lượng quân đội hoàng gia Campuchia trên đường ra Việt Bắc. Các báo cáo chưa được kiểm chứng nói rằng ông bị bắt đưa đi và *"vui vẻ chấp thuận cái chết định mệnh trong chiến đấu hơn là bị xử tử"*.

Ảnh hưởng của Trung Quốc bắt đầu lan đến nông thôn nơi chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà áp dụng các quy định về cải cách ruộng đất ngày càng chặt chẽ hơn. Các quy định tập trung xoá bỏ ảnh hưởng kinh tế và chính trị của giai cấp địa chủ ở cấp làng xã. Kể từ khi chiến tranh bùng nổ tháng 12-1946, chính sách ruộng đất của chính phủ phản ánh quyết định của Hồ Chí Minh đặt ưu tiên vào cuộc đấu tranh phản đế lên trên cách mạng phản phong. Vì thế chương trình kêu gọi giảm tô nhưng chỉ giới hạn

việc tịch thu đất canh tác thuộc quyền sở hữu của các công dân Pháp và những người cộng tác với chính quyền Bảo Đại. Đất của các địa chủ yêu nước và các nông dân giàu có không bị tịch thu nhằm lôi kéo sự ủng hộ của những đối tượng này đối với phong trào.

Tuy nhiên, đến đầu thập niên 1950, ngày càng có nhiều chỉ trích từ giới quân sự, rất nhiều quy định của chương trình này đã bị phớt lờ ở cấp địa phương nơi rất nhiều địa chủ không thực hiện quy định giảm tô. Các lãnh tụ của Đảng như Trường Chinh lập luận, do không huy động được sự ủng hộ mạng mẽ hơn nữa của những tầng lớp dân nghèo ở nông thôn, chương trình này không đáp ứng lợi ích của cách mạng. Các cố vấn Trung Quốc với những kinh nghiệm mới mẻ về chương trình cải cách ruộng đất triệt để đang được tiến hành tại Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa bắt đầu thúc giục các cán bộ Việt Nam đối đầu với các phần tử *"phong kiến"* ở nông thôn một cách trực diện hơn. Kết quả, các quy định giảm tô và giới hạn việc tham gia của các địa chủ trong hội đồng xã bắt đầu được thực hiện chặt chẽ hơn.

Sự kiện nổi bật nhất đánh dấu sự chuyển hướng quyết định sang phía tả của chính phủ xẩy ra vào tháng 2-1951 khi Đảng tổ chức Đại hội Đảng Toàn Quốc lần thứ II - là đại hội đầu tiên được tổ chức sau Đại hội tại Ma Cao tháng 3-1935 - tại một địa điểm bí mật ở tỉnh Tuyên Quang, nằm sâu trong rừng Việt Bắc. Tổng số 200 đại biểu đại diện cho khoảng nửa triệu đảng viên đã tham dự cuộc họp.

Có nhiều lý do xác đáng để tổ chức đại hội. Trước hết, mặc dù Đảng cộng sản Đông Dương đã giải thể công khai tháng 11-1945, tổ chức này vẫn lớn mạnh nhanh chóng trong những năm cuối thập niên 1940 và rất nhiều đảng viên - đại đa số có nguồn gốc là

nông dân và tiểu tư sản - mới chỉ được rèn luyện rất ít về hệ tư tưởng. Nhiều cán bộ bị nhiễm cái mà tài liệu của Đảng gọi là *"quan điểm phong kiến"* (bao gồm những điều bị coi là tệ nạn xã hội như tín ngưỡng và mê tín, hống hách, gia trưởng), *"đầu óc du kích"* (ngụ ý thái độ bí mật và nghi ngờ người ngoài) và trình độ nhận thức chính trị thấp. Trong báo cáo trước các đại biểu, Tổng bí thư Trường Chinh tuyên bố, việc chống lại ảnh hưởng to lớn của chủ nghĩa cá nhân, thái độ hống hách và việc làm quan liêu, tham nhũng, đạo đức yếu kém trong đảng viên là vô cùng quan trọng. Ông khẳng định, chỉ một Đảng cộng sản có kỷ luật cao, trong sạch trước công chúng mới có khả năng đóng vai trò tích cực trong đấu tranh chống những tệ nạn đó và đóng vai trò tiên phong trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong việc hoạch định chính sách đối nội cũng được thừa nhận công khai tại Đại hội. Trường Chinh tuyên bố, nước Việt Nam tương lai sẽ áp dụng mô hình *"chuyên chính dân chủ nhân dân"* kiểu Trung Quốc chứ không theo mô hình *"chuyên chính vô sản"* Đông Âu theo kiểu Liên Xô. Theo mô hình Trung Quốc, mục tiêu trước mắt là tiến hành giai đoạn đầu của cách mạng dân tộc chủ để chuẩn bị cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này, nhưng không có thời kỳ quá độ kéo dài giữa hai giai đoạn. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, theo cách nói của Lenin, sẽ *"phát triển"* sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Để giành được sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng, Mặt trận Việt Minh - một liên minh rộng rãi của các lực lượng yêu nước được hình thành năm 1941, hiện công chúng thấy rõ đang chịu sự lãnh đạo của những người cộng sản - cần được đổi tên thành Mặt trận Dân Tộc Thống Nhất Việt Nam hay Mặt trận Liên Việt.

Để hoàn thành nhiệm vụ, Đảng cộng sản Đông Dương cũng cần có tên mới - Đảng Lao động Việt Nam. Khi đưa từ dễ gây xúc động

“Việt Nam” vào tên Đảng, các nhà lãnh đạo rõ ràng đã công nhận tầm quan trọng to lớn của cuộc đấu tranh phản đế trong việc giành sự ủng hộ của dân chúng, một quan điểm mà bản thân Hồ Chí Minh luôn tâm niệm kể từ giữa thập niên 1920. Đồng thời, quyết định này cũng là một cử chỉ ngầm đáp lại tinh thần dân tộc chủ nghĩa đang dâng lên ở các nước Lào và Campuchia, nơi các đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương người Lào và Khơ - me ngày càng thấy khó chịu trước sự chỉ đạo, đôi khi có tính chất nhồi nhét của các cấp trên người Việt và đòi phải có Đảng riêng của mình. Đảng lúc này đã chính thức công nhận, cách mạng ở ba nước sẽ phát triển với tốc độ khác nhau và mỗi nước sẽ có đảng riêng của mình để đóng vai trò tiên phong trong quá trình đó. Trong khi Việt Nam đang tiến tới cách mạng dân tộc dân chủ, sau đó tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, Lào và Campụhia đã đi theo hướng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa của họ sẽ bị trì hoãn một số năm.

Tuy nhiên, quyết định tách Đảng cộng sản Đông Dương thành ba đảng riêng biệt không có nghĩa là Hồ Chí Minh và các cộng sự không còn quan tâm đến các nước khác ở Đông Dương. Ngược lại, mặc dù các tổ chức được thiết lập tại Lào và Campuchia mang tên Đảng Nhân dân Cách mạng, kế hoạch thiết lập một liên minh chặt chẽ giữa ba nhóm đã được đưa ra ngay sau khi Đại hội II kết thúc. Theo một tài liệu chính thức của Đảng được đưa ra tại Đại hội sau này Pháp lấy được, Việt Nam không hề có ý định chấm dứt sự kiểm soát đối với phong trào cách mạng trên toàn Đông Dương. Tài liệu này tuyên bố *“Đảng Việt Nam giữ quyền giám sát hoạt động của các đảng anh em ở Lào và Campuchia”,* mặc dù các nguồn tin của Việt Nam sau này xác nhận, quan niệm về một liên bang Đông Dương (lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị Ma Cao năm 1935) đã được công khai từ bỏ tại Đại hội năm 1951, nhưng tài liệu tịch thu được này lại nói ngược lại. Mặc dù có ba đảng riêng biệt, *“sau*

*này, nếu điều kiện cho phép, ba đảng cách mạng ở Việt Nam, Lào, Campuchia sẽ có thể thống nhất lại để thành lập một đảng duy nhất: Đảng Liên bang Việt - Miên - Lào".*

Quyết định duy trì quan hệ chặt chẽ giữa ba nước, đoàn kết thống nhất trong Liên hiệp Pháp chứng tỏ giới lãnh đạo Đảng nhận thấy tầm quan trọng chiến lược của Đông Dương như một khối thống nhất. Trong một cuốn sách học của Đảng mà người Pháp thu được năm 1950, ba nước được miêu tả như một khối thống nhất từ quan điểm đến địa lý, kinh tế, chính trị và chiến lược. Tài liệu này nói rằng các phong trào cách mạng ở ba nước được định hướng giúp đỡ lẫn nhau trong mọi lĩnh vực để tiến hành cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và xây dựng "*nền dân chủ mới*" trong tương lai.

Dấu ấn của Hồ Chí Minh có thể được tìm thấy trong nhiều tài liệu được Đại hội thông qua. Các cộng sự của ông đã chiếu theo ý kiến kiên quyết của Hồ Chí Minh cần phải đặt mục tiêu phản đế lên trên phản phong ở Đông Dương và công nhận cần phải hiệu triệu những phần tử ôn hoà trong xã hội Việt Nam. Nhấn mạnh đến tầm quan trọng của cuộc cách mạng hai giai đoạn (dù có ngắn đến đâu) và sự cần thiết phải áp dụng ý thức hệ cách mạng vào điều kiện cụ thể ở mỗi nước, các đảng viên đã hưởng ứng khuynh hướng thực dụng, điều luôn là ý tưởng của ông từ những ngày đầu tiên của phong trào.

Tuy nhiên, khó tránh khỏi kết luận Bắc Kinh cũng có ảnh hưởng chính đằng sau những quyết định tại Đại hội II. Bằng việc quyết định lập lại Đảng cộng sản như một "*lực lượng đưa đường chỉ lối*" hiện hữu thúc đẩy cách mạng Việt Nam, người Việt Nam đã đáp lại chỉ trích từ Trung Quốc và Liên Xô cuộc đấu tranh của họ từ trước đến giờ vẫn thiếu màu sắc Marxist cần thiết. Việc sử dụng

thuật ngữ *“nền dân chủ mới”* là một sự bắt chước trực tiếp từ một mô hình mới được chính người Trung Quốc áp dụng, trong khi nhấn mạnh đến *“sự lớn mạnh”* của cách mạng từ giai đoạn một sang giai đoạn hai, họ nhấn mạnh đến những quan ngại từ phía Moscow và Bắc Kinh rằng Đảng cộng sản Đông Dương vẫn chưa chính thống trong các hoạt động của mình.

Phản ứng của Hồ Chí Minh trước các quyết định tại Đại hội có lẽ lẫn lộn. Là một người có đầu óc thực tế, ông hiểu tầm quan trọng của việc xoa dịu Bắc Kinh để khuyến khích sự ủng hộ của Trung Quốc cho cách mạng Việt Nam và ít người sánh được với ông về khả năng quỵ luỵ trước Mao Chủ tịch và các cộng sự hãnh tiến của Mao. Nhưng chắc ông cũng lo lắng về hiểm hoạ của những ảnh hưởng thái quá của Trung Quốc và nhận thức được nhiều yếu tố trong mô hình Trung Quốc - cụ thể là nâng cao vai trò của Đảng, sự nhấn mạnh ngày càng nhiều tới cải huấn tư tưởng, trừng phạt nặng nề giành cho những ai bị tình nghi là phản động - có thể sẽ không thành công trên mảnh đất nhiệt đới của xứ Đông Dương thuộc Pháp này. Những bản năng bao quát của ông chắc chắn đã phản kháng khi biết nhiều người yêu nước Việt Nam sẽ bị đẩy ra khỏi hàng ngũ của Mặt trận Việt Minh và rơi vào tay kẻ thù.

Những lo lắng của ông Hồ không qua được mắt những quan sát viên thời đó và có nhiều lời đồn, mặc dù Hồ Chí Minh được khẳng định là Chủ tịch Đảng, cuộc họp đã đánh dấu một thất bại lớn của ông Hồ và ảnh hưởng của ông trong phong trào cách mạng Việt Nam. Theo các nguồn tin tình báo Pháp, một trong những kết quả của Đại hội là thay thế ảnh hưởng của những người ôn hoà như Hồ Chí Minh bằng những thành phần hiếu chiến đứng đầu là Trường Chinh - người vừa được bầu lại vào vị trí Tổng Bí thư Đảng và một nguồn tin báo chí tại Sài Gòn thậm chí đưa tin, ông Hồ đã bị tử hình theo lệnh của Võ Nguyên Giáp. Các nguồn thạo

tin tại Hà Nội thừa nhận, Đại hội thể hiện thất bại của Hồ Chí Minh và thắng thế của những người như Trường Chinh - những người quyết tâm đi theo lời khuyên của Trung Quốc và áp dụng đường lối cứng rắn hơn đối với cách mạng Việt Nam. Một Uỷ ban Trung ương mới gồm 29 uỷ viên đã được bầu ra (thành phần chủ yếu là những nhà cách mạng lão thành đã hoạt động tích cực trong Đảng từ trước Thế chiến II). Uỷ ban Trung ương lại bầu ra một Ban Chấp hành nữa (theo mô hình của Liên Xô là Bộ Chính Trị), gồm bảy đảng viên hàng đầu của Đảng và một uỷ viên dự khuyết. Bộ Chính trị sẽ điều khiển công việc của Đảng và chính phủ. Các thành viên chính của tổ chức này được mọi người coi là "tứ trụ" là Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh. Tóm tắt tiểu sử đăng trên báo *Nhân Dân* của Đảng tháng 3-1951 mô tả Trường Chinh như kiến trúc sư và người lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong khi Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc cách mạng.

Sau khi Giáp thất bại trong cuộc tấn công ở đồng bằng sông Hồng, cuộc xung đột dần lắng xuống, trở thành cuộc chiến cân bằng. Năm 1951, hầu hết các cố gắng của Việt Minh tập trung vào phía Bắc. Sau thất bại của cuộc tiến công của Nguyễn Bình mùa Hè năm 1950, các nhà chiến lược Việt Minh tạm gác cuộc đấu tranh ở Nam Bộ. Ông Bình tổ chức những cuộc tuần hành lớn ở Sài Gòn (còn gọi là "những ngày đỏ") chống lại chiến tranh và những khó khăn kinh tế, xã hội do chiến tranh gây ra. Ông coi đó là một phần chiến lược của mình. Nhân dân, đặc biệt là công nhân và sinh viên, phải chịu cảnh lạm phát và quân dịch, đã tham gia vào các cuộc tuần hành nhưng nhiều người trung dung cảm thấy đường đột vì các cuộc tuần hành này có khả năng dẫn đến bạo lực và không ủng hộ phong trào. Nguyễn Văn Tâm, thủ tướng mới của Bảo Đại, trước là Tổng trưởng cảnh sát được mọi người gọi là *"hùm xám Cai*

*Lậy”;* vì đã áp đặt mạnh mẽ những hoạt động nổi dậy ở miền Nam, phá vỡ bộ máy của Việt Minh tại Sài Gòn và đến tháng Tám, bộ máy Việt Minh hầu như đã chấm dứt hoạt động. Để chỉ đạo hoạt động cách mạng ở miền Nam, Đảng Lao động Việt Nam thành lập Trung ương Cục (tiếng Anh là COSVN), trực tiếp dưới sự kiểm soát của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Chiến trường Nam Bộ hầu như không hoạt động, Giáp và cộng sự của ông chuyển cố gắng của mình sang Lào và Campuchia cũng như vùng núi Tây Bắc Bắc Bộ. Mục tiêu của Giáp giữ chặt lực lượng quân sự của Pháp, buộc Pháp phải dàn trải quân khắp Đông Dương. Điều này tạo điều kiện cho Việt Minh có thể chọn được điểm yếu của quân Pháp. Việt Minh có thể tấn công công khai lực lượng quân địch và rồi có thể giáng cho lực lượng này thất bại nhuc nhã.

Tỉnh Hoà Bình là một thời cơ như vậy. Quân Pháp cho tỉnh lỵ Hoà Bình nằm ở ngoại vi đồng bằng sông Hồng, ngã ba trọng yếu nối tổng hành dinh của Việt Minh ở Việt Bắc với miền Trung và miền Nam, nguồn cung cấp tân binh và lương thực chính. Hồ Chí Minh đã nói với cộng sự của mình: *“Ruộng đất là chiến trường”.* Các đơn vị Pháp chiếm thị xã tháng 11-1951, với sự đồng ý của cố vấn Trung Quốc, Việt Minh tấn công mạnh vào các vị trí của Pháp ở khu vực này. Chiến sự dồn dập - như nhà sử học Bernard Fall gọi là *“cối xay thịt”* - đã diễn ra sau đó. Quân Pháp đã bị buộc phải bỏ vị trí tháng 2-1952, rút quân về đồng bằng. Vào lúc đó, tướng De Lattre về Pháp, chết vì ung thư vào tháng 1-1952. Đến thời điểm này, cách nhìn lạc quan trong các phần tử thân Pháp ở Đông Dương do tính năng động của ông De Lattre đem lại đã biến mất. Trận Hoà Bình được coi là thất bại lớn của Pháp. Sứ quán Mỹ ở Sài Gòn báo cáo những người quốc gia chủ nghĩa không cộng sản nản lòng và ngày càng tin rằng đến mùa hè Việt Minh sẽ chiếm Hà

Nội.

Theo lệnh của De Lattre, quân Pháp xây dựng một loạt đồn bốt hòng ngăn chặn Việt Minh xâm nhập đồng bằng, những phòng tuyến De Lattre cũng không hữu hiệu hơn phòng tuyến Maginot của Pháp trong Thế chiến II. Việt Minh bỏ qua các đồn bốt đó hoặc tấn công, đánh chiếm từng đồn một. Đến cuối năm 1952, các đơn vị Việt Minh đã có thể tự do di chuyển trong vùng quanh Hà Nội, tổ chức cách mạng đã được thành lập trong nửa số làng ở vùng đồng bằng. Chiến thắng Hoà Bình mở ra triển vọng lớn.

Mùa Thu năm ấy, các nhà chiến lược Việt Minh mở một mặt trận mới ở vùng Tây Bắc xa xôi. Quân Pháp đã chiếm giữ vùng rộng lớn núi cao và thung lũng nhỏ hiểm trở từ khi cuộc chiến bắt đầu. Vào mùa xuân năm 1952, theo gợi ý của các cố vấn Trung Quốc, các nhà chiến lược Việt Minh bắt đầu soạn thảo kế hoạch tấn công vào đồn bốt quân Pháp ở vùng này chuẩn bị cho một chiến dịch ở Trung và Bắc Lào. Làm như vậy, Việt Minh đã đánh lạc hướng lực lượng địch chú ý tới vùng đồng bằng, càng làm cho quân địch dễ bị tấn công hơn. Tháng 9-1952, Hồ Chí Minh bí mật đi Bắc Kinh tham khảo ý kiến về chiến dịch này. Ông còn đi tiếp đến Liên Xô, tham dự Hội nghị lần thứ XIX Đảng cộng sản Liên Xô. Vào cuối tháng 9-1952, kế hoạch tấn công căn cứ của Pháp tại Nghĩa Lộ được thông qua. Ông Hồ về Việt Nam tháng 12-1952.

Vào giữa tháng 10-1952, ba sư đoàn của Việt Minh tấn công căn cứ của Pháp ở Nghĩa Lộ. Các đơn vị của Pháp rút lui về vị trí đóng quân gần đó ở Nà Sản và Lai Châu, bỏ vị trí Sơn La, cách Nghĩa Lộ khoảng 40 dặm (65 cây số) về phía tây. Quân Việt Minh chiếm Sơn La, tập trung tấn công Nà Sản nhưng không thành công, tổn thất hàng ngàn quân. Nhưng thất bại không chiếm được Nà Sản chỉ là tạm thời. Vào đầu mùa Xuân năm sau, Việt Minh tập kết, tiến quân

sang phía bên kia biên giới Lào, chiếm Sầm Nưa, đe doạ kinh đô Luang Prabang. Sau khi buộc quân Pháp phải phân tán lực lượng, quân Việt Minh trở về Việt Bắc.

Trong suốt giai đoạn này, Hồ Chí Minh vẫn là người vô hình đối với thế giới bên ngoài, một nhân vật huyền bí không được nguồn tin đáng tin cậy nào của phương Tây nói đến từ mùa Xuân năm 1947. Ở Hà Nội, có một số người dựa trên tin là ông ốm liên miên trong thời gian sau Thế chiến II, đoán ông đã chết và thậm chí còn bị đày ở Trung Quốc vì chống lại sự có mặt ngày càng tăng của quân đội nhân dân Trung Hoa. Các nguồn tin tình báo của Pháp khẳng định, ông vẫn sống dựa vào bức ảnh của báo Nhân Đạo (L'Humanité) chụp khoảng tháng 7-1952. Cuối cùng Joseph Starobin, nhà báo tờ Daily Worker (Công nhân hàng ngày) đã gặp ông tại một địa điểm bí mật ở Việt Bắc tháng 3-1953, đăng bài phỏng vấn lên báo của các nước nói tiếng Anh.

Tuy nhiên, ở vùng giải phóng, Hồ Chí Minh là người ai cũng biết đến, ông là nhà chiến lược chiến tranh, người lãnh đạo và cổ động viên chính cho sự nghiệp cách mạng. Tháng 2-1952, một tù binh Pháp được thả cho biết, người ta thấy ông Hồ ở khắp nơi, ở mặt trận, ở trong làng, trên đồng ruộng và trong các cuộc họp cán bộ địa phương. Ăn mặc như một nông dân, ông liên tục tiếp cận những người theo ông, vui đùa với họ, khuyến khích họ hy sinh tất cả vì mục tiêu chung. Mặc dù điều kiện sống ở vùng giải phóng có phần tốt hơn những tháng cuối cùng của Thế chiến thứ Hai, nhưng quân Pháp vẫn liên tục ném bom và cứ ba đến năm ngày ông Hồ phải thay đổi chỗ ở một lần để tránh bị phát hiện và bị bắt. Mặc dù đã hơn 60 tuổi, ông vẫn đi bộ 50 cây số mỗi ngày qua những đường núi hiểm trở, túi nhỏ đeo sau lưng. Ông dậy sớm tập thể dục. Sau khi làm việc, vào buổi chiều ông chơi bóng chuyền hay bơi và đọc sách vào ban đêm.

Theo những tin tức riêng lẻ của những người đào tẩu hay tù binh được thả, tinh thần trong vùng giải phóng suy giảm, số người phàn nàn về điều kiện sống ngày càng tăng. Các nhà lãnh đạo Việt Minh buộc phải áp đặt lại chế độ lao động bắt buộc trong những vùng thuộc quyền kiểm soát để thực hiện những dự án công cộng. Theo chế độ này, người làm việc không được nhận lương ngoài một lượng lương thực rất nhỏ đủ ăn. Giới trí thức ngày càng lo sợ những buổi học chính trị và tự phê, trong khi thuế thì cao, lao động tự nguyện và các trận ném bom không ngừng của quân Pháp làm nhân dân mất tinh thần. Tuy vậy, hầu hết các quan sát viên đều cho rằng đa số cư dân địa phương tiếp tục ủng hộ Việt Minh vì đã có những cố gắng giành lại độc lập từ quân Pháp.

Chiến tranh leo thang, việc huy động quân và cung cấp lương thực ngày càng khó khăn hơn. Đến thời điểm này, nguồn nhân lực từ nông thôn hầu như đã cạn kiệt và nhiều tổ chức Việt Minh ở những thành phố lớn hầu như đã bị phá vỡ, Đảng buộc phải sử dụng các phương pháp mạnh mẽ hơn để bắt lao động và bắt lính ở nông thôn. Có nguồn tin không chính thức, một số gia đình nông dân phải di chuyển nơi ở sang sống vùng khác để trốn nghĩa vụ. Trong những năm đầu của cuộc xung đột, những đóng góp bằng thóc của nông dân theo nguyên tắc tự nguyện, sau này chính quyền buộc phải đánh thuế nông nghiệp 15% hoa màu thu hoạch được hàng năm.

Một trong những khó khăn để huy động sự giúp đỡ và ủng hộ của nhân dân nông thôn là thái độ bàng quan của nhiều nông dân đối với cuộc đấu tranh bởi vì họ không thấy được ý nghĩa của cuộc đấu tranh này đối với họ. Vào cuối thập niên 1940, đã có những biện pháp giảm địa tô, giảm lãi suất tiền vay, chia lại đất của những người cộng tác với Pháp cho dân nghèo, nhưng những biện pháp này có kết quả rất hạn chế. Do vậy, nhiều địa chủ cảm thấy

hoàn toàn an tâm khi không chú ý gì đến chỉ thị của Việt Minh hoặc tiếp tục ủng hộ quân Pháp trong một số trường hợp thậm chí ở ngay trong vùng do cách mạng kiểm soát.

Đến thời điểm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, đầu năm 1951, những khó khăn trở nên nghiêm trọng, cần phải có hành động và Trung ương Đảng đã thông qua một số biện pháp sửa đổi nhỏ. Nhưng những biện pháp quyết định vẫn không thể có được vì Đảng cố thực hiện chiến lược tạo dựng một mặt trận đoàn kết rộng rãi nhất có thể được chống kẻ thù chung là đế quốc. Mặc dù phương pháp giải quyết này chính là của Hồ Chí Minh, ngay cả Trường Chinh trong báo cáo tại Đại hội đã thừa nhận nhiệm vụ trọng yếu hiện tại là phản đế. Mặc dù phản phong cũng là nhiệm vụ rất quan trọng và *"phải được thực hiện đồng thời với nhiệm vụ phản đế",* ông nói, nhiệm vụ này phải được thực hiện *"từng bước một"* nhằm duy trì đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh chung. Do vậy, chính phủ đã không thực hiện chính sách trưng thu và phân phối lại toàn bộ đất đai do giai cấp địa chủ sở hữu. Tuy vậy, đến năm 1952, một số lãnh đạo có ảnh hưởng của Đảng đã bắt đầu lập luận, cần có những biện pháp triệt để hơn nữa để giành được sự ủng hộ của người nghèo ở nông thôn.

Tháng 1-1953, một chỉ thị mới được công bố. Dựa trên kinh nghiệm của Trung Quốc trong thời kỳ nội chiến ác liệt nhất, chỉ thị này thông báo giảm tô mạnh và trưng thu đất của địa chủ không hợp tác tích cực trong kháng chiến. Toà án cải cách ruộng đất gồm nông dân quá khích được thành lập ở cấp xã tiến hành điều tra sở hữu đất đai trong xã để có thể phân chia lại. Các buổi phê bình công khai tương tự như các buổi *"ôn nghèo kể khổ"* ở Trung Quốc đã được tổ chức trong các làng xã giải phóng, khuyến khích người nghèo chỉ trích thái độ độc tài của các phần tử giàu có trong cộng đồng. Có những tin cho rằng trong một số trường hợp, do cố vấn

Trung Quốc hối thúc, các nhà hoạt động Việt Minh đã hành quyết ngay những người bị buộc tội là phạm*"tội phản dân".* Như tác giả Dương Vân Mai Elliott mô tả trong cuốn sách đầy hấp dẫn về những điều đã xẩy ra đối với gia đình bà trong cuộc xung đột. Cán bộ cải cách ruộng đất bắt giam những địa chủ bị buộc tội đàn áp dân nghèo. Và rồi:

*"Họ xử địa chủ tại phiên toà mở tại chỗ, được chuẩn bị cẩn thận để những phiên toà này thể hiện ý chí của nhân dân. Khoảng 10 nông dân nghèo từng chịu đau khổ nhất, căm thù địa chủ nhất được chọn và chuẩn bị sẵn từ trước để tố cáo địa chủ trước toà. Khi nông dân lần lượt tố cáo địa chủ ở toà, các nông dân nghèo khác sẽ hô to: "Đả đảo địa chủ" để tăng bầu không khí thù địch. Nếu là án tử hình, địa chủ sẽ bị hành hình ngay tại chỗ. Nếu là án tù, họ sẽ bị chuyển đi nơi khác. Tài sản của địa chủ phạm tội bao gồm đất đai, nhà cửa, trâu bò, công cụ bị trưng dụng và phân phối lại cho những nông dân thiếu thốn nhất".*

Các nhà lãnh đạo Đảng hy vọng những biện pháp như vậy sẽ làm nông dân nghèo nhất phấn khởi, khuyến khích họ tham gia kháng chiến. Ngày 4-6-1953, đài phát thanh của Việt Minh đã truyền đi một bức thư, theo đài là của một phụ nữ nông dân gửi cho Hồ Chí Minh:

*"Trong thời gian bị Pháp đô hộ, tôi và con tôi không có cơm ăn và cũng chẳng có áo mặc. Con của tôi phải đi ở đợ, tôi phải mót khoai, đào củ mài để sống qua ngày... Cuối năm 1952, nông dân bắt đầu đấu tranh chống địa chủ bất lương, tàn ác... Nhờ có Chủ tịch, chúng tôi mới có cuộc sống dễ chịu. Chúng tôi không bao giờ quên ơn này".*

Với các phần tử quá khích thì những biện pháp này chưa đủ vì số nông dân không có ruộng đất ở vùng giải phóng dù đã giảm nhưng vẫn ở mức 15% dân số. Tại Hội nghị nông nghiệp toàn quốc

tháng 11, Trường Chinh đề xuất phải có chính sách cứng rắn hơn, đệ trình dự án luật cải cách ruộng đất mới cho phép tịch thu ruộng đất và tài sản của toàn bộ giai cấp địa chủ.

Thái độ của Hồ Chí Minh với dự án luật này chưa bao giờ rõ ràng, mặc dù rất có thể ông đã có lý do chống lại chương trình cải cách ruộng đất tiến hành quá chặt chẽ đến mức phân hoá các phần tử trung dung. Tuy nhiên, nhu cầu về nhân lực của cách mạng cuối cùng đã thắng thế. Trong một diễn văn đọc trước Quốc Hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vài tuần sau Hội nghị nông nghiệp toàn quốc, ông Hồ công nhận, các chính sách trước đó của chính phủ chú ý quá nhiều đến quan điểm của giai cấp địa chủ mà không chú ý đầy đủ đến mối quan tâm của nông dân. Tháng sau, luật cải cách ruộng đất mới quy định thực hiện việc giảm tô và trưng thu đất đai của toàn bộ giai cấp địa chủ. Địa chủ được xếp hạng tiến bộ về mặt chính trị sẽ được đền bù bằng công trái nhà nước, nhưng vẫn phải từ bỏ toàn bộ ruộng đất của mình ngoài phần cần thiết để sống. Địa chủ bị buộc tội là cường hào ác bá sẽ bị trừng trị. Mục tiêu của luật mới này không những chỉ nhằm giành được sự ủng hộ của nông dân mà còn phá bỏ quyền lực của giai cấp địa chủ ở nông thôn. Tuy chương trình cải cách ruộng đất quy định tiến hành cải huấn cho địa chủ không bị buộc tội là phản dân, trên thực tế những quy định này không được các cán bộ đầy tham vọng cấp xã chú ý đến. Lần đầu tiên kể từ cuộc nổi dậy Nghệ Tĩnh năm 1930-1931, Đảng đã quyết định mở cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn.

Tháng 1-1953, Dwight D. Eisenhower bước vào Nhà Trắng, trở thành tổng thống thứ ba mươi tư của Mỹ. Trong khi tranh cử, ông đưa ra cương Lĩnh *"đẩy lùi cộng sản",* lãnh đạo Đảng Cộng hoà chỉ trích việc mất Trung Hoa và tình thế tiến thoái lưỡng nam ở Triều Tiên, coi đó là di sản của tổng thống Đảng Dân Chủ trước đó.

Trong diễn văn Liên bang đầu tháng Hai, Eisenhower hầu như chẳng đề cập đến Đông Dương, mà chỉ nói cuộc chiến tranh Triều Tiên là *“một phần của cuộc tấn công có tính toán trước của kẻ địch ở Đông Dương và Mã Lai. Một phần của tình hình chiến lược rõ ràng bao gồm Đài Loan và lực lượng Quốc dân Đảng đang chiếm giữ tại đó”*.

Trong khi hội đàm với thủ tướng Pháp René Mayer tại Nhà Trắng cuối tháng 3-1953, tân tổng thống Mỹ cho biết, ông sẵn sàng tăng viện trợ cho quân Pháp với điều kiện, nếu quân Pháp chứng tỏ ý chí giải quyết vấn đề mạnh bạo hơn trong công cuộc tìm kiếm thắng lợi cuối cùng ở Đông Dương.

Tuy nhiên, Pháp từ lâu đã từ bỏ ý định này. Ngay từ đầu tháng 12-1949, tướng Carpentier đã cảnh báo tổng thống Vincent Auriol, nhiều nhất Pháp cũng chỉ có thể đạt được một giải pháp chính trị. Việc quân Pháp rút khỏi vùng biên giới một năm sau đó thể hiện sự chấp nhận ngầm quan điểm bi quan của Carpentier. Việc cử tướng De Lattre de Tassigny chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương cuối năm 1950 đã làm cho mọi người tin quân Pháp có thể thắng cộng sản, việc tướng Tassigny về nước và cử tướng Salan thay thế một năm sau đã làm cho các tướng lĩnh, các nhà chính trị Pháp chỉ còn thấy giải pháp chính trị mà thôi.

Để nhận viện trợ của Mỹ nhằm cải thiện vị thế của mình trước khi có giải pháp thương lượng, quân Pháp cần phải chứng minh họ đã có cách giải quyết vấn đề mạnh hơn. Trách nhiệm thuyết phục Nhà trắng tăng viện trợ quân sự của Mỹ nay thuộc về chỉ huy mới của Pháp là tướng Henri Navarre. Là tổng tham mưu trưởng lực lượng NATO của Pháp tại châu Âu, Navarre hoàn toàn không phải là người Washington ưa để thay Salan vì ông có tiếng là thận trọng, thậm chí không quyết đoán. Sau khi được cử làm chỉ huy

lực lượng viễn chinh Pháp, Navarre đã cố giảm bớt mối nghi ngờ bằng cách đưa ra một chiến lược đầy tham vọng "Kế hoạch Navarre", giành thế chủ động trong chiến trận Đông Dương.

Việc Mayer tỏ ra có vẻ có lập trường cứng rắn đối với Đông Dương lại có kết quả rất hạn chế ở Washington và Washington vẫn nghi ngờ ý định của Pháp. Đầu tháng 8-1953, một bài báo của tạp chí Đời Sống chỉ trích mạnh mẽ những nỗ lực của Pháp ở Đông Dương và khẳng định, Pháp *"đã thua"*. Tuy vậy, chính quyền mới ở Washington không có mấy lựa chọn nữa. Tham mưu trưởng Liên quân đã đồng ý với Kế hoạch Navarre. Tháng 9-1953, chính quyền Eisenhower ký hiệp ước mới tăng viện trợ của Mỹ cho lực lượng viễn chinh Pháp. Tuy vậy, Paris đánh giá tình hình không khả quan. René Pleven, Bộ trưởng Quốc Phòng Pháp, cảnh báo, kế hoạch Navarre không thực tế và tháng 7-1953 sứ quán Mỹ tại Paris cho biết chính phủ Pháp đã không chấp nhận đề nghị của tướng Navarre chuyển từ châu Âu sang thêm 12 tiểu đoàn. Sự ủng hộ của dân chúng đối với cuộc chiến tranh giảm sút nhanh chóng và khi tin tức về hiệp định viện trợ được thông báo tại Paris ngày 29-9-1953, những người chỉ trích cuộc chiến tranh lại nói rằng máu của người Pháp đang được đổi lấy đô-la Mỹ.

Kế hoạch Navarre dự kiến sẽ phát huy tác dụng vào mùa Xuân và mùa Hè năm 1954. Trong thời gian này, quân Pháp sẽ thực hiện chính sách phòng ngự, đồng thời củng cố các vị trí ở đồng bằng sông Hồng và các khu vực trọng yếu khác ở Việt Nam. Một trong những khu vực trọng yếu này là ở vùng Tây Bắc xa xăm, khu vực bị các đơn vị Việt Minh chiếm giữ từ mùa Thu năm 1952 làm bàn đạp tấn công Lào. Tháng 11-1953 theo lệnh của Paris phải bảo vệ thủ đô Luang Prabang của Lào khỏi sự đe doạ của địch, Navarre quyết định chiếm giữ cứ điểm Điện Biên, một huyện lỵ nhỏ trong thung lũng núi xa xăm gần biên giới với Lào, coi đó là cách làm

gián đoạn liên kết giữa Trung và Bắc Lào của Việt Minh. Huyện lỵ này trước đây đã bị Việt Minh chiếm giữ trong chiến dịch Tây Bắc. Giờ đây, quân Pháp nhảy dù xuống chiếm lại.

Trong khi tướng Navarre cố thực hiện giai đoạn đầu chiến lược của mình, các nhà chiến lược Việt Minh cũng vạch ra kế hoạch tác chiến cho chiến dịch năm 1953. Tại một cuộc họp Trung ương đầu năm, các nhà hoạch định chính sách của Đảng đã quyết định tránh đối đầu công khai với lực lượng thù địch trong tương lai gần đồng thời tìm điểm yếu trong lá chắn của địch, đặc biệt là ở Lào, Campuchia và vùng Tây Bắc. Chiến lược này không thay đổi trong cả năm, ngay cả khi Navarre đã quyết định một cách rõ ràng, phải tập trung lực lượng ở đồng bằng sông Hồng để ngăn chặn mối đe doạ của Việt Minh đối với vùng phụ cận Hà Nội. Võ Nguyên Giáp đề xuất tiến hành chiến dịch lớn ở đồng bằng với mục tiêu cuối cùng đánh chiếm Hà Nội và Hải Phòng, nhưng cố vấn Trung Quốc lại muốn có chiến lược thận trọng hơn tập trung vào vùng núi Tây Bắc. Hồ Chí Minh ủng hộ ý kiến của các cố vấn Trung Quốc và Bộ Chính trị đã chấp thuận ý kiến này vào tháng 9-1953. Kế hoạch này dự kiến sẽ được khẳng định tại một cuộc họp của Quân uỷ Trung ương tháng 11-1953.

Tin quân Pháp chiếm đóng Điện Biên Phủ đến tổng hành dinh của Việt Minh trong lúc các nhà chỉ huy quân sự đang chuẩn bị trình Quân uỷ Trung ương kế hoạch tấn công Pháp ở Lai Châu, vị trí quân sự biệt lập cách Điện Biên Phủ 80 cây số về phía bắc. Theo các nhà lãnh đạo Việt Minh, nếu Việt Minh chiếm lại căn cứ này thì sẽ tác động tới tinh thần quân Pháp và chuẩn bị cho những bước tiếp theo trong những năm tới. Khu vực này cũng có những lợi thế chiến lược. Cách Hà Nội hơn 400 cây số, quân Pháp sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc hậu cần và tăng viện cho Điện Biên Phủ.

Mặt khác, đánh Điện Biên Phủ sẽ là lần đầu tiên Việt Minh chủ động tấn công trực diện một căn cứ được lực lượng Pháp bảo vệ vững chắc. Tuy vậy, Điện Biên Phủ nằm ở thung lũng, gần biên giới với Trung Quốc và tổng hành dinh Việt Minh ở Việt Bắc cho phép Việt Minh dễ dàng chuyển khối lượng lớn vật dụng từ Trung Quốc. Sau khi tính toán kỹ lưỡng các khả năng, được cố vấn Trung Quốc và cấp trên ở Bắc Kinh khuyến khích, ngày 6-12-1953, lãnh đạo Đảng quyết định tập trung nỗ lực trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Trong năm đó, lãnh đạo Đảng bắt đầu bí mật chuyển ba sư đoàn chủ lực mới được thành lập ở vùng núi quanh Điện Biên Phủ trong khi các đơn vị khác tiến vào Bắc Lào để đánh lạc hướng, buộc quân Pháp phải dàn trải lực lượng của mình.

Tại sao các nhà lãnh đạo Trung Quốc lại đột nhiên quyết định kêu gọi khẩn thiết đồng minh Việt Minh tham gia vào cuộc đụng đầu lớn với quân Pháp? Nghĩ cho cùng quyết định tấn công Điện Biên Phủ sẽ buộc Trung Quốc phải tăng viện trợ cả về chất lẫn số lượng. Điểm mấu chốt dẫn đến thành công sẽ là khả năng pháo cao xạ của Việt Minh có thể làm yếu đi hoặc ngăn được quân Pháp tiếp viện và cung ứng cho khu vực này khi chiến sự leo thang. Mặc dù Bắc Kinh đã viện trợ cho Việt Minh trong cuộc chiến suốt ba năm, thấy được điểm lợi là vừa hoàn thành nghĩa vụ quốc tế của Trung Quốc và bảo vệ biên giới phía nam chống lại sự kiểm soát của đế quốc, trong những tháng đó các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã bắt đầu suy nghĩ. Tháng 7-1953, ngừng bắn đã có hiệu lực ở bán đảo Triều Tiên. Trung Quốc đã trả giá cao cho hành động can thiệp của Quân Giải Phóng Nhân Dân và đã có dấu hiệu chứng tỏ các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã quyết định tìm cách cải thiện quan hệ với phương Tây để giảm bớt nguy cơ xung đột trong tương lai, tạo điều kiện cho chính phủ chuyển những nguồn lực hiếm hoi cho kế hoạch 5 năm tới. Trong môi trường mới, cách

nhìn nhận ngày tận thế của Mao Trạch Đông về chiến tranh với đế quốc tất yếu ở châu Á đã mất đi sức mạnh. Trong một cuộc phỏng vấn ngày 24-8-1953, Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại Giao Chu Ân Lai tuyên bố *"các vấn đề khác"* có thể được bàn đến tại Hội nghị hoà bình nhằm chấm dứt cuộc xung đột ở Triều Tiên. Tháng 12-1953, ông thảo luận với các thành viên của một phái đoàn Ấn Độ về ý tưởng có một thoả thuận chung dựa trên những điều mà sau này trở thành *"năm nguyên tắc chung sống hoà bình"* giữa các quốc gia. Washington đã đáp lại một cách tế nhị khi Bộ trưởng Ngoại Giao Dullet, trong một diễn văn cho đội quân lê dương Mỹ đầu tháng 9-1953, đã gián tiếp nói *"Hoà Kỳ sẵn sàng xem xét một thoả thuận đàm phán để chấm dứt xung đột ở Đông Dương"*.

Moscow cũng ngày càng quan tâm nhiều tới việc chấm dứt xung đột ở Đông Dương. Tân Thủ tướng Liên Xô, ông Georgy Malenkov, đã trở thành nhân vật trên chính trường sau khi Iosiff Stalin chết tháng 3-1953. Ông có lý do phải có quan hệ tốt với phương Tây, kể cả việc phải giảm bớt ngân sách quốc phòng đã phình to để tập trung nguồn vốn hiếm hoi vào các dự án kinh tế. Cuối tháng 9-1953, Liên Xô đề nghị họp hội nghị năm nước lớn nhằm giảm bớt tình hình căng thẳng quốc tế. Một vài ngày sau, Trung Quốc cũng làm như vậy.

Quân Pháp chiếm Điện Biên Phủ đúng lúc các nhà lãnh đạo Trung Quốc (giống các nhà lãnh đạo Liên Xô) quyết định mở cuộc tấn công hoà bình nhằm đưa lại giải pháp đàm phán ở Đông Dương. Thắng lợi của Việt Minh ở Điện Biên Phủ có thể sẽ làm tình hình trong khu vực căng thẳng thêm khiến Mỹ can thiệp trực tiếp. Mặt khác, điều này có thể làm tăng thêm phong trào chống chiến tranh ở Pháp và tạo điều kiện cho một hiệp định hoà bình có lợi cho Việt Minh và Trung Quốc. Với Bắc Kinh, họ sẵn sàng chấp nhận canh bạc rủi ro này.

Trong khi Hồ Chí Minh và các cộng sự của ông chắc hẳn đã biết ơn Trung Quốc vì đã tăng cường giúp đỡ chiến dịch Tây Bắc, trước một loạt biểu hiện mong muốn có đàm phán hoà bình của các nước trên thế giới. Tổng hành dinh Việt Minh chắc có phản ứng thận trọng. Trong những tháng đầu của cuộc chiến khi Việt Minh rõ ràng yếu hơn kẻ thù, ông Hồ bằng mọi cách cố gắng đạt được một giải pháp thoả hiệp. Điều kiện trên mặt trận ngày càng được cải thiện và Pháp rõ ràng không còn tìm kiếm một thắng lợi hoàn toàn thì rất có thể các nhà lãnh đạo Việt Minh cũng không mặn mà gì nữa với một thoả hiệp. Trong khi nói chuyện với ông Léo Figueres của Đảng cộng sản Pháp tháng 3-1950, ông Hồ nhấn mạnh, tuy vẫn muốn có một giải pháp thông qua thương lượng nhưng các nhà lãnh đạo Đảng không muốn có thoả hiệp lớn. Ngay cả Trường Chinh còn có thái độ thù địch hơn. Trong diễn văn kỷ niệm sáu năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tháng 9-1951, Trường Chinh cảnh báo, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ không bị dụ dỗ vào bàn đàm phán và nhất mực cho rằng cần phải *"xoá bỏ mọi ảo tưởng của những kẻ cơ hội về đàm phán hoà bình với kẻ thù"*. Khi Paris có những bước thăm dò về một giải pháp thoả hiệp cuối năm 1952, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã không để ý tới. Đến tháng 9-1953, Thông Tấn Xã Liên Xô (TASS) đưa tin, trong diễn văn kỷ niệm lần thứ tám ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh đã tuyên bố, chỉ có thắng lợi trên chiến trường mới đem lại hoà bình.

Tuy nhiên, vài tuần sau các nhà lãnh đạo đảng Việt Nam quyết định theo đề nghị của Moscow và Bắc Kinh, tìm một giải pháp chính trị. Trong một bài phỏng vấn ngày 20-10-1953 với nhà báo tờ Tin Nhanh (Expressen) của Thuỵ Điển, ông Hồ tuyên bố, chính phủ sẵn sàng tham dự hội nghị quốc tế nhằm tìm giải pháp hoà bình cho Đông Dương. Ông Hồ nói *"Nếu chính phủ Pháp mong muốn*

*đình chiến và giải quyết vấn đề Việt Nam thông qua thương lượng, nhân dân và chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng xem xét đề nghị của Pháp".* Cuộc phỏng vấn này được báo chí thế giới đưa tin nhiều lần. Ít lâu sau, Bắc Kinh công khai bày tỏ sự đồng ý trong một xã luận của báo Nhân Dân Nhật Báo. Theo một nguồn ngoại giao Mỹ ở Sài Gòn, đề nghị tiến hành đàm phán hoà bình của ông Hồ đã gây ra một sự "*khó hiểu, kinh ngạc và sợ hãi*" trong những người Việt không cộng sản ở Sài Gòn.

Là người có đầu óc thực tế, Hồ Chí Minh biết một giải pháp thông qua thương lượng là một khả năng tiến tới chấm dứt chiến tranh. Tháng 7-1953, việc Mỹ quyết định tìm cách chấm dứt xung đột ở Triều Tiên là dấu hiệu an ủi cho thấy, đế quốc sẵn sàng nhượng bộ khi gặp phải khó khăn, tin tức này đã làm Việt Minh hy vọng Đông Dương có thể có một kết cục tương tự. Nhưng trong một bài diễn văn đọc trước một nhóm trí thức ở Việt Bắc sau đó vài tuần, ông Hồ lại cảnh báo, không nên có ảo tưởng là hoà bình sẽ đến một cách dễ dàng. Cũng như người Mỹ, người Pháp không sẵn sàng có nhượng bộ lớn trên bàn đàm phán trừ khi thua trên chiến trường. Ông cảnh báo, quân địch *"đang bẫy chúng ta bằng mồi, nếu chúng ta vội vã như đàn cá và quên phải cảnh giác để tự vệ, sẽ bị chúng đánh bại".* Do vậy, điều quan trọng là phải cảnh giác và tiếp tục chiến đấu, ngay cả khi Mỹ quyết định tham gia xung đột.

Trong tình hình như vậy, ngay cả khi tỏ ý sẵn sàng tham gia hoà đàm, ông Hồ chắc phải có chút nghi ngờ vì điều kiện cho thắng lợi chưa hoàn toàn chín muồi như ông đã nêu với cộng sự trong cuộc gặp tháng 11-1953. Đồng thời, thái độ của Liên Xô và Trung Quốc là đáng lo ngại. Liên Xô ủng hộ cầm chừng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam, do vậy không hy vọng gì nhiều từ Moscow. Nhưng sự ủng hộ vững chắc của Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa là một phần trọng yếu trong chiến lược của Việt Minh,

do vậy bất kỳ dấu hiệu nào chứng tỏ Bắc Kinh sẵn sàng thoả hiệp vấn đề này vì lợi ích dân tộc của họ chắc sẽ làm ông Hồ và cộng sự của ông ở Việt Bắc càng lo lắng hơn.

Mặt khác, Hồ Chí Minh biết, Việt Minh không thể tiếp tục chiến đấu lâu dài nếu không có sự hỗ trợ hoàn toàn của Trung Quốc. Đây không phải là lần đầu ông Hồ chấp nhận phải nhượng bộ để tiếp tục chiến đấu. Về phần mình, Moscow và Bắc Kinh hầu như chẳng cần sự đồng ý của Hà Nội để bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia của mình. Tại một Hội nghị tổ chức đầu năm 1954 ở Berlin, đại biểu các nước lớn thoả thuận, một hội nghị quốc tế khác sẽ được tổ chức tại Geneva tháng 4 để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoà bình thế giới. Tuy chính quyền Eisenhower khó chịu, Đông Dương và tình hình ở Triều Tiên đều nằm trong đề mục thảo luận. Tháng 3-1953, một phái đoàn Việt Nam đến Bắc Kinh tham khảo ý kiến các quan chức Trung Quốc và xây dựng một chiến lược chung tại Geneva. Ít lâu sau, một phái đoàn Việt Nam do Hồ Chí Minh dẫn đầu đi Bắc Kinh và Moscow để hoạch định chiến lược đàm phán chung với các nhà lãnh đạo Trung Quốc và Liên Xô. Dựa trên kinh nghiệm đàm phán với Mỹ nhằm chấm dứt xung đột ở Triều Tiên, Trung Quốc và Liên Xô khuyên Việt Nam phải "*thực tế*" tại Hội nghị Geneva.

Hai ngày sau khi Hội nghị Geneva được công bố triệu tập, nguồn tin tình báo Pháp cho hay đơn vị Việt Minh ở Thượng Lào đã chuyển quân theo hướng đông về Điện Biên Phủ. Mặc dù hoạt động của Việt Minh còn được tiến hành ở nhiều nơi khác như Bắc Bộ, Tây Nguyên, Lào và hành lang Hà Nội - Hải Phòng vào đầu tháng Ba, tài liệu do Pháp bắt được cho thấy rằng Việt Minh đang chuẩn bị tấn công lớn ở vùng Tây Bắc. Cuộc tấn công này sẽ phối hợp với cuộc đàm phán sắp tới tại Geneva. Có thêm những dấu hiệu chứng tỏ viện trợ quân sự của Trung Quốc cho Việt Minh đã

tăng nhiều, làm tăng thêm khả năng Việt Minh thắng trận.

Lần này, nguồn tin tình báo của Pháp đã đúng. Bắt đầu từ tháng 12-1953, các đơn vị Việt Minh đã dần tập trung ở vùng núi bao quanh căn cứ của Pháp tại Điện Biên Phủ, trong khi hàng ngàn dân công được huy động để chuyển đạn dược và pháo cao xạ từ biên giới Trung Quốc đến khu vực này. Một người tham gia chiến dịch đã kể lại cho nhà báo Mỹ:

*"Chúng tôi phải vượt núi, băng rừng, ban đêm hành quân còn ban ngày ngủ để tránh bom của kẻ thù. Có lúc chung tôi ngủ hầm, có lúc chúng tôi ngủ ngay cạnh đường. Mỗi chúng tôi đeo súng, đạn và ba - lô. Chúng tôi có chăn, màn và một bộ quần áo. Mỗi người đều có đủ gạo ăn một tuần và được nhận thêm tại các trạm dọc đường. Chúng tôi ăn rau và măng lấy trong rừng, thỉnh thoảng dân làng lại cho chúng tôi thịt. Tôi đã tham gia Việt Minh chín năm rồi nên quen như vậy".*

Để mang lại điều thuận lợi cần thiết trên chiến trường nhằm đạt được một giải pháp hoà bình tại bàn hội nghị, trong vài tháng liền Trung Quốc tăng viện trợ quân sự. Theo một nguồn tin của Trung Quốc, hơn 200 xe tải, 10.000 thùng dầu, hơn 100 pháo, 60.000 đạn cao xạ, 3.000 súng và khoảng 1.700 tấn gạo đã được chuyển cho quân đội Việt Nam đang bao vây Điện Biên Phủ. Để khuyến khích cố vấn Trung Quốc ở Việt Nam cố đạt được thắng lợi quân sự, Chu Ân Lai gửi thông điệp sau: *"Nhằm giành thắng lợi trong lĩnh vực ngoại giao, chúng ta có thể cần phải tính đến việc giành thắng lợi mạnh ở Việt Nam trước khi đình chiến ở Triều Tiên"*. Hồ Chí Minh hiểu rõ điều này. Trong một bức thư gửi ông Giáp tháng 12-1953, ông viết: *"Chiến dịch này rất quan trọng, không chỉ về mặt quân sự mà còn về mặt chính trị, không chỉ vì lý do trong nước mà còn vì lý do quốc tế nữa. Do vậy, toàn thể nhân dân, toàn thể lực lượng vũ trang và toàn thể Đảng ta phải đoàn kết để thực hiện việc này".*

Với ông Hồ và các cộng sự, vấn đề không còn liệu có tấn công cứ điểm quân Pháp hay không mà làm thế nào tấn công được. Ông Võ Nguyên Giáp vốn thận trọng ủng hộ kế hoạch làm suy yếu quân địch, sử dụng pháo binh bắn phá sân bay nhỏ ở thung lũng Điện Biên Phủ và cắt đường tiếp tế của quân Pháp. Quân Việt Minh sau đó có thể dần dần vô hiệu hoá hoả lực của quân Pháp, chiếm từng cứ điểm bên ngoài căn cứ. Theo các nguồn tin Việt Nam, tướng Vi Quốc Thanh, cố vấn cao cấp của Trung Quốc, đã ủng hộ cách giải quyết khác, tiến hành cuộc tấn công thần tốc dựa trên chiến thuật *"biển người"* đã được các đơn vị giải phóng sử dụng rất có hiệu quả chống lại quân của Liên Hợp Quốc tại Triều Tiên.

Cuộc tấn công đầu tiên của Việt Minh vào Điện Biên Phủ bắt đầu vào giữa tháng 1-1954. Việt Minh tập trung 33 tiểu đoàn chính quy bao gồm 50.000 quân ở vùng núi quanh cứ điểm. Số quân này đối chọi với kẻ địch gồm 16.000 quân. Ngoài lực lượng chính quy, Việt Minh có hơn 55.000 quân hỗ trợ và khoảng 100.000 dân công. Nhiều dân công là phụ nữ ở các tỉnh miền trung đã phải đi qua khu vực địch chiếm ở đồng bằng sông Hồng để đến được khu tập kết dọc biên giới Trung Quốc. *"Đội quân tóc dài"* này mang vác pháo và phương tiện chiến tranh khác đi hàng trăm dặm đường địa hình khó khăn đến khu vực căn cứ. Mỗi dân công chuyển trung bình 15 cân hàng qua 16 cây số đường rừng mỗi đêm. Tuy hầu hết hàng cung cấp là xăng dầu và đạn dược, nhưng cũng còn có những khẩu pháo lớn của Liên Xô được chuyển từng bộ phận từ biên giới Trung Quốc ở Lạng Sơn, cách hơn 400 cây số.

Trong giai đoạn đầu, những người tấn công đã theo lời khuyên của Trung Quốc sử dụng chiến thuật *"biển người",* nhưng tổn thất nặng nề đến mức cuối tháng 1-1954, Bộ Tư lệnh Việt Nam (theo yêu cầu khẩn thiết của Bắc Kinh) đánh giá lại tình hình và quyết định chuyển sang cách đánh thận trọng hơn. Trong vài tuần sau đó,

quân Việt Minh đào mấy trăm cây số giao thông hào để tiến vào hệ thống phòng thủ bên ngoài của Pháp mà không bị hoả lực của Pháp khống chế. Đồng thời quân Việt Minh cũng đào một loạt giao thông hào quanh cứ điểm đã bao vây. Pháo được dân công chuyển từ biên giới Trung Quốc từng phần đến, lắp ráp lại tại chỗ, đặt bên trong đường hầm. Pháo có thể cơ động nhanh giữa các địa điểm khác nhau, ngăn không cho quân Pháp từ cứ điểm phát hiện chính xác điểm bắn.

Lúc đầu, hàng tiếp tế và quân tiếp cận đến bằng đường không, nhưng rồi sân bay bên ngoài căn cứ không thể sử dụng được nữa vì bị pháo bắn phá rất ác liệt. Máy bay hạ cánh để dỡ đồ tiếp tế hầu như bị pháo của Việt Minh từ các vùng núi bao quanh cứ điểm bắn phá. Ít lâu sau, phi công Pháp buộc phải bay vội qua thung lũng, thả dù tiếp tế và tiếp viện. Cuối cùng hoả lực của Việt Minh mạnh đến mức quân tiếp viện nhảy dù xuống thường chết trước khi xuống được đến đất.

Tình hình càng nguy hiểm, quân Pháp càng khẩn thiết cầu cứu viện trợ của Mỹ. Vào giữa tháng 3-1954, Paris cử tướng Paul Ely đến Washington yêu cầu Mỹ tiến hành không kích để giảm căng thẳng cho cứ điểm của Pháp và bảo vệ cho cứ điểm này khỏi nguy cơ sụp đổ. Đề nghị này được đô đốc Arthur Radfor, Chủ tịch Tham mưu trưởng liên quân và Phó tổng thống Nixon ủng hộ. Trong một cuộc nói chuyện với đại sứ Pháp Henri Bonnet ngày 28 tháng 4, Nixon tuyên bố *“hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đô đốc Arthur Radfor và ủng hộ máy bay Mỹ can thiệp ồ ạt để cứu Điện Biên Phủ”*. Nhưng tổng thống Eisenhower, do ý nguyện tham gia cuộc chiến trên bộ ở châu Á của ông đã giảm vì kết cục không dứt khoát hành động can thiệp tại bán đảo Triều Tiên, lại chần chừ không muốn đưa quân vào Đông Dương nếu không bảo đảm cuộc chiến đấu sẽ được thực hiện trên cơ sở đa phương, với điều kiện Pháp phải hứa

sẽ trao quyền độc lập hoàn toàn cho ba nước Đông Dương. Trong chuyến đi London, Paris, Ngoại trưởng Mỹ Dullet phát hiện, cả Anh lẫn Pháp đều không đồng ý với điều kiện của Mỹ. Eisenhower sau đó đã không chấp nhận yêu cầu của Pháp cung cấp yểm trợ bằng máy bay tuy vẫn thăm dò khả năng Mỹ can thiệp. Eisenhower cũng chần chừ không muốn có một giải pháp thoả đáng trên bàn hội nghị hoà bình.

Đầu tháng 5-1954, Việt Minh thâm nhập vào tuyến phòng thủ bên ngoài của cứ điểm Điện Biên Phủ và bắt đầu nã pháo vào các cứ điểm bên trong. Theo nguồn tin của Trung Quốc, cuối cùng lòng tin của các nhà hoạch định kế hoạch chiến tranh của Việt Minh bị nao núng vì tổn thất quá lớn và mối đe doạ can thiệp của Mỹ. Với sự cổ vũ mạnh mẽ của Bắc Kinh, Việt Minh cuối cùng quyết định tấn công toàn bộ cứ điểm giành thắng lợi. Cuộc tấn công diễn ra ngày 6-5-1954. Võ Nguyên Giáp đã miêu tả một cách ngắn gọn: *"bộ đội ta tấn công từ mọi phía, chiếm sở chỉ huy của địch và bắt sống toàn bộ Bộ tham mưu"*. Quân Pháp thất bại hoàn toàn. Hơn 1.500 quân lính Pháp bị chết, 4.000 bị thương, số còn lại bị bắt làm tù binh hay mất tích. Khoảng 70 quân Pháp trốn thoát trở về phòng tuyến của mình. Tổn thất của Việt Minh lớn hơn nhiều, 25.000 bị thương vong, trong đó có 10.000 chết.

Ngày 8-5-1954, một ngày sau khi quân Pháp đầu hàng tại Điện Biên Phủ, đàm phán hoà bình để giải quyết cuộc xung đột Đông Dương bắt đầu như đã định tại Geneva. Tham dự hội nghị có đoàn đại biểu của Pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Anh, Liên Xô, Trung Quốc và Mỹ cũng như đại diện chính phủ Bảo Đại, đại diện của chính phủ hoàng gia Campuchia và Lào, bấy giờ gọi là nước liên hiệp. Các nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thể hiện cảnh báo trước đây của Hồ Chí Minh, thắng lợi sẽ không dễ dàng, đến Hội nghị với thái độ thận trọng. Tuy nhiên họ cảm thấy đây là

cơ hội sẽ có những bước tiến quan trọng trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

Tại phiên khai mạc Hội nghị, phái đoàn Pháp nêu điều kiện cho một giải pháp, kêu gọi cả hai bên tập kết quân dưới sự giám sát của Uỷ ban Kiểm soát quốc tế. Ông Phạm Văn Đồng, đứng đầu đoàn đàm phán của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (cũng như tại Hội nghị Fontainebleau năm 1946) chấp nhận đề nghị của Pháp cần có ngừng bắn trước khi có giải pháp về các vấn đề chính trị, nhưng trong tất cả các lĩnh vực khác, điều kiện (do Bộ Chính trị soạn thảo) của ông khác hẳn với đề nghị của Pháp. Ông đòi quốc tế công nhận chủ quyền và độc lập hoàn toàn của ba nước Đông Dương, rút hết quân đội nước ngoài, tổ chức tuyển cử tự do dưới sự giám sát của chính quyền địa phương. Ngoài ra, ông còn yêu cầu đại diện của phong trào cách mạng Lào và Campuchia (Pathet Lào và Khmer Đỏ) được dự Hội nghị với tư cách đại diện của nhân dân hai nước này. Ông Đồng đã đồng ý xem xét khả năng gia nhập Liên hiệp Pháp dựa trên cơ sở tự nguyện, công nhận quyền lợi kinh tế và văn hoá của Pháp tại ba nước Đông Dương.

Paris không còn khả năng mặc cả được gì. Các nguồn tin tình báo Pháp công khai dự đoán Hà Nội có thể thất thủ nếu Việt Minh tấn công mạnh. Washington cũng có quan điểm bi quan như vậy. Tại một buổi thông báo tình hình của Hội nghị an ninh quốc gia ngày 8-5-1954, giám đốc CIA Allen Dullet dự kiến, với 5.000 chiếc xe tải, quân Việt Minh có thể di chuyển dễ dàng từ Điện Biên Phủ đến đồng bằng Bắc Bộ trong vòng từ hai đến ba tuần. Mặc dù lực lượng vũ trang của Pháp ở đồng bằng là 200.000 quân so với 76.000 quân chủ lực của Việt Minh, hầu hết quân Pháp tinh thần suy sụp và nằm bẹp trong đồn xung quanh toàn là dân cư thù địch hoặc không ủng hộ. Còn quân đội quốc gia Việt Nam do chính phủ Bảo Đại thành lập sau khi ký Hiệp ước Elysée, như tướng Navarre

gọi họ là *“lũ ô hợp”*.

Tuy nhiên, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp khó khăn nghiêm trọng tại Hội nghị. Mặc dù đại diện Việt Minh đã gặp đại diện của Trung Quốc và Liên Xô trước Hội nghị để soạn thảo chiến lược đàm phán chung, điều rõ ràng cả Moscow và Bắc Kinh đều không muốn ủng hộ Việt Minh tiếp tục cuộc chiến, họ cũng chẳng sẵn sàng đáp ứng hoàn toàn mọi yêu cầu của Việt Minh. Cả hai đều chú ý đến lợi ích an ninh của chính họ tại Geneva và đều mong tránh phải đụng đầu với Mỹ. Sau khi các cuộc tranh cãi ban đầu lắng đi, rõ ràng cả Ngoại trưởng Liên Xô, ông Vycheslav Molotov và trưởng phái đoàn Trung Quốc tại hội nghị, ông Chu Ân Lai đều mong có thoả hiệp dựa trên việc chia cắt Việt Nam thành hai khu vực tập kết. Một do Việt Minh chiếm giữ và một do chính phủ Bảo Đại và những người ủng hộ chính phủ này chiếm giữ. Hơn nữa, sau thời gian đầu ủng hộ quan điểm của Việt Minh về Campuchia và Lào, Ngoại trưởng Chu Ân Lai nói rõ với Phạm Văn Đồng, Trung Quốc không ủng hộ yêu cầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đòi Pathet Lào và Khmer Đỏ tham gia Hội nghị như là đại diện chân chính của nhân dân Lào và Campuchia. Chu Ân Lai còn cảnh báo vấn đề này sẽ gây nguy cơ đối với quá trình đạt đến giải pháp và dẫn đến can thiệp trực tiếp của Mỹ vào cuộc chiến. Ông tin, tốt hơn là chấp nhận trung lập hoá hai quốc gia này với chính phủ hoàng gia hiện hành. Để khuyến khích Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chấp nhận, ông Chu Ân Lai đồng ý kiên quyết lập trường phải cho lực lượng Pathet Lào có một khu vực tập kết sau khi xung đột kết thúc. Rõ ràng Phạm Văn Đồng đã phải đồng ý một cách miễn cưỡng.

Nhiều năm sau các nguồn chính thức của Việt Nam lại cho cách Chu Ân Lai cư xử tại Hội nghị Geneva là do Trung Quốc muốn kéo Lào và Campuchia vào khu vực ảnh hưởng của mình. Mặc dù hầu

như không có bằng chứng gì chứng tỏ điều này là đúng, rất có thể Bắc Kinh đã coi hai nước này có tầm quan trọng thiết yếu đối với an ninh của mình ở khu vực và do vậy không muốn có một Liên bang Đông Dương. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, lý do chính ngăn không cho đàm phán hoà bình sụp đổ loại bỏ khả năng Mỹ thiết lập căn cứ ở hai nước. Chắc chắn vì những lý do này mà ông Chu Ân Lai đã khẩn thiết kêu gọi ông Đồng chấp nhận thoả hiệp, một quan điểm mà phái đoàn Liên Xô ủng hộ mạnh mẽ.

Giải quyết xong vấn đề Lào và Campuchia, Hội nghị tạm nghỉ. Trong khi đó đoàn đại biểu Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bắt đầu chú ý đến chi tiết của giải pháp ở Việt Nam. Trong hội đàm riêng về quân sự với Pháp, đại biểu Việt Minh nói rõ, họ muốn có một khu vực lãnh thổ liền kề nhau làm khu vực tập kết quân và những người theo họ bao gồm đồng bằng sông Hồng, kể cả Hà Nội và Hải Phòng. (Một nhà đàm phán cao cấp của Việt Minh nói: *“Chúng tôi phải được Hà Nội, chúng tôi phải có đường thoát”).* Quân Pháp không muốn mất Hà Nội, nhưng lại nói một cách gián tiếp, họ muốn được rảnh tay ở phía nam, ít nhất là một khu vực riêng ở phía bắc để chuyển quân và dân ra khỏi vùng đồng bằng sông Hồng.

Do vậy, cuộc tranh luận tập trung vào đường phân chia hai khu vực tập kết và việc thực hiện những thảo thuận chung. Lúc đầu, ông Phạm Văn Đồng đòi đường phân chia phải ở vĩ tuyến 13 trong khi Pháp muốn đường này ở ngay phía nam đồng bằng sông Hồng ở miền Bắc. Để giám sát Hiệp định, đại biểu của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muốn trong nước giám sát nhưng Pháp (với sự hỗ trợ của Mỹ) yêu cầu phải thành lập Uỷ ban Giám sát Quốc tế dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc.

Trong khi hai phái đoàn Pháp và Việt Nam tranh cãi về chi tiết,

Chu Ân Lai về Bắc Kinh tham khảo ý kiến của Mao Trạch Đông và các nhà lãnh đạo chính phủ khác. Trên đường về, dừng chân tại Ấn Độ, ông yêu cầu Thủ tướng Jawaharlal Nehru ủng hộ lập trường của Trung Quốc tại bàn Hội nghị. Để giảm bớt lo lắng của Nehru về khả năng toàn bộ Đông Dương sẽ sớm rơi vào tay cộng sản (và do vậy sẽ rơi vào sự kiểm soát của Trung Quốc), Chu Ân Lai hứa, toàn bộ quân Việt Minh sẽ rút khỏi Lào, Campuchia và hai nước này sẽ có chính phủ độc lập do họ tự chọn. Về tình hình Việt Nam, ông bảo đảm với các nhà lãnh đạo Ấn Độ, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ tôn trọng bất kỳ thoả thuận nào chia cắt Việt Nam thành hai miền, ông tuyên bố thêm, chủ nghĩa xã hội *"không phải để xuất khẩu"*. Trong một thông báo đưa ra sau một loạt các cuộc gặp gỡ, hai nhà lãnh đạo đã khẳng định ủng hộ khái niệm năm nguyên tắc chung sống hoà bình và coi năm nguyên tắc này là cơ sở thích hợp cho quan hệ quốc tế ở châu Á và thế giới.

Dừng chân ngắn ở Rangoon, Chu Ân Lai thảo luận với Thủ tướng Miến Điện, ông U Nu. Sau đó ông Chu Ân Lai về Bắc Kinh, đi thẳng đến Liễu Châu, nơi đã từng là đại bản doanh của Trương Phát Khuê ở nam Trung Quốc. Ở Liễu Châu, ông gặp Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp. Cuộc gặp này không được mấy ai chú ý. Một tuyên bố báo chí sau đó của Tân Hoa Xã chỉ nói rằng *"Thủ tướng Chu Ân Lai và Chủ tich Hồ Chí Minh đã trao đổi toàn bộ ý kiến về Hội nghị Geneva, vấn đề khôi phục hoà bình ở Đông Dương và các vấn đề có liên quan"*. Tuy nhiên, một nguồn tin Trung Quốc gần đây cho biết, ông Chu đã thuyết phục được ông Hồ thấy sự cần thiết phải có một giải pháp thoả hiệp ở Geneva để tránh can thiệp trực tiếp của Mỹ vào cuộc chiến. Hai vị lãnh tụ đã thoả thuận chấp nhận vĩ tuyến 16 làm đường phân giới giữa hai khu tập kết. Hai vị lãnh tụ cũng thoả thuận chấp nhận việc thành lập chính phủ không cộng sản ở Lào và Campuchia, với điều kiện Pathet Lào cũng có một khu

vực tập kết nhỏ. Ông Hồ cũng đồng ý đưa ra tuyên bố chung, ba nước Đông Dương sẽ tuân thủ năm nguyên tắc cùng chung sống hoà bình. Để đổi lại, Chu Ân Lai hứa Trung Quốc sẽ tiếp tục ủng hộ và viện trợ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong những hiệp định viện trợ ký tại Bắc Kinh ngày 7-7-1954, Trung Quốc cam kết tăng thêm viện trợ thương mại và kinh tế. Những nguồn tin chính thức ở Việt Nam chỉ đưa tin cụt lủn về kết quả cuộc gặp. Báo Nhân Dân của Đảng ghi nhận một cách không rõ ràng *"việc khôi phục hoà bình ở Đông Dương không thể chỉ do một bên quyết định"*.

Sau những cuộc tham khảo ý kiến ngắn ở Bắc Kinh, Chu Ân Lai trở lại Geneva trong khi các đại biểu đang giải quyết nốt những vấn đề tồn đọng, hiệp định đã được ký kết ngày 21-7-1954. Một Uỷ ban Quốc tế sẽ giám sát Hiệp định. Uỷ ban này bao gồm Ấn Độ, Canada và Ba Lan. Một tuyên bố chính trị không mang tính ràng buộc kêu gọi chính quyền ở hai khu vực tập kết tiến hành hiệp thương và tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước hai năm sau. Điểm khó khăn cuối cùng là thảo thuận thiết lập đường phân giới giữa hai khu vực tập kết tại vĩ tuyến 17. Khi Phạm Văn Đồng có vẻ chần chừ không chấp nhận nhượng bộ, ông Chu lập luận, cho phép Thủ tướng Pháp, ông Pierre Mendes France, giữ thể diện của mình là giá nhỏ phải trả cho việc quân Pháp rút. Ông Chu còn hứa *"Khi quân Pháp rút hoàn toàn, toàn bộ Việt Nam là của các bạn"*.

Tuy nhiên, theo quan điểm của Hồ Chí Minh và các cộng sự thì có những tiến triển bất lợi ngay sau khi Hội nghị kết thúc. Chính quyền Eisenhower đã lo ngại theo dõi đàm phán tại Geneva và quyết định không chấp nhận các điều kiện của Hiệp định trừ khi ít nhất một phần của Việt Nam vẫn an toàn. Vì điều khoản về thống nhất hoàn toàn đất nước thông qua tuyển cử tổ chức năm 1956 mở ra khả năng cộng sản thắng lợi hoàn toàn, Washington bắn tin sẽ không đồng tình với tuyên bố chính trị và sẽ không cam kết ủng

hộ Hiệp định Geneva. Phái đoàn của Bảo Đại cũng làm như vậy, không chịu chấp thuận tuyên bố chính trị, lập luận, quyết định chia cắt đất nước là của chính quyền thực dân chứ không phải là nguyện vọng của nhân dân. Một vài ngày sau khi hội nghị kết thúc, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Dullet thông báo tại một cuộc họp báo, Mỹ sẽ gây dựng sự phát triển của một nhà nước không cộng sản ở Nam Việt Nam, Lào và Campuchia. Tuyên bố này tuyệt nhiên không hề là dấu hiệu tốt lành cho cuộc Tổng tuyển cử trong tương lai.

Nhiều quan sát viên tại hội nghị đã nhận thấy thái độ cay cú của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trước việc Trung Quốc và Liên Xô phản bội lợi ích của mình. Nhớ lại điều này, Vương Bỉnh Nam, một nhà ngoại giao Trung Quốc sau này nói, một số đại biểu *"hy vọng sẽ thống nhất Việt Nam được ngay"*.

Thái độ cay cú này rõ ràng không chỉ là thái độ của đoàn đại biểu Việt Nam mà còn thể hiện ở trong nước Việt Nam. Tình hình này rõ ràng nghiêm trọng đến mức Hồ Chí Minh cũng bắt đầu chú ý. Trong báo cáo chính trị cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng vài ngày trước khi Hiệp định Geneva được ký kết, ông Hồ viết:

*"Một số người quá say sưa với thắng lợi liên tục của chúng ta, muốn tiếp tục chiến đấu đến cùng với bất kỳ giá nào. Họ chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Tập trung vào việc quân Pháp rút, họ không thấy âm mưu của chúng. Họ thấy Pháp nhưng không thấy Mỹ. Họ thiên về hành động quân sự và coi nhẹ ngoại giao. Họ không biết chúng ta đang đấu tranh tại các hội nghị quốc tế cũng như tại chiến trường để đạt được mục tiêu"*.

Hồ Chí Minh tranh luận với những người *"muốn có kết quả nhanh, không biết rằng cuộc đấu tranh giành hoà bình là khó khăn và phức tạp"*. Điều họ không thấy, ba nước đã có những bước tiến lớn

trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho các nước Đông Dương. Tuy nhiên, bây giờ cần có một chiến lược, vì Mỹ kiên quyết phá hoại khả năng hoà bình, can thiệp và biện hộ cho xung đột ở Đông Dương. Do hoàn cảnh mới, khẩu hiệu hiệu cũ *"Kháng chiến đến cùng"* phải được thay thế bằng khẩu hiệu *"Hoà bình, đoàn kết, độc lập, dân chủ"*. Một chính sách như vậy góp phần cô lập Mỹ (nay trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương) trên trường quốc tế và đánh bại âm mưu thâm độc của chúng.

Hồ Chí Minh công nhận, cái giá phải trả cho hoà bình là sự chia cắt đất nước. Ông nhất mực cho rằng việc thiết lập khu vực tập kết không có nghĩa là đất nước bị chia cắt vĩnh viễn mà chỉ là tạm thời:

*Do việc hoạch định và trao đổi vùng, một số vùng tự do trước đây sẽ bị địch tạm chiếm, nhân dân sẽ không bằng lòng, một số người sẽ chán nản và dễ bị địch lừa bịp. Chúng ta phải làm cho đồng bào hiểu rõ những thử thách họ sẽ trải qua là vì lợi ích toàn đất nước, vì lợi ích lâu dài và sẽ là một sự nghiệp vinh quang mà cả nước đều biết ơn.*

Hồ Chí Minh hứa, với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự ủng hộ của nhân dân trên thế giới, độc lập hoàn toàn và đoàn kết dân tộc chắc chắn sẽ đạt được.

Kêu gọi cộng sự của mình trong Đảng chấp nhận một giải pháp thông qua đàm phán về thực chất không phải là chiến thắng hoàn toàn, Hồ Chí Minh chắc chắn đã nghe theo lời khuyên của Chu Ân Lai. Ông Chu Ân Lai đã khẩn thiết kêu gọi ông Hồ chấp nhận một giải pháp như vậy trong cuộc gặp gỡ ở Liễu Châu trước đó vài ngày. Tuy vậy, thái độ sẵn sàng chấp nhận hoà bình trong nhân nhượng trên đường đến thắng lợi cuối cùng làm chúng ta nhớ lại cách giải quyết vấn đề của ông trong những dịp trước đó, đặc biệt là vào cuối chiến tranh Thái Bình Dương. Hồ Chí Minh nhận thấy,

độc lập dân tộc và thống nhất đất nước không thể đạt được một cách riêng rẽ, nhưng phải đạt được trong bối cảnh những thay đổi phức tạp diễn ra trên trường quốc tế.

# CHƯƠNG

## GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH

Ngày 9 tháng 10 năm 1954, quân Pháp qua cầu Long Biên, bắc qua sông Hồng nước đục ngầu, rút khỏi thành phố Hà Nội. Trong buổi lễ ngắn ngủi, đại tá Lefebre d'Argence, tư lệnh những phân đội Pháp cuối cùng, bàn giao việc quản lý thành phố cho Trung đoàn Thủ đô. Trong thời gian hai tuần lễ trước đó, thành phố gần như trống rỗng, khi hàng ngàn người di cư đi dọc Quốc lộ 5 về Hải Phòng. Đường phố Hà Nội vắng lặng về đêm, hầu như tất cả các tiệm ăn, tiệm rượu, cửa hàng, cửa hiệu ở trung tâm buôn bán đều đóng cửa.

Ngày hôm sau, thành phố trở lại hồi sinh, khi dân chúng địa phương đón chào những nhà cai trị mới. Đó là một ngày hội thực sự. Các đường phố tràn ngập cờ và khẩu hiệu chào đón Đảng và chính phủ. Các đám rước gồm thiếu nhi, đại biểu các nhóm và tổ chức xã hội khác nhau, diễn ra trước đám đông cuồng nhiệt tụ tập phía trước Phủ Toàn quyền và ở công viên cạnh Bắc Bộ Phủ, từng là trụ sở chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trước đây. Ngày 11 tháng 10, những đơn vị Việt Minh mang súng máy, những khẩu pháo nhẹ bắt đầu đổ vào thành phố, nơi họ được chào đón với những tiếng hô to *“độc lập”* từ đám đông. Trong những thành viên chính phủ Hồ Chí Minh, nhiều người lần đầu tiên đặt chân lên thủ

đô sau gần tám năm.

Bản thân Hồ Chí Minh lặng lẽ tới thành phố này ngày 12-10 hoặc sau đó vài hôm, nhưng không có lễ đón tiếp đánh dấu sự kiện này và ông xuất hiện trước công chúng lần đầu tiên ngày 17-10 khi đón Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru. Trong xã luận đăng trên báo địa phương ngày hôm sau, Hồ giải thích, ông không muốn phí thời gian cho nghi lễ chào đón. Ông nhấn mạnh*"Sự yêu quý lẫn nhau không phụ thuộc vào sự hiện diện"*. Ông giải thích, sự phát triển kinh tế và tiến bộ tiến tới thống nhất đất nước quan trọng hơn nghi lễ.

Nhưng Hồ Chí Minh đã tiếp một nhóm nhỏ những cán bộ đảng bộ thành phố tại buổi lễ nhỏ ngày 16-10. Nhận xét ngắn về sự kiện này, ông nhấn mạnh, còn có nhiều khó khăn cần vượt qua, nhưng những khó khăn đó có thể giải quyết từ từ nếu mọi người hợp tác và tuân thủ luật pháp của chính quyền mới. Ông tuyên bố chính phủ mới đại diện cho ý nguyện nhân dân và là đối tượng để nhân dân phê bình. Các cán bộ được dặn dò cẩn thận đối xử đúng mực với dân chúng địa phương, đồng thời sinh viên và giáo viên tiếp tục tới giảng đường, các thương gia tiếp tục buôn bán trong thành phố vừa được giải phóng. Những người nước ngoài được khuyến khích ở lại và tiếp tục công việc của họ. Bản thân Hồ vào bệnh viện kiểm tra điều trị thuốc men. Sau khi ra, ông từ chối sống ở Phủ Toàn quyền, vì ông coi là quá xa hoa, quyết định ở một ngôi nhà nhỏ trong khuôn viên dinh. Dù vậy, toà nhà chính được đổi tên thành Phủ Chủ tịch.

Theo cử chỉ thông thường, Hồ Chí Minh có đường lối hoà giải trong quan hệ đối ngoại. Trong những cuộc thảo luận với Nehru, ông tán thành năm nguyên tắc cùng chung sống hoà bình mà Nehru và Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đưa ra tại cuộc họp tháng

6-1954, ông cam đoan với Nehru, nước Việt Nam mới sẽ duy trì những mối quan hệ đúng đắn với Chính phủ Hoàng gia Lào và Campuchia. Ngày 18- 10, ông gặp Jean Sainteny, vừa trở lại Hà Nội theo đề nghị của Thủ tướng Pierre Mendes - France đại diện cho quyền lợi Pháp tại Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sainteny báo cáo với Paris, Hồ bày tỏ nguyện vọng giữ lại sự hiện diện văn hoá và kinh tế của Pháp tại Bắc Việt Nam, thành lập mối liên hệ ngoại giao với những quốc gia không cộng sản. Hồ khẳng định thêm, ông không phải là nô lệ cho những phần tử quá khích trong Đảng. Tuy nhiên, trong một cuộc phỏng vấn với nhà báo đầu tháng 11-1954, Hồ nhấn mạnh, từ nay trở đi quan hệ giữa Pháp - Việt phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng.

Dù có lời cam đoan của Hồ Chí Minh, một nhóm người Âu và Mỹ ở Hà Nội vẫn bị theo dõi chặt và những hoạt động của họ bị cấm đoán khắt khe. Tương phản với thái độ ung dung, nhã nhặn của Hồ, nhiều cán bộ chính quyền mới, như Jean Sainteny mô tả *"là những kẻ lăng xăng, thường xuyên tổ chức mít tinh, diễu hành, hội hè, tuyên truyền nhồi sọ, tập thể dục buổi sáng…"* Bị theo dõi chặt nhất là người Mỹ. Báo chí địa phương, bây giờ do Đảng kiểm soát, lớn tiếng đả kích Mỹ. Uỷ ban Việt Minh ra thông báo không công nhận quy chế hợp pháp của lãnh sự quán Mỹ ở Hà Nội. Thái độ chống Mỹ trong dân chúng địa phương được cổ động bởi chính Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng viết những bài báo đả kích Mỹ đăng công khai trên những tờ báo địa phương dưới bút danh C.B. Trong vài tuần lễ sau đó, chính quyền đưa ra những hạn chế nhỏ mọn đối với hoạt động của lãnh sự quán Mỹ, khiến lãnh sự quán Mỹ buộc phải đóng cửa vào cuối năm. Sự kiện công khai cuối cùng của Lãnh sự quán Mỹ tổ chức bữa tiệc Lễ Tạ ơn, cho một nhóm nhỏ các nhà ngoại giao phương Tây và nhân viên Uỷ Ban kiểm soát quốc tế được thành lập theo Hiệp định Geneva.

Ngày 3-11-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập một cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng để điểm lại những chương trình của chính phủ và bổ nhiệm Uỷ Ban Hành Chính mới cho thủ đô. Chính phủ đối mặt với những vấn đề cấp bách. Sẽ áp dụng chiến lược nào để giúp miền Bắc phục hồi sau tám năm chiến tranh và vài thập niên bị nước ngoài chiếm đóng? Liệu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, dưới sự chỉ đạo vững chắc của Đảng, bước những bước đi nhanh chóng thủ tiêu chế độ thuộc địa và bắt đầu đặt nền móng xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai hay không, hoặc tiến từ từ qua thời kỳ chuyển tiếp phát triển kinh tế và nâng cao mức sống quảng đại quần chúng hay không? Liệu chế độ có thể giành được sự ủng hộ của nông dân và dân nghèo thành thị trong khi xoa dịu những người giàu có? Cuối cùng, tiến hành việc thống nhất và thực thi Hiệp định Geneva như thế nào?

Vấn đề đầu tiên đã có sẵn câu trả lời. Đối với Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông, có đủ kinh nghiệm cho chính sách khôn khéo. Sau khi nội chiến ở Nga chấm dứt thúc năm 1920, Lenin khuyến khích việc kéo dài tạm thời cho các doanh nghiệp tư nhân hoạt động để thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế và hiện đại hoá công nghệ. Chính sách đó chấm dứt năm năm 1928, khi Stalin đưa ra chương trình kêu gọi quốc hữu hoá công nghiệp và tập thể hoá nông nghiệp. Trung Quốc theo con đường tương tự sau khi Đảng cộng sản Trung Quốc giành được quyền lực của năm 1949, đưa ra chương trình riêng *“dân chủ mới”* để thu hút sự ủng hộ những người ôn hoà và đặt nền móng kinh tế cho việc chuyển đổi xã hội giữa thập niên 1950.

Ít ngày trước khi ký Hiệp định Geneva, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tại Việt Bắc, đã công bố sắc lệnh về chiến lược tương lai sau khi ngừng bắn. Đó là chương trình tám điểm hứa với các thương gia, các nhà chuyên môn, công chức và những người

nước ngoài trong thời gian này chính phủ mới không can thiệp vào công việc riêng của họ. Bản sắc lệnh chỉ đòi chính phủ quốc hữu hoá xí nghiệp và những dịch vụ xã hội của bọn đế quốc hoặc *"chính quyền bù nhìn"* (chính phủ Bảo Đại). Mọi hình thức sở hữu riêng được bảo đảm. Công chức dân sự làm việc cho chế độ cũ sẽ không bị bắt nếu họ không cầm vũ khí chống lại kháng chiến hoặc phạm phải những hành động phá hoại chống lại nhân dân. Tất cả quan chức dân dự được chỉ thị ở lại vị trí của mình, tuân lệnh trong lúc chờ đợi chính quyền nhân dân thành lập. Các sĩ quan cũ Quân Đội Quốc gia Việt Nam phải báo cáo với Uỷ ban quân quản do chính quyền cách mạng thành lập. Những ai không làm như thế sẽ bị *"trừng trị nghiêm khắc"*. Tự do tôn giáo cũng như an ninh cá nhân và tài sản người nước ngoài được bảo đảm.

Trong lời kêu gọi nhân dân Việt Nam hồi tháng 9-1954, trước khi chính phủ về Hà Nội, Hồ Chí Minh có giọng hoà giải. *"Chúng tôi sẵn sàng hòa hợp với bất cứ ai từ bắc chí nam yêu hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ, bất kể trước đây họ cộng tác với ai"*. Bảo đảm quyền của các nhà tư bản trong nước, nước ngoài tiến hành làm ăn hợp pháp và chào đón tất cả những nhân viên của chế độ cũ mong muốn làm việc cho nhân dân.

Giới lãnh đạo đảng có nhiều lý do để hoà giải kẻ thù cũ. Mùa Thu năm đó, hàng ngàn người di cư rời Hà Nội bỏ vào Nam. Cuối cùng hơn 800.000 người Việt Nam rời bỏ đất Bắc, đa số dân Thiên Chúa Giáo nghe lời cảnh báo của các cha đạo, "*Đức Mẹ Đồng Trinh đã vào Nam. Còn con còn chần chừ gì nữa?"* Số đông người Thiên Chúa Giáo có quan hệ mật thiết với Pháp hoặc chính phủ Bảo Đại, còn một số nữa bị chính quyền mới nghi ngờ lòng trung thành nên họ tin có thể bị khủng bố.

Việc di cư làm bớt đi những người chống đối tiềm năng, nhưng

lại làm suy yếu các tỉnh miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn những người giàu có, những nghệ nhân, những nhà công nghiệp vì những người Thiên Chúa Giáo chiếm tỷ lệ cao trong thương mại, chuyên môn và tầng lớp trí thức thượng lưu của đất nước. Một quan sát viên đánh giá, tháng 10-1954 chính phủ mới chỉ có 50 người tốt nghiệp đại học và khoảng 200 có bằng tú tài. Phần lớn các xí nghiệp đóng cửa, nhiều chủ xí nghiệp phải bỏ nước ra đi. Theo một báo cáo, hai mươi chín trong ba mươi nhà máy của Pháp ở Hải phòng bị đóng cửa. Giao thông vận tải là một vấn đề nghiêm trọng. Xăng dầu cho ô tô khan hiếm, hệ thống đường sắt không hoạt động.

Thêm nữa, nhiều mạng lưới thuỷ lợi bị Pháp phá huỷ, gần mười phần trăm đất canh tác ở đồng bằng sông Hồng bị bỏ hoang do chính sách *"vành đai trắng"* (vùng đất Pháp tuyên bố có quyền tự do oanh tạc hoặc bắn phá). Sau đó, tháng 12-1954 những nạn lụt khủng khiếp dọc bờ biển miền Trung làm tăng nguy cơ một nạn đói mới, giá gạo trên thị trường tăng đến chóng mặt.

Vì thế, khi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bắt đầu củng cố bộ máy hành chính trung ương đầu tháng 11-1954, buộc phải giữ lại một số công sở đang hoạt động, đồng thời cố gắng sử dụng những nhân viên hành chính từng làm việc cho chế độ Bảo Đại. Ở cấp thành phố, Uỷ ban hành chính kháng chiến được thành lập trong kháng chiến tiếp tục hoạt động, mặc dù từ *"kháng chiến"* đã được cắt bỏ để thích hợp với hoàn cảnh mới. Tuy nhiên, chính phủ tuyên bố, những cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân sớm được tổ chức ở cấp địa phương để tạo nền tảng hợp pháp vững chắc thiết lập quyền lực của nhân dân.

Lần đầu tiên ít tháng sau khi về Hà Nội, sự lãnh đạo của Đảng tự giới hạn đưa ra những biện pháp xây dựng bộ máy hành chính cách mạng, mở rộng cơ sở quần chúng ủng hộ nước Việt Nam Dân

chủ Cộng hoà, thiết lập nền tảng vững chắc để kiến thiết kinh tế sau chiến tranh. Tuy vậy, đằng sau màn kịch đó, có dấu hiệu giới lãnh đạo đảng bắt đầu nghĩ tới tương lai. Đầu tháng 9, Bộ Chính Trị họp, đưa ra dự thảo chính sách lâu dài. Bản dự thảo kết luận, ngay sau khi chính quyền được củng cố ở miền Bắc, phải chuẩn bị tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh trong bài phát biểu trước công chúng ngày 2-9-1956, nhấn mạnh một cách bí ẩn, chính quyền mới sẽ là dân chủ tư sản về hình thức, nhưng là dân chủ nhân dân về nội dung.

Một trong những lý do chủ yếu không vội vã tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là Đảng mong muốn thống nhất hai miền theo Hiệp định Geneva. Nhiều người trong phong trào Việt Minh - đặc biệt ở miền Nam - rất thất vọng với kết quả Hội nghị Geneva. Giới lãnh đạo đảng chắc chắn chia sẻ với việc mất tinh thần vì nhiều năm hy sinh mà chỉ thu được một phần thắng lợi, nhưng họ có thể tự an ủ với niềm tin, với sự nổi tiếng của Hồ Chí Minh và sự yếu kém của chính phủ Bảo Đại, cuộc Tổng tuyển cử tương lai theo Hội nghị Geneva sẽ đem lại cho họ lợi thế. Con đường để đảm bảo cuộc Tổng tuyển cử thành công là chính phủ ở miền Bắc phải thể hiện bộ mặt ôn hoà trước thế giới qua những chính sách đối nội, để tranh thủ những người không cộng sản ở Nam Việt Nam cũng như sự quan tâm theo dõi của thế giới.

Theo một người tâm giao của ông kể, Hồ Chí Minh lạc quan với cuộc Tổng tuyển cử sẽ tiến hành theo lịch trình và ông có lẽ cảm thấy áp lực của dư luận thế giới sẽ buộc chính quyền miền Nam tôn trọng những điều khoản hiệp định. Mặc dù vậy, về mặt cá nhân, một số những đồng sự Hồ tỏ ra hoài nghi. Thậm chí Phạm Văn Đồng, cựu trưởng đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Geneva, vừa được bổ nhiệm chức thủ tướng vào tháng 9-1955, nói với một quan sát viên: *“Ông cũng biết như tôi là*

*sẽ không có Tổng tuyển cử đâu".* Nếu không có Tổng tuyển cử, Hà Nội buộc phải tìm cách khác, có thể quay sang chiến lược chiến tranh cách mạng. Trong lúc này, Hồ Chí Minh buộc phải dùng tài năng của mình thuyết phục các đồng chí của ông dành cơ hội thực thi hiệp định.

Trong thời gian này, giới lãnh đạo đảng gắng sức chuẩn bị tình huống xấu. Theo những đánh giá khác nhau, có khoảng 50.000 và 90.000 người thiện cảm với Việt Minh (nhiều người trong số này là con cái các cán bộ đảng đang sống ở miền Nam) ra miền Bắc sau hiệp định và khoảng 10.000 đến 15.000 người, chủ yếu là những cựu trào cách mạng, vẫn ở lại miền Nam tham gia hoạt động hợp pháp thúc đẩy Tổng tuyển cử. Một số khác rút vào bí mật để bảo toàn và duy trì bộ máy cách mạng bí mật, khi cần ra hoạt động trở lại.

Có nhiều trở ngại cho Tổng tuyển cử, trong số những trở ngại lớn nhất là thái độ của chính phủ mới ở miền Nam. Tháng 6-1954, khi hội nghị Geneva đang họp, Quốc trưởng Bảo Đại đã bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm thủ tướng. Ngô Đình Diệm là một chính trị gia cựu trào từng bị chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh bắt giam một thời gian ngắn vào mùa Thu năm 1945, sau khi được thả, để bảo vệ tính mạng, Diệm đã trốn một thời gian ngắn tại Đại sứ quán Canada ở Hà Nội. Diệm từng sống ở Mỹ đầu thập niên 1950 và không ngừng tìm kiếm sự ủng hộ của chính quyền Eisenhower quay lại chính trường. Là một con chiên ngoan đạo, sống nhiều tháng trong một trường dòng Thiên Chúa Giáo ở New Jersey và xem mình có sứ mệnh cứu vớt đồng bào khỏi sự đe dọa của bọn cộng sản vô thần.

Lúc đầu Washington ủng hộ Diệm dè dặt vì nhiều quan chức Mỹ xem ông là một thầy tu không thực tế, thiếu tư chất của một

người lãnh đạo và không phải ứng cử viên nghiêm túc để trở thành nhà lãnh đạo chính trị. Một quan sát viên Mỹ khinh bỉ gọi ông là *"một thiên sứ không mang thông điệp"*. Không nản lòng, Diệm tiếp tục sấn đến các nhà ngoại giao Mỹ xin lời khuyên, tìm kiếm người bảo trợ trong chức sắc Thiên Chúa Giáo ở Mỹ, bao gồm Hồng y giáo chủ Francis Spellman và Joseph Kennedy - cựu đại sứ Mỹ tại London.

Trong thâm tâm, Bảo Đại bổ nhiệm Ngô Đình Diệm vì tin thái độ chống cộng điên cuồng của Diệm làm vừa lòng một số *"diều hâu"* ở Washington. Dù có những tin đồn, chính quyền Eisenhower chính là người quyết định, tin tức này được đón nhận ở Washington với sự thất vọng và dè dặt. Việc bổ nhiệm Diệm chẳng mấy gây được hào hứng tại Sài Gòn. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình Thiên Chúa Giáo có quan hệ mật thiết với triều đình Huế, Diệm bị nhiều nhân vật chính trị sành sỏi ở miền Nam ngờ vực. Tân thủ tướng cảm thấy những chính trị gia người miền Nam quanh ông là những người quá dễ dãi không đủ khả năng chống cộng. Vì thế, chẳng ngạc nhiên trong thành viên chính phủ Diệm phần đông người miền Bắc và miền Trung.

Khi nhận chức, Diệm tỏ ra không tán thành những điều khoản dàn xếp đưa ra tại Hội nghị Geneva vào tháng 7-1954, sau khi kết thúc hội nghị ông lập tức cho thấy không có ý định hiệp thương với cộng sản. Cảnh sát chính quyền Sài Gòn bắt đầu quấy nhiễu những người có cảm tình với Việt Minh ở miền Nam, đóng cửa những văn phòng uỷ ban mà Việt Minh lập ra để thúc đẩy Tổng tuyển cử. Diệm đàn áp mạnh giáo phái Cao Đài và Hoà Hảo vì thủ lĩnh của họ không hăng hái ủng hộ chính phủ Sài Gòn như trước kia ủng hộ Việt Minh. Ông cũng tìm cách thanh lọc những thành viên chính phủ có thiện cảm với Quốc trưởng Bảo Đại, người mà ông coi là tay sai của bọn thực dân Pháp.

Thái độ hiếu chiến của Diệm thể hiện vào mùa đông năm 1954-1955 gây nên nhiều lo lắng trong hàng ngũ quan chức Mỹ tại Sài Gòn và Washington. Dù vậy, hội nghị Geneva kết thúc, chính quyền Eisenhower quyết định sự tồn vong của một chế độ độc lập, không cộng sản ở Nam Việt Nam là cốt yếu để bảo vệ lợi ích an ninh của Mỹ ở khu vực. Mùa thu năm 1954, tổng thống Eisenhower cử người bạn của ông, tướng J. Lawton Collins (biệt danh "Joe sấm sét" vì tính quyết đoán khi ông là Tư lệnh quân đoàn trong Thế chiến II) làm đặc phái viên tổng thống trực tiếp điều khiển những hoạt động của Mỹ ở Nam Việt Nam. Tại Sài Gòn, Collins kiên trì khuyên nên thay Diệm bằng một nhân vật ôn hoà hơn để Pháp và nhân dân Nam Việt Nam dễ chấp nhận. Đầu mùa xuân năm 1955, Nhà Trắng bắt đầu xem xét đề xuất của Collins. Tuy thế, đến tháng 4 năm 1955, Diệm đàn áp những người trong nước đối lập với chính quyền, đẩy Washington phải quyết định ủng hộ ông. Eisenhower nhấn mạnh với tướng Collins, lợi thế thành công ở Nam Việt Nam đã tăng từ 10 phần trăm lên 50 phần trăm. Ngay sau đó, Diệm công khai bác bỏ đề nghị hiệp thương của Hà Nội về cuộc Tổng tuyển cử tương lai.

Ở Washington, tin Diệm từ chối hiệp thương Tổng tuyển cử gây ra những ý kiến khác nhau. Một báo cáo mới đây của CIA tiên đoán chắc chắn Việt Minh sẽ thắng lợi, không những do uy tín rộng lớn trong nhân dân của Hồ Chí Minh, mà còn do giới lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở miền Bắc có nhiều kinh nghiệm vận động chính trị hơn chế độ non trẻ ở miền Nam. Họ sử dụng tốt chiến thuật cơ bản của Lenin bảo đảm có được kết quả thuận lợi ở những khu vực họ kiểm soát. Ký ức về những cuộc bầu cử tổ chức tại những quốc gia Đông Âu bị Liên Xô chiếm đóng sau khi kết thúc Thế chiến II vẫn còn chưa phai, các quan chức Mỹ tin, cuộc tổng tuyển cử chưa thể được tổ chức ở Việt Nam trong hoàn cảnh

hiện tại.

Cũng lúc này, nhận thức của công chúng Mỹ về Hồ Chí Minh và chế độ của ông đã thay đổi mạnh từ khi bắt đầu kháng chiến chống Pháp. Quan điểm trước đây xem Việt Minh là những người yêu nước chiến đấu thoát khỏi áp bức chế độ thực dân thì nay dân chúng có cái nhìn ảm đạm hơn về Hồ và các đồng chí của ông khi họ biết ông là đặc vụ Quốc tế Cộng sản. Sau khi hội nghị Geneva kết thúc tháng 7-1954, quan điểm mới này càng được khẳng định khi xem cuốn phim ghi cảnh hàng ngàn người di cư vào Nam để tránh bị khủng bố khi chế độ kiểu Stalin lên nắm quyền ở Hà Nội.

Dù vậy, chính quyền Mỹ cũng đau đầu khi chính quyền Sài Gòn từ chối hiệp thương, tìm mọi xảo thuật đổ lỗi cho Hà Nội. Giữa mùa Xuân năm 1955, những quan chức Mỹ gợi ý Diệm đồng ý tổ chức hiệp thương, sau đó đặt ra những điều kiện khó khăn, đòi có quan sát viên nước ngoài thanh tra để bảo đảm tổng tuyển cử tự do. Điều này sẽ giúp chính phủ Diệm có chỗ đứng hợp pháp vững chắc khi những đòi hỏi đó chắc chắn bị cộng sản bác bỏ (điều này từng xảy ra tương tự tổng tuyển cử ở những vùng nước Đức bị chiếm đóng).

Dù Mỹ khuyến cáo, việc thẳng thừng bác bỏ tổng tuyển cử của ông ta đã công khai vi phạm Hiệp định Geneva, Diệm từ chối những góp ý này. Một số quan chức Mỹ tán thành quyết định của Diệm, chính quyền Eisenhower bị đặt vào thế khó xử. Dù từ chối dính líu đến hiệp định, Washington từng tuyên bố tại Geneva *"Bất cứ việc vi phạm hiệp định nào cũng có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường"*. John Foster Dulles lo lắng, cuộc can thiệp của miền Bắc vào Nam Việt Nam có được coi là vi phạm Hiệp định Geneva hay không nếu chính Diệm không tôn trọng những điều khoản Hiệp định? Cuối cùng, Washington đi cùng với Diệm. Tại một cuộc

họp báo Dulles tuyên bố, Mỹ không phản đối tổng tuyển cử tự do ở Việt Nam, nhưng đồng ý với Ngô Đình Diệm, những điều kiện trong thời gian này chưa chín muồi.

Thành công của Ngô Đình Diệm củng cố quyền lực ở miền Nam, cùng với sự ủng hộ của Mỹ với Diệm làm giới lãnh đạo đảng ở Hà Nội ngạc nhiên vì họ xưa nay vẫn đánh giá thấp những phần tử dân tộc chủ nghĩa không cộng sản. Tại những phiên họp Bộ Chính Trị vào cuối năm 1954, Hồ Chí Minh kêu gọi các đồng chí của ông không nên bi quan hoặc mất kiên nhẫn, phải đánh giá lại tình hình, tìm cách giành thuận lợi. Để cô lập Mỹ và chính quyền Diệm tại Sài Gòn, Hồ đề xuất nhượng bộ kinh tế và văn hoá cho Pháp. Tại hội nghị toàn thể vào tháng 3-1955, Ban Chấp Hành Trung ương chính thức tuyên bố đường lối mới đặt ưu tiên cao nhất là xây dựng miền Bắc, dùng ngoại giao để thúc đẩy giải quyết hoà bình ở miền Nam.

Dù nhiều quan chức Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hoài nghi về Tổng tuyển cử, việc Diệm từ chối tổ chức hiệp thương chắc chắn làm điên đầu Hà Nội. Giới lãnh đạo đảng chỉ còn hy vọng, áp lực đồng minh của họ sẽ làm thay đổi quan điểm của Washington và Sài Gòn. Cuối tháng 6-1955, Hồ Chí Minh cùng Tổng bí thư Trường Chinh và những quan chức Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sang thăm chính thức Trung Quốc. Hai tuần lễ ở Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, Hồ thảo luận với những quan chức cao cấp và thăm Vạn Lý Trường Thành, rồi đoàn đại biểu rời Ngoại Mông tới Moscow.

Không may cho Hồ, tình hình ở Trung Hoa và Liên Xô không giúp ích cho chuyến đi. Sau khi hội nghị Geneva kết thúc, cả Bắc Kinh lẫn Moscow tập trung vào việc cải thiện quan hệ với Mỹ, giảm bớt căng thẳng về xung khắc tư tưởng với các quốc gia tư bản. Bắc Kinh chuẩn bị về một loạt các cuộc thương lượng cấp đại

sứ với những nhà ngoại giao Hong Kong tại Geneva. Trung Quốc hy vọng những cuộc thương lượng này dẫn đến Mỹ bỏ cấm vận và giải quyết xung đột về vấn đề Đài Loan. Ở Moscow, nhà lãnh đạo mới Khrushchev tích cực thực hiện đường lối mới của Liên Xô cùng chung sống hoà bình để ổn định tình hình châu Âu, giảm bớt căng thẳng chiến tranh lạnh với Mỹ. Đối với giới lãnh đạo đảng cả hai nước, mọi dàn xếp về Việt Nam là trở ngại để thực hiện các mục tiêu lớn của họ trên thế giới.

Cả hai nước chấp nhận lời yêu cầu Hồ Chí Minh ủng hộ vấn đề Tổng tuyển cử với thái độ lạnh nhạt. Tuy vậy, trong thông cáo chung tại Bắc Kinh, Trung Quốc hứa ủng hộ Hà Nội về hiệp thương, Thủ tướng Chu Ân Lai đồng ý gửi bức thư phản đối tới Anh và Liên Xô, hai đồng chủ tịch hội nghị Geneva. Hồ có ít thành công ở Moscow, Liên Xô chỉ ủng hộ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà một cách chiếu lệ. Giới lãnh đạo Xô viết vẫn còn nghi ngờ về tư tưởng chính thống gắn nhãn chủ nghĩa Marx - Lenin của Hà Nội. Ngoại trưởng Molotov đồng ý đặt vấn đề với Ngoại trưởng Anh Anthony Eden triệu tập lại hội nghị Geneva, nhưng khi Eden từ chối đề xuất, thật đáng ngạc nhiên Molotov lại bằng lòng. Vấn đề đó cũng không được chính thức đem ra bàn tại Hội nghị những người đứng đầu bốn nước lớn một năm sau đó, mặc dù Molotov đưa vấn đề một cách chiếu lệ khi tuyên bố *"việc thi hành Hiệp định Geneva v*ề *Đông Dương và những vấn đ*ề *khác không được trì hoãn".*

Dường như để an ủi thất vọng của Bắc Việt, Trung Quốc và Liên Xô hứa cung cấp khoản viện trợ tài chính khổng lồ (200 triệu đô-la từ Trung Quốc và 100 triệu đô-la từ Liên Xô) để giúp Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tái thiết hậu chiến, cải thiện xã hội. Cả Liên Xô và Trung Quốc cũng đồng ý tiếp tế lương thực để chống lại nạn đói ở Bắc Việt. Ngày 22-7-1955, sau khi trở về Hà Nội, Hồ Chí Minh phát biểu về kết quả chuyến đi, cám ơn Trung Quốc và

Liên Xô về viện trợ kinh tế, nhưng khuyến cáo nhân dân nên dựa vào sức mình để thống nhất đất nước. Tại hội nghị toàn thể một tháng sau đó, Ban Chấp hành Trung ương ra nghị quyết trong lúc này, những quyết định của Ngô Đình Diệm không được phép tác động đến chính sách. Kết thúc hội nghị tuyên bố Đảng tiếp tục mong muốn thống nhất đất nước bằng phương pháp hoà bình.

Quyết định của Hà Nội chẳng đem lại an ủi cho những đảng viên trung thành ở miền Nam. Mùa Hè năm đó, Diệm tung ra chiến dịch "Chống Cộng" nhằm tiêu diệt những tàn dư phong trào Việt Minh khắp Nam Việt. Hàng ngàn người bị bắt do tình nghi tham gia hoạt động lật đổ. Một số được đưa vào trại tập trung - hoặc bị tống giam vào "chuồng cọp" do Pháp xây dựng ở Côn Đảo - đồng thời những người khác bị xử tử. Chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh cho phép có quyền *"bắt bất cứ ai tình nghi gây nguy hiểm tới an ninh đất nước và đưa vào trại tập trung"*. Theo một tài liệu ở Hà Nội ghi lại:

*Từ cuối năm 1955 đến 1956, khi Diệm phát động chiến dịch "Chống Cộng", cuộc săn lùng những người yêu nước và những người kháng chiến cũ trở nên tàn bạo hơn. Nhận thấy không thể sống và tiến hành đấu tranh chính trị ở nông thôn, những người kháng chiến cũ chạy vào chiến khu Đồng Tháp Mười, rừng U Minh hoặc Chiến khu D và C (ở tây và tây bắc Sài Gòn).*

Nguyễn Văn Linh, một lãnh đạo trẻ của phong trào ở lại miền Nam sau hội nghị Geneva để chỉ đạo những hoạt động của Đảng, gọi đó *"thời kỳ khốc liệt",* khiến các cán bộ Việt Minh phải giảm chiến đấu vì sự sống còn.

Không có gì ngạc nhiên, quyết định của Hà Nội làm kìm hãm, ít nhất là tạm thời, chiến tranh cách mạng dẫn đến cuộc tranh cãi nẩy lửa trong hàng ngũ cán bộ ở miền Nam. Một số đã quyết định

bỏ phong trào hoàn toàn, một số khác tìm kiếm tổ chức kháng chiến vũ trang theo cách của họ. Trong rừng Cà Mau hoặc đầm lầy Đồng Tháp Mười, họ gia nhập những lực lượng kháng chiến của đạo Cao Đài và Hoà Hảo, hai giáo phái này nổi giận vì những biện pháp cứng rắn của Diệm năm 1955 bắt họ quy phục ông ta.

Mùa hè năm 1955, mọi hy vọng ngây thơ cho rằng dễ dàng thống nhất với Nam Việt được thay thế bằng nhận thức tỉnh táo hơn. Thông điệp này được Hồ Chí Minh phản ánh tại Hội nghị toàn thể lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương họp tháng 8-1955. Hồ tuyên bố, về mặt tích cực, tình hình thế giới ít căng thẳng hơn so với thập niên trước. Mặt khác, tình hình châu Á, nếu có, là bi đát hơn. Những sự kiện mới đây cho thấy Mỹ dự định biến miền Nam thành một tiền đồn ngăn chặn làn sóng cách mạng ở Đông Nam Á.

Mỹ thể hiện là kẻ chủ chốt ủng hộ chế độ Sài Gòn - “kẻ thù chính” của nhân dân Việt Nam - làm phức tạp nghiêm trọng đến những kế hoạch của Hà Nội thống nhất đất nước bắt đầu phương pháp hoà bình. Dù Hồ Chí Minh cố gắng đưa ra cách nhìn nhận tích cực về tình hình, ông báo cáo trước hội nghị toàn thể, cả Trung Quốc và Liên Xô đã lên tiếng ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam vì độc lập, bây giờ con đường thống nhất đất nước chắc chắn là con đường lâu dài. Ban Chấp hành Trung ương thông qua chương trình hành động tạm thời đặt mục tiêu trọng tâm vào việc củng cố cơ sở chính trị Đảng Lao động Việt Nam ở miền Bắc, kiến thiết đất nước và đặt bước chân đầu tiên tiến lên xã hội xã hội chủ nghĩa. Khẩu hiệu mới lúc này phản ánh thực tế mới: *“Xây dựng miền Bắc, hướng về miền Nam”*.

Một vấn đề quan trọng cần làm sáng tỏ là làm như thế nào để xây dựng sự ủng hộ của toàn dân. Tháng 9-1955 Hồ Chí Minh kêu gọi sự ủng hộ của tất cả những ai muốn chia sẻ mục tiêu chung

xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ, bất kể quá khứ chính trị trước đây. Tháng 9-1955, Mặt trận Liên Việt, năm 1951 thừa kế Mặt trận Việt Minh, bây giờ được thay bằng Mặt trận Tổ quốc rộng rãi hơn. Mặt trận Tổ quốc nhằm thu hút đông đảo nhân dân Việt Nam cả hai vùng, bao gồm tất cả những ai chân thành ủng hộ mục đích độc lập, thống nhất đất nước. Kết thúc bài phát biểu tại buổi thành lập, Hồ nhấn mạnh mục đích của tổ chức mới là tạo ra một liên minh dân tộc rộng rãi để đạt được hoà bình, độc lập và thống nhất đất nước. Ông nói Mặt trận Tổ Quốc sẵn sàng *"liên minh với tất cả những người yêu nước bất kể xu hướng chính trị, tôn giáo, v.v..."*, với những người chân thành chống lại âm mưu Mỹ - Diệm chia cắt đất nước, cả những ai muốn thống nhất đất nước.

Tương đương với chính sách thực dụng trong lĩnh vực kinh tế, tất nhiên chủ trương *"dân chủ mới"* được Đảng đưa ra sau khi trở về Hà Nội mùa Thu năm 1954. Ở thành thị, đây thực sự đúng theo chủ trương. Chính phủ tỏ ra khoan dung với những hoạt động của xí nghiệp tư nhân và chào đón *"những chuyên gia tư sản"* mong muốn ở lại làm việc. Đa số các hãng buôn bị nhà nước chiếm do những nhân viên quản trị bỏ đi và nhà nước lo ngại nguy hiểm khi đóng cửa, đó là trong hợp các mỏ, nhà máy xi măng và nhà máy dệt. Theo một nguồn tin mới đây, khu vực nhà nước chỉ chiếm 12 phần trăm hàng hoá sản xuất năm 1955. Tháng 10-1955, chính phủ lập ra Uỷ ban Kế hoạch nhà nước, để vạch ra kế hoạch một năm - năm 1956 - nhằm phục hồi kinh tế quốc dân đạt mức năm 1939, năm cuối cùng trước khi nổ ra chiến tranh Thái Bình Dương. Chính phủ trực tiếp nhúng tay kiểm soát giá cả và hàng hoá tiêu dùng, chỉ với mục đích hạn chế áp lực lạm phát và đầu cơ thực phẩm bởi các hãng tư nhân.

Dấu hiệu thái độ ôn hoà Hồ Chí Minh việc thành lập Mặt trận

Tổ Quốc là giả dối, vì có những áp lực chống đối mạnh trong Đảng đòi có những chính sách cực đoan hơn, những biện pháp trừng phạt kẻ thù giai cấp và đặt nền móng để tiến nhanh tới xã hội xã hội chủ nghĩa. Manh nha cực đoan bắt đầu từ khi chính phủ trở về Hà Nội năm 1954. Các cán bộ kiêu căng lên giọng nghi ngờ những trí thức ôn hoà, nhiều người trong số này bị đi cải tạo để làm rõ liệu họ có bị quyến rũ bởi *"những viên đạn bọc đường"* của kẻ thù hay không. Theo mối nghi ngờ của họ, những người cực đoan Việt Nam được cố vấn Trung Quốc khuyến khích. Cố vấn Trung Quốc có mặt khắp miền Bắc, mặc dù ít nhìn thấy họ hơn so với ở vùng giải phóng trong thời gian chiến tranh.

Vũ khí mà những người quá khích dùng để phát động đấu tranh giai cấp ở nông thôn là luật cải cách ruộng đất. Hồ Chí Minh phản đối những biện pháp tàn bạo trong chiến tranh chống Pháp, nhưng năm 1953, theo mệnh lệnh cố vấn Trung Quốc, ông miễn cưỡng đồng ý phải dùng những quy tắc cứng rắn hơn làm phương tiện huy động dân nghèo chuẩn bị cho trận Điện Biên Phủ. Khi kháng chiến kết thúc, Đảng quyết tâm hoàn thành chương trình và đặt nền tảng việc tập thể hoá toàn bộ đất đai canh tác trong nước. Theo lời kêu gọi của ông với nhân dân đầu tháng 9-1954, Hồ Chí Minh hứa, chương trình *"người cày có ruộng"* cho những tỉnh ở miền Bắc nằm trong nghị sự của chính phủ. Tuy nhiên, ông cũng thổ lộ với một số cộng sự tin cậy là bản thân ông không thấy *"cấp bách",* chẳng qua là muốn làm vừa lòng Bắc kinh và các đồng chí quá khích như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt.

Để tiến hành giai đoạn tiếp của cải cách ruộng đất, giới lãnh đạo đảng có hai mục tiêu. Mục tiêu thứ nhất cơ bản là kinh tế: cho phép sử dụng hiệu quả đất canh tác thông qua việc chuyển ruộng đất *"thừa"* của những phú nông cho bần nông, cố nông, những người này chiến phần đông trong nông thôn. Áp dụng mô hình ở

Trung Hoa vài năm trước đây, giới lãnh đạo đảng hy vọng sở hữu đất sẽ thúc đẩy nông dân cố gắng hơn và tăng sản lượng ngũ cốc, do vậy làm nền móng cho việc xây dựng nông trang tập thể trong tương lai gần. Mục tiêu thứ hai và có lẽ là mục tiêu mục tiêu quan trọng hơn, mang màu sắc chính trị hơn: là đánh đổ thế lực của bọn *"phong kiến"* ở cấp làng xã (cụ thể là giai cấp địa chủ) và thành lập cơ quan lãnh đạo mới ở nông thôn gồm những người xuất thân bần cố nông, họ sẽ biết ơn Đảng và trung thành tuyệt đối thực hiện những chính sách của Đảng.

Nhấn mạnh về lợi ích của chiến dịch cải cách ruộng đất, những người quá khích trong ban lãnh đạo Đảng thực hiện theo lời dạy của Mao Trạch Đông, tác giả chương trình tương tự ở Trung Hoa, nhận xét huỵch toẹt *"cách mạng không phải là buổi dạ tiệc"*. Từ thập niên 1920, Mao đã muốn đưa ra bóng ma đấu tranh giai cấp để chiếm lấy sự ủng hộ của những phần tử quá khích trong nông thôn. Dù chương trình đó bị gác lại trong kháng chiến chống Nhật, trong thời kỳ nội chiến và trong chiến dịch cải cách ruộng đất đầu thập niên 1950, các cán bộ Maoist chủ tâm tổ chức những buổi *"ôn nghèo kể khổ"* để khuyến khích bần nông phát biểu chống lại những kẻ áp bức - đặc biệt tất cả những ai có *"nợ máu"* với nhân dân. Tại các phiên toà dã chiến ở các làng mạc khắp Trung Hoa, hàng ngàn người bị kết tội đó bị hành quyết. Những thành phần quá khích trong nội bộ Đảng Lao động Việt Nam rất muốn áp dụng những biện pháp tương tự ở Việt Nam. Lê Đức Thọ, lúc đó là một cán bộ Đảng hàng đầu ở miền Nam, đã nhấn mạnh năm 1952, *"Nếu muốn nông dân đứng lên cầm vũ khí, trước tiên cần phải khơi dậy lòng căm thù của họ đối với kẻ thù",* cũng như giải quyết những quyền lợi thực tế của họ.

Chiến dịch được phát động mùa hè và đầu mùa thu 1954. Dưới sự chỉ đạo của Hoàng Quốc Việt, ban đầu chương trình lấy một số

bộ phận trong công chúng, đặc biệt từ nông dân nghèo từng là bộ đội hoặc dân công trong chiến dịch Điện biên phủ, được Việt Minh tuyên truyền để họ tin rằng họ sẽ được thưởng bằng ruộng đất nếu họ cố gắng. Tuy vậy, có một số những lời chỉ trích về sự áp bức và tàn bạo. Khi Hồ Chí Minh biết những trường hợp này, ông phê bình các cán bộ đã coi thường nhân dân, cư xử hống hách.

Dù lúc đầu chương trình còn ôn hoà - chỉ khoảng năm mươi làng ở tỉnh Thái Nguyên - sau rồi thành cơn sốt trên toàn quốc. Đây là tín hiệu rõ ràng cho những người ôn hoà biết, chiều hướng quá khích xuất hiện trong Đảng đầu thập niên 1950 đang còn sống và lớn mạnh, có thể làm hỏng chương trình hoà hợp mà Hồ Chí Minh đã hứa từ mùa Thu năm 1954.

Làn sóng thành công của Cải cách ruộng đất tiếp tục trong mùa đông và đầu mùa xuân năm 1955. Dù bài xã luận trong báo *Nhân Dân* tháng 2-1955, cảnh báo chống lại sự nguy hiểm của "sai lầm tả khuynh", của các cán bộ quá khích (nhiều người trong số này là những người không được cố vấn Trung Quốc tập huấn về Cải cách ruộng đất và sau đó đưa về "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với nông dân), kích động dân chúng địa phương đả kích những người từng bóc lột họ trong quá khứ. Nhiều người bị buộc tội chống lại nhân dân và bị hành quyết. Có vụ, dân làng lợi dụng chương trình cải cách ruộng đất để giải quyết thù oán cá nhân, buộc tội những người khác tham gia hoạt động phản cách mạng. Trong quá trình cải cách ruộng đất, vài ngàn người, nhiều người trong số này từng trung thành ủng hộ Việt Minh, bị buộc tội phản quốc và bị trừng phạt. Trong một số trường hợp, các cán bộ lấy những bần nông cốt cán đấu tố những cựu chiến binh Việt Minh vừa ra khỏi dân quân và gia đình họ. Ngay cả những người có mối quan hệ với cán bộ cấp cao cũng không thoát. Có trường hợp, một cựu quan chức Việt Minh được chính Hồ Chí Minh che chở, Hồ ngỏ lời với chính

quyền địa phương, không được mang vị quan chức này ra đấu tố. Vậy mà, vị quan chức này và gia đình vẫn bị dân làng mang ra làm nhục, ngược đãi và đấu tố. Người cháu của của viên quan này là Dương Vân Mai Elliot đã kể lại:

*Mỗi khi bác tôi ra ngoài là bị trẻ con xúm vào ném đá. Dù bị người lớn chửi rủa hoặc đánh đập một cách vô lý, bác tôi vẫn phải cúi đầu nhẫn nhục van nài: "Con lạy các ông các bà tha cho con..." Địa chủ trở thành chỗ cho dân nghèo trút cơn giận dữ vì cuộc sống khó khăn của họ. Dân trong làng sốt sắng ngược đãi bác tôi để chứng tỏ họ hăng hái ủng hộ cải cách ruộng đất lấy lòng Đội cải cách đang nắm quyền lực. Một số khác chẳng qua vì ghen tức với tài sản và ảnh hưởng của địa chủ nên bây giờ thích thú làm nhục họ".*

Cuối cùng, vị cựu quan chức mất nhà, mất ruộng, buộc phải ở trong túp lều gần sườn đồi, ông và gia đình phải cày cấy trên vài sào đất sỏi đá do Đội cải cách chia.

Không còn nghi ngờ gì nữa, bạo lực gắn với chiến dịch cải cách ruộng đất bột phát từ hận thù giai cấp và cá nhân đã được tích lũy bao đời nay trên những cánh đồng lúa. Hậu quả của những hành động này nhiều khi rất bi thảm, nhưng có thể nhìn nhận như một thứ sản phẩm phụ không thể tránh khỏi của bất cứ cuộc cách mạng nào.

Nhưng cũng có nhiều bằng chứng cho thấy lãnh đạo Đảng đã soạn thảo và thực hiện chương trình. Chỉ đạo chung cho chiến dịch cải cách ruộng đất là Trường Chinh, một người ngưỡng mộ chính sách nông nghiệp Trung Quốc, nhai lại quan điểm Maoist cho rằng cải cách ruộng đất là *"cuộc đấu tranh giai cấp"*. Những uỷ viên khác của uỷ ban cải cách ruộng đất là Hoàng Quốc Việt, thứ trưởng Bộ Nông nghiệp Hồ Viết Thắng và Lê Văn Lương, những người quá khích theo đường lối Maoist, trưởng ban bí thư Trung

ương Đảng thường xuyên kêu gọi một chiến dịch làm sạch Đảng. Theo gương Trung Quốc, những vị lãnh đạo đó tính toán, khoảng bốn tới năm phần trăm dân chúng địa phương phải được coi là kẻ thù giai cấp, bất chấp sự thật ra sao, ở nhiều làng nghèo ngay cả những người được coi là khá giả nhất cũng chỉ tạm đủ sống.

Bạo lực chiến dịch cải cách ruộng đất có thể làm Hồ Chí Minh ngạc nhiên, mặc dù rõ ràng ông chia sẻ quan điểm quá khích, một trong những mục tiêu của chiến dịch là loại bỏ những phần tử thù địch và phản cách mạng tại cấp độ làng xã. Phát biểu trong một hội nghị cán bộ ở Thái Nguyên vào cuối 1954, Hồ tuyên bố, cải cách ruộng đất là một cuộc đấu tranh giai cấp:

*Ở làng xã, nhiệm vụ quan trọng nhất là phải củng cố tổ chức làng xã bao gồm: Uỷ ban hành chính, dân quân du kích, hội nông dân, đoàn thanh niên và hội phụ nữ… Nếu những phần tử xấu còn nằm lại trong những tổ chức đó, chúng ta không thể tiến hành việc giảm tô… Để thực hiện chiến dịch này, những phần tử xấu phải bị trừng phạt thích hợp, nếu thấy cần phải cách ly hoặc khai trừ. Nếu có thể giáo dục được thì giáo dục họ. Đó là nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay của các tổ đội công tác.*

Tuy thế, Hồ Chí Minh chống lại các hành động bạo lực bừa bãi, ông chỉ thị: *"Để áp dụng sự trừng phạt thích hợp, không thể nói một nhóm người này tốt hay xấu. Để biết người ta tốt hay xấu, các đồng chí phải dựa vào quần chúng"*. Lần khác ông nói các cán bộ cần phải phân biệt được sự khác nhau giữa các loại địa chủ. Nếu không, họ sẽ hợp nhau lại chống lại nông dân.

Hồ cũng phản đối việc sử dụng tra tấn, buộc tội các cán bộ vẫn còn dùng biện pháp tra tấn.

*"Đây là phương pháp man rợ của bọn đế quốc và phong kiến sử dụng để áp đảo quần chúng và cách mạng. Tại sao chúng ta phải sử*

*dụng những phương pháp tàn bạo đó, trong khi chúng ta có chương trình giáo dục và có chính nghĩa?”*

Việc Hồ Chí Minh quở trách cán bộ dưới quyền sử dụng những biện pháp tàn bạo có lẽ chẳng có hiệu lực. Một địa chủ ở Thái Nguyên, từng trung thành ủng hộ phong trào cách mạng suốt nhiều năm (thậm chí có lần che chở Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt khỏi bị Pháp bắt) bị cố vấn cải cách ruộng đất Trung Quốc buộc tội là địa chủ hung ác và kết án tử hình. Khi tất cả dân làng đứng lên bảo vệ bà, họ lại bị quy là tay sai của địch. Sau khi Hồ Chí Minh biết chuyện, ông đặt vấn đề với Trường Chinh, bản án được giảm nhẹ. Tuy nhiên, những sự việc được giảm nhẹ như thế có lẽ hiếm hoi, trước khi chiến dịch cải cách ruộng đất kết thúc cuối năm 1956, vài ngàn người bị xử tử, rất nhiều người khác bị hành hạ, tra tấn, giam cầm và bị xỉ nhục gán nhãn ô nhục *“kẻ thù giai cấp”* của nhân dân không gột rửa được. Dù Hồ Chí Minh có thể kinh hãi trước bạo lực bừa bãi trong chiến dịch cải cách ruộng đất, theo quan điểm của quan sát viên Việt Nam, ông bị Mao Trạch Đông hăm doạ, không dám chống lại với đám cố vấn Trung Quốc tại Việt Nam.

Tháng 3-1955, Ban Chấp hành Trung ương họp ở Hà Nội. Một trong những chủ đề chính đem ra bàn, việc thực thi chiến dịch cải cách ruộng đất. Dù Hồ Chí Minh hiển nhiên lo lắng tới mức độ tăng cao bạo lực ở nông thôn, nhưng sự ra đời Khối Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) do Mỹ lập lên ở Manila và sự kiện một nhóm biệt kích do CIA nuôi dưỡng gây ra những vụ phá hoại ở miền Bắc, khiến Hà Nội phải quan tâm. Nhiều lãnh đạo Đảng cho chương trình cải cách ruộng đất là công cụ cần thiết để đè bẹp bọn phản động. Dù hội nghị toàn thể kêu gọi kiểm soát cẩn thận chương trình cải cách ruộng đất để bảo đảm, chỉ có những địa chủ gian ác mới bị buộc tội chống lại nhân dân, hội nghị tuyên bố *“hữu*

*khuynh”* (ám chỉ quan điểm coi trọng nhiệm vụ thống nhất đất nước hơn việc bắt đầu quá trình tiến lên xã hội chủ nghĩa) còn nguy hiểm hơn *“tả khuynh”* (hăng hái quá mức khi tiến hành Cải cách ruộng đất). Phát biểu kết thúc phiên họp, Hồ tỏ ra không hài lòng trước những quyết định hội nghị đưa ra, ông phàn nàn, hội nghị chưa được chuẩn bị tốt và chưa lôi cuốn được những cố gắng lớn hơn để có được sự thống nhất bên trong Đảng - đặc biệt là hàng ngũ lãnh đạo.

Suốt những tháng còn lại năm 1955, chiến dịch cải cách ruộng đất lan khắp mọi vùng thôn quê. Đảng đưa thêm hơn hai mươi ngàn cán bộ về nông thôn thực hiện chương trình. Đến giữa mùa Hè, việc chính quyền Diệm không tham gia bầu cử đã trở nên quá rõ ràng, xóa bỏ mọi cố gắng thuyết phục hoãn cải cách cho đến khi nước nhà được thống nhất. Tháng Tám, báo *Nhân Dân* đăng xã luận phê bình *“một số đồng chí”* có quan điểm “*cần phải tiến hành Cải cách ruộng đất chậm lại, để tập trung đấu tranh thống nhất. Điều này và củng cố miền Bắc là mâu thuẫn với cuộc đấu tranh thống nhất đất nước”*.

Tại hội nghị toàn thể lần thứ Tám họp ở Hà Nội vài ngày sau, Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi cố gắng tập trung cao độ sử dụng chương trình cải cách ruộng đất là phương tiện nhổ tận gốc bọn gián điệp và phản cách mạng.

Làn sóng cuối cùng chiến dịch cải cách ruộng đất mở màn vào cuối 1955, đúng lúc cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn lên tới đỉnh cao. Hồ Chí Minh cố gắng hạ nhiệt những hành động quá khích của chương trình. Phát biểu với các cán bộ cải cách ruộng đất ở hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang ngày 17 tháng 12, ông nhấn mạnh cần thận trọng phân biệt giữa những người sai trái với những người vô tình vi phạm, không được sử dụng biện pháp tàn

bạo chống lại những người bị buộc tội chống lại nhân dân. Tại bữa ăn trưa, ông nói với họ, cải cách ruộng đất, giống như bát súp nóng, phải húp từ từ mới ngon. Nhưng những lời khuyên của Hồ cũng chẳng có tác dụng. Uỷ ban Nông hội toàn quốc gửi thư cho các cán bộ cải cách ruộng đất trong tháng đó gắn mối quan hệ trực tiếp giữa địa chủ với hoạt động phản động, đồng thời ngày 14 tháng 12 Ban Chấp hành Trung ương chỉ thị các cán bộ phải thực hiện cải cách ruộng đất chương trình như *“một trận Điện Biên Phủ chống lại chủ nghĩa phong kiến ở miền Bắc”.*

Đầu mùa xuân năm 1956, tin tức bạo lực cải cách ruộng đất lan rộng ở Hà Nội, khi nhiều quan chức Đảng chính phủ có gia đình ở nông thôn bị đội cải cách ruộng đất tấn công. Khi xuất hiện những bài báo phê bình cải cách ruộng đất, Vũ Đình Huỳnh, một cựu thư ký của Hồ Chí Minh, đã linh cảm được và thận trọng nhắc Hồ: *“Máu của đồng bào chúng ta đang đổ, lẽ nào Bác lại ngồi yên?”* Dù Huỳnh bị những phần tử hiếu chiến trong Đảng coi là không có tư tưởng chiến đấu (Trường Chinh đã gạt bỏ Huỳnh vì coi ông là “*tay chân của bọn phản cách mạng*), song Hồ rất lo lắng trước việc cán bộ cải cách ruộng đất phân loại bừa bãi và gán cho tất cả địa chủ là bọn phản động. Tháng 4, phát biểu trước các cán bộ cải cách ruộng đất tại vùng duyên hải, ông cảnh báo họ đừng có thái độ cứng nhắc trong việc xử lý, vạch ra, không phải tất cả chủ thuyền đều bất lương và độc ác. Chỉ có người nào mắc những hành động bạo ngược mới bị trừng phạt. Ông nói, một con thuyền không những chỉ cần những tay chèo mà còn cần cả những người cầm lái.

Những phát biểu Hồ Chí Minh cũng chẳng có mấy hiệu lực. Dù lúc này sự phẫn nộ lên cao trào khắp nông thôn, một thông điệp của ông bắt đầu có người nghe. Giữa tháng 5, một bài báo trên tờ *Nhân Dân* thừa nhận, một số cán bộ cải cách ruộng đất đối xử bất

công với con em địa chủ. Vài tuần sau, một bài khác vạch ra, đôi khi các quan chức chính phủ *"đánh giá quá cao kẻ thù"* và quy kết vội vã từ một vài hiện tượng cá biệt.

Sự thay đổi suy nghĩ của những người lãnh đạo đảng phần nào là do sự phản đối của những cựu binh Việt Minh, những người này cùng với gia đình của họ từng là nạn nhân. Nhưng một sự kiện diễn ra cách xa vài ngàn dặm ở Moscow cũng có vai trò quan trọng. Phát biểu tại Đại hội lần thứ XX Đảng cộng sản Liên Xô tháng 2-1956, Tổng bí thư Nikita Khrushchev làm choáng váng các đại biểu dự họp bằng bài phê bình mạnh mẽ người tiền nhiệm của ông - Iosiff Stalin. Khrushchev buộc tội Stalin không những khuyến khích tệ *"sùng bái cá nhân"* thể hiện sự phản bội nguyên tắc Leninist về tập trung dân chủ, mà còn sử dụng quyền lực để đàn áp dã man và loại bỏ những người Bolsevich trung thành ra khỏi Đảng. Không những thế, Stalin còn thực hiện một số chính sách đối ngoại tai hại có tầm quan trọng chiến lược trong Thế chiến II. Khrushchev kêu gọi các đại biểu tại Hội nghị *"tự phê bình"* để không mắc phải những khuyết điểm đó nữa.

Việc Khrushchev công khai vạch mặt Stalin làm cho Bắc Kinh lo ngại tác động của cuộc tấn công đó, cho dù là chính đáng trong bối cảnh Liên Xô, nhưng lại có thể ảnh hưởng tới uy tín của Đảng cộng sản Trung Quốc, Mao Trạch Đông và ảnh hưởng tới khái niệm Marxist về chuyên chính vô sản. Tuy nhiên, phản ứng của Hà Nội không rõ ràng, tù mù. Phái đoàn Việt Nam do Trường Chinh và Lê Đức Thọ tham dự hội nghị, nhưng báo chí ở Hà Nội bình luận rất thưa thớt. Ngày 28-5-1956, báo *Nhân Dân* nhấn mạnh một cách vắn tắt, Đảng Lao động Việt Nam *"nghiên cứu kỹ chủ nghĩa Marxist - Leninist để áp dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam và kết hợp học thuyết này với thực tiễn cách mạng Việt Nam"*. Ngay khi phái đoàn Việt Nam từ Moscow về nước, Bộ Chính trị

họp xem xét kết quả hội nghị và tác động của nó tới tình hình ở Việt Nam. Ngày 31-3-1956, Đài phát thanh Hà Nội phát đi thông cáo của Bộ Chính trị đề cập tới *"tệ sùng bái cá nhân"* và *"tinh thần phê và tự phê bình"*, kết luận rằng những nghị quyết của Đại hội lần thứ XX Đảng cộng sản Liên Xô sẽ *"củng cố đảng ta về mặt lý luận"*.

Theo quan điểm chính thức, vấn đề sùng bái cá nhân là việc nội bộ của Liên Xô, không liên quan đến bối cảnh Việt Nam và Hồ Chí Minh làm việc theo nguyên tắc tập thể. Dù vậy, một số người lãnh đạo trong đảng lo ngại vấn đề này sẽ nổi lên, đặc biệt những người không thích sự tôn sùng Hồ Chí Minh trên báo chí. *"Bác Hồ"* đã trở nên được biết rộng rãi như người trong gia đình khá quen thuộc đối với thế giới trong những năm cuối đời. Ông chụp hình với đồng bào đón chào ông tới thăm, cho dù hình ảnh ông hiền hoà, hình ông trên tem và thậm chí cả trên tiền. Trường Chinh, ghen tỵ với danh tiếng Hồ trong nhân dân, nghe nói rất khoái chiến dịch chống tệ sùng bái cá nhân. Ông nhấn mạnh *"Chủ nghĩa xã hội không thể sống sót được với tệ sùng bái cá nhân"*. Ông vạch rõ chủ nghĩa xã hội đối lập với sùng bái cá nhân như nước và lửa: Trong khi chủ nghĩa xã hội là dân chủ thì sùng bái cá nhân là phản dân chủ.

Việc Khrushchev hạ bệ thần tượng Stalin chắc chắn có tác động đến quyết định của Đảng Lao động Việt Nam ở Hà Nội bắt đầu xem xét nghiêm túc và tranh luận. Tại phiên họp mở rộng Ban Chấp hành Trung ương Đảng cuối tháng 4-1956, vấn đề tự phê bình được đem ra thảo luận, và nghị quyết của Hội nghị ca ngợi Đảng cộng sản Liên Xô dũng cảm nhận sai lầm, đồng thời thừa nhận Đảng Lao động Việt Nam thiếu sức chiến đấu nhận khuyết điểm. Nghị quyết viết *"Thông qua phê và tự phê bình, chúng ta mới phát triển được dân chủ trong nội bộ, củng cố mối quan hệ với quần*

*chúng, chống lề thói quan liêu”*. Phát biểu kết thúc hội nghị, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ ràng hơn, bằng sự tự phê bình, Đảng cộng sản Liên Xô thể hiện lòng can đảm đáng để các anh em noi gương. Bài học này đặc biệt liên quan tới Đảng Lao động Việt Nam, do *“tàn dư phong kiến và thực dân”* vẫn chưa bị loại bỏ trong nước, vì thế tạo ra sự giả tạo và để những ảnh hưởng không cộng sản thâm nhập vào Đảng. Dù Hồ tập trung chủ yếu vào vấn đề lề thói quan liêu và hống hách của quan chức, ông thú nhận *“tệ sùng bái cá nhân”* chắc chắn cũng tồn tại ở Việt Nam. Lúc này tuy chưa đưa đến những thiệt hại lớn, nhưng nó làm giảm sự nhiệt tình, cống hiến hết mình, tinh thần sáng tạo trong đảng viên và nhân dân. Để giải quyết những thiếu sót đó, ông nhấn mạnh cần phải củng cố lãnh đạo tập thể trong hàng ngũ cao cấp của đảng và chính phủ.

Không rõ “tinh thần tự phê bình” tác động tới cuộc tranh cãi về chiến dịch cải cách ruộng đất tới mức nào. Hình như phát biểu của Hồ Chí Minh nhận được sự đồng tình các đồng chí của ông trong Bộ Chính trị. Thực vậy, có sự trớ trêu khi ông nói tới nguy hiểm của tệ sùng bái cá nhân tại hội nghị, vì ông cảm thấy ảnh hưởng của bản thân trong việc thực thi chương trình cải cách ruộng đất bị hạn chế nhiều. Dù thế nào đi nữa, bài phát biểu Khrushchev giúp ông thuyết phục các đồng chí đánh giá lại những quyết định của chính họ cần phải có thay đổi trong chương trình cải cách ruộng đất.

Cho dù bài phát biểu của Khrushchev chống Stalin ở Việt Nam tác động tới đâu đi nữa, trong thời gian vài tháng sau đó, có sự đánh giá lại chương trình cải cách ruộng đất. Ngay sau khi kết thúc hội nghị, Đảng tiến hành những cuộc họp cán bộ theo lịch trình của quyết định Ban Chấp hành Trung ương. Những bình luận chính thức trên báo chí cho thấy sai lầm phạm phải khi thực hiện chương trình, một số người bị bắt trước đây vì cho là phản động

được thả. Một bài báo giữa tháng 5-1956 ca ngợi kết quả toàn diện chiến dịch cải cách ruộng đất, nhưng lại kết luận với lời khiển trách tất cả những người dính líu đến chương trình cải cách ruộng đất. Trong một bức thư đề ngày 1-7-1956 gửi hội nghị cán bộ đánh giá đợt cuối cải cách ruộng đất, Hồ Chí Minh cho mô tả chương trình đạt thành công "chủ yếu" làm giảm uy thế giai cấp địa chủ tại nông thôn, nhưng ông nói thêm, một số sai lầm nghiêm trọng đã mắc phải đã làm giảm mạnh sự thắng lợi. Những người chịu trách nhiệm thực hiện chiến dịch cải cách ruộng đất cũng không muốn nhìn nhận vấn đề. Trong một bài báo tháng 7-1956, Lê Văn Lương thừa nhận sai lầm mắc phải khi thực thi chương trình, nhưng khẳng định hành động đó là cần thiết vì các tổ chức chính quyền địa phương ở nhiều nông thôn mới được giải phóng vẫn chưa thắng thế được những phần tử phản động.

Lúc này một làn sóng mạnh mẽ chống lại Lương và phe cánh. Trong một báo cáo gửi các cán bộ nông thôn về kết quả chương trình cải cách ruộng đất ngày 17-8-1956, Hồ Chí Minh tuyên bố *"một số cán bộ không nắm vững đường lối của chúng ta, không làm đúng đường lối dân vận. (Điều này) do sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và chính phủ có thiếu sót lớn… do vậy, cải cách ruộng đất có khuyết điểm lớn và sai lầm trong công tác đoàn kết thống nhất ở nông thôn".* Ông hứa, những ai bị xử lý sai so những sai lầm đó sẽ được thả khỏi tù hoặc được phục hồi chức vụ trước đây.

Chủ đề chính thảo luận tại Hội nghị X Ban Chấp Hành Trung ương họp tháng 9-1956. Lúc này, những người thực hiện cải cách ruộng đất không thể bảo vệ được vị trí của họ nữa và những cuộc tranh cãi nẩy lửa diễn tại hội nghị. Bản thông cáo kết thúc Hội nghị toàn thể lần thứ X công khai phân tích vấn đề và quy trách nhiệm:

*Những sai lầm và những thiếu sót đã phạm phải trong thời kỳ vừa qua. Trong công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, đã mắc phải những sai lầm. Hội nghị toàn thể lần thứ X Ban Chấp Hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã phân tích những kết quả cải cách ruộng đất, công tác chỉnh đốn tổ chức và đã kiểm tra nghiêm túc những khuyết điểm phạm phải trong hai nhiệm vụ đó. Tìm ra được nguyên nhân những khuyết điểm và đề ra những biện pháp sửa chữa.*

Đây là lần đầu tiên, Đảng tìm ra được nguồn gốc vấn đề. Thông báo cho rằng những khó khăn này là do *"chệch sang tả":*

*"Hội nghị toàn thể lần thứ X Ban Chấp Hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam công nhận những khuyết điểm đó là do những thiếu sót trong công tác lãnh đạo". Vì thế Ban chấp hành Trung ương của Đảng phải chịu trách nhiệm về những khuyết điểm đó. Những uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương trực tiếp phạm phải những khuyết điểm đường lối và chính sách của Đảng phải tự kiểm điểm những thiếu sót và sai lầm của mình trước Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương sẽ có kỷ luật thích đáng với những đồng chí đó.*

Hội nghị toàn thể lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương đã có một bước đi chưa có trong tiền lệ khi cách chức những thành viên của Đảng và chính phủ. Trong số này có bốn nhân vật chính trong Uỷ ban Cải cách ruộng đất: Trường Chinh bị cách chức Tổng bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Hồ Viết Thắng bị khai trừ khỏi Ban Chấp hành Trung ương. Lê Văn Lương mất chức Uỷ viên Bộ chính trị và Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Hoàng Quốc Việt ra khỏi Bộ Chính trị. Mấy ngày sau, Hội đồng Bộ trưởng ra sắc lệnh chỉ thị huỷ bỏ toà án nhân dân cấp xã, đồng thời uỷ ban cải cách ruộng đất thành lập trước đây tại trung ương và tỉnh bị hạn chế chức năng, chuyển sang làm cố vấn nhưng không có quyền lực nữa. Để phục hồi những tổn hại do cải cách ruộng đất phạm phải, những

người bị tù oan được ân xá, những tài sản riêng bị tịch thu bất hợp pháp và đất nhà thờ được trả lại.

Việc cách chức Trường Chinh, một bước đi chưa có trong tiền lệ đối với Đảng luôn tìm cách tránh né những cuộc đấu đá bè phái mãnh liệt vốn rất đặc trưng trong hai đảng Trung Hoa và Liên Xô anh em, buộc các đồng chí của Trường Chinh phải vội tìm người thay thế. Người thừa kế hiển nhiên là tướng Võ Nguyên Giáp. Đứng hàng thứ ba sau Hồ và Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp - anh hùng Điện Biên Phủ - có uy tín cao trong nhân dân. Ông và quân đội đã tránh được vết nhơ thất bại của chiến dịch cải cách ruộng đất. Nhưng uy tín cao của Giáp lại bị những đồng sự ghen tỵ. Ngoài ra, truyền thống của Đảng tránh gộp quyền lãnh đạo Đảng với chỉ huy quân đội. Do vậy, Giáp bị loại và Hồ Chí Minh đồng ý tạm thời giữ chức Tổng bí thư.

Hồ Chí Minh không trực tiếp nhúng tay vào việc vạch kế hoạch hoặc thực thi chiến dịch cải cách ruộng đất, có thể vì vậy không thể đóng vai trò chính gây ra thiệt hại và chịu trách nhiệm. Nhưng uy tín của ông là một người lãnh đạo hiểu biết, lãnh đạo mọi mặt đã bị sứt mẻ nặng, nhiều người trong tâm tư cảm thấy, mặc dù Hồ chỉ trích những việc diễn ra ở mức địa phương, nhưng không phải ông vô can, vì bản thân ông thông qua Luật Cải cách ruộng đất từ khi bắt đầu và bảo vệ thành tích của nó *"là chính"* thậm chí sau khi biết rõ những sai lầm nghiêm trọng đã xảy ra. Trong cuộc gặp riêng với những lãnh đạo đảng, Hồ tự phê bình chính mình *"Bác đã thiếu dân chủ, không nghe, không thấy. Bởi thế tất cả chúng ta phải tiến hành dân chủ. Bác thừa nhận khuyết điểm trong vụ này. Từ nay tất cả các lãnh đạo trung ương phải nghe, quan sát, suy nghĩ và hành động. Bài học đau thương này phải trở thành động lực mới cho chúng ta".*

Thất bại chiến dịch cải cách ruộng đất là một bước lùi lớn của Trường Chinh. Do tính cách thiếu hòa đồng và khắt khe, Trường Chinh không được các đồng chí và những người xung quanh kính trọng không phải vì sự tàn bạo mà vì sự lạnh lùng, thiếu tình người và vẫn chắc chắn tin rằng khi tiến hành chương trình theo đề xuất cố vấn Trung Quốc ông hành động là đúng theo ý thức hệ. Trong lúc bị bẽ mặt do giáng cấp, ông lại tỏ ra khá kiêu ngạo trước công chúng và nghe đồn không bao giờ kể chuyện này với các đồng chí của ông. Khi có dịp ông sẵn sàng bảo vệ quyết định của mình. Vài tuần lễ sau khi kết thúc Hội nghị X, Trường Chinh lập luận, mặc dù một số cán bộ sai trái phạm khuyết điểm tai hại trong chiến dịch, nhưng cải cách ruộng đất là *"một cuộc cách mạng"* và ông nói *thêm "một cuộc cải cách ruộng đất hoà bình chẳng khác gì như kế hoạch giao đất là một ảo tưởng".*

Cố gắng của Đảng trong việc thừa nhận lỗi đã quá muộn để ngăn cản cuộc bạo động đầu tiên của dân chúng chống lại chính sách chính phủ kể từ khi kết thúc kháng chiến chống Pháp. Cuộc bạo động xảy ra ở một nơi không xa quê Hồ Chí Minh ở tỉnh Nghệ An. Huyện Quỳnh Lưu có phần đông dân chúng là Thiên Chúa Giáo. Người dân Quỳnh Lưu có tinh thần yêu nước cao, từng ủng hộ Việt Minh chống Pháp, nhưng cả hai bên đều nghi ngờ nhau. Cán bộ Việt Minh nghi ngờ đa số dân Thiên Chúa Giáo địa phương trung thành với Pháp hoặc Bảo Đại và thù địch cách mạng. Còn người theo Thiên Chúa Giáo tức giận trước những chính sách và hành động nghi ngờ của chính quyền nên họ chống lại.

Mối quan hệ giữa chính phủ và cộng đồng giáo dân Thiên Chúa không ngừng mâu thuẫn ở Việt Nam kể từ khi kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương. Sau đình chiến vào tháng 7-1954, gần 600.000 người Thiên Chúa Giáo di cư vào Nam. Tuy thế, gần 900.000 Thiên Chúa Giáo vẫn còn lại ở miền Bắc sau Hiệp định Geneva và chính

phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cam đoan họ sẽ không bị ngược đãi. Một Uỷ ban lên lạc những người Thiên Chúa Giáo yêu nước và yêu hoà bình được thành lập như một nhóm trong mặt trận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên phát biểu với dân Thiên Chúa Giáo những cam kết của chính phủ ông về tự do tín ngưỡng. Bổ nhiệm những giám mục mới thay những giám mục đã vào Nam, những trường dòng đào tạo linh mục Thiên Chúa Giáo được thành lập cuối năm 1954. Tháng 6-1955 chính phủ ra một sắc lệnh bảo đảm tự do tín ngưỡng và công nhận quyền của Vatican trong công việc nội bộ nhà thờ, mặc dù cấm đoán dân Thiên Chúa Giáo tuyên truyền chống đối những chính sách của chính phủ.

Tuy nhiên khi mở màn chiến dịch cải cách ruộng đất, mối quan hệ nhanh chóng phá hỏng tất cả, khi các cán bộ hiếu chiến thường tỏ ra chống người theo đạo Thiên Chúa Giáo, nhiều người trong số họ bị tình nghi là phản động. Trong một số trường hợp, họ cũng có lý do để đặt những câu hỏi với cách mạng, vì nhiều người Thiên Chúa Giáo là những người giàu có của cộng đồng nông thôn, do vậy họ chống đối cải cách ruộng đất. Bản thân Nhà Thờ, chiếm khoảng 1,3 phần trăm đất canh tác trong nước, cũng công khai thù địch với chính phủ.

Vấn đề rắc rối ở huyện Quỳnh Lưu bắt đầu xuất hiện năm 1955, khi dân làng phản đối việc quan chức chính phủ ngăn cản họ di cư vào Nam. Mùa Hè năm 1956, chiến dịch cải cách ruộng đất quét qua vùng này, sự oán giận thái độ tàn nhẫn khi tiến hành cải cách ruộng đất tăng lên do những những đối xử bất công với người theo đạo. Cán bộ đảng thường xuyên quy kết những người thủ lĩnh Thiên Chúa Giáo địa phương là phản động, kẻ phá hoại. Khi đoàn thanh tra của Uỷ Ban Kiểm Soát Quốc tế tới, căng thẳng bùng lên và một số vụ đụng độ bạo lực xảy ra giữa lực lượng an ninh chính phủ với dân làng tìm gặp những thanh tra. Ngày 9-11-1956, một

nhóm dân làng đưa đơn cho những thành viên Uỷ Ban Kiểm Soát Quốc tế, đang đi đến huyện trên xe Jeep. Một đơn vị cảnh sát cố tình giải tán đám đông và bạo lực nổ ra. Ngày 13-11-1956, vài ngàn người, vũ trang bằng gậy gộc và cuốc xẻng tiến về trung tâm huyện lỵ Quỳnh Lưu. Con đường tới huyện lỵ bị bộ đội phong toả, đụng độ xảy ra làm vài người biểu tình bị chết. Ngày hôm sau, một sư đoàn bộ đội được điều đến chiếm vùng này, bắt hết những người cầm đầu cuộc nổi loạn. Sau khi toán thanh tra Uỷ Ban Kiểm Soát Quốc tế từ Hà Nội tới để đánh giá tình hình, một số người bị bắt trong cải cách ruộng đất được thả, tài sản của họ được trả lại. Nhưng rõ ràng là cuộc tranh cãi trong nội bộ Đảng về cải cách ruộng đất vẫn chưa chấm dứt. Trường Chinh, lúc đó còn là chủ tịch Uỷ ban Cải cách ruộng đất, cảnh báo trong báo cáo của mình về sự kiện này, một số *"cá nhân nguy hiểm"* đã được thả mà không có xét xử cần phải theo dõi chặt *"những thành phần địa chủ"* để họ không thể còn uy thế trong làng nữa.

Dù sự kiện Quỳnh Lưu là độc nhất trong mối quan hệ của chính phủ và Thiên Chúa Giáo, nó cũng chứng tỏ rõ ràng chương trình cải cách ruộng đất đã phá hoại nghiêm trọng sự tin tưởng của nhân dân miền Bắc với những người lãnh đạo Đảng, chắc chắn cản trở sự thống nhất và lãnh đạo tập thể trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng. Cuối tháng Mười, một đám đông gồm chủ yếu những thân nhân những người bị oan ức trong cải cách ruộng đất đã tụ tập trước cửa trụ sở Ban Chấp hành Trung ương gần Quảng trường Ba Đình để đòi sửa sai. Tướng Võ Nguyên Giáp phát biểu trước đông đảo nhân dân tại Nhà Hát Nhân Dân, công nhận những sai lầm trong cải cách ruộng đất. Ông thừa nhận lãnh đạo Đảng dự đoán quá cao số lượng địa chủ trong nước, đã cứng nhắc khi coi toàn bộ tầng lớp này là kẻ thù nhân dân. Do vậy không phân biệt nổi bạn và thù, coi nhẹ tầm quan trọng mặt trận quốc gia thống nhất rộng

rãi trong thời kỳ trước đây. Ông nói thêm, Đảng cũng vi phạm chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng khi tiến hành cải cách ruộng đất trong khu vực đông dân Thiên Chúa Giáo và không nhận ra sự cống hiến cho cách mạng của nhiều binh sĩ giải ngũ và cựu chiến binh.

Hồ Chí Minh, người tranh luận trong cuộc họp những lãnh đạo cao cấp chống lại tàn dư chiến dịch Cải cách ruộng đất, ít xuất hiện trước công chúng cho mãi đến tháng 2-1957, tại phiên họp Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Quốc hội, Hồ thừa nhận "có nhiều sai lầm nghiêm trọng" phạm phải khi tiến hành Cải cách ruộng đất. Nhưng một lần nữa ông bảo vệ chương trình Cải cách ruộng đất cho là chương trình này hoàn toàn đúng đắn về nền tảng với mục đích loại bỏ thế lực phong kiến tại làng xã và giải phóng nông dân nghèo khỏi vòng nghèo khổ. Những quan sát viên nhớ lại rằng Hồ khóc khi nói đến những đau thương đã xảy ra trong Cải cách ruộng đất.

Về mặt nào đấy, chương trình cải cách ruộng đất có thể xem như thành công của chế độ. Hơn hai triệu mẫu ruộng (800.000 hectares) đã được chia cho hơn hai triệu gia đình nông dân, bằng một nửa số nông dân ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sự thống trị đời đời của bọn chủ đất tại làng xã đã bị phá vỡ và tầng lớp lãnh đạo mới hình thành bao gồm dân nghèo và trung nông. Nhưng cách làm này cũng để lại di sản cay đắng. Dù con số thực tế những người bị xử tử trong cải cách ruộng đất vẫn còn được tranh cãi, ngay cả những quan sát viên thiện cảm cho rằng ít nhất 3.000 to 5.000 người có thể đã chết trong cải cách ruộng đất, thường bị đội hành quyết thi hành ngay sau khi *"toàn án nhân dân"* kết án. Có những đánh giá khác, cho rằng có khoảng từ 12.000 đến 15.000 người bị xử tử không xét xử với những lời cáo buộc chụp mũ tội phá hoại, nói một cách khác là ủng hộ hoạt động phản động. Còn

vô số không kể hết những người bị đối xử tàn tệ do mối quan hệ của họ với nạn nhân. Có một thảm hoạ lớn cho tổ chức Đảng tại cấp địa phương. Một nghiên cứu đầu thập niên 1980 cho thấy ở một số vùng, 30 phần trăm chi bộ đảng phải giải thể do cán bộ chủ chốt bị thủ tiêu vì những kẻ quá khích trong đội cải cách ruộng đất gây ra. Trong 76 xã ở tỉnh Bắc Ninh, chỉ còn 21 bí thư chi bộ còn lại vào đợt cuối chiến dịch cải cách ruộng đất.

Sự hỗn loạn xã hội do chiến dịch cải cách ruộng đất gây nên cũng không bó hẹp ở nông thôn. Nó cũng làm gia tăng sự tức giận đối với Đảng trong giới trí thức thành thị. Đó là những người đã ủng hộ mạnh mẽ Mặt trận Việt Minh trong nhiều giai đoạn trước đây của cuộc kháng chiến. Nhiều người có lòng yêu nước cao, hăng hái ủng hộ cương lĩnh Việt Minh kết hợp vấn đề độc lập dân tộc với những biện pháp cải cách ôn hoà.

Tuy nhiên, uy tín Đảng trong trí thức giảm sút nghiêm trọng vào đầu năm 1951, khi chiến dịch chỉnh huấn theo lối Trung Quốc khiến họ cảm thấy bị sỉ nhục trong những buổi phê và tự phê bình khi họ cố hoà hợp tinh thần yêu nước với những đòi hỏi khắt khe của tiêu chuẩn Maoist. Một số rời bỏ hàng ngũ. Một số không hài lòng việc bắt họ tuân theo kỷ luật đảng và hy sinh mục đích cá nhân trong kháng chiến. Như nhà văn - nhân sĩ Phan Khôi nhấn mạnh, vị ngọt của lòng yêu nước giống như đường trong tách café, đã pha nhạt vị đắng của lãnh đạo Đảng và sự cứu rỗi nhân cách của người trí thức.

Tình thế khó xử này trở nên mạnh hơn sau hội nghị Geneva, khi vấn đề độc lập dân tộc được đặt trước vai trò Đảng lãnh vai trò lãnh đạo trung tâm. Chuyện nhà văn trẻ Trần Dần là một minh hoạ điển hình. Là cựu chiến binh Điện Biên phủ, Dần đã viết một tiểu thuyết theo phong cách hiện thực xã hội chủ nghĩa về kinh nghiệm

chiến trường. Ngay sau khi ngừng bắn, ông được cử sang Trung Quốc tu nghiệp viết kịch bản phim dựa trên cuốn tiểu thuyết của ông. Ở đó, ông gặp nhà văn Hồ Phong, người chủ trương phải trao quyền tự do hơn cho các văn nghệ sĩ ở nước Trung Hoa mới. Về nước, Trần Dần sửa lại câu chuyện của mình, thay thế việc miêu tả chủ nghĩa anh hùng và tinh thần hy sinh bằng một câu chuyện hiện thực hơn về những gian khổ của tổ tam tam (3 người lính) với sự khủng khiếp của chiến tranh. Mùa Đông năm 1954-1955, cộng tác với vài đồng sự cùng chí hướng trong bộ phận tuyên huấn quân đội, ông thảo ra một bức thư *"Những đề xuất về văn hóa chính trị",* dự định gửi tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trọng tâm của bức thứ, đòi được tự do hơn cho sự sáng tạo của trí thức để phản ánh sự thật về cuộc chiến tranh vừa qua mà họ đã chứng kiến.

Thoạt đầu, bản dự thảo có lẽ được một số sĩ quan cao cấp quân đội ủng hộ, nhưng cuối cùng ban tuyên huấn quân đội nhận thư và chính thức bác bỏ. Người cầm đầu duy trì sự trong sạch về tư tưởng là nhà thơ Tố Hữu, người nổi tiếng về những bài thơ trong kháng chiến chống Pháp, nay là người lính canh gác trên mặt trận văn hoá và tư tưởng của Đảng. Là người lớn tiếng cổ suý cho phong trào *"nghệ thuật vị nhân sinh",* ông có bài phát biểu quan trọng tháng 9-1949 ở Việt Bắc kêu gọi loại bỏ những ảnh hưởng phản động của phong kiến và tư bản trong nền văn hóa cách mạng Việt Nam non trẻ.

Trần Dần lập tức bị cánh tả tấn công, không những vì lời phát biểu đòi hỏi chấm dứt kiểm soát tư tưởng đối với sự sáng tạo của các nghệ sĩ ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mà còn bị cáo buộc có *"lối sống tư sản"*. Bị khai trừ ra khỏi Đảng, ông bị giam ở nhà tù quân đội tại Hoàng Thành ở Hà Nội. Trần Dần viết:

*“Tôi bước đi*

*không thấy phố*

*không thấy nhà,*

*chỉ thấy mưa sa*

*trên màu cờ đỏ”.*

Nhưng sự xáo động do bức thư gây ra cộng với sự tàn bạo của chiến dịch cải cách ruộng đất và *“sự tan băng”* văn hoá ở Liên Xô do tác động bài phát biểu của Khrushchev chống Stalin tháng 2-1956, đã khích lệ nhiều trí thức khác. Mùa xuân năm đó, tạp chí Giai Phẩm Mùa Xuân bắt đầu ra đời, ít nhiều phê phán những chính sách của chính phủ. Tuy có ý kiến chính thức không tán thành, tạp chí vẫn tiếp tục ra vào mùa hè năm đó, khuyến khích sự ra đời của tạp chí thứ hai Nhân Văn vào tháng 9. Chủ bút của Nhân Văn, nhân sĩ Phan Khôi, một người tham gia phong trào cải cách của Phan Chu Trinh từ đầu thế kỷ. Lúc này, trí thức Việt Nam được chiến dịch *“Trăm Hoa đua nở”* ở Trung Hoa khích lệ, được nhà nước Trung Quốc chính thức tài trợ khuyến khích phát biểu công khai những thiếu sót của Đảng cộng sản và chính phủ Trung Quốc. Nhà thơ Hoàng Cầm đã viết một bài phê phán chính quyền đàn áp Trần Dần và bảo vệ Trần Dần trước những lời phê bình. Những bài báo khác trong hai tạp chí miêu tả nỗi thống khổ của thân nhân những người bị tù trong cải cách ruộng đất và lề thói quan liêu.

Sự đả kích tàn dư chiến dịch cải cách ruộng đất và những lời yêu cầu phê và tự phê bình xuất phát từ Moscow và Bắc Kinh khiến những người nắm công tác tư tưởng trong Đảng chưa thể ra tay đàn áp. Trên thực tế, Hội nghị X tháng 9-1956 ra thông cáo kêu gọi nới rộng tự do dân chủ, đồng thời tháng 12-1956 sắc lệnh của chủ tịch Hồ Chí Minh bảo đảm tự do trong giới hạn của báo chí.

Trường Chinh kêu gọi hình thành một nền văn hoá Việt Nam mới mang hình thức dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa. Chẳng ai hiểu Trường Chinh nói thế nghĩa là gì. Khi một trí thức kêu ca với Trường Chinh vì không được tự do ngôn luận, Chinh ngạc nhiên đáp: *"Thế à, nhưng các anh chẳng được tự do thoải mái phê phán chủ nghĩa đế quốc sao?"*

Nhưng cuộc bạo động ở Quỳnh Lưu gây nên lo ngại trong những lãnh đạo Đảng ở Hà nội, đến cuối năm, Nhân Văn và Giai Phẩm buộc phải đóng cửa. Báo *Nhân Dân* kêu gọi Đảng kiểm soát chặt trí thức, bắt buộc phải học về chủ nghĩa Marx - Lenin. Phan Khôi bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà Văn và cuối cùng bị bắt. Ông chết trong tù trước khi ra toà. Trần Dần bị khai trừ khỏi Đảng, nhưng ông tự nhận mình trung thành với ý tưởng không tưởng *"là người cộng sản ngoài đảng"*.

Không dễ dàng đánh giá vai trò của Hồ trong cả hai vụ cải cách ruộng đất và đàn áp trí thức. Những người ủng hộ Hồ vạch ra ông không trực tiếp can dự việc này và kiên trì thuyết phục những lãnh đạo đảng cao cấp cần phân biệt cẩn thận giữa những người lầm đường, có thể đưa họ đi đúng đường và những phần tử thực sự phản động, phải bị cắt bỏ như ung thư khỏi cơ thể xã hội Việt Nam. Nhưng những nhà phê phán đáp trả, dù không trực tiếp cầm dao thì ít ra Hồ cũng đã tạo điều kiện cho những đao phủ. Có dấu hiệu cho thấy ngay cả sau khi ông được thông báo cho về hậu quả trong hai chiến dịch, ông chẳng thèm dùng uy tín tuyệt đối của mình giảm nhẹ tác động của hậu quả này.

Dù cá nhân Hồ không thể hiện dùng những biện pháp tàn bạo chống lại đối thủ hoặc kẻ thù, ông cũng bỏ qua những hành động đó của thuộc hạ vì lợi ích lớn hơn của sự nghiệp. Hồ Chí Minh biết một số trí thức bị tấn công trong chiến dịch mà ông có quen biết -

ông thỉnh thoảng cũng đứng ra can thiệp, nhưng thường không có hiệu quả. Một người thân của một trí thức là nạn nhân của chiến dịch thông báo cho tôi biết Hồ cố gắng thay đổi quy chế đối xử trong tù của vị trí thức đó. Có thể nói, Hồ Chí Minh đã trở thành tù nhân do chính ông tạo ra, như một con *ruồi kẹt trong trong chai*, không có khả năng thoát khỏi logic nghiệt ngã của hệ thống sẵn sàng *"hy sinh"* cá nhân cho "*những mục đích cao cả"* của kế hoạch lớn.

Mặc dù Hà Nội chỉ quan tâm nhiều đến bài phát biểu chống Stalin của Khrushchev đầu năm 1956, nhưng Đại hội lần thứ XX Đảng cộng sản Liên Xô còn có nhiều nghị quyết quan trọng về chính sách cùng chung sống hòa bình với phương Tây. Khi đánh giá chính sách mới, Khrushchev lập luận chỉ có cách này mới tránh được cuộc xung đột hạt nhân, có thể dẫn đến cái chết của hàng triệu người cho cả hai bên chỉ vì do khác biệt hệ tư tưởng.

Chiến lược cùng chung sống hoà bình của Moscow không làm Hà Nội hứng thú, vì họ cho Liên Xô không để mắt tới cuộc đấu tranh cách mạng dẫn tới thống nhất hai miền Việt Nam. Lúc đó, chủ trương mới đó cũng phù hợp chính sách của Hà Nội, vì tháng 8-1955 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định một lần nữa mong muốn tìm cách thống nhất bằng phương pháp hoà bình. Đầu năm 1956, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chấp thuận đề nghị của Trung Quốc tái nhóm họp Hội nghị Geneva để thảo luận việc thi hành.

Dù vậy, vấn đề này cũng còn đang tranh cãi trong hàng ngũ lãnh đạo cao cấp Đảng. Cuối mùa đông 1956, một đoàn đại biểu do Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng dẫn đầu đã bí mật vào miền Nam để tham khảo với những người lãnh đạo Việt Minh ở đó. Chủ tịch Ban Chấp hành Đảng miền Nam (thay thế Văn phòng

Trung ương Nam Việt, giải tán sau Hiệp định Geneva) là Lê Duẩn, một đảng viên kỳ cựu, người chỉ đạo hoạt động ở đó từ khi Nguyễn Bình bị đẩy ra Bắc năm 1951. Mục tiêu chuyến đi của Văn Tiến Dũng xây dựng những căn cứ địa cách mạng, xem xét nhu cầu củng cố lực lượng, cũng như tạo thuận lợi liên minh chính thức với hai nhân vật chống đối của hai giáo phái.

Là con trai thợ mộc ở Quảng Trị, bắc cố đô Huế, Lê Duẩn thiếu nền tảng học vấn và truyền thống gia đình trí thức như nhiều thành viên của Đảng, ngoại trừ vài người trong số này như Hồ Chí Minh xuất thân từ tầng lớp Nho giáo. Tuy dáng vẻ mảnh khảnh, điệu bộ cứng nhắc, nhưng Duẩn lại thừa tự tin, ông được coi là nhà tổ chức tài năng và người phát ngôn cho quyền lợi của phong trào miền Nam. Mặt khác, một số đồng chí nhận xét ông là người kiêu ngạo, không chịu lắng nghe ý kiến khác với ý ông.

Hoạt động dưới bí danh anh “Ba”, đại diện cao cấp Ban Chấp hành Trung ương Cục ở các tỉnh miền Nam ngay sau khi kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương, Lê Duẩn là sự lựa chọn thích hợp để giữ chức vụ lãnh đạo phong trào ở Nam Việt Nam. Ông toàn tâm cống hiến cho sự nghiệp thống nhất quốc gia, nhưng cũng là người thực dụng, trong những cuộc họp Ban Chấp hành khu vực, ông lập luận thao thao bất tuyệt về áp dụng một chiến lược thực tế không những ở hoàn cảnh miền Nam mà còn ở quốc tế nữa. Một mặt, ông tìm cách kìm chế những người nôn nóng muốn quay lại ngay với chiến lược dùng trong kháng chiến chống Pháp, ông nói, lực lượng vũ trang của Đảng chưa đủ sức. Mặt khác, ông hoài nghi giải pháp hoà bình, cho rằng cuối cùng thì cũng phải sử dụng hình thức bạo lực. Ông nói, những hoạt động chính trị ở miền Nam, *“đôi khi sẽ được hỗ trợ bằng những hành động quân sự để thể hiện sức mạnh của đội quân từng chiến thắng ở Điện Biên Phủ”.* Tháng 3-1956, Lê Duẩn giao cho Văn Tiến Dũng một kế hoạch quân sự

sẵn sàng quay lại chính sách đấu tranh vũ trang. Sau khi Văn Tiến Dũng ra về, Ban Chấp hành Đảng Bộ miền Nam thông qua tăng lực lượng quân sự địa phương, bao gồm thành lập 20 tiểu đoàn chủ lực và các đội du kích địa phương ở thôn xã có cảm tình với cách mạng.

Đề nghị của Lê Duẩn về đấu tranh vũ trang ở miền Nam đến Hà Nội đúng lúc ban lãnh đạo đảng tích cực thảo luận đường lối chung sống hoà bình của Moscow. Đầu tháng 4-1956, Phó thủ tướng Liên Xô, Anastas Mikoyan, đến Hà Nội để giải thích với Việt Nam quan điểm của Moscow về tình hình thế giới. Đây là lần đầu tiên một nhân vật cao cấp Liên Xô tới thăm Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, một vị khách chắc chắn được Việt Nam nồng nhiệt đón tiếp. Hai tuần lễ sau khi Anastas Mikoyan về nước, Hội nghị lần thứ IX Ban Chấp hành Trung ương Đảng tuyên bố chính thức phê chuẩn những nghị quyết của Đại hội lần thứ XX Đảng cộng sản Liên Xô. Nhưng Trường Chinh, người vẫn còn giữ chức Tổng bí thư thời gian đó, thú nhận, không phải tất cả các uỷ viên Trung ương đồng ý với quan điểm đó. Ông nhấn mạnh *"Có một số người vẫn chưa tin vào sự đúng đắn của chương trình chính trị này và chính sách hoà bình thống nhất của đất nước, cho rằng đó là ảo tưởng và cải lương".*

Không rõ có phải Trường Chinh ám chỉ Lê Duẩn, đại diện Đảng Bộ ở miền Nam không. Dù thế nào đi nữa, chính Hồ Chí Minh cũng theo quan điểm này. Dù ông công khai kêu gọi các chiến hữu quan tâm đến giải pháp hoà bình khi có cơ hội, ông vẫn tin vấn đề dân tộc phải ưu tiên hàng đầu và vẫn chưa sẵn sàng quay lại sử dụng bạo lực nếu điều đó dẫn đến việc thống nhất. Ngày 24-4-1956, phát biểu tại Hội nghị IX, Hồ tuyên bố, nhân dân Việt Nam hiểu "*tầm quan trọng*" những quyết định đưa ra ở Moscow và sự lớn manh của lực lượng hoà bình thế giới. Tuy nhiên, ông kết luận:

*"Trong khi nhận thấy chiến tranh có thể không xảy ra, chúng ta cần phải thận trọng theo sát mưu đồ của bọn gây chiến. Chừng nào chủ nghĩa đế quốc còn, nguy hiểm của chiến tranh vẫn tồn tại"*. Ông vạch ra, trong một số trường hợp con đường tới chủ nghĩa xã hội có thể là con đường hoà bình, nhưng chúng ta phải nhận rõ thực tế:

*"Ở những nước nơi bộ máy nhà nước, quân đội, cảnh sát của giai cấp tư sản còn mạnh thì giai cấp vô sản cần chuẩn bị đấu tranh vũ trang. Do vậy, trong khi nhìn nhận khả năng thống nhất bằng phương pháp hoà bình, nhân dân Việt Nam đừng quên rằng kẻ thù chính của chúng ta là đế quốc Mỹ và tay sai của chúng đang chiếm nửa nước đang tích cực chuẩn bị chiến tranh. Vì thế, trong khi chúng ta giương cao ngọn cờ hoà bình, chúng ta đồng thời phải cảnh giác cao độ"*.

Quan điểm của Hồ Chí Minh phù hợp với nghị quyết được Hội nghị thông qua, nói rằng trong khi một số dân tộc có khả năng tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng phương pháp hoà bình, đôi khi một cuộc chiến tranh ác liệt có thể khó tránh được, vì thế giai cấp công nhân cần phải sẵn sàng tình huống này. Do vậy Moscow đã nhận xét, mặc dù các nước đồng minh chưa sẵn sàng trực tiếp đối đầu Khrushchev về vấn đề cùng chung sống hoà bình, nếu cần thiết, vui lòng xác định chiến lược đem đến giải pháp thành công cho cuộc đấu tranh vì giải phóng dân tộc và thống nhất ở Việt Nam.

Tán thành tuyên bố của Đại hội lần thứ XX Đảng cộng sản Liên Xô về chính sách chung sống hoà bình, Hội nghị IX bác bỏ đề nghị của Lê Duẩn đặt những bước đầu tiên chủ trương đấu tranh vũ trang ở miền Nam. Dù thế vẫn không chấm dứt được những cuộc tranh cãi trong nội bộ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về hướng đi thích hợp cho miền Nam. Một bài xã luận dài đăng trên báo *Nhân Dân* giữa tháng 7-1956 nhận xét nhiều người vẫn còn nuôi *"ý thức hệ phức hợp và ảo tưởng"* về vấn đề này. Một số có *"ý nghĩ đơn*

*giản”* tin tưởng Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức. Bây giờ họ thất vọng và bi quan. Một số khác*”không muốn tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài của gian khổ”*, tiếp tục hy vọng thống nhất là điều này có thể đạt được bằng biện pháp hoà bình.

Những người thất vọng nhất chắc chắn là đa số cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc sau Hội nghị Geneva để huấn luyện và học tập ý thức hệ Marxist và chiến thuật cách mạng. Để xoa dịu, trong bức thư ngỏ tháng 6-1956, Hồ Chí Minh giải thích cho họ chính sách tìm cách thống nhất bằng phương pháp hoà bình. Ông cảnh báo, cuộc đấu tranh sẽ khó khăn và kéo dài, và có thể không thành công nêu miền Bắc trước tiên không đủ sức mạnh làm hậu phương vững chắc. Ông nói, đấu tranh chính trị chính nghĩa chắc chắn chiến thắng. Nhưng *“để xây dựng một ngôi nhà tốt, chúng ta phải xây dựng nền móng tốt”*. Bình luận của Hồ về xây dựng miền Bắc có tiếng vang tới nhiều độc giả. Mùa Xuân năm đó, Bắc Việt Nam gặp nạn đói, cũng như thiếu những chuyên viên lành nghề giúp đỡ xây dựng kinh tế. Những hiệp định ký với Trung Quốc cung cấp viện trợ kỹ thuật xây dựng cơ sở công nghiệp nhẹ ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhưng trong khi đó, nhân dân cần phải được nuôi ăn trước. Một nhà thơ vừa đi thăm các tỉnh đồng bằng sông Hồng, viết:

*Tôi qua làng*

*Kiến An,*

*Hồng - Quảng*

*bốn mùa biển lộng*

*Nơi đây*

*trận cuồng phong*

*tàn phá đã hai năm*

*Bờ đê quai*

*sụt lở*

*nước biển*

*trắng đồng*

*trắng ngõ*

*Đồng lúa*

*giờ thành*

*ruộng muối*

*Lay lắt nơi đây*

*thoi thóp qua ngày*

*củ khoai,*

*củ sắn*

*Các trẻ thơ*

*trơ xương*

*Bát cháo cám*

*thay*

*bát cơm gạo mới thơm hương.*

Những người lãnh đạo đảng đã tư vấn những cán bộ chủ chốt ban lãnh đạo miền Nam về vấn đề thống nhất trước khi họp Hội nghị IX, Trường Chinh quở trách họ về sự thiếu kiên nhẫn. Nhưng những nghi ngờ về giải pháp hoà bình thống nhất đất nước vẫn dai dẳng ở Hà Nội. Tháng 6-1956, sau khi cuộc họp về chủ đề này, Bộ Chính trị ra nghị quyết nhan đề *"Tình hình và nhiệm vụ của cách mạng ở miền Nam"*. Bản nghị quyết nhận xét, do Nam Việt Nam trở thành một thuộc địa kiểu mới của Mỹ, cần phải tính đến áp dụng chính sách đấu tranh vũ trang để tự vệ. Dù vậy, Bộ Chính trị kết luận, vấn đề thời gian là quan trọng với chiến lược đấu tranh

chính trị. Trong một bức thư gửi nhân dân Việt Nam vào tháng Bẩy, Hồ Chí Minh nói, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ tiếp tục cố gắng theo đuổi thống nhất đất nước bằng phương pháp hoà bình theo cơ chế Hiệp định Geneva.

Là uỷ viên Bộ Chính trị, Lê Duẩn chắc chắn tham dự Hội nghị tháng 6-1956. Nếu vậy, ông phải truyền đạt lại chỉ thị quan điểm của Hà Nội cho các đồng chí của ông ở miền Nam. Mùa hè năm đó, ông viết một cuốn sách mỏng *"Con đường cách mạng miền Nam"* trình bầy những quan điểm của ông về chủ đề này. Vể mặt ngoài, những đề xuất của ông trùng với quan điểm của những người ủng hộ chính sách hoà bình trong nội bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị. Lê Duẩn tuyên bố, tại giai đoạn hiện tại, cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam. Chính sách hiện nay đấu tranh chính trị một cách hoà bình ở miền Nam phù hợp với thực tế hiện tại, do bộ máy Đảng ở miền Nam còn yếu và cũng phù hợp với những quyết định đưa ra tại Đại hội XX ở Moscow và tình hình thế giới.

Tuy nhiên, việc Lê Duẩn nhấn mạnh tầm quan trọng chủ trương chính trị có chút giả dối, vì trọng tâm tranh cãi của ông lại nhằm vào chủ trương cần phải tăng cường mạnh mẽ cách mạng ở miền Nam. Dù không chính thức đi trệch chính sách hiện thời, ông vạch ra rằng có sự khác biệt đáng kể giữa chính sách cải lương dựa trên "đấu tranh công khai và nghị trường" và với đấu tranh chính trị do phong trào cách mạng "xây dựng lực lượng cách mạng quần chúng". Ông lập luận rằng, là đội tiên phong của cách mạng, Đảng phải lãnh đạo quần chúng (ở đây ông dùng bài học Cách mạng tháng Tám năm 1945) cướp chính quyền. Nếu không, cơ hội may mắn lật đổ chế độ phản động Sài Gòn có thể bị lỡ.

Theo Lê Duẩn, bài học quý giá thu được từ Cách mạng tháng Tám là cần phải sẵn sàng cho tổng khởi nghĩa bằng cách xây dựng lực lượng cách mạng có đủ sức mạnh chính trị và quân sự. Lê Duẩn kết luận, đáng tiếc nhiều cán bộ có trách nhiệm dẫn dắt phong trào *"vẫn chưa hiểu rõ sức mạnh của quần chúng cách mạng",* do vậy không lãnh đạo được quần chúng.

Đầu năm 1956, Trung Quốc và Liên Xô thoả thuận cần phải có một thời kỳ hoà bình, ổn định quốc tế làm nền tảng để hai nước kiến thiết đất nước. Tháng 2-1956, cả Moscow lẫn Bắc Kinh kêu gọi Hà Nội chấp nhận đề nghị họp lại hội nghị Geneva như một chiến thuật để giải cứu tiến trình hòa bình có nguy cơ đổ vỡ ở Đông Dương. Nhưng đề xuất của hai nước này chết yểu, do Anh, đồng chủ tịch với Liên Xô, không đồng ý họp lại hội nghị bởi Sài Gòn tuyên bố họ không phải là người tham gia ký hiệp định và không có trách nhiệm thi hành những điều khoản này. Liên Xô vì đã giao cho Trung Quốc trách nhiệm giải quyết mớ bòng bong ở Đông Dương nên chẳng có hành động nào cả. Còn Bắc Kinh đăng bận tâm với những vấn đề nội bộ, nên cũng tảng lờ.

Tuy vậy, mùa Thu năm 1956 mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Liên Xô bắt đầu lan sang những vấn đề khác. Giới lãnh đạo Trung Quốc bực tức việc Liên Xô can thiệp mạnh mẽ vào Đông Âu để ngăn cản bất ổn xã hội ở Ba Lan và Hungary. Điều này trái với quan điểm Trung Quốc, mâu thuẫn giữa các dân tộc nên được giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và không can thiệp. Theo quan điểm Bắc Kinh, những cuộc bạo động chống lại chính quyền cộng sản ở Đông Âu là hậu quả trực tiếp bài phát biểu của Khrushchev hạ bệ Stalin, phá hoại uy tín đảng cộng sản là đội tiên phong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Để thể hiện phần nào ủng hộ quan điểm Trung Quốc về vấn đề

cùng chung sống hoà bình, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mời Chu Ân Lai tới Hà Nội. Chu Ân Lai, có mối quan hệ từ lâu với Hồ Chí Minh, đến Hà Nội ngày 18 tháng 11 trong chuyến dừng chân đầu tiên đi thăm các nước Châu Á, Chu Ân Lai nêu vấn đề thống nhất Việt Nam. Chu Ân Lai đồng ý cần phải phối hợp hành động thực hiện những điều khoản hội nghị Geneva, nhưng ông né tránh nói cụ thể là những gì sẽ được thực hiện. Khi lãnh đạo Việt Nam ép ông phải đòi hội nghị Geneva họp lại, Chu Ân Lai mập mờ nói, *"sẽ nghiên cứu"*.

Cuối cùng Việt Nam thấy rõ chuyến thăm của Chu Ân Lai chủ yếu là do Bắc Kinh muốn tranh thủ sự ủng hộ của Việt Nam đối với Trung Quốc trong mâu thuẫn phát sinh với Liên Xô. Những người lãnh đạo Trung Quốc nói riêng bực bội việc Liên Xô đem quân lật đổ chính quyền ôn hoà Imre Nagy ở Hungary. Trong những phát biểu công khai tại Hà Nội, Chu Ân Lai bóng gió nói tới mối nguy hiểm của *"chủ nghĩa sô-vanh nước lớn"* ám chỉ những hành động của Liên Xô ở châu Âu và tầm quan trọng những mối quan hệ tương hỗ dựa trên năm nguyên tắc cùng chung sống hoà bình do Trung Quốc và Ấn Độ đề xuất hai năm trước đây.

Sự bực dọc của Bắc Kinh đối với xu hướng Moscow sai khiến các nước thành viên phe xã hội chủ nghĩa chắc chắn được nhiều nhà lãnh đạo Đảng ở Hà Nội đồng tình. Một số cảm thấy sỉ nhục vì chính sách cùng chung sống hoà bình của Khrushchev, coi đó là sự đầu hàng trước kẻ thù giai cấp, mới có mối quan hệ chặt chẽ hơn với Trung Quốc. Nhưng Hồ Chí Minh cho rằng cần duy trì những mối quan hệ thân mật với cả Trung Quốc lẫn Liên Xô, trong thông cáo chung về chuyến thăm chính thức của Chu Ân Lai không gián tiếp hoặc trực tiếp đả kích Liên Xô.

Sau khi Chu Ân Lai ra về, Hội nghị toàn thể lần thứ XI Ban Chấp

hành Trung ương Đảng họp tháng 12-1956. Lê Duẩn tham dự hội nghị, và chắc chắn ông bảo vệ quan điểm của mình trong cuốn sách *"Con đường cách mạng miền Nam"* trước các đại biểu dự họp. Những năm gần đây cuốn sách của Lê Duẩn xuất hiện ở Hà Nội được coi có *"tầm quan trọng đặc biệt"* trong lịch sử phong trào cách mạng Việt Nam, có thể đề xuất của Lê Duẩn làm cho cuộc thảo luận sôi nổi hơn, nhưng dường như không có tác động đến sự chuyển hướng tức khắc đường lối chung của Đảng. Bài xã luận đăng trên tạp chí Học Tập, tạp chí lý luận của Đảng, ít ngày sau khi kết thúc hội nghị toàn thể, nói rằng củng cố miền Bắc vẫn còn là nhiệm vụ trọng tâm: *"Chúng ta không cho phép chiến thắng miền Nam phá hỏng yêu cầu củng cố miền Bắc".*

Không rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong những cuộc tranh luận ra sao. Phát biểu trước Quốc Hội đầu năm 1957, ông nhấn mạnh quan điểm của ông trong thời gian này, xây dựng trong nước phải được ưu tiên, yêu cầu thống nhất Việt Nam đặt sau nhiệm vụ củng cố miền Bắc để làm hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mặc dù *"lâu dài và gian khổ"* nhưng nhất định thắng lợi.

Hội nghị cũng cố gắng đáp ứng đề nghị của Lê Duẩn áp dụng chính sách bí mật xây dựng tổ chức cách mạng ở miền Nam và chính sách *"trừ gian",* trừng trị có chọn lọc bọn phản cách mạng. Dù Hồ Chí Minh luôn chống lại sử dụng bừa bãi khủng bố làm công cụ cho hành động cách mạng, từng làm trong thời gian kháng chiến chống Pháp. Bây giờ Ban Chấp hành Trung ương tán thành chính sách cụ thể hơn chương trình khủng bố có giới hạn để bảo vệ bộ máy cách mạng ở miền Nam bằng cách gây khiếp sợ vào hàng ngũ kẻ thù, tạo sự tin tưởng của quần chúng vào cách mạng.

Hội nghị toàn thể lần thứ XI vào tháng 12-1956 là bước đi đầu

tiên chấp thuận chủ trương quyết tâm thống nhất hai miền. Cũng tháng đó, Ban Chấp hành Đảng bộ miền Nam họp xem xét chỉ thị tháng 6-1956 của Bộ Chính trị kêu gọi chuẩn bị củng cố khả năng tự vệ của phong trào để hỗ trợ đấu tranh chính trị chống lại chế độ Sài Gòn. Lời văn của tài liệu của Ban Chấp hành, *"qua chỉ dẫn Trung ương"* bây giờ cho thấy chắc chắn chiến tranh cách mạng "*là con đường duy nhất đúng đắn*" dẫn đến thống nhất đất nước. Vài tháng sau, những hoạt động khủng bố trực tiếp chống lại những quan chức chính phủ và những nhân vật then chốt ở miền Nam tăng lên rõ rệt. Những nguồn tin chính thức ở Hà Nội tuyên bố mục tiêu của họ nhằm vào những quan chức tham nhũng, địa chủ độc ác và bọn phản bội. Trên thực tế, nhiều nạn nhân là những quan chức và giáo viên nổi tiếng, hiền lành và những những người được coi là nguy hại tới phong trào cách mạng vì họ làm nâng cao tính hợp pháp của chính phủ Sài Gòn trong con mắt dân chúng địa phương.

Có lẽ dấu hiệu rõ ràng nhất cho kỷ nguyên mới đang hé lộ vào đầu năm 1957, khi Lê Duẩn bất ngờ được chọn làm Tổng bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Sau khi Trường Chinh bị cách chức tại Hội nghị X mùa Thu năm trước, Hồ Chí Minh đã giữ chức vụ này một cách miễn cưỡng. Hồ đã giữ hai chức vụ, Chủ tịch Đảng và Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ khi trở về Hà Nội tháng 10-1954. Ông tích cực quan tâm vấn đề chính sách đối ngoại và thống nhất đất nước, nhưng ít quan tâm đến điều hành công việc trong nước và Đảng, chỉ đưa ra những lời khuyên với các đồng sự tại những phiên họp Bộ Chính Trị, đồng thời trao quyền xử lý cho những đồng sự trẻ hơn là Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Trường Chinh.

Lý do chọn Lê Duẩn làm Tổng bí thư đã gây ra nhiều cuộc tranh cãi. Một số tin Lê Duẩn là người có tài tổ chức, tận tụy, có tầm

nhìn chiến lược, nhờ nó mà có khi Duẩn được gọi là *"Cụ Hồ miền Nam"*. Một số khác coi đó là biểu hiện của việc thừa nhận tầm quan trọng của cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Là người miền Nam, Duẩn đại diện cho tất cả nhân dân sống phía Nam khu phi quân sự. Hoặc có lẽ còn có lý do Lê Duẩn là người ngoài cuộc, không đe doạ tới quyền lực của Hồ Chí Minh và Trường Chinh, đang hy vọng giữ lại những ảnh hưởng của mình ở Bộ Chính trị trong kỷ nguyên Lê Duẩn. Một số cho Lê Duẩn hơn Võ Nguyên Giáp vì ông từng ở tù vài năm, vốn được coi là *"trường học lớn"* của Đảng, vì nhiều người đã phải trả nợ máu trong nhà tù Pháp. Giáp không những không bị tù mà lại còn bị mang tiếng đã nộp đơn xin đi học ở ở Pháp.

Vì sao Lê Duẩn được thăng chức vẫn còn nhiều uẩn khúc. Dù thế nào đi nữa, sự bổ nhiệm này phải có sự đồng ý của Hồ Chí Minh, bảo đảm người kế nghiệp của ông sẽ có ưu thế cao cho vấn đề thống nhất. Lê Duẩn giữ vị trí đứng đầu Ban Chấp hành, Hồ bây giờ có thời gian tập trung vào vấn đề ngoại giao và quan hệ với phe xã hội chủ nghĩa, cũng như viết báo về những chủ đề khác nhau. Sau khi hai năm giấu danh tính thực của mình, ở tuổi sáu mươi bẩy, cuối cùng Hồ thừa nhận, ông thực là nhà cách mạng nổi tiếng Nguyễn Ái Quốc và tiểu sử chính thức bất ngờ xuất hiện trên những ấn phẩm ca ngợi sự cống hiến suốt đời của ông cho tổ quốc. Trong khi sự phát giác này hoàn toàn làm ngạc nhiên nhiều người Việt Nam thì những người gần gũi ông đã nhận ra danh tính thực của ông. Tháng 6-1957, ông về thăm làng Kim Liên, nơi chôn rau cắt rốn mà ông ra đi nửa thế kỷ trước đây.

Trong khi giới lãnh đạo Bắc Việt Nam đang vật lộn để tránh việc chia cắt Việt Nam vĩnh viễn thì giới lãnh đạo Liên Xô xem đó là việc đã rồi. Đầu năm 1957 Liên Xô bất ngờ đề xuất kết nạp hai miền Việt Nam vào ở Liên Hợp Quốc coi như là hai quốc gia riêng

biệt. Hà Nội, có lẽ không được báo trước, nên khi nghe tin đã bị choáng và ngay lập tức chính thức lên tiếng phản đối. Ngay sau đó, Đại hội Đồng Liên Hợp Quốc, bằng đa số phiếu, kết nạp Việt Nam Cộng Hoà vào Liên hợp quốc. Phạm Văn Đồng viết thư phản đối tới Liên Xô và Anh, hai đồng chủ tịch hội nghị Geneva và vấn đề được đem ra bàn tại Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc. Trong lúc vấn đề vẫn còn chưa ngã ngũ, giữa tháng Năm, Kliment Voroshilov, chủ tịch Chủ Tịch Đoàn Xô viết Tối Cao Liên Xô và là một người bạn lâu năm của Stalin, đến thăm chính thức Hà Nội.

Có một số bàn tán về mục đích chuyến đi, vì chuyến đi này được đưa ra ở phút cuối cùng sau khi Kliment Voroshilov dừng chân tương đối nhàn nhã ở Trung Hoa và Indonesia. Việt Nam có lẽ muốn thăm dò quan điểm Liên Xô về việc thống nhất đất nước, trong khi mục tiêu của Liên Xô lại là thuyết phục Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tránh những hành động thù địch có thể dẫn đến chiến tranh ở Đông Dương. Đôi khi, Voroshilov công khai kêu gọi Việt Nam duy trì chính sách của mình thúc đẩy *“thống nhất trong hoà bình”* giữa hai miền.

Lời kêu gọi về chủ trương ôn hoà vấn đề thống nhất đất nước không được đón nhận nồng nhiệt ở Việt Nam. Để xoa dịu sự bực tức của Hà Nội, Voroshilov tuyên bố tăng viện trợ kinh tế cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, bảo đảm với lãnh đạo Việt Nam, Liên Xô sẽ không chấp thuận Việt Nam Cộng Hoà được kết nạp vào Liên Hợp Quốc. (Tháng Chín, Liên Xô dùng quyền phủ quyết tại Hội Đồng Bảo An phủ quyết đề xuất kết nạp cả hai miền Việt Nam vào Liên Hợp Quốc, vấn đề này bị hoãn lại vô thời hạn. Báo chí chính thức ở Hà Nội tuyên bố vắn tắt, Liên Xô đã có *“thái độ đúng đắn”).*

Chuyến thăm Hà Nội của Voroshilov mang lại sự căng thẳng do Liên Xô vụng về đề xuất chấp nhận cả hai miền Việt Nam vào Liên

Hợp Quốc, nhưng sự rạn nứt lớn giữa hai nước là về vấn đề thống nhất Việt Nam vẫn còn tiếp diễn. Theo một quan sát viên nước ngoài sống ở Hà Nội, tâm lý chống Liên Xô đang lan rộng trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng và một số vấn đề nghị sự trong chuyến thăm của Voroshilov bị huỷ bỏ hoặc đón tiếp với lễ nghi tối thiểu để tránh tình huống bất đồng lộ ra trước mắt công chúng.

Đối với Hà Nội, bất cứ sự bất hoà nào trong mối quan hệ với Moscow có thể thành thảm hoạ, do Việt Nam Dân chủ Cộng hoà dựa vào Liên Xô không những viện trợ tài chính để xây dựng kinh tế trong nước và hiện đại hoá quân đội mà còn dựa cả vào ủng hộ ngoại giao. Tháng 7-1957, Hồ Chí Minh lên đường tới Moscow thảo luận với giới lãnh đạo Xô viết vấn đề then chốt. Trên đường, ông dừng tại Bắc Kinh, Mao Trạch Đông khẳng định quan điểm Trung Quốc, việc thống nhất hai miền Việt Nam có thể hoãn đến một thời gian thích hợp. Chuyến đi kéo dài gần hai tháng, dừng chân ở vài nước Đông Âu và Bắc Triều Tiên. Hồ trở về Hà Nội tháng Chín, tuyên bố với nhân dân Việt Nam, ông đã đạt được *“thống nhất quan điểm”* với các nước phe xã hội chủ nghĩa.

Tình hình có vẻ khó khăn. Vài tuần sau, Hồ dẫn đầu đoàn đại biểu gồm Lê Duẩn và Phạm Hùng tham dự Hội nghị những Đảng cộng sản Quốc tế anh em ở Moscow tháng 11. Thành phần của đoàn quan trọng, vì cả Lê Duẩn và Phạm Hùng hai người sinh ra và lớn lên ở miền Nam, Hùng từng là phó của Lê Duẩn tại bộ máy Đảng ở miền Nam hội nghị Geneva. Rõ ràng, vấn đề thống nhất đất nước sẽ là mối quan tâm lớn của Việt Nam tại Moscow.

Mục tiêu chủ yếu Hội nghị những Đảng cộng sản quốc tế anh em ở Moscow tháng 11, đạt được một thoả thuận của các nước xã hội chủ nghĩa về vấn đề chuyển tiếp hoà bình lên chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc chống lại quan điểm Liên Xô, vì Trung Quốc lo

giải quyết vấn đề vấn đề Đài Loan từ khi cuộc hội đàm Trung - Mỹ về Đài Loan đổ vỡ thêm nghi ngờ ban lãnh đạo mới ở Moscow sẵn sàng phản bội lợi ích cách mạng thế giới dưới chiêu bài cùng chung sống hoà bình. Theo Mao, những thành tựu ở Liên Xô chứng tỏ ưu thế kỹ thuật của phe xã hội chủ nghĩa đối với phe tư bản. Mao nói *"Gió đông thổi bạt gió tây",* Moscow nên dùng ưu thế của mình đóng vai trò tích cực hơn lãnh đạo cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc toàn cầu. Một cuộc tranh cãi lớn về vấn đề này đã đi đến thoả hiệp. Theo nguồn tin Trung Quốc, thoạt đầu, dự thảo của Liên Xô không nói gì về chuyển tiếp không hoà bình sang chủ nghĩa xã hội, nhưng sau khi thảo luận với các đại biểu thì được sửa đổi. Thông cáo cuối cùng vạch rõ *"trong trường hợp giai cấp bóc lột sử dụng bạo lực chống lại nhân dân, cần phải xem xét khả năng khác - chuyển tiếp không hòa bình lên chủ nghĩa xã hội. Lenin đã dạy và lịch sử đã chứng minh, tầng lớp thống trị không bao giờ tự nguyện từ bỏ quyền lực".*

Không rõ vai trò của Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam trong việc thảo ra bản Tuyên ngôn của Hội nghị như thế nào. Các báo cáo của Đức và Ý cho biết Tuyên Ngôn được thảo ra do thảo luận giữa Liên Xô và Trung Quốc, với chút ít tham gia của các đại diện đảng khác. Nhưng ngôn từ trong Tuyên Ngôn khá gần với văn phong mà Hồ Chí Minh phát biểu tại Hội nghị IX vào tháng 4-1956, điều này cho thấy có lẽ ông có vai trò chính đem lại thoả hiệp của hội nghị. Dù thế nào đi nữa, nguồn tin Việt Nam cho biết, đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muốn thể hiện rõ quan điểm của mình, mặc dù chuyển tiếp hoà bình lên chủ nghĩa xã hội đôi khi xảy ra, nhưng chính sách *"bạo lực cách mạng"* vẫn là quy luật chung.

Sau hội nghị, Lê Duẩn trở lại Hà Nội, nhưng Hồ Chí Minh vẫn còn ở lại Moscow để hội đàm thêm với các nhà lãnh đạo Xô viết.

Không rõ ông thảo luận chủ đề gì, nhưng dường như họ bàn về sự rạn nứt đang bắt đầu giữa Liên Xô và Trung Quốc về vấn đề cùng chung sống hoà bình và sự lãnh đạo phe xã hội chủ nghĩa. Sự chia rẽ Trung - Xô có thể ảnh hưởng tiêu cực đến Việt Nam, vì Mỹ có thể kích động hai nước cộng sản lớn chống lẫn nhau. Để ngăn cản sự chia rẽ, trong chuyến qua Đông Âu vào tháng 9-1957, Hồ bày tỏ quan điểm, sự thống nhất quan điểm trong những nước cộng sản là vì lợi ích tốt nhất của phe cách mạng. Trong một bài báo đăng trên tờ Sự Thật (của Liên Xô) tháng 11-1957, ông kêu gọi các nước xã hội chủ nghĩa cần thống nhất dưới sự lãnh đạo của Liên Xô, một quan điểm ông phát biểu nhiều lần trước Xô viết Tối Cao Liên Xô ở Moscow. Nhưng bài báo của ông nhấn mạnh tầm quan trọng chiến thuật cách mạng thích đáng trước những hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Ngay khi Lê Duẩn và phái đoàn về Hà Nội cuối tháng 11-1957, họ đã hội ý với Bộ Chính trị. Ngày 1-12-1957, Việt Nam Thông Tấn Xã tuyên bố, các nhà lãnh đạo Đảng hài lòng về kết quả thu được ở Moscow và bày tỏ sự tin tưởng vào sự duy trì đoàn kết của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Người ta hoài nghi về cái gọi là sự đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa liệu có thực tồn tại hay không, khi mà những bất đồng đang tăng lên xuất hiện trong hàng ngũ những người lãnh đạo của Đảng trước những vấn đề trong sự nghiệp thống nhất đất nước. Trong ba năm, những người lãnh đạo đảng đã duy trì sự đồng thuận mỏng manh tạm hoãn những bước tiến ban đầu xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa để củng cố quyền lực và đợi tình hình thống nhất đất nước trở nên rõ ràng hơn. Bây giờ, những kế hoạch thống nhất bị hoãn vô thời hạn, một số lãnh đạo cao cấp của đảng - do Trường Chinh cầm đầu, người đang cố gắng duy trì ảnh hưởng của mình trong Bộ chính trị dù đã bị cách chức - bắt đầu đòi tiến hành ngay việc chuyển hoá lên xã hội chủ

nghĩa ở cả thành thị và nông thôn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trước cuối thập niên 1960.

Vấn đề này được tranh luận tại sôi nổi Hội nghị Toàn Thể mở rộng lần thứ XIII Ban Chấp Hành Trung ương đầu tháng 12-1957. Bề ngoài, lý do Hội nghị để nghe báo cáo kết quả Hội nghị các đảng cộng sản anh em ở Moscow, nhưng chủ đề chính mang ra thảo luận bản dự thảo của Bộ Chính Trị về kế hoạch ba năm bắt đầu chuyển lên xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Báo chí cho thấy việc chấp thuận kế hoạch này không phải *"hoàn toàn nhất trí"*. Sau khi kết thúc Hội nghị, những người lãnh đạo đảng phát động chiến dịch giải thích nghị quyết và chấm dứt *"tư tưởng băn khoăn về mối quan hệ gần gũi giữa nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và công cuộc giải phóng dân tộc ở miền Nam"*.

Những tranh cãi tại Hội nghị toàn thể lần thứ XIII chắc chắn phức tạp do sự xuất hiện của Lê Duẩn với tư cách Tổng bí thư. Việc đưa lên một người tương đối trẻ trong hàng ngũ lãnh đạo có thể không khiến một số người lãnh đạo đảng cao cấp bực tức. Dưới mắt Trường Chinh, Lê Duẩn là kẻ hãnh tiến chiếm vị trí đầy quyền lực của ông - đứng sau Hồ Chí Minh và là người thông thái về tư tưởng của Đảng. Ngoài ra, sự quan tâm rõ ràng của Lê Duẩn trong cuộc đấu tranh ở miền Nam đe doạ làm chệch hướng những kế hoạch của Trường Chinh bắt đầu xây dựng thể chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trường Chinh cố gắng lôi kéo những người ủng hộ ông trong Bộ Chính Trị và Ban Chấp hành Trung ương để chấp thuận kế hoạch ba năm như một cách dằn mặt Lê Duẩn. Đối với Võ Nguyên Giáp, người vừa trải qua những cuộc tranh luận mới đây về sự lãnh đạo của Đảng, những đề xuất táo bạo của Lê Duẩn tiến hành đấu tranh ở miền Nam đã cắt bớt quyền hành của Giáp với tư cách là nhà chiến lược quân sự hàng đầu phong trào cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, việc Lê Duẩn khát

khao tăng cường hoạt động cách mạng ở miền Nam có nguy cơ lôi Quân đội Nhân Nhân Việt Nam vào một cuộc xung đột (theo quan điểm của Giáp) vẫn chưa được chuẩn bị. Bài bình luận trên báo Nhân Dân đầu tháng 11 viết,*"một số đồng chí"* phải nhận thấy sự kiểm soát của Đảng với quân đội là hoàn toàn có lợi. Có thể đây là lời nhắn nhủ của Lê Duẩn đối với Giáp.

Hồ Chí Minh không có vai trò trong cuộc tranh cãi này, thực ra ông cũng chẳng có mặt tại cuộc họp. Sau chuyến đi tới Moscow họp Hội nghị Đảng cộng sản toàn thế giới, ông tiếp tục tới Bắc Kinh, để *"nghỉ ngơi"*. Sự vắng mặt lâu và khó hiểu của ông khiến Hà Nội đồn rầm ông đã bị cách ly trung tâm những sự kiện mới đây hoặc thậm chí đã chết ở Liên Xô. Một số cho ông có chủ định ở xa để buộc các đồng chí chấp nhận lời khuyên của ông. Vẫn chưa có những giải thích nào hợp lý tại sao ông vắng mặt trong thời điểm nhạy cảm này. Có tin ông tới Trung Hoa chữa bệnh, thực tế, chuyến đi lang thang khiến ông không dự hội nghị toàn thể lần thứ XIII - một hội nghị có tác động lớn đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Dù ông vắng mặt với bất cứ lý do gì đi nữa, nhưng khi trở về Hà Nội ngày 24-12-1957, Hồ Chí Minh chấp thuận quyết định ưu tiên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Một tuần sau khi về nước, ông chúc mừng năm mới tuyên bố, thời kỳ khôi phục kinh tế ở miền Bắc đã chấm dứt, mở đường tới kỷ nguyên mới bằng phát triển kinh tế theo kế hoạch. Ông nói đây là *"một tiến bộ mới trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân chúng ta"*. Năm ngày sau, báo *Nhân Dân* tuyên bố, bây giờ có hai cuộc cách mạng - cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Hội nghị các cán bộ chủ chốt đã họp để vạch ra quá trình chuyển tới giai đoạn xã hội chủ nghĩa của cách mạng. Nhưng vẫn còn rơi rớt những nghi ngờ. Tháng 3-1958, Trường Chinh phàn

nàn, "*một số người*" vẫn không hiểu tầm quan trọng của thành tựu chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là sự chuẩn bị cho giải phóng miền Nam. Phát biểu với đại diện Mặt trận Tổ quốc, Chinh kêu gọi cách mạng văn hoá để đào tạo trí thức mới phục vụ xã hội trong kỷ nguyên mới. Giải thích lý do qua quyết định phát động chương trình, Thủ tướng Phạm Văn Đồng - có lẽ là một trong số đồng minh của Trường Chinh lúc này - tuyên bố *"miền Bắc mạnh hơn"* giúp dân tộc Việt Nam mạnh hơn trong cuộc đấu tranh vì thống nhất đất nước, đồng thời *"con đường làm cho miền Bắc mạnh hơn chính là con đường xã hội chủ nghĩa"*.

Lúc này, vai trò thống lĩnh của Hồ Chí Minh trong Đảng đã yếu đi. Quá trình này có thể bắt đầu khi ảnh hưởng của Trung Quốc tăng lên đối với phong trào đầu thập niên 1950 và tăng nhanh sau Hội nghị Geneva, khi các đồng chí của ông sôi sục không thống nhất trong hoà bình thất bại. Sự xuất hiện của Lê Duẩn là hình ảnh quan trọng nhất trong sân khấu chính trị, điều này làm giảm sút quyền lực của những người khác.

Dù bị Trường Chinh qua mặt trong cuộc tranh cãi chính sách tại hội nghị toàn thể lần thứ XII, Lê Duẩn không phí thì giờ để củng cố quyền lực của mình trong bộ máy Đảng. Vài tháng sau, những người ủng hộ Trường Chinh và Hồ Chí Minh bị loại bỏ ra khỏi vị trí quyền lực, thay thế bằng những người mới. Công cụ của Lê Duẩn để thanh lọc những người chống đối là Lê Đức Thọ, đồng sự cũ của ông.

Sinh ở Nam Định năm 1911 trong một gia đình Nho giáo, Lê Đức Thọ (tên thật Phan Đình Khải) đã tham gia phong trào cách mạng cuối thập niên 1920, nhưng chẳng bao lâu bị bắt, cầm tù gần hai thập niên. Ra tù năm 1945, ông được cử đến Nam Kỳ, phó của Lê Duẩn dưới bí danh "Sáu" trong kháng chiến chống Pháp.

Tầm nhìn hạn hẹp, thái độ xảo quyệt, hình ảnh khắc khổ trong con mắt người ngoài, Thọ nhanh chóng được tặng biệt danh là "Sáu Búa" vì cách xử rắn với các đồng chí. Dù Thọ ghen tị với Lê Duẩn có vị trí cao hơn trong Đảng, nhưng hai người cộng tác hiệu quả, khi Lê Duẩn lên chức, Thọ theo Lê Duẩn ra Hà Nội, làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng, một vị trí chẳng bao lâu ông biến thành một bộ máy hiệu quả để điều tra và kiểm soát những hoạt động của các đảng viên cao cấp.

Lê Đức Thọ có một đối thủ có khả năng làm người khác khiếp sợ, ghê tởm ở Hà Nội, đó chính là Trần Quốc Hoàn, một quỷ sứ của Đảng. Sinh 1910 ở tỉnh Quảng Ngãi , Hoàn tiến thân trong chiến tranh Pháp - Việt, làm Bộ trưởng Bộ Công an Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ năm 1953. Vừa thiếu văn hóa vừa thiếu trí tuệ, nhưng lúc nào cũng làm ra vẻ bí mật, xun xoe với cấp trên, Hoàn nổi lên như *"Beria của Việt Nam"*xử sự hung ác khi săn đuổi những phần tử phản động trong hàng ngũ. Lê Đức Thọ sớm nhận ra Hoàn là một đồng minh và một công cụ quyền lực.

Việc Trần Quốc Hoàn trở thành một nhân vật quan trọng là một trong những sự kiện kỳ lạ nhất trong lịch sử Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Năm 1955, một phụ nữ trẻ sát biên giới tỉnh Cao Bằng đến Hà Nội. Xinh đẹp, cô Xuân chẳng mấy chốc lọt vào mắt vị chủ tịch già, ông thu xếp để cô làm y tá riêng. Cuối cùng sinh cho ông một con trai, được Vũ Kỳ, thư ký riêng của ông nhận làm con nuôi. Một ngày năm 1957, xác cô Xuân được phát hiện bên lề con đường ở ngoại thành, trông như nạn nhân của một vụ tai nạn giao thông. Hai cô gái ở cùng phòng với Xuân ngay sau đó cũng chết một cách bí ẩn.

Thoạt đầu, tai nạn cũng chẳng ai biết đến, nhưng vài năm sau, chồng chưa cưới của một cô gái đã tố cáo với Quốc Hội là Xuân bị

Hoàn hiếp và thủ tiêu để bịt đầu mối. Người chồng chưa cưới còn tố cáo, hai cô bạn cũng bị cùng chung một số phận để bịt đầu mối và để ngăn cản họ vạch trần những gì đã xảy ra. Mặc dù vụ việc bị *"chìm xuồng",* Hoàn không bị hình phạt nào, nhưng tất cả đảng viên cao cấp của Hà nội đều biết chuyện này. Không rõ liệu Hồ Chí Minh có biết được những chi tiết bi thảm của câu chuyện hay không, nhưng ông chưa bao giờ đề cập đến.

Tháng 12-1957, Hội nghị toàn thể lần thứ XIII thông qua kế hoạch xây dựng cơ bản tiến lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Từ đó kế hoạch bắt đầu tiến hành. Trong khi hầu hết ruộng đất nằm trong tay cá thể (tuy có một số ít đã thành hợp tác xã từ đầu thập niên 1950), hơn 40 phần trăm xí nghiệp, nhà máy, cơ sở bán buôn bán lẻ và mới khoảng gần một nửa phương tiện giao thong vận tải thuộc nhà nước quản lý. Tổ đổi công ra đời - hình thức cơ bản đầu tiên của chủ nghĩa xã hội hợp sức lao động trong mùa sản xuất đã tiếp thu kinh nghiệp từ Trung Quốc đầu thập niên 1950.

Cuộc cách mạng Đại Nhẩy Vọt nông nghiệp ở Trung Quốc bắt đầu, với đường lối mới của Trung Quốc đã giúp cán bộ Việt Nam có cơ hội xem xét kết quả của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trung Quốc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp từ năm 1955, sau ba năm sản lượng thu hoạch lại giảm đáng kể, đến năm 1958 đột nhiên chính phủ ra sắc lệnh xây dựng hàng loạt "công xã nhân dân" trên toàn quốc. Mỗi công xã có hơn ba mươi ngàn nông dân, bao gồm các loại hình kinh tế, các tổ chức chính quyền cơ sở, các tư hữu cá nhân thể, thành một tổ chức cao nhất theo nguyên tắc của chủ nghĩa Marxist - Leninnist - mà ngay Liên bang Xô viết cũng chưa dám thực hiện.

Ngay từ buổi đầu, kể cả những bài bình luận trên báo chí, Việt

nam tuyên bố sẽ thực hiện theo kế hoạch riêng trên cơ sở hình thái của Trung Quốc. Trong một chuyến thăm ngắn ngày Bắc Kinh tháng 12-1957, Hồ Chí Minh ca ngợi phong trào Đại Nhẩy Vọt bằng một số bài viết ký tên T.L (Trần Lực) về chiến lược tự lực cánh sinh của Trung Quốc và chính sách riêng (chỉ công xã), ca ngợi cán bộ nội thành xuống trực tiếp lao động chân tay với quần chúng nhân dân. Nhưng cũng như Hồ Chí Minh sử dụng sự ca ngợi như cách làm cũ để hài lòng người mà ông cần sự ủng hộ của họ. Tháng 3-1958, ông đề nghị Bộ Chính trị cần cảnh giác tránh vộ vàng, hấp tấp trong việc hợp xã vùng nông thôn. Một bài xã luận đăng trên báo Nhân Dân vào tháng 7-1958, ông cảnh báo những kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cần phải nghiên cứu một các cẩn thận không nên *"nhắm mắt"* làm theo, cần phải biết tránh các sai sót. Mặt khác, ông lại tán thành chủ trương phong trào *"công xã"* của Trung Quốc, yêu cầu các lãnh đạo cao cấp của đảng xuống tham gia lao động với quần chúng tuần một buổi để nâng cao ý thức lao động cho bản thân.

Trong mối nghi ngờ sự thích hợp phong trào Đại Nhẩy Vọt trong tình hình hiện tại ở Bắc Việt, Hồ Chí Minh có người cùng quan điểm. Đó là Lê Duẩn, cũng có quan điểm nghi ngờ bất cứ chương trình quá tả nào để thay đổi xã hội miền Bắc là lực cản trở mục tiêu của ông ở miền Nam, ông cảnh báo và chống lại những người muốn liều lĩnh tiến hành. Phải áp dụng từ từ không nên vội vã thay đổi, ông dẫn chứng sự cảnh cáo của Mao đối với đồng sự Lưu Thiếu Kỳ. Trong quá khứ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã nhấn mạnh mục đích kế hoạch ba năm tăng sản lượng nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân (loại bỏ mối quan hệ làm ăn cũ, theo quan điểm Maoist đó chính là nguyên lý cơ bản nâng cao tầm tư tưởng cho nông dân), trong khi đó Trường Chinh tuyên bố chương trình cần thực hiện "từng bước một". Các nhà lãnh đạo

Việt Nam đã học được một bài học cay đắng trong quá khứ theo mô hình Trung Hoa, không thể nhập cảng mọi thứ hổ lốn vào Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được.

Tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ XIV, đưa ra kế hoạch cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách thay thế chế độ tư hữu sang chế độ tập thể hoá, quốc hữu hoá trong nông thôn cũng như thành thị. Kế họach Ba năm Phát triển kinh tế và xã hội (1958-1960) được Quốc hội thông qua vào tháng sau. Kế hoạch kêu gọi phát triển công - nông nghiệp nhưng nông nghiệp vẫn lấy làm chủ đạo.

Nhưng có một số người lại tiếp thu chiến lược yêu cầu Đảng phát triển theo mô hình Trung Hoa gần đây. Thực ra, Hồ Chí Minh đã từng bất đồng trong nhiều năm với một nước kém phát triển như Việt Nam cần phải ưu tiên phát triển ở nông thôn trước. The mục tiêu chính của chương trình nâng cao tiềm lực kinh tế quốc gia - tại thời điểm này vẫn ưu tiên phát triển nông nghiệp, làm nền tảng phát triển cách mạng công nghiệp trong tương lai. Một bài bình luận đăng trên báo vào tháng 12-1958, Hồ (ký tên Trần Lực) đưa ra nhận xét tóm tắt về chiến lược của Trung Hoa vẫn còn gặp nhiều “khó khăn” trong vấn đề quản lý từ trung ương đến các cơ sở địa phương, nhưng lại đồng tình quan điểm chung trong vấn đề hợp tác hóa, cho rằng cần phải thực hiện với sự cẩn trọng theo nguyên tắc “tự nguyện”. Phải chăng cuối cùng Hồ Chí Minh, cũng đã rút ra được bài học cay đắng về sự thất bại của chương trình cải cách ruộng đất.

Hầu như năm 1958, vấn đề thống nhất hai miền không được các nhà lãnh đạo Hà Nội quan tâm nhiều. Vấn đề chủ yếu được đề cập hàng ngày ở miền Bắc là làm sao có thể làm vừa lòng hai nước đàn anh Moscow và Bắc Kinh. Quan điểm của Khrucshchev họ đã

rõ. Trong những cuộc trao đổi kín với lãnh đạo Bắc Việt, Mao Trạch Đông cũng đưa ra gợi ý tương tự. Vấn đề chia cắt hai miền không thể giải quyết một sớm một chiều mà cần phải trải qua cuộc đấu tranh lâu dài. Mao cảnh báo*: “Nếu mười năm không xong, có thể ta kéo dài trăm năm cũng được, không vội gì”.* Hầu hết các nhà lãnh đạo cao cấp Hà Nội không tán thành quan điểm và họ có kế hoạch riêng.

Trong thời gian ấy, các nhà lãnh đạo đảng tập trung vấn đề tái kiến thiết, còn vấn đề thống nhất hai miền vẫn tìm kiếm giải pháp hoà bình thông qua quy định của Hiệp định Geneva. Tháng 2-1958, Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Bắc Việt viếng thăm Ấn Độ và Miến Điện, đây là hai nước trung lập nhưng lại có cảm tình và ủng hộ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Cuộc viếng thăm New Delhi theo kế hoạch cân bằng hai phe vì chính phủ Ấn Độ gần đây cho phép mở rộng ngoại giao, họ đã công nhận Việt Nam Cộng Hoà. Cuộc hội đàm với thủ tướng Nehru, Hồ đã thu được sự đoàn kết giúp đỡ và sự ủng hộ trong vấn đề thống nhất Việt Nam, nhưng lại từ chối công khai những vấn đề đã thỏa thuận với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trình bày với Mỹ sự thất vọng trong tổng tuyển cử mà Ấn Độ có liên quan. Hồ cũng nhận được sự ủng hộ tương tự của chính phủ Rangoon.

Giờ đây, sự tham gia trực tiếp điều hành chính phủ của Hồ Chí Minh ngày một giảm nhường chỗ cho các cán bộ và cố vấn ngoại giao cũng như với tuổi cao ông trở thành người cha già dân tộc, linh hồn của cuộc cách mạng Việt Nam. Hồ đóng vai Bác Hồ kính yêu một cách hoàn hảo. Ông vẫn tiếp tục giữ chức vụ chủ tịch nước tượng trưng. Năm 1958 ông dọn về căn nhà sàn nhỏ ngay trong phủ chủ tịch, theo lệnh của Đảng căn nhà dựng lên giống căn nhà sàn Việt Bắc. Ngôi nhà này hiển nhiên gợi cho Hồ kỷ niệm những năm kháng chiến và thể hiện lối sống giản dị trong thời

gian cực kỳ gian khổ đối với nhân dân. Ngôi nhà sàn dùng làm văn phòng và cũng là nơi ở cho đến khi ông qua đời.

Ngay sau Đại hội toàn quốc XIV, Lê Duẩn chuyến đi khảo sát bí mật miền Nam để kiểm tra tình hình cho việc chuẩn bị báo cáo đường lối chiến lược mới trước Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Duẩn trở lại Bắc Việt vào giữa tháng 1-1959, ông báo cáo trước Bộ Chính trị yêu cầu mở cuộc họp khẩn cấp bàn về tình hình miền Nam. Duẩn tuyên bố tình hình miền Nam đầy nguy nan. Kẻ thù quyết tâm đánh giập phong trào cách mạng, vì thế nhiều cơ sở bị dìm cho bể máu, giờ đây nhiều nơi nhân dân rất căm phẫn và đã có sự chống lại chính quyền Sài Gòn.

Bản báo cáo của Lê Duẩn rõ ràng, đầy đủ, nghiêm túc với con mắt nhà chính trị khách quan, sự mô tả của ông về tình hình Nam Việt hoàn toàn chính xác. Khi những người hoạt động cách mạng phát động chiến dịch khủng bố năm 1957, Ngô Đình Diệm đối phó bằng cách tăng cường mọi hoạt động tìm cách tiêu diệt phong trào. Để tăng cường kiểm soát vùng nông thôn, chính quyền Sài Gòn thiết lập kế hoạch mới nhằm tách nông dân ra khỏi những nhân tố cộng sản bằng cách xây dựng khu trù mật. Chiến lược "tát nước bắt cá". Mỗi "Ấp Chiến lược" chính là một pháo đài kiên cố của từng làng xã, xung quanh có dây thép gai, tường đất và đường hào bao quanh, giúp cho người dân có thể tự kháng cự nếu bị kẻ thù tấn công. Mỗi ấp chiến lược, dân làng được tổ chức thành một đội dân vệ để tự vệ để bảo vệ dân cư trong cộng đồng chống lại sự xâm nhập từ bên ngoài, trong khi các mật thám, chỉ điểm của chính phủ tìm cách phát hiện những ai đã từng ủng hộ Việt Minh từ sau Hiệp định Geneva.

Tài liệu nội bộ của Đảng sau này trùng khớp với nhận định trên. Chế độ Sài Gòn giai đoạn đầu hoàn toàn thu được thắng lợi trong

việc bình định Nam Việt, đã hạn chế tối đa ảnh hưởng của các lực lượng cách mạng. Tài liệu viết:

*Quân địch lúc này đã hoàn thành thiết lập được bộ máy cai trị từ trên xuống dưới, xây dựng một mạng lưới gián điệp mạnh và thành lập những đơn vị dân vệ ở từng làng. Địch kiểm soát tất cả và từng gia đình bằng hệ thống "liên gia" (tổ chức từng cụm gồm 5 gia đình, mỗi gia đình phải chịu trách nhiệm về sự trung thành của những gia đình hàng xóm). Phong trào đang xuống đến mức thấp nhất, những phản kháng nhỏ như đòi hỏi cho vay vốn để trồng trọt cũng bị gán cho là "hoạt động Việt cộng" và bị tra tấn, đe dọa. Trong khi đó, kẻ thù xây dựng một cách hệ thống "ấp chiến lược", dồn dân sống ở các làng xã vùng sâu vùng xa tập trung vào các ấp gần những trung tâm thương mại, thuận tiện giao thông thủy bộ để dễ bề kiểm soát. Địch tiến hành xây dựng hệ thống kìm kẹp dân chúng ở nông thôn…*

*Thời kỳ này, dù vẫn tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng, nhưng nhân dân rất hoang mang dao động. Càng ngày càng xuất hiện nhiều nghi ngờ về phương pháp đấu tranh hòa bình và những quan điểm cũ. "Đòi dân chủ và dân quyền chỉ dẫn đến nhà tù hoặc nghĩa địa" và "Đấu tranh như thế này thì cuối cùng sẽ chết hết". Tại nhiều nơi, nhân dân đòi hỏi Đảng phải đứng lên cầm vũ khí chiến đấu chống lại kẻ thù.*

Giữa thời kỳ 1957 và 1959, hơn hai ngàn người bị tình nghi là cộng sản bị xử tử, thường bị chém đầu sau khi bị toà án lưu động buộc tội. Hàng ngàn người có cảm tình cách mạng bị bắt, bị bỏ tù. Quân đội Nam Việt Nam đột kích căn cứ Việt Cộng ở mũi Cà Mau và Chiến khu D, nơi có cảm tình từ lâu với cách mạng. Theo nguồn tin Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, số lượng đảng viên cộng sản ở miền Nam bị giảm từ hơn năm ngàn lúc đầu năm 1957 xuống còn dưới một phần ba cuối năm đó. Theo Trần Văn Giàu, nhà sử học

uy tín Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đây là "*những giờ phút đen tối nhất*" đối với sự nghiệp cách mạng.

Nhưng những hoạt động lật đổ của cán bộ Việt Cộng nằm lại ở miền Nam sau hội nghị Geneva không những đe doạ sự ổn định chế độ Sài Gòn mà ở nhiều mặt, Ngô Đình Diệm còn tự tạo thêm ra những kẻ thù cho chính mình. Theo đòi hỏi của của Mỹ, năm 1956, Diệm đồng ý công bố hiến pháp để tạo ra tính hợp pháp của chính phủ mới. Hiến pháp Việt Nam Cộng Hoà kết hợp hình thức Tổng thống Nghị viện và bao gồm điều khoản tôn trọng quyền con người. Tuy nhiên, Diệm không có tư chất một chính khách dân chủ. Thô lỗ trong xử sự, rất sợ xuất hiện trước đám đông, Diệm không thể hòa đồng với các công dân của ông. Vốn rất nghi ngờ người miền Nam, Diệm lựa chọn tay chân toàn những kẻ tị nạn từ miền miền Bắc, theo đạo Ky tô Giáo và căm ghét cộng sản. Nhạy cảm với đả kích, ông nhanh chóng ra tay đàn áp bất cứ những ai chống sự cai trị của ông. Diệm để em trai là Ngô Đình Nhu lập ra Đảng Cần Lao Nhân Vị. Các đảng phái đối lập bị coi là bất hợp pháp và những người đả kích chế độ thường bị bịt miệng hoặc hoặc bỏ tù.

Có lẽ thất bại lớn nhất của Diệm là sự bất tài trong việc thu phục nông dân, tầng lớp chiếm hơn 80 phần trăm dân số Việt Nam Cộng Hoà. Do Mỹ hối thúc, chính quyền Sài Gòn đưa ra chương trình cải cách ruộng đất do sự bất công sở hữu ruộng đất (khoảng 1 phần trăm dân số sở hữu một nửa diện tích đất canh tác trong nước và nông dân nghèo phải nộp tô một phần ba vụ thu hoạch hàng năm cho địa chủ). Những địa chủ giàu có hoặc tầng lớp máu mặt sống trong những thành phố lớn, họ chống lại chương trình Cải cách ruộng đất vì đụng chạm đến quyền lợi, nhưng họ lại nằm trong số những người ủng hộ mạnh mẽ nhất trong chính phủ. Kết quả, những điều luật Cải cách ruộng đất được thảo ra có quá

nhiều kẽ hở để địa chủ tránh né được các điều khoản và sau vài năm thực hiện, chỉ khoảng 10 phần trăm nông dân nhận được ruộng đất. Có nhiều trường hợp, những gia đình sống trong vùng Việt Minh kiểm soát bây giờ buộc phải trả lại đất đai mà họ đã nhận được trong kháng chiến chống Pháp cho chủ nhân cũ, thường là bị bắt buộc dưới mũi súng. Đối với họ, cũng đối với nhiều đồng bào ở miền Nam, chế độ Diệm chẳng mấy cải thiện được dưới kỷ nguyên thuộc địa mới. Cuối thập niên 1950, nhiều nông thôn ở Nam Việt càng ngày lĩnh hội được đòi hỏi phải thay đổi tận gốc.

Một thời gian ngắn sau khi Lê Duẩn báo cáo với Bộ Chính trị vào tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Hội nghị toàn thể lần thứ XV. Một số đại biểu tại cuộc họp là những cán bộ miền Nam, những người rõ ràng háo hức đóng góp ý kiến cá nhân vào kịch bản những sự kiện ở Việt Nam Cộng Hoà. Một số người khác là những người ủng hộ phong trào, những người đã lãnh đạo miền Nam sau Hiệp định Geneva và bất mãn giới lãnh đạo Đảng không có hành động mạnh bảo vệ đồng bào miền Nam. Những đại biểu đó chắc chắn có một người phát ngôn đầy quyền lực - Lê Duẩn, tranh luận trước Ban Chấp hành Trung ương, nếu lực lượng kháng chiến ở miền Nam không được phép xây dựng lực lượng chiến đấu thì phong trào cách mạng có thể bị tiêu diệt. Lê Duẩn tuyên bố, những bất mãn đang dâng cao của nhân dân chống lại chế độ Diệm là dịp may hiếm có để tiến những bước đi lớn tới thống nhất đất nước.

Giới lãnh đạo của Đảng không dễ dàng đi đến quyết định. Theo một tài liệu bị quân đội Nam Việt tịch thu vài năm sau đó, có “nhiều quan điểm và sự ngần ngại” trong số các đại biểu về câu hỏi làm thế nào đáp ứng tình hình biến đổi nhanh chóng. Một số tranh cãi rằng Đảng không còn sự lựa chọn nào khác để cứu phong trào ở miền Nam, đang bị bị suy yếu vì sự đấu tranh sống còn. Họ

tuyên bố sự oán giận của nhân dân cả nước chống lại chế độ Diệm, đã lên đến đỉnh điểm. Nhưng một số người khác vạch ra, nếu tiếp tục đấu tranh vũ trang có thể làm Trung Quốc và Liên Xô giận, thậm chí có thể kích động Mỹ can thiệp. Còn một số người khác, như Trường Chinh và phe cánh, lại sợ leo thang chiến tranh miền Nam sẽ phá hỏng nguồn nhân lực quý báu của miền Bắc trong lúc Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đang cố gắng đặt nền tảng tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh phát biểu mạnh nhất, nhấn mạnh cần phải thận trọng. Ông cảnh báo, đừng đơn giản dựa chỉ dựa bạo lực vũ trang, Mỹ sẽ lấy cớ can thiệp. Ông nói cần phải đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh thế giới. Đế quốc Mỹ đang mạnh nhưng sẽ suy yếu, bởi thế chúng ta phải có chiến lược từng bước. Ông tin, khi có cơ hội tấn công, lực lượng cách mạng ở miền Nam sẽ thu được thắng lợi quyết định và mau chóng. Đồng thời, ông khuyên họ hãy thoả mãn với những thắng lợi tuy nhỏ.

Có lẽ để đáp lại yêu cầu của Hồ Chí Minh, hội nghị toàn thể đi đến một thoả hiệp. Quyết định chiến lược chiến tranh cách mạng để dẫn đến thống nhất hai miền của đất nước được chấp thuận, nhưng mức độ tương đối kết hợp cả hai cuộc đấu tranh chính trị và quân sự sẽ áp dụng vẫn chưa được giải quyết. Bản nghị quyết đó mãi đến sau này mới được ban hành, nói:

*Con đường cơ bản sự phát triển cách mạng ở Nam Việt Nam là đấu tranh bạo lực. Dựa trên những điều kiện cụ thể và đòi hỏi hiện tại của cách mạng, lúc này con đường đấu tranh bạo lực là: dùng sức mạnh quần chúng, với sức mạnh chính trị là yếu tố chính, trong sự phối hợp với sức mạnh quân sự lớn hơn hay nhỏ còn phụ thuộc vào tình hình, để lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm cùng thế lực đế quốc và phong kiến, xây dựng chính quyền của nhân dân.*

Ban Chấp hành Trung ương thừa nhận, cuộc đấu tranh có thể gay go và phức tạp, nhưng hy vọng cần phải sử dụng những phương pháp tự vệ kết hợp tuyên truyền vũ trang, chắc chắn sẽ thu được thắng lợi bước đầu thông qua đấu tranh chính trị.

Trong những năm gần đây, một số học giả phương Tây cho rằng cuộc tranh luận ở Hà Nội giữa những người miền Bắc sợ leo thang chiến tranh và những người miền Nam hiếu chiến quyết tâm đánh đổ chế độ tàn bạo. Nhưng chắc chắn có một số sự thật trong giả thuyết này - cán bộ miền Nam muốn chính sách bạo lực vũ trang và đụng độ với cán bộ miền Bắc - hình ảnh chia cắt Nam - Bắc có lẽ không phải là quá đáng Một số người lãnh đạo đảng cao cấp ở Hà Nội, kể cả tướng Võ Nguyên Giáp và bản thân Hồ Chí Minh, đã nhiều năm tin tưởng chiến lược bạo lực cách mạng có thể là quan trọng đi đến thống nhất đất nước. Hồ và các đồng chí của ông tranh luận mạnh mẽ rằng tác động này ở Moscow từ mùa Thu năm 1957 và có lẽ đã lặp lại lập luận này trong những cuộc thảo luận với những lãnh đạo Trung Quốc. Cuộc tranh luận tại Hội nghị toàn thể lần thứ XV, lúc đó, phần nhiều xoay quanh vấn đề thời điểm. Tất cả - hoặc hầu như tất cả - lãnh đạo đảng đồng ý, đấu tranh vũ trang là cần thiết và hoàn toàn chính đáng nếu như tất cả các con đường khác thất bại. Nhưng liệu bây giờ đã thích hợp đưa ra chiến lược đó chưa, sự phối hợp chiến thuật quân sự và chính trị sẽ áp dụng vẫn còn là vấn đề phải thảo luận thận trọng và thử nghiệm. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, vẫn còn thời gian hy vọng cho một giải pháp chính trị.

Cuộc tranh luận của các học giả phương Tây quanh những quyết định đưa ra tại hội nghị toàn thể lần thứ XV không chỉ là vấn đề lý luận. Một số học giả cho rằng nếu các đồng chí người miền Nam đề xuất kích động leo thang bạo lực cách mạng, thì đấu tranh cách mạng có thể được coi là một cuộc phong trào kháng

chiến trong nước chống lại chế độ tham nhũng và chuyên chế. Bắc Việt Nam có thể đứng ở vai trò một quan sát viên bị động và cuối cùng miễn cưỡng tham gia. Nhưng nếu ban lãnh đạo Đảng ở miền Bắc đóng vai trò quyết định chủ chốt trong cuộc chiến, chứng tỏ Hà Nội có tham vọng củng cố quyền lực của mình trên toàn quốc. Có bằng chứng cho rằng sự thật nằm giữa hai thái cực. Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông tìm cách lập lại tổ chức và kỷ luật đối với dàn đồng ca lớn giọng thiếu mục tiêu của sự bất bình chống đối với những điều kiện kinh tế của chính trị ở Nam Việt Nam.

Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương về chiến lược cách mạng, tức Nghị quyết lịch sử XV, không được lưu hành ngay lập tức trong hàng ngũ lãnh đạo. Trong bốn tháng tiếp đó, Võ Nguyên Giáp được bổ nhiệm theo dõi toàn bộ các mặt của vấn đề, đồng thời thu thập các báo cáo hiện thời về tình hình miền Nam. Trong khi đó, Hồ Chí Minh ra nước ngoài tham khảo với Liên Xô và Trung Quốc để tìm sự ủng hộ của hai nước. Bây giờ ông gần bẩy mươi tuổi, nhưng vẫn không ngừng nung nấu ước mơ cuối cùng của đời mình là thống nhất đất nước theo chủ nghĩa xã hội. Hồ thăm Bắc Kinh giữa tháng 1-1959, sau đó tới Moscow dự Hội nghị lần thứ XXI Đảng cộng sản Liên Xô. Ông trở lại Hà Nội ngày 14-2-1959 sau vài ngày lưu lại Trung Hoa. Những chi tiết về những cuộc hội đàm của Hồ và giới lãnh đạo Trung Quốc và Liên Xô về tình hình ở Nam Việt Nam đến bây giờ vẫn chưa được tiết lộ, nhưng vào tháng 5-1959, Nghị Quyết XV được Ban Chấp hành Trung ương chính thức thông qua.

## CHƯƠNG

# TẤT CẢ CHO TIỀN TUYẾN

Với quyết định đưa ra tại Hội nghị toàn thể lần thứ XV tháng 1-1959, ban lãnh đạo Đảng chính thức phải từ bỏ chính sách chờ đợi thận trọng và bây giờ đặt việc thống nhất Việt Nam là vấn đề ưu tiên hàng đầu. Nhưng còn có những ý kiến không nhất trí là chính sách mới sẽ phải làm chính xác những gì. Một số cán bộ lãnh đạo tìm kiếm thắng lợi thông qua chiến lược phối hợp đấu tranh chính trị và quân sự như đã từng áp dụng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Một số khác dự đoán có thể phải trở về chiến tranh quân sự trực tiếp như cuộc kháng chiến chống Pháp vừa qua.

Lúc đó, có khá nhiều câu hỏi chưa được giải quyết đối với bản dự thảo chiến lược cụ thể. Liệu chế độ Diệm có bị sụp đổ do tham nhũng và đốt nát không? Liệu Mỹ có phản ứng trước sự suy yếu của đồng minh tại Sài Gòn bằng cách tăng vai trò của mình không? Liệu các đồng minh của Hà Nội có sẵn lòng giúp đỡ cuộc xung đột ở Đông Dương không - tất cả những câu hỏi cần được trả lời. Trong khi những câu hỏi này chưa được trả lời, các lãnh đạo đảng hoãn lại cuộc tranh cãi nội bộ về những vấn đề riêng và thoả hiệp với một đề xuất trong thời gian này chỉ giản dị gọi là *“chiến tranh cách mạng”*. Lê Duẩn, bây giờ nổi lên như một nhà chiến lược hàng

đầu trong Bộ Chính trị, ông miêu tả lực lượng cách mạng ở miền Nam lúc đó tiếp tục chủ yếu dựa vào chiến lược đấu tranh chính trị, đồng thời mở rộng dần căn cứ địa cách mạng, xây dựng sức mạnh quân sự để đẩy phong trào lên phía trước.

Quyết định của Hà Nội hạn chế vai trò bạo lực vũ trang ở miền Nam là do một phần mong muốn để tránh mất mát nguồn nhân tài vật lực. Nhưng cũng còn có những yếu tố khác, kể cả mong muốn Liên Xô và Trung Quốc không gây nguy hiểm cho hoà bình. Mùa hè năm 1958, Hồ Chí Minh hội đàm với Mao Trạch Đông tại nhà nghỉ của Mao ở bãi biển Bắc Đới Hà về vấn đề Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nên tiến hành cuộc đấu tranh thống nhất hai miền Nam-Bắc như thế nào. Theo Mao *"nhiệm vụ cấp bách nhất"* tại thời điểm này là hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Điều kiện ở Nam Việt Nam vẫn chưa chín muồi cho sự thay đổi đường lối cách mạng. Trong khi đó, Mao tin lực lượng kháng chiến ở Nam Việt Nam sẽ xây dựng sức mạnh chính trị và quân sự để chuẩn bị cho cơ hội đạt được một bước nhảy lớn về phía trước.

Nhưng quyết định đưa ra tại Hội nghị toàn thể lần thứ XV, tháng 1-1959 cũng phản ánh Hà Nội gia tăng quan tâm sự nguy cơ Mỹ trực tiếp nhảy vào miền Nam. Từ khi thay Pháp làm người đỡ đầu chế độ Sài Gòn, chính quyền Eisenhower chưa từ bỏ âm mưu ngăn cản thống nhất hai miền. Không những Washington đeo đuổi xây dựng một căn cứ chống Cộng vững chắc ở miền Nam (tuyên bố của Ngoại trưởng Dulles ngay sau khi Hội nghị Geneva), Mỹ còn đặt các quốc gia mới ở Đông Dương dưới sự bảo hộ của Liên Minh Phòng Thủ Đông Nam A (SEATO) thành lập ở Manila năm 1954. Dù Việt Nam Cộng Hoà không phải là thành viên tổ chức này, một câu trong hiến chương tuyên bố, trong trường hợp Nam Việt Nam, Lào, hoặc Campuchia bị tấn công bằng vũ lực, tất cả các thành viên Liên Minh Phòng Thủ Đông Nam Á sẽ *"hành động chống mối*

*hiểm họa chung trong khuôn khổ hiến pháp nước mình".*

Trong thời gian này, các lãnh đạo đảng có những lý do thuyết phục thận trọng trong chủ trương với Nam Việt Nam. Thậm chí Lê Duẩn, một thành viên hiếu chiến trong Bộ Chính trị, đã bày tỏ quan điểm cá nhân, chiến lược sử dụng trong kháng chiến chống Pháp đã tập trung quá nhiều vào những chiến dịch quân sự và không nên lặp lại nữa. Trong những tháng còn lại năm 1959, nhiều chuẩn bị thận trọng đang diễn ra thuận lợi cho giai đoạn tiếp của cuộc đấu tranh. Từng nhóm cán bộ *"tập kết"* - những thanh thiếu niên sinh ra và lớn lên ở miền Nam nhưng được đưa ra miền Bắc sau hội nghị Geneva để huấn luyện kỹ thuật chiến tranh cách mạng - bây giờ được lệnh trở về miền Nam giúp đỡ phong trào nổi dậy với các cán bộ nòng cốt, trung thành, đầy kinh nghiệm. Khoảng 90.000 cán bộ tập kết ra miền Bắc năm 1954, phần đông được huấn luyện tại Trường Huấn luyện Xuân Mai gần Hà Nội, chuẩn bị cho quay về tiến hành chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Một học viên kể lại:

*Đây là quãng thời gian thú vị cho chúng tôi ở miền Bắc. Chúng tôi luôn luôn là những chiến sĩ kiên cường của Việt Minh, luôn luôn ngưỡng mộ Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Việt Minh. Chuyến đi tới Bắc Việt Nam rất khó khăn và kéo dài, nhưng không bao giờ phàn nàn, vì chúng tôi biết những khó khăn của cách mạng.*

*Việc tập luyện của chúng tôi ở miền Bắc cũng rất khó khăn. Lương thực thực phẩm thiếu thốn, nhiều lúc chúng tôi cảm thấy cô đơn muốn quay trở về thăm gia đình và những người bạn thân. Nhưng rồi nhận ra chúng tôi không đơn độc khi tìm thấy sức mạnh trong cuộc đấu tranh cách mạng. Chúng tôi hiểu, không nên nghĩ quá nhiều và quá nhớ gia đình - phải giống như Hồ Chí Minh từng xa đất nước.*

Các nhóm cán bộ tập kết thâm nhập trở lại miền Nam, thường

theo nhóm 40 đến 50 người, được xe tải chở tới vùng núi Nam Lào, sau đó đi bộ xuyên rừng vượt qua khu phi quân sự về hướng đông. Khi trở lại miền Nam, họ được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo của bộ máy Đảng miền Nam. Đơn vị 559 (theo ngày thành lập đơn vị, tháng 5-1959) được chỉ thị xây dựng hệ thống đường mòn để đưa quân đội, vũ khí và tiếp liệu từ Bắc vào Nam. Những đường mòn - từng được khai phá trước đây xuyên qua rừng rậm trong kháng chiến chống Pháp - sau này nổi tiếng trên thế giới với cái tên Đường Mòn Hồ Chí Minh -. Nhóm thứ hai, mang tên Đơn vị 759, được lệnh vận chuyển hàng và người bằng tầu thuỷ trong chuyến đi dài ngày nhưng không được bảo vệ dọc biển Đông. Việc vận tải do Bộ đội Trường Sơn đảm nhận. Thoạt đầu họ gùi hàng hoặc bằng xe đạp thồ, về sau tuyến đường mòn được mở rộng, xe tải chạy được. Đây là công việc khá khó khăn. Nhưng một người nói *"Càng đi sâu về phía Nam, tình hình càng tồi tệ. Cuối cùng chúng tôi chỉ giữ được vài cân gạo, để tự cứu mình những lúc khẩn cấp nhất. Suốt hai tháng trời, chúng tôi ăn những gì có thể kiếm được trong rừng - lá cây, các loại củ rừng, thú vật và chim rừng".*

Theo ghi chép của một người khác:

*Ban đầu chúng tôi đi bộ tám giờ một ngày. Rừng núi mỗi ngày một hiểm trở, càng ngày đi càng chậm. Tuy mệt mỏi, nhưng chỉ khi nào giao liên và trưởng đoàn cho nghỉ mới được nghỉ. Những trạm tiếp đón thường là chỗ vắng vẻ và an toàn. Nhưng những trạm giao liên này không giống chỗ dừng chân nào đó ở thị xã hay thành phố. Chẳng có chỗ trú mưa, cũng chẳng có giường. Chúng tôi mắc võng, ngủ trên đó.*

*Trạm giao liên do những người đi trước lập ra. Tuy họ có chuẩn bị thực phẩm và nước nhưng thường xuyên thiếu thốn. Vì thế mọi người tự học cách tiết kiệm. Càng đi xa càng đói. Khi thức ăn trở nên khan hiếm, tình đồng chí cũng bị mòn theo. Ai cũng chỉ lo mạng sống của*

*mình.*

Tin tức những quyết định đưa ra tại Hội nghị toàn thể lần thứ XV tháng 1-1959 và được khẳng định qua Nghị Quyết XV tháng 5-1959 chỉ tới tay những đồng chí ở miền Nam từ cuối tháng 6-1959. Nhiều người phấn khởi đón nhận, vì chế độ Diệm bắt đầu tăng cường nỗ lực đàn áp phong trào cách mạng bằng một loạt những chỉ thị mới được gọi là Luật 10-59, cho phép lực lượng an ninh Sài Gòn thêm quyền bắt bớ và trừng phạt những người đối lập. Trong thời gian còn lại của năm, các toà án lưu động đi khắp miền Nam, buộc tội, kết án và thỉnh thoảng xử tử những người tình nghi có quan hệ chính trị với Hà Nội. Vì những gia đình nông dân ở vùng đông dân đồng bằng Cửu Long bây giờ bị dồn vào ấp chiến lược và phòng vệ mạnh mẽ, nên du kích khó tiếp cận được dân chúng.

Bị dồn vào chỗ tuyệt vọng, những người lãnh đạo nổi dậy tìm mọi cách phản ứng lại. Cuối tháng Tám, đám đông dân làng ở những khu vực nghèo đói thuộc tỉnh Quảng Ngãi tập họp phản đối cuộc bầu cử sắp diễn ra Quốc Hội Việt Nam Cộng hoà. Những người biểu tình, được lực lượng Việt Cộng hoạt động trong vùng hỗ trợ, đã tạm thời chiếm 16 thôn ở huyện Trà Bồng, một vùng núi ở sườn đông Tây Nguyên, lập ra một vùng giải phóng gồm 50 làng với dân số hơn một ngàn người.

Năm tháng sau, cuộc khởi nghĩa thứ hai nổ ra, lần này ở Kiến Hoà (Việt Cộng gọi là tỉnh Bến Tre) nằm giữa đồng bằng Cửu Long. Dân chúng địa phương có cảm tình với cách mạng từ kháng chiến, khi đó Việt Cộng chiếm những trang trại của những địa chủ thân Pháp và chia cho dân nghèo. Sau Hiệp định Geneva, bọn địa chủ quay lại, dưới họng súng quân đội chính phủ lấy lại đất của họ, sau đó thỉnh thoảng có những cuộc trả thù hung bạo (kể cả bắt

và tống giam) chống lại người chiếm đất trước đây. Tháng 1-1960, lực lượng du kích địa phương do Việt Cộng chỉ huy bất ngờ tấn công đồn bốt quân đội chính phủ và với sự giúp đỡ của dân địa phương chiếm hơn một chục ấp. Các cán bộ đảng vạch kế hoạch, vũ trang cho những người cảm tình bằng giáo mác hoặc gậy tầm vông chiến đấu làm kẻ thù sợ hãi và điều những đơn vị đóng giả binh sĩ Sài Gòn tới các ấp khác nhau chiếm cơ quan hành chính. Một người miêu tả sự việc này:

*Khoảng sau 9 giờ tối, tôi vừa về đến trụ sở thì nghe tiếng trống và đám đông đi từ làng này sang làng khác, bao vây khắp nơi, theo sau tiếng hò reo ầm ĩ của nhân dân… Càng về đêm tiếng trống, tiếng mõ càng thôi thúc kêu gọi tất cả mọi người vùng lên. Đó là tín hiệu của nhân dân để cuộc chiến đấu được chuyển đi mọi nơi… Bất thình lình, có tiếng kêu to: "Bốt cháy rồi. Cháy nhanh quá".*

*Các lực lượng vây đồn được lệnh đốt tất cả các đồn bốt mà họ chiếm được. Nhân dân xé cờ ba sọc, đốt biển số nhà và sổ đăng ký. Trên đường, dân làng chặt cây dựng chướng ngại vật chặn đường kẻ thù… Tại tất cả các bốt đang bị bao vây. Nhân dân kêu gọi binh lính bằng loa điện cầm tay. Đây là một đêm sấm sét kinh hãi và tấn công sấm sét của Việt Cộng trên đầu họ. Bị tấn công bất ngờ, binh sĩ sợ hãi, ẩn nấp trong bốt.*

Nhịp độ cuộc kháng chiến vũ trang ở Nam Việt Nam tăng lên gây ra những vấn đề cho các lãnh đạo Đảng ở Hà Nội, đang lo lắng đến sự rạn nứt khi xung đột mở rộng. Để trấn an Liên Xô và Trung Quốc, trong bài phát biểu tháng 4-1959, Lê Duẩn tuyên bố, điều quan trọng là phải hạn chế bạo lực cách mạng ở Nam Việt Nam. Lê Duẩn thừa nhận, tầm quan trọng giữ gìn hoà bình trên thế giới và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tạo ra *"những phức tạp"* đối với cách mạng ở Nam Việt

Nam, nhưng về lâu dài những nhân tố này sẽ có lợi cho sự nghiệp thống nhất đất nước.

Trong khi đó, Hồ Chí Minh thể hiện là nhà ngoại giao xuất sắc, cố gắng tranh thủ sự đồng minh của Hà Nội trong nỗ lực thống nhất đất nước. Đây là thời gian căng thẳng ngày càng gia tăng giữa Trung Quốc và Liên Xô về chiến lược toàn cầu. Giận dữ với thái độ không hợp tác của Bắc Kinh, Moscow chính thức từ chối yêu cầu của Trung Quốc về mẫu bom nguyên tử, như đã hứa trong hiệp định tương hỗ ký vài năm trước đây. Sau này, Bắc Việt Nam đã nhận ra cách làm thế nào sử dụng đồng minh này chống đồng minh kia một cách hiệu quả, thay cho trước đây họ chỉ biết cầu xin hai đồng minh giữ tình đoàn kết anh em. Đầu tháng 7-1959, Hồ Chí Minh tới Moscow hội đàm với giới lãnh đạo Xô viết. Trước khi rời Hà Nội ông cảnh báo Bộ Chính trị, cuộc đấu tranh ở miền Nam sẽ khốc liệt và rất phức tạp. Ông khuyên không nên phiêu lưu một cách mù quáng.

Đây không phải là thời điểm tốt đẹp để thảo luận về việc tiếp tục đấu tranh cách mạng ở Nam Việt Nam. Nikita Khrushchev đang sửa soạn chuyến đi Mỹ vào tháng 9-1959, không muốn làm mất mặt Mỹ. Liên Xô cam kết viện kinh tế cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhưng về vấn đề thống nhất đất nước, Liên Xô nhấn mạnh, cần phải thực hiện hoà bình trong những điều khoản Hiệp định của Geneva.

Sau cuộc hội đàm với giới lãnh đạo Xô viết, Hồ lưu lại thêm một thời gian ngắn ở Moscow chữa bệnh (nghe nói sức khoẻ ông tốt hơn so với những năm trước), đi thăm một số nước cộng hoà thuộc Liên Xô, qua Ukraine, Krym và Kavkaz. Cuối tháng 7-1959 ông đi tàu hoả qua Trung Á tới Alma-Ata, thủ đô Cộng Hoà Xô viết Kazakhstan. Ngày 1-8-1959, từ đó ông bay tới Urumqi, thủ phủ

Tân Cương, Trung Quốc.

Hồ phải lưu trú lâu ở Liên Xô vì Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đang triệu tập cuộc hội nghị kiểm điểm, do vậy không thể gặp Hồ. Hội nghị họp ở Lư Sơn, một khu nghỉ mát ở nam Trung Hoa, nhằm mục tiêu giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ lãnh đạo về chính sách Đại Nhảy Vọt. Phát động một năm trước đây với mục tiêu tăng sản lượng nông nghiệp, đẩy mạnh xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, chiến dịch Đại Nhảy Vọt bị sự chống đối của nông dân và gây nạn đói lớn ở nông thôn. Tại Hội nghị Lư Sơn, Bộ trưởng Quốc phòng Bành Đức Hoài, Tư lệnh Quân Đội Giải Phóng Quân Nhân Dân tại chiến tranh Triều Tiên, do bất bình với Mao Trạch Đông đã phê bình chiến dịch Đại Nhẩy Vọt gây thảm hoạ cho nền kinh tế Trung Quốc. Ông cũng lên tiếng bảo vệ mối quan hệ quân sự Trung - Xô để chống lại những người muốn thay thế nó bằng với chính sách tự lực. Do sự liều lĩnh và dũng cảm của mình, Bành Đức Hoài bị cách chức và thay bằng nguyên soái Lâm Bưu, tướng lĩnh hàng đầu, Tư lệnh quân đội trong nội chiến và bây giờ một trong những đồng minh thân cận nhất của Mao Trạch Đông.

Hồ Chí Minh lưu lại Urumqi ít ngày, sau đó đi tàu hoả tới Tây An, nơi mùa thu năm 1938, ông đến đó với tư cách một du khách. Cuối cùng ông tới Bắc Kinh ngày 13-8-1959. Do Mao vẫn chưa trở lại Bắc Kinh, Hồ gặp Chu Ân Lai và Lưu Thiếu Kỳ, hai ông thông báo cho Hồ, Trung Quốc vẫn giữ quan điểm chiến tranh của mình ở nam Việt Nam nên chỉ giới hạn ở đấu tranh chính trị và các hoạt động vũ trang ở mức thấp, mặc dù họ chấp nhuận quyết định chiến lược đấu tranh cách mạng của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Hồ trở lại Hà Nội ngày 26-8-1959.

Hồ Chí Minh có thể không hài lòng về kết quả ít ỏi trong chuyến

đi nước ngoài dài ngày. Cả Liên Xô và Trung Quốc không tán thành trước việc phá vỡ Hiệp định Geneva, họ cũng chẳng thể hiện quyết tâm ủng hộ quyết định của Hà Nội dùng chính sách bạo lực cách mạng để hoàn thành nhiệm vụ thống nhất đất nước. Hồ cũng giận cách đối xử của Trung Quốc, khi Mao Trạch Đông thậm chí không về Bắc Kinh tiếp ông. Nhưng Hồ phần nào đã quen hạ mình trước các đồng chí Trung Hoa, tuy thỉnh thoảng, trước các đồng chí của mình, ông chế nhạo Mao Trạch Đông là *"Ông Trời con"*. Nhưng sự coi thường đó chẳng mấy chốc được bỏ qua. Mùa Thu năm đó, ông dẫn đầu đoàn đại biểu chính thức đi thăm Bắc Kinh dự lễ kỷ niệm 10 năm thành lập nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa. Sau khi gặp bà Tống Khánh Linh, người bạn cũ và ân nhân của mình, Hồ đã hội ý với Mao ngày 3-10 và về nước ngày hôm sau. Trong một bài báo đăng trên tờ *Nhân Dân* tháng đó, Hồ kêu gọi nhân dân học tập kinh nghiệm Trung Quốc và đời đời cám ơn sự ủng hộ của Trung Quốc trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam.

Trong khi Hồ Chí Minh đang tư vấn với hai nước đồng minh của mình về chính sách đối ngoại, thì các đồng chí của ông bận tâm với những vấn đề trong nước. Kế hoạch ba năm nhằm xây dựng nền tảng xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đang diễn ra tương đối thuận lợi, nói chung không có bạo lực và bất hoà như trong chương trình Cải cách ruộng đất. Việc không xảy ra bạo lực trong chiến dịch tập thể hoá chắc chắn làm Hồ Chí Minh hài lòng vì ông kêu gọi các lãnh đạo Đảng tránh sự cưỡng bức và sử dụng "phương pháp dân chủ" để giáo dục nông dân tin vào sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Hồ luôn cho biện pháp thuyết phục tốt hơn sử dụng bạo lực ở thành thị, nơi khối công nghiệp và thương mại đã nằm trong tay nhà nước và sở hữu tập thể. Trong một hội nghị Đảng đánh giá tình hình, Hồ đấu tranh với quan điểm một số người hiếu chiến cho giai cấp tư sản là đối thủ của cách

mạng xã hội chủ nghĩa ở Bắc Việt Nam, ông tranh cãi, giai cấp tư sản đã đi theo quần chúng và có thể chuyển hoá hoà bình và tự nguyện trở thành những thành viên của giai cấp công nhân. Thật khó biết chắc ý kiến của Hồ trong những cuộc họp Đảng có sức nặng bao nhiêu. Ảnh hưởng của Hồ đối với những quyết định về nội tình việc trong nước đã suy giảm nhiều, các cán bộ lãnh đạo đảng chủ chốt đã quyết định, ông nên dành nhiều thời gian cho chính sách đối ngoại và vấn đề thống nhất đất nước.

Cuối năm 1959, phần lớn kinh tế Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở thành thị và nông thôn đã được cải tạo theo đường lối xã hội chủ nghĩa, giới lãnh đạo đảng bắt đầu nghĩ tới bước tiếp theo - một kế hoạch năm năm kiểu Liên Xô, bắt đầu quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Không những kế hoạch cần những nỗ lực lớn mà còn phải kết hợp với cuộc đấu tranh ở miền Nam ngày càng gia tăng, vì thế giới lãnh đạo đảng đã quyết định triệu tập Đại hội Đảng toàn quốc để công khai thảo luận kế hoạch và cách thức đảm vảo kế hoạch này được chấp thuận. Tháng 10-1959, bắt tay vào công việc chuẩn bị Đại hội, dự kiến sẽ khai mạc vào cuối mùa Hè hoặc mùa Thu 1960.

Trong lúc ấy, căng thẳng giữa Liên Xô và Trung Quốc ngày càng gia tăng. Tại Đại hội Đảng cộng sản Rumani tháng 6-1960, mâu thuẫn Trung - Xô lần đầu tiên bùng ra công khai làm thế giới ngỡ ngàng, khi cả hai bên công kích nhau kịch liệt. Sau hội nghị, Moscow ra lệnh rút chuyên gia ở Trung Quốc về nước. Đoàn đại biểu Việt Nam ở Bucharest có lẽ tán thành quan điểm Khrushchev, giữ im lặng khi Liên Xô đả kích quan điểm Trung Quốc về chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh thế giới. Lê Duẩn, dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam tại Đại hội, phát biểu ngắn ủng hộ đường lối Trung Quốc cho rằng đế quốc Mỹ âm mưu kích động một cuộc chiến tranh thế giới mới. Nhưng Hà Nội cũng không đứng về bên nào

trong sự rạn nứt ngày càng tăng giữa Liên Xô và Trung Quốc về chiến lược những nước xã hội chủ nghĩa áp dụng trong chiến tranh lạnh. Xã luận báo *Nhân Dân* sau Đại hội công khai đưa vấn đề này và cảnh báo, việc mất đoàn kết trong Cộng sản thế giới có thể rất có hại cho Đảng và sự thống nhất Việt Nam.

Hà Nội cố gắng không để mâu thuẫn Liên Xô và Trung Quốc gây hại cho lợi ích của mình, bản thân Hồ Chí Minh tận dụng cơ hội để không làm mất lòng hai bên. Tháng 5-1960, Hồ bay tới nam Trung Hoa để kỷ niệm sinh nhật 70 tuổi và nghỉ ít ngày. Ngay sau khi về nước, ông viết một bài đăng trên báo *Nhân Dân* ủng hộ *"những chính sách đúng đắn"* của Liên Xô. Tháng 8-1960, ông có chuyến thăm bí mật Moscow và Bắc Kinh, mục đích để có được sự đảm bảo của hai nước này đối với những quyết định Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở miền Nam, đồng thời kêu gọi họ cố gắng giảng hoà mối bất đồng.

Đại hội lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam họp ở Hà Nội ngày 5-9-1960. Tham dự có 576 đại biểu đại diện cho hơn nửa triệu Đảng viên cả hai miền. Với tư cách chủ tịch Đảng, Hồ phát biểu khai mạc, đề cập sơ qua sai lầm của Đảng trong Cải cách ruộng đất (ông cho biết Đảng đã tích cực sửa chữa những thiếu sót và không *"hoa mắt với thắng lợi"*), ông chủ yếu nói về tương lai, tuyên bố nhiệm vụ quan trọng cho vài năm tới, đưa miền Bắc trên đường tiến tới chủ nghĩa xã hội. Ông nhấn mạnh, sự bảo đảm tốt nhất cho cách mạng Việt Nam *là "tự thấm nhuần chủ nghĩa Marx - Lenin, luôn luôn trung thành với những lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giữ gìn sự đoàn kết, sự thống nhất trong Đảng, giữa tất cả những Đảng cộng sản anh em và tất cả các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa"*. Ông nói tương đối ít về miền Nam - gọi là *"thành đồng tổ quốc"* - nhưng nhận xét Đảng hy vọng để đạt được thống nhất đất nước bằng phương pháp hoà bình.

Phát biểu của Hồ thu hút sự chú ý và giúp chính thức phê chuẩn kế hoạch năm năm đặt nền tảng tiến bộ kỹ thuật cho xã hội xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh thống nhất đất nước không bỏ quên. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ này có tầm quan trọng tương đương với các mục tiêu của Đảng năm năm tới. Nhưng rõ ràng giới lãnh đạo đảng vẫn không tỏ ra nhất trí tiến trình ở miền Nam sẽ như thế nào. Đọc báo cáo chính trị trước Đại hội, Lê Duẩn phân tích tình hình, ông tránh đi vào cụ thể, chỉ nhận xét, đó là *"cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, không giản đơn mà phức tạp, phối hợp nhiều hình thức đấu tranh",* đòi hỏi sự mềm dẻo, chuyển từ dạng hoạt động công khai sang bí mật. Ông tuyên bố, vũ khí chính sẽ là sức mạnh quần chúng. Ông không đề cập tới khả năng can thiệp của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Hội nghị tán thành đề nghị của Bộ Chính trị đưa ra kế hoạch 5 năm công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Dù vậy, có dấu hiệu cho thấy tranh luận về chiến lược ở miền Nam không hoàn toàn dịu đi. Phát biểu trước các đại biểu, Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh, một số đồng chí hoàn toàn không nhận thức những âm mưu của Mỹ và bọn tay sai Sài Gòn, vạch ra rằng họ *"không hiểu trong khi chính sách bảo vệ hoà bình và thống nhất đất nước bằng phương pháp hoà bình thì chúng ta vẫn phải luôn luôn cảnh giác, chuẩn bị đối phó với mọi hành động của kẻ thù".*

Cuối cùng, Đại hội Đảng toàn quốc III thông qua danh sách lãnh đạo mới. Lê Duẩn chính thức được bầu Bí thư thứ nhất (thay thế chức danh cũ Tổng bí thư Đảng Lao động Việt Nam, rập khuôn Đảng cộng sản Liên Xô). Hồ Chí Minh vẫn giữ chức chủ tịch Đảng. Sự thăng tiến của Lê Duẩn chỉ vì bản thân Hồ tin vấn đề thống nhất đất nước sẽ được quan tâm nhiều hơn trong thập niên tới. Một dấu hiệu thêm nữa cũng tầm quan trọng, bây giờ ba uỷ viên Bộ chính trị người miền Nam - Lê Duẩn, Phạm Hùng và Nguyễn

Chí Thanh. Là người có tài và nhiều tham vọng, Thanh được thăng đại tướng cuối thập niên 1950, tương đương với đối thủ Võ Nguyên Giáp. Không như Giáp, Thanh hoạt động nhiều về chính trị, từng là Tổng cục trưởng Cục Chính trị, có trách nhiệm duy trì lãnh đạo tư tưởng trong quân đội. Uỷ viên Bộ chính trị hàng thứ tư là nhân vật đầy uy thế - Lê Đức Thọ - tuy không phải người miền Nam, nhưng từng là phó của Lê Duẩn trong kháng chiến chống Pháp.

Đại hội III không chính thức đả động đến mâu thuẫn Trung-Xô, (đoàn đại biểu cả hai nước đều tham dự) vấn đề không nổ ra tranh cãi tại phiên họp công khai. Tuyên bố sau khi kết thúc Đại hội tiếp tục coi Liên Xô người lãnh đạo phe xã hội chủ nghĩa, nhưng đối với những người lãnh đạo hiếu chiến của phe cánh Lê Duẩn đang giữ quyền lãnh đạo, Hồ cố duy trì cân bằng mối quan hệ của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với hai nước đàn anh, bây giờ đang rất căng thẳng. Hồ đã góp một phần làm dịu căng thẳng với tư cách người trung gian trong những cuộc thảo luận giữa Liên Xô và Trung Quốc tại Đại hội. Nhưng cả hai nước đàn anh không sẵn sàng chấp thuận việc leo thang đang sôi sục ở Nam Việt Nam. Moscow từ chối ủng hộ Hồ toàn diện về vấn đề miền Nam Việt Nam và bác bỏ lời yêu cầu của Hồ làm dịu căng thẳng trong nội bộ phe xã hội chủ nghĩa. Trong chuyến thăm ngắn ngủi Hà Nội vào tháng Bảy, Chu Ân Lai kêu gọi Việt Nam mềm dẻo và sử dụng tối đa phương pháp đấu tranh chính trị để mang lại thắng lợi ở miền Nam.

Các lãnh đạo Đảng tiếp tục đeo bám vấn đề làm thế nào đánh đổ đổ chế độ Diệm mà Mỹ không can thiệp trực tiếp. Kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy một tổ chức chính trị mới ở miền Nam cần phải chiếm một vai trò giống như vai trò Mặt trận Việt Minh trong cuộc đấu tranh chống Pháp trước đây. Trên thực tế, Hà Nội muốn

có một mặt trận dân tộc thu hút tất cả những phần tử chống đối chế độ Sài Gòn, nhưng phải chịu sự chi phối của đảng. Mặt trận phải có một cương lĩnh thu hút những người yêu nước tận tâm với sự nghiệp thống nhất Việt Nam mà không phải liên minh với những người ly khai ở miền Nam và nghi ngờ sự thống trị của miền Bắc. Cương lĩnh mặt trận phải thu hút những người ôn hoà không tin tưởng cộng sản về ý thức hệ và thực hành, nhưng lại ủng hộ công nhân và nông dân. Cương lĩnh cần phải giữ lời hứa giải phóng miền Nam khỏi bè lũ độc tài Ngô Đình Diệm không sợ đe dọa tức thời bị chế độ cộng sản miền Bắc thôn tính.

Lần đầu tiên dự án một mặt trận mới được Tôn Đức Thắng đề cập tại Đại hội III. Theo Tôn Đức Thắng, mặt trận dựa trên khái niệm Leninist liên minh bốn giai cấp, nhưng để thích hợp với sự phức tạp của xã hội Nam Việt Nam, bao gồm cả những tôn giáo khác nhau và các dân tộc thiểu số. Mục đích của nó động viên rộng rãi quần chúng. Nó nhấn mạnh vấn đề dân tộc chủ nghĩa và cải cách để đạt được mục đích cuối cùng tạo ra một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh. Bước đi quá độ sẽ là sự hình thành một chính phủ bao gồm tất cả những lực lượng tiến bộ trong xã hội miền Nam, một sự hợp tác cuối cùng sẽ thảo luận với miền Bắc vấn đề thống nhất đất nước. Mặt trận mới, giống như Mặt trận Việt Minh, cần phải được tổ chức ở các cấp khác nhau, từ Ban Chấp hành Trung ương xuống tới các đơn vị ở cấp thôn xã. Không đề cập đến chủ nghĩa cộng sản.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức thành lập ngày 20-12-1960, trong một hội nghị bí mật gồm những đại diện các tầng lớp xã hội khác nhau miền Nam *"tại một địa điểm trong vùng giải phóng miền Nam Việt Nam"*. Sự thật, hội nghị diễn ra ở những khu nhà nhỏ trong khu rừng rậm rạp của một đồn điền cao su dọc theo biên giới Campuchia, về sau khu vực này là nơi

đóng bản doanh của Trung ương Cục. Gồm có sáu mươi đại biểu tham dự, đây là một sự kiện đáng nhớ. Theo Trương Như Tảng, một trí thức tham gia lễ thành lập, viết *"tất cả những người có mặt trong gian nhà đơn sơ đều hiểu mình đang tham dự một sự kiện có ý nghĩa lịch sử"*. Trên đường về Sài Gòn bằng xe đò, Tảng có cảm giác lâng lâng "*một hy vọng dù nhỏ nhoi*". Vài tuần sau, tân tổng thống Mỹ, John Fitzgerald Kennedy nhậm chức. Trong lễ bàn giao, tổng thống Eisenhower tuyệt nhiên không đả động gì đến những hoạt động nổi dậy ngày càng tăng ở miền Nam Việt Nam.

Trên thực tế, dù Dwight Eisenhower không nhận thức được việc đó thì sự oán giận chống lại Ngô Đình Diệm và người em trai lạm quyền Ngô Đình Nhu ngày càng tăng lên trong nhiều thành phần xã hội miền Nam. Nông dân bất mãn vì tham nhũng và phải nộp tô quá cao. Giới Phật Giáo giận dữ trước việc chính phủ thiên vị Thiên Chúa Giáo, cũng như nhân dân các dân tộc ít người, Hoa kiều, các giáo phái và người Thượng ở Tây Nguyên bất mãn trước sự độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm. Lên tiếng chống đối mạnh là trí thức tại Sài Gòn và nhiều thành phố khác đả kích chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Bản hiến pháp, thảo ra năm 1956 với sự giúp đỡ của cố vấn Mỹ, chỉ còn là mớ giấy lộn.

Phong trào kháng chiến phát triển nhanh chóng ở Nam Việt Nam khiến các nhà lãnh đạo Đảng ở Hà Nội tin rằng cần phải tổ chức lại guồng máy cách mạng sẵn có. Giữa tháng 1-1961, ngay sau cuộc đảo chính quân sự lật đổ chế độ Diệm bất thành ở Sài Gòn, Bộ Chính trị họp đánh giá tình hình, đưa ra những chỉ thị hoạt động trong tương lai. Bộ Chính trị kết luận, thời kỳ ổn định ở miền Nam đã qua, các nhà lãnh đạo Đảng kêu gọi đẩy mạnh đấu tranh cả về chính trị và quân sự chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy có thể đến bất cứ lúc nào. Không còn có sự lựa chọn nào nữa để giải quyết hoà bình trong các vấn đề. Cho dù Hồ Chí Minh đồng ý với

những kết luận đó theo những điều khoản chung, ông tiếp tục nhắc các đồng chí của ông không được phát động một cuộc nổi dậy còn non yếu hoặc sử dụng quá mạnh những hoạt động quân sự. Ông khuyên, hãy chuẩn bị đầy đủ, khi gặp thời cơ sẽ nổi dậy.

Với vấn đề quân sự, các nhà chiến lược của Đảng quyết định quay lại những cách thức từng dùng trong chiến tranh chống Pháp. Trung ương Cục Miền Nam - một chi nhánh cũ của Ban Chấp hành Trung ương hoạt động ở miền Nam kháng chiến chống Pháp và sau đó giải tán sau hội nghị Geneva - được bí mật thành lập, do Nguyễn Văn Linh làm chủ tịch. Dưới Trung ương Cục Miền Nam là năm Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực, cùng với một loạt tỉnh uỷ, huyện uỷ và chi bộ đảng địa phương. Tại một hội nghị bí mật tháng 2-1961 ở Chiến khu D, những đơn vị bán quân sự ở đồng bằng Cửu Long và Tây Nguyên sát nhập thành Quân Giải Phóng, đặt dưới sự chỉ huy thống nhất. Cuối tháng đó, một số đơn vị mới, phối hợp với quân đội các giáo phái đối lập, bắt đầu giao chiến với kẻ thù. Quân Giải Phóng bây giờ trở thành cánh tay của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Chế độ Sài Gòn từ nay bắt đầu gọi họ là Việt Cộng.

Trong lúc các lãnh đạo kháng chiến bận rộn với việc tổ chức lại cơ sở cách mạng trong hoạt động nổi dậy ở Nam Việt Nam, Hồ Chí Minh tiếp tục tập trung vào mặt trận ngoại giao. Mâu thuẫn Trung - Xô bây giờ đã công khai, vấn đề lập trường của khối XHCN ủng hộ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đã trở thành chủ đề bàn luận gay gắt tại tất cả cuộc hội nghị những người cộng sản thế giới. Hội nghị 81 Đảng cộng sản và công nhân họp ở Moscow tháng 11-1960. Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu gồm Lê Duẩn và tướng Nguyễn Chí Thanh.

Nikita Khrushchev hy vọng dùng hội nghị làm diễn đàn ép Trung

Quốc đi theo chính sách Liên Xô, nhưng các đoàn đại biểu khác tại hội nghị đã can thiệp để tránh rạn nứt, Đoàn Việt Nam phát biểu tương đối ít tại hội nghị, nhưng họ lại tích cực hoạt động phía sau hậu trường để soạn thảo nghị quyết của hội nghị, tái khẳng định tuyên bố 1957 về các hình thức khác nhau để chuyển biến các nước khác nhau từ tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa. Bản dự thảo tuyên bố, nếu giai cấp bóc lột dùng vũ lực chống lại nhân dân, cần phải tính đến khả năng chuyển tiếp không hoà bình lên chủ nghĩa xã hội. Vai trò Hồ Chí Minh rất quan trọng. Khi phó chủ tịch Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa Lưu Thiếu Kỳ bỏ một phiên họp mà người phát ngôn Liên Xô xỉ vả Trung Quốc, ông giận dữ quay về toà đại sứ của mình, Khrushchev khẩn khoản yêu cầu Hồ thuyết phục Lưu Thiếu Kỳ trở lại. Sự cố gắng của Hồ đã giúp tránh được rạn nứt công khai. Nhưng theo những người thân cận, Hồ rất buồn trước mâu thuẫn Trung - Xô về chiến lược toàn cầu, một sự rạn nứt, theo ông, phá hoại nặng nề uy tín của phe xã hội chủ nghĩa trước Thế giới thư ba và tạo thuận lợi cho bọn đế quốc chủ nghĩa thù địch. Trong khi nhiều đại biểu Việt Nam nghiêng theo quan điểm Trung Quốc, Hồ Chí Minh rất nghi ngờ tham vọng của Mao Trạch Đông và muốn *“toạ sơn quan hổ đấu”*(có lẽ ám chỉ mối quan hệ giữa Moscow và Washington). Vì thế ông ủng hộ vai trò Liên Xô trong những phiên họp then chốt trong hội nghị. Quen với việc “làm theo ý bác” (bất cứ điều gì Bác Hồ nói đều đúng) nên Lê Duẩn, Nguyễn Chí Thanh không nói gì. Tuy nhiên khi về Hà nội, chắc họ cũng đã thì thầm với các thành viên khác của Bộ Chính trị vẫn bất mãn về quan điểm “ba phải” của Hồ tại hội nghị.

Cuộc tranh luận được nối lại tại Đại hội lần thứ XXII Đảng cộng sản Liên Xô diễn ra mùa Thu năm ấy. Một lần nữa, Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại hội nghị và tìm cách né tránh những vấn đề dễ gây tranh cãi. Nhưng khi Chu

Ân Lai bỏ Đại hội và quay về Bắc Kinh, Việt Nam buộc phải bỏ cuộc họp. Hồ Chí Minh và Lê Duẩn cũng rời Moscow, nhưng không trở về Hà Nội ngay, họ tỏ thái độ trung lập bằng cách đi thăm mấy nước cộng hoà Baltic thuộc Liên Xô.

Việc thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Quân Giải Phóng, tạo sức mạnh đối với phong trào kháng chiến chống Ngô Đình Diệm ở Nam Việt Nam. Cuối năm 1961, Quân Giải Phóng đã phát triển lên tới gần 15 ngàn người, gấp năm lần lực lượng nổi dậy mùa xuân năm 1959. Với thuận lợi tăng quân số và sự cơ động, các đơn vị Việt Cộng bắt đầu tấn công đồn bốt quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đoàn xe hộ tống, trụ sở hành chính. Họ thiết lập căn cứ địa giải phóng ở Tây Nguyên nhằm mở đường tấn công xuống đồng bằng.

Một lý do tăng quân số Việt Cộng là do quân đội Bắc Việt Nam thâm nhập ngày càng nhiều theo Đường mòn Hồ Chí Minh, tăng gấp đôi trong thời kỳ 1959-1961, đạt con số năm ngàn người năm 1962. Nhưng yếu tố chính là việc mở rộng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, thúc đẩy nhân dân chống chế độ Diệm và bắt đầu lan toả cắm rễ xuống thôn làng và thị trấn thuộc Việt Nam Cộng Hoà. Khi bộ máy chính trị mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng, nhiều thanh niên hăng hái có năng lực đã gia nhập Quân Giải Phóng.

Phong trào nổi dậy phát triển mạnh khiến Washington lo lắng. Trong những tháng cuối nhiệm kỳ chính quyền Eisenhower, Mỹ tập trung quan tâm vào Lào, nơi lực lượng Pathet Lào do Hà Nội hậu thuẫn, đã lật đổ chính phủ liên hiệp yếu ớt của phái hữu ở Vientiane bằng quân sự. Nhưng khi Kennedy vào Nhà Trắng tháng 1-1961, ông nhận được báo cáo đáng buồn, tình hình Nam Việt Nam đang xấu đi nhanh chóng. Kennedy thành lập lực lượng đặc

biệt để hành động, cuối năm ông thông qua chương trình tăng thêm cố vấn Mỹ cho Việt Nam Cộng Hoà. Mục tiêu huấn luyện quân đội Việt Nam Cộng Hoà cách thức chống nổi dậy với hy vọng chính quyền Sài Gòn có thể phòng thủ, tự bảo vệ không cần Mỹ sự can thiệp. Trong khi đó, Kennedy tìm cách dàn xếp cuộc xung đột đang lan rộng ở Lào, cho dù bất kỳ lý do gì sự hiện diện của Mỹ để đảm bảo lợi ích an ninh của Thế giới Tự do rất khó thanh minh.

Bạo lực cách mạng ở Nam Việt Nam ngày càng tăng là bằng chứng nhận xét của Hồ Chí Minh, chế độ Diệm đã hoàn toàn thối nát và nhất định sụp đổ. Trong khi đó, Hồ căn dặn, đừng lạc quan quá mức. Ngô Đình Diệm mặc dầu có những sai lầm, nhưng là nhà lãnh đạo kiên định, có đội ngũ cộng sự rất trung thành. Giới lãnh đạo Đảng thận trọng không đánh giá thấp Ngô Đình Diệm, tiên đoán chính phủ Diệm sẽ sụp đổ nhưng phải cảnh giác với Mỹ, tin Nam Việt Nam là sự sống còn đối với an ninh quốc gia Mỹ và lo sợ những hậu quả do thất bại sẽ mất mặt ở Đông Nam Á. Giới lãnh đạo Đảng tranh luận những lựa chọn chiến lực trong cuộc họp Bộ Chính trị tháng 10-1961. Hồ Chí Minh vạch ra, Mỹ mạnh gấp nhiều lần hơn Pháp trong kháng chiến chống Pháp, do vậy, nếu sử dụng sức mạnh chống lại sức mạnh, *“ăn miếng, trả miếng”* sẽ thất bại. Ông nhấn mạnh, những yếu kém của bọn đế quốc và sức mạnh của lực lượng cách mạng là ở lĩnh vực chính trị. Vì thế Hồ đề ra chiến lược dựa vào chiến tranh du kích, phát động sự ủng hộ của quần chúng, dành được sự ủng hộ của dư luận thế giới. Do những điều kiện thuận lợi cho cách mạng ở Nam Việt Nam tiến triển nhanh chóng, Hồ Chí Minh thuyết phục các đồng chí của ông thận trọng mềm dẻo sách lược, và hai điều này thể hiện trong những chỉ thị gửi tới ban lãnh đạo Trung ương Cục. Chỉ thị vạch rõ cao trào cách mạng chưa tới và chúng ta chỉ có thể giành thắng lợi *“từng bước một”*.

Tháng 7-1962, chính quyền Kennedy ký hiệp định thành lập nước Lào trung lập dựa trên chính phủ liên minh dân tộc bao gồm phái trung lập, phái tả và Pathet Lào trong chế độ liên hợp ba bên. Trong thư gửi cán bộ chủ chốt Trung ương Cục, Lê Duẩn nhắc đến khả năng Mỹ có thể chấp nhận một giải pháp tương tự ở miền Nam Việt Nam. Ông vạch ra, Washington trước đây không thắng nổi Trung Quốc và Bắc Triều Tiên bằng quân sự. Hồ đặc biệt hứng thú với giải pháp này. Trong một cuộc phỏng vấn với nhà báo tờ "London Daily Express" (Nhật báo Tin nhanh London) vào tháng 3-1962, Hồ vạch ra những điều kiện để dàn xếp cuộc xung đột ở Nam Việt Nam trên cơ sở của Hiệp định Geneva. Hà Nội bây giờ tích cực tiếp xúc những nhân vật trung lập ở Nam Việt Nam và Pháp để tranh thủ sự ủng hộ của họ nếu chính phủ ba phái được thành lập tại Sài Gòn.

Washington chấp nhận chính phủ liên hiệp trung lập ở Lào dựa trên giả định, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, dưới sức ép của Liên Xô, sẽ tôn trọng những điều khoản hiệp định, không đưa quân và vũ khí theo đường mòn Hồ Chí Minh, phần lớn chạy qua đất Lào. Nhưng khi tin tức tình báo cho thấy, Hà Nội không có ý định tôn trọng những điều khoản hiệp định, Nhà Trắng thôi đeo đuổi một dàn xếp tương tự ở Nam Việt Nam. Nhưng Hồ Chí Minh vẫn còn hy vọng. Tại cuộc họp Bộ Chính trị tháng 2-1963, ông nêu rõ sự cần thiết đẩy mạnh nỗ lực chính trị ở miền Nam để thúc đẩy thương lượng và thành lập một chính phủ trung lập, với nhiều người thuộc Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Ông vạch ra, Washington đang hoang mang, không phải tìm kiếm một chiến thắng mà một rút lui trong danh dự.

Một số uỷ viên Bộ Chính trị hoài nghi không tin vào quan điểm của Hồ có thể giành thắng lợi thống nhất đất nước không cần phải leo thang bạo lực cách mạng. Có dấu hiệu cho thấy Washington

đang tìm kiếm thắng lợi ở miền Nam. Một minh chứng cho việc này đó là chương trình ấp chiến lược. Ấp chiến lược lập ra từ cuối thập niên 1950 để bảo vệ nông dân và giúp chính quyền Sài Gòn chống lại Việt Cộng thâm nhập để tuyển dụng người và tuyên truyền cộng sản. Ý tưởng này được Anh sử dụng thành công ở Mã Lai vài năm trước đây, đã thu hút cả Sài Gòn và Washington. Năm 1962 tổng thống Diệm đồng ý áp dụng chương trình này cho Nam Việt Nam. Chỉ trong vài tháng, hàng ngàn ấp chiến lược cấp tốc được xây dựng ở khắp miền Nam.

Hà Nội ngay lập tức nhận ra chương trình Ấp chiến lược đe doạ nghiêm trọng phong trào cách mạng. Trung ương Cục Miền Nam được chỉ thị khẩn cấp tìm mọi thâm nhập hoặc phá hoại chương trình ấp chiến lược. Hồ Chí Minh sau khi cân nhắc, đề xuất phối hợp giữa sách lược chính trị và quân sự chống lại chương trình này, bao gồm dùng biện pháp phản gián, khủng bố và mở rộng chiến tranh du kích. Ông nhấn mạnh tại cuộc họp Bộ Chính trị tháng 11-1962 *"Chúng ta phải tìm mọi cách phá hoại chúng, có thế mới bảo đảm chắc chắn thắng lợi về phía chúng ta"*. Dù chương trình ấp chiến lược lúc đầu gây khó khăn nghiêm trọng tới phong trào kiểm soát nông thôn, song sự yếu kém và quan liêu của chính phủ Sài Gòn khiến chương trình Ấp chiến lược bị trở ngại, hậu quả là hơn một nửa ấp chiến lược bị Việt Cộng thâm nhập hoặc phá hoại.

Trong khi đó, Hồ Chí Minh yêu cầu các đồng chí của ông hết sức duy trì tình cảm và sự ủng hộ của cả Moscow và Bắc Kinh. Đầu thập niên 1960, Hà Nội cố giữ vững cân bằng mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc, lúc này rất căng thẳng. Dù Khrushchev ngại mất lòng Bắc Việt Nam vì không ủng hộ chiến tranh giải phóng dân tộc, song ông hy vọng tránh được đối đầu trực tiếp với Mỹ và lo lắng xu hướng gia tăng bạo lực ở Đông Nam Á. Sự lo lắng của Khrushchev làm Bắc Kinh hể hả. Trung Quốc rất muốn có đối

đầu của chính họ với Mỹ, khi họ quyết tâm thay thế Moscow là người cầm đầu các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Theo Mao chủ tịch, sự hiện diện của quân đội Mỹ tăng lên ở Nam Việt Nam sẽ làm các cơ sở của Mỹ bị yếu đi ở châu Á nói chung, vì thế sẽ tự tạo ra thòng lọng xiết cổ đế quốc Mỹ ở khắp nơi trên thế giới.

Để kiếm ưu thế với Moscow, cũng như lấy lòng Hà Nội, Trung Quốc hứa tăng viện trợ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đầu thập niên 1960. Bắc Kinh rút kinh nghiệm từ thời kỳ chiến tranh Pháp - Việt Minh, viện trợ quân sự ít tạo ra khả năng xung đột trực tiếp với Mỹ, đồng thời làm tăng sự phụ thuộc của Hà Nội vào Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa. Mùa Hè năm 1962, một phái đoàn Việt Nam do Hồ Chí Minh và đại tướng Nguyễn Chí Thanh thăm Bắc Kinh để yêu cầu tăng cường giúp đỡ để cân bằng với dự hiện diện của Mỹ đang gia tăng ở miền Nam, Trung Quốc đã nhanh chóng đáp ứng.

Trung Quốc hy vọng Hà Nội hoan nghênh sự giúp đỡ của họ, vì thế tháng 5-1963, chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ thăm Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để đánh giá tình hình. Lưu Thiếu Kỳ nhấn mạnh mối quan hệ gần gũi lịch sử giữa hai nước và thẳng thừng đả kích *“chủ nghĩa xét lại hiện đại”* (ám chỉ Liên Xô), buộc tội họ nhiều sai phạm về nguyên lý, đả kích thái độ *“lừng chừng”*. Trong cuộc cuộc hội đàm với Hồ Chí Minh, Lưu Thiếu Kỳ hứa, nếu chiến tranh ở Nam Việt Nam leo thang, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể dựa vào *“hậu phương lớn”* Trung Quốc. Tuy thế, Lưu Thiếu Kỳ cảnh báo Hà Nội, cuộc đấu tranh thống nhất đất nước sẽ kéo dài và sự giúp đỡ của Trung Quốc cũng có giới hạn.

Tuy nhiên, Hà Nội vẫn chưa dựa hẳn vào Trung Quốc. Dù đón tiếp Lưu Thiếu Kỳ nồng hậu, như tiếp đón chẳng kém long trọng đoàn đại biểu thương mại Liên Xô vài ngày trước. Lãnh đạo Việt

Nam Dân chủ Cộng hoà cám ơn cả hai nước về sự ủng hộ, đồng thời tỏ thái độ trung lập. Trong bữa tiệc chiêu đãi Lưu Thiếu Kỳ, Hồ Chí Minh bày tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ của Trung Quốc, nhưng không đả động vấn đề chia rẽ giữa hai nước cộng sản hùng mạnh, chỉ nhấn mạnh sự cần thiết đoàn kết, thống nhất trong phe xã hội chủ nghĩa.

Mùa Xuân năm 1963, chế độ Diệm bước vào thời kỳ cuối cùng của khủng hoảng, Phật giáo bất bình với sự thiên vị Thiên Chúa Giáo, dẫn đến những vụ bạo động khắp các thành phố miền Nam. Ngày 11-6-1963, một hoà thượng tự thiêu ngay tại một phố đông đúc ở Sài Gòn. Bức hình chụp cảnh tự thiêu xuất hiện trên màn hình TV khắp thế giới, khiến dư luận thế giới xúc động. Khi chính quyền Kennedy công khai đả kích Sài Gòn đàn áp những cuộc biểu tình, em trai Diệm, cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu giận dữ nói, ông sẽ tìm cách thương lượng hoà bình với đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam nhằm tống cố vấn Mỹ về nước và trung lập hoá miền Nam. Theo một tin đồn, mùa Hè năm đó Hồ Chí Minh gửi một thư riêng cho Ngô Đình Diệm đề nghị thương lượng. Không rõ Diệm có trả lời hay không, nhưng khi Mieczyslaw Maneli, đại sứ Ba Lan trong Uỷ ban Kiểm soát Quốc tế tại Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, hỏi Phạm Văn Đồng những điều kiện cho hoà bình sẽ là gì, nghe đồn rằng thủ tướng trả lời *“Mỹ phải ra khỏi miền Nam. Trên những cơ sở chính trị này, chúng tôi có thể thương lượng mọi thứ”*. Khi được hỏi một chính phủ liên hiệp giữa Bắc và Nam liệu có ra đời được không, Phạm Văn Đồng đáp *“sẽ thương lượng mọi thứ trên cơ sở của độc lập và chủ quyền Việt Nam. Hiệp định Geneva tạo ra cơ sở chính trị và luật pháp cho điều này: không có căn cứ quân sự hoặc binh sĩ nước ngoài trên lãnh thổ chúng tôi. Chúng tôi đi tới một hiệp định với bất cứ người Việt Nam nào”*. Theo Maneli, Hồ Chí Minh có mặt trong cuộc hội đàm này, nhưng không nói gì.

Không rõ liệu Hồ có nghiêm túc đề nghị thương lượng với Diệm và với những điều khoản thương lượng là gì. Hà Nội đã thể hiện thành tâm từ 1962 muốn thương lượng hoà bình với Mỹ, nhưng đó là những điều kiện cho hoà bình - rút hoàn toàn quân đội Mỹ và hình thành một chính phủ liên hiệp ba phái ở Nam Việt Nam, ngụ ý Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam sẽ thống lĩnh - là khá cứng rắn, Washington khó chấp thuận. Năm sau, tình hình ở miền Nam được cải thiện nhiều theo quan điểm Hà Nội, dù chính phủ Diệm vẫn còn yếu, Hồ Chí Minh thừa nhận Diệm là một đối thủ đáng nể, vẫn chiếm được đa số khu vực bầu cử có nhiều người ủng hộ. Đảng cần phải dàn xếp thoả đáng để có thể giảm thiểu quyền lực của Diệm. Hồ kêu gọi các đồng chí miền Nam cố gắng tranh thủ cảm tình, sự ủng hộ của tất cả mọi tầng lớp nhân dân, trong lúc chờ đợi Washington tỏ thái độ. Trong cuộc phỏng vấn với nhà báo Nhật Bản vào tháng Bẩy, Hồ nhận xét, theo kinh nghiệm của ông, bất chấp thái độ của giới lãnh đạo Mỹ, nhưng nhân dân Mỹ rất yêu chuộng hoà bình và tiến bộ. Ông nói, câu trả lời duy nhất giải quyết vấn đề, Mỹ phải rút hết quân để nhân dân Việt Nam có thể tự giải quyết công việc nội bộ theo Hiệp định Geneva.

Tuy nhiên quan điểm lạc quan thận trọng của Hồ về một giải pháp thương lượng không được sự ủng hộ hoàn toàn trong Đảng. Tại hội nghị Bộ Chính trị tháng 12-1962, giới lãnh đạo Đảng đã kết luận, cuộc chiến tranh ở miền Nam là cuộc chiến tranh chống đế quốc và cần phải tăng cường cả đấu tranh chính trị lẫn đấu tranh vũ trang. Một chỉ thị bí mật gửi vào Nam nhấn mạnh, vấn đề chắc chắn phải giải quyết bằng vũ lực, với mức độ chiến tranh leo thang dần từ thấp đến cao. Dù tài liệu này không công khai hạ thấp những hoạt động chính trị và đặc biệt bác bỏ chủ trương quân sự sử dụng trong kháng chiến chống Pháp, cho rằng làn sóng cách mạng miền Nam bắt đầu lên cao trào và câu hỏi duy nhất

trước mắt là khi nào và lực lượng vũ trang sẽ sử dụng theo hình thức nào. Bản chỉ thị tiên đoán chiến tranh sẽ gắn liền với cuộc nổi dậy của quần chúng và cuộc tổng tấn công của Quân Giải Phóng - tức là kết hợp Cách mạng tháng Tám và mô hình Maoist chiến tranh nhân dân ba giai đoạn.

Tuy không rõ ai là tác giả của những chỉ thị này, song có vẻ nó phản ánh quan điểm của Lê Duẩn, nhà chiến lược ở Hà Nội, luôn luôn tin vào một thắng lợi bằng quân sự. Trên thực tế, Lê Duẩn chế giễu Hồ Chí Minh miễn cưỡng quay lại cuộc đấu tranh vũ trang và không còn chỉ dựa vào ngoại giao, điều mà Lê Duẩn có lẽ cho là ngây thơ. Duẩn có lần đã nói: “*Bác (Hồ) lưỡng lự, nhưng khi tôi rời miền Nam tôi đã chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ. Tôi chỉ có một mục đích - giành thắng lợi cuối cùng*”.

Đầu tháng 11-1963, một cuộc đảo chính quân sự xảy ra được chính quyền Kennedy chấp thuận lật đổ chế độ Diệm. Nhà Trắng ngầm bật đèn xanh cho đảo chính, ủng hộ ban lãnh đạo mới tại Sài Gòn. Tuy nhiên, cả Ngô Đình Diệm và người em trai Ngô Đình Nhu bị giết sau khi đầu hàng phe đảo chính.

Việc thành lập chính phủ quân sự mới tại Sài Gòn làm thay đổi cơ bản triển vọng của các nhà chiến lược của Đảng ở Bắc Việt. Một mặt, họ không còn dựa vào công tác tuyên truyền chống lại Ngô Đình Diệm để mở rộng lực lượng cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và Việt Cộng. Trên thực tế, nhóm cầm quyền mới do tướng Dương Văn Minh (Minh “lớn”) lên nắm quyền trong làn sóng hăng hái, đặc biệt ở các thành phố, nơi chống đối Diệm và gia đình ông chiếm tỷ lệ cao. Mặt khác, những nhà hoạch định chính sách ở Hà Nội lường trước, chính quyền mới vẫn thiếu một cái đầu như Diệm và mạnh mẽ chống lại phong trào kháng chiến. Biết được chủ nghĩa bè phái khá nặng nề phong trào dân tộc Việt Nam

từ kỷ nguyên thuộc địa, các lãnh đạo Đảng tiên đoán, chính phủ quân sự, ngày càng yếu kém, do vậy mở đường cho cách mạng chiến thắng. Tại cuộc họp Bộ Chính trị đầu tháng 12-1963, Hồ Chí Minh tiên đoán - rất may sau này lại đúng - đây chưa phải là cuộc đảo chính cuối cùng tại Sài Gòn.

Dù dễ đánh giá tình hình mới, một câu hỏi khó trước khi có kết luận, điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Liệu lực lượng nổi dậy ở miền Nam có đủ sức đẩy mạnh chiến tranh để hy vọng chính quyền mới sụp đổ nhanh? Hoặc họ có cần tăng cường áp lực quân sự để hy vọng có một cuộc thương lượng dàn xếp hay không? Liệu miền Bắc có đóng được vai trò trực tiêp chỉ huy trong cuộc chiến? Điều gì xảy ra nếu Mỹ nhảy vào cuộc xung đột với vai trò chính để cứu chính phủ bù nhìn Sài Gòn trước sự sụp đổ sắp tới? Bất ngờ ba tuần lễ sau khi Ngô Đình Diệm bị giết tại Sài Gòn, John F. Kennedy bị ám sát tại Dallas. Cái gì sẽ đến nếu người kế nghiệp, Lyndon B. Johnson, thay đổi đường lối thậm chí hiếu chiến hơn Kennedy?

Với những băn khoăn đó, các lãnh đạo Đảng họp Hội nghị IX Đại hội Đảng toàn quốc III đầu tháng 12-1963. Dựa trên những bằng chứng không đầy đủ còn sót lại, có thể nói đây một trong những cuộc họp nóng bỏng nhất trong lịch sử của Đảng, khi các đại biểu tranh cãi nẩy lửa về phương hướng sắp tới. Đây cũng là lần đầu Ban Chấp hành Trung ương không thể hiện đơn giản chỉ là con dấu đóng lên quyết định do Bộ Chính trị dàn xếp. Một số uỷ viên trung ương Đảng kêu gọi đưa ngay lập tức quân đội thường trực miền Bắc vào để buộc chính quyền Sài Gòn phải quỳ gối trước khi Mỹ ra tay. Một số khác lo ngại rằng sự hiện diện của quân đội miền Bắc ở miền Nam có thể làm nổ ra sự can thiệp thô bạo của Washington và dẫn tới Mỹ trực tiếp nhảy vào cuộc chiến. Một tình huống như thế, tất nhiên, sẽ không vừa lòng Liên Xô và sẽ phải tăng sự nhờ cậy vào Trung Quốc. Dù Cộng Hoà Nhân Dân Trung

Hoa đã tăng mức viện trợ quân sự cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau chuyến thăm chính thức của Lưu Thiếu Kỳ vào tháng 5-1963, nhiều lãnh đạo Đảng đồng ý với lo ngại của Hồ Chí Minh trước áp lực gia tăng Bắc Kinh phải theo đường lối Trung Quốc trong mối bất hoà Trung - Xô.

Sau cuộc tranh cãi kéo dài, Ban Chấp hành Trung ương đề xuất thoả hiệp. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tăng mức giúp đỡ quân sự, bộ đội miền Bắc được gửi vào Nam sẽ không trực tiếp tham gia chiến đấu. Các nhà chiến lược của Đảng đã quyết định đánh cá (cược) rằng chế độ Sài Gòn có thể sụp đổ mà không lo ngại nguy cơ Mỹ nhẩy vào cuộc chiến. Trung ương Cục Miền Nam được chỉ thị tiến lên giành thắng lợi cuối cùng trong thời gian ngắn nhất có thể, không cần phải có tăng mạnh sự giúp đỡ của hậu phương miền Bắc. Đảng bây giờ chính thức công nhận, đấu tranh vũ trang sẽ đóng vai trò chủ yếu và quyết định trong quá trình cách mạng, mặc dù cuộc vận động chính trị nhằm tập hợp quần chúng tiếp tục có tầm quan trọng.

Không rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong cuộc tranh cãi chính sách ra sao, nhưng có lẽ ông kêu gọi thận trọng trước khi đưa ra bất cứ quyết định nào có thể làm mất lòng Moscow và Bắc Kinh hoặc khiến Mỹ trực tiếp nhảy vào chiến tranh. Dù vậy, Hồ nhận ra dịp may hiếm có trước tình hình và cần phải hành động. Tại cuộc họp Bộ Chính trị ngày 10-12-1963, ông kêu gọi tận dụng cơ hội *"lộn xộn"* ở miền Nam, gia tăng áp lực quân sự và chính trị đối với chế độ Sài Gòn. Ông tuyên bố, thậm chí nếu Mỹ leo thang chiến tranh gấp mười lần *"chúng ta cũng sẽ chiến thắng"*.

Quyết định leo thang với mức vừa phải vẫn bị đối đầu với nguy hiểm, không những đối đầu với Mỹ mà còn có những vấn đề nghiêm trọng với Moscow. Suốt nhiều năm, các lãnh đạo Đảng

thận trọng tìm cách tránh điều bất lợi không những của hai nước đồng minh lớn, mà còn cả một số người lãnh đạo đảng đang trở nên mất bình tĩnh. Trong một bài báo viết mùa hè năm 1963, tướng Nguyễn Chí Thanh tuyên bố, ông và các đồng chí của ông không ảo tưởng vào Mỹ và không đánh giá Mỹ quá thấp. *"Nếu ai đó sợ Mỹ và nghĩ rằng đụng vào chúng sẽ bị thất bại và tin sự xung đột mạnh mẽ với Mỹ sẽ dẫn đến chiến tranh hạt nhân, sau đó chỉ còn cách duy nhất thoả hiệp và đầu hàng đế quốc Mỹ"*. Thông điệp của Nguyễn Chí Thanh rõ ràng nhằm vào Moscow.

Quan điểm của đại tướng Nguyễn Chí Thanh được Lê Duẩn và phe cánh của ông trong Bộ Chính trị ủng hộ, những người bây giờ đang chiếm trọng trách hoạch định chính sách. Với sự đồng loã của bộ trưởng Bộ Công An Trần Quốc Hoàn và đồng minh gần gũi Lê Đức Thọ, Lê Duẩn đã cách ly thành công các đối thủ chính trị trong giới lãnh đạo Đảng. Thủ tướng Phạm Văn Đồng hiện tại không tỏ thái độ. Dù là một nhà quản lý có năng lực và cựu trào cách mạng Hội Thanh Niên Cách mạng ở Quảng Đông, Phạm Văn Đồng khiêm tốn, nhưng thiếu ý chí chiến đấu và thường kêu ca với người thân cận về sự bất lực của mình. Trường Chinh ở tuổi 56 tỏ ra là nguy hiểm hơn. Trinh kiêu ngạo hơn Đồng, cương quyết trong đường lối của Đảng, chắc chắn căm tức Lê Duẩn đã chiếm chức vụ Tổng bí thư của ông để thể hiện ý tưởng giải phóng miền Nam Việt Nam cao hơn nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Dù vậy, ông cũng tỏ ra không thách thức với quyền lực mạnh của đối thủ. Có lẽ lấy lòng Lê Duẩn, Chinh đồng ý bản dự thảo báo cáo chính trị tại Hội nghị IX, do vậy trên thực tế Trinh cũng đứng trong hàng ngũ với Lê Duẩn trong quyết định sắp tới.

Mối đe doạ tiềm năng khác là Võ Nguyên Giáp. Có uy tín trong nhân dân chỉ thua Hồ Chí Minh, tướng Giáp có quan điểm khác với Lê Duẩn và Nguyễn Chí Thanh về vấn đề làm thế nào dẫn dắt cuộc

chiến tranh ở miền Nam. Ông phản đối đề xuất của Lê Duẩn về tăng cường chiến tranh du kích, thiên về chủ trương quân sự thông thường, không giống Thanh, ông không muốn đối đầu với Mỹ vì quân đội Nhân dân Việt Nam chưa được huấn luyện và trang bị vũ khí hiện đại. Theo Giáp, sẽ là tự sát nếu khiêu khích Moscow, vì chỉ có Liên Xô mới có thể giúp đào tạo bài bản và có vũ khí hiện đại. Tuy nhiên, giống Phạm Văn Đồng, Giáp nin nhịn trước mặt bộ mặt kiêu ngạo thách thức của Lê Duẩn. Trong những phiên họp Bộ Chính trị ông không phát biểu chống lại một cách mạnh mẽ đề xuất chiến lược mới.

Đối thủ nguy hiểm tiềm năng nhất của phe cánh Lê Duẩn lại chính là Hồ Chí Minh, nhưng lúc này, Lê Duẩn và phe cánh đang ấp ủ thái độ kẻ cả, thậm chí coi thường Hồ, theo quan điểm của họ, những năm gần đây, Hồ mất sự sắc bén về chính trị và bắt đầu lẩn thẩn. Thậm chí có nhiều tin đồn lan truyền ở Hà Nội rằng Lê Duẩn có kế hoạch thay thế chức vụ chủ tịch nước của Hồ Chí Minh bằng Nguyễn Chí Thanh, đồng thời chuyển Hồ sang vị trí ngồi chơi xơi nước - Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Marxist - Leninist. Lê Duẩn, tất nhiên, sẽ hoàn toàn kiểm soát Đảng.

Không rõ liệu Hồ Chí Minh có căm giận khi bị gạt ra rìa không, nhưng ông có lẽ vẫn quan tâm chiến lược mới áp dụng ở Nam Việt Nam. Ông nêu rõ, đây là cuộc chiến tranh chiến thuật đối đầu trực diện, có thể ông tán thành chủ trương mà kết quả dẫn đến xung đột trực tiếp với Mỹ. Tương tự, ông thường tìm cách cân bằng những mối quan hệ với Moscow và Bắc Kinh, từ chối chính sách dựa hẳn vào Trung Quốc. Khi tướng Lê Liêm, cựu binh Điện Biên Phủ, cảnh báo Hồ một cách bí mật, bản dự thảo Nghị quyết sắp đưa ra cuối hội nghị toàn thể sẽ có những lời đả kích trực tiếp vào Moscow. Hồ nói làm thế khác gì tát vào mặt người ta, khuyên Liêm

phát biểu chống lại bản dự thảo. Nhưng khi Lê Liêm làm như thế, Hồ Chí Minh (giống Võ Nguyên Giáp) ngồi im lặng, không nói một lời. Khi những phát biểu chống Liên Xô trong hội nghị lên đến đỉnh điểm, Hồ lặng lẽ bỏ phòng họp ra ngoài hút thuốc. Mười thành viên Ban Chấp hành Trung ương bỏ phiếu chống lại bản Nghị quyết. Khi một người bạn hỏi Hồ ông bỏ phiếu như thế nào, Hồ lặng thinh. Liệu có phải Hồ Chí Minh bị ban lãnh đạo mới hăm doạ nên phải im lặng?

Ngay khi chiến lược mới được thông qua, vấn đề quan trọng nhất còn lại tại hội nghị toàn thể là làm sao xoa dịu được Liên Xô. Dự thảo nghị quyết đưa ra cuối hội nghị ban đầu đả kích trực tiếp Khrushchev, nhưng, theo yêu cầu của Lê Duẩn, đoạn đó bỏ đi. Lê Duẩn, cũng như các đồng chí của ông, nuôi dưỡng mối nghi ngờ Trung Quốc, không muốn đối đầu với Moscow. Trên thực tế, nghị quyết chỉ ngầm giải thích với giới lãnh đạo Xô viết, tuyên bố rằng mục tiêu cơ bản của chiến lược mới là *“hạn chế chiến tranh trong khuôn khổ Nam Việt Nam và để đánh bại kẻ thù trên chiến trường chính”*. Thậm chí nếu Washington quyết định can thiệp, *“khả năng một cuộc chiến tranh hạn chế ở miền Nam biến thành chiến tranh thế giới hoàn toàn không thể xảy ra và quy mô của cuộc chiến tranh này không thể tạo ra những điều kiện dẫn tới chiến tranh thế giới”*. Để bảo đảm với Liên Xô và Trung Quốc đang đau đầu, Bộ Chính trị gửi thư tới những đảng cộng sản anh em giải thích quyết định và tìm sự ủng hộ, sự cảm thông của họ. Bức thư nhằm xoa dịu nỗi sợ chiến tranh mở rộng và đề xuất phe cộng sản ủng hộ những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trong Thế giới thứ ba. Bức thư tuyên bố, khái niệm cùng chung sống hoà bình chỉ là sách lược áp dụng giữa những hệ thống thế giới khác nhau, nhưng không phải giữa những người áp bức và kẻ bị áp bức trong một xã hội riêng lẻ. Lập luận hình mẫu cùng chung sống hoà bình và đấu tranh cách

mạng là phụ thuộc lẫn nhau, không có mâu thuẫn. Bức thư kết luận, chiếm quyền lực bằng hoà bình trong một xã hội hà khắc chỉ là ảo tưởng.

Dù các lãnh đạo Đảng có cố gắng xoa dịu Moscow muộn màng đi nữa, nhưng thái độ chống Liên Xô và những người bảo vệ Liên Xô đang tăng lên mạnh mẽ ở Hà Nội. Sau khi hội nghị toàn thể kết thúc giữa tháng Mười Hai, một phiên toà bí mật được lập ra theo lệnh Bộ Chính trị khai trừ *"bọn xét lại"* ra khỏi Đảng. Nhiều nhân vật chính trị lỗi lạc có thiện cảm với quan điểm Liên Xô hoặc bị nghi ngờ chống đối đường lối chính thức bị cách chức hoặc thậm chí bị bắt. Trong số những người bị nghi ngờ nuôi dưỡng quan điểm đó là Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp. Dù Giáp khá nổi tiếng nên không bị đả kích trực tiếp, nhưng phe cánh ông, bao gồm Lê Liêm, đã bị thanh lọc do quan điểm thân Liên Xô. Vài tháng sau đó, Giáp bị một số uỷ viên Bộ chính trị kết tội trao đổi thư riêng với Nikita Khrushchev, nhưng họ không buộc tội được Giáp vì Hồ Chí Minh xác nhận ông biết bức thư này và hoàn toàn tán thành.

Dù bài xích giới lãnh đạo Liên Xô, phe đa số trong Bộ Chính trị nhận thức được sự cần thiết tránh đổ vỡ hoàn toàn với Moscow. Sau khi Hội nghị IX kết thúc, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và phe cánh, nhà thơ cách mạng Tố Hữu, thăm Liên Xô để trình bày quan điểm của Hà Nội. Sự có mặt của Tố Hữu là đáng chú ý. Sinh năm 1920 ở Huế, ông nổi lên là một gương mặt chính trị lớn, ông không công khai lớn tiếng đả kích chủ nghĩa xét lại Liên Xô tại Hội nghị IX. Hồ Chí Minh nằm lại Hà Nội, có lẽ vì ông lường được trước kết quả cuộc hội đàm ở Moscow.

Trên đường tới Liên Xô, đoàn đại biểu dừng chân ngắn ở Bắc Kinh để thảo luận với ban lãnh đạo Trung Quốc. Ở Moscow, những

cuộc hội đàm với Liên Xô có lẽ chẳng mấy thành công. Thông cáo chung mơ hồ và cho rằng sự bất đồng về tình hình miền Nam vẫn tiếp tục. Sau khi đoàn đại biểu trở lại Hà Nội, những bài xã luận trên báo chí chính thức ca ngợi vai trò của Trung Quốc lãnh đạo cách mạng toàn cầu và tiếp tục cuộc đả kích gay gắt vào chủ nghĩa xét lại.

Hồ Chí Minh có lẽ nhìn thấy những sự kiện quanh Hội nghị IX và hậu quả của nó với phần nào không hài lòng. Quyết định của Washington chấp thuận đảo chính lật đổ chế độ Diệm làm tăng khát khao tránh một cuộc xung đột trực tiếp ở Nam Việt Nam. Dù Hồ đã xác nhận quyết định leo thang chiến tranh ở miền Nam, ông lo lắng trước thái độ của những đồng sự nóng tính công kích Liên Xô và khủng bố những đồng chí của mình tại Hà Nội, cái đó đi ngược lại với bản tính ôn hoà của ông. Sau khi một thời gian im lặng dài, Hồ cuối cùng lộ diện cuối tháng 3-1964, chủ trì *"Hội nghị chính trị đặc biệt"* được triệu tập vội vàng để bàn về sự rạn nứt đang gia tăng về chính sách trong nội bộ giới lãnh đạo Đảng. Hồ thiết tha yêu cầu thống nhất hai miền bằng biện pháp hoà bình, tuân thủ với những điều khoản Hiệp định Geneva, nhưng tuyên bố, nhân dân miền Bắc *"toàn tâm, toàn ý ủng hộ cuộc chiến đấu yêu nước của đồng bào miền Nam"*. Ông tuyên bố cuộc chiến tranh là vất nhơ danh dự của nước Mỹ, kêu gọi nhân dân Mỹ hãy hành động để buộc chính phủ Mỹ chấm dứt cuộc chiến tranh bẩn thỉu, xây dựng tình hữu nghị giữa dân tộc hai nước. Cuối cùng, ông kêu gọi thống nhất mục đích của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cũng như trong phe xã hội chủ nghĩa.

Vài tháng sau, lực lượng nổi dậy ở Nam Việt Nam nỗ lực đánh đổ chế độ Sài Gòn. Như Hồ Chí Minh đã tiên đoán, chế độ Sài Gòn sa lầy trong cuộc đấu đá phe phái và có lẽ không có khả năng chú ý những đe doạ đang gia tăng ở nông thôn. Dù chiến lược của

Đảng ở miền Nam bây giờ đã chuyển sang cuộc xung đột vũ trang, tuy vai trò của đấu tranh chính trị vẫn là trọng tâm ngang với đấu tranh vũ trang, điều đáng chú ý lực lượng cách mạng đã hoạt động trong điều kiện thuận lợi. Dù Quân Giải Phóng không có hoả lực và sức mạnh như đối thủ, nhưng lại hưởng lợi do sự kém cỏi về chính trị cố hữu của chính phủ Sài Gòn. Mục đích chiến tranh bây giờ là phối hợp *"tổng tấn công và nổi dậy",* dựa trên kế hoạch của Đảng tiến hành những cuộc tấn công vũ trang vào nông thôn và phối hợp với nổi dậy chống lại chính phủ ở những thị trấn và thành phố lớn. Thấy trước kết quả sụp đổ của chế độ Sài Gòn và qua những cuộc thương lượng hình thành chính phủ liên hiệp ba phái gồm những nhân vật trong chế độ Sài Gòn, phái trung lập, và những nhân vật của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Vì Đảng đã âm mưu bí mật lôi kéo một số nhân vật trung lập nổi tiếng và có uy tín ở Nam Việt và nước ngoài, chắc chắn rằng chính phủ liên hiệp này sẽ là bàn đạp để dần dần chiếm Nam Việt Nam bởi những lực lượng chính trị trung thành với Đảng.

Hồ Chí Minh tán thành quan điểm của các đồng chí, vấn đề sống còn là thuyết phục Washington hiểu, nhân dân Việt Nam quyết tâm thống nhất đất nước, sẵn sàng hy sinh to lớn và lâu dài để đạt được mục đích. Tại cuộc họp Bộ Chính trị tháng 12-1963, ông nhấn mạnh cần phải tấn công vào bọn xâm lược Mỹ ở Việt Nam. Ông nói, *"người Mỹ rất sợ chết",* vì thế họ không cảm thấy tầm quan trọng của chiến tranh. Trong bài báo đăng trên tờ *Nhân Dân* (vài bài có tên *"Mỹ mà xấu",* thể hiện chính thức vấn đề Việt Nam đối với Mỹ, *"Đất nước tươi đẹp"),* quật Mỹ vì chính sách hiếu chiến trên thế giới và những khó khăn trong nước. Trích một số nguồn tin trên báo chí Mỹ (liên quan đến cuộc chiến tranh chống nghèo khổ mà Lyndon Johnson đang tuyên truyền mạnh mẽ), Hồ vạch ra, không phải chỉ là một xã hội *"tươi đẹp",* Mỹ còn phải đối mặt với

những vấn đề đau đầu như tỷ lệ tội ác cao, nạn thất nghiệp ngày một gia tăng, nghèo đói lan tràn và sự chia rẽ chủng tộc.

Mùa Xuân và đầu mùa Hè năm 1964, các nhà chiến lược của Đảng vẫn hy vọng công thức tổng tấn công và nổi dậy có thể thành công mà không cần đưa quân đội miền Bắc vào Nam. Sự có mặt của quân đội miền Bắc ở miền Nam có thể khiến Mỹ trả đũa và đưa quân trực tiếp tham gia chiến tranh, điều mà giới lãnh đạo Đảng rất muốn tránh. Tuy nhiên Hà Nội không biết rằng chính quyền Johnson ngày càng muốn có mặt tại Nam Việt Nam. Đầu tháng 8-1964, tàu phóng lôi của hải quân Bắc Việt tấn công Tuần dương hạm Mỹ Maddox ở Vịnh Bắc Bộ. Khi cuộc tấn công lần thứ hai, "hình như" diễn ra một vài giờ sau đó, Nhà Trắng, tìm cớ để tấn công Bắc Việt, tức khắc tung không lực không kích trả đũa vào các cơ sở quân sự ở vùng cán xoong Bắc Việt Nam (Thanh Hoá - Nghệ An). Dù bộ trưởng quốc phòng Robert McNamara tuyên bố, tuần dương hạm Mỹ chỉ *"tuần tra thông thường",* nhưng ngay sau đó mọi người ai cũng biết tàu chiến Mỹ tiến hành trinh sát tình báo gần vùng duyên hải Bắc Việt để dò xét khả năng hệ thống radar theo dõi hành động của tàu chiến Mỹ trong vùng. Người ta còn tăng thêm nghi ngờ, khi một những toán biệt kích Nam Việt đang tiến hành một chiến dịch gần đó. Những vị Tư lệnh quân đội Bắc Việt trong vùng này hầu như tin hai chiến dịch đó có liên quan với nhau và ra lệnh tấn công tuần dương hạm Mỹ ngay tại chỗ.

Sự kiện Vịnh Bắc Bộ khiến các lãnh đạo Đảng tin Washington đang chuẩn bị leo thang chiến tranh. Vài ngày sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ, Bộ Chính trị quyết định lần đầu tiên những đơn vị Quân Đội Nhân Dân Việt Nam đến đường mòn Hồ Chí Minh. Ngay lập tức ở miền Nam, họ tung sức mạnh của Quân Giải Phóng để có những quả đấm cuối cùng giành thắng lợi mùa xuân năm 1965. Các lãnh đạo Đảng vẫn hy vọng có thể làm sụp đổ chế độ Sài Gòn

trước khi Mỹ nhảy vào xung đột. Sau khi kết thúc cuộc họp Bộ Chính trị, Lê Duẩn bay tới Bắc Kinh thông báo với giới lãnh đạo Trung Quốc về quyết định của Hà Nội và tham khảo chiến lược tương lai.

Mao Trạch Đông khuyến khích Bắc Việt theo đuổi chiến lược chiến tranh ở Nam Việt Nam, Mao tin tưởng, dù Quốc hội Mỹ vừa thông qua Nghị quyết về Vịnh Bắc Bộ thì Mỹ cũng không muốn trực tiếp nhảy vào xung đột ở Nam Việt Nam, bởi vì xung đột sẽ mở rộng trên thế giới và Mỹ thiếu quân lính đưa đến Đông Nam Á. Mao nói với Lê Duẩn, người Mỹ *"không muốn đánh nhau"* ở Đông Dương. Do vậy, cả Hà Nội và Bắc Kinh đều không muốn xung đột lan ra, *"sẽ không có chiến tranh"*. Trong khi đó, Mao không tin vào một dàn xếp thương lượng vì tình hình Nam Việt Nam vẫn chưa đủ thuận lợi cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Như ông nhấn mạnh với Phạm Văn Đồng trong cuộc hội đàm ở Bắc Kinh vài tuần sau đó: *"Dù các đồng chí thắng thêm nhiều trận, nhưng chúng vẫn không nao núng. Khi Pháp bại trận họ sẵn sàng chấp nhận đàm phán với các đồng chí, đó là chuyện thời xa xưa"*.

Mao thừa nhận, Mỹ trái ngược với mong đợi, có thể quyết định đưa quân vào Nam Việt Nam, hoặc thậm chí đánh ra miền Bắc. Sau cùng, Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ cho phép tổng thống Johnson có những hành động mà ông cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh Mỹ ở Đông Nam Á. Trong hoàn cảnh đó, Mao khuyên Việt Nam đừng đương đầu với quân đội Mỹ tại duyên hải, tránh đánh nhau trực tiếp, rút quân về đất liền, để có thể tiến hành chiến tranh du kích chống lại Mỹ. Trong cuộc chiến tranh có thể kéo dài một trăm năm, Mao hứa Trung Quốc sẽ giúp đỡ bằng câu thành ngữ *"Rừng xanh còn đây, lo gì thiếu củi"*.

Vài tuần lễ sau, Bắc Kinh thực hiện lời hứa. Những đơn vị quân

đội và không quân ở nam Trung Hoa được đặt trong trình trạng sẵn sàng chiến đấu và điều động thêm quân tới vùng này. Những cuộc tuần hành chống Mỹ do Bắc Kinh chỉ huy nổ ra khắp Trung Quốc, báo chí chính thức Trung Quốc hứa ủng hộ mạnh mẽ Việt Nam. Dù vậy, lãnh đạo Việt Nam xác định chiến đấu dựa vào sự giúp đỡ của Trung Quốc và nhưng từ chối đề nghị của phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình hứa giúp đỡ mạnh hơn nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cắt đứt mối quan hệ với Moscow.

Sự kiện Vịnh Bắc Bộ làm tăng mối quan hệ của Hà Nội với Bắc Kinh lại làm cho mối ràng buộc với Moscow xấu đi. Liên Xô phản ứng trước tình hình với sự lập lờ, chỉ đơn thuần lên án Mỹ tấn công Bắc Việt Nam, vài lời yêu cầu thống nhất Việt Nam bằng hoà bình. Sau khi rời Bắc Kinh, Lê Duẩn đến Moscow giữa tháng Tám, Liên Xô nhấn mạnh cần phải dàn xếp thương lượng để chấm dứt xung đột ở Việt Nam, nhưng trì hoãn chính thức công nhận về mặt ngoại giao Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là chính quyền hợp pháp duy nhất của Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, tình hình thay đổi giữa mùa Thu, Nikita Khrushchev bị phe Leonid Brezhnev lật đổ. Ngày 16-10-1964, ngay sau khi biết tin, Hồ Chí Minh và Lê Duẩn gửi một bức thư ngắn chúc mừng Brezhnev, Bí thư thứ nhất Đảng cộng sản Liên Xô. Bức thư này cũng cẩn thận cân bằng một thông điệp gửi Bắc Kinh một ngày sau đó, chúc mừng Trung Quốc lần đầu tiên thử thành công bom khinh khí.

Hồ Chí Minh vui mừng trước sự xuất hiện ban lãnh đạo mới ở Moscow, không những do triển vọng sáng sủa tăng viện trợ quân sự của Liên Xô, còn tăng khả năng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà duy trì được mối quan hệ cân bằng giữa hai cường quốc. Thậm chí đối với Lê Duẩn, Nghị quyết Hội nghị IX nghiêng về Bắc Kinh có ý

nghĩa sách lược hơn là sự thay đổi chiến lược. Tháng 11-1964, Phạm Văn Đồng được cử đến Moscow để đánh giá thái độ của ban lãnh đạo mới Liên Xô. Lần này Đồng được nồng nhiệt đón tiếp. Ban lãnh đạo Xô viết hứa viện trợ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và hứa ủng hộ thêm nữa nếu Mỹ mở rộng chiến tranh ra Bắc Việt. Để tỏ lòng chân thực, Liên Xô cho phép mở văn phòng đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ở Moscow. Đổi lại, Hà Nội cam kết không đả kích công khai chính sách Liên Xô và cố gắng hạn chế cuộc chiến trong phạm vi Nam Việt Nam. Hà Nội bây giờ đã có được những lời hứa chắc chắn ủng hộ từ cả hai nước đàn anh.

Mùa thu năm 1964, chế độ Sài Gòn tiếp tục bất ổn, do các tướng lĩnh và chính khách đấu đá giành quyền lực mặc cho Mỹ tức giận. Trong khi đó, tình hình quân sự ở miền Nam càng trở nên bi đát hơn bao giờ hết. Thiếu sự chỉ huy từ cấp trên, quân đội Việt Nam Cộng Hòa chẳng muốn chiến đấu, thậm chí còn lén lút thoả thuận với Việt Cộng trong vùng. Tình báo Mỹ tiên đoán, nếu Mỹ không hành động cương quyết, chính phủ Sài Gòn sẽ sụp đổ trước những người cộng sản trong vòng từ ba đến sáu tháng. Hà Nội cũng có quan điểm đó, khi các lãnh đạo Đảng ra lệnh Trung ương Cục Miền Nam cố gắng đạt được thắng lợi cuối cùng. Những chỉ thị tấn công khủng bố vào cơ sở Mỹ ở Nam Việt Nam như một cách cảnh báo Washington, leo thang có thể dẫn đến tăng số thương vong của Mỹ. Ngày 31-10-1964, Việt Cộng tấn công căn cứ không quân Mỹ tại Biên Hoà, giết bốn lính Mỹ, làm bị thương hơn 30 người khác. Những vụ đánh bom khác diễn ra ở trung tâm Sài Gòn, tại khách sạn Caravelle, nơi các nhà báo phương Tây thường trú và cư xá sĩ quan Mỹ Brink trên ngã tư đường Hai Bà Trưng, ngay đêm đón Giáng Sinh, giết hai người Mỹ.

Ban lãnh đạo Trung ương Cục Miền Nam không quá lạc quan

như cấp trên ở miền Bắc. Tổng kết cuối năm, họ cho rằng Quân Giải Phóng chưa đủ sức giáng những đòn mạnh trực tiếp vào kẻ thù. Nhưng, vào tháng 12-1964, Việt Cộng nện một đòn chí mạng vào quân đội Việt Nam Cộng Hòa gần làng Bình Giã, cách Sài Gòn 45 km về phía đông, các nhà chiến lược ở Hà Nội cho rằng trận Bình Giã thể hiện khả năng Quân Giải Phóng có thể đánh bại lực lượng chính quy Sài Gòn. Thậm chí, một người vốn thận trọng như Hồ Chí Minh cũng hân hoan đánh giá Bình Giã là một *"Điện Biên Phủ thu nhỏ"*. Trong bức thư tháng 2-1965, gửi Nguyễn Chí Thanh, vừa được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh tất cả các lực lượng nổi dậy ở miền Nam, Lê Duẩn kêu gọi phát động mọi nỗ lực để đánh đổ chế độ Sài Gòn trước khi Mỹ có thể quyết định xem có đưa lính bộ binh vào miền Nam hay không. Lê Duẩn tin, nếu đưa bộ binh vào miền Nam, Nhà Trắng sẽ không còn con đường nào khác ngoài việc thương lượng, cuối cùng Mỹ phải rút quân. Lê Duẩn không bảo đảm thắng lợi, nhưng - trích lời Lenin - ông nhấn mạnh, *"Cứ làm, rồi khắc biết"*. Thậm chí nếu chiến dịch không thành công hoàn toàn, họ sẽ ở thế vượt trội để bù lại và làm lại.

Lần này, Hà Nội đã hành động quá muộn. Ngày 7-2-1965, Việt Cộng tấn công Trại Lực lượng Đặc biệt Mỹ tại Pleiku, một tỉnh lỵ ở Tây Nguyên, giết tám người Mỹ, làm bị thương hơn một trăm người khác. Ngay ngày hôm đó, tổng thống Johnson ra lệnh không kích trả đũa Bắc Việt Nam. Đây là cuộc tấn công đầu tiên mở màn cho một loạt các cuộc ném bom hàng loạt mở rộng trên nhiều vùng lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, bao gồm những thành phố lớn. Tháng 3-1965, Johnson ra lệnh đưa hai tiểu đoàn thuỷ quân lục chiến Mỹ tới Nam Việt Nam bảo vệ căn cứ không quân Mỹ ở Đà Nẵng. Ngay sau đó gửi thêm hai tiểu đoàn thuỷ quân lục chiến bổ xung, như đại tướng William Westmoreland, tư lệnh lực lượng Mỹ ở Nam Việt Nam, lập luận, nếu không có sự hiện diện của lực

lượng chiến đấu của Mỹ, *"Việt Cộng sẽ chiếm miền Nam"* chỉ trong vòng một năm.

Trong khi đó, những mối quan hệ giữa Liên Xô và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tiếp tục cải thiện. Đầu tháng 2-1965, Alexei Kosygin, tân thủ tướng Liên Xô, thăm Hà Nội. Trong cuộc hội đàm với Hồ Chí Minh và những nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam, Kosygin hứa *"ủng hộ và sự giúp đỡ tất cả những nhu cầu cần thiết"* cho Bắc Việt Nam và Moscow cam kết tăng viện trợ quân sự, bao gồm tên lửa phòng không, pháo phòng không. Đổi lại, Bắc Việt Nam hứa hết sức giới hạn chiến tranh ở miền Nam không để lan rộng và tìm giải pháp thương lượng.

Các cuộc gặp với lãnh đạo Trung Quốc không có kết quả. Việc Bắc Kinh từ chối lời đề nghị của Kosygin ra bản tuyên bố chung ủng hộ sự nghiệp Việt Nam, làm Hà Nội tức giận. Trong chuyến thăm Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đầu tháng 3-1965, Chu Ân Lai giải thích, Trung Quốc từ chối lời đề nghị đó vì chính sách đối ngoại mới mà Liên Xô thực hiện chính là *"Chủ nghĩa Khrushchev không có Khrushchev"*. Chu Ân Lai cũng tìm cách thuyết phục Việt Nam từ chối viện trợ quân sự của Liên Xô, thẳng thừng cảnh báo, việc tăng hiện diện của Liên Xô ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể gây nguy hiểm quan hệ Trung - Việt.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị toàn thể lần thứ XI ngày 26-3-1965, xem xét mục tiêu phản ứng của Washington trước tình hình xấu đi ở Nam Việt Nam trở nên rõ nét, thậm chí nếu không phải là mục tiêu tối thượng. Có lẽ, một số lãnh đạo đảng phán đoán, Mỹ chỉ mở rộng chiến tranh để thương lượng trên thế mạnh. Nếu vậy, không cần thay đổi ngay chiến lược đang sử dụng để giành thắng lợi và không phải đưa nhiều bộ đội chính quy Bắc Việt Nam vào Nam. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cho rằng tình

hình có vẻ nguy hiểm hơn. Sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ những vụ không kích của mạnh Mỹ khiến ông tin, chính quyền Johnson đã quyết định chiến lược cố giữ Nam Việt Nam. Tại cuộc họp Bộ Chính trị cuối tháng 2-1965, ông cảnh báo đừng đánh giá thấp Mỹ. Theo Hồ, điều vô cùng quan trọng là kìm chế cuộc xung đột ở mức *"chiến tranh đặc biệt"* (nghĩa là, để Mỹ không ồ ạt đưa quân đội vào miền Nam), hơn là tiến đến giai đoạn tiếp *"chiến tranh hạn chế"* với bộ binh Mỹ nhảy vào chiến đấu.

Vì không đánh giá được những ý định của Mỹ, Hội nghị toàn thể lần thứ XI tiếp tục chọn chính sách hiện hành, đồng thời tìm hiểu liệu Nhà Trắng có muốn thương lượng Mỹ rút quân hay không. Trong thời gian mùa Thu và mùa Đông năm 1964-1965, Hà Nội đã bác bỏ đề nghị hoà bình của Mỹ cho rằng Mỹ chưa thối chí, vẫn tin vào thắng lợi cuối cùng. Bây giờ các lãnh đạo Đảng chuẩn bị thăm dò dư luận thế giới. Ngày 22-3-1965, đài phát thanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đưa ra một loạt điều kiện để dàn xếp hoà bình, đó là đề nghị năm điểm, tuyên bố cuộc hội đàm có thể bắt đầu nếu Mỹ rút quân khỏi Nam Việt Nam. Vài ngày sau, Đài Phát Thanh Hà Nội phát lại bản tuyên bố của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, nhưng có sửa đổi đôi chút, ngụ ý, không cần toàn bộ quân Mỹ rút trước khi mở cuộc đàm phát mà chỉ cần Washington hứa thực hiện việc đó. Sau đó, ngày 8-4-1965, Phạm Văn Đồng đề xuất tuyên bố *"bốn điểm"* của Hà Nội, kêu gọi rút tất cả quân đội nước ngoài ra khỏi Việt Nam, trở lại những điều khoản Hiệp định Geneva, giải quyết công việc nội bộ Nam Việt Nam theo cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, sau đó thống nhất hai miền bằng phương pháp hoà bình. Bản tuyên bố này không nêu thời gian Mỹ rút quân và Hồ Chí Minh mập mờ nói với nhà báo Nhật, Washington phải rút quân để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho

hội nghị hoà bình.

Như thường lệ, Hồ Chí Minh đóng vai trò tích cực trong việc chỉ huy chiến dịch hoà bình của Hà Nội. Trong những phiên họp Bộ Chính trị ông kêu gọi chuẩn bị khả năng mở lại hội nghị Geneva, hễ khi nào Washington tỏ ra đồng ý rút quân, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng tạo thuận lợi thực hiện. Đồng thời, ông lập luận quan điểm chống chiến tranh ở Mỹ, ở khắp nơi trên thế giới đang nổi lên và những nước đồng minh của Hà Nội thận trọng bàn bạc. Ông khuyên, chiến dịch hoà bình không những phải tỏ ra vững chắc và quyết tâm, mà còn phải được tiến hành một cách khôn khéo và mềm dẻo.

Nếu Hà Nội có chút hy vọng nào Nhà Trắng sẵn sàng thương lượng thì chẳng mấy chốc họ phải thất vọng. Đầu tháng 4-1965, ngay đúng lúc Phạm Văn Đồng đang chuẩn bị tung ra đề nghị *“bốn điểm”,* Tổng thống Johnson ra lệnh đưa hai sư đoàn bộ binh Mỹ vào Việt Nam để củng cố các vị trí ở Tây Nguyên. Sau đó, ngày 7-4-1965, trong bài phát biểu tại Đại học Johns Hopkins ông đề nghị mở những cuộc thương lượng hoà bình*”không điều kiện”,* mặc dù ông không gợi ý những nhượng bộ chính của Mỹ để tiến hành việc đó. Trong khi đó các nhà lãnh đạo Đảng lập tức kết luận, Nhà Trắng vẫn không sẵn sàng xem xét việc dàn xếp theo những điều khoản của Hà Nội và không có thiện chí thương lượng.

Thái độ cứng rắn của Washington chắc chắn làm cho phe chủ chiến như Lê Duẩn tin thắng lợi chỉ có thể trên chiến trường chứ không phải tại bàn đàm phán hoà bình như Hồ Chí Minh hy vọng. Trong một bức thư gửi tướng Nguyễn Chí Thanh tháng 5-1965, Lê Duẩn kết luận, việc Mỹ đưa quân vào chứng tỏ, hoàn cảnh chưa chín muồi cho thương lượng. *“Chỉ khi nào cuộc nổi dậy ở Nam Việt Nam thắng lợi thì vấn đề hình thành một chính quyền trung lập mới*

*đem ra bàn lại”*. Dù chương trình *“bốn điểm”* vẫn nằm trên bàn, họ chỉ *“dự định dọn đường cho Mỹ rút quân, ít mất thể diện nhất”*.

Vai trò của Trung Quốc trở nên đặc biệt quan trọng khi cuộc chiến bắt đầu leo thang đầu năm 1965. Trong khi viện trợ Liên Xô giúp Hà Nội những vũ khí tối tân để phòng thủ Bắc Việt, đánh trả những trận không kích của Mỹ, thì Trung Quốc rất coi quan trọng về cả lĩnh vực quân sự và và viện trợ kinh tế để ngăn Mỹ đưa chiến tranh trực tiếp ra miền Bắc. Trong các tuyên bố chung và riêng, giới lãnh đạo Trung Quốc hứa, Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa là*”hậu phương lớn”* giúp đỡ Việt Nam dưới mọi hình thức để ủng hộ sự nghiệp thống nhất đất nước. Một quan trọng không kém với Hà Nội là Bắc Kinh ngầm ý đe doạ, nếu Mỹ quyết định đưa quân ra phía bắc khu phi quân sự, Trung Quốc sẽ nhảy vào trực tiếp chiến đấu sát cánh với Bắc Việt Nam.

Mao Trạch Đông lúc này đang bận rộn các cuộc đấu đá lớn với những kẻ thù thực dụng hơn trong nội bộ giới lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc, nên cuộc chiến tranh lan rộng ở Việt Nam được Mao lợi dụng như cái cớ để kích động nhiệt huyết cách mạng trong nước, đồng thời dìm Mỹ vào vũng lầy cuộc chiến tranh không thể thắng được ở Đông Nam Á.

Tháng 4-1965, khi Lê Duẩn và Võ Nguyên Giáp tới Bắc Kinh yêu cầu vũ khí, phi công chiến đấu để bảo vệ không phận Bắc Việt Nam, Lưu Thiếu Kỳ (sau đó ít lâu bị thanh trừng trong Cách mạng văn hoá) tỏ ra đồng ý đòi hỏi như là cách nâng cao tinh thần Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhận bảo vệ không phận Bắc Việt từ vĩ tuyến 20, sát ngay phía nam đồng bằng sông Hồng. Tháng 5-1965, Hồ Chí Minh tới thăm Bắc Kinh, Mao đồng ý cung cấp *“bất cứ thứ gì mà Việt Nam cần”*. Mao cử những toán công nhân làm đường để giúp Việt Nam cải thiện mạng lưới giao thông vận tải, gồm đường

mòn Hồ Chí Minh và những con đường từ biên giới Trung Hoa dẫn vào Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, xây dựng những tuyến đường từ bắc Lào tới Thái Lan. Mao nhấn mạnh, những tuyến đường từ bắc Lào tới Thái Lan sẽ đặc biệt hữu ích cho *"những trận đánh lớn sau này"*. Đáp lại, Hồ tỏ lòng biết ơn sự ủng hộ của *"các đồng chí anh em"* Trung Quốc và hứa Việt Nam sẽ tự tiến hành chiến tranh bằng cách đưa quân vào Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, Bắc Kinh đề phòng phải đối đầu trực tiếp với Washington, càng thận trọng hơn khi tính đến dính líu sâu hơn vào cuộc chiến Đông Dương. Trong cuộc phỏng vấn với nhà báo Mỹ Edgar Snow tháng 1-1965, Mao tuyên bố, Trung Quốc sẽ không nhảy vào tham chiến trừ khi bị tấn công trực tiếp - đây là một tín hiệu ngầm để Washington hiểu, Mỹ có thể leo thang trong phạm vi ở Nam Việt chừng nào mà họ chưa đem quân ra Bắc Việt. Tháng 4-1965, Chu Ân Lai qua trung gian tổng thống Pakistan Ayub Khan gửi một thư riêng cho Washington nói, Trung Quốc không muốn kích động chiến tranh với Mỹ, nhưng sẽ phải thực hiện nghĩa vụ quốc tế ủng hộ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chu Ân Lai nhấn mạnh nếu chính quyền Johnson quyết định mở rộng chiến tranh ra khỏi bờ cõi Nam Việt Nam thì ngọn lửa chiến tranh lan ra xa, Trung Quốc buộc phải dập tắt chúng. Trong trường hợp đó rất khó ngăn được chiến tranh thế giới bùng nổ. Chu Ân Lai kết luận, kể cả nếu chiến tranh không lan tới Trung Hoa *"Trung Quốc vẫn sẽ ủng hộ Việt Nam, chừng nào Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam còn yêu cầu"*.

Tháng 5-1965, tướng Văn Tiến Dũng tới Trung Hoa để hoàn thành chi tiết hiệp định viện trợ Trung - Việt. Nếu tình hình vẫn không thay đổi, Việt Nam sẽ tự chiến đấu với viện trợ của Trung Quốc. Nếu Mỹ đem không quân và hải quân tấn công Bắc Việt Nam, Trung Quốc sẽ đưa không quân và hải quân sang giúp. Nếu

bộ binh tấn công Bắc Việt Nam, Trung Quốc sẽ đưa bộ binh sang làm quân hậu bị chiến lược và tiến hành những nhiệm vụ khi cần thiết.

Vì thế Trung Quốc đồng ý cung cấp một khoản viện trợ lớn cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc chiến đấu với Mỹ. Nhưng có những dấu hiệu cho thấy mối bất hoà giữa Trung Quốc, Liên Xô, và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong cuộc phỏng vấn của Edgar Snow tháng 1-1965, Mao Trạch Đông đã làm cho Bắc Việt Nam sợ những lời phát biểu của ông sẽ khuyến khích Mỹ tin có thể leo thang chiến tranh ở Nam Việt Nam mà không sợ bị trừng phạt. Sau đó, vào tháng 7-1965, Bắc Kinh từ chối đưa phi công chiến đấu giúp Bắc Việt Nam bảo vệ không phận. Trong một bài báo, được coi là một thông điệp gửi Hà Nội, nguyên soái Lâm Bưu kêu gọi Việt Nam phải *"tự lực cánh sinh",* giống như Trung Quốc đã làm trong nội chiến với Tưởng Giới Thạch. Lê Duẩn giận dữ phản đối và bỏ đi Liên Xô, nơi ông ca ngợi là *"tổ quốc thứ hai"*.

Việc Trung Quốc từ chối đưa phi công chiến đấu sang Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể do Bắc Kinh thay đổi quan điểm. Mùa Xuân và mùa Hè năm 1965, Moscow công khai đề nghị Trung - Xô phối hợp giúp đỡ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thì ở Bắc Kinh nổ ra tranh cãi nảy lửa về vấn đề Trung Quốc nên dính líu vào cuộc xung đột này ở mức độ nào. Một số nhà lãnh đạo Trung Quốc cho đó là *"nghĩa vụ quốc tế"* giúp đỡ nước anh em đang kiệt sức, còn những người chống Liên Xô cho Moscow mưu mô xảo quyệt để đẩy Trung Quốc đối đầu trực tiếp với Mỹ. Cuối cùng, Bắc Kinh bác bỏ đề nghị của Liên Xô cùng thống nhất hành động, đồng thời cảnh báo Bắc Việt Nam về sự xảo trá Liên Xô. Trong chuyến thăm Quảng Châu tháng 11-1965, Chu Ân Lai cảnh giác Hồ Chí Minh, sự giúp đỡ của Liên Xô cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhằm cô lập Trung Quốc và cải thiện mối quan hệ Mỹ - Liên Xô và khuyên Hà Nội từ chối

sự giúp đỡ của Liên Xô.

Số lượng quân đội Mỹ ở miền Nam tăng đều đặn trong năm 1965, đến cuối năm 1965 lên đỉnh cao 200.000 quân. Nhận thấy chiến lược Mỹ ở Nam Việt Nam đã leo thang từ *"chiến tranh đặc biệt"* thành *"chiến tranh hạn chế"* với sự tham gia hoàn toàn lính chiến đấu Mỹ, tháng 12-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua kế hoạch đưa số lượng lớn quân đội chính quy Bắc Việt để cân xứng với sự leo thang của Mỹ. Tướng Nguyễn Chí Thanh đã chỉ đạo quân đội giao chiến trực tiếp với Mỹ tại một số địa điểm chọn trước, nhằm chứng minh khả năng đối đầu trên chiến trường. Trong khi đó một số các nhà chiến lược hàng đầu của Đảng kể cả Võ Nguyên Giáp chống lại chiến lược của Nguyễn Chí Thanh chủ trương *"năng động"* được Lê Duẩn ủng hộ, người coi Giáp là *"nhát như thỏ đế"* sợ đối đầu kẻ thù trực tiếp.

Lúc này, sức khoẻ Hồ Chí Minh ngày càng yếu, không còn tham gia tích cực trong việc hoạch định chiến lược chiến tranh. Khi sức khoẻ cho phép, ông đóng góp ý kiến trong những phiên họp Bộ Chính trị. Dù ông muốn có những biện pháp để giảm bớt nguy cơ Mỹ can thiệp, bây giờ ông ủng hộ mạnh mẽ tăng vai trò miền Bắc trong leo thang chiến tranh, với lý do Mỹ phải biết rõ nhân dân Việt Nam hoàn toàn quyết tâm thống nhất đất nước bằng bất cứ giá nào. Ông khẳng định, nhân dân Bắc Việt Nam có mọi quyền ủng hộ người anh em của họ chống lại *"chiến tranh xâm lược"* của Mỹ ở miền Nam. Ông cảnh báo, chiến tranh sẽ tiếp tục leo thang, vì Mỹ bây giờ tin, nếu thất bại sẽ có là một thảm hoạ tác động tới các mục tiêu toàn cầu của Mỹ và Mỹ muốn thương lượng trên thế mạnh. Nhưng ông kết luận *"chúng ta sẽ chiến đấu bằng bất cứ cách nào mà kẻ thù muốn và chúng ta sẽ chiến thắng"*.

Hồ cho rằng bây giờ chưa phải là lúc chín muồi để thương

lượng. Ông tin lực lượng cách mạng sẽ đấu tranh trên cả hai mặt trận chiến đấu và thương lượng, nhưng trong thời gian này chiến đấu phải ưu tiên, dùng ngoại giao để phục vụ chiến trường. Sẽ thương lượng nếu Mỹ đồng ý từ bỏ không điều kiện ném bom Bắc Việt Nam, chấp nhận tuyên bố *"bốn điểm"* của Hà Nội làm lộ trình giải quyết xung đột. Trong khi đó, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải trình bày quan điểm đàm phán của mình rõ ràng để thế giới thấy được bản chất dối trá trong những đề nghị của Mỹ. Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông nhận thức được phong trào phản chiến đang lớn mạnh tại Mỹ. Ông nhấn mạnh cần phải tấn công quân đội Mỹ cũng như chế độ Sài Gòn. Điều này không những suy yếu vị thế của chúng trên chiến trường mà còn làm tăng sức mạnh của những nhân vật bồ câu trong Quốc Hội và công chúng Mỹ.

Chiến tranh ở Nam Việt Nam ngày càng khốc liệt và Hà Nội càng phải dựa vào vũ khí Liên Xô khiến quan hệ Trung - Việt căng thẳng. Trung Quốc nhắc nhở lãnh đạo Việt Nam phải đề phòng bọn phản bộ Liên Xô. Bắc Kinh khuyên Việt Nam tiến hành đấu tranh cách mạng như thế nào và khi nào mở thương lượng hoà bình với Mỹ - Chu Ân Lai vạch ra rằng Trung Quốc có nhiều kinh nghiệm ngoại giao với Washington hơn Việt Nam - khiến Hà Nội nhớ lại những kỷ niệm cay đắng về thái độ kiêu ngạo và coi thường người khác của Trung Quốc. Hồng Vệ Binh (tình nguyện tới Việt Nam Dân chủ Cộng hoà những năm trước khi xảy ra Cách mạng Văn Hoá) làm dân chúng Bắc Việt bực tức khi nhớ tới những cố vấn Trung Quốc trong Cải cách ruộng đất miệng hô như con vẹt các khẩu hiệu Maoist. Như Chu Ân Lai sau này thú nhận với một đồng sự, Cách mạng văn hoá không phải lúc nào cũng đi đúng đường.

Đến mùa Xuân năm 1966, căng thẳng giữa Hà Nội và Bắc Kinh đã đến mức nguy hiểm. Trong một bài phát biểu tháng 5-1966, Lê

Duẩn cạnh khoé đáp trả bài báo tháng 9-1965 của Lâm Bưu về *"tinh thần tự lực cánh sinh"*. Lê Duẩn tuyên bố, Hà Nội nghiên cứu kỹ những kinh nghiệm của các đảng anh em trong thực tế đấu tranh cách mạng, nhưng tìm cách để áp dụng những kinh nghiệm đó một cách sáng tạo và không áp dụng một cách máy móc. Lê Duẩn tuyên bố *"Không phải ngẫu nhiên trong lịch sử dân tộc ta, mỗi khi đứng lên chống giặc ngoại xâm, chúng ta đều quyết chiến đấu"*. Một tín hiệu thêm cho thấy Hà Nội không còn kiên nhẫn nữa, báo chí Việt Nam cũng bóng gió nói về sự đe dọa từ phía Bắc của các hoàng đế Trung Hoa thời phong kiến.

Bắc Kinh cũng nhanh chóng nhận ra sự căng thẳng này. Giữa tháng 4-1966, khi tiếp Phạm Văn Đồng, Mao đã xin lỗi về thái độ ngỗ ngược của bọn Hồng vệ binh, *"Nếu chúng nó phá, các đồng chí cứ bắt giao lại cho chúng tôi"*. Chu Ân Lai phản ứng trước lời phê bình cạnh khoé của Lê Duẩn về vấn đề Trung Quốc gây sức ép Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chu Ân Lai hỏi liệu các đồng chí Việt Nam có lo lắng rằng Trung Quốc đang cố gắng áp đặt sự thống trị trong lịch sử đối với Việt Nam. Ông đáp, nếu thế, Bắc Kinh vui lòng rút quân đội ra khỏi Bắc Việt Nam (bấy giờ lên đến hơn 100.000 người), cũng như những đơn vị bổ xung đang đóng ở các tỉnh dọc biên giới Trung Quốc.

Không muốn xúc phạm Trung Quốc, Lê Duẩn hạ giọng hoà giải. Ông cám ơn sự giúp đỡ của Trung Quốc là một bảo đảm quan trọng cho sống còn của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và thành công sắp tới mang lại thống nhất đất nước. Nhưng Lê Duẩn nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ giữa Hà Nội với Moscow, nói riêng là bắt đầu chủ nghĩa thực dụng, cho rằng ngay cả Trung Quốc cũng đã từng áp dụng tại những thời điểm khác nhau trước đây. Về phần cho là Liên Xô phản bội học thuyết cách mạng, Lê Duẩn nhận xét cần phải có thái độ hoà giải đối với những nước

"cải cách" (nghĩa là chủ nghĩa xét lại) trong phe xã hội chủ nghĩa là cách thuyết phục họ trở lại nguyên tắc cách mạng.

Cuối cùng, bản thân Hồ Chí Minh cũng lao vào cuộc tranh cãi. Khi Hồ gặp giới lãnh đạo Trung Quốc, Chu Ân Lai thẳng thừng buộc tội ông *"anh đang hăm doạ chúng tôi".* Chu Ân Lai nhắc lại đề nghị của ông di chuyển tất cả quân đội Trung Quốc ra khỏi các tỉnh biên giới nếu họ gây ấn tượng uy hiếp Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đặng Tiểu Bình ngắt lời, nói lực lượng đó chỉ duy nhất để chống lại khả năng Mỹ can thiệp. Hồ lập tức phản đối chính phủ ông không có ý định hăm doạ Trung Quốc và tuyên bố Việt Nam cảm thấy thoải mái việc quân đội đóng ở phía bắc biên giới. Mối quan hệ căng thẳng Trung - Việt đánh dấu sự rạn nứt bắt đầu, nhưng mầm mống sự bực bội trong tương lai và nghi ngờ lẫn nhau đang nẩy mầm.

Suốt năm 1966, xung đột ở Nam Việt Nam tăng mạnh. Để tránh thất bại nhục nhã ở Đông Nam Á, chính quyền Johnson đều đặn đổ thêm quân. Lúc này, quân Mỹ bắt đầu thực hiện những chiến dịch *"tìm và diệt"* để phá vỡ phong trào kháng chiến và dồn lực lượng nổi dậy từ vùng đồng bằng lên Tây Nguyên và dọc biên giới Campuchia, cắt đứt việc tuyển quân và tiếp tế. Quân đội Sài Gòn chủ yếu làm nhiệm vụ bình định và hoạt động trong đô thị, các vùng đông dân ở đồng bằng Cửu Long cùng các tỉnh duyên hải. Quân đội Mỹ và Nam Việt Nam tiến hành những cuộc hành quân chung đánh Chiến khu D và những khu vực khác quanh Sài Gòn.

Tướng Nguyễn Chí Thanh tiếp tục chiến lược đối đầu, ra lệnh tấn công hàng loạt các đồn bốt địch khắp Nam Việt Nam. Theo quan điểm của Thanh và của những người ủng hộ ông ở Hà Nội, nếu chùn lại tấn công không những làm giảm tinh thần cách mạng quần chúng, mà còn giảm sức ép đối với Washington đi đến

thương lượng. Trong thời gian này, các lãnh đạo Đảng đã quyết định duy trì sức ép trên chiến trường gây thương vong cao nhất cho Mỹ và thúc đẩy tâm lý chống chiến tranh ở Mỹ. Những đơn vị bộ đội mới đưa từ Bắc Việt Nam vào đảm nhận chiến đấu ở Tây Nguyên và ở các tỉnh phía bắc Nam Việt Nam, còn Quân Giải Phóng tiếp tục tích cực chiến đấu chống lại những cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn ở đồng bằng Cửu Long.

Chiến lược này cực kỳ tốn xương máu, vì Hà Nội có thể không hy vọng ngang sức với Mỹ về hoả lực mà phải dựa vào đông quân và yếu tố bất ngờ. Trong vài tháng, tướng Nguyễn Chí Thanh cố gắng duy trì thế chủ động trên chiến trường. Người ta nghi ngờ con số 300.000 Việt Cộng và Bắc Việt Nam thương vong theo cách "đếm đầu" của Mỹ và cho rằng con số bị thổi phồng, nhưng chắc chắn mất mát của Hà Nội cũng khá cao. Để duy trì lực lượng, liên tục bổ sung quân từ miền Bắc, nghe đồn lúc này lên tới hơn 50.000 hàng năm.

Mùa Hè năm 1966, nổ ra tranh cãi mạnh Hà Nội về chiến lược hiếu chiến của Nguyễn Chí Thanh ở miền Nam, cho đến lúc này chẳng mang lại lợi ích rõ ràng gì cả. Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà vẫn không ổn định, nhưng nguy cơ sụp đổ bớt đi nhiều từ mùa hè năm 1965, khi nhóm "tướng trẻ" Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu đã dẹp một loạt các cuộc đảo chính và phản đảo chính tại Sài Gòn những tháng trước đây. Dưới sức ép của Mỹ, chính quyền Sài Gòn tiến hành chuẩn bị dự thảo bản hiến pháp mới và tổ chức bầu cử tổng thống. Phong trào hoà bình ở Mỹ đang tăng lên mạnh mẽ, có lẽ chiếm được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Mỹ, nhưng không có dấu hiệu thay đổi chính sách của Nhà Trắng. Những người phê bình Nguyễn Chí Thanh ở Hà Nội, kể cả đối thủ lâu dài của Thanh là Võ Nguyên Giáp, bắt đầu nghi ngờ chiến lược "chống trời" và đề xuất một chủ trương thận trọng

hơn.

Khi Bộ Chính trị bàn cãi chủ đề này, Hồ Chí Minh đứng về phe ôn hoà, ủng hộ chiến lược chiến tranh trường kỳ kết hợp đấu tranh chính trị, tuyên truyền và chiến tranh du kích để làm địch suy yếu dần dần. Để thuyết phục những người nóng vội muốn đạt thắng lợi nhanh, Hồ sử dụng hình ảnh nấu cơm. Rút lửa sớm, cơm sẽ sống. Để lửa to quá cơm sẽ khê. Tuy nhiên, Hồ tiếp tục lạc quan về triển vọng thắng lợi cuối cùng, vạch rõ mâu thuẫn nội bộ Mỹ đang tăng lên và sẽ đạt được đỉnh vào chiến dịch tranh cử tổng thống tới. Tháng 12-1966, ông viết thư ngỏ gửi nhân dân Mỹ nêu rõ những mất mát của nhân dân Việt Nam, cũng như uy tín của nước Mỹ, do cuộc chiến gây ra. Bức thư này của Hồ đã thuyết phục một số người Mỹ tin vào thành tâm khát khao hoà bình của Hà Nội, nhưng nó không tác động đến chính quyền Johnson. Tại thời điểm ông viết bức thư đó, Washington chuẩn bị những sáng kiến hoà bình thông qua đại sứ Ý tại Sài Gòn. Tuy nhiên, những sáng kiến này chết yểu sau khi Mỹ dội bom vùng phụ cận Hà Nội, khiến Việt Nam Dân chủ Cộng hoà huỷ bỏ cuộc họp giữa hai bên dự kiến ở Warsaw (Ba Lan).

Hồ cũng đã tỏ rõ thái độ rất cương quyết khi tiếp ông bạn cũ là Jean Sainteny, đến Hà Nội vào tháng 7-1966 để thăm dò khả năng trung gian hòa giải của Pháp. Cũng như tổng thống Pháp Charle de Gaulle, Sainteny kết luận, Mỹ không thể đạt được mục đích của mình ở Nam Việt Nam, theo ông, tốt nhất là thương lượng, tạo nên một chính phủ trung lập ở Sài Gòn. Hồ nhấn mạnh với Sainteny ông biết rõ Mỹ có khả năng phá huỷ tất cả các thành phố ở Bắc Việt Nam, nhưng khẳng định, ông và nhân dân Việt Nam sẵn sàng chiến đấu, bất chấp mọi hy sinh và chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng. Hồ mong muốn tìm một giải pháp rút lui trong danh dự cho Mỹ, nhưng quân Mỹ vẫn phải rút hết. Lúc đó mọi vấn đề sẽ được

giải quyết.

Tháng 5-1965, Hồ Chí Minh 75 tuổi. Suốt thập niên cuối cùng, ông chỉ đóng vai trò nghi lễ trong công việc đất nước, chủ trì họp chính phủ, cũng như Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, nhưng càng ngày càng ủy quyền cho các đồng chí của mình. Dù họ tiếp tục lắng nghe kinh nghiệm của ông về ngoại giao và chiến lược đấu tranh cách mạng, ảnh hưởng của ông giảm dần ở những lĩnh vực khác và chức năng chủ yếu của ông giữa thập niên 1960 là đóng vai “Bác Hồ” kính yêu, thăm trường học, nhà máy, hợp tác xã nông nghiệp để thúc đẩy sự nghiệp chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước.

Thời kỳ giữa và cuối thập niên 1960 là những năm vô cùng khó khăn. Khi chiến tranh gia tăng, nhu cầu nhân lực phục vụ sự nghiệp giải phóng miền Nam tăng mạnh mẽ. Giữa 1965 và cuối thập niên, quân đội miền Bắc Việt Nam tăng từ 250.000 lên hơn 400.000 binh lính. Hầu như nam giới độ tuổi 16 và 45 trong hàng ngũ trù bị. Số bộ đội Bắc Việt đưa vào miền Nam tăng nhanh chóng. Những cuộc tuyển quân lớn hàng năm chủ yếu là đàn ông, còn phụ nữ đôi khi là những người tình nguyện, thường là phục vụ văn công, điệp viên, hoặc thanh niên xung phong trong giao thông vận tải. Trong khi đa số người miền Bắc chiến đấu ở Nam Việt Nam là người kinh, một số đơn vị gồm Hoa kiều hoặc những người thượng ở miền núi cũng tham gia. Phụ nữ thay thế đàn ông ra trận đảm đang công việc đồng áng và nhà máy. Một số phụ nữ cũng tham gia dân quân hoặc trong đội tự vệ phòng không, phá bom nổ chậm được thành lập trên miền Bắc.

Tỷ lệ thương vong bộ đội miền Bắc chiến đấu trong Nam, cũng như Quân Giải Phóng và người của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam khá cao và đáng báo động, với con số chết và trọng

thương lên tới hàng trăm ngàn người. Tình hình miền Bắc khi chiến tranh ở đỉnh cao cũng gặp rất nhiều khó khăn. Do đưa nhiều người dân nông thôn vào Nam chiến đấu, sản xuất lương thực giảm mạnh, nhưng may tránh được nạn đói lớn nhờ gạo do Trung Quốc viện trợ. Thiếu hụt trầm trọng hàng hoá tiêu dùng do Mỹ ném bom và chính phủ dồn tất cả hàng hoá sản xuất được đưa vào phục vụ chiến tranh ở miền Nam. Những trận oanh tạc của Mỹ khiến nhiều thành phố đổ nát, kể cả thị xã Vinh. Trong lúc đó, Mỹ ném bom mạnh mẽ ở vùng cán xoong, rồi mở rộng từ vĩ tuyến 20 ra tận ngoại vi Hà Nội. Chính phủ sơ tán nhân dân về nông thôn và ra lệnh xây dựng những hầm trú ẩn tránh bom ở các thành phố, cũng như những mục tiêu trọng điểm bị ném bom thường xuyên ở nông thôn. Theo thống kê chính thức, có hơn 55.000 km đường hào và 20 triệu hầm trú ẩn cá nhân được xây dựng. Không có con số chính xác dân thường thương vong ở miền Bắc, nhưng có rất nhiều người chết và bị thương. Trong khi hơn 55.000 người Mỹ bị giết ở Việt Nam, hơn 1 triệu người Việt Nam bị chết ở cả hai miền trong chiến tranh. Thực vậy, nhân dân Việt Nam đã phải trả giá đắt cho quyết tâm thực hiện giấc mơ thống nhất đất nước của Bác Hồ.

Hồ Chí Minh cũng muốn chia xẻ khó khăn chung của nhân dân. Ông vẫn sống trong ngôi nhà sàn trong khuôn viên Phủ Chủ tịch cạnh Quảng trường Ba Đình. Ngôi nhà này hiển nhiên gợi cho Hồ kỷ niệm những năm trước đây cuộc chiến đấu giải phóng và thể hiện lối sống giản dị trong thời gian cực kỳ gian khổ đối với nhân dân. Ngôi nhà sàn vừa dùng làm văn phòng vừa là chỗ ở cho đến khi ông qua đời.

Tuổi tác đã in dấu ấn lên ông. Những người nước ngoài quen ông nhận xét ông bắt đầu thở khó khăn và chuyển động chậm chạp, đôi lúc lẩn thẩn. Trò chuyện với khách nước ngoài, đôi lúc

ông mất tập trung và có vẻ buồn ngủ. Hồ bắt đầu viết di chúc lần đầu tiên vào dịp sinh nhật lần thứ 75. Liên Xô lo ngại sức khoẻ của ông từ đầu năm 1959, khi ông thăm Moscow thảo luận về cuộc xung đột lan rộng ở Nam Việt Nam. Khi Hồ phàn nànkhi ông phải chịu đựng kiểm tra sức khoẻ *("Tôi không nghĩ mình có bệnh",* ông nhấn mạnh), Kliment Voroshilov đã thuyết phục ông, tuyên bố "*Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định rồi".*

Tháng 5-1965, Hồ thăm Trung Quốc ba tuần, không những hội đàm riêng với Mao Trạch Đông về viện trợ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mà còn để chữa bệnh và có lẽ để tránh bom của Mỹ. Ông đi cùng với thư ký riêng Vũ Kỳ. Sau khi gặp Mao Trạch Đông ở Trường Sa, Hồ đến Bắc Kinh hội đàm với ban lãnh đạo Trung Quốc. Giống như ở Moscow, Trung Quốc quan tâm sức khoẻ của ông. Khi được hỏi ông có ngủ ngon không, Hồ đáp: "Cứ hỏi chú Vũ Kỳ thì rõ". Dù ông phản đối, giới lãnh đạo Trung Quốc cũng tổ chức sinh nhật Hồ rầm rộ với vô số khách mời là các cô gái trẻ (Vũ Kỳ nhận xét một cách khó hiểu trong hồi ký của mình, cho biết là Hồ rất *"tôn trọng"* họ).

Sau khi kết thúc hội đàm, Hồ đi Sơn Đông thăm quê hương Khổng Tử. Ông công khai thừa nhận là người ngưỡng mộ *Cố sư phụ* suốt đời. Trước đền thờ Khổng Tử, Hồ nhắc lại sự cam kết sâu sắc của Khổng giáo với những giá trị nhân đạo và nhận xét rằng nguyên tắc Đại Đồng nổi tiếng của Khổng Tử tương đương với khái niệm hiện đại của xã hội bình đẳng. Ông kết luận, hoà bình chân chính chỉ có thể khi kỷ nguyên Đại Đồng lan rộng khắp thế giới. Trên máy bay về Hà Nội, Hồ Chí Minh viết một bài thơ ngắn ghi lại cảm xúc sâu sắc của ông khi thăm quê hương của người con vĩ đại của Trung Hoa.

Sau chuyến đi này, Hồ Chí Minh dần dần yếu hơn, mặc dù có

lúc có những phút lóe sáng bất thường. Trong chuyến thăm chính thức của uỷ viên Bộ Chính trị Đảng cộng sản Trung Quốc, Đào Chú tới Hà Nội vài tháng sau đó, Hồ bất ngờ đề nghị người bạn cũ của ông kiếm cho ông một phụ nữ trẻ tỉnh Quảng Đông để bầu bạn. Khi Đào Chú hỏi lại, sao Hồ không kiếm một cô gái Việt Nam, Hồ nói: *"Ở Việt Nam, ai cũng gọi tôi là Bác H*ồ". Về đến Trung Quốc, Đào Chú báo cáo lại với Chu Ân Lai, do mối quan hệ tế nhị giữa hai Đảng, Chu tư vấn với ban lãnh đạo Việt Nam và vụ việc yên lặng chìm đi.

Tháng 5-1966, Hồ Chí Minh trở lại Trung Quốc để kỷ niệm sinh nhật 76 tuổi. Trong khi ông ở Bắc Kinh, ban lãnh đạo Trung Quốc bảo đảm với ông, Trung Quốc ủng hộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Hồ viết một bức thư gửi Bộ Chính Trị, cam đoan Trung Quốc dự định giúp đỡ Việt Nam thực hiện thắng lợi cuối cùng, thậm chí chấp nhận nguy cơ Mỹ tấn công Trung Quốc. Rồi ông đi nghỉ vài ngày tại khu nghỉ dưỡng ở miền trung Trung Quốc, rồi tiếp tục đến Sơn Đông và Mãn Châu trước khi về nước vào tháng 6-1966. Ngày 17-7-1966, ông đọc lời kêu gọi nhân dân Việt Nam, tuyên bố "*không có gì quý hơn độc lập và tự do"*. Ở Bắc Kinh, hàng trăm ngàn người tham dự mít tinh tại Quảng trường Thiên An Môn để biểu thị sự ủng hộ của Trung Quốc đối với cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam giải phóng dân tộc.

Lúc này, Hồ đi lại ngày càng khó khăn hơn. Để giải quyết vấn đề khó khăn đi lại, Hồ vẫn tuân thủ chặt chẽ việc tập thể dục buổi sáng. Ông giữ một nếp sống lành mạnh: tự đi đến nhà ăn, làm vườn, cho cá ăn và tiếp khách. Hồ tiếp tất cả từ nhà báo phương Tây, các chính khách nước ngoài, đại biểu miền Nam cho đến nhân dân khắp nơi, dưới một rặng cây ngay gần nhà. Bộ chính trị họp ngay dưới nhà sàn. Khi máy bay Mỹ bắt đầu ném bom sát Hà Nội, ông sống trong hầm trú ẩn xây dựng ngay trong khuôn viên Chủ

tịch phủ. Đến lúc đó, không phải lúc nào Hồ cũng tham dự họp, một số quan sát viên nhận xét, ông thường tỏ ra "*lẩn thẩn*". Khi có những vấn đề rắc rối, Duẩn dặn các đồng chí: *"Đừng làm Bác lo lắng. Chúng ta không nên làm Bác phải suy nghĩ nhiều"*.

Lãnh đạo Đảng ngày càng lo lắng về sức khoẻ đang đi xuống của Hồ. Ngay sau sinh nhật 77 tuổi, trong lúc Hồ đang chữa bệnh ở Quảng Châu, Lê Duẩn họp Bộ Chính trị thảo luận vấn đề bảo vệ sức khoẻ của Hồ. Bộ chính trị quyết định giữ bí mật cuộc họp để tránh Hồ khó chịu hoặc gây hoang mang cho nhân dân Việt Nam. Chính phủ cử Nguyễn Lương Bằng theo dõi sức khoẻ của ông và cử một đoàn đại biểu đặc biệt do Lê Thanh Nghị tới Liên Xô để tư vấn, tìm hiểu cách thức giữ gìn thi hài của Hồ sau khi chết.

Hồ Chí Minh từ nam Trung Hoa về nước cuối tháng 6-1966 và theo dõi tình hình miền Nam. Thỉnh thoảng ông cũng tham dự công việc đối ngoại. Đầu năm 1967, ông tiếp hai nhà hoạt động hoà bình Mỹ Harry Ashmore và William Baggs và gợi ý thương lượng hoà bình có thể bắt đầu chỉ sau khi Washington tuyên bố chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam. Sau khi hai ông này báo cáo với Bộ Ngoại giao về kết quả chuyến đi, tổng thống Johnson gửi một bức thư tới Hồ Chí Minh mong muốn chấm dứt ném bom, nhưng chỉ khi Bắc Việt Nam ngừng đưa quân vào Nam Việt Nam. Nhưng giới lãnh đạo Đảng, hy vọng chấm dứt ném bom là cơ hội tăng vận chuyển quân và vũ khí vào Nam, không chấp nhận đề nghị của Washington. Tháng 3-1967, trả lời thư của tổng thống Johnson, Hồ Chí Minh yêu cầu ngừng ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vô điều kiện. Quan điểm này được lặp đi lặp lại đối với Raymond Aubrac, người bạn cũ của ông ở Paris hồi tháng 7-1967. Aubrac tới Hà Nội trong chuyến thăm ngắn ngày để thăm dò khả năng mở thương lượng hoà bình. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nói rằng, ít ra cũng là từ bạn thân Hồ Chí Minh, thương lượng có thể bắt đầu

nếu Mỹ ngừng ném bom Bắc Việt Nam vô điều kiện. Tháng 9-1967, Hồ tới Trung Hoa dưỡng bệnh dài hạn ở vùng núi gần Bắc Kinh.

Trong lúc Hồ đi vắng, Bộ Chính trị tích cực thảo luận về tiến hành *"Cuộc tổng tiến công và nổi dậy"* được xem xét từ đầu thập niên. Đảng cần khôi phục khí thế cách mạng ở miền Nam, bằng cách chiếm lại những vùng đất bị mất do Mỹ tăng quân từ mùa hè năm 1965. Dù lực lượng Việt Cộng ở miền Nam (và hơn 100.000 bộ đội miền Bắc) vẫn hoạt động tương đối hiệu quả trên toàn chiến trường, nhưng tỷ lệ thương vong đáng báo động và bắt đầu tỏ ra giảm sút tinh thần. Việc tuyển quân khó khăn hơn và nạn đào ngũ tăng nhanh, khi Washington không chấp nhận thất bại làm cho nhiều người nghi ngờ cách mạng sẽ tất yếu thắng lợi. Sau chuyến thăm Hà Nội của hai nhà hành động vì hoà bình Mỹ, Bộ Chính trị nhận thấy một thực tế là phong trào chống chiến tranh đang dâng cao ở Mỹ. Nhưng vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy chính quyền Johnson có ý định rút quân. Trên thực tế, số quân nhân Mỹ tại Nam Việt Nam đã tăng lên gần nửa triệu và có thể tăng thêm nữa.

Trong suốt nhiều năm, Hồ Chí Minh cho thời điểm tốt nhất để tung ra một chiến dịch như thế là năm bầu cử tổng thống Mỹ, khi Hà Nội có thể tăng tối đa sức ép sân khấu chính trị nước Mỹ. Những cuộc tấn công của Quân Giải Phóng ở nông thôn phối hợp nhịp nhàng với sự nổi dậy của dân chúng trong các thành phố lớn. Ít ra cũng làm mất ổn định Nam Việt Nam và buộc Mỹ phải thương lượng trên thế yếu, nhưng mục đích cuối cùng phải dẫn đến chế độ Sài Gòn sụp đổ. Quyết định tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân đầu tháng 2-1968 được Bộ chính trị thông qua vào tháng 12-1967, khi Hồ Chí Minh từ Trung Quốc về. Hồ đồng ý với kế hoạch, sau đó quay lại ngay Bắc Kinh để tiếp tục chữa bệnh.

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân bắt đầu ngày 31-1-1968. Lực

lượng nổi dậy tấn công các thành phố lớn, các tỉnh ly, huyện ly và vùng nông thôn khắp miền Nam. Những cuộc tấn công mạnh diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật tại Sài Gòn, những đơn vị bắn tỉa và đặc công cảm tử đánh chiếm các trụ sở cơ quan chính phủ và thậm chí chiếm được tầng trệt Đại sứ Quán Mỹ một thời gian ngắn và binh sĩ Bắc Việt chiếm giữ cố đô Huế ba tuần lễ trước khi bị lính thuỷ đánh bộ Mỹ đánh bật ra khỏi thành phố trong những trận giao chiến đẫm máu. Kết quả khá thất vọng về mặt quân sự. Lực lượng nổi dậy bị thiệt hại 30.000 người. Do phần lớn là lực lượng Việt Cộng địa phương, nên những mất mát này làm suy yếu phong trào suốt nhiều năm sau đó. Cuộc nổi dậy không dẫn đến sụp đổ chế độ Nguyễn Văn Thiệu như Đảng tiên lượng. Tuy nhiên, cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân lại có tầm quan trọng về mặt chính trị ở Mỹ, vì số quân Mỹ bị thương vong cao. Gần 2.000 người Mỹ chết trong tháng chiến dịch Tết Mậu Thân, cộng thêm 3.000 người Mỹ bị thương nặng. Làn sóng chống chiến tranh của nhân dân Mỹ bùng nổ tới cao trào, buộc Nhà Trắng phải có những nhượng bộ mới đi đến dàn xếp hoà bình. Cuối tháng Ba, Lyndon Johnson quyết định ném bom hạn chế dưới vĩ tuyến 20 để thúc đẩy khởi động thương lượng.

Trong khi Nhà Trắng đang rơi vào tình thế nan giải, Lê Đức Thọ, uỷ viên Bộ chính trị tới Bắc Kinh thăm Hồ Chí Minh, để thông báo cho Hồ kết quả cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân. Dù Thọ (sau đó được cử làm nhà thương lượng chính trong những cuộc thương lượng hoà bình) sau này thừa nhận, Tổng tấn công Tết Mậu Thân chỉ có thắng lợi vừa phải, nhưng chắc chắn ông nói với Hồ đó là thắng lợi to lớn và Hồ hài lòng. Khi Thọ thông báo cho Hồ, ông sắp có chuyến đi miền Nam để đánh giá tình hình sau cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân, Hồ thiết tha muốn đi cùng Thọ. Thọ cố gắng khuyên can, giải thích Hồ cần có visa để qua cảng Sihanoukville

của Campuchia (phần lớn quan chức hàng đầu của Đảng đều qua con đường này vào Nam), như thế nhiều người nhận ra Hồ qua bộ râu của ông. Hồ đáp, ông sẽ cạo nó. Nhưng Thọ nhanh nhẩu trả lời: "*Nếu thế đồng bào miền Nam lại không nhận ra Bác!*" Hồ nằn nì nói sẵn lòng làm bất cứ việc gì, kể cả phải đóng giả thủy thủ hoặc nấp trong hầm tàu. Cuối cùng Thọ phải hứa sẽ báo cáo với bộ chính trị để xem xét sự việc. Khi Thọ đứng lên ra về Hồ ôm hôn và khóc. Sau này Thọ kể lại, ông có cảm giác không bao giờ gặp lại người đồng chí già của mình nữa.

Hồ Chí Minh lường trước những đòi hỏi của mình sẽ bị lãnh đạo từ chối vì lý do sức khỏe. Hồ viết thư cho Lê Duẩn, cho rằng nếu được thay đổi không khí, sức khỏe của ông sẽ khá hơn. Ông cũng giải thích chuyến đi của ông vào Nam sẽ cổ vũ tinh thần của đồng bào chiến sĩ miền Nam đang hy sinh cho sự nghiệp. Ngày 19-3-1968, ông viết thư cho thủ tướng Chu Ân Lai đề nghị giúp đỡ những yêu cầu của ông. Đề nghị này của ông bị chìm trong im lặng.

Ngày 21-4-1968, khi trở lại Hà Nội, Hồ Chí Minh được mời tham dự cuộc họp Bộ Chính trị để đánh giá kết quả cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân. Dù sức khoẻ rất yếu, nhưng Hồ cố gắng theo dõi sát tình hình miền Nam, vui vì sự tiến triển của chiến tranh đã buộc bộ trưởng quốc phòng Mỹ Robert McNamara phải từ chức. Ông cũng hài lòng với quyết định của tổng thống Johnson trong lời tuyên bố ngày 30- 3-1968 ném bom hạn chế và không ra tái ứng cử tổng thống năm 1968. Tháng 6-1968, Thượng nghị sĩ Robert F. Kennedy, một chính khách nổi tiếng, người chống chiến tranh, bị ám sát ở Mỹ, Hồ thương xót viết một bài báo ngắn đăng trên báo *Nhân Dân* nói rằng chiến tranh càng gia tăng thì số người Mỹ cũng bị giết ở Việt Nam cũng tăng theo.

Đầu tháng 5-1968, tổng thống Johnson chấp nhận ném bom hạn chế từ vĩ tuyến 20 trở xuống và đồng ý ngồi vào thương lượng hoà bình ở Paris. Có lẽ Hồ không được hỏi ý kiến liệu có chấp nhận đề nghị đàm phán hay không, nhưng ông hài lòng. Tuy thế, ông khuyên, sau khi thắng lợi, điều vô cùng quan trọng là phải hàn gắn vết thương chiến tranh của dân tộc Việt Nam, một nhiệm vụ "*rất khó khăn và phức tạp*". Để tránh mắc sai lầm nghiêm trọng, Đảng phải có kế hoạch cụ thể tái tổ chức Đảng, mỗi đảng viên phải nhận ra nhiệm vụ thiêng liêng phục vụ nhân dân. Những nhiệm vụ quan trọng là hàn gắn vết thương chiến tranh cho nhân dân và cải tạo những *"cặn bã"* của xã hội miền Nam - như trộm cắp, đĩ điếm, nghiện hút - thành những công dân hữu ích bằng cách giáo dục và nếu cần thiết, bằng những biện pháp hành chính khác.

Hồ cũng khuyên các đồng chí của ông cách tiến hành thương lượng với Mỹ. Trên thực tế, vấn đề thương lượng sẽ phức tạp. Không những Washington chống lại đòi hỏi của Hà Nội bằng văn bản cam kết vô điều kiện không quay lại ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mà Bắc Kinh - đang vật lộn trong vũng bùn Cách mạng Văn hoá - đã chỉ trích các đồng chí Bắc Việt Nam vội vã quan hệ với Mỹ. Tháng 4-1968, Chu Ân Lai khuyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng kiên trì thực hiện tuyên bố *"bốn điểm"* nổi tiếng trước khi mở thương lượng. Chu Ân Lai khuyên Phạm Văn Đồng, Việt Nam chỉ nên thương lượng trên thế mạnh. Phạm Văn Đồng vặn lại, Hà Nội sẽ không thoả hiệp và không thương lượng hoà bình trong những điều kiện bất lợi. Phạm Văn Đồng nhấn mạnh, dù sao chăng nữa, đây là công việc của Việt Nam người đang trực tiếp chiến đấu.

Hồ Chí Minh không tham gia tích cực tranh luận, nhưng ông có quan điểm thực dụng, tháng 7-1968 khuyên Bộ Chính trị nên thận trọng quyết định cái gì có thể được và mất, ngay khi bắt đầu ngồi

vào thương lượng. Khi cuộc thương lượng khai mạc vài tuần lễ sau đó, ông khuyên trong lúc tận dụng bất cứ dịp may nào để phá vỡ bế tắc ngoại giao, cũng phải tập trung nỗ lực chuẩn bị quân sự. Ông cảnh báo Đảng đề phòng mắc bẫy Mỹ, có thể đi tới ngừng bắn ở miền Nam nhưng có khả năng Washington trở lại ném bom miền Bắc một lúc nào đấy trong tương lai.

Đầu tháng 11-1968, cuộc thương lượng hoà bình họp tại Paris sau khi Washington đồng ý ngừng hoàn toàn ném bom, dù Lyndon Johnson không chịu hứa bằng văn bản. Không có ngừng bắn ở miền Nam, mặc dù Hà Nội hứa không tung ra một cuộc tấn công mạnh tương tự cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân. Nhưng sự phá vỡ bễ tắc thương lượng hoà bình đã quá muộn để Hubert Humphrey, ứng cử viên tổng thống của Đảng Dân Chủ. Humphrey, người được chỉ định ra tranh cử trong một hội nghị toàn quốc cực kỳ sóng gió của Đảng Dân chủ ở Chicago tháng 8-1968, là người chỉ trích chiến tranh, nhưng vì ông là phó tổng thống chính quyền Johnson nên phải giữ thái độ dè dặt. Làn sóng công khai chống chiến tranh đã gây tác hại cho ông, trong khi ứng cử viên đảng Cộng hoà, Richard M. Nixon, đã hứa, ông ta có một *"kế hoạch bí mật"* để chấm dứt chiến tranh. Trong cuộc bầu cử tổng thống tháng 11-1968, Nixon đã đem đảng Cộng Hoà quay lại Nhà Trắng lần đầu tiên sau tám năm.

Trong những năm cuối đời, Hồ thường xuyên sửa lại di chúc nhiều lần, nhưng lần nào ông cũng nêu rõ nguyện vọng được hỏa táng. Trong bản cuối cùng, Hồ muốn tro của mình sẽ được rải tại ba địa danh ở miền Bắc, miền Nam và miền Trung, biểu tượng cho sự cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp thống nhất đất nước. Sau đó, ông viết, sẽ vui lòng đi gặp Karl Max, Vladimir Lenin và các nhà cách mạng đáng kính khác. Hồ cũng bày tỏ mong muốn sau khi kết thúc chiến tranh, miễn thuế nông nghiệp một năm để giảm

bớt khó khăn và để tỏ lòng biết ơn của Đảng đối với sự nhân dân lao động và những hy sinh trong cuộc chiến tranh lâu dài và đẫm máu.

Trong dịp Tết năm 1969, Hồ lần cuối cùng ra khỏi Hà nội, đi thăm nhân dân thị xã Sơn Tây. Khi trở về, sức khoẻ ông vẫn bình thường. Tháng 4-1969, Hồ tham gia họp Bộ chính trị, đưa ra lời khuyên, nếu tân chính phủ Mỹ đã quyết định rút quân khỏi miền Nam, phải để cho họ rút trong danh dự. Tại hội nghị Trung ương lần thứ XVI vào giữa tháng Năm, Hồ căn dặn không nên chủ quan vội vã nhận định vấn đề, mặc dù Mỹ đã quyết định rút quân (tổng thống Nixon tuyên bố chiến lược mới "Việt nam hoá" còn gọi là rút quân từng bước ra khỏi Nam Việt Nam) thì tình hình vẫn rất nguy hiểm.

Hồ vẫn muốn gặp đại biểu chiến sĩ miền Nam. Đáp lại nguyện vọng của ông, cuối cùng ông gặp gỡ với đoàn đại biểu các chiến sĩ miền Nam tại Hồ Tây. Trong lễ sinh nhật 79 tuổi tại nơi ông ở, những đồng sự thân cận hứa sẽ chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng và khi đó sẽ mời ông vào thăm miền Nam. Cũng tháng đó, ông sửa lần cuối cùng bản thảo di chúc của mình, viết chỗ sửa ngay vào bên lề bản thảo trước đây. Nhưng Hồ ngày càng yếu đi nhanh chóng, các bác sĩ đã quyết định theo dõi nhịp tim của ông thường xuyên. Dù Mỹ ngừng ném bom và ông trở lại sống trong ngôi nhà sàn rợp bóng cây, Hồ bắt đầu yếu đi trong mùa Hè nóng nực, ẩm ướt. Bộ Chính trị khẩn cấp yêu cầu bác sĩ Liên Xô và Trung Quốc giúp đỡ. Hồ vẫn cố duy trì tập thể dục buổi sáng, tưới cây và cho cá ăn. Trường Chinh và Nguyễn Lương Bằng thường xuyên ăn cơm cùng ông.

Một ngày giữa tháng 8-1969, sức khoẻ Hồ đột ngột xấu đi, phổi bị xung huyết nặng. Mặc dù được tiêm penicillin, nhưng hôm sau

Hồ vẫn thấy đau ở ngực. Ngày 28-8-1969, tim bắt đầu loạn nhịp. Tuy nhiên khi Bộ Chính trị đến báo cáo tình hình miền Nam, Hồ nói đã đỡ rất nhiều. Hai ngày sau, khi Đồng đến thăm, Hồ hỏi han về tình hình chuẩn bị cho ngày lễ Quốc Khánh dự kiến ngày 2-9-1969. Sáng hôm sau, Hồ dậy sớm, ăn một bát cháo và tiếp một đoàn cựu chiến binh đến thăm. Vào lúc 9h45 sáng ngày 2-9-1969, 24 năm sau ngày khôi phục nền độc lập của Việt Nam, trái tim Hồ Chí Minh đã ngừng đập.

# CHƯƠNG

## TỪ MỘT CON NGƯỜI ĐẾN MỘT HUYỀN THOẠI

Những lời bình luận đổ dồn về từ khắp nơi trên thế giới khi nghe tin Hồ Chí Minh qua đời. Các bài viết ca ngợi Hồ Chí Minh từ các thành phố lớn và thủ đô các nước trên thế giới tới tấp gửi đến và Hà Nội nhận được hơn 22.000 điện tín từ 121 quốc gia chia buồn với nhân dân Việt Nam khi biết nhà lãnh đạo của họ qua đời. Một vài nước xã hội chủ nghĩa tổ chức tang lễ và có thể thấy trước được lời lẽ các bài điếu văn của họ là thiện chí. Một tuyên bố chính thức từ Moscow ca ngợi ông Hồ là *"người con vĩ đại của nhân dân Việt Nam anh hùng, lãnh tụ kiệt xuất của phong trào giải phóng dân tộc và quốc tế cộng sản, người bạn lớn của Liên Xô".* Các nước Thế giới thứ ba ca ngợi ông là người bảo vệ cho các dân tộc bị áp bức. Một bài báo ở Ấn Độ miêu tả ông là tinh hoa của *"dân tộc, hiện thân cho khát vọng cháy bỏng vì tự do, cho tinh thần kiên cường và sự nghiệp đấu tranh của họ".* Những người khác nhắc đến đức tính giản dị và đạo đức cao cả của ông. Một bài xã luận trên báo Uruguay nói *"ông có một tấm lòng bao la như vũ trụ và tình yêu thương vô bờ bến đối với nhi đồng. Ông là biểu tượng của đức tính giản dị trong mọi mặt".*

Phản ứng từ các thành phố phương Tây im ắng hơn. Nhà Trắng tránh không bình luận, các quan chức chính quyền Nixon cũng như

vậy. Tuy nhiên, phương tiện truyền thông của phương tây cũng sôi nổi đưa tin về cái chết của ông. Các tờ báo ủng hộ sự nghiệp chống chiến tranh có khuynh hướng mô tả ông như một đối thủ đáng được kính trọng và là người bênh vực các dân tộc yếu hèn bị áp bức. Ngay cả những người kịch liệt phản đối chế độ Hà Nội cũng kính trọng ông vì những cống hiến toàn bộ đời mình trước hết cho độc lập và thống nhất đất nước và sự ủng hộ, bênh vực các dân tộc bị bóc lột trên thế giới.

Một vấn đề chủ chốt mà nhiều nhà bình luận suy nghĩ là việc ông qua đời có ảnh hưởng thế nào tới diễn biến của cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Được biết đến như một người cộng sản kỳ cựu và một nhà cách mạng tận tuỵ, nhiều người xem Hồ Chí Minh như một người thực tiễn, nắm vững diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới và biến động theo thời thế. Ngay cả Lyndon Johnson, có lẽ là đối thủ đáng gờm nhất của ông trong những năm 1960, đôi khi cũng nhận xét, nếu ông ta có thể ngồi với *"ông H*ồ*",* hai nhân vật chính trị kỳ cựu bằng cách này hay cách khác có thể sẽ đi đến một thoả hiệp nào đó.

Với những người kế nhiệm, không ai được thế giới kính trọng như ông Hồ. Rất ít cộng sự của ông Hồ nổi tiếng ở thế giới bên ngoài. Trừ ông Hồ, không có quan chức cao cấp nào của Đảng từng sống hoặc đi khắp nước Pháp, huống hồ đi các nước phương Tây khác. Trong số những người từng ra nước ngoài, hầu hết họ được đào tạo tại Trung Quốc hoặc Liên Xô, thế giới quan của họ hạn chế bởi giáo lý cứng nhắc của chủ nghĩa Marx - Lenin. Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, người đã nhanh chóng thiết lập uy tín, người kế nhiệm chức của ông Hồ ở Hà Nội, hầu như không được phương Tây biết đến. Ngay cả ở Moscow và Bắc Kinh, ông Duẩn cũng không được biết đến nhiều.

Trong bản di chúc cuối cùng của mình và trong suốt đời mình, Hồ Chí Minh tìm cách cân bằng sự cam kết giành độc lập cho dân tộc Việt Nam với sự cam kết cống hiến cho phong trào thế giới. Trong bản di chúc khởi thảo lần đầu tiên năm 1965 và sau đó tự tay sửa đổi vào năm 1968 và 1969, mặc dù nhấn mạnh phải đặt ưu tiên hàng đầu cho hàn gắn vết thương chiến tranh và cải thiện mức sống của người dân Việt Nam, ông Hồ vẫn khẳng định tầm quan trọng của cả chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ông đặc biệt chú trọng thực hiện bình đẳng giữa nam và nữ. Ông ca ngợi Đảng đóng vai trò hàng đầu trong cuộc cách mạng Việt Nam nhưng cũng kêu gọi phát động chiến dịch phê và tự phê bình, chỉnh đốn Đảng nhằm dân chủ hoá tổ chức, nâng cao đạo đức cho số cán bộ Đảng sau khi chiến tranh kết thúc. Cuối cùng, ông nhiệt thành kêu gọi thôi thúc tình đoàn kết của phong trào cộng sản theo nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Đám tang Hồ Chí Minh được tổ chức tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội ngày 8-9-1969 với hơn 100.000 người tham dự gồm cả đại diện từ các nước xã hộ chủ nghĩa. Trong bài phát biểu trước Quốc hội, Lê Duẩn hứa, các nhà lãnh đạo Đảng sẽ tìm cách thực hiện khát khao cháy bỏng của Hồ Chí Minh đánh bại quân xâm lược Mỹ, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước. Sau đó ông hứa Đảng sẽ đem hết nỗ lực xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và khôi phục tinh thần đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa.

Về khía cạnh nào đó, Lê Duẩn cũng đã thực hiện lời hứa của mình. Dưới sự lãnh đạo cương quyết của ông, thời gian sau khi Hồ Chí Minh qua đời, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tiếp tục theo đuổi chiến thắng cuối cùng ở miền Nam. Mục tiêu trước mắt của Hà Nội, củng cố lực lượng ở miền Nam chuẩn bị phát động một cuộc tấn công quân sự mới trong thời gian diễn ra chiến dịch bầu cử

tổng thống Mỹ năm 1972. Các đại diện Bắc Việt tiến hành đàm phán với Mỹ ở Paris, nhưng hầu hết không đạt được kết quả gì vì cả hai phía đều tìm cách tạo ra một bước ngoặt quân sự ở Nam Việt làm phương tiện giành lợi thế trên bàn hội nghị. Mặc dù số thương vong của Hà Nội vẫn ở mức cao, các nhà lãnh đạo Đảng vẫn lạc quan vì tình cảm chống chiến tranh ở Mỹ đang dâng cao buộc tổng thống Nixon phải tuyên bố chương trình kêu gọi rút quân Mỹ về nước vào cuối nhiệm kỳ đầu.

Tháng 4-1972, khi quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam còn chưa tới 50.000 quân, Hà Nội phát động một chiến dịch tấn công Nam Việt Nam. Giống như cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc tấn công trong ngày lễ Phục Sinh lần này không đem lại chiến thắng hoàn toàn nhưng nó khiến cho cả hai phía đẩy nhanh tiến trình hoà bình. Tháng 1-1973, Hà Nội và Washington cuối cùng đi đến một hiệp định thoả hiệp. Hiệp định hoà bình Paris kêu gọi ngừng bắn và rút toàn bộ đơn vị lính chiến đấu của Mỹ về nước. Các cuộc đàm phán giữa hai bên sẽ quyết định phân chia lãnh thổ dưới quyền kiểm soát của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và chính quyền Sài Gòn thông qua việc thành lập một cơ cấu hành chính bên cạnh chính phủ (Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc) gồm đại diện của cả hai phía cũng như những phần tử trung lập. Hội đồng này sau đó sẽ bàn vấn đề tổ chức tổng tuyển cử.

Giống như Hiệp định Genève cách đây hai thập niên, Hiệp định Paris không chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Hiệp định này chỉ đơn thuần giải quyết vấn đề quân Mỹ rút khỏi Việt Nam và khôi phục nguyên trạng tình hình đầu những năm 1960 ở miền Nam Việt Nam. Khi chẳng bên nào tỏ thái độ mong muốn tôn trọng các điều khoản của Hiệp định Paris, xung đột ở các nông thôn lại nổ ra. Đầu năm 1975, Hà Nội mở một cuộc tấn công mới với mục tiêu

hoàn thành việc chiếm lại miền Nam một năm sau đó. Nước Mỹ suy yếu vì mùa hè trước Nixon buộc phải từ chức và người kế nhiệm của ông, tổng thống Gerald Ford, không dám đưa quân Mỹ trở lại miền Nam Việt Nam. Trên đà thắng lợi, tháng 3-1975 quân đội Bắc Việt hành quân ra khỏi Tây Nguyên, tiến thẳng tới Sài Gòn trong khi các lực lượng khác đã chiếm được Đà Nẵng và toàn bộ phía Bắc trung bộ. Vào tuần cuối cùng của tháng Tư, lực lượng cộng sản gần như giành được chiến thắng khi các lực lượng kháng cự Sài Gòn suy sụp và những người Mỹ còn lại được trực thăng đưa đi từ nóc toà nhà đại sứ quán Mỹ tới hàng không mẫu hạm đậu ngoài khơi. Sau cuộc đấu tranh ác liệt kéo dài 15 năm khiến hơn một triệu người Việt Nam thiệt mạng, Tổng thống Gerald Ford tuyên bố *"cuộc chiến đã chấm dứt"*. Đồng thời trước đó hai tuần, lực lượng Khmer Đỏ đã nắm được chính quyền ở Phnom Penh và một chính phủ cách mạng lên nắm chính quyền ở Lào vào cuối năm.

Đầu tháng 7-1976, hai miền Việt Nam được thống nhất thành nước Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Lê Duẩn đã thực hiện lời hứa của mình hoàn thành một trong những ước nguyện của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khi thực hiện các điểm khác trong di chúc của Hồ Chí Minh, Lê Duẩn không tạo ấn tượng như vậy. Năm 1968, một chuyên gia của Liên Xô bí mật tới Hà Nội dạy Việt Nam kỹ thuật ướp xác. Tháng 3-1968, một đội chuyên gia Việt Nam sang Moscow tham khảo thêm ý kiến và báo cáo những tiến triển trong việc áp dụng kỹ thuật đó. Tuy nhiên, theo một nguồn tin, đây vẫn là một vấn đề nhạy cảm trong giới lãnh đạo Đảng vì bản thân Hồ Chí Minh chắc sẽ phản đối rất mạnh bất cứ kế hoạch nào đi ngược lại ý nguyện được hỏa táng của ông. Vào thời điểm Hồ Chí Minh qua đời, Bộ Chính trị chưa có quyết định cuối cùng về cách thức giải quyết vấn đề này. Sau khi tham khảo ý kiến khẩn cấp với

Moscow, một chuyên gia khác của Liên Xô đến Hà Nội giữa tháng 9-1969 giúp chuyên gia y tế của Việt Nam giữ gìn thi hài của ông Hồ.

Ngày 29 tháng 11 năm 1969, Bộ Chính trị chính thức thông qua kế hoạch khởi công xây dựng lăng để lưu giữ thi hài ông Hồ nhằm giáo dục thế hệ trẻ tương lai. Một uỷ ban gồm đại diện Bộ Xây dựng và Bộ Quốc phòng được chỉ định giám sát công trình với sự giúp đỡ của các cố vấn Liên Xô. Trong báo cáo cuối cùng gửi các nhà lãnh đạo Đảng, Uỷ ban này kết luận, lăng cần được thiết kế hiện đại nhưng phải thấm nhuần bản sắc dân tộc. Phù hợp với tính cách của Hồ Chí Minh, vẻ bề ngoài của lăng phải đơn giản, đặt ở địa điểm thuận tiện và dễ đi lại. Để đưa ra được khuyến nghị về thiết kế công trình, Uỷ ban đã nghiêm cứu một số cấu trúc lăng khác bao gồm cả Kim Tự Tháp Ai Cập, tượng đài kỷ niệm Victor Emmanuel ở Rome, đài kỷ niệm Lincoln ở Washington D.C. và lăng Lenin ở Moscow. Sau khi Bộ Chính trị đưa ra gợi ý bổ xung, mô hình cấu trúc lăng được trưng bày ở khắp cả nước để trưng cầu ý kiến của công chúng. Cuối cùng có hơn 30.000 gợi ý khác nhau được trình lên Uỷ ban.

Tháng 12-1971, Bộ Chính trị thông qua đề xuất cuối cùng và công việc xây dựng bắt đầu ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết. Địa điểm được chọn xây lăng là một trong những thánh địa của cách mạng Việt Nam - Quảng trường Ba Đình, gần Phủ Chủ tịch và nhà sàn Hồ Chí Minh. Vào ngày 29-8-1975, khi chính thức được mở công khai cho dân chúng, lăng Hồ Chí Minh gợi nhớ đến lăng Lenin ở Quảng Trường Đỏ. Các mặt của lăng được ốp đá cẩm thạch xám, hầu hết được khai thác ở núi đá cẩm thạch, một mỏ đá lộ thiên ở phía nam Đà Nẵng - nơi quân Việt cộng sống tại một hang đá trong núi có thể xem lính Mỹ bơi tại bãi biển nổi tiếng gọi là “bãi biển Trung Hoa”, đây cũng là một trong những khu nghỉ

mát nổi tiếng nhất trong vùng. Lăng được thiết kế mô tả hình tượng bông sen vươn lên từ bùn đen với vẻ hiện đại, do đó tạo ra sự tương phản với một ngôi chùa Phật thế kỷ XI ở một khuôn viên gần đó. Tuy nhiên, nhiều quan sát viên cho rằng kiến trúc của lăng nặng nề chán ngắt hoàn toàn trái với tính cách hài hước và khiêm tốn của Hồ Chí Minh - người đang nằm trong lăng, hai tay bắt chéo và mặc bộ đại cán giản dị kiểu Tôn Trung Sơn. Như nhà sử học Huế, Tâm Hồ Tài, nhận xét, điều đó có tác dụng mô tả Hồ Chí Minh như một nhà lãnh đạo Cộng sản quốc tế chứ không tạo ra hình ảnh gần gũi hơn về Bác Hồ được các đồng bào của ông yêu mến - hơn 15.000 lượt người đến thăm lăng mỗi tuần.

Khi thực hiện kế hoạch giữ gìn thi hài Hồ Chí Minh trong lăng, các nhà lãnh đạo Đảng rõ ràng đã không tổ chức lễ tang và lễ hoả táng đơn giản theo như yêu cầu của ông Hồ. Ông coi thường và luôn luôn tránh mọi cạm bẫy vật chất xa hoa dành cho lãnh tụ cao cấp. Năm 1959 thậm chí ông còn phản đối đề nghị xây một bảo tàng nhỏ tại làng Kim Liên khi mọi người biết ông là nhà cách mạnh nổi tiếng Nguyễn Ái Quốc, với lập luận, sử dụng số tiền hiếm hoi đó để xây trường học thì tốt hơn. Để tránh bị công chúng chỉ trích vì quyết định làm trái với di nguyện của ông Hồ, các nhà lãnh đạo Đảng đã lược bỏ một vài phần trong di chúc nói về việc thiêu xác. Bản di chúc công bố năm 1969 cũng không nói tới yêu cầu của ông Hồ miễn một năm thuế nông nghiệp cho nông dân và lời cảnh báo của ông đối với đồng bào rằng chiến tranh ở miền Nam còn có thể kéo dài một vài năm nữa. Đảng cũng tuyên bố, ông Hồ mất ngày 3 tháng 9, một ngày sau khi ông Hồ thực sự qua đời để khỏi ảnh hưởng đến không khí kỷ niệm ngày quốc khánh 2 tháng 9 năm 1945 khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập tại Quảng trường Ba Đình.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV tháng 12-1976, các nhà

lãnh đạo Đảng tuyên bố sẽ xây dựng *"về cơ bản"* chủ nghĩa xã hội trên toàn quốc vào thập niên này. Để biểu trưng cho giai đoạn mới của cuộc cách mạng, Đảng Lao động Việt Nam đổi tên thành Đảng cộng sản Việt Nam. Những người kế vị Hồ Chí Minh cố dùng hình ảnh của ông để giành sự ủng hộ của dân chúng cho chương trình đầy tham vọng của bản thân họ. Chân dung vị cố chủ tịch xuất hiện trên tem, tiền và tường của các toà nhà trên khắp cả nước trong khi sách giáo khoa, các cuốn sách nhỏ viết về cuộc đời, tư tưởng, đạo đức cách mạng của ông được in rất nhiều. Các nhà lãnh đạo Đảng như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp kể lại chi tiết những kỷ niệm về ông Hồ và nhấn mạnh tư tưởng Hồ Chí Minh như một công cụ cốt yếu giúp xây dựng Việt Nam trong tương lai. Người ta khuyến khích thanh niên Việt Nam đi theo con đường Hồ Chí Minh, lấy đó làm định hướng cho hành động hằng ngày của mình và tên của ông được đặt cho các tổ chức thanh niên được thành lập trên khắp cả nước. Một số nước xã hội chủ nghĩa khác cũng sử dụng danh tiếng của ông phục vụ mục đích riêng của mình, lấy tên đặt cho trường học, nhà máy, đường phố, quảng trường, tổ chức các cuộc hội thảo học tập di chúc và những thành công trong sự nghiệp của ông.

Giá trị thực sự của tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong bảo tàng Hồ Chí Minh. Bảo tàng này được hoàn thành vào mùa Thu năm 1990 nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông. Được xây ngay sau lăng gần Quảng Trường Ba Đình, kích thước của Bảo tàng gây ấn tượng mạnh nhưng không nặng nề như những công trình cạnh đó. Với các mặt được ốp đá cẩm thạch trắng, bảo tàng cũng được thiết kế giống hình bông sen, mặc dù đối với một số quan sát viên, cấu trúc bốn mặt với đường vào ở một góc gợi nhớ đến mũi của một con tàu.

Cho dù Đảng rất cố gắng nêu bật tư tưởng Hồ Chí Minh như

hiện thân của một nước Việt Nam mới, nhiều quan sát viên vẫn nhận ra những khác biệt lớn giữa phong cách của Lê Duẩn và phong cách của người tiền nhiệm nổi tiếng của ông. Trong khi ông Hồ kiên trì khuyến khích cần phải từng bước tiến hành cách mạng Việt Nam nhằm phát huy tối đa sự ủng hộ của quần chúng từ mọi thành phần xã hội, Lê Duẩn lại thường áp dụng sách lược tham vọng hơn, gây chia rẽ trong ban lãnh đạo Đảng và cô lập bộ phận dân chúng. Và trong khi ông Hồ luôn chú trọng thích đáng tới thực tế tình hình thế giới khi tìm cách thực hiện chiến lược của mình thì những người kế nhiệm của ông lại theo đuổi chính sách đối ngoại hung hăng, không chỉ gây thù địch với các nước láng giềng của Hà Nội ở Đông Nam Á mà còn khiến Trung Quốc - từng là đồng minh thân cận nhất và là nước ủng hộ mạnh mẽ nhất của Hà Nội - khó chịu. Những người phản đối chính sách của Lê Duẩn bị đưa ra khỏi ban lãnh đạo Đảng (một thí dụ nổi bật là Võ Nguyên Giáp) hoặc chọn giải pháp sống lưu vong ở nước ngoài (trường hợp Hoàng Văn Hoan).

Kết quả đó là tấn thảm kịch đối với một đất nước mới vừa thoát khỏi chiến tranh. Khi chế độ này đột nhiên tuyên bố quốc hữu hoá ngành công nghiệp và thương mại tháng 3-1978, hàng ngàn người bỏ nước ra đi tìm nơi tỵ nạn ở nước ngoài. Chương trình tập thể hoá nông nghiệp khiến hầu hết nông dân miền Nam phản kháng. Những năm cuối cùng của thập niên 1970, nền kinh tế của Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng đáng xấu hổ, bởi nỗ lực kém khôn ngoan của những nhà hoạch định kế hoạch của Đảng định hoàn thành xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trước khi thập niên kết thúc.

Khủng hoảng bên ngoài đã làm tình hình trong nước trầm trọng hơn. Khi lên nắm quyền, chế độ diệt chủng và cuồng tín Pol Pot ở Campuchia phản đối gợi ý của Việt Nam thành lập liên minh quân

sự giữa ba nước Đông Dương. Tháng 12 năm 1978, Hà Nội xâm lược Campuchia và dựng lên một chế độ bù nhìn ở Phnom - Penh. Để trả đũa, các lực lượng Trung Quốc mở chiến dịch tràn qua biên giới Việt Nam. Mặc dù không kéo dài, chiến dịch đã buộc Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam tập trung những nguồn nhân tài vật lực quý báu cho sự nghiệp bảo vệ đất nước. Giữa hập niên 1980, thái độ bất bình của dân chúng đối với ban lãnh đạo Đảng đã lên tới mức báo động - vì ban lãnh đạo chỉ còn là một nhóm người không làm theo lời khuyên của Hồ Chí Minh là phải mang lại hạnh phúc cho nhân dân sau khi giành chiến thắng.

Mùa hè năm 1986, sau khi Lê Duẩn qua đời, các nhà lãnh đạo Đảng tuy muộn màng nhưng đã nhận ra sai lầm của mình (như một ai đó mô tả "*say sưa chiến thắng")* và bước vào một con đường mới. Dưới sự lãnh đạo của vị Tổng Bí thư mới, một nhân vật hiếu chiến người miền Nam, ông Nguyễn Văn Linh, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch khôi phục nền kinh tế trì trệ bằng việc áp dụng thị trường xã hội chủ nghĩa đồng thời mở cửa cho nước ngoài đầu tư, khuyến khích tự do tư tưởng của dân chúng. Được gọi là "đổi mới" chương trình mới này làm người ta nhớ lại chính sách cải tổ của Gorbachev ở Liên Xô, mặc dù những nguồn tin ở Hà Nội quả quyết, chiến lược này là của Việt Nam tìm ra.

Tuy nhiên, trước khi đến cuối thập niên, các lực lượng bảo thủ trong Đảng đã suy nghĩ lại. Mặc dù chương trình giúp kích thích tăng trưởng kinh tế Việt Nam, việc áp dụng ý tưởng của nước ngoài ngày càng dẫn đến (ít nhất theo những người có quan điểm bảo thủ) những tệ nạn như ma tuý, gái điếm, bệnh AIDS và chủ nghĩa hưởng lạc trong thanh niên Việt Nam cũng như làm tăng thái độ chỉ trích sự thống trị của Đảng trên tất cả các mặt trong vấn đề nội bộ. Được báo động bởi sự sụp đổ của hệ thống cộng sản ở Đông Âu và nỗi lo lắng ngày càng tăng trước tác động của văn hoá

phương Tây làm suy yếu dần những thể chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Đảng bắt đầu thẳng tay đàn áp những nhân vật bất đồng chính kiến và những người mà các nhân vật bảo thủ coi là *"cỏ độc của chủ nghĩa tư bản"*. Dưới sự lãnh đạo của ông Đỗ Mười - người kế nhiệm Nguyễn Văn Linh, một đảng viên lão thành - Hà Nội cũng áp dụng chính sách hậu Thiên An Môn của Trung Quốc thẳng tay đàn áp những nhà hoạt động bất đồng chính kiến dưới khẩu hiệu *"cải cách kinh tế, ổn định chính trị"*. Trong khi tự do hoá kinh tế tiến triển với một nhịp độ khiêm tốn, Đảng khẳng định lại vai trò truyền thống của mình là một lực lượng chính trị duy nhất trên toàn quốc.

Những người Việt Nam chủ trương cải cách nhanh chóng dùng di sản của Hồ Chí Minh để thúc đẩy sự nghiệp của chính họ. Khi nhắc đến ông Hồ như một người thực tiễn, họ cho ông có thể đã hiểu cần phải nâng cao mức sống cho nhân dân trước khi tiến lên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa. Khi nhắc tới hình ảnh ông như một người theo chủ nghĩa nhân văn với tinh thần vị tha cao cả trước những ý kiến đối lập, họ quả quyết ông có thể đã ngăn cản sự chia rẽ trong ban lãnh đạo Đảng và tiến hành mọi biện pháp nhằm giành được sự ủng hộ của nhân dân. Vào cuối những năm 1980, phe cải cách thắng thế khi người thư ký riêng cuối cùng của Hồ Chí Minh tiết lộ, Lê Duẩn và một số cộng sự đã chữa lại bản di chúc của ông Hồ bằng cách không thực hiện lời kêu gọi miễn thuế nông nghiệp và tổ chức một lễ tang đơn giản. Bộ Chính trị buộc phải thừa nhận lỗi lầm này, nhưng bào chữa cho hành động của mình rằng Bộ Chính Trị làm như vậy vì lợi ích cao cả của nhân dân Việt Nam và phù hợp với mục tiêu suốt đời của Hồ Chí Minh.

Không chỉ người Việt Nam mà người nước ngoài cũng không biết nên hiểu thế nào về nhân cách đích thực và di sản mà Hồ Chí

Minh để lại. Nhiều người xem ông là một vị thánh suốt đời cống hiến cho sự nghiệp giải phóng người dân bị áp bức khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, người làm cho chuyên chính cộng sản phát triển khắp thế giới (có lẽ đây là quan điểm tệ hại nhất) hoặc là nhân vật cơ hội chủ nghĩa vô nguyên tắc, người đã sử dụng danh tiếng đứng đắn và giản dị của mình để ca tụng bản thân. Khi UNESCO tài trợ cho một hội nghị tại Hà Nội năm 1990 kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông, những lời ca ngợi Hồ Chí Minh tại hội nghị bị bác lại bằng rất nhiều quan điểm chỉ trích của những người đến từ khắp nơi trên thế giới, những người phản đối sự sùng bái một con người mà họ cảm thấy phải chịu trách nhiệm đối với cái chết của quá nhiều đồng bào mình.

Đối với nhiều quan sát viên, trọng tâm của cuộc tranh luận về Hồ Chí Minh tập trung vào vấn đề nên xác định ông là nhà cộng sản hay là người dân tộc chủ nghĩa. Rất nhiều người bạn nước ngoài của ông khăng khăng cho rằng ông Hồ là người yêu nước hơn là nhà cách mạng theo chủ nghĩa Marx. Dường như ông Hồ khẳng định quan điểm này năm 1961 khi ông công khai tuyên bố, chính lòng mong muốn cứu vớt đồng bào ngay từ đầu đã đưa ông đến với chủ nghĩa Lenin. Nếu ông cũng nói như vậy trong một số dịp khác, có lẽ không có lời giải thích nào rõ ràng hơn lời giải thích mà ông nhận xét với một điệp viên của Mỹ Charles Fenn năm 1945 rằng ông xem chủ nghĩa cộng sản là phương tiện đạt được mục tiêu dân tộc chủ nghĩa. Khi được yêu cầu giải thích, ông nói:

*"Trước hết, bạn phải hiểu, giành độc lập từ một cường quốc lớn như Pháp là một nhiệm vụ nặng nề không thể đạt được nếu không có sự giúp đỡ từ bên ngoài, không nhất thiết là trang thiết bị như súng đạn mà bằng các cuộc tiếp xúc và những lời khuyên. Trên thực tế, không thể giành được độc lập bằng ném bom hay làm những việc tương tự như vậy. Đó là sai lầm mà các cuộc cách mạng trước đó*

*thường gặp phải. Phải giành độc lập bằng tổ chức, tuyên truyền, huấn luyện và kỷ luật. Cũng cần phải có niềm tin, nguyên tắc chỉ đạo, phân tích thực tiễn, có thể bạn phải vận dụng cả kinh thánh. Chủ nghĩa Marx - Lenin đã trao cho tôi những khuôn mẫu như vậy".*

Charles Fenn hỏi ông Hồ lý do tại sao ông không chọn chế độ dân chủ hay một hệ thống chính trị khác mà lại chọn một chế độ mà rõ ràng sẽ làm tổn thương thiện chí của Mỹ, đất nước mà ông nói ông rất ngưỡng mộ? Hồ Chí Minh trả lời chỉ khi ông đến Moscow ông mới nhận được viện trợ thực tế. Liên Xô là nước cường quốc duy nhất trong số các cường quốc thể hiện *"bạn lúc khó khăn mới là bạn chân thành"*. Lòng trung thành của Liên Xô đã giành được lòng trung thành của Hồ Chí Minh.

Điều rõ ràng đối với Hồ Chí Minh sự sống còn của đất nước là trước tiên và luôn luôn là mối quan tâm lớn nhất của ông. Quả thực, điều đó khiến các nhà lãnh đạo Đảng cao cấp ở Hà Nội, Bắc Kinh và Moscow nghi ngờ không biết ông Hồ có phải là một nhà Marxist thực thụ hay không. Tuy nhiên, điều đó rõ ràng, không cần nói đến chuyện ông có phải là một nhà Marxist chân chính hay không, ông chính là một nhà yêu nước có trái tim của nhà cách mạng tận tâm. Khuynh hướng cách mạng trong quan điểm của ông rất có thể là kết quả của những điều ông chứng kiến trong khi làm việc trên tàu thuỷ trước Thế chiến I. Ông nhận thấy nỗi đau khổ của đồng bào ông cũng là nỗi đau khổ của các dân tộc Á, Phi sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Điều đó càng được củng cố thêm trong thời gian ở Paris. Tại đó, ông nhận thấy thái độ giả dối của người Pháp không vận dụng những lý tưởng của mình vào các dân tộc thuộc địa. Hai năm ở Moscow trong những ngày đầu đầy sóng gió của cuộc thử nghiệm Xô viết dường như đã làm dấy lên lòng nhiệt thành ngây thơ mong muốn xây dựng một xã hội cộng sản trong tương lai. Trong thế giới hoàn toàn mới mẻ của ông

Hồ, chủ nghĩa yêu nước bị thay thế bởi quan điểm của Lenin về một liên bang xã hội chủ nghĩa cộng sản toàn cầu trong tương lai.

Rõ ràng, những sự kiện sau này có tác động cảnh tỉnh thái dộ của ông. Những vụ thanh trừng ở Moscow, gần như đe doạ tới sự an toàn của ông, chắc hẳn làm tổn hại tới niềm tin vào cuộc thử nghiệm của Liên Xô. Việc Moscow không tôn trọng cam kết tích cực ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc thuộc địa khiến ông nghi ngờ chủ nghĩa quốc tế vô sản trong một thế giới chính trị cường quyền. Tuy nhiên, không gì có thể làm lung lay niềm tin vào tính siêu việt của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Cho tới cuối đời, ông vẫn theo quan điểm cho rằng mô hình tư bản chủ nghĩa đã gây đau khổ vô hạn cho hàng triệu người bị áp bức trên toàn châu Á, châu Phi và Mỹ La tinh.

Do đó, vấn đề không phải liệu ông là một nhà dân tộc chủ nghĩa hay một người cộng sản - bằng con đường riêng của chính mình, ông là cả hai. Nói đúng hơn đó là vấn đề sách lược của ông. Hồ Chí Minh, một người tin vào nghệ thuật nắm bắt thời cơ, điều chỉnh lý tưởng của mình tuỳ theo điều kiện của phong trào. Đối với nhiều người, ngay cả những người trong đảng mình, lối cư xử của ông có vẻ như không có nguyên tắc, nhưng theo ông có thể đạt được tiến bộ bằng những bước rất nhỏ. Đối với Hồ Chí Minh, theo một câu trích nổi tiếng của một nhà khoa học xã hội Anh Walter Bagehot, *“chín quá hoá nẫu”*. Ông Hồ có thái độ thực dụng trong chính sách đối ngoại. Thí dụ, ông thà chấp nhận những giải pháp thoả hiệp năm 1946 và 1954 chứ không tiến hành chiến tranh trong những điều kiện bất lợi. Ông còn có thái độ thực dụng trong những vấn đề nội bộ, luôn tin rằng cần từng bước tiến hành quá trình chuyển sang xã hội chủ nghĩa đồng thời với nỗ lực giành được sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng.

Giống như tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson, Hồ Chí Minh cho rằng ông là một nhà giao tế lớn, một người lãnh đạo tận dụng mọi cơ hội để đạt được mục đích của mình không cần bằng sức mạnh mà bằng lý lẽ. Trong một số trường hợp, ông đã thành công. Một số trường hợp khác, sự sẵn lòng thoả hiệp của ông đã tước đi vũ khí của đối thủ và cho phép ông biến yếu điểm quân sự trở thành thế mạnh chính trị. Đồng thời, hình ảnh giản dị, tốt bụng, vị tha tạo ra sức quyến rũ mạnh mẽ, do vậy đóng góp ý nghĩa vào sự ủng hộ rộng rãi ở trong nước cũng như ngoài nước đối với cách mạng và cuộc đấu tranh giành độc lập. Khó có thể tưởng tượng được làn sóng ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam trong những năm 1960 trên toàn thế giới nếu như gương mặt ở Hà Nội lúc đó lại là Lê Duẩn hay Trường Chinh chứ không phải là Hồ Chí Minh.

Liệu hình ảnh Hồ Chí Minh có xác thực không? Có lẽ không dễ dàng trả lời cho câu hỏi này. Rõ ràng ông không thích sống xa hoa mà chỉ thích sống giản dị, khiêm tốn. Tuy nhiên, nhiều người hiểu rõ ông Hồ hơn nhận xét, điều đó có vẻ giả tạo bên ngoài, cách ông sống như một người khổ hạnh, một học giả Nho giáo trở thành một nhà cách mạng theo chủ nghĩa Marx. Trong thời gian sống ở Pháp sau Thế chiến II, ông nói với thư ký riêng của mình, ông Vũ Đình Huỳnh, đôi khi những giọt nước mắt giả dối cũng có ích để truyền đạt ý tới người nghe. Nhiều năm sau, đại diện của Ba Lan tại Uỷ ban giám sát và kiểm soát tại Hà Nội nhận xét, mặc dù công khai phản đối tệ sùng bái cá nhân, ông Hồ dường như vẫn thích được đồng bào khen mình. Cái tôi của ông rõ ràng đã nổi lên trong những năm 1940 và 1950 khi ông viết hai cuốn tự truyện tự khen mình dưới bút danh khác. Không chỉ những người khác nói về hình ảnh có tính chất thần thánh của Hồ Chí Minh mà bản thân ông còn khai thác điều này.

Dĩ nhiên có những lý do chính trị đáng để ông khuyến khích thái độ sùng bái cá nhân. Năm 1947, một nhà báo Mỹ hỏi, tại sao ông lại được ca tụng nhiều như vậy, ông trả lời, một phần người ta xem ông là biểu tượng của những ước nguyện của chính bản thân họ. Ông nói thêm, có lẽ lý do là ông yêu tất cả trẻ em Việt Nam như thể chúng là cháu ông và để đáp lại họ dành tình yêu đặc biệt cho *"Bác Hồ"*. Thời gian đầu của cuộc đời ông khi dân tộc và nền văn hoá dường như đứng trên bờ vực của sự diệt vong, ông đã chứng kiến sự sùng kính mà thanh niên Việt Nam dành cho những ông đồ nho quê mùa, những người dành trọn cuộc đời và những lời giáo huấn của họ theo đuổi nguyên tắc bất dịch của chủ nghĩa nhân văn Nho giáo. Trong suốt đời mình, ông Hồ dùng tính cách đó làm phương tiện cứu vớt nhân dân và phong trào nổi dậy của dân tộc.

Không biết quyết định đó đem lại lợi ích chính trị gì nhưng đôi khi Hồ Chí Minh phải trả giá cho hình ảnh vị tha và thực dụng. Ông là một nhà hoà giải luôn tin vào sức mạnh của thuyết phục hơn là hăm doạ khi chỉ đạo Đảng cộng sản Đông Dương. Ngay từ đầu ông dựa vào sách lược lãnh đạo tập thể hơn là dựa vào sự thống trị của một cá nhân như cách của Lenin, Stalin hay Mao Trạch Đông. Trong thời gian những năm 1930 và 1940, sức mạnh thuyết phục, trên cơ sở uy tín và những gì ông đã trải nghiệm trong suốt một thời gian dài là đặc vụ Quốc tế Cộng sản, nhìn chung là thành công. Tuy nhiên, điều đó bắt đầu không có hiệu quả trong những năm 1950 khi các cộng sự cao cấp bắt đầu đặt câu hỏi về tính đúng đắn trong những khuyến nghị của ông và xác lập vai trò của họ khi vạch ra chiến lược. Cuối cùng, Hồ Chí Minh gần như bất lực. Những cộng sự chỉ hứa sẽ cân nhắc những ý kiến của ông, song những ý kiến đó ngày càng bị phản đối và bị xem là không thích hợp.

Phải chăng Hồ Chí Minh đã ngây thơ, tin vào châm ngôn của Tôn Tử cho rằng chiến thắng thành công nhất là chiến thắng không dùng bạo lực? Nhìn lại, có thể nói, ông có phần nhẹ dạ vì hy vọng sẽ thuyết phục được Pháp rút khỏi Việt Nam một cách hoà bình sau Thế chiến II. Sau đó một vài năm, Hồ lại tính toán sai khi ông lập luận, Mỹ có thể quyết định chấp nhận chính phủ do Đảng cộng sản thống trị ở Việt Nam nếu như chính phủ đó được thành lập không làm Mỹ bẽ mặt. Tuy nhiên, có bằng chứng cho rằng ông thường đánh giá tình hình quốc tế rất chính xác và nhận thấy cần phải có chính sách linh hoạt lường trước được tất cả các khả năng có thể sảy ra khác nhau. Mặc dù ông luôn cố đạt được mục tiêu của mình mà không dùng đến bạo lực, ông cũng sẵn sàng dùng tới lực lượng quân sự khi cần thiết. Những cộng sự của ông không thể làm những điều tương tự vì họ thiếu đi sự tinh tế và kiên nhẫn theo đuổi một giải pháp ngoại giao.

Người ta thường nói Mỹ mất đi cơ hội vàng, tránh được một cuộc xung đột trong tương lai ở Đông Dương khi Mỹ không đáp lại những cử chỉ thiện chí của Hồ Chí Minh cuối Thế chiến II. Xét cho cùng, là người thực dụng, ông Hồ chắc đã nhận ra sau chiến tranh, Việt Nam có thể giành được nhiều viện trợ hơn từ Washington chứ không phải từ Moscow. Ông cũng thú nhận mình là người ngưỡng mộ văn minh Mỹ, đã đưa những lý tưởng của Mỹ vào bản Tuyên ngôn Độc lập. Nhiều nhà chỉ trích quả quyết, sau khi xem xét lại tình hình Đông Dương trong bối cảnh Mỹ và Liên Xô cạnh tranh ngày càng quyết liệt về tư tưởng, chính quyền Truman đã chuẩn bị cho cuộc chiến tranh Việt Nam.

Mặc dù điều này có phần đúng, cũng có thể phần nào là vì người Mỹ chỉ có hiểu biết mang tính huyền thoại về Hồ Chí Minh. Trước hết, có chứng cứ cho thấy ông Hồ đã tính toán chứ không phải là vấn đề hệ tư tưởng khi ông bày tỏ sự ngưỡng mộ của mình

đối với Mỹ. Ông Hồ ca ngợi văn minh Hoa Kỳ cũng giống như ông ca ngợi nhiều đồng minh của mình và những đối thủ tiềm tàng của ông, chủ yếu để giành được lợi thế chiến thuật. Mặc dù ông luôn nghĩ, có khả năng các nhà lãnh đạo Mỹ cuối cùng sẽ nhận ra sự can thiệp vào Đông Dương là vô ích. Ông luôn luôn tin những nhà lãnh đạo đó là đại diện cho hệ thống tư bản chủ nghĩa bóc lột ở mức độ nào đó có thể nguy hiểm cho các nước thành viên của khối xã hội chủ nghĩa. Ông không nghi ngờ về lòng trung thành của mình trước các cuộc đụng độ.

Vấn đề nổi lên là liệu Hồ Chí Minh có được toàn quyền vạch ra chiến lược ở Hà Nội giống như Stalin thống trị chính trường ở Moscow hay không. Trên thực tế, rất nhiều đồng nghiệp của ông Hồ không có chung niềm tin với ông về khả năng không dùng vũ lực để giải phóng dân tộc và có thể phản đối những điều mà họ cho là thoả hiệp vô nguyên tắc với kẻ thù giai cấp. Giống như các tổng thống Mỹ phải cân nhắc những vấn đề nội bộ khi họ đề ra những mục tiêu chính sách đối ngoại. Hồ Chí Minh cũng gặp mặt phát biểu với các cử tri nơi ông ứng cử, nhưng sự khó khăn chủ yếu là với những cộng sự luôn luôn sốt ruột trong Bộ Chính trị - rất nhiều người trong số họ như Trường Chinh và Lê Duẩn không thể chia sẻ thái độ cả tin vào sức mạnh của lý lẽ.

Có những lý do xác thực cho thấy cử chỉ hoà giải của Nhà Trắng năm 1945 và năm 1946 đủ để đưa Hồ Chí Minh và các cộng sự của mình theo con đường tư bản chủ nghĩa. Rõ ràng việc Mỹ công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà rất được Hà Nội hoan nghênh song điều đó chưa đủ làm cho Đảng cộng sản Đông Dương từ bỏ miền tin vào Moscow và từ bỏ học thuyết Marx - Lenin. Rất giỏi trong việc cân bằng quan hệ giữa Moscow và Bắc Kinh, ông Hồ và các cộng sự chắc đã phải cố lèo lái trong quan hệ với Washington nhằm đạt được mục tiêu của mình. Như chúng ta đã

biết, một số mục tiêu này có liên quan tới các nước khác. Cuối cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, Đông Nam Á đã trải qua một giai đoạn bất ổn chính trị và xã hội tương đối lớn. Nhiều người vẫn còn nghi ngờ về khả năng các nhà hoạch định chính sách của Mỹ có sẵn sàng ngồi đàm phán hay không trong khi Hà Nội tìm cách thúc đẩy phong trào cách mạng đang còn trong thời kỳ trứng nước ở các nước láng giềng Lào và Campuchia.

Tuy nhiên, việc các nhà hoạch định chính sách ở Paris và Washington không nắm lấy bàn tay hữu nghị mà Hồ Chí Minh chìa ra cho họ sau Thế chiến II đã đem lại hậu quả xấu cho nhân dân Việt Nam và toàn thế giới. Tuy có mạo hiểm khi trao quy chế chính đáng cho một chính phủ mới ở Hà Nội, rõ ràng chính phủ này còn tốt hơn sự lựa chọn khác. Nếu vấn đề đạo đức và chính trị trong những nguyên tắc tư tưởng của Hồ Chí Minh ưu việt hơn so với những nguyên tắc của những đối thủ của ông là một vấn đề cần phải tranh luận, rất khó có thể bác bỏ luận điểm cho rằng trong điều kiện lúc đó các nhà lãnh đạo Việt Minh là lực lượng được chuẩn bị tốt nhất để đối phó với rất nhiều vấn đề có tác động đến các đồng bào của họ. Khả năng duy trì sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ít nhất là ở miền Bắc, phụ thuộc và khả năng duy trì thái độ trung thành của một thế hệ đấu tranh chống lại những âm mưu của Pháp và sau này là của Mỹ.

Ngày nay, đã hơn ba thập niên sau khi ông qua đời, tệ sùng bái cá nhân Hồ Chí Minh vẫn tồn tại ở Hà Nội. Tệ sùng bái này chủ yếu làm chỗ dựa cho một chế độ tuyệt vọng tìm cách duy trì tính chính đáng của mình khi tình hình đã thay đổi theo thời gian. Đối với nhiều người Việt Nam (đặc biệt là ở miền Bắc sự sùng kính ông Hồ vẫn rất mạnh mẽ), hình ảnh ông vẫn còn đậm nét. Hình ảnh của ông mờ nhạt hơn ở miền Nam và ở chính nơi đây chính

phủ trung ương thường bị mất lòng tin, những người đại diện của Hà nội bị coi là những kẻ đầu cơ chính trị. Tuy nhiên, những ước vọng suốt đời không dứt của ông Hồ về một đảng với nền tảng là sự trong sáng chính trị, quan tâm đến người dân ngày nay không còn nguyên vẹn nữa. Trong những năm gần đây, hầu như chẳng ai làm gì để giải quyết nạn tham nhũng đang đe doạ nhấn chìm cuộc cách mạng trong sự giận giữ và bất bình đang dâng cao của nhân dân.

Rất khó duy trì sự sùng bái ông Hồ trong tương lai. Có những dấu hiệu rõ ràng cho thấy cho dù hầu hết thanh niên Việt Nam tôn kính Hồ Chí Minh vì những đóng góp của ông cho sự nghiệp giành độc lập và thống nhất đất nước, nhiều người không còn coi ông là nhân vật trung tâm trong đời sống của họ. Gần đây, một thanh niên Việt Nam nói với tôi *"Chúng tôi kính trọng ông Hồ, nhưng chúng tôi không quan tâm đến chính trị"*. Đối với thế hệ trẻ lớn lên trước thềm thiên niên kỷ tới, ảnh hưởng của Hồ Chí Minh cũng chỉ như ảnh hưởng của Abraham Lincon đối với người dân Mỹ bình thường.

Ngay cả trong số những người thấy được giá trị của sự sùng bái ông Hồ, nhiều người xem đó như một thứ thuốc phiện đối với nhân dân. Như một trí thức Việt Nam nhận xét: Tất cả những người sống trong thời kỳ chiến tranh phải có những điều bí ẩn riêng của họ. Ngày nay, nhiều người cảm thấy quan điểm chính thức coi Hồ Chí Minh như một mẫu mực hoàn hảo về đạo đức cách mạng cần phải được thay thế bằng một hình ảnh thực tế hơn, mô tả ông như một con người có thể có sai lầm. Trong những năm gần đây, có những lời đồn đại không được kiểm chứng về những đám cưới trong quá khứ và những vụ tình ái - và thậm chí những người con hoang - đã được lưu truyền rộng rãi bất chấp những lời chối bỏ mạnh mẽ về tính xác thực của nó từ các nguồn tin chính

thức. Tháng 4-2001, Nông Đức Mạnh được bầu làm tổng bí thư Đảng, người ta xì xầm bàn tán nói rằng ông Mạnh là con hoang của ông Hồ.

Tương tự như vậy trên chính trường thế giới, hình ảnh của ông Hồ là một nhân vật có ảnh hưởng sâu rộng trong thế kỷ XX không còn sức quyến rũ như cách đây một thế hệ, mặc dù sự hiện diện bức chân dung của ông trong một cửa hàng người di cư Việt Nam ở California đã đủ gây ra sự tức giận cho những người Mỹ gốc Việt. Cách đây một thế hệ, các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc nổ ra trên khắp Thế giới thứ ba lúc đó nước Mỹ dường như là một nền văn minh đang suy tàn. Trong điều kiện như vậy, ông Hồ có vẻ như là tiếng nói của tương lai. Với việc chủ nghĩa cộng sản mất uy tín và chủ nghĩa tư bản đang lên trước thềm thiên niên kỷ mới, sự kết hợp đặc biệt của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội của ông Hồ có vẻ như là điều kỳ quặc, giống như Cách mạng Văn Hoá của Mao Trạch Đông hoặc những ý tưởng tinh thần của Mahatma Gandhi. Ngày nay, Hồ Chí Minh thường được xem như là một nhà chiến thuật cách mạng thông minh của cuộc cách mạng và chỉ vậy thôi. Những bài viết của ông có vẻ như tẻ nhạt, phong cách tầm thường và không có nội dung tư tưởng. Tầm nhìn của ông về cách mạng thế giới xa rời thời gian không khác gì Marx nhìn người vô sản giận dữ đập cửa của những người áp bức tư bản.

Tuy nhiên, thái độ như vậy không đánh giá đúng tầm quan trọng của Hồ Chí Minh đối với thời đại của chúng ta. Nếu như tầm nhìn tương lai của ông về một xã hội cộng sản thế giới trong tương lai không hoàn mỹ (ít nhất giống như ngày nay người ta nhìn nhận) thì người ta cũng không phủ nhận rằng sự nghiệp mà ông thúc đẩy và chỉ đạo tạo ra những thời khắc có một không hai trong thế kỷ XX, là đỉnh cao của kỷ nguyên giải phóng dân tộc ở Thế giới thứ ba và sự thừa nhận rõ ràng đầu tiên về hạn chế của

chính sách ngăn chặn cộng sản của Mỹ. Sau Việt Nam, thế giới không bao giờ như cũ nữa.

Khó tưởng tượng ra một cuộc cách mạng Việt Nam không có sự tham gia tích cực của Hồ Chí Minh. Mặc dù xu hướng lịch sử hiện tại nhấn mạnh tầm quan trọng của những lực lượng xã hội lớn trong việc tạo ra những sự kiện lớn của thời đại chúng ta, điều rõ ràng là trong nhiều trường hợp như trong cuộc cách mạng Bolsevich và cuộc nội chiến của Trung Quốc, vai trò cá nhân đôi khi rất lớn. Điều đó cũng đúng với Việt Nam. Ông Hồ không chỉ là người sáng lập Đảng và sau này là Chủ tịch nước, mà còn là một nhà chiến lược chủ chốt và là một biểu tượng giành được nhiều thiện cảm nhất. Một nhà tổ chức tài năng cũng như là một nhà chiến lược tinh tế và một nhà lãnh đạo lôi cuốn, Hồ Chí Minh là một nửa Lenin và một nửa Mahatma Gandhi, có lẽ thêm chút hơi hướng Khổng Tử. Đó là một sự kết hợp sống động. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam là một sự thực không thể phủ nhận làm thay đổi số phận của mỗi cá nhân, nếu không có ông thì có thể nó đã trở thành một vấn đề hoàn toàn khác và một kết cục hoàn toàn khác.

Đối với nhiều quan sát viên thì bi kịch của cuộc đời Hồ Chí Minh là một tài năng kỳ lạ về nghệ thuật lãnh đạo mà đáng lẽ ra phải được sử dụng để hoàn thiện hệ tư tưởng chưa hoàn hảo và trên thực tế, hệ tư tưởng đó bị chối bỏ bởi nhiều người trước đây đã chân thành theo đuổi trên toàn thế giới, mặc dù vẫn chưa được từ bỏ trên đất nước của ông. Một câu hỏi chưa có trả lời, liệu trong hoàn cảnh khác, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành có quyết định theo đuổi lý tưởng và tập quán của nền văn minh phương Tây đương đại hay không. Giống như nhiều nhà lãnh đạo châu Á trong những ngày đó, những gì ông đã trải nghiệm khi sống ở các nước tư bản chủ nghĩa không phải là những điều dễ chịu và

những tội ác gây ra bởi chủ nghĩa thực dân của phương Tây mà ông nhận thấy trong những năm đầu của cuộc đời mình đã làm tổn thương tới sự nhạy cảm của ông. Tuy nhiên, rất nhiều niềm tin triết lý của ông dường như đúng với các lý tưởng của phương Tây hơn là với Karl Marx và Lenin. Mặc dù ông tìm cách xây dựng hình ảnh của bản thân mình trước các cộng sự của ông như một nhà Marxist chính thống, dường như rõ ràng ông không thích những vấn đề mang tính học thuyết giáo điều và thường cố làm mềm những giáo lý khô khan của cộng sản khi áp dụng vào Việt Nam. Tuy nhiên, là người thành lập Đảng và Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hậu quả đối với những hành động của mình, dù tốt hay xấu xuất phát từ điều kiện Việt Nam hiện nay, ngay cả nhiều người nhiệt tình bảo vệ ông cũng phải thừa nhận, di sản của ông là tốt xấu lẫn lộn.

Tại sao Hồ Chí Minh nhận thức được những khía cạnh nhân văn của Khổng Tử và truyền thống phương Tây, lại tiếp tục ôm chặt chủ nghĩa Marx - Lenin thậm chí sau khi nó không đủ sức bảo vệ những giá trị hiển nhiên đó? Một số nhà phê bình đoan chắc, chủ nghĩa nhân đạo của Hồ (nếu có) chỉ đơn thuần để đánh lừa những người cả tin. Nhưng có lẽ, cách giải thích thuyết phục hơn, ông tin rằng ông có thể tránh được cạm bẫy của chủ nghĩa Stalin và kết hợp những mặt tích cực chủ nghĩa Marx cổ điển và những giá trị nhân văn ở nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa tương lai. Giờ đây rõ ràng là chủ nghĩa xã hội Việt Nam đối tượng của nhiều thói hư tật xấu giống như Liên Xô láng giềng, một bản sao, Hồ có lẽ không nhìn rõ, hoặc không đủ dũng khí chính trị để phát biểu mạnh mẽ chống lại.

Hồ Chí Minh là *“người tạo ra sự kiện”* (trong một đoạn trích đáng nhớ của Sidney Hook's, triết gia Mỹ), một *“đứa con của khủng hoảng”* hiện thân hai sức mạnh trung tâm trong lịch sử của Việt

Nam hiện đại: Mong muốn độc lập dân tộc và tìm kiếm công lý xã hội và kinh tế. Do hai sức mạnh này vượt qua biên giới nước mình, ông Hồ có khả năng chuyển tải thông điệp cho các dân tộc thuộc địa trên toàn thế giới và lên tiếng đòi giá trị của chân lý và tự do thoát khỏi sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc. Cho dù người dân của ông có đánh giá cuối cùng về di sản của ông như thế nào chăng nữa, ông cũng đã nằm trong đền thờ các vị anh hùng cách mạng dành cho người đấu tranh vĩ đại đem lại cho những người thống khổ tiếng nói chân chính.

**HẾT**

**NGUỒN THAM KHẢO**

Có một số vấn đề về tài liệu gây khó khăn đối với tiểu sử Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã viết hai cuốn sách ngắn tự thuật tiểu sử, cũng như một số bài báo, dưới tên giả. Một trong những cuốn sách tự thuật tiểu sử là "Vừa đi đường vừa kể chuyện", tác giả T. Lan, có lẽ chưa hề được dịch ra tiếng nước ngoài. Cuốn khác, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch" mang tên tác giả nhà sử học không có thực Trần Dân Tiên, được Hồ Chí Minh viết cuối thập niên 1940 và đã được dịch ra vài thứ tiếng. Bản tiếng Anhlược bớt cuốn sách này có tên "Glimpses of the Life of Hồ Chí Minh: President of the Democratic Republic ò Vietnam" được NXB Ngoại văn, Hà Nội phát hành năm 1958. Một bản dịch dài hơn sang tiếng Pháp xuất hiện trong cuốn sách "Những kỷ niệm về Bác Hồ" do NXB Ngoại văn, Hà Nội phát hành 1967 dưới nhãn "Nguyễn Ái Quốc", tác giả Trần Dân Tiên. Một bản bằng tiếng Trung do NXB Ba Nguyên Tư Ốc, Thượng Hải, phát hành tháng 8-1949 dưới tên "Tiểu sử Hồ Chí Minh" có lẽ là bản hoàn chỉnh nhất, nhưng khó thu nhận. Vì bản tiếng Anh và Pháp là dễ đọc hơn cho độc giả, nên tôi quyết định trích dẫn chúng ở chú

thích

Vấn đề thứ hai là sự giống nhau của nhiều cuốn sách tiếng Việt viết về Hồ Chí Minh cũng như về diện mạo cách mạng Việt Nam. Tôi làm hết sức mình để làm rõ ràng khi trích dẫn những nguồn như thế, nếu độc giả quan tâm đến gốc gác những tài liệu dó, có thể xem thông tin chính xác ở cuối trang này. Một trường hợp khác, trong Hồ Chí Minh Toàn tập, xuất bản lần I và II, thì bản in lần thứ hai thường không có những tài liệu như trong bản in đầu tiên. Vì bản in lần đầu tiên Hồ Chí Minh Toàn tập chắc chắn có trong nhiều thư viện ở Mỹ, nên tôi trích dẫn bản này bất cứ khi nào có thể được

Vấn đề thứ ba là việc sử dụng tiếng Việt. Tiếng Việt có các dấu trong nguyên âm để phân biệt khi phát âm. Một số sách gần đây về xã hội Việt Nam thường gắn dấy kết hợp với chữ. Tôi quyết định không làm như thế trong cuốn sách này, vì chúng chắc chắn làm rối độc giả không thạo tiếng Việt. Những độc giả biết tiéng Việt, trong mọi trường hợp, sẽ quen nhiều từ và cụm từ tiếng Việt xã hội trong bài hoặc chú thích

Cuối cùng, về tên gọi thích hợp. Nhân dân Việt Nam, giống Trung Quốc, đặt họ đầu tiên, rồi tên đặt tiếp theo. Tuy nhiên, trong thập niên gần đây, để chỉ những cá nhân, người ta thường dùng tên của họ. Ngô Đình Diệm, từng là Tổng thống Nam Việt Nam, được gọi Tổng thống Diệm. Tuy vậy, Hồ Chí Minh được goij là Chủ tịch Hồ, Hồ Chủ tịch, có lẽ do tên Hồ Chí Minh là một bí danh lấy từ tiếng Trung. Những nhân vật khác như Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng, thường được dùng tên là Giáp và Đồng

# VỀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Để tránh dài dòng trong mục chú thích, với những tài liệu xuất hiện thường xuyên, chỉ ghi tên tác giả và tên tài liệu, lược đi phần xuất xứ. Nếu độc giả quan tâm đến xuất xứ tài liệu có thể xem dưới đây:


"Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử" (NXB Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1992)

"Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu, 1924-1927", (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998)

"Những kỷ niệm về Hồ Chí Minh" (NXB Ngoại văn, Hà Nội, 1967). Tập hợp những bài báo và hồi ức của những đồng sự của Hồ Chí Minh

"Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ", (NXB Sự thật, Hà Nội, 1985)

Alain Ruscio, ed., "Những bài viết của Hồ Chí Minh, 1914-1969" (NXB L'Harmattan, Paris)

Alain Ruscio, ed. "Những người cộng sản Pháp và chiến tranh Đông Dương, 1944-1934 (NXB L'Harmattan, Paris, 1985)

Bernard Fall, ed., "Hồ Chí Minh trong Cách mạng: Tuyển tập 1920-1966", (NXB Praeger, New York 1967)

**CAOM:** Trung tâm lưu trữ Outre-Mer, tỉnh Aix-en, Pháp

Charles Fourniau và Léo Figueres, "Hồ Chí Minh: Người đồng chí của chúng tôi" (NXB Xã hội, Paris, 1970)

**CO**: Văn phòng Thuộc địa. Những tài liệu nằm ở Văn phòng Lưu trữ Công cộng, London và Hong Kong

Đặng Hoà, "Bác Hồ: Những năm tháng ở nước ngoài" (NXB Thông tin, 1990)

David G. Marr, "Việt Nam chống chủ nghĩa thực dân, 1885-1925" (NXB Đại học California, Berkeley, California, 1971)

David Halberstam, "Sơ lược tiểu sử Hồ Chí Minh", (NXB Random, New York, 1971)

Hồng Hà, "Hồ Chí Minh trên đất nước Xô viết", NXB Văn học Chính trị Moscow, 1986, dịch từ bản tiếng Việt, "Hồ Chí Minh trên đất nước Lenin", NXB Thanh niên, Hà Nội, 1980

Hồng Hà, "Thời niên thiếu của Bác Hồ", NXB Thanh niên, 1994

**HZYZ:** Hoàng Tranh, "Hồ Chí Minh và Trung Quốc" (NXB Giải phóng Quân, Bắc Kinh, 1987)

Jean Lacouture, "Hồ Chí Minh: Tiểu sử một chính trị gia", Peter Wiles dịch sang tiếng Anh (NXB Vintage, New York, 1968)

**JPRS:** Cơ quan nghiên cứu liên hợp xuất bản (Washington D.C)

Kobelev, "Hồ Chí Minh", NXB Tiến Bộ, Moscow, 1989

Nguyễn Đắc Xuân, "Thời niên thiếu của Bác ở Huế", NXB Trẻ, t.p HCM, 1999)

Nguyễn Đắc Xuân, "Thời niên thiếu của Bác ở Huế", Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 186 (tháng 5 và 6-1979)

Nguyễn Khắc Huyến, "Mộng ước đã đạt" (NXB Collier, New York, 1971)

Nguyễn Thanh, "Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp" (NXB Thông tin Lý luận, 1988)

Nguyễn Thanh, "Quốc tế Cộng sản và Cách mạng ở Đông Dương", trong Tạp chí Cộng sản (tháng 2-1983)

**OSS**: Cơ quan công tác chiến lược (Tiền thân Cục tình báo Hoa Kỳ, giải tán 11-1945 thay bằng CIA)

Phan Bội Châu, “Phan Bội Châu niên biểu” (Tạp chí Văn Sử Địa, Hà Nội, 1955, trang 55)

**SLOTFOM:** Văn phòng Liên lạc các vùng lãnh thổ Outre-Me, Pháp

Sokolov, “Quốc tế Cộng sản và Việt Nam”, NXB Iv Ran, Moscow, 1998

Sơn Tùng, “Chuyện thời niên thiếu Bác Hồ ở Huế”, báo “Tin tức Việt Nam”, tháng 4-1976

**SPCE:** Cơ quan bảo vệ Quân đoàn Viễn chinh. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ tỉnh Aix-en, Pháp

Stein Tonnesson, “Cách mạng Việt Nam năm 1945: Roosevelt, Hồ Chí Minh, và De Gaulle trong chiến tranh thế giới” (NXB Sage, London, 1991)

T. Lan “Vừa đi đường, vừa kể chuyện”, (NXB Sự thật, 1976)

Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (Hà Nội)

Thép Mới, “Bác Hồ tại Quảng Châu”, báo “Tin tức Việt Nam”, tháng 5-1976

**Toàn Tập I**: Hồ Chí Minh Toàn tập in lần thứ nhất (10 tập), NXB Sự thật, 1980-1989

**Toàn Tập II**: Hồ Chí Minh Toàn tập in lần thứ hai (gồm 12 tập), NXB Chính trị Quốc gia, 1995-1996

Trần Dân Tiên, “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” (NXB Ngoại văn Hà Nội, 1958)

Trịnh Quang Phú, “Từ làng Sen đến bến Nhà Rồng”, NXB Văn Học, t.p HCM, 1998

Trung tâm sao chép microfilms các tài liệu của Bộ Ngoại giao,

Hoa kỳ, hiện nay được lưu trữ tại Cục Lưu trữ quốc gia Mỹ (College Park, Md)

**UPA:** NXB Đại học Mỹ

**USNA**: Cục Lưu trữ quốc gia Mỹ (College Park, Md)

Võ Nguyên Giáp, “Từ nhân dân mà ra” (NXB Quân đội Nhân dân, 1964)

William Duiker, “Sự trỗi dậy chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam, 1900-1941” (NXB Đại học Cornell, Ithaca, New York, 1976)

**ZYG:** Guo Ming “Bốn mươi năm quan hệ Hoa-Việt”, NXB Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, 1992

**Chú Thích**

[1] Võ Nguyên Giáp, “Tư tưởng Hồ Chí Minh quá trình hình thành và nội dung cơ bản”, trong Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh (Hà Nội: Viện Hồ Chí Minh, 1993), trang 17. Một số những nhà phê bình cho rằng câu trích này là không hoàn chỉnh và nguyên bản là “và không có độc lập nếu không có tự do”. [2] Một số người cho rằng Hồ có hơn 75 bí danh. Xem Sokolov, “Những bí danh của Hồ Chí Minh là kinh nghiệm nghiên cứu tiểu sử chính trị”, (Trung tâm Việt Nam học, Moscow, 1993), trang 187-218, và “Những tên các chuyến đi của Hồ” trong báo “Tin tức Việt Nam”, tháng 5-1981 [3] Cuốn tiếu sử Hồ được biết nhiều nhất là cuốn “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” của Trần Dân Tiên, một trong nhiều bí danh của Hồ Chí Minh. Cuốn sách này được dịch sang tiếng Anh vài năm sau đó. Bản ngoại ngữ ấn hành sớm nhất và hoàn chỉnh nhất về tiểu sử của ông là cuốn “Tiểu sử Hồ Chí Minh” bằng chữ Trung do Nhà xuất bản “Ba Nguyên Tư Ốc”, Thượng Hải, phát hành năm 1949. Thật kỳ lạ, bản này không giống bất cứ bản ngoại văn nào, đã xác định tên ông là Nguyễn Ái Quốc đã từng sử dụng, đặc vụ Quốc tế Cộng sản, xem trang 4, những công trình nghiên cứu khác về tiểu sử Hồ Chí Minh mà không dịch sang các ngôn ngữ phương Tây như T. Lan, “Vừa đi đường vừa kể chuyện”, (NXB Sự Thật, Hà Nội, 1976) [4] Hồ Chí Minh Toàn tập (Tập I và II) cũng là nguồn rất có giá trị. [5] Cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh nổi tiếng nhất bằng tiếng Anh của tác giả Jean Lacouture, “Hồ Chí Minh: Tiểu sử một chính trị gia”, Peter Wiles dịch sang tiếng Anh (NXB Vintage, New York, 1968). Tham khảo Nguyễn Khắc Huyền,”Mộng ước đã thành”, (NXB Collier, New York, 1971, (Nhà xuất bản Collier, New York, 1971), và David Halberstam, “Sơ lược tiểu sử Hồ Chí Minh”, NXB Random, New York 1971) [6] Bernard B. Fall, “Trò chuyện với Hồ Chí Minh”, trong “Tuyển tập những bài viết, 1920-1966” (NXB Praeger, New York 1967), trang 321 [7] Trương Bửu Lâm, “Việt Nam kháng chiến chống Pháp, 1858-1900” (NXB Đại học Yale, New Haven, 1967), trang 127-128 [8] Thông tin về Nguyễn Sinh Sắc rất khan hiếm. Tôi đã dựa trên cuộc phỏng vấn giữa tôi với nhân viên của Bảo tàng Hồ Chí Minh ở làng Kim Liên và hai nghiên cứu gần đây của Ban nghiên cứu của tỉnh Nghệ Tĩnh mới công bố tại Việt Nam. Cuốn “Bác Hồ thời niên thiếu” (NXB Sự Thật, Hà Nội, 1989). Theo Trịnh Quang Phú, “Từ làng Sen đến bến Nhà Rồng”, lần theo dấu vết gia phả, giòng họ Nguyễn Bá

Phụ di cư đến làng Kim Liên từ thế kỷ XVI (trang 13) [9] Ngày sinh của Hồ Chí Minh gây ra rất nhiều tranh luận. Khi trưởng thành, ông đưa ra một số ngày sinh khác nhau, có thể đây gây khó khăn cho chính quyền. Ví dụ, trong một bản tự khai ở Moscow, ông sinh năm 1903; trong một văn bản khác, ông đưa ra sinh năm 1894. Nguồn tin chính thức tại Hà Nội, khẳng định rằng ông sinh vào năm 1890, nhưng một số nhà nghiêm cứu hoài nghi khi đi tìm sự thật với bằng chứng liên quan đến thời thơ ấu của ông. Chẳng hạn như chuyến đi dài ngày của ông đến Huế với gia đình năm 1895 và các hoạt động thời thơ ấu khác, những sự kiện đó làm cho người ta nghi ngờ về sự xác thực về ngày sinh. Xem Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, TậpI, trang 17. Có nhiều giả thuyết về ngày sinh của ông. Một số số cho rằng nó được chọn đê trùng với ngày thành lập Mặt Trận Việt Minh năm 1941. Lại có ý kiến cho rằng lấy cớ kỷ niệm sinh nhật ông treo cờ để chào đón phái đoàn Pháp đến Hà nội vào mùa xuân 1946. Xem Huỳnh Kim Khánh, “Cộng sản Việt nam, 1925-1945” (NXB Đại học Cornell, Ithaca, N.Y, 1982) trang 52. Cuộc phỏng vấn ông Vũ Thư Hiên (Tạp chí Chính trị Thế giới, 1997), tại thời điểm ông ra đời, người dân Việt nam thường sử dụng ngày tháng âm lịch, và khả năng cao là chính Hồ cũng không bao giờ biết rõ ngày sinh của mình. [10] Có lần Sắc nói đùa với một người khách, bằng cách chơi chữ hai người con trai của mình rằng tên của chúng là “không cơm” hoặc “không gạo” - xem “Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ”, trang 29. Xem thêm “Di tích Kim Liên…” trang 36-40. Nguyễn Sinh Sắc bi quan trước thời cuộc có lẽ do ảnh hưởng chuyện thi Hội và chỉ nhờ sự can thiệp của một người bạn có thế lực tại triều đình mà ông có được học vị - xem Nguyễn Đắc Xuân, “Thời niên thiếu của Bác ở Huế”, trang 46-47 [11] Xem Sơn Tùng, “Chuyện thời niên thiếu Bác Hồ ở Huế”, trang 25-29. Xem thêm Trịnh Quang Phú, “Từ làng Sen đến bến Nhà Rồng”, trang 39-40. Theo Phú, hàng xóm đã dỗ cậu bé Cung đứng khóc trước hiên nhà, vì theo luật không được thể hiện sự đau khổ gần Hoàng Thành. Câu chuyện này dựa vào “Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ”; “Bác Hồ thời niên thiếu”; Đức Vượng, “Quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh” (NXB Chính trị Quốc gia, 1993, Hà Nội); Nguyễn Đắc Xuân, “Thời niên thiếu của Bác ở Huế”; và “Di tích Kim Liên quê hương Bác Hồ” (NXB Nghệ Tĩnh, 1985); cũng như những cuộc phỏng vấn với cán bộ Khu lưu niệm Hồ Chí Minh ở Kim Liên. [12] Trích “Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta” (NXB Ngoại văn, Hà

Nội, 1967, trang 26). Những nhận xét tương tự, xem Trịnh Quang Phú, “Từ làng Sen đến bến Nhà Rồng”, trang 21, 36.